LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

SỐ 2103
(QUYỂN 19 →30)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2103

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

Thời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn.

QUYỂN 19

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 2)

Tựa nội điển, Tề Thẩm Ước, Tề Hoàng Thái tử giải giảng sớ, Thẩm Ước, Tề Cảnh Lăng Vương phát giảng sớ, Thẩm Ước, Tề Cảnh Lăng Vương giải giảng sớ, Thẩm Ước, thơ cùng ẩn sĩ Lưu Cầu ở châu Kinh, Tề Cảnh Lăng Vương thỉnh Lương Tổ giảng Kim Tự Ba Nhã Khải, Lương Hoàng Thái tử Cương, thuật ngự giảng Tựa Bát-nhã, Lương Lục Vân, bày ngự giảng nghĩa Bát-nhã, Tề Túc Tử hiển Tạ Ngự giảng Bát-nhã xong, Lương Hoàng Thái tử, Tựa nội điển.

Thẩm Ước, Phùng Tề Từ luống xong giáo tác của Lăng Vương.

Từ trước, ban đầu chúng sinh, nghĩa ẩn ngoài ba tạng, sự chẳng phải Nhị thừa dòm đến được, tự đều biết đồng chạy theo duyên thọ nghiệp. Người trời khác phép tắc, máy động khác mối, khổ vui lật đổi, trí ngu nhiễm nhau, đâu chẳng phải nhà lửa vòng xe vịt trời phát họa đèn bị gió dữ xoay, lấy ngắn của tấc bóng đuổi theo dài của nhiều kiếp, tinh linh khởi phục muôn mối ngàn tên. Như Lai phát nguồn hằng phẩm, bởi cũng là một trong hàm sinh, còn như đều đầu tranh chạy. Đây vốn chưa đều khác, đến như úp sọt từ vô thỉ, ban đầu thành công cuối đoạn thẻ, đường xa nghiệp xa, xe màu xa tít, lụy rõ nhóm tuệ, linh giác sáng riêng, bốn mươi tám tướng lớn chiếu rõ ngàn thiên, tôn pháp hai mươi chín bao trùm không ngoài. Nghiệp sáu độ đã sâu, công mười phương tự xa, giúp

vật dùng quyền, hàng ma chẳng phí sức, pháp mầu luân chuyển, cam lồ rơi lả tả, ghe kiệu sáu đường, bốn cầu năm đường, lên ngã tư đường dài, dạo đường rộng Nhất thừa. Đây đã sự đầy Phương Đẳng, nghĩa tràn thần nghi. Đến nơi đại quyền nhiếp hóa đối nêu bày tông cực, vật theo điềm từ bi, quên thân chấp chẳng thôi, hạnh phù hợp bốn đẳng, đạo lên Thập địa. Nếu chính tánh linh đặc biệt hiểu được tự ôm lòng, công thần sức diệu không đợi học thành, riêng thúc giục riêng chạy lồng lên đâu biết hạn cuộc, kết tập lộn xộn một theo lý ngộ.

Lại có tổn tình ngăn lo nghĩ, thân tâm chẳng muốn, nhàm siêng dài của sinh tử, nhìn lại vắng lặng mà xót xa, xa bỗng tự được lậu lụy như khói tiêu. Vả lại bến tâm đến đạo công chẳng phải một nghiệp, dẫu hiểu lý cùng nguồn mà mầm tình hoặc khác. Đây cho nên cao tâm hạnh xa chia đường đồng chạy, quên nhớ ngăn dục, sai đường một mối, hoặc cỏ nát thân thể, mất hài cốt ở rừng, ao. Trong quên hình tướng ngoài quen tê giác, hổ. Hoặc ngồi nằm đi đứng dấu vết không trái chúng, nghiệp thiền cửa định tạo thứ lớp không sai. An nhẫn cùng vàng đá đồng bền chặt, giới hạnh cùng châu báu đồng mầu dẫu chim mùa thu năm đến mùa xuân thời cá tầm bên, mà Cảnh giới, Trường Sơ lo lắng xót xa ở trong ý nghĩ, diệu tích chẳng xa, đường thần thầm gần, có ngộ quyết thông. Do đây đến cho nên có thể nhờ trí xét hư nương tâm chiếu lý, khu khu ôm trong lòng, rõ ràng chẳng chấp, đều ở ba cõi cùng thần dạo chơi riêng, bao gồm bốn trời, co duỗi muôn kiếp, nghe miếng nghĩa mà bước lên đạo tràng, nhận một lời mà lên bờ kia. Đêm dài chưa mở tâm quang tự hiểu. Che mờ vết Thánh, ngủ mất thần quang, đã mang túi theo thầy cũng thê lâm nghiệp chung. Chân đạp cửa tuệ học thông tạng rồng, sửa màu xa suốt âm loan tự xa, nếu quỳ gối vận tâm hẹn thành chẳng dấu vết, mà dẫn dắt đạt thần công chiếu soi người chưa ngộ, xướng nói nghĩa tốt đẹp gồm ở đây. Đã chín cõi khác phong tục, tám phương phong tục cũng chẳng giống, du hóa đã ôm, sự ra khen rộng đều đủ để dời cõi Tịnh quang lên đất nghi báu, truất hoa cắt trang sức, phá ái từ thân. Trống, mái chèo dòng vô sinh, vuông phép đường tục biểu vốn đã ngàn Phật xoa đảnh thất trụ đồng công, cho đến thanh nam tín nữ trồng duyên nhiều kiếp, dẫu rằng dung nhan y phục chưa sửa mà giới đức trong rộng, Chiêm-tỳ-gia mà nhún dây cương, trông Ba Tư mà lại thương nhớ, điều chế nhỏ nhiệm của bốn thiền, thiếu mù mịt của tám giải thoát, như bèn mười hiệu tôn sùng ba đạt chẳng ngại. Tuy pháp thân chẳng có mà thường trụ ở thân, Năng Nhân quyền tích bốn môn đã chẳng phải ban đầu ngộ đạo, giả diệt độ nơi song thọ chứ đâu có cùng của củi hết, mà

trời, người chiêm mộ phảng phất khởi tình, khắc vàng chạm ngọc vẽ hình họa trang. Linh nghi mặt trời sáng rỡ, mây đến cõi báu, hoặc dịch công của quỷ thần, hoặc giúp sức tủy não, chế tạo chẳng phải thợ khéo loài người, dùng báu hợp thành, đâu không là rồng chương tám màu hoa quỳnh chín sắc. Cho đến răng tóc truyền linh y lại để làm chứng, Thánh tích chói lọi, mặt trời sáng rỡ nơi Diêm-phù.

Thần quang lìa đất bằng, sao buộc nơi cõi tịnh, nếu nương trực tâm này suy thành ám vãng thì nửa hơi có thể theo một niệm, cảm giáng tham sai mây lả tả rơi mù. Đây lại vời giúp tượng dịch sáng rỡ bản đồ lụa, giấy tờ thư sự dòng kia đã xa, bởi thế cho nên vết cũ to lớn, sáng rỡ thuật tiếng xa, dẫu triện trừu khác văn. Hồ, Hoa khác phép tắc, còn như hòa hợp bày tâm linh, ép hay nêu nghĩa dạy vốn cũng trong ngoài đồng nhìn người thần một đạo, gò sách gò điển, sử sách trong cõi vốn khởi hạ sinh đạo truyền ngoài cõi. Tóm lại, trước đều nêu khác mà kinh ghi nhiều rộng, dòng nguồn rời tan, một sự trước sau dật lý chia quyển, hoặc lời nghĩa lìa đứt, hoặc văn tự xen ra, lớn hợp điều sau, đã muội giám trước, tìm nguồn thảo dòng chưa biết nhỏ giọt. Dẫu tinh lý sáng tâm dừng nơi câu kệ, mà sơ ngô mới học có ra mê hoặc thì nhiều. Vả lại trong ngoài đều chở sách dạy, dù giáo có khác môn mà lý chẳng khác đường, cho nên hai sách chân tục thay nhau phò khen. Khổng phát khởi điềm kia, Đạo Thích cùng đầu mối kia, triệu võng bỏ cương, vì tuệ ở đây, biến dân đổi tục nên để lần đến. Tinh, thô, ép dẫn đều có lý do, cho nên khúc biện tình linh, gá tâm nơi sách màu, phục ứng thuyết có không, rộng gồm quên sách. Bao gồm các dòng nhóm thành sách này, sự để bày chia, nghĩa tùy lý hợp, công ước ngộ rộng đâu còn ở đây, có thể dùng lý cầu chứng thành diệu quả, như chính xe chở ty nam vẫn gọi là chẳng mê hoặc, phục cỏ bốn chiếu soi được dụng không mê, huống chi sáu ngựa đồng hàm muôn dòng chung suốt, mặt trời mặt trăng trải qua bầu trời, cõi này chưa thôi, sông biển và đất đâu đáng nói, bởi nơm bẫy vào đạo, chúng sinh có ngộ ở đây.

NAM TỀ, HOÀNG THÁI TỬ GIẢI GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Hoàng Thái tử vào ngày 15 tháng 04 niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ tư nhóm Tăng theo Đại thừa ở vườn Huyền Phổ an cư ở đất báu Cấm Uyển, bốn thứ cúng dường đầy đủ cho Phật và chúng Tăng, chấn động huyền âm nơi sáu tiêu, xướng lời vi diệu trong nhiều kiếp, ba đại nói diệu quả kia, Thập trụ khen duyên lành kia, đúng hai khí mà nghiệp lên, lìa chín tuần mà công thành tựu, đến tháng bảy đã trông bèn thỉnh

bỏ thân báu và đến kiệu, mũ miện từ tua mũ đã giáng chín mươi chín vật, xin đem sức này giúp khắp chốn u minh. Nhà của vua có tung hoa bền chắc, xanh đen hưởng phước nhân thọ, nếu có trôi nổi ở biển khổ được tùy lý ngộ. Rụng thể liệng đường không xa đây, mười phương ba đời đều chứng lời ông, đây thệ đều tội không chứng Chánh giác.

TỀ CẢNH LĂNG VƯƠNG PHÁT GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Lớn thay! Diệu giác là nhiệm mầu, vô tướng chẳng phải sắc, không, không thể cùng tột, mà lập lời dạy dỗ để hấp dẫn làm phương pháp. Sóng từ nước tuệ dẫu có thể tưới thấm mà đâu biết nguồn kia, thiên linh sách báu xa tham rồng chứa, bởi không chứng mà nói, đến nơi nghĩa chỉ trời nêu núi, văn ẩn ngoài giao hà, lại chẳng phải dứt thẻ mà đếm được. Đến nhiệm mầu của Kỳ Thọ, Yêm Viên, rồng chánh thuyết Nhất thừa bốn đế, lại dịch mà chung kẻ bậc trung, đâu không là một trong hằng sa, mà nguồn lời biển rộng, đường lý sâu xa linh hiển, dẫu dòng chữ phụ tiếng vang, muôn xe đồng khởi chia điều, rải lá, lìa văn, che câu, chưa bằng trong muôn một.

Cảnh Lăng Vương điện hạ thần vượt thượng địa, đạo trùm sinh tri, cây nghiệp báu ở bốn minh, ngưng chánh giải ở xưng niệm, như sự sâu xa của Phương Đẳng sự mầu nhiệm của cam lồ, đâu còn có không dạo đường kia mà mở nhà kia. Tạng bí mật giúp các nước phía Đông. Chẳng phải không đều nhóm, đều rõ ràng dùng sách báu, văn dùng chữ lệ chữ triện, ngưng ánh sáng ngọc Quỳnh Tứ, sáng rỡ màu Dao Đằng, suy nghĩ muốn mở bày lời vi diệu chiêu cảm người chưa ngộ. Bèn đến ngày 08 tháng 02 niên hiệu Vĩnh Minh năm đầu đặt tòa giảng ở Thượng Để, nhóm danh Tăng ở Đế Kỳ (chỗ vua ở) đều nói sâu về chân tục so lường danh tướng, chia nhỏ chẳng dính mắc, còn nghi như hiểu, đồng nhóm mây pháp tinh lư trong dễ, diễn huyền âm ở sáu tiêu, mở pháp môn nơi ngàn năm, đông đúc nơi thật thạnh sự lớn nhất thời đại. Từ Pháp vương giáng sự cứng cỏi cho Tăng, điều chở như sau để ghi việc này, bèn làm bài tụng rằng:

Mười hiệu thần vắng lặng
Dấu vết do Thánh ẩn
Dạy dỗ từ lời nói
Dày đặc đầu mối pháp
Vời thông minh sót nơm
Nêu tiếng trụ nhiệm mầu
Vọt lên hoa sen báu

Văn truyền đi rồng chừa
Nghĩa tràn đầy cõi trời
Chỉ có vua bẩm chiếu
Đạo trùm thêm ngọc tuyền
Sao trùm như màn báu
Mây mở chiếu Phạm thiên
Suy nghĩ như ngựa chạy
Lý chẻ ve mùa thu
Cờ linh màu sắc sỡ
Nước chánh khởi liên tiếp
Nương đây mà chứng quả
Thường dẫn dắt duyên thơm

Bài Thứ Nhất: CÁNH LĂNG VƯƠNG GIẢI GIẢNG SỚ (Thẩm Ước)

Nương hình sáng hóa quyết do đường ủy khí, nhân phương dẫn lý quyết đồng chất tiêu thiên, do đây nêu điềm linh ứng sâu xa, Thánh đãn sinh cung vua, trụ mùa sợi ngang, dừng hoa nơi ngày tháng. Cho nên có thể nhóm từ thành Thánh, chồng nhiệm mầu thành không, thẳng thấn chiếu đường nơi đạo tràng, cứu gốc mê nơi bờ khổ. Đệ tử là Túc Tử Lương, gột rửa lự phiền, chánh nghiệp lầu tình phía Nam, nghiêm túc Tăng anh tài, cung kính bày sách tuệ, thầm chứa văn sâu xa, mây mở mưa rơi. Nay phách đầu đan quỳ, ngày huyền thượng sóc, người bước ngưng tưởng, hư không sáng thuộc tâm, dẫu thần tích hơi xa xôi mà để trần ở nơi đây, bèn trang sức điện Diên Tảo, trường, màn đầy để khế thành kỳ sự, dựng nhóm báu này. Suối lan sóng vọt, đầy dẫy mây hương thơm vây quanh, lý mật sâu xa, chú màu kín nhiệm, tông điều đã nêu, tột công thành tựu, nhà luận cuốn tòa, trống nghĩa dừng âm, nương đây phương duyên định lên thượng trụ, mười phương ba đời có chứng không sai.

Bài Thứ Hai : LẠI CẢNH LĂNG VƯƠNG GIẢI GIẢNG SỚ

Tột nhiệm mầu các tượng, ân vắng quyết thông, lý trùm các phương có cảm đây ứng, từ tiếng loan liền xướng, vầng ánh sáng rực rỡ, tướng hoa không truyền thẻ vọt đất đã xa. Hạnh lời vào đạo, sự khó tạo thứ lớp, một phen ngộ giai cấp trống không, hiệu cách nơi khoảnh khắc, nếu chẳng nhóm lông thành dày chứa đuốc thành sáng thì không do phép tắc cửa tuệ buộc thuyền nơi bờ pháp. Đệ tử dùng đêm cảnh giác

chở lòng, nhưng ngày không đủ, cho nên kính nhờ danh tăng diễn bày sách sâu mầu, chấn nhỏ khởi trệ luân động mây xa, điện nguyệt cung hàm, phách huyền lên ngày, cam lồ đã cùng tiếp lời ở tòa báu, cuốn văn bỏ tòa, áo giày hướng nhau, lại chỉ có trước sau bẩm thọ linh đẹp đức hợp cảnh qua hiên, đạo chở gò hoa hóa mát sông Hiệp, sông Phần, sớm bỏ cung Lan, tối trái tiêu dịch, ngàn xe không theo muôn chuông không kịp, trọn buổi chiều không nối năm ngắn, muốn báo đó thật suy nghĩ nối thạnh nhiều kiếp, kính lễ thân thể để đầy đủ cúng dường, nhờ đây u thông cầm giữ tình Diệu giác, ngưỡng mong Thánh linh mau lên ngôi báu vượt biểu bốn thiên, ghi tôn mười hiệu, chỉ có đây ba đời đều chứng nơi đây, dám thệ đơn trung kế phù hợp ánh sáng mặt trời.

GỞI THƠ CHO ẨN SĨ LƯU CẦU Ở CHÂU KINH

(Tề Văn Tuyên Công Tiêu Tử Lương)

Ban đầu Lưu Cầu làm quan ở Đương Dương sau làm quan ở quận Nam vừa mới tự khỏi. Ban đầu sự phủi áo, lúc ba mươi hai tuổi người luận sánh với Hán Sơ Bính bèn tránh cốc lìa hột gạo, ăn truật mặc vải gai vải bố dép cỏ nhà tranh vách đất, lễ tụng, chay trường sáu thời không thiếu, kinh sách thế tục không tu, sách vỡ tiểu nghề tất cả dứt hết, chỉ nghiên cứu tinh chuyên lý Phật, thuật thiện không thọ báo, đốn ngộ nghĩa thành Phật, ngay lúc đó đâu thể khuất phục. Chú giải các kinh như Pháp Hoa v.v..., giảng đại tiểu các phẩm kinh Niết-bàn.

Niên hiệu Tề Kiến năm đầu, có chiếu chỉ cho ông làm Vị Thông Trực Tán Kỳ Thị Lang nhưng ông không làm, văn nói rộng về chánh pháp do cầu tinh thông lý nhà Phật muốn kia đông hạ Cầu thơ rằng: Đèn ngọc lên năm, thương vàng ở Luật, nóng mát mới đổi, động tịnh chỉ an, siêng mùi đạo, màu mỡ may mắn dẫn dắt nhã thượng đâu không vui ư? Tôi thật rất may mắn, trăm họ nhất tâm chúng sinh không bệnh,sánh nhà có thể phong toan lại cầu gì? Nhưng thơ Lương riêng ôm bản thiện phân tích không xin nói đó ông thật hiểu lòng ta cho nên không xa ngàn dặm thước thơ ý đạo. Tự trong sạch đã xong tưới tắm thấm ướt áo thay, ẩn hiển là thuật so le, nói nín là đường xen nhiều, hoặc trang sức trí để kinh động ngu, hoặc kích động tình để ngộ tục, hoặc dơ mình để ám thông, hoặc lầm ca để sáng đạo, buôn ngựa mổ dê chưa đáng làm mỏng bền chắc kia, giả điên như ngu, đâu thể làm đen được màu trắng, quan Sở Phiên Ngụy khí người ngoài càng xa, đến Hán đến Lương, vận trong khu vực càng ít và xúc phẩm nặng nhẹ kia, được mất kia, thì vực nhớ suối thưởng, đâu hoặc thẻ đó, xưa xuôi rảnh rang lâu mộ đại khái, dấu

bụi thô to tâm buông sông hồ, chưa mặt tự thấy, nghe gió như xưa mà xa nương niệm theo xe, lễ thức cung không bậc, vốn đã đứng lâu trục sâu ở trong, nghiêng sọt đường xa.

Ông mạnh mẽ riêng xa thật khó cứu, chí trong cùng mây trắng đồng đi, cao tình và thông xanh cùng trong sáng, nói tập chất văn, đen rừng khô mà càng vui, hiện rõ có không, sông Liên bị lấp nên lại tràn, cái gọi là người quên lời có thể bàn mé trời người, đâu thể phụng nêu hạc lại có tâm bầy đàn. Vượt cao biển ái, sánh buộc đường thiền, thấm ướt soi đó thầm dạo khuất pháp lữ Linh Thứu, mở rộng ba thừa cùng tử, phát khốn mông hai đế, có là nhân, đâu có xướng ư? Nay hoàng phong đủ mục đến đạo giúp rộng, bốn biển không tràn đầy, năm núi ngạc không bụi trần tựa giao sửa sang, kinh pháp mở rộng, người nghèo ky Hoàn (hạt châu hình bán nguyệt) nhà tập lễ nhường, chuối tô quyết thời rừng ngoại ô toàn rậm rạp. Gặp lưới có mắt cánh đều liệng, đến từng núi bặt, thấm nhuần đai ngọc khơi thông kinh kỳ, đất ruộng màu mỡ, đồng trống bày trông không giảm, tin có thể gọi đến, ẩn luân tê nhóm rất kỳ lạ, cho nên văn nêu dựng nhà tựa thành đài. Kế tông cắm vịn nền núi Tây, dây sắn lớn chọn bàn nơi biển núi. Thích Viễn đầy đủ ẩn lánh nơi u tối, thường lẫn lộn dấu vết liền than sự sâu của chín nguồn, nếu bước cao có thể trùm khắp nào lo gì bốn chữ. Xưa Tuyên Ni thấy Bá Tuyết, Sư Lợi đến Duy-ma há không biết đạo quên tướng ư? Thiết nghĩ có đó chưa bày ở giữa là đạo tự thương, một hai khiến Lăng Cư miệng đủ lời Vương Nguyên Trường.

Vua lại cùng Nam Quận Thái Thú Lưu Cảnh Đình viết thơ rằng: Mùa đông năm ngoái nhân vua viết thư cho Lưu cư sĩ, mùa xuân năm nay được ngược văn kia lời lẽ ý thú nhanh nhẹn, đủ có tài thao lược, thật ông múa bút mây, thơ ghi Nguyên Du bày lại hỏi thăm càng thêm ý tưởng kính phục. Đây là ông ngâm chân ôm phác sánh khắc ráng mây, trái tục ở tối, vui ở rừng thục nuôi chí Nam Kinh, có thể cùng Biện Báu tranh giá Thao Quang, Phạm Phục vốn đồng chiếu theo cùng sáng, dẫu Nhan Đoạn chậm dừng, kính mong vắng lặng của Dương Trịnh, lãnh đạm yên tĩnh, giữ đó như người, tin sẽ đồng ngày mà nói?

Vả lại, nói tánh trời dạo thiền tâm tự thụy, ai vui chín bộ nghiên cứu vị ba thừa, Bồ-tát tại gia thực hành đó mà không ân hận. Cư sĩ tại gia tức đó mới dễ, thệ đem đèn đuốc tuệ đến chỗ tối mù, cứu người chìm đắm nơi cầu pháp, quạt Linh Ngạc giữ gió gương Trinh Lâm dứt bóng, tôi ở trước đã đồng tình khế hợp càng đến mà dạo chơi vườn ở kinh đô, trong lấy núi sông giả nhờ thần thông xa càng thầm giao. Bình

minh sáng rỡ ai tả được vạt áo chẻ sâu, nói rõ ý chỉ sâu xa, dấu vết sinh diệt trong bàn luận, nghiên cứu nghĩa đế chân tục, cho nên lại có sách riêng, cảm ra kinh kỳ ấp thôn. Ở lời hỏi đạo kế đủ vì ai thỉnh, đây quế ở núi lan nước đã đủ nhàn nhã, bạn nho tông huyền lại nhiều bạn bè đến, chẳng phải do một tước thêm nhau cờ hiệu kia đâu đủ làm phần, thẳng đóng cửa thành nguyên chất, ngõ hầu quyết có thể rõ mầu nhiệm, chợt ông đến nghi tưởng thời càng thêm giúp sai khiến. Lại khiến cầu người quê của Sử Bộ Lang Dữu Cảo có thơ dụ ý rằng: Tư đồ Cảnh Lăng Vương siêng năng ở thần, lời tượng đã dứt, tiếp nơi sự xa gần tôn sùng, chuông đá chẳng lễ gốc nhạc, vải thô đâu thể gọi là triều đình và dân gian. Tưởng nhớ tối tăm không cho hình hài và ngăn trở, một ngày thông sách Lương Để, thân thờ lời lẽ, mộng tưởng nhan sắc sạch bị năm tháng nhóm, do trượng phu chẳng phải cừu non nên chỗ buộc, cho nên dứt sách hay của Bồ Bạch thầm gởi chung tha thứ có chậm gió hẹn, vua bói ở ngoài thành nhọc mang sông gò, rõ ràng chẳng theo công, thông minh không nêu dấu vết, từ trong dung mạo người quê mùa để cùng hai đầu mối. Vả lại rộng được là tâm rộng bày chân tục, suy nghĩ, lắng nghe, nối biểu cùng mổ xẻ các điều hay núi Thức Diên ven sông Hư Quán, thật mong rực rỡ ít thù đáp, suy lường chậm. Xưa đông bình vui thiện cờ hiệu vua ở lầu đông, Triết Vương mến mộ nên ta ở núi Tây đâu không thạnh ư? Trăm năm phiêu bạc, dính mắc nơi vật, ngàn năm một thời kỳ làm nhân do mình. Vả lại Lăng giới trắng như tuyết, đường chẳng phải hiệu bặt dấu vết, chuông lớn ngự trị há là đạo bỏ tiếng, đã nêu dấu vết dị nhân vốn có nhọc đồng vật há non nước vô tình ứng đó để hiểu ái nhàn ở ta, chạm đất tiêu điều gặp gò đâu có thân thích, núi Chung đâu mỏng tưởng rộng suy nghĩ có ở không hề lời ràng buộc.

Trong cầu vồng vốn đã quyết, vật ngoài chẳng làm động được. Niên hiệu Kiến Vũ năm đầu chọn làm Quốc Tử Bác Sĩ, mùa đông năm thứ hai bịnh dời về Giang Châu mây trắng bồi hồi như vào cửa, có mùi thơm lạ kỳ, trong hư không tiếng khánh thì Cầu chết thọ sáu mươi tuổi, đệ tử như để tang cha mà không mặc áo, kẻ đạo người tục đưa đám tang đến mấy trăm người, các luận đã soạn có bốn mươi hai quyển.

Đời Lương, niên hiệu Đại Thông năm thứ hai chư tử cúi đầu nơi thụy pháp, cao nhân Dữu Tân nói: “Đạo đức rộng nghe nói là văn, có thể tiến đó là thụy” Trần Thị nói: “Văn là khuôn phép ở đời, hạnh là phép tắc của kẻ sĩ”. Nãi Thụy nói: “Văn là phép tắc tiên sinh” Thái thú quận Nam là Nhậm Ngạn Thăng nói: Tôi và tiên sinh dầu tuổi đời bằng nhau mà kinh, Ngô mấy ngàn dặm chưa từng gối đi dưới gió bẩm

thừa các luận, há thẳng phát giận ngay năm, vốn cũng hận sâu trọn đời, đêm vắng lặng nêu bày Kiềm Lư, Hàn Trác mộ Cự Trọng cây vốn đón ánh sáng, bụi nương gió bay, chính lại mong hướng lý xa, nhớ mãi ngàn năm. Nhưng người kia tự cao, dù cho trải qua ôm chổi ngày đêm quét cửa, không hề thấy một tấc của ngàn nhẫn ngói rảnh của muôn khoảnh, hoàn toàn đối mặt muôn cổ đâu thể kịp cửa. Cho nên do đây hận ngàn năm". U Trinh Tử Ngu Hiếu Kính nói: "Sự hiểu biết của người kia quan Thái Thường đời Lương cùng ông tốt, cầu vị tiên kia để thơ lại", kế lấy đó làm truyện.

THỈNH VUA GIẢNG. KHẢI VÀ LỜI ĐÁP CỦA LƯƠNG HOÀNG THÁI TỬ CƯƠNG

Thần Cương, Thần Luân, Thần Kỷ nói: Thần nghe cung tím sáng đẹp nhiệm mầu, hiện đài ở núi xa nghe sách hay, do đó đạo càng thạnh mà lễ càng phức tạp, đức càng rộng mà sự càng nhiều. Đây là do ảnh hưởng đến tôn đài, là gốc dẫn dắt chúng sinh, phục vọng là điện Đại Quang Nghiêm, mâu thần rủ phép tắc xông lên trời mở cõi bờ, công sâu lớn lao, sự giúp rõ văn, nghi kiến thiết tột bực, mây mở tạo đèn chiếu tam quang hàm vượt trăm ngàn dặm, đều gọi là tâm hoa nêu bày lại chẳng phải sức thợ khéo, thần thông hiển hiện không nhờ ông đến mà thành, thật chỉ có cõi tịnh, vốn bặt lễ trông coi đôn đốc. Cung Thích cao xa lý không tiệc nai kêu, trộm nhìn chỉ có nhà xinh đẹp thù thắng, Bổn Sư ở đây Phật hống, nơi điện ma-ni Như Lai cũng mở giảng pháp âm, cúi mong thân giáng nhìn dung mạo rưới cam lộ, rõ ràng mây tuệ thấm nhuần mưa từ, ánh sáng này thạnh nghiệp dẫn dắt chúng sinh kia, lại ở trời mà nói vô tướng đồng chân. Kiến lập Phật sự mà giúp thống lãnh cõi nước giáo hóa kẻ tục, đồng chân hóa tục, chí lý thay! Một nêu mà ba đẹp hiển há không lớn ư? Cùng kia trên núi kinh truyền dưới núi Nham, đô tây phụng hoàng gánh vác chim nhạc trọc, đâu đủ cùng ngày mà nói ư? Dám lộ đơn ngu phục đợi bền được, nhẹ can xem nghe, chảy mồ hôi chiến nhiếp. Kính khải.

Xét khải. Muốn cần ta giảng đủ ý các ông, sách nói: "Một ngày hay ngày muôn cơ, nay lại qua đó", tuổi già gốc thục, hơi sức suy dần. Gánh vác tấm màn đây có càng thêm gánh vác, trong ngày có khi được ăn một bữa, có khi không được ăn. Châu Đán nhổ khạc nắm chưa đủ là nhọc, vua Sở ăn chiều cõi nay chẳng phải tha thiết, chưa sáng cầu y cây bút đến luôn nghĩ. Ban ngày nhọc nhằn ban đêm suy nghĩ tinh hoa đã cạn kiệt, mấy thuật nhiều việc chưa được cầm lấy, và việc nước

chẳng gởi đâu được ngồi bàn, cần phải nói làm dân an mới phải bàn. Việt sắc.

LẠI THỈNH VUA GIẢNG VÀ LỜI ĐÁP CỦA VUA

Thần Cương, thần Luân, thần Kỷ nói: Một ngày rất nhẹ nhàng xin tâu lên, xin rủ mưa pháp, trời soi ngưng xa chưa mong giáng được, dự đồng thuốc chưa thành đồ đựng nước bằng đồng, luống đẹp hoa xuân lại thương thu xưa. Cúi xin bệ hạ, đức trùm nhận nước đạo giáng lời hay, bốn, ba, sáu, năm không thể dụ, mười Nghiêu chín Thuấn không dùng phương, mà gió thu lay động, còn cùng niệm chưa dứt, một vật mất chỗ dụ như khởi nhận nhân hào mời lưu tình nhà ngã tư, chưa bàn cấu thạch cừ, trộm dùng thần thông hiển hiện một niệm muôn cơ, đại quyền chỗ làm ứng thời ba mật, còn chỗ thiền tịch ảnh hiện mười phương một phen khởi đạo tràng đã là tám hội, há cùng sau thổi luật đều nhọc Hùng, Tương. Vua đúc đảnh, tha thiết việc gió mưa cúi xin dùng tuệ bình đẳng hành lòng từ Như Lai, vì độ chúng sinh giáng việc ít có, khiến sớm đủ tình nhất thừa, đều là mười điều lành, trí châu, đuốc pháp người người đều giữ, bốn nhẫn năm minh nhà nhà hãy mong. Xin mạo oai trời để khải tấu, ngẩng đầu thành chú, cúi mong đầy đủ, khiến bắc ký không núi há lại tự cao ở ngày xưa, Nam dương hồi bóng không riêng ngại ngày nay. Kính khải.

Xét lại, vẫn muốn cần ta giảng nói đủ ý các ông.

Đã nhớ, cũng không khác lời đáp ở trước, bên duyên chưa vào nước qua nhiều thiếu sót, các việc như vậy thường cần qua chấp nhận, còn các phiền toái khác chẳng thể nói hết. Lãnh đạo đất nước chưa an, người ăn rau chúng gồm giúp tiếp nhau, thưởng cùng vị Chu, oán trông thì nhiều nhớ âm thì ít. Đời Hàn lẫn lộn và giá cả thích hợp nên cũng suôn sẻ. Nhà Ngụy không Ngô Dương Phụ vẫn gọi là đáng thương. Huống chi ngày nay móng răng tâm bụng không hai quan, lại nói đạo người nơi màn trướng, bốn thông không mở tâm đạt đóng bít đường, vương hầu tuy nhiều chỉ thành luống gởi. Ngày nghiêm ngặt, đêm cảnh giác như đao sương để mục nát cổ xe sáu ngựa đâu đủ làm dụ, thì không hề nói ư? “Người biết ta gọi là ta tâm lo, người không biết ta gọi là ta đâu cầu”. Mới ngày nay tin chẳng phải bàn rằng: “Các ông muốn vậy tự có thể khiến chư Tăng ở trong mây dày nói đạo nghĩa”, Việt sắc.

Lại thỉnh vua giảng.

Thần Cương, thần Luân, thần Kỷ nói: Dám nhờ sự yêu mến nhiều lần con nghe xem, lại giáng ý thần chưa rủ đến đèn, xin để hoàng chánh

sâu rộng, trời che ra xa, biển sông yên lặng, mặt trời mặt trăng sáng tỏ, túi nước có hồ xưng phiên, con đường bản thảo có chỗ quay về, đem giáo đi cất giấu, bụi thu không bay, gai hòe đều là thơ nhiều người, điều đang có được bài tụng bậc hiền, Thánh đức hướng về khiêm tốn nhọc nhằn buổi chiều xế bóng, dụ như thời gian nhiều Võ than vật chưa hiểu tâm. Trăm thí dụ hổ thẹn các ty cao vút, bọn thần hoặc ba thiện chẳng nghe, hoặc một quan không bắt chước, ham muốn Bào Phùng Tể Tướng thỉnh học nghiệm được tham dự bàn luận quân, mà tự để kết gốc thiên uyển, trộm cao năm trước, do đó chẳng sợ làm dơ bẩn lại dám tâu lên, cúi xin ưa nói đại từ rủ lòng thương xót phóng quang động đất, không cho là pháp ngại tục, tùy cơ cho thuốc, không do người bỏ lời, thấp hàm sinh đây phàm thiếu cõi làm đích. Tâm hoa thành cây cùng chuyển sáu trần, trong gương được hạt châu đều mở ba chướng, ở đó thật nguyện ai không mừng vui. Mạo muội vào chốn cung nghiêm càng thêm chiến dứt. Kính tấu.

Xét các ông khải tấu lại đủ sự mong mỏi, các ông chưa hiểu hết gian nan của việc cày cấy, đâu biết gánh nặng của thiên hạ, vua chúa tầm thường thiếu hiểu biết sở dĩ tiếp nối lật đổ đều do lúc an không suy nghĩ sự nguy hiểm, huống chi lại chưa an ư? Soi xét không xa chỉ ở ngay trời trước, nay ta thực hành tuy khác xưa nhưng biết sợ giảng nói không buồn lo việc nước thì khác thuật mà đồng mất với người kia. Kinh Dịch nói: “Kia mất buộc ở bào tang” đây thì cẩn thận cảnh giác mà sau khỏi, các ông hãy suy nghĩ việc đó, một, hai đủ như sắc chỉ ở trước. Việt sắc.

TẠ THƯỢNG GIÁNG VÌ MỞ LỜI GIẢNG KHẢI

Thần Cương Khải, Xá Nhân Từ Nghiễm kính đọc.

Sắc chỉ, không ngại đại từ, không trái bổn thệ, tháng giêng năm đến mở nói kinh Tam Tuệ vâng mệnh trong chiếu thân tâm vui mừng như kẻ đói mong cỗ tiệc ngon, so với niềm vui này vẫn chưa bằng như người nghèo được của báu sánh đây chẳng dụ được. Cúi mong nguyên chánh mừng dòng đại cầu lễ xong, mây tuệ tiếp tục thấm, mưa pháp vẫn tưới xuống, ân lớn xuất thế cùng trời xuân mà rải thấm nhuần, hàm linh thấp kém đây tùy thuốc mà được thêm lớn mạnh, khen đồng vạn phước thầm chín vi, đâu gặp ngu thần được điều chưa từng có. Kính cẩn nay tuyên sắc lịnh báo giềng mối, đủ hướng về nhau không lời tạ tấu, kính khải.

PHỤNG THỈNH VUA KHAI GIẢNG VÀ LỜI VUA ĐÁP

Thần Cương nói: Trộm nghĩ chân như không thể nói, chẳng có nơm bẫy thì không ngộ, cực quả không nên chú ngưỡng chung ở đây, cho nên món đồ có duyên nước mới thấy hình bóng tròn, thuốc đều dưỡng tánh, được lòng từ của mây tuệ. Cúi xin bệ hạ gương ngọc ở cung son, xe vàng dạo đời, ứng thích hữu vi giúp lợi ích chúng sinh, không trái bổn thệ mở đường dẫn dắt người ngu muội, đều khiến Đại thừa ở mười phương, vận chuyển nhân thọ ở vạn nước, há chỉ trị ruộng lúa công bằng tạo hóa, chỉnh sửa núi sông, cho thành thiên hạ, trí cao chín Thuấn, thông minh vượt mười Nghiêu, thường theo xe vua giáng mưa cam lồ trời người nhảy múa, hâm sinh lợi ích, do đó trái dòng biết ngược bờ mê biết quay về. Thần tự tạm được dự hướng đến nghe pháp khát ngưỡng không nhàm một ngày mạo muội bày khen ngợi, cúi mong lại chuyển pháp luân, chưa quay lại suy nghĩ nghe mình, còn dứt nguyện của ngu thần nhanh chóng tấc chí lại dám vạch cầu. Cúi xin đem giáng một âm thương xót ba lần thỉnh, giúp gạn lời nơi Thành Vương-xá, nhóm nghĩa màu nơi gò báu, tâm Thánh đồng xem chúng sinh như con một thần thỉnh tức là khắp giúp vô biên, như do đây chấp nhận các trông mong cũng đủ, hai vai gánh vác đâu dám làm dụ, không nhậm nguyện sau, kính cẩn mở sự tâu lên.

Xét tấu trình, đủ như ông mong mỏi, pháp sự đã tốt đâu không vui mừng, ta các duyên trong ngoài lo nhọc phân vân đều ăn hơi không dấu vết. Bỏ việc, bàn đạo là lúc chưa rảnh rỗi, ông tiện vì chưa thể nhận nước nhà. Việt sắc.

LẠI TẠ TRÊN GIÁNG VÌ KHAI GIẢNG

Thần Cương khải tâu: Riêng nguyện thành khẩn thường mạo đến chỗ cung cấm mong giáng mưa cam lồ khắp giúp tam thiên đại thiên, trời nghe rất xa chưa rũ giám soi theo, mầm sớm thấm nhuần đâu sánh tự thương xót, nắng lên chim nhớ rừng đâu sánh với sự khát ngưỡng, do gần đại Tăng chánh tuệ lại dám cầu xin, giáng đến sắc chỉ rủ lòng chấp nhận tháng hai năm tới mở đề kinh Kim Tự Bát-nhã, ân đặc biệt lại ứng ngu thần thỉnh, cúi lạy cung kính tâu không xiết kể sự vui mừng, thân tâm vui vẻ như chạm từ quang, tay chân múa may nghĩa chẳng phải tập khí còn sót. Cúi xin thành thơm lời nhiệm mầu thật kính mến văn thần, thấm nhuần mây mưa càng sáng mặt trời mặt trăng, khiến cho đường mê biết chính là đại mộng buổi sáng. Phạm Chí sợ đến ma trời lễ từ xa, Đề Hoan đã nghe mà nay được nghe, Ba Luân chỗ cầu mong đời lại

xuất hiện, kia vì lợi ích sâu rộng vô biên, chín vi được ngộ mười phương mong hiểu, dẫu lại biết khởi ban đầu dòng tâm và niệm chót, mới đáng chung tổn năm cái, đều chiếu một không, vòi vọi mênh mông khó mà dụ được. Thần vẫn mở tuệ khiến tiếp tục đọc sách này, Đại thừa khắp dẫn dắt là do Thánh từ, cong bút hết lời đâu bày gánh chở, không nhậm tình sau, cẩn mở sự tạ ơn tấu trình, kính khải.

VUA GIẢNG TỰA KINH BÁT-NHÃ

Lý đến rốt ráo mà chiếu trọn nơi vắng lặng, vào ba môn mà rõ quán, dẫn dắt năm trược mà vượt bến, thí như sáng rỡ đèn xa tà mà không chạm, như kia mặt trời xuất hiện chỉ bày nhất tướng để đến đạo. Từ La-duyệt mở mang lời mầu nhiệm, cõi Chúng Hương rộng mở câu diệu kỳ. Di-lặc nêu chữ ở Viên quang, Đế Thích nghĩ thiện ở minh chú, thọ trì đọc tụng thần lực chẻ gió mạnh, cung kính tôn trọng phước lợi càng đầy ở tháp báu. Bởi chúng Thành tròn tột mà làm gốc nguồn nơi muôn pháp, Hoàng đế chân trí tự mình đại từ ứng vật, đón rước mặt trời mặt trăng bao bọc trời đất, trấn, gió nhiễu ba mùa, nhóm sụp đổ phong tục năm đời, ra đến ngã tư nhà lui việc giúp ở, chẳng cho nhà vàng là tôn quý, thường nghĩ nhớ đến chúng sinh, đức khắp cõi bờ chưa đủ nói lên lòng chí nhân, lý dứt danh ngôn lại hết lòng mật ngữ. Xưa đèn tuệ ẩn ánh sáng, pháp tạng chia dòng, ba thừa rong ruổi, năm bộ trái lầm, quở trách hẹp kém, luống rước ánh sáng mặt trăng đen. Tỳ-đàm nói: Bồn chồn đeo mang, chưa thấy báu Thẩm Châu, từ Thánh Hoàng ứng thời kỳ tham cứu tột diệu cơ, quyết tan quần mê dẫn dắt dị học, tột rộng lớn của thiên cung, cùng bí mật sâu xa của điện rồng. Vì thế phát Đại Bồ-đề rộng hoằng Bát-nhã, dứt hẳn phiền hoặc, đồng về thanh tịnh, thấm nhuần cam lồ cho chúng sinh, chuyển pháp luân không dứt, trên trời soi mười một năm chú thích đại phẩm, từ đây về sau cùng sự giảng nói lại để rõ ba tuệ rất là sâu xa bèn đưa ra một phẩm lập riêng quyển kinh, cũng nhờ năng lực Quán Âm đặc biệt mở rộng chương Phổ môn, trụ lên hạnh sâu, bèn đưa ra phẩm Hoa Nghiêm, cho nên để tiếp nêu cơ cốt yếu soi ngộ cho người mới học.

Đại Tăng Chánh Tuệ khiến cho thượng thủ pháp môn cũng tổng trì thần túc, nguyện đồng lời hỏi của Tu-đề, bèn đồng lời thỉnh của Ca-diếp. Bèn thỉnh vua giảng nói kinh này. Có chiếu chỉ chấp nhận mới lấy ngày 12 tháng 03 niên hiệu Đại Đồng năm thứ bảy giảng kinh Kim Tự Bát-nhã Ba-la-mật Tam Tuệ ở điện Trùng Vân trong vườn Hoa Lâm. Vườn Hoa Lâm, từ Giang Tả về sau sân sau dạo dọn yến tiệc, từ Tấn

đến Tề gần hai trăm đời thuộc Oai Di Chủ nhiều thay thế quá đáng, nhà vũ quán chuông v.v... nên xưa A phòng, ao rượu rừng thịt đồng ca sớm, cho nên tự đến cõi vua loài người đều bỏ thinh sắc, mỹ nữ trong cung quy ngưỡng, cùng vườn linh với thứ dân, lại do vườn hoa tàn héo mà ngộ tất cả vô thường, đài báu giả hợp giúp mười phương bền chắc, bỏ vườn trời này mà dựng lập đạo tràng trang nghiêm pháp sự, nhóm họp chúng tăng, tiến vào cõi thần kết bóng mát núi xanh, vòi vọi lầu gác đến trên đan trĩ ánh sáng rộng khắp có đất Yêm-la xa, thân tâm an vui thật là phù hợp vườn hoan hỷ, ở thời ba xuân cong tiết, vạn vật duỗi tốt tươi, gió nắng thuận hòa không lạnh không nóng, hoa xinh cây báu soi rọi bảy lớp, đáy ngọc cát vàng sóng nước tám đức, mở rỗng suốt cửa cao nhóm mây đại chúng, hướng về pháp tòa để bỏ âm ỉ, nghe chuông ngân mà vắng lặng. Hoàng Thái tử trí đồng Tất-đạt đức vượt hơn Đàm-ma, bỏ tục vui của ba cung, kéo dài hai tòa để hỏi đạo. Tuyên Thành Vương và Vương hầu tôn thất cũng đều phát thâm tâm đều tu tịnh hạnh, xông hương giới để khắc thiện, mặc áo nhuộm mà thành tựu nhiều, che chở ve đội mũ miện, rắn đội mũ đeo đai, sắp cửa vàng, bên thềm ngọc, ngay thẳng thành hàng đã cảnh giác, cấm hướng về phía Bắc, người chuyển sang phía Đông, cửa bày rõ ràng bên cạnh nhổ khói thơm, mặc sắc phục cõi Tịnh Cư lên tòa Tu-di. Tám món tiếng nhiệm mầu phát lời không ngăn trệ, mười phương cất tiếng tùy loại được hiểu, nghĩa rất sâu ở nơi múc đổ mà khó cạn hết, biện tài vui nói đã qua rồi lại mà càng mới, còn bậc lão học kỳ Tăng tột huân thiên chấp chuyên bắt chước số luân, chưa rõ văn kinh, biến ý nhỏ để xứng lượng, rước thiên tôn mà nêu lên lời hỏi. Về thế cầm nắm đao tuệ cắt bỏ lưới nghi, chỉ bày cho kẻ mê lầm cách thức quay về nẻo chánh, đều rõ ràng giọt nước vui mừng đầu đội, như hoa sen dần nở, như trăng khuyết lại dần tròn.

Phàm các Thánh chúng từ Hoàng Thái tử, Vương hầu hoàng tôn quốc thích nội ngoại và Thượng Thư Linh Hà Kính Dung, trăm vua khanh sĩ lỗ sử, chúa Thôi Trường, Khiêm Sử, Phó Dương, Thôi Chi và tạp sử ngoài cõi có một ngàn ba trăm sáu mươi (1.360) vị đều dạo đường cửu dịch xa xôi muôn dặm. Xin mở mang để chở, nở hoa trời mà nhảy nhót đầu mặt bày trọn lễ, khen ngợi từ bày biện dưới kia. Và chỉ thỉnh Tăng nghĩa học cả ngàn vị ở chùa Đồng Thái, đêm lại chế nghĩa và đàn việt giàu có nổi tiếng trí hiểu như sông biển, truyền tập như bình vẽ, phúng tụng giống như mưa nhanh, Sa-môn Thích Pháp Long gần trăm tuổi, học khắp ba tạng, biết suốt tám thiền, nói pháp độ người hiển danh phía Bắc cửa tắc, nghe Trung Quốc ứng giảng kinh Ma-ha Bát-nhã cho

nên từ xa đến. Bấy giờ Tăng Chánh Tuệ vẫn chưa diễn giảng, kẻ đạo người tục ở kinh đô cũng biết vua đang giảng. Đến ngày phát giảng lại có chúng Tăng người nước ngoài nhiều không thể kể hết và chúng không biết đồng nhóm dưới pháp tòa. Cho nên biết phát ra ánh sáng khắp soi địa thần tuyên bố đâu nhọc khiến rong ruổi, thầm phù hợp lúc trống tin.

Thích Pháp Hiển trụ chùa A-dục vương huyện Mậu, Cối Kê tu tập khổ hạnh chí cầu tuệ giải, đã đồng tư duy của Uất-đa, cùng đồng khẩn thiết của Ba Luân, bèn ở chỗ giảng tự bày nguyện lực, cắt máu rưới đất để nói lên lòng chí thành, khoét thân cúng dường, chẻ xương chép kinh, quy y chánh pháp chẳng tiếc thân mạng. Dùng nay trông xưa tin chẳng phải lời luống dối.

Giảng suốt hai mươi ba ngày, từ lúc khai giảng đến bế mạc, mỗi ngày cúng dường khắp cả kinh đô, quan văn quan võ quân hầu bảo vệ đều thêm ban đội, trên sàn nhà thiên hạ hơn bốn mươi năm, cùng việc nghiệm ước thể an rau cải sơ sài, thường ngự điện nhỏ che chở gió mưa chỗ ở màn tòa chỉ ở dung chứa đầu gối, ngoài bặt lễ ba khu trong gồm yến ngàn chuông, bữa ăn ở bàn tay năm rút bỏ muôn vàng, phí nhét sâu năm giảm, cự ức bao gồm để rộng thâu địa lợi, đồng vào châu báu vét biển, tràn đầy suối phủ dụ vô tận, nơi rồng vàng, cho nên có thể chẳng nhọc sức người không tổn cõi nước, tài pháp gồm thí cùng khắp không khô cạn là giảng. Linh dị loạn xạ không thể nghĩ bàn: Một thì tượng Phật trong cung đều phát ra ánh sáng. Hai là đại địa chấn động đủ các cách vọt chìm. Ba, là ban đêm mưa mát ban ngày tạnh ráo, rơi dịu dàng, hoa xinh đẹp, bụi đất không khởi. Bốn, kiền chùy đã kêu, chiếu giảng đã hợp, vai nặng trở ngại tụ hợp trấn đầy bốn cửa mà người ngựa điều hòa nhiễu ngại nhau. Năm, tòa thí pháp chỉ ngồi muôn người mà hằng sa đại chúng lại không chật hẹp. Sáu, bốn bộ rộng xa đều nghe lời mầu, ngoài hiên nghe nhân rõ ràng. Bảy, đồ thanh tịnh cúng bày đầy nhà bếp mà chẳng phải làm từ đêm, đồ ăn ngon đúng thời trăm vị đầy đủ. Tám, hương lạ dày đặc, theo gió chạm đủ. Chín, nhạc nhã leng keng tự nhiên phát tiếng. Mười, đồng tiếng khen lành khắp cả hư không.

Đây bởi tiên Phật chứng thấy, chư Thiên cảm ứng, vượt báu linh xưa, mưa hoa điềm lành xưa. Bấy giờ cõi nước vỗ tay hàm linh vui mừng, nguyện dự ruộng phước tranh việc hỷ xả. Trên đều khu tâm kia, dấu vết vì phát đại nguyện, trộm lấy một câu phụng trì còn chúng sinh lành hai chữ kinh vẫn là bậc thềm quả báo thù thắng, huống chi rộng chỗ Đại thừa tuyên dương chánh pháp rộng khắp, đồng phát gốc tuệ,

đồng đến diệu quả mới xứng đáng các hòm báu bí mật truyền chữ vàng kia, nói lên muôn kiếp dùng ánh sáng, khắp đại thiên được lợi ích, thanh thay! Tin không đức mà xưng, tiểu thần dự ở chiếu giảng dệt tham sử chở, kính cẩn ghi chép thời gian, việc làm để lập, nay ghi lời tựa.

Vua ra giảng chùa Đồng Thái kinh Kim Tự Bát-nhã Nghĩa Lưu Sớ Hỏi Đáp quyển một.

Ngày thứ nhất (26 tháng 02) phát đề kinh Bát-nhã.

Vua giảng tựa kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Thị Trung Quốc Tử Sát Tửu Thần, Tiêu Tử Hiển soạn.

Bao Hy Nãi Thần, tám tượng sở dĩ thành bày, Chu Văn khắc Thánh, sáu hư được rộng bày. Bởi đạo hay tục có sách riêng, chẳng phải đại huấn chung phương, còn như Hán Minh tự giảng cuộc hạn do thuật Nho. Giản Văn bàn sớ lại tạ chuyên kinh, dụ như quán linh nhã vách giếng, mây mộng ở trong ngực.

Hoàng đế thể chí đạo mà nêu thạnh liệt, thật thông minh mà làm nguyên hậu. Thập địa ở đây phủ ứng nhân vương, tám phước là sinh đầy quy về thế chủ, huyền giám không bờ, ban đầu của trần kiếp xa, vắng lặng soi chiếu chỗ chung gồm ngoài vũ trụ, khuất đây không vì chỉ bày đồng hữu học, bố thí nhẫn nhục gồm tu, thiền định trí tuệ gồm nêu, vượt cõi nước mà đại xả, đã đồng thời cung vua, lường châu báu ở tứ thiên lại đồng ngày chuyển luân, nhẹ đó như lông hồng, bỏ đó như bỏ giày cũ. Cho nên đạo nhờ vua chúa, sự cao mới bỏ, nếu chẳng phải uẩn sinh thì biết đó là thượng đức, chứa nhóm cơ thần trong lòng, rõ suốt ba minh, đồng công hai trí, ai có thể cùng sánh với đây? Kinh Kim Tự Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật bởi là tôn quý của pháp bộ là cực giáo của viên thánh, khai tông lấy vô tướng rõ làm gốc, phát xe cộ rốt ráo cùng dòng, nghĩa thâm sâu như mây mù, văn sâu rộng sạch giàu, người đời trước có học rõ sẽ kham nhận được.

Hoàng thượng kính mến Đại thừa, dạo trong pháp tạng, đạo đồng ý hợp mến nhớ tổng trì, thân động lời vua, khéo vượt qua giây thao đeo ấn, dẫn dắt dụ xa rõ tâm, nêu kỳ thù của không giải bèn truyền đi lấy lụa xanh khắc làm tượng vàng, đầy đủ đồ trang sức báu, phẩm vật vô giá, anh tài giỏi giang nhường sự khéo léo, vàng ngọc thua sáng, dẫu vinh quang giúp vẽ sông, cõi này chẳng phải điềm lành, ngọc xanh làm tiên giản ở đây đã kém . Hoàng Thái tử nương ngày rảnh muôn cơ, nhờ nghe nhàn soi sáng sớm thí như kia huân gió nguyện nghe lời rộng, ân cần tấu thỉnh rồi sau được theo. Do vào ngày mồng một tháng hai năm Quý sửu niên hiệu Thái Tuế, niên hiệu Đại Thông thứ năm, ngày

26 Giáp thân, kiệu giá ra khỏi cửa Đại Thông đến chùa Đồng Thái để giảng, lập đại hội vô giá cho đạo và tục, vạn ngựa, rồng bay, ngàn xe chấn động. Nhạc trời chín thành, Phạm âm bốn hợp, ầm ầm đầy ắp bụi mù chở trời, để tạo đạo tràng mà dựng ruộng phước, long bào thôi không mặc, pháp phục thì tôn quý, điện hoa xanh tím, tòa dài cao rộng, thượng giới chớ nghĩ, người mới học không thể lên, dung nhan cõi trời tốt đẹp, giáng chiếu thẩm chỉ, hoẳng biện tài nhanh mạnh, mở rộng lời vô úy, quay vòng vô cùng, vòng nối tự mở, mặc tình thưa hỏi đã tiêu tan, nghĩa vướng mắc đồng hết, lưới nghi đều dứt, cũng như gương treo không che giấu, như rót chén rượu ở ngã tư, lại thêm chiếu dài thềm rộng mũ miện ngàn bầy, đầy nhà tràn mái Tăng lữ nhóm ở núi, đối riêng điện mà nặng vai, vòng cao mái hiên mà nối tiếp ngồi, dùi đứng không dung, gai nhọn không đất, nương mưa pháp thông thấm, mừng cam lồ mà quên về, như trăm sông về biển cả, các ngôi sao theo mặt trời mặt trăng.

Từ Hoàng Thái tử, Vương hầu, dưới đến Thị Trung Ty Không, Viên Húc v.v... sáu trăm chín mươi tám (698) vị, Tăng chánh tuệ kia khiến đồng Tăng nghĩa học ở tòa cả ngàn vị, ngày thì đồng lòng nghe nhận, đêm lại thuật chế nghĩa, các Tăng Ni khác và chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nam mũ đạo sĩ, nữ mũ đạo sĩ, cư sĩ tại gia, sứ nước Ba Tư, sứ nước Vu Điền, quán Bắc về hóa nhân, quán giảng là chỗ ban bày biện màn cúng có ba mươi mốt vạn chín ngàn sáu trăm ba mươi hai vị và thân võ vệ túc trực ở hai cung, cầm giữ giáo trụ giáp vàng đều mong giảng chọn riêng chấn gậy ở tuyền phủ. Lại mấy vạn người không ở trong hàng thính chúng. Sa-ha-na-xa là đạo nhân nước ngoài gần trăm tuổi, tọa thiền trong núi Đàn Đặc, ở xa nghe Trung Quốc có buổi đại giảng nên tìm đến, cơ cảm trước thông, tấc thước muôn dặm, ngôn ngữ không hiểu phải dịch lại bèn giảng nói, giải Tam tạng tình thánh chiếu xa.

Lại sứ nước Ba Tư, vua An Câu Việt, cõi đất xa xôi y phục bỏ phế, bèn tham dự tòa gần. Quỳ lạy đầu trần mừng nhận điều chưa nghe, nhiều hạng xuất gia nghe nghĩa là quý, liền có bốn người cùng cạo tóc một lúc, trước là Pháp sư Bảo Chí, thần thông không suy lường, sự tích linh hiển rất nhiều, tự có truyền riêng. Niên hiệu Thiên Giám năm đầu, Thỉ Quang có thiên hạ, mới lưu tâm lễ nhạc chưa gấp gởi ở Phần Dương, Pháp sư vào tháng chín năm đó tự cầm phất trần và tích trượng đưa lên mà không nói một lời, vua cũng chưa nhận ra ý kia, đến nay hơn ba mươi năm. Cái chuôi phất trần lấy dây nhỏ buộc, chỗ mắc vào dấu vết rõ ràng vẫn còn đầy đủ. Đến đây vua bèn chống gậy lên tòa cầm phất trần giảng nói, cho nên biết chấn động đại thiên mà giảng pháp, xét

có minh phủ, năm ấy gọi là phương xuân, mỗi tối mưa ướt trống pháp, sáng ra trời liền sáng trong, khoảng hai mươi mốt ngày khí trời điều hòa mây che mát mẻ. Đến ngày bế giảng bốn chúng nhóm họp lễ sám vừa xong thì đại tượng mười phương ở chánh điện bỗng phát ra ánh sáng, bạch hào chiếu khắp hai bên chữ 卍 linh tướng phát sáng nghi vàng sáng rỡ, phút chốc tượng Bồ-tát mười phương bên trái lại phát ra ánh sáng từ dưới nách suốt lên trên vai. Vua Thánh chính thân tự chí thành đảnh lễ đại chúng đều nhìn thấy, cho nên biết hiện mặt này chứng minh ý chỉ, như đệ tử nghe nhiều nội thành nương gió, hữu quan ghi lời, thật chỉ có vua bèn ra lịnh cận thần ghi chép sự việc ngày giờ. Phàm thiếu sự bàn bạc hỏi ý kiến quên không đủ học, không chung giải thích đã xa mà nghi xét mới đến, hoặc tông chỉ chưa nghe mà khải thỉnh đến trước, kia sai người xét đều vốn tập học điều ghi nhớ, hoặc cách ngày khác giờ nghĩa thành trước sau, hoặc tuy thân qua lại, trọn là một lời hỏi ý chỉ Thánh đều tùy phương đón rước, như tiếng vang ứng với âm thinh, muôn vật là tâm sự thấy ở đây, sau đó người học tuyên hiểu ý thú này.

Vua hoằng pháp lâu năm, gồm các học Tăng xa gần đồng nhóm họp, đều hội ở kinh đô, mà học sư của Tăng gia tập giữ nhau, chỉ tin miệng nói chuyên nương công sức của tai, mới nghiên cứu được văn kinh nương cầu liễu nghĩa. Vua thường vì đó giải thích chung, thần rực rỡ, ý được đã ở lời nói trước, cắt dẫn câu văn liền đến mấy mươi, tinh tường rõ ràng đâu thể theo lãnh. Chư Tăng cựu học buồn như đèn tắt, buông hơi kết lưỡi ai không như vậy. Muôn chúng ngước nhìn đồng thời tâm đều vui, các việc như thế chẳng phải Hàn hay Mặc có thể nói. Lại nghĩa chư Tăng ngoại quốc đã bàn không hẳn mở nghĩa là lập, nếu có tâm nghi chỉ đến cầu quyết, hoặc phát kệ tụng rồi mới hỏi bàn nghi, hoặc thưa hỏi đã bỏ khen ngợi phát nguyện, hoặc nói xong lại ngồi, chúng đều không biết, hoặc hỏi bàn rồi lại đi, không biết chỗ ở, gương mặt y phục khác thường, phàm thánh khó sánh, đó là giảng. Đông để dành mới nở chỉ trong bảy ngày, chư Tăng tìm tòi khát ngưỡng muốn bỏ mà không thể. Rồi lại đích thân thỉnh, lại nhờ mười bốn ngày mà chúng thỉnh cầu kính mến không thôi, vua đem việc nước che lấp từ lâu không có sự mong cầu, toan muốn giải tòa, Hoàng đế bỏ tài của thí khắp, tiền bạc tích trượng, các vật có hai trăm lẻ một món, thẳng có một ngàn không trăm chín mươi sáu vạn.

Hoàng Thái tử thờ kinh Sấn Ngọc, làm hòm kinh bằng bảy báu, cúng dường kinh và cúng tiền lụa cho Tăng giá trị ba trăm bốn mươi ba vạn, sáu cung cúng hai trăm bảy mươi vạn, chính thân vua cúng đến số

ức triệu, tự coi nhẹ mình. Ty phục coi giữ bữa ăn sáng cho mọi người nếu chẳng phải điển chương của triều đình thì chỉ là luống phụng sự cho thân, thì thái quan một ngày gần mười vạn sinh y, một năm xuất ngàn vàng vua đều không lấy, riêng tự do cấp áo thô vải nhuộm, đồ dùng bằng đất, một ngày mà quá ngọ thì không ăn. Trời lạnh hay nóng không mặc áo lót nếu chẳng phải vải thô, lại ở cung không thể ở phương trượng, xưa là ngai vàng màn trướng, nay là giường thấp, bên cạnh không có người hầu chăm sóc, không có vật châu ngọc, hai bên chỉ có kinh sách, trước mặt chỉ có lò hương, tích trượng. Trời chưa sáng đã ngồi, sáng trắng mới nghỉ, tối xem pháp bảo, sáng không ngủ, vì lợi người chứ chẳng chỉ vì mình, thành ra thật chép hằng sự trong cấm ở việc làm.

Lại người trong cung thường cách năm cấp mấy ngàn vạn đều theo dừng xét mà lưu lại, dẫu Hán Văn áo không đến đất mà lúa Quang Vũ mấy mươi học mới biết như mộng. Lập nhiều chùa tháp và các lễ trai tăng không tạ dân con đến, không giống lễ tụ nhau uống rượu, đều là chọn lựa núi non chốn đất lợi lộc, vì tịnh tài đúng như pháp, lượng vào vì ra giúp không chấp ngoài. Sự lao nhọc của một dịch tính hạn đủ ban cho, cho nên có thể chế tạo đồng với Thiên cung, làm món ăn giống như cõi Hương Tích, đại lễ quốc triều không quá ba nguyên, ba nguyên chỗ lập chúng chỉ vài vạn, cách năm dự doanh, kính cẩn sau học, xem xét lộn xộn vì phí tổn lớn. Đến ở hội này xuất ra tịnh tài của mình, trăm họ xa gần xin làm ấp tiết, vui mừng thỉnh nhận tranh lấy phước phần, không đợi hiệu lịnh không cần khóa xuất. Lúa gạo thơm lừng như thời kỳ liền đến, mấy mươi vạn chúng ăn cũng không hết, nên biết là do sức giáo hóa của Hoàng thượng cảm ra, thiện căn trăm họ có thành, còn như quân nước hằng độ kho vựa thường chứa đầy vốn cho thiên hạ, làm đồ công thì thu không mảy may xâm phạm.

Ban đầu vua làm mười ba món vô tận tạng, có hai khoa phóng sinh và bố thí, tạng này lợi ích đã là vô hạn mà trai hội mỗi tháng lại ở các chùa thí tiền tài và vật thực. Lại ra lịnh riêng đến các quán giết thịt của Trương Văn Hưu ngày xưa ra lịnh chớ động thớt tức thời cứu và mua chuộc giúp khỏi chết cả số ức, cho đó là thường. Văn Hưu trước làm Vân Sử, liền chở gạo cho dân nghèo nên vào đại tịch, vua thương kia một phần, xót xa không xiết chẳng những tha thứ tội nặng kia, mà còn thêm ngày chí đáo, đã chẳng nương nghĩa bố ấm áp, lại không gấp rút thỉnh tội. Người gạn tội nặng lúc xưa, Văn Hưu đã gánh vác giùm không hề tạm nghỉ. Quá ngọ không ăn mà chân không nghỉ đi khắp

kinh ấp, đi bộ như bay, đánh trống treo phướn gánh mang chạy theo, gia cầm thú đồng trống chúng sinh bốn loài đều phóng sinh. Bấy giờ từ triều thần đến thứ dân đều tùy hỷ. Lại một ngàn một trăm mười bốn (1.114) vạn đồng tiền, vua phân biệt tâm kia có mười điều, hoặc bỏ tiền tài đồng pháp sự ngày nay, hoặc bỏ tài để cúng dường, hoặc bỏ tài làm từ bi, hoặc bỏ tài xin tụng kinh, hoặc bỏ tài vào tiết cúng, hoặc bỏ tài để phóng sinh, hoặc bỏ tiền tài để bố thí, hoặc bỏ thân thí cho đại chúng, hoặc đốt ngón tay cúng dường Tam bảo, hoặc nghe giảng cầu xin xuất gia, như xưa Như Lai hóa đạo được ngộ khác nhau, cho nên pháp nhãn vô sinh căn tánh chẳng phải một. Vua đều cho người kia đồng phát đại nguyện thấy riêng nguồn gốc. Tiểu thần thêm hầu hạ giảng tòa kính soạn tựa nay. Phàm lập nghĩa sáu khoa và hỏi đáp:

Một pho gồm chép mười ba, ngày thứ nhất.

Giảng đề kinh Bát-nhã (sáu người luận nghĩa), Tăng Hoài chùa Trung, Pháp Hỷ chùa Trị Thành, Đại Tăng Tuệ Linh chùa Linh Căn, Tăng Xước chùa Long Quang, Tăng ngoại quốc là Già-đà-bà, Tuệ Cự chùa Tuyên Vũ đầu giảng tại chùa Chỉ Viên, Pháp Bửu xướng rằng: "Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật".

Chế rằng: Mạn Tình nói "Bàn đâu dễ dàng, đối với chí lý càng không thể nói, dẫu hết hai điềm trọn hổ thẹn bốn đáp". Phàm thật trí thì không động, chí lý thì không nói, vắng lặng chẳng suy lường, càng vượt ra xa, soi tận không giới, không vận chuyển sáng kia, dụng cùng có cảnh không nhọc công kia, vô trụ mà trụ nơi trụ, vô đắc mà đắc nơi đắc, trăm phước khác tướng mà đồng vào vô sinh, muôn điều thiện khác dòng mà đều hội ở bình đẳng, cho nên có khả năng dẫn dắt quần mê mà đều đến, mới sáu ghe mà đều giúp, thành diệu quả Bồ-đề vào cửa mầu Niết-bàn. Ba minh không thể thấy được cơ kia, bảy biện không thể nói chỗ thật kia. Đại Thánh Thế Tôn không trái bổn thệ, dùng năng lực phương tiện dắt dẫn chúng sinh, nơi không danh tướng gởi lời danh tướng, khiến người hỏi đạo biết đường, khiến người hỏi bốn biết chỗ quay về. Cho nên ở thành Vương xá phát ra tiếng rống sư tử nói kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, kinh này cũng gọi là kinh Đại Phẩm.

Xưa tương truyền có năm thời Bát-nhã, xét tột kinh luận chẳng thấy thuyết kia, chỉ có Nhân Vương Bát-nhã đề riêng quyển sau đủ có văn kia. Thứ nhất, Phật ngự tại thành Vương-xá nói Đại Phẩm Bát-nhã. Thứ hai, Phật ở nước Xá-vệ trong rừng Kỳ Hoàn nói Kim Cang Bát-nhã. Thứ ba, Phật ở rừng Kỳ Hoàn, nước Xá-vệ nói Thiên Vương Bát-nhã. Thứ tư, Phật ở thành Vương-xá nói Quang Tán Bát-nhã. Thứ năm, Phật

ở thành Vương-xá nói Nhân Vương Bát-nhã. Kinh ấy nói rằng: Kim Cang Bát-nhã có tám quyển, bộ Hoài Nam chỉ có một phẩm So Sánh Công Đức, là tên gốc của Kim Cang Bát-nhã. Quyển sau đề rằng: "Phật năm thời nói Bát-nhã, đây là thời đầu tiên", cõi này chưa có thời thứ hai, hai thuyết trái nhau khó mà nương dùng.

Luận Đại Trí Độ nói: Bộ Bát-nhã có nhiều có ít, chỉ nói rằng: "Quang Tán Phóng Quang và Đạo Hành, nêu ba kinh này không nêu năm thời". Cõi này có ba kinh Quang Tán, Phóng Quang, Đạo Hành, Phóng Quang tức Đại Phẩm, Quang Tán, Đạo Hành và Phóng Quang chẳng khác, chánh do lược là khác. Từ phẩm tự của Quang Tán đến phẩm Tán Hoa là hai mươi bảy phẩm, Đại Bổn đến Tán Hoa có hai mươi chín phẩm, Quang Tán thiếu phẩm không hai, Đạo Hành ban đầu khởi ba đoạn, rốt sau Chúc Lụy có ba mươi phẩm, nương Đại Bổn trừ sáu phẩm trước vẫn còn tám mươi bốn phẩm. Đạo Hành thiếu không năm mươi bốn phẩm, Quang Tán, Đạo Hành và Đại Phẩm sự nghĩa chẳng khác. Đây là lời người xuất kinh, có văn chất, đây là lúc ở Thiên Trúc đã chia ba bộ. Trước chú Đại Phẩm cũng khai là năm khác tùy văn chiết lý chẳng phải là chỗ khác.

Tăng Duệ Tiểu Phẩm nói: Chánh văn kinh này có bốn món là Phật khác thời giáo hóa nói rộng lược, văn kia nhiều thì có mười vạn bài kệ, ít thì có sáu trăm bài kệ. Đại Phẩm này chính là Trung Phẩm của Thiên Trúc, chỉ nói bốn món, không nói năm thời. Trước nói là tựa của Tăng Duệ Tiểu Phẩm tức bảy quyển Bát-nhã, người đi theo nghe lại thành khác nhau, không xa mà lại ngõ hầu không tiếc lắm. Tăng Duệ nói Tiểu Phẩm tức là Đạo Hành Bát-nhã. Vì sao? Vì nghiệm ba việc cho nên biết. Một, Đạo Hành Bát-nhã rốt sau cũng đề là Tiểu Phẩm. Hai, bảy quyển có hai mươi chín phẩm, văn Đạo Hành có ba mươi phẩm, tựa Tăng Duệ là ba mươi phẩm, không tự thì là hai mươi chín phẩm. Ba, tựa Tăng Duệ là chỉ khen hai chữ Đạo Hành, văn kia nói rằng: "Chương tuy ba mươi mà bao trùm là đạo. Lời tuy mười vạn, gấp bội là Hành. Hành ngừng rồi sau vô sinh, Đạo đủ rồi sau có chỗ". Vì nghĩa này nên biết kinh Đạo Hành tức là Tiểu Phẩm.

Tên Đại Phẩm là việc xuất kinh sau của Pháp sư Đạo An. Đạo An nói: "Xưa ở Hán Âm mười lăm năm giảng kinh Phóng Quang thường lại khắp, lúc này vẫn chưa gọi là Đại Phẩm. Từ trước Tiểu Phẩm đến sau Tiểu Phẩm có ba mươi chương, Đại Phẩm có chín mươi chương, nhiều ít khác nhau. Do hình tướng đợi tên lớn nhỏ cho nên được sinh".

Lại có người nói: "Phật nói năm thời giáo. Thời thứ nhất ở vườn

Lộc dã chuyển pháp luân Tứ Đế, đến thời thứ năm ở trong rừng Song Thọ chuyển Đại Bát Niết-bàn, nói là thời Đại Phẩm, đây là thời giáo thứ hai. Tịnh Danh Tư ích là thời giáo thứ ba. Kinh Pháp Hoa là thời giáo thứ tư, nghĩa này không đúng. Thích Luận nói là: "Tu-bồ-đề nghe trong kinh Pháp Hoa nói Thinh văn đều sẽ thành Phật", cho nên nay hỏi "Là nhất định hay không nhất định?". Đây là nghe kinh Pháp Hoa trước, nói Đại Phẩm sau, do nhân duyên này không được nói kinh Đại Phẩm là nói ở thời thứ hai. Lại như trong kinh Nhị Dạ nói: "Phật từ đêm chứng đạo đến đêm nhập Niết-bàn, khoảng giữa đã nói kinh giáo tất cả đều thật không điên đảo". Do nghĩa này nên biết từ bên sông Ni Liên Thiền ngày đầu chứng đạo cho đến đêm nhập Niết-bàn trong rừng Ta-la thường nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật.

Kinh Bổn Khởi nói: Lúc Như Lai mới thành đạo, Ưu-đà-na trở về vua Tịnh Phạn hỏi: "Nay ở chỗ vắng suy nghĩ việc gì?"

Ưu-đà-na đáp: Thế Tôn chỉ có không, khổ vui đều chẳng chân thật.

Vua Tịnh Phạn nói: Tai vạ, Tất-đạt đều có tất cả sao lại nói không? Ngược lại, Tất-đạt so sánh với người".

Đây là lúc mới thành đạo nói Bát-nhã Ba-la-mật.

Kinh Cao Quý Đức Vương nói: Bồ-tát tu hành Phương Đẳng Đại Bát Niết-bàn, không nghe bố thí, không thấy bố thí, cho đến không nghe Đại Niết-bàn, không gặp Đại Niết-bàn, thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng, không thật có.

Thứ chín, kinh Công Đức nói: Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, đối với tất cả pháp đều không chấp, nếu người nào chấp có thì không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, không được nhập Đại Bát Niết-bàn, đến nói rộng", do nhân duyên này nên phải biết ngày mới thành đạo cho đến đêm Niết-bàn thường nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là mẹ của chư Phật, Như Lai ba đời đều từ đây sinh ra. Đại pháp vô tướng chẳng thể hý luận, đâu lại được hạn cuộc thứ lớp ở năm thời ư? Căn tánh khác nhau nên nghe chẳng phải một, cũng lại không chỉ có năm thời. Năm xưa khiến Pháp sư Trang Nghiêm Tăng Mân và các học sĩ cùng nhau nghiên cứu sát hạch xét căn tánh kia chỗ đáng nghe có ba trăm tám mươi vị, đây là thời giáo vì chúng đông.

Một người xuất hiện ở đời nhiều người được lợi ích, há lại chỉ vì người một căn tánh thứ lớp năm thời chuyển đại pháp luân? Nói kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa là đề kinh đặt tên có ba ý: Một, lấy người

đặt tên. Hai, dùng pháp đặt tên. Ba, dùng cả người và pháp. Nói ý Tư Ích là lấy tên người làm tên kinh. Pháp Hoa Niết-bàn là lấy pháp làm tên kinh. Tịnh Danh, Thắng Man là người pháp đều nêu. Kinh này dùng pháp đặt tên, lìa pháp không người, lìa người không có pháp, làm sao được nói kinh này dùng pháp làm tên? Bát-nhã là thật pháp, người là giả danh, đây là pháp của nhà người chẳng phải người của nhà pháp, giống như đạo đế là thuộc về thật pháp, cho nên kinh này được tên pháp là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, đây là âm Thiên Trúc, kinh là tiếng Hán, tên nước ngoài là Tu-đa-la, Hán dịch là Pháp Bổn, gồm có năm nghĩa: 1/ Sinh ra; 2/ Suối vọt; 3/ Hiển bày; 4/ Dây mực; 5/ Kết man. Dạy giải thích chữ kinh cũng có ba nghĩa: 1/ Cửu; 2/ Thông; 3/ Do.

Cửu: Tên không biến diệt gọi là cửu, ba đời không dời đổi là nghĩa thường.

Thông: Lý không ngăn trệ gọi là thông, tất cả không ngại là nghĩa thông.

Do: Sinh ra các điều thiện gọi là do, làm phép tắc cho muôn hạnh là nghĩa pháp.

Lấy chữ kinh thay thế Tu-đa-la vì Tu-đa-la là tên chung, kinh là tên riêng. Tu-đa-la sở dĩ gọi là chung vì phàm thánh có chung. Kinh là tên riêng vì cõi này chỉ có bậc Thánh nói, gọi là kinh, cho nên là lấy riêng chữ kinh thay thế Tu-đa-la, muốn cho người nghe liền được tin hiểu.

Ma-ha, Hán dịch là Đại, Bát-nhã dịch là trí tuệ, Ba-la dịch là Bỉ ngạn, mật dịch là độ, lại dịch là đáo, dịch đủ là: "Đại trí tuệ độ". Nói đến bờ kia là quốc ngữ khác nhau; đây cho là sai kia cho là đúng, đây cho là đúng kia cho là sai. Lời tuy thế tục mà nghĩa không khác. Trong đây có bốn nghĩa: 1/ Xứng đức; 2/ Xuất thể; 3/ Biện dụng; 4/ Minh tông. Đại là xứng đức, trí tuệ là nêu ra thể, độ là nói về dụng, bờ kia là nói về tông. Trong đây lại có hai ý: 1/ Nói pháp; 2/ Nói dụ. Đại là nói pháp, bờ kia là nói dụ, tức dùng bờ kia dụ cho Niết-bàn. Thế nào là nghĩa đại? Không là nghĩa đại, Niết-bàn mười tám không nói rằng: Nói đại không nghĩa là Bát-nhã Ba-la-mật không. Kinh này nói sắc đại cho nên Bát-nhã đại chẳng đờii tiểu không, gọi là đại không. Nếu Đại nhất định là không thì chẳng gọi là đại, không đắc mà xưng, đó là nghĩa đại.

Thế nào là nghĩa trí tuệ? có thể biết thật tướng các pháp là nghĩa trí, có thể soi chiếu các pháp vô sinh là nghĩa tuệ. Nếu có chiếu có đắc không gọi là trí tuệ, không chiếu không đắc, vốn tròn sáng vắng lặng là nghĩa trí tuệ.

Thế nào là nghĩa độ? Sinh tử là bờ này, Niết-bàn là bờ kia, phiền não là giữa dòng, do độ thứ nhất giúp cho bốn dòng, do nhân duyên này gọi là độ. Nếu Độ nhất định là độ thì không gọi là độ, không qua không lại đây là nghĩa độ. Lại nói rằng: Đáo là dùng tuệ vô sinh chứng được Niết-bàn, chưa đến nói là đến là thể tánh năng đến, nên gọi là đến, không thấy nhân có thể đến, không thấy quả có chỗ đến gọi là nghĩa đến

Thế nào là nghĩa bờ kia? Sinh tử là bờ này Niết-bàn là bờ kia, sinh tử chẳng khác Niết-bàn, Niết-bàn chẳng khác sinh tử, không hành hai pháp nghĩa là bờ kia. Cho nên ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Bồ-tát Ma-ha-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật có chứng Tát-bà-nhã hay chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, vậy không tu Bát-nhã Ba-la-mật có được Tát-bà-nhã hay không?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, vậy tu hay không tu sẽ được Tát-bà-nhã chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, chẳng tu chẳng không tu sẽ được Tát-bà-nhã chăng?

Phật nói: Không.

- Bạch Thế Tôn, nếu không vậy thì làm sao chứng được Tát-bà-nhã?

Phật nói: Bồ-tát Ma-ha-tát chứng như tướng Tát-bà-nhã.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Bạch Thế Tôn, Bồ-tát không dùng hai pháp, chẳng phải không dùng hai pháp, làm sao chứng được Nhất thiết chủng trí?

Phật nói: Không sở đắc tức là đắc, do đó là đắc vô sở đắc. Lại Phật nói: "Sắc tức Tát-bà-nhã, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Tát-bà-nhã, sắc như tướng cho đến Nhất thiết chủng trí như tướng đều là một tướng chẳng hai chẳng khác. Vì nghĩa này gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu có thể là duyên chấp trước, quên lý mong cầu, như vang nhận tiếng như huyễn nghe pháp, đây thật có thể gọi là Bát-nhã Ba-la-mật.

Chỉ tụng chương đầu không biết điều khác, nghĩa trái truyền đăng, tâm chẳng nhận nước đâu thể tuyên miệng vàng ở điện tuệ, rải cam lồ nơi thành hương, thấm nhuần hạt giống ở ruộng tốt, phát mầm Bồ-đề, thí như nước ao Đường theo trăm sông vào biển lớn, như mắt con tiêu minh nhờ ngàn mặt trời mà sáng rỡ, đâu biết bờ kia là chỗ đậu lại, đâu

thấy đèn chiếu xa gần, nương đại chúng mà trồng gốc đức, vốn nương căn lực hành từ của Như Lai, nếu có nghi nạn mong hãy thù đáp. Còn có hỏi đáp khác là mười hai quyển, hỏi thăm được gốc ngọn cho nên văn kia càng thiếu.

CHÚA THƯỢNG LẠI VÌ KHAI MỞ GIẢNG DIỄN, NGÀY THAM DỰ, VÀ LỜI VUA ĐÁP

Thần, Cương nói: Xin nương xe giá đến chùa Đồng Thái khai đề kinh Kim Tự Bát-nhã Ba-la-mật, đèn tuệ soi quần mê, dẫn dắt nguồn xuất thế, trăm hoa đồng mát mẽ, muôn dòng đều về biển, chốn thuyết hiển khen nêu cõi đất thấm nhuần. Thân thần ngại đã đến mong duỗi đủ thiếu, cam lồ khắp giúp, người trời đều nhờ, sáng như việc ma riêng ở thân hèn mọn, rong ruổi hệ thuộc pháp luân, sâu riêng khắc trách, không nhậm hạ tình, cẩn phụng khải phụng nương, kính khải.

Xét lời thưa đầy đủ vì ông giảng kinh Kim Tự Bát-nhã Ba-la-mật-đa, phát đề mới xong, bốn chúng như mây hợp, Hoa Hạ hay Man-di đều nhóm, mưa luôn cả ngày rất lo bỏ việc, lúc cảnh vật sáng dần u hiển đều mừng. Trong thật tướng vốn không khứ lai, thân tuy không đến mà tâm đều nhóm, khéo tự điều dưỡng cẩn thận chớ lao nhọc, còn có hai tuần thường vẫn thiếu. Nay tuy khác hội sau chưa trễ, ta mới trở lại đài không còn sắc chỉ nhiều. Việt sắc.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 20

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 3)

HOÀNG THÁI TỬ CƯƠNG DÂNG BIỂU TỤNG ĐẠI PHÁP

Thần, Cương nói: "Thần nghe giáng chí lý mà mở rộng đức âm, thành công đến mà tụng ra tiếng, ở đây xét thần tước lớn khen ngợi cây, dừng việc ở khu giữa, mừng gọi tất cả, vẫn là tay múa chân đạp truyền cách mới đến. Huống gì đạo nêu ra trăm phi, nghĩa cao ba đời mà có thể giấu lời gác bút, ca vịnh không làm. Cúi xin Bệ hạ bày lý Diệu giác riêng tròn ở trên trời dưới đất nơi tam thiên đại thiên vận lòng từ vô duyên để giúp khắp ghe tuệ chẳng cách, sức pháp không hạn cuộc, thân ở nơi tôn cực giáng nói chí lý, mưa thấm không riêng tư ruộng tâm nhuận tươi thấm, do đây chín cõi chìm đắm biết nẻo quay về, vạn nước nằm mộng cùng lúc đều thức tỉnh. Việc tốt của Phật pháp, tốt đẹp của quốc gia, xét thượng cổ chưa có việc thạnh, làm nhã tụng không thể thiếu. Kính dâng một bài tụng Đại Pháp, Tào Phi theo phú của chinh, Lưu Đản dạo lời bàn thị, không hề loại xin gồm hổ thẹn sợ hãi, thật khôn xiết vui mừng, kính cẩn sai trạng chiếu Chung Khởi Bảo dâng biểu hiến tụng để xem. Thần Cương kính khải.

HOÀNG THÁI TỬ CƯƠNG DÂNG
BÀI TỤNG ĐẠI PHÁP VÀ LỜI TỰA

Hoàng đế vì pháp thân vắng lặng không bỏ bổn thệ, thần lực thị hiện giáng ở cõi này. Mặt của vua góc mặt trời, tham lậu quý con người, cân nhắc nêu bày nối văn châu làm đấu ngọc. Từ nhân lộc mở mang bờ cõi, đức trời đất đã mở, phong Đường bày dấu vết mặt trời mặt trăng soi sáng trước. Tựa trăm đạo là Thuấn, dẫn dắt chín sông đều là võ, còn mở mang việc ân lễ lại thì cong ở ruộng, tự năm sao mão sáng sớm bay báo điềm văn đỏ, kia mưa bảy ngày thọ điềm tốt sắc xanh Thần khí có chỗ quay về, đảnh vận nhóm đây Tiêu môn nhàm vua bỏ đức, vị thủy phát

trận cờ trắng, rồi sau nhận lệnh của Hoàng thiên, phải suy tìm vui bốn biển đâu rảnh cùng Si Vưu nơi sân bái, gá nước sông nơi Vương bá. Vào lúc phụng phụng (âm Phạm) cắt tựa, thương thương khác độ bèn soạn năm đá để giúp. Trục khôn nghiêng lệch nhóm nước phát nứt ra bèn sợi ngang chín tẩu mà thẳng đó, âm thố hai lớp, dương ô ba chân, bèn định nghiệp chúa để làm cho sáng rỡ.

Kết cất nhắc trái phương, Mạnh Tưu mất (năm) Kỷ bèn đặt thanh đài mà nói. Chỉ có mũ miện ở mình, kế nối bội hành đã hư hủy. Tự nương ghế ngọc nắm gương trời, mang Quỳnh Cơ mà chui ra, ở chóp núi mà sâu đen đã ba mươi hai năm. Do đây thiên đức một ở trên, địa số hai ở dưới, lại sáng rõ tham thìn, không dời mặt trời mặt trăng, hai diệu (mặt trời và mặt trăng) như ngọc hợp, năm sao như nối châu, hết lòng thành khẩn cúng tế trời đất, cung kính làm lễ ngũ tự, công giúp trăm thần, sông gò trình điềm lành, gió khói nêu hạnh phúc. Mây xanh ngàn lữ, khí vàng nêu ra cành, nghe oai phụng ở núi Du, chế tạo Trinh quân của Đại Hạ, ống dương kêu xuân, chuông yếu ứng luật. Khoá thượng lâm chẳng sơ, bói phủ tướng không lầm, Tần Lục Anh ở Nhã Thủy, Trương Hàm Trì ở Động Đình, Bỉnh Địch Động hòa nhạc trời, Kiến Hoa Tuyên tấu dị tục, Hiếp Luật có lời tựa phiếm phiếm, sách nhạc có ra tiết hùng hùng, sách thơ bèn bày sách vở đầy đủ. Bồ Luân nhận tụng phục sinh, Khoa Đẩu giới thiệu văn Lỗ Trạch. Bọn Lật Sát Thanh khắc ngọc ghi đá nhồi bên trong rộng, kỳ lân sáng rỡ gặp đài màng suy, sông pháp nương núi, dựng ty cây chức, nhóm mây lành lửa cao núi hang cũng cùng uốn khúc, màu xinh đẹp văn chương thiêu dệt, trồng can ngăn treo cao, lời răn không bỏ. Phổi đá thông oán sách chê cầu ván, tên cỏ chỉ nịnh lại vua bỏ triều, thú xưng chạm tội, gian đồng buông bỏ.

Do đó rồng liệng, phụng nhóm, sông dời biển đổi, sương rơi như mật, suối tuôn như nước ngọt, củi quế không chặt mà nồi đơn tự chín, đầm ngọc lớn tràn, vò bạc lại đầy, ánh sáng sông giống kiệu màu sắc cây thành xe, dày đặc chiếu bốn bên, sáng rỡ năm màu, thần minh lỗi lạc, hiện điềm lành rải ngọc, lân vàng mặt sắt, cống châu báu bích, giao thông đường biển, núi bậc thang sứ dâng vòng ngọc trắng chở mặt trời chở đấu đều đến vua. Thái bình quá mông không suy nghĩ chẳng ghi nhớ. Phương Thúc tôi của Thiệu Hổ, Quân là tướng của Ưng Cổ, nương chiến thuật bí mật của Long Hổ, nắm thao lược kỳ lạ của Châu Huyền, thọ giàu có trên miếu đường, dương oai dưới quan tắc, ra cửa ngọc mà thẳng đến, vượt thành vàng mà đi mau, mênh mang yêu hèn tạp chủng, cứu giúp lầm than ở Trung Nguyên, Bắc đến địa chấn, tây xuất thiên

cừ, Côn Di bỏ hoạn, Túc sa tự hàng phục được nai khuyển nhung, treo trống mật tu, Cảo Nhai có giặc thọ anh, Nặc Thủy xem đầu Thọ hành, bốn phương không bụi sáu hướng chung suốt, vua giáng đức, gió thái bình thấu suốt không ra ngoài.

Thiên tử trong thao lược trí tuệ vô sinh, ngoài ứng dấu vết rộng của thể đất trời, toan muốn đổi quyền giáo bày đạo thật, để nói phương tiện, dẫn dắt kẻ mê hóa thành, bèn điềm lành ỷ thần thở dài mà nói rằng: Nếu mờ xa mộng hoa, vui mừng tạm chán bỏ. Nhớ Tề Cung ở Huyền Hổ, tưởng đến trị ở Phần Dương, khinh cửu đảnh ở vèn quần áo, thấy muôn cổ xe như cởi giày, đây bởi chỉ bày yếu đạo chí công, chưa đến nơi xuất thế, đến tạng kim ngọc ở Xuyên Do, bỏ cầm sắc ở hang lớn. Thân hèn ăn rau hẹ, nhà tranh thềm đất, hình xe chẳng khéo, áo da nai chẳng trang sức, đây vì chỉ bày vật để nghiệm cũng chưa đến thềm xuất thế.

Mở cương, buông cầm, đào suối, che đậy mùi thum thủm, khởi đầm khấp cô, hành lòng từ quạt cảm nắng, đẩy niệm ngồi cỏ như không đủ, nhận tâm hào không quên ngủ đêm, bởi sở dĩ bày vật để làm nhân, cũng chưa đến thềm xuất thế. Phủ tím gò xanh núi kinh nước sông Chương, thành khẩn đạo văn Hà Thượng, mừng chương cú Kỳ Bá, Cam Tuyền mở đàn Thái nhất, núi Tung đặt thờ ấp cao. Bia đá khắc thệ tiễn môn, không hẹn làm bài ca giao môn, đây bởi chỉ ưa năm xưa, việc ở các người đôn đốc mà soạn luận càng có chưa rộng, dẫu được thiền của Sùng Tung trọn đọa nạn trường sinh, luống nương tựa vui ba thanh, không bỏ cảnh tám đảo, há như vậy đèn trí tuệ chiếu chỗ tối sinh tử, ra khỏi tụ năm ấm, lên ghe sáu độ, nổi biển đức chúng, đạp bờ không sinh. Vì vậy trang nghiêm cõi nước dựng lập đạo tràng rộng thực hành lợi ích, mở mang Phật sự, kéo chúng sinh kia đồng giúp nhân thọ, dẫn người còn bị ràng buộc đều vào Đại thừa. Chín cõi ngưỡng lòng, mười phương vang dội, như nương bến giúp đều nhờ quy y. Sáng chói như mặt trời buổi sáng, các hoa đều thấm nhờ, như nhà nông gặp mưa rào, cánh công đức đã tròn, cửa trí tuệ hẳn đủ. Vì kinh Bát-nhã là đại pháp Phương Đẳng, cao tột vang dội sâu xa không đáy, gom muôn điều lành ở vô tướng, triệu cửu gồm mà vô biên, thí như nhánh sông riêng dòng vào biển lớn lại đồng vị, các phương nhiều màu đến Tu-di chỉ một sắc, không không chẳng chấp như như đều hội, không hợp không tan không đến không đi, hạt giống giác sẽ sinh đầy biển Phật đây, các sách chẳng sánh kịp đây gọi là Kinh vương (đứng đầu các kinh). Bèn muốn tuôn xuống một trận mưa pháp, thị hiện năm mắt để dẫn dắt người mê muội

nặng, chiếu sáng kỷ tuế, rỗng không nhiệm mầu kế sao. Chuông giáp ứng ở trọng xuân ngày tốt năm Giáp thân muốn đến Đồng Thái chuyển đại pháp luân, chùa này là vua ta lập, tạm sửa đại lý thành chỗ già-lam, hóa dây thiếc làm ao vàng, biến lưỡi sắt thành hương, soi thần quang ở cát nóng, khởi mát mẽ nơi lửa cháy, ngàn mái chèo, trăm củng khung giáng, tường hồng, cột đen, rui hoa, thềm ngọc, ba cấp đều bày, bốn chú trùm khắp trên cánh ngọc mà xét trời, bay cột bạc mà che bóng, kéo dài cầu vồng, chén nương, mui rủ, nhiễu mái chèo, kéo sen lật giếng mạo chữ đến cửa sổ, hình hình tháp báu đã đồng tòa Pháp Hoa. Bỗng chốc nêu dài, lại đồng ý nước vui dưới đào hào bạc trắng, bên cạnh sáng trưng gạch bằng vàng mỏng, cửa cao mở rộng, không nhân trung sức ngựa đồng, điện báu mở rộng, không rảnh điềm lành phụng hoàng, kim luân sáng rỡ mặt trời, nhiệm mầu dưới đất Lâm Truy, đài lầu chồng chất, hơn bay lên hư không, khí trời nóng lạnh nhà vẫn mát ấm, đến trong lầu khắc chạm động mà sinh tiếng vang, trong cửa rỗng hạc về mà khí vọt lên, cờ bằng ma-ni, phướn treo dây vàng. Mâm chừng mười trượng, linh tròn bốn hộc duỗi cành giao bảy báu, chảy nước sạch tám công đức. Đất cỏ chi đợi mặt trăng, hoa trời ngược gió, đêm kêu trống pháp, trong tiếng nghe pháp. Cành Quỳnh sáng động trong thành âm thanh, diệu thuốc bày nơi cung đẹp từ giữa đến ngoài, cho nên lan can đồng dài ba trượng tiếng cười giếng cạn, lầu ngọc mười hai xa hổ thẹn thần tiên thì dụ như đài mát mẽ giống chùa Phù Lan Đài.

Đao-lợi chiếu vườn đông, Đế Thích trời đất Bắc cho nên tân, nhâm, quý, giáp miên man. Than ôi! Kia không thể hùng tráng, cao ngất mặt trời, vòng ngọc lừa lọc lẫn lộn, ở xa kia không thể gọi vì vậy mặt trời ngọc nêu tinh chất, bóng mây chắc đẹp, gió đen từ từ động đầm sương rủ xuống, sau cừ cất oai, trước cỏ tranh kính nêu, trường võ, sao nối, trống lớn tiếng vang, chở xe pháp ở Thiên cung, mở oai thần đường trời, trăm linh phò trì, ngàn xe sấm động. Sáu cầu đồng thương xót, bảy đấu sáng rỡ, mây trống xe không, câu bày nương giá xe, phát ra ánh sáng tiếp bóng mặt trời giúp trời xa, dù vàng kiệu ngọc, áo báu, trống rùa, ngựa ô mềm nhã, thiên mã nửa Hán. Cung xanh nỏ vàng, trang sức voi, vẽ chỉ cho cá, giúp bay, xét tiết không nhọc kiếm giao. Đạo quân hùng tráng của vua gắn lông thao, đâu nhờ bắn chim, lặng lặng, lẽ lẽ, cao vời rạng rỡ, ra ngoài cửa đại thông, Thiên tử giáng quỳ của xe khắc chạm, thực hành lễ tiếp chân, đầu lạy núi vàng, quy y mặt trăng như nghe tiếng muôn năm, như xem động sáu biến vì vậy bèn đấp y Như Lai lên tòa sư tử đều gồm nhiều trăm lo, thương xót hết lòng ba

lần thỉnh, mở tông sâu chân tuệ, rõ hoằng giáo độ kia. Hai đế hiện bốn có không, hai trí bao đáy quyền thật, Đại thừa rỗng suốt không ngại, đạo tâm rốt ráo về bờ, nhân quả tiếp nối không vận mà hành. Chân tục chờ cầu, chẳng động đến đây, không dùng hai pháp hội ở trung đạo, tận biển sâu Phật vào tạng Phật pháp, tột tu sách mầu nhiệm, nghiên cứu bí mật của Long cung, tuyên ý chỉ sâu xa của Ta-bà, mở lối vi diệu của các Thánh. Nước chánh đã thấm nạn tà tự dứt, mặt trời tuệ chiếu khắp, sương độc đều tiêu, trừ đen tối cho bốn loài idẹp vô minh của ba cõi, vòi vọi như núi Di-lâu nơi biển cả, xinh đẹp như các ngôi sao vây quanh mặt trăng. Bấy giờ trời rồng tám bộ đầy khắp cõi hư không nhóm y thành tòa rải hoa ngập gối, ba ngàn hóa chất cõi uế, nhà lửa có thời kỳ lìa khổ. Đường ác mong dứt, Nê Lê khắp nghỉ, bạn học đông đúc, danh Tăng đông vầy đều ưa nói như Thiên nữ Biện Tài, trí tuệ như Thân Tử, vượt mắt xanh răng đen, cao hơn gối vàng tóc đỏ, đều thẻ viết ân bình, đều thấm như lụa nhuộm. Như vàng được luyện như ngọc được khắc, nghe điều chưa từng nghe, được chứng điều chưa từng chứng, thơm lừng lay động sắc, thỉnh ích (hỏi thăm) không nhọc mệt. Trăm ty đều bày bỏ quan mà về đến nhau, báo beo cùng sáng rỡ, hoa cỏ tốt tươi, nghĩa là nhóm ở Xá-vệ giảng đại lâm không cho là quá. Toan khiến mỗi Phật tánh gặp liễu nhân mà đều xuất hiện, mỗi cõi Phật đều bỏ hai trừ ba, sánh ca với gió nam, từ trước Huỳnh Lão đến Tịch Ưng giảng Khổng, nhà ông bé nhỏ đâu đáng nói?

Đến ngày Giáp thìn tháng ba pháp tịch viên mãn Như Lai phát ra ánh sáng lớn, hiện việc ít có, hùng hùng nhổ sắc châu lửa chẳng phải đồng bạn. Con ngươi sáng rỡ đan tím tranh phát, sông Vinh hổ thẹn kia nhuần tươi đẹp, sông Phần xấu xa đen tối kia bóng sáng rỡ. Che mây tím vào điện, đoạt khí màu cửa lớn. Xưa Pháp Hoa ban đầu xướng bạch hào chiếu soi khắp rừng, bến Bát-nhã tuyên thông thân trọn cười. Thành Vương-xá điềm lành ngàn xe lại gặp, há chẳng phải Thánh chúa đồng chư Phật thân giáng diệu tướng này, đồng sức chư Phật khế hợp như thế, vẫn thưa lặng sâu khiêm tốn, rộng bẩm thọ chí thành, mà không chủ tể suy cư thì chớ ở, lấy tâm trăm họ làm tâm chẳng quan hệ các người, gánh vác không nhọc nhiếp thọ bốn loài. Hoàng Thái tử Thần Cương thấy bữa ăn ở chái Đông, thân nương đại pháp cho là Tây tuần, Đông đi săn tán tụng để hưng khởi, núi trông ghi ca ngâm đây làm huống gì đảnh khai mà nhận cam lộ cung thân mà nghe đạo, dám nói hình dung thạnh đức cho nên làm bài tụng:

Miếng ngọc du hoàng

Sử xanh nối dài
Đạo men năm thắng
Gió khác trăm vua
Gò buôn ngọc đẹp
Nước đẹp mở Huỳnh
Sông trong đợi Thánh
Biển yên hẹn vua
Trời mới đất thí
Công về có cầu
Rủ xuống mặt am
Khắc mình vách núi
Kiệu quyền nghĩa giáo
Cắt ra áo xiêm
Chín vận cách vang
Sáu nhạc sửa sang
Nghi phụng mềm mại
Đánh đá leng keng
Rộng tu Bích Thủy
Rộng mở Giao Dương
Xe nhỏ chở lễ
Cờ phách nêu bày
Lan đài lại giàu
Trong rộng đây cất
Thơm phức cỏ lan
Chữ lục truyền chương
Công văn đã giúp
Vết võ đây bày
Đầu khắc ức chạm
Lưỡi tím càng vàng
Ngỏ Nam thỉnh chất
Cửa Bắc vua đến
Cờ bay nhóm cánh
Tạc dấu vẽ chó
Xe bạc dẫn lối
Giờ đến hoang vắng
Văn đồng biển cả
Hóa khắp làng rồng
Hang trăng vượt Tây

Lần Đông phò tang
Loại vũ cung thấp
Mở lưới như sôi
Đường, nhà khác nhau
Đài sáng dẫn tốt
Cờ lành phất phới
Trống đánh thùng thùng
Muôn thẻ nhóm lại
Trăm thần mở bày
Hắc đơn thấm nhuần
Cỏ đó trải thơm
Châu nhớ tượng gương
Sao gồm sáng mừng
Hạc dưới ao nước
Phụng ở cây ngô
Gấu đỏ nhiễu sáng
Gà liệng sáng sớm
Xem ngọc Bá Hữu
Hỏi đạo Tây Vương
Daọ qua Kiến Mộc
Đi đến Thạnh Đường
Trọn chẳng chở ra
Há là cầu bến?
Ta có vô ngại
Cùng đến viên thường
Ngọc Loan từ động
Vòng vàng sáng rỡ
Cầu vồng giúp đỡ
Ngựa ký nhảy vọt
Hổ vằn lưu dấu
Rồng bay mở đường
Lan can bằng ngọc
Chiếu sáng cả trời
Cờ sáng mặt trời
Phụng xanh rạng đông
Bay trước đầm vuông
Sau ôm bờ cầu
Gió lay sấm quét

Sáng rỡ không đều
Vòi vọi tòa báu
Ngạt ngào hương thơm
Bạn bè học pháp
Trần sa tường vách
Mây từ thấm nhuần
Mưa pháp mát mẻ
Ba mật không hạn
Bốn biện khó lường
Giống biển báu này
Như núi ngọc kia
Dòng tuệ đồng giúp
Cây thuốc mở mang
Phật xuất hiện đời
Đồng dứt sương hoặc
Đế Thích ca vịnh
Thần minh khen ngợi
Hư không rải hoa
Nhạc trời tự trổi
Núi trùm bóng màu
Đất vào ánh sáng
Chẳng khói, hơi nhiễu
Đất nương mở phòng
Thấm khắp ba cõi
Ân đều tám phương
Nhà cao vòi vọi
Làm ghe làm thuyền
Thần Doãn cúi đầu
Muôn thọ không bờ.

TÂU THƯỢNG HOÀNG THÁI TỬ HUYỀN PHỐ MỞ GIẢNG TỤNG

Cương tâu trộm cho rằng nhạc thiếu thời vua Thuấn mới xướng linh nghi từ thời Thuấn, bày luật mới tuyên, gió tâm tranh mộng, cầm nhẹ lá ngắn còn biết ánh sáng, tấm điều lành tâm vui mừng đâu quên an ủi, cúi xin Điện hạ thể cao trán thông minh dưỡng tạo xuân cấm nhốt lồng văn Phố bắt cá sông Nghĩa, chú ý cung rồng nghiên cứu tâm ở bảo ấn. Mây nhóm sinh tài La-thập và mạng ứng thợ khéo vua, tham cứu

chia chẻ lý, vui vẻ chẳng mệt nhọc, hoa châu cảnh trăng chống cự đây quên bỏ, không giấu tiết chiều huyền diệu mạnh mẽ khí sáng, sương trúc che mát, gió ngô rải hoa. Từ dung nhan nói mềm nhã, thật hiểu trong thần, lưới nhẹ sống nhiều, may mắn thuộc đời dừng đây phết mộc lớp được đủ bàn phiên, mà ruồi dính chưa cứu, voi mê không buộc, mất báu say y, châu chìm trán nổi, được nghe điều lành thù thắng thà quên ca vịnh. Kính cẩn tâu Huyền Phố Viên giảng một bài tụng. Văn hổ thẹn sự thêu dệt, phát suy nghĩ thiếu điêu luyện, luống nhớ tâm hởn hở, hoàn toàn hổ thẹn văn vẻ gió mát, mạo muội trình tâu, theo sâu xuất mồ hôi, kính khải.

HOÀNG THÁI TỬ LỆNH ĐÁP

Được thơ và chế giảng tụng, đầu đuôi có thể xem đâu thành tác phẩm hay. Lời hay văn dứt, đã ôn hòa lại tao nhã, đâu thẳng văn vẻ rõ có ý, có thể gọi là cao vút không bày xem đó vòng xa. Cỏ bạc mây vàng đâu được vật màu đẹp. Ta ở đầu nguồn ý rất dùng vui thích gặp mặt đều không nói hết, gồm đáp.

HUYỀN PHỐ VIÊN GIẢNG TỤNG VÀ LỜI TỰA

Trộm cho núi báu cao tột, chân xấu chưa dòm, biển tuệ sóng xa, ghe nhẹ chống thiếu, cho nên xét cát loạn nhiệm mầu, cái chày mê hình. Trăm đời đồng tối, ngàn năm ai tấu.

Hoàng thượng nương ứng vòng vàng đều hợp gương ngọc, khoe khoang khổ tập, đèn từ tiếp tục chiếu rừng hạc trở lại mùa xuân, suối rồng lại sáng, nước đen vọt điềm lành, đơn lăng sấm nhanh. Ánh sáng thao lược, lửa giáo hóa, đức che danh nổi, ánh sáng trí tuệ như mặt trời soi chiếu, năng lực nhẫn nhục như hạt châu minh nguyệt, thành trời đất bằng, xa cung kính gần hòa thuận, đầm sâu không đáy, hóa hạnh chẳng ra ngoài, sông thương, gương xanh, biển biếc, gió mát, dừng khí lành ở hai thìn, thấy khói lành ở năm tiết. Vẫy cánh giúp hiểu đầm rộng, lê dân tấm lòng từ nhân thọ, vì vậy chánh hóa dần thông, bánh xe pháp thường chuyển, luống truyền cảnh không như thấm nhuần sông huyền, đức vua bày tượng màu, thể thấu suốt như ngọc Xuân Quỳnh, thấy bữa ăn nhàn chấp dạo tâm pháp mạnh, cầm ống nắm chương, xinh đẹp mềm mại, bàn luận rõ ràng, cũng so le ngọc chiếu, hạ mở hổ thẹn đức, châu tụng hổ thẹn gió bèn đối Huyền Phố Viên đậu nhóm tài hoa dứt tâm, và ra lệnh bày cõi tột bàn hằng ngày, giảng đạo suốt buổi, khách theo không tiếng, cỏ thơm động khí, bảy biện treo dònghai nhân đều mở, tình dạo

bờ kia, lý vừa ý Kỳ Viên, tháp linh sắp vọt hoa trời chợt rụng.

Bấy giờ, là giữa mùa thu cảnh đẹp trời quang rạng hơi lạnh cửa vàng, sương nổi quán ngọc, vườn này tinh vi hoa đẹp, đất tốt, nhà châu, thềm ngọc, nước ngọc bích cát bằng bạc, chim bay liệng ở tiếng quỳnh, cây tươi tốt với lá màu, nước vọt dòng, cỏ bồng núi vẽ hình trạng, sinh gió điện mặt trăng, mặt trời soi chiếu khói cây hòe, tạm mượn lưới sủng ái gấp bội bụi trần, đầu vào lầu báu, lén nhìn nhiệm mầu giản dị, bơi lội cùng rong rêu riêng sáng tâm linh, xin làm bài tụng rằng:

Hoàng nghi đến ngày
Vua nói xướng mây
Hóa thạnh vọng quanh
Đức lan thơm rộng
Cỏ nương tám giải
Đạp chiếu ba gò
Vòi vọi mênh mông
Muôn đời một vua
Lại lìa chiếu cảnh
Gọt ngọc rủ hoa
Bảy tịnh nêu đẹp
Ba lành khen tốt
Giáng mưa pháp này
Khắp thấm mầm sống
Lăn tăn nghĩa nước
Rạng rỡ văn hoa
Cỏ thơm mù mịt
Cung trời loại báu
Chẻ luận thầm không
Cỏ màu vào đạo
Nhà kín trong sạch
Lầu gác xinh đẹp
Trời sáng mây vàng
Gió lay cỏ bạc
Vai theo tiếp võ
Nắm bảo linh châu
Đều trở bốn phía
Và bày chín nẻo
Chăm sóc nhiều thiếu
Theo thờ ánh ngọc

Trọn như đá yến
Lại giống Tề Vu.

VÌ PHÁP SƯ LƯỢNG SOẠN LỜI TỰA SỚ KINH NIẾT-BÀN CỦA LƯƠNG VÕ ĐẾ

Chẳng nói thì nương đâu gởi lời, lời đã không nhọc nói, nhọc nói thì sẽ dứt lời, lời dứt thì các tranh chấp khởi, cho nên Như Lai nương bổn nguyện để gá sinh, hiện sức từ để ứng hóa, lìa văn tự để lập giáo, quên tâm tướng để thông đạo, muốn cho ngọc mân khác giá trị, kinh vị chia dòng. Chế ngự sáu vị giáo chủ ngoại đạo mà sửa ngay bốn chấp, lật ngược tám tà mà quy về một vị, bẻ sừng trí đời thường, chấm dứt miệng dị nhân, dẫn dắt tâm cầu châu, mở mắt nhìn tượng, cứu sự thiêu đốt trong nhà lửa, vớt chìm đắm ở sóng biển. Cho nên giáng mưa pháp và mầm giống càng tốt tươi, mặt trời tuệ lên thì đêm dài bừng sáng, phát tức giận của Ca-diếp, tuôn lời thành của chân thật, dẫu lại hai thí đồng ở trước năm đại bày ở sau. Ba mươi hai câu hỏi biện khác so le, phương tiện dẫn dắt đều tùy ý đáp, nêu cốt yếu luận kinh không ngoài hai đường. Phật tánh mở gốc kia có nguồn, Niết-bàn sáng là tông quy cực, chẳng phải nhân chẳng phải quả, không sinh khởi không tạo tác, nghĩa cao muôn thiện, sự dứt trăm phi, không không chẳng thể suy lường mé chân kia, nhiệm mầu không thể tột cửa mầu ấy, tự chẳng phải đức đồng bình đẳng tâm đáp vô sinh, tường vàng nhà ngọc đâu dễ gì vào?

BÀI TỰA LƯƠNG GIẢN VĂN ĐẾ PHÁP BẢO LIÊN BÍCH DO TƯƠNG ĐÔNG DƯƠNG DỊCH

Trộm cho là, xem nơi thiên văn, lý do mặt trời mặt trăng sáng rỡ, xem nhân văn là lý do lửa phát soi chiếu, huống chi ngọc hào soi chiếu ra ngoài người trời, vàng càng không hiểu sinh ngoài văn chương. Dẫu cảnh trí kín mờ lời lẽ dứt tuyệt, ca vị làm có thể lược bàn, bèn sách xứng lời nước sôi, bài bày lời mộng.

Xưa thì Vương ở nhà chốn kinh kỳ, nay thì vua nghiệp chỉ nêu công thí thiên hạ, ta tự nêu ra há cùng Diêu Khư Thạch Nữu thành Tiều huyện Ôn rước rồng ở hạ, Đường Đổ vào Chu mà thôi. Hoàng đế rủ áo phụ xiêm nói về phương chánh vị, xe sách chỗ hội giống, Nam đến Giao Chỉ gió mây thấm giúp, Tây lần dòng cát võ thật ngừng dáo, nương kiếm tuyên sống vui bày trị định giảm đàn cầm bao hy, tướng gồm hai lần tám biết gạn biết chương, toan xưng bốn lần bảy như sói như cọp, thà hầu dung thành dạo nhà xanh, rộng thành hội nhà đá, cho nên tông

tâm là quên tướng, về nương thường lạc. Xưa pháp cung Chuyển luân hộ Nam có điềm rồng vàng, Phạm vương thỉnh đạo triều Đông mở điềm lành bảo cái, tột cùng thiện mỹ, riêng cao Hoàng đại.

Xưa sở dĩ ra sư vào bảo, đông cánh thu kèn, thật để khắp tụng ấu xung dùng giúp đoan sĩ, Hán đầy kẻ chưa học lấy nương nghĩa chung. Đại truyền đó thì luận Mạnh Hầu, tiểu chỗ thì bàn ty nghiệp, núi sông quái lạ, hầu giao rước mà có thể biết. Sau màn trướng nói nhờ khai khẩn ruộng mà cầu nghiệp do nơi nay việc xưa thì không như vậy. Ta phò nghiệp vua hơn Tuyên Ni, đạo cao làm Khải Kinh, tiếng vượt Cơ Phát đâu nhờ tụng biện lan, thí như sự cao tột của hoành hoa như sóng cả vùng biển, hiển trung lập hiếu, tu hành, giảng đạo, rộng thí thượng nhân động nhỏ thành việc, trí xét gà múa, hào phân lấp kiến. Ban đầu lên quan rõ thử dùng công, đức thêm ba phụ oai hành chín dòng. Thầy trông coi hổ dựa tiết tháo vỏ ve mũ miện, bốn khanh chìm giúp, vật rước ân chia đều, Nghi, Đại, Cung, Mân dân nghĩ chính sách hậu lai. Trần Thương lưu giữ giáo hóa ngược cầu, Hoài Hải cao tiếng khăn mực. Oai lần cành vàng, hóa hạnh hang đỏ, Nam thông Thuấn ngọc, Bắc bình Nghiêu liễu, sáng tươi thông đường biển, chiều chàng ngưng bít. Thêm sáng điềm sáng trước, riêng đàn nguyên trinh, ân như gió xuân, tuệ như ngày đông, lấy đạo làm kiệu, buộc hiền thành xe, giáng ý vi biên, giữ thần khăn lụa, chấp nhận thuật buôn tính toán, vua ôm xạ phổ. Rùa Nam khác thuyết, ngựa Đông phú tạp, mặc cho dịch cơ, ham muốn môn pháp thức. Bài châm khởi đàn cầm, kiếm. Bài minh tự mâm chén, đều như ngón tay của bàn tay, xét sông Kinh, nói sông Vị, lại lấy phụng đẹp gió bay văn loan lửa sáng dọc. Nhỏ vào không luân, lớn gồm nguyên khí, vận điều luật cung tảo chấn đen vàng, đâu đợi lấy bờ, trước hỏi han nhã chủ, còn như vườn nai nghĩa sâu, cung rồng nói lời màu, mạng xa học đồ chính thân lên tòa giảng, câu là hiến chương, lời thành cách thức xưa lại cơm vua, thờ giúp Ngụy chủ, hỏi đáp bắt chước, đạo cao tấn lượng, như chuông treo ứng tiếng vang, như ngã tư đường đợi châm, đốc suất ông học theo người khác, người nghe xa nghe tiếng gió, là khiến vàng cứng bí mật pháp bảo sáng đêm mộng.

Không nhờ không mất hoa tư cảm đêm, tự chẳng dựng cầu tuệ, sáng gươm trí, huân hương giới, tấm nước định, đâu thể nhóm hư không bỗng gạn trải Hiền kiếp, mà hoàn toàn hiện lúa nếp, lụy hồi giấu càn che châu mà mới truyền, thêm do nhờ đại Tần chẳng phải thể tám thể, chữ triện của Khương Cư có khác lục giao, Nhị thừa mới tránh dụ ngựa truyền thỏ, một thể đồng quy, bỏ cả sùng tượng, nhuận lá thấm nhiều,

kiến tư nhóm bằng, vốn có ngưng xa liễu chánh nương nhau, dầu bàn nhờ tục không nhiếp đan ảnh, tức hậu tâm này trở lại dấu lửa ban đầu, đều tông xuất đảo, hoa sen mọc ở bùn lầy và từng nhóm họp, minh châu sáng nơi nhà cô gái nghèo, tánh tướng thường không, Bát-nhã không nói năm thời, không sinh phiền não, Niết-bàn là tông muôn đức, thảy đều châm chước tinh hoa kia tiếp ý chỉ cốt yếu kia, nhặt vảy đồi mồi bỏ lông chim thúy, thấm châu theo nước, cầm ngọc núi Côn, thường đến cửa đích sáng mở, thọ lụa vàng sớm nhóm, cá đèn tối sáng bầy Trần Ngô chiều hầu, đều ngước lên bẩm thọ pháp thần, thân nương ý chỉ thông minh, tích trượng xinh đẹp gọi là liên bích, liền ngậm châu mà phác họa được, ngọc bích cùng mặt trời mới mọc.

Do năm nay kế tiếp đề sao ở giám đức, Bách Pháp Minh Môn ở đây gồm đủ, ngàn vàng không lợi riêng cao sách đây, chung hai trăm hai mươi quyển gọi là Pháp Bảo Liên Bích. Dẫu chén ngọc nhiều lộ như dựa chắc, vàng điệp tạc cột nhà dường như nuốt mây mộng, liền tự phục máng sông Tây, tiếp quản nước Tây. Mười hội ngọc phụng, một vầng ánh sáng rồng, cây bút chưa động luống nhọc bói tựa thương. Xét xưa đầy khí văn tạm chế an quốc, cẩn sao soán tước vị bày các phương như dưới đây:

Sử Trì Tiết Bình Tây Tướng Quân, Thứ Sử Châu Kinh, Tương Tông Vương Dịch năm hai mươi bảy tuổi tự là Thế Thành.

Thị Trung Quốc Tử Sát Tửu, Nam Lan Lăng Tiêu Tử hiển, bốn mươi tám tuổi tự là Cảnh Sướng.

Tán Ky Thường Thị Ngự Sử Trung Thừa ở Bành Thành là Lưu Khái, năm mươi tám tuổi tự là Mậu Quán.

Tán Ky Thường Thị Bộ Binh Hiệu Úy Đông Quản Thị Nam Lang Na Vương Tuân, bốn mươi hai tuổi tự là Ngạn Viễn.

Thái Thú Quận Ngô Tiền Trung Thứ Sử Nam Lang Na Vương Quy, bốn mươi ba tuổi tự là Oai Minh.

Đô Quảng Thượng Thư Lãnh Hữu Quân Tướng Quân ở Bành Thành là Lưu Nhụ, năm mươi lăm tuổi tự là Hiếu Trĩ.

Thái Phủ Khanh Bộ Binh Hiệu Úy Hà Nam là Chử Cầu, sáu mươi ba tuổi tự là Trọng Bảo.

Trung Quân Trường Sử Tiền Trung Thứ tử Trần Quận Tạ Kiều, bốn mươi lăm tuổi tự là Quốc Mỹ.

Trung Thứ Tử ở Bành Thành là Lưu Tôn, bốn mươi bảy tuổi tự là Hiếu Lăng.

Trung Thứ Tử Nam Lang Na Vương Tử, bốn mươi lăm tuổi tự là

Nhụ Thông.

Tuyên Thành Vương Hữu Tiền Bộc Đông Hải Dư Giai, ba mươi hai tuổi tự là Ngạn Ung.

Tiền Ngự Sử Trung Thừa Hà Nam Chử Vân sáu mươi tuổi tự là Sĩ Dương.

Bắc Trung Lang Trưởng Sử Nam Lan Lăng Thái Thú Quận Trần là Viên Quân Chánh bốn mươi sáu tuổi tự là Thế Trung.

Trung Tán Đại Phu Kim Hoa Cung nhà quận Linh Ngô là Lục Tương, năm mươi bốn tuổi tự là Sư Khanh.

Trung Tán Đại Phu Lang Na Vương Tạ năm mươi lăm tuổi tự là Văn Hải.

Thái Thú Tân An, Tiền Gia Linh Đông Hải Dư Cầm, sáu mươi bốn tuổi tự là Sĩ Hội.

Tiền Thượng Thư Tả Thừa Bái Quốc Lưu Hiển năm mươi ba tuổi tự là Tự Phương.

Trung Thư Thị Lang Nam Lan Lăng Túc Cơ, bốn mươi bốn tuổi tự là Đức Huyền.

Vân Huy Trường Sử, Thái Thú Tầm Dương, Tiền Bộc Kinh Triệu Vi Lăng năm mươi lăm tuổi tự là Oai Trực.

Bác sĩ Tiền Quốc Tử là Phạm Dương Trương Oản bốn mươi ba tuổi tự là Hiếu Khanh.

Khinh Xa Trường Sử Nam Lan Lăng Túc Tử Phạm bốn mươi chín tuổi tự là Cảnh Tắc.

Thứ Tử Quận Ngộ là Lục Tráo bốn mươi tám tuổi tự là Đổng Nguyên.

Thứ Tử Nam Lan Lăng Túc Trấn bốn mươi tuổi tự là Văn Dung.

Bí thư Thừa Tiền Trung Xá Nhân Nam Lang Na Vương Hứa hai mươi lăm tuổi tự là Ấu Nhân.

Thành Tuyên, Vương Văn Học Nam Lang Na Vương Huấn hai mươi lăm tuổi tự là Hoài Phạm.

Tiễn Mã Quyền Kiêm Thái Chu Khanh ở Bành Thành là Lưu Hiếu Nghi bốn mươi chín tuổi tự là Hiếu Nghi.

Tẩy Mã Quận Trần Tạ Hi hai mươi tuổi, tự là Hưu Độ.

Trung Quân Lục Tiền Tẩy Mã ở Bành Thành là Lưu Uẩn ba mươi ba tuổi tự là Hoài Phương.

Tiền Tẩy Mã Quận Ngô, Trương Hiếu Tổng bốn mươi hai tuổi tự là Hiếu Tổng.

Châu Nam Dư, Trị Trung Nam Lan Lăng Túc Tử Khai bốn mươi

bốn tuổi tự là Cảnh Phát.

Bình Tây Trung Lục Sự Tham Quân Điển Thơ Thông Sự Xá Nhân Quận Ngô là Hữu Kiên Ngô bốn mươi tám tuổi, tự là Tử Thận An.

Bắc Trung Ký Thất Tham Quân Dĩnh Xuyên Dữu Trọng Dung năm mươi bảy tuổi, tự là Trọng Dung.

Tuyên Tuệ Ký Thất Tham Quân Nam Lan Lăng Túc Bàng ba mươi hai tuổi, tự là Hy Truyền.

Xá Nhân Nam Lan Lăng Túc Thanh hai mươi bảy tuổi tự là Nguyên Chuyên.

Tuyên Tuệ Chúa Bạc Tiền Xá Nhân Quận Trần là Tạ Hổ hai mươi lăm tuổi, tự là Mậu Phạm.

Thượng Thư Đô Quản Lang Quận Trần là Ân Khuyến ba mươi tuổi tự là Hoằng Thiện.

An Bắc Ngoại Binh Tham Quân ở Bành Thành là Lưu Hiếu Oai ba mươi chín tuổi tự là Hiếu Oai.

Tiền Thượng Thư, Điện Trung Lang Nam Lan Lăng Túc Khải hai mươi chín tuổi tự là Nguyên Tài.

TỰA THÀNH THẬT LUẬN NGHĨA SỚ CỦA PHÁP SƯ TRANG NGHIÊM MÂN, LƯƠNG HOÀNG THÁI TỬ CƯƠNG

Sự nương văn từ, lý thông khí tượng, người thiệp đó còn mê, người cầu đó đều thất bại. Vì vậy hỏi kinh màu với Dương Tử, lại nói rằng: Không học tập. Tần Cổ Lạc ở Văn Hầu, còn xưng thì ngủ, niên đại hiệu Thanh Đài, bài Thọ Vương không kín, khí hiện đẩu ngưu, đất Nam Xương đều sai trái huống chi thâm thúy của cửa tuệ, người vào vốn đã ít, sóng ngói biển pháp người bơi thuyền chưa dễ. Tự khiến sông ái hỗn lộn, ma trần lăng xăng, vằng vặc sương độc, trụi trọc cây khổ, mầm lúa ruộng tốt không nở ra, sắc màu hoa ý phát lớn, lầu vô, thường xen khởi, lửa nhà tối không sáng, vì vậy ăn mật, sứt mẻ bả đều là luận quý lạ. Đem trâu nằm gai, tranh khởi tông tà.

Từ khi mặt trời Phật nhóm hợp không, chánh dòng rửa dơ, tay bưng bốn bát. Bắt đầu giáo pháp ở Lộc Uyển, thân nằm ở Song Lâm, trọn nơi nói tượng dụ, hàm sinh phí đồng. Nghĩa mở đóng do cơ, cảm nhận khác nhau, lời cạn sâu đều khác, nơi nơi rải lời vốn ứng căn duyên, có không thứ lớp đều tùy quần phẩm. Kim quan đã vậy, than chiên-đàn không theo, ao sữa lại cạn, tro lụa trắng đã hết, Ca-diếp nhập định vui mừng trí diệt. Báo cuối đất đãxong, thân Ưu-ba lại tạ, vì vậy năm bộ rộng lưu hành, tám càn khởi chấp, tìm nguồn đã khác, chấp trước rất

sai. Bốn tướng chính là dao vô thường, ba nhóm là chất nhà khổ, tập tục không dứt gọi là tập đế, vô vi có thể giới nhưng có thể cầu, đẳng trí có thể dứt La-hán vẫn thoái lui, đâu chỉ khác ngàn dặm nghĩa khởi nơi mảy may. Sách ba thỉ lầm thẻ sử Tấn, Bắc Viên đến Dĩnh ngọn cây hoa sen, thí như ở Phục Tử Luận, Khâu chẳng biết lợi hại, keo trụ đàn sắc nóng mát không thay đổi.

Từ sau khi Phật nhập diệt hơn tám trăm năm ở nước Trung Thiên Trúc có Bà-la-môn tên là Ha-lê-bạt-ma, đời Lương gọi là Sư Tử Cảo, bốn bộ Vệ-đà ở nhà đã học xong, ba phẩm tuệ tạng vào đạo càng thông, thờ Sa-môn Đạt-ma làm thầy, sự đều ngược mở, vì vậy lời than nhỏ đã dứt, tổn thương gió dữ chẳng rung, lời chống cự động luận, do châu tía làm đầu, phát y nhả lời hẳn kinh vị do mình. Vì vậy nêu bày lãnh hội bàn bạc khác đầu mối, cắt bỏ sự phù phiếm khó hiểu, tìm tòi thâu lượm tính chất trinh nguyên thật thà, tạo trăm có hai phẩm để soạn luận này. Thành thì y cứ văn thật thì rõ lý, nêu thành là đối hoại, gọi thật là bày dối, muốn cho hai đường Tỳ-đàm, ngoại đạo đều bỏ. Như Lai là luận chủ hai lý gồm khởi như Long Thọ, Mã Minh dừng nơm đại giáo, Chiên-diên Pháp Thắng bó buộc Tiểu thừa, gồm mà chung đó không vượt thuyết này, cho nên vua của Hoa Thị ở đây đầu đội, ngoại đạo Lâu Khư cứng lưỡi không nói ra lời. Trăm dòng khác chỗ xuất phát mà đồng về một biển, muôn nghĩa chi phân gồm nơi thành thật, đâu chỉ bụng trống Niết-bàn, cờ xí chẳng loạn vết, gà kêu chân đế tán tinh che màu, nhiều năm lại ít anh tài.

Đại Lương ta sáng mở vận đồ, đức của Hoàng đế bao gồm trời đất, lòng nhân sinh trưởng xuân hạ, do bổn thệ nguyện thống lãnh giáo hóa cõi này, phạm luân thường chuyển, Tam bảo hiện tiền, cam lồ bèn tuyên bốn bộ không nhàm, có Pháp sư Trang Nghiêm Mân cánh nghi loan phụng, gánh mang quang ảnh, sâu dùng thông chí, thần dùng biết đến, dấu kia đồng phàm, nguồn kia chớ suy lường, cho nên dùng tâm bao gồm bốn nhẫn, hạnh trùm ba không, tuệ sánh Văn Thù huyền như Thiện Kiết, tổng trì bằng Đức A-nan, ưa nói có công Phú La. Suy nghĩ vua ta dựng mâu chánh pháp, mở mang luận này, đại thạnh ở kinh đô, gánh hòm lướt nhanh, ôm chì đến xa, không nhọc thế quan quân, tự rước vệ khách, vốn có đức hoa âm người về thành thị, nghĩ nghi Xá-vệ khởi đến sông Tứ sông Thù, cửa Tây tự hổ thẹn, cung nam không tranh chùa Tương Cung, Trí Thiến Công bút trát, không khác báo pháp phương của An Thạch, nhiệm mầu của Thanh Biện đâu chỉ chiết phục Tử Hiến của Đạo Lâm. Phàm như ngàn quyển soạn thành một bộ, Pháp sư rất hổ

thẹn sâu truyền dặn dò nhau, há thẳng quên Điền Sinh nằm riêng, tay đáp trả, học Mã Công mới do họ Trịnh mà bày nghĩa ấy.

TỰA TẬP BIA CHÉP NỘI ĐIỂN của LƯƠNG NGUYÊN ĐẾ

Pháp tánh vắng lặng, chỗ tâm hành dứt, cảm mà bèn thông, tùy phương dẫn dắt, cho nên vườn hạc khéo dắt dẫn, nơi Mã Uyển rộng tuyên, rừng trắng toan tạ từ, cây xanh đã chia biệt. Đây tuyên lá vàng mới gởi thân bạc. Từ thời tượng giáo, về phương Đông hành hóa nước nam, chúa Ngô chí thành trải qua bảy tầng trời mà sáng rỡ, vua Tấn vẽ tượng trải qua năm vua mà càng mới. Kế nói Hiếu Bá Gia khách khéo độ mấy người đây cũng một đời danh nhân, hoặc tu lý chỉ ở Già-lam, hoặc quy tâm tột nơi bàn luận, chép bài tụng để xưng cùng ông mà thôi. Giở văn chất vấn nhau rộng ước thấm nhuần, ta nghe lời này mà chưa thấy người kia. Ban Cố học rộng còn nói rằng: tán tụng giống nhau, Lục Cơ sâu dẫn còn nghe bi, phú như một, chỉ có Bá Giai soạn bài minh lâm tông không hổ thẹn, đức cổ có thể tụng, vốn thường khéo vẽ. Thạnh nhất thời chớ được gót chân, huống chi Bát-nhã sâu mầu, chân như bí mật, chạm lời thành lụy, hệ cảnh chẳng phải chân, vàng đá đâu có sách, minh tụng ai mở mang, nhưng xây tháp ghi công chiêu đề lập chùa, hoặc khởi tạo có lý do, hoặc thệ nguyện chỗ ghi, cho nên khắc vào đá đen truyền xa không hư mục, cũng có người dứt tâm ứng cúng này gọi là tang môn, hoặc cho là đãy trí, hoặc gọi là ấn thủ, tòa cao đàn danh dự tòa Doãn Sư, Đạo Lâm thấy trọng thêm tòa rồng bay, hiền của gò núi Nga Mi, triết của Nghiệp Trung Uyển Đặng rõ thay sử sách có thể được tường tận, cho nên bia văn khởi ở đây.

Thế đời thay đổi lý văn luận chẳng phải một, thời sự đổi dời thể của lời dặn đều khác. Nhưng nhiều thì thương yếu, suất thì hận xét, giữ hoa thì mất thể, theo thật thì không vị, hoặc dẫn sự tuy rộng ý kia vẫn đồng, hoặc ý mới dẫu lạ không chỗ hẹn dựa, hoặc đầu đuôi luân thiếp sự dường như kéo lôi thì khóa, hoặc trước sau rộng hợp thể chế không cần nhân công, có thể khiến xinh đẹp mà không hoa, chất mà không trồng, rộng mà không nhiều, ít mà không suất, văn mà có chất, ước mà được thấm nhuần. Sự theo ý chuyển, lý theo lời sâu, đã gọi là tinh hoa không do ở giữa. Ông lúc nhỏ ưa khắc vẽ trùng, lớn lên càng dốc lòng, để tâm vào kinh Phật, để mắt ở rừng lời, đầu thường tìm tòi có lòng thuật, thí như biển pháp không từ bỏ sóng mòi, cũng giống như núi Tu-di đồng về một sắc. Cho nên bất luận cao thấp, chỉ có thể cùng nhau, nếu có chỗ chưa rõ thì đều tùy theo đó mà làm cho đầy đủ, gọi là bia chép

tập lâm nội điển gồm có ba mươi quyển, ngõ hầu giúp kẻ quân tử sau này đều được xem thấy.

BÀI TỰA THIỀN LÂM DIỆU KÝ TIỀN TẬP

Thích Huyền Tắc trụ chùa Tây Minh ở Kinh đô.

Tất cả chư Phật đều có ba thân:

1- Pháp thân: là viên tâm đã chứng.

2- Báo thân: là chỗ cảm muôn điều lành.

3- Hóa thân: là tùy duyên mà hiện.

Nay Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, pháp thân đã chứng từ lâu, báo thân đã thành từ lâu, nay xuất hiện là hóa thân. Nghĩa là ở thời quá khứ Phật Thích-ca đã phát tâm Bồ-đề nguyện đồng hiệu kia, cho nên nay thành Phật cũng hiệu là Thích-ca. Ba vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát, trong mỗi kiếp kính thờ vô lượng Phật, trong đó tiếp tục gặp Như Lai Định Quang, dùng tóc trải bùn, hoa vàng dâng lên, mong được thọ ký được vô sinh nhẫn, nhưng tất cả Phật khi sắp thành Phật phải trải qua trăm kiếp tu nghiệp tướng tốt. Đức Thích-ca phát tâm sau Đức Di-lặc. Do gặp Như Lai Phất Sa bảy ngày kiểng chân lên mới làm kệ khen ngợi mới vượt qua chín kiếp thành đạo trước Đức Di-lặc, khi sắp thành Phật, sinh lên trời Đâu-suất, hiệu là Bồ-tát Phổ Minh, khi tuổi thọ cõi trời kia hết mới hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, hiện cỡi voi trắng vào hông phải của mẹ, người mẹ là Ma-da nằm mộng thấy voi trắng, Phạm tiên bói rằng: "Nếu mộng thấy mặt trời mặt trăng thì sẽ sinh quốc vương, nếu mộng thấy voi trắng thì sẽ sinh con là bậc Thánh". Người mẹ từ đó điều tịnh an nhiên thư thái, từ biện ngày càng lạ.

Bồ-tát khi mới sinh trời đất chấn động, thân sắc vàng tím, có ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, ánh sáng chiếu xa một tầm. Khi sinh ra ở bốn phương mỗi phương đều đi bảy bước, vì hàng phục Ma vương, Phạm thiên nên nói lời thành thật: "Trên trời dưới đất chỉ có ta là độc tôn", ẵm vào miếu thờ trời, tượng trời đều đứng dậy, tiên A-tư-đà chấp tay khen rằng: "Tướng tốt rõ ràng, chắc chắn làm pháp vương", tự buồn mình sẽ chết không được gặp Phật, đây là Thái tử của vua Tịnh Phạn, tự là Tất-đạt-đa, ông nội là Sư Tử Giáp, cha tên Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da đời đời làm Luân vương, họ là Cù-đàm. Lại do hay thờ họ riêng là Thích-ca. Các y thuật nghề nghiệp không cần học tự nhiên đều lãnh ngộ, tuy ở năm dục mà không thọ dục trần (bụi năm dục). Dạo ở bốn cửa thành gặp cảnh già, bịnh, chết và một Sa-môn, về lại trong cung rất sinh nhàm chán xa lìa. Bỗng vào lúc nửa đêm, thiên thần nâng chân

ngựa báu vượt thành xuất gia. Khổ hạnh sáu năm biết chẳng phải đạo, liền nương chánh quán để chứng Bồ-đề.

Lúc này có cô gái chăn bò, chưng sữa làm cháo, cháo kia sôi vọt lên, mục nữ kinh lạ đem dâng Bồ-tát, Bồ-tát thọ ăn rồi khí lực đầy đủ, bèn xuống sông tắm rửa. Khi sắp lên bờ, cây tự rủ cành che trên Bồ-tát. Bồ-tát từ đây nhận cỏ cát tường, ngồi dưới cây Bồ-đề, ác ma thấy rồi sinh tâm sân não rằng: "Người này muốn làm trống rỗng thế giới của ta", liền dẫn quyến thuộc mười tám ức vạn, đem các dụng cụ tra khảo khổ sở đến uy hiếp Bồ-tát, muốn cho sinh khởi thọ vui ngũ dục lại sai ba Thiên nữ Diệu Ý đến mê hoặc Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát nhập định Thánh ý từ, sinh tâm thương xót, quân ma tự nhiên bỏ chạy tán loạn, ba thiên nữ Diệu Ý hóa thành quỷ gầy ốm.

Đến ngày mồng tám tháng hai khi minh tướng xuất hiện liền thành Chánh giác. Đã thành Phật rồi quán sát căn cơ chúng sinh, biết kia ưa tiểu chưa có khả năng nhận lãnh đại pháp, liền đến nước Ba-la-nại độ năm anh em Kiều-trần-như, chuyển xe pháp Tứ đế, đây là lần đầu tiên Tam bảo xuất hiện.

Sau nói pháp độ người vô số, nhóm các Đại Bồ-tát, bàn về vô tướng sâu xa, thị hiện năng lực thần thông, văn kinh có chép đủ. Lại có một thời lên cõi trời Đao-lợi trong chín tuần (ba tháng) an cư nói pháp để độ mẹ. Bấy giờ vua nước Ưu-điền và vua Ba-tư-nặc kính nhớ Đức Phật, khắc chiên-đàn và dùng lụa để vẽ hình Phật. Sau khi Phật từ trời Đao-lợi trở về các hình tượng kia đều đứng tránh một bên, Phật xoa đảnh tượng nói rằng: "Ở đời sau ông sẽ làm Phật sự." Tượng Phật bắt nguồn từ đây".

Khi duyên giáo hóa sắp xong, tín đồ biếng nhác, Phật liền bảo đại chúng: "Ba tháng sau ta sẽ nhập Niết-bàn", lại ghi việc sau như kinh có nói đủ. Nhưng thân thật của Như Lai thường còn không mất, cho nên kinh Pháp Hoa chép: "Thường ở núi Linh Thứu và các chỗ khác". Nay sinh diệt là Phật hóa thân vì muốn dắt dẫn, hiện đồng loại với chúng sinh, cho nên thọ sinh. Lại muốn khiến cho biết hữu vi quyết thay đổi cho nên thị hiện diệt độ. Lại khi căn cơ chúng sinh thuần thục cho nên hiện sinh, cảm hết chúng sinh cho nên hiện diệt. Sau khi Phật Niết-bàn người trời cúng dường xây dựng các tháp báu. Lại Đại Ca-diếp triệu tập ngàn vị La-hán kiết tập pháp tạng, A-nan từ tòa tu mà vào, tụng kinh Phật nói không sót một chữ, như nước đựng trong bình này rót qua bình khác. Hơn một trăm năm sau có vua Thiết Luân tự là A-thâu-kha cũng

gọi là A-dục, sai khiến quỷ thần trong một ngày ở trên cõi trời và chốn nhân gian tạo được tám muôn bốn ngàn bảo tháp xá-lợi, di vật, y, bát, gậy v.v... của Phật, và các xá-lợi thần biến chẳng phải một. Đến thời Hán Minh Đế cảm mộng thấy người vàng thân cao trượng sáu, giống như hình dáng Đức Thích-ca. Lại chúa nhà Ngô là Tôn Quyền đốt và giã xá-lợi vẫn không hư hoại, cho đến Phù Giang tượng đá điềm lành ở biển cả, năng lực thầm của Bát-nhã, nghiệm chứng bí mật của Quán Âm, có riêng ghi đầy đủ, việc rườm rà nên không chép.

BÀI TỰA THIỀN LÂM DIỆU KÝ HẬU TẬP

Của Thích Huyền Tắc chùa Tây minh ở kinh đô.

Trộm nghe tượng chia bao quải khắc khen đức của thần minh, dụ mở ruộng ky, chép bày cung kính luân thường, từ đây người được hàng phục rất nhiều, đâu không là ngọc tuyền mà càng sáng, nhận vàng khuê mà cao giá, huống chi chân thừa thượng trị bến bờ vạn hữu để khởi lời. Viên âm bí mật nhắc nhở trăm sinh linh mà tuyên bày ý chỉ, soi suốt kẻ mê đều ở cảnh đẹp, thanh thần sánh nơi cam lồ, tự chẳng phải sáu ngọc anh đạp ngôi bốn luân bay đức, đâu thể tìm xét dấu vết đến chân nghiên cứu các cơ nhiệm mầu. Phải biết tươi tốt đối với đạo, giáo kia Khổng tu, xương nơi nghiệp văn kia Y Doãn sáng rỡ.

Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ, theo giúp soạn biên cực Thánh kính ngưng tua mũ, mười điều lành nêu nhân từ, hóa nhu nhuyến bày sự mềm mại, bốn đẳng điều tục, gió cao trước Tư Toại, vẫn lại khuôn phép cao mầu mà truyền lời, rong rêu thường nguồn mà soi xét, mưa rơi tầm tả nhơ dây thừng, giữ suy nghĩ cấp vườn bèn dùng các vật khéo thân ở ý chỉ thông minh, chánh danh giữ điều lành đều tốt đẹp, Tăng đồng gánh vác ân đức thí, khép kín đầm nối thạnh, ban đầu rút lại gọi đến chép cẩn thận trong áo.

Lại do ý chỉ bậc Thánh khó gặp ít có, bến huyền ít liên quan, suy nghĩ hư không sánh với ống dòm, chưa mở hỗn độn, là nhờ trời đất khí tượng võng kia được như, Lan Đài Thái Sử gồm Tả thị tột ứng huyện Sơn mở nước hầu kia, toan soi xét luống mệt nhọc, xem coi không dính mắc chướng ngại, bèn cùng nhau nêu hoa tươi rừng thứ, mau đến núi Kiểu Kỳ, tìm tòi chỗ khác lạ của tám tạng, khống chế linh dịch của ba điểm, dùng thành một bộ chia làm mười quyển, giảo chánh tinh chỉ kia, sự tuyệt xưng lời. Nhưng do biển giáo đã xung, cửa pháp còn rộng, dầu ý chỉ cốt yếu nhiệm mầu đã đủ trước tu mà rộng xem văn trọn giúp chép riêng. Trộm cho là người lên núi gai suy nghĩ có hiến dâng nơi thành

liên, dạo đến sở nguyện cống nạp ở Bảo Quỷ. Huống chi cung rồng thanh nhàn bảo chiếu xán lạn ở ruộng tình, nơi Lộc uyển để lại cỏ thơm ở Tự Diệp, nếu có tâm hòa nhã ai quên tiến cử. Thêm do hoặc hóa có tu rõ phép tắc ở dặn dò, quán vuông mở chọn lọc thì Lâm Lang đều chói rực, phát họa khu vực riêng thì hoa lan hoa cúc tự chia, có dẫn đến đây thí như ngòi rảnh của biển Đông, đều chảy về chỗ thích ứng, giống như cung bậc của kèn Nam.

Do nghĩa thuộc nhau có đến mười phương, chương thượng hạ thành hai mươi quyển, kinh xét hơn một ngàn năm trăm trục, nghĩa bày hơn ba trăm sáu mươi điều. Chỗ dẫn mười chương liền thành bốn lệ, ban đầu và thứ hai là lập cảnh chân tục, kế thứ ba gồm rõ lý do tịnh nhiễm, trong thứ tư chỉ là đường tu chứng. Hai thứ sau là rủ phép tắc dắt dẫn, nối nhau bày điều lệ nhiều mục, noi theo đại nghĩa sáng rỡ lời chí lý quên đọa lạc, trong chớp mắt mở bày ngàn môn, lảng phí gồm cả trăm đường vòng, đồng hiểu điều ghi chép ở trước, châu thành không thứ lớp mà ngay thẳng lỗi lạc. Xuân tươi tốt tô vẽ lụa thiết nghĩ chẳng phải thợ mà đều hoàn mỹ, là do soi xét khéo khế hợp sâu, cho nên khiến ý chỉ sâu xa thầm quay về, kia không rối ren có chỗ nương tựa.

Nhưng đầu một sợi lông có thể biết màu chim phụng, cho nên ghi chép chưa nhiều, cùng bay không đáng cái khánh Châu Phù, cho nên những nét đẹp khác khó tột. Đã hạn cuộc lời dạy từ kim khẩu (Phật) bởi không chê ngọc vụn, khắc gọt lời hỏi kia, hào phóng rộng rãi châm chước lấy bỏ, sợ để lại sai lầm ngàn dặm, thường xét theo nơi ba phục. Bí mật đến ngày 17 tháng 05, niên hiệu Long Sóc năm thứ ba mới dâng luân ngôn. Đến nay ngày mồng bốn tháng năm hiệu Lân Đức năm đầu, trước sau hai bộ sử xanh đều đủ, trước thì gón gọn mà có thể thông suốt, sau thì rộng mà không lẫn lộn, ngõ hầu có thể chấn giữ giềng mối của đạo Phật, gồm dựng cốt yếu của pháp môn, mở do dự dứt tâm, đủ vườn linh của đa văn. Cúi mong thượng vị đề hồ hằng rót vào trong thần, minh châu Bát-nhã hằng sáng trí thông minh, văn này không trụy đọa, tông chân và mặt trời mặt trăng đều cách xa, phước này không bờ mé, ngôi báu toan hư hoại vòm trời, đều phải nói là đúng.

Tổng mục của Thiền Lâm Diệu Ký Hậu Tập gồm có mười chương:

1- Chân tánh.
2- Giả duyên.
3- Lưu nhiễm.
4- Tiết tịnh.

5- Quán môn.
6- Hành pháp.
7- Thừa vị.
8- Cực quả.
9- Giáo lực.
10- Hóa công.
Mỗi chương trên đây gồm nhiều pháp tụ.

LỜI TỰA PHÁP UYỂN CHÂU LÂM CỦA LÝ NGHIỄM

Từ sáu hào khởi tám quái thành liệt, bút có đường vẽ khế hợp soi chiếu sách dạy dỗ, khắc phụng vẽ giản vàng chữ ngọc, trăm nhà khác vết, muôn quyển chia phân, dẫu lý rốt ráo tinh vi, lời hết sức là phép tắc của vật, mà kỷ tình bao gồm tánh chưa ra khỏi hoàn trung, từ đầu đến cuối bao gồm ngoài tục, cũng có thuyết tạng sử, lời bàn viên quang lại kinh báo nỗi lâu dài, nệm gấm rối rắm quái lạ, đồng chạm trổ nước mà không thành, như vẽ hư không mà chẳng thật, cùng diệu chỉ xỏ hoa, viết lời mầu trên lá bối. Sự rộng lớn của Nhị thừa, bí mật của tám tạng, tranh sự cạn sâu, xét chỗ hơn kém cũng giống như con kiến sánh với sự cao lớn của núi Tung Hoa, như vũng nước trâu nằm mà sánh với Hán Giang, nghĩa kia bày rõ, phép tắc ẩn kín, môn giải thoát chất chứa tổng trì, mé trước mé sau đều khế hợp chân như, sơ tâm mạt tâm đều quy về Chánh giác, dẫn dắt chúng sinh mê mờ ở biển dục, tình trần chung lòng cấu đồng tiêu. Dẫn cùng tử về nhà cha lành, áo báu cùng châu trong búi tóc đều đến. Giáo hóa vượt qua cảnh hằng sa, công giúp kiếp vi trần, thật to lớn thay! Không thể nào xưng kể được.

Đến lúc mưa nhỏ khắp đeo mặt trời thông Hán, con rùa yên lặng bước bên Tây, trúc lan dạo mé đông. Lời kim khẩu (Phật) ý chỉ đài báu, đầy lụa mịn nhóm mạ giúp cõi trung mà cuốn trục phiền nhiều điều dòng sâu rộng, thật tướng nguồn chân khó rõ ràng. Khi vua Đường của ta tạo vật. Thánh thượng đến, giáo mầu được nói, tín đồ đầy đủ, truyền sáng, chép dịch, chiếu thấm cõi nước Phạm vang tụng âm xướng cổ họng được thông. Rộng nói đầy đủ, chỉ dụ khó tột, có Pháp sư Đạo Thế là bậc Đại đức ở Tây Minh tự là Huyền Uẩn, là lãnh tụ trong đạo Phật, lúc nhỏ ở Tụ Sa, khi cạo tóc xuất gia, ngài Từ Ân tiếp độ giúp cho đăng đàn thọ giới Cụ túc, giới phẩm tròn sáng cũng đồng như Tỳ-kheo hộ mạng con ngỗng nuốt hạt châu, hiểu rõ luật nghi tùy theo gương soi mà đồng vui mừng, kính mến Đại thừa rõ suốt thật tướng, chiêu mộ anh tài ở Tây Minh, bèn được hơn năm bộ, lúc rảnh xem khắp ba tạng kinh, cho

là niên đại xưa nay chế tác nhiều người, dẫn đến lời hay hòa nhã không đủ ghi rộng, cho nên kéo tinh hoa của vườn văn, hội Chiêm bặc của đại nghĩa để giống biên chép gọi là Pháp Uyển Châu Lâm, gồm trăm bài chia thành mười pho, nghĩa đầy đủ, văn dón gọn, cái khuy rộng yếu của họ Ngu, dấu vết gương nói đạo, rộng rõ sự giúp đỡ của thần linh. Lời kia tốt đẹp, đạo kia đây biên soạn, nêu sâu xa mà không sót, trùm diệu môn mà hẳn hết trọn.

Thời Đại Đường niên hiệu Lân Đức năm thứ ba ở tiếp đề luật, duy Cô Tẩy ngày mồng mười tháng ba soạn chép xong, ngõ hầu sai biên tập lời mẩu, xét quyển mà được ý châu, phép tắc chánh đạo mở văn mà uống cam lồ, dịch đó để biết chỗ sâu kín, xem đó mà thấy sự sâu xa, cùng Hoàn Cảnh mà đồng chiếu, đem ngọc trời mà chung lâu.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 21

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 4)

Thái tử Chiêu Minh đời Lương đáp thư Pháp sư Vân thỉnh giảng ba bài (và phần đáp).

Chiêu Minh tạ sắc chỉ tặng Thủy Tê như ý khải.

Thái tử Chiêu Minh giải nghĩa chương hai đế.

Chùa Nam giản, Thích Tuệ Chiêu, luận hỏi nghĩa Hai đế (qua lại sáu lần).

Nhà Tấn, An Vương Cương hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế (qua lại năm lần).

Chùa Chiêu Đề, Thích Tuệ Diễm hỏi nghĩa Hai đế (qua lại bốn lần).

Chùa Thê Huyền, Thích Đàm Tông hỏi nghĩa Hai đế (qua lại bốn lần).

Trung Lang Vương Quy hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế.

Chùa Linh Căn, Thích Tăng Thiên hỏi nghĩa Hai đế.

La Bình Hầu Túc Chánh Lập hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế (qua lại bốn lần).

Hoành Sơn, Hầu Túc Cung hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế.

Chùa Trung Hưng, Thích Tăng Hoài hỏi nghĩa Hai đế (qua lại bốn lần).

Đời Thỉ Hưng Vương năm thứ tư, Nam Tiêu Ánh hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế (qua lại bốn lần).

Thế Tử Ngô Bình Vương là Túc Lệ hỏi ý chỉ nghĩa nhị đế (qua lại năm lần, rộng học sách hơn ba vạn quyển).

Thỉ Hưng Vương năm thứ năm Nam Tiêu Diệp hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế (qua lại năm lần).

Chùa Hưng Hoàng, Thích Pháp Tuyên hỏi nghĩa Hai đế.

Chùa Lang Hầu Túc Kỳ hỏi ý chỉ nghĩa Hai đế.

Chùa Quang Trạch, Thích Pháp Vân hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Linh Căn, Thích Tuệ Linh hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Tương Cung, Thích Tuệ Hưng hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Trang Nghiêm, Thích Tăng Mân hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Tuyên Võ, Thích Pháp Sủng hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Kiến Nghiệp, Thích Tăng Mẫn hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Quang Trạch, Thích Kính Thoát hỏi nghĩa Hai đế.
Chùa Minh Thái tử khiến ý chỉ một chương nghĩa pháp thân.
Chùa Chiêu Đề, Thích Tuệ Diễm hỏi nghĩa pháp thân.
Chùa Quang Trạch, Thích Pháp Vân hỏi nghĩa pháp thân.
Chùa Trang Nghiêm, Thích Tăng Mân hỏi nghĩa pháp thân.
Chùa Tuyên Võ, Thích Pháp Sủng hỏi nghĩa pháp thân.
Chùa Linh Căn, Thích Tuệ Linh hỏi nghĩa pháp thân.
Chùa Linh Vị, Thích Tịnh An hỏi nghĩa pháp thân.
Cảm tạ sắc chỉ sai chủ thơ xem giảng.
Tạ sắc chỉ hỏi giải giảng rộng.
Cảm tạ sắc chỉ tặng chế chỉ Sớ giảng kinh Đại Niết-bàn.
Cảm tạ sắc chỉ tặng chế chỉ Sớ giảng kinh Đại Tập.

Nhà Tấn, An Chương cùng Quảng Tín Hầu ghi chép việc nghe giảng.

Nhà Tấn, An Xương cùng Quảng Tín Hầu ghi chép lại nội giáo.

Quảng Tín Hầu là Tiêu Ánh đáp lời Vương Tâm Yếu.

CHIÊU MINH THÁI TỬ NHÀ LƯƠNG TRẢ LỜI PHÁP SƯ VÂN THỈNH NGHE GIẢNG.

Xét tông gần muốn thấy khiến nói nghĩa. Đạo Phật sâu xa chí lý uyên thâm, đạo nhất tướng mênh mông khó suy lường, môn không hai vắng lặng không tiếng vang, tự chẳng hiểu sâu tông nhiệm mầu tinh giải nghĩa kín đáo, chỗ như thế đâu dễ gì nói. Đến như tuyên dương chánh giáo, mục đích lợi vật, đệ tử đối với nội nghĩa thành thật tự ưa vui. Nhưng dẫn dắt sâu đến xa phần nhiều chưa đều, vì lý lợi đâu đáng nói. Chư Tăng đều vào pháp môn, dạo nơi mặt trời đạo rộng lớn, đến như Pháp sư càng không đợi nói, nói rằng muốn thấy bữa cơm bởi chỗ chưa dụ, tưởng được ý này không cần phải nói nhiều, đều chung đảnh lễ.

Thích Pháp Vân thưa: Điện hạ do sinh biết thượng thức, tinh nghĩa nhập thần tự nhiên thắng biện, luận nói nhiệm mầu xuất tục, mỗi lần qua lại cả tiệc tâm say thật khiến chư Thiên khen hay, thật khiến Đế

Thích, Phạm thiên mưa hoa. Bần đạo dẫu nhỏ biết phương hướng mà lớn không thành nghiệp, lạm thổi xe hộ tống Thánh minh mà người biết hổ thẹn không lui sụt, há không nguyện bữa ăn tối tăm, dám cầu xin thật ở chỗ ít nghe khéo nói. Nay kẻ hèn mong đáp ý chỉ, chưa hứa quần tình, lại suy nghĩ dụng nhẹ thoát, rất sợ hãi, khát ngưỡng có thật đói trống không giả. Theo suy nghĩ xem xét xin lại tâu cầu, chỉ mong cam lộ sẽ mở dụng được bỏ hẳn xấu xa bủn xỉn, cúi xin bốn bổn thệ nguyện đầy đủ ba lần thỉnh, hết lòng kính tâu.

Lại xem đến chỉ bày, biết vẫn muốn khiến thuật nghĩa, không nói làm lợi đủ như lời trước, cam lồ đã mở càng hổ thẹn đến nói, nếu chỉ là lược nêu tông nghĩa, vô vi không phải vậy. Nhưng hổ thẹn lấy mắt cá phát họa dọc ngang của Pháp sư, gồm cả đảnh lễ.

CẢM TẠ SẮC CHỈ TẶNG THỦY TÊ NHƯ Ý

Thần Thống tâu: Nên ra lịnh tả hữu Bá Phật Chưởng phụng tuyên sắc chỉ ban tặng một cái Thủy Tê Như Ý, thức là đạo nghĩa chỗ cần, ngọc trắng chiếu màu xứ này chẳng quý, san hô diên chất thệ này chưa phải là châu báu, điêu khắc đã thành trước giúp thường mỏng. Như nhờ cái trâm của Hán Đế, giống như được ấn của Triệu Nghiêu, kính cẩn ngưỡng mong oai thần bày các tòa giảng, phương tiện vui vẻ La-hán hoài bỏ than thở của bát, Ngọc Thức to lớn, nho phân tích nói về Ly Câu, gấu trang sức dao báu, Tử Hoàn hổ thẹn sự giúp đỡ lớn, bò rừng nhẹ phất, Trương Xưởng hổ thẹn nghi xưa, giáng ân thù đặt phục sâu vọt hoa sen, không kể hạ tình, kính tấu sự việc lên vua. Kính bạch.

RA LỊNH GIẢI Ý CHỈ NGHĨA HAI ĐẾ

Lý hai đế thật sâu mầu tự chẳng hư hoại, không do chung cả rộng xa kia, mới của sáng đạo kia lý do chẳng phải một, nêu yếu luận không ngoài cảnh và trí. Hoặc khi do cảnh rõ nghĩa, hoặc khi do trí hiển bày hạnh, còn như hai đế tức là đến cảnh rõ nghĩa. Nếu mê phương này ba cõi không dứt, nếu hiểu đầu mối kia muôn lụy từ đây hết.

Nói hai đế, một là chân đế, hai là tục đế. Chân đế cũng gọi là Đệ nhất nghĩa đế, tục đế cũng gọi là thế đế. Chân đế tục đế do thể mà đặt tên, Đệ nhất nghĩa đế hay thế đế dùng tụ lập chung đề mục. Nếu dùng thứ lớp ngôn ngữ nên nói rằng: 1- Chân đế; 2- Tục đế. Một hợp với hai, số là ba, chẳng phải gặp số quá hai, cũng gọi là có trước sau, đối với nghĩa chẳng tiện. Chân đã không nhân tục mà có, tục cũng không do nhân mà sinh, chính có thể được nói một chân tục. Chân là thật nghĩa

tức là bình đẳng, không có pháp khác để làm lẫn lộn. Tục là tập nghĩa, pháp này được sinh luống dối khởi tạo. Đệ nhất nghĩa đến trong cảnh vô sinh đặt tên riêng đẹp, nói pháp này thắng diệu tột cùng không gì bằng được. Cho nên dùng cách biệt làm nghĩa, sinh diệt lưu động không có tướng trụ, kinh Niết-bàn nói: "Chỗ biết của người xuất thế gọi là Đệ nhất nghĩa đế, chỗ biết của người thế gian gọi là thế đế", đây là văn chứng lý bao gồm hai đế, đặt tên khác nhau, chân tục thế đồng do một nghĩa mà nói, Đệ nhất nghĩa đế dùng hai nghĩa mà nói. Chánh nói lý này đức đã đệ nhất thì nghĩa cũng đệ nhất. Thế đã hư ngụy lại không có nghĩa cho nên chỉ lập tên thế, đế dùng xét thật làm nghĩa, chân đế xét thật là chân, tục đế xét thật là tục. Chân đế lìa có lìa không, tục đế tức có tức không, tức có tức không này là giả danh, lìa có lìa không này là trung đạo. Chân là trung đạo lấy vô sinh làm thể, tục đã giả danh, dùng sinh pháp làm thể.

Chùa Nam Gian, Thích Tuệ Siêu hỏi rằng: "Luống dối khởi tạo gọi là tục, lìa có không gọi là chân, chưa xét dối nổi là sẽ cùng chân một thề hay là có khác". Nay ý chỉ đáp rằng: Sinh pháp người đời biết làm thể, cái vô sinh người xuất thế biết làm thể, nương người làm luận, nên nói như vậy, nếu nói về chân thì có là không, tục chỉ không làm có, nương nghĩa này nói không được riêng khác.

Lại hỏi: "Chân tục đã nói là một thể, chưa xét chân đế cũng có khởi động, là phải khởi động tự động không quan hệ gì đến chân đế". Nay ý chỉ đáp: "Chân lý vắng lặng không có tướng khởi động, phàm phu lầm thức tự chấp ngang là khởi động".

Lại hỏi: "Chẳng hay có khởi động mà phàm phu chấp ngang hay không khởi động mà phàm phu chấp ngang?". Nay ý chỉ đáp: "Nếu có khởi động thì không gọi là chấp ngang, do không động mà thấy động cho nên là chấp ngang".

Lại hỏi: "Nếu pháp không khởi động thì lẽ ra chỉ là một đế?" Khiến ý chỉ lại đáp: Lý này thường vắng lặng, đây từ một đế chấp ngang trái là khởi động lại là một đế, lẽ ra là có hai không được nói một.

Lại hỏi: "Là có chấp ngang hay không chấp ngang?" Ý chỉ lại đáp: "Nương người là nói có chấp ngang này". Lại hỏi: "Nếu nương người nói nên có chấp ngang, nương pháp mà bàn chẳng nên thấy động phải không?" Ý chỉ lại đáp: "Pháp chính là không động, không ngại gì người chấp ngang tự thấy kia động".

Đơn Dương Doãn Tấn An Vương Tiêu Cương hỏi rằng: Giải ý chỉ nương người mà nói là có sinh hay không? Chẳng hay dối nổi đó cùng

không sinh chỉ là một thể hay có khác?

Ý chỉ đáp: Phàm tình thấy kia khởi động, bậc Thánh thấy đó bất không sinh, nương người mà bàn nên là khác thể, nếu nói tướng tức thì không thành khác, đủ như trước đã giải thích không cần nói nhiều.

Lại hỏi: "Nếu chân chẳng khác tục, tục chẳng khác chân, đâu được người tục chỗ thấy sinh pháp làm thể, bậc Thánh lấy thấy không bất làm thể?" Ý chỉ lại đáp: Tức tục biết chân, tức chân thấy tục, đến đây là bàn tự thành chẳng khác. Y cứ người mà nói thấy tự có sinh không sinh khác nhau.

Lại hỏi: "Chẳng hay thể của tục đế đã nói là phù huyễn, đâu được ở trong chân thật thấy phù huyễn này?", khiến đáp: "Thể của chân thật tự không có phù huyễn, người mê hoặc ngang bướng cho là có, không thương tổn thể chân thật mà tự bị hư huyễn".

Lại hỏi: "Bậc Thánh thấy không lưu động, phàm phu thấy là lưu động. Đã lưu động và không lưu động khác nhau, người ngu cho rằng không được là một." Ý chỉ đáp: "Không cho là lưu hay không lưu đều là một thể. Ngay phàm phu ở trong không lưu động hoành thấy đây lưu động, do đây mà bàn có thể được thành một".

Lại hỏi: "Thể chân tịnh vốn tự không lưu, phàm phu thấy lưu không lìa chân thể, nhưng thì chỉ có một chân không thành hai đế?" Ý chỉ đáp: Thể hằng, tướng tức lý, chẳng được khác. Nhưng phàm phu thấy phù hư, bậc Thánh thấy chân tịch, y cứ phàm thánh kia có thể đặt tên hai đế.

Chùa Chiêu Đề, Tuệ Diễm hỏi rằng: "Phàm phu thấy tục dùng pháp sinh làm thể. Bậc Thánh thấy chân dùng bất sinh làm thể. Xét sinh và bất sinh chỉ thấy kia khác, lại nương theo nghĩa nào mà được nói là một?" Khiến ý chỉ đáp: "Phàm phu đối với không gọi là có, bậc Thánh thì có nói là không, có không tức nhau đây nói là một thể."

Lại hỏi: "Xét theo đây được nói là một, một y theo chỗ nào mà gọi?" Đáp: Chính là do có chẳng khác không, không chẳng khác có, cho nên gọi là một lại chẳng khác tên.

Lại hỏi: Nếu không chẳng khác có, có chẳng khác không, chỉ thấy kia là một, vì sao nói là hai?

Đáp: Phàm phu thấy có, bậc Thánh thấy không. Hai cái thấy đã khác, do đây thành hai.

Lại hỏi: Bậc Thánh thấy không thì chẳng thể gọi là đế. Phàm phu thấy có, đâu được gọi là đế.

Đáp: Bậc Thánh thấy không, đối với Thánh là đế. Phàm phu xét

cho là có cho nên đối với phàm là đế.

Đàm Tông ở chùa Thê Huyền hỏi: Bậc Thánh có thấy thế đê hay không?

Đáp: Bậc Thánh biết người phàm thấy có thế đế, nếu nói bậc Thánh thì không còn thấy thế đế.

Lại hỏi: Bậc Thánh không thấy thế đế, làm sao dùng thế đế giáo hóa chúng sinh?

Đáp: Bậc Thánh không có hoặc tự không thấy thế đế, không ngại Bậc Thánh biết phàm phu thấy có, cho nên tùy tình chúng sinh nói có hai đế.

Lại hỏi: Bậc Thánh biết phàm phu thấy thế đế tức là phàm phu này phải không?

Đáp: Phàm này tức là thế đế, bậc Thánh cũng không thấy phàm này.

Lại hỏi: Bậc Thánh đã không thấy phàm, sao biết phàm phu thấy thế đế?

Đáp: Thánh dẫu tự không phàm, cũng có thể biết có phàm, tự cho là có, cho nên khúc phó tình kia vì nói thế đế.

Tư Đồ Tùng Sự Trung Lang Vương Quy hỏi: Xét chân tục đã khác nhau, đâu được nghĩa tức nhau?

Ý chỉ đáp: Bậc Thánh đã được tự thấy kia không phải phàm nhân chỗ được thấy kia là có, chỗ thấy khác nhau, không ngại gì tục không ngoài chân?

Lại hỏi: Xét đã chẳng khác, một chất mà có hai nghĩa, phải là nghĩa lìa thể hay tức nghĩa tức thể?

Đáp: Không còn có tướng ngoài danh là một thể. Ngu, Thánh thấy khác tự thành nghĩa khác.

Lại hỏi: Phàm phu chỉ thấy tục hay cũng được thấy chân? Đáp: chỉ được thấytục không được thấy chân.

Lại hỏi: Thể đã tức nhau thì lẽ nào không thấy chân?

Đáp: Vì nếu thấy chân thì không nên thấy tục, thấy tục đã vọng đâu được thấy chân.

Tăng Thiên ở chùa Linh Căn hỏi: Nếu đệ nhất dùng không lỗi làm nghĩa, đây là tên khen ngợi, chân lìa nơi tục lẽ ra cũng là tên tán thán?

Ý chỉ đáp: Tức thể chân này không được nói khen Đệ nhất nghĩa đế đã lại lập tên đẹp cho nên là khen.

Lại hỏi: Không thắng ngã đã được khen, thể ngã tức là chân, vì sao chẳng tán thán?

Đáp: Không thắng ngã cho nên được xưng tán thán, thể ngã tức chân cũng là chân ngã cho nên chẳng tán thán. Lại hỏi: Ngã không lỗi cho nên được xưng là tán thán, ngãlà không ngụy đâu được chẳng khen?

Đáp: Không ngụy thật là tên của đương thể, như thể người nghĩa gọi là giải nghĩa, chính đủ xưng thật thể kia, há thành khen ngợi?

Lại hỏi: Pháp đây không thể nêu ra, đâu được tức là tán thán?

Đáp: Đã nói là không nêu ra, chẳng phải là khen hay sao?

La Bình Hầu Túc Chánh Lập hỏi: Xét tục đế là sinh pháp hay không?

Ý chỉ đáp: Thể của tục đế chính là sinh pháp.

Lại hỏi: Thế tục đã chấp ngang đâu được có sinh?

Đáp: Chấp ngang là có cho nên có sinh.

Lại hỏi: Chấp ngang là có chữ thật tự không pháp. Thật đã không có pháp, nói gì là sinh?

Đáp: Tức sinh pháp này gọi là chấp ngang, cũng tức là cái chấp ngang này gọi là pháp sinh.

Lại hỏi: Nếu là chấp ngang chẳng nên có sinh, nếu quyết có sinh sao gọi là chấp ngang.

Đáp: Đã nói là chấp ngang, thật tự không sinh chỉ chấp ngang là có, có này ngang trái sinh ra.

Hoành Sơn Hầu Túc Cung hỏi: Xét Đệ nhất nghĩa đế đã có nghĩa mục, vì sao thế đế riêng không có nghĩa danh.

Đáp: Thế đã là phù tục không có nghĩa để nói?

Lại hỏi: Nếu không nghĩa để nói lấy gì gọi là đế?

Đáp: Phàm tục xét thấy cho nên đặt tên là đế.

Lại hỏi: Nếu phàm tục thấy có, được gọi là đế, lẽ ra cũng phàm tục thấy có được đặt chữ nghĩa?

Đáp: Phàm tục xét thấy cho nên tên đế được đặt, phù tục không nghĩa đâu được gượng gọi chữ là nghĩa.

Lại hỏi: Phù tục dẫu không thật nghĩa mà đều là nghĩa phù tục, đã có phù tục này, làm sao không nhận tên nghĩa được?

Đáp: Chánh do phù tục nên không có nghĩa để nói. Nếu có nghĩa để nói thì không gọi là phù tục.

Tăng Hoài ở chùa Trung Hưng hỏi: Lịnh ý chỉ giải rằng chân không lìa tục, tục chẳng lìa chân. Xét chân là vô tướng, tục là hữu tướng, hữu tướng vô tướng khác nhau, đâu được đồng thể?

Đáp: Tướng và vô tướng, chỗ này khác nhau. Nhưng phàm phu

thấy có, tức là bậc Thánh thấy không, do đây mà luận có thể được là không khác.

Lại hỏi: Đã là một pháp sao được thấy là hai? Thấy đã có hai đâu thể là một pháp?

Đáp: Lý không như vậy, tùy theo vật thấy cho nên được có hai.

Lại hỏi: Thấy đã có hai đâu chẳng trái nhau?

Đáp: Nếu Pháp thật hai, có thể được trái nhau.

Pháp thường không hai, người tự thấy có hai, đến đây làm luận đâu được trái nhau.

Lại hỏi: Người thấy có hai, có thể nói hai người Lý đã là một đâu được có hai?

Đáp: Lý dẫu không hai mà y cứ theo người thành hai.

Thỉ Hưng Vương thứ tư, là Nam Tiêu Ánh hỏi: Đệ nhất nghĩa đế nghĩa kia thứ nhất, đức cũng là thứ nhất chăng?

Đáp: Nghĩa đã thứ nhất, đức cũng là thứ nhất.

Lại hỏi: Nói thẳng thứ nhất đã bao gồm nghĩa đức sao lại thêm các nghĩa để gây ra phiền phức.

Đáp: Nói thẳng đệ nhất ở nghĩa còn mê muội, đệ nhất thấy nghĩa có thể được tốt đẹp.

Lại hỏi: Nếu thêm chữ nghĩa có thể được tốt đẹp, sao không thêm chữ đức để có thể tốt đẹp?

Đáp: Đệ nhất là tức đâu đợi lại thêm, chỉ thêm chữ nghĩa thì đức nghĩa đều đẹp.

Lại hỏi: Gọi thẳng đệ nhất đủ thấy cái đẹp kia, nếu thêm chữ nghĩa dường như có cuộn hạn?

Đáp: Bậc nhất tiêu biểu cho đức, lại thêm chữ nghĩa thì hai cái tốt đẹp đều bày, đâu có hạn cuộc.

Ngô Bình Thế Tử là Túc Lệ hỏi: Thông chỉ nói rằng: "Đệ nhất nghĩa đế, thế đế, bao gồm đặt tên. Chân tục hai đế định thể đặt tên. Xét lý chân đế đã nhiệm mầu và dứt tuyệt nói năng suy nghĩ, xét vì sao có ý chỉ định thể?"

Ý chỉ đáp: Bàn vô tướng kia không chân, chẳng phải không chân nương danh tướng nói dùng chân định thể.

Lại hỏi: Nếu chân đế không có tự thể, nay nương lời nói thể, xét chân đế vô tướng sao không nương lời nói tướng?

Đáp: Nương lời nói thể còn sợ thiếu đức, nếu lại nương lời biện tướng thì có lụy hư huyễn.

Lại hỏi: Chân đế hư huyễn lìa xa nói năng. Nay đã nói có chân,

há chẳng nương lời nói tướng?

Đáp: Nương có danh này, danh tự là tướng, không thương tổn lý vô tướng vắng lặng này.

Lại hỏi: Xét đây nương lời nói thể là đúng lý hay không?

Đáp: Không danh mà nói danh là không đúng lý.

Lại hỏi: Nếu nương lời nói danh, danh không đúng lý, chẳng hay nương đây toan ở chỗ nào mà nói?

Đáp: Dẫu không đúng lý mà vì dắt dẫn chúng sinh cần nói danh tướng.

Tuệ Linh ở chùa Tống Hy hỏi: Chân đế thì bất sinh là thể, tục đế thì pháp sinh là thể, mà nói bất sinh tức sinh, sinh tức bất sinh, là đương thể trong tướng tức hay đương nghĩa trong tướng tức? Lại hỏi: Nghĩa đã không tức, thể làm sao tức?

Đáp: phàm phu thấy kia có, bậc Thánh thấy kia không, y cứ thấy thành khác, đến thể hằng tức.

Lại hỏi: Thể đã không hai, sự đâu cần tức?

Đáp: Nếu thể không hai, duyên thấy có hai. Thấy đã hai thì nói thể tức.

Lại hỏi: Nếu như ý chỉ giải, quả là đến người rõ tức?

Đáp: Y cứ người thấy là hai, hai đế gọi là sinh, đến người thấy rõ tức đây, đâu có ngại gì.

Thỉ Hưng Vương thứ năm là Nam Tiêu Diệp hỏi: Chân đế gọi là chân, là thật chân chăng?

Lệnh chỉ đáp: Được là thật chân.

Lại hỏi: Khi Bồ-tát hội chân là quên tục quên chân chăng?

Lịnh Chỉ đáp: Quên tục quên chân, nên nói là hội chân.

Lại hỏi: Nếu quên tục quên chân nên nói hội chân, quên tục quên chân sao gọi là thật chân?

Đáp: Nếu còn tục còn chân đâu gọi là thật chân. Chính do cả hai đều quên nên gọi là thật chân.

Lại hỏi: Nếu quên tục quên chân mà là thật chân thì lẽ ra cũng quên chân quên tục mới là thật chân?

Đáp: Quên tục quên chân cho nên thấy chân, quên chân quên tục càng thấy chẳng phải tục.

Lại hỏi: Bồ-tát hội chân, đã quên tục quên chân, nay gọi là thật chân liền thành trái lý?

Đáp: Giả gọi thật chân, trọn tự quên chân, cả hai đều quên nên gọi là thật sao gọi là trái lý?

Pháp Tuyên ở chùa Hưng Hoàng hỏi: Nghĩa chỉ nói rằng tục đế là có là không cho nên pháp sinh là thể, chẳng hay có pháp có tự thể nên được gọi là sinh, chẳng phải không pháp, làm sao có nghĩa sinh được?

Lịnh Chỉ đáp: Tục đế có không đối đãi nhau mà lập, đã là đối đãi nhau cho nên đều gọi là sinh.

Lại hỏi: Nếu hai pháp có và không đều gọi là sinh nghĩa sinh đã là một, thì có không chẳng khác nhau rồi?

Đáp: Đều là chỗ thấy của phàm phu cho nên nghĩa sinh được đồng là có là không, đâu được chẳng khác.

Lại hỏi: Nếu có, không, quả là khác nhau, lẽ ra có sinh hay không sinh?

Đáp: Đã đối đãi nhau đặt tên nên đồng một nghĩa sinh.

Trình Lang Hầu Túc Kỳ hỏi: Xét tên đệ nhất là hình đối đãi hay không?

Đáp: Chính là hình đối đãi.

Lại hỏi: Đệ nhất vô tướng có hình gì đối đãi?

Đáp: Đã nói rằng đệ nhất đâu được chẳng đối đãi.

Lại hỏi: Đệ nhất là đối đãi, đã gọi là đệ nhất, thế đế đối đãi với đệ nhất, sao không gọi là đệ nhị, nếu tục đế là đối đãi mà không gọi là đệ nhị, lẽ ra chân đế cũng là đối đãi thì không gọi là đệ nhất?

Đáp: Nếu gọi đệ nhất là đối đãi thì đối với nghĩa đã đủ, không nhờ nói tục thứ hai mới thành đối đãi nhau.

Lại hỏi: Nếu danh từ thế đế không gọi là đệ nhị thì gọi là đệ nhất không có hình đối đãi được chăng?

Đáp: Đệ nhất Cao gồm chân, đã nói rằng đối đãi nhau thì tên đối là đãi gặp thẳng có thể biết.

Pháp Vân ở chùa Quang Trạch hỏi: Cảnh thấy biết của bậc Thánh đây là chân đế, chưa xét trí hay biết là chân đế hay tục đế?

Đáp: Hay biết là trí, chỗ bị biết là cảnh trí đến xét rõ cảnh được nói là chân.

Lại hỏi: Người có trí là chân đế hay tục đế?

Đáp: Nếu gọi người có trí tức là tục đế.

Lại hỏi: Xét người tục đế đâu được có trí chân đế?

Đáp: Bậc Thánh quên được tục nên được có chân trí.

Lại hỏi: Người này đã nói vô sinh lẽ ra cũng không được gọi là người?

Đáp: Rõ vô sinh không được gọi là người, nương danh tướng mà nói thường tự có người.

Tuệ Linh ở chùa Linh Căn hỏi: Đối với chân đế thấy có hay đối với tục đế thấy có?

Lịnh Chỉ đáp: Đối với chân đế thấy có tục.

Lại hỏi: Có tục đế là thật hay giả?

Đáp: Là luống dối mà có.

Lại hỏi: Là ngay đó thấy vọng hay ngay đó thấy có?

Đáp: Thấy vọng có.

Lại hỏi: Đối với không danh tướng đâu được thấy có danh tướng?

Đáp: Đối với không danh tướng thấy có danh tướng, cho nên vọng có.

Lại hỏi: Đối với không danh tướng vọng thấy có, thí như lửa nóng người nói lầm là lạnh, được đối với nóng có tướng lạnh không? Nếu đối với tướng không mà có danh tướng thì cũng như lửa có lạnh?

Đáp: Lửa tự thường nóng, vọng thấy có lạnh, đây là tự mê hoặc lạnh nóng chứ chẳng có thường khác.

Tuệ Hưng ở chùa Tương Cung hỏi: Hoặc của phàm phu là chỉ ở chân có mê hay ở tục cũng có mê?

Lịnh chỉ đáp: Ở chân thấy có, đây là mê chân, đã thấy có tục thì không thành mê tục.

Lại hỏi: Nếu khiến hiểu tục liền thành hiểu chân, nếu không hiểu chân đâu được hiểu tục?

Đáp: Chân lý vắng lặng, hoặc tâm không hiểu, dẫu không hiểu chân đâu ngại gì hiểu tục.

Lại hỏi: Tâm này không hiểu chân, đối chân có thể là lầm hoặc. Tâm này đã hiểu tục, đối tục lẽ ra chẳng lầm hoặc?

Đáp: Thật mà là nói thông, tự là lầm hoặc, nói tục sâm la đối với tục đều hiểu.

Tăng Mân ở chùa Trang Nghiêm hỏi: Trong ba mươi tâm chỗ được giải không là chân giải hay là tục giải?

Lịnh Chỉ đáp: Có thể gọi là tương tự giải.

Lại hỏi: Xét tương tự là chân hay tục?

Đáp: Tập quán bất sinh không gọi là hiểu tục. Chưa thấy bất sinh không gọi là hiểu chân.

Lại hỏi: Nếu trí năng chiếu chẳng phải chân chẳng phải tục, lẽ ra cảnh sở chiếu cũng chẳng phải chân chẳng phải tục. Nếu là chẳng phải chân chẳng phải tục thì có ba đế?

Đáp: Cảnh sở chiếu đã là bất sinh, bất sinh là chân, đâu có ba đế.

Lại hỏi: Nếu cảnh tức là chân cảnh sao không trí tức chân trí?

Đáp: Chưa thấy bất sinh cho nên chẳng phải chân trí, đâu ngại trí này chưa chân, mà tập quán chân cảnh, đâu được do trí chưa chân mà khiến cảnh chẳng phải là chân cảnh.

Pháp Sủng ở chùa Tuyên Võ hỏi: Chân đế bất sinh bất diệt, tục đế có sinh có diệt, hai nghĩa chân tục được nói có khác. Bàn pháp thể kia chỉ được là một, chưa xét thể từ nơi nghĩa cũng được có hai chăng?

Lịnh Chỉ đáp: Thể cũng chẳng được hợp từ nghĩa.

Lại hỏi: Chưa xét đến hai thấy của Thánh phàm được nóihai nghĩa, cũng đến hai thấy của Thánh phàm được nói hai thể?

Đáp: Lý chẳng khác nhau cho nên nói là một, đến hai thấy của thánh phàm được có hai thể khác nhau.

Lại hỏi: Nếu khiến người phàm thấy có bậc Thánh thấy không, lại lẽ ra phàm phu chỉ thấy thế đế là có, bậc Thánh nên thấy thái hư là không?

Đáp: Thái hư cũng chẳng phải chỗ thấy của bậc Thánh, thái hư được tên do đối đãi nhau, đã do đối đãi sinh đều là chỗ thấy của phàm phu.

Lại hỏi: Phàm phu thấy hư không có được nói là một chăng?

Đáp: Nói theo phàm thì có thật khác với không, nói theo thánh thì không chẳng khác có.

Tăng Mẫn ở chùa Kiến Nghiệp hỏi: Người tục hiểu tục là đúng hiểu tục so le mà nói hiểu tục, hay là thấy tục hư giả mà nói hiểu tục?

Đáp: Chỉ là thấy tục so le mà nói hiểu tục.

Lại hỏi: Tục đế không chỉ so le, cũng là luống dối, vì sao hiểu so le mà không hiểu luống dối?

Đáp: Nếu khiến phàm phu hiểu luống dối tức là hiểu chân không hiểu luống dối, nên gọi là hiểu tục.

Kính Thoát ở chùa Quang Trạch hỏi: Xét bậc Thánh thấy chân là tiệm thấy hay đốn thấy?

Đáp: Tiệm thấy.

Lại hỏi: Không có tướng hư hoại, một phen thấy lý này muôn tướng đều vắng lặng, xét vì sao thấy chân được có lý do là tiệm?

Đáp: Từ phàm đến thánh, hiểu có cạn sâu, chân tự vắng lặng không ngại thấy có do tiệm.

Lại hỏi: Chẳng hay một được vô tướng đều quên muôn cái có hay là không đều quên?

Lịnh Chỉ đáp: Một cái được không tướng thì muôn có đều quên.

Lại hỏi: Một cái Phật vô tướng thì quên muôn cái có, thì cũng có

thể một cái được hư hoại tột cùng chân cảnh kia, không nên là tiệm thấy?

Đáp: Như Lai hiểu vắng lặng tự là tột cùng chân, bậc Thánh hạnh cạn hằng tự tiệm thấy.

Lại hỏi: Nếu thấy chân có tiệm không thể đốn hội, lẽ ra cũng tiệm quên muôn cái có không thể đốn quên?

Đáp: Hiểu có hơn kém cho nên thấy có đốn tiệm, quên hoại không riêng cho nên muôn có đều vắng lặng.

LỊNH CHỈ GIẢI NGHĨA PHÁP THÂN, ĐỒNG THỜI HỎI ĐÁP

Pháp thân vắng lặng xa lìa cảnh có không, riêng thoát ngoài nhân quả, không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức hiểu, há là xưng gọi có thể luận bàn. Toan muốn hiển lý không cho im lặng, cho nên tùy theo ngôn thuyết mới có ra tên gọi pháp thân. Thiên trúc nói là Đạt-ma Xá-lợi, Hán dịch là pháp thân. Nếu do đương thể thì là tên của tự tánh, nếu do ngôn thuyết thì là đối đãi nhau mà đặt tên. Pháp thì phép tắc làm ý chỉ, thân là nghĩa có thể, thể của phép tắc gọi là pháp thân. Lược nói ngôn thuyết thô bày thể kia là thân thường trụ, là thân Kim cang. Lại nghiên cứu thêm thì không như vậy, nếu nhất định là Kim cang tức là danh tướng, định là thường trụ liền thành nơi chốn. Cái điều gọi là thường trụ thì vốn là nương tên gọi là Kim cang, vốn là dụ nói bèn bàn thật thể, thì tánh đồng vô sinh, nên nói là thân Phật vô vi không rơi vào các pháp. Cho nên kinh Niết-bàn nói: "Thân Như Lai chẳng phải thân, là thân vô lượng vô biên, không có dấu chân, vô tri vô hình rốt ráo thanh tịnh, vô tri thanh tịnh mà không thể là không, xưng là diệu hữu mà lại chẳng có, lìa không lìa có gọi là pháp thân.

Tuệ Diễm ở chùa Chiêu Đề hỏi rằng: Xét pháp thân vô tướng không nên có thể, đâu được dùng thể để giải thích nghĩa thân?

Lịnh Chỉ đáp: Không danh không tướng chính là không có thể để bàn, nương danh tương đều là diệu thể.

Lại hỏi: Nếu do nương danh tướng đều là diệu hữu, thì do nương danh tướng không thành vô tướng.

Đáp: Đã nói rằng nương danh tướng, đủ rõ lý thật không có tướng.

Lại hỏi: Nếu do nương danh tướng mà lý thật là vô tướng, lý đã vô tướng thì làm sao có tự thể?

Đáp: Nương nói quỷ vật đâu được không có tự thể.

Lại hỏi: Lẽ ra cũng nương nói quỷ vật chẳng phải là không

tướng?

Đáp: Bên nghĩa quỷ vật lý chẳng vô tướng, cái gọi là vô tướng vốn là bản diệu thể.

Lại hỏi: Chân thật xưa nay vô tướng, chính là do quỷ vật này, đâu được ẩn chân thật này, mà gượng sinh nói tướng?

Đáp: Chân thật vô tướng chẳng phải học giả gần thấy được, cho nên tiếp những người cạn cợt tầm thường thì phải nương vào ngôn tướng.

Pháp Vân ở chùa Quang Trạch hỏi: Xét pháp thân thường trụ là muôn hạnh được chăng?

Lịnh Chỉ đáp: Danh tướng trong đạo muôn hạnh có được.

Lại hỏi: Đã là muôn hạnh có được há là vô tướng? Nếu chắc chắn vô tướng há là muôn hạnh có được?

Đáp: Vô danh vô tướng, đâu hội có được nhờ danh tướng mà giả nói có được.

Lại hỏi: Thật có muôn hạnh, thật được quả Phật đâu thể cho vô tướng toàn không thật có?

Đáp: Người hỏi trụ tâm cho là thật có muôn hạnh, nay cho là muôn hạnh tự không, há có thật quả để được ư?

Lại hỏi: Hiện có chúng sinh tu tập muôn hạnh, chẳng hay vì sao hoàn toàn cho là không?

Đáp: Chỗ thấy của phàm tục cho là có, theo lý mà xét thật không có muôn hạnh.

Lại hỏi: Kinh nói thường trụ cho là diệu hữu, như kia giả nói cái gì cho là diệu hữu?

Đáp: Nhờ danh tướng nên nói diệu hữu, lý tuyệt danh tướng gì là diệu gì là hữu.

Tăng Mân ở chùa Trang Nghiêm hỏi: Xét pháp thân bặt tướng, trí không thể biết, tuyệt tướng tuyệt biết đâu được còn có thân mà gọi?

Lịnh Chỉ đáp: Vô danh vô tướng có gì là thân, giả danh tướng nói nên nói là pháp thân.

Lại hỏi: Cũng nên giả danh tướng nói là trí sở chiếu, đâu được không thể dùng trí biết, không thể dùng trí hiểu?

Đáp: Cũng có thể nhờ danh tướng tuệ nhãn mà thấy.

Lại hỏi: Nếu tuệ nhãn thấy được thì có thể dùng trí biết, nếu trí không thể biết thì tuệ nhãn không thấy?

Đáp: Tuệ nhãn không thấy, cũng không có pháp để thấy.

Lại hỏi: Nếu nói là không thấy thì có gì là pháp thân.

Đáp: Lý tuyệt thấy nghe, thật không có pháp thân.

Lại hỏi: Nếu không pháp thân thì không có Chánh giác, Chánh giác đã có pháp thân đâu không?

Đáp: Hằng là nhờ lời cho nên có Chánh giác, Chánh giác đã nhờ nương lời thì pháp thân đâu được nhất định là có.

Pháp Sủng ở chùa Tuyên Võ hỏi rằng: Xét gọi pháp thân là chánh ở diệu bổn, thân vàng trước sáu cũng là pháp thân phải không?

Lịnh Chỉ đáp: Thông mà làm luận bổn tích đều phải, biệt mà làm lời chỉ ở thường trụ.

Lại hỏi: Nếu chỉ ở thường trụ thì không nên có thân? Nếu thông lấy trượng sáu, trượng sáu đâu gọi là pháp thân?

Đáp: Thường trụ đã có diệu thể đâu được không thân, trượng sáu cũng có thể làm phép tắc của chúng sinh cho nên có thể gọi chung là pháp thân.

Lại hỏi: Nếu thường trụ không lụy mới gọi là pháp thân, trượng sáu có lụy sao gọi là pháp thân?

Đáp: Chúng sinh khát ngưỡng vọng thấy trượng sáu, trượng sáu chẳng phải có thì có gì thật lụy.

Lại hỏi: Nếu trượng sáu chẳng có thì chỉ đâu gọi là thân?

Đáp: Tùy vật thấy có gọi là ứng thân.

Lại hỏi: Đã nói là ứng thân sao gọi pháp thân?

Đáp: Tướng chung làm biện cho nên gồm bổn tích khảo xét cầu thậtt nghĩa không ở thân vàng.

Tuệ Linh ở chùa Linh Căn hỏi: Xét là cho cực trí gọi là pháp thân hay do tuyệt tướng mà gọi là pháp thân?

Lịnh Chỉ đáp: Vô danh vô tướng là tập diệt pháp thân, viên cực trí tuệ là thật trí pháp thân.

Lại hỏi: Vô danh vô tướng thì không thân chẳng thân, đã có pháp thân sao gọi là không tướng?

Đáp: Chính do vô tướng nên gọi là pháp thân.

Lại hỏi: Nếu do không tướng nên gọi là pháp thân thì trí tuệ danh Tịnh độ chẳng phải pháp thân?

Đáp: Đã là vô tướng trí tuệ há chẳng phải là pháp thân.

Lại hỏi: Như kia có thân sao gọi là vô tướng? Nếu là vô tướng đâu được có thân?

Đáp: Đối với không danh tướng giả gọi pháp thân.

Lại hỏi: Nếu giả gọi pháp thân chính còn danh tướng làm sao chỉ thẳng vô tướng mà gọi là pháp thân?

Đáp: Đã ở vô tướng giả lập danh tướng, đâu được khác vô tướng này mà nói là pháp thân.

Tịnh An ở chùa Linh Vị hỏi: Xét pháp thân thừa ứng hay không?

Linh Chỉ đáp: Pháp thân không ứng.

Lại hỏi: Vốn do không ứng hóa nên gọi là pháp thân, nếu không ứng hóa thì cái gì gọi là pháp thân?

Đáp: Vốn do thể của phép tắc gọi là pháp thân. Bàn ứng hóa chẳng phải phép tắc ngày nay.

Lại hỏi: Nếu không ứng hóa làm sao có phép tắc? Đã là phép tắc của vật đâu không ứng hóa?

Đáp: Chúng sinh khát ngưỡng mong lợi ích nên nói rằng có thể làm phép tắc cho vật, hóa duyên đã xong đâu có chỗ nên hóa.

Lại hỏi: Nếu làm lợi ích cho chúng sinh thì liền thành ứng hóa. Nếu không ứng hóa thì làm sao lợi ích cho chúng sinh?

Đáp: Có thể sinh khát ngưỡng phép tắc tự thành đâu nhọc đến người ứng theo trần tục.

Lại hỏi: Đã sinh khát ngưỡng đâu không ứng hóa? Nếu không ứng hóa khát ngưỡng ích gì?

Đáp: Chính do Thế Tôn chí cực thần diệu đặc biệt sâu xa, chỉ khiến khát ngưỡng tự nhiên mong nhờ nương cậy. Nếu ứng mà sau mới lợi ích thì sao gọi là chí thần. Không ứng mà lợi ích cho nên thành tốt đẹp cùng tột. Nếu quyết khiến thật ứng thì đâu khác gì Bồ-tát?

HOÀNG THÁI TỬ CHIÊU MINH ĐỜI LƯƠNG CẢM TẠ SẮC CHỈ BAN CHO NGHE GIẢNG

Thần gồm tâu, chủ sách quản muôn an, kính đọc sắc chỉ, do thần nay giảng xong cho phép nhọc hỏi, xin dùng lời ngay sâu xa bao gồm tất cả kinh, đều đấu môi dùng mạng bốn thời, đồng với mặt trời mà chiếu muôn nước. Thần không bờ bến tầm thường cạn cợt xin kính đọc chớ suy lường văn trời, luống xem ngọc phủ, sợ sệt giao bái, ngủ thức không đặt để, cúi ngước giữa khiến rủ lòng ban ánh sáng đến, vẻ vang gánh vác lòng từ đặc biệt, không biết chỗ tâu, không nhậm hạ tình, kính nép tâu việc cảm tạ, kính bạch.

TẠ SẮC CHỈ THAM GIẢI GIẢNG

Thần Thống tâu: Chủ Thơ Châu Mão vâng đọc sắc chỉ, rủ lòng tham gia, nay thần giảng giải. Lại do chí lý ít nêu bày, lời mầu sâu xa, chẳng phải chỗ nghiên cứu tìm tòi, bèn do không cần lạm ở đây tuyên

giải thích, toan nên nhường lời lại giáng ân giáo vị, đầy đọc còn học lại gánh vác chiếu nói kinh. Trộm do ôm ấp sách tấn tám oai thì thần vật chẳng can hệ, phục hoa chín đơn thì tiên đồ sẽ sai khiến được. Thần ngưỡng nương oai vua dạy bạn học đây kính đọc thánh chỉ hiểu suốt quần nho, thống trị dị sư, gồm mọc trệ lâu, phương tiện tuệ thí hổ thẹn dài ngắn kia. Công tôn bỏ cứng trắng kia. Ngọc sinh khuất phục đã trọn thần khí, pháp mở nhận khuất phục, hằng ẩn núi đông. Trong sử khúc lâm càng sáng hàm tịch, mong chở thù từ không biết chỗ tâu, không nhậm hạ tình, kính tâu cảm tạ sự lắng nghe. Kính bạch.

CẢM TẠ SẮC CHỈ BAN CHẾ CHỈ GIẢNG SỚ KINH ĐẠI NIẾT-BÀN

Thần bạch chung: Sau xem nên sắc chỉ Mộc Phật Tử kính đọc sắc chỉ, ban cho chế chỉ giảng sớ kinh Đại Niết-bàn một bộ mười pho, gọi chung là một trăm quyển mùa đông lạnh thấy mặt trời chưa đủ gọi là kỳ lạ, đi hái thuốc gặp tiên đâu có gì dụ cho sự vui mừng ấy. Thần cúi xin sáu hào soi sáng đến chỗ sâu tột nơi cơ tượng, bốn trú chỗ bao gồm thí mạng lịnh dừng giữa nước, há có nhân quả lồng nhốt, biện giáo thành báu bao trùm chân tục, mở văn như trăng tròn đầy, mới ngay đạo truyền đi cả đại thiên, giáo hóa đều trăm ức, mây che chủng thức, mưa khắp ruộng thân, há lại nói vua Đường làm quy thư, vua Chu sách phủ, nào đợi khắc tẩm bàn vu truất bỏ khâu tốt, cam lồ sách màu trước giáng ân đặc biệt, xét mình theo ngu không vượt qua gánh vác vui mừng, không nhậm đầu đội, kính tâu.

CẢM TẠ SẮC CHỈ BAN CHO CHẾ CHỈ GIẢNG SỚ KINH ĐẠI TẬP

Thần tâu chung: Tuyên chiếu Vương Tuệ Bảo phụng tuyên sắc chỉ, ban cho chế chỉ giảng sớ kinh Đại Tập hai pho mười sáu quyển. Cam lồ vào đảnh nước tuệ rưới tâm, dường như tối gặp sáng, như đói được ăn no. Cúi mong chẳng phải sắc chẳng phải dục hai cõi đồng phường, chẳng văn chẳng lý ba thừa nhóm mây, bốn biện tài nói mà chưa tột, tám âm thinh giảng mà chẳng cùng. Cúi mong cơ trời nương thánh tác đây đồng chân như mà vô tận, cùng mặt trời mặt trăng đều treo. Chỉ xem núi xuân báu được châu biển lớn, thần thật đâu thể hằng nhờ dạy dỗ giúp đỡ, mở sách khua bút đâu đủ bày tâm, giấu tay áo mở lời chưa than ca múa, không nhậm chí tột vui mừng gánh vác, kính cảm tạ tâu lên. Kính tâu.

TẤN AN VƯƠNG TRẢ LỜI THƠ QUẢNG TÍN HẦU

Vương Bạch, ngưỡng nương so xưa khai thiện nghe giảng kinh Niết-bàn, dầu thường trong núi, dạo ngoài tâm người, thông xanh sương trắng chỗ nào cũng đáng vui. Núi kỳ đá lạ tột mắt quên về, thêm dùng nước pháp lưu chảy, đêm rụng hoa trời, qua mà quên lại, có hiểu lời xưa. Vua kéo vật theo, việc không đến riêng, kính dấu vết cao đây tận tâm như kết. Kính bạch.

TẤN AN VƯƠNG GỞI THƯ CHO QUẢNG TÍN HẦU

Vương Bạch, rộng dứt âm chỉ, thường dùng kết dài, gió mạnh rất lạnh nguyện sánh vui hòa. Xin nương pháp tòa Tịnh Danh thân theo miệng vàng, lời quý giá ở Lộc uyển, lý hợp non Linh Thứu, sâu xa bí mật ở đây đã thạnh, đạo tràng trang nghiêm từ đây mở rộng, đâu chỉ đèn tâm sáng rỡ cũng là hoa ý bay xa. Huống chi suy nghĩ rộng rõ gốc dài của nội giáo, khiến thêm xe mười điều lành, mở đường tám chánh, dòng nước Bát-nhã rửa bụi ý thức, do đây xuân đẹp mới là thật thu.

Vua thường nhớ hội nhóm thù thắng ở rừng hoa cũng tạm nhờ cuối vị, từ sáng đến tối tắm gội lời nhiệm mầu, đến ngày bãi tòa hơn lui nghĩ xét bên. Nắm tay bên đến gồm mở nói cười, ngước trông chín tầng cúi xem trăm thước, ao vàng động trăng, cây ngọc ngậm gió, ngay lúc này đủ gọi là pháp lạc. Nay bộ thừa cuốn màn bày một góc, nghe bên mưa tuệ, dòng vui vọt khắp, luống ôm sông huyền mà thân nương bẩm thọ, hư không chẳng thật có, không sáng tánh linh, duyên bịnh có ái tự sai khó cứu. Gồm dưới xe xưa nay nghĩa lời càng ít, nhớ xưa đã hết giải mới chưa ăn, đã hổ thẹn miệng tụng lại chẳng phải tâm biện. Hằng cảm tạ vẽ bình trọn thẹn nhiễm ô lụa. Huống chi mây từ đã giúp, biển trí cũng sâu, bóng hơn ngọn sóng mong thường rưới quét, nhưng xa trái chuyển nhóm khởi lời đầy ở mắt, nguyện thêm kính nạp, lời không kể hết ý, kính bạch.

Tiêu Ánh, Khai quốc hầu ở huyện Quảng Tín, sợ hãi tội chết, tin đến vâng lời dạy. Lời trong gồm giấy văn vẻ hay đẹp, an ủi vấn vương, như ngày lạnh sương thảm thiết. Cúi xin đi, đứng hòa niệm, dân giàu ân nặng không qua ngưỡng tổn, hạ quan trí mờ thức tối người phàm học cạn, bèn được ủng hộ thềm ngọc, chính thân thờ giáo nghĩa. Tai nghe pháp cam lồ, tâm vương chế thuyết, ân trời sâu xa, tình duệ rộng sâu, ba minh một soi chiếu, giải thích nghĩa dính mắc với người mê lâu. Bốn biện đã bày mở rộng điều khó suy nghĩ mà đốn hiểu, há là vua Hán mộng dấu vết mà âm vang Phạm lại rộng. Dẫu chúa Tấn để tâm mà lời

vi diệu mới hiện? Thường đến đêm rảo bước trên chiếu ngọc, sáng lên thềm châu, không hề chẳng nhớ rừng cỏ phương thắng hội, vườn nhiệm mầu, tòa pháp.

Điện hạ kéo lôi mây báu, hoặc theo dung nhan mà hỏi đạo, thí vạt áo rộng nhìn, chợt chẻ sừng mà mở trán. Bấy giờ lầm răng cuối chiếu dựa nghe tranh luận, thân thờ lời nói thường giúp nhan sắc. Đến như tòa giảng ngày nay, Điện hạ hạn đồng chia Thiểm, lầm ban thiên tướng vẫn đến hạ quan, ai không khâm phục nhân từ, ai không luyến mến đức, ngưỡng tâm đông chú, thường dùng kính ngưỡng làm đầu. Hạ Quan hèn tệ kính mến từ lâu, tuy nghe diệu nghĩa, tâm ngu khó mở, mới muốn theo Linh Thứu làng thông hỏi thăm điều nghi dưới tòa. Bỗng gặp Lịnh chỉ, ban cho tìm sóng dư, xét độc chiến hoàng cúi ngước thêm hổ thẹn ngõ hầu vì suy nghĩ đùa bởn thiếu thái hạ tình. Chính ngay mây từ biển trí, lại lấy ngưỡng thuộc tạ bình, hổ thẹn lụa thật quy về hẹ tầm thường.

Hạ quan hoặc duyên đã nhóm trần lụy chưa tiêu, gần nhiếp bảo vệ, trái phương bèn giữa đường cảm bịnh, không được ăn nhờ rốt ráo, thiếu nghe phẩm cuối, luống tự trách mình trọn thiếu duyên vận, không xét ngày nào cho thần thức vui vẻ. Giở xem sử Nho, không còn tổn niệm. Hạ quan thường thăm hỏi tây bưu, giúp được linh đức, ngước nương nhìn dặn dò rõ trên hoa chương, hoặc nghe công ở dưới cam đường (nhà ngọc) chưa thưởng không văn bút, rối rắm sợi tơ, suốt sáng không dứt. Luận bàn xanh đen, đêm chia bèn ngủ, khách xuân hoa lên tòa bên phải mà thăng đường, khách thật thu ứng luống bên trái mà vào nhà. Văn tôn nghĩa cúi ở chung đàn, chỉ có đây rất vui thật nghiệm sáng này. Hạ quan xưa dạo Lương uyển. Mong xuân đoái hoài, nay riêng cách nhan sắc xanh nhìn lâu tiếp ngưỡng nghiêng tâm đã hết khởi lời rơi lệ. Chỉ có khi gởi âm chỉ ban sự thơm lây. Cúi xin trân trọng xét lại sau nương, khúc phụng ân dạy dỗ dùng chép sâu gánh vác, Ánh đáng tội chết, tội chết.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 22

THIÊN THỨ TƯ: PHÁP NGHĨA (Phần 5)

Chúng sinh và Phật không có nghĩa khác nhau. Nghĩa sáu đường nối nhau thành Phật. Nghĩa nhân duyên. Nghĩa hình thần. Nghĩa thần chẳng diệt. Nghĩa khó phạm chẩn thần diệt, luận nhân duyên vô tánh. Trần Sa-môn chân quán. Nguyện văn ba bộ tất cả kinh của Bắc Tề. Nguyện văn Chu Tạng Kinh. Nguyện văn Bảo Đài Kinh Tạng. Tựa Tam tạng Thánh Giáo. Thuật Tựa Tam tạng Thánh Giáo. Thuật Tựa Chú Kinh Bát-nhã. Tựa Chú Tập Kinh Kim Cang Bát-nhã, gởi thơ cho chư Tăng phiên dịch kinh. Thái Thường Bác sĩ Liễu Tuyên.

NGHĨA PHẬT BIẾT KHÔNG KHÁC CHÚNG SINH BIẾT. THẨM HƯU VĂN

Phật là giác, giác là biết, phàm phu và Phật địa, lập thiện biết ác ban đầu khác nhau. Nhưng chỗ biết của Phật địa được thiện đường chánh, chỗ biết của phàm phu mất thiện đường tà. Phàm phu biết được đường chánh và cái biết của Phật chẳng khác, gọi là do chỗ thiện chẳng phải thiện, vì thế mất đường chánh, cho nên biết cái biết của phàm phu và cái biết của Phật chẳng khác, do chỗ biết sự khác chứ biết không khác. Cái biết của phàm phu không gọi là chỗ biết chẳng lành, ở chỗ cầu thiện mà đến chỗ bất thiện, nếu nhóm tâm cầu thiện, hội này được quy về đường lành, hoặc được đường thì đến chỗ Phật, đây là Phật tánh của chúng sinh, là ở tánh biết kia thường trao truyền.

NGHĨA SÁU ĐƯỜNG NỐI NHAU THÀNH PHẬT. THẨM ƯỚC

Nhất thiết chủng trí cùng chúng sinh trong năm đường sáu nẻo có phần nhận biết chung chứ không phần ra khác nhau.

Hỏi: Nhận biết chẳng phải biết ư?

Đáp: Chẳng phải.

Hỏi: Ở đây dùng gì làm thể?

Đáp: Là nối nhau không dứt. Nối nhau không diệt cho nên có thể nhận biết, nếu nay sinh công đào luyện lần nhóm thì quả vị lai lý chỗ biết càng tinh thông, biết càng tinh thông thì đời sau nên đến thành Phật mà không đoạn không dứt. Nếu nay sinh vô minh thì quả vị lai sự hiểu biết càng tăm tối, biết càng tăm tối cũng là đời sau sẽ đến sáu đường. Nhận biết đủ theo duyên nhận biết, biết tốt xấu không quan hệ đến sự nhận biết này.

Hỏi: Biết chẳng phải biết đã nghe mạng, nhận biết nhận biết tự là nối nhau không dứt, biết tự nhiên trong nhân duyên đến cùng đồ nhận biết ở đây theo lý mà quan hệ nhau ư?

Đáp: Có nối nhau không diệt, ở đây tự nhiên trong nhân quả đến, có nhân có quả đâu được không thiện không ác ư?

NGHĨA NHÂN DUYÊN. THẨM ƯỚC

Tánh của hàm linh đâu không ưa sinh? Đường cầu sinh so le chẳng phải một, một niệm dời đổi đường nẻo đều khác, trong một niệm các duyên xen khởi, trong một nhân một quả có khác nhau. Tánh ưa sinh muôn phẩm ở đây đồng, tự nhiên bẩm thọ chẳng phải do duyên lập, vốn biết ưa sinh chẳng do nhân duyên, nhân duyên chẳng ưa. Sinh tuy lại đủ nhà hình hài mà đều là một vật, một niệm đã gọi các duyên, các duyên đều theo niệm khởi, hai niệm thiện ác thật có sự khác nhau, đều giúp sự ngoài do một lẽ, thí như chẳng có nước chẳng có đất thì mầm lúa đậu không mọc. Tánh nhân duyên biết kia vốn đã khác, nhân quả không lầm chắc chắn như vậy, thiện ác khởi riêng cũng có trở ngại. Dẫu nói là khởi riêng, khởi liền thành nhân trong nhân ngoài duyên đều là do đây.

NÓI VỀ HÌNH THẦN. THẨM ƯỚC

Phàm thời một niệm của người phàm bảy thước không lại liên quan đất chỗ niệm, một niệm người phàm. Bậc Thánh thì không niệm nào không hết, bậc Thánh đã vậy, bảy thước vốn tự như hư không, do bảy thước như hư không nên đều cùng tận muôn niệm, cho nên có thể khác với phàm phu. Khi một niệm phàm phu quên bảy thước kia thì mất bỏ chỗ thấy chân bỏ chỗ đạp lên, ngay cái quên mắt quên chân kia cùng phàm không mắt không chân nào có khác gì?

Người phàm tạm không vốn thật có, không chưa liếc mắt có đã theo, niệm trái với hình thì tạm quên, niệm từ tạ tâm thì lại hợp, niệm

đối với bảy thước một chỗ thì khác chỗ, đồng với người khác thì chẳng phải ngã không khác. Nhưng người phàm tạm không kia, không kia không rất ngắn, bậc Thánh thì không kia dài, không kia rất xa. Phàm khác đường với Thánh, một niệm mà tạm quên thì là phẩm phàm, muôn niệm đều quên thì là Đại thánh. Do đây mà nói thì hình thần bao nhiêu? Hoặc người nghi nhân quả tướng chủ mảy may chia phân không khác nhau, tốt xấu đời sau đều có định nghiệp, mà sáu độ đã tu đều là đầu mối giúp sức. Nếu tu sức này lại có nhân trước, nhân chín mùi quả thành thục tự nhiên chiêu cảm nhau, thì công của sức gây ra không còn được lập. Sáu độ đã tu bao nhiêu đều bỏ. Thích-ca từ chín kiếp lâu xa dõng mãnh mà thành, vì định dõng mãnh từ vô thỉ vốn không chỉ là chín đâu được gọi là kiếp. Tôi cho là nhân quả tình chiếu vốn là hai vật, trước có tình chiếu, kiếp có nhân quả. Tình chiếu đã động mà nhân quả theo đó, chưa có tình chiếu thì nhân quả nương vào đâu? Nhân thức hai đường dùng hợp vốn khác, gốc kia đã khác, thể chắc chắn khác nhau, tình chiếu sai khởi ở lý chẳng ngại, sáu độ chín kiếp sai khác không đáng nghi.

LUẬN THẦN BẤT DIỆT, THẨM ƯỚC

Loài hàm sinh thức soi chiếu lẫn nhau, đẳng cấp so le ngàn lụy muôn chồng, côn trùng thì không thuộc loài chim bay, loài chim bay thì không thuộc chó ngựa, chói lọi rực rỡ không được nói là không đúng. Loài người do trên tánh hiền ngu khác nhau, không hòa hợp nhau không hiểu rõ nhau, yến bắc Việt Nam chưa đủ nói là khéo. Người ngu kia thì không phân biệt được đậu và lúa mạch, người ngược ngạo thì không biết yêu mến. Từ đây trở lên tánh thức càng rộng, ban vốn chín phẩm chưa hiểu đại khái trong muôn một, sao là người hiền và người ngu? Bởi biết và không biết, người ngu biết ít, người hiền biết nhiều, mà muôn vật giao nhau, các phương rộng lớn, tánh tình sáng tối, lý thú sâu mầu, do kia đường cầu lý kia, đã có thông minh tối tăm khác nhau bèn thành cao thấp không đồng. Từ đây đối nhau phẩm cấp càng cao, cùng nguồn gốc kia, tận tôn cực kia, xen nhau suy ngưỡng nên có chỗ tột cùng. Đường kia đã cùng không vi diệu nào chẳng cùng tận, lại không được cho là không như vậy. Vả lại năm tình đều có khu vực riêng tai mắt riêng có ty tồn, tâm vận động thì hình quên mắt dùng thì bỏ tai, đâu thì tình linh cạn yếu, tâm lự tạp nhiễu. Một niệm mà gồm không nhờ đâu mà đến được, đã không thể gồm lộn xộn thay nhau. Một niệm chưa thành, đầu mối khác xen khởi, xen khởi các đầu mối lại đồng như trước. Do không

gồm nhau, do nơi cạn lầm, lầm cạn là bịnh, bịnh nơi chấp có. Không cạn không lầm xuất hiện gồm quên, do gồm quên nên được gồm chiếu này, từ phàm phu đến Chánh giác ban đầu lầm nơi không lầm, không gồm đến hay gồm, lại chẳng được cho là không.

Lại côn trùng yểu mạng, hàm linh chẳng hai, hoặc sáng sinh tối chết, hoặc không biết xuân thu, từ đây mà tiến tu ngắn chẳng phải một. Đã có ngắn kia đâu được không dài, luống dùng tổn năm, khéo nhiếp thêm thọ. Thiện mà lại thiện đâu được không có? Lại không được cho đó là không. Sinh đã có thể yểu thì thọ không thể không yểu, yểu đã không thì sinh không thể tột, khác nhau giữa hình thần đã vậy. Nhưng hình đã có thể nuôi, thần đâu riêng khác. Thần diệu hình thô, rõ ràng phân biệt được, dưỡng hình có thể đến không hư hoại, dưỡng thần đâu được có cùng. Dưỡng thần không cùng, vô sinh vô diệt, đầu ngọn bắt chước nhau há không là người kia? Từ phàm đến thánh, hàm linh nghĩa đồng, nhưng sự có tinh thô, cho nên người có thánh phàm. Thánh đã còn mãi, ở phàm riêng diệt, gốc đồng ngọn khác, nghĩa không gồm thông. Đại Thánh ban lời dạy há lầm ở đây sao?

BẮT BẺ LUẬN THẦN DIỆT CỦA PHẠM CHẨN, THẨM ƯỚC

Xưa luận rằng: “Hình tức là thần, thần tức là hình”. Lại nói rằng: “Người thể là một, cho nên thần không được hai”. Nếu suy luận này thì hai vật không được lìa nhau, bảy lỗ trăm thể không chỗ nào chẳng là thần. Bảy lỗ dụng đã khác, trăm thể chỗ lo chẳng phải một. Thần cũng theo sự mà ứng thì tên kia lẽ ra cũng theo sự mà thay đổi. Chân là tên đối hình, mà trong hình có dụng riêng kia, lẽ ra thần trong thần cũng nên đều có tên kia, nay nêu hình thì có bốn chi trăm thể khác nhau, co duỗi nghe nhận riêng, đều có tên kia, đều có dụng kia. Nói thần chỉ có một tên mà dụng chia trăm thể, đây là chỗ sâu xa chưa rõ. Nếu hình đối với thần, miếng không thể sai sao lại tên hình thì nhiều mà tên thần lại ít?

Như luận của Như Lai, thần bảy thước, thần thì không chỗ nào chẳng là hình, hình thì không chỗ nào chẳng là thần. Dao thì chỉ có dao gọi là bén, chẳng phải dao thì không được tên bén, cho nên dao là nêu gọi thể, bén là tên một chỗ, dạo và bén khác nhau. Hình và thần đâu thể vọng hợp.

Lại ngày xưa là dao, nay đúc thành kiếm, kiếm bén thì tức là dao bén. Mà hình dao chẳng phải hình kiếm, dụng bén đã thay đổi mà hình chất đã dời, sinh trước là giáp sinh sau là bính. Đường người trời đều

khác, thần thức xưa vẫn truyền, cùng với kiếm làm dao, dao làm kiếm nào có khác gì?

Lại chất của một dao chia làm hình hai dao, hình đã chia mà có bèn kia riêng. Nay lấy thân một con trâu mà chia làm hai thì ăn uống lúc sống liền hết. Dụng của nhậm trọng không phân chia, lại đâu được dùng dao và sự bén để thí dụ cho hình và thần ư? Đến luận cho rằng dao và bén tức hình có thần, dao thì nêu thể là một bén, hình thì nêu thể là một thần, thần dùng nơi thể thì có tai, mắt, tay chân riêng khác, dụng của tay không phải là dụng của chân, dụng của tai không là dụng của mắt, mà bén là dụng chẳng chỗ nào không thể, cũng có thể cắt rắn, cũng có thể chặt chim hồng chim ưng, chẳng phải một chỗ riêng, có thể cắt dưa Đông Lăng, một chỗ riêng có thể chặt trúc Nam Sơn.

Nếu cho bén là dụng có thể chia được, thì chân có thể chấp vật, mắt có thể nghe tiếng. Nếu cho là lưng dao cũng có bén, hai bên cũng có bén, nhưng chưa rèn mà bén nhọn. Nếu bén cùng khắp bốn phương thì thể bén không còn chỗ lập, hình vuông hình thẳng đều không được khắp bén, bén đó là dụng chính ở một bên chỗ mảy lông. Thần và hình nêu thể hợp, lại đâu được đồng ư? Nếu dao nêu thể là bén, thần dụng theo thể thì ,hna. Nếu khiến dao và bén lý kia nếu là một thì dưới thần cũng có thể đặt mắt, trên lưng cũng có thể sắp mũi, có thể chăng? Không thể được.

Nếu cho thí dụ này là tột thì là không tột. Nếu cho là vốn không tột ư? Thì không thể dùng làm thí dụ. Nếu hình tức là thần, thần tức là hình, hai tướng giúp lý không riêng khác, thì ngày thần mất, hình cũng tiêu. Mà nay có biết thần mất mà không biết hình còn. Đây là vì thần vốn chẳng phải hình, hình vốn chẳng phải thần, lại không thể được gượng khiến là một.

Nếu cho là gồm chất của trăm thể gọi là hình, gồm dụng của trăm thể gọi là thần. Nay trăm thể có riêng phần kia thì mắt là hình mắt, tai là hình tai, hình mắt chẳng phải hình tai, hình tai chẳng phải hình mắt, thì thần cũng tùy trăm thể mà chia, thì mắt có thần mắt, tai có thần tai, thần tai chẳng phải thần mắt, thần mắt chẳng phải thần tai, mà thể thiên khô nửa kia đã diệt nửa đã mất sự đồng với cây đá. Thí như thây cứng kia nhiều năm không hư thì cũng nên cùng nửa này đồng diệt. Nửa thần đã diệt, nửa thể vẫn còn, hình thần đều mất càng gồm cảnh giác. Nếu thấy hai viên mà trải qua ức năm không hư hủy, thể riêng khai còn dư chất ở La Phù. Nếu thần hình hợp thì hai người này không nên thần diệt mà hình còn.

Đến luận lại nói rằng: Chợt sinh mà chợt diệt, lần sinh mà lần diệt, thỉnh hoành của tá tử dùng thành của công tự, lần mà diệt gọi là hình hài người chết, ban đầu là không biết mà đến hư mục. Nếu vậy thì hình và thần là một vật, hình đã bịnh lẽ ra thần cũng bịnh. Hình đã mất thần cũng nói là mất. Lần đó làm dụng nên chung với hình, do ban đầu mất chưa hư là tiệm thần, riêng không được do ban đầu là tiệm ư?

Đến luận lại nói rằng: Sống là hình hài, biến là cốt người chết. Xét Như Lai luận, thần minh sống hình hài sống, đã hóa thành cốt cách, rõ thần minh sống riêng không theo hình hài sống, đã hóa làm cốt cách, rõ thần mình sống riêng không theo hình mà hóa ư? Nếu theo hình mà hóa thì nên đồng thể với hình. Nếu hình hài tức là hài cốt thì thần minh chết không được khác thần minh sống. Từ trước cái gọi là chết, định tự chưa chết. Nếu hình hài chẳng phải hài cốt thì thần sống hóa thành thần chết. Thần sống hóa thành thần chết tức là ba đời, đâu gọi kia là không diệt? Nếu thần theo hình thì hình không biết, hình đã không biết thì thần vốn không chết, không biết thì là thần chết, thần chết mà hình còn, lại không thông binh.

Nếu hình tuy không biết, thần còn có biết, hình thần đã không được khác thì hình chết từ trước lại chẳng phải là cây khô.

TỰA LUẬN NHÂN DUYÊN VÔ TÁNH, CỦA SA-MÔN THÍCH CHÂN QUÁN ĐỜI TRẦN

Linh đức tuyền đình có châu ba nghị, chẳng phải chỉ có ngoại học thông minh, cũng là nội tín rõ sâu thường tự tâm trọng Đại thừa miệng tụng Bát-nhã, bỗng soạn luận tự nhiên, liền khởi chấp hữu tánh, hoặc thị hiện đồng tà kiến, hoặc là thật khởi tâm điên đảo, giao lại có tổn chánh chân, lỗi thương hại chí đạo. Tạm cắt hậu luận để trừ bỏ chấp kia, dẫu lại lời không đủ nhặt mà lý đều đáng xem, nếu cùng tôi đồng chí thì mong cùng xem xét.

LUẬN VỀ TÁNH PHÁP TỰ NHIÊN, CHÂU THẾ KHANH

Ngụ Tư tiên sinh ngạc nhiên than rằng: Muôn pháp muôn tánh đều là lý tự nhiên. Chỉ có tự nhiên nên không được dời đổi, cho nên người lành tuy biết lành, không đáng nương. Người lành không thể phút chốc mà làm ác, người ác lại cho ác không đáng răn dè, người ác cũng không thể phút chốc mà làm lành. Lại thể của người nhân từ không tự biết mình là thiện, thể kẻ ngu không tự biết mình là ác, đều tự nhiên mà như vậy. Khách ngồi đá là Đại phu học giả, bỗng nhiên khởi sắc mặt mà

nói: "Bền chắc thay thuyết của tiên sinh! Trái đại đạo mà lầm lời bậc Thánh". Tiên sinh nói: "Đại đạo ai là chủ? Bậc Thánh nói gì?" Đại phu nói: "Đại đạo không có chủ mà chẳng ở đâu không có chủ, bậc Thánh không nói mà không đâu chẳng nói".

Tiên sinh nói: Xin nói lời đã nói. Nói tánh mạng lý do gây ra ư? Xin nói chủ kia là chủ báo ứng thiện ác ư?

Đại phu nói: Thế nào là không đúng. Bởi công trời đất đại đạo để chở nuôi. Bậc Thánh hợp đức đất trời để lập giáo. Tựa nhân nghĩa năm đức để nghiệm tâm kia, nói thi thẻ sáu nghề để dạy nghiệp kia, đây là lời bậc Thánh: "Nếu người làm lành quyết có niềm vui, người làm bất thiện thì chắc chắn có tai ương". Cho nên nói rằng bậc Thánh không thân thường cùng người lành, sáu cực tựa mà giáng hạnh trừng phạt, năm phước bày mà tâm lành gắng gổ. Ba đời là sắp dùng quyền che bại, bảy là tu thiện có tánh hưng thạnh, bày thưởng sủng mà không hầu, vui mừng xướng số mà chiêu với quốc, đây là hiệu của nhà đạo, sao tiên sinh nói đều là lý tự nhiên mà không thể dời đổi ư?

Tiên sinh cười mà nói: Đời cho là người gỡ dây, dây hết mà không thay đổi như bọn Đại phu. Kính khóa ống nhỏ hẹp là ông và tôi bày ra, bởi hai nghi chấp mà sáu chữ thí bày trăm họ nuôi mà năm tài dùng. Dùng câu này cách muôn pháp mà cùng tận. Người là chúng sinh lanh lợi nhất, ứng khí ủy tự nhiên, bẩm thọ chất đẹp, xấu, đầy, lưng, tình buồn, lo mừng, vui giận. Nắm cùng tột mạng dài ngắn, phong tánh ngu, trí, thiện, ác. Phàm buồn vui mừng giận phục ở tình, cảm vật mà động. Cùng tột dài ngắn giấu nơi mạng sự đến mà sau rõ. Xấu, đẹp, đầy, lưng chấp vào hình, có sinh mà nêu thấy. Ngu, trí, thiện, ác, phong kín ở tánh, chạm dụng mà hiển dấu vết. Tám câu này gồm hết việc người, đều do số tự nhiên, không có công tạo tác. Nếu có người tạo tác thì quyết nhọc mệt, có người ra vào thì quyết sót lọt, có người thù tạc thì quyết lầm. Ba người này chẳng có công tạo vật, cho nên Mặc Tử nói rằng: Dù cho tạo hóa ba năm thành một chiếc lá, lá của thiên hạ ít ư?". Bởi bậc Thánh lập bày sự khéo léo để thành giáo, nương sự để khuyên oai, thấy bạo của mạnh mẽ ít khiếp sợ, sợ phất cấm của hình chém giết, bèn bày oai họa dâm, thương tổn đôn hậu thiện lành thì không khuyên, biết tánh mạng không thể thay đổi, nêu phước lành để khen đó, cho nên nghe lời nói ấy dường như chớ sai, gạn việc kia muôn điều không sai một.

Ông dùng gốc nhánh trồng nhiều, đây là đầu mối che đạo, thưởng phạt chẳng chủ, do hạnh chiêu cảm, thân ở vui trễ là báo sánh của người lành, thể sự tột khổ là hiển chết của người ác. Tôn Thúc lúc nhỏ không

chôn rắn, lớn không sang Lịnh Doãn. Tốt, xấu trước không dâm đức, trọn thiếu tôn Thừa tướng. Nếu vậy thì thiên đạo do trọng mạng hoa văn. Đáp: Tột ngu của Huyền Tẩu để thương đều đơn chu, đáp chí thánh của Nghiêu Thuấn. Đại Bá ba đời không lỗi đạo binh mà rảnh tế Trọng Ngu, Hán Tổ bảy lá không nghe hạnh dốc thiện, bèn tạo nghiệp phối thiên, lồng xứng đình dùng năm phước, thân ôm đau đớn Di diệt.

Khổng Tử nói rằng: Vui mừng nhóm thiện, thân thờ lòng bi lữ nhân, sắc mặt trên bảy mươi, có không ý chỉ tài giỏi, lại ở đầu bốn khoa gây ra lời than người này, mà quan thương gia lụy Vương Kinh Nam, mạo độn đời ở nền Bắc. Đầu non không hiểu mặt quỷ, chìm nước có ôm hồn oán. Khanh thành dùng họ sửa là khanh, không giúp họa tiểu thánh, Vương Bao thương biến cây núi Lũng, chợt nhận tai chẳng quên. Hai đời bảo vệ che chở, đau đớn của (ghe) chu ai chịu tội? Ba nhân ở mảy lông, cắt tâm tàn khốc ấy tội gì? Nếu suy lường nước gần, tính kỹ đời xa, chẳng phải mồ mả sách vở được, ở ngay trước mắt tai, đến có bụng chứa hiểm mạnh môn, tâm chất độc soi chiếu rắn độc, chỉ suy nghĩ tâm niệm hại người khác, hạnh thì quyết định lợi mình là trước tiên, dao chùy mài che bén nhọn, hang khe lạ là khó đầy. Trong thì trăm lượng, ngoài tươi tốt ngàn chung nội thật, thêu thùa tốt đẹp, ngồi bày ngọt béo, vàng kêu ngọc vấn giàu sang trọn đời, tự có ngọc trắng mà khoe, châu sáng mà thành tánh, tâm không thể làm việc giết của Khải Trập, tay không nỡ chẻ điều vuông dài, ôm tài hay mà không nhặt chứa chí tốt mà ai nhìn, lẫn lộn trong phiền toái, thấy đáy nơi cuối cổng làng, ôm đói lạnh mà chết, chôn chung với nai hươu, dừng trải qua chiều tối, mẹ góa con côi không chỗ nương tựa, danh tự không nghe, khói chìm sấm diệt, đáng hận như thế há là một người ư?

Là biết hung tàn của Kiệt, trộm, không sợ họa đời sau sắp đến, dốc hạnh thương xót chớ nghĩ vui đời sau sẽ tới, cho nên Hạt Quan Tử nói: Mạng người là tự nhiên, kẻ hiền chưa chắc được, kẻ chẳng ra gì cũng chưa hẳn mất là nghĩa này.

Đại phu nói: Nếu dẫn lời của trăm nhà thì Liệt tử là tên, quyết liêm khiết, liêm khiết thì nghèo, là tên quyết nhường, nhường là hèn. Nếu vậy thì lập tên người nghèo hèn chỗ tính toán mà đến, thì giàu sang kẻ nghèo tranh đến cầu mà được, sao gọi là số tự nhiên?

Tiên sinh nói rằng: Đây là nói một góc chẳng phải khắp cả lý. Phàm giàu sang tự có nghèo tranh, giàu sang nghèo chẳng thể tranh mà được, nghèo hèn tự có liêm khiết khiêm nhường, nghèo hèn chẳng phải liêm khiết khiêm nhường muốn mời. Tự có giàu sang mà nghèo

chẳng thể cầu được nghèo hèn mà không liêm khiết khiêm nhường. Vả lại ông ít nói mạng, đạo nhờ người mở mang cho nên lý tánh mạng bậc tiên Thánh thiền nói. Thiện ác, báo ứng, thiên đạo có thường mà quan hệ gì? Thí như gió mát thì nở hoa, lạnh thì tuyết rơi, có ủy lại phân rơi, có lụy trên thềm ngọc, gió dữ vô tâm nơi dày mỏng mà hoa, tuyết, có tịnh uế khác nhau. Đạo trời vô tâm đối với thương ghét mà tánh mạng có bít lấp hay thông suốt khác đường. Ông nghe Vu Công đãi phong mà phong đến, nghiêm mẫu trông chết mà chết đến. Nếu thấy người lành liền nói kia sau sẽ sướng, nếu thầy người ác thì nói kia sau sẽ chết. Đây giống như trọn đời ôm cây mà được thỏ.

Đại phu vì vậy đổi sắc mặt mà cảm tạ rằng: Như kẻ tôi tớ chỗ chấp riêng thuật mà đường mê muội thông, giữ hẹp gần mà mất rộng xa. Nay nhờ âm đức chợt khai mở, thí như sở thục phục thi muôn đời xưa mà bỗng ngộ, say chìm núi Trung chưa ngàn năm mà bèn tỉnh, xin thờ lời này để chép bày ra.

Có kẻ hỏi: Chu Tử nương gá bàn hư bày đáy tấc vuông, luận tình chỉ sự rất có ý thú. Nhưng rõ ràng sách trước có chỗ chưa hiểu, phàm tình buồn vui mừng giận của con người bao gồm tánh thiện ác, giúp phương đối đãi không đủ, vì vậy sự tranh đoạt từ đây phát khởi. Tài thức đồng không thể chế ngự nhau trời sinh nhân thánh là khiến gồm thâu. Nhạc do bậc Thánh làm, lễ là Tiên vương chế, nghi ba ngàn để xét dấu vết kia, hòa năm âm để dẫn dắt tâm kia, lập tước để khuyến thiện, treo hình phạt để trị ác, mảy may không lọt, thù tạc như tiếng vang.

Ngọc Bạch nói rằng: Ôi! Đều là chỗ tiến cử, trống chuông đây hợp đâu phải tự nhiên mà đều. Ngàn khoa đầy mắt đâu chẳng phải lực dụng gây ra, trăm mối so le đều do trí ngu gây nên. Chúng ta là quan của Thang, Vũ, là học trò của Chu, Khổng, ra vào cửa nẻo, phục ứng danh giáo mà nói rằng: "Người lành biết lành không đáng nương. Người ác biết ác không đáng răn dè, lành không thể cảm mừng, họa không thể báo ác, là sao lại bàn trái lý. Vả lại bò bay máy cựa còn biết đến huống gì còn người là vật linh thiêng nhất mà đồng một vật tự nhiên, đây há thi cao dày, sao dùng phi loại mà dụ, tình chỗ chưa hiểu xin đợi đáp rõ.

Đáp rằng: Xưa Lư Ngao cõi hoang Bắc Tào, tự thương dấu chân chưa rộng, sông tông đông nhìn ra biển cả, mới than nước thu không nhiều. Chúng ta tập học thành tánh, chưa dễ gì có thể cùng bàn xa lớn. Nay ông cho co duỗi cúi ngước là tâm lự làm khắc thiêu cắt xẻo tay chân làm, nhạc lễ là bậc Thánh làm, bậc Thánh do trời đất sinh, xin vì chúng ta gần lấy các thân thì có thể xa chung các vật, ông cho mắt thấy,

tai nghe, chân bước, tay cầm, ý bình luận, ai khiến như vậy? Thân bị bịnh nặng, lạnh nóng đều không tự biết. Buồn, vui, mừng, giận, hưng khởi, bỏ phế ở đâu. Đất đâu có biết, tự biết ý thức ở đâu ? Người có trí tự biết chỗ ở của trí ư? Nếu biết ở khắp trong thân, thân thương tổn thì biết bị cắt. Nếu trí khởi theo sự, sự mất thì trí diệt, quả là thức không biết thức trí không biết trí, vì vậy suy gần để hiểu xa, chạm loại mà lớn. Cho nên biết lễ nhạc không tự biết lý do chế ra nó, bậc Thánh không tự biết lý do sinh ra mình, hai tượng cũng không biết lý do nào lập ra mình. Vì thế hình sai suy nghĩ khác ủy nhóm tràn đầy, động tịnh hợp tan tự sinh tự diệt. Động tịnh là không có thức làm chủ, sinh diệt không tự hiểu gốc kia, bởi lý tự nhiên như vậy. Cái gọi là chẳng phải tự nhiên chính là rất tự nhiên, là hữu vi chính là rất vô vi.

Ông nói rằng: Trời sinh bậc Thánh là khiến ty thâu, vì sao đời Đường Ngu nhiều bậc Thánh lại thêm năm thần (quan), Văn Vũ trọng sáng càng dùng mười loạn, hà thiên đạo không thể một cái sau trước kia. Sắp cuối đời ban cho mở trời đất, đại Nghiêu đại Thuấn chẳng muốn sinh con bất tài. Long Phùng, Tỷ Can, đâu thích thân đến chỗ tru diệt. Khổng Tử có hỏi thăm Thê Hoàng Tốt nói rằng: “Cầm roi không sợ”, Nhan Hồi đâu dám chết, trọn khiến cha lành thỉnh xe. Sau ba Thánh ba nhân có thể cho là khéo lấy bỏ. Trời có khả năng làm cho biển Đông khô cạn, không bằng lý oán của phụ nữ hiếu, đất có thể khiến cao thành đậy hào, chưa bằng cứu chết Kỹ Lương. Cho nên vinh, nhục, sống, chết là định phần tự nhiên, nếu Thánh cùng nhân không thể tự khỏi, rất muội câu thô xấu mà lý vẫn hiển.

LUẬN NHÂN DUYÊN VÔ TÁNH CỦA PHÁP SƯ CHÂN QUÁN ĐỜI TRẦN

Thỉnh Nghi Công tử có lời với Thông Hối tiên sinh rằng: Hai nghi mới phán thì thứ loại nương, bảy diệu đã treo thì triệu dân kính ngưỡng. Nhưng sinh trước chết sau buộc tượng chưa rõ. Từ xưa đến nay Hiền thánh ở đây đâu xét, mà mong quân tử xen lẫn tham cầu, danh nhân mộ lý tranh xuyên tạc, góc đây chỗ nói thì nói đầy tự nhiên. Điều họ Giả nói thì cao bày báo ứng, dẫu tự nhiên nhọn bén sẽ hơn ở trước báo ứng chiến tranh bại hoại ở sau, mà tâm ngu khó mở, thức tối dễ mê, hai lý giao nhau chưa biết ai đúng.

Tiên sinh Thông Hối bèn chống tay đáp rằng: Xét Thanh Luận của hai ông thật đều là gò cao riêng góc. Tự nhiên thì nương bên Lão Trang, báo ứng thì bắt chước theo Châu Khổng, nếu gọi là cấm thì đã

mất mà giúp cũng chưa được, nay vì các ông suy nêu mà trình bày. Ba kinh năm điển lý thiện ác chưa bày, tám sách chín khâu đường sáng tối vẫn bưng che, huống chi vườn sơn quan lại ngạo nghễ hoảng hốt sinh cuồng, riêng xưng tông tạo hóa, riêng cứ tánh tự nhiên, chính là cầu tục nhất thời chẳng quan hệ gì huyền mưu của khế lý. Nay xin hỏi gốc của tự nhiên là đến chỗ nào? Có nhân quả hay không nhân quả? Nếu cho là tự nhiên còn luận nhân quả thì sự giống mâu thuẫn, hai lời nuốt nhau người ngu cười, người trí buồn, thẳng để mình kính mến không phiền nhiều nạn. Nếu cho là không báo ứng đốn dứt nhân quả thì vua tôi, cha con không hành đạo này? Lời của nhân, nghĩa, hiếu, từ đâu dùng. Lại người làm ác được vui, làm lành gặp tai ương lẽ ra đốt lửa được nước, gieo đậu được gạo, chưa thấy tiếng chẳng hòa âm vang, hình cong mà bóng thẳng.

Nếu cho huân tập thượng thánh mà sinh con như Đan Chu, trọng hoa chí đức mà sinh ra mù gầy, lại là tự nhiên mà như vậy, dòm là dưới chân mà không chân, đạo chí thân gọi là thiên tánh mà đều tùy hạnh nghiệp không hề quan hệ nhau. Nghiêu Thuấn là cây đức ở đời xưa cho nên bẩm thọ linh trí. Mù gầy là khởi ác ở đời trước cho nên đến đây bị ngu độn mà lại cùng kết trọng duyên lại bày phát nhau, bèn muốn nhân phàm hiển Thánh dùng trí hóa ngu. Nếu không có hung xấu của mù gầy thì đâu biết sự tốt đẹp của khắc giai, tự chẳng phải huân hạnh Thánh thì ai giáo hóa ác mạn du? Cho nên A-nan và Điều-đạt đều là em của Thế Tôn, La-hầu, Thiện Sinh là dòng dõi của Như Lai, mà A-nan gần gũi hầu hạ, còn Điều-đạt thì khởi nghịch lại. La-hầu thị hộ châu chớ phạm. Thiện Sinh thì phá đồ khó thâu. Do đây mà quán sát có thể biết.

Nếu nói rằng đều có tự tánh không thể đổi dời,cái điều khác đây không như vậy. Còn như chim ưng hóa thành chim Cưu, bổn tâm mau hết, quýt biến thành chỉ vị trước chưa tiêu. Xưa giàu nay nghèo, lý định tánh khó đoạt, trước sang sau hèn thuyết phú mạng ở đâu? Lữ Vọng giết trâu sau làm Thái Sư, Y Doãn gánh đảnh cuối cùng được lên Thừa tướng, Tải Uyên bốn bên đều là hoạn sau được nổi danh, khắp nơi điềm ba hai, tối xưng linh đức. Xà Vương tội không nghe, bỗng nhiên đổi cơ đồ. Dục Vương tội đâu lớn bỗng có thể tôn vinh điều thiện. Nếu y lý tự tánh này thì có được nghĩa này?

Nghĩa lành chỉ nên tu lành đâu thể chút thời khởi ác, người ác thường tự khởi ác, không cho một niệm sinh thiện. Đây thì tươi khô, vinh nhục đều giữa tất nhiên, ngu trí, cao thấp không sửa đổi đâu phải kia vậy, hay quyết không vậy? Lại nếu cho người tu đức lại cảm ưu

buồn, kẻ làm lành lại bị trầm luân vì mạng tự nhiên, cũng không đúng. Nếu làm lành mà mong quả báo là cách điều thiện càng xa, tu đức để nổi tiếng thì lìa đức càng lắm. Nếu quyết nổi bậc tánh khuê chương, hoại tâm ngọc uyển diễm, vốn không có ý ở tiếng tăm, không hề mừng nơi sang giàu mà tiếng anh tài quyết quẩn bách rất mừng mới đến. Hoặc có thể chưa gặp tri âm lại đồng tan cây, không gặp ngọc riêng thì đều chìm dưới bùn. Tạm là rồng ẩn không thiếu, đức phụng đâu dung, nhỏ mọn trong trời đất, quấy nhiễu thế gian, tự có thể vốn cùng không phiền được mất. Đến như Thái Bá, Cao Nhượng tiếng thơm ngàn đời. Trọng Ni nghèo khổ mà danh truyền muôn đời. Nhan Hồi chết yểu, nghiệp không lâu dài lại gây ra bịnh này, phải do nhân bịnh chưa hết. Hai ông chịu chém càng hiển ác của Vệ Linh, ba nhân chịu chết mới thấy lỗi của Ân Trụ. Đói ở đầu non không trách thỏ cầu danh, chìm ở sông Mịch còn để lại lỗi oán hoại.

Vả lại, nghiệp quyết định, chẳng phải thần lực cứu được quyết phải chịu báo, đâu phải Thánh trí mà đuổi được, đều khởi nhân xưa chẳng phải nay tạo. Nếu cho rằng cắt mổ là việc mà cầu thọ trăm năm, trộm cắp ở trong lòng mà của tiền đầy cả ức, cho là định tánh mà như vậy cũng chưa đủ dụ. Đây do đời xưa có chút lành, cảm mạng tài đây. Đời nay tai ương nặng chưa vời lấy quả báo, vì kia là tội đã lớn chịu khổ phải nhiều, cho nên lại hoãn sự chết kia, vì thế dầu kia ác, một sớm họa đầy nhóm gây hấn thì lật ổ bể trứng, lớn quỳ cách tử nê lê, thường ở địa ngục Vô gián. Cho nên sách nói rằng: “Ác không nhóm không cho là diệt thân” chính là nghĩa này. Cũng thấy có người chiêu cảm quả báo sự tiếp thấy nghe, đến như Vương Mãng soán nghịch thì bị treo đầu ở đoạn đài, Đổng Trác hung tàn thì phơi thây ở chợ, Tấn Hầu giết Triệu Sóc buồn cảm hầm xí, chúa Tề hại Bành Sinh có đua đổ xe, ngôi nhà Hạ đảo điên vì tội của Kiệt, tông nhà Ân tan vì lỗi của Trụ. Cho nên biết nghĩa nhân quả lẫn lộn khó có tiêu chuẩn, lý nghiệp báo so le không nhất định, cái gọi là sinh báo, hiện báo và hậu báu.

Công tử nghi ngờ nói rằng: Nếu cho chấp tự nhiên đối với nghĩa không thể, thì hiện báo ứng ở lời là được, mà ý chỉ trước lại nói rằng: “Những điều hai ông trình bày đều trái với khế lý,” chưa biết ý này có thể được mà nghe ư?

Tiên sinh Thông Mẫn nói: Ông đã hết lời hỏi hai ba lần, tôi cũng mấy lần đáp lời ông. Nhưng tự xét mình thấp hèn chưa bày cốt yếu nhiệm mầu kia. Xét pháp vốn chẳng thật có, chẳng có thì không sinh. Lý tự chẳng phải không, chẳng không thì không diệt. Không sinh không

diệt, các pháp ở đâu? Chẳng có chẳng không muôn vật nương đâu? Mênh mông thanh tịnh đường suy cầu đứt ở đây, dĩ nhiên bình đẳng, đường tất thủ xa không theo, há có lý báo ứng để cầu, tướng thiện ác sẽ được. Ngay cả chúng sinh phàm phẩm chưa rõ đầu mối này, cho nên khởi tranh luận ngang trái, gượng sinh phân biệt, cái gọi là người khát theo bóng nước, nước ở ao nào? Dụi mắt thấy hoa, hư không không hề có hoa. Nhưng vì dắt dẫn tình gần bỏ lầm nặng kia gạn bày nhân quả lược hiển bày nghiệp duyên, khiến định tánh trừ chấp tự nhiên, nếu hiểu chánh lý ngộ chân pháp này cũng dựa vào chỗ nào mà có, chỗ nào mà không? Vì vậy hai ba quân tử nhìn nhau tâm kinh ngạc vui mừng lãnh ngộ, lui tòa kính phục nói rằng: "Ngày nay có thể gọi là sớm nghe chiều chết, luống xưa thật quỳ, nhóm đeo đều nghiêng giống gió thu hoa rụng, nhiều nghi đều tan. Thí như mặt trời mùa xuân làm tan băng. Cẩn thận phải cùng bỏ mê trước, đồng tôn nghiệp sau.

VĂN NGUYỆN NHẤT THIẾT KINH CỦA BA BỘ ĐỜI TỀ THUỘC VỀ NGỤY

Ba cõi phân chia, bốn loài bẩm tánh cùng sống trong nhà lửa, đều chìm trong biển dục, cho nên Pháp vương phải vận cồn bãi, người giác ứng kỳ xe cộ dẫn dắt bọn đắm chìm kia về nơi đất thù thắng này. Từ mây báu bên Tây ánh pháp vẽ sông Đông, cam lồ chảy rộng theo gió cảm trao. Nhà vua thống lãnh thiên hạ, tôn đạo sùng pháp, cứu chúng sinh nơi có đối đãi, vớt chúng sinh nơi không hai, cho nên khắc chiên-đàn, làm lụa, tạo đá, chạm vàng, khắp nơi muôn nước số nhiều như cát bụi. Lại ra lệnh ty tồn có sự đen trắng tinh thành dụ nơi da cốt, câu kệ đều ở cung rồng, miệng vàng chỗ tuyên gồm khuyến thiện, đều có ba bộ, hợp cả ngàn quyển, đem công đức này tâm như hư không, dùng bình đẳng thí không suy nghĩ chẳng bàn bạc, nhờ nguyện lực của ta đồng lên thượng quả.

VĂN NGUYỆN KINH TẠNG NHÀ CHU, VƯƠNG BAO

Ngày........ tháng...... năm, đảnh lễ v.v... Bởi có nghe dấu vết chín sông sách tấn Ôn Linh Khâu, trong bốn vết dây sách dấu các ngọc. Cũng có gò xanh phủ tía văn Tam Hoàng khắc đá, khuôn mẫu xanh, dây màu vàng chữ của Lục Giáp linh bay, đâu bằng bí tàng của Như Lai. Thí như minh châu kia. Chư Phật làm thầy đồng như gương sáng sạch, pháp Tứ đế ở Lộc uyển văn tám Kiền ở Ni Viên, năng lực Hương Sơn rộng lớn đâu nói rằng gánh vác được. Do ở năm Chiêu Dương rồng

nhóm giếng trời Tấn làm v.v... kính tạo tất cả kinh tạng, ban đầu dạy ở sinh diệt đến thuyết Nê Hoàn luận bàn ít có, kệ ngắn hay văn xuôi, đầu xanh, hòm bạc, văn đen, hộp ngọc, thuốc bột Lăng Dương, chỉ quán tiên tự, cửa Doãn trông hơi, cắt nhận lời màu, chưa có Long Thọ lợi căn xem đề không khắp, hạnh Tư Đà cạn, cùng ngồi chưa nghe. Trọn âm Thiên Trúc cùng là Bối, tro chia tám nước, văn theo Kế Tân đá trọn sáu thù, sách về biển lớn. Kính mong thần linh quá khứ nương đạo lực này được vô sinh nhẫn đầy đủ oai nghi. Lại nguyện ngôi vua lâu dài thần dân an vui, bốn phương trong thêm muôn phước hiện tiền, oán thân sáu đường đồng lên Chánh giác.

VĂN NGUYỆN BẢO ĐÀI KINH TẠNG, TÙY DƯƠNG ĐẾ

Đệ tử thọ giới Bồ-tát là Dương Quảng kính lễ, kính nguyện Như Lai ứng thế, tiếng giáo giúp vật, tha thiết vi diệu bí mật kết tập pháp tạng. Đế Thích, Luân vương đã nhận lời phó chúc, Bồ-tát Thanh văn được nêu đại hóa, độ thoát vô lượng cho đến ngày nay, chí tôn cứu sự chìm đắm, trăm vua lẫn lộn, bốn biển ngày bình bày, đạo tục không thiếu mà Đông nam dân ngu xúi giục lẫn nhau nhận triều lược trọng ven biển xanh, sai dịch không nhọc thầy do thời yên, lại suy nghĩ sâu linh tượng tôn kinh nhiều như tro tàn, kết tóc dây mục chôn vùi cống rãnh. Đây là do mạng xa các quận nơi nào cũng đến nhóm, chưa đến một tháng ghe nhẹ gồm đến, bèn ra lịnh cho ty học nương tên chép thứ tự và lập đạo tràng, nghĩa phủ suy nghĩ kỹ chứng minh lý do, dụng ý so sánh phần nhiều được bổn loại trang nghiêm sửa chữa xưa cũ cho mới. Đài báu bốn tạng gần mười muôn cuộn, nhân phát thệ nguyện rộng lớn, thường làm cho lưu thông, bèn chép nguyện văn đều nối quyển sau, thường thuộc yết kiến chép công mới xong. Nay chỉ chánh tạng Bảo Đài trọn đời thọ trì, kia tạng kế trở xuống thì mặt trời tuệ, mây pháp, đạo tràng, hàng ngày trang nghiêm hằng thiện cõi linh. Ngoài ra, kinh đô chùa tháp tịnh xá các nơi, mà Phạm cung có xen lớn nhỏ, Tăng đồ cũng có nhiều ít, đều tùy kinh bộ nhiều ít châm chước chia giao, người trao đã chí khẩn, người nhận cũng nên hết lòng trân trọng. Trường tồn pháp bổn xa bày Đạt-ma hẳn muốn truyền văn đến vào chùa viết.

Bỗng khiến rơi rụng hai lỗi không làm, Phật trước Phật sau tin chắc đồng miệng vàng, tức giáo ngay giáo đâu khác ngọc điệp. Trên núi Tu-di các Thánh chung giữ gìn dưới biển Kim cang trời rồng đều ủng hộ mất ở Diêm-phù cũng giống như vậy. Người theo niệm sao chép thiếu thành thật rất thạnh, tâm hay siêng đốn đâu lường công đức, bỏ

hết tịnh tài đâu hề tính kể, giúp mưa ngọt dùng tưới tốt mầm khô. Sinh ra chư Phật vốn là Bát-nhã, người mở mang chẳng phải đạo mở mang người, tha thứ mình ân sâu tức là tự làm. Nay bày ý này dường như chấp trước, nếu không khai kính thì không sâu bền, tự làm và dạy người đủ trong kinh luật, ngoái lại theo thức nhỏ bé thật hổ thẹn khắp nơi. Nhân quả suy nhau đâu khác mắt thấy, đâu không biết riêng thiện?

Vả lại vui tối thắng vô vi bậc nhất, pháp sau màu nội điện tự mở chúng Tăng đâu có việc khư khư gánh vác ngang hông. Nhưng mừng nhờ đời trước gieo trồng nuôi lớn cung vua, yết kiến vua đến sân, khuyến khích giữ gìn xa lớn. Ra nhận phiên gởi thường dùng thần căng, chẳng phải lễ nhạc chính hình một phen tôn thành ý chỉ, mà ghe thuyền chở ra càng thờ chẳng đọa, không cho bỏ lúa mà đồng vườn xiêu vẹo, biến Bồ-tát thành Thinh văn, vượt dụng trái phương cách, đã không thể dốc tin nhận dặn dò trộm dám đương nhân từ.

Nhưng năm hạng Pháp sư đều được sáu căn thanh tịnh, đúng như lời dạy tu hành, Niết-bàn rất gần. Đi giữ kinh luật không nương giới Phật, miệng lại nói không, tâm dính mắc nơi có, Vô thượng của Vương tùy bịnh cho thuốc khai sữa ngậm đề hồ vì phương đã khác, lưỡi lạnh đắng nóng, cách trị cũng khác, thí như cửa trước cửa sau, đến riêng cơ tánh, gốc, cành, nhánh, lá chịu thấm nhuần trọn giúp, gồm hội bốn cầu đều là vào đạo. Dụ như hỏi hiếu hỏi nhân Khổng Tử đáp tuy khác, trị thân trị quốc ý Lão Tử không trái, khác đường đồng về, một mối trăm lo, trong ngoài dung nhau, nghĩa đồng hỗn hợp, chỗ nào có học Tỳ-đàm mà không thành thánh, chấp lê-na liền sẽ ngộ chân.

Sư tử nghiêm khải trở lại cho hủy nơi mắt tò vò, chân tượng đến đáy lại bị chê trách nơi phòng, tâm đồng kiếm kích tranh như nước lửa. Ý kinh ý luận đều không như thế, thông kinh thông luận vì sao như thế? Sợ thí cam lồ liền thành thuốc độc, thẳng như đồng vị biển thì có ra đề hồ. Thánh ngự bảo xanh, trời bay vòng vàng mây động, nhận muôn điều thiện ở nhân thọ, gồm Nhất thừa khắp hội, khai phát hàm thức giúp độ chúng sinh. Nay chỗ truyền kinh khắp trong cõi, chúng Thánh ẩn sức quyết chỗ phương khác, cùng lên Bồ-tát sớm chứng thường vui, là bày nói của đệ tử thuận theo thệ nguyện rộng lớn, ở nơi vô cùng bình đẳng chỉ vậy. Thông để xướng bạch, hiểu thức niệm thể tùy hỷ.

THỈNH VUA SOẠN LỜI TỰA KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: Trang tôi từ niên hiệu Trinh Quán năm đầu sang Tây Vức cầu bí tàng của Như Lai, tìm di chỉ của Đức Thích-ca

gồm được sáu trăm năm mươi bảy bộ (657) đều cho chép ở Bạch Mã, đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười tám mới trở về kinh ấp, xét nhờ sắc chỉ. Nay ở đạo tràng Hoằng phước mở đợt phiên dịch, nay cho dịch ra các kinh Bồ-tát tạng, cúi xin rủ ân để soạn lời tựa kinh, chỉ có mong sắc chỉ mới khắp Trung Hạ và soạn Tây Vức truyện một bộ hai mươi bốn quyển, kính nhờ Xá Nhân Lý Kính một phen đem cung tiến, không nài sợ sệt kính dâng biểu tấu, kính lời.

SẮC CHỈ ĐÁP BIỂU TÂU CỦA PHÁP SƯ HUYỀN TRANG

Xét thư đầy đủ ý chỉ, Pháp sư xưa nêu chí cao soạn ra tờ biểu. Phàm nhờ ghe báu mà lên bờ kia, tìm tòi đạo màu mà mở cửa pháp, rộng mở mang dụ lớn, gột rửa các lụy. Cho nên mây từ muốn cuộn, mở nó mà che bốn loài, mặt trời tuệ sắp lặn làm sáng đó mà chiếu soi tám cõi. Duỗi sáng đó chỉ có Pháp sư, trẫm học cạn tâm ngu ngốc, đối với vật còn mê huống gì Phật giáo sâu màu, đâu thể suy lường, xin soạn lời tựa kinh chẳng phải chỗ mình nghe. Lại nói rằng mới soạn Tây Vức Ký ngay khi mở xem, ra lịnh cho Huyền Trang lại thỉnh soạn bài đề kinh.

BÀI TỰA TAM TẠNG THÁNH GIÁO CỦA THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ

Có nghe, hai nghi có tượng, hiển che chở hàm sinh bốn thời không hình ẩn nóng lạnh để hóa vật. Do vậy dòm trời xem đất, ngu dốt đều biết đầu mối kia, sáng âm rỗng dương, hiền triết sớ kia ít ỏi, nhưng mà trời đất bao trùm nơi âm dương, mà dễ biết do kia có hình tượng, âm dương ở trời đất mà khó cùng vì do kia vô hình. Cho nên biết tượng hiển rõ nhỏ nhiệm dẫu ngu cũng không lầm, hình ẩn không thấy kẻ trí còn mê, huống chi đạo Phật rộng lớn, rỗng không, nương vào sự vắng lặng rộng giúp muôn phẩm, kinh điển ngự mười phương nêu oai linh nơi Vô thượng, ép thần lực mà không thấp. Lớn đó thì hơn cả vũ trụ, nhỏ thì nhỏ hơn đầu lông, không sinh không diệt, trải qua ngàn kiếp mà không xưa. Hoặc ẩn hoặc hiện chở trăm phước mà dài đến nay, diệu đạo ngưng huyền, vâng theo đó đâu biết mé kia, dòng pháp vắng lặng rót đó đâu lường được nguồn kia. Lúc nhúc phàm ngu đầy tràn thấp kém gặp chỉ thú kia có thể không nghi ngờ hay sao?

Nhưng thời hưng khởi đại giáo nền tảng ở nước Tây, bay đến triều đình Hán mà báo mộng, chiếu cõi Đông mà lưu lòng từ. Xưa lúc chia hình phân dấu lời chưa rong ruổi mà thành hóa, đời ngay thường hiện thường. Dân ngưỡng mong đức mà biết tôn trọng, mờ bóng quy chân,

dời nghi vượt đời. Mặt vàng che sắc, không gương sáng ba ngàn, tượng đẹp mở cơ đồ không điềm tướng bốn tám. Vì vậy lời vi diệu rộng giúp, cứu hàm loại nơi ba đường, di huấn xa đọc, dẫn dắt chúng sinh lên Thập địa.

Nhưng chân giáo khó mong, đâu thể một phen chỉ quay về, học cong vẹo lại dễ theo. Tà chánh ở đây lộn lạo nên nói có không, hoặc tập tục phải hay trái, thừa lớn nhỏ chợt theo thời mà thạnh hay ẩn có Pháp sư Huyền Trang là lãnh tụ của các Pháp sư, thông minh từ nhỏ, sớm ngộ tâm ba không, lớn lên khế hợp thần tình, trước ôm hạnh từ nhẫn, gió tùng nước trăng, chưa đủ sánh với tinh hoa kia. Sương tiên, châu sáng đâu thể so sánh sự sáng nhuận kia. Cho nên dùng trí không lụy, thần sánh chưa bày, vượt sáu trần mà vọt ra, riêng ngàn xưa mà không đối, ngưng tâm trong cảnh. Buồn cho chánh pháp chết dần suy nghĩ dừng ở cửa màu, khẳng khái văn sâu lầm lộn, suy nghĩ muốn chia điều, chẻ lý, rộng điều nghe trước kia. Dứt ngụy nối chân, mở cho kẻ học sau, ở đây do cao tâm nơi cõi tịnh, đi đến Tây Vức, nương dạo xa nguy, chộng gậy riêng sửa, nhóm tuyết sớm bay, giữa đường mất chỗ, sợ cát đá tối khởi, ngoài không mê trời, muôn dặm núi sông. Trừ sạch mây mù mà tiến ảnh, trăm lớp lạnh nóng đạp sương tuyết mà bước tới trước, thật nặng, nhọc nhẹ, cầu sâu, nguyện đạt, dạo khắp cõi Tây mười bảy năm, trải qua khắp đạo tràng mưu cầu chánh giáo. Song lâm, tám thứ nước, mùi đạo, ăn gió, Lộc uyển, Linh Thứu, chiêm ngưỡng kỳ lạ.

Nương chí ngôn của bậc Tiên thánh, nhận chân giáo với bậc thượng hiền, tìm tòi cửa màu, tinh cùng nghiệp sâu. Đạo Nhất thừa năm luật rong ruổi nơi ruộng tâm, văn tám tạng ba hòm. Sóng cả ở cửa biển, tự chỗ trải qua cõi nước, gồm gần ba tạng văn cốt yếu, có sáu trăm năm mươi bảy bộ, dịch khắp Trung Hạ, giảng nói nghiệp Thánh. Dẫn mây từ ở cực Tây, giáng mưa pháp ở Đông độ. Thánh giáo thiếu mà lại đủ, chúng sinh tội mà lại phước, mát nóng nực trong nhà lửa, cùng cứu đường mê, sáng nước ái nơi sóng mê đồng đến bờ kia. Ở đây biết nhân ác đọa nghiệp, do duyên lành thăng lên, điềm đọa hay thăng chỉ do người gây ra, thí như cây quế sinh ở núi cao, mây mù mới ướt được hoa kia, sen vọt ra khỏi bùn bụi bay không thể làm dơ hoa kia, chẳng phải tánh sen tự trong sạch mà chất quế vốn trinh, vì chỗ nương, cao thì vật nhỏ không thể lụy, chỗ nương sạch thì loại dơ không thể dính, do cỏ cây vô tri mà còn nhờ tốt thành tốt, huống chi con người có sự hiểu biết, không duyên mừng mà cầu vui, so gởi kinh này truyền khắp ngày tháng mà không cùng, phước này xa bày cùng trời đất mà thường rộng lớn.

CẢM TẠ SẮC CHỈ GIÚP MỞ LỜI TỰA KINH

Sa-môn Huyền Trang nói: “Có nghe sáu hào nghiên cứu sâu xa cuộc hạn ở nơi sinh diệt, tên chánh trăm vật chưa hợp cảnh chân như. Vẫn lại xa gận nghĩa sách, thấy sâu xa không lường thần kia, xa tưởng đồ hiên trải qua lựa chọn đều quy về sự tốt đẹp kia. Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ đài ngọc giáng chất vòng vàng ngự trời, mở chín châu của Tiên Vương che trăm ngàn mặt trời mặt trăng, chia bày niên đại khu vực, nạp hằng sa pháp giới, khiến cung cấp vườn tinh xá đều vào đề phong, linh văn lá Bối đều quy về pho sách. Huyền Trang tôi lúc xưa chống gậy đi đến núi cao, trải qua vạn dặm đường, nhờ oai trời như bước tấc, chẳng nương ngàn lá đến Song Lâm như mới ăn, tìm tòi ba tạng tột ở cung rồng nghiên cứu Nhất thừa cùng ý chỉ để lại ở Linh Thứu, đều che chở đến Bạch Mã, hiến dâng tử chấn, mong nhờ hạ chiếu ban cho được phiên dịch. Sự biết của Huyền Trang trái Long Thọ, lầm thêm sáng truyền đăng, tài khác Mã Minh rất hổ thẹn thông minh vẽ bình, kinh luận đã dịch khác nhau rất nhiều bèn nhờ ơn trời lưu thần soạn văn tựa, vượt tiêu biểu tượng, như mặt trời phóng ngàn tia sáng, lý làm cửa các nhiệm mầu, đồng mây pháp thấm trăm cỏ. Một âm giảng nói ức kiếp ít gặp, không cho chúng sinh nhỏ thân nương phạm hưởng, vui mừng khấp khởi như nghe thọ ký không nề tột mừng gánh vác, kính dâng biểu tâu lên bày tỏ cảm tạ, kính lời.

SẮC CHỈ ĐÁP CẢM TẠ

Trẫm vừa tạ Khuê chương, lời hổ thẹn rộng hiểu đến như nội điển, là chỗ chưa nghe, hôm qua soạn văn tựa rất vụng về, chỉ sợ làm dơ mực đen ở sách vàng, so ngói đá với rừng châu, bỗng được thơ gởi đến lầm nương khen ngợi, theo vòng xét suy nghĩ càng thêm dày mặt, thiện không đủ xưng luống nhọc có ra lời cảm tạ.

LỜI TỰA THÁNH KÝ TAM TẠNG KINH DO HOÀNG THÁI TỬ LÀ THẦN TRỊ SOẠN

Hiển Dương chánh giáo, chẳng phải trí thì không gì làm rộng văn kia, mở mang lời màu, chẳng phải bậc hiền thì ai có thể định ý chỉ kia. Bởi chân như Thánh giáo là tông nhiệm mầu của các pháp, là phép tắc của các kinh, bao gồm rộng lớn ý chỉ suy xét nhiệm mầu. Tột hư không có sự tinh vi, là cơ yếu của thể sinh diệt, lời tươi tốt đạo thoáng rộng, tìm đó không tột nguồn kia, văn hiển nghĩa sâu. Che đó đâu suy lường được mé kia. Cho nên biết Thánh từ chỗ giúp, nghiệp không thiện thì

chẳng đến, diệu hóa chỗ bày duyên không ác mà không cắt. Mở giềng mối lưới pháp, rộng chánh giáo sáu độ, cứu chúng sinh nơi lầm than, mở bí mật ba tạng, do đây gọi là không cánh mà bay xa, đạo không gốc mà thường vững bền, danh đạo truyền mừng, trải qua lâu xa chấn thường, đến thân cảm ứng trải qua nhiều kiếp mà không hư mục. Tối chuông chiều phạm, giao hai âm ở núi Linh Thứu, mặt trời tuệ lưu truyền pháp chuyển hai vòng nơi Lộc uyển, bày lọng báu ở hư không, tiếp mây lành mà cùng bay, làng xóm như rừng xuân, chung màu với hoa trời.

Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ trên cao giúp phước rủ lòng bao bọc mà trị tám hoang. Đức giúp dân đen, xem vạt áo mà triều muôn nước, ân thêm cốt khô nhà đá quy về văn lá Bối, đầm và côn trùng, hộp vàng lưu kệ tiếng Phạm, bèn khiến nước A-nậu-đạt thông tám sông thần điện. Núi Kỳ-xà-quật tiếp ngọn xanh Trung Hoa, trộm cho pháp tánh vắng lặng chẳng quy tâm mà không thông, trí địa màu sâu, cảm khẩn thành mà hiển hiện, há gọi là đêm tối dày đuốc tuệ soi sáng, sáng nhà lửa giáng mưa pháp thấm mát. Vì thế trăm sông khác sông khác dòng đồng hội về biển cả, vạn khu chia nghĩa gồm thành nơi thật, há cùng Thang, Võ bắt chước hơn kém, Nghiêu Thuấn sánh cùng Thánh đức kia ư?

Pháp sư Huyền Trang, đời trước có tâm thông minh, nay lập chí lớn gọn, thần xanh thời măng sữa, thể cứu đời phù hoa, ngưng thần định thất, trốn dấu vết nơi thâm nghiêm, dừng nghỉ ba thiền tuần du Thập địa, vượt cảnh sáu độ, riêng bước Ca-duy, hội ý chỉ Nhất thừa, tùy cơ hóa vật. Do Trung Hoa không chất tìm chân văn ở Ấn Độ, xa hợp hằng hà trọn mong tròn chữ, liền lên núi Tuyết lại được nửa hạt châu, hỏi đạo trải qua mười bảy năm, đủ thông kinh Phật lấy lợi sinh làm tâm. Đến ngày sáu tháng hai, niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín phụng sắc chỉ đến chùa Hoằng Phước phiên dịch văn yếu Thánh giáo, có sáu trăm năm mươi bảy bộ dẫn dòng pháp của biển cả rửa trần lao mà không cạn, truyền ánh sáng lâu của đèn trí chỗ tăm tối hằng sáng. Tự chẳng phải từ lâu đã gieo trồng nhân duyên thù thắng thì do đâu mà mở rộng ý chỉ này? Cái gọi là pháp tướng thường trụ bằng ánh sáng ba quang (mặt trời, mặt trăng, sao). Vua phước đến đồng bền chắc của hai nghi (trời và đất), xin được vua soạn lời tựa các kinh, soi xưa vượt nay, lý hợp tiếng vàng đá, văn bao trùm gió mây thấm nhuần. Trị nối để nhẹ trần, chân núi sương rơi thêm chảy, lược nêu đại cương để làm lời ký đây.

HOÀNG THÁI TỬ ĐÁP THƠ SA-MÔN HUYỀN TRANG CẢM TẠ LỜI TỰA THÁNH GIÁO

Tế trị không tài, tánh học chẳng thông minh, các văn nội điển đâu chưa xem, bài tựa luận đã soạn, vụng về rất nhiều, bỗng gặp thư đến khen ngợi thuật vỗ về, thân tự xét hổ thẹn, sợ giao bái nhọc thầy xa đến rất hổ thẹn.

CHÚ TỰA KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Như đại hồn đều hình mất trí theo vật, tình nhân tu tập đổi, tánh cùng lự dời. Nhưng thì xem xét cùng tột bắt chước bậc tiên giác, đuốc tuệ lớn soi sáng để ra khỏi tối tăm dày, vớt sông ái mà lên bờ kia, cùng luân chuyển muôn kiếp bởi nhiễm sáu trần, chạy trốn khỏi xoay vần không bờ mé, rong ruổi mà đến đường tắt, đâu thể đồng ngày mà nói. Quay về đường chánh, hiển danh tướng Đại thừa, nêu tông cực bất trụ ra ngoài tâm lự, dứt ngoài ngôn tượng, là do kết tóc thọ trì nhiều năm. Dẫu âm mầu giảng nói thành tụng không thiếu, mà nguồn linh sâu xa hoặc có chưa ngộ, lầm luống xa mê phương làm đường bằng mà ngơi nghi.

Có Pháp sư Tuệ Tịnh rộng thông nghĩa sâu xa, biện đồng nói năng lưu loát, lý nghiên cứu liên hoàn, dẫu sinh vào nhà nghiên cứu cơ, phục ứng khéo dạy dỗ. Nương thệ nguyện này vẫn cầu chú thuật, Pháp sư treo gương quên bịnh tự đủ. Trên nương đạo thần ứng, bên cạnh dụng tâm cơ, mở bày lời vi diệu, tuyên dương chí lý. Ngày xưa nghi cũ đổi nước giải thích khiến diệu nghĩa đây sáng như sương tan, làm rường cột cho tượng pháp, làm tai mắt cho chúng sinh, lời lẽ bén nhọn, sáng non Thứu mà tướng cao, suối lời khích mạnh, đến cung rồng mà tranh xa.

Vả lại giáo pháp họ Thích, kinh điển cõi Tây, nguồn đạo chảy về tông, đời vui hiền trí, tài gồm ưu hợp, tinh thông ý chỉ ít người sánh được. Nay thì Sa-môn lại mở sách rất đúng thời, nghĩ huyền tông đây tươi tốt thơm tho làm đầu. Tuổi chỉ là yêm mậu mới sáng lập tay áo. Trăng giẫm Trọng Lữ ở đây tuyệt bút, đạo và tục du ngưỡng hiên dù thành mát. Hòa chuông theo lớn nhỏ kia, kiếm kêu phát ánh màu, một thời bạn học chuyên môn thọ nghiệp, đồng bước sóng ngòi thay nhau truyền trao. Mới lại đoái hoài lâm, xa nương thấy an sống, riêng bước đường cao, nêu bày chánh pháp đông xa gốc chân mong treo vàng mà không xét, chỉ nam chỗ nương, giấu quần ngọc mà không thiếu, há không đầy ư? Há không đầy ư?

TỰA CHÚ KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Ty Nguyên đại phu Lũng Tây Lý Nghiễm tự là Trọng Tư soạn.

Phàm xem chim rủ văn, phép tắc rộng lớn ở tám thể. Khóc lân mở giáo điển, đổi sóng lớn ở chín dòng. Theo dấu vết kia không vượt qua cõi nước, hợp nguồn kia chỉ quy về nhân nghĩa, ai bằng chí Thánh nương thời, năng nhân chiếu pháp, mổ lông thu nơi Thập địa, gồm sa giới mà nói đạo, giải thích nước xuân ở Nhất thừa, trùm nhiều kiếp mà lưu hóa. Như chính thị tướng phi tướng, thị không phi không, sâu xa không suy lường rộng lớn không tượng, giả lời nói để lập thể, gồm quyền thật mà làm dụng, cùng chiếu của không chiếu, dẫn mê nặng ở cảnh mộng, vận tri của vô tri, dẫn quần mê nơi nhà mục, xét thật tướng kia thì Bát-nhã là tông, từ chân dung tây cảm tạ tượng giáo chảy đông, thành hương luống xây dựng nơi cõi mỏng manh. Bảo đài dời cấu tạo ở cõi trung, nhóm vây họp cánh, hoặc theo pháp kia, mây dày mù rộng, đã ngộ chân kia, chí lý thay.

Không đắc mà xưng, nhưng Phạm bổn này đến Tần rộng Thỉ, có Tam tạng La-thập ở thành Trường An dịch một bản, tên nước Xá-vệ. Đến Tuyên Võ đời Hậu Ngụy có Tam tạng Lưu-chi ở thành Lạc Dương lại phiên dịch một bổn tên là Xá-bà-đề. Giang Nam cuối đời Lương có Tam tạng Chân Đế lại phiên dịch một bổn tên là Kỳ Thọ Lâm. Đầu đời Tùy niên hiệu Khai Hoàng có Tam tạng Phật-đà-da-xá lại dịch một bổn tên là Kỳ-đà Lâm. Thời Đại Đường có Tam tạng Huyền Trang lại dịch một bổn tên Thệ-đa Lâm. Dẫu chia phần truyền ra mà quyển chỉ nơi chí cực, lời nơm chẻ nghĩa cũng rất khác đường. Nhưng Lưu Chi phiên dịch gồm ba quyển Thích Luận của Thiên Thân, lại dịch Kim Cang Tiên Luận mười quyển. Đầu đời Tùy ngài Gia-xá lại dịch Thích Luận hai quyển của ngài Vô Trước. So sánh ba luận văn nghĩa phần lớn đồng, nhưng mới thì lý ẩn văn lược, cũ thì công hiển nghĩa khắp, gồm có La-thập đời Tần, Tạ Linh Vận đời Tấn, Đàm Sâm đời Tùy và Pháp sư Tuệ Tịnh Hoàng triều, đều là khí nghiệp tốt đẹp học rộng nghe nhiều đam mê vị kinh điển, đều soạn chú thích, nghiên cứu khảo sát bí mật, hoặc mở rộng nghĩa lạ.

Bấy giờ, ở chùa Tây Minh tại Trường An có Pháp sư Thích Đạo Thế tự là Huyền Uẩn đức rộng, truyền đạo giúp Tố Súc, kính phục Thánh giáo, hòa nhã ưa văn này, do giải thích nhiều môn, xét hạch nhọc gần chưa bằng tham gia tổng hợp, thiếu tốt đẹp một phen cho suốt đó. Xâu hết các nhà dịch mà làm tập chú, mở đề khoa gọn đồng chép bộ này làm thành ba quyển hiệu là Tập Chú Bát-nhã, gồm ba quyển xuất

gia, hai quyển Huyền Nghĩa, hiện hành yếu dụng văn lý đều khắp, ngõ hầu khiến Linh Sơn nhóm họp, Can Thiên càng cao, biển lớn nạp sông, men sóng mặt trời càng rộng, mở văn đều cùng lý kia, giảng đạo rỗng suốt tánh kia, bạn học không mệt nơi công gấp bội, khách bàn có đồng gồm lượm lặt, miệng vàng diệu nghĩa che mặt trời mặt trăng để xa treo trục ngọc lời vi diệu suốt ba tài mà chẳng tuyệt, há chỉ tiếng thơm ở Linh Thứu, chữ chứa cung rồng mà thôi ư?

BÁC SĨ THÁI THƯỜNG LIÊU TUYÊN GỞI THƯ CHO CÁC ĐẠI ĐỨC PHIÊN DỊCH KINH

Cúi đầu lạy chư Phật
Xin oai thần ủng hộ
Sẽ bày nguyện chí thành
Không thẳng rất chê cười
Chìm đắm chưa tỉnh ngộ
Viên giác chỗ quay về
Chìm lâu nơi biển ái
Mong chờ ghe, mái chèo
Dị chấp trái tranh khởi
Hòa hợp là chỗ nương
Nhiệm mầu lìa chấp có
Lý dứt các lỗi lầm
Kiêu mạn trái tám chánh
Hý luận vào trăm lỗi
Lấy bỏ đều cùng nói
Nhiễm tịnh lẫn lộn nhau,
Lựa vàng bỏ ngói đá
Ngọc trác giúp thêm sáng
Năng nhân soi xét khắp
Suy nghĩ nghiên cứu cơ
Khế đại đạo thành thật
Ai dám mà chê cười
Thẳng thắn tôn sùng đức
Chỉ có thấm áo tang
Cúi xin lưu lại cho
Ngõ hầu có phát huy
Tỏ chút lòng thành khẩn
Thường qua lại dạy dỗ.

Quy kính rằng: Xưa Đức Năng Nhân thị hiện ở cung vua, thị tịch nơi Song Thọ, lời nhiệm mầu đã nêu chí lý cũng rộng mở, cõi nước nhờ ơn nhiếp thọ, chúng sinh thấm tuệ vời tô. Từ cây Phật mát ở Tây, bóng giác che đến Đông, Hán, Ngụy là lạm tràng, Phù, Diêu, thạnh phong thái, tự là danh Tăng xuất hiện, Đại sĩ nối đường. Mặt trời tuệ treo cao, bánh xe pháp hằng ngự, mở công soi xét mới tự vọt biển, rộng sức giảng bày bèn giúp Thập, An có riêng xa thì Đan Khai đến La Phù, gần thì Đồ Trừng hiện ở Triệu, Ngụy. Lời thô, sừng khuê chưa thể thường bày, đâu không nói có không ở Nhất thừa, luận tập khổ ở bốn đế, giả nói rõ có trọn chưa lìa hữu vi. Dứt lời sáng đạo mới khế chứng nơi vắng lặng, vẫn là chấp nhiệm mầu để cầu mầu nhiệm, lý là nhiệm mầu mà chẳng phải nhiệm mầu, do nhiệm mầu để quên nhiệm mầu, đều là nghĩa nhiệm mầu. Dẫu thầm hội u đồ, sự dứt ngôn tượng, nhưng nhiếp chúng sinh quay về vắng lặng trọn nhờ nơm bẫy, cũng đã lập lời phải quấy khởi nhọn, như chiến tranh can qua kia tranh phát khởi, người thua nín hơi người hơn là trước. Cho nên còn hàng ma chế ngoại đạo, tự chẳng phải biện tài vô úy đối đáp thì khó có phương cách, vật nhờ tuyên bày chúng ta hổ nhục. Đây cho nên chuyên tâm đến đạo, nhất ý tổng trì, dựng lập pháp tràng, trống pháp vang xa cờ trống đã dương lên thì kẻ địch suy tàn, pháp luân đã chuyển có thể oai không phục, như khiến trông cờ gió chẳng đối khó, ngậm kéo mà có thể mở mang Tam bảo là không có việc này.

Còn Dược Lữ vâng mệnh vua vào cửa có không, chạy đường chánh kiến, nghe giữ nơi Hiền xưa, rỗng vi mâu ở thệ cũ, lời kia giải thích rõ nghĩa kia, đức kia chân hạnh kia chấp. Đã tắm dòng tám giải, lại ngộ phần bảy giác, ảnh hưởng thành giáo. Như Tịnh Danh đến vườn Yêm-la nghe đạo quyết cầu, như Thiện Tài về vô kiệt, ý mở mang Phật giáo, lập phá Sở Nhân Minh như kia là đúng, quyết cần vậy kia chỗ hay như kia là sai, lý hợp chỉ chỗ dỡ kia.

Nay hiện Tăng đồ như mây nhóm đều là lượm đá núi khác, triều đình dân chúng đều nghe. Lữ Quân yêu cầu lợi ích đâu không so sánh cho, vẽ nước đều trông sóng mòi, điều nguồn trạo hối, nêu đống nghi niệm. Có Thái sử Linh Hiếu Thuần Phong nghe mà tâu rằng: Thần lòng ôm đường chánh, hạnh thuộc quy y, lấy thật tế làm đại giác thân nhiệm mầu, vô vi làm điều ngự pháp thể. Nhưng mặt trời sáng rỡ trên thiên không là trợ giúp vận dụng thượng huyện, hiền Tăng xiển pháp thật giúp diệu đạo của Thiên sư, là chỗ tin nhận, là chỗ an tâm, nhưng không dám lấy lá úa làm vàng, gà rừng thành phụng, Nam Quách lạm kêu,

Truy Miễn lộn dòng, hoặc có dị nghị (chê bai) đâu bộc tâm ư? Há bộc tâm ư? Nhưng rừng hạc đã sau gần hai ngàn năm, chánh pháp đã qua, mạt pháp mới bước tới, lý màu tươi tốt mà không bày. Giáo đạo tưới thấm sắp chìm mất, Pháp sư Huyền Trang Đầu-đà Pháp Giới, Viễn Đạt Ca-duy, mục kích đạo thọ dòng vàng vẫn thấy bảy chỗ tám hội, thành Tỳ-la, núi Thứu, thân vào làng kia, Ta-la thềm báu vẫn xét hư thật. Còn như lịch lãm của Vương-xá, đàn trì hằng hà (sông Hằng), như thế đồng nương tựa chưa dễ nói đủ. Thêm danh Tăng Tây Vức đâu không nói thầm Ba-nhã, Đông Vức nghi nghĩa thảy đều là chất của sư kia. Tạng Tỳ-ni đã phụng trì mà không bỏ, Tỳ-đàm rõ nghĩa cũng rỗng suốt quán mà là thường. Tô đố lạc đã được rõ tiếng, Nậu-đa-la cũng mổ xẻ ngưng trệ. Pháp không lớn nhỏ đâu không giấu ức bụng, lý không sâu cạn đều có thể quyết suy nghĩ thông minh, cho nên tên ba tạng ở Trung Quốc suy định, hiệu Ma-ha chính là La-vệ gọi chung, mé danh thật đâu thể gọi là đạo?

Nhưng Lữ Quân học thức rộng sâu, tinh thông nghĩa lý, ngôn hạnh khu cơ là chỗ rõ ràng. Còn như Phật Đà-la bẩm tự sinh biết, biện tài vô ngại đâu do phục tập. Nhưng do nhân minh ẩn nghĩa chỗ thấy khác nhau, dụ như chạm tượng đều được hình kia, chung đồ ăn có sắc khác. Lữ Quân đã chấp tình đạo tục, ngóng trông chỉ định, sương thu đã giáng, suy lường nghe tiếng chuông. Mây pháp đã mở sấm chấn ít phát, nhưng dấu chân long tượng loài lừa chẳng thể kham được như áo đen (tu sĩ) đức hạnh sâu xa, tại gia cư sĩ không bắt chước kịp. Chợt biết loài rồng kháng thuyết, Vô Cấu giải thích nghi, thì Bí-sô Tất-đàm cũng là Ưu-bà có thể hoàn toàn liền giúp chí vi diệu thỉnh không làm phiền. Như có nghi trệ mong hỏi ba tạng mới quyết, cho nên lãnh thọ truyền bày bốn chúng thì chánh đạo sẽ sáng rỡ, che chướng hằng dứt tuyệt, nối thạnh Tam bảo kia ở đây ư? Quá đây rồi đến chẳng lại chỗ xong. Đệ tử Liễu Tuyên bạch.

TRẢ LỜI THƯ BÁC SĨ LIỄU TUYÊN

Đại Thánh hiển hách
Giống giác tròn sáng
Không tối chẳng xét
Như vang đáp tiếng
Phí giúp mừng thọ
Ai ngộ về thành
Đạo tốt đáng kính

Là dẫn chúng mê
Trăm sông sóng tà
Một vị gồm nuốt
Vật có lấy bỏ
Chánh chẳng thiếu đầy
Tám tà rong nhọn
Bốn câu Tịnh Danh
Tô trái lạm phải
Ức nặng làm nhẹ
Nắng chiếu băng tan
Châu làm nước sạch
Bày đức Vô thượng
Thể đạo ở trinh
Đầu thêm khen chê
Chưa động chút nào
Bình minh sáng rỡ
Tươi tốt hàm tình
Đợt người hiểu suốt
Định quyền hoành này
Tạm bày ấm ức
Để chọn tài giỏi.

Lại thuật rằng: Kính xem biểu dự thuộc lời quy kính, văn kia sáng rỡ vĩ đại đẹp đẽ, rõ hòa nhã có ra thành thật thay! Há không như vậy ư! Thương cho biển ái ngập trời, núi tà gạt phẳng mặt trời, phong nhân ngã, điên đọa kia đâu thôi. Ỷ mạn kết trầm luân mà không cùng, đến như sáu mươi hai kiến chấp tranh che ngăn mà tự ở, chín mươi lăm ngoại đạo tranh phò phục mà không trở về. Như Lai dùng bổn nguyện đại bi quên duyên phó ứng, trong đủ bốn trí ngoài hiển sáu thông, vận mười Lực để phục thiên ma, bay bảy biện mà dẹp ngoại đạo. Khô biển ái, giúp bẩm thức ở ba không, dứt núi tà kia, nghiệm tiêu hình nơi tám chánh, chỉ nhân bày quả, trở về nguồn cội, lớn lao thay! Bi trí, diệu dụng, không đức mà xưng.

Xưa đạo thọ lên thường, giúp tiếng giáo nơi trăm ức, bền rừng, dừng dấu vết, chấp sót bày ba ngàn. Từ khi mặt trời Phật nghiêng về phía Tây, ánh sáng chiếu đến Đông, nhà Chu cảm điềm đêm tàn, nhà Hán thông điềm tiêu mộng. Đằng, Lan sáng tuệ lớn ở trước. Đồ Trừng, La-thập kế tự truyền đăng ở sau, kia ở dịch kinh, hoằng pháp, thần khác giúp thời, cao luận hàng đà, an thiền răn đe vật, chấp nối lưới hư để tiếp

võ, giữ gìn gút đứt theo vai, đâu không Di Hạ mừng gió, u minh giúp giáo hóa, hoa sen chẳng đổi có thể lược rõ.

Chỉ có ngày nay Tam tạng Pháp sư ẩn linh dụ xuất, hàm chương mà thể một vị, vẽ bình để chiêm ngưỡng năm thừa. Buồn vì cách Thánh càng xa, tiếc vì giáo đến thiếu nhiều, xa suy nghĩ nghĩa viên mãn theo đạo dùng thân, tâm miệng tự mưu, hình bóng đến nhau, giủ áo cầm gậy, tính gốc tìm nguồn, ra cửa ngọc mà đi xa, chỉ sông vàng mà một phen dứt. Kê cứu nghi phạm vũ, tham xét mờ tối rỗng suốt. Xoay hóa thần châu nêu chân dứt lầm, để nơm thiếu sách rất đủ thìn này. Viên tông Phương Đẳng càng rộng trước bày, đã rõ thắng nghĩa. Diệu tuyệt giữa của giữa vòng chân tánh chân không tột dụ ngoài của phương ngoài. Do có chấp, có chấp nên mất chân kia. Không hề mong cầu, không cầu hỏng thật kia. Quét dấu vết hai bên, quên tướng trung đạo, lụy sót chưa đổi, kịp đến kia rất nặng không do đâu đến tột kia, cốt yếu thay! Nhiệm mầu thay! Khế hợp nơi tâm rồi mới cho đó là pháp, ở tâm là pháp, hình ngôn là giáo. Pháp có tự tướng và cộng tướng, giáo chính là ngăn thuyên nêu thuyên, tinh túy của ý chỉ, xung yếu của tông môn, há tạo thứ lớp mà kể rõ được.

Pháp sư ngưng thần sai trí rõ ngay đầu cuối nói rộng sác màu, mở lớn cửa tối, bí mật mong ứng, hòa đánh lớn nhỏ, nghĩa rộng biển nhận lớn nhỏ của triều tông. Vì vậy thạc đức khác phương, cao Tăng khác chốn phục ưng hỏi đạo, có nghi thưa hỏi, vốn đã uống sông đầy bụng chớ lường sông cạn sâu, linh âm gồm nghe ai biết nó xa gần, đến như nhân rõ đường nhỏ hiện sánh dù bé, đây chính là chỉ phương góc người mới học, nêu cờ xí lập luận, đến như trục chốt bí mật linh yếu, diệu bổn thành công đủ các sách sâu mầu chẳng phải điều ở đây nói.

Lữ Phụng Ngự dùng gió thần sai cứu Tảo Đàn nhiều tài, cõi nước gồm thông, chương xưa rộng vật săn bắn mở sách xưa, đi câu rất hoại sách quý, chạm loại mà lớn ứng các số thuật, trấn gió dữ nơi vườn phân biệt, cầm hoa sáng ở rừng hàn. Đầu ngựa trong mây trước kêu mặt trời xuống, năm hạnh giúp bút kia, sáu ngôi chứa đàm cao kia, một giác thái huyền ứng, lời hỏi liền giải thích, lại xét ngôn tượng, lập cách liền thành thật dời Tần tươi tốt, triều tiên Hán mạn tình, nay mới bỏ đi như vậy. Mà đã bay liệng quần lược, rộng rãi có công dư, mà có tâm kính mến Đại thừa, đời trước ai thành tín, so sánh nhân ngược nhân ngược sinh đùa cợt bỗng lại thuộc tưởng, nhân minh không thầy giúp dẫn dắt mình xuyên tạc, so sánh quyết các sớ chỉ bác bỏ cầu phi, nói năng bàn luận ở triều, hình ở tạo thứ lớp, xét ý chí kia, vốn đã khó thêm hạch

khảo hiểu biết kia, thật là đáng lầm.

Luận này dùng một quyển thành bộ, năm tờ thành quyển, nghiên cơ ba số, từ trước đã một vòng, nêu sai bốn mươi, tự không một đúng. Tự đã không đúng mà có thể nói đúng, bổn số không sai mà có thể nói sai, nói sai không sai, nói đúng không đúng. Nói đúng không đúng, là đúng mà thường sai, nói sai không sai chẳng sai mà hằng đúng. Chẳng hai hằng đúng, không làm sai chỗ sai. Là đúng thường sai, không làm đúng chỗ đúng. Do đây thiếu lỗi đến đổi lầm bịnh. Vả lại y cứ sinh nhân liễu nhân, chấp một thể mà quên hai nghĩa. Năng liễu sở liễu phong một tên mà lầm hai thể, lại dung tông nương tông, thể lưu nương bỏ thể để làm tông, dụ thể dụ nương bỏ thể lưu nương mà làm dụ, duyên đây hai hệ vọng khởi nhiều nghi, mê tột nhất thành lầm sinh bảy nạn.

Nhưng do tìm tòi cùng tận hai Luận sư đã nhất tâm, dính mắc văn cú ở trên dưới, lầm chữ âm ở bình khứ, lại cho Số Luận là Thinh Luận, nêu sinh thành làm diệt thành, đâu chỉ có sai tông do ly hợp, bởi cũng trái nghịch thuận trước sau. Lại lượm lặt lý dở lầm vận để phát thảo bổn Phạm, chuyển âm dẫu rộng, viện bảy món mà chỉ đúng một chuyển. Nhưng chẳng phải bảy món kia đã gọi bèn là tiếng kêu thứ tám, lẫn lộn, trái lầm, từ đâu mà đến? Lại xét Thắng Luận lập số thường cực vi chính là thể vô cùng, dẫu cực nhỏ lại lần hòa hợp sinh các chữ. Số nhỏ thì thêm bớt ở thường, thể nhỏ lại thêm bớt ở cha mẹ, đến cuối cùng rồi thể khắp đại thiên, nghiên cứu kia đến chỗ số cùng chỉ thành một. Lữ Công dắt dẫn, đổi nhiều nói rằng: “Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh từ tượng, từ tượng sinh bát quái, bát quái sinh muôn vật...”, đây và kia lời khác nghĩa đồng.

Nay xét thái cực không hình mở đầu sinh có tượng, nguyên giúp một khí trọn thành muôn vật, đâu được do nhiều sinh một mà nêu một sinh nhiều? Dẫn loại muốn hiển bày rộng nghe nghĩa trái, lại nương vào đâu lập dẫn lớn nêu nghĩa sinh gần giống? Như giải thích đồng với tà kiến, lụy sâu như từ đâu khỏi, đâu được nếu muốn thời khen, lẫn chánh giống tà, ứng phi thân đến như thế. Chỗ sai sót rối ren sao đáng là lời hay, đặc biệt do dùng mình gây ra bối rối này. Gốc đã không ngay cành lá tự nghiêng, theo lầm sinh nghi, tùy theo nghi lập nạn, hình cong bóng thẳng có thể được ư?

Thử nêu hai ba mong rõ đại ý, tỳ vết sâu nhiều bày ủy đáp như riêng. Xét Lữ Công hiểu soi đâu phải sóng mạnh mà đến đây ư? Bày rõ chân, tục, mây, bùn, khó, dễ, sở, việt. Nhân bóng Phật giáo rộng xa, chánh pháp ngưng sâu, thí như lò hồng chẳng phải chỗ tuyết dính, vũng

biển há ghe keo vượt được. Thái sử khiến Lý Quân linh phủ chìm kín, khâm kỳ xa mịt, chuyên tinh chín số, tổng hợp sáu hào, rộng xét sách vở, xem nhìn mây vật, thấp hèn vệ rộng lớn thất độ, xấu xa công cuối tiếp, thần không trện dụng mong thật ở đây. Đã thuộc các luận Lự Công lại có ra trong lời, dùng thật tế làm đại giác thân vô vi nhiệm mầu là pháp thể Điều Ngự, đây chính là diện mạo tin huân tu, có phần chứng bẩm, tự nhiên trọn không thể thành. Bởi nói giống mà ý trái, lời gần mà ý chỉ xa.

Nhưng Thiên sư may mắn diệu đạo để lại đây, vả lại Thiên sư họ Khấu, Thôi Quân đặc biệt trung thực và để lại lỗi y. Nếu có nói gì, dầu cho là không lộn ở Truy Miễn, bởi đã tự lạm ở vùng vàng thau, chỉ có gió khỏi nhà thưa rộng học hết sách vở, che thân dùng nhân nghĩa, ứng vật dùng khu cơ, nghiêm chỉnh tràn trề, chọn cứng mạnh dùng can mây, bàn trong sạch sóng lớn mà trấn đất, vọt thơm văn hoa, dệt chốn rừng nho, lượm nhặt chín trù, nghiên cứu rõ thuyết hai năm. Còn như kính lễ ba trăm, sách lễ ba ngàn, đâu không nghĩa thẻ là ngón của bàn tay, sự như cúi nhặt chén mâm đều đẩy, kia chuẩn đích pháp độ quyết đợi kia lung tung. Bèn khiến cho thi tướng, chợt hết nghe ở dân gian, vịnh cá đẹp đầy tai nơi triều đình, chỉ có danh và thật tột tốt và đẹp mà thành kính lại bẩm thọ tự xưa thành. Tâm hoằng hộ thật chỉ chứa xưa nay, thuộc bàn nói ồn ào đây đồng hổ thẹn đau khổ trong lòng. Cho nên bẻ gai ngậm keo đầy ánh sáng đại nghĩa, chẳng phải tài phàm, gồm trong ngoài chiếu thật cỡ gần, đâu thể kích dương trong đục, giúp tục phò chân.

Xưa môn hạ của La-thập có ba ngàn vị, nay trong hội này người đồng đúc như chợ, bần đạo hèn hạ quê mùa tạm ngồi cuối chiếu, dẫu mừng sáng nghe nhưng hổ thẹn tối cảnh giác, rõ để tạo sở ba đức và là hiểu suốt năm thừa. Tường nhọn ít nhìn, lời nhọn khó kính mến, đã thuộc buôn dê múa trống mà mưa móc quyết thấm nhuần, lời sấm phát nhanh sợ không rảnh bịt tai. Xét bàn, người xưa nói: Một cành có thể cụp lông, đâu phiền Đặng Lâm, nước bẩn đáng để chìm vẫy, đâu đợi biển xanh". Cho nên không do ngu nho rủ bức khóa hư, lời phí được miễn, thô bày đại khái, dẫu văn không đủ mà nghĩa đáng xem. Nhìn lại tầm thường thấp kém của mình càng thêm hổ thẹn, chỉ trình bày, lại lời đáp còn bao nhiêu không có chỗ bày. Thích Minh Tuấn bạch.

LẠI THỈNH VIẾT LỜI TỰA TAM TẠNG THÁNH GIÁO, THÍCH HUYỀN TRANG

Cúi xin thầm ra lịnh chỉ dụ, kính thờ luân ngôn chuyên giữ thần Việt. Huyền Trang nghiệp được không sơ pháp lữ lầm tham, may mắn thuộc cửu loa có tài, bốn biển không ngu. Nhờ linh vua chinh phục xa, nương oai nước mà mà hỏi thăm đạo. Tột xa mạo hiểm, tuy gắng gổ ngu thành, biên tập khác lòng hoang mang, là giúp triều đình giáo hóa. Kinh luận đã được phụng sắc lịnh phiên dịch đã thành quyển cuốn, chưa có lời tựa, cúi xin bệ hạ tư duy thông minh, mây che, rải hoa trời xán lạn. Lý bao trùm tượng, điều thất lạc anh tài, khoe ngàn xưa để bay tiếng, che trăm vua mà vọt thật, nhìn dùng thần lực vô phương, chẳng phải suy nghĩ như thần thì không đủ nói lý kia. Thánh giáo nhiệm mầu sâu xa, chẳng phải tiết tháo bậc Thánh đâu đáng làm tựa cho nguồn kia. Cho nên mạo phạm oai nghiêm xin làm đề mục, thần quyền vọt xa rủ khoe khoang, vỗ về cùng lụy, dứt tướng ngó ngoái đánh mất cơ đồ.

Huyền Trang nghe, mặt trời mặt trăng sáng rỡ trên hư không, đã chia ánh nắng nơi song cửa, sông ngòi kỹ đất cũng thấm nhuần nơi núi cao, mây hòa rộng vui, không bí mật âm vang nơi mù điếc. Vách vàng thêm châu báu, đâu thể giấu màu với kẻ mù ngu, dám duyên lý này lại dùng ngàn cầu cúng. Cúi xin mưa sấm rủ xuống, văn trời soi chiếu, phối hợp lưỡng nghi mà chung lâu dài, cùng hai diệu (mặt trời mặt trăng) chung treo cao. Nhưng lời màu non Linh Thứu nhờ bút thần mà được rộng xa, nghĩa sâu xa ở Kê Viên nhờ lời hay mà tuyên bày, đâu chỉ khư khư chúng Phạm, gánh vác riêng ân vinh hiển cũng khiến người mê dốt có cách vượt trần lụy mà thôi. Cẩn phụng biểu tấu để nghe. Kính lời.

Sắc chỉ bèn hứa. Nghĩa là Phụ Mã Cao Lý Hạnh nói: "Ông trước đã thỉnh trẫm làm bia cho cha ông, nay khí lực không bằng xưa, nguyện làm công đức soạn tựa cho Pháp sư, không thể làm bia ông biết đó". Niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi hai, may mắn ở cung Ngọc Hoa mời Trang đến hỏi phiên dịch kinh luận gì, đáp: "Đang dịch Du-già". Vua hỏi: "Vị Thánh nào soạn, nói những gì?" Đều đáp đủ rồi. Nay lấy luận tự mở xem, bèn hạ sắc chỉ mới dịch kinh luận viết chín bổn, công bố chín đại châu với Ung, Lạc, Tướng, Khắc, Kinh, Dương v.v.... Trong lại thỉnh đề kinh vua bèn nêu ra tên Đại Đường Tam tạng Thánh giáo tựa, ở điện Minh Nguyệt ra lịnh Hoằng Văn Quán Học Sĩ Thượng quan nghị đọc cho các đồng nghiệp nghe.

CẢM TẠ HOÀNG THÁI TỬ MỞ TỰA THÁNH GIÁO

Huyền Trang nghe, bảy diệu giữ ánh sáng, nương trời cao mà rải bóng. Chín sông rưới nhuần, nhờ đất dày để lưu thông, là biết đẹp giúp nhau ở vật đã vậy. Giảng pháp nương người lý ở không lầm, cúi xin Hoàng Thái tử Điện hạ phát huy trí thông minh, thuật lại văn trời, khen ngợi Đại thừa trang nghiêm thật tướng, châu lăn ngọc chuyển, mù tan gấm duỗi, đem ngày tháng mà nối kết hoa cùng hàm anh mà hợp vận. Huyền Trang tuổi trẻ nhiều may mắn, tấm gội riêng đặc biệt, không ngại chép bội, kính mở bày cảm tạ, kính bạch.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 23

THIÊN THỨ NĂM: TĂNG HẠNH

Tựa rằng: Nói về Tăng lấy sáu hòa làm thể, đó là giới, kiến, lợi và ba nghiệp. Do đây đạo hợp tối sáng, đức thông Hiền thánh, mở vật thành việc thì phước giúp người trời, dẫn giải luật nghi thì hóa rủ có không và do thức kính sáu hòa nêu rõ Tam bảo, trong rộng cứu bốn ma, ngoài khuynh màn tám mạn, bèn khiến ba ngàn cõi nước đều bẩm thọ phép tắc của Tăng, sáu vạn năm xa đều vâng theo tiếng giáo, chẳng phải Tăng hoằng ngự thì ai chấn đây ư? Nhưng thời đạo hợp giáng sâu, đồi trăm sáu dương chín, bụi theo tin hủy, hoài lợi dụng an nguy, thông người không dính mắc, gượng ép, hèn tệ có ngăn trở ở thời tụng, cho nên khiến nhiều tà chánh, bày dẫn khang trang, tâm còn sáng tối, hiển lên cơ đường lớn, là biết bạn mãn nguyện, nương đường nhỏ mà tiếp sinh, luân trời thục, gởi tà đồ mà hóa vật, đánh bày hạch xét ở đến đạo, rộng dụ ở quyền mưu, chưa đội oai dung, chỉ giữ lìa chấp. Như đây nói luân thì chung ở lý hạnh, hoặc không đạt vọng khởi đầu mối khác, như thấy đi bên trái lầm tránh lạm võng càng nhiều.

Chớ suy nghĩ phiền hoặc của mình, chuyên sợ kia trái nghi với tức sấm đồng gánh vác mạo hầm tàn càng diệt. Nêu hạ phàm ôm oán thù mà tiêu vong bậc thượng Thánh thượng an nhẫn hung ngược. Từ xưa vua loài người ân cần xem xét kinh hưng vong, mở lưới rộng nuốt ghe, trải chánh sách rộng dung dưỡng, mở rộng nhân phong nơi ngung nội, ngồi hưởng thái bình, rộng nêu ra chỗ thành phép tắc, thết đãi của cải lớn này, còn bao nhiêu thì xét xét loạn nêu trái cách ngôn thuần mới. Thâu lưới lỗi lầm, ôm nghi mở thầm khiến, đến lỗi sau làm quạt tai ương. Đê điều chớ mở, che nước mắt hỏi góc, đây cần như làm trò cười cho thiên hạ. Cho nên nhóm các sửa đổi, rải đường hiền minh, hoặc kháng chiếu mà lập lời nói thẳng, hoặc khởi luận để rõ chánh bàn, hoặc bao ngưỡng mà tôn sùng cao thượng, hoặc ngậm đau buồn mà nêu lời cầu cúng, đạo này có thể xét giúp đời sau nêu.

TỔNG MỤC TĂNG HÀNH, HOẰNG MINH TẬP ĐỜI LƯƠNG

Đời Tấn, Dữu Băng làm vua ra chiếu chỉ khiến Tăng chí kính. Đời Tần, Thượng Thư Lịnh Hà Sung kiến nghị hợp tấu. Đời Tấn, Hoàn Huyền Thư Luận Đạo Nhân kính vương giả. Hoàn Huyền hựu thư kính nghị. Thích Tuệ Viễn gửi thư cho Hoàn Huyền nói về bất kính. Hoàn Sở Ngụy chiếu Sa-môn không cần kính. Thích Tuệ Viễn, Sa-môn Bất Kính Vương Giả Luận. Thích Tuệ Viễn gởi thư cho Hoàn Huyền nói về việc sa thải. Chi Đạo Lâm gửi thư cho Hoàn Huyền nói về sách Tăng. Trịnh Đạo Tử gửi thư nói về ngồi xổm ăn. Phạm Bá Luân gửi thư nói về ngồi xổm ăn. Phạm Bá Luân dâng biểu nói về ngồi xổm ăn. Thích Tuệ Nghi đáp thư Phạm Bá Luân. Phạm Bá Luân gởi thư cho hai Pháp sư Sinh, Quán. Hậu Tần, vua ra chiếu lịnh Hoàn nêu việc hai Pháp sư bỏ đạo. La-thập gởi thư cho chúa Tần nói về việc Hoàn nêu bỏ đạo. Thích Tuệ Viễn đáp thư Hoàn Huyền lịnh phản tục. Thích Tăng Nghiễm đáp thơ Lưu Công không hoàn tục. Thích Đạo Thạnh bạch với Tề Võ về việc sa thải.

TỔNG MỤC CỦA THIÊN TĂNG HẠNH TRONG QUẢNG HOẰNG MINH TẬP ĐỜI ĐƯỜNG

Đời Đông Tấn, Khâu Hộ Chi Đàm Đế điếu. Hậu Tần, Thích Tăng Triệu, La-thập điếu.

Đời Tống, Thích Tuệ Lâm, Thích Pháp Cương, điếu.

Đời Tống, Thích Tuệ Lâm, Trúc Đạo Sinh, lụy.

Đời Tống, Tạ Linh Vận, Thích Đàm Long, điếu.

Đời Tống, Tạ Linh Vận, Thích Tuệ Viễn điếu.

Đời Tống, Trương Sướng Nhã, Na Sơn Thích Pháp kính điếu.

Nam Tề, Thích Tuệ Lâm, Thích Huyền Vận điếu.

Nam Tề, Luật sư Thích Trí Xứng điếu. Nam Tề, Pháp sư Ngu Hy Cảnh hành trạng.

Đời Lương, Thẩm Ước, Tịnh Tú Ni hành trạng.

Đời Tống, Hiếu Võ Sa Thải Tăng Đồ chiếu.

Nguyên Ngụy, Hiếu Văn Bao, chiếu Sùng Chư Tăng. Nam Tề, Thẩm Hưu Văn, thuật về luận Trung Thực.

Thẩm Hưu Văn thuật lại luận Tăng Hội Thực.

Bắc Tề, Văn Tuyên, chiếu Sa Thải Tăng Nghị.

Đời Lương, Giản Văn Điếu gửi thư cho Pháp sư Đạo Trừng.

Đời Lương, Tấn An Vương cùng Sở Bộ Tăng Chánh giáo.

Đời Lương, Vương Quân gởi thư cho Đông Dương Thạnh Pháp sư.

Đời Lương, Thích Trí Lâm gởi thư cho Nhữ Nam Châu Ngung.
Đời Lương, Lưu Hiếu Tiêu gởi thư cho Pháp sư Cử.
Đời Lương, Vương Mạn Dĩnh gởi thư cho Hiệu Pháp sư.
Đời Lương, Lưu Chi Lân gởi thư điếu Pháp sư Chấn mất.
Đời Lương, Lưu Chi gởi thư điếu Chấn Huynh Lý Kính Phỉ.
Đời Lương, Lưu Chi Lân thư điếu kinh Tăng Chánh mất.
Đời Trần, Từ Lăng Giản, Nhân Sơn Thâm Pháp sư thư bỏ đạo.
Đời Chu, Thích Đàm Tích, vua Võ Đế xin dừng việc sa thải.
Đời Quỳ gửi thư Thiền sư Tiên Thành Tuệ Mạng.
U Lâm, Sa-môn Thích Tuệ Mạng đáp thư Bắc Tề, Đới tiên sinh.
Đời Tùy, nội sử Tiết Đạo Hoành gửi thư điếu Pháp sư Diên mất.
Đời Tùy, Thích Ngạn Tông nói về Phước Điền.
Đời Đường, Cao Tổ chiếu hỏi Tăng xuất gia lợi ích hay tổn hại.
Đời Đường, Cao Tổ ra chiếu sa thải đạo Phật.
Đời Đường, Thái Tôn chiếu lịnh Đạo sĩ ở trước Tăng.
Nay vua chiếu lịnh bàn Sa-môn kính ba đại.

THIÊN THỨ NĂM: TĂNG HẠNH (Phần Đầu)

Chư Tăng điều Hành Trạng, Chi Đàm Đế, Trúc La-thập, Thích Pháp Cương, Trúc Đạo Sinh, Thích Đàm Long, Thích Tuệ Viễn, Thích Huyền Kính, Thích Huyền Vận, Thích Trí Xưng, Thích Huyền Cảnh, Thích Tịnh Tú.

ĐIẾU ĐẠO SĨ CHI ĐÀM ĐẾ, ĐỜI ĐÔNG TẤN, KHÂU ĐẠO HỘ

Ngày ấy tháng năm, niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ bảy đời Tấn, Đạo sĩ Chi Đàm Đế qua đời, thọ sáu mươi lăm tuổi buồn thay!

Pháp sư Triệu Dận ở Tây Vức, vốn sinh ở Khang Cư, lấy tên nước làm họ. Đã nhận lãnh lời thầy dạy, bèn theo pháp họ là Chi. Từ quận Ngô Hưng, huyện Ô Trình, làng Đô, thôn Thiên Thu, giúp trinh khí kim thương, nhờ Thiều luật của Dương Dục, mạo muội phương xa mà đến, vượt núi sông mà bẩm thần, thức tình tinh túy trong sạch, phong vũ sáng sạch nghiêm túc, đạo nêu ở thiên kỳ, đức bày nơi đồ trong trắng. Trinh ngộ riêng cứu, các đạo khác không đáng để động tâm kia. Chí thành rất bền, các luận đâu thể can chấp kia. Do đây vượt trần tuyệt đến, tuệ chỉ phát huy lúc còn nhỏ, nghiên cứu đam mê đạo nhiệm mầu, đạo lực sáng chiếu lúc tuổi xế chiều. Cho nên có thể nắm linh phong ở cảnh thần, giảng diệu hóa nơi lý. Tế thanh bậc tiền triết, cung kính đạo tục mà quy hoài, dạo bước các nơi mở bày nghiệp lớn, khéo xét chỗ nói sâu, lời trong chốn vi diệu, lại khéo dùng văn từ, biết thưởng thức tham lưu. Vốn đã đều khế hợp phong thắng, lãnh trùm nhất thời.

Lúc ngài trung niên bèn khẳng khái để bên thành nạn đặt ở tối sâu làm tiết. Vả lại tánh non nước vốn ưa tự nhiên, tịnh ngoài lặng thể tự nhiên tâm. Vì vậy duyên dứt, người phong là ẩn dấu vết ở non cao hang núi. Bèn xét nhà ở quận Ngô Hưng cho nên chướng Côn Sơn, vị đạo sùng hóa hơn hai mươi hai năm, nghiệp dừng chỗ rộng, rửa được tâm điền cấu, đẹp của nơm tượng đủ đến niên hiệu Hưng Vĩnh.

Vì thế, tông sáng quy nhân từ các phương nhóm lại, khâm phục tông phong, lòng hướng về không xa mà hỏi thăm bến. Thường mong anh hào, thường thỉnh mời giúp giảng, Ngài tâm trống ứng vật, không thường do động dừng mà đổ tâm, suy thành thuật nghĩa. Trước hết do đạo tục khác đầu mối, trong kia bao trùm nhất là đức, lại xa gần chỗ suy mới toan rưới quét đường màu dứt hết gió dữ, vượt ngoài cấp diệu kỳ phát họa, suốt vết nhiệm mầu. Tiếc không hằng còn, bị bịnh mà mất, người biết nói là rất đau đớn mất Ngài, thoáng buồn tình cảm chỉ

là tốt. Bởi không chức tước mà sang, sống vinh chết thường là nghĩa này. Dẫu chí lý thầm một phen còn mất định ở hình ban đầu, thức màu khéo chiếu soi hình khí đồng hư hoại, nhưng thiếu tình hẹn ở cảnh mừng thích, chưa mất tâm ly hội, cũng đâu thể không cho được mất là buồn vui, đến trường mà đau đớn thay! Nếu thầm bỏ nạn thể, gởi nơm hàn để nhớ mong gió, viện lông mềm chút tình, xét trong sáng nơi không cùng bèn làm điếu rằng:

Dằng dặc trọn xưa, mập mờ đường huyền, diệu duyên chớ hỏi, ngủ dài chẳng tỉnh, sinh diệt phân vân, động dừng xen nhau, theo nhau trăm đời, lá lý càng mọt, nước chìm trần lao, ai biết kia cũ, đến người thừa vận. Trong linh giác mở đầu, chưa thấy biển cả, giếng ếch cho là chẳng nhỏ, sáng lớn dung lãng, đêm tối bèn sáng rỡ, dứt có về không, trừ tối liền sáng rõ, đạo hiệp vô phương, nhân giúp cầm điểu, người mê chẳng sót, người biết càng rõ, siêu thay Pháp sư, đạo tánh tự nhiên, nhất tâm tuyệt tục, kỳ thành trọng huyền, nghiên cứu vi diệu thần phong, khéo ngộ không môn, trần chỗ chấp trước ở tột kỳ tổn hại, lụy đó đã dẫn, thưa bạch càng bền chắc, lắc rơi trần ràng buộc, lôi kéo vực linh, nghiêm túc trinh vận, lênh láng xung kia, gắng gỏi tiến kia, hòa mà khẳng khái, khác mà không cao, dùng tâm riêng được, nêu tưởng ngàn nhẫn, trống để ứng vật, không đến chẳng thuận, dạo khắp mở mang hóa đạo, rung tiếng vang nêu sáng suốt, khai đạo quán huyền mở rộng cửa linh. Vị chế thầm tột, mổ xe u mầu, quên lòng khéo rót, lặng nghĩ chẳng trái, hội thông các phương, gồm đó quy về, xa kháng thuận lưới, mở pháp vị bền chắc, nối diệu tuệ đây bèn xét oai thần, cảnh tối vắng lặng vào quán dắt dẫn, nhàn rỗi sâu xa khác một, hoa lăng xăng khó dứt. Ngài vẫn khái nhiên trong chế ngự ẩn xót thương, bói ở sông núi làm nhà rừng sâu, trừ bỏ duyên ngoài, ẩn tinh yếu thông minh bên trong, chẳng phải nơm không phục, chẳng vi diệu thì không cùng, rậm rạp Côn lãnh, đồi gò cao lớn, núi liền mây đẹp, hang xa ngoằn ngoèo, sân mát tiêu điều, quanh thềm ao trong, che lấp xa kia, trang nghiêm hư không kia, mờ xa gió màu, Tăng đồ trầm lặng, vị đạo nhà trống thần ở vắng lặng, tâm theo đạo thân, tình cùng tục sơ, đạo vốn không riêng lẻ, đức quyết có gần gũi, vực trong dẫn ánh sáng, nghiệp thù thắng nhớ người, tông phong nhiệm mầu, từ xa khách đến cũng có chỗ khoe.

Khi đến hỏi bến lẳng lặng không cùng, ngày ngày thần vương, rừng nhường có cảm tạ, đạo tâm thường mới, thánh triết vi tuyệt, hiền nêu trái nghĩa che mờ ngọn vận, huyền hóa sắp thuận, phu tử yên tĩnh đạo tục quy tâm, ngõ hầu hưởng năm xa, nắm dây rụng đây, bằng đâu

không điều, bỏ đời hằng xa, nghi cảnh về dài, chết rồi không theo, loài có thức rất thảm sầu, loài hàm tình đồng bi thương. Ôi thôi, thương thay! Đẩy kéo vấn vương, đột ngột chìm sâu tin xưa yên nhàn cõi thanh tịnh, hang tối nương hoa cỏ hoặc rửa giặt chỗ nước xiết, dừng nghĩ nơi trúc xanh, thường khởi danh thìn, chén rộng hứng cúc, lê, bưởi ngon ngọt, cây lác măng tre làm. Phú, thi, vịnh... rõ ràng đều đủ, lòng xuân dạo đây, tưởng đó ở mắt, thương thay gặp đây ngàn năm không gặp lại nữa. Bước xưa thấm nhuần khoe khoang, nhìn phần mộ mà buồn khóc, Ô hô, thương thay! Có quyết rồi không, ban đầu thì sẽ quy về chung cuộc, người hiểu biết khéo quán sát, ngàn năm một ngày. Người mê muội hoặc ứng hoành làm lành dữ. Pháp sư xa rồi, xưa trở lại nhà huyền diệu, siêng năng nhiều kiếp, không chóng mà mau, ngõ hầu tạo duyên thầm, trọn hội linh thuật, diệu hạnh phí chở là rất tán chất, tình nơi chưa tối, buồn vì tự mất, gởi chút lòng sạch nhờ gió màu chở thuật ô hô thương thay!

THÍCH TĂNG TRIỆU ĐIẾU PHÁP SƯ CƯU-MA-LA-THẬP

Đạo không tự mở mang, mở mang là do người, tục không tự giác, giác phải đợi thầy, đợi thầy cho nên đời có thời kỳ ngộ cao. Do người cho nên đạo có vận nhỏ thành, vận ở nhỏ thành thì bến linh liền chảy, ở thời kỳ ngộ cao thì nhiệm mầu có thể đến. Nhưng bậc Năng Nhân nhất thời đại thờ thầy ngàn năm, tà tâm đúng sai tranh khởi. Cho nên khiến linh quy ẩn mất, mối dây gần như lộn lạo.

Có Pháp sư Thập để lại lời dạy của bậc Tiên giác, suy nghĩ nghi ngờ phương lớn rong ruổi ôm quán sát cao, xét lăng trì của đạo Thích, tiếc cùng kiệt của chúng sinh, cho nên bèn thần nghi mau chóng, ngụ hình lý tục, buông nương sợ lớn là thời thành hào, đời đó ngu an thì giác dùng âm lớn, thời đem sáng tối chính là do mặt trời tuệ, tư kiết thuận lưới ở đạo tiêu, nối sợi rụng nơi cùng vận, cho nên nương thời để hiểu, lầm lạc để sửa cho ngay, một phen giữ lại thì thời gian không xen trước, lại đánh thì xa, quy nhân ở lúc này. Xe dê nay gãy trục, xe sáu vị giáo chủ ngoại đạo mất vết, nhiệm mầu hai tưởng đã rõ, thâm sâu của Nhất thừa cũng hiển, là do ngồi thẳng núi Đông âm vang chạy tám cực. Thản nhiên vui vẻ dạy dỗ mà chín dòng thuận suy nghĩ, cho nên hai Đại vương Đại Tần, Phù Diêu trở về để kéo dài nhân vương này.

Tâm dạo cửa đại giác, hình trấn trên muôn hóa ngoài nêu gió hy hòa, trong đựng thuật hoằng pháp. Đạo khế thần giao, cong làm hình trao. Ngài cho tông thầy không trọng thì đạo kia không tôn, cho nên

chứa lòng thần báo cảm mà sau động. Tự hình Ngài ứng ở Tần Xuyên, như đuốc rồng sáng rỡ thần quang, mở rộng đại tông hy hòa ra phù tang, dung trị thường đạo tốt lại nhiệm mầu, đóng tà ngộ, thân kính cẩn đối với sự tốt đẹp của danh giáo, lời đã hợp thời, lý có viện hội, cho nên bàn luận chẳng luống khởi, đạo không luống xướng. Đây là trống pháp lại chấn động ở Diêm-phù, bánh xe phạm hạnh lại chuyển ở trời Bắc. Tự chẳng ngôi vị vượt tu thành tinh thể trăm lần luyện, hạnh chứa ứng thời, ai khế hợp được đây?

Tóm lại, kia vì mở mang giáng ở xuân dương, vì dứt hoạn nên khích lệ ở sương thu, cho nên vòi vọi mênh mông, vận cao không bờ, nhưng vận hẹp khởi tối, như người nói là xế chiều (tuổi già).

Năm Quí Sửu, ngày 13 tháng 04, bảy mươi tuổi ngoài, mất tại chùa lớn. Ô hô! Buồn thay! Thầy đi về Tây, trục linh gãy mé đông, sáng rơi rụng ánh quang, núi báu sụp lở, trời đất mờ tối, xe mê xoay chín, vòng, cửa thần lại đóng, ba đường tranh nhau mở, ánh sáng đêm đáng tiếc, mất rồi tiếc thay! Cảm trời đất, người trăm lòng như một bên làm điếu rằng:

Tiên giác đi xa, gió linh mờ tít, thông tiên ẩn mất, ứng chân mờ mịt, rậm rạp chín dòng, đúng sai tranh khởi. Dạo xa mất rồi, thần căn chìm mất, đời không có kim chỉ nam ai biết qua chỗ tối, bậc đại nhân xa giác, u hoài riêng ngộ, xung ngộ lặng im ôm nhiệm mầu trong trắng đây ứng thời kỳ đến chở, liệng cánh nơi trời cao đã nói là ứng vận, nên đúng thời trông mong. Thọ sinh nương lợi, hình nêu tướng lạ, tuổi ấu thơ tài giỏi hơn người, lúc còn nhỏ khỏi lường được, suy nghĩ không lại trải qua, ngộ không đợi thầy, chân bước tám Chánh đạo, thần đi ba hướng, gốc huyền diệu duyên dáng tốt tươi, âm rộng xướng xa. Lại do kháng tiết bỗng bỏ vinh hoa ở đời theo cùng cửa đạo, tôn trọng chay tịnh, có kinh điển thì tra cứu, có điều mầu nhiệm thì biên chép, hoằng không tự thế, tông không suy nghĩ tộc họ. Sương đóng như băng, thần an như núi, dấu vết ngoài càng cao, trong sáng càng đủ, vận cao lồng lộng, đáng làm khuôn phép đáng làm nhân duyên. Trầm lặng xung đức chỉ có chân diệu, tịnh để thông huyền, động để ứng nhân, nói là báu ở đời, im lặng là quý báu của thời, phong hoa đã lập hai giáo cũng là khách ai cho là đạo tiêu? Huyền hóa phương mới là giáo của tự Ngài, đạo đều mở mang giáo hóa, gió linh cửa xa, tiếng vang vượt hẳn vọt lên cao, mở rộng phương lớn này.

Nhưng đèn tuệ này tiếng đạo mới xướng lưới tục liền rách, gốc nghi càng nhổ thượng thiện càng thêm, người ở tục đường kia không

phương hướng, tất cả quần hữu này, cái khuy của lưới lủng đây, thuận dùng bốn ân, giáng dùng sương tuệ, như Duy-ma kia dấu vết nơi thành phường, hình dẫu viên ứng, thần xung hướng về vua đến giáo chỉ có diệu đâu đủ để giấu, lớn thay đại nhân!

Chấn thạnh viên đức nêu danh tướng này, hiển xung mặc kia, dùng chung các diệu, ước dùng huyền tắc, mới thạnh Bát-nhã để ứng trời bắc, thế nào khó chở. Thôn tối thầm khắc, đường trời ai thông, ba nẻo ai đóng, ô hô thương thay! Chí nhân vô vi mà không đâu chẳng vi, lười quyền lồng xa, lưới dài không thể chẳng xa, thuần ân dưới lưỡi câu khách lữ trên bắt giữ, thật thà khéo dụ, nghiêm túc gió đuổi, đạo có công năng thay đổi thế tục, hóa có thể đổi thời, đâu ngại trời cao, bẻ gãy linh quy này, chí chân đã qua, một đạo đâu lập bày, trời người thương khóc buồn động thần linh, ô hô thương thay!

Ngài đã mất, thời chỉ có trăm sáu, đường thợ đạp cân, bánh xe phạm gãy trục, triều dương đổ bóng núi Quỳnh nghiêng đổ, vũ trụ tối tăm, đã mất mắt đạo, thương thay cho chúng sinh ai vỗ về ai nuôi nấng, khắp trời buồn cảm, tôi thêm rướm máu, ô hô thương thay!

Xưa ta một thời từng dạo sông nhân, tôn các sóng kia, biên soạn hư huyền dụng đó không cùng, khoan đó càng cứng, mặt trời vọt lên tuyệt, suy nghĩ thêm mấy năm, tình vi diệu chưa bày, đã theo hóa dời như có thể mua chuộc, lẫn lộn đó cả ngàn thời không thể đợi, mạng chẳng thể kéo dài, chỉ có thân người, chẳng nương nhân duyên, rong ruổi đất trời, tình buồn trời lồng lộng, ô hô thương thay!

THÍCH TUỆ LÂM, ĐỜI TỐNG, ĐIẾU PHÁP SƯ VÕ KHÂU PHÁP CƯƠNG

Tháng mười một mùa Đông năm Tân Mùi niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một, Pháp sư Pháp Cương mất ô hô thương thay!

Chót vót lập phương, mạnh khỏe đã thương tổn ở thông nhâm, thấp theo viên tỷ lại thiếu cương khiết, ở núi giúp tệ khô héo, ấp thôn chỉ đến hoạn ồn ào chật hẹp, chước hai tình mà chọn hai việc, Pháp sư kia có đủ. Lúc nhỏ dạo kinh hoa, lớn dừng ở u lộc (chân núi), vui chí ra vào, nương tình qua lại, khinh nhàm nhân lưu, rảnh đến với cây đá, gò hang vắng lặng cầu quán nơi vật loại, người cho là không có tiết tháo lạ kỳ. Tôi thấy Sư thật vậy, thiên tánh thông minh, hun đúc dần phong vị, theo dung tình lý, thường nhờ văn nghĩa, giao du người đôn hậu, hiển bày hoàn toàn khế hợp, tiến đến kính mến đạo ngoài, chôn thân pháp phục, châu anh lụy sớm dứt, ngón chân ngang ngửa thần cương, trở ngại

đan xen, xưa phán huống chi dấu vết uốn nắn tang môn, huống thường nương nhờ.

Xưa do tình cờ gặp gỡ giao du, đồng dùng trừ bỏ, càng khế hợp quần chúng rải lòng duỗi bỏ bực tức. Để đến năm nay bèn nắm tay dạo nơi Lương bắc, cánh dừng nước Đặng, ăn gió hang trống ôm đạo bến màu, sánh vui đồng yến tiệc ngàn năm một thuở. Từ rừng liền chim tan, am nhà bỗng đầy kỹ, ông gần cành cao, tôi chìm bùn đục, thường nhờ dự đoạn gặp chỗ sạch sẽ bèn thành riêng biển núi cao mát, sóng đông lớn phí phục, cảnh Tây chớ có thâu, đến tận sông chinh chiến trở về cốt ở gò, ô hô thương thay!

Ngài họ Ân là con cháu nhà Thang, tiếng vinh là trung vi, nguồn dòng chiếu sáng. Lúc nhỏ gặp Mẫn Hung, tông không người kế thừa, từ kết kinh doanh, nương đây nuôi dưỡng, đến ba năm, năm năm, thông minh đỉnh đạt đều kỳ lạ sánh cùng bậc tài giỏi. Kết đội La Tề Dĩnh, chí hẹp giữa khu, suy nghĩ chọn thần cảnh, chợt lạc sinh gần, kính mến duyên lâu đã theo dấu màu, hiểu rõ danh tích, ngoài nhân nghĩa thông suốt chẳng lầm, nhà dục chẳng theo, ngồi để hội đến. Chẳng nương cửa châu, xét dự đoán như vách núi, đến chẳng chậm chân, đi không tuyệt cảnh, bay lên bay xuống lên mất, tới lui tổn ích. Tôi ghét sóng nổi, ông có thể tức tâm đều tường tận đạo sâu, đồng nhóm rừng đức, đều vung gió hòa, cùng lắng nghe âm thanh mầu nhiệm, từ cung đến nước ở mắt ở tai, đến hóa dài xa, khiến suy nghĩ trầm ngâm cũng đã lìa bỏ. Thiên đạo sáng rõ, ông ra núi xưa, tôi lại xa dòng họ, ngõ hầu nương hòa vận đồng mát cùng nghỉ, tro lạnh bỏ khói, lá rụng lìa cành, trái nguyện chớ theo. Ông bèn tạ thế, người nói rằng chết, gió mong che ngăn, ô hô thương thay!

Đông đen băng giá, bờ sông tiêu điều, gió lạnh bay màn, bay sương vào thuyền, mạng có gần dừng, đường về còn xa, buồn rầu liền hết, vắng lặng đau thương, cô lữ như mỏng đều hóa không áo rộng, ô hô thương thay!

Lòng dạo ở Hổ Khâu, truy điệu thầm diệt ở núi Lô, chỉ chép nhặt ở Trung kinh, niệm dắt dẫn nơi phiên cảnh, tình phiêu diêu nơi song loan, ý nghĩ quấn quýt nơi hai tỉnh, đâu vấn vương vô cực, tâm chứa nghẹn hơi, xem đông lạnh đã tàn, nhờ thạnh nóng đã dứt, bốn vận phân tới lui, tình hẹn sâu xa để dài che đậy, nếu duyên đến thì chẳng mất cuốn tuổi đời để thêm suy lường, ô hô thương thay!

THÍCH TUỆ LÂM, ĐỜI TỐNG, ĐIẾU PHÁP SƯ TRÚC ĐẠO SINH Ở CHÙA LONG QUANG

Tháng mười mùa đông năm Canh Tý niên hiệu Nguyên Gia mười một, Pháp sư Đạo Sinh tịch ở Lô Sơn. Ô hô thương thay! Người lành cáo tận, người tiễn đưa đau xót không cạn, bao hàm lý gọi là diệt, như tiếc lại sâu. Pháp sư vốn họ Ngụy người ở Cổ Thành, cha là quan huyện Quảng Thích. Lúc nhỏ rất lạ kỳ, dắt lên Pháp sư Pháp Thải liền đổi y phục theo nghiệp tu trì. Thiên tư thông minh, tư ngộ đỉnh đạt, chí học đến năm liền lên tòa giảng pháp.

Lúc bấy giờ người mong Tăng đạo có tài nổi tiếng đều cùng lời khâm phục tinh chí kia, Lỗ vận khuất phục Điền Ba, Hạng Thác hàng phục Khổng Tẩu, cũng không hơn đây. Thêm do tánh tịnh mà cứng rắn khí hài hòa mà dễ tôn, hỷ xả để dẫn dụ, cho nên vật càng trọng. Trung niên du học rộng tìm tòi điều hay lạ, từ Dương đến Tần, bên Lư đạp Hoắc, tôn thú Đại thừa của La-thập, yếu chỉ tiểu đạo của Đề-bà đều xướng bày ý chỉ, nghiên cứu nêu sự sâu xa kia, chỗ nghe mỗi ngày suy nghĩ chỗ thấy càng thâm sâu, đã ngộ nói rằng: “Tượng là chỗ nhờ nương của lý, chấp tượng thì mê lý. Giáo là sở nhân của hóa, buộc giáo thì ngu hóa”, do đây gạn danh trách thật, lầm nơi luống dối hoang đường. Cầu tâm ứng sự, mê muội cách ngôn, từ xưa tương truyền thừa học của Trung Hoa, chưa ai có thể nói ra lời thành thật như thế. Bèn thâu mê riêng vận để lại di tích, vì thế các kinh vén mây quần các nghi nước Thích. Ý chỉ của Thích-ca đạm nhiên có thể tìm, lời quý báu đều thành luận chung, Đam Chu bày danh giáo, Tú Bật lãnh tâm huyền diệu, ở đây là dễ, vật kỵ quang dĩnh, người vết tỳ trinh việt. Oán kết đồng phục, khéo đổ bầy du động, bèn rủ cánh kiểng chân, cảnh trong hang núi vâng dạy chí đạo, đến dấu Ngu Công vết lên thuyền, có xưa không quy mạng tận núi Lộc, buồn khởi ở chốn kinh kỳ, ô hô thương thay!

Sông Tứ, sông biện trong sạch, cao vút Lữ Lương chỉ là thục linh, nuôi sáng đẹp đây, như cỏ lan, như ngọc cẩn của đá, chẳng nói rằng huân điều thành thơm tho sặc sỡ. Ban đầu chí học phục ứng vết máu, qua tai rõ tâm, mở văn điều hóa sách, nếu lên giảng chẳng chương không chiết, khéo dùng lời ước, phất còn lời lại, có hiểu biết khâm phục thừa lịnh, nhàm là tìm tòi sâu xa.

Trung niên nghiên cứu giáo điển, lý trước chưa tột, dụng là du phương cầu các điều sâu kín, dẫu gặp nghe điều khác nhau càng giác ngộ cùng gần, cùng đường không trở về, xoay chuyển đổi xót thương, trừ bỏ danh tích, mở mang sự biểu, đâu trệ chẳng thông, đâu phải tối

tăm không hiểu. Nếu ra khỏi triều cầm sáng kia rực rỡ, bốn quả, thập trụ nhờ đó bay lên, đổi đó ngựa trâu, khỏe đó chim cá, ai gạn thật đây? Phí mê đạo này? Am lưu đạo này? Bảo ông dạy rằng: "Đạo thành thật ở đây", các người nghe đều phải xét, không riêng chống chọi nhau, tiêu hủy đa văn tôi cho là không hại, khuyên khéo tuyên truyền, biết chung sức trinh thành, thấy dạy dỗ ồn ào, âm thầm bỏ lớn, nghỉ đây vọt miệng thêm dừng hoặc anh, chạy xa đầm tre theo nguồn suối suy nghĩ, không ngại sông gò, ngõ hầu nương nhàn rỗi nói rằng: Người nhân thì sống lâu, mạng là có treo, không hề lâu xa, cỏ lan cỏ tôn liền loại, khí thương tổn cả đôi, ô hô thương thay!

Niệm mới lìa ba thu cái chiều, gió túc lưu tình, mây cao rừng sạch, tống biệt bốn Nam, giao tay chia đường bỏ đi mờ mịt, đau đớn tình đoái hoài, ai ở ẩn mất đều theo sông ngân, lo nghĩ là xa trái, khác thành hằng xen lẫn nhau, ô hô thương thay!

Nhớ đến gió đó bặt âm vang tiễn đi, mây đó đâu có nhân, dằng dặc ba tông đã từ tạ, chuyển hiến tuổi ở xuân này, nghe dương cầm vui vẻ, ngắm khói thần khí dày đặc, niệm tường tự ở tháng này, tin tập nghiệp tốt đẹp, ẩn giảng đường không thấy, xót xa tòa cao trống chẳng nghe, khen nhân sự để khoe lý, buồn duyên tình do nhớ người, ô hô thương thay!

Thiên đạo mờ mịt, tin thuận đáng suy tìm, lý không tiêu diệt ngõ hầu đều đồng về, thân yểu đáng lược, tình niệm đáng để lại, chương ngắn không rộng trải truyền bá, liền để buồn thương, ô hô thương thay!

TẠ LINH VẬN, ĐIẾU PHÁP SƯ ĐÀM LONG

Hiệp lực lý đặt luận, bá gia chưa thấy phải kia, nhân tâm tự rõ, một mình không bịnh hoạn vấp váp kia mà trọn biện nhau. Nếu ta đều muốn lật chìm được cứu rốt cuộc biết là ai, nhờ hành tích lập thì thiện ác chẳng gạn, tiếng dục truyền danh thì huân tốt xấu đồng hết. Nhưng ý chẳng phải chỗ khuất phục của thân, hẹn nêu ra kỳ hạn của mạng mắt thấy như người. Tuệ tâm sáng biết, phát ra lúc ấu thơ, sống tự bẩm thọ tinh hoa, gia đình suy kém vàng lụa lại thêm do khéo nương gởi hiểu tơ trúc, bọt dứt cảnh ở ngã tư đường, lộng dây đàn tiếng trúc ở quán hoa, chẳng luống qua tuần hợp sóc càng thêm trải qua năm tháng mà thôi. Thiết nghĩ Triệu lý đều nêu, Trình Trịnh đến ấn, đã hằng đêm ngộ riêng, giữa bữa nói lời than: "Than ôi! Buồn thay hân nhàm kịp đến, đều về lo khổ". Không chấm dứt gốc kia, siêu vượt ở đâu?

Vả lại ba cõi chìm đắm, chư Thiên đều nháy mắt, huống chi Tề

Cảnh núi Ngưu, Triệu Võ mong mát thôi thúc tiết vật, sương móc ép ngặt, suy nguyện này nói y đâu thể lâu dài. Khẳng khái gọt bỏ vinh hoa, gồm giúp vật là chí của ta. Mẹ khoe khoang tâm kia, chị em bày tiết tháo kia, theo nhau đồng ý. Xuất gia cầu đạo một đời đã vậy, đóng cửa lìa đời vợ con dứt hẳn, hoan lạc hằng bỏ, đâu chỉ là từ hẳn chẳng vui. Phán đó đầy năm trọn xưa ân ái, ngày nay ràng buộc. Ghe lữ khách ngược dòng Nam đến Cảnh Lư Nhạc, một phen lên cửa đá ngọn Hương Lư, sáu năm không xuống núi, Tăng chúng kham nhận sâu xa kia. Pháp sư không đổi tiết kia, niệm cứu vật không cho ở tự kháng cự, bạn đồng học bị bịnh, chống gậy muôn dặm cứu giúp. Tôi khi hết bịnh ở núi Đông, theo gió động ham muốn, đâu mong người hẹn nghiêng du núi gây ra, Pháp sư đến thì ngay, người hèn nhọc mệt, thi trước bày thô đã nhờ đó cho nên không còn phiền, đến ở giữa ngược núi thành thuyết, hết nghi thì được, tiếp nóc chồng bờ đều nén suối xa, nếm chi thuật mà cùng ăn, mở lời pháp mà đồng cuốn. Lại trải qua lạnh nóng chẳng gặp núi Dương chẳng có dung mạo mừng giận khiến y một phen sắc tiến rồi, thật minh ngộ sâu suốt, gột rửa tay áo gần đai, nước sôi bỏ cấu mỏng, ngày quên bịnh kia, ngõ hầu đầu bạc đồng ở mà trái lìa không tượng, tin thuận chớ quy về gạn nhóm duyên gì, tiết chiều lo hiềm khích xa thấy tham cứu tìm tòi đến dứt trở ngại âm trần mới dứt. Gặp nóng làm bịnh chưa đến một tuần đã mất, thật mạng còn mất, hạnh này rất thật có lý do, nương hung cảm đau đớn, là thường tình, giấy mực mấy thời chẳng để tên này, bởi khâm phục chí tiết theo lâu dài bình sinh tự không thể im lặng cho nên bỏ lòng viện bút lời kia rằng:

Ngước tìm hình thức, cúi xét lý loại, lượm tiếng biết luật, nhổ cỏ tranh thấy con nhím, vật cho là linh dị, người cho là trí quý, tức là thần minh xem xét ý vị, ban đầu ở tao nhã, tuệ tâm xưa xét, cỏ hoa đâm chồi rút lại, lòng ôm ngày tháng như vườn lan kia, gió hơn khí vượt như trời con, vén mây phát sáng cầu danh hẹn thân. Khích lệ tháo đông rồi, thẳng hoặc ngu ở đời, chưa hề gần giống, sống do ý thái, ý quản sinh lý, ai là mừng vui. Trình, Trịnh, Triệu, Lý, nhà chứa vàng lụa, tài luyện nghề nghiệp, ngẩng đầu phung phí, nhiều dây lụa đẹp, rượu say giọng nói ngắn, ý đẹp áo quần xa xỉ. Sáng ép cảnh hoàng hôn, chiều kỵ các sao, dạo chơi ban ngày, lạnh buốt đêm dài. Năm xưa mừng dòng, nhàm đến nhà, khổ vui xoay vòng đợi lúc chết đi, bỏ mà lại đến. Sống mau danh mượn ai có thể đổi đoạt? Thuật gì đổi dời? Tinh thô loạn giúp, thiện ác so le, tức tâm có hạn, đối với lý chẳng phép tắc, thử hạch xét các quán ngõ hầu được chỗ dòm ngó. Đạo gia thất bại, các dòng thiếu

xa giả danh hằng là ai? Bên nghĩa đâu ngược có riêng gồm quên, nhân tâm thì lành, tổn vật trầm mê, tham muốn rong ruổi kia, luyến phục kinh đô, chống gậy lên đỉnh Lô Sơn, từ chối hẳn vinh hoa, dứt hẳn núi tối, nhà đẹp rập khuôn, bỏ phiền hà đến đơn giản, người khổ nạn kia, ông lấy tịnh kia, tối đó thấy sáng, tức ngu thành tuyệt, trí đó thưa tình, đối lý nhuộm đen này, tiếc rẻ đã phí bỏ, vướng cũng đâu cứu, ông đó khoe khoang là không khổ tiết, tiết khổ ở mình, lợi trinh còn kia, để rõ sáng mờ tối, để từ với bọn lụy phiền, muốn dùng cứu giúp vật, trước nên cứu ở đây. Phát đau xót trái tình, trọn vậy lý phải. Lương Bằng dẫn vợ, Hà Điều gặp con, gà Tần tiếp người, hạnh ca thông rồi, ở đời nói là cao, ở đạo khác thấp hèn, đợi đến gặp Pháp sư riêng tuyệt thần lý, hình thọ dễ hết nhưng bằng lòng khó dừng phán, thừa tâm liền hóa, bỏ thân chẳng than, mến đạo càng gắng gổ, cảnh mạng đã yên, khoe vật từ núi, dứt hẳn lữ quán, ô hô thương thay!

Hồn khí theo đó kéo dài lăng mộ đã rõ, diều hâu, dế nhũi đồng thí, vườn sơn hiểu được, ô hô thương thay!

Dằng dặc niệm bình sinh, đồng tối chung sâu, dẫn nhau qua ban đầu đều là đến bến , mở đá thông suối, chọn kha rừng sớ, nhìn xa lớp lớp, gần thấy gập ghềnh, sự ít đất rãnh, tìm vi tế xét sâu xa, câu nào không nghiên cứu, nghi ngờ che bỏ, mở sách cuốn trục, tạng vượt nếp giấy, hỏi qua đáp lại theo ngày hết đêm. Trường Thư, Kiệt Nịch cùng nhau cày ruộng, Bá Di, Thúc Tề chung rau vị, dầu đồng tâm vui, sự khác ý trái, nương bịnh đốt lòng, nghe hung dữ buồn rầu, ai nói rằng không đau đớn? Giọt lệ thấm áo ô hô thương thay! Ô hô thương thay!

Đi lâu tiết dời, bên đất đổi khí, cuối thu giữa Đông, đạp quế đến biển, thường nghĩ doãn nhân, nghĩ sâutình gấp bội, cúi tạ thường nhân, ngước quỷ không đợi, ô hô thương thay!

TẠ LINH VẬN, ĐỜI TỐNG, ĐIẾU PHÁP SƯ TUỆ VIỄN Ở LÔ SƠN

Đạo còn một mối cho nên khác đời đồng sáng, đức hợp lý diệu cho nên khác nơi đồng đến. Thích Công chấn động gió màu ở cửa đá, Pháp sư nối ngọn dòng ở Giang Tả, nghe gió mà vui, bốn biển đồng quay về. Ông bèn hoài nhân núi rừng chí cầu ở ẩn, vì thế chúng Tăng mây nhóm riêng tu tịnh hạnh, đồng pháp ăn gió dừng chậm cửa đạo. Đáng gọi là hiếu ngưỡng năm trăm, nối gió Xá-vệ, ngọn Lô Sơn cúi truyền âm Linh Thứu, mênh mông chưa hề nghe. Tôi tuổi chỉ học mong cuối môn nhân, tiếc thay nguyện chí thành bèn bỏ, trái hẳn đời này. Tuổi tám mươi bốn,

ngày mồng 06 tháng 08 mùa thu niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười ba ngài thị tịch, tuổi vọt buông tâm, công theo thân mất, có trước đây sau ngàn năm rủ ánh sáng ô hô thương thay! Bèn làm bài điếu rằng:

Xưa ngài An Công
Đạo phong đầy đủ
Đại pháp sắp hết
Lưới đổ là gởi
Thể tịnh dứt động
Nhớ chân sửa ngụy
Dùng hiếu thờ Thầy
Lấy nghĩa nuôi trò
Mở rộng pháp Phật
Rưới khắp mưa pháp.

Cúi trao Pháp sư, oai nghi đầy đủ, học không dòm phên, xét không ra cửa. Lúa thóc dầu ngự, làm riêng cây dương, rõ ràng nhà cao nghiêm túc pháp đình, đã nghiêm đã tịnh, càng cao càng sạch, theo dung âm chỉ, tài giỏi nghi hình, rộng diễn từ bi lợi ích chúng sinh, đường đường khí kia gắng gổ giúp kia, gồm sừng vị đạo, bỏ thân theo thầy, cúng dường Tam bảo, chẻ bỏ nghi ngờ, thạnh hứa cứu giúp, nhân đức vui vẻ ở đâu hỏi đạo, bốn biển nương gió, có tâm mang theo. Giới đức nuôi thân, tiếng tăm vang xa, năm trược tạm hưng, hoằng đạo khen ngợi càng trống càng xung, mười sáu Vương tử, Nho Đồng Tiên Giác, Ngài cho xuất gia. Tuổi chưa chí học, như Đặng Lâm kia, cam lồ thấm nhuần, như ngọc quỳnh dao đã mài đã giũa. Đại tông ngược lên, tòa chúng nhóm rộng, bèn đến cùng nhà, chùa linh lại lập, xưa mong nghiên cứu, mới học thời tập, Ngài và Trí Húc cùng nhau thân thiện bèn tu La-thập Tông mong giao thái bèn dẫn thiền chúng, thân nương Tam-muội, điều tốt hợp chảy, thật cao thật lớn, cung kính đạo đức, vượt hơn lợi hại. Trời đất chung chăng? Núi lở biển cạn, mặt trời mặt trăng mất ánh sáng, ba quang chìm ánh sáng, các núi đổ ngã, vận sóng giữa kết, nương hóa rủ mối, gió vi diệu thường diệt, ô hô thương thay!

Sống đều xung tố, chết thêm đau xót, đơn trập quách đất, chỉ bày đồng kiểm hài, người trời cảm thương, Đế Thích thảm sầu, tập tập để lại gió, nương dựa thêm lạnh buốt, buồn thay Pháp sư, trọn vậy là dừng, nhà không dừng vang, đường có rộng bước, ô hô thương thay!

Cây thẳng tan ni, buồn đến sáu năm, kính mến Thù, Tứ, cúi sợ nơm bẫy. Nay học trò ông, thật đồng khó này, sớm quét phòng trống, chiều khóc núi không. Ô hô Pháp sư, lúc nào trở lại, phong tiêu, trúc

bách, mây đầy ngọn núi, sông hang như khóc, núi rừng đổi sắc, từ xưa nghe gió chí nguyện quy y, núi sông đường xa, tâm qua hình trái, trước sau ôm hận, duyên xưa nhẹ nhỏ, An Dưỡng có nương, Diêm-phù không mong, ô hô thương thay!

TRƯƠNG SƯỚNG, ĐỜI TỐNG, ĐIẾU KÍNH PHÁP SƯ Ở NÚI NHÃ NA

Phàm đãi vật mà dạo chơi có ra dụng sinh ngoại đạo, đến tự ngã ôm ấp mà vui, cho nên Hối Bảo dừng chân thật, dẫn đường cùng xe để ra khỏi Ngụy, Loan chạy trốn mối mây, đâu thêm xe hiên để vào Vệ. Là do người ngạo tục còn riêng đường kia, dân ở chỗ tối không buồn một mình sao, ta thường tuyên thơ dòng xưa chiếu rõ, cho nên đã kiểng chân cảm vịnh, thân tâm không đủ bèn xung riêng vận, tuổi nhỏ mà cao, khí vượt núi, chí sớm sẽ bay xa. Ban đầu dừng ở Lô Sơn, năm mới cạo tóc chí xa dằng dặc thẳng cả ngàn dặm, bèn cầu bỏ hình đến đạo quên nhà vào pháp.

Bấy giờ Sa-môn Thích Tuệ Viễn dẫu biết kia cao rất cao, mà vì còn nhỏ nên chưa chấp nhận, bèn lên đầu con suối Thái Dương, đến chỗ trống nhảy vào chỗ hiểm, dùng thân đổi chí, Pháp sư cho là kỳ lạ bèn thâu nhận. Mạo muội hoa bay liệng, nghiệp đời sau nhóm trắng sạch, đường tất chưa nghiêm trước gió khổ tiết, đồng học không kể xiết sự nhọc mệt kia, như người không đổi tiết tháo kia.

Bấy giờ kinh tạng mới đến Đông độ, học tập hoa đá bèn bỏ đường muôn dặm thường dạo hàm lạc. Định tuệ hiểu nhau có ra dụng nhỏ nhiệm hàng ngày. La-thập đã mất, Tuệ Viễn cũng không còn, bèn trở lại chốn xưa đóng cửa ở trong núi sâu, không ra khỏi núi Nhã-na, ở đó hơn hai mươi năm. Dư Thúc hết bịnh trở về chỉ tưởng gió dừng, Pháp sư nương cảm đến chơi, nhóm tòa bàn yến, trong sạch tạ từ nói xong không chia biệt mà chia biệt, cho nên đã nói nín giao suốt mà động tịnh luống tròn. Gạn người có đầu lớn giỏi điều khéo chọn, thần ở chung buông thả, gió lý giao dung, bèn dựa núi thành hiên, dừng rừng mở quán, tức người này nhân ngoài tâm khế hội ngược, sông Tây sóng mới núi Đông đã đổ xuống, gió mây đã hết, cây còn buồn tâm bi ai, nước mắt không dứt, ô hô thương thay, bèn làm bài điếu rằng:

Ở trên còn vua
Ca phụng ông hạc
Chạy nhanh mây liệng
Hiên cao hạc kêu

Nguồn linh dòng đời
Người tối làm đời
Ông về đến đây
Bước xưa vận nhọn
Kết dấu nương gió
Vâng theo chịu nghe
Ngọc ngang thì mát
Vàng ngọc đây chấn
Tuổi học còn nhỏ
Năm đầy thường mới
Khiến đức đã cao
Tài giỏi chỉ khởi
Cao nhọn muôn đời
Gió nêu ngàn dặm
Tình ái tướng nhẹ
Nước nhà như cỏ
Hiểu người thông minh
Riêng buông huyền báu
Gồm nương bảy giác
Bay vượt tám đạo
Ba sông yên lặng
Lặng hơn Lô Sơn.

Đất cách muôn vật, dấu phép tắc từng nhiệm mầu, mênh mông tuệ trong sạch, kết nhà nương khói khu trước các cõi, đầu đường người trời, chúng ta chế dung nhóm gió mát kia, nghiệp chảy lành nhóm, tình trang trọng nhiệm mầu đồng, xuân thượng ngày sáng, trăng trong giữa thu, gang tấc không đáy, trời đất có thể cùng, vượt La-thập kia. Ba cõi đặc biệt tốt, chân tục mũ miện, thần đạo lãnh tụ, như người đối tiếng vang, nương xe liền vết, dệt lạnh nơi sa mạc, gió dài gánh tuyết, bỏ tay áo vào băng sương, buộc quần tiết chiều, ai đây hỏi bến, vằng vặc ở hiền triết, áo trẻ, đai già Khổng suy nghĩ, Chu nhớ mong, trăm thời như một. Kinh chở riêng mở, ngực đất đã đầy, cúi xin vỏ phách dời đây không sinh, xót xa ở chiếu cây, khéo vào trong vòng, đạo xuất trên thân, cái gọi là y nhân, đường màu sáng riêng, trí trống ở tình, chiếu thật tướng kia, sống trụ vô trụ, khác hoại tìm nhau, La-thập về cõi xưa, Tuệ Viễn bỏ đời nay, thợ đá vận gì, Bá Nha bỏ âm, ân ái trốn theo. Xưa vòng mạnh tâm ông, núi Đông mở dấu vết, tiêu cảnh Nhã-na, màn sớm đầu gió, chiếu xuân mây che, sân lưu kết cỏ, lại cồn ngậm sóng, trăng hiên đẹp phía Đông

mặt trời lặn xinh phía Tây, tình bước không lời, ngủ khởi cao tuyệt, mây trắng đến tháo, gió mát luyện tiết trải qua năm đường, đi ngang sáu thú, bốn đế quy tưởng, ba thừa chung đường, sinh diệt ở pháp, các hạnh khó lường, người hiền hết củi, lửa xưa dời ánh sáng, ngày sáng chìm mê tối, giữa xuân nổi sương, ô hô thương thay!

Xưa tôi tóc đen, sớm yến tiệc áo xanh, đưa chí chẳng phải năm, rước vận là tâm, nhà nghèo cha già, cày cấy mà chẳng đủ ăn, đến hịch theo vui, thân sạch riêng yểu. Đã cách ở hình, luống thông dùng đạo, tự ngã theo bịnh, đài cao núi Đông, trăng sáng đường vắng, mây trắng đường yên, nương thông gầm hét, trên gió dũi lời, hỏi tôi bao tuổi, xưa ở Lương Tuấn, y nhân trữ quán, dòng tâm rót vận, thế nào cao sáng, cách thành sáng tối, năm giây tán lộng, ba chén ai uống, ô hô thương thay!

Non suối đồng bỏ, thông trúc buồn đau, sương móc sớm mùa thu, lạnh buốt đêm đông, ô hô thương thay!

Cáo, vượn, toan suy nghĩ, xa ứng thời nghe, rộng mở tánh phẩm, vô tánh là ai? Liên đài thành cỏ, so sánh quán chỉ buồn, còn mất đã thay thế, việt sắc đau thương, ô hô thương thay!

Chúng sinh mất người hướng dẫn, muôn vật không chỗ nương, mát sai lầm đến đêm, trùng dương liền sáng, ô hô thương thay!

Y tứ mong đó mênh mông, lòng đau đớn thương xót, dẫu nước mắt đến đó có điềm, vốn buồn lại kia không điềm, ẩn dài suy nghĩ do buồn than, tha thứ dọc ngang ở lời lẽ, ô hô thương thay!

THÍCH TUỆ LÂM, NGƯỜI NAM TỀ, ĐIẾU PHÁP SƯ THÍCH HUYỀN VẬN Ở CHÙA TÂN AN

Ngày Giáp ngọ mồng 08 tháng 05 niên hiệu Duy Kiến Võ năm thứ tư, Sa-môn Thích Huyền Vận qua đời, thần bỏ nguy thành, ô hô thương thay!

Pháp sư vốn người Tiều họ Thạch, ngụ ở Đôn Hoàng. Lúc nhỏ bẩm thọ thông minh tánh tình nhân hòa, lớn bên ý rộng đức cao, chân thật thẳng thắng, xưa xem đạo thù thắng, bèn bỏ thế tục, vượt ngoài ràng buộc trần ngại, rửa cảnh bến huyền, dựng lập đạo pháp, đều do tuyệt nghi luật, tinh học diệu mầu thể vi tế, hạnh ẩn nhân mờ danh, tan chứa thí quên tướng, không đức mà xưng, ngày đêm tươi tốt, bày thuyết tốt đẹp vào lúc này, lý tư quan mũ ở giữa đời, chúng kính ngưỡng từ xa mà đến, trống đến thật về khắp nơi dấu vết. Vua, hậu, hai người tôn quý, xét anh tài trọng đảnh lễ, đều vái đạo tôn thầy nhìn dâng cung kính, mà rộng lượng sâu xa không cho sang hèn khác nhau, ngó ngoài

lại kia. Sửa sang sâu xa không do nóng lạnh phẩm kia ôm ấp, cho nên gồm tông tượng, cuối sùng chấn dòng lở, Pháp sư là người như vậy.

Duyên dạy rộng có hạn, ca tay mang sẽ hết, gió lửa bảo gạn càng thản nhiên sáng nơi thức nguy, thánh linh diệt hiện thường cung kính vui vẻ ở cáo tiệm, thọ sáu mươi chín tuổi, ô hô thương thay!

Ngoài bẩm thức nghẹn, trong hỏi phách thảm thiết, kính đề vết xưa làm lời phù phiếm, điếu rằng:

Trệ đời rộng lớn
Biển khổ xa rộng
Che dục đậy tu
Lưới ái mở rộng
Đèn pháp không sáng
Trời tuệ bụi mù
Nhà mục đổ ngã
Lửa dữ nổi lên
Hai nghi tiêu hủy
Tính kia có tuổi
Ba lần chuyển rộng
Kiếp không ai tính
Theo tối chống sáng
Chìm sông chẳng cứu
Tiếp gót đã thưa
Là giúp mạng đời.

Ngày đản sinh bậc thông minh hiền triết, giáng linh tự duyên, hòm nhỏ chứa đồ, có nêu tuổi nhỏ, thần cơ vất ấu thơ nghi giám sớm đọc, dụ như ngọc mới sáng, như châu mở suối, nhàm lìa trần tục ô trược, siêu ngộ nhiệm mầu, quyết bỏ ngu si ràng buộc, lóng dứt tình trái, tuổi nhỏ tánh thẳng, lúc bé theo thầy nương phép tắc, xét nét cung kính, sửa oai nghi khuôn phép, chỉnh thân trong sạch, lặng sạch chân chánh tâm hạnh, học tập nguồn bí mật, hỏi tốt lý sâu xa. Trước ẩn dụng chiếu, nghi xưa đây soi, thợ thất lạc, công không phục tùng, tư tưởng cao, nghiệp đầy. Cho đến trung niên, rộng sâu mênh mông, luận nói pháp không, mây quét mặt trời sáng, nương ngã tư như di, mở ngăn trệ tự như mở cửa, phẩm loại mênh mông, cách thức là kính ngưỡng, sông bên phải chấn động, sông bên trái nêu xinh đẹp, tiếng nhân đức tuyên xứng duyên đạo giàu, cất nhắc, khen ngợi, hỏi han tìm cầu, vui vẻ chọn lựa nghiên cứu trao cho, nhân hậu như đất, chí cao như núi, dừng ăn đến nuốt, bỏ bông tơ khoe lạnh, chứa mặt trời không dừng, tiền tài để thí hết, thà hèn sắc

mặt ngạo nghễ, chẳng sang mà dung nhan vui vẻ, rất vui mừng như vậy, đều nhờ cỏ lan kia, dạy cho chỗ thích hợp, thức mờ đây sáng, trí chỗ dẫn dắt, việc do tâm mà thành, tiếp mờ mịt, hàng hóa tốt, vỗ về mê tình tha thứ, nương vi tế thỉnh cốt yếu, đều cùng nhau hưởng, đường hiểm hằng xa, khai dẫn có tột cùng, sinh diệt vẫy gọi nhau niệm niệm chẳng dừng, năm sang ít lưu, ánh sáng phía Tây thay nhau ép ngặt, mây biến chẳng dừng, sắp chở cõi tịnh, ô hô thương thay!

Thể nhiều bịnh khổ, lự suốt bốn tật, thầy thuốc đồng bóng châm đá, chia thang tụt mất, điềm tĩnh bạn pháp, chánh nghĩ bến từ, không bỏ giới chăm chỉ, thệ cứu chúng sinh, ô hô thương thay!

Hợp đã trọn lìa, giả hợp ứng tạ, đồng bi rừng tố, vắng lặng giữa đêm, người bàn điều thiện, nhìn trời ngắm xe, tức cung cam kia, bỏ nhà trần này, ô hô thương thay!

Lời vi diệu tuyệt vời nơi chìm mất, hủy ghe thuyền nơi bốn xa, lần lượt sùng trần trang nghiêm đẹp đẽ, điêu khắc xinh đẹp nhà cao rậm rạp. Bỏ hình có như để lại, dời tình linh kia ở chỗ nào, giúp dạy kính mong cúc xuân, không có nước mắt đều qua đời, ô hô thương thay!

HÀNH TRẠNG CỦA PHÁP SƯ TRÍ XỨNG LUẬT SƯ CỦA CHÙA AN LẠC, ĐỜI NAM TỀ, MẤT TÊN NGƯỜI SOẠN

Pháp sư húy là Trí Xứng, người Văn Hủy, ở Hà Đông, họ Bùi, ôm nguồn trong của sông Phần Hội, bẩm thọ chất tài giỏi của núi sông, chứa linh nhân ở trên lá, cảm tánh tuệ ở Diêm-phù, thẳng thay chỉ có trong sạch, ban đầu xưa đủ, mát sạch cung nghiệm thể để có được. Nhưng vận trời xác thật, hàm chương ẩn diệu, chìm mất mọi người, đâu thể so lường cái xa gần kia, bởi đường tất xinh đẹp gang tấc, giấu ánh sáng nơi hang hốc báu đầy thước chưa mổ đã thành, người xem xét lưới thức lớn đẹp kia, người nghe phí được tên lớn kia. Ky buộc mậu lữ gắng khởi bờ ruộng, tuổi lên ba mươi mới xem các kinh, lui mà than rằng: “Trăm năm trong phúc chốc, công danh là trọng, danh không thường, ở công khó cho xong. Đâu biết ngoài tài cao chót vót trong rộng lớn, lồng trùm sáng tối, lớn không bờ mé?”, vì kia có thầy, tôi biết quay về, bèn từ giã hẳn năm nhẫn, xét vạt áo bốn y, vấp nhọn mở phân vân, cho nên mới hết.

Trong niên hiệu Đại Minh đời Tống Ích Bộ có Thiền sư Ấn, khổ tiết quán động, làm chức Quốc sư. Thượng nhân nghe gió tự gá một mặt trọn thể, Ấn Công nói quay về Dung Thục, bèn nắm tay cùng lên thuyền. Đến niên hiệu Thái Thỉ năm đầu đời Tống xuất gia ở Vương

Lũy, chí thành cảm người trời, tin xuyên cả vàng đá, trực tâm Bát-nhã, cao bước đạo tràng, đã kính nghiệp nương thầy đến hiền biện chí. Ngao du chín bộ, rong ruổi ba thừa, Ma-la tuyên dịch, Long vương giấu kín, dẫu lại thọ trì đọc tụng, nhưng chưa cho đo là tông, thường cho là nhiếp tâm vào dấu vết, dấu vết kín thì tâm xem xét. Hạnh do người mở mang, hạnh kín thì đạo còn, đâu phải trên trị người không trước ở lễ? Nhàn tà dời thiện đâu còn ở luật? có thể dong xe nơi nhà lửa, bay liệng trong biển khổ, nhìn ba đường mà chờ bước, trải qua muôn kiếp mà không suy, kia gọi là Côn ni? Bèn chọn lựa nhánh lá, gom nhặt gốc cây, đốn dây cương rửa tâm làm trách nhiệm của mình. Vì thế chống gậy đi xa ngàn dặm du học, ôm kinh trì bát trăm nhà không thôi, Tây trông núi gai, Nam qua Lễ Phổ, dạo khắp Hoa Hạ, rộng tìm tòi học hỏi điều hay lạ, đất, cây, hình hài, tâm thúc như ngọc khuê. Chẳng cao không ngước, không cứng chẳng công phá, ngủ chưa kịp nóng giường, suy nghĩ thì đến ăn không kịp nuốt.

Vào đạo ba năm, theo thầy bốn lần giảng, dạy nhanh, công gấp mà nghiệp đầy, kinh sáng, thường xưng đạo chẳng rơi dưới đất, người đều có tốt đẹp. Học Tuyên Ni đâu chống thường sư. Lúc bấy giờ, hai thượng nhân Cụ, Ẩn trước nương Cao Lưu, phụng kêu Tây Sở, Luật sư Đao Bảo Dĩnh hiệp nghe ôn hòa cho nên đến Đông đô, Pháp sư ở Giang Lăng bẩm Cụ Ẩn vì Chu mà trao, đến khi trở về Kinh Lạc chọn Dĩnh Công (Luật sư Dĩnh) làm bạn lợi ích, đều là điện Quyền Hoành lời cao tột cắt tinh hoa, bỏ cỏ đề cỏ kê mà ăn lúa gạo, hợp muối me mà thành vạc nấu ăn, lý kia luyện ý chỉ sâu xa kia, người chưa học được bao nhiêu đâu thể học theo. Đến thời Tần Thỉ Hoàng năm thứ sáu, ban đầu giảng luật Thập Tụng ở Chấn Trạch, mở rộng sự tướng thần đạo trong gang tấc, cao bàn nêu ra Vân Hán, tinh nghĩa vào vô gián, tám muôn oai nghi vui mừng xướng lý. Chương cú năm bộ tiêu tan như bọt sóng, do đó kẻ hậu học biết tông, trước hiểu đổi quán, sáng rỡ khiến hỏi rất nhờ ở đây. Lẽ ra Pháp sư không khác lạ cách thức thực hành có sức khác, lời trong trọn ngày mà sự ở trong ấy, mây dừng ở Cụ Khu, ngôi kéo dài ở Kiến Nghiệp, nay không đợi phòng nghiêm cửa sổ tịnh, đi xa không mau thêm.

Từ Phương Đẳng đến nghi, biến Hồ thành Hán tài lớn học rộng, nối trục sánh vai, tông Pháp Hoa, Duy-ma thường thường được nghe, Niết-bàn Thành Thật giảng nói, nơi nơi đến nhóm. Luật tạng hiến chương bấy giờ rất ít ỏi, chấn hưng bảo trì giềng mối thuộc nhân từ thời bấy giờ, như nguồn đầm rộng lớn sâu xa, cho nên già chỗ quay về hoặc, núi

cao hiểm trở che kín, trước tu hiểu điều tốt đẹp, đều chia che đầu lông, phân tán keo kết. Câu sau đến nỗi xa ngộ riêng trong lòng, cho nên có khả năng khiến cho ngược cửa phía Nam cung loan phía Bắc, tìm tiếng theo âm vang vạn dặm mà đến, muôn nhân tuổi càng trẻ, sợi dọc ngày càng mới, ngồi nhà cao mà dẫn dắt bốn chúng, chuyển pháp luân mà triều định đồng nghiệp. Hơn hai mươi năm quân tử cho đạo này là trung hưng, dứt khánh điếu, che dòng tục. Cửa đỏ phòng hoa chẳng đi qua, Tề Cảnh, Lăng Văn, Tuyên Vương khinh thường ngàn xe, tâm trống tám giải thoát. Thường thỉnh Pháp sư giảng ở chùa Để. Đã chấp nhận cho giáng đức, hoặc cho là nên tu chủ khách Pháp sư cười và đáp rằng:

- Ta chưa rảnh, đến chánh vị hòm trượng mới giao như khói mỏng. Bấy giờ chiếu pháp mở rộng, sĩ mau như rừng, chủ khen đã chạy, khách nhiều dung nhan, phát đề bài mạng, nghi nạn nêu ra.

Lẽ ra Pháp sư ứng biến như tiếng vang, nếu không lưu đức, nhốt biện đất lở, gánh gượng gãy sừng, đâu không kéo khắp, đi chẳng quên gốc mất cành. Hạng xem nghe xứng làm nhóm này, tánh Pháp sư vốn ngay thẳng mà có thể vui để hầu, hỏi ra lời này không hề có sắc giận dữ, gây gổ, mình trống rộng ước đều hết tài cán, y chỉ sơ dựa dạy đó như một. Lúc trẻ ở nhà chỉ có bạn là Hiếu Vu, thong thả giày bốn nhiếp, yêu đắm cả hai đều hết, thân thuộc bạn bè thơ không gởi mà không phát, trong tha thứ an ủi, ép mà không đến, thường nói rằng: “Đạo tục khác nhau cho nên Ưu-đà chính thân nương âm chỉ đâu theo lời kia mà bỗng dạy bảo kia”. Phiền não soi chiếu, tập quán nghiêm túc liền bỏ”.

Pháp sư đối với kinh Thập Tụng ban đầu từ Ngô Hưng đến Kiến Nghiệp giảng hơn bốn mươi lần, soạn Nghĩa Ký tám thiên, y cứ lời bày chế, người học truyền thuật cho là tuyệt diệu xưa nay. Năm Pháp sư bảy mươi hai tuổi thuộc niên hiệu Vĩnh Nguyên năm thứ ba đời Tề, Ngài thâu thần thị tịch ở chùa An Lạc huyện Kiến Khương. Tăng Ni đến đưa tang khóc như mất anh mất chị. Thiết nghĩ không nói mà tin, không gọi mà cảm, nói rằng: “Nếu hễ kính hành chọn vui mừng, không hình ở sắc, người trí khéo dẫn dụ, rong rêu trôi mất”.

Lúc bấy giờ, đến tiền tài gồm lấy ở nghĩa, rõ đầy vuông lớn không hề thay đổi, rộng lớn những chạc, bia biển, hoa sông chẳng thể đầy lượng kia, bởi biểu nghi của Tịnh Danh, là phép tắc dứt tâm ư? Đệ tử là Đạo Tấn cảm hương một đã suy, thảm thương đức âm hằng tuyệt mất, thấp bày lòng tin mà có điềm, ngõ hầu truyền hương thơm mà không hổ thẹn.

HÀNH TRẠNG CỦA PHÁP SƯ CẢNH TRỤ CHÙA HƯƠNG SƯ PHONG, NÚI LÔ SƠN. (Ngô Hy)

Pháp sư húy là Tăng Cảnh, người họ Âu Dương, làng Tương ở Hoành Dương. Nhờ nhân lành đời vô thỉ nên được xa ngộ đời nay, giữa thông lý, nhỏ mà tự nhiên, ưa tụng kinh, khéo giữ tiết tháo, đi đừng có cốt cách, thân miệng không nói lời khác lạ. Mười tuổi đã mất cha, thờ mẹ chí hiếu, mẹ vì Sư thỉnh nhà, nhà tốt mà chẳng ưa đắm, từ tạ không được lịnh.

Bấy giờ ngựa nhung sinh ngựa ô, lông hịch đến ngày, thân mặc giáp mão chân đạp núi sông, lại qua mười năm. Dẫu ngoài phải khó khăn gai góc, mà bên trong kết từ bi, cho nên chưa lìa mọi người đã có hạnh dứt tâm, sau đi qua Bành Lãi thấy Lư Nhạc mà vui, vì thế có chí suốt đời ở đó. Sau trở lại sông Tương, hơi bỏ có chẳng phải chỗ mùi vị đạo quên ăn, ngày ăn một bữa rau, sau được ra cửa hủy liền lìa bỏ vợ nhà, bỗng mộng thấy thần núi Lô đảnh lễ chí kính nói: “Lô Sơn, Duy Nhạc cao vút trời cao đây gọi là ba cung, vách dựng đứng cao muôn nhận, muốn mời chân nhân ở đó, nếu chân nhân không theo thì núi này hằng phế bỏ”. Lại mộng thấy mình nhận lời thỉnh mà đến Hương Lư Phong đảnh cửa đá, thấy gác bạc lầu vàng suối đơn, cây ngọc bích cao chót vót, khắc gọt đời ít có. Vì vậy lúc gà gáy sáng liền thức giấc mà vẫn phơi phới.

Bấy giờ, Tăng chúng ở Giang Lăng phần nhiều có hành nghiệp, đều bảo Pháp sư rằng: “Pháp sư ở châu Kinh rất thạnh”, bèn do đây mái chèo đông từ đầu hạ nổi phía Tây, gặp Tăng Tịnh đạo nhân rất hiểu thiền định, bèn nói: “Thật là thầy ta” bèn cạo tóc để theo, ở thiền phòng Trúc Lâm, ban đầu nhịn ăn im lặng suy nghĩ, suốt đêm không ngủ, quan thứ sử nghe danh vui mừng muốn gọi mời đến, hoặc nói rằng: “Người này đáng đến gặp gỡ, không thể bỏ qua”, vì thế bèn đến am tranh và được trao giới pháp, nhân sĩ ở Giang Hán cũng theo học nhiều như mây, trước là miếu thần núi linh nghiệm như tiếng vang, chống trái liền gặp tai ương, đã hơn mười năm. Pháp sư xem xét xét phòng nhà, thần bèn hiện thân làm lễ, sai hai thần đồng sớm chiều đứng hầu, có người nữ đồng bóng thấy mà hỏi, Pháp sư không đáp, thần Lô Sơn lại đến cố mời.

Đến tháng bảy, hiệu Vĩnh Minh năm thứ mười, Ngài chống gậy bên ngọn Phong gặp cảnh đã thấy trong mộng, bèn lấy tảng đá làm nền, dựa vào vách núi, làm nhà sửa sang lại rồi ngồi ngay suy nghĩ, lấy hổ báo làm bạn, các bậc tiên đức như Đàm Long, Tuệ Viễn cũng đến ở

đây, là chỗ ít có dấu chân người lui tới, bởi không chịu được sự buồn bã kia. Vả lại khí núi dày đặc khiến người đau đầu cảm sốt, chưa hề có ai ở đó mà không bỏ xuống núi chỉ có Pháp sư nếu đến là không bỏ đi. Đã khước từ giúp lúa gạo lại không tránh né khí tuyết sương, khi nắm leo vượt hiểm trở, hành động như bay, hoặc có bầy ma không ưa Pháp sư đến, có thể khiến biến thành sấm gió để thử, Pháp sư đã hiện thần dụng nghiễm nhiên bầy ma bèn lui. Lâu ngày lại chỗ hiểm tối tìm kiếm nơi làm cầu đá nhà đá, núi linh đất bí mật chỗ trăm thần dạochơi, Pháp sư nói hương giới hạnh các thần đều cúi đầu đảnh lễ.

Xưa, vị thần Ngô Mạnh được vào đây dạo xem, từ đó về sau chỉ có Pháp sư đến. Từ Hy Hoàng về trước chỉ có hai người mà thôi. Ban đầu Pháp sư vào núi hai năm, thiền vị chưa đầy đủ, thường xem xét tâm mình vào vắng lặng riêng thấy Phật Di-lặc thường nói rằng: “Đây là duyên gieo trồng từ kiếp trước”.

Mùa xuân niên hiệu Kiến Vũ năm thứ tư, Ngài bỗng nói với đệ tử rằng: Ta thọ phải chín mươi, nhưng nhiều năm không có ích cho đời, mà bốn đại có lụy với người, suy nghĩ cứu giúp chúng sinh, không được ở lâu nơi đây”. Đến ngày 21 tháng 07 Sư đặt nêu ở đầu mé Tây chót núi làm chỗ đặt thi hài, người chẳng ai biết, lại bị bịnh bảy ngày, sau bảy ngày nữa thì qua đời, thọ năm mươi tám tuổi. Ngày qua đời chấp tay nguyện rằng: “Xin được sinh vào ba đường để cứu tất cả chúng sinh khổ”, lại nói rằng: “Ta thí thân này cho chim qua, chớ có chôn”. Ban đầu Pháp sư gọi mấy người sau chùa an cư giảng trao, hoặc bảo Pháp sư rằng: “Nay muốn ra khỏi núi tìm thuốc”, lại khuyên dâng cơm nước Pháp sư nói: “Ta lụy ở thân này, và ta không thân thì ta có lụy gì, chớ nhiều lời”.

Sau khi mất sáu ngày mà dung mạo vẫn như sống, hai ngón tay co lại rồi duỗi ra như cũ, các Tỳ-kheo Túc Đức đều nói rằng: “Nếu là bậc đạo nhân phần nhiều lấy bảy làm số, Pháp sư từ khi bịnh cho đến chết không phải như vậy sao? Hai ngón tay không co duỗi cũng có lý do. Ban đầu ở Lư Phong riêng tuyệt lông cánh không sinh, từ khi Pháp sư đến có cặp chim đến làm ổ đến khi Pháp sư thác, chim cũng bỏ đi hẳn. Chỉ có Pháp sư xưa nhờ nguồn sâu xa lâu buộc tịnh nghiệp, cho nên từ bi hỷ xả giúp thành tánh, vi diệu huyền thông nhân tâm thì có, vào núi rừng mà không ra, bặt vinh hoa mà vượt trội. Như bằng tám trân báu giúp cứng cốt, thuật chín chuyển diên hoa đều như cởi hài, chỉ trụ tâm định chí ở ghe báu vô giá, mến hộ hóa thành hẹn làm bờ kia, kính ngưỡng không suy lường, cho nên chưa được mà gọi.

HÀNH TRẠNG NI TỊNH TÚ Ở CHÙA THIỀN LÂM, ĐỜI NAM TỀ. (Thẩm Ước)

Tỳ-kheo Ni Thích nữ Tịnh Tú vốn họ Lương, ở an định, người họ Ô. Trước xuất thân từ Thiểu Hạo đến Bà Ích Tà Vũ trị thủy, được vua ban họ Luy, thời vua Chu Hiếu phong cháu mười sáu đời chẳng phải con ở Tần, hội cháu Trần Trọng làm Hầu Bá Tuyên Vương, Bình Vương Đông Thiên phong Tần Trọng Thiếu Tử ở đời Lương gọi là Lương Bá. Đời Hán Cảnh Đế, Lương Lâm xây chùa Thái Nguyên Thái theo ở đất Bấc, họ Ô làm quận nhân. Từ lúc Quyết Hậu xưng phụ ở đời, danh đức càng sáng mũ miện càng rực rỡ. Nhà Hán, năm đầu niên hiệu Nguyên Gia, Lương Cảnh làm Thượng Thư, Thiếu Tập Hàn Thi làm thông Nho ở đời. Đời Ngụy, Lương Sáng làm Ty Đồ Tả Trường Sử Bí Thư Giám, xem rộng các sách, khéo bàn lý màu. Trong thời Tần Thái Thỉ, Lương Xiển làm Thái sử ở châu Lương và châu Ung, tức là Nãi Tổ của Ni. Cháu của Xiển là Huy Tần, Phạm Dương, Vương Hao, làm Phiêu Ky Tham Quân Ngư Dương Thái thú, gặp Vĩnh Gia Thang Chiết Luân ở Ngụy Triệu làm Bí Thư Giám Chinh Nam Trường Sử, sau được về lại Tấn, làm chức Tán Ky Thị Lang, con là Trù Tự Đạo Độ làm Chinh Lỗ Tư Mã Tử Xán là tướng nhậm nhà Tống. Chinh Lỗ Phủ Tham Quân được phong Đô Đình Hầu ở huyện Long Xuyên, Ni là con gái thứ tư của Đô Đình Hầu, thông minh đỉnh đạt trí tuệ ngộ nhiều kiếp, thể diệu giải ngay năm đó, mà tánh nhu hòa điềm đạm không giống các trẻ nhỏ bình thường. Tuổi nhỏ mà thần tình cao vượt, phi thường hơn hạng đồng nhã, hạnh nhân chuộng đạo, rửa chí nơi cửa pháp.

Đến năm mười tuổi niệm từ càng mạnh, bỏ phấn son, bỏ lụa là gấm vóc, tụng kinh hành đạo, trường chay đạm bạc. Năm mười hai tuổi thì xin xuất gia, người nhà cấm đoán ép buộc không cho. Vì thế tâm cầu thầm cảm một niệm chuyên tinh bèn thường được cảm giáng điềm lành. Thứ lớp riêng vượt làm bậc tiên giác, mở dụ trong ngoài cho nên bèn được tiết tháo thanh nhã, tánh chuộng điều lành, thông minh từ nhỏ, vượt hơn mọi người. Đến năm bảy tuổi tự nhiên trì trai, trong nhà mời Tăng hành đạo, nghe đọc kinh Đại Niết-bàn bèn không ăn thịt, vì thế ăn rau không ăn thịt cáo, cha mẹ biết là nếu gặp cá thịt liền bỏ đi.

Xưa, có Đạo nhân Phổ Luyện là người nước ngoài xuất hiện ở kinh đô, đi qua nhà họ Lương liền trao thọ năm giới, khuyên cố gắng vâng giữ chưa hề trái phạm, ngày đêm thường dùng lễ bái đọc tụng làm sự nghiệp chứ không có việc gì khác, và tay có thể thường tụ chép kinh, có chút tiền bạc thì dùng làm công đức, không ưa kinh doanh việc đời.

Lúc trẻ muốn vào đạo, cha mẹ không cho bèn bỏ trôi theo năm tháng, đến năm hai mươi chín tuổi mới được toại chí, được chủ chùa Phục Ưng ở Thanh Viên cạo tóc cho cô. Cô thờ Thầy rất chí kính, tiên ý nương yếu chỉ tận tâm tận lực vẫn sợ phí thời gian, thân tu ba nghiệp ngày đêm chẳng biếng nhác, làm việc trong chúng thường thường đi đầu, tinh tấn siêng năng, gặp việc là làm xong hết. Có tiên sinh Khai Sĩ Mã ở Thanh Viên thấy liền thọ ký rằng: "Vị Ni này sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất". Lại chính thân ngồi thiền ở điện Phật, có hai ba vị cùng ngồi thiền bỗng nghe trong hư không có tiếng giống như trâu rống, hai vị Ni bỗng kinh sợ chết giấc, Thượng Đàm tự nhiên như không, từ từ xuống giường thiền về phòng cầm đuốc đi tìm tiếng động ấy. Về đến lan can, hai Ni liền nghe trên chùa có tiếng người nói chuyện với nhau rằng: "Chúng ta nên tránh đường Sư ấy sắp trở lại". Sau trở lại trong phòng thiền mà ngồi với mấy người bạn, có một vị Ni ngồi ngủ say mà ngáy trong giấc ngủ thấy một người cúi đầu vào nhà nói rằng: "Chớ kinh động Sư cô ấy", vì thế vị Ni này không dám ngồi nữa, lại một hôm, lúc đang ngồi thiền, vị ni đồng bạn có chút duyên sự muốn xuống giường thiền, bỗng thấy có một người dơ tay chặn lại nói: "Chớ quấy nhiều Sư cô ấy", vì thế ém khí ra từ từ mừng chưa từng có. Các việc như vậy so ra rất nhiều, thường đã quên hết không thể ghi đủ.

Tánh ưa thích giới luật, tới, lui, cúi, ngước, đều muốn vâng thừa, vì vậy bèn thỉnh Luật sư Huy giảng dạy, trong tâm tự nghĩ, nhưng có cả ngàn việc, trong lòng lo lắng sự không xong. Ban đêm nằm mộng thấy chim quạ, chim khách, sáo, sẻ, oanh vũ đều kéo xe, xe có màn che, xe lớn nhỏ đều xứng với hình chim, chúng nói với nhau rằng: "Tôi giúp Sư cô đi giảng", Ni thức giấc rất vui mừng vì biết việc sẽ thành. Đến chỗ giảng liền được bảy mươi vị đàn-việt lập bày đồ cúng dường, đồ ăn thức uống đều trong sạch. Sau lại thỉnh Luật sư Dĩnh khai luật, liền bỏ ngày giảng, nước trong tịnh bình tự nhiên thơm như hơi thơm của Thủy viên Ni rất lấy làm vui là đã ngồi thiền đắc định, đến nửa đêm mới đứng dậy thì không còn người bạn nào, liền tự nghĩ "Có phạm giới ngồi riêng chăng?" liền đi hỏi Luật sư, Luật sư nói là không phạm, nhưng trong ý còn do dự sợ mình có lỗi, lại thấy Tăng Ni các chùa phần nhiều không đúng như pháp, bèn thở dài bùi ngùi than rằng: "Vết lớn chưa xa, mối linh mới suy đồi, tự mình chẳng dẫn lỗi trách thân thì đâu thể dẫn dắt người", liền tự sám hối thực hành Ma-na-đỏa. Vì thế hai bộ chúng Tăng ở Kinh đô đều than thở rằng: "Người hành luật trong sáng khuôn phép đúng pháp như vậy mà còn tự suy nghĩ lỗi mình huống chi chúng ta động

tịnh nhiều lỗi lầm mà không hổ thẹn ư?", bèn cùng nhau sám hối khắp, không sót một ai.

Lại đến chỗ Luật sư Dĩnh ở Nam Viên để thọ giới, ngay ngày thọ giới nước trong tịnh bình lại thơm như trước, các Ni ở Thanh Viên và các chùa khác đều thọ giới lại, Luật sư vì thế cũng thứ lớp đến chùa mở bày giới phẩm, mở mang đại giáo, cho nên hiến chương phép tắc lưu xa đến nay. Luật sư Dĩnh lại ra lịnh trên hẹn lời Ni các chùa có giường cao, đồ thế tục đều phải sửa đổi, vâng lệnh cấm ngăn không ai chẳng vâng theo, sự hưng khởi Luật tạng từ đây bắt đầu.

Sau lại đến Tam tạng Pháp sư thọ giới, nước trong tịnh bình lại thơm như trước, không khác ở Thanh Viên, đồ chúng đã rộng thấy khác nhau. Sư đã trở về lại không có người hầu, vì vậy nghĩ riêng định lập trụ xứ, có thể được nghiêm Thánh bên ngoài thì bên trong mới an nhàn. Đến tháng tám niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy đời Tống, Cố Hoàng Tu Nghi và Công chúa Nam Xương rất tôn sùng Tam bảo, kính mến đức hạnh, ban đầu đặt tinh xá, dâng vải gai bỏ mát mẻ, ăn rau hoắc quên đói, thân giữ ngói đất trọn siêng năng cả ngày lẫn đêm. Cho đến niên hiệu Tần Thỉ năm thứ ba đời Tống, Minh Đế ban cho hiệu là Thiền Lâm, bởi tánh ưa vắng lặng, thầm cảm có điềm ứng, mà tạo khám đúc tượng đều đầy đủ. Lại viết chép các kinh đều khiến đầy đủ trang hoàng nhuộm thành, đều tự nhiên có hai anh em Long vương Bà-già-la hiện dấu vết cả ngày không mất, kẻ tri thức qua lại đều thấy.

Ni nhận hơn mười người cùng ở dạy dỗ giáo hóa khen thưởng đều dạy tu thiền tụng, mỗi lần đến phụng thỉnh Thánh tăng thức ăn dâng lên đều có dấu lạ. Lại có một thời Ni chí thành thỉnh Thánh chúng cúng dường bảy ngày, lễ sám vừa xong, nhiếp tâm vận tưởng liền thấy hai đạo nhân nước ngoài giơ tay cùng nói, một người nói "Pháp La", một nói "Tỳ Pháp La", cả hai đắp ca sa màu như lá dâu nấu rục, do đó liền dùng bùn để nhuộm màu y như đã thấy, vì thế Tăng Ni xa gần đều bảo nhau đổi màu sắc của y, cho nên dứt được lỗi của năm đại, đạo tục có phần riêng.

Sau lại thỉnh năm trăm La-hán ở ao A-nậu-đạt, hằng ngày phàm thánh dự đại hội vô già, đã gần hai mươi ngày lập bày đồ cúng đầy đủ. Lại thỉnh năm trăm La-hán ở nước Kế Tân đủ dâng làm mười, và thỉnh phàm Tăng cúng dường như cách thức trước. Mới qua một ngày thấy có một vị đạo nhân nước ngoài mà chúng Tăng chẳng ai quen, vì thế thử nhau giả hỏi, tự nói là từ Kế Tân đến, lại hỏi: "Đến đây bao lâu?" Đáp: "Đến đây một năm". Chúng Tăng biết lạ, sai người giữ cửa xem động

tịnh của vị ấy, khi ăn xong bèn ở cửa Tống Lâm đi ra, liền sai người nhìn theo thấy đi ra từ cửa Tống Lâm hơn mười bước liền biến mất. Lại thường thỉnh Thánh tăng, đồ tắm đựng đầy nước thơm nóng và các tạp vật, nhân đó lễ bái, trong ngoài im lặng, bỗng nghe cái gáo buộc trong đồ đựng nước có tiếng như có người múc nước dùng, ý cho là hoặc có người ra, liền cùng đến xem chỉ thấy gáo nước tự nhiên dao động, cho nên biết là thần thánh khác thường.

Lại có lần giữa đêm bỗng thấy ánh sáng đầy nhà, tự nói là trời đã sáng bèn đứng dậy ra mở cửa, thấy bên ngoài vẫn còn tối liền đóng cửa, trở lại giường ngủ rất lâu trời mới sáng. Lại bị bịnh rất gấp, bỗng thấy luồng ánh sáng lớn, khắp cả thế giới, núi, sông, cây cối, rõ ràng không ngại, vui mừng tự cười một mình, người đi bên cạnh lấy làm lạ hỏi, Ni đáp đủ như điều đã thấy, liền có thể làm lễ, đọc tụng như thường không khác.

Lại có lúc: Ni bị căn bịnh rất nguy khốn, bỗng giơ hai tay giống như bưng vật gì, nói mà người bên cạnh không hiểu, hỏi rằng: “Bưng vật gì vậy?” Đáp: “Ta thấy tháp báu từ đất vọt lên, ý muốn đón lấy, tràng hoa kỹ nhạc chẳng chỗ nào không có”. Vì vậy tật bịnh bỗng nhiên được lành, đều không còn hoạn nạn.

Lại nữa bị bệnh trong mấy ngày cũng khác lạ, tơ tằm hằng nhiều, nhìn hướng Đông chấp tay hướng lên hư không, trong khoảnh khắc gấp kéo lửa thơm, đổi thời chấp tay liền tự nói rằng: “Ta thấy Phật Di-lặc, các Thánh chúng Xá-lợi-phất. Mục-kiền-liên.... Chốc lát lại thấy Di-lặc hạ sinh ngẩng đầu cúi thành, nói rằng có người đem tràng hoa kỹ nhạc và ba đài đến rước, ở đây phướn lọng, hoa, kỹ nhạc thế gian chẳng thể sánh được, trụ cả nửa ngày, một đài đã ở giữa đường, một đài chưa đến nửa đường, một đài chưa thấy, chỉ nghe mà thôi. Bấy giờ đã làm hai đài vì điềm này cho nên liền làm một đài”. Lại nói: “Có hai cây hoa báu ở bên”, người đến gần giường bảo “chớ làm hư hoa của ta, từ đây về sau sẽ hết bệnh, trước sau bị bịnh thường có điềm lành, hoặc được gió mát, hoặc gặp thuốc hay, hoặc nghe hương lạ, bình liền được lành, bịnh lành lý do đều bỗng nhiên hết như thế, việc ấy thường không thể chép đủ.

Lại niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, một hạ nọ Ni bị bệnh, ban ngày mộng thấy Bồ-tát Hư Không Tạng, liền tự nhiễu quanh Bồ-tát và chúc tụng, tiếng chúc tụng phát ra bèn thức giấc, bệnh liền lành. Lại một hôm, nằm mở mắt thấy Phật đi vào, phát ra cờ phướn, lọng báu đầy nhà, sai người kệ bên đốt hương mà người ấy không tự thấy gì.

Ngày 17 tháng 06 niên hiệu Thiên Giám năm thứ năm, Ni bị bịnh

khổ, tâm mê muộn không ăn uống. Pháp sư Lịnh ở chùa Bành Thành đêm ngày 19 tháng 06 mộng thấy một chỗ gọi là trên trời Đâu-suất, chỗ ở trang nghiêm đẹp đẽ, thế gian chẳng thể so sánh, nói đây là trụ xứ của Ni, liền thấy Ni ở trong đó. Vì thế Pháp sư có nói với Ni là ni được sinh về chỗ tốt đẹp, sẽ đón gặp nhau, Ni là Pháp sư tiểu phẩm là đàn việt, chớ thấy sai bỏ. Ni liền đáp: "Pháp sư là trượng phu lại rộng thông kinh giáo, lẽ ra phải ở chỗ thù thắng. Tôi là nữ nhi đâu có ích gì". Pháp sư lại nói:

- Không phải, dẫu là trượng phu mà không thể tinh tấn, trì giới thì không bằng Ni, thời thể đã chuyển xấu, cùng khiến Pháp sư ban sơ không thể gặp nhau.

Bịnh càng tăng, húp cháo ngày càng ít, cho là trị không ích gì lần đến mê dần. Đến ngày 12 tháng 07, trời mưa mát mẻ, sự mê muộn như có thuyên giảm, tự nói rằng: "Ta mộng thấy rước đến điện Phật phía Tây, người người cầm cờ phướn dụ như quân ở dưới đất, cờ phướn làm lịnh không khác quân đội ở thế gian theo lịnh cờ xí, trống chiên. Đến ngày hai mươi thì không ăn uống gì hết. Đến ngày hai mươi hai bảo thỉnh chủng tăng quen biết nhóm lập hội, ý dường như muốn từ biệt. Đến ngày hai mươi lăm nói rằng: "Thấy chư Phật mười phương đầy khắp hư không". Đến ngày hai mươi bảy sau Ngọ nằm im lặng rất lâu chừng nấu hai nồi cơm mới lại chuyển động, tự nói rằng: "Ta lên trời Đâu-suất thấy Phật Di-lặc và các Bồ-tát đều có màu vàng ròng, trong tay Ni tự có một tịnh bình bằng lưu ly, có thể cao ba thước để dâng lên Di-lặc, Phật liền phát ra ánh sáng chiếu trên thân Ni, đến trời Đâu-suất cũng không thấy ăn uống mà tự nhiên vẫn no cho nên không cần đồ ăn ở nhân gian, chỉ ngửi thấy mùi đồ ăn của thế gian đều rất hôi, do đó không chịu ăn".

Lại ở trên trời kia, Ni được bánh Ba Lợi đem về, ý muốn cho Pháp sư Lịnh, có người hỏi: "Sao định đem bánh đi", đáp: "Định cho Pháp sư Lịnh", người này nói: "Pháp sư Lịnh là người trong quả báo đâu được ăn thức ăn trên cõi trời" bèn không cho đem đi. Đã muốn thấy Pháp sư Lịnh nhàn cư, Ni vì rước Pháp sư đến gặp nhau, nói Pháp sư hãy làm đồ ăn rau để nuôi đạo nhân ngồn thiền trong núi, nếu tu ba nghiệp mới được sinh lên cõi trời Đâu-suất, Pháp sư không ngồi thiền cho nên khiến làm lương thực ở núi, thượng đạo nhân muốn ngồi thiền với người nên làm nhân duyên như vậy.

Từ lúc vào tháng tám, thân thể cũng dẫn chuyển sang xấu, không còn nói việc khác, chỉ nói rằng có ba mươi hai đồng tử, một tên trời

Công đức, hai tên Thiện nữ thống lãnh Ca-tỳ-la hằng đến ở hai bên cho ta sai khiến, hoặc nói "được người cho ăn uống, khiến trong chúng làm", lại nói rằng: "Trong hư không ngày đêm đều có kỹ nhạc huyên náo tai người".

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 24

THIÊN THỨ NĂM: TĂNG HẠNH (Phần 2)

Chiếu sa thải Tăng chúng (Tống Võ Đế). Chiếu bảo nêu Đức tăng (bảy bài), (Nguyên Ngụy, Hiếu Văn Đế). Thuật Tăng Trung Thực Luận (Nam Tề, Thẩm Hưu Văn). Thuật Tăng Thiết Hội Luận (Thẩm Hưu Văn). Bàn chiếu sa thải Tăng (Bắc Tề, Văn Hoàng đế). Thơ điếu Đạo Trừng Pháp sư mất (Đời Lương Giảng Văn). Thư cho Pháp sư Đông Dương Thạnh (Đời Lương, Vương Quân). Thư cho ông Nam Châu Ngung (Đời Lương, Thích Trí Lâm). Thư cho Pháp sư Cử (Đời Lương, Lưu Tuấn còn một tên khác là Hiếu Tiêu). Thư cho Pháp sư Giảo (Đời Lương, Vương Mạn Dĩnh). Thư điếu Pháp sư Chấn mất (Đời Lương, Lưu Chi Lân). Thư cho Chấn Huynh Lý Kính Chuyết. Thư điếu Tăng Pháp sư Chánh Kinh mất. Đông Dương Kim Hoa Sơn Thê Chí, (Đời Lương, Lưu Hiếu Tiêu). Thư cho Dư Bộc Xã Thuật Dịch Tăng (Trần, Thích Chân Quán). Thư can ngăn Pháp sư Nhân Sơn Thâm bỏ đạo (Trần, Dư Lăng). Biểu can ngăn Chu Tổ sa thải Tăng (Đời Chu, Thích Đàm Tích). Thư Tải Quỳ ban. U Lâm, Sa-môn Tuệ Mạng. Thư (Bắc Tề, Tải tiên sinh). Thư điếu Pháp sư Diên mất.

CHIẾU SA THẢI TĂNG CHÚNG (Tống Vũ Đế)

Môn hạ Phật pháp sai lầm, Sa-môn lẫn lộn, không đáng là giáo pháp lớn giúp đỡ, mà chuyên thành ẩn trấn, do tâm gian nên phát hình trạng dữ thường nghe. Hư đạo loạn tục, người thần đều giận, có thể giao chùa cho quan sở tại, người già càng phải sa thải, sau có trái phạm nghiêm trừng tòa kia, người chủ làm điều cách, mau thi hành.

CHIẾU NHÓM HỌP NÊU ĐỨC TĂNG (NGUYÊN NGỤY, HIẾU VĂN ĐẾ)

CHIẾU DÙNG TĂNG HIỂN VÌ SA-MÔN ĐẦU CHUNG

Môn hạ, gần đây được Lục Công đồng dâng biểu, biết muốn sớm định Sa-môn đều chung, xét khảo đức chọn hiền, thức ngủ động tâm, nối tiếp trách nhiệm của Phật đâu biết gởi ai, hoặc có vị đạo cao tuổi lớn, lẽ ra không nhọc lo. Hoặc có vị khí pháp nhiệm mầu biết xa, ôm nhiều việc trần, nay do chủ chùa Tư Viễn, Pháp sư Tăng rõ, nhân từ hòa nhã, khâm mừng gió trong, gương tháo, rất thông minh, đạo tâm trong sáng vốn kham được trách nhiệm này, thử hòa các nhiệm mầu, gần đã miệng thưa, hãy ra lịnh làm Sa-môn thống lãnh. Lại phó nghi hai việc Tăng tục đều đồng, khoảnh nhân sáng rỡ gồm riêng giúp được bỏ trách nhiệm này. Nay vốn giúp đức khen thiện vốn cần người ấy. Pháp sư Tăng Nghĩa chùa Hoàng Cửu hạnh cung kính sướng ôn, thông minh cẩn chánh, nghiệp tươi tốt, đạo đức tài giỏi, dụng ứng giúp đỡ, có thể làm Duy-ma để sáng hiền đồ.

CHIẾU VUA LẬP CHẾ TĂNG NI

Môn hạ, ngưng giác lòng trong, sự vượt ngoài thế tục, các khuôn sùng lớn lý gởi quên lời. Nhưng chẳng có lời thì lấy gì giải thích giáo pháp, chẳng có thế tục thì đâu thể nêu chân? Do đó ba tạng thư thả gió quyết giúp sách răn dè, sáu độ rộng giáo hóa vốn nương thước sóng. Từ khi tượng giáo truyền đến đông độ đã hơn năm trăm năm, Tần, Hán, Hoa, tục cấm chế càng dày, cho nên anh tài đời trước tùy nghi khởi dụ, đời khinh đời trọng để giúp bày chỗ sâu kín, đời triều trước có làm Tăng cấm, có chút chưa rõ nên sửa lại. Gần đây thấy Sa-môn thống lãnh Tăng hiển đồng tự nói rằng: "Muốn lại một phen san định", trẫm liền dùng hiểu biết cạn để cùng rõ sách chí lý, sự khởi thấm thoát chạm chỗ chưa nghiên cứu rõ, vả lại có thể lập pháp nhất thời, thô cứu giáo thế, điện cần đứng thưa một phen đồng lại sửa sang sự khiếm thiếu sót.

BAN CHIẾU CHO CÁC PHÁP SƯ MỘT THÁNG VÀO ĐIỆN BA LẦN

Môn hạ, sùng nhân khen nghiệp đâu như Tôn Huyền bày thần nhuộm chí, ai là người anh tài trước tiên, cho nên Chu Đán làm lời cáo sáng rõ điều kia. Thích-ca xương văn khéo biết. Nhưng vì người tôn kính cho hiền là quý, kẻ đức ưu cho thân nhân từ là trên hết. Trẫm dẫu mê muội có thể không giúp mấy, đời triều trước sửa sang trời đất, chưa

gấp phép tắc bên trong, bèn khiến triều đình thiếu dung mạo cao xa, cửa tím chọn nghi siêu tục, đối lý mừng thiện giúp ruộng phước, bởi là chưa đủ toan muốn Pháp sư Ý Đức đến gặp mặt, tiến có thể nhận nuốt vị đạo, lui có thể trang sức làm sáng triều đình, nên sắc chỉ cho kia một tháng ba lần vào trong điện, số người pháp hiệu, riêng phải nộp lên.

CHIẾU CHỈ RA LỊNH CHO CHÚNG TĂNG Ở CÁC CHÂU AN CƯ GIẢNG THUYẾT

Môn hạ, nương về đạo nhiệm mầu vốn giúp chân phong, tu tập tuệ từ thật chuộng quả trí. Cho nên ba tai kiểm nhiếp hằng quy của đạo, chín hạ ôn thuyên tốt đẹp của pháp, có thể sắc chỉ các châu, chúng thanh tịnh an cư trong hạ này, châu lớn ba trăm người, châu vừa hai trăm người, châu nhỏ một trăm người, mặc theo số kia chỗ giảng thuyết đều là Tăng kỳ lúa gạo cấp đủ. Nếu lúa gạo thiếu ít, không đủ số này thì hãy khiến cho chiếu màu giảm lượng trở về tâu. Kia đều khâm phục cờ hiền khéo bởi suy tôn trí tuệ tài đức, chớ gây ra lạm trược biếng nhác cho kẻ hậu tấn này.

CHIẾU CHỈ BAN CHỨC TĂNG THỐNG CHO CHÂU TỪ VÀ LẬP RA TRAI TĂNG

Môn hạ, đạo nhân ở châu Từ là Thống tăng Sính, phong thức yêm thông, khí cao nhân luân hòa nhã, đạo nghiệp sáng rộng, lý vị sâu trong, tiếng tốt khen xa, sớm bày ở Từ Bái. Anh tài ôm giáo nhiệm mầu, phong lưu ở Tiều Tống, tỷ xứng pháp Bắc Kinh, đức thơm khắp đạo tục, ứng cúng sân vui khéo bày chấn vũ, bởi nhân từ thông minh nên trẫm kính trọng, nương nhân đã trọn có ra lạ đời này, gần đây bỗng nghe long bi hằng ở trong lòng, nay đường kế Duyễn Bộc, Thanh, Tứ đâu xa, xót thương nghĩ đến đức lại thêm ngạt thở lòng, có thể sau châu Từ thì ba trăm xấp lụa để cúng dường tạo phước, lại hãy làm trai tăng năm ngàn vị.

CHIẾU CHỈ CÚNG LỤA CHO ĐẠO NHÂN ỨNG THỐNG

Môn hạ, Ứng Thống kính nối nắm bậc tiền triết, giữ gìn phép tắc đạo môn, phép tắc nhiệm mầu tốt đẹp, xung mưu kế là nương gá. Nay đã từ bỏ tên tục, lẽ ra nên cúng riêng, có thể lấy nghĩa tám giải, cúng thí tám trăm xấp lụa, chuẩn cho bốn bọn tùy bốn thời mà chu cấp, lại gốc tu điều lành là nương sức mạng, nhân thí thực nội điển chỗ tốt đẹp hãy nương triều quan, thượng thu ngay tháng này mà thí, cho nên xa dụ lý sâu, chẳng riêng mở tôn sùng tâm tục, dẫn ép cũng khích lệ ý.

CHIẾU CHỈ VÌ PHÁP SƯ TUỆ KỶ MẤT MÀ THÍ LỤA LÀM LỄ TRAI TĂNG

Môn hạ, Pháp sư Tuệ Kỷ ở châu Từ, ngưng lượng trinh trắng xa đạo, thức thuần trống rỗng, tiết tháo trong sạch anh tài vượt ngoài thế gian, công tổng thiệp đây rất ít, ánh sáng pháp tiếng trống vuông, hoa tươi tốt. Nghiên cứu luận, đất Tống tôn đức xa gần, ở lúc xưa giảng bốn đế ở Lộc uyển làm thợ khéo truy diên thưởng nghiệp hiền. Chợt tử ma bỗng tiêu diệt lương khí, nghe vậy buồn than thương xót trong lòng, nên ra sắc chỉ châu Từ thí ba trăm bức lụa và lập lễ trai Tăng năm trăm vị để sùng truy lợi ích.

THẨM HƯU VĂN ĐỜI NAM TỀ NÓI VỀ VIỆC TĂNG ĂN NGỌ

Người sở dĩ không đắc đạo là do tâm thần hôn mê, tâm thần sở dĩ hôn mê là do vật ngoài quấy nhiễu. Sự quấy nhiễu lớn có ba: Một là thế lợi vinh hoa danh tiếng. Hai là sắc đẹp yêu kiều. Ba là đồ ăn ngon ngọt béo mập. Vinh hoa danh lợi dẫu là hằng ngày của tâm mà cốt yếu không có lụy cắt thời gian, sắc đẹp yêu kiều mới là sâu xa, đồ ăn ngon ngọt béo bổ là lụy thấm thiết, muôn sự v.v... đều từ ba việc này mà ra. Bậc Thánh biết không dứt ba việc này thì cầu đạo không thể chứng đắc, không chứng đắc không bì đó lập pháp khiến chọn mà dễ theo. Nếu nói thẳng rằng ba sự gốc có lẽ đều nên cấm tuyệt, mà ba việc này là nhân tình rất lầm, niệm lự khỏ bỏ, dẫu có cầm ngăn sự khó làm xong. Thí như ghe vuông sông tế đâu không muốn thẳng đến bờ kia, dòng sông đã gấp không hề gặp lý giúp, chẳng được không theo dòng tà mỵ, lâu mà được đến, chẳng phải không muốn nhanh việc kho cũ. Cấm ba việc này nên có đầu mối đâu thì ăn đó đối với người không thể dứt ngay, kia đối tánh tình chỗ lụy đâu có nhiều. Cho nên suy theo đây ăn chiều và ngay trước ngọ, từ sau ngọ rảnh rang vô sự, do vô sự này niệm lự được gói gọn. Mới ở chưa chuyên, ở lâu tự quen, vì vậy buộc lấy tám chi, quanh co dùng giới cấm, dục tình đồi trụy không do được trước, vinh hoa, danh lợi, các lụy theo sự mà khiển. Cho nên nói rằng xưa kia như Phật quá ngọ không ăn, đây là phương tiện dứt lụy là con đường tất đến đạo, mà hoặc đều cho là dứt không ăn đây chính là mê phương hướng, không biết thiếu đường ấy.

THẨM HƯU VĂN, NÓI VỀ TĂNG LẬP HỘI

Tu các pháp sự, quyết có lý kia, ngày nay mời thỉnh chúng Tăng chỉ lập một hội, ngay khi Phật còn ở đời thường cũng nhận người thỉnh,

do đây nghĩ là nghi cũ xưa. Mà lúc xưa Phật còn ở đời thì Phật và chúng Tăng ở trong Tăng-già-lam vốn không có tự sắm sửa đồ ăn, đến giờ bưng bát đi làm phước cho chúng sinh. Chúng Tăng ngày nay chẳng những ít người giữ ngọ mà còn có người buông lung nấu đồ ngon ngọt sắm bữa ăn thịnh soạn, nay có ai thỉnh mời đều bất đắc dĩ mới đến để bổ béo cái miệng. Dâng đồ ăn dỡ dài cổ nhăn mặt vì nó không ngon, đã chẳng ưa nhận, không cho lập phước, chẳng bằng xưa kia không được tự lo, chẳng giúp cho bốn chúng, thân miệng không nương gá. Vì sao người xuất gia vốn thực hành khất thực, giới luật rõ ràng không cho tự lập bếp và nuôi tịnh nhân. Nay đã chứa đủ trong chùa bỏ việc khất thực. Nếu có vị tăng nào ôm bát đến cửa, liền nói là chúng Tăng làm việc xấu xa thấp hèn, đã là chúng hổ thẹn đâu lại đi khất thực? Mờ mịt, người hậu tấn cầu lý rất ít, liền cho là nghiệp khất thực không nên thực hành nữa.

Con vua Bạch Tịnh là dòng tôn quý Chuyển luân mà ôm bát đi đến nhà người để làm phước thí, há không bằng ngoài ngàn năm hạng Sa-môn tầm thường thân mạng tôi tớ tự lo việc miệng bụng ư? Nay thỉnh Tăng một hội đã có thể gần giống hạnh khất thực, nhận thỉnh hai việc chẳng khác. Nếu cho ngày nay không thực hành khất thực nữa, lại không thỉnh mời, thì phép hành khất thực này hằng mờ dứt, phép này đã mờ dứt thì Tăng chẳng phải hạt giống Phật. Hạt giống Phật đã lìa thì Tam bảo rơi xuống đất. Nay vì người lập hội nên theo tư tưởng lúc xưa. Bốn mươi chín năm Phật dẫn Tỳ-kheo vào thành khất thực, oai nghi cử chỉ, động mắt ứng tâm, do đây cầu đạo thì đạo kia đến. Nếu vận tâm như thế thì làm hội là đúng.

CHIẾU CHỈ NÓI VỀ SA THẢI THÍCH, LÝ
(Văn Tuyên Đế thời Bắc Tề)

Trẫm nghe chuyên tinh cửu dịch, cảnh hạt cất lên ở châu Huyền, khổ tâm sáu năm giải thích gánh bến phiền não. Hoặc chú thuật của quỷ thần, rõ phương cửa giải thoát. Hoặc nói cốt yếu của nhân duyên, thấy đạo Nê Hoàn, đây là do Thái Nhất mở pháp, xong ở khinh cử, Như Lai chứng lý trở về nơi vắng lặng. Từ dấu vết giấc ngủ Tổ Long đến Lưu Trang cảm mộng, từ đây do trở về rõ ràng càng rộng, còn như có ủy thân dứt lụy bỏ nước quên nhà, quán xá đầy ở núi, đầm. Già lam khắp các châu quận, như vàng ròng có thể hóa, Hoài Nam không nên đến chết, oai thần tự tại Ương-quật đâu được là cá voi, như dùng ngự rồng chẳng thật, Kinh Sơn có luyến phan nhiên. Khống tượng là luống

trống, sông triền sông lạc ngộ gian trá của bóng đêm, là chẳng phải đó khế hợp trẫm thật lầm. Bèn có chúng áo đen tham bán ở bình tục, bọn áo vàng thường qua cửa chánh, cho nên nước nhà chu cấp vì đây không đầy đủ. Vua dùng do đây lấy thiếu, muốn chọn chánh đạo kia ?? tả thuật kia, một thì có thấm nhuần cho nước nhà, hai thì không hoặc quần phẩm. Vả lại nhóm tranh đến hành đó đã lâu, liền ở giữa đường sa thải thật khó, còn như hai nhà thăng giáng hai đường dài ngắn, có thể chỉ nói hơn kém, không đầu chuột lời kia.

QUAN PHÂN HIẾU LIÊM KÍNH VÂNG CHIẾU

Đáp rằng: Thần nghe thiên tạo tánh mạng, Bậc Thánh không nói, bởi do lý tuyệt hợp cầu khó mà xưng gọi. Bá Dương luận về đạo đức, Trang Chu ý chỉ tiêu dao, bỏ lời lấy ý còn có đáng tìm. Còn như Ngọc Giản sách vàng kinh thần chép bí mật, ba cửa chín chuyển kỳ lạ, tuyết đó sương đen dị kỳ, Hoài Nam thành đạo chó sủa trong mây, Vương Kiều được kiếm tiên bay lên trời, đều là thuyết nương hư không, là lời bàn biển tảo, cầu đó như buộc gió, học đó như bắt bóng, mà vua Yên, Hậu Tề, chúa Tần, vua Hán tin người phương kia, mong gặp chân kia, từ bỏ phước đi không trở lại, cây loan lớn xưa mà không được vẫn gọi là sương bay ngược bóng, cầm tay đáng hẹn xét quỷ cầu thần ngõ hầu đều không chết, sông xanh đã ngược lại vào bế tất của núi Ly, mưu rồng đã đến, trọn sau tốt mộ Lăng. Mới biết Lưu Hướng tin Hồng Bảo, chết có dư trách Vương Sung chẳng phải Huỳnh Đế, đây là không hư mục.

Lại ngọn lá về trước phần lớn giữ gìn Phật giáo, chép kinh nước Tây (Ấn Độ) vẽ tương cung Nam, ao nối đất đen dùng làm tro kiếp thiêu. Xuân thu đêm sáng gọi là ngày giáng thần, vua ông tự tại biến hóa không cùng, đặt thế giới trong hạt bụi nhét tu-di vào hạt cải. Bởi lý vốn trống không mà bày các phương tiện, mà bọn yêu vọng nếu cầu xuất gia Dược Vương đốt thân, Ba Luân rưới máu, nếu chưa thể như vậy vẫn phải khắc niệm, đâu sửa hình chớ có đổi mạo khác người đời, buông ý phóng tình lại đồng với vật tục, cung rồng dư bàn, Lộc Dã nói trước, đây mà được cho thì đạo phong sắp đọa.

Cúi xin Bệ hạ nhận mệnh thiên minh khuất mình giúp dân. Quỷ núi hiệu linh, thần biển lãnh chức, yến đá trong sông Tương, lúc tắm gội mưa mà bay bầy. Trên đài chim cùng hòa gió mà chuyển riêng, nhưng đô Chu ấp lạc trị ở Cảo Kinh, nhà Hán đều nêu hồn quy về Phong Bái, đất Phần Tấn dấu vua chỉ mới bắt đầu, đã mệt dạo vui mừng lại nhọc gọn lược, vẫn lại giáng tình, văn phạm châm chước trăm nhà, tưởng

chấp ngọc ở ao xa, niệm mong cầu châu ở nước đỏ. Trộm cho Vương mẫu hiến vòng ngọc do cảm đức Thuấn, trên trời ban ngọc bội là thật báo công của Vũ. Hai ngựa ghi lời, hai ban chép việc, không thấy lời ba, không nghe ý chỉ Nhất thừa. Nhạc vua lễ chúa còn có sửa đổi, tả đạo quái lạ dân cũng đâu nghi mà sa thải? Thần xin kính đối.

THƠ ĐIẾU PHÁP SƯ ĐẠO TRÙNG MẤT
(Giản Văn Đế đời Lương)

Khải xét nương Tôn sư Niết-bàn đêm qua rất buồn thương, Pháp sư chí nghiệp uyên bác, đạo phong thuần hậu, giới châu trong sạch, cánh phước gồm tròn, lại thêm hiểu biết thầm thông, tâm giải xét xa, nhớ mưa rơi mà xét quyết, xưng trâu đen mà chẳng lầm, phục ứng không xa gần, mong ích gồm đạo tục, đệ tử tự nói xoay kinh kéo liền bày kết duyên há gọi là một hơi không theo yêm đến ư? Nhưng nghiệp thù thắng vốn sâu, trí lực lanh lợi từ lâu quyết nên dạo thần nơi đất báu, dấu chân vọt trên trời tịnh. Nhưng lời kia ao sữa mở quan tài thơm, vào nhà không vào hư không, tâm ở đâu không thảm thiết? Nhưng Như Lai dấu vết giáng sinh, do đây mà vào Nê Hoàn, ngay khi sinh, trụ, diệt chẳng có tướng nhất định, tiên Thánh hậu hiền đâu hình bóng với tiếng vang kia? Suy lường nhân duyên ngọn ngành có dụ. Thượng nhân v.v... đều ở hai năm, nhóm trước sau bẩm thọ đạo, nên lẽ ra cùng nhau gắng gổ rộng dẫn dắt nghiệp cũ, khiến đạo tràng không dứt, lợi ích không đọa lạc, cứu giúp chúng sinh, đúng như pháp cúng dường làm sao làm sao?

VƯƠNG QUÂN, ĐỜI LƯƠNG,
THƯ GỞI CHO PHÁP SƯ ĐÔNG DƯƠNG THẠNH

Đệ tử thọ giới Bồ-tát là Vương Quân, pháp danh Tuệ Cự cúi đầu đảnh lễ hỏi thăm Pháp sư Đông Dương Thạnh. Đệ tử nhân xưa nhiều may mắn sớm được yết kiến, năm tháng theo nhau đã hơn ba mươi năm, kính mến phong đức riêng đầy trong lòng, nghe do núi sông chứ không do kính lễ. Tư Mã Tham Quân kính thuật còn xem rủ lòng thăm hỏi nhớ mong, đã gánh vác chép tình xưa, gồm đeo ý chỉ ân cần, vui mừng đầu đội khó mà nói dụ được. Kính nương rủ hòa lại phước dày có chín mươi bốn năm, cười cợt người đỏ thẩm chưa cao, đồng ân tôn thọ mạng ngắn ngủi. Vả lại tai dài thật đã quá cổ, tuổi cứng từng không vui đấm, hoa kéo dài trụ màu tinh thần vui vẻ giúp tánh, tự chẳng phải đời trước trồng nhân lành thì nhân đâu cảm lấy quả báo thù thắng này, thành tuổi tôn quý còn răng, nhớ đức khoản đôn hậu cũ, rất vui mừng khâm phục, khởi

ở niệm thức và lòng đệ tử rất bị ràng buộc, ép bức gò bó không do đâu mà hỏi đạo, vỗ về thân như mất, ngõ hầu tâm mong thầm hội gang tấc núi sông, đạo thuật quên nhau bỏ gặp hình vết, cúi xin kính mời khuyến khích hẹn dưỡng nuôi đây. Tùng tía tóc đỏ lại đâu đúng quý, gậy bay thân vọt thật ở sáng tối, chỉ bày đơn khoảng đâu chưa bày xương, nếu ban cho một lời đâu không may mắn lắm ư! Đệ tử Vương Quân cúi đầu đảnh lễ.

THÍCH TRÍ LÂM ĐỜI LƯƠNG, THƯ GỬI CHO ÔNG NAM CHU NGUNG

Gần đây nghe đàn việt bày ý mới của vua, nêu lấy bỏ của ba tông, tiếng khác Hoàn Luật, dẫu tiến vật không mau, soạn luận đã thành, tùy hỷ đầy khắp vật trọng phi thường. Lại nương đàn việt sợ lập dị ngay đó can phạm học chúng, chế luận dẫu thành định đâu cần đưa ra, nghe đó sợ vậy bất giác khởi lòng thương. Chỉ thú nghĩa này dường như chẳng phải mới mở, trong diệu âm tuyệt sáu mươi bảy năm, lý cao bận thường đâu thể truyền. Bần đạo lúc hai mươi tuổi đã tham chứng nghĩa này, thường cho là nhờ đây ngộ suốt có thể đắc đạo, trộm thường vui mừng không cùng chung lúc nhỏ, thấy người già ở Trường An phần nhiều nói rằng: “Trong cửa cao thắng bèn xưa có nghĩa này”. Lúc thường pháp nhóm thành mà có thể sâu chứng ý thú này vốn không có nhiều người. Đã phạm vượt thường tình sau cho tiến thọ, lại tự rất ít truyền thông không hề có người kia.

Bần đạo từ khi nắm phất trần đến nay đã hơn bốn mươi năm, Đông Tây giảng nói, lầm đến nhất thời kia nghĩa dư gồm rất thấy tông lục, chỉ có đường này trăm dặm không người được. Bần đạo nhiều năm bèn phát bịnh, đã bịnh nặng chưa lành lại thêm ngày đêm xoay về Tây, đoái hoài chỉ có đường này từ nay dứt hẳn. Không nói đàn việt cơ phát không đầu mối, sáng lập riêng phương ngoài chẳng phải ý này âm tạp nhạp đến vào tai. Vừa mừng lại vừa an ủi, thật không có gì dùng để dụ, dựng sáng nghĩa này khiến đèn pháp truyền nối mới là công đức hành đạo chân thật bậc nhất, dẫu lại cõi nước, vợ con mà đem cúng cho Phật và Tăng lấy đó làm phước lợi không cho quá nhau. Đã may mắn rồi thì nói ý tưởng, liền nêu rộng khiến cho thường thấy. Luận rõ pháp lý ngay nhân từ không nhượng đâu được đoái hoài tiếc thương các tâm để bẻ gãy đường tà. Nếu luận này đã thành thì trong giấc ngủ sợ đàn việt mới đến, hoặc do đây làm pháp chương đến ý lý, nhưng chẳng hý luận. Tưởng lại chép một bổn làm ân tuệ, bần đạo tiễn đưa để trở về Tây,

khiến nơi nơi rộng thông, sảnh nhỏ có thể kéo lôi, cho nên vào núi lấy bày rất mong chờ giữ lấy đó.

THƯ GỞI CHO PHÁP SƯ CỬ
(Lưu Tuấn còn tên khác là Hiếu Tiêu, đời Lương)

Nghe các hạnh lý cao bàn suốt đức, xa nghe tiếng gió tâm hồn bay bổng lên, không khác mong Kỳ tiên tủy đá, suy nghĩ thái âm đèn rồng, sao xanh trời mờ tối, mây lạnh đưa mùa thu, đạo thắng thì màu mỡ, vốn nên nuôi dưỡng nhiếp lấy, áo xiêm rực rỡ màng trước như sương buổi chiều, ăn cơm rau sơ sài của cúc vàng, nhảy vọt lên thanh nhàn, sáng đợi ứng về, chiều nghe sáng lội, trói buộc mái riêng chim hạc, thần thức phơi phới. Bởi tượng túc sử cưỡi chim loan kêu, liệt tử ngự gió dài, dẫu gai góc bên ông như không người, Hiếu Nhiên nằm mãi băng tuyết chìm chìm ẩn ẩn, làm sao còn được? Còn như dạo qua vườn kinh bay liệng vườn sách, tột kinh điển mầu nhiệm ở cung rồng, khảy ghi rộng lớn nơi thất đá, đạo sinh phục thiên chân kia, mạn tình từ tạ nói vật kia, nhược bèn quen đây, đồng tử đặt chí chạm khắc trùng, suy nghĩ như rong trong dòng nước, anh tài phát bên ngoài sum suê trúc mùa thu, sáng đẹp tùng mùa xuân, tước tụng dứt khen minh châu, cửa dài lạm thưởng vàng ròng, thạnh thay! Tốt đẹp thay! Xán lạn thay! Đẹp đẽ thay!

Xưa xoay sông Triết thường thấy dây lụa, không biết đốt giấy thiêu luật hồn phách hết sạch, từ đây đến sau cả hai dứt ngọc khuê bích, ý trừng trừng nơi tinh hoa, ruột hồi hồi nơi cửu thệ. Ngày ngự dừng chiếu không vượt lỗ hang, biển như sóng vọt đâu hạn cuộc góc bờ, dùng ngọc cầm chim khách, may mắn truyền các báu, nhờ xem hiệu xanh để khỏi bịnh mắt lòa. Nhưng vượt dân chẳng chỗ mua quan, nước Tề đâu phải đất Tần Thiều, mong cùng kia tiến không để nói lời trách cứ.

THƯ GỞI CHO PHÁP SƯ HIỆU
(Vương Mạn Dĩnh, đời Lương)

Đệ tử cô tử Mạn Dĩnh cúi đầu đảnh lễ, một ngày mong chỉ bày soạn Cao Tăng Truyện và dạy kia nắm lấy, sức tìm mới xong chỉ thấy tài vĩ đại, giấy che mực dụ đến chưa thể bỏ, nếu cho đến pháp đã giúp danh đức đã khởi, hơn năm trăm tuổi, thời trải qua sáu đời, từ Ma Đằng, Trúc Pháp Lan xe báu chở đến từ Tây Vức, An Hầu Chi Sấm quảy gậy ở đông đô, đâu dấu vết nêu xã hội chìm mất, hạnh thật có cạn sâu đều làm ghe thuyền, cầu bến rất lợi ích, vốn nên đen trắng (đạo, tục) truyền bá tốt đẹp, chí tạm định lời chiêu vời hậu côn, khen ngợi tài giỏi mà

Đạo An, La-thập dâng biểu tâu thư, Phật Trừng, Đạo Tấn tạp nghe trả sách. Sử đời Tấn thấy pháp lại hận cuộc đương thời, kinh điển đời Tống chỗ ưa hơi nhân hội kia, gồm lại chống ra ký vua dài, lẫn lộn ở thuyết nguyên lượng, cảm ứng hoặc chỗ đẩy cao, tối sáng đều đại khái. Rộng hiển bên văn chưa đủ mở sáng, mở có các truyện, chẳng còn che giấu. Cảnh Hưng tình cờ nhặt người ở núi, Tăng Bảo khắp nối kẻ du phương, Pháp Tế chỉ có Trương Cao Dật, Pháp An dừng mạng khoa chí tiết, Khương Hoằng chuyên kỷ đơn khai, Vương Lý chỉ xưng cao tòa, Tăng Du xuất sắc riêng chỗ, Huyền Sướng vượt xa chép riêng, chỉ có Thích Pháp Tấn chỗ tạo khăn vua có dính mắc, ý còn gồm tông có thể đàn một nhà.

Nhưng tiến danh rộng mà chưa rộng, khăn lễ đứng mà không thành, Lương đến làm cũng có các bịnh. Tăng Hựu thành giản, đã đồng trách Pháp Tế, Vương Lý nhuộm lông, lại được chê trách Cảnh Hưng, kia xướng công soán tập rất thật gần, cầu ý xấu kia đại khái rất thấy Pháp sư. Chế đây ban đầu cái gọi là chẳng khắc bút hồng, miên hoàn xưa nay bao trùm trong ngoài, thuộc lời so sánh sự không văn không chất, nghĩa là nhiều nạn xét rằng ước đâu có thêm, lấy Cao làm tên, đã khiến bỏ hổ thẹn, mở dụ thành rộng, đủ khiến có người lành khuyên hướng đó. Hai ba chư tử trước sau soạn thuật, đâu được y cứ dài lượng ngắn đồng năm cùng ngày mà nói ư?

Tín văn xong rồi không một lời để dự, khăn bói, quán trống lập thưởng ngàn vàng, mới vào sửu long, trên hòm lên lầu lân, ra trong tráp quỳnh, cuốn mở rương ngọc. đệ tử dẫu thật chẳng thông minh, mà lúc nhỏ hiếu học, ngày càng gầy yếu riêng đường nhiều mê muội, lại được khoác đến màn văn ở đây, khen ngợi chẳng rảnh thảo luận chỗ nào thành sai trái, con không thấy nguyên tắc luận rất hổ thẹn, chỗ đạo biết sách Hưu Địch luống sâu, cảm tạ An Mộ, Trúc Khoáng phong lưu, Ân Hạo, Thiền Chi theo người tài giỏi. Không gặp mười ngày đã nhọc với tình, sức phò trắng đây để thay thế nói hết. Đệ tử Cô Tử Vương Mạn Dĩnh cúi đầu đảnh lễ.

PHÁP SƯ HIỆU ĐÁP

Quân Bạch một ngày để soạn Cao Tăng Truyện Tương Giản, ý còn cắt lựa mà mới làm, chồng giấy lại thêm lau chùi, nhìn lại chỉ có đạo nhờ người mở mang, lý nhờ giáo mà hiển, mà hoằng đạo thích giáo đâu còn Cao tăng, cho nên lần nhiễm đến nay chiếu rõ di pháp, công nhóm khác nhau, nhiều đời mà khởi khích lệ hậu sinh, lý nên gồm nối,

bần đạo thiếu kém nhớ thỏ ôm sách, siêng tự khóa, tu lâu mến mực chì, tô xanh dương khéo đẹp, cho nên đối nghe xem trong dư lầm tâm truyền chép. Thường thấy một giới đáng xưng liền có tâm xét lại, nhưng có tìm các ghi chép nhiều gọn khác nhau, hoặc bài chép nêu so le, hoặc hành sự chìm nổi, đã rõ tựa riêng gồm đủ đến nói, cho nên không lường tấc ống liền cây mười khoa bàn bạc điều lưu, ý lời được nêu mà đường bút mênh mông lời lầm hẹp hòi vụng về, vốn do tự giúp sai sót đâu nên lạm vào cao thính, đàn-việt đã học cả Khổng, Thích, hiểu suốt huyền nho, trục văn nối liền trong ngoài sâu rộng tốt đẹp. Nhưng sự cao lời thô từ lâu ôm nhiều hổ thẹn đến nói, than ôi! Lại thêm mắc cỡ. Nay do việc làm khen mười khoa luận, lại để chọn nhau, nếu có sai lầm xin châm chước giúp (Thích Quân Bạch)

THƯ ĐIẾU PHÁP SƯ CHẤN QUA ĐỜI
(của Lưu Chi Lân đời Lương)

Đệ tử là Lưu Chi Lân cúi đầu đảnh lễ, sấm sét chớp nhoáng, ba tướng không dừng, như hư không chẳng có ngã, năm âm đâu có trụ, Tôn sư Tăng Chánh, bỏ thọ mạng Diêm-phù dời thần về diệu lạc, dẫu nương duyên gieo trồng đời trước đây quyết lên đất lành, nhân tình hoằng hóa ôm ấp đau thương khổ sở, niệm ở lớp thứ ba truy mộ thương tiếc triền miên hằng đến lý chẳng thể mặc tình, vì sao, vì sao? Tăng Chánh tinh lý đặc biệt cứu kinh luận hợp thông, rau cỏ sơ sài trọn đời có làm lược hết, khô khan ngay năm, nghi hình, hai chúng, há thẳng dứt tâm nêu cổ cũng là xuất sắc của nhân luân. Đệ tử nhỏ lờn đi gặp mấy kỷ, đến đây bình sinh kính ngưỡng, bạn lành nương đây suy yếu bệnh tật lần đã hết, không được lạm khinh lờn, lòng thương tiếc hai ba thêm cấm, sức giúp đỡ tu thô tục quê mùa, mê mờ bỉ ổi không kế lớp. Đệ tử Lưu Chi Lân cúi đầu đảnh lễ.

LÝ KÍNH PHỈ, THƯ GỞI CHO CHẤN HUYNH
(soạn đồng với trên)

Sinh diệt vô thường, hiền đệ Pháp sư Chấn yểm đồng lực sĩ, sinh xứ đạo thức dài đến pháp ngôn dứt hẳn đau tiếc, kéo đẩy không thể thôi năm thờ mình, chưa cao đức nghiệp mới gieo rắc bệnh tật, lớn vậy mà cho là không quá lo, bèn đến đổi giáo hóa, đạo tục đều kinh ngạc, niệm rất tha thiết. Thiên luân rất thương tiếc, tình hằng đến không thể là chỗ ở, vì sao vì sao?

Pháp sư nghĩa vị gồm hợp, cổ và tay áo đen, thức độ vui sướng

nhờ rất đáng đời. Xưa ở kinh đô Thánh thượng nhìn tiếp, tự trở về nước nhà trải qua lễ trọng. Vả lại giảng nói lợi ích đã thật rộng nhiều, xây dựng chùa miếu thật rộng về phước nghiệp, áo trùm bỗng nhiên không trái với vật, chỗ khởi dạo chơi đều là thời hiền, trắng đen quy về đẹp, xa gần cung kính, đâu chỉ dứt tâm tàn tụy, thật cũng tàn báu của nhân luân, nhớ thương khen tiếc đâu thể ngừng dứt và nhục di thư cùng vật khác, đối thêm nghẹn ngào than thở, điện hạ tự làm bài minh. Lại giáo báo ghi làm tựa chí, e bào tưởng đều chưa thể nghiên cứu tường tận, đã được mặt là bào thuyết các việc làm và mưu kế tốt đẹp, kế quyết buộc không hư việc. Như nay ngày chí đã làm tiến và gọi sư tu. Lưu Chi Lân cúi đầu đảnh lễ.

THƠ ĐIẾU TĂNG CHÁNH PHÁP SƯ KINH QUA ĐỜI

Ngày 20 tháng 08 Chi Lân đảnh lễ. Pháp giới trống rỗng, núi câu đổ ngã hư hoại, Tôn sư Đại Chánh dời Thần về cõi tịnh. Phàm phu cạn lụy anh tài trệ nhạc bi ai, nương điềm dữ này, năm việc bên trong kéo đẩy rất thương tiếc, không thể tự mình, niệm theo kính mến, hằng đến triền miên đoạn tuyệt, tình đang khó ở, vì sao vì sao?

Đại Chánh đức trùm một thời, đạo che mát bốn bộ dạy dỗ dẫn dắt học trò, nối thạnh tượng pháp. Năm ở, Tăng đầu hạnh làm thầy người, công tư chiêm kinh xa gần kính ngưỡng. Nếu bèn năm thời chín bộ lưu thông giải thích, ngang bằng tiến bối đồng loại hiền xưa, dẫu Thập, Triệu, Dung, Hằng, Lâm An, Sinh, Viễn đâu thể còn nhau. Đốn ngộ dẫu ra tụ sinh công, mở mang đời sau lời màu không dứt, thật nhờ Phu Tử, lại dùng ái ngữ lợi ích, cùng sự rộng lớn của bốn nhiếp, đàn nhẫn trí tuệ đủ sáu độ gồm sáng, đạo tục quy y, hàm thức biết đến. Ghe thuyền cho người ngu tối, là rường cột nơi chùa tháp. Hằng ngày không biết chí đức ẩn liền, đạo nào dài mà đời ngắn, công giúp mà thân mất, sáng nơi biển cả hằng chìm Tu-di, soi núi cao kia, dài thâu mặt trời. Xưa ấy ngại gì, nay lại ngại gì? Pháp sư nhỏ mà mặt Bắc sinh tiểu phục ứng, đến già xa xôi thường ở hai bên, ở lượng thứ ba một sáng chợt mất, thương tiếc buồn đau không chỗ nào sánh. Đệ tử lụa là dạo đón hơn năm mươi năm, chưa nói biết đoái hoài bạn lữ hẹn nhau, đến nơi Bồ-đề không dám sinh mạn, vị lai khó biết, hiện tại thường cách ngăn. Xem nói hằng sống, mãi đồng vạn cổ, suy nghĩ đau buồn gấp bội không thể tự kể xiết, chưa do quê mùa chấp bày khinh lờn thương thay! Cẩn cắt sách trắng, đầu bút nghẹn ngào hổ thẹn, đệ tử Lưu Chi Lân cúi đầu đảnh lễ.

ĐÔNG DƯƠNG KIM HOA SƠN THÊ CHÍ (Lưu Hiếu Tiêu)

Chim ở trên núi, ổ trên ngọn cây, cá ở đầm sâu dưới hang bùn cát đâu có tốt xấu? Bởi tánh nó như vậy, cho nên có chợt ngọc bích trắng mà ưa rủ lụa, nghèo ngọc đảnh mà muốn khanh tướng. Hành tạng lộn xộn hiển sai lầm kích bác, chẳng khác lửa mạnh dòng nước động quanh mới dứt. Đây thì miếu nhà và sông biển, cửa tranh cùng ngỏ ngọc, đều vậy vì kia như vậy, vui chỗ vui kia. Lông cánh chân chim vết thẹo ở trong đó, ngài sinh tự rộng rãi, khéo lo khó quen lờn. Tâm rong ruổi đài mây nhà ngọc, quên dứt dù cao lụa xanh, lại thấm ướt sương móc càng xin nhàn khỏi. Thường suy nghĩ giặt gội dòng nước sách dứt nơi đỉnh gò, thức ngủ thường nhớ kia đến trước. Con giun chuyên ăn đất, dân muốn trời theo, cho đến hai lông được ở hang núi, chỗ ở là núi Kim Hoa quận Đông Dương. Đông Dương thật là Cối Kê ở Tây Bộ là rừng trúc xanh núi sông xinh đẹp, đầm lầy tốt tươi, như các núi nhiều lớp lớp thì tiếp Hán liền Hà, rừng kiều rải man thì xuân xanh đông lục, vòng khe sáng dòng thì mười nhẫn rỗng suốt đáy, tấc mây hợp hẳn ngàn dặm mưa rơi. Tin cao ráo sạch rẽ thần ở nhà đẹp, do đây vua dạo chơi đúc đảnh đây, mưa Sư nhờ nương khói này, cho nên Giản Lặc tên Xích Tùng, Sơn Di hiệu Tấn Vân.

Đời gần đây trong Giang Trị xưa Vương Vi Sĩ gạn cặn đục cao cứu gió bụi, mâm rồng phụng đậu đều tốt đất này, bởi dòng nước xiết lôi đá có thể gây ra người tối ư? Núi Kim Hoa xưa là núi Mã An (yên ngựa) lam linh giấu Thánh nêu tên tiên điệp. Tả Nguyên buông xưng núi này nói rằng: “Đáng khỏi hồng thủy năm non, đáng hợp thần ghe chín chuyển”.

Đầu Kim Hoa có núi Tử Nham, sắc núi hồng tím, do đó đặt tên, chẳng phải đi về phía Pha Đà dưới thuộc sâu xa, trên ẩn lân thiếu mặt trời mặt trăng, lên chân núi dần dần cao vút, đường vòng nguy hiểm, cá sâu mà lên, đường ắt có huyệt, khe ống sâu rộng, cúi vòm cây sao, tiêu nguồn sắt đá, chẳng riêng huyện Nguy, đến núi gần nửa liền có đầm rộng sông lớn, bờ cao ẩn giàu có, Ngài sửa lại nhà thật ở đây ư? Chỗ ở ba mặt đều quanh núi, vây quanh có tượng ngoài thành, trước quách thì bằng rộng đúc điều, mắt tột thông trông về Đông, Tây mang hai khe bốn mùa bay dòng suối, sóng trong mưa dầm nhỏ giọt sinh tiếng vang, sóng trắng đạp bọt cuồn cuộn thành âm thanh, chuyên chở đường sông quấy rầy chuyển giao, dẫn dòng giao rảnh lầm quấn, treo máng nước dưới mái hiên, nhỏ giọt xuống thềm cũng màng không dây gáo múc nước. Gội, súc miệng dứt bình bồn, cây phong, ỷ, lịch, cây tử, cây bá,

cây quế, cây long não, chia hình khác sắc, ngàn tộc muôn giống, kết châu thật bao gồm rau xanh, gốc cây trắng, rút rau tía, gió thổi có tiếng rủ điều cửa, rải lá, trong cửa mạch hang khe bãi, hoa nhụy góp bày cho đến xuân xanh nhận cảm tạ. Bình thường suối động thì có cầu đô hàm thơm ngát, ngậm hương thơm tống tiễn cỏ thơm, lâu ưa gánh sương nên nam sương mênh mông, hoa sen hoa hồng soi nước, tô cao nêu là theo gió, nương hiên thường ngắm xa, quên mất lo bệnh tật.

Khâu a lục khúc các thuốc có bụi lùm, tùy đất cất giấu hành, gân núi kéo tiết. Muối vàng lại ở tường trắng, trống ngọc quý ở minh châu, có thể dưỡng tánh tiêu bịnh nặng, trở lại sắc năm trụ không nhờ văn cao lớn vàng rải, chớ dùng gánh cuộc hạn hòn tím, chim bay là là thai gió mưa cầu, cánh lục lông hồng, cánh trắng râu xanh, nghiêm túc lông cánh quan quan âm giai tốt. Quen thuần vườn ao xoay ăn vụ Kê, như ban ngày rộng lớn, dò xét môi âm vang gióng chuông trống, trùng kêu đợi rạng đông nghe đàn cầm đàn sắt. Vượn đen sương mỏng càng trong, bay theo khói vịnh linh, ồn ào lanh lảnh tâm mừng tai vui, thiết nghĩ sở dĩ rón rén bước qua, kèn sáo thao lược du dương. Nhà đông khởi chùa Chiêu Đề, lưng núi, mặt hang vách hiên dẫn cảnh, cõi xa lắc đến bờ, rộng vút trong hư không, cát tường sinh trắng trái nhìn phải liếc, nhân trí chỗ ở cho nên danh Tăng đức lớn chống tích trượng mây nhóm họp.

Bảy giác điều tâm, quở trách năm trần, lộng lẫy nêu giới hương, tắm nước định này, đến như bếp đen đêm nóng trống pháp sáng nghe. Ông thì dép cỏ vén áo thân đi đầu đảnh lễ, đầu câu người thông minh khâm hòa chí giáo, thường nghe sông này nhiều nhánh bờ kia hằng vắng lặng, hớn hở vui mừng như lên đài xuân mà ra vũ trụ, chỉ có điều lành là vui, đâu phải y theo lời. Phía Đông nam chùa có Đình Đạo Quán, dừng trên bờ thì trông xuống mây mưa, lầu tuệ đài lan, ẩn sáng rừng tre, bay nhìn hiên khói sương khéo léo. Ngày chỉ mất một hột của dân, năm kế khách cúng, ăn tủy sao, hít dòng sương, toan vẫn xiêm mây áo cầu vồng, nương rồng cưỡi hạc, nhìn xuống có giếng đá đứng sững giữa khe, chạm ngọc khắc gọt rất giống thợ làm, như dòng nước chảy nhanh vọt lên ùn ùn cổ họng, sấm chớp ầm ầm chói mắt kinh hồn, trước chùa quán đều trồng trúc đàn, loan, tiêu, sắt giúp gò xanh um, ngoài trúc ra thì có ruộng tốt, ranh giới bờ ruộng thông tiếp suối núi, tươi tốt thấm nhuần phì nhiêu. Trịnh Bạch, Quyết Chương đâu thể phác họa, còn như lúa hồng đầy tràn, vịt trời nên nhàm đầy.

Mùa xuân ba ba mở ngon như gà bích, mùa Đông vị rau quý như sương xuyết. Khăn nhiễu lấy ở ngọn núi, quần ngắn đưa ra từ trong

vườn, hoàn tương bức ắt ở ao hồ, cỏ mây cỏ lác sát nhau trấn chỗ ẩm thấp nuôi nấng đời đời đều dùng, thảy đều gò thật rào phiên, đỉnh núi bờ cao cả nhẫn, đầu năm khi nhà nông nhàn rỗi, ban đầu rượu, đục rượu lọc trong, chén uống mới, thuần thục thì nhà nông có già rừng, cất ấm cùng đến, đám gai dưới rừng bày chuôi đồng đặt tước, rượu say tai nóng, thường múa ầm ĩ, thành luận rương kho, cao bàn thóc đậu, cười đùa khen ngợi nâng chén rót vào nhau, người sinh vui mừng. Niềm vui này há đều như con trùng mà cày áo, để ăn, ngày ra mà làm ngày vào mà dứt, ăn chiều ngay cả thịt không phải là quý, không cầu ở đời, không ngỗ nghịch với vật, đâu phân biệt vinh nhục, chẳng biết khen chê, bao la trong trời đất, tâm không cảnh giác đâu cùng sinh răng nhọn Dương Tử rơi lầu, so sánh kia hơn kém ư?

THƯ GỬI CHO TỪ BỘ XẠ LÃNH QUÂN THUẬT VỀ SAI KHIẾN TĂNG

Thích Chân Quán tại chùa Quang Hiển ở Tuyền Đình gởi thư cho đàn việt Lãnh Quân.

Trộm nghe, khai sĩ bốn y phò chánh pháp nơi gần giống, cao nhân Thập địa thưa văn màu ở mình tuyệt. Có thể khiến núi nổi, khiến dấu vết không thiếu gió ngồi yên, cây thần các mầm được nêu bày đường kinh hành. Nhìn thấy ngày nay vua chúa kính đọc, nghiêm hiến, phàm thuộc loại Tăng Ni, không sách vỡ gọi là sách vở, đều khiến tổn pháp đây, giới đến dân đen này, cách già lam kia trở về cổng làng kia, đã khắp dưới trời đâu chẳng là vua quan, ngay khi cố gắng cúi mình cung kính vâng lời, nhưng ngu tình cho rằng trộm nghi ngờ.

Từ khi Phật pháp hưng khởi có hơn ngàn năm, lưu truyền đến cõi này có mấy trăm năm rồi, Tăng đồ đông đúc sẵn có, một bề đâu là thạnh, dẫu lại khắp triều gấp sửa đổi, phong hóa liên tiếp dời thì đèn tuệ thường sáng, hương giới hằng thơm, kia là phước lợi khó thể nói hết. Chỗ hiện điềm linh lành thì nghe các sử truyện, đến như tháp Hòa thượng xinh đẹp trong đất nghiệp, tòa cao Pháp sư truyền hương thơm bền chặt, hoặc là trong ao Côn Minh biết còn lại tro của kiếp thiêu, trong chùa Trường Sa cảm khiến thân nát, đường mát mở vào cảnh tiên, sao bèn xuất hiện, pháp thành bỏ đời điềm lành ngựa tím nổi, bèn có mắt xanh, tóc đỏ, con ngươi vàng, chân trắng, nối mày, nêu xưng tai lớn truyền hương thơm, đâu không nước lóng đầm trong, nghĩa cao núi cứng, đạo tràn trề trông loại dấu cao Ca-diếp, oai nghi nghiêm túc, giống như hạnh trong sạch của sống mũi thấp. Một năm sai lầm bèn

ngày rưới khắp, mà nền tảng chánh pháp vẫn còn chưa dứt. Bỗng lại trái bổn chí kia, đoạt tâm trước kia, đâu không ngược điện cao mà mỏi đau, từ chối phòng cũ mà đau đớn, nương tựa tòa pháp lại ngược kỳ sao, luyến tiếc cửa thiền lại không có ngày. Bèn chẳng phải đường rẽ mà có buồn chia tay, dẫu khác sông cầu bèn kết lời lìa thống thiết. Nếu cho không nối danh sách là rất tội, nếu kéo dài lỗi cũng đáng thương tiếc. Nếu là người xuất tục lẽ ra nên tu đạo, tính toán lễ ngoài phương, không câu tiết trong thành, hoặc có không suốt tên sách không quan hệ cổ mỏng, đều là du phương thu nhặt lắng nghe tùy chỗ lợi đặt trông cõi là trong chỗ ở xin cơm. Hoặc Đầu đà dưới rừng, hoặc Lan-nhã đầu núi, dòng như thế đâu cho kế tiếp, như thắng nghiệp không hoàn toàn rõ ràng nhiều chê hủy. Nên lẽ ra thôi đạo việc này thật vậy, mà trì phạm khó biết, thánh phàm xen lạm nhau.

Thí như trái Am-la sống chín khó biết, thuốc núi Tuyết chân ngụy khó phân, bỗng khiến trên Côn Phong ngọc đá đồng đốt. Trong đầm lớn rồng rắn đồng chết, đâu tiếc hẹn, ôi đáng thương thay! Lại hại kia mến lời, thân khoác áo đen tóc cắt, đã không nô bộc, dứt hẳn vợ con. Hoặc tuổi già bịnh, riêng kẻ nghèo đều nhờ đệ tử trở lại nuôi dưỡng bảo vệ nhau, như kia một sớm mưa tan, liền chết mất ở cống rãnh, có người đến hang cao mà buông thân, thắt cổ bằng giây dài mà tự tử. Mạng dẫu lại đau đớn chìm lỉm thì bọn này vẫn coi nhẹ, buồn hang hoang phế phương này chưa trọng.

Vả lại ý tài dứt học đều nhờ đời sau, nghe giảng, tụng kinh, đều giúp tuổi già tốt đẹp, cho nên Tu-đà đắc giới vẫn còn trẻ nhỏ, Thân Tử nổi tiếng chẳng phải bậc kỳ lão, hạng người như thế nếu đều lật đen, e pháp môn này sẽ không người nối tiếp, phạm luân dứt tuyệt, tinh xá trống rỗng. Nếu tám trận chưa dừng, bốn giao nhiều hủy, phòng trước chỗ gởi, điện sau đây nương Ngu tôi cho rằng người này thật là vô dụng, nếu quyết có cứu kia có khả năng sẽ nhảy vô đá, sức bẻ sắt làm lưỡi câu, thì đều theo quân ít lâu dự khu lớn. Nếu còn mặc áo đen vẫn ở trong chùa thì là tập tâm dõng mãnh vui đạo tình sâu. Nếu chẳng phải thanh luy hộ vệ giới ngọc, liền đồng khiếp nổi của mãnh sưởng. Đã không tiện cung ngựa luống nhọc hành quân, dẫu lại thân mặc giáp đầu lại mạo tưởng pháp y (áo pháp), tay cầm gươm giáo vẫn nghĩ cầm tích trượng, hẳn sẽ xa nghe trống trận, sắc mặt thay đổi tâm kinh sợ, xa nhìn cờ quân hồn bay khí khiếp, sợ có ngăn trở đều là oai ủng hộ, không lợi ích dõng mãnh hai Sư. Nếu cho là không thâu khóa vua chẳng giúp các nước, cho nên khiến khắp thâu thuế kia nghiêm ngặt. Nhưng thuận phù

du, như bèo tung tóc, cỏ bay bổng. Dòng tán đản lại nghèo túng làng xóm đã không có ruộng nhà, kinh đô lại thiếu người làm chủ, mang giày thì hai gót chân đều lủng, mặc áo thì hai khuỷu tay đều lòi. Nhìn Đổng Sinh trăm kết còn biết khinh hoa, thấy Nhan Tử một giỏ lại nghi đầy cơm. Tìm hư hoại để làm thuốc, đâu biết hòn tím uống, phẩn tảo (giẻ rách) làm áo, đâu gặp lụa vàng lễ hàng hóa tiền tài. Ở đây không theo lỗi nhờ ngọc bích, tin ư? Lẽ ra là khỏi.

Nếu khiến kia ở đạo vẫn có thể chia vệ tự giúp, khiến cho người nhân là lương thực chớ gởi. Cúi xin Hoàng triều ngự qua cùng Thanh cho rõ, nối gót Hiên Hy, sánh vai với Viêm Hạo. Nắm gương gió càng xa, rủ y hóa mới sâu. Gồm lại rường cột Tam bảo, mở rộng mười điều lành. Xưa Hán Minh Đế cảm điềm lành mộng thấy người vàng, Tấn Vũ che sửa vừa chiêu cảm tượng ngọc, dùng xưa nay kia có hổ thẹn.

Hoặc kinh sâu là được đồng với tiên dự hàng Đại vương, bảo tháp đây này thế loại không lo vua cõi nước. Sáng nêu chật hẹp, tin ở cha trống sạch, gạn mời săn bắn chài lưới kế cao thượng của vua nghiêm, ngu tôi cho là trở ngại. Ngày nay miễn đầu Tăng Ni, nếu đã lìa pháp y không theo đạo nghiệp hoặc thường ở quán xá, hằng ở ruộng vườn đều nhờ dân chúng, nên theo sự sai khiến.

Như kia thiền tụng hiểu biết, ăn chay trong sạch, hoặc tuyên bố có công, phạm tinh đáng chép, hoặc khéo sửa sang tháp miếu tạo lập kinh sách cứu giúp tại tâm cho học tập là sự nghiệp, cho đến thuộc hạng già yếu, nghèo bịnh, may mắn ở cửa đan không chỗ dùng được, đều cho ở chùa vẫn ở trên sở Tăng. Quyết mong mười thành ngọc hoặc ra núi gai, trong trăm bước thời gặp cỏ thơm. Vì vậy, chùa dứt Tăng lưu tục, chúng không khách cơm hẩm, sáu thời kiều thỉnh thường lấy cõi nước làm tâm, ba nghiệp tinh tu quyết dùng vua chúa làm gốc đâu không sáng tối vui mừng, quỷ người hân hoan. Sức thầm che chở, duyên lành giúp đỡ, rồi sau đất trời giao tấu sáu khí điều hòa, quân mã nghỉ ngơi, cờ binh cuốn nghỉ, vào giúp biên cương hoang tàn, không đợi thợ thầy ghe nước ngọc lụa đến triều lại tưởng nhóm Kê Sơn, đâu hẹn vui ư? Thật đáng vui ư?

Nếu cương trường không quân Ngô giúp có quan hệ, rộng cần phí kế, cúi xin trưng cầu, chỉ có Lãnh Quân đàn việt. Ngoài thì tham cứu sách vở, trong thì hiểu sâu kinh luận, mới ao màn trướng gởi trọng muối me, quyết xin giáng ý người chân lấm tay bùn, lưu tâm chánh pháp. Ban ơn nghiên cứu tường tận, rộng dù lòng xem xét, như kia một mảy may có thể thâu nhặt sâu hy vọng, khúc vì khoe luận không khiến cỏ lan cỏ ngải đồng lúa, cỏ huân cỏ du đều cắt, ngõ hầu được ở trong khuôn

mẫu tiên nhân, lại chuyển bánh xe pháp. Trưởng giả trong vườn lại trải giảng tòa, thì đức sửa sang giềng mối sánh với núi Hằng đồng cao, công ủng hộ rộng lớn như biển cả, hoành đây ngang ngược phiền muộn càng thêm kinh sợ.

THƯ CAN NGĂN PHÁP SƯ NHÂN SƠN THÂM BỎ ĐẠO
(Trần Từ Lăng)

Trộm nghe người xuất gia nhà rộng như hư không, ở trong lòng thế tục dụ như ở lao ngục. Chẳng những có văn đã rõ, tự thế gian cũng thấy. Chợt nghe Pháp sư úp ghe thuyền kia đến ngược việc của người tu sĩ, đây là cái giỏi dưới mắt chữ chẳng phải kế hay lâu dài. Vì sao mà biết? Vì từ khổ vào vui chưa biết cái vui trong vui. Từ vui vào khổ mới biết cái khổ trong khổ. Đệ tử xưa nay cho Pháp sư dẫu không là người xưa cũ mà từ khi biết nhau đến nay cũng lại chẳng sợ, phàm thuốc hay thì không ngọt, lời ngay can ngăn quyết trái lỗ tai, nhờ thấy kia vắng vẻ do đây bất nhẫn không nói.

Vả lại trong ba mươi năm tạo nghiệp đâu lớn vì sao trong một sớm lại bỏ công đã thành, ai thật là đáng tiếc, kính vượt tâm cao, chưa hiểu ý sâu, e chẳng phải kế sách nhà binh, muốn nhóm Lưu hầu, hình loại rồng nằm xa cầu họ cát đá vàng binh pháp đâu thể gặp lại, ba đều là tranh lau không do hai lần gặp gỡ. Phong tước năm đẳng chỉ thấy chứ không gặp, trong lầu ngoài cửa khó đỏ dễ trắng. Kèn lá ống phụng chẳng được đều nghe, vũ nữ kỹ nữ không nhọc quen lờn, tìm đó giống như lông trâu, được giống như sừng trâu, ngoài ra chỗ nào nhìn trộm lỗ?

Nay nếu Pháp sư thoái chuyển chưa hẳn có một điều xứng tâm, giao mất mười món đại lợi hiện tiền. Vì sao? Vì Phật pháp không phân biệt dòng nhỏ, người vào thì tôn trọng, quy y thì quý kính, trên không hầu Thiên tử, dưới không nhượng chư hầu, riêng dạo chơi thế gian vô vi tự tại, đây là điều lợi thứ nhất.

Thân không làm lụng nhọc nhằn, miệng ăn cơm ngon, tâm chẳng lo việc vợ con, thân mặc áo thô sơ, sáng không lo tiền bạc, chiều không thể ngàn dặm, cúi ngước dạo chơi đâu không vui, đây là điều lợi thứ hai.

Thân không trách nhiệm nặng, ở quyết là cõi mới vách trắng cửa đỏ lý nhiên rất kính. Tối cầm sáng sắc là tự vui đùa, sáng sớm bút chiều lại thì luận tình luận đủ, đây là điều lợi thứ ba.

Dù cho gai sinh ở đường vua đi, cầu hóa thành cống dài, hẻm nhỏ cửa bé nhờ đâu mà thay đổi, tấc lụa không vận tải, quan kho đấu gạo,

không tiến kho công thương, ty bội thương, đâu cần tìm cầu, đây là điều lợi thứ tư.

Trước cửa quấy rối ta lại an giấc ngủ, trong hẻm vân vân không vẻ kinh sợ, nhà thôi điêu khắc lớn nhỏ, cửa dừng đinh cứng mềm, vào ra tùy tâm, qua lại tự tại, đây là điều lợi thứ năm.

Tăng xuất gia không đúng vẫn hơn kẻ ở thế tục, dù cho tâm còn nghĩ giết chóc, tay không lỗi đoạn mạng, trong sâu kín thông tình quyết hơn đèn sáng rỡ, cầu tục như thế phiền cấu muôn lần còn hơn người tại gia, nếu vào sông ái thì chìm mãi chẳng đường ra, đây là điều lợi thứ sáu.

Nghe tiếng chuông mà chí kính, tìm hương thơm để sinh tâm, sáng thấy tôn nghi chiều khác trục báu, điều lành khoảnh khắc theo đây mà sinh, công nhỏ như giọt nước mà lần đầy chum lớn, chưa biết nhân duyên quả báo thiện ác rõ ràng, nói theo đây thì lợi kia khó bày. Dù cho hiểu tướng người tại gia vẫn có việc trần ai, dầu khiến xa gởi búng móng tay xa gần cúi đầu, hình bỏ tâm giữ thân dời ý qua, người có rảnh được như thế. Người nghèo khổ thường không nhân, gần ở trước mắt không nói có thể thấy, đây là điều lợi thứ bảy.

Trong núi dưới cây cho nên tự khó hẹn, gối trên đã, dòng nước súc miệng thật ít có, loại như thế không thể nghĩ bàn, người như thế khó gặp, nhất tâm người ít gặp, Pháp sư chưa thể không học, giao tập nhân thông minh thù thắng, một sớm thối tâm đối lý xa mù, đây là điều lợi thứ tám.

Dệt chỉ thành màn, thấy nhân quá khứ, truyền quyển lưu ly nghiệm quả đời sau. Biết nhân biết quả không cho là lỗi, biết phước biết quả báo do đâu gây tội? Trên không ghe và mái chèo sẽ thấy cái buồn bị chìm đắm, dưới mất phao nổi thì có cái họa chìm thân. Đây là điều lợi thứ chín.

Rộng giúp chúng sinh làm thầy trời người, nước, đất bằng, hư không, đều là chỗ tôn quý, nói quyết là Xà-lê, Hòa thượng. Thư liền gửi đến cung kính đảnh lễ, xa gần ca hát, sang hèn kính ngưỡng. Nay Pháp sư quyết thoái chuyển lập thành đáng nghiệm, vừa cởi ca sa, gặp người liền xưng "ông tôi" mới hiểu họ tên trịch vai thì cũng đáng gọi, bằng người cho nên tự không bàn, thấp kém cũng sợ không nhường, lời mỏng xưng mình, giường chõng tre khác theo đến. Nhỏ được tự ở, được vua phong, nếu không quì gối nghiêm này tự hiểu không nhân, cúi ngước nương đón chưa rảnh hợp độ, chuyên chú như thế do đâu mà cho. Đây là điều lợi thứ mười.

Lược nói mười việc không mất cơ này, trong kia đạo sâu đâu cho nói đủ. Ngược độ người nhân từ, tâm ở cảnh ma bị ma mê hoặc, ý nương đường tà nhận tà đổi tánh, dù cho mày như liễu nhỏ, đâu đáng quan hệ tấm lòng, gò má như trái hồng đâu thể lâu dài, đồng chăn chia gối vẫncó buồn tin dài, khi ngồi nằm quên, không khỏi oán thù, lạc sông thần nữ còn lại không lầm đông a. Trên đời bọn ca kỹ đâu quan hệ gì đến việc vua, phàm tâm là mặt. Nếu nói về quyến luyến thì chung khí chung lòng, một lần lỗi triền miên thì luôn đêm nhàm thức dậy. Pháp sư chưa thông phản chiếu đâu ngộ bán hoa, chưa chứng tha tâm thông thì đâu biết ý kia. Than ôi! Cây quế đem làm đuốc lớn để đốt, đáng tiếc hạt minh châu mà để trong bùn.

Đệ tử ngày nay bàn ngang quyết được Pháp sư mỉm cười. Trên đời người tại gia đâu nói xấu đâu hạn cuộc, vả lại một người thối đạo mà không an nguy, nói theo đây thì thật khó hiểu. Thí như ngói đá đầy đường người không kinh sợ, mảnh vàng ròng muôn phàm dứt bước, chánh nói công Pháp sư vào đạo đã đủ, pháp nhiễm tục chưa nhiều khác gì vàng mà đổi đồng đỏ, bạc mà đổi lấy chì thiếc, đáng thương, đáng tiếc, vẫn đáng buồn, lượng có thể nhẫn khó nhẫn, mới biết kia rất mong bỏ việc đời dứt trần lao, chánh niệm tương ưng, hạnh chí cả hai hoàn toàn, thêm rõ lo lự liền có thể suy nghĩ, hối ở trước không nhọc lo hận về sau. Nếu đệ tử tính xa thì mười mấy năm, ở giữa sẽ biết so lường, gần thì ba năm, năm năm, trong xương trống thế nào, muôn hận nạn buồn đâu biết xa đến. Tự lầm tự lẫn bỏ hẳn mất một đời, bèn biết giây đàn đứt có thể nối, tính cách khó giữ. Hoặc như trong lửa sinh hoa có thể gọi là ít có, người mê biết ngược bỏ đạo không xa, mau chóng suy xét, gấp lên đường chánh. Pháp sư chẳng phải vô trí, nên bị người ngu làm mê, giống như A-nan bị ma quấy nhiễu, còn phải nhờ năng lực Tam bảo chế bày sự hung dữ kia, dựng tràng Bát-nhã thiên ma tự vâng lệnh. Ý chỉ lời này đáng nên liền cởi bỏ sự quê mùa, nếu không hội lòng cao, may mắn dừng quái sâu.

BIỂU CAN GIÁN CHU THÁI TỔ SA THẢI TĂNG

Tăng Đàm Tích thưa: Hoàng đế đại đàn việt đức gồm cả trời đất, tâm treo như nhật nguyệt, đạo soi chiếu không riêng tư, giáo hóa cuốn mở không suy lường, có thể oai đến đạo tục, thương đến Tăng Ni, kéo dẫn lưới màu chỉ bày đường ra, muốn cho trời trong luyện hạnh, hiển bày dấu vết ở thời sáng, Sa-môn đức kém hổ thẹn với đạo, tục. Giáng rõ chiếu chỉ trách kia xem xét sổ sách, ban xuống các châu hỏi khóa

nghiệp kia, dòm chỉ có vào đạo nhiều mối thầm nghĩ chẳng phải một. Nương tướng xem xét người có năm lý không đúng. Những gì là năm?

Hoặc có Tăng Ni tuổi trẻ ở chùa tự ăn ở tiết kiệm, nguyện thực hành tâm yếu, không phạm các giới cấm, đốt hương nhiễu tháp, đảnh lễ hết lòng, chắp tay cúi đầu, quên ăn bỏ ngủ. Nhưng tánh vốn ngu độn đối với việc đọc tụng không có duyên, tập học rất khổ cực mà không được một chữ. Nay lượng chỗ cáo biểu, ý cần người văn thông minh là phải. Lại xét việc kiểm Tăng không lui thật hạnh là đúng, chánh ý riêng mong lấy sự sáng suốt kia. Vả lại thật thà mà không thông minh là gốc các hạnh, thông minh mà không thật thà là tướng của trí. Nếu cho là có nghiệp, là không tìm đủ ở một người. Nếu thật là chẳng phải Tăng thì trách biết ở đầy đủ. Bậc Đại giác trí tuệ không thể nghĩ bàn, các chỗ lập pháp trời người lãnh nhận, huống chi hạng phàm phu liền suy nghĩ sửa đổi? Các Thánh tự nói các món thần biến, đối đại pháp này còn không thể thêm bớt. Bậc đại nhân xuất thế biết gốc hiểu căn cơ, nhiều phương pháp khéo léo, giáo hóa người vẫn dùng tiệm, chúng sinh căn hạnh mỗi người khác nhau, nay Đại Thánh nói kinh sai khác chẳng phải một, trong ngoài thông nhau cũng không trái khác. Lại như Khổng Tử lãnh đồ chúng có ba ngàn mà người thông hiểu chỉ được bảy mươi hai người, còn thăng tòa, nhập thất chẳng quá vài người, còn bỗng nhiên đâu cho là bác bỏ.

Nay các châu, quận, huyện đều có học sinh, đức bằng Nhan Hồi được mấy người? Có thể không bằng Nhan Hồi thì bỏ quận không lập? Có thể Tăng ngang bướng không có đức đều khiến hoàn tục? Không bằng Nhan Hồi mà còn hơn người dân thường, Tăng ngu đần không có đức vẫn hơn ngoại đạo, phục hai đường này, đây là điều không đúng thứ nhất.

Có người chuyên ở gốc cây, cầm gậy trì bát, giữa ngọ mới ăn, chánh mạng tự sống, danh tiếng xả bỏ, lợi dưỡng không màng, lý quán dứt trừ phiền não, bèn thiếu văn tụng. Luận về người kia vào đạo thì nội nghiệp có dư, nghiên cứu văn giải kia thì công ấy chẳng đủ, cần gì chúng nhóm ở kinh đô đều là Tăng có đức, còn người ở rừng sâu hoang vắng đều là kẻ có hạnh sao? Cho nên trái có sống chín không thể do sắc tướng mà ăn. Người có chìm nổi không thể do hình hay danh tiếng mà lấy. Xin tự ba lần suy nghĩ, đây là điều không đúng thứ hai.

Có người xây tạo hình tượng gắng sức nhiều năm tu bổ chốn già lam lo lắng siêng năng nhiều năm, bỏ thân cứu vật không do khổ hạnh mà nạn tâm, ban vui cho người không do đói nghèo mà đổi chí. Nhưng

chẳng thông minh, ngày tụng không quá một lời, sáng tối bận bịu cả ngày đọc không đầy mấy trang giấy, chuẩn kia hồi hướng thì điều thiện chẳng luống thí, gạn sự phát thú kia thì thật là đệ tử Phật. Nay vô tội mà bắt trở về tục thật uổng phí người tu hành, trực tánh liền sai, đây là điều không đúng thứ ba.

Phật nói Tăng là ruộng phước, lý khó tổn ép, dẫu có thể tuổi già hình phàm mà pháp phục tôn trọng đâu cho sớm thí chiều đoạt tự thêm khinh hủy, ưa ghét vô thường đâu trách sự được mất ở một người. Thẳng không thường lầm nơi mười hai đầu mối sách vở e không hợp tâm thành rất trái ý thú lớn, trên tổn từ bi dưới thiếu chánh hóa. Chỉ sợ đời sau truyền nhau chịu sự vu báng Tăng, đây là điều không đúng thứ tư.

Nay đại Chu đại quốc Tăng Ni chưa bao nhiêu, chùa chiền rõ ràng có vạn mấy, chỉ nên gọi dẫn hai bộ tràn đầy trong kia, siêng đánh chuông vì nước hành đạo, phương tiện tột sự dài ngắn kia, đốn tìm lỗi lầm truất bỏ hoàn tục, khiến bậc rường cột trống vắng. Nếu cõi kia nước khác xa gần nghe biết, nghi cho là ta tìm binh trong Tăng chúng, lấy đất dưới chùa miếu, rất đáng quái lạ. Nhưng Tăng ngu độn nhậm dịch chưa đủ thêm binh, đất chùa cấp cho dân đâu thể làm nước giàu? Nhiễm không mau dứt, tánh do tiệm hiển tất cả chúng sinh có các phiền não, nếu bỏ ngay viên tu là diệt Phật pháp, chẳng thẳng tổn thân mà ma sẽ được dịp làm hại. Vì sao? Vì một bề thuần thiện tinh chuyên cúng dường, một bề thuần ác khiến cho hoàn tục, lời này đã thấy, diệt sâu Tam bảo. Hoặc thô tế đồng xem ma khó được dịp làm hại. Vì sao? Vì thuần thiện lui thô thành chúng, người chúng thô còn sinh điều lành cho chúng sinh. Văn kinh lý lẽ bất, luận hạnh thô tế, chỉ có không hoàn tục trọn thành đệ tử Phật, suy nghĩ tới lui ba lần, đây là điều không đúng thứ năm.

Bần đạo mấy năm thể chất hèn gởi mạng ở cửa đá, khâm hóa nhờ ân được còn đạo nghiệp, đây là do rên siết chống gậy đưa đơn thành khẩn, lỗi ngỗ nghịch cúi xin đàn việt, kính bạch.

ĐỆ TỬ BỒ-TÁT GIỚI TÊN ĐỚI QUỲ GỬI THƯ CHO THIỀN SƯ TIÊN THÀNH PHỤNG MỆNH DƯỚI TÒA THIỀN SƯ

Sông Vị trong, sông Kinh đục mà chung nguồn triều tông. Cây thông cao, mũi tên ngắn mà cùng chung chất cứng rắn. May nhờ hàm linh có năm thường lý nên phạm vi ba giáo. Do đây dặm cửa Nho đồng lễ kinh nơi Thù, Tế. Khổ luyện Ca-diếp dời diệu đạo ở sa mạc. Dẫu hai nghi cực nhọc bởi hận một đời này, đâu như khởi chánh pháp ở Lộc

uyển, buông vọng tưởng ở Linh Thứu. Bán, mãn đã bày, quyến thuộc đây hiển, thành giáo có cạn sâu, người không trong ngoài. Thiền sư danh đức bay xa, chấn hạnh nêu cao vật, nhiếp thọ bốn y, nhờ chăn dê mà thành tụng, gánh hòm sách ngàn dặm, trải qua cùng rồng mà bao gồm, cho nên có thể trong suốt chín bộ gồm bí tàng của Tuyết Sơn, ngoài gồm bảy lượt, đủ sách vở của Bích Thủy. Chép chi nhánh Thiên Thai, ghi Trúc Chân La Phù, mây phủ bảy ngọn núi, bỏ vịnh ba sông. Bảo Sư, Diệu Triết, Trang Sinh, Cừ Công soạn luận viện tập như nuốt mây mộng như chỉ trong lòng bàn tay. Lại thêm khéo giữ tịnh giới như giữ minh châu, kheó giữ luật nghi như treo gương sáng. Bẩm thọ mật hạnh La Vân, gieo ruộng phước Tân Đầu, ôm ấp nước định liền thành giác quán, nhánh cây thiền cao mát, càng thêm hỷ xả. Do đây không xa sông Tiêu sông Tương, đến nghi bờ sông Miện. Chống gậy suối rồng vần làm tinh xá, quày xe hang ngựa liền dựng già-lam, đục núi đặt khám há rảnh mà nhóm cát. Thành tháp nhân núi dựng vườn không nhọc. Rải vàng mua đất kẻ sĩ như mây nhóm, tay áo như hoa mát, bạn pháp cân bằng, chúng đồng xế bóng thiền thất sớm khởi, thời cỏ thơm nhược, tháp chiều mở tạm vào nơi đào nguyên. Hương núi tiếng Phạm, toan Nguyễn gào mà phát nhau. Diệu âm nơi Nhật điện cùng cháu đàn cầm mà đồng vận. Dù thông tím ngay vẫn biện trên cờ chỉ huy. Bờ biển thần giếng tâm liền cao sáng, cho nên dùng tài kham mua núi đức xa đồng chở đi. Núi cao cảnh hạnh, tường cao treo tuyệt.

Đệ tử nghiệp phong lo trống, thân chìm ở biển dục, đến bải cung chìm đắm lại sắp trải qua hai mươi năm, ngày mệt ngồi rong, đêm buồn thương vì mộng, chưa thể quên tâm bỉ ngã để quy về mối Nhất thừa, sai buông áo ngực, lảng mở ba đạt, đã nhớ cột chuộc càng tổn thương cho chim, hơi dứt mối dọc tạo thuật mối khác lên quan kém nhặt nhạnh trăm nhà, đến ở theo quan lại lưu luyến văn hàn, dẫu chưa thể tham cứu cửa rồng mà lau Cối Kê, phú hồng tước vịnh oanh vũ, nếu cầu kia một phần cũng phảng phất người xưa. Nhưng sâu ngộ bọt nhóm tình buồn nối tay, thường muốn xác ve giải tục tham vị chân như, một ngày thành vân mau tu quán Ngỗi, quỳ gối tình mừng buộc tất ngộ đồng, tiến giày chưa hết mở áo vội than. Bồng bềnh tìm mong, phủi áo lưới đời, cởi giày kéo dây tơ. Sóng biển vọt lên, giây tua hán ôm quanh cái chum. Làm cơm chín lần dùng sai lo tối, lần ngộ ba không toan lên khổ nhẫn. Cầu tiên nhìn ngọc không bỏ theo thầy, khe sâu bẻ đào không ngại hỏi thăm, chỗ mong thắng khí đầy trời, chợt đấn đo thạc sĩ, ứng môn cao luận thời đáp khách tốt đẹp. Đông ấm như mùa xuân xin quý trọng phép tắc sạch, nhà

gần người xa đầy xe mang đồ cấm, bỗng nhiên lời tàn ác phân biệt niệm không vàng ngọc.

SA-MÔN THÍCH TUỆ MẠNG Ở U LÂM GỬI THƯ CHO ĐÁI TIÊN SINH, TỀ BẮC

Như nhất chân thường trạm, ngăn chặn nhiệm mầu vì vậy đồng mầu nhiệm, muôn thành thừa cơ, trái thuận để đó khác dấu vết, do đây cửa Tây sáng đạo, đồng trống phía Đông bàn về lòng nhân, chạm khắc đổi thợ hữu vô khác nhau.

Nay nếu bao gồm hai môn này, nguyên hai giáo đây, há không quy về tôn ba lần chuyển hội vào năm thừa. Nương cạn bày sâu, giúp quyền hiển thật, đây như ao chia thành bốn dòng nước ban đầu thì khác tên, biển giữ tám sông không hề khác vị, đàn việt lúc nhỏ vượt kỳ tài, xưa nhờ đầu mối tươi tốt. Lời hoa cao hơn đời, hòa nhã đến tham cứu nhiệm mầu, trí hợp năm minh, học gồm ba giáo, càng thêm chí khí tài năng, vượt khỏi phép tắc Nhan Sinh, tổn đó làm đạo. Mộ vết nhiệm mầu họ Lý, dẫu lại sáu kinh gồm rộng trăm nhà giàu có. Thánh hiền khác y cứ Nho, mặc chia phái, hoặc việc khoáng đạt mà văn ân cần, hoặc lời cao mà nghĩa xa, đều nhận như bình chịu thuyết như sông nghiêng, gương sáng chẳng nhọc lau, chuông lớn mặc tình đánh, ông dựng ấp để gởi văn, lâu ông hổ thẹn với thích thú kia.

Cho nên dẫu Tần Sở chia chợ búa. Chu, Lương sửa đổi tục, mày trắng mắt xanh, giá rùa ngọc chẳng vượt. Phụng đậu rồng nằm, có nước giao nhau chẳng khác, thêm do biết soi xét khổ không, chí sắp bày trần tục. Hình tuy ở hiên miếu mà khí là ở sông hồ, do đây khen ngợi kéo sợi khởi lời lưới đời, lời đồng ứng sáu điều hợp trương nghiem̂. Than ôi! Lửa đỏ vội truyền, xót sóng trong mau dứt, mới nên rửa chân theo đạo, rửa tai từ chối vinh hoa. Chín chuyển đầy hư không, bốn cánh cửa bày vội, rồi m tìm tám chánh, dùng vị nhất chân. Mở mười triền mà dứt trừ ba hoạn, đức như thế đâu không lớn ư?

Bần đạo cảnh thức khó trong tâm trần dễ ứng, định thì hổ thẹn nước hoa, giới chẳng phải cỏ buộc, tài bằng đèn tắt, học tạ từ truyền đèn, trong có hổ thẹn với đức, ngoài không quen lờn với người đời. Do đây chìm đắm một gò, hình ngụ cỏ bồng nương cây liễu ngồi ở ngàn nhẫn chí nương cây thông. So sánh bốn tựa ở phong sương, đợi ba tuần nơi nhìn phách, cho đến đêm nghe chim núi vẫn thay chín thành, ngày thấy cá lội liền theo hai chữ. Cửa cỏ áo xấu vốn chẳng phải bịnh, cửa châu kết bốn ngựa đối với ta như mây, đã than giây mây chuột dễ xâm

hại, vượn trên cây khó yên, nhọc tưởng đầu chim Thứu, mệt suy nghĩ chân chim trĩ. Còn như lá mùa thu rừng tàn tạ không hề rõ cảm giác, tiếng vang trong hang chim oanh mùa xuân trọn than rất ít người nghe. Bỗng nhờ hỏi đến, thấy cong khen sáng, u khí như cỏ lan, âm trong như ngọc, thật lại đầy mắt rất vui, mà thật an ủi nhiều hổ thẹn. Dẫu biết cảm tạ ao trời, chưa xong thuyết biển bắc, mà sự giống giếng bùn, hổ thẹn lời bàn trong biển Đông. Nhờ mọi người ưa mến tôi, đá vàng chẳng xa kết hẹn sớm tối, ánh sáng mặt trời có thể buộc dùng hằng triều nay, khéo kính đạo trong thời nhân trát trắng, nói không hết ý báo, ở đây bày đâu?

THƯ ĐIẾU PHÁP SƯ DIÊN MẤT
(Tiết Đạo Hoành đời Tùy)

Ngày 23 tháng 08 Tiết Đạo Hoành đảnh lễ. Cõi tục vô thường, Pháp sư Diên đã viên tịch, tâm rất buồn đau thương tiếc không thể thôi dứt, chỉ có buồn đau chứ suy hại sẽ không thể mặc tình. Pháp sư lìa tuổi bỏ tục, bước vượt biểu trần, chí qua khỏi rộng lớn, lý biết tinh ngộ, đài linh thần đáng kính mến mà không thể nhìn, biển trí nguồn pháp đáng bắt chước mà không thể suy lường, giống như gương sáng thường chiếu không mỏi mệt. Thí như chuông lớn kia có đến đây ứng, qua gặp đạo tán huyền dây buộc rớt khuy, chí đậu như núi cao vững chắc không đổ, ngôi cao lễ hậu không thể đổi lự kia, oai nghiêm pháp cao không đáng khiếp sợ tâm kia, kinh hành hay ngồi yên thì nguy hiểm hay bình yên chẳng hai. Giới đức luật nghi trước sau như một. Thánh Hoàng mở vận tượng pháp trùng hưng, cao là rừng đen, rậm rạp là xưng đầu, khuất thần tột tôn trọng, bày sư nghĩa giúp, Tam bảo nhờ kia mở mang che chở, hai đế nhờ đó giảng nói. Lòng tin đủ để theo dấu Đồ Trừng La-thập vượt xa Đạo An, Tuệ Viễn, mà trụ pháp bỗng đổ, ghe nhân từ lật úp, chẳng thẳng buồn buộc bốn bộ, vốn cũng cao cảm một người. Thầy tích trượng tịnh bình xưa nương dạy dỗ dẫn dắt, lên tòa nhập thất đủ thể vi diệu. Đối với ba tình, lý trăm hằng tha thiết, thường là sao, vô thường là sao! Vô ngại không được an ủi, chỉ rất buồn thương kết, cẩn bạch thư, thảm thương không xiết. Đệ tử là Tiết Đạo Hoành đảnh lễ.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 25

THIÊN THỨ NĂM: TĂNG HẠNH (Phần 3)

Luận Phước Điền, Sa-môn Thích Ngạn Tông đời Tùy. Chiếu hỏi xuất gia tổn hại hay có ích? Đường Cao Tổ ra chiếu sa thải đạo Phật. Chiếu ra lịnh Đạo sĩ xếp ở trước Tăng. Đường Thái Tông bàn chiếu nói Sa-môn kính ba đại, nay dâng Hoàng đế.

LUẬN PHƯỚC ĐIỀN CỦA KINH QUÁN HỌC SĨ SA-MÔN THÍCH NGẠN TÔNG

Tùy Dương Đế, niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ ba mới hạ luật khiến cách thức, lịnh rằng: "Chư tăng, Đạo sĩ v.v... có điều khải thỉnh, đều trước phải chí kính rồi mới thưa bày". Dẫu có lịnh này mà chư Tăng rốt cuộc không thực hành. Bấy giờ, Sa-môn Thích Ngạn Tông bất nhẫn việc này bèn soạn "Luận Phước Điền" để chống cự, ý ở đọc trái khác mà lời nói lại vô tội, người nghe để tự răn dè. Sau đó, triều kiến vua các Sa-môn đều không chí kính.

Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, đến Tây Minh, Giao Nam, hai tông Đại Trương văn vật khi yết triều Tăng đều nương xưa không bái lạy. Vua hạ sắc chỉ rằng: "Điều lịnh ban hành đã lâu, vì sao chư Tăng không chí kính?" Thì Pháp sư Minh Thiện thưa rằng: "Bệ hạ rộng ủng hộ Tam bảo nên thuận theo lời Phật. Trong kinh dạy không bái lạy người thế tục, cho nên không dám trái giáo".

Vua nói: Nếu không bái lạy người thế tục thì thời kỳ Tống Vũ sao lại chí kính?

Thưa rằng: Tống Vũ là vua bạo ngược riêng chánh không kính sẽ bị giết chết, bệ hạ khác với kia không được hạ lịnh bái lạy.

Vua nói: Chỉ cần lạy.

Tăng vẫn đứng sững, ra lệnh lạy như vậy đến bốn lần, Tăng thưa rằng: "Bệ hạ quyết lệnh Tăng lạy thì sẽ cởi bỏ pháp nhục mặc áo thế

tục, đây lạy không muộn.” Vua yên lặng, không đâu thì dừng. Sáng ra lập pháp cúng tế chay lớn đều không ai noi theo. Sau nói với quần thần rằng: “Trẫm cho là trong Tăng không có người, hôm qua đối đáp ở Nam Giao cũng có người ư?” Vậy sau đến chết quyết không có người lạy. Còn nam nữ đạo sĩ khăn vàng nghe linh bái lạy hợp với họ Lý, chúng liền lạy không thôi, vua cũng không mở miệng hỏi.

Luận rằng: Xưa Đông Tấn, Thái Úy Hoàn Huyền Nghị ra lịnh Sa-môn phải lạy vua. Pháp sư Viễn ở Lô Sơn là bậc danh cao đức lớn thương tràng trí sắp gãy đổ, tiếc bảo giới gần chìm, bèn soạn luận “Sa-môn Bất Kính Vương Giả”, nghi kính lễ lúc ấy bèn mất. Nhưng do lời biên chép ẩn kín, viện bày sâu thẳm, kẻ học sau mở xem khó thấy ý văn. Liền nhân lúc rảnh rỗi tôi bèn chép bày lại, đề hiệu là “Luận Phước Điền”. Bỗng có người khách từ phương xa đến, xa giúp họ Hoàn lại thuật nghị trước. Chủ nhân chánh niệm hồi lâu rồi ứng tiếng kháng cự rằng: “Khách dường như chưa nghe yếu chỉ của Luận Phước Điền, nay tôi vì ông mà soạn”

Thế nào phước điền? Cái gì là ngôi báu?

Công thành trí màu, đạo chứng Viên giác là Phật. Lý lẽ nhiệm mầu sâu xa vắng lặng, Chánh giáo tinh thành là pháp. Cấm giới giữ chân, oai nghi vượt ngoài tục là Tăng. Đều là người dẫn đầu của bốn loài, là thuyền bè cho sáu đường, cao cứu trời người đạp lên vàng đá, châu báu ở tay, nghĩ bàn tướng kém. Phật dùng pháp chủ nêu tông. Pháp dùng Phật là thầy nơi gốc. Tăng là đệ tử tôn sùng Phật, pháp này. Có thể gọi là cao thấp đồng vị, gốc ngọn càng môn. Nói sự thì ba hạng, bàn thể thì chỉ một mối. Ở thì năm mươi năm, kinh điển rộng tám muôn, chỗ nói chỉ quy về chí cực này. Mất tiếng diệt bóng, tận vận ở Song Lâm. Khắc đàn sách lá lưu phép tắc một đời giáo hóa. Thánh hiền khởi trong, môn học giúp nhau, hòa hợp thành đàn, trụ trì là nương tựa.

Người vàng hiện ở cung điện nhà Hán, tượng pháp thông ở phủ Lạc và tông Tiên giác đều noi theo chương xưa. Ngoài cõi nước mà phát tâm, bỏ thế gian mà lập đức, quan tước vinh hoa không động chí thân thuộc chẳng thể lụy tình, áo thì cắt may mới hoại sắc, tóc thì bỏ để hủy dung nhan. Không đội mũ mà làm nghi, chẳng buộc đai mà trang sức. Vua cõi trời vẫn thường làm lễ, chúa cõi dưới vốn thường chí kính. Có kinh có luật pháp đây chưa khác. Hoặc xưa hoặc nay đạo kia không trở ngại. Suy ra vua chúa nặng nhẹ, khép lại thần kỳ lớn nhỏ, tám cõi xa xôi khâm phục đức, bốn biển quy y nhân, Tăng Ni lễ vua là điều chẳng nghe, như ôm ý chỉ khác xin bày, ý kiến hòa nhã.

Khách nói: Kinh Dịch đời Chu nói: "Đức lớn của đất trời là sinh, báu lớn của bậc Thánh là ngôi vị". Lão Tử nói: "Giữa nước có bốn: Một là chỗ Đại vương ở, trộm cho há chẳng phải vua cõi nước, dựng đó làm nước há chẳng phải vua quan? Buộc đó làm chủ, phép tắc trời đất che chở triệu dân, xuân sang đến hạ sinh trưởng muôn vật. Soi chiếu thì dùng ánh sáng mặt trời mặt trăng, thấm nhuần thì do khí mây mưa. Sáu hợp thì cùng tôn như biển, trăm họ thì chung ngưỡng như vua. Nhung, Di đổi mặt, ngựa trâu quày đầu. Rắn còn gánh nơi Hầu nhà Tùy, cá còn cảm nơi vua nhà Hán, đâu có khỏi cánh cửa kia". Nếu như pháp môn kia quên lòng nhân rộng lớn độ thoát, sót rộng tạo sự cúng dường cao lớn tự chấp nhận, cung kính kém liền bỏ, giống như loài cầm thú nào có khác gì? Quyết có thể cưỡi thần thông được thành quả Thánh, đạo giúp thiên hạ, lý ở ngoài lời. Nhưng nay rảnh việc bỏ trừ ba độc, sửa đổi y phục trang sức vẫn nhiễm sáu trần. Giới nhẫn chẳng tu, định trí không chứng có trái lời dạy chẳng khác phàm tục, đâu nên ỷ nhọc tuyên đọc mà kháng cự lễ muôn xe? Nhờ hình dung khác nhau mà thiếu cung kính một người. Xưa Tỳ-kheo tiếp sát chân ở cư sĩ, Bồ-tát cúi đầu với chúng ngạo mạn, văn này lại bày quyết đến đặt để, như dùng quyền đạo khó noi theo Phật tánh đáng tôn. Huống là vua gần trời chẳng phải thần giáng. Bá Dương mở phép tắc muôn năm, Trọng Ni bày khuôn thước trăm vua, còn như yết kiến lễ bái quyết vâng theo sách triều đình. Riêng có Sa-môn dám làm lăng mạn, đây thật đáng giận ai có thể tha! Thói tệ khó đổi, dòng xấu dễ vào, không gặp vua sáng ai san chính được, bỗng khởi thay đổi vô thường, chiêu cảm chê bai không tin, lời chí lý có bằng chứng mong rủ lòng xem rõ.

Chủ nói: Chỗ tôi lập là trong, điều ông nạn là ngoài. Trong thì thông lý pháp, ngoài thì cuộc hạn sự người, trông nhau xa tuyệt đâu thể đồng năm. Đây gọi là học mà chưa gồm, nghe mà không hợp. Điều nghi hoặc của ông tôi sẽ nói, thử nêu tổng yếu kia có bảy điều: Một, không đức nào chẳng báo. Hai, không điều thiện nào chẳng nhiếp. Ba, phương tiện không ngại. Bốn, vắng lặng không vinh hoa. Năm, nghi không thể vượt. Sáu, y phục không thể loạn. Bảy, nhân không thể quên. Bốn điều trước đối đáp ý nạn, ba điều sau dẫn ra thành cách thức.

Tôi nghe: Trời không nói mà bốn mùa thực hành, vua không nói mà muôn nước yên trị. Vua có năng lực gì mà dân không thể gọi? Thành mà không ở làm mà không ỷ đây chính là tốt thiện của Tiên vương. Đức lớn của đại nhân đồng thấm muôn loài, đồng dự dẫn khách. May mắn khác cỏ cây, chẳng phải côn trùng chim chóc. Chở tròn, che vuông cúi

ngước nhớ ơn tuệ, ăn lúa uống nước, no đủ ngậm ơn. Đã có thể thương cho xuất gia, từ bi cho vào đạo, dứt nghiệp trần đã lâu, cầu diệu quả ở tương lai, đã nhờ ơn nặng lại suy nghĩ đáp sâu dày, mới nhờ ích muôn lành há lại kính một thân? Theo đó khéo đáp nhiếp báo bèn sâu, gạn đó thân kính thâu lợi càng cạn. Bởi Tăng mất chánh nghi, tục giảm điều mừng. Tăng không lạy tục Phật đã nói rõ, nếu biết đáng tin lẽ ra phải tuân lập, biết cho là khó nương sự nên trừ bỏ. Đâu cho tôn sùng đó muốn cầu phước thấp kia, lại trách lễ ấy? Liền khiến theo lễ đồng với thế tục. Dụ như nói rằng: Thỉnh phước chưa thấy kia thấm, đây thì còn mà dường như đã bỏ, Tăng mà giống dân, chẳng trắng chẳng đen không có tên gọi. Trộm thấy giao yên gồm xét chỉ còn, ngưỡng phước làm tôn Tăng còn quê mùa ở đây, không cung kính làm sao khiến Tăng lạy tục. Trời đất có thể ngược nghi này ít có trái, sau lại vì nêu bày, đây gọi là thứ nhất không đức nào không báo đáp.

Pháp đã tiệm, người suy cũng hơi cuối, ít có bậc Thánh kia thật như đã nói. Tuy chỗ phàm lưu vẫn trì giáp nhẫn, dầu thiếu học giới vẫn bàn sách trí, quý tháp như tôn kính Phật, quy về thì lành sinh, hủy phá thì tội nhóm. Mạnh do mới phát, cắt ái khó mà bỏ được, nguyện rộng trọn thời kỳ, thành Chánh giác xa mà đến được. Cho nên sớm cạo tóc thiên ma xa khiếp sợ, ngày nhuộm y Đế Thích xa vui mừng, kỹ nữ liền giúp vô lậu được đầy đủ, người say tạm cắt có duyên liền kết. Rồng còn nhờ mà dứt sợ, voi đầu đàn thấy mà hết khiếp, oai linh ở đây nghi phục là đồng. Còn nhỏ chưa thọ cụ túc đối nêu ý chỉ của Phật, nhỏ không thể khinh, ánh sáng nêu năng lực của Tăng, Ba Ly đã độ Thích Tử phục tâm, Ni-đà cũng quỳ vâng, vua Ba-tư-nặc khuất ý, cho đến hoặc già hoặc trẻ đáng làm thầy là pháp. Không hèn không sang chỗ còn là đạo, rồi sau mé hiền ngu trong nói nín, sống chín gần giống, lấy bỏ chẳng dễ, mắt thịt phân biệt sợ không gặp của báu. Lòng tin bình đẳng, có lúc thẳng thật vừa đủ bốn người liền thành một chúng. Tăng đã rộng nhận Phật cũng thông tồn tại. Ăn xem khác nước sôi mới sai thì Tăng, áo thấy kỳ lạ dệt vàng bèn khiến dâng chúng, oai đức của Tăng chẳng phải cũng lớn sao? Đủ đáng để gọi ruộng phước tốt rất y cứ Thánh giáo, đây gọi là thứ hai không điều thiện nào chẳng nhiếp.

Nếu nói về công Tịnh Danh sớm lên đất mây, ý bịnh nằm vốn vượt cảnh đời, lâu hành thần túc hoặc than biện tài, mới học đảnh lễ thật tạ pháp thí. Sự là quyền nên cách thức chẳng phải chuẩn thường, nghĩa là khi tạm biến lệ kia vẫn nhiều, thì có Không Tạng chẳng cung kính, Như Lai không trách. Sát-na lại nguyện, Hòa thượng đẩy trước,

một phen quán thẳng đều sẽ kinh quái, lại rõ sách Phật đâu chẳng thông đường, không khinh Đại sĩ riêng khởi dấu vết cao, sợ hạng thượng mạn kia lập lại hạ tâm này, riêng hành một đạo dùng thẳng chí thành. Đã chẳng phải ba tuệ đâu là cách thức thường hằng. Nhân cơ làm pháp đủ là ít có, nhờ giáo hóa rộng khó làm luật nghi. Đại Thánh phát sáng hai trí, chế ước năm thiên, bỏ tước xỉ kia giữ giới hạ địa. Trước sau dạy chung, lợi độn đều kính ngưỡng, già trẻ có thứ lớp trước sau không lẫn lộn. Chưa cho một phen, nghiệp riêng khiến bảy chúng khắp làm, lý tự nhiên như vậy, rõ ràng rất dễ thấy.

Xưa vợ chết ca mà trống chậu, thân chôn gầy mà lộ đất, đâu thể đại khái rõ chế vua ư? Huống chi sách giác xung sâu sắc, lời Thánh sâu kín, chấp hạn cuộc một bên đâu trái bốn biện, đây gọi là phương tiện vô ngại thứ ba.

Vả lại quế Chu sử lâu kéo dịch vua, ty của Lỗ giặc đã ở, nước Tể tông quy đạo đức mới gọi là vô danh, dạy ở thi thơ, cuối cùng nói rằng: Không làm. Nói theo Nghiêu Thuấn hiến chương văn võ, cúi chào cung kính chẳng phải đây là ai. Ổ gió hứa trông xưa vẫn xa xôi, Di, Tề thao tác phác họa nay còn xa. Giống như vịn cao mười lực, xa vượt bốn dòng, nhàm khổ hữu vi này, mừng ưa vắng lặng vô dư kia, không buộc lự ở sân công, chưa lưu tình ở việc vua, giải thoát tự nhiên vốn khác bạn Nho, đây gọi là vắng lặng không vịnh hoa thứ tư.

Còn như cúng tế quỉ thần phẩm trật sông núi, Quốc Dung đầy sách vở khế hợp bàn tốt đẹp, thần được vua tôn kính, Tăng còn chẳng chí kính nơi lễ, Tăng chúng được thần lễ, vua đâu lại nhận cung kính kia. Trên dưới so le, lật trái chánh pháp, áo xiêm lộn ngược đâu đúng tướng vuông? Khiến thần ủng hộ xưa nay ở nơi Tăng, cầu thỉnh đó đến hội mở, chú lực cuối cùng không lý dạy, đây gọi là nghi không thể vượt thứ năm.

Gốc vua chúa xưa khởi quyết nương chân nhân mà sinh, bậc Thượng đức tuy bí mật nơi tịnh tâm, ngoài tượng vẫn nêu tướng tục, do đây đạo bày áo đen thì tình động nên mạnh. Nghiệp ẩn cửa huyền diệu thì hình cung kính nên dứt, cầu đó cho nên thật đủ có nghe trước. Quốc chủ Tần-bà, phụ vương Tịnh Phạn, xưa đây đồng hoặc đã khắc Thánh, chuyên tu tin thuận thường việc quy y, dù thấy phàm Tăng lại tưởng là Phật, không cho quỳ thân là hiếu, tính chẳng phải tội bất hiếu. Không cho lạy vua là kính, há là lỗi không kính, pháp khác, pháp đã riêng, lễ không lẫn lộn chế theo nơi đây. Đây gọi là phục không thể loạn thứ sáu.

Cẩn thận xét Đa-la sách màu Thích-ca chân thuyết bèn nói rằng: Vua Sát Lợi mà xưng tôn, nương Bát-nhã mà vì đó ủng hộ, bốn tín không hư hoại, mười điều lành không thiếu. Kính Phật thờ Tăng nhóm công chứa đức, rồi sau giáng ngày tinh tháng tượng, cảm ánh sáng đỏ khí trắng, kim luân đã chuyển châu báu lại treo cao, ứng trời thuận dân ngự cõi nắm cảnh, trước mở thuật năm thường, sau hoằng đạo tám chánh, cũng nên lại quán đời trước theo nhớ nhân duyên xưa. Kính lời Phật dạy mà tôn sùng Tăng bảo, đầy hương giới mà thêm năng lực tuệ, tự sẽ nền trời chuyển cao sánh với sự cao xa của cung Phạm, tuổi thọ của bậc Thánh hằng bền chắc, đồng với sự lâu dài của kiếp thạch, nhưng thời thế tột cùng của sấm sét, rồng cọp oai thạnh, mừng hẳn lại gồm, phạm khiến giận đến, phát lời trải lịnh như gió đi cỏ rạp, đã ép Tăng Thể ai dám dương vẫy. Chỉ sợ có tổn, công thầm chẳng giúp, thạnh nghiệp hết sức chân thành, trọn mạng như thế mà thôi. Đây gọi là nhân không thể quên thứ bảy.

Trên đã lược dẫn ý thô của tôi để dứt hoặc của ông, muốn nghe rộng nên tìm trong đại bộ.

Khách nói: Chủ nhân từ trước đã dẫn lý nêu rất nhiều. Tôi tuy tầm thường ám độn cũng nương xem, văn gồm sáng tối, nói bao gồm trong ngoài, chỗ luận xét sách còn có mê lầm. Kinh Dịch nhà Chu nói rằng: “Một âm một dương gọi là đạo, âm dương không suy lường gọi là thần, trộm cho muội ẩn đường thần cách bặt cảnh người, muốn làm pháp cúng tế, cốt yếu nhờ lễ quan, vốn đặt thái thường chuyên đồng thái chúc dầu biết việc quỷ nhưng vào hàng quan. Chân Phật đã ẩn Thánh Tăng lại diệt, kính tin đạo sáng toàn hợp thần tối, là lý phàm phu, rộng lời hồi hướng, chung phép tắc nhãn rỗi, tướng học cắt mổ, nắm tay đàn hội. Cho nên thêm pháp y kia, chủ giữ tháp miếu cho nên cần tục dịch kia. Vừa chạm lưới vua liền đọa làm dân, đã đồng sách tế tự đâu nên gọi là báu. Triều kính Thiên tử vốn là nghi xưa nay, khổ chấp cầu mạnh, nhất định chẳng thông biết. Họ Tống xưa chế gió kia không xa, chỉ nên theo nhau lại muốn từ gì?

Chủ nhân nói: Khách biết một mà chẳng biết hai, xin nghe lời tốt đẹp dứt trừ dị tưởng. Tôi nghe quỷ là quy, chết đó đã vào, thần là linh, hình đó tôn sùng. Quỷ kém hơn người chỉ dứt đường ác, thần hơn nơi sắc khắp gồm tình thú, tâm có linh trí gọi đó là thần, ẩn mà khó biết gọi là không suy lường toàn thể dụng kia hoặc động tịnh, phẩm tánh dục kia có âm có dương, ý chỉ Chu Dịch bởi ở đây thôi khác đường hiển ở một khí, lời thành thật quyết ở sáu thức, lập giáo lần đoán sẽ biết.

Quỷ báo thần thông, đến đi thầm kín, nêu dùng thần hiệu trì dùng ở đây, thường thử lời đó, nhận di thể mẹ cha bẩm phần trời đất, có thể tồn ở khí, sẽ lập ở hình. Còn đã gọi là thần đạo quyết là tâm nghiệp của ta, chưa hề cảm đến đất trời, được đó ở cha mẹ thức hàm thai, chứa đầy hoàn hư không, tâm trệ huân chủng lan đầy thế giới, đi mà lại sinh, như ngọn lửa liền ra, đến mà lại chết mất, như sóng nước liên tục chuyển gốc đó đâu thấy, ngọn kia nghiên cứu đó đâu thấy được chung cuộc. Đục thì là phàm, trong thì là Thánh, thần đạo nhỏ sâu, lý vốn khó rõ. Tột cao của thần gọi là đại giác, nghĩ bàn không được, danh tướng ai có thể cùng. Chân thân vốn không dời đổi, người mù bẩm sinh tự không nhìn thấy, gá tưởng đuổi theo vết xưa, nghiêng tâm đùa giỡn hơi di pháp. Nếu muốn gánh vác trách nhiệm truyền giữ, mở cửa yếu diệu, nhờ Tăng đồ đây ứng với Phật giáo phó. Nhờ mây từ làm bóng mát bên trong, nương oai chúa làm sức bên ngoài, gió màu xa kịp ở đây.

Giáo chung ba đời, chúng riêng bốn bộ. Hai theo với đạo, hai giữ với tục. Theo đạo thì phục tượng tôn nghi, giữ tục thì tạo sách cùng thờ. Tượng tôn là Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni. Sách cùng nghĩa là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Tượng ấy, tôn thì chưa tham thần vị, sách ấy cúng thì sau dự hàng quan. Nguyên người cúng sách đồng sai dịch của chủ tế, ta chẳng phải đương chức, ông đâu có dẫn lầm, do ông lời tha thiết phát ra ta sâu đến, lý đã rõ ràng. Chớ lại giống các kẻ hoặc ở đầu đời Tống, tạm làm việc ép bức này, kia cũng trái chân không cần hợp luận. Bên phong tục hèn xấu chưa thấy cái đẹp kia, bỗng khiển đồng đó đáng quái lạ thật.

Khách nói: Có ý chỉ thay luận này!

Nhờ cáo đạo lành xin theo và lui về.

ĐƯỜNG CAO TỔ RA CHIẾU HỎI XUẤT GIA CÓ LỢI ÍCH HAY TỔN HẠI

Vua Đường mở vận các giáo đều hưng thạnh. Nhưng đối với Phật pháp càng thạnh tin trọng, bỏ kinh xưa kế đặt chùa Hưng Thánh, còn bao nhiêu hội xướng thắng nghiệp từ bi chứng quả nhóm chùa Tiên Đẳng, khuôn xây dựng tìm nhau, còn như đạo quán không nghe nơi tục. Võ Đế năm thứ tư có Thái Sử Linh Truyền Địch, trước là đệ tử khăn vàng rất kỵ áo đen, đã thấy quốc gia riêng kính, càng dùng tâm xấu bèn dâng biểu phế bỏ Phật pháp việc có mười một điều rằng: Phật sinh ra lời nói vọng việc yêu mị ẩn, tổn nước hại nhà chưa nghe lợi ích cho đời, xin thỉnh Phật Hồ tà giáo lui về Thiên Trúc, nếu là Sa-môn bắt trở về trồng dâu cày ruộng, nhà nước sẽ hưng thạnh giáo hạnh Lý, Khổng.

Vũ Hoàng cho kia là biện tiểu, triều phủ nhậm kia lời buông lung, bèn hạ chiếu hỏi Tăng rằng:

Bỏ tóc rau của cha mẹ, trừ phục chương của vua quan, lại ở trong môn nào? Ích ở ngoài tình nào? Tổn ích hai nghi xin khéo giải thích rộng.

Có Sa-môn Tương Dương Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp gián kích truyền lời hèn dốt nghe đợi cơ, nhờ có lời hỏi này mà bày đáp rằng:

Lâm tôi nghe: Chí đạo dứt lời há chín dòng mà nói được? Pháp thân không hình tượng mười lực chẳng nói được. Nhưng bốn đường mênh mông chìm đắm biển dục, ba cõi bấp bênh nghiêng đổ núi tà, các ông mê do tự đốt, phàm phu chìm đắm mà không ra. Chí nhân sở dĩ giáng linh, Đại Thánh vì đó xuất hiện ở đời, bèn nghe môn giải thoát chỉ bày đường an ổn. Vì thế là dòng vua ở Thiên Trúc mà từ ân ái để xuất gia, chí cầu nhất diệu Niết-bàn, làm điều thiện để báo bốn ân, lập đức để giúp ba cõi, đây là lợi ích.

Hủy mình để thành chí kia, cho nên bỏ râu tóc hủy dung mạo, đổi tục để hội đạo kia, cho nên bỏ áo hoa vua quan. Tuy hình thiếu thờ cha mẹ mà trong ôm hiếu hạnh, lễ trái thờ chúa mà tâm cất giữ ân kia. Ân thầm giúp oán thân để thành đại thuận, phước nhuần u hiển đâu câu nệ trái nghịch nhỏ. Người thượng trí nương lời Phật cho nên là có ích, loại hạ phàm thiếu Thánh giáo nên là tổn hại, gạn ác thì cả người tự mới, tiến thiện thì thông người cảm hóa, đại lược như thế.

ĐƯỜNG THÁI TỔ VŨ HOÀNG ĐẾ RA CHIẾU CHỈ SA THẢI ĐẠO PHẬT

Môn hạ Thích-ca mở giáo lóng sạch là trước tiên, xa lìa bụi nhơ, dứt trừ tham dục, cho nên nói rộng thắng nghiệp tu trồng căn lành, mở đường dẫn lối cho kẻ ngu mê, làm cầu bến cho phẩm thứ. Do đây mở bày kinh giáo xem xét học đồ điều phục thân tâm bỏ các đắm nhiễm. Y phục ăn uống đều nuôi bốn chúng, từ Chánh giác dời đổi, tượng pháp lưu hành, đời mạt lăng trì lần do thiếu lạm, nên có bọn xấu hèn lại tự tôn cao, người biếng nhác hoặc tránh sưu dịch vọng cạo tóc dối gọi xuất gia, tham dục không thỏa mãn, mưu cầu không dứt, ra vào cổng làng khắp vòng cổng chợ, rong ruổi chứa để nông sản, chứa nhóm hàng hóa, cày dệt làm kế sống, mua bán thành sự nghiệp, việc đồng thế tục dấu vết giống người đời. Tiến trái văn giới luật, lui không thuận sách lễ, cho đến thân làm cướp đoạt, mình tự đào tường khoét vách ăn trộm,

làm việc yêu mị dối trá, giao thông nhà sang giàu, thường vướng lưới pháp luật, tự sa vào hình phạt nặng đảo lộn chân như, khuynh hủy diệu pháp, thí như đám lúa tốt cómầm mạ hư, loại kia như bùn dơ lộn với nước trong.

Lại đất già-lam vốn là chỗ ở sạch là chốn đậu tâm lý còn vắng lặng. Đời gần đây, phần nhiều lập chùa, tịnh xá không tìm cảnh rộng thoáng, chỉ hướng về chốn ồn ào, khéo xây dựng gồ ghề, rui nhà sai lầm, chiêu đến ẩn trốn dụ nạp gian tà. Hoặc có đến gần nhà chợ, cận kể lò mổ quán rượu, bụi đất đầy nhà tanh hôi tràn đường, luống nuôi lớn tâm khinh mạn, thiếu nghi tôn kính.

Vả lại họ Lão giáo hóa vốn quý xung, luống dưỡng chí vô vi, khiển tình ngoài vật, toàn chân giữ một này gọi là cửa màu. Rong ruổi việc đời rất trái tông chỉ. Trẫm ứng hẹn tiết chế nhà cửa hưng thạnh giáo pháp suy nghĩ sâu về lợi ích, tình ở hộ trì, muốn cho ngọc đá chia rõ, hôi thơm có phân biệt, nuôi dưỡng diệu đạo, thường bền chắc ruộng phước, chánh vốn trong nguồn nên theo gạn bỏ, chư Tăng, Ni, đạo sĩ, nữ quan v.v... có ao tinh cần luyện hạnh vâng theo giới luật, đều khiến ở chùa lớn, quán ở trụ, quan cấp áo cơm không để thiếu thốn. Còn ai không thể tinh tấn, giới hạnh thiếu kém không kham cúng dường đều khiến bỏ đạo trở về trồng dâu cày ruộng. Các quan ty sở làm điều thức việc y theo giáo pháp, việc trái chế đều nên dừng.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG RA LỊNH ĐẠO SĨ XẾP Ở TRƯỚC TĂNG

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một ở ấp Giá Tuần Lạc có người khăn vàng trước bàn luận với Tăng, tâu đó lên vua, vua bèn hạ chiếu rằng: Lão Quân lập, phép tắc nghĩa trong sạch, Thích-ca ban cho thì lý tồn nhân quả, cầu giáo kia dấu vết hấp dẫn khác đường, tìm tông kia gió rộng lợi ích đều có. Nhưng hưng khởi đại đạo Triệu ở xa xưa, nguồn nêu ra ban đầu không tên, việc cao ngoài hữu hình, vượt hai nghi mà vận hành, bao trùm muôn vật mà dừng nuôi. Cho nên có thể kinh bang, có thể ra trị nước, chất phác trở lại thuần thục. Còn như sự hưng khởi của Phật giáo, nền tảng ở Tây Vức, đến nơi Hậu Hán mới giúp Trung Độ, lý thần biến nhiều phương, duyên báo ứng chẳng phải một. Cho đến đời gần đây kính tin rất sâu, người nhờ phước ngay năm, nhà sợ họa đời sau, do đây người dính mắc thế tục nghe tông mầu nhiệm mà cả cười, kẻ ưa lạ thấy chân đế mà tranh nhau về. Ban đầu sóng vọt ở cổng làng, sau cùng gió thổi ở triều đình, khiến cho khác sách tục, tốt tươi sầm uất trước các nhiệm mầu. Giáo của chư Hoa lật ở sau Nhất

thừa, dòng lừa dối vong phản ở nhiều đời đây.

Nay ngôi vua khắc xướng, đã nương mừng thượng đức, thiên hạ đại định cũng nhờ công vô vi, nên có mở bày huyền hóa này. Từ nay về sau cúng trai lập hạnh, còn như xưng gọi Đạo sĩ nữ quan có thể ở trước Tăng Ni, ngõ hầu đôn đốc kẻ tục ngược gốc xướng ở chín cõi, gió tôn Tổ ban cho vạn lá. Bấy giờ Tăng đồ Kinh Ấp đều bày sự can ngăn tột đỉnh, có quan ty không nhận. Sa-môn hậu sinh thật trí là Tuấn Dĩnh trong ngoài đều sáng, dắt các bậc lão túc theo xe dâng biểu, bèn đến cửa quan, biểu kia lược rằng:

Tăng ấy đồng nói, năm ấy ép dâu du, ban đầu gặp đời thái bình, diện mạo đồng bồ liễu, mới gặp vua Thánh minh. Trộm nghe cha có con can ngăn vua có thần can ngăn, các vị ấy tuy dự xuất gia vẫn ở lệ thần con, có phạm không ẩn, dám chẳng đo bày, xin thấy chiếu thư, quốc gia vốn ra từ dưới chống chỏi. Gió Tôn Tổ hình ở trước sách, bố các thiên hạ không đức mà xưng. Nay Đạo sĩ đều ở trên Tăng Ni, vâng lệnh để chu toàn đâu dám chống cự. Xét Lão Quân mở phép tắc trị nước trị nhà, chỗ mang phục chương cũng không đổi khác, không lập chùa quán, không lãnh môn nhân. Ở dưới trụ để toàn chân, ẩn đức rồng mà dưỡng tánh. Người trí thấy đó gọi đó là trí, người ngu thấy đó gọi là ngu. Chẳng phải ty khấu đâu ai biết được? Đạo sĩ ngày nay không vâng theo phương kia, chỗ mặc áo đội mũ đều là khăn vàng, vốn chẳng phải thương của Lão Quân, hành thuật dơ của ba Trương, bỏ diệu môn năm ngàn, đồng với Trương Lăng Mạn hành chương cú, theo Hán Ngụy đến nay thường dùng quỷ giáo đạo ở nơi phù tục, vọng gá sau Lão Quân thật là mầm mống trả đạo. Nếu vị ở trên Tăng thật sợ chân ngụy cùng dòng, có tổn quốc hóa. Như không bày tâu lấy gì nêu hình thần con, cẩn thận chép kinh đạo và Hán Ngụy các sử Phật thì trước đạo sau sự, như riêng chỗ bày, cúi xin thiên từ rủ lòng soi cho.

KIM THƯỢNG CHẾ SA-MÔN ĐỀU BÁI LẠY VUA THÂN

Sắc chỉ nghĩa vua cha ở ba thuận là trọng, đại ái kính hạnh phàm trăm vụt trước. Nhưng hai môn Thích Lão tuy lý tuyệt mà cảnh thường, vết chân cung hiếu việc hợp bến Nho, bèn ở chỗ tôn cực không làm lễ quỳ lạy, nhân tuần tự lâu đến thần đây. Triều Tống tạm sửa phong tục này, thiếu chọn lựa lại vâng theo tập quán xưa. Trẫm bẩm thọ kinh trời để nêu hiếu giúp nghĩa đất mà tuyên lễ, định đem danh giáo giúp chân tục, mà nước chảy trên nền thôn khắc thành thiên cấu, hóa sông Liên giao cho, Quốc vương do cắt chế khoan dung quay về đây. Nay

muốn cho Đạo sĩ, nữ quan, Tăng, Ni đều bái lạy cha mẹ, Hoàng Thái tử, Hoàng hậu và vua, hoặc sợ sai lầm hằng tình kia nên giao cho hữu ty bàn rõ tấu trình.

Ngày 15 tháng 04 niên hiệu Long Sóc năm thứ hai, Quang Lục Đại phu, Hữu tướng Thái tử, khách ở quận Cao Dương nước Thượng Trụ, quan Khai Quốc Công Hứa Kính Tông đọc.

TĂNG OAI TÚ V.V... Ở CHÙA ĐẠI TRANG NGHIÊM DÂNG BIỂU "SA-MÔN KHÔNG NÊN LẠY KẺ TỤC"

Tăng Oai Tú, v.v... nói: Vâng lệnh minh chiếu khiến Tăng quỳ lạy vua, cha, nghĩa phải nương hạnh, lý không chống ý chỉ. Nhưng do minh giáo Thích Nho đều bày văn chánh can ngăn, nêu hóa rộng lớn đều tiến đạo quê mùa, Tăng đều mang ơn nặng của quốc gia, khai dùng lễ phương ngoài, ở yên nơi cõi nước, được rộng tâm xuất tục, sở dĩ từ xưa vua chúa đều vâng theo phép tắc kia, kính nghi đổi tục kia, toàn dấu tích kháng lễ kia, bèn khiến kinh giáo nẩy nỡ rộng, đời đời lần lần nhiều, tông khéo léo dạo xa thường thường rảnh phát. Từ Hán đến Tùy người tu hành lại trở ngại, gió Linh Thứu vẫn thơm nồng, giáo hóa của tiên quyển còn sơ sài, chưa bằng Hoàng Vận Triệu Hưng Đề Phong ngoài biển. Năm trúc và năm núi đồng trấn. Châu Thần đem Văn Tề Đại Hạ, mạng Hoàng Hoa chở thạnh xe ngựa tô tiếp trục, đâu không kính Thánh tích này dựng cây sót dấu vốn được. Cung phạm đến nghi theo nhau không dứt, nay trái lại nếu lạy vua cha, khác với các kinh, lại chứng khen kinh tục, hoặc bày vọng khinh hủy. Xưa Tấn Thành, Ấu Xung, Dữu Thủy, Kiều Chiêu, Hoàn Sở tô điểm lừa bịp, vua im lặng lời kháng cự và Tống Võ tuổi già sắp giáng chính sách bạo ngược, chế Tăng lạy vua xét lại dừng dứt. Bởi việc trái sách kinh nước nhà, lý vượt nghi thiên thường, tuy nói rằng: "Dòng lời trọn buộc hiển bàn", huống chi bèn bỗng ra lệnh bái lạy, nhận sự giận dữ của trên trời. Ngụy Đào làm công kích buông lung trách hạ ngu, đường đây lâu bày đủ nêu thấy nghe. Tăng đồng phụng đeo kinh hoàng chìm che chở mất đặt để, sợ dây tơ nếu phát thì muôn nước thông hành, hẳn khiến vùng biển mong gió, phương rộng lỗi khen lễ, mênh mông đời sau hoặc tiếp truyền bắt chước lỗi lầm.

Cúi xin bệ hạ trùng hưng Tam bảo, từ nhiếp bốn loài, thân thừa ý chỉ phó chúc dùng khuyến khích học đồ, Tăng đồng trong vâng theo chánh giáo vốn tuyệt dung nghi quỳ bái, ngoài vâng minh chiếu khiến theo kính của Nho lễ, cúi ngước chỉ lỗi, hổ thẹn sợ thật sâu. Như không

bày thỉnh có lỗi trái đạo thần tử, hoặc che Phật hóa liền đọa tội chán nãn vua, kính cẩn nêu các kinh có văn không lạy kẻ tục nhẹ dùng tâu lên, cúi xin trời từ ban bố rủ lòng soi xét, thì triều nghị đây cung kính vâng theo đường ở Tấn thần. Ủy lược thường bàn cuối cùng quy về vượt Tề Hậu, bụi bẩn uy nghiêm, chỉ rất sợ hãi ẩn núp. Kính lời.

Ngày 21 tháng 04 niên hiệu Long Sóc năm thứ hai dâng biểu

Bấy giờ, Kinh Ấp có vị Tăng hơn hai trăm người đến cung Bồng Lai dâng biểu, tướng tả hữu nói: "Sắc lịnh rõ bàn lạy hay không lạy chưa nhất định, hãy đợi sau nhóm" các vị Tăng bèn lui. Vì vậy rộng nhóm ở Tây Minh cùng nhau mưu bàn chung bày khải trạng, nghe các liêu thái nói:

TĂNG ĐẠO TUYÊN Ở CHÙA TÂY MINH V.V... LÊN CHÂU UNG CÙNG VUA MỤC BÁI NÓI VỀ "SA-MÔN KHÔNG NÊN LẠY NGƯỜI THẾ TỤC"

Tăng Đạo Tuyên v.v... tâu! Từ sông vàng luống dấu vết, cửa ngọc giảng nói giáo hóa, trải qua thánh anh tài năm thạnh lượng phụ đâu không cúi đầu thỉnh đạo quy hướng biết bến, cho nên được cõi nước liền nhau miếu nhân rải khắp, trời người kính mến đường phước điền, chốn u minh nhờ nghi chánh đạo. Kẻ thanh tín như rừng dày, khách cao thượng như mây kết. Lại khiến giáo chia ra ba pháp, rủ nghi cánh muôn năm, vị khai bốn bộ, rải phép trong sạch của năm thừa, khoảnh dùng biển pháp, rộng lớn loại nhóm khó phân biệt, phạm lỗi ở đây bày, có dơ xem xét. Hạ chiếu trái thường khiến lạy vua cha, rủ so sánh ẩn hoài, hiển sơ sài của triều nghi. Tăng đồng gánh lấy minh mệnh này, cảm thương rơi lệ, bởi do hạnh thiếu ánh sáng nên khiến cho trên thầm mưu giúp.

Vả lại, từ khi giáo pháp đến đông độ lần gấp hợp sâu thạnh, ba phen giúp trừ, năm lần bái phục đều chẳng phải đời thôi sáng mà là vua bạo ngược, cho nên khiến ban bố lịnh trái khuôn mẫu kinh quốc trái thường gây ra chê trách của sử lành. Sự lý khó ngược, lại rập khuôn bến cũ. Cúi xin Đại vương là giềng mối kinh điện, nhiếp ngự cơ hoành, đạo tục tỉnh lại, việc bận rộn hay nhàn rỗi. Nay cửa pháp đóng bít, tiếng giáo chẳng truyền, dựa đây thu làm sạch chướng cứu nạn, ngày vớt chết chìm phò nguy ách. Tăng đồng gỏ cửa cung điện khó kịp, chúng hạc trông nơi cửu trùng (vua), thềm trời ít bên, trọn đậu trăm mối lo, cho nên mạo muội bày than, vèn sương mong được cúi giúp riêng lớn, chở rủ nâng nhiều, đây thì tôn sùng phó chúc, gió mát giúp chín cai, chánh tượng lại hưng thạnh, cảnh phước sáng ở bốn biển, không nhậm rất cùng

tắc, đủ để tâu bày, bụi nhiễu sâu xa chỉ biết hổ thẹn thương xót, kính bạch.

Ngày 25 tháng 4 niên hiệu Long Sóc năm thứ hai

TĂNG ĐẠO TUYÊN V.V... Ở CHÙA TÂY MINH DÂNG BIỂU TÂU LÊN VINH QUỐC PHU NHÂN HỌ DƯƠNG RẰNG SA-MÔN KHÔNG NÊN LẠY NGƯỜI THẾ TỤC

(Phu nhân là mẹ vợ vua, kính sùng chánh hóa rộng xây dựng cửa phước, tạo tượng, chép kinh, bắc cầu nối nhau ra vào cung cấm. Vinh hỏi: "Chẳng hay Tăng đồng đến cửa dâng thư nói gì vậy?")

Tăng Đạo Tuyên v.v... tâu rằng: "Từ khi Tam bảo đến đông độ dần hồi đã hơn sáu trăm năm, bốn tục lập quy nhờ giới, năm chúng mở việc phước điền, trăm vua nhờ hóa chí đạo, vạn năm chở quạt chỉ có gió Thánh. Cho nên được quanh cả cõi đất biết quy về, sinh linh hồi hướng. Nhưng do mặt trời tuệ ẩn đã hơn ngàn năm, chánh hạnh khó phân biệt, khoa nghiêm dễ phạm, bèn có cỏ đề cỏ kê lộn lạo làm dơ ruộng sạch, tuổi trẻ lo gạn bạc đầu, đủ bày ở trong kinh trước đã thấy nghe.

Vả lại bậc Thánh ở ẩn, phàm Tăng thì lộ khí. Trụ trì đời sau chẳng phải đây thì ai hiển? Cho nên vàng đá, đen trắng nêu dung nhân tượng, nhuộm y cạo tóc phát họa tướng toàn tăng, nương mà tin hủy hai phần nhân quả, trái đây khéo tu đều chẳng phải chánh đạo. Lại Tăng có chân ngụy sống chín khó biết, hạnh đức cạn sâu, nương trí giúp hoặc, cho nên kinh bày thông cúng như biển không cùng luật chế riêng khoa như núi có bờ mé, tông đồ đã nêu danh giáo là nương, lập ra oai nghi xuất tục, lên đường chân viên đức, vốn khiến trời rồng chí kính, u hiển quy tâm, rộng hộ trong lòng, lưu công chẳng dứt, tỷ dùng thời kinh trược nhiễm người thiệp điêu tàn sai lầm, rình phục đồ trang sức, tạm được may mắn bạn nương hư không, hạnh bất động ở trần tục, đạo có che chướng ở hiến chương, vua xem xét ban bố lạy cha và vua. Bèn liếc mắt trời rủ sắc chỉ triều nghị. Tăng đồng trong tỉnh hổ thẹn sợ như lửa như đốt, chăm sóc nhau mất giữ đâu biết gởi lầm, chỉ có Phật giáo thông thuộc bốn bộ, u minh dám ôm trộm bàn. Phu nhân ngay đây khiến gởi, huống lại thể này tôn sùng, dựng lập chánh thiện làm tâm, ru khuôn phép cung vi oai sáng đạo tục. Nay Tam bảo bị chìm đắm thành giúp ở duyên, liền dùng thăm hỏi ít rủ cứu giúp, như mong cứu giúp nương trụ trì xưa thì phó chúc là quay về rộng che chở ở đây, khinh để tâu chọn, theo sâu rất sợ, kính tấu. Ngày 27 tháng 04.

TĂNG ĐẠO TUYÊN, V.V... Ở CHÙA TÂY MINH, TỰA PHẬT GIÁO THẠNH THAY VIỆC CHỌN CÁC HÀNH TRẠNG NHƯ TỂ PHỤ...

Liệt Tử nói: Thời Chu Mục Vương ở Tây Vức có hóa nhân đến, ngược núi sông dời thành ấp, ngàn biến muôn hóa chẳng thể cùng tột, Mục Vương kính người đó như thần, trọng như Thánh, đây là Phật hóa ban đầu đến. Kinh Lục của Châu Sĩ Hành, Thích Đạo An nói: Thời Tần Thỉ Hoàng có mười tám vị Sa-môn đến giáo hóa Thỉ Hoàng chẳng theo cấm đó. Ban đêm, có người thân Kim cang cao trượng sáu, phá ngục mà ra, Thỉ Hoàng cúi đầu cảm tạ.

Sách Hán nói: Võ Đế trong niên hiệu Nguyên Thú ở cửa thành Tây được người vàng cao hơn trượng ở cung Cam Tuyền, vua cho là Đại thần, nhiễu hương lễ bái, sau sai Trương Khiên đến Đại Hạ tìm, nói rằng: Có nước Thân Độc tức là Thiên Trúc. Nước kia gọi là Phù Đồ tức là Phật-đà. Đây là lần đầu tiên biết đến danh tướng Phật, người Thủy Sử Đô Thành Đế là Lưu Hướng nói: "Từ trước kiểm tàng thư thường thấy có kinh Phật", đây là Chu, Tần đã làm, Thỉ Hoàng đốt không hết. Ai Đế vào niên hiệu Nguyên Thọ sai Cảnh Hiến đến nước Đại Nguyệt Thị, nhân tụng Phù Đồ kinh lúc trở về nước Hán mới thực hành trai giới. Y cứ đây có nghe Phật pháp, giữa đường ẩn núp, lại hưng khởi ở đây.

Sau Hán Minh Đế vào niên hiệu Vĩnh Bình mộng thấy người vàng bay đến trước điện, bèn sai Trần Cảnh v.v... đến Tây Vức tìm Phật pháp. Bèn được Tam bảo đông truyền ở Lạc Dương, họa tượng Thích-ca đây là Phật bảo, phiên kinh Tứ Thập Nhị Chương là Pháp bảo, Ca Trúc đến nghi là Tăng bảo, lập chùa ở cửa Tây Lạc Dương, độ người khai hóa từ gần đến xa lần lửa trụ trì trọn ngôi nhà Hán.

Nhà Ngụy một đời năm vị vua cai trị bốn mươi lăm năm. Thạnh kính lần sâu không nghe bái hủy. Niên hiệu Giang Biểu, họ Ngô, bốn vị vua cai trị năm mươi chín năm, Tôn Quyền khai sáng Phật pháp, cảm điềm lành lập chùa gọi là Kiến Sơ. Sau Tôn Hạo bạo ngược toan trừ bỏ Phật pháp, các quan can gián bèn thôi, gọi Tăng đến mà thọ năm giới.

Trong nhà Thục hai vị vua cai trị bốn mươi ba năm. Vào thời Vận Quốc mưu toan Phật giáo không nghe tin hủy. Tấn Tư họ Mã đông tây lập chánh trị có mười hai vị vua cai trị một trăm năm mươi sáu năm. Triều giữa bốn vua rất kính tín, không nghe lời bàn khác, chỉ có Đông Tấn Thành Đế Hàm Khương sáu năm, Thừa Tướng Vương Đạo, Thái Úy Canh Lượng chết. Sau Dữu Thủy phụ chính, vua ở thời Ấu Xung ra chiếu chỉ khiến Tăng bái lạy. Lúc ấy Thượng Thư Linh Hà Sung,

Thượng Thơ Tạ Quảng v.v... kiến nghị không nên lạy, kiến nghị đến ba lần bấy giờ mới thôi. Như vậy, về sau sáu mươi hai năm, niên hiệu Nguyên Sơ, vua An Đế, Thái Úy Hoàn Huyền dùng oai vua hạ lịnh bảo lạy, Thượng Thư Lịnh Hoàn Khiêm, Trung Thư Vương Mật v.v... kháng cự can gián rằng: Nay Sa-môn dẫu ý rất cung kính, không dùng cong hình là lễ, dấu vết đầy trong nước mà siêu vượt phương nội, đây là do vua nước ngoài đều giáng lễ (như vua A-dục v.v... lễ Tỳ-kheo) bởi do đạo còn thì quý, không do người là khinh trọng (như Ngụy Văn Chi, Thức Can Mộc, Hàn Quang Chi, Ngộ Tử Lăng v.v...).

Xét ngày đại pháp lưu về Đông độ làm ngày xá tội,tuy dời phong tục sửa chánh trị mà hoằng hóa chẳng khác, đâu không do riêng hóa tuyệt. Có nhật dụng nơi Đào Tiệm, gió trong ước không hại ở Long Bình? Nhiệm mầu lại có sách Pháp sư Lô Sơn Viễn tự Lão Tử Quân vương hầu ở ba đại, xa đáp dùng nghi phương ngoài, không lệ thuộc lễ các hoa, bèn soạn luận "Sa-môn bất kính vương giả" năm bài, việc kia do đó mà dứt và đặt vua ngược chính trở lại tôn sùng kính tin trọn cung kính vua.

Có người đời Tống họ Lưu, tám vua năm kỷ, tuy Hiếu Võ Đại Minh năm thứ sáu tạm chế bái lạy vua, xét nương chính sách trước. ba đời Tề, Lương, Trần cai trị hơn một trăm mười năm thạnh kính tột một lòng tin trọng càng sâu. Trung Nguyên Ngụy có hơn mười vị vua cai trị một trăm năm mươi năm rộng hành Phật pháp. Đủ thấy Ngụy Thâu Lương Sử, chỉ có Thái Võ Chân Quân bảy năm nghe sàm tấu diệt Phật pháp, năm năm sau bịnh cảm mà băng, trở lại hưng khởi Phật pháp trọn ở Tịnh Đế.

Từ khi Tấn mất Trung Nguyên, Giang Biểu xưng vua, nước chia thành mười sáu (nghĩa là năm Lương, bốn Yến, ba Tần, hai Triệu, Hạ và Thục) các triều này ngụy chánh tin pháp không thiếu, chỉ có Hách Liên tràn ra chiếm cứ châu Hữu Hạ, hung bạo không thỏa mãn, lấy việc giết hại làm vui, đeo tượng trên lưng cho Tăng lễ, sau bị sét đánh chết. Sau đó bị Bắc Đại thôn tính, vợ con hình hài đủ như trong sách của Tiêu Tử Hiển Tề.

Cao Tề ở đất nghiệp, sáu đời vua cai trị hai mươi tám năm, tin trọng hơn các nước trước, không có hai việc. Nhà Văn Chu có năm đời vua cai trị hai mươi lăm năm, ban đầu Võ Đế tin trọng Phật pháp, sau nhận lời bàn của Trương Tân, lại thọ Đạo pháp định trừ diệt Phật giáo, có Pháp sư An soạn luận về hai giáo để chống lại, luận nói rằng: "Giáo của chín dòng dạy dừng thân kia gọi là ngoại giáo, giáo của ba thừa dạy

tịnh tâm hoặc gọi là nội giáo. Lão chẳng phải giáo chủ, thuộc về kinh Dịch". Vua nghe rồi giữ hay bỏ đều trái lý bèn dứt cả hai, không đầy năm năm thì chết, chính sách thay đổi.

Nhà Tùy thừa vận có hai vua cai trị ba mươi bảy năm. Văn Đế sùng tín hưng khởi Phật pháp, trong biển đặt tháp, có hơn trăm châu đều phát điềm lành đủ như Đồ Truyện chép. Dương Đế nối tiếp sửa đổi triều trước tuy khiến Tăng chí kỉnh mà cuối cùng không khuất phục, tự đại hóa đông lần lần hơn sáu trăm năm, ba lần diệt trừ năm lần ra lịnh bái lạy, đã trái kinh điển của nước, lại sai chính sách Hưu Minh, hung tàn bạo ngược, bị loạn trong triều, nghi đè ép hay khuất phục nêu nơi dứt đời, cho nên khiến sự lý trái thường xét nương vết cũ.

Bởi Tam bảo là tông quy giới, năm chúng ở vị phước điền, tuy tin hủy đổi nhau, tai ương lỗi lầm thay nhau, từ đây người có thạnh chỗ trũng, y cứ đạo không hề hưng phế. Cho nên hơn ngàn Đại thánh xuất hiện ở kỳ lớn của Kiếp hiền, thọ sáu mươi tuổi, trụ chánh pháp của Thích Môn, huống chi mười sáu Tôn giả hành hóa ba châu, chín ức ứng cúng hộ trì bốn bộ, y cứ đây để nói nhiều đời chưa hết, đâu được tình đoạn đồng phù hợp sách Nho. Vả lại Kinh Dịch có cổ, hào không thờ vương hầu, sách lễ hạnh Nho không làm tôi Thiên tử. Ở tục bốn ngôi còn có người không khuất huống gì bỏ tục theo đạo mà lại trách lễ tôi con. Lại Thượng đế ở trời cao, thần linh ở núi rãnh là vua loài người, đâu không cúng tế mà sai lạy? Nay Tăng thọ giới của Phật, hình đủ nghi Phật, tám bộ trời rồng thờ đạo kia mà kính ngưỡng dung nghi kia, đâu không bái phục ở Tăng, cho nên được thầm giúp đỡ, hiển điềm lành rất nhiều. Nghe truyện trước, đâu lại đồng phù họ Lão Quân vương hầu nơi ba đại? Cho nên sinh nhà Sa-môn, tài sắc chẳng đoái hoài, vinh hoa bỗng lộc chẳng màng, quán thời tục như mây nổi hiểu hình mạng như bóng nắng, nên gọi là người xuất gia. Người xuất gia không giữ lễ tại gia, kẻ xuất tục không dính nghi thế tục, đạo kia rõ vậy, trăm đời không đổi lịnh sách, kia lưu bố rộng cho nên nói lược.

Nay nêu kinh luận của Phật để nói Sa-môn không kính thế tục. Kinh Phạm Võng quyển hạ nói: "Người xuất gia pháp không lễ bái Quốc vương, cha mẹ, lục thân, cũng không kính thờ quỷ thần". Kinh Niết-bàn quyển sáu dạy: "Người xuất gia không lễ kính người tại gia". Luật Tứ Phần nói: "Phật dạy các Tỳ-kheo lớn nhỏ thứ lớp lễ bái nhau, không nên lễ bái tất cả người tại gia". Kinh Phật Bổn Hạnh quyển năm mươi ba nói: "Vua Thâu Đầu Đàn và các quyến thuộc bá quan thứ lớp lễ Phật rồi, Phật nói: "Vua nay nên lạy Ưu-ba-ly và các Tỳ-kheo".

Vua nghe Phật dạy liền đứng dậy đảnh lễ năm trăm Tỳ-kheo mới xuất gia theo thứ lớp. Kinh Tát-già-ni-càn dạy: “Nếu chê bai pháp Thinh văn Bích-chi-phật và pháp Đại thừa hủy nhục đều gây ra chướng nạn thì phạm tội căn bản (nay Tăng y theo kinh Đại Tiểu thừa không lạy vua cha là vâng lời Phật dạy, nay bèn ra lịnh trái lời Phật dạy đi quỳ lạy người thế tục, tức là không tin lời Phật dạy, phạm tội căn bản). Lại chê bai không có nghiệp báo thiện ác không sợ đời sau, tự làm và dạy người, bền chặt không bỏ đây gọi là tội trọng căn bản”.

Đại vương nếu phạm tội này mà không tự hối hận, thiêu đốt căn lành chịu khổ vô gián. Do vua làm nghiệp không tốt này, các La-hán tiên nhân phạm hạnh, bậc Thánh đều bỏ nước mà đi. Chư Thiên buồn khóc, các thiện thần không ủng hộ đất nước, Đại thần, phụ tướng tranh cãi lẫn nhau, bốn phương nổi loạn, Thiên vương không giáng, Long vương ẩn mất, mưa nắng không đúng thời, người chết vô số. Người bấy giờ không biết lỗi này mà oán chư Thiên trách quỷ thần. Đây cho nên thực hành pháp hạnh vua là cứu khổ này, không làm lỗi này rộng như kinh nói. Lại có các luận, văn nhiều không chép hết.

Tăng Đạo Tuyên v.v... thưa triều đình tể tướng công hầu: Xin xem chiếu thư lịnh Tăng chí kính vua cha, sự lý sâu xa chẳng phải tình cạn có thể suy lường. Phàm cho dấu vết xuất gia, các thánh đồng phép tắc, khoa chân tục trăm vua đồng khuôn mẫu. Can Mộc đời Ngụy cao kháng cự mà yết kiến Văn Hầu. Tử Lăng nhà Hán lạy hẳn mà tìm Quang Vũ. Kia xưng tiểu đạo còn nhờ cửa cao bước, há sinh mạng này không nương tốt đẹp mà rảnh buông? Nhưng do Tam bảo vang vị dụng bày nghi quy kính, năm chúng bày thành thật mở đường phước điền. Nay tước đồng lễ Nho thì Phật chẳng phải người xuất tục, bái lạy vua cha thì Tăng chẳng phải đáng kính. Đây thì Tam bảo đều phế bỏ, quy giới tuyệt ở nhân luân. Nho đạo là thầy Khổng, kinh tôn nơi sách Phật, khi xưa Tấn Tống có phép trước tám tòa bàn rõ đủ làm gương soi, Tăng đồng gánh vác đất nước, loại nhờ mở buông xuất gia, phụng pháp hành đạo, ngưỡng nương phép Thánh. Bỗng khiến bái lạy có lụy rất sâu, cúi, ngước, dừng, gấp, quên, biết, đến chở che, kính bày trong kinh và dùng việc xưa đủ nêu như trước, dùng lựa triều nghi, xin rủ lòng chọn rõ, kính bạch.

Đến ngày 15 tháng 05 nhóm hết văn võ quan liêu Cửu phẩm trở lên và các quan châu, huyện hơn ngàn vị, đều ngồi trong nhà Đài Đô để bàn việc kia. Bấy giờ Sa-môn Đạo Tuyên chùa Tây Minh ở Kinh Ấp, Sa-môn Oai Tú chùa Đại Trang Nghiêm, Sa-môn Linh Hội chùa Đại Từ Ân, Sa-môn Hội Ẩn chùa Hoằng Phước v.v... hơn ba trăm người, đều

đêm theo văn kinh và dùng trạng trước, bày việc xưa kia để nêu thiếu lý.

Bấy giờ, Ty Lễ Thái Thường Bá, Vương Bác Xoa ở quận Lũng Tây bảo các Sa-môn rằng: "Sắc lịnh tục quan bàn rõ, các thầy hãy lui". Khi bàn luận xôn xao không thể ghi một điều, họ Vương ở Lũng Tây nói: "Phật pháp truyền thông đời vua đã xa, hạ sắc lịnh lạy vua cha lại cho bàn luận. Nay mọi người lập lý chưa thể vâng lệnh chung. Ty lễ đã nói là chức ty có thể trước kiến nghị, người đồng ý thì ký tên vào ai không đồng ý thì thôi. Đại phu ty lễ bấy giờ là Khổng Chí Ước cầm bút thuật trạng như sau. Khiến người chủ sự đọc lớn lên xong rồi bèn y thứ lớp ký tên, số người hơn phân nửa, Tả Túc Cơ Thôi mừng nói: "Sắc lịnh ty lập bàn riêng, chưa thể theo suốt, ty lễ xin phân tán có thể tùy hình trạng riêng mà dâng". Bấy giờ chỗ đưa văn kiến nghị ép bức tuyên dương lẫn lộn, nay kính cẩn nương sở ty trên dưới để chiariêng. Trước nêu văn không lạy, kế bày trạng gồm lạy, sau nói nghi lễ lạy, thiện ác đều chép như dưới đây.

TRUNG ĐÀI TY LỄ THÁI THƯỜNG BÁ, VƯƠNG BÁC XOA Ở LŨNG TÂY, ĐẠI PHU KHỔNG CHÍ ƯỚC V.V... BÀN

Thầm cho rằng gồm trăm tại vị, tuy còn đạo kính thượng, ngay kia làm thầy còn có nghĩa không tôi, huống chi Phật rủ pháp sự việc vượt biểu nghi thế tục, cạo tóc đồng hủy tổn, giữ gậy khác nơi cài dây thao, xuất gia chẳng phải cảnh dưỡng sắc, lìa trần há là chỗ vinh dự danh tiếng, công sâu giúp đỡ, đạo tột sùng cao, cần gì phá cửa màu kia để kéo theo vết Nho này? Mặc áo Thích mà làm lễ Khổng, ở tục đồ mà đảm đương pháp lễ, bảo tồn giáo ấy mà hủy đạo ấy, cầu phước ấy mà cong thân ấy. Hai ba lần xem xét cho là trái đạo lý, lại đạo là giáo tuy toàn tóc da, xuất gia vượt tục quy về một lẽ, lại do xa nêu trời tạo rộng mở nền vua, nghĩa nhờ tôn nghiêm cách thức phù hợp cao thượng, đều vẫn suốt xưa không có điểm chương, như quyết sửa làm e chẳng hợp xưa, tuy vua cha tôn kính dùng trục trong thần, đạo pháp khó thiếu trở lại lưu tưởng thông minh, đã phụng theo chiếu, dám hết thật trần nhạc, sợ không chẳng vừa lòng, theo sâu chiến cảnh giác.

TY NGUYÊN NGHỊ (một bài)

Tiêu hình hai khí, nghiêm phụ xưng đâu tôn do lớn, nuôi dùng năm vật liệu. Nguyên hậu nêu thì quý của trời, còn như lễ cong tay quỳ chân, bọn đào hóa đồng tôn theo, áo cần thành tựu cách nuôi dưỡng,

bọn hoài sinh chung kỷ. Phàm đối vua cha lý tuyệt danh ngôn, mà đạo Lão, đạo Phật là xuất trần bỏ tục, một ý chỉ hư vô, lìa có hội không, điềm lành thấy Tỳ-na, xiển kệ từ bi, khí nổi hang hòm nghe bài đạo đức, ở trong cây ưng, nuôi sống niệm lự, bỏ tướng sắc thinh, vắng lặng làm tâm, cầm lễ đạp nghi chẳng cùng yếu diệu kia, giữ gìn trung hiếu, chưa châm sóng mòi lý tồn trước thái cực, sự ra ngoài biểu sinh linh, cho nên tôn đạo ấy thì khác y phục ấy, trọng giáo ấy thì khắp lễ ấy. Từ gần đến xa xưa cuối lá dẫu mên gấp tạm trái mà đạo này không trụy đọa, cho đến suy buộc song thọ thảm thiết kết ba hiệu, phòng ngừa gió thiếu hậu tấn. Ước tông Nho để kháng pháp, nên sẽ giúp thành giáo xưa, đâu nên cắt bỏ nghi mới, thật nên khuất nghiêm phòng bày ý chỉ phương ngoài, ủy trọng tôn thân, dạo trong cõi nước ngu quản châm lượng, vâng theo mà làm.

TY NHUNG NGHỊ (một bài)

Thần nghe ba tai biến lửa sáu độ càng ngưng đọng, hai chữ làm kinh trăm thành mối giây dằng dặc. Do đây sợi lông trắng trước tướng, mở rộng Nhất thừa trong muôn kiếp. Khí tía nổi bóng lộn vạn thù nơi một mối, có bến Nho lại ngăn trờ khác trục, bẩm thọ tài giỏi của trời đất âm dương, lễ cung kính vua, tôi, cha, con. Cho nên biết theo danh trách thật, bước theo khuôn phép thì hình ngay thời tiên giáo nơi cửa lý, đồng tâm lực hành tu đến tiếc xưa thì hóa tiệm ở sông Liên. Đạo Phật là ngừa trong, nhã có chỗ ở cửa Ngụy. Đạo Nho là xét ngoài, không thể bao quát đài linh. Có riêng tông mầu nhiệm phép tắc trong sạch chấn vật lảng đảng theo gió, vội vàng cánh chim bằng, vội vàng cánh chim yến, cây xuân ngắn, cái nấm xa, vô vi vô sự có gì được mất? Nhưng thời đạo Phật đạo Lão hai giáo đều là Tam bảo, Phật dùng Phật Pháp Tăng làm tông chỉ, đạo Lão lấy Đạo, Kinh, Sư làm nghĩa. Đâu thẳng nhiếp sinh có gá hun đúc tánh thông giúp, tin cũng là chính sách là nền tảng giúp cho giáo hóa, mà Tỳ-kheo chưa dụ tiên sinh nhiều vắng vẻ, ỷ xuất tục mà buông lung, dùng ngạo mạn kiêu căng làm khoe khoang dối trá, ở điều hèn thất phu gặp hình hài ở muôn thừa, quên ân nuôi con, không giáng khuất ở ba đại, vốn nên sửa đổi của vua cha, chính tôi con biết lỗi bèn giáng sợi tơ là sửa cái tệ kia. Dẫu gìn giữ hiếu, ở trung, xướng lời, sửa vết, mà xét xưa ái đạo, tham gia châm chước quần tình, nhớ tiếng vang hang trống, trói buộc tiếng vỗ về bụi núi không cách bụi nhỏ, hẳn đủ tụng kiệu người để cống thuyết quê mùa, đâu thì trụ sử nổi mé Tây có hơn ngàn năm. Pháp lưu về phương Đông dần dần đã sáu trăm năm,

dẫu trải qua nhiều thay đổi của các triều đại mà sự không tổn ích, chỉ có Sửu Thủy trách Sa-môn lễ bái, Hoàn Huyền bàn Tỳ-kheo lễ lạy, may mắn có Hà Sung dâng tấu, Tuệ Viễn bày sách, việc cuối cùng không làm, đạo không hề bị đọa.

Ở đây biết Đại Dịch Kinh Luân ba Thánh, cổ tượng không thờ vương hầu, đại lễ đầy ních hai nghi Nho hạnh không tôi Thiên tử. Cũng có Nghiêm Lăng ngồi xổm ra mắt Quang Vũ, Á Phu xá dài Hán Văn, giới mạo đâu nói rằng "Chạm lân". Cho nên người không làm dây cương, chỉ có xưa nếu đạo Tiên sư thì pháp lữ đâu sau Nhung chiếu? Trên thì cửu thiên chân Hoàng, Bồ-tát Thập địa, dưới thì núi Nam bốn hạo, Hoài Nam tám công, hoặc thuận gió mà lễ yết, hoặc ngự khí mà dạo chơi. Một do suốt đó chẳng được mà cong, mười nhà trung tín cũng há không có người kia ư? Lập bày năm hình, ba cửa người gỗ không bái lạy, há năm đức đủ ở ba phục lễ bái. Tội không trách, đức nghiêm túc thật đủ dưỡng dung nhan, nhưng thì loại hàm thức, dòng hoài sinh đâu không có ra thân để thâu gồm trung. Kia thì không vua tôi đâu không hết sức mà tôn hiếu? Kia thì không kính cha mẹ chỉ y cứ thí ba xe, luật khinh ba thước, có một ở đây, ba ngàn đại kia mà không giúp để nghiêm giết. Đặt ở trọng trách to lớn, đâu không đạo Phật và Nghiêu, Khổng, khác chế, thương hủy cùng lễ giáo chánh trái, hoa sen chẳng kết sắc đỏ, bối diệp khác ý chỉ gọt ngọc khuê. Người dùng buộc đai làm chương thường, đạo thì mủ mà không đai, người dùng buộc tóc làm hoa trang sức. Đạo Phật thì lạc mà không dung, bỏ nước không là chẳng trung, lìa nhà không là chẳng hiếu, xuất trần cặn đục cắt ái với vua cha. Dứt tham dục, bỏ tình vợ con, lý vẫn phân chia đối với vật loại không thể kiểm bờ nơi thường đồ, sinh đâu trọng nơi cha mẹ, con thì không cảm tạ, thí đâu dày ở đất trời, vật thì không thù đáp. Ân vua cha sự tuyệt danh tượng, đâu cúi đầu bái lạy là có thể đáp được một phần trong vạn phần ư?

Xuất gia đối với vua cha, đâu nói là hoàn toàn không thâu báo đáp, một niệm quyết dùng nhân vương làm nguyện đầu, bốn đế thì đối cha mẹ là rộng lợi ích, mới bỏ nhiều kiếp, lìa hẳn sinh tử, đâu cùng người cong gối là tận trung? Sắc dưỡng làm thuần hiếu mà thôi ư? Quyết bao gồm cảnh tục, xử Nho bốn cong hình dung kia, giáng lễ kia, thì bất hiếu nào hơn tuyệt tự, đâu không chế do hôn nhân? Bất trung nào hơn ở không tôi thần, đâu không khiến xưng vợ quan. Dùng ca-sa làm triều phục, xưng bần đạo lẫn lộn, rất sợ lợi ích một phen quỳ không được sự tôn kính của muôn thừa, mà lao nhọc của một lạy thức bày đọa của ba phục, thì chỗ không thể mà như vậy ư?

Vua, không cha thờ ba lão, không anh thờ năm cựu. Tôn vua người cũng có chỗ kính, kính pháp phục chứ không kính người, nếu cong kính kia thì thấp đạo kia, kính mà thấp đạo thì nói là thiếu. Há như tôn kính ở mình, tồn đạo ở người kính tồn thì mình đến, đạo ở thì vật tôn, tôn đạo cho nên kính ở vật, kính vật cũng là tôn kính mình. Huống chi hình dụ như thân, đạo như bóng. Thân đã như tiếng, đạo cũng như âm vang, hình động thì bóng theo, tiếng nói thì vang ứng. Đạo sùng thì hình vẻ vang, thân ẩn thì đạo dứt, đâu thể khiến đạo ở thân mà cong thân ngoài đạo, há có thể khiến người ngoài sức tồn ở cung kính trong thân. Lại kia giữ một ở đạo không lẫn lộn trần tục, nếu lạy đó gọi là đạo của tục mà có thể tục tham đạo của tục thì một phải có hai mà đạo không chuyên hành, đâu thể do chia cõi thường của đạo tục, bảo đảm chí thành tựu chuyên nhất ư?

Theo luật Tăng-kỳ thì kính ca sa như kính tháp Phật, gọi ca-sa là phước điền, y gọi là tỏa sấu là có thể che thân gầy phiền não, áo dày gọi là nhẫn nhục, nghĩa là có thể hàng phục ma quân, cũng dụ như hoa sen không nhiễm bùn cặn, cũng là tướng màn của chư Phật, thì ca-sa là nghĩa chí kính kia.

Nếu tổn tháp Phật này hoại tướng cờ, toan khinh nhẫn nhục lại chê ruộng phước rất dụng nguy ách nghi trọn mê bỏ lấy. Cởi y phục mà lạy thì vượt tục trái nghi chương bổ. Sửa y phục mà hướng về thì áo đen trái sách triều tông. Cho nên thiền là cảnh xa Xá-vệ, bước đến đất cửa cao, lý tuyệt triều thỉnh, sự trái vinh hoa yết kiến, há không cho là ta tôn sùng đạo kia? Cho nên kia mời đến, thỉnh mà thấp đó lại làm gì? Lô Sơn là chỗ ở của đạo đức, không ở chỗ bày phân biệt. Cam thường là nghe tụng không dứt, cách thức có ra suy nghĩ chớ cắt. Núi và cây vô tâm, vả lại do đức mà tồn vật, pháp và đạo có đủ đâu thể sùng đạo mà bỏ người, ngạn ngữ nói: "Người có thể mở mang đạo thì đạo cũng cần người thực hành". Vua loài người tuy vị nhỏ mà vẫn ở trên chư hầu, bọn hành đạo đâu thể thấp lễ kia. Nếu cho là hai thì khi dối, thời có thể một mà ngủ, ngủ đó là đạo thì là nghĩa cắt bỏ. Ở đây thì chỗ đoạt nhiều đâu chỉ hàng khuất mà thôi, nếu cho cả hai là sau giúp đỡ thì tôn sùng, tôn sùng gọi đạo thì là nghĩa tôn quý, há tôn quý đạo kia mà khiến kia cung kính ư?

Nếu dùng vàng, ngọc bích làm chân nghi không dùng vàng, ngọc bích mà thêm nghiêm túc, do chó rơm mà tôn tượng không do chó rơm mà thêm khinh, túc kính hoàn toàn nương vào đạo, nặng nhẹ không lệ thuộc vào vật, vật không thể dời đạo, cũng giống như đạo thường theo vật. Sa-môn áo mặc ngang mình, giúp pháp phục làm quý, đâu không

kính pháp phục kia mà há lệ thuộc ở người, sách không lạy nghĩa cao kinh luật, pháp giao quốc vương sự giúp hộ trì, pháp là thường, thường hành không đổi, một góc có thể sửa, ngàn muôn đều sai. Thông có hộ pháp giúp, bít có cái lo đọa pháp, cùng kia đọa làm sao bằng hộ, cần gì bẻ cong nghi dung Tăng. Tránh quanh pháp phục khiến muôn nước quy y ở cành cải ở trong đó ư?

Ngạn ngữ nói: "Nhân người có lợi mà làm lợi thì cái thuật làm lợi đó cũng có thể do tinh chỉ kia mà làm lợi". Đến khi mặt trời ở trên chiếu vận vua bày tông, biển tiếp ao trời, cành liền tạo báu, nhờ đạo Vô thượng, mở nghiệp không bờ, riêng họ khác tộc kính như tôn thờ đã lâu, nền thần phái linh đạo đâu khiêm tốn ngày nay, đây là rất không thể một,. HọNguyệt nước Đông ngôi báu đây đợi, sóng mầu nước định mây pháp nhuần màu sắc. Cao mừng giải thoát, diễn phước thường trụ, vua trước chúa sau xưa còn tôn trọng, chúa Thánh tôi hiền Hồ an đây biến, thần ngu ngàn lo muôn phần không được một, nếu như duyên này sáng tạo không lợi ích cho tương lai, đối với hằng hà sa kiếp có mảy may lụy thì dầu cõi nước tan nát, dù chúng sinh tan xương cũng đâu do tấc mà có trách ẩn, tội bất trung, đây là rất lớn không thể có thứ hai.

Thần sở dĩ gấp rút sự kia, nhỏ nhặt lòng thành kia. Gãi đầu, nắm tim, hủy nát gan, nhỏ mật. Cúi xin Thánh triều trùng hưng chí giáo hằng xuân nơi Lộc uyển, thường chuyển pháp luân, lòng vui mừng chép người kia, trăm ngôi xa ánh sáng ở vua thì dẫu chết vẫn sống nơi sáng tối. Trộm chỉ có chiếu chỉ nghĩa nghiệp khó đến, thiên tình vẽ một thì sẽ khiến do đó tưởng trí tuệ cầu bên cạnh thì ai không hết sức lo nghĩ. Thần do mê muội tầm thường đâu đủ để ngụ ngôn, cho hai giáo là không thì tôn sùng ở vận thánh, Thánh mà tôn sùng thì chẳng phải không. Cho hai giáo là có thì bút gọt lúc thời sáng, thời mà gọt đó e chẳng có. Đây sở dĩ dùng đường tẻ, dùng bằng hai đầu giao chiến, đạo nên còn dấu vết lý chưa nhàm tâm, ống trúc đâu thể dòm trời, ếch đâu thể suy lường bể cả, lý bặt ngoài hầu như, sự vượt biểu trí thứ. Tự có thể lòng chí lầu bút gõ tịch tiếng xiềng xích, mà muốn chim ở trình lời trong ống vu rình thổi, toan tai điếc nghe mà đồng tục cùng người mù thấy mà đều là ông già, dẫu có tận cùng tâm linh cũng không bao giờ đến nghe thấy. Thẳng dùng tám gió hướng quạt, muôn ống tiêu đều cống âm thinh kia, hai mặt trời lên sáng rỡ, ngàn hình không giấu bóng kia, ở đây đâu mong chờ cảnh là ngõ hầu chuyển khuôn phép, đến ngày tâm quỳ cho chọn lựa sương móc, mà nhan sắc thẹn thùng tương hạ bước mỏng nước xuân, tranh cảnh giác đã rất xá sợ giao tập. Kính bạch.

TY HÌNH THÁI THƯỢNG BÁ LƯU TƯỜNG ĐẠO

Thầm cho triều đình bày nghiêm túc cung kính làm trước, ân sinh dục sắc dưỡng làm trọng hai giáo Thích, Lão nay đều ngược đó, thường lễ vua chúa, thọ kính cha mẹ mà lo dung nghi từ xưa đến nay, nguồn kia sâu đến nỗi bởi có do vậy. Tha thứ do cắt tóc có khác ở mũ miện, ca-sa không lấy ở chương phục, xuất gia cho nên không kính người tại gia, bỏ tục đâu câu nệ lễ, triều đình. Còn như giáo nhiệm mầu trong sạch đạo phong xa rộng, việc cao thượng kia không khuất vương hầu. Vua chúa có chỗ không bầy tôi bởi nghĩa này. Quốc gia đã tồn đạo ấy, cho nên không khuất thần ấy, vọng y theo chương trước không trái thói quen xưa. Kính bạch. Bèn bái lạy ấy, rõ Sa-môn nên bái lạy. Xưa Hoàng giác ngự ở Vũ Thượng khai nguồn tín hủy, há chỉ có tượng mạt là không truyền bá rộng ước, dùng riêng biển pháp rộng lớn, nhóm loại khó phân có cơ mưu nhiệm mầu. Vội tâu lên vua đến đỗi khiến người của Câu Văn bỏ đạo theo người, soi xét mà nói thì chưa gọi là xướng lớn thông phương. Sở dĩ tôi xét các thật xưa cũ vì theo đó mà khởi, ngõ hầu quân tử kính Phật, hoặc hãy xem rõ.

BÀN SA-MÔN GỒM BÁI TRẠNG, GỒM BA BÀI

Tả Oai Vệ Trường Sử Thôi An Đô chép việc, Thẩm Quyền Minh v.v... bàn trạng, một bài.

Thầm cho khí tía vọt chân, gió huyền mái giúp tây, trắng hồng thẩm hóa, uẩn Niết-bàn lưu về Đông. Dây cương lông ngựa mù, bóng ngọc kinh mà ngưng các diệu, bền từ chiếu tịch, mở vườn vàng mà dung chí đạo. Nghĩa trùm có không, lý rỗng rất bình yên. Cổ tay áo giúp bụi, xông khắp gột rửa nhân lụy, thần đạo giúp giáo đây đâu có nhỏ. Thẳng thắn nghiệp đã tuân theo, lưu tệ nghĩa giúp răn sửa đổi (Châm rằng: Giữ pháp cao thượng gọi là lưu tệ, trái kinh lạy tục gọi là trừng cách, tức là việc không thể như lý kia). Vốn phàm nơi ba kính nơi sáu tức, cao vút tượng tôn thấp, trăm hạnh gốc bốn thỉ, xoay bàn lưới trời vốn lập, rồi đạo mới sinh. Kính hình ở lễ cung kính đây là ban đầu của vương hóa, chính là kinh của đất trời. Phật lấy pháp làm thầy, vua dùng trời làm phép tắc. Trong cõi có bốn Đại vương mỗi vị ở một chỗ, đạo vua đã hoành giúp kia, phép trời đồng suốt, thân là pháp khí, pháp chỉ là gốc đạo. Mũ vàng mến đạo, áo đen thờ Phật, chí kính vua cha xa khế hợp sóng mầu (Châm rằng: Phật pháp chính là tôn quý ngoài cõi, vua trời là to lớn trong nước, giáo còn mà khiến cong gãy, không kỵ lại giống khắp người, đây chính là nước pháp úng mà không chảy sao xa khế

sóng nhiệm mầu ư?)

Vả lại, giới điều vừa cao vẫn tột nghiêm túc ở bái lạy, huống chi sang hèn xa xôi đốn hai cung kính ở cong đầu gối (Châm rằng: "Vương Mật nói: "Sa-môn sở dĩ trên dưới cung kính nhau mà kháng lễ. Ở vua là do tôn chí đã đồng thì già trẻ đều tựa, bốn đường có cách thì nghĩa không giáng cong", thành thật thay lời nói này, đáng làm gương soi.") Quyết do núi rừng qua riêng, vật ta gồm quên, hỗn lộn thân sơ, sưng phục đồng nhau, ban ơn ta không là phải, tổn hại mình gọi là trái, tự phải ngay thương xót như vô tình, vắng lặng thường tịch, đâu nhờ rước ca-sa mà sửa trán, thấy thiên tôn mà nhã bái? Hang trần không lụy tục, chí kính chưa trái chân (Châm rằng: "Sa-môn cạo tóc mặc áo đen, đạo tục cách xa, lạy trái lời Phật dạy, đủ rõ ở văn kinh. Mà nói kính chưa trái chân đâu cho khác tục, đây chính chỉ Nam cho là Bắc, ngược trắng thành đen).

Vả lại Bá Dương mỗi dạy ở hòa quang, không khinh diễn giáo nơi thường lễ, khéo gõ đức khiêm tốn, xa phù hợp khuôn phép chiếu gần (Bá Dương đản sinh từ Cơ Chu, thân sung trụ sử, làm quan thì một chức của Vương triều, nói thì một hạng Nho tông, bái lạy vua cha vốn là lễ nghi. Còn như không khinh lễ bốn chúng là một thời quyền đạo, kia dụ như văn mạng vào áo tục mà cởi xiêm thường, không thể so sánh cõi nước để làm phép tắc).

Lại trong ba cực, sư ở chót kia, chót mà vẫn cung kính, gốc đâu nghi buồn. (Châm rằng: Chúng đạo Phật sở dĩ thầy giúp kính nhau chính là do giáo nghĩa chẳng khác, chẳng phải nói theo gốc ngọn, đâu rất là sóng mạnh).

Nếu cho ca sa khác áo lễ vua, khăn cốc khác với mũ tế, phục đã nhung bái cần gì là hoa? Riêng theo gốc kia không sai phép tắc thường. Kia có giày trắng, thanh quy trinh độn, chấn tục thần hóa hình bóng tiếng vang, giới hạnh siêng năng, tỏ bày ngộ đồng, loan phạm, hạt trong trời không, cờ gấm với thú, phù quỳnh ngự linh, đức tài giỏi tuổi tác cao mỏi mệt lễ bái kia, còn bao nhiêu người sơ học hậu tận thinh trần vắng lặng đều khiến tột kính vua cha, mời tức biên thường hiến. (Châm rằng: Nếu cho không lạy là sai thì bậc đạo đức tài giỏi tuổi tác già nua nên được miễn, nếu cho không lạy là đúng thì người hậu tấn sơ học không nên lạy, tới lui mâu thuẫn, lấy bỏ tự trái mời liền biên hằng hiến, đâu là chỗ thấy ngắn ư?). Như vậy thì tấn đức tu nghiệp, phép tắc xuất trần càng thạnh, lầu đàn khổ tiết tâm vào đạo càng gắng gổ. Gió mây đây xa, quốc chương chỉ chép, ngõ hầu rõ bày được cảnh, thì tịnh một lỗi

lầm. (Châm rằng: “Cho trái tông là cảnh thì gọi là giữ pháp làm lầm tệ”, y cứ đây để nghiệm đâu thể xem).

Tự ta làm cho nên câu nệ xưa, gương phàm lý phi thường phải nhờ chiếu phi thường. Trời soi huyền giám, thể thông minh soi xét, chọn tượng ngoài di tông, tột cõi trong thuyết chí, tuy thì tạm ngạc nhiên thường nghe, ép bức cũng trọn đặt để ở đại đạo. Kính bạch.

HỮU THANH ĐẠO VỆ TRƯỜNG SỬ LÝ HIỆP V.V... NGHỊ TRẠNG (Một bài)

Thầm cho đạo giáo xung hư không, Thích môn bí mật vắng lặng. Còn như chiếu nhân giúp vật sùng nghĩa làm tâm, bèn nhớ Nho phong lý toan không khác. (Đàn rằng: Nho giáo nói rằng không vượt đài thành, đạo Phật chỗ biện cao ngoài thấy nghe. Cho nên Đông Dương Vương nhà Ngụy nói rằng: “Phật pháp xung hiệp, Nho, Mặc chẳng thể biết được”, nay nói chẳng khác, sao quá lầm vậy).

Còn như tuổi cao nhiều đức, giới luật không thiếu, rừng sâu hang động cao thượng việc kia, nếu đây bạn có thể chí kính tôn sùng, kia có trẻ nhỏ mong cầu huân tu chẳng khen, trái chân lộn tục tâm hạnh nhiều sai trái, do đây không lạy nghĩa khó thông sung. (Đàn rằng: Xưng Sa-môn là gì? Nghĩa là nối pháp tượng hiền, phát mong mở hóa, nghi cắm giáp là trang sức, giáo khác khuôn mẫu của hiên miếu, cầu tông cũ cho nên thẳng hình hài, có thể chia đức nghiệp kia, kiêu tục cho nên đây kháng lễ, đâu cho cách để thấp cao). Nhưng tại gia việc nước thờ cha thờ vua, không lạy nghi đó đâu thể dạy. (Đàn rằng: Thành thật thay thờ vua cha chẳng nên không lạy. Sa-môn không thờ vương hầu, trái ơn thuộc thiên cho lạy là dạy dường như ân cuối). Ngưỡng mong sắc lệnh bái lạy rủ hiến ở sau, kính bạch.

HUYỆN LỆNH TRƯỜNG AN LÀ TRƯƠNG TÙNG THỌ NGHỊ TRẠNG (Một bài)

Trộm nghe, hai môn Phật, Đạo vắng lặng một mối, dầu không thể luyện tâm ngoài cõi, đuổi bóng nhân gian vẫn đợi dấu vết, cùng thế tục chia việc cách thời. Nhưng khiến người xuất gia nhiều hàng ngủ tạp trần, ngoài cho rằng không khuất phục tự cao, trong cho yết kiến riêng làm việc, luống có tên vào đạo cuối cùng không thói quen lìa tục. (Đàn rằng: Không lựa chọn trừng phạt, người khuất phục vâng pháp mà như vậy, người riêng yết thật trái giáo nghĩa. Chỉ có thể cao vút sóng kia không lộ dòng kia, đâu cho buông lửa Côn Luân mà muốn đều đốt ngọc

đá).

Còn như đất của vua cha, lễ gồm con, tôi. Hiếu kính tôn sùng, nghĩa sâu nước nhà, không có chế độ đâu do kinh luân, vọng thỉnh Tăng, Ni, Đạo sĩ, Nữ quan v.v... đạo là thời cần, sự nhân pháp hội, dầu ở vua hay Hoàng hậu cho y cách thức xưa. Bỏ đây đã qua đều khiến khen bái lạy, nếu quỳ hầu cha mẹ đạo làm con nên bày. Như ở chùa quán mặc tịnh vâng theo sách Phật. (Đàn rằng: Tăng Ni nên lạy thì chẳng nên không lạy, không được thì thời phương đâu được cạo tóc. Đồng là một người y cứ chỗ khiến khai, khác lễ pháp phục trước sau không hai. Cứ sự bèn chế khác kinh, đây chính là đầu chuột hai mối, lúc cần thì vọng lập). Ngõ hầu kia do thấp khuất làm hổ thẹn, hơi nổi tranh cãi cho đạo đức tự tôn lần lần rộng hoằng giáo pháp liền tiến ngu quản, cúi thêm hổ thẹn. Kính bạch.

TY LỄ TRUNG ĐÀI LÀ THÁI THƯỜNG BÁ, VƯƠNG BÁC XOA Ở LŨNG TÂY CHẤP NGHỊ TRẠNG TẤU

Ty lễ nghị việc Tăng, Ni, Đạo sĩ, nữ quan lạy vua cha, có một ngàn năm trăm ba mươi chín người bàn xin không bái lạy.

Hữu đại ty Thành Lịnh Cô Đức nghị rằng: Trộm cho phàm trăm tại vị đều thạnh phụng thờ đạo, ngay kia làm thầy còn có nghĩa không tôi thần huống chi đạo Phật rủ pháp sự vượt phép tắc thường, cắt tóc đồng với hủy mình, chống gậy khác với cài trâm, xuất gia chẳng phải cảnh sắc dưỡng, lìa trần đâu chỗ buộc tên? Công sâu giúp đỡ, đạo tột sùng cao, cần gì phá môn mầu nhiệm kia kéo theo vết Nho này. Đáp: Pháp phục mà lễ bái thế tục, đạp cửa Khổng mà làm lễ Thích, tồn giáo ấy mà hủy đạo ấy, cầu phước ấy mà khuất thân ấy, rõ thể lý yếu sợ có chỗ chưa vừa lòng.

Lại đạo là phép tắc, tuy toàn da tóc, xuất gia vượt tục kia quy về một lẽ. Thêm do xa nêu, trời tạo lớn mở nền vua, nghĩa nhờ tôn nghiêm, thức phù hợp cao thượng. Chỉ có hai giáo này theo nhau từ lâu, lại ở đời Đường huy phong càng mạnh dẫu vua dụ xa xướng thật nhờ công trời, mà bánh xe Thánh thường chuyển, cách thức thầm giúp đỡ. Nay nếu một triều sửa điều xưa không lợi ích cho tương lai, ở kiếp hằng sa khởi mảy may trần lụy thì khắp thiên hạ đốt thân tan xương do đâu bít trách có ẩn, nhờ lỗi bất trung, và sửa đổi lỗi kia không bằng lầm nơi văn tu. Khổng Tử nói: "Vì chỗ lợi người mà làm lợi ích". Lão Tử nói: "Bậc Thánh tâm vô thường, dùng tâm trăm họ làm tâm", hai giáo có điều lợi rộng ích thêm nhiều. Tâm trăm họ quy về tín chúng, sửa chỗ lợi

kia chẳng phải nhân đạo lợi ích, trái bổn tâm kia chẳng gọi là vô tâm, xin tuân theo xưa thật không lạy là tốt. Cúi xin Bệ hạ đức che Thượng hoàng nghiệp sáng xuống hỏi, tôn kính vua cha dầu lỗi trong thần, đạo pháp khó thiếu lại lưu tưởng thông minh, đã phụng chỉ tuân sô, dám tận thành thật bụi núi cao, sợ không gãy giữa, theo cảnh giác sâu chiến, ba trăm năm mươi bốn người bàn xin lạy.

Tả Khiêm Ty Bình Thái Thường Bá, Diêm Lập Bổn bàn rằng: Thần nghe cứng gãy mềm còn, quạt diệu chỉ của gió mầu, đáp hình ngọt nhục, nói lời vi diệu của đạo Thích. Cho nên có thể mở nguồn thiên hạ, hoằng nghĩa bất khinh. Do đây Thinh văn giáng lễ ở cư sĩ, Trụ xứ ủy chất ở Chu Vương, đây chính hành biểu kế của áo đen, lập gương rùa của mũ vàng. Từ đây đã giáng suy phép tắc tông kia, nhiều đời chìm chân lý kia, tập tục giữ nơi đường mê, một người tạo tác muôn vật nhìn thấy. Nút khuy đất trời điều khiển vua chúa, vua kim luân ở thắng cảnh, tạo ngọc kinh ở cõi mầu, bèn khiến tìm chân đạo sĩ theo giữ tạng gió xa, Sa-môn cạo tóc mở sách gấm lễ chân.

Huống gì mặt trời buông ánh sáng ở trời nêu rõ không hai, đại đế xưng tôn ngự cõi nước cực quý chung ba. Vả lại hai giáo phép tắc tuy dứt trần dung, sự chỉ xuất gia, chưa thể trốn nước, đồng giao hình nơi cảnh, đều ngưỡng hóa ở gió xinh, đâu kháng cự lễ, sâu ở riêng cao phép tắc chân. Nhưng khinh mạo tôn trưởng là người trái ngược, vua tôi kính cha ở đạo không chê, xét rõ nghĩa ấy quỳ lạy là tốt.

Trước phụng sắc chỉ ngày 16 tháng 04 muốn cho Tăng, Ni, đạo sĩ, nữ quan đối với vua cha bái lạy e sai lầm với hằng, nên giữ hữu ty rõ bàn tâu vua, hình trạng như trước cúi nghe sắc chỉ.

KIM THƯỢNG ĐÌNH CHIẾU CHỈ SA-MÔN LẠY VUA

Đài Đông như phù, áo hoa các Thánh, khác trục đồng tiến lên, trong ngoài cắt gió, trăm lo mà đồng một mối. Từ Chu Tiêu rơi chiếu, Hán mộng sáng dài, diệu hóa ởđây dời tuệ về giúp đông, còn như cái mầu nhiệm, ý chỉ sâu xa, ngọc bích rơi ít tiếng, đủ mở cơ sáu thuận, đều gọi gốc năm thường, mà ở đất ái kính, quên ở nghi quỳ lạy. Kia đến lâu xa võng sửa tệ này. Trẫm tòa đồ lên chính sách sùng chân tôn tục, ngưng áo bến giải thoát, rèn đức suy nghĩ cảnh thường danh, chánh do đạo tôn thân, cách ngôn của lễ kinh, nghĩa hiếu hữu, rõ chuẩn của nhà thơ, há có thể do phép tắc cao vút tuyệt trần mà quên cung kính nương tựa, cứu lụy trinh quy bèn sót tựa ôn trong.

Trước muốn cho đạo sĩ, nữ quan, Tăng, Ni v.v... bái lạy toan sợ

chấn động kinh ngạc hằng tâm, khiến cho rõ định, hữu ty đều dẫn điển cứ gồm bày tình lý, diên cách hai đường rối ren một nửa nhau. Trẫm bàn bạc các nghĩa xem xét âm thuyết, nhưng gió cơ dĩnh, cao thượng việc kia xa tưởng năm trước, cho nên cũng có. Nay ở chỗ vua bỗng cần lễ bái, chỗ cha mẹ kia, lòng từ nuôi nấng càng sâu, cầu xin rộng lớn đây lại định sắp đặt. Từ nay về sau đã nên quỳ lạy, người chủ thi hành, ngày 08 tháng 06 niên hiệu Long Sóc năm thứ hai. Thị lang đài Tây là học sĩ Hoằng Văn Quán, khinh xa Đô Úy Thượng Quan nghi tuyên.

LÃO NHÂN KINH ẤP TRÌNH SĨ KHỎA, V.V... DÂNG BIỂU THỈNH (Một bài)

Thần nói: "Thần nghe Phật hóa chỗ giúp vật đây là quý, bởi cứu chìm tối trong sáu đường, giúp mông thức ở ba thừa. Đức kia đã rộng công kia cũng lớn, cho nên Phật là pháp chủ, u hiển chỗ quy y thì pháp là thuốc hay, phiền hoặc do đó trong sạch, Tăng là giống Phật". Rộng giảng giúp cho đời sau, bèn khiến cho nhiều đời anh chủ trọng đạo đức mà hộ trì, thanh tín hiền minh độ nam nữ mà nối tiếp vốn được Tăng Ni khắp đất nước, rủ phép tắc dẫn dắt không cùng.

Cúi xin Bệ hạ lòng từ giúp chín cõi mở mang Nhất thừa, đạo ái kính càng thạnh, đường thành việc càng xa. Gần thì phụng minh chiếu khiến Tăng quỳ lạy cha mẹ, đây là tôn sùng nêu hiếu mới bày khuôn phép nguồn kính. Nhưng Phật có thật giáo xuất gia không lạy thân thuộc, muốn cho đạo tục khác bốn quy giới do đó ẩn giúp. Xuất xứ cả hai đều khác chân tục do có trái nhau, đâu chẳng phải tâm thọ giới Phật, hình đủ nghi Phật, lưới pháp xa khác tướng kính toàn riêng. Vả lại từ gió cao thượng, người chủ vẫn còn kháng lễ, đâu chỉ thần hạ trái nhận nghi quỳ lạy, cúi ngước vỗ theo không do mở xử ý, nguyện nước không hai kính, mở lớn dấu vết phương ngoài. Tăng phụng nối giáo lại được lập thân hành đạo, không trụ đến lòng. Kính dâng biểu lên vua, làm nhơ nhuốc oai nghiêm, lại thêm chiến vượt, kính lời thẳng đông đài Xá Nhân Phùng Thần Đức Thượng.

1. ĐẠO SĨ, TĂNG NI XIN Y XƯA TĂNG NI XẾP Ở TRƯỚC.
2. TĂNG NI XIN Y XƯA KHÔNG LẠY CHA MẸ.

Thần nghe giáo pháp bí mật chảy về Đông, nhân Minh Hậu mà xiển hóa, gió mầu vận mé Tây, nương chí để mở tông, cho nên biết rộng giúp ngàn môn nghĩa tuyên ở nhã đạo. Nêu dẫn dụ muôn phẩm, lý che lấp ở bến tà, chỉ có thể tùy Thánh giáo để giơ cao, đâu được theo việc

ngược mà khởi ẩn. Sa-môn cầu thắng quả đời sau, Đạo sĩ là tin có sinh tự nhiên. Tự nhiên là quý nơi tánh chân, tuyệt dấu vết gần ngụy. Thắng quả là ý ở chấm dứt dần dần, xa mở tâm hướng về đạo, dẫn dụ giúp nguồn dẫu khác nhau, theo thiện trọn quy về một mối. Cúi xin Hoàng đế Bệ hạ, ôm Nguyên Kiến tột ngự Phi Trinh, cưỡi đại đạo để lưu khiêm, thuận vô vi mà sau giúp. Nhân tâm hội vật giáo không đủ thành.

Này bèn định cao thấp của đạo Phật ép Sa-môn bái phục, bái phục có đồng lễ thường chưa phải là nhân xuất tục thấp cao. Tình vật ngã đâu thể nói là nhiệm mầu của vô vi. Bệ hạ đạo phong xiển dương, giáo lý nhà Phật mở bày, thường đến trai kỵ đều khiến cầu phước. Cầu phước thì một là y kinh giáo, hai là đâu riêng sai trái. Bệ hạ là thần tôn tạo hóa, cha mẹ là xưng từ của con. Bệ hạ do trọng chí cực vẫn dừng nghi bái kính, chỗ sinh đã nói là nhân thần đâu được cong thẳng tình lễ, bỏ tôn đến ái, lìa trọng trái kinh, duyên tình vẫn còn không thông, y cứ giáo như là hành dụng. Bệ hạ thống lãnh đạo thiên quang, thuận vật lưu hình, hình vật còn không cho trái, tịnh giáo đâu nên sửa đổi. Xin bệ hạ nhân chí trời người thuận tâm muôn vật, dừng nghi mới bái phục, tuân theo cao thấp xưa, ngõ hầu ánh sáng vàng chiếu soi phía Đông không xen tạp cái buồn trần tục, khí tím sáng trời Tây không lo quý của vật ngã, tức đại đạo không mê muội mà được thạnh ở minh thời, phước nghiệp hằng trong sáng ngõ hầu lại bày ở ngày thánh. Kính lời.

TĂNG ĐẠO TUYÊN CHÙA TÂY MINH DÂNG LÊN VINH QUỐC PHU NHÂN HỌ DƯƠNG XIN NÓI VỀ VIỆC LẠY

Tăng Đạo Tuyên đồng tâu. Trộm nghe, nối thạnh pháp trụ hẳn quy về bậc minh triết, tôn sùng hộ chân thuyên bởi giúp kính vọng. Cúi xin phu nhân đời trước huân tu mở phước vô biên, sớm nêu tín tuệ dựng nhân không hư hoại, còn như oai nghi Phật giáo, cách thức pháp môn, thật mong đặc biệt rủ ân giúp đỡ không để bị lãng quên.

Từ sắc chỉ Tông đồ phải cách triều bái lạy, thật đáng ý phó chúc, là sâu tình gánh vác. Nhưng đối cha mẹ vẫn khiến quỳ lạy, lòng riêng luống vừa ý mà với Phật dạy thì rất trái. Nếu không sớm có bày tâu, sợ rằng đồng với pháp tục. Tăng đồng trội hơn tất cả đâu dám mở bày, tình dụng hoảng hốt liền nói kệ này. Cúi xin lòng từ che chở, đặc biệt tâu lên vua, nhờ đó ân sáng càng sâu phước mừng, không xiết ý khẩn thiết, kính cẩn tâu lên để nghe, bày ưu lo sâu, chỉ biết dứt sợ hãi. Kính tâu.

TĂNG OAI TÚ... Ở CHÙA ĐẠI TRANG NGHIÊM V.V... DÂNG BIỂU XIN (Một bài)

Kính chép! Kinh Phật dạy Sa-môn xuất gia không nên quỳ lạy mẹ cha, vì có tổn không ích như sau:

Kinh Phạm Võng nói: Người xuất gia không, lễ bái vua chúa, cha mẹ.

Luận Thuận Chánh Lý nói: "Quốc quân không cầu Tỳ-kheo lễ bái".

Giáo lý nhiệm mầu đến Đông độ hơn sáu trăm năm, Thượng đại Hoàng Vương đều y kinh kính ngưỡng. Đến thời Thánh đế tôn phụng thật giáo càng thạnh, cho nên được nêu tướng chùa trông Tinh Lô vòi vọi, người biết mến thiện, nhà hiểu nghĩ lành, Tăng đồng thêm ở sinh linh đâu quên trung hiếu. Minh chiếu giáng xuống cả nước đều tuân theo, sợ bút ngay quan sử chép trái lời Phật dạy, muôn đời sau tạp nhạp dơ uế hoàng phong.

Tăng Oai Tú v.v... nói: Trộm nghe chân tục khác chốn, cửa dâu cắt luyến hữu sinh. U hiển khác y phục, áo ruộng không lạy dụng đầu, lý vốn vượt tình đạo vẫn khác vật. Huống chi đưa hình giới luật, dung nghĩ bốn cầu, đáp ơn không dùng hình hài có ra dường hẹn nơi phước lành, mànay nghi không sửa đổi Thích lạy hẳn giống Nho, đối với Tăng có lỗi vượt giới, đối với cha có lụy tổn phước. Nỗi lo thần con dám không hết lời. Cúi xin bệ hạ giúp chấn xa dâng nêu khen ngợi u khái. Đã tôn sùng ở nước mình, cũng xinchính đáng đối với nhà, đủ khiến bỏ tục không nghi tập tục, xuất gia dứt kính người nhà, hộ pháp ở đây phước may đâu gì ở trước. Tự nhiên giáo có cái đáng nêu tỏ, người biết tự gắng gổ, không xiết thành khẩn, kính cẩn dâng biểu để tâu, làm nhơ nhuốc màn cờ của vua, cúi thêm chiến vượt.

SA-MÔN TĨNH MẠI..., DỊCH KINH Ở CHÙA NGỌC HOA CUNG. DÂNG BIỂU NÓI: "LẠY CHA MẸ CÓ TỔN".

Sa-môn Tĩnh Mại nói: Trộm nghe ban cho bày tôi thì bảo trước, tôn cha cong thể ở con, hình chương sửa đổi, giới sĩ không lạy vua cha. Xin cho Tăng đồng nêu lời nối dòng Phật nghĩa tôn là đồng. Cho nên ái kính giáng cao bèn gãy tiết ở khí kia hình dung y phục khác tục, hình bày sửa đổi chẳng khác. Cho đến khiến Sa-môn cũng không cong chân nơi vua cha, cùng tột từ trong ngoài dẫu lại nối liền hình biến mà tâm kính vua cha dám có lười biếng ư? Còn tôi phục vua chết, lấy ngày đổi tháng, hình tuy theo xưa mà tâm tán ba năm, phải biết chặn kín tán âm hẹn ở

ba năm, theo nơi tâm kính đến kia vẫn còn. Nếu khiến lạy trở lại cha mẹ thì đạo tục đều trái giới của Phật, chìm xuống hầm luân hồi không dứt. Huống chi động trời đất, cảm quỷ thần há ở quỳ lạy ư? Nhưng lợi nhà ông biết thì không ai chẳng làm, sợ nhân nay sửa đổi muôn cõi chung một lụy, thì phụ Thánh thượng ban ân lớn tập pháp, nhiều kiếp nát thân do tấc trách. Cúi xin bệ hạ rộng mở đường hiến thư, thông nhận lời quê mùa, khinh trần nghe xét, xin thêm chiến hạn, kính lời.

TĂNG SÙNG BẠT CHÙA THIỀN CƯ TẠI CHÂU TƯƠNG DÂNG BIỂU XIN CHA MẸ CŨNG NHƯ VUA KHÔNG ĐỂ NGƯỜI XUẤT GIA BÁI LẠY

Bạt tôi nghe đạo tục hiến chương hình tâm khác nhau. Hình thì không lạy vua cha để hiển nghi xuất xứ, tâm thì kính thông ba đại để tôn trọng sự nuôi dưỡng. Gần đây phụng ân sắc lịnh Tăng không lạy vua chúa, mà nay lạy cha mẹ, đây thì thạnh lễ ái kính mà thiếu lời dạy của kinh điển. Tăng bảo còn mà thấy khinh, quy giới mất mà ẩn dài, đâu có vua mở dấu vết cao thượng không bằng lời Phật, thần quan lấy nghi bái lạy thầm trái với Thánh chỉ, có thể cho là buông con cầu phước nhận lạy vẫn được lỗi kia. Một phen giáo hóa có ra hai lý mâu thuẫn, cúi xin thỉnh theo lễ của kính vua để thông nghi thần hạ, khinh nhơ màng cờ của vua càng thêm tổn. Kính lời.

Luận rằng: Ty Oai Vệ bày đồng trạng, lời thì tốt đẹp, lý kia thế nào? Đều không chỉ thật mê muội đối với đại nghĩa, nếu cho cong gối là cung kính không ngộ họa mất môi. Nội kinh xưng Sa-môn, lạy tục tổn công đức và thọ mạng của vua cha, mà ép khiến cúi phục, Hồ nói là bất nhẫn, khinh phát khu cơ ư? Tuy đều nói chí kia cũng đâu tổn thương quá nhiều, mà oai vệ đồng trạng thông tắc gồm cả hai. Tuy bày đồng trạng một đường hằng chấp, hoặc chê bai. Hai bàn hơn kém. Tôi cho là sở thì mất. Mà Tề cũng chưa là được. Nhưng gồm cả hai thì là da mỏng, hằn gchấp chính là mù tối, cho nên thăng Oai Vệ đến khoa ất, hư ty liệt nơi cảnh đệ. Còn Phạm Công chất vấn thì ý chỉ đầy đủ văn hoa. Sủng Tây chấp tấu lời y cứ lý nêu, đã là người ngõ hầu cung kính đây là dối gọi theo, cho nên được trời tan dưới đầm. Năm thạnh tốt đẹp của cao thượng, nơi từ dục, lại rộng nhân bái phục, thời pháp lữ danh Tăng đều là người già nghiệm rằng: "Kêu chí riêng trái giáo thế nào? Vì thế đủ hiển văn kinh rộng bày biểu tấu, chẳng phải sớm nương tối liền kể sân cửa. Nhưng cửa trời xa tít bày thỉnh chẳng do đâu vâng chiếu, cầu tông khó làm lấy bỏ. Kinh Dịch nói: "Dê đực húc rào gãy sừng kia", mới đó

bạn Thích đâu không như vậy?

Khen rằng: Dòng Oai Vệ bàn tuy thông tắc, do người bỏ đạo thành chưa được. Thấp hèn đồng trạng ép Thích theo Nho, lạy tổn thương vua cha, đâu nói rằng: "Trung mưu", chất nghị kết thúc tốt đẹp, mở bày giản yếu, trời người hòa hợp, đóng ấn chiếu chỉ cung kính vâng lệnh sáng suốt, vỗ tay lại ca ngó ngoái nhìn sách mầu có lụy thế nào? Pháp tục bàn bạc đều bày tâu biểu, mở xem đơn lạ chưa quanh co đạo vàng, tới lui chỉ có lỗi, nèn bỏ chẳng lý do, kính mong thần Vũ sớ đây pháp lưu.

NÓI CHUNG VỀ SA-MÔN KHÔNG NÊN LẠY NGƯỜI THẾ TỤC

Thích Ngạn Tông nói rằng: Sa-môn không lạy thế tục là sao? Bởi xuất xứ khác dòng, trong ngoài riêng thần. Ở tông thể tột dứt lo quên thân, không vội vàng để cầu sống, không nhỏ mọn để thuận hóa. Tình vượt trong cõi dấu gởi trong nước, ở đây sở dĩ chống đối lễ sớm ở trái ân thiên thuộc, hóa vật không thể dời đổi hóa kia, đời đời không để lụy đời kia, xa hẳn vua cha đây là ý chỉ lớn của kia. Nếu suy việc người xét các lời dạy thì là chỗ không nên lạy, có mười trường hợp. Còn trông thu núi sông giao tế đất trời, muốn kia lợi vật vua tột sự chí thành.

Nay trụ trì Tam bảo quy giới rộng lợi ích, nơi sáng chỗ tối hóa có thể nói lược, đây là dòng thần kỳ, vì bày xét quyết đều chiếu cung kính, khi cắt lúc vật dâng đồ chín là không thần. Nay nhất thể Tam bảo, kính Tăng như Phật, đầy đủ trong nội điển không đợi nói nhiều, đây xét dòng chính. Vua Kỷ Tống sau hai vua, vua là chỗ trọng kính là khách nước, nay Tăng là dòng giống Pháp vương, vua nhận lời phó chúc của Phật, khuyến khích bốn bộ tiến tu ba hạnh, đây là dòng quốc tân. Trọng đạo tôn sư thì bỏ quan, dẫu yết kiến Thiên tử mười mặt Bắc. Nay Sa-môn truyền chí kính của Phật, dẫn dắt phàm vật nghiêm sư kính học, kia ở đây ư? Đây là dòng Nho hành.

Sách Lễ nói: Giới là không lạy, là kia mất ở dung tiết, cho nên Chu khép kín bỏ hẳn Hán Văn. Nay Sa-môn thân mặc giáp nhẫn, giết chết quân ái dục, tay nắm dao tuệ, chí đẩy tâm mê hoặc, đây là dòng giới mạo, thay thế cỏ phệ khách tôn trước trùm, mẹ anh bái lạy do lễ thành người, nay Sa-môn lấy đại pháp làm trách nhiệm của mình cứu chúng sinh ở đường tro than, kính tuân di chúc, nối giữ dòng giống ruột thịt, đây là bạn dòng truyền trọng. Nghiêu xưng thì là trời không khuất cao dĩnh dương, Vũ tột tốt đẹp. Trọn toàn trong sạch của cô trúc, nay Sa-môn cao thượng sự kia không thờ vương hầu. Trong xác ve ồn ào tự có ra ngoài cõi nước, đây là dòng người vượt trội. Phạm năm hình quan,

ba cây, bị đánh gậy, đánh bằng roi, bị trói vàng thiết, không trách kia đủ lễ. Nay Sa-môn cắt lông tóc, tuyệt nối dòng dõi, hủy hình thể, đổi y phục, đây là hạng thậm hình.

Lại chiếu chỉ khiến tuy nhỏ mà nương trời thì quý. Sinh mạng dẫu hèn bẩm thọ mạng nên là tôn quý, huống chi đức động u minh, hóa thấm nhuần quỷ rồng, làm yên sóng khổ của trời người, làm trong lửa phần của phẩm thứ, công đã rộng ân cũng sâu, đâu khiến hạng tuyệt trần lạy vua cho đến. Hàng nhàn rỗi tiêu đồng danh giáo mà thôi. Tôi từ nhỏ đã đam mê việc này, lớn rất tìm tòi, lượn lặt sắp bày ở bài xanh, biên chép cỏ thơm trước ở nơi hàn giản. Trọng để cảm luân, sáng nơi mặt trời Phật, tột bó đuốc để khởi lời ngõ hầu thường ở tương lai truyền việc tốt.

Lại xưa nay sách luận đều nói là không kính, y cứ một chữ này ngu tôi mê trộm. Vì sao? Vì kính chính là thông tâm, cong lễ gọi là không phải chẳng kính, lạy chỉ thân cong, Chu Trần nghi chín bái. Vả lại vua cha tôn nghiêm tâm kính chẳng cho thì không được. Pháp luật tôn sùng quý trọng thân lạy có sai trái không kinh, dùng lạy thay kính, dung tướng làm đủ, cho nên sách kia nói: "Không lạy là văn". Tuệ Viễn có nói: "Đầm hang đâu đợi sương móc sớm ư?". Bởi tự bày võng cực kia, soạn sách này cũng do vậy, hiểu soi thông hiền, không chê bai.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP QUYỂN 25

Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ ba Tùy Dương Đế hạ luật lịnh cách thức, lịnh rằng: Chư Tăng, đạo sĩ v.v... có chỗ khải thỉnh đều trước phải chí kính rồi mới bày lý do. Dẫu có lịnh này, Tăng cuối cùng không thực hành. Khi Sa-môn Thích Ngạn Tông bất nhẫn với việc ấy, bèn soạn "Luận Phước Điền" để chống lại, ý ở lời tụng, người vô tội nghe để tự răn dè.

Vua thấy các Sa-môn đều không chí kính, đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm bèn đến Đại Trương Giao Nam Tây Kinh văn vật hai tông sớm thấy Tăng đồng y theo xưa không lạy, bèn hạ sác chỉ rằng: "Điều lịnh ban hành đã lâu vì sao chư Tăng không chí kính". Bấy giờ Pháp sư Minh Thiệm thưa rằng:

- Bệ hạ mở mang giữ gìn Tam bảo phải thuận theo lời Phật dạy trong kinh, không khiến lạy thế tục cho nên không dám trái lời dạy.

Lại hỏi: Nếu không bái lạy thì thời Tống Vũ sao lại chí kính?

Thưa rằng: Tống Võ là vua bạo ngược, chính sách nghiêng lệch, không kính thì sẽ bị giết.

Bệ hạ khác với Tống Võ, không nên hạ lịnh bái lạy.

Lại hỏi: Chỉ có lạy mà chúng Tăng chống lại như vậy.

Tăng nói: Bệ hạ quyết khiến Tăng lạy thì sẽ cõi pháp phục mặc áo thế tục, lúc đó lạy không trể.

Vua im lặng không nói gì rồi thôi. Sáng mai lập bày pháp cúng tế đại trai đều không thuật lại. Sau nói với quần thần:

Trẫm cho là trong Tăng không có người, hôm qua ở Nam giao đối đáp cũng có người.

Vậy sau đến cuối quyết không bái lạy. Kia nam nữ khăn vàng ban đầu nghe lịnh lạy hợp một chúng lý lạy liên tục không thôi, vua cũng không mở miệng hỏi gì.

Người bàn lạy, nói Sa-môn nên bái lạy. Xưa Hoàng Giác ngự cõi nước còn mở nguồn tin hủy, đâu chỉ có tượng mạt không chảy rộng lời bàn ước. Khoảnh khắc dùng biển pháp rộng lớn, loại nhóm khó phân có dơ uế có đạo nhiệm mầu. Không còn cách nào khác ngoài tâu vua cho đến nỗi khiến kẻ câu văn bỏ đạo so sánh theo người mà nói, chưa nói rằng thông phương xướng lớn. Sở dĩ tôi khảo xét cho nên thật tùy mà búng phủi, ngõ hầu tôn sùng Phật quân tử hoặc hãy xem rõ.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 26

BÀI TỰA THIÊN THỨ SÁU: TỪ TẾ

Phàm đạo từ tề mãi mãi chiêm ngưỡng; phương hậu mạng tôn trọng mãi mãi. Vì thế loài lúc nhúc, loài kêu hót thì thầm (loài chim chóc côn trùng) đâu không trọng thân, thương mạng, ưa sống, ghét chết, tức ngay nơi sự có thể thấy đâu đợi lời nói ư? Nhưng có tánh có liên quan đến sự mê mờ sáng suốt, rõ ràng gồm tham muốn.

Người sáng suốt lấy sự tha thứ làm dụ không não hại loài hàm linh. Kẻ mê mờ lấy việc lợi mình làm bổn hoài, không thương xót mạng sống chúng sinh. Vì thế có thể an nhẫn khổ cấm, phóng đãng tham si. Cho việc giết hại làm thanh thế, cho việc lợi ích là công sức. Đây là biết chôn sống hơn sáu mươi vạn, cuối cùng phục kiếm ở nước Tần. Cổ tiệc phương trượng là thường, hình phạt giết hại ở đô thị đến như họa khởi ương đến mới hối lỗi xưa, luống mong trở lại, không hề được gì. Nhưng đạo Phật giáo hóa vốn lấy việc không giết hại làm đầu. Do đạo này chuyên cứu giúp chúng sinh, nên lòng từ là tâm của Phật, lòng từ là nhà của Phật, lòng từ là căn lành, sức tùy nghĩa mà hiện. Có tâm từ đức, thông minh khởi lự mà sinh lên tầng trời cõi Sắc, huống gì từ định sâu xa thù thắng, binh ma không thể xâm phạm, từ đức cảm ứng rắn cọp được thuần hóa. Đời mạt pháp môn học sư tâm rất nhiều, không suy nghĩ sắp y nhẫn nhục, hiện tướng phước điền. Buông tình tham ăn, dùng rượu thịt làm thân là trước tiên. Ăn uống khác với thế tục, bước đi đồng với hiền Thánh. Kinh nói rõ ràng không được xứng Phật là Thầy. Bị chê bai xấu xa, diệt pháp do đây. Huống chi lại mặc áo tơ tằm ăn thịt, nghe lời răn dạy khắc khe của Trầm Hầu, nấu rượu là người giết mổ thấy nghiêm trừng của Lương Đế, xem lời khuyên kia, gồm sự chí tiết ân cần, đủ khiến cho tâm hoảng thân run, khởi lâm lý có thể suy nghĩ. Vì thế bậc Thượng sĩ nghe đó đủ rơi lệ không thôi, kẻ hạ ngu rõ đây đều giương kích đâm vào gió. Hơn nữa, sinh tử dời đổi không sớm

thì muộn, tùy nghiệp chịu báo, trầm luân không cùng. Không nghĩ việc cực nhọc của hình thần mà chỉ coi trọng sự khoái lạc của miệng bụng. Cuối cùng cũng tan hoại ở đại địa, chỗ nào giúp cho tinh linh ư? Do đó, kẻ chí nhân thương xót thường bi cảm đối với cuồng sinh, bậc Đại sĩ khởi lời nói bùi ngùi oan hồn nơi phiền não. Một mai khổ đến làm sao trốn tránh và trách cứ được. Đã chưa lập nơi chánh tụ sao lại rơi vào ba đường ác. Chưa lên được Thập địa mà có bổn hoài nơi năm chỗ ghê sợ. Suy xét từ sự hoại, kẻ trí thức nên suy nghĩ đó.

THIÊN THỨ SÁU: TỪ TẾ (Phần 1)

Luận cứu cánh từ bi, Tề Tâm Hưu Văn.
Dữ Hà dân thư luận chỉ sát, Lương Chu Ngung.
Chiếu dứt sát bặt tông miếu ly sinh, Lương Võ Đế và biểu thỉnh
Giới sát gia huấn - Bắc Tề, Nhan Chi Thôi.
Văn dứt rượu thịt, Lương Võ Đế.

LUẬN CỨU CÁNH TỪ BI, THẨM HƯU VĂN

Giáo nghĩa của đạo Phật vốn là từ bi. Cốt yếu của từ bi lấy sự sống làm chính. Tha thứ do tâm, dùng thân khuyên vật, muốn cho hoài bão thức hoài tri, bọn thích sống sợ chết đều quyết nghi không được đánh mất mà người đời mê mờ đã lâu, chìm đắm lầm hoặc khó đổi. Một mai sửa đổi thì nghi quái khó khởi. Thiết giáo lập phương thường do dần dần đến. Lại do tình ham muốn đã sâu, cam vị đã nhiều. Sự tham muốn đã sâu nơi tình khó sửa đổi nhanh được. Vì thế khai lập ba món tịnh để nêu quyền đạo (đạo phương tiện), đến khi nhập Niết-bàn rồi mới lập lời nói.

Ăn thịt, mặc áo tơ tằm vì phương chưa khác. Hại mạng chết yểu sự đồng một lý, đau không thể chịu nỗi. Treo trên bếp để lên thớt nghiệp há riêng nặng, mà bỏ lấy tình khác, khai ức điển khác, xét sóng tìm nguồn bởi có chỗ chưa đạt. Người bắt cá cho con cá vị, ăn thịt cùng có duyên kia. Gai kéo thành tơ, áo tơ tằm cùng chia phần kia. Nghĩa nhờ ở tay chưa khác, rõ thông bít không phân biệt, hỏi lý tìm tông chưa có sự thích hợp.

Ngoại điển nói: Nhà năm mẫu, trồng tằm, thì sáu mươi tuổi có thể dùng áo lụa. Gà, heo, chó, heo nái chớ mất thời kia, thì bảy mươi tuổi mới được ăn thịt. Nhưng năm mươi chín tuổi trở xuống, ăn uống đạm bạc. Khinh mãn ở thân, sự đã khó đổi. Vật ngon nơi miệng lại không dễ quên. Phong mà nói không có hơn kém. Gai quả rau sự đồng nghĩa đồng, nhương hàn thật phúc không hề có khác. Chỉ chung tơ lụa sẽ có đường khác, xin thử nói xem. Thánh đạo sâu xa không suy nghĩ thì không hợp được, lòng nhân ái cứu giúp chúng sinh, lý không riêng mất. Cứu thô bỏ thậm giáo nghĩa gấp nơi đây, mặc áo lụa ăn thịt chẳng được.

Đến sau nói kinh điển, hoằng tuyên diệu huấn. Ý chỉ cấm ăn thịt hiện nơi lời nói, nghĩa dứt rất dễ biết. Nhưng ban đầu cấm tịnh còn chung tằm cách, bởi đây là cách mở rộng lời nói đều có thứ lớp. Dụ như hai nghĩa xiển-đề đều ở trong một kinh, hai thuyết tham khác nhau,

đều tùy giáo mà lập. Nếu trước chấp, sau chê thì xiển-đề không vào con đường lành, nếu cấm tịnh cho tằm thì hàm sinh chẳng trông mong ra khơi.

Khó ấy, lại do xiển-đề nhập đạo nghe ở thuyết sau. Tằm cách cấm không hề có lý đại khái. Đại thánh mở rộng ý chỉ, nghĩa há luống vậy hay sao? Phàm thường trụ ý sâu kín, truyền dịch cách trở. Nê Hoàn (kinh Niết-bàn) ban đầu độ đều cho là đã cùng tột, trung xuất Hà Tây mới biết chưa cùng, Quan Trung vẫn nói, nên nghĩa càng hay xem xét điều chương lý không đầy đủ.

Lại xét kinh Niết-bàn, trước nói ba bộ chúng của vua A-xà-thế, Đại Ca-diếp, A-nan không đến. Hai vị: A-xà-thế và A-nan đều đến, chỉ không có Đại Ca-diếp, Ca-diếp là đại đệ tử của Phật, chẳng được không đến nhưng kinh không có văn, lý không đầy đủ. Xưa, kinh Niết-bàn chưa có, trong mười mấy năm nhà đất danh Tăng có những vị ăn uống đạm bạc. Há chẳng phải là nương tâm noi theo tự cho lý là hợp ư? Vả lại, một triều cắt lụa có thể dùng trọn đời. Nấu nướng súc vật đãi tiệc hằng giờ cho đến cả ngày. Nhưng một năm tám tằm đã kinh sợ. Cả triều không ăn thịt mà mọi nhà kinh sợ than thở. Cứu nguy ách, giúp đau khổ là chỗ gấp rút, lời nói thứ lớp nghĩa thật ở đây.

Ngoại Thánh lại nói rằng: Một người không cày ruộng chắc chắn sẽ có sự đói khát. Vì thế, một người cấy lúa thì sẽ hưởng được sự no ấm. Vườn dâu, sông cá tuy chẳng phải việc của mình. Nướng thịt, cắt lụa đều chịu phần kia. Từ khi kinh Niết-bàn truyền sang Đông Độ, ba món nhục thực bỏ duyên, tuân theo lời dạy, tiết tháo càng xa. Mạng ngắn có hết, đạm bạc (chay trường) không mỏi mệt. Mùa thu ăn cầm thú, mùa hạ thì ăn trứng, xem như mây bay, loài có lông trên núi, những vật dưới biển xem đồng như chuột thối, mà y phục lụa là không hề hoài nghi. Đây bởi lo cùng tột ở văn tự, nghĩ mê mờ đối với hoằng chỉ (ý chỉ). Khách thông phương tin chắc, xem xét lý này một khi ngộ thì mê mờ tự hết, dứt nhân mặc áo tơ tằm, ăn thịt giữ việc ăn đạm bạc (ăn rau) mặc áo gai. Được như vậy thì loài hàm linh mới mong được khỏi khổ.

THƯ GỬI CHO HÀ DẬN NÓI VỀ CẤM SÁT SINH - LƯƠNG CHU NGUNG

Trong niên hiệu Phổ Thông, Hà Dận rất xa xỉ đối với mùi vị, thức ăn phải ở phương trượng. Sau dần dần muốn nhiều hơn, khiến môn nhân bàn luận. Lúc đó, Học sĩ Chung Ngoan nói: Con giòi đến chỗ thịt luộc thì bỗng co duỗi. Con cua đến chỗ nồi nước sôi thì cử động càng nhiều.

Người có lòng nhân dùng ý sâu xa, tâm thương xót. Vả lại, không khốn khổ không cực nhọc thì không bằng người chân lấm tay bùn, không thơm không hôi cùng ngói gạch sao thừa nhận.

Có Chu Ngung ở Nhữ Nam gửi thư cho Hà Dận rằng: Trượng nhân do chưa cùng tột hạnh cao xa, lầm hoặc ở nơi không hoàn toàn cơm rau đạm bạc, chặt đứt để trên thớt, lưới võng bị sách, kia đến thật xa, ai dám can nghị. Xem bậc Thánh lập ra cỗ tiệc ngon, bèn lại cho là phẩm tiết. Bởi ăn lòng uống máu cùng sinh dân cộng thỉ, kẻ sĩ há không dùng sự tha thứ làm bổn hoài, đây là đều nên yên tĩnh, chớ lăng hại lẫn nhau.

Huống chi lại biến đổi, việc lớn ấy chẳng gì hơn tử sinh. Chỗ quan của sinh (sự sống) không gì hơn tánh mạng. Tánh mạng đối với sự sống rất cần thiết, thức ăn ngon đối với ta có thể lâu dài, mà trọn đời vì giúp thân mà phải lo mãi.

Kia oán ghét đâu thể tự nêu bày, nghiệp ta đã lâu, than ôi đáng sợ.

Vả lại, khư khư giữ trứng, nguy mỏng dễ căng thẳng, kia yếu đuối đáng thương xót. Thấy loài bay thì mổ, loài dưới nước thì uống khiến cho người thương xót. Huống chi cam tâm làm cho chúng lìa đàn lại thêm túng ý ăn nuốt. Cho đến dã mục thành đàn, nhàn rỗi giam cầm. Lường thịt cân lông để chờ bóc da. Như thổ che địa, đều gọi thường lý đáng để xót thương, sự đâu một đường.

Nếu nói rằng ba đời lý không thật, thì may mắn ư? Rất vui mừng nếu khiến đạo này quả như vậy mà thọ hình chưa dứt. Một đến một đi sinh tử sự thường. Tạp báo như nhà, trời người như khách. Đến khách ngày ít, ở nhà ngày nhiều. Ta tu tín nghiệp, chưa đủ lâu dài thì đáng thương tâm, hành cũng tự dứt. Trượng phu đối với loài máu huyết, tuy không chính thân giết hại, còn con le bay, cá chép chìm, chẳng thể không giữ bị cửa đồ tể. Tài sản để lại một, trải qua tay trộm, còn là chỗ bỏ của người liêm sỉ. Tánh sinh chỉ có một, khởi loan đao còn là chỗ nhẫn của tâm từ. Sô ngu tuy đói, cỏ không tự chết thì không ăn, nghe kia gió há không để cho người nhiều hổ thẹn.

Dận hoạch thư nạp đó. Bèn dứt mùi vị máu tanh. Chú thích trăm luận, mười hai môn luận, lưu hành ở thế tục.

HẠ CHIẾU CHỈ DỨT VIỆC SÁT SINH, KHÔNG GIẾT SÚC VẬT ĐỂ CÚNG TÔNG MIẾU, LƯƠNG VÕ ĐẾ

Lương Cao Tổ Võ Hoàng đế trị vì thiên hạ được mười hai năm, hạ chiếu không được giết súc vật để cúng tông miếu, tu hành giới cấm của

Phật ăn uống đạm bạc dứt sự thamdục. Chùa định lâm thượng Sa-môn Tăng Hựu, ấp Long Hoa, Chánh Bá Siêu độ đồng thượng khải rằng: Chốn kinh kỳ đã là đất phước, người ăn thức ăn tươi lại còn giăng lưới đặt nơm, kẻ đuổi ngựa lại còn săn chim rượt chó, không phải là ý chỉ tốt đẹp để xưng là Hoàng Triều.

Yêu cầu hai nơi Đơn Dương và Lang Da, dưới đất hoặc trên đất đều không được đi săn vào mùa thu. Ra sắc lệnh cho quan Thượng thư rõ đó, bảo cho Nghị Lang Giang Huống thực hành. Đạo bậc Thánh xem bá tánh như tâm mình. Giáo hóa người có lòng nhân từ đem thân mình ra làm để giúp vật. Hoàng Đức ưa sống hòa hợp với thiên hạ, ngày tháng dần dần sẽ tự nhiên sửa đổi được phong tục, một sớm ức chế được thì không sợ dân ngu. Hơn nữa, người đi săn trên núi kham chịu vượt non, kẻ săn dưới nước chẳng ngại sóng gió. Giang Ninh có cấm liền đến Ngưu chử, Duyên Lăng không được thì đến Dương Thứ. Nơi sinh vật sống thì khác mà số sát sinh thì đồng. Không có phép tắc phòng giữ nuôi dưỡng chẳng có thuật lợi ích chúng sinh. Đều khiến Sử Vương kể lại, kinh đô làng ấp đông đúc, bốn phương đã thấy, dân lần lần đến sẽ giúp cho muôn nước. Nay rét mướt, nắng mưa người còn không oán, huống chi bỏ tục nhập chân, do đó đáng vui, cho rằng đoạn dứt là đúng.

Quan Tả Thừa Tạ Ki Khanh nói rằng: Lễ không sát sinh thật như chỗ bàn của Vương Thuật. Song bậc Thánh cho rằng giáo pháp cũng dời đổi với thế tục, tức đối với sự tích sợ không nên dứt riêng. Nếu hai quận riêng có cấm này, giống như ngoại đạo cho rằng giới không được sát sinh đều có cõi nước, do lúc đó cung kính đồng như lời bàn của Nghị Lang Giang Huống. Từ Thượng Thư Thần, Tả Bộc Xạ Thần Ngang Linh Oánh trở lên đều đồng Giang Huống.

Vua sai Chu Xá bắt bẻ Huống rằng: Kinh Lễ nói rằng: Người quân tử còn xa nhà bếp, loài có máu huyết không cắt thân, thấy kia sống không nở giết, nghe tiếng kêu không nỡ ăn thịt, đó đều là tự mình khởi lòng nhân từ chẳng phải cửa xa, trước mặt ta thì bỏ, sau lưng ta thì bắn. Đối với đây, y theo lời bàn của Vương Thuật bèn dứt bỏ.

Lại ra sắc chỉ các Thái y không được dùng các loài chúng sinh hợp làm thuốc. Các nhà dệt tơ lụa gấm vóc đều dùng hình vị tiên, chim thú. Cho đó là chiếc áo bẩn thỉu, mặc vào sẽ cắt đứt thân thể, trái với lòng nhân từ, khoan dung. Còn như cúng tế trời đất tông miếu nêu bỏ việc giết hại để giúp cho loài hàm thức. Cúng miếu thì dùng sợi miến làm súc vật. Những buổi tiệc lớn trong nước thì dùng các thứ rau bỏ đi các loài chúng sinh. Các tế lễ ở núi ở sông thì nghỉ. Bèn ra sắc chỉ cho quan

Hữu Ti rằng: Gần do thần thật thương dân, không trách không biết, chỗ quý thành tín chẳng tổn thương máu huyết. Nếu có hoạn nước hạn liền quy lỗi cho trời. Không đồng với sinh vật, chỉ bảo biết mà thôi, muốn cho tánh cầu cúng siễm độc làm sư. Núi sông nắng mưa đều trái, nhân dân đều oán. Ngu phu chấp thói quen khó dùng lý sửa đổi, từ nay cầu thỉnh báo đáp có thể như cách thế tục đã dùng. Do thân có lỗi, việc tự y theo trước.

Vị quan ở trước nói: Thần đạo mê mờ cầu xin chẳng phải một. Hoặc trọng cúng chất máu tanh, hoặc hưởng chất uẩn vào. Lập giáo tùy thời quý kia làm lành. Thành thật kia không thay đổi, đâu đến chỗ không thông. Nếu cúng tế không hưởng thì phong tục bốn đời là rõ ràng, đạo thần minh thật có thì đạo ba đời là rộng lớn. Kia nói không đâu chẳng tiếp đãi sự thanh khiết của súc vật cúng tế. Y cứ theo kia nên giữ lòng nhân bỏ việc giết hại, văn cúng tế xuân đời nhà Chu do đây mà có. Nếu có thần minh đức nhổ các thứ kia ra, mà dùng miến làm súc vật cúng tế thì đối với nghĩa không đạt. So sánh đó thì lụa gấm không mâu thuẫn ư?

GIỚI RĂN SÁT SINH, NHAN CHI THÔI

Người quân tử trong Nho giáo xa lìa bếp nấu, thấy kia sống không nỡ giết, nghe tiếng kêu không nỡ ăn thịt. Ông Cao Sài, ông Chiết Tượng chưa biết nội giáo, đều có thể không sát hại. Đây là do sẵn có lòng nhân từ tự nhiên dụng tâm. Loài hàm linh đâu không thương mến thân mạng. Bỏ việc giết hại quyết gắng sức làm. Thấy những người háo sát đến lúc chết quả báo ứng nghiệm, con cháu bị ương họa số kia rất nhiều, không thể chép đủ. Vả lại, cũng có nêu một số trường hợp sau đây:

Đời Lương, có người thường dùng tròng trắng trứng gà hòa để gội đầu, cho rằng làm như vậy tóc sẽ đẹp. Mỗi lần gội như vậy đập chừng hai ba chục trứng. Đến lúc sắp qua đời nghe tiếng kêu “chíp chíp” của mấy ngàn con gà trong tóc.

Ở Giang Lăng, Lưu Thị làm nghề bán lươn, sau sinh một đứa con, đầu thì đầu lươn, từ cổ trở xuống là người.

Vương Khắc làm quan huyện Vĩnh Gia, có người đem tặng một con dê, Vương Khắc mời khách đãi tiệc. Lúc đó, con dê bị sút dây liền chạy đến một người khách, quỳ trước mặt hai tay lạy rồi núp vào áo người đó. Nhưng người khách này cuối cùng không nói một lời nào, vẫn không xin cứu nó. Lát sau, đồ tể giết con dê này rồi thui đốt. Trước mời người khách này dùng, một miếng vào miệng liền thấm vào da rồi khắp

cả thân đau nhức kêu la. Sau đó, kêu la tiếng như dê rồi chết.

Đời Lương, có người làm chức Huyện lịnh xảy ra loạn Lưu Kính Cung, Huyện sở bị đốt, đến ở nhờ chùa dân đem đến tặng một con trâu và rượu làm lễ Huyện lịnh đem trâu buộc vào cây trụ của chùa, dẹp các hình tượng sắp đặt tòa ở giảng đường. Trong lúc tiếp khách, chưa giết con trâu, trâu bị đứt dây chạy đến bên thềm lạy, Huyện lịnh cười to, ra lệnh giết nó. Ăn uống no say, nằm mê dưới thềm. Lúc tỉnh giấc trong thân thể ngứa ngáy, cào gãi nổi dề, do đó thành bệnh, hơn mười năm thì chết.

Dương Tự Đạt, làm chức quan ở quận Tây Dương, gặp lúc Hầu cảnh làm loạn, lại gặp lúc hạn hán mất mùa dân chúng đói khát bèn trộm lúa ngoài ruộng. Tư Đạt sai Bộ Khúc canh giữ. Hễ bắt được một người ăn trộm thì liền chặt cườm tay và giết bằng cách bêu thây hơn mười người. Bộ Khúc sau sinh một đứa con trai, tự nhiên không có tay.

Ở nước Tề, có quan chức Phụng Triều Thỉnh, nhà rất giàu có, ăn chơi xa xỉ. Không phải chính tay mình giết trâu thì ăn không ngon. Đến năm ba mươi tuổi bị bệnh nặng, thường thầy trâu đến, toàn thân như bị dao cắt, kêu la rồi chết.

Ở Giang Lăng, Cao Vĩ theo cha đến nước Tề được mấy năm. Thường đến U Châu, bắt cá trong ao nước cạn. Sau bị bệnh, thường thấy bầy cá đến cắn rỉa thân thể rồi chết.

VĂN DỨT RƯỢU THỊT, LƯƠNG VÕ ĐẾ

Đệ tử Tiêu Diễn kính bạch đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, tam quan các chùa. Phàm khuôn chính Phật pháp là việc của người xuất gia, không phải là chỗ gấp của người tại gia. Kinh giáo cũng nói: Phật pháp giao phó cho Nhân vương, đây là đệ tử chẳng được không nói. Nay các Tăng Ni khai ý cho thọ, chớ sinh nghi ngờ, ôm lòng giận dữ.

Người xuất gia khác với ngoại đạo ở chỗ do tin nhân, tin quả, tin kinh điển. Cái gọi là tin, đây là tin Phật nói kinh rằng: Người gây ra mười điều ác thì sẽ chịu quả báo xấu, người thực hành mười điều lành sẽ hưởng quả báo quả báo lành, đây là đại ý của kinh giáo. Như vậy, nếu người xuất gia còn ham muốn uống rượu, ăn cá ăn thịt, đây là thực hành đồng như ngoại đạo mà lại không bằng ngoại đạo.

Vì sao nói là đồng như ngoại đạo?

Vì ngoại đạo chấp đoạn, chấp thường. Không nhân không quả, không trí, không báo. Nay đệ tử Phật uống rượu ăn thịt, không sợ nhân

tội, không sợ quả khổ, tức đây là không tin nhân không tin quả.

Không thí, không báo thế nào là khác?

- Việc này thấy đồng với ngoại đạo mà có chỗ không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo thế nào?

- Ngoại đạo đều tin thầy. Lời thầy đã nói đúng thì đệ tử nói đúng. Lời thầy cho là sai thì đệ tử cho là sai.

Kinh Niết-bàn nói:

- "Này Ca-diếp! Ta dạy các đệ tử không được ăn tất cả các thứ thịt".

Mà nay người xuất gia còn ăn thịt.

Trong giới luật nói: Uống rượu phạm tội Ba-dật-đề, mà người xuất gia còn uống rượu, không hề nghi ngờ. Việc này trái với lời Phật dạy.

Đây là điều thứ nhất không bằng ngoại đạo.

Tuy ngoại đạo chứa tà, bắt giữ trâu chó. Nhưng khi đã thọ giới rồi về sau quyết không phạm. Nay người xuất gia đã giảng nói rồi mà còn khinh khi hủy phạm.

Đây là điều thứ hai không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo tuy dùng năm nguồn nhiệt đốt thân quăng xuống vực sâu hoặc xô vào lửa, cùng tột các khổ hạnh, cũng chưa chắc ăn thịt chúng sinh. Nay người xuất gia ăn thịt ăn cá.

Đây là điều thứ ba không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo thực hành dị học kia, tuy không đúng lý nhưng đều học phương của thầy không hề che giấu, nay người xuất gia ăn cá ăn thịt. Đối với chỗ thân thì lẫn lộn với họ, đối chỗ sơ thì có ẩn tránh.

Thực hành việc ấy, là điều thứ tư không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo đều tôn chỗ chấp, đều trọng pháp kia. Bèn tự lớn tiếng tuyên bố rằng: Không bằng đạo chân của ta. Đối với các dị nhân không nể nang. Nay người xuất gia hoặc năm tháng đã lâu, hoặc làm chỗ y cứ cho chúng sinh mà ăn cá ăn thịt, tự mình thật gian nan. Hoặc lánh xa đệ tử, hoặc lánh xa bạn học, hoặc tránh người tại gia, hoặc lánh xa chùa quán. Có tâm tà chí, mập mờ che giấu. Nhưng sau mới phạm một lỗi ăn uống.

Thực hành như vậy, là điều thứ năm không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo trực tình thẳng hạnh, có thể nuôi dưỡng đồ chúng xấu ác của mình chớ không thể nuôi dị bộ khác. Nay người xuất gia ăn cá ăn thịt. Hoặc bị đệ tử tại gia nghe thấy, trong không hổ thẹn, lại nói bừa rằng: Phật giáo là pháp vốn giữ nhân xa, trong ngay một ngày chưa

thể dứt hết. Đem tiền mua thịt chó không phải mình tự giết, ở đây cũng không hiềm trách. Người tại gia ngu si nghe theo lời nói của vị Tăng này cho là lời chân thật, liền tin thọ, tự mình làm việc bất thiện tăng thêm các tội.

Đây là điều thứ sáu không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo tuy phi pháp nói là pháp, pháp là phi pháp, nhưng đều tin kinh thư, chết cũng không trái phạm. Nay người xuất gia ăn cá ăn thịt, hoặc nói thịt chẳng phải mình giết được ăn, đem tiền mua thịt cũng không hiềm trách. Nói như vậy nhưng việc không đúng.

Kinh Niết-bàn nói: Tất cả thịt đều không dùng và tự nó chết, tự nó chết còn không dùng huống chi không phải tự nó chết.

Kinh Lăng Nghiêm nói: Vì lợi mà giết chúng sinh và dùng tiền dùng lưới mua thịt, hai nghiệp này đều ác, chết đọa địa ngục Khiếu Hô. Thế nào là dùng tiền tài và lưới để được thịt? Là trên đất liền dùng lượi săn súc vật, dưới nước dùng lưới bắt các loài dưới nước. Đây là dùng lưới để lưới thịt. Như người dùng tiền mua thịt của người đồ tể, đây là dùng tiền mua thịt. Hoặc như người này không dùng tiền mua thịt mà tập ác luật nghi, giết hại chúng sinh, người này chuyên tự cung cấp cho miệng mình, cũng lại có dự tính riêng. Nếu có dự tính, nghĩ đến chuyện ăn thịt đâu không có phần giết hại. Sao được nói là không sát sinh. Đây thật rõ ràng trái với kinh điển.

Đây là điều thứ bảy không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo đồng pháp kia thì hòa hợp khác pháp kia thì khổ trị, khiến thực hành cấm chỉ, đâu không noi theo.

Nay người xuất gia, hoặc làm sư trưởng, hoặc làm quan chùa, tự khai giới uống rượu, ăn cá thịt, không thi hành đúng giáo giới kia. Vì ham muốn phát lời nói này, liền bị chê bai, thầy lúc trước cũng vậy, quan chùa cũng vậy.

Trong tâm nóng bức, im lặng cúi đầu. Mặt đỏ toát mồ hôi không nói được. Thân đã có lỗi lầm thì không thể hàng phục được vật. Như vậy làm sao mà ở, do đó người trong chùa thì trái phạm, người thọ đạo thì buông lung.

Đây là điều thứ tám không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo thọ người thí giống như pháp mình.

Thọ giới ô (quạ), người thọ thí giới ô (quạ). Giới nai người thọ thí giới nai. Giới quạ, người không bao giờ thọ thí giới nai. Giới nai, người không bao giờ thọ thí giới quạ. Nay, người xuất gia nói rằng: Ta sẽ tinh tấn, ta sẽ khổ hạnh. Một thời trái tướng đối với người tại gia ra thì uống

rượu mở các cửa ác, vào thì ăn thịt nhóm các gốc khổ.

Đây là điều thứ chín không bằng ngoại đạo.

Ngoại đạo tuy điên đảo, nhưng không như các việc này.

Người uống rượu như thế nào? Hơi hôi thủy cốc mất giới chánh tánh kia thành khí riêng này, chúng sinh do tội nghiệp nhân duyên thọ ác xúc này.

Đây không phải là đạo pháp chân chánh, cũng chẳng phải là cam lồ thượng vị, vì sao Tăng Ni xuất gia còn sinh tâm ham muốn. Tăng Ni trao năm giới cho người tại gia, dạy họ không uống rượu, không vọng ngữ v.v... Tại sao tự mình uống rượu trái với lời thệ.

Bảy chúng, tám giới quan trai, năm thiên bảy tụ, luật nghi dài ngắn, trong khoa nào nêu ra văn này, các chúng tăng kia sao lại có thể làm. Còn người học luật càng không nên như vậy. Vả lại mở cửa buông lung, nhóm các gốc khổ, nếu người tại gia cam chịu thuốc cuồng loạn này thì người xuất gia phải quở trách bảo họ không nên và dạy rằng: "Ông đã đến ta thọ năm giới, không nên làm những việc như vậy".

Nếu người không thọ giới cũng nên nói với họ rằng: Này đàn việt! Rượu là gốc tội ác, là việc ma, nay đàn việt không nên uống nữa. Vì sao người xuất gia lại tự uống, địa ngục Ni-la-phù-đà thân như cục thịt không có sự hiểu biết, đây là ai? Đều là Tăng Ni xuất gia uống rượu, đâu thể không tin kinh giáo, tự bỏ chánh pháp thực hành tà đạo, nuôi dưỡng các căn ác, tạo khổ địa ngục. Làm những việc như thế há không hổ thẹn còn mặc y Như Lai, thọ của tín thí. Ở trong chùa, ngước nhìn tôn tượng, nếu uống rượu ăn thịt các việc như thế, thì người xuất gia không bằng cư sĩ.

Vì sao? Vì người tại gia tuy uống rượu ăn thịt nhưng không có tội phạm giới.

Đây là điều thứ nhất người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt, riêng có gò uổng hang ổ, nhưng không bao giờ đem những thứ này đến tôn tượng.

Đây là điều thứ hai người xuất gia không bằng người cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt, nhưng không bao giờ khạc nhổ, bài tiết trong chùa.

Đây là điều thứ ba người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu, ăn thịt nhưng không bị chê bai, người xuất gia uống rượu ăn thịt, khiến cho người đời coi thường Phật pháp.

Đây là điều thứ tư người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt, cửa, đường đi, giếng, ông táo

đều có thần. Người xuất gia uống rượu ăn thịt hơi hôi xông lên, tất cả thiện thần đều lánh xa tất cả chúng ma đều ưa thích.

Đây là điều thứ năm người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt nhưng tốn tài sản của chính họ, không hao tổn tài vật của người khác. Người xuất gia uống rượu ăn thịt, tự phá pháp lành, lại phá phước điền của người.

Đây là điều thứ sáu người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt đều là tự sức mình làm. Người xuất gia uống rượu ăn thịt đều là của tín thí.

Đây là điều thứ bảy người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt, đây là việc bình thường không phải là việc lạ. Nếu người xuất gia uống rượu ăn thịt thì chúng ma và ngoại đạo được dịp làm hại.

Đây là điều thứ tám người xuất gia không bằng cư sĩ.

Người tại gia tuy uống rượu ăn thịt như vậy nhưng không mất sự nghiệp ở đời. Người quá đam mê thì không nên uống, người xuất gia uống rượu ăn thịt hoặc nhiều hoặc ít đều dứt mất hạt giống Phật.

Đây là điều thứ chín người xuất gia không bằng cư sĩ.

Lược nêu lý do người xuất gia không bằng ngoại đạo và cư sĩ có chín việc như trên. Muốn nói về lỗi lầm điều chương rất nhiều, có thể tìm xem, ở đây không nói đủ.

Ngày nay, Tăng Ni Đại đức, Tăng Ni nghĩa học, quan chùa phải tự cảnh giác mình và nghiêm tịnh đồ chúng. Nếu các vị biếng nhác không vâng theo lời Phật dạy, cũng giống như nước Lương biên hộ nhất dân. Đệ tử ngày nay ra sức trị chế cũng như không nương theo Phật pháp. Các vị Tăng này phải y theo pháp hỏi kinh sư bao nhiêu tuổi giảng kinh Đại Niết-bàn, pháp luân nối nhau không dứt, còn như nghe thọ động có ngàn kế, nay lại thỉnh Pháp sư Pháp Vân vì các Tăng Ni giảng phẩm Bốn tướng, Bốn trung tiểu phần, các Tăng Ni thường nghe kinh Niết-bàn.

Trong kinh Phật rốt ráo nói dứt bỏ tất cả thịt, cho đến tự nó chết cũng không cho ăn, huống chi không phải tự nó chết.

Các vị Tăng Ni xuất gia gọi là đệ tử Phật, vì sao nay không theo lời Thầy dạy.

Kinh nói: Người ăn thịt dứt mất hạt giống đại từ. Vì sao nói là dứt hạt giống đại từ? Vì nếu người có tâm đại từ đều muốn cho tất cả chúng sinh đồng được an vui, nếu ăn thịt thì tất cả chúng sinh đều oán ghét sẽ không được an vui.

Nếu người ăn thịt sẽ xa lìa pháp Thanh văn. Nếu người ăn thịt sẽ xa lìa pháp Bích-chi-phật, nếu người ăn thịt sẽ xa lìa pháp Bồ-tát. Nếu người ăn thịt sẽ xa lìa đạo Bồ-đề. Nếu người ăn thịt sẽ xa lìa pháp Đại Niết-bàn. Nếu người ăn thịt sẽ không sinh lên sáu tầng trời cõi Dục, huống chi quả Niết-bàn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng pháp bốn thiền. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng pháp bốn không. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng giới. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng định. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tuệ. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tín căn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tấn căn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng niệm căn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng định căn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tuệ căn. Nói đại khái là bị chướng ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Bốn diệu đế. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng mười hai nhân duyên. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng sáu pháp Ba-la-mật. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng bốn thệ nguyện rộng lớn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng bốn món nhiếp pháp. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng bốn vô lượng tâm. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng bốn vô ngại trí. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng ba Tam-muội. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tám giải thoát. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng chín thứ đệ định. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng sáu thần thông. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng một trăm lẻ tám pháp Tam-muội. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng tất cả pháp Tam-muội. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Tam-muội Hải ấn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Tam-muội Kim Cang. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng ngũ nhãn. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng mười Lực. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng bốn vô sở úy. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng mười tám pháp bất cộng. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Nhất thiết chủng trí. Nếu người ăn thịt sẽ bị chướng Vô thượng Bồ-đề. Vì sao? Vì ăn thịt bị chướng tâm Bồ-đề, không có pháp Bồ-đề. Vì ăn thịt bị chướng ngại không thể chứng được quả sơ địa. Do ăn thịt bị chướng ngại không thể chứng được quả Nhị địa, cho đến chướng ngại không thể chứng được quả Thập địa, vì không có pháp Bồ-tát nên không có bốn Vô lượng tâm. Không có bốn vô lượng tâm nên không có tâm đại Từ, đại Bi, do đó nên hạt giống Phật không nối nhau, vì vậy kinh nói:

Người ăn thịt dứt mất hạt giống Phật. Các người xuất gia không thể thực hành đại từ đại bi, rốt ráo hạnh Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Vì sao không thể nhẫn chịu mùi hôi tanh này, tu Thanh văn, Bích-chi-phật đạo. Chim quạ thèm chuột, giòi tửu ưa hôi thối. Do đây suy ra mà biết, sao còn thèm muốn. Còn như chó sói, dã can đều biết

thèm thịt, con người có sự hiểu biết hơn các chúng sinh, gần gũi với đây đồng cam chịu mùi hôi tanh, nên thường có tâm giết hại chúng sinh, đoạn hạt giống đại từ.

Người ăn thịt tự mình thấy thấp hèn.

Các Đại dức Tăng, các Tăng Ni nghĩa học giảng kinh Niết-bàn sao không thể hết lòng, điều này khiến người nghe thọ tâm được ngộ giải.

Lại có hàng người ngu si nói rằng: Ta chỉ ăn cá, thật không ăn thịt. Cũng nên khai thị, ở đây không phân biệt chúng sinh dưới nước hay trên đất liền, đều gọi là thịt. Các người nghe giảng há có thể không xét kỹ thọ trì, đúng như lời nói mà tu hành, nếu người ăn thịt như trước đã nói, đây đều là việc xa chưa phải cần gấp.

Các Đại đức Tăng Ni! Phải biết ăn thịt chúng sinh là hạnh ma. Ăn thịt chúng sinh là chủng tử địa ngục.

Ăn thịt chúng sinh là nhân sợ sệt.

Ăn thịt chúng sinh là nhân đoạn mạng.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự thiêu.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự nấu.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự nướng.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự châm lửa đốt vào các huyệt.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự cắt.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tự lột da.

Ăn thịt chúng sinh là nhân chặt đầu

Ăn thịt chúng sinh là nhân chặt tay.

Ăn thịt chúng sinh là nhân chặt chân.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị mổ bụng

Ăn thịt chúng sinh là nhân mổ lưng.

Ăn thịt chúng sinh là nhân mổ dạ dày.

Ăn thịt chúng sinh là nhân đập nát tủy.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị móc mắt.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị xẻo mũi.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị cắt tai.

Ăn thịt chúng sinh là nhân nghèo cùng.

Ăn thịt chúng sinh là nhân thấp hèn.

Ăn thịt chúng sinh là nhân đói rét.

Ăn thịt chúng sinh là nhân xấu xí.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị điếc.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị mù.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị câm.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị ngọng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị què chân.
Ăn thịt chúng sinh là nhân chân đi khập khểnh.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh u nhọt.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh ngứa ngáy.
Ăn thịt chúng sinh là nhân ghẻ lở.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh hắc lào.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh nổi cục (máu tụ thành cục nổi lên).
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bướu cổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị khập khểnh.
Ăn thịt chúng sinh là nhân có tật nhỏ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị ung thư.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị vết loét nhỏ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh trĩ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị ung nhọt.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gù lưng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh cùi.
Ăn thịt chúng sinh là nhân làm bọ chét.
Ăn thịt chúng sinh là nhân làm rận.
Ăn thịt chúng sinh là nhân làm muỗi.
Ăn thịt chúng sinh là nhân làm con ruồi.
Ăn thịt chúng sinh là nhân gặp trùng độc.
Ăn thịt chúng sinh là nhân gặp thú dữ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh tật gầy ốm.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh sốt rét.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau đầu.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau tim.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị tức ngực.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau lưng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau tay.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau chân.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau tủy.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau đường ruột.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị rút gân.
Ăn thịt chúng sinh là nhân dạ dày bị lật lên.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đứt mạch máu.

Ăn thịt chúng sinh là nhân bị mắc nghẹn.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đau cổ họng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị trúng gió.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị trúng nước.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bốn đại không điều hòa.
Ăn thịt chúng sinh là nhân ngũ tạng không điều hòa.
Ăn thịt chúng sinh là nhân lục phủ không điều hòa.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị điên.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị cuồng.
Ăn thịt chúng sinh cho đến bốn trăm lẻ bốn bệnh, tất cả các nhân khổ như thế.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị nhiệt.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bức não.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị chịu đè ép.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp nạn nước.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp nạn lửa.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp nạn gió.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp trộm.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp cướp.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị gặp giặc.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị roi đánh.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị trượng đánh.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị đánh roi, đánh bằng bàn vả.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị thúc giục, đốc trách.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị mắng nhiếc.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị làm nhục.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị trói.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị buộc.
Ăn thịt chúng sinh là nhân tối tăm.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị che đậy.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị sinh khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị lão khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị bệnh khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân bị tử khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân ghét mà gặp khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân thương mà xa khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân cầu không được khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân năm ấm lừng lẫy khổ.

Ăn thịt chúng sinh là nhân hành khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân hoại khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân khổ khổ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Tưởng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Hắc thằng.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Chúng hợp.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Khiêu hoán.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Đại khiêu hoán.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Nhiệt.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục Đại nhiệt.
Ăn thịt chúng sinh là nhân địa ngục A-tỳ.
Ăn thịt chúng sinh là nhân tám địa ngục lạnh, nóng.

Ăn thịt chúng sinh là nhân tám vạn bốn ngàn địa ngục cách tử cho đến không thể nói không thể nói địa ngục Cách Tử.

Ăn thịt chúng sinh cho đến là nhân của tất cả ngạ quỉ.

Ăn thịt chúng sinh cho đến là nhân của tất cả súc sinh.

Phải biết ngạ quỉ có vô lượng khổ. Phải biết súc sinh có vô lượng khổ. Súc sinh sống tạm chết tạm bị chúng sinh hại. Khi sống có vô lượng sợ hãi. Lúc chết cũng có vô lượng sợ hãi, đây đều là do nhân duyên của nghiệp giết hại phải chịu quả như vậy, nếu muốn nêu đầy đủ quả báo của sự sát sinh thì lần lựa không cùng tận, địa ngục nhiều như cỏ cây cũng không thể chứa hết được. Ở trước đã nói tuy là nhiều đường, nêu tóm lược mà nói. Đồng một quả khổ nhưng trong đó có nhẹ có nặng. Do đó, ngày nay có các quả khổ đều do nghiệp sát sinh não hại chúng sinh. Lược nêu một khía cạnh, nói sơ một ít phần.

Các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các quan tự phải nên suy nghĩ việc lớn này. Nếu ăn thịt cha của chúng sinh thì sẽ bị quả báo là chúng sinh đó sẽ ăn thịt cha của mình. Nếu ăn thịt mẹ của chúng sinh thì sẽ bị quả báo là chúng sinh ăn thịt mẹ của mình. Nếu ăn thịt con của chúng sinh thì sẽ bị quả báo là chúng sinh ăn thịt con mình.

Như vậy oán đối báo thù ăn thịt lẫn nhau, đêm dài nhiều kiếp không có cùng tận.

Như trong kinh nói: Có một người nữ năm trăm đời ăn thịt con của chó sói thì con của chó sói cũng năm trăm đời hại con của người nữ kia.

Lại có người nữ năm trăm đời cắt đứt mạng sống của quỷ, quỷ kia cũng năm trăm đời cắt đứt mạng sống của người nữ kia.

Nhưng trường hợp này đều là kinh nói, chẳng thể không tin. Còn

lại những trường hợp báo oán khác suy ra sẽ biết.

Các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các quan tự! Lại có một việc quan trọng (việc lớn) phải nên tin nhận: Từ vô thỉ cho đến ngày nay đã trải qua sáu đường chịu đủ các quả báo, tất cả thân duyên khắp tất cả chỗ, cho đến đời nay trải qua bao lần sinh tử, thần minh cách chướng, do đây các quyến thuộc không thể biết nhau. Ngày nay chúng sinh hoặc làm cha mẹ, hoặc làm sư trưởng, hoặc làm anh em, hoặc làm chị em, hoặc làm con cháu, hoặc làm bạn bè, nhưng không có đạo nhãn nên không thể phân biệt trở lại ăn thịt lẫn nhau mà không tự biết.

Khi ăn thịt, vật này có tánh linh liền sinh sân giận, trở lại thành oán thù. Những người chí thân trở thành chí oán. Việc như vậy đâu thể không suy nghĩ ư? Chỉ vì tranh miếng ăn ở đầu lưỡi, một chút vị ngon mà thường làm oán thù với người thân kiếp trước. Thật đáng thương tâm khó mà nói được. Cư sĩ tại gia chưa thể thích hợp với đạo, còn người xuất gia học đạo mặc áo Như Lai, tu hạnh Bồ-tát, phải nên suy nghĩ kỹ.

Các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các quan tự! Lại phải suy nghĩ một việc: Nếu ăn thịt chúng sinh thì đó là ác tri thức của tất cả chúng sinh, là kẻ thù của tất cả chúng sinh. Như vậy, kẻ thù đầy khắp sáu đường, nếu muốn tu hành đều bị chướng nạn. Một là lý chướng nạn, hai là sự chướng nạn. Vì sao?

- Lý chướng nạn: Do nhân duyên của nghiệp tự sinh chướng nạn khiến cho người tu hành này ngu si không có trí tuệ, không biết xuất yếu, không có phương tiện. Dù cho có gặp thiện tri thức cũng không thể tin nhận, dù có tin nhận cũng không thể tu hành. Đây là trong lý chướng nạn.

- Sự chướng nạn: Các oán đối này hoặc ở trong ác quỷ, hoặc trong loài trùng độc, hoặc ở trong loàn thần đại lực, hoặc trong loài rồng đại lực. Hoặc ở trong loài ma, hoặc ở trong chư Thiên, các oán đối ở các nơi này đến gây nạn, dù có gặp Thiện tri thức thâm tâm tin nhận muốn tu hành, liền đến khởi nạn, hoặc dẫn vào đường tà, hoặc xúc não khiến tâm loạn, tu giới, định, tuệ tu các công đức thường không thanh tịnh, thường không viên mãn. Đây đều là do oán đối đời trước khởi các chướng nạn. Đây là trong sự chướng nạn.

Những việc như vậy phải suy nghĩ cho kỹ, chỉ do một nhân duyên ăn thịt chúng sinh mà làm cho xa lìa tất cả Phật pháp, có những tai họa như thế. Tham độc cũng như vậy, sân độc cũng như vậy, si độc cũng vậy, đẳng phần của ba món độc đều đồng lỗi hoạn này, cùng nhau suy nghĩ kỹ, tự cảnh giác, khéo suy nghĩ phương tiện.

Đệ tử Tiêu Diễn, lại kính bạch các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các quan tự! Tưởng Đế ở Bắc Sơn còn bỏ việc sát sinh. Nếu không sát sinh cúng tế thì cầu nguyện liền được thượng giáo. Nếu sát sinh cúng tế cầu nguyện thì sẽ không được giáo tưởng. Ngày nay đại chúng đã nghe biết. Đệ tử đã khuyên các miếu cúng tế và bá tánh nếu khi cúng tế nếu có cầu báo đều không nên cúng các loài chúng sinh, phải thành tâm không nên sát hại cúng chay. Tưởng Đế ngày nay hành đạo Bồ-tát, các vị xuất gia vì sao lại ăn thịt chúng sinh, hành hạnh ma. Một hôm, ở Bắc Sơn, Tưởng Đế trai tăng. Do đó, đều yêu cầu dùng cơm rau đạm bạc, chính do U linh đều có thể xem thấy. Nếu thấy dùng cơm rau đạm bạc, Tăng làm cơm chay đến, sợ rằng Tưởng Đế chê bai Phật pháp, chê bai đệ tử. Xin Pháp sư phải thấy ý này.

Đệ tử Tiêu Diễn, lại kính bạch các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các quan tự! Đệ tử Tiêu Diễn đối trước mười phương tất cả tôn pháp, đối trước tất cả Thánh tăng trong mười phương và Tăng Ni hiện tiền mà nêu lên lời thệ nguyện. Ngày nay Tăng chúng khi trở về chùa, mỗi vị đều tự xem xét mình nương theo Phật giáo. Nếu ăn thịt uống rượu không đúng theo pháp thì đệ tử sẽ y theo phép vua mà trị tội. Các vị Tăng Ni nếu đắp y của Như Lai mà không thực hành hạnh Như Lai thì đây là Tăng giả danh không khác với kẻ trộm giới. Thực hành đúng như vậy mới là đệ tử, một người dân biên hộ trong nước. Ngày nay do pháp vua trị tội, sẽ cho quan ngoại ty xem xét nếu có chùa nào tự loạn không đúng pháp, bất luận lớn nhỏ, bất luận môn đồ nhiều ít, đệ tử sẽ khiến cho chùa đánh kiền chùy nhóm họp chúng Tăng xả giới hoàn tục mặc áo người tại gia. Y theo kinh Niết-bàn cho hoàn tục. Các vị kỳ lão nhất, Tăng đồ nhiều hai trường hợp này hỏi trước tiên. Vì sao?

- Trị một không hành tiểu tăng không đủ để sửa đổi trị Tăng vật. Trị một Đại tăng như vậy đủ để kinh sợ thấy nghe, khuyên các vị Đại tăng danh đức không nên có lỗi này, nếu có thì sẽ y theo pháp mà trị, số còn lại kia là tiểu tăng cố tự nói dối. Ngày nay nhóm họp tăng, đây là một việc nhân duyên lớn, chẳng phải chỉ có tất cả chư Phật ở đây, không phải chỉ có tất cả tôn pháp ở đây, chẳng phải chỉ có tất cả Thánh tăng ở đây mà chư Thiên cũng đầy khắp hư không, chư Tiên cũng đầy khắp hư không, Tứ thiên vương hộ đời cũng có mặt nơi đây, Thần Kim Cang Mật Tích, đại biện Thiên Thần, Công Đức Thiên Thần, Vi-đà Thiên Thần, Ca-tỳ-la Vương, Khổng Tước Vương, Phong Đầu Vương, Phú-ni Bạt-đà-la-ca Vương, hai mươi tám Dạ-xoa Thần Vương trong mười phương, tất cả trì chú Thần Vương, Đại hộ hộ sáu phương an quốc,

như vậy có tất cả năng lực đại thần túc, có năng lực đại oai đức, có tất cả Thiện Thần đầy khắp hư không như vậy.

Long vương Ngũ Phương, Long vương Bài Yết, Long vương A-nậu, Long vương Nan-đà, Long vương Bạt-nan-đà, Long vương Y-na-mãn tất cả các vị Bồ-tát, Long Vương như vậy cũng đầy khắp nơi đây.

Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà Vương, A-tu-la Vương, Ca-lầu-la Vương, Khẩn-na-la Vương, Ma-hầu-la-ca Vương, nhân, phi nhân v.v... như vậy có tất cả năng lực Đại thần túc, năng lực đại oai đức tám bộ Thần vương đều có mặt ở đây.

Ngày nay các thần Thổ địa, núi, sông, miếu cũng đầy khắp hư không, như vậy u hiển đâu không soi xét. Chỉ có người không lỗi lầm mới khuyên răn người được. Chỉ có người tự mình thanh tịnh mới có thể tịnh người được.

Ngày nay Đệ tử nêu lên sự việc này, Tăng Ni chắc chắn sẽ có sự bất bình, dù cho mổ tim quăng xuống đất để cho Tăng Ni thấy đôi chút cũng không tin.

Người xưa có nói khó biết được chỗ thực hành, đệ tử Tiêu Diễn là cư sĩ tại gia không giữ giới cấm. Ngày nay trước phải tự phát lời thệ để rõ bổn tâm. Đệ tử Tiêu Diễn từ nay về sau sẽ đến đạo tràng, nếu còn ăn thịt uống rượu, buông lung khởi lên các sự dâm dục, khinh khi nói dối ăn thịt chúng sinh, cho đến uống sữa, mật và bơ, lạc thì xin tất cả quỷ thần có sức mạnh, trước hết phải trừng trị thân Tiêu Diễn này, song sau đem giao cho Diêm-la vương ở địa ngục để chịu các sự khổ. Cho đến khi chúng sinh đều thành Phật hết, đệ tử Tiêu Diễn này vẫn còn đọa trong địa ngục A-tỳ. Nếu Tăng Ni có vị nào ăn thịt uống rượu mà không sám hối tội lỗi thì tất cả quỷ thần có sức mạnh cũng trị như vậy, để tăng thêm điều lành thanh tịnh đạo Phật. Nếu chưa bị sự trị phạt của Diêm-la còn sống trên đời thì đệ tử Tiêu Diễn sẽ đúng như pháp mà trị phạt, khiến mau hoàn tục mặc áo cư sĩ lúc nào cũng sai sử được. Nguyện ngày nay hai bộ Tăng Ni đều trở về bổn tự chỉnh đốn Phật pháp, sống hòa hợp chúng, đều khiến nghe pháp, đúng như lời dạy mà tu hành, không thể lại để cho đoạn mất hạt giống đại từ khiến cho Phật không được nối nhau. Nếu có người phạm pháp phá giới thì đều y theo quy chế của Tăng, đúng như pháp mà trị phạt. Nếu dung tha không trị phạt thì trái lại sẽ chịu tội.

Lại chùa Tăng, Ni có thờ Tứ thiên vương, Ca-tỳ-la Thần, mà vẫn còn lập đầu Nai, thịt Dê v.v... việc này không thể gấp cấm đoán, nếu không cấm đoán chùa quan nhận lỗi cũng đồng với khoa trước. Riêng

nêu ý (nghĩa đây nói hết tuyên ý như thế).

Đệ tử Tiêu Diễn, kính bạch các Đại đức Tăng Ni, các Tăng Ni nghĩa học, các Tự tam quan trước đã trình bày về việc ăn cá ăn thịt sẽ bị chướng lụy vời lấy quả khổ, nay lại muốn thông bạch một lời này:

Diêm-phù-đề thọ một trăm hai mươi tuổi, còn như trong đời ít nghe có người ấy, thay đổi suy tàn cũng không ít lắm.

Kinh nói: Trong khoảng một niệm có sáu mươi sát-na, sinh lão vô thường khác thời, tạm có các căn bỗng nhiên suy diệt, các khổ trong ba đường (địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh) bỗng nhiên đã đến, muốn thoát địa ngục việc ấy rất khó. Bậc giới đức thanh tịnh còn sợ không khỏi, huống chi đối với kẻ hủy phạm thì đâu thể khỏi được?

Tuy ăn chay trường mà không riêng tu phương tiện, muốn khỏi quả báo khổ cũng không có việc ấy. Vì sao? Vì như ơn đời này không phạm các tội nhưng nghiệp mạnh hậu báo, hiện đời không phương tiện thì khổ ba đường không thể ngăn dứt, huống chi uống rượu ăn thịt chúng sinh. Các Tăng Ni phải tin lời Phật dạy tự mình cố gắng. Nếu nói rằng ăn rau là khó thì lòng tin này rất ít. Nếu có tâm tin phải nên tự gắng sức, có tâm quyết định rồi thì ăn rau nào có khó gì. Ăn rau, ăn cá, thịt đều là một hoặc, nếu tâm được an vui thì thức ăn là cam lồ thượng vị, nếu tâm không an lạc thì thức ăn này trở thành món ăn dơ uế. Do đó kinh Niết-bàn chép: Khi thọ thực phải nghĩ là ăn thịt con mình, nếu chẳng phải hoặc thì đâu cần pháp này.

Vả lại nói việc xa để mượn thí dụ gần, nay người đã ăn rau được thì chán ghét mùi máu tanh. Người không thể ăn rau thì nhàm chán rau, việc đồng như thế, phải nên tự lực xoay đổi hoặc bất thiện trở thành hoặc thiện. Còn như hoặc thiện lại dùng phương tiện. Ăn rau tưởng như con, có tâm như vậy liền được quyết định. Người không thể lìa cá thịt đều cho rằng: Ăn rau lạt lẽo đối với người dễ bị yếu sức, cá thịt nóng đối với người có bổ ích, có lời nói này đều là ý kiến điên đảo. Nay nói lại lời thô trên, việc ấy không đúng. Nếu ăn rau lâu ngày người sẽ khỏe mạnh máu huyết lưu thông. Phàm nhân pháp như thế phần nhiều nóng bức. Khỏe mạnh, lưu thông thì dễ uống ăn, do dễ uống ăn được nên khí lực đầy đủ, đây thì ăn rau không bị lạt lẽo mà còn được bổ ích. Những người tu khổ hạnh cũng đều ăn rau, phần nhiều đều ấm áp, đều kiên cường, thần minh sáng suốt ít bị hôn mê, mệt mỏi. Nếu ăn cá ăn thịt là các loài chúng sinh đều thuộc về bệnh lạnh, máu tanh làm tăng trưởng một trăm bệnh. Do đó người ăn cá, ăn thịt thần minh đúng ra phải bị mê mờ, bốn đại đều bị trầm trọng không lưu thông. Mới bị chuốc lấy hậu

báo chịu khổ trong ba đường ác, tức thời bốn đại đều chẳng thể điều hòa. Đây há chẳng phải là hoặc ư? Vì tâm có chỗ chấp riêng.

"Cam Ngư nhục": Nghĩa là cho cá thịt là vị cam lồ thuộc về nóng là bổ ích. Đây là ý kiến điên đảo không thể tin được.

Lại có người cho rằng ăn rau bị lạnh liền bỏ ăn chay, đây là chưa hiểu được ý ăn rau. Rau và cá thịt như nước và lửa. Ăn rau vừa muốn được sức khỏe, lại ăn cá ăn thịt hôi tanh có thể diệt sức của rau. Do đó nói rằng: Rau là tánh lạnh, những người bỏ ăn chay, tới thì không được sức khỏe của rau, lui thì không được tà ích của cá, thịt, phần nhiều bị yếu đuối không thể kham lãnh, các Tăng Ni lại phải biết một việc: Ăn cá thịt là cảnh giới của ma, thực hành hạnh ma, tâm không được quyết định, thường bị các nạn cản trở. Trong ngoài bị các ma nhiễu loạn. Vì thế người tu hành phải suy nghĩ kỹ cá, thịt, rượu là thức ăn của ma. Vì thế không đợi nói cũng biết được rằng người ăn cá ăn thịt uống rượu sẽ bị các vị Thiên thần xa lánh, bên trong không có chánh khí. Những người này phần nhiều bị suy não.

Lại có một hạng người tuy ăn rau mà lại kiêu mạn thường tức giận, ưa sống tham cầu. Những người này cũng đọa vào cảnh giới ma, bị nhiều suy não.

Lại có một hạng người, hạnh bên ngoài giống như thuần thục mà trong tâm thì thô ác, thấy người hơn mình thường có tâm ganh ghét. Việc làm không thiện đều có tướng che giấu. Những người này cũng thực hành cảnh giới ma, dù ăn rau (ăn chay) cũng bị suy não, hoặc tâm lực quyết chánh ăn chay hoặc ngược lại, những người như vậy phần nhiều được thiện lực giúp đỡ, có nhiều khả năng chịu đựng.

"Có chỗ không thẳng": Phải nên suy nghĩ tỉnh giác, chớ cho rằng người tâm không quyết định kỳ hẹn quyết định.

Các Đại đức Tăng Ni có hạnh nguyện đã thành, từ này trở đi tướng lành khai mở, dẫn dắt khiến cho người chưa được từ nay trở đi đều được, người đã lập hạnh nguyện được năng lực vững chắc, người chưa từng thực hành thì mong họ đều sửa đổi, ngày nay cùng nhau làm hạt giống Bồ-đề, chớ lấy làm lạ.

Đệ tử Tiêu Diễn hướng về kính bạch.

Quan Tự ba trăm sáu mươi tám vị, Túc đức hai mươi lăm vị, nghĩa học năm trăm bảy mươi bốn vị, Đạo sư ba mươi chín vị.

Hữu Điệp chúng Tăng gồm có một ngàn không trăm lẻ sáu (1.006) vị.

Tư Quan ba trăm sáu mươi chín vị, nghĩa học sáu mươi tám vị, Tôn

sư năm vị.

Hữu Điệp: Tăng Ni gồm có bốn trăm bốn mươi hai vị.

Hữu Điệp: Tăng Ni gồm có một ngàn bốn trăm bốn mươi tám (1.448) vị. Vào canh năm ngày 22 tháng 05 xướng đến cửa Phượng Trang.

Sáng sớm ngày 23, tạo chùa Quang Trạch, ngài Pháp Vân ở trước điện Hoa Lâm lên tòa cao hướng Đông làm Pháp sư. Ngài Tuệ Minh ở chùa Ngõa Quan lên tòa cao hương Tây làm Đô giảng, xướng về một trong bốn phần của phẩm “Bốn Tướng” trong kinh Đại Niết-bàn. Trình bày người ăn thịt là dứt mất hạt giống đại từ, ngài Pháp Vân giải thích. Nhà vua xe giá chính thân đến, địa bổ sàng vị ở tòa cao phía Bắc hai chúng Tăng Ni đều ngồi theo thứ lớp. Giảng xong, ngài Đạo Trừng ở chùa Kỳ-xà, lại lên tòa cao ở hướng Tây đọc văn dứt thịt này, kế xướng lời đã truyền, xướng xong lại lễ bái sám hối.

Nói rộng về ăn ngọ đã xong.

THIÊN THỨ SÁU: TỪ TẾ (Phần 2)

Ngày 23, họp các Tăng Ni, có vị nói rằng: Trong luật không có việc bỏ thịt và pháp sám hối ăn thịt. Ngày 29, lại ra chiếu chỉ yêu cầu Tăng Nghĩa học một trăm bốn mươi mốt vị, Ni Nghĩa học năm mươi bảy vị, điện Hoa Lâm, Hoa Quang thỉnh ngài Pháp Siêu ở chùa Trang Nghiêm, ngài Tăng Biện chùa Phụng Giới, ngài Bảo Độ chùa Quang Trạch v.v... ba vị Pháp sư thăng tòa, ngự tịch địa thí tòa, số Tăng Ni còn lại cũng như vậy.

Chế chỉ hỏi ngài Pháp Siêu v.v... ba vị Pháp sư rằng: Người xưa nói rằng: Nước hết sôi đâu bằng bỏ củi, dứt lỗi chẳng bằng không nói. Đệ tử không nói thì rất dễ, nhưng muốn thành người tốt khiến Phật chủng được nối nhau cùng với Tăng Ni mở mang giáo pháp, gồm các việc cũng không được im lặng. Vì thế nay nhóm họp trước đại chúng cầu ý trong luật, nghe các Tăng đạo. Trong luật không có việc bỏ thịt lại không có pháp sám hối ăn thịt. Các luật sư từ trước đã khai mở dẫn dắt khiến cho người có sự nghi ngờ này là vì sao?

Ngài Pháp Siêu đáp: Luật và giáo là một nhưng người thử ý chỉ của văn khác nhau. Chỗ giải thích của ngài Pháp Siêu cho rằng Luật tuy cho ăn ba thứ tịnh nhục nhưng ý thì thật muốn hằng hà, vì sao biết như vậy?

- Trước nói dứt trừ mười thứ bất tịnh nhục, kế cho ăn ba thứ tịnh nhục, cuối cùng cho ăn chín thứ tịnh nhục, như vậy lần lần chế. Ở đây ý muốn dứt hẳn. Ngài Pháp Siêu thường ngày giảng, vẫn nói lời như thế.

Chế lại hỏi Pháp sư Tăng Biện, lại khai mở dẫn dắt thế nào?

Pháp sư Tăng Biện đáp: Tăng Biện từ trước đến nay đã giải thích đại ý cũng chẳng khác Pháp Siêu. Nhưng giáo có sâu có cạn, tùy giai cấp mà dẫn dắt chúng sinh. Nếu luận về cho ăn ba món tịnh nhục, lý đúng là có tội, nhưng giáo chưa cùng tột, do đó mới cho như vậy.

Chế lại hỏi Pháp sư Bảo Độ: Lại khai mở dẫn dắt thế nào?

Bảo Độ đáp: Ngu Đoãn đã giải thích chỉ là Tiệm giáo, do đó văn luật cho ăn ba món tịnh nhục. Như kinh Niết-bàn rốt ráo nói chánh lý là không cho ăn thịt. Nếu người lợi căn đối với lời dạy ba thứ tịnh nhục này liền hiểu được đều không ăn, kẻ độn căn mới đợi lời dạy sau.

Chế lại hỏi Pháp sư Pháp Siêu: Lời đáp trước là ý ngoài văn, nếu theo văn luật thì phán thế nào?

Pháp Siêu đáp: Thường ngày giải nghĩa chỉ nói như lời đã đáp ở trước.

Chế lại hỏi Pháp sư Tăng Biện: Ý có giống như Pháp sư Pháp Siêu hay không?

Tăng Biện đáp: Giống như sự giải thích của Pháp Siêu.

Chế lại hỏi Pháp sư Pháp Siêu: Từ trước đến nay giải thích luật, các Pháp sư có ăn thịt hay không?

Pháp Siêu đáp: Chẳng biết người khác thế nào, còn riêng Pháp Siêu từ trước đến nay không ăn thịt.

Chế lại hỏi Pháp sư Tăng Biện: Ngài thì thế nào?

Tăng Biện đáp: Xưa thường không ăn thịt. Vào tuổi trung niên bị bệnh có khi tạm khai.

Chế lại hỏi Pháp sư Bảo Độ: Ngài thế nào?

Bảo Độ đáp: Trước ở chùa Định Lâm, sau dời đến chùa Quang Trạch, hai nơi này chưa hề ăn thịt. Còn ở nơi khác vì bệnh tật cũng không khỏi khai.

Lại hỏi: Khi giảng luật có ăn thịt không?

Đáp: Khi giảng phải có đồ chúng, trong đồ chúng thì không dám.

Hỏi: Không dám có hai nghĩa: Không dám ăn hay không dám chẳng ăn.

Chế lại hỏi Pháp sư Tăng Biện: Thường ngày khi giảng luật, cho phép đồ chúng ăn thịt hay không cho ăn. Nếu không cho ăn thịt mà có người ăn thì đuổi ra khỏi. Nếu cho ăn thì nói thế nào?

Đáp: Nếu giải thích theo giáo thì không hoàn toàn nói không cho ăn, nếu luận về ý kia thì không hề khai cho.

Hỏi: Nay chánh hỏi: Khi nói về giáo là có cho ăn hay không?

Đáp: Theo giáo thì không ngăn.

Hỏi: Không ngăn là có cho ăn hay không?

Đáp: Dẫn lý trước thì cho được ăn ba thứ tịnh nhục.

Hỏi: Thấy giết cũng có thể không thấy, nghe giết cũng có thể không nghe, nghi vì sao được khỏi?

Đáp: Nếu thấy nhân duyên không nên nghi. Nghe nhân duyên cũng không nên nghi, chỉ gặp mới được nghi.

Hỏi: Đem tiền mua thịt cá, là nghi hay không nghi?

Đáp: Như trong lý thì lý từ nghi này.

Hỏi: Không được cho là trong lý thấy?

Đáp: Nếu nói theo lý thì chúng Tăng không nên ra chợ mua cá thịt.

Hỏi: Nay chỗ hỏi trong sự là có nghi hay không?

Đáp: Nếu theo giáo thì không nghi.

Hỏi: Người ở chợ vì ai mà giết?

Đáp: Vì người mua mà giết, nhưng người mua không tác tưởng.

Hỏi: Người mua thịt, người này đã không mê loạn, đâu được chẳng biết đây vì người mua mà giết mà không tác tưởng.

Đáp: Lúc đó khởi thịt hiện chết.

Hỏi: Tự chết gọi là chết hay là giết khởi tâm giết?

Đáp: Ý này là nói theo lý, nói theo giáo chỉ được như thế.

Hỏi: Pháp sư đã vì người giảng nói, vì người dẫn dắt, vì người thành pháp, vì sao chỉ nói được như vậy? Chỉ hỏi tác ý khiến người mua tác ý là sao?

Đáp: Khi mua tác ý là tự nó chết.

Hỏi: Nếu tự nó chết thì khắp nơi, lẽ ra có trong chùa cũng có tự chết, vì sao đến nhà đồ tể mua thịt?

Đáp: Theo lý thì rõ ràng là nghi.

Hỏi: Theo lý rõ ràng là nghi, vì sao được không nghi ăn thịt.

Tăng Biện không trả lời câu hỏi này.

Chế lại hỏi: Thịt này tác ý là mùi vị thịt hay mùi vị rau?

Tăng Biện đáp: Vẫn tác ý mùi vị thịt.

Hỏi: Đây là tâm từ bi ăn thịt hay tâm không từ bi ăn thịt.

Đáp: Đây không phải là tâm từ bi.

Hỏi: Nếu không phải tâm từ bi thì đâu được không giết ư?

Đáp: Y cứ về lý thì không được, y cứ về sự nên nói như vậy.

Hỏi: Luật và giáo có muốn giúp người xuất ly không?

Đáp: Giúp cho người xuất ly.

Hỏi: Ăn thịt có được xuất ly không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao lại cho ăn thịt?

Đáp: Vì người hạnh thấp kém mà nói để dẫn dắt khiến cho họ lần lần hiểu rõ.

Hỏi: Vì người thọ giới Cụ túc mà nói hay vì người không giảng nói cụ túc mà nói?

Đáp: Vì người thọ giới Cụ túc mà nói.

Hỏi: Đã vì người thọ giới Cụ túc mà nói, không vì kẻ đồng môn mà nói. Vì sao khiến người ăn thịt để dẫn kia khiến cho hiểu rõ?

Đáp: Sơ giáo như vậy, không phải cực giáo.

Hỏi: Vì sao, Sơ giáo dạy người thọ giới Cụ túc?

Đáp: Chỗ giải thích của Tăng Biện chính từ đây.

Chế lại hỏi: Luật và giáo khởi lúc nào?

Tăng Biện đáp: Khởi được tám năm rồi, sau đó mới có kinh Niết-bàn.

Hỏi: Như kinh Niết-bàn này có nói đoạn trừ việc ăn thịt. Kinh Lăng-già có nói đoạn ăn thịt. Kinh Ương-quật-ma-la cũng có nói đoạn ăn thịt, kinh Đại Vân, kinh Phược Tượng đều có nói đoạn ăn thịt, còn như kinh Niết-bàn sao không có việc đoạn ăn thịt.

Đáp: Luật nối tiếp sơ giáo, do đó nói như vậy.

Hỏi: Trong luật đã nói rằng nối tiếp sơ giáo cho đến thời Niết-bàn. Đã đến thời Niết-bàn lẽ ra có nói đoạn ăn thịt?

Đáp: Nếu nghiêng về chế giáo, đây là tiếp tục sơ giáo chung với năm thời, không nói tất cả đều đồng. Tăng Biện giải thích chính đồng như thế.

Hỏi: Pháp sư đã là một bậc Đại luật sư vì chúng khai thị dẫn dắt. Ngày nay đại chúng y cứ theo sự phân biệt của Pháp sư, không được nói đều như thế. Đều như thế cũng không được trụ, không đều như thế cũng không được trụ. Chỉ hỏi đây có phải luật do Ưu-ba-ly kết tập hay không?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Ưu-ba-ly đã đính thân có mặt ở đó vì sao văn luật không có đoạn việc ăn thịt.

Đáp: Đây là nối tiếp cận giáo ở trước.

Hỏi: Nếu tiếp cận giáo thì cận giáo cũng chẳng nói ăn thịt. Hơn nữa, trước khi Phật nhập Niết-bàn, Ca-diếp đã trì giới tu hành không ăn thịt. Nếu Pháp luật khác đây thì chẳng phải luật do Ưu-ba-ly kết tập mà là luật của Dị Bộ, vì sao đem ra giảng nói để giáo hóa chúng Tăng.

Tăng Biện làm thinh không trả lời.

Chế lại hỏi Pháp sư Bảo Độ: Đã nói đồng đức đồng hạnh vì sao giải thích lời này?

Bảo Độ đáp: Như các việc trong luật thì do Ưu-ba-ly thuật lại; các việc trong kinh là do A-nan thuật lại.

Hỏi: Nếu như vậy thì việc trong luật đều không nêu việc trong kinh sao?

Đáp: Việc trong kinh có dính mắc (có liên quan) với luật, việc trong luật có liên quan với kinh.

Hỏi: Khi Phật nói kinh có chỗ chế ước, liền ghi chép để làm luật, chỗ nào liên quan đến luật, nếu kinh đều liên quan đến luật thì Phật nói kinh lẽ ra phải sau khi nói luật?

Đáp: Chỉ nói trong kinh có chỗ nói giới. Ngu tôi cho rằng có liên

quan với nhau.

Hỏi: Nếu nói có liên quan với nhau, vì sao ba tạng không hề liên quan nhau. Trong Tu-đa-la (kinh) cũng có Tỳ-ni (luật) và Tỳ-đàm (luận). Trong Tỳ-ni cũng có Tu-đa-la và Tỳ-đàm. Trong Tỳ-đàm cũng có Tu-đa-la và Tỳ-ni. Không nói nghĩa như vậy, chỉ hỏi Pháp sư luật giảng hôm nay là luật do Ưu-ba-ly nói lại không trái với kinh chăng?

Đáp: Luật tôi giảng ngày nay là do Ưu-ba-ly nói lại, không trái với kinh.

Hỏi: Nếu luật này do Ưu-ba-ly nói lại không trái với kinh thì nghĩa đoạn ăn thịt chẳng khác kinh Niết-bàn?

Đáp: Kinh Niết-bàn nói về việc đoạn ăn thịt, văn luật tuy không nói nhưng ý của Ưu-ba-ly không hề khai cho ăn thịt.

Hỏi: Luật đã là Cụ giáo, Ưu-ba-ly đã không khai cho ăn thịt, trong luật vì sao được không có văn này. Nay Pháp sư giải rất tấn thối. Chỉ có thể vì Sa-di và thức Xoa-ma-na trong chùa mà nói, không được dùng lời này để trả lời đệ tử.

Bảo Độ tôi giải thích chỉcùng tột ở đây.

Chế lại hỏi: Các luật sư hạ tòa, làm sao giải thích?

Đạo Ân chùa Long Quang đáp: Văn luật không đoạn, kinh Niết-bàn mới đoạn việc ăn thịt.

Hỏi: Luật Pháp sư đã giảng là luật của ai?

Đáp: Luật của Phật.

Hỏi: Chỗ dẫn thật cùng tột rộng lớn, nhưng chưa biết luật này có phải luật do Ưu-ba-ly thuật lại hay không?

Đáp: Chính Ưu-ba-ly đã cung kính nói lại luật của Phật.

Hỏi: Ưu-ba-ly có kiết tập hết tất cả các thời Phật nói hay không?

Đáp: Kết tập bốn thời trước, không kết tập thời Niết-bàn.

Hỏi: Nếu như vậy thì Ca-diếp được nói lời của A-nan, Phật nói pháp chỗ nào, đến thời Niết-bàn kết tập Tạng Tu-đa-la (Tạng kinh). Nói lời Ưu-ba-ly, Phật nói pháp chỗ nào, đến thời Niết-bàn kết tập tạng Tỳ-ni (Tạng luật). Vì sao được nói chỉ kết tập bốn thời trước, không kết tập thời Niết-bàn?

Đáp: Thời Niết-bàn không chế giới.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói: Người ăn thịt đoạn hạt giống đại từ, ta từ hôm nay cấm các đệ tử không được ăn tất cả thịt, tất cả đều đoạn trừ cho đến tự nó chết cũng không được ăn, đây là giới hay chẳng phải giới?

Ngài Đạo An làm thinh không trả lời.

Chế lại hỏi: Các Luận sư đính thân tự giảng luật, các Đại Pháp

sư đều giảng kinh Đại Niết-bàn, Vì sao có lúc nói bỏ ăn chay. Vậy "ăn chay" là nghĩa gì? Nếu không bỏ là chay, bỏ thì không chay. Nếu chay khiến được không chay thì giới là tịnh cũng có thể khiến tịnh trở thành bất tịnh chăng? Các kinh Luật sư đã đích thân nói trái với giáo này.

Sách ngoài nói rằng: Tự vượt bức tường thấp, thầm phân biệt thư pháp, chính là nghĩa này.

Ngài Pháp Sủng ở chùa Tuyên Vũ đáp: Đóng cửa dơ uế gọi là tố; mở cửa dơ uế gọi là không tố.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao chúng Tăng mở cửa dơ uế?

Đáp: Thật ra không nên mở nhưng vì tham dục tình sâu nên mới như vậy.

Hỏi: Thế nào là sám hối?

Đáp: Thành khẩn dốc lòng là sám hối, người năng sám hối là bậc Đại trượng phu.

Hỏi: Các người học có tức thời sám hối chăng? Như đệ tử thỉnh Pháp sư động đến số ngàn. Đạo sư dạy phải sám hối. Lúc đó, các Pháp sư có sám hối không?

Đáp: Sao được không sám hối.

Hỏi: Nếu sám hối rồi, ra khỏi chùa ăn thịt được không?

Đáp: Rõ ràng là không được, nhưng trong đó có không nói nhiều, hoặc cũng không khỏi ăn lại.

Hỏi: Ra khỏi chùa lại ăn thịt, như vậy thì người này giống như người mới phạm hay sao, phạm tội nhẹ hay tội nặng?

Đáp: Một loại.

Hỏi: Vì sao một loại. Ban đầu đã ăn, sau đã đối trước Phật phát lời thệ, lại ăn trở lại, vì sao một loại?

Đáp: Lúc đầu, người không biết hổ thẹn, sau người đó biết hổ thẹn, chính được hơn lúc đầu.

Hỏi: Nếu như vậy, trước nói hổ thẹn thống đã người trước, mà nói ta hổ thẹn với ngươi, ta đánh ngươi, ta hổ thẹn với ngươi, ta ăn ngươi thì sao?

Đáp: Như người đại tà kiến không biết hổ thẹn. Đã không biết hổ thẹn cho nên biết hổ thẹn với người mà không biết thẹn với chính mình.

Hỏi: Trước nói biết hổ thẹn mà còn ăn thịt, đây là biết mà cố phạm, không gọi là người biết hổ thẹn. Nếu lúc trước không biết hoặc lỗi lầm, sau mới khởi tâm hổ thẹn mới là người biết hổ thẹn. Há chẳng phải biết mà cố phạm, tội kia lớn đối với người không biết. Lại biết hổ

thẹn không được phạm tội nặng mà kia phạm tội nặng, đây là trái phá sơ tâm, luận này là tội do đó càng lớn.

Đáp: Kinh có văn giới, Kỳ Bà nói rằng: Ông có tâm biết hổ thẹn cho nên tội sẽ diệt, biết hổ thẹn tức là pháp thanh bạch.

Hỏi: Pháp sư được ý kinh mà nói hay không được ý kinh mà nói. Nếu tạo tội rồi sau mới biết hổ thẹn, đây là Bạch pháp. Không nói ban đầu có tâm biết hổ thẹn mà cố tạo tội cho là Bạch pháp.

Đáp: Kinh lại nói biết hổ thẹn là Thượng phục, nếu như vậy thì có nghĩa chẳng phải Thượng phục.

Hỏi: Nghĩa cũng như vậy, nếu khi tạo tội, tuy nói là biết hổ thẹn nhưng không hề có lợi ích. Nếu gây ra tội rồi, sau sinh tâm biết hổ thẹn, chính là Thượng phục.

Ngài Pháp Sủng làm thinh không trả lời.

Pháp Sủng trả lời xong rồi. Ba vị Luật sư đều hạ tòa. Lại ra chiếu chỉ chùa Thỉ Hưng ngài Cảnh Du thăng tòa đọc kinh Lăng-già, kinh Ương-quật-ma-la chỗ nói về đoạn ăn thịt. Văn kinh này chép như dưới đây:

Kinh Đại Niết-bàn, phẩm "Tứ Tướng" thứ bảy. Lúc bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Đức Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Người ăn thịt không nên thí thịt. Vì sao? Vì con thấy người không ăn thịt có công đức lớn".

Phật khen Ca-diếp: Lành thay! Lành thay! Nay ông khéo biết được ý ta. Bồ-tát hộ pháp phải nên như vậy. Này thiện nam! Từ ngày nay bắt đầu không cho đệ tử Thanh văn ăn thịt. Nếu khi nhận đàn việt cúng thí thì nên quán tưởng món ăn này như thịt con mình.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Vì sao Đức Như Lai không cho ăn thịt"?

Này thiện nam! Người ăn thịt làm dứt mất hạt giống đại Từ.

Ca-diếp lại bạch: Vì sao Đức Như Lai trước đây cho phép Tỳ-kheo ăn ba thứ tịnh nhục?

Này Ca-diếp! Ba món tịnh nhục này tùy sự mà tạm chế.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn! Vì sao mười thứ thịt bất tịnh cho đến chín thứ thịt thanh tịnh lại không cho phép ăn"?

Đức Phật bảo Ca-diếp: Cũng do sự mà thứ lớp chế, phải biết đây tức là hiện nghĩa dứt ăn thịt.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

"Bạch Đức Như Lai! Vì sao Đức Như Lai khen ngợi cá, thịt là món ăn ngon ư?"

Này thiện nam! Ta không nói cá và thịt thuộc món ăn ngon, ta nói các thứ như mía, gạo tẻ, thạch mật, tất cả các thứ lúa mạch và hắc thạch, mật, sửa, lạc, tô, dầu là thức ăn ngon. Tuy nói cho chứa các thứ y phục, nhưng được chứa cốt yếu là y hoại sắc, huống chi tham đắm mùi vị thịt, cá này.

Ca-diếp lại bạch: Nếu Đức Như Lai chế không được ăn thịt. Như vậy năm thứ như: Sữa, tương, bơ sống, bơ chín và dầu mè v.v... và các thứ y phục: Y Kiều-xa-da, Kha cụ, da, vàng bạc, thau bồn, các vật như vậy cũng không nên thọ?

Này thiện nam! Không nên đồng với sự thấy biết của Ni-càn. Đức Như Lai đã chế tất cả giới cấm đều có ý khác, vì thế cho phép ăn ba tịnh nhục. Dị tưởng vì sao tất cả đều dứt cho đến tự chết?

Này Ca-diếp! Từ ngày nay ta chế các đệ tử không được ăn tất cả các thứ thịt.

Này Ca-diếp! Người ăn thịt, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, tất cả chúng sinh nghe mùi kia đều sinh sợ sệt, thí như có người đã gần sư tử rồi, mọi người thấy người đó nghe mùi hôi của sư tử cũng sinh tâm sợ sệt.

Này thiện nam! Như người ăn tỏi có mùi hôi đáng ghét, người khác gặp người đó nghe mùi hôi bèn bỏ đi. Như người từ xa thấy còn không muốn gặp huống chi là gần. Người ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sinh nghe mùi thịt kia đều sợ sệt sinh ý tưởng sợ chết, các loài vật ở dưới nước, trên bờ, trên hư không đều bỏ chạy, hoặc cho rằng người này là kẻ thù của ta. Vì thế cho nên Bồ-tát không ăn thịt vì độ chúng sinh mà thị hiện ăn thịt, tuy thị hiện ăn thịt mà thật ra không ăn.

Này thiện nam! Bồ-tát thức ăn thanh tịnh như vậy mà còn không ăn, huống chi là thường ăn thịt.

Này thiện nam! Sau khi ta nhập Niết-bàn vô lượng trăm năm, bậc Thánh khắp nơi đều nhập Niết-bàn, sau khi chánh pháp diệt, ở đời tượng pháp sẽ có Tỳ-kheo dường như trì luật nhưng ít đọc tụng kinh, tham đắm việc ăn uống, nuôi lớn thân mình. Y phục của những vị đó thô xấu, nhơ bẩn, hình sắc tiều tụy không có oai đức, chăn nuôi trâu dê, lo việc củi lửa, tóc, râu, móng đều dài và bén tuy đắp cà sa mà giống như thợ săn. Đi chậm rãi mắt nhìn xuống giống như mèo rình chuột, thường nói rằng ta là La-hán, bị nhiều bệnh khổ, nằm ngủ như đống phân dơ uế. Ngoài hiện tướng hiền lành, bên trong có tâm tham lam ganh ghét, như thọ pháp câm của Bà-la-môn v.v... Thật chẳng phải Sa-môn mà hiện tướng như Sa-môn, tà kiến lẫy lừng chê bai chánh pháp. Những người như này

đã phá hoại, giới luật, chánh hạnh oai nghi, quả giải thoát, lìa pháp bất tịnh Như Lai đã chế. Và hoại giáo pháp bí mật sâu xa của Như Lai, đều tự tùy ý nói trái với kinh luật, như nói rằng: Đức Như Lai đều cho phép chúng ta ăn thịt, từ sinh ra luận này nói là Phật nói, xen nhau tranh tụng đều tự xưng là Sa-môn Thích tử.

Này thiện nam! Lúc bấy giờ lại có các Sa-môn chứa để ngũ cốc sống, thọ nhận cá thịt, tay tự làm ăn, cầm nắm bình dầu, lọng báu, giày dép, gần gũi quốc vương, đại thần, trưởng giả, xem tướng tinh tú, chuyên tu y đạo. Chứa nuôi tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, xà cừ, mã não, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, ngọc bịch, kha cụ, các món hoa quả, học các kỹ nghệ, thợ vẽ, tạo các sách dạy học, trồng các loại cây, trùng đạo chú huyễn, hòa hợp các thứ thuốc, ca xướng kỹ nhạc, hương hoa trang sức thân thể, đánh cờ bạc, học các công xảo. Nếu các Tỳ-kheo lìa được việc xấu này, phải nói người này thật là đệ tử ta.

Bấy giờ, Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di vì người khác mà sống. Nếu khi khất thực được thức ăn có lẫn thịt thì làm cách nào để được thức ăn thanh tịnh?

Phật dạy: Này Ca-diếp! Phải dùng nước rửa và để riêng thịt ra, rồi mới được ăn. Nếu bình bát đựng thức ăn bị dơ uế thì phải rửa sạch không còn mùi vị, cho phép dùng không có tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì không nên thọ, tất cả thịt đều không nên thọ, ăn sẽ phạm tội.

Nay ta chế dứt trừ ăn thịt, nếu nói rộng thì không thể hết được. Thời Niết-bàn đến, đây là nói lược.

Đây gọi là có thể tùy hỏi đáp kinh Lăng-già, kinh A-bạt-đà-la, quyển thứ tư nói rằng:

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi rằng:

“Các vị Bồ-tát kia,
Chí cầu được Phật đạo
Dùng rượu, thịt và hành
Uống ăn vậy thì sao?
Cúi xin Đấng Vô thượng
Thương xót mà giảng nói
Kẻ ngu thường tham đắm
Dơ uế không thể nói
Các cọp sói ham thích
Làm sao có thể ăn

Ăn sẽ sinh các tội
Không ăn được phước lành
Xin nói cho con nghe
Tội, phước ăn và không".

Bồ-tát Đại Tuệ nói kệ xong rồi, lại bạch Phật rằng: Cúi xin Đức Thế Tôn vì con nói công đức và tội ác của việc ăn thịt và không ăn thịt. Con và các Bồ-tát ở đời hiện tại và vị lai sẽ có những sự hy vọng phân biệt nói pháp về việc ăn thịt chúng sinh. Khiến cho chúng sinh có tâm từ bi với nhau. Được tâm từ bi rồi đều ở chỗ thanh tịnh trong sáng, mau thành Vô thượng Bồ-đề. Thanh văn, Duyên giác ở quả vị của mình (Tiểu thừa) dừng nghỉ rồi cũng mau thành Vô thượng Bồ-đề. Luận pháp tà ác, các bọn ngoại đạo, tà kiến đoạn thường điên đảo chấp trước còn có pháp ngăn ngừa không cho ăn thịt. Huống chi Đức Thế Tôn trụ ở đời cứu giúp cho chánh pháp thành tựu mà ăn thịt hay sao?

Phật bảo Đại Tuệ: Lành thay! Lành thay! Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó ta sẽ nói cho ông nghe.

Đại Tuệ bạch Phật: Dạ vâng, con xin thọ giáo.

Đức Phật bảo Đại Tuệ: Có vô lượng nhân duyên, không nên ăn thịt, nhưng nay ta sẽ lược nói cho ông nghe.

Tất cả chúng sinh từ xưa đến nay nhân duyên xoay vần thường làm lục thân quyến thuộc của ta. Do khởi tưởng là lục thân quyến thuộc vì thế không nên ăn. Các thứ thịt như thịt lừa, loa, lạc đà, hồ, chó, dê, ngựa, loài thú v.v..., đồ tể bán xen lẫn, cho nên không được ăn thịt. Khí lực sinh trưởng cho nên không được ăn thịt. Chúng sinh nghe mùi đều sinh sợ hãi như Chiên-đà-la và Đàm-bà v.v... loài chó thấy kinh sợ sủa vang vì thế không nên ăn thịt. Lại khiến cho người tu hành tâm từ bi không lớn lên, vì thế không nên ăn thịt. Khiến các chú thuật không thành tựu vì thế không nên ăn thịt. Người ấy ăn thịt chư Thiên thấy bỏ đi, vì thế không nên ăn thịt. Khiến cho miệng hôi dơ vì thế không nên ăn thịt. Khi ngủ nhiều ác mộng vì thế không nên ăn thịt. Trong rừng núi vắng vẻ cọp sói nghe hơi, vì thế không nên ăn thịt. Khiến cho ăn uống chẳng điều độ, vì thế không nên ăn thịt. Khiến người tu hành không sinh tâm nhàm chán, lìa vì thế không nên ăn thịt.

Ta cũng thường nói: Khi ăn uống nên tưởng là thịt con mình, tưởng như uống thuốc, vì thế không nên ăn thịt, cho phép ăn thịt thì không có việc ấy.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Vào thời quá khứ có một vị vua hiệu là Sư Tử Tô-đà-bà, thường ăn các thứ thịt cho đến ăn cả thịt người. Thần dân

không chịu được bèn âm mưu làm phản, dứt bổng lộc kia. Do vì ăn thịt có lỗi như vậy, vì thế không nên ăn thịt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Người sát sinh là vì tài lợi cho nên sát sinh mua bán. Những người ngu si kia ăn thịt chúng sinh, dùng tiền mua dùng lưới bắt để được các thứ thịt. Người sát sinh kia, hoặc dùng tài vật hoặc dùng lưới, câu bắt chúng sinh bay trên hư không, lội dưới nước, đi trên bờ, các thứ sát hại mua bán cầu lợi.

Này Đại Tuệ! Cũng không đâu chẳng giết, không cầu, không tưởng mà có cá thịt, vì nghĩa này nên không được ăn thịt.

Này Đại Tuệ! Ta có lúc nói ngăn năm thứ thịt, hoặc chế mười thứ. Nay đối kinh này trong tất cả món, tất cả thời khai trừ phương tiện tất cả đều dứt.

Này Đại Tuệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác còn không ăn huống gì là ăn thịt, cũng không dạy người ăn. Dùng tâm đại bi trước khi thực hành, thấy tất cả chúng sinh như con một, do đó không bảo ăn thịt con mình.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa này bằng bài kệ rằng:

“Tất cả đều thân thuộc
Dơ uế lẫn bất tịnh
Bất tịnh chỗ lớn lên
Nghe mùi đều sợ sệt
Tất cả thịt và hành
Cùng hẹ tỏi vân vân
Các phóng dật, uống rượu
Tu hành thường xa lìa
Cũng thường lìa dầu mè
Và các giường thủng lỗ
Do các loài trùng nhỏ
Ở trong đó rất sợ
Uống ăn sinh buông lung
Buông lung sinh các giác
Từ giác sinh tham dục
Vì thế không nên ăn
Do ăn sinh tham dục
Tham khiến tâm mê say
Mê say thêm ái dục
Sinh tử không giải thoát

Vì lợi giết chúng sinh
Dùng tiền mua các thịt
Cả hai là nghiệp ác
Chết đọa ngục Khiêu Hô
Nếu không giết, tưởng cầu
Không cò ba tịnh nhục
kia không đâu chẳng có
Vì thế không nên ăn
Các người tu hành kia
Do đây đều xa lìa
Mười phương Phật Thế Tôn
Tất cả đều quở trách
Triển chuyển ăn lẫn nhau
Chết đọa loài cọp sói
Dơ uế đáng chán ghét
Sinh ra thường ngu si
Sinh dòng Chiên-đà-la
Thợ săn và Đàm-bà
Hoặc sinh Đà-di-nê
Và các loài ăn thịt
La-sát và mèo, cáo
Sinh khắp ở trong đó
Phược Tượng và Đại Vân
Ương-quật-lợi-ma-la
Và kinh Lăng-nghiêm này
Ta đều chế dứt thịt
Chư Phật và Bồ-tát
Đều quở trách Thanh văn
Ăn rồi không hổ thẹn
Đời đời thường si ám
Trước nói thấy nghe nghi
Đã đoạn tất cả thịt
Vọng tưởng không giác biết
Nên sinh chỗ ăn thịt
Như lỗi tham dục kia
Chướng ngại Thánh giải thoát
Rượu, thịt, hành, hẹ, tỏi
Đều làm chướng Thánh đạo

Chúng sinh đời vị lai
Nói ăn thịt ngu si
Nói đây tịnh không tội
Phật cho ta được ăn
Tưởng đây như uống thuốc
Cũng như ăn thịt con
Biết đủ sinh nhàm lìa
Tu hành đi khất thực
An trụ tâm từ bi
Ta thường nói nhàm lìa
Các thú dữ cọp sói
Thường có thể dạo đi
Ăn thịt tanh máu huyết
Chúng sinh đều sợ sệt
Vì thế người tu hành
Tâm từ không ăn thịt
Ăn thịt không từ bi
Thường trái chánh giải thoát
Và trái lời Phật dạy
Vì thế không nên ăn
Được sinh dòng Phạm Chí
Và các chỗ tu hành
Trí tuệ, nhà giàu có
Đây do không ăn thịt".

Kinh Ương-quật-ma-la quyển thứ nhất nói rằng:

Thượng tòa Ca-diếp, bỏ các món ăn ngon, bỏ mùi vị thịt, thọ trì tu hành không ăn thịt.

Kinh Ương-quật-ma-la quyển thứ hai nói:

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Nhân Như Lai Tạng cho nên chư Phật không ăn thịt ư?

Đức Phật nói: Đúng vậy. Tất cả chúng sinh từ vô thỉ sinh tử, đời đời luân chuyển không ai chẳng phải là cha mẹ, anh em, chị em. Dụ như cô đào hát thay đổi vô thường. Thịt của mình, thịt của người là một thứ, vì thế cho nên chư Phật đều không ăn thịt.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Thế giới của tất cả chúng sinh và thế giới của ta là một thế giới. Thịt đã ăn tức là một thứ thịt. Vì thế chư Phật đều không ăn thịt.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Kha cụ, lạp mật, da, vải lụa không phải thịt cõi mình ư?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: Chớ nói lời này, Như Lai xa lìa tất cả thế gian. Như Lai không ăn. Nếu nói tập cận thế gian thì không có việc này. Nếu tập cận là pháp phương tiện. Nếu vật triển chuyển thì hãy tập cận. Nếu chỗ xuất xứ của vật thì không thể tập cận. Nếu triển chuyển lìa sát thì tay nên tập cận.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Trong thành này có một loại da, thợ có thể làm giày, giày này có người mua cúng cho, đây là triển chuyển đến, Đức Phật có cho thọ không?

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Nếu trâu tự chết, người chủ có trâu từ dòng Chiên-đà-la giao da cho thợ, thợ làm thành giày da cúng dường người trì giới, đây là tranh chấp đến, có thể tập cận không?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu trâu tự chết, chủ cótrâu đem da làm giày da cúng dường người trì giới, có được nhận không? Nếu không thọ là Tỳ-kheo đúng pháp, nếu thọ là người không có lòng Từ bi, nhưng không phá giới.

Xướng kinh rồi, chế lại hỏi các Tăng đạo, các vị Tiểu tăng xem kinh chưa khắp xen nhau nói không dứt ăn thịt. Ngày nay, kinh này nói gì? Sở dĩ xướng văn giày da, bổn ý chính không phải ở đây. Chính là ngày 23 Pháp sư Pháp Vân giảng kinh Niết-bàn dứt ăn thịt. Lúc đó, tăng chính là Tuệ Siêu, Pháp Sủng nạn rằng: Nếu văn kinh rốt ráo đoạn tất cả thịt, cho đến tự chết cũng không được ăn, đây là đồng Ni-kiền đoạn giày da, không được mang giày da. Nếu khai giày da được mang giày da cũng nên khai cho ăn thịt. Pháp sư Pháp Vân đã giải thích chung mà hai Pháp sư ý bắt bẻ không rõ. Lúc đó, tự nói: Nếu bậc Thánh tự không dùng vật đất, như đi đường cũng không dùng. Nếu dùng đều là người đi đường. Do đó không đồng Ni-kiền đã nói. Nếu làng không có gai góc cũng có khai cho mang giày da, làng có gai góc nhưng người cò lòng đại từ thật cũng không nên mang. Việc này và việc ăn thịt không được xem đồng loại. Nếu mang một đôi giày da trải qua thời gian thật lâu không hư hoại, nếu ăn thịt chúng sinh thì cứ một lần ăn liền hại vô lượng thân mạng, huống chi thường ngày hay ăn số kia đến hằng sa, cũng không thể được dùng giày da để gồm việc đoạn trừ ăn thịt.

Lúc bấy giờ, các vị Tăng không còn qua lại, sợ các Tiểu tăng chấp cho là nghi sẽ thành tệ lớn do đó xướng văn không được nhận giày da này. Chính là muốn giải thích một chỗ nghi, không liên quan đến điều

chế giới. Nếu người ăn thịt là tội chướng lớn. Văn kinh nói: Xưa làm cha mẹ thân thuộc với chúng sinh, sao chúng Tăng không suy nghĩ, lại còn ăn thịt chúng sinh. Đã không thể bỏ thân để giúp cho cọp đói, cắt thịt cứu chim bồ câu, sao lại ăn thịt thân phần của nó. Các vị Tăng và Pháp sư thống lãnh đồ chúng, các vị Ni và thống lãnh đồ chúng đều trở về bổn tự, tuyên bố cho các vị Tăng Ni nhỏ biết rõ ý này.

Chế nói lời này rồi, Tăng Ni hành đạo, lễ bái, sám hối. Thiết hội xuất tội.

Tối đó, lại ban chiếu chỉ cho quan Viên ngoại Tán kỵ, Thường Thị Thái tử, Tả Vệ Suất Châu xả rằng: Ngài Pháp Sủng đã nói hổ thẹn không ăn thịt chúng sinh. Trong kinh này nói La-sát phụ nữ rằng: Ta nghĩ đến ngươi, ta ăn thịt ngươi, tâm này của Pháp Sủng tức La-sát trong kinh.

Lại sắc chỉ xả rằng: Ngài Tăng Biện đã nói thịt chúng sinh tự chết. Nếu nói như vậy thì các loài như chim cú, quạ, tu hú ở chỗ không chết, ở kia không thấy có một con tự chết. Nai, trĩ đầy đồng trống hoặc lưới đầm cũng không có một con tự chết, mà tìm thịt của chết lại đến nhà đồ tể giết, tìm cá chết thì đến chỗ giăng lưới. Nếu không có người sát sinh thì đâu có tự chết.

Kinh nói: Mua thịt cùng tự sát tội này là một. Ta vốn không tự làm, chính là các Tăng Ni khởi nhân duyên lìa khổ.

Lại sắc chỉ xả rằng: Chúng sinh sở dĩ không thể sát sinh vì nếu một chúng sinh có đủ tám vạn hộ trùng. Trong kinh cũng nói tám mươi ức vạn hộ trùng. Nếu đoạn một mạng chúng sinh tức đoạn tám vạn mạng hộ trùng.

Chúng sinh tự chết lại không thể ăn vì số hộ trùng trước tuy đã diệt hết nhưng hộ trùng sau thì rất nhiều. Hoặc nấu hoặc nướng, đây là đoạn hộ trùng đều không phục mạng, chỉ ngọn một chút ở đầu lưỡi mà hại vô lượng chúng sinh. Trong đó, loại trùng nhỏ không thể dùng nhục nhãn mà thấy được, loại trùng lớn thì thấy. Dứt tâm Từ bi tăng trưởng ác độc. Đó thật chẳng phải việc nên làm của Sa-môn Thích Tử.

Lại ra sắc chỉ xả rằng: Chúng Tăng ăn thịt tội nặng hơn người tại gia, người tại gia ăn thịt không khỏi đọa địa ngục nhưng chỉ là một tội, còn như chúng Tăng ăn thịt đã phạm tánh giới lại tổn thương giới luật. Do đây mà nói có hai thứ tội nặng:

1- Nếu là chúng Tăng học vấn ăn thịt, đây là nghiệp ác lại gấp bội trước. Sở dĩ như vậy là vì đạ thông suốt kinh giáo, là người giảng nói, miệng nói từ bi mà tâm thì nghĩ việc độc hại. Chẳng phải là người

không biết, biết mà cố phạm, lời nói và việc làm trái nhau tức thành dối trá gian xảo.

2- Nếu người học vấn ăn thịt thì có ba tội nặng. Do đó quý chỗ giải nghĩa, chính là đúng như lời nói tu hành, lại ăn cá thịt, tàn ác với sinh loại, thành ác trị thức khởi các oán đối, đọa địa ngục mau đến chỗ gươm giáo. Thiện ác báo ứng chắc chắn không mất. Nếu là người xuất gia thật phải nên suy nghĩ kỹ càng.

Lại ra sắc chỉ rằng: Hàng Thanh văn thọ giới luật nghi, bổn chế bảy chi thân miệng. Sau khi thọ, cho đến khi ngủ say v.v... luật nghi thường sinh, niệm niệm được chưa từng có luật nghi. Sở dĩ như vậy là vì ngủ không khởi tâm ác nên không tổn không mất, cho đến bình sinh, nếu khởi tâm muốn sát, đối với pháp Thanh văn tuy không mất giới thân và miệng nhưng đối với giới có tổn, không chỉ tổn giới bất sát mà còn dơ uế các giới khác. Đến như tay gắp, răng cắn động thân miệng nghiệp thì mất giới thân và miệng. Lúc đó, luật nghi không làm tức đoạn không nối nhau. Đã mất giới bất sát mà còn ô uế giới khác. Sở dĩ như vậy Chiên-đà-la khi giết hại sinh vật để có thịt là vì người nào mà giết, chính vì người ăn mà giết. Nếu ăn thịt thì có phần trong việc giết hại. Đối với giới bất sát không hề thiếu, đây là luật nghi bất thiện người trì tám giới quan trai, đây là luật nghi ác vẫn còn nối nhau. Nếu luật nghi ác người trì tám giới quan trai, luật nghi ác không nối nhau. Đây là biết luật nghi thiện người thọ các phần sát, giới bất sát này tức thời liền thiếu giới biệt giải thoát, lại không giải thoát. Luật nghi ác người bất luận giữ tám giới, hễ khởi một niệm lành, tâm luật nghi ác liền đoạn. Nếu một niệm không đoạn, nhiều niệm lẽ ra cũng không đoạn. Nếu nhiều niệm dứt này là biết khi một niệm đoạn, người luật nghi thiện việc kia cũng vậy. Bất luận thọ các phần sát, có chút ít phần sát thì luật nghi bất sát tức thời cũng vậy. Bồ-tát giữ tâm giới vì thế tự mình không có lý ăn thịt chúng sinh, nếu thiếu giới Thanh văn thì không khỏi các khổ địa ngục.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 27

BÀI TỰA THIÊN THỨ BẢY: GIỚI CÔNG

Đời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn.

Chúng sinh sở dĩ bị lưu chuyển trong biển sinh tử lâu dài là bởi không có thuyền giới đức. Nếu nương thuyền giới, dùng cây chèo từ bi mà không thể vượt sóng gió đến được bờ kia thì không có lý việc ấy.

Vì thế, chánh giáo tuy nhiều nhưng cùng một giới làm hạnh bổn, đâu chẳng phải do giới này. Đây là do ban đầu khởi đạo, ý là trước biết môn này. Đối các tâm cảnh so do suy lường tướng trạng kia như thế nào?

Vì thế luận nói: Người thọ giới từ bi làm việc chính. Đối với tam thiên đại thiên thế giới muôn ức mặt trời, mặt trăng cho đến trời Phi tưởng, dưới đến địa ngục vô gián, chỗ nào có các loài chúng sinh đều khởi tâm từ không làm việc sát hại. Hoặc trọn một cuộc đời hoặc cho đến khi thành Phật, thời gian lâu xa, cùng khắp pháp giới, một niệm lành này công đầy cả hư không, đức kia khó lường, chỉ có Phật mới biết được chừng mé đó. Không sát sinh cũng vậy, các nghiệp khác cũng vậy. Do giới đức này nên có thể xa rộng, do đó trên trời dưới đất u hiển Thánh hiền đâu không nương theo duyên này làm nền tảng. Trong kinh không nói sao? Giới như đại địa, sinh thành trụ trì. Có tâm phát, đây là sinh. Tư lương Thánh đạo đây là giới. Pháp kéo dài sáu muôn, đây là trụ. Bảo nhậm ba nghiệp này là trì. Các pháp lành khác bởi thiếu công này, có nhập môn này thì gọi là Thánh chủng, trái với đây vọng lập gọi là phàm lưu, chìm đắm lâu ngày trong biển khổ không có ngày ra. Từ khi pháp truyền đến Đông Hạ hơn một ngàn năm, ở Ngụy Gia, Bình Phương nghe giới pháp, từ đó đến nay đạo tục lưu truyền. Nhưng bậc Đại thánh giáo hóa biết căn cơ cho nên khiến hiến chương của tục sĩ có đủ có thiếu, luật nghi của Đạo nhân có tiểu có đại. Do đó, năm giới, tám giới tùy lượng chế khai, đối cảnh không sai. Giới khoa ước phân ở

lực dụng kia. Đây gọi là giáo hóa dắt dẫn thế tục, không thể nhất định thời gian nhân duyên kia. Xuất gia thì y cứ đạo khác với tục lưu, đầy đủ thời gian nhân duyên không khai giai cấp. Tuy địa vị phân ra đại tiểu, hai môn học y cứ theo hạnh đều đồng thượng hạ. Năm chúng y cứ về lỗi, phẩm loại có khác nhau. Kết chánh đồng giữ một giới. Giới là răn nhắc, thường ngự ở tâm. Giữ sự thanh tín nghe những điều đáng nghe. Vì thế nhiếp nêu có bốn, biết có người phụng pháp.

Triều đại nhà Lương, Hoằng Minh Tập giới công thiên lục.

Quảng Hoằng Minh Tập, giới công thiên lục.

Đời Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn và sách của Lưu Di Dân

Đời Lương, Nguyên Đế và các sách của Tiêu Ti Nghị.

Đời Lương, văn chọn lựa và sách của Tương Đông.

Đời Trần, Luật sư Đàm Viện và sách của Triều Sĩ.

Đời Trần, Sa-môn Thích Tuệ Tân và sách của Luật sư Đàm Viện.

Đời Tùy, sách của Dương Đế và Trí Giả Khải Thiền sư.

Đời Tùy, văn thọ giới Bồ-tát của Dương Đế

Đời Tùy, Trí Giả Đại sư và sách của Dương Đế.

Cuối đời Đường, ở Nam Sơn, Thích Thị gồm lược Tề văn tuyên pháp môn tịnh hạnh.

Thích Tuệ Viễn và các sách của ẩn sĩ Lưu Di Dân.

Đời Tấn, non Lô Sơn, Thích Tuệ Viễn.

Lưu Di Dân ở Bành Thành, vào niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, trừ hai huyện Tuyên Xương và Sài Tang, thẳng đến Lô Sơn Linh Thúy. Cứ thẳng đến không trở lại, gặp Sa-môn Thích Tuệ Viễn rất khâm phục. Đinh Mẫu Ưu bỏ chức vào núi, bèn có ý chí. Ở phía Bắc Tây Lâm Nhàn, riêng lập thiền phóng, dưỡng chí nhàn cư, an bần không buôn bán lợi lạc. Lúc đó, kẻ sĩ nhàn thối khinh cử mà học tập, như Tông Yên, Trương Dã, Chu Tục và đồ đệ của thứ tông, đều có mặt ở hội. Di Dân và các bậc Hiền du xứ nghiên cứu lý nhiệm mầu. Thường ngày, Tuệ Viễn có gửi thư nói thường nghiên cứu sự việc đã qua, lưu tâm sách ở đời, cho là hoa uyển năm đó. Và gặp Lão, Trang, biết danh số là hư đàm biến mà thôi. Nay quán thì biết đường trầm minh, đâu được không dùng lý Phật làm đầu. Nếu hội Hữu tông thì trăm nhà đồng đến, vua dân đều là đệ tử của Như Lai. Sách danh thần phủ là đã lâu ngày, luống chứa hưng thịnh hoài viễn mà thiếu tư lương nhân tịch, do đó mà nhiều năm, há có thể khuyên túc tâm kia ư? Ý cho rằng sáu ngày trai, phải lựa dứt tuyệt việc thường ngày, chuyên tâm cửa thiền, nhưng dốc tình vào bến gởi, kế đời

sau sâu xa. Nếu nhiễm văn hàn chuyết, có thể nương gá ở đây. Không nói sinh vào chỗ không đủ, nhưng chẳng nói không do ưa thích lý chỉ, nhân dụ người tài giỏi, cũng nào hẳn xa gởi người xưa. Đối đây, đạo tục sơn cư ngày thêm gắng sức, Di Dân siêng năng dốc chí, giữ đủ giới cấm, Tông Yên, Trương Dã v.v... không sánh kịp. Chuyên niệm thiền tọa mới được nửa năm, trong định thấy Phật. Đi trên đường thấy tượng Phật trên hư không hiện ánh sáng chiếu cả trời đất đều màu vàng. Lại đắp ca-sa tắm trong ao. Xuất đinh liền thỉnh Tăng tụng kinh, nguyện mau bỏ thân này, ở trong núi mười lăm năm, tự biết ngày mất, giã biệt chúng, đều không bị bệnh khổ. Đến giờ qua đời ngồi ngay thẳng, mặt hướng về phía Tây, thu tay khí tuyệt, năm đó được năm mươi bảy tuổi.

Trước làm đốc chung răn rằng “Hoàng phủ Mật Di Luân Bội Hiếu Kinh”. Nêu bày không quên hiếu đạo. Bởi dường như có ý hành sự tiểu nhi. Ngay đất làm mộ, chớ dùng quan quách. Tử Ung làm theo, Chu Tục chi... Xây thất thứ lớp, đều có phương tích. Như chỗ khác nói.

CÙNG SÁCH CỦA TIÊU TI NGHỊ - ĐỜI LƯƠNG, NGUYÊN ĐẾ

Có nghe: Viên quang bảy thước chiếu đến mây trân châu, diệu môn năm màu suốt đến đất san hô, hóa thành đất vàng. Đoạt nước đẹp biến đồng kha tuyết cao màu huyền sương. Há không có căn cơ thì cảm, cảm thì liền thông. Có thần thì có trí, cótrí thì quyết đoạn. Vì thế, lầu Ngọc bích thăng đường chưa dễ, điện tử cám nhập thất là khó. Cần phải có tín căn trong năm căn, vì căn tin làm đầu. Bố thí độ trong sáu độ, vì bố thí là trước hết. Cho nên có thể xả tài theo tín, bỏ có theo không, theo đây mà bàn, có thể biết. Thầm cho rằng điềm tốt phóng quang, đều tưởng mười ngày. Theo đuổi sự sâu xa của Thuấn, hình nơi ngũ thức. Lòng thành hớn hở, kết ở hưng tẩm, hơi giác biết chín mùi của chữ thập, ngửi mùi thức ăn ngon ở đâu. Vị ngũ đảnh từ giã yến tiệc. Táo, canh, lân bô không nghe tiếng nói kia. Sữa dê đỏ tươi đâu đủ, khốn khổ vì rượu thịt, chưa bằng lỗi không ăn. Ốc sò lên thớt, đâu kịp rau mùa xuân làm sạch. Muốn ba ngày trai tịnh, tự diễn chí nhung nhất trung mà thôi. Tự có gạo như ngọc duệ lam loại hình cọp. Rau cần ở Vân Mộng, rong biển ở Liêu Đông. Mười cân lê, ngàn cây quít. Măng xanh, gừng đỏ, gỗ lật rắn chắc, sương táo, vừa miệng, no bụng không tố không hoạch. Nước tám công đức đều nhập pháp lưu. Tứ vương đều đến mở mang đạo pháp, đồng chí làm bạn, há không thạnh ư. Tiêu dịch sớ.

TRẢ LỜI THƯ TƯƠNG ĐÔNG VƯƠNG, VĂN GIẢN ĐỜI LƯƠNG

Tối ngày 18, ở tỉnh Cáp Ngoại Hoa Lâm, được thư ngày mùng một tháng chín. Thậm úy huyện tưởng, tiết mùa thu trong mát như thường. Châu sự nhiều không đủ lao nhọc, khí hào lương không khác hằng ngày. Vui vẻ khi có việc vui. Du sĩ văn tân so được bàn thưởng, rốt cuộc theo nhau đâu có ngày nào gần. Chu Hán công phu chuyển có thứ lớp, suy nghĩ thấy sách này có nói sự đói khát kia. Tôi trông mong thọ giới cầm của Bồ-tát, dự bị Đại sĩ. Ngày 12 liền sám hối ở Đông Thành. Sáng sớm ngày 17 vào Bảo Vân. Cửa ngọc chiếu, mặt trời đỏ chói, rồng nhổ sương. Hồng tuyền gồm bày, hoa sen xanh thơm ngát, pháp lữ thành đoàn, núi vàng khắp tòa, thân tâm khoái lạc được chưa từng có.

Sáng hôm qua pháp hội ở pháp hội Bình Đẳng, giữa sau không ngại thọ trì. Thiên nghi lâm tịch, tối dung thân chứng, bái phục tuy nhiều, lao nhọc mau hết.

Khi thế đảnh tâm đây đặc chí, miệng thân tự gặp đều muốn rơi rụng không ngại lời bàn Mã Viện di sắc, không từ lời ứng, sự chê cười của Xích Á. Tăng tấn điển nghị chẳng khác ngày xưa. Cuối ngày hỏi Tấn, đâu bằng Tử Lộ. Tìm thủ danh, danh là nhân lý. Hoàng tình ấn khả nay liền phụng hành.

GỬI THƯ CHO LƯƠNG TRIỀU SĨ (Luật sư Viện)

Đàm Viện ở chùa Quang Trạch bạch rằng: Bậc chí nhân thùy hối đều hướng đến cơ quyền, vì thế ngoài thì lấp ba ngàn ước sự, trong thì trình bày tám vạn luật nghi. Thật là khuôn phép dạy dỗ, dị môn không ở dâu chẳng răn bảo, Khổng Tử định các hình phạt để trị cấm kẻ gian cừu. Thích-ca lập pháp yết-ma để diệt hết các Tỳ-kheo trái pháp. Hai vị Thánh giáo riêng có chỗ còn. Bỗng thấy Tăng Ni có việc thường đến Công Phủ. Vả lại, trong ngoài khác nhau, khoa liệt khác nhau, hoặc trong luật thì khinh ngoài chế thành trọng, hoặc trong pháp thì trong ngoài lại là khinh. Phàm tình hoặc muốn lợi mình thì bỏ trọng bên trong mà theo khinh bên ngoài. Hoặc muốn hại người khác thì bỏ nặng nhẹ mà y theo trọng ngoài. Chẳng những ô uế thời tể mà còn trái với lý chế. Hạnh thuộc linh công khuôn bật. Xã tắc hòa âm dương, chèo thuyền Đại thừa giữ vững Tam bảo, xa gần hướng phong trắng đen đều vui. Bần đạo thiểm cư tăng lệ, tìm tu Tỳ-ni. Lụy hoạch Tăng tào tống sự phỏng luật, quyết tìm giới luật của Phật, nước thì có hiến chương. Tăng đồ tranh chấp, chưa xét kỹ y theo chiết đoán nào. Kính gửi vãng điệp, vâng phụng hoàn chỉ, ngõ hầu thành ước pháp thường để vâng theo.

Thích Đàm Viện trình.

GỬI THƯ CHO LUẬT SƯ VIỆN - THÍCH TUỆ TÂN

Tuệ Tân kính lễ

Trộm nghe tìm thầy muôn ngày dùng lễ thấy biết, mà tân phục chưa sâu, quá mong đón tiếp. Xưa Trưu Dương Thượng Thư, có khả năng dẫn làm thượng dung. Đời Tống, Ngọc Trần Phú thưởng nơi Lương Sơn. Vả lại, Khương Tăng Hội đến đất Ngô có khả năng làm sư biểu, Ma Đằng vào đất Hán, hạnh hợp luật nghi ư? Vì thế, phải biết đạo nhờ người mở mang thì đức không cô lập. Nay tham học xưa đều chẳng phải trường hợp kia. Đâu thể trống rỗng tôn sùng linh thiêng, ngồi yên Long Ốc. Đó là tiếng tăm vang xa, khen vượt thân biểu. Nhưng pháp luân ban đầu khởi, thỉnh nghiệp như mây, chẳng phải bốn biển đồng phong tục, thiên hạ kính mến nghĩa, bèn khiến cho bạn đội hòm sách từ xa, kẻ sĩ quy nhân nối gót lại nghi. Hoa âm trở thành chợ, đâu từng có đủ. Giơ tay áo như tám màn, đâu được riêng cao đời trước. Huống chi lại mở mang môn ban đầu thiền định, mở đèn đuốc trí tuệ. Lòng tin thật có thể nghiêng sông ngã biển, giảng nói không cùng. Ban đầu đến, tàn phá thành vàng, đời sau bẻ dẹp răng bén, có thể gọi là huân tu giới thiện, có thể khiến cho Thập địa anh lạc giữ gìn thân hạnh, thì khiến tám món chánh đạo trang nghiêm thật đẹp, Thánh phàm hòa hợp u hiển. Gia thêm sự ưa thích hoài diên nắm dùi, siêng năng lấy lửa đom đóm lưu mạch. Hoặc mổ bụng con ve để tìm hạt châu, đào sông tìm của báu. Nhưng Tuệ Tân một hạt cải cũng chẳng thấy, trong ngoài không nghe. Học dứt huyền chung, nói tạm tán phân. Đồng như loại cây Trắc trực lan. Loại cây kiêmgia lầm cho là cây Ngọc mới biết mênh mông sâu rộng, không đợi giọt châu. Hoa nhạc khung sùng đâu đợi ngọc du trần. Thí như chim Phượng mùa thu như cây cối mùa xuân kia. Lá rơi không dự trăm cành, rụng một sợi lông nào có quan hệ đến sáu cánh. Chánh là nói thân danh ngưỡng ủy, gặp việc không biết giải quyết, khư khư giữ thành dụ như mặt trời sáng. Không để ý ba bên, mà có bốn bang nhiều lũy. Khiến cho khuy tán giảng đình thỉnh ích thành phế nói lời buồn bã, cố gắng bày hết. Chỗ trông mong khó thanh tịnh, chướng trừ lại thúc giục thọ lãnh, không nhậm luyến kết.

Hành Di chỉ thừa, Tuệ Tân kính lễ.

LUẬT VIỆN SƯ ĐÁP

Thư đến luống trả lời, bởi sự bùi ngùi, tôi học sơ sài không có chuẩn đích. Trung gian tuy có giảng thuyết nhưng khác nào lấy ống dòm trời, đâu đáng làm khuôn phép cho kẻ hậu lai nối gót bậc hiền triết. Bởi

thân bệnh hoạn ốm gầy nhờ môn nhân dẫn đi. Một sư thạnh nghiệp, bỏ phế không truyền. Tuổi năm mươi bỗng chốc đã đến, đêm dài lo âu buồn bã nào thôi. Chưa có việc tốt, ngày càng áp tốt nhau. Bèn cho là bải lão, lại tự cố gắng. Như Pháp sư số tử vốn xuất danh gia. Tài nay lại được lợi, quyết muốn nghiên cứu luận bộ, nhậm trì luật tạng, mới làm món đồ tốt, ngày thấy tuyệt trần. Lại có Hải biểu ký Tăng Tụ Trung khai sĩ, đều học Vô Thường sư, không xa mà đến hỏi học vấn, đủ gọi là vui một thời. Bất ý hồ binh phạm tất lỗ mã ẩm giang tháp miếu đốt như các Tỳ-kheo nghĩa học bị chôn sống. Ngay ngày đó Kinh Hoa Cố Lão không bàn, lại đến thăm nơi sâu xa, khiến sự dạy dỗ kia bỏ phế lâu ngày không tiếp tục, làm sao cho là dạy dỗ người. Vì thế trong miệng mọc gai góc, chất Thư hoàng (chất hóa học A2Z3) bỏ vào lưỡi. Nấu nước mà tìm nước, chưa đủ để làm thí dụ. Đứng lâu sẽ được nhìn gần, mới trình bày điều nghi.

Viện bạch.

ĐỜI TÙY, DƯƠNG ĐẾ Ở NON THIÊN THAI, VĂN KHẢI THIỀN SƯ THỌ GIỚI BỒ-TÁT

Đệ tử vốn thường chứa nhóm việc lành, sinh trưởng ở Hoàng gia.

Đình huấn sớm đến, di giáo sớm thấm nhuần. Phước lộc vội đến, diệu cơ đốn ngộ. Hổ thẹn Tiểu thừa gập ghềnh, trông mong Đại thừa an nhàn. Chê sự dừng nghỉ ở hóa thành, nguyện chèo thuyền đến bờ kia. Khai sĩ muôn hạnh giới thiện làm đầu. Bồ-tát mười thọ, chuyên trì là trước nhất. Dụ như xây dựng cung, thất trước tiên phải có nền móng, nếu luống làm trên hư không thì không bao giờ thành. Khổng Tử, Lão Tử, Thích-ca đều làm khuôn mẫu. Không có khuôn phép nghi thức thì ai kính ngưỡng. Thật phục năng nhân xưng làm Hòa thượng, Văn Thù làm Xà-lê Nương nhân sư hiển truyền Thánh trao. Từ gần xa có cảm thì liền thông, ba côn khánh tủy nơi vô kiệt, Thiện Tài quên thân ở pháp giới, kinh có văn rõ ràng, không luống ức thuyết. Tin sâu lời Phật, hạnh tôn thời đạo. Thiền sư Phật pháp long tượng, giới châu viên tịnh, nước định lóng trong. Do định phát tuệ, đâu được ngại nói. Trước vật sau mình, nắm lấy thành gió, tiếng tăm ở xa nghe, mọi người đều biết. Đệ tử sở dĩ kiền thành diêu chú, thân xa kính ngưỡng. Thường lo duyên sai khác, gặp các chướng nạn. Cũng đã đến dừng tâm lộ bày sáng tỏ. Vạch mây mù bao phủ phiền não. Vào ngày, tháng, năm, ở Kim Thành Dương Châu lập hội gồm một ngàn vị tăng, kính thuyết giảng giới Bồ-tát. Giới gọi là hiếu. Phương tiện trí độ quy tông, phụng kính rất trang nghiêm.

Lòng từ của Đức Như Lai cùng khắp. Chư Phật thương xót, xem bốn loài sinh giống như con một v.v... Đã thuyết giảng rồi, liền nêu pháp danh, Minh Đế làm Bồ-tát Tổng trì.

Vua đảnh thọ rồi, bạch rằng: Đại sư Thiền Tuệ nội dung đạo cho là Pháp Trạch, có thể phụng danh là Trí Giả, đây là đồng hiệu với đời Lương, Pháp sư Cao Cử Ước.

Thiền sư Thiên Thai Trí Giả gởi thư cho Dương Đế văn rườm rà không chép, có đủ trong soạn tục Cao Tăng Truyện.

BÀI TỰA TỔNG LƯỢC TỊNH TRỤ TỬ TỊNH HẠNH PHÁP MÔN, THÍCH ĐẠO TUYÊN

Tịnh Trụ là Lưu Thượng kia. Phương pháp noi theo Pháp vương khai hóa dẫn dắt. Gồm nhiếp chúng sinh có lòng tin thành việc ứu giúp. Đây là chánh pháp tồn tại hay bị mai một đều do sự tin ưa và hủy báng. Thần dụng sáng tối hoàn toàn nhờ năng lực biếng nhác và siêng năng. Khai mở Luân vương hưng vận sáng lập đầu tiên có kiếp. Pháp chủ khai lập bắt đầu nơi trược hoặc kia là sao ư? Bởi lý do này. Lòng tin do thật thà kết nơi tâm kính cẩn, vì thế khiến cho cơ cảm tôn quý ở thấy nghe. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến Trung Quốc hơn sáu trăm năm, đạo tục kính ngưỡng dấu vết khả kính kia, còn như biết căn cơ minh lược khi mở mang cứu giúp. Truyền thanh quy ở Di lê, dẫn dắt thành khuôn phép với người có lòng tin, văn này ở đây có thể làm Tông Cảnh.

Xưa Nam Tề, Tư Đồ Cánh Lăng, Vương Văn, Tuyên Công, Tiêu Tử Lương kính ngưỡng đạo Phật, thâm đạt giáo lý, chú thích kinh luận, đâu được từ lý, trừ tà đạo mở mang chánh luật, rộng truyền Nhất thừa khen ngợi bảy chúng. Đời gọi là bút hải, thời hiệu Trí Sơn, hoặc cảm mộng Độc tôn, càng khen ngợi Thiên vương, hoặc thầm trao kinh bối, truyền tinh hoa thần độ, noi theo đức nan, rõ ràng từ cửa cung.

Đời Tề, niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám, cảm mộng ở thế giới Phổ Quang ở Phương Đông, Thiên vương Như Lai lập pháp môn Tịnh trụ tịnh hạnh. Do kia giảng diễn, nói Tịnh trụ: là tên khác của Bố tát, Bố tát là tiếng nói của chư Thiên, Tịnh trụ là tiếng nói của loài người, hoặc gọi là Tăng Tấn, cũng gọi là trưởng dưỡng, đạo và tục đều bẩm thọ tu hành. Nghĩa là tịnh thân, miệng, ý đúng theo giới mà trụ, nên gọi là Tịnh trụ.

Tử: Là nghĩa nối tiếp. Do ba quy y, bảy chúng chế ngự tình trần, gốc lành thêm lớn, nối thạnh hạt giống Phật, nên gọi là Tịnh trụ tử.

Nói “pháp môn Tịnh trụ”: Nhờ các nghiệp thanh tịnh, do đó giáo

hóa ở đời, rõ được các pháp môn, nên có tánh tướng khác nhau. Đầu tiên ở hoài duyên, cuối cùng nơi tuyệt bút. Qua bảy tuần lễ, hai hòm kinh đều rõ, khai mở rộng lớn nhóm họp nhiều vị tài giỏi, thân ở nơi tòa bàn các tông phái. Mười chúng tập trung, hoặc đến núi Hoa Âm, bốn bộ kích dương đồng yết kiến hội Linh Sơn, có người nói: Nghe chỗ chưa nghe, thanh tâm lắng nghe, vì thế Giang Biểu Thông Đức thể đạo thừa quyền. Thống nhiếp tập học dùng khai linh phủ. Trần Bình, Tùy Thống giúp đến Quan Hà, Truyền độ không thiếu ở Tạng bộ. Đàn hậu tấn học ít, ý thức mê muội, tiến tu không hề nghiên cứu. Nhậm tình ức đoạn gọi là Ngụy Kinh. Theo nhau xả bỏ, đồ chúng ở đây, thật đáng thương xót. Nay tôi nhàn rỗi, xem xét tổng quát, văn thật tinh hoa, lý tồn gốc tin. Vì thế biết sở học giáo thuyên ngày nay toàn là sư tâm, tâm sao có thể noi theo, một chí như đây. Đây là do luận Trí Độ nói rằng: Sau khi Phật diệt độ, nếu chỗ nào chế thuật mở mang khen ngợi kinh Phật, đều gọi là A-tỳ-đạt-ma, là nhiếp hết mười hai bộ kinh, Thánh giáo rõ quyết, lý bặt khuôn phép. Do người mới học hoặc mê muội chưa có xem đến, lại bao gồm lược thành một quyển. Tóm lược đại khái rõ ràng. Phân biệt trình bày chỗ tốt đẹp, đủ để mở đầu nửa bước cho người sơ tâm, nêu chỗ theo của con cháu. Lại rộng khen nơi chùa chiền, ngõ hầu khiến cho kẻ ngu người trí hiểu biết và có niềm tin bền chắc. Đạo muôn đời khai mở, nền tảng bảy chúng thành lập. Cung kính mà có tín tâm, đây gọi là người Tịnh hạnh. Tôn mà thực hành là không mất mục đích Tịnh trụ. Dặn dò các bạn nên biết ý đó.

TỊNH TRỤ TỬ TỊNH HẠNH PHÁP NAM TỀ, VĂN TUYÊN CÔNG HOÀNG GIÁC BIỆN ĐỨC MÔN THỨ NHẤT

Trong chín mươi sáu đạo, đạo Phật là hơn hết, không đâu chẳng phải nghĩa ấy, nếu đặt tên để bày đức, không có đức thì không thể hiển bày danh. Có danh chưa chắc có đức, có đức thì danh không nói suông. Do đây mà biết danh có thật có giả, đức cũng có hư có thật, đâu thể đạo tục xen lẫn và đồng, thầm gọi giả thật mà không phân biệt ư? May thấy giáo khác khuôn phép khác nhau phân đường khác vết, chưa hề không có danh ấy mà thiếu đức ấy. Không đâu chẳng gọi ấy mà cầu dụng ấy. Đây là biết có danh không có đức là ngoại đạo, có đức có danh là Phật đạo, thí như qua biển phải nhờ thuyền, bước đi phải nhờ đôi chân. Vì thế kinh nói: Trực tâm là đạo tràng vì không luống dối, Phát hạnh là đạo tràng vì có khả năng giải thích sự việc”.

Như vậy, bốn thệ nguyện rộng lớn, sáu pháp độ đều gọi là đạo tràng. Nương nhân thù thắng này được quả nhiệm mầu này. Do đó bỏ được những phiền lụy kia, trí Bát-nhã soi chiếu kia. Tướng tốt bày nơi dung mạo kia, pháp thân hiển đức kia. Nói về chí nhân ấy thì ba niệm đều tưởng, nói về tự tại kia thì không sợ độc bộ. Nói về công đức chứa nhóm thì mười Lực làm dụng, tôn kính nhiệm mầu cùng tột kia thì mười tám pháp bất cộng, thần thông phương tiện v.v... vô lượng pháp môn. Thông suốt ba đời, soi chiếu muôn cõi, xuất sắc hiển rõ, anh Thánh siêu quần, vì thế hiệu là Như Lai, mười hiệu đều dần dần. Đã tự giác đối với đêm dài sinh tử, lại tự khởi cho người chưa giác ngộ. Đây có thể gọi là có danh ấy thì đức không đâu chẳng đầy đủ, đủ sự tốt đẹp ấy thì đức không đâu chẳng đủ, vì thế biết hình ngay thì bóng thẳng, âm thanh nhã nhặn thì tiếng vang hòa. Chưa thấy tướng mạo xấu soi gương mà thấy hình đẹp. Thân thấp chiếu Xa-nặc nước mà thấy cao rộng. Sách nói: "Không lên núi chẳng thể biết trời cao, chưa xuống nước thì không biết đất dày. Phàm các nhà dị học như thế đều rơi vào đại đạo của Phật.

Vì thế kinh nói: Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, vì thế sáu vị giáo chủ ngoại đạo kết thệ kinh hỏi danh Đức Phật. Đức Phật đáp:

"Tối chánh giác tự đắc
Không nhiễm tất cả pháp
Nhất thiết trí vô úy
Tự nhiên không thầy dạy
Độc tôn không ai bằng
Tự chứng ở chánh đạo
Như Lai: Thiên nhân tôn
Nhất thiết trí vô úy".

Nay đều đã biết đức có quy về tà chánh khác đường, thiện ác chia nẻo, phàm thánh cách biệt, may mắn tin lý nhân quả, ngộ lẽ vô thường, thuận trí lưu nhập chánh đạo. Các bậc hiền đều có thể diệu xuyên mà không theo kịp, gặp giao túy mà dần đến, ghét sinh diệt vô cùng, kính mến ngã tịnh thường an vui. Phàm ta đều ngưỡng phong xan hóa, cắt ái từ sự vinh hoa, đâu được không rõ ràng tăng đến, hình mạng tranh nhau? Vì thế thường thanh hòa tánh kia, thương xót loài hữu tình, tâm bình đẳng cứu giúp, dùng pháp ân thí. Không phạm không lấy có cầu không trái, thường hướng về Đại thừa, trong ngoài giúp nhau, đây gọi là đầy đủ pháp môn thanh tịnh.

BÀI TỤNG BIỆN ĐỨC MÔN, NAM TỀ, BÍ THƯ THỪA VƯƠNG DUNG

Tụng rằng:

"Tím thật mờ đỏ
Cuồng tư lạm triết
Sai nẻo khác loài
Phân nguồn tranh chèo
Đẹp đẽ hoặc u
Rõ ràng mỗi thuyết
Nước mạnh sóng trào
Khói hết lửa tắt
Tình đoan luống chung
Lý hướng không tệ
Chẳng có tâm sáng
Ai nối dòng Thánh.

MÔN KHAI VẬT QUY TÍN - THỨ HAI

Đức Như Lai thương xót chúng sinh, coi như con một, đâu không dùng phương tiện khéo léo, rộng cứu giúp đến bớ lợi ích ư? Do đó thị hiện thân trượng sáu, nêu bày linh nghi. Tùy phương ứng cảm pháp thân chẳng phải một, và kim thân kia nương thể tướng tốt quang minh, hiển phát chúng sinh ưa thích chiêm ngưỡng. Đi thì cả Đại thiên chấn động, các ma nhiếp phục; đứng thì rỗng đạt định ngoại đạo quy hóa; ngồi thì diễn thuyết Phương Đẳng Thích Phạm; nằm thì khai đạo Nhất thật, ba thừa bẩm đức. Nói thì cứu khổ ba đường; cười thì bốn loài sinh được an vui. Nghe tiếng chứng đạo, thấy hình giải thoát đương thời há không thạnh ư? Người đời nay tuy bẩm tinh linh, hôn mê chướng nặng, tới không thấy khất thực quốc thành, lui không nghe tám âm giải thoát. Bởi tội nghiệp sâu dày, phiền não quá mạnh. Chẳng những sợ không thấy Phật tiền, Phật hậu, Lai Thánh, cận hiền mà thân lo đường ác cũng không do đâu để dứt. Phát được ý này thật có lòng từ bi tha thiết. Vận tưởng như thế không biết khổ đau tâm, há cho thuận mặc sử lưu nơi biển khổ, trầm luân nước sôi, lửa nóng mà không tự cứu? Cần phải mạnh mẽ lẫm liệt, chiết phục tình ý, sinh tâm tăng thượng, sám hối diệt tội, bỏ ác trần lụy, mới có được quy tín. Tự mình không giữ vững ý chí kia, quên bỏ thân mạng, lao nhọc chịu khổ bùi ngùi thương xót, sẽ sợ lửa phiền não đốt cháy không do đâu mà dập tắt được. Vô minh ám chướng chưa có lúc khai mở. Thí như lao ngục trói buộc các khổ mang kìm vàng, đội

vòng sắt đánh đập thân kia, máu mủ dơ bẩn khắp thân hình, hôi dơ ràng buộc mà muốn tướng trạng này cầu thấy quốc chủ, quý thần, tuy nhất tâm không biếng nhác, chí thành đã có, sợ lên điện cao, đến Đình ngọc, cũng không do đâu mà có kết quả. Khiến hết lòng muốn thấy là khó. Vì sao? Vì kia đầy đủ tội ác không lìa các sự khổ. Nếu bỏ được gông cùm xiềng xích, giặt sạch y phục dơ uế thì vua không ngại ta tự nhiên hiển hiện, nay muốn quy y kính tin cũng vậy. Muốn thấy được tướng tốt quang minh của Đức Như Lai thì trước phải thanh tịnh thân, miệng, ý, trừ sạch tâm dơ bẩn. Sáu trần ái nhiễm, diệt hẳn không khởi, mười ác trọng chướng sạch hết không còn. Nghiệp lụy đã trừ, trong ngoài đều tịnh mới vận tư tưởng trong sáng nơi giả-duy, nêu tâm thanh tịnh ở cõi báu, bỏ các trần lao nhập vào môn quy tín. Tất nhiên sẽ thấy được pháp thân vô ngại. Như người bị nhốt trong lao ngục thoát khỏi gông cùm xiềng xích tự nhiên thấy vua. Nay ta dứt sạch phiền não cũng sẽ thấy được chư Phật. Nếu không như vậy tuy ân cần chí thiết gấp bội cũng e rằng bị chướng ngại không thông. Há không năm vóc sát đất như núi Thái sơn lở, nhất tâm quy tín không có sự nghi ngờ, kính vì bậc chí tôn Hoàng Thái tử bảy cung điện, Thánh linh, Long Thần tám bộ, tất cả chúng sinh bị khổ, kính lễ tất cả chư Phật trong ba đời mười phương cầu xin sám hối, khi sám hối rồi phải thường thực hành tâm mềm mỏng điều hòa, tâm kham thọ, tâm không buông lung, tâm vắng lặng, tâm chân chánh, tâm không xen lẫn, tâm không san tham, tâm thù thắng, tâm rộng lớn, tâm từ bi an vui, tâm khéo léo hoan hỷ, tâm độ tất cả, tâm ủng hộ chúng sinh, tâm vô ngã sở, tâm Như Lai. Phát tâm bình đẳng rộng lớn, thù thắng, tốt đẹp như vậy rồi chuyên cầu học rộng tu định lìa dục, giữ giới thanh tịnh, nhớ báo ơn đức, thường ôm lòng vui vẻ không bỏ chúng sinh.

Bài tụng môn quy tín:

Sinh phù mạng ngắn
Thức mê tình trái
Mây nghiệp kết bày
Mặt trời tuệ sáng
Ngoằn ngoèo tu đạo
Đêm tối không về
Lên non Tiểu Lỗ
Biển lớn Nan Nghi
Tìm đá gặp ngọc
Biện gạch biết châu

Mê kia chưa suốt
Không chánh, sao nương?

MÔN TRỪ SẠCH BA NGHIỆP - THỨ BA

Ba nghiệp thân, khẩu và ý là là đầu của ba họa hoạn, cho nên kinh nói: "Có thân thì khổ sinh, không thân thì khổ diệt".

Đã biết kia là hoạn khổ thì phải khuất phục mà dứt trừ. Mục yếu của việc dứt trừ khổ không gì hơn sám hối. Pháp sám hối trước phải dứt sạch tâm kia, tịnh suy nghĩ kia, hình ngay thì tướng mạo thẳng, thân cung kính, trong tâm nghiêm túc, thì ngoài biểu lộ sự hổ thẹn.

Kinh Thư nói:

"Lễ không đâu chẳng kính
Ngạo mạn không thể sinh".

Lại nói: Có lỗi mà sửa đổi, đó gọi là không có lỗi.

Kinh nói: Đối với tất cả chúng sinh cung kính như người thân. Đều tự tỉnh lại lỗi kia, sau mới sám hối. Chúng ta từ vô thỉ cho đến đời nay, do thân và ý tạo các nghiệp khổ, đều duyên ngu si, phần nhiều trái với chí giáo. Bèn kiêu mạn biếng nhác, thân không cung kính, ngồi ngủ buông lung, đi động khinh ngạo, hoặc vào phòng tăng, hoặc lên điện đường, lễ bái chung quanh, thân không cung kính. Hoặc đối trước cha mẹ, sư trưởng, bậc thượng trung hạ tòa, thiện hữu tri thức ăn mặc không đàng hoàng, hành động trái pháp, không lễ mà nhìn, trái với thể chế. Hoặc lấy trộm tài vật của Tam bảo và tất cả vật của thân thuộc và của người khác tịch thu cưỡng đoạt, dối trá tăng giảm, không nhân lấn hiếp. Hoặc dâm dật buông lung, không thời không xứ, bất kể cầm thú, không tránh thân tộc. Hoặc tạo tội ngũ nghịch nước sôi lửa đốt, công kích hầm hố, gia độc kẻ vô tội. Hoặc cắt mũi, chặt chân, cắt tai, tra khảo bằng roi, chặt bắn. Tổn thương chém chặt, mổ xẻ tàn độc. Mổ xẻ thui nướng, nấu chín các tội như thế hoặc vì dâm dục, hoặc vì tài lợi, hoặc vì tham lam keo bẩn, hoặc vì si ngã, không thẹn với hiền ngu không hổ với Thánh đạt. Nay suy nghĩ tội lỗi này như bóng theo hình, sợ sệt hổ thẹn, xót thương sám hối đau khổ, sám hối rồi, nếu có người làm hại thì từ này trở đi làm bạn lành chân thật, đời đời cùng nhau dùng phép chỉ bày sám hối. Nguyện chư Phật mười phương che chở nhiếp niệm. Sám hối thân nghiệp rồi, chướng không hề tạo nữa.

Kế sám hối khẩu nghiệp, đây là cửa của khổ hoạn, là đầu mối tai họa.

Kinh Thư nói: "Một lời nói có thể làm cho nước nhà hưng thịnh,

một lời nói có thể mất nước".

Lại nói: "Lời nói và việc làm là chen chốt của người quân tử. Then chốt nếu phát ra là đứng đầu của sự vinh nhục".

Kinh nói: Không được nói lời chia rẽ, lời ác, nói dối, nói thêu dệt. Nói lời nịnh hót, hoa mỹ, châm chọc xảo quyệt, vì thế lời nói có họa hoạn chuốt lấy quả báo thật nặng, rộng như trong "kinh Tự ái" có nêu bày nghiệp tướng này.

Lại như kinh nói: Có Nhân duyên mất mạng còn không nói dối, huống chi cười giỡn châm chọc xảo quyệt thị phi. Phải thường dùng tâm ngay thẳng sám hối khẩu nghiệp.

Kế sám hối ý nghiệp, ý là căn bản của thân và miệng, là cửa của tội phước.

Kinh Thư nói: Xét bảy tình, vụ bảy suy nghĩ, suy nghĩ không tà vạy thì hành động sẽ chân chánh.

Bảy tình là: Ái, nộ, ưu, cụ, tắng, ái, ác.

Chín suy nghĩ: Thị tư; Minh thính tư; Thông sắc tư; Ôn mạo tư; Cung ngôn tư; Trung sự tư; Kính nghi tư; Vấn phẩn tư; Nan kiến lợi tư. Đây đều là trừ bỏ tà, thực hành chánh.

Kinh nói: Không được sân nhuế, ngu si, tà kiến, vì thế mà biết muôn điều ác đều do tâm tạo. Vì sao biết như vậy? Vì nếu mắt duyên thì tâm khởi. Cho nên miệng phát lời ác, lời là do ý hiển, liền hành động mà phạm tội nặng. Nay muốn giảm lời nói kia, chánh thân kia, không bằng trước trừ tâm kia, kế bẻ dẹp ý kia. Vì thế trong kinh nói: "Chú tâm vào một chỗ có việc gì mà không làm được". Tâm đã hội vào đạo, thân lỗi không ngăn cấm mà dứt, lỗi của miệng không ngăn mà diệt. Nhưng thân nghiệp và khẩu nghiệp thô có thể ức chế, còn ý nghiệp sâu kín tế khó biết được hết.

Rộng như trọng các kinh có nói về tướng trạng kia.

Bài tụng về sám hối ba nghiệp:

"Vui do sinh diệt
Họa toàn do thân
Nghiệp giúp ý gây
Sự nương lời nói
Lợi suy đều nhờ
Vinh nhục ràng buộc
Yến, ký không bước
Châu giai đồ tuyên
Hoặc đoan phong tự

Cảnh ái tinh huyền
Không siêng nhất chí
Đâu lên tứ thiền.

MÔN TU LÝ SÁU CĂN - THỨ TƯ

Kinh nói: Tội không có tướng nhất định, tùy nhân duyên gây ra, đã do nhân duyên sinh thì nay cũng theo nhân duyên diệt. Trước đã sám hối tội trọng ác kia rồi thì ba nghiệp đều trong sạch. Lại muốn trang nghiêm tướng mạo nhan sắc thì sáu căn phải thanh tịnh. Đồng biết rằng tâm sai sử các thức. Cũng như vua sai sử các quan, vì thế Kinh Thư nói: "Người quân tử kinh sợ? Như sáu ngựa của vua mục nát". Nói kia sợ kính ngự vật không bằng quên mình. Nghiệm việc này hiểu rõ ràng, đều do muôn cảnh um tùm cảm phát trong ngoài, nương gá lẫn nhau tiếp nhận tâm thức, vì thế trong kinh nói: "Nếu vua chánh thì sáu thần không tà". Phải biết hổ thẹn chế ngự căn thức. Như phẩm tâm ý trong kinh Pháp Cú nói rằng: Xưa có đạo nhân học đạo bên bờ sông, chỉ nghĩ sáu trần không hề thôi dứt. Có một con rùa từ dưới sông ngoi lên, con chó định cắn rùa, rùa liền rút đầu, đuôi và bốn chân vào trong mai rùa. Thấy không thể cắn được rùa, chó liền bỏ đi, rùa liền bơi vào sông lại.

Đạo nhân do biết ta không bằng rùa, buông lung sáu căn không biết sự chết đến, luân chuyển trong năm đường đều do ý căn, vì thế phải nói chung tội nghiệp của sáu căn.

Ta từ vô thỉ đến nay, nhãn căn nhân duyên tùy theo các sắc. Thấy việc tốt đẹp không thể tu học, thấy nghiệp bất thiện thuận làm theo. Hai mắt này thanh tịnh rất ít, thấy sắc không biết hổ thẹn, không thấy sắc thì Hiền thánh thần thông phương tiện tác dụng, tuy có hai mắt mà giống như mù, đây là điều đáng hổ thẹn thứ nhất.

Ta từ vô thỉ đến nay, nhĩ căn duyên theo âm thanh bên ngoài. Nghe nói chánh thiện, tín, trung, khuyên, tốt thì không thể tu học, ngược lại còn sinh tức giận. Nghe việc tà ác thì vui vẻ thực hành. Duyên theo nhân này cho nên chỉ nghe tất cả âm thanh bất thiện, không nghe âm thanh bất thiện, không nghe âm thanh chánh pháp thanh tịnh. Chư Phật mười phương thường nói pháp nhiệm mầu, nay ta không nghe thì chẳng khác người điếc, đây là điều đáng hổ thẹn thứ hai.

Ta từ vô thỉ đến nay, nhân duyên tỉ căn nếu nghe mùi hương nhiệm mầu chánh giáo, giới đức thì không ưa nghe, lại sinh ngăn ngại. Còn nghe mùi hương ác dục, tà mị thì tâm sinh ưa thích. Vì nghiệp này nên bị đọa đại địa ngục, sinh ở biên địa, không nghe mùi hương năm phần

của Hiền thánh, không nghe mùi hương ba thừa, bốn Nhiếp pháp, khiến cho ta phải bị luân hồi thường cách xa điều lành. Đây là điều đáng hổ thẹn thứ ba.

Ta từ vô thỉ đến nay, nhân duyên thiệt căn gây ra tội rất nhiều, tham đắm mùi vị, bất tịnh nói pháp, mới có tội duyên này thường bị trầm luân trong sinh tử.

Đây là điều đáng hổ thẹn thứ tư.

Ta từ vô thỉ đến nay, thân nghiệp nhân duyên phần nhiều gây ra các tội. Từ nặng đến nhẹ, thêm lớn si ái. Vì nghiệp này nên mắc quả báo thấp hèn, đối với thắng duyên của Phật không do đâu mà nương theo được, đây là điều đáng hổ thẹn thứ năm.

Ta từ vô thỉ đến nay, nhân duyên ý căn gây ra đủ các tội ác. Đến như kinh giáo cứu khổ thì tâm không mong muốn thực hành lại sinh trái nghịch, chống cự, học theo Dị luận, không có chánh tín. Cầu danh cầu lợi tăng trưởng ngã kiến, tà vạy rất nặng, đến khi sắp qua đời mới sám hối lỗi kia, đây là điều đáng hổ thẹn thứ sáu.

Bài tụng về thanh tịnh sáu căn:

“Ngước nhìn tốt đẹp
Nhiễu lương chi khúc
Ngựa mập áo mỏng
Tuệ hy phương lục
Tối tăm riêng sinh
Ngu muội tranh dục
Mạo đãng hồn phù
Thân cam ý xúc
Lanh lẹ nhiếp căn
Giữ gìn trong sáng
Trùng cỏ đều vui
Người sao không gắng”.

MÔN SINH, GIÀ, BỆNH, CHẾT. THỨ NĂM

Xét nhiều kiếp lâu xa đến nay, ba nghiệp ràng buộc, sáu căn mê hoặc, nghiệp ái nhiễm tươi nhuần chìm đắm cho đến nay. Sinh, già, bệnh, chết thật là nỗi khổ lớn. Vì thế trong kinh nói: “Thân này chết lại thọ thân khác, sinh tử vô số, chặt hết cỏ cây trong thiên hạ để làm thẻ đếm cũng không thể tính hết được. Do đo, người thông suốt nhàm chán sinh tử, muốn bay thoát ra ngoài sự ràng buộc này, còn kẻ ngu tham đắm hằng trầm luân trong ngục sinh tử, cho nên phải biết lỗi để

dứt bỏ. Như trong kinh Bào Thai có nói: Chúng sinh thọ thai mờ mờ mịt mịt khổ sở phù trần. Ở trong thai mười tháng, bốn mươi hai lần chuyển biến khổ sở tha thiết khó chịu nổi. Ở chỗ hôi dơ bức bách, chật hẹp như ở lao ngục, đói khát lạnh nóng hơn loài quỷ đói. Mẹ ăn no thì bức nghẹt, mẹ đói thì khó chịu. Mẹ ăn thức ăn lạnh thì trong thai lạnh như băng, mẹ ăn thức ăn nóng thì bào thai nóng như lửa. Uống nước nhiều thì thai nhi như ở trong, mẹ đi nhanh thì thai như như bị rơi xuống hang hiểm, mẹ ngồi lâu thì thai nhi như bị đất đè, đứng lâu thì như treo trên nhà. Dưới huân trên yểm, chẳng lúc nào không khổ. Cho đến lúc sắp sinh thì gian nan gấp bội, thân như dao cắt kêu la dữ dội, tuy đủ các sự khổ này nhưng phần nhiều có nhưng sự không hoàn toàn, hoặc một ngày, một trăm ngày, một tháng, mười tháng, hoặc bi hư thai, hoặc khi sinh mẹ con đều chết, phải nghĩ sinh này thật là một nỗi khổ lớn.

Kế, suy nghĩ về nỗi khổ già.

Trong kinh nói: Tuổi già căn suy, hình biến, sắc tàn. Ngồi đứng rất khổ, còn các hành động khác chẳng biết là bao nhiêu.

Kinh Niết-bàn nói: Thí như đèn đuốc nhờ dầu mỡ, nếu dầu hết thì ánh sáng ngọn đèn không còn bao lâu cũng tắt. Con người cũng vậy, chỉ nhờ lúc trai tráng mạnh khỏe, thời mạnh khỏe đó sẽ qua, ngọn đèn già suy đó nào được trụ lâu. Lại như trục xe bị gãy thì không thể dùng lại được, như gặp hoa trong sương người không muốn nhìn.

Lại trong kinh nói: Ngày nay đã qua, mạng sống cũng giảm theo. Như cá thiếu nước nào có vui gì. Phải suy nghĩ già này là một nỗi khổ lớn.

Kế nghĩ về khổ bệnh:

Đều do phong, hàn, lạnh, nóng, ăn uống không tiết độ.

Bốn mùa thay đổi thì nước và đá trái nhau, huống chi thân giả hợp, hình nguy ách này mà trông mong khỏi bốn đại và không thiếu một trăm lẻ một bệnh khổ, đâu thể nào được. Cho đến khổ hoạn, thân tâm phiền não, cầu sống không được, cầu chết không xong, khổ sở một trăm điều, lo phiền tự chịu. Chỗ phần tiểu hôi dơ thì vợ con không ưa, hình hài không đứng vững thì người bên cạnh tỏ vẻ bất bình. Huống chi thân mình bệnh hoạn ai chịu đỡ đìu, vì thế kinh nói: Cha từ con hiếu đến lúc bệnh chết cũng không thể cứu nhau được, đây là lời nói chí lý, thật là một nỗi khổ lớn.

Kế là nghĩ về nỗi khổ chết.

Trong kinh nói: Chết là hết. Hơi dứt, thần chết, hình hài tan rã, người vật nhất thống vô sinh bất chung.

Lại trong kinh nói: Sống một mình, chết một mình, thân tự chịu lấy, mờ mờ mịt mịt thấy không có kỳ hạn. Đây là do bậc Thánh nói là thân là khổ hoạn, há lại cho rằng chết rồi lại thọ sinh ư? Qua lại năm đường lao nhọc tinh thần của ta, thệ dứt gốc tham lam, tuyệt gốc sinh tử kia. Vì thế, nỗi khổ của sự chết thật do thân này. Đức Như Lai vì người xuất gia lập lời nói này cũng từ ý này.

Bài tụng về sinh, già, bệnh, chết:

"Hoa rậm dễ đổi
Chuối dày không thật.
Tính phát gân thai
Lân quang khế nhật
Lời khen nhị thụ
Mười tọa không nói
Sinh chính là qua
Thông cao tiêu sắt
Túc hóa phiên linh
Từ duyên đọa chất
Phệ tề chê bai
Ta nhiên hà bậc

MÔN CHÊ TRÁCH THÂN TÂM - THỨ SÁU

Thân là gốc khổ, từ chỗ tạo nghiệp, ở trong sinh tử, lại tăng thêm nghiệp ác không thể sửa đổi, thuận theo lời Phật. Vì thế cho nên phải suy nghĩ tự trách mình.

Trong kinh nói: Thấy lỗi người miệng không được nói. Bản thân mình có lỗi thì nên phát lồ.

Sách chép: Nghe lỗi người như nghe tên của cha mẹ, tai được nghe, miệng không được nói. Lại nói: Người quân tử hiển bày lỗi kia.

Trong kinh nói: Khen việc tốt của người, không nói điều tốt của mình.

Sách chép: Người quân tử khen ngợi điều tốt của người, không bỏ điều tốt kia.

Trong kinh nói: Tha thứ cho mình có thể làm ví dụ; chớ giết, chớ dùng gậy đánh đập.

Sách chép: Điều gì mình không muốn thì đừng đem đến cho người.

Nay trong kinh và trong sách cũng giống nhau. Lời dạy của nội kinh ngoại điển, điều căn bản kia chẳng khác nhau. Chính là âm khác

tên khác. Nếu lý trái nghĩa thú thì không cho có sự giống nhau ở đây. Sở dĩ gọi là nội kinh ngoại điển là vốn không phải phân chia, chỉ dùng tâm nêu bày mà nói.

Trong kinh nói: Phật vì chúng sinh nói cách dứt trừ sự mê mờ, dụ như vị thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc.

Sách chép: "Thiên đạo không thân chỉ có lòng nhân là giúp cho". Nếu người xuất gia quán không vô thường, nhàm chán xa lìa sinh tử, thực hành pháp xuất thế đây là nội, trái lại là ngoại. Người tại gia quy y tôn kính Tam bảo, trì giới, tu thiện, vâng hành lễ nghĩa, đây là nội, trái với đây là ngoại. Nay nội ngoại, đạo tục cùng biết xưng nội tốt đẹp là do tâm, gọi ngoại xấu do việc làm, há được không bỏ điều xấu bên ngoài và siêng tu điều tốt bên trong ư? Nếu muốn tu hành trước phải tự khắc phục và tự trách, phải biết cầu tiến là giả danh, thối kiểm là pháp thật. Muốn bước đi ngàn dặm phải giữ gìn đôi chân mà tiến đến. Muốn lên bờ kia phải chứa nhóm trí tuệ, đầy đủ giới mà bước lên. Do đó, người có thể đạt đến kết quả thật do thối kiểm, giác sát, so sánh khinh và trọng, có thể trừ diệt vô minh, dứt tuyệt già chết. Ngu ám diệt thì ánh sáng trí tuệ bừng phát. Bốn tướng dời đổi thì giới đức hiển bày. Vì thế mà biết người thoái lui là khởi đầu của sự tiến tới, người tham lam tiến tới là mầm móng của sự thoái lui. Người cầu mà được là luống dối, thật là ái tình sâu xa cho nên có khổ nguy ách đọa lạc, đây là pháp ngoại. Thoái lui mà được là thật, thì ý không đắm nhiễm, vì thế được vui thường ở Niết-bàn, đây là pháp của Phật đạo. Nay chỉ nên lui sụt không bằng tự trách mình. Nếu quyết chí cầu tiến thì tổn hại cho mình, tổn thương muôn vật, bước lui xem xét lỗi lầm là kia và ta đều lợi. Phải biết quở trách tâm và miệng, đây là con đường tám chánh. Xem xét thân và hành động là con đường giải thoát. Vì thế cho nên như trên khéo tự quở trách thì không điều lành nào mà không quy về.

Bài tụng về quở trách tâm hành.

"Nhịn bậc tấn đức
Không dám nhàn rỗi
Xem kẻ tiểu trí
Luống cho mạnh khỏe
Há chẳng thông thuật
Nhỏ vướng bận này
Dù có trọng lìa
Như lửa đom đóm
Nương theo tình trong

Vỗ về vật ngoài
Lưới hễ giăng rồi
Không niệm bay cao".

XEM XÉT BA NGHIỆP - THỨ BẢY

Quở trách tình còn mê mờ, xét ý chỉ chia rõ ràng, vì thế phải dùng sự để xem xét tâm, xem xét chỗ tu tập, đã biết không bằng lại càng thêm sợ sệt hổ thẹn. Thế nào là xem xét?

- Xét thân này của ta, từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến một thời, một khắc, một niệm, một khoảnh có bao nhiêu tâm, bao nhiêu hạnh, bao nhiêu điều lành, bao nhiêu việc ác. Có bao nhiêu tâm muốn dứt trừ phiền não. Có bao nhiêu tâm muốn hàng phục ma oán. Có bao nhiêu tâm nhớ nghĩ Tam bảo, bốn đế. Có bao nhiêu tâm khổ không vô thường. Có bao nhiêu tâm báo đáp công ơn cha mẹ. Có bao nhiêu tâm nguyện thay thế chúng sinh chịu khổ. Có bao nhiêu tâm phát tâm đạo nghiệp Bồ-tát. Có bao nhiêu tâm muốn bố thí, trì giới. Có bao nhiêu tâm muốn nhẫn nhục tinh tấn. Có bao nhiêu tâm thiền định, phát trí tuệ. Có bao nhiêu tâm muốn từ bi cứu giúp năm đường. Có bao nhiêu tâm khuyến khích thực hành chỗ có thực hành. Có bao nhiêu tâm muốn tìm cầu giải thích chỗ khó giải thích. Có bao nhiêu tâm chịu khổ kiến lập Phật pháp. Có bao nhiêu tâm muốn thành Phật để hóa độ chúng sinh.

Trên đây đã xem xét về tâm.

Kế lại xem xét về miệng, như thời khắc ở trước. Từ sáng đến nay đã giảng nói bao nhiêu câu nghĩa sâu. Đã đọc tụng bao nhiêu quyển kinh, đã được lý tụng bao nhiêu văn tự. Đã được bao nhiêu lần khen hạnh Bồ-tát, đã được bao nhiêu lần khen ngợi tùy hỷ, đã được bao nhiêu lần hồi hướng phát nguyện.

Kế lại xem xét về thân, như thời khắc trên. Từ sáng đến nay đã được bao nhiêu lần thân cung kính lễ Phật bao nhiêu lạy, đã được bao nhiêu lần thân cung kính lễ Pháp, lễ Tăng, đã được bao nhiêu lần làm việc quét tháp, rưới đất. Đã được bao nhiêu lần thắp hương, rải hoa, đốt đèn. Đã được bao nhiêu lần lau chùi sạch bụi nhơ, sắp bày dụng cụ cúng dường. Đã được bao nhiêu lần treo phan trong chùa, chắp tay cúng dường, đã được bao nhiêu lần cung kính nhiễu Phật, bao nhiêu trăm vòng.

Xem xét như vậy, hội lý rất ít mà trái đạo thì rất nhiều, nghiệp bạch tịnh, không đủ để nói mà phiền não chướng nặng đầy dẫy trước

mắt, ám ngại chứa nhóm thì giải thoát do đâu mà được. Xem xét như trên, tự mình còn không có công, thì làm sao có thời gian để bàn luận việc tốt xấu của người. Vì thế ba nghiệp phải tự xét trách để biết ta đã làm được bao nhiêu điều lành, bao nhiêu việc ác.

Bài tụng về xem xét hành nghiệp:

"Gió tạp xa tít
Lữ tục càng dính
Cạnh văn trong tật
Ai thẹn lỗi tâm
Lại chỉ tình phản
Ba lần xét tâm
Sang nguy nghèo lạm
Bần nhiếp hào xa
Xa hướng sáu tế
Lăng xăng bảy tà
Không rõ ban đầu
Ngựa sổng khó bắt".

MÔN QUỞ TRÁCH BỐN ĐẠI - THỨ TÁM

Trên đã xem xét các việc đã làm có nhiều sự bỏ bê biếng nhác, do đây mà bốn đại xảy ra trường hợp buông lung biếng nhác. Vì thế quở trách giúp cho kia giác ngộ. Phàm ba cõi rộng xa, sáu đường phức tạp, đâu chẳng do bốn đại giúp nhau mà thành thân này. Nhóm lại thì thân, phân tán thì trở về không. Nhưng tánh của gió và lửa khác nhau, tính chất của đất và nước không giống nhau. Đều xứng phần kia, đều muốn cầu thích hợp. Cầu thích hợp vừa ý không phải là một, do đó trái nghịch dễ động. Vì thế, một đại không điều hóa thì bốn đại đều bệnh. Chợt tăng chợt giảm bệnh nặng tiếp tục sinh. Gió nhẹ đất nặng, nước lạnh lửa nóng xen nhau nóng bức, không có lúc nào được yên. Trong kinh dụ như bốn con rắn, tin đó thật đáng sợ. Lại bốn đại này không hổ không thẹn không ân không nghĩa. Nay ta sợ thân kia không an, do đó mới giúp đỡ cung cấp các nhu cầu cần thiết. Nhưng bốn đại kia, ban đầu không thẹn, do đâu mà biết?

Còn như gió thổi tuyết rơi, mùa đông lạnh lẽo cần có chăn bông, áo lông cừu, mền đắp, nhà ấm. Mùa hạ nóng bức như lửa đốt lại cần vải mỏng, nhà thoáng mát, gió, quạt ngà chiếu nệm. Mùa xuân, mùa thu thời tiết thay đổi, khí hậu mát mẻ dễ chịu lại cần y phục nhẹ nhàng. Cho đến ăn thì món ăn ngọt ngọn quý giá đầy đủ, uống thì nước trái cây,

nước mát tùy lúc mà cung cấp, an khổ cầu vui, đây đều là nhu cầu cần thiết của bốn đại mà ta cung cấp không hề chống trái. Bốn đại này cầu xin không hổ thẹn, chẳng biết có không, có thì cung cấp đầy đủ không nhàm chán, không thì ép ngặt khiến cho được, như đói phải ăn không thể tạm thiếu, nếu trái nghịch thì trong lòng âu sầu, ngoài chiến đấu, tăng phát hỏa đại, không biết ta gian khổ, không thông cảm ta thiếu thốn, chỉ muốn tham cầu không có thôi dứt. Đây gọi là không biết hổ, thế nào gọi là không biết thẹn?

- Chỗ cần thiết (nhu cầu) của người không cùng, ta tùy theo mà cung cấp không thiếu. Tuy nhiên lúc thọ không biết hổ thẹn. Ta đã lập trí hết mưu để tìm cách cung cấp theo nhu cầu, mà ngươi không xót thương nhớ nghĩ đến ta đối lúc nhỏ không cần y phục, thức ăn.

Thế nào là không ân?

- Nay đã được ta cung cấp mà không hề vì ta làm các việc lành. Được áo ấm, cơm no vui thích, lại suy nghĩ làm tất cả việc ác. Lúc nhỏ thiền tụng lễ bái liền sinh biếng nhác.

Thế nào là vô nghĩa?

- Thân bốn đại này không đáng mong mỏi, không đáng tin tưởng, nay ta vì người mà cung cấp đầy đủ các thứ cần thiết, ngược lại ngươi khởi các thứ ái trước, xúi giục ta thực hành sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Ta đã ngu si không thể kiềm chế sửa đổi mà lại thuận theo sinh các tật bệnh. Hoặc bị phép vua lao ngục, roi trượng, vì ngươi mà ta phải chuốc lấy. Ta đã chịu khổ ngươi cũng không lợi ích gì, lại còn không biết, lại cầu lại xin. Ngày nay trở đi, ta sẽ không theo người mà lưu chuyển trong biển lớn già, bệnh, sinh, tử. Ngươi phải theo ta mà hành đạo, làm các việc lành, ta mới cung cấp cho người y phục cơm nước đến các chi phần để trừ đói khát. Người phải khéo tự mình cố gắng. Có như vậy mới khiến cho ta sớm được năm phần pháp thân, thường du hóa tự tại vô ngại.

Bài tụng về quở trách bốn đại:

"Trăm tuổi qua mau,
Ràng buộc sáu nhập
Ra vào mờ mịt
Khởi các yêu đắm
Siêng năng nhu cầu
Đòi hỏi cung cấp
Không đức trở về
Chỉ chuốt lấy họa

Người tham bại hoại
Không nhàm tự cấp
Rõ ràng không nhàm
Gò cao, sao khóc?”

MÔN XUẤT GIA THUẬN THIỆN - THỨ CHÍN

Trên đã xem xét chỗ thực hành, biết trái với đạo thật xa, quở trách lỗi mình thì có đường tiến tới. Trước tuy đạo và tục luận bàn chung, đều biết lỗi kia. Song người tại gia thì tội nặng, người xuất gia tội nhẹ. Người xuất gia giai cấp hành nghiệp sinh thục (mới phát sinh và thành thục) khó phân biệt, nhưng quán chung chung cũng thấy được dấu vết kia. Nay người xuất gia chưa chứng được cảnh Thánh mà trông mong dẫn Thánh trách phàm. Bởi đại giáo thù thắng cao xa, người tôn trọng thì trách trọng. Pháp luật vi tế, người tin thì hy vọng sâu xa. Làm sao mà biết?

Nay muốn biết thân dịu dàng đẹp đẽ phải nhìn xem người dung mạo đẹp đẽ, đoan chánh. Muốn thấy phong cách nhân nghĩa thạnh đức phải tìm hạnh có lễ có nghĩa. Sao lại thường thấy nhiều miệng cạnh tranh, che bai ngoại đạo, do không đáng nói nên dứt sự chê bai, trong chúng Tăng là đầu mối bàn luận, thật do ganh ghét ngã pháp thanh tịnh thù thắng ấy quá nhiều, chê bai ngã pháp cao xa cũng nhiều.

Kinh Thư nói: Thành cao thì xung sinh. Đạo tôn thì ma thạnh. Nay vừa nghe lời hỏi vặn chê trách bèn kinh sợ. Theo lý mà nghiên cứu chẳng phải vô nghĩa mà phát. Thư xem xét chỗ tu kia, thử so sánh chỗ tập kia, phước có sâu có cạn, tội có dày có mỏng, hãy để ý mà xét.

Phàm cha mẹ là đấng sinh thành đáng hết lòng thờ phụng, lưu luyến khó rời xa mà có thể từ biệt cha mẹ. Vợ con là ân ái khó dứt mà có thể dứt được. Thế tục, địa vị ở đời là chỗ cạnh tranh để được mà bỏ được sự vinh hoa đó. Đói khổ là chỗ khó chịu nổi của con người mà có thể ăn uống tiết độ. Mùi vị ngon là chỗ tham đắm của con người mà có thể chịu được ăn uống sơ sài đạm bạc. Cố gắng siêng năng là chỗ nhàm chán biếng nhác của con người mà có thể siêng năng tinh tấn. Bảy món trân bảo là chỗ san tiếc của con người mà có thể xa lìa. Tiền bạc, lụa là là chỗ chứa nhóm mà dứt bỏ được. Tôi tớ là kẻ hầu hạ mình mà có thể tự mình lo cho mình không cần sai sử. Năm sắc là chỗ ưa nhìn ngắm của con người mà có thể bỏ không thèm đoái hoài đến. Tám âm thanh là chỗ ưa nghe của con người mà dứt bỏ không thèm nghe. Trang sức đẹp đẽ, trơn láng là chỗ giữ của con người mà có thể tinh thô vô ngại.

An thân dưỡng thể là chỗ cộng đồng của con người mà có thể quên thân bỏ mạng. Ngủ nghỉ là chỗ không thể thiếu của con người mà có thể ngày đêm không ngủ là nghiệp. Buông lung nói chuyện, cùng bạn du chơi là thói quen của con người mà có thể vắng lặng tự xem xét mình. Người tại gia ăn uống không biết hạn lượng mà mình thì xem thức ăn như thuốc độc. Người tại gia ngày đêm không chỗ nào không cam, mà mình hạn chế, để thời khắc luống qua. Người tại gia thì nhà đẹp tượng xinh mà ta thì ở gò mả, lìa sự mê đắm.

Lại đi đứng nằm ngồi đúng như pháp. Lễ bái, nhiễu tháp đúng pháp này. Đọc tụng giảng nói đúng pháp này. Ăn uống tiện lợi đúng pháp này. Thọ cúng thực hành bố thí đúng pháp này, tu đạo tập hành đúng pháp này. Lược nói như trên không đâu chẳng có pháp số thì tính ra có ba ngàn oai nghi, rộng thì nói không thể hết. Còn lại như trong kinh "Xuất Gia Công Đức" có nói.

Bài tụng về xuất gia sinh thiện:

"Rửa thân gội đức
Ẩn vết giấu tên
Muốn an đất báu
Ai lưu Hóa thành
Đạo tràng yên tịnh
Thiền định vắng lặng
Gió thổi mất tiếng
Sét đánh không sợ
Thét gào nào lo
Thoát lạc nào mưu
Trường quyên có kết
Vĩnh chân vô sinh.

MÔN TẠI GIA THEO ĐIỀU ÁC - THỨ MƯỜI

Mỗi khi tục sĩ bàn luận, có người hỏi:

Người tại gia quy hướng pháp nào là không?

Đáp: Họ Thích thuần tin, dầu lại thật tâm sai trái cũng hổ thẹn nói lỗi lầm kia. Sở dĩ như vậy là vì Đại pháp tinh thành thù thắng không muốn trái với thiện tướng. Đã nói lòng tin kia thì phải sự đồng với lời nói. Nếu nói sự tướng thì ngược lại. Liền là giả dối, nịnh hót, tà mị, chỗ thiên hạ sợ hãi, bốn hãi kinh ngạc. Nếu muốn chân thật hướng về ba đời, thấy lỗi của Sa-môn, phải biết phàm phu thấp hèn, hình phục tuy khác mà vui buồn nào có khác. Liền nghĩ lý kia, có thể tôn sùng vốn

không phải ở người, đâu được cho là hạnh thấp kém mà bỏ đại đạo ư? Vả lại, đã chứa nhóm thắng nghiệp, dụ sông Hy liên có thể không nghĩ sâu hay sao? Nay các vị thử tự mình xem xét, tự mình có các lỗi.

"Sân giận không nể tôn quý
Mắng nhiếc không chừa tôn ty
Tham cầu không kể hủy nhục
San tham không biết lễ tiết
Dâm dục không chừa cầm thú
Xua đuổi không kể thân tộc".

Lại thêm kiêu mạn, buông lung, cống cao, oán hận tranh tụng, tà mạng dối hiện tướng khác, để cầu lợi cho nhiều, không cung kính, không thuận theo lời dạy về thân kiến, hữu kiến cho đến vô kiến, chưa từng phản tỉnh dùng lễ tự chế phục. Vì sao khổ ư? Chỉ sợ ta không hơn người, người không bằng ta.

Kinh nói: "Khởi tâm kiêu mạn, nghiệp này rất mạnh, đốt cháy hết những thiện căn đã gieo trồng đời trước".

Lại nói: "Làm việc ác tuy ít nhưng hậu quả chịu khổ thì vô biên, như chất độc ở trong thân, trụ phải bị khổ hoạn. Các tục nhân chỉ muốn nghĩ đến sự sống mà không biết đoái hoài đến sự chết. Nhưng sự sống không bảo đảm thì sự chết chắc chắn phải đến. Xét mạng nguy ách này không sớm thì tối trong khoảnh khắc đều thay đổi vô thường

Đức Phật vì kẻ ngu si, người giàu có nói kệ rằng:

"Gấp rút lo tài sản,
Vô ngã, sao có được
Người ngu nhiều lo lắng
Chẳng biết đời sau đổi".

Như trong văn kia đã nói làm sao không suy nghĩ được, tham cầu chứa để cuối cùng cũng tán mất, thân chết tên không còn chỉ có nghiệp đi theo ta mà thôi.

Lại phải quán người nữ là chỗ sinh ra sự ngu y hiểm tai họa gấp bội người nam.

Trong kinh nói:

"Người nữ rất độc ác
Khó làm duyên với họ
Ân ái đã buộc ràng
Kéo người vào cửa tội
Người nữ có gì đẹp
Chỉ là các bất tịnh

Sao không suy nghĩ kỹ
Vì đây phát cuồng loạn".

Kinh "Ức-già Trưởng giả" nói: Người tại gia tu đạo phải quán người nữ sinh ý tưởng nhàm lìa, tưởng không lâu dài, tưởng không trong sạch, tưởng dơ uế, tưởng La-sát ác quỷ thường ăn nuốt con người, tưởng tham sắc khó thỏa mãn, không dừng nghỉ, tưởng ác tri thức làm ngăn ngại tịnh hạnh.

Ba đường ác thêm lớn, lo khổ không dứt. Mắt mặt môi miệng là những thứ làm mê hoặc con người. Bị người mê hoặc, phá gia diệt quốc, giết cha mẹ, hại con cái, các tai họa đó đều do sắc của người nữ mà có.

Tụng rằng:

"Đá mài thì mỏng
Ngọc luyện thì bền
Ở rồi sẽ dời
Đâu có thể hiền
Băng tan ngày xuân
Lan tàn mùa thu
Giáo tùy loại trái
Tập là tình dời
Mạng hợp ba lậu
Sống với mười triền
Nay bèn chạy theo
Lo sợ còn dài".

MÔN ĐẮM CHÌM TRONG ĐỊA NGỤC - THỨ MƯỜI MỘT

Muôn pháp khác nhau, công dụng chẳng phải một. Đến như sáng suốt và mê mờ so sánh nhau, chỉ có hai đường thiện ác mà thôi.

Nói về thiện thì thân thiện thắng quả khác nhau đối sự mà xem xét. Nói về ác thì ba đường thật khổ rõ ràng không luống dối. Nhưng kẻ ngu hoặc ưa sinh nghi ngờ, phần nhiều cho rằng trời người là vọng tạo, địa ngục không có thật. Vì không thấy, lại không biết chọn nhân để lường quả. Vì không rõ, lại không biết nghiệm quả để tìm nhân. Nhân quả chưa phân, bàn luận thị phi, nghi ngờ loạn khởi rõ vào ngày nào, bất luận vị lai việc kia khó rõ. Chỉ ngay thiện ác ngày nay, đây nghiệm mờ mịt chẳng phải vọng. Nếu có hình thì bóng hiện, có tiếng thì vang ứng, chẳng có việc thấy hình mà bóng mất, tiếng còn mà tiếng vang không có. Vì thế, biết thiện ác giúp nhau cũng như vậy, đã nói là tin thì

không còn tâm nghi ngờ.

Thế nào là địa ngục?

Trong kinh có nói: Dưới lòng đất có tám địa ngục. Dưới cùng là ngục A-tỳ, rộng bốn muôn do-tuần, bốn bên thành sắc trong ngoài lửa đốt. Chó đồng, rắn đen gầm thét to tiếng thật đáng kinh sợ. Các ngục nhỏ rải rác các nơi như trong núi Thiết vi, trong biển, chỗ hoang vắng, chịu đủ các sự nóng lạnh, khó thể nói hết được.

Mỗi ngục đều có chủ ngục. Ngưu Đầu A Bàng tánh kia rất tàn ác, không có một chút từ nhẫn, thấy người chịu khổ, chỉ sợ họ không khổ, chỉ sợ họ không bị hại.

Hoặc hỏi Ngục Tốt rằng: Chúng sinh chịu khổ thật đáng thương mà ngươi không có lòng thương xót, lại có tâm độc hại là vì sao?

Ngục tốt đáp: Những người chịu khổ này là do không hiếu thảo với cha mẹ, chê bai Phật, Pháp, Tăng mắng nhiếc thân sơ, hủy hoại tất cả, phá hòa hợp, sân giận, sát hại, tham dâm, dối trá, tà màng, tà cầu cho đến tà kiến, kiêu mạn, biếng nhác, phóng dật, oán hận, mê mờ thanh sắc, đắm nhiễm rượu thịt, phạm giới đã thọ, không biết hổ thẹn, đủ các nghiệp ác nên phải đến địa ngục này để chịu khổ. Chịu khổ xong rồi lại nói lời can ngăn dẫn dắt rằng. Chỗ ác này đã ra khỏi rồi chớ nên trở lại. Nhưng chúng sinh không chịu sửa đổi, ngày nay được ra khỏi khoảnh khắc lại đến làm nhọc cho ta phải tra khảo độc ác đối với người kia. Nay nhìn bọn này đã không làm điều lành, không biết hướng về Niết-bàn, không biết tránh khổ, do đó phải bị sự khổ hại gấp bội, làm sao sinh lòng từ nhẫn được.

Lại trong kinh nói: Có mười nghiệp ác sát sinh trộm cắp,... làm cho chúng sinh đọa vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh vô lượng số kiếp mới được làm người. Được làm người lại phải chịu các quả báo như chết yểu, nghèo cùng v.v... lại phải cảm quả báo như gai góc, đá gạch, nước cỏ, mê mờ v.v... không được như ý. Vả lại, do thân, miệng và ý ban đầu phát nghiệp. Tự mình làm, xúi giục người làm và thấy người làm vui theo là lý do thành nghiệp. Hiện báo, sinh báo và hậu báo là chỗ chiêu cảm nghiệp. Vì thế nghiệp phiền não sinh. Nhưng chín thứ trước, nghiệp có cả thiện và ác, thọ báo ba đường chỉ do ba độc. Vì thế người tu hành trước phải xem xét kia, thì đối với thân này có sẽ ra khỏi quả báo khổ.

Tụng rằng:

"Bến tối đâu còn hiểu
Tiếng cao có thể thấp
Tường tối tuy đều kín

Đêm tối có bốn biết
Núi lửa lại bốc cháy
Khen băng đều lạnh giá
La thành chấn màn mây
Cây nhọn tụ nhành sương
Quấn nhau không gọi khổ
Nhóm cây đâu gọi ách
Cầu nhân từng đã được
Than thở để làm gì".

MÔN XUẤT GIA CƯU MANG ĐẠO - THỨ MƯỜI HAI

Dưới bậc Đại thánh tánh thể chưa tròn đủ. Bốn tướng dời đổi, bốn núi vững chắc. Do đó, Đức Như Lai trí thông suốt cùng khắp đâu lại giả nói khổ thiết, khiến các chúng sinh được nhập luật hành. Nay phàm ngu thiện ác lẫn lộn, làm sao có thể khỏi tội phiền lụy và lỗi ái nhiễm. Nếu nge lời nói phải suy nghĩ kỹ, lúc nào mới lìa khỏi lỗi này. Không được trong lòng kinh sợ nghi ngờ sẽ tăng thêm thù hận. Nhưng có sự thù hận là do chấp ngã, như trong kinh nói, chấp ngã kiến là đại hoạn sinh tử, là phá giới bậc nhất. Vả lại, nêu một ngã không nhân thì không họa khổ, tự không chánh tụ thì ai không tệ đó. Bổn ý của người xuất gia là dứt trừ hoặc này, vì thế người tu hành phải thường ngăn ngừa, chứa nhóm công đức không thôi thì dần dần sẽ ra khỏi khổ. Mê mờ điều này không tu thì lại đồng như thuở xưa, luống ở trong Tăng chúng lại chuốt lấy nghiệp khổ. Nay nghe điều tốt của người xuất gia, không được nói họ không có điều xấu. Lại nghe điều xấu của người thế tục, không được nói họ không có điều tốt. Vì thế nói chung đều phải tự răn nhắc mình. Người xuất gia có tín tâm nên nhập dạo, phải bỏ yêu đắm, thuận theo lời Phật là hạnh của người xuất thế. Nếu hạnh có thiếu sót thì không gọi là có tín tâm. Trong lòng đã không tin thì cạo tóc, đắp y, bưng bình bát v.v... đối với thân đều vô dụng. Lược dẫn một số trường hợp không được biếng nhác.

Đã bỏ ồn náo được an nhàn
Đã lìa tục ái chẳng phan duyên
Đã khỏi náo động vào vắng lặng
Đã lìa đắm nhiễm được vô ngại
Đã bỏ cảnh khổ không phiền não
Đã lìa vợ con không ràng buộc
Đã bỏ trang sức lìa xa xỉ

Đã dứt thanh sắc, bỏ tham cầu
Đã dứt vinh nhục, bỏ ngã kiến
Đã hướng tám Chánh đến đạo môn
Đã mang giáp hoằng thệ, nhẫn nhục
Đã mặc áo giải thoát Niết-bàn
Đã mong nhà rốt ráo vắng lặng
Đã lên nhà từ bi hỷ xả
Đã thấy được lợi lớn hồi hướng
Đã nghe tiếng đa văn tự giác.

Đức Phật thấy lợi lớn của người xuất gia như thế nên khuyến khích răn dạy tu học. Vì thế kinh nói: Bởi nghe Sa-môn hành đạo. Xa vợ con, dứt ái dục, bỏ sáu tình, giữ giới vô vi. Kia thanh tịnh nhất tâm thì muôn tà đều diệt. Đạo nhất tâm thì thanh sắc không thể nhiễm ô, vinh hoa không thể động, lìa khỏi lo khổ, an trụ tự tại.

Bỏ năm món san, trừ hai món uế, hai món phước, hai chướng pháp, hai món cấu, hai món mưa đá, hai bệnh ung thư, hai pháp thiêu, hai thứ bệnh.

- Bốn trường hợp phá giới:
1- Ba nghiệp không thanh tịnh.
2- Nghe không sợ sệt.
3- Không cầu Niết-bàn.
4- Tham đắm ngã kiến.

- Lại như trong kinh nói: Bồ-tát tu hành dứt bốn lỗi, đó là:
1- Lìa bỏ sự dối trá
2- Xem trọng việc báo ân.
3- Trừ sự chê bai, nghi ngờ.
4- Bỏ tâm nịnh hót.

Đầy đủ các độ diệu hạnh, thanh tịnh rộng lớn, an trụ vắng lặng.

Tụng rằng:

"Uẩn thạch tin chẳng thật
Bình đẹp tin là giả
Trộm mặc cao môn thượng
Lạm thổi dưới mái hiên
Thờ phượng luống tâm kinh
Số văn chung hảo dã
Thật tướng đều chiếu soi
Phù vinh chưa thể bỏ
Dấu vết chưa khỏi khách

Sự tập luôn rong ruổi
Đã dứt hết âm trần
Không vậy loạn điều nhu”.

MÔN TẠI GIA NHỚ NGHĨ ĐIỀU LÀNH - THỨ MƯỜI BA

Trước đã nghe điều ác kia rất hổ thẹn, nay nói điều thiện này vui mừng để tiến đạo. Làm sao để biết? Tự mình không có tình tham dục dày, tánh nhiễm ái sâu, ý giàu có trọng, tâm thế lợi nùng hậu thì không được an vui mà phải bị chỗ tối tăm ràng buộc, vì thế biết tại gia là gốc của các họa khổ, nên khiến cho nhà cửa, vợ con, tôn thân, quyến thuộc tới lui, bạn bè dạo chơi, phụng trên tiếp dưới đều phải để ý. Ý không đến riêng, kia giống như cái sọt, dụng của sọt không cầu thì không đến. Đã tìm cầu tài lợi, tâm niệm không cùng. Chỉ nghĩ đến việc chứa nhóm cho nhiều không để ý đến lý vô thường, chứa nhóm hư hoại không biết phân tán. Do đây muốn không tham lam thì không thể được. Đã bị quyến thuộc ràng buộc, trăm tâm khác nhau. Không bị roi phạt thì bị các điều ác khác. Tuy nói là dứt ác mà mục đích là do sân khởi. Do đây muốn không tức giận cũng không thể được, vì đây mà mưu tính rong ruổi tìm cầu muôn cách để được tài lợi, tâm không biết khổ họa và tai hại. Trải qua đủ các gian khổ về nước, lửa, trộm cướp, hoặc chết yểu, tàn sát vô tội. Yến tiệc vui vẻ chẳng phải đây thì không cứu giúp. Khởi tâm tham lam và ngu si cho rằng ta phải như vậy, sau khi ăn uống vui vẻ sung sướng không hề suy nghĩ. Đây là muốn không khởi si cũng chẳng thể được. Phải biết người tại gia trái với tướng thiện, vì thế nói: “Việc đã làm đối diện với địa ngục”.

Lại nói: “Chỗ ở như lao ngục, vợ con như xiềng xích, tài vật như gánh nặng, thân thích như kẻ thù”.

Nhưng nay ở chỗ rất khổ, tai ách và gian khổ ràng buộc, đủ các sự khổ não, không gần gũi Tam bảo và chánh pháp.

Sống trong chỗ mê muội tối tăm cực khổ, mà một ngày một đêm giữ gìn được giới cấm, sáu thời hành đạo và tu sáu ngày trai giới. Một năm phải ba tháng trường trai, hoặc giữ một giới, hai giới, ba giới cho đến năm giới, tám giới, mười giới, ăn chay đạm bạc, tự xem xét thân miệng ý. Lại khuyên vợ con, quyến thuộc nội ngoại hồi hướng tôn thờ điều lành, lập nhân Bồ-đề. Hoặc bớt phần của cha mẹ, vợ con, tài sản y phục quý giá, tất cả những thứ đó đem cung kính cúng dường bậc thanh khiết.

Cả nhà vâng làm, sớm tối săn sóc, hoặc bị bệnh tật, hoạn nạn, tai

ách, quan huyện lao ngục. Hoặc thân tộc chết cầu phước cho vong hồn. Hoặc sinh thiện diệt tội mới phát tín tâm. Tôn kính Sa-môn như Phật không khác. Do người kia thuận theo chánh giáo của Phật, nhờ thuận theo lời dạy của Phật nên ra khỏi sinh tử. Nếu trái lời dạy của Phật sẽ bị đọa vào đường ác. Vì thế cho nên thường phải phát chánh nguyện, nguyện thọ hóa sinh tự tại, bay đi khắp tất cả cõi Phật tùy chỗ cảm ứng dắt dẫn chúng sinh, học oai nghi của Phật, vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai, phương tiện khéo léo, đại tuệ khai ngộ giải thoát. Đối với các pháp rốt ráo không bị chướng ngại, khắp hư không thế giới đại nguyện trang nghiêm.

Tụng rằng:

"Ở cõi trần không nhiễm
Vải thô trọng hoài châu
Ngọc tốt soi đá tối
Hoa lan hơn cỏ rậm
Bốn dân không làm bạn
Ba cõi há trầm luân
Lượng tư thân ái nhiễm
Đâu bị tài lợi buộc
Phiền lưu bỏ báu trí
Vướng vít đường bằng phẳng
Muôn vật sao chật hẹp
Lửa cháy cây Hồng phù".

MÔN KHỔ TRONG BA CÕI - THỨ MƯỜI BỐN

Ba cõi là lao ngục, bốn phía luân chuyển, tại gia xuất gia chưa dứt chấp ngã thì không ra khỏi được lao ngục này. Đã bị sinh tử ràng buộc thì thân tâm lao lụy dời đổi vô thường, không đâu chẳng phải là khổ, vì thế kinh nói rằng: "Ba cõi đều là khổ, có gì là vui. Mà chúng sinh thường làm cho là thế gian là thường là lạc, vui cho xuất thế vô thường là khổ, vì sao trần mê trong điên đảo này. Vừa nghiệm chích thân tức biết thọ khổ, đâu được nói là vui. Lược dẫn một số trường hợp để chứng biết là khổ:

- Nếu cho rằng ăn uống là vui thì lẽ ra ăn nhiều thân hòa tâm vui vì sao không vừa ý hoặc không chừng độ, trở thành bệnh hoạn.
- Nếu cho y phục là vui thì lẽ ra mùa xuân và mùa hạ chỉ mặc một thứ y phục tâm ưa thích không nhàm chán vì sao khí hậu lạnh nóng thì y phục khác nhau, rõ ràng không ưa thích do đó thành gốc khổ.

Nếu cho rằng nhà cửa là vui, vì sao không thường ở một chỗ, đã muốn dời đổi, thì rõ biết tránh khổ.

Nếu cho rằng: Vợ con quyến thuộc là vui thì lẽ ra phải được vui vẻ lâu dài với nhau, sao trong phút chốc vô thường đến kêu khóc thảm thương, phải biết quyến thuộc thật là gốc khổ.

Nếu cho rằng: sắc đẹp là vui thì lẽ ra tâm mắt thường vui vẻ, hình hài thường yên ổn, sao trong khoảnh khắc thay đổi sắc đẹp tuổi trẻ thành tóc bạc mặt nhăn, bệnh hoạn. Vì thế phải biết sắc này vốn tự là khổ, chẳng phải từ bên ngoài đem đến.

Nếu cho rằng: âm thanh hay là vui thì lẽ ra tiếng đờn sáo xem nghe không nhàm chán vì sao trong một lúc đã mỏi mệt, tai không thích nghe, phải biết đây là khổ.

Nếu cho rằng uống rượu là vui thì lẽ ra ý thỏa thích chẳng có lo âu, không não loạn, vì sao thần mê mờ tâm phiền muộn, xương cốt đau nhức. Hoặc do việc uống rượu này mà bị roi gậy đánh đập hoặc bị gồng cùm, táng thân mất mạng, phá nhà mất nước, chịu khổ vô lượng.

Nếu cho rằng dạo chơi với bạn bè là vui thì lẽ ra suốt ngày dạo chơi không nhàm chán, vì sao dạo chơi đến lúc mỏi mệt, sau phải dìu nhau, không thể đi được.

Nếu cho rằng dâm dật là vui thì lẽ ra khí huyết mạnh mẽ, mắt tỏ thần sáng, trẻ không già, trai tráng không thay đổi, vì sao buông tình ham muốn thì có sự mỏi mệt. Não rút, tủy khô, đầu loạn, mắt mờ, tâm sợ, khí bức, gân cốt co giản, miệng khô môi nóng, tứ chi uể oải, suy yếu năm tạng, do đây chết yểu. Phải biết dâm dục thật là gốc khổ.

Nếu cho rằng địa vị là vui thì lẽ ra từ đầu đến cuối không thay đổi, không có sự hổ thẹn, không có sự tủi nhục. Vì sao bị truất phế, tiều tụy lập chí.

Các điều trên đây là nêu đại khái để nói, nhưng chỗ tâm đi qua như sáu trần năm căn không đâu chẳng phải là khổ. Do đó, bậc Đại thánh giác ngộ biết được lao ngục ba cõi đều là khổ, không mê mờ giải thoát sinh tử.

Tụng rằng:

“Tâm oán động phân vân
Tình vui liền thay đổi
Yêu thương một phen lìa
Ngồi lo lắng, suy não
Màn che kết thanh âm
Đài caò khởi gió sương

Hư độc duyên phương chỉ
Yêu phạt thật tu nhục
Muốn sống phải thiếu sống
Phồn trí hoặc toàn thỏ
Đêm mênh mông đâu cùng.

MÔN VUI RA KHỎI BA CÕI - THỨ MƯỜI LĂM

Đức Phật dạy rằng: Ba cõi thế gian đều là chỗ nhóm họp các khổ. Chẳng những chỉ có một nỗi khổ mà thôi, lại có vô thường, vô ngã, bất tịnh hoàn toàn trở về không. Xuất thế thì có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đủ tám thứ tự tại. Nhưng chúng sinh từ lâu mê muội vọng cho là vui, sao không đáng thương. Hơn nữa, nói một thứ khổ theo nhau có tám. Những gì là tám?

1. Sinh khổ
2. Lão khổ
3. Bệnh khổ
4. Tử khổ
5. Yêu thương mà chia lìa khổ
6. Ghét mà gặp khổ
7. Mong cầu mà không được khổ
8. Năm ấm lừng lẫy khổ.

Trong một thứ khổ lại có các khổ, vì thế người tu hành phải siêng năng tu đạo. Giữ gìn thân, miệng ý siêng năng không giải đãi. Phàm ngu không biết cho đó là khổ, bậc Đại thánh chiếu khắp thông suốt rõ ràng, biết khổ nhỏ này là chánh nhân của niềm vui lớn. Tuy có mệt nhọc nhưng chỗ trông là lớn, chẳng phải cho là khổ, vì thế dẫn các hình tướng để phân biệt người có tâm.

Nếu bỏ thân mạng thương xót chúng sinh thì sẽ được thân sắc vàng của Phật, ánh sáng chiếu khắp, đi đứng ngồi nằm chấn động cõi Đại thiên.

Nếu lễ bái cha mẹ, sư trưởng, Hiền thánh thì được đảnh tướng cao sáng.

Nếu không lừa dối chúng sinh, khen ngợi đức của họ thì được tướng sợi lông trắng của Phật.

Nếu thực hành lòng từ bi, thương xót cứu giúp chúng sinh thì được mắt xanh, búi tóc như của Phật.

Nếu dùng đèn sáng cúng dường Phật và bố thí cho người thì được tướng trên đảnh phát ra ánh sáng.

Nếu dùng lòng từ bi nhìn chúng sinh thì được hai mắt thanh tịnh.

Nếu dứt những thức ăn ngon dùng mười điều lành giáo hóa người thì được bốn mươi răng bằng khít.

Nếu nói lời từ thiện, ý chí kiên cường thì được bốn tướng ngã bạch tịnh của Phật.

Nếu dứt bốn lỗi của miệng thì được tướng má vuông, lưỡi rộng dài như Phật.

Nếu thực hành bố thí bình đẳng thì khi được quả Phật bảy chỗ đầy đặn.

Nếu chịu khổ hạnh quyết định không loạn thì được tướng ngực như ngực Sư tử của Phật.

Nếu thực hành chánh tịnh y dược cứu người thì được tướng thân Phật đoan chánh.

Nếu thực hành lòng từ bi nhân ái không đánh đập chúng sinh thì được tướng cánh tay dài của Phật.

Nếu thấy đất bước đi không đạp sinh mạng côn trùng thì được tướng bước đi không dẫm đất của Phật.

Nếu tay dìu dắt giúp đỡ chúng sinh bị khổ thì được tay cầm nắm trong ngoài của Phật.

Nếu thực hành bốn nhiếp pháp, nhiếp lấy chúng sinh thì được tướng tay chận bền chắc của Phật.

Nếu dùng tâm thanh tịnh cúng dường người lành thì được tướng lòng bàn tay bàn chân ngàn bức luân.

Nếu bố thí y phục che các tệ xấu thì được tướng mã âm tàng của Phật.

Nếu nói pháp trừ các họa chết thì được tướng đùi của Phật.

Nếu khéo trang nghiêm không mổ xẻ thân phần của chúng sinh thì được tướng xương cốt móc liền nhau của Phật.

Nếu xoay vần nhiễu bên phải tháp Phật thì được tướng lông xoay về bên phải.

Nếu nhổ gai góc để đường bằng phẳng thì được tướng một lỗ một sợi lông của Phật.

Nếu không mặc các thứ lụa là đẹp đẽ, tắm gội cho người thì được tướng da mịn màng của Phật.

Nếu quét trừ các dơ bẩn trong tháp thì được tướng không bị bụi dơ của Phật.

Nếu tu muôn hạnh thường nguyện đầy đủ thì được tướng của Phật trên ngực có chữ vạn (卍).

Nếu bỏ quốc thành, vợ con thì được tướng Tịnh độ quyến thuộc Hiền thánh.

Nếu tự ăn uống tiết độ, dùng bố thí thức ăn ngon cho người thì được thượng vị của Phật.

Nếu thường đọc tụng không nói với người những lời ác thì được hơi miệng thơm, có sức tổng trì.

Nếu nói pháp dắt dẫn chúng sinh thì được đầy đủ không đói khát, có năng lực biện tài.

Nếu giữ giới không thiếu thì được pháp thân viên mãn của Phật.

Nếu ở trong núi tu hành Đầu đà thì được tướng dứt hết trần lụy của Phật.

Nếu bỏ nhà đẹp, vào rừng vắng thiền định, chúng sinh cho là khổ không thể thực hành. Bồ-tát chí nguyện bền chắc hướng đại không cho là khổ, vì thế được cung điện tự nhiên, phòng xá bảy báu, sớm được thành Phật.

Chúng sinh còn bị lưu chuyển trong biển sinh tử, há chẳng phải là do điên đảo mê hoặc mà có ra sao? Vì thế phải siêng năng tinh tấn tu hành hạnh này, sẽ được ra khỏi ba cõi.

Tụng rằng:

“Áo thẳng lường phiền biển
Kiểu bộ tả ai phân
Ba thọ như mưa dứt
Tám khổ như mây nổi
Luân tâm ngưỡng viên cực
Khánh chất ủy phương phần
Sáng dạo cõi nước tịnh
Tối nhóm họp Linh Sơn
Đèn sáng chiếu phương xa
Cỏ thơm càng xông mùi
Nghiêng đầu nhìn thế tục
Tin vậy, tĩnh là ông”.

MÔN DỨT BỎ NGHI NGỜ - THỨ MƯỜI SÁU

Phàm nhân quả cảm ứng ảnh hưởng sinh nhau, đạo lý tất nhiên không khác nhau. Nhưng nghiệp hành của chúng sinh không thuần, thiện và ác đắp đổi nhau. Vì không thuần cho nên quả báo có tinh có thô, hoặc giàu hoặc nghèo, hoặc đẹp hoặc xấu, sự tích kia chẳng phải một. Vì không rõ bổn hành nên có sự nghi ngờ. Vì sao? Vì như người

tinh tấn trì giới lẽ ra được sống lâu, con cháu đông đủ, thân tộc vinh hiển, thế nhưng ngược lại thấy thân mạng chết yểu, dòng họ suy vi. Người giết mổ lẽ ra bị chết yểu, quyến thuộc tàn diệt, thế nhưng ngược lại được sống lâu, tổ tông hưng thịnh.

Người có hạnh thanh liêm lẽ ra phải được giàu có mà lại thấy họ nghèo khổ, người tham lam trộm cắp lẽ ra phải khốn đốn nghèo khổ thế nhưng họ được giàu sang. Đây chính là nhờ phước kia nên hiện đời chịu quả báo nhẹ.

Như trong kinh Kim Cang Bát-nhã có nói: Do trì kinh nên bị người xem thường. Người này bị tội nghiệp đời trước đáng đọa vào đường ác, do đời nay bị xem thường nên tội đời trước diệt. Sở dĩ có sự nghi ngờ này là do vô minh che lấp vọng khởi điên đảo không thể hiểu rõ được nghiệp tướng của ba đời. Nay lược nêu một số trường hợp, người đời mê lầm dùng việc này để răn nhắc, ngõ hầu cho đến biết mà trừ sự nghi lầm kia.

Người trí cho rằng sống là khổ, do đó không nhẫn chịu, kẻ ngu tham sống cho sống là vui. Đây là điều lầm hoặc thứ nhất.

Người trí cho rằng không sống thì không chết, vì thế nói Niết-bàn là vui vắng lặng. Nhưng kẻ ngu sợ chết, không biết phương pháp xa lìa sự chết. Đây là điều lầm hoặc thứ hai.

Người trí cho là nhà cửa là khổ, ví như lao ngục. Kinh thư nói: Dứt tình nơi kiêu sa. Thế nhưng người ngu đắm nhiễm cho là vinh hoa vui vẻ. Đây là điều lầm hoặc thứ ba.

Người trí biết vợ con khổ lụy, nên ví như gông cùm. Kinh Thư nói: Cắt tình nơi sở ái. Mà kẻ ngu cho ân ái là vui. Đây là điều lầm hoặc thứ tư.

Người trí cho rằng quyến thuộc là nguyên nhân của sự ràng buộc buông bỏ như cựu thù, nhưng người ngu vướng vít cho là thích hợp. Đây là điều lầm hoặc thứ năm.

Người trí cho vinh lợi là cái nơm tự diệt mình. Kinh Thư nói: Cắt tình nơi tốc đạt. Mà kẻ ngu không biết đó là độc hại nên cho là tôn quý. Đây là điều lầm hoặc thứ sáu.

Người trí cho sắc, thanh, hương, vị là gốc khổ. Kinh Thư nói: Cắt đứt tình hoặc, nhưng kẻ ngu chìm đắm mê say.

Hơn nữa như trước không cho xảy ra lầm hoặc, đây cho nên người trí phải siêng năng gắng sức. Sinh, già, bệnh, chết không lìa thân này, chớ sinh nghi ngờ, một đời luống qua, nay lại nêu ra để hiển bày tướng nghi.

Thấy người bố thí mà bệnh hoạn chết sớm liền khởi tâm bỏn sẻn, san tham.

Thấy người giữ giới, quá giờ ngọ không ăn xảy ra bệnh hoạn, có tâm nghi là tự dưỡng.

Thấy người có đức nhẫn nhục xem xét tâm, nhiếp thân, xảy ra hoạn khổ, có tâm não động, bèn khuyên khiến cho khai ý.

Thấy người tụng kinh, sớm tối duyên ở lý, xảy ra hoạn họa, bèn khuyên đừng tụng kinh nữa.

Thấy người ăn rau quả hay ăn chay đạm bạc bị bệnh yếu đuối bèn khuyên ăn các thứ ngon để mập mạp.

Thấy người ngồi thiền sinh ra bệnh hoạn liền khuyên ngồi thiền.

Nghe nói dẫn tấn bèn xưng bổn tình, biếng nhác buông lung thuận theo thế tục. Không hề suy nghĩ rằng sớm nghe kinh, chiều chết cũng vui, như cứu lửa cháy đầu. Vì sao biếng nhác lại học theo thói của thế tục, dùng việc chết để tự thệ nguyện mới gọi là người có chí.

Tụng rằng:

"Đường sống chẳng một lý
Mối thức chắc nhiêu tân
Đồ hãi đông lăng phú
Không ta bắc quách bần
Nước sinh từng đã lệ
Nhan thị tín vi nhân
Phùng vưu vời nghiệp trước
Tập thiện hội thân này
Siêng lo mãi di thái
Yến an chung khổ tâm
Khiến tên gọi là trọng
Đâu như nhân lành cây."

MÔN MƯỜI THỨ HỔ THẸN - THỨ MƯỜI BẢY

Đã biết điều xấu của nam nữ tại gia, lại thấy điều lầm lỗi của người xuất gia, lại nghe điều nghi ngờ điên đảo, tự suy nghĩ thức tỉnh lại, thật đáng hổ thẹn.

Kinh nói: Hổ thẹn được đầy đủ sẽ trừ được ám chướng. Vì thế lại nói: Cầm thú như lưỡi câu bằng sắt có thể cai quan người phi pháp. Nếu không biết hổ thẹn thì chẳng khác gì cầm thú.

Trong kinh Niết-bàn nói: Có hai pháp trong sạch có thể cứu giúp chúng sinh, đó là tàm và quý. Tàm là tự mình không làm việc ác; quý là

không xíu giục người làm. Tàm là trong tâm tự mình xấu hổ; quý là bày tỏ với người. Vì có tàm quý nên sẽ cung kính cha mẹ sư trưởng. Vì biết tàm quý nên tội sẽ trừ diệt. Nêu bày tướng như thế nên phải biết tàm quý, thuận theo thực hành hai pháp trong sạch này. Sự thì có vô lượng. Ở đây lược nêu mười trường hợp để làm cương yếu:

1- Hổ thẹn với chư Phật: Đức Như Lai từ xưa muốn cho chúng ta lìa khổ được an, do đó phát tâm thực hành đạo Bồ-đề, chịu khổ chịu nhục để thành tựu pháp thân. Thường giảng nói chánh pháp cho chúng ta nghe nhưng chúng ta không thể đúng như lời Phật dạy để thực hành.

2- Hổ thẹn với cha mẹ: Thương thay cha mẹ sinh ta cực khổ, nuôi dưỡng dạy dỗ, thường có tâm lo lắng. Đã làm con không thuận theo lời dạy dỗ, lại học thói hung nghịch, khinh khi sang hèn. Đã trái với bổn phận làm con lại mất tiếng tăm. Thật đáng hổ thẹn.

3- Hổ thẹn với con cái: Nhưng kia thật có thể sớm tối định tĩnh, sắc dưỡng không thiếu, mà hoàn toàn nghèo khổ không có vật gì cung cấp, vì thế khiến các con không làm sao được vững vàng. Lại thiếu dạy dỗ khiến cho con ngu muội, thật đáng hổ thẹn.

4- Hổ thẹn với Sư tăng: Cha mẹ sinh ta và nuôi dưỡng dạy dỗ ta nhưng không thể giúp ta ra khỏi biển sinh tử. Nay Sư tăng đây dạy cho ta xuất gia thọ giới tăng thượng, mang thai La-hán được quả La-hán, thế nhưng ta lại trái phạm thật đáng hổ thẹn.

5- Hổ thẹn với đệ tử: Đã sớm tối y theo lời dạy sách tấn tu hành mà trái lại cố ngăn trở có trái với lời dạy của Phật, đến nỗi khiến cho đạo nghiệp không có chút công phu, một đời luống qua, không tìm cách chế phục. Nhìn kia phụ lòng cũng đáng hổ thẹn.

6- Hổ thẹn với Đế Vương: Thường dùng mười pháp lành giáo hóa thiên hạ vì thế quốc gia được an ninh ngũ cốc phong phú, bá tánh yên ổn, nhà nhà hưng thạnh. Người xuất gia thản nhiên an vui, lo việc thiền tụng kia, thế mà nay lại biếng nhác, thật là đáng hổ thẹn.

7- Hổ thẹn với đàn việt: Người xuất gia lo việc giải thoát làm gốc. Cho hình hài y thực là trước tiên. Do đó những người thế tục vì đạo làm phước, cung cấp những thứ cần thiết để hưng thạnh chánh nghiệp, nhưng lầm hoặc không hoàn toàn, lỗi đối với sự kính trọng, cũng đáng hổ thẹn.

8- Hổ thẹn với bạn bè: Tri thức dẫn dắt có nhân duyên gặp Phật, giúp đầy đủ phạm hạnh, đem kinh điển chỉ bày nhưng ta nghe, trở lại cho là trái nghịch Tam quy, hướng đến thần tục lễ bái. Mê chấp thiện đạo cho nên trái với lời dạy bảo chân chánh, thật đáng hổ thẹn.

9- Hổ thẹn đối với những người mình giáo hóa, vì ta không có đức, từ lâu không gieo trồng nhân duyên, đến nỗi khiến không thể khai ngộ, khiến người nghe luống uổng công phu, dù có nghe nhưng cũng tạp thiễn không được thuần tịnh, trong tâm tự có bệnh, thật đáng hổ thẹn.

10- Hổ thẹn với trời, rồng, thần, quỷ, hộ pháp, thần linh. Ta vốn phát tâm thệ độ tất cả, vì thế các trời, rồng ủng hộ không phiền não mà ta tình chí không thường hằng, chỉ biết phụ ơn, thật tăng thêm sự hổ thẹn.

Tụng rằng:

"Thần cao chỉ thí trọng
Huyền tửu ân chưa hưng
Châu sáng tùy trên nước
Thấm ngọc soi trong ruộng
Bẩm thiên tánh cùng tột
Nhờ cung kính thờ đạo
Lông cánh chung thế lực
Bánh xe để thông nhau
Báo đức thương trước nhã
Thù ngôn ái dư phong
Tôn đồ thường sai sót
Xét tỉnh không xem trọng".

MÔN RẤT ĐỖI HỔ THẸN - THỨ MƯỜI TÁM

Nghĩa hổ thẹn dùng không đến gốc. Nếu đối với chánh hạnh đều mà tôn thờ thì không cần phải xấu hổ.

Kinh thư nói: Trong tỉnh lại không bệnh, có gì phải lo, có gì phải sợ.

Lại nói: Nếu tâm không có lỗi, cần gì thương xót, nay lý nhiệm mầu khó tinh thuần, hướng về sai trái, trong một niệm tạo vô lượng tội, tội lỗi vô lượng cho nên hổ thẹn lẽ ra cũng vô lượng. Trước đã lược nêu đại khái, trong đó các chi tiết không thể trình bày hết, nay lại lập môn này khiến cho nghiên cứu văn tìm ý chỉ biết lý không đâu chẳng nhiếp.

Chúng sinh do chấp ngã nên không thể ban bố những sự tốt đẹp cho muôn vật, dẫn điều xấu ác về mình. Đã đối với muôn điều lành không thể tu tập, thấy người hơn mình thì ý muốn lăng nhục họ, sao không thấy hổ thẹn. Nay nêu để rõ, ngõ hầu để thúc liễm mình.

Thấy người thật tâm biết hổ thẹn, ta không thể làm được nên

muốn người đó đừng làm.

Thấy người bố thí, giữ giới, khai mở môn giải thoát liền muốn người đó sớm dừng không nên làm.

Thấy người nhẫn nhục, tinh tấn, tự mình không thể làm được liền muốn họ sớm thoái lui.

Thấy người đa văn, tu thiền định, tự mình không thể làm được nên không muốn họ làm.

Thấy người thực hành hạnh từ bi hỷ xả, tự mình không thể khen ngợi và gắng sức thực hành nên muốn họ không thực hành được.

Thấy người ăn chay đạm bạc ngày một bữa, tự mình không thể làm được nên khuyên họ thoái lui.

Thấy người biết phục tâm, tương ưng pháp hổ thẹn nên xúi giục bèn khuyên họ đừng thực hành, đây là trái với tám Chánh đạo.

Thấy người học hỏi kinh điển, tự mình không thể làm được nên không muốn họ học hỏi.

Thấy người nhiễu quanh lễ bái, tự mình biếng nhác nên ganh tỵ khiến họ đừng thực hành.

Thấy người xướng phạm âm, tự mình không bằng họ nên muốn họ đừng như vậy.

Thấy người tu hạnh đầu-đà, mình không thể tu được trở lại chê bai hủy diệt, nay nương theo thế tục lập pháp khai hóa cho rằng đây là cao.

Đúng ra phải sinh lòng tin, diệt trừ tội lỗi, cầu phước mở mang đạo pháp, mà nay lên tòa vô úy, khai rộng đầu mối trái ngược, trau chuốt lời lẽ hay đẹp, lời cao hứng khởi chê trách qua lại, nghi dung cao ngạo không có khiêm tốn, không nghĩ lại rằng ta hiểu chưa rõ ràng, chỉ lo gạn hỏi, kinh điển có sai lầm. Vì thế kinh nói:

Nếu vì lợi dưỡng, danh dự ngã tâm ái đãng mà nói pháp, đây gọi là phi pháp. Nếu vì lợi lạc cho người khác, tăng thêm tín tâm, diệt phiền não, khởi tịnh nghiệp, biết hổ biết thẹn, khai mở con đường tám chánh, đây gọi là nói pháp thiện. Như ở đời quá khứ, có Tỳ-kheo Khổ Ngạn nói có chúng sinh, ngã, nhân, thọ mạng, trái với lời dạy của Phật, khi qua đời đọa vào địa ngục A-tỳ, nằm ngửa, nằm sấp, nằm hai bên hông, suốt chín trăm vạn ức năm. Như vậy, sau đó phải trải qua các địa ngục khác, chịu khổ ở các địa ngục thuộc, khó nói hết được. Vì thế, phải biết không y theo lời dạy của Phật chê bai chánh pháp, tội kia thật nặng. Phải biết làm Pháp sư cũng thật khó, nếu nói pháp lành thì được phước vô lượng, nếu nói pháp ác thì chuốc lấy tội lỗi cũng rất nặng. Vì thế cho

nên Pháp sư phải biết hổ thẹn. Nhưng trong thế gian, việc cần gấp cho sự sống là cơm ăn áo mặc, do cơm áo này lao nhọc rất lắm. Những thứ cần dùng như tơ lụa, giày da không đâu chẳng tổn sinh tàn mạng, hại đến da thịt của chúng sinh trở lại nuôi dưỡng thân mình. Cho đến nếu ăn một hột cơm mà không dụng công phu thì chẳng nhờ đâu mà vào miệng được. Suy lường công phu, tính toán bụng ta, vào trên ra dưới thường lưu chuyển không dừng. Mà đối trong đó lựa chọn ngon dở, nhận thứ mềm mại, tham muốn vị ngon, không biết hổ thẹn. Trong khoảnh khắc biến thành mùi hôi thối không thể đến gần, như ngồi trên nhà xí chẳng khác. Sao người trí đối với việc ăn uống mà sinh tâm tham muốn, nếu sinh tâm tham muốn thì phải hổ thẹn. Nếu không biết hổ thẹn thì nào có khác gì súc sinh cầm thú.

Tụng rằng:

"Mùa Đông lông cừu dày
Mùa xuân tơ lụa mỏng
Hình hài bị ngăn trở
Tâm thức lại tự khinh
Thủ dung ky thảo nhật
Bình sinh lúc trai trẻ
Ngựa xe đưa tiễn khách
Rót rượu vui kỹ nữ
Chỉ nghĩ vui trước mắt
Đâu biết khổ đời sau
Vui sướng biết hổ thẹn
Thường xa lìa tình ái".

MÔN THIỆN HỮU KHUYẾN KHÍCH THỨ MƯỜI CHÍN

Dứt trừ được nghi ngờ, khởi tâm biết hổ thẹn và có công khuyến khích, đó là Thiện tri thức. Nay muốn tu tập muôn hạnh mà không có thiện tri thức thì không thể nào tiến đạo được.

Trong kinh nói: "Như chiên-đàn ở trong rừng Y-la thì lá chiên-đàn bị hôi. Còn lá Y-la hôi mà ở trong rừng chiên-đàn thì lá Y-la sẽ thơm".

Kinh thư nói: "Ở chung với thiện tri thức như vào nhà có cỏ thơm, sẽ được thơm lâu. Ở chung với người xấu như vào chợ tôm chợ cá hôi tanh, đều bị tanh".

Lại nói: "Gần mực thì đen, gần son thì đỏ".

Vì thế phải biết bạn tốt sẽ làm được Phật sự, đây là nhân duyên lớn, là đồng phạm hạnh. Thiện tri thức có thể dẫn dắt ta về Tịnh độ. Ác

tri thức sẽ hại ta rơi vào địa ngục. Phải biết ơn của thiện tri thức không thể báo đáp hết được. Lý thiện ác rõ ràng minh bạch. Hễ mặc tình ưa thích thì lý hướng về chậm, nếu có thiện tri thức khuyên nhắc thì tâm dõng mãnh mau. Trong kinh có văn khuyên nhắc. Trong sách cũng có lời khuyên học hành. Phải biết yếu hạnh thật do khuyên nhắc mà thành, vì thế kinh nói:

"Bồ-tát tự mình bố thí cũng khuyên người khác thực hành bố thí. Tự mình trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng khuyên người khác làm những việc này. Nhưng việc tốt đẹp ưa thích ham muốn ngưỡng mộ, chuyện đó thường tình. Nay có người có tâm muốn được vui mà không thực hành việc muốn được vui, đo chưa thấy kết quả kia. Dụ như hết lương thực tư vị thì đối với kẻ đói khác hoàn toàn không giúp ích gì được. Vì thế lược dẫn một số trường hợp thạnh hành yếu sự để răn nhắc lẫn nhau. Nay có người giàu có, tài vật, nhà cửa đẹp đẽ đầy đủ không nhọc tìm kiếm mà có. Lại có người nghèo khổ đói khát, hình hài tiều tụy, suốt ngày muốn giàu có mà sự giàu có đó chưa hề tạm có. Do nỗi khổ này nên khuyên họ bố thí gắng sức tu phước.

Có người thì mặc áo lông cừu thêu hoa đẹp đẽ, lại có người một thước vải cũng không có đủ, dơ dáy bẩn thỉu.

Do đây khuyên họ bố thí y phục, nhà ở.

Như có người dùng thức ăn trân báu, bàn ghế đàng hoàng. Lại có người rau dưa sơ sài đạm bạc mà cũng không đủ. Do đókhuyên họ bố thí thức ăn, đồ uống.

Như có người địa vị vinh hiển, đầy đủ thích ý tự tại. Lại có người quê mùa thấp hèn, người không thèm ngó, bùn tro ngòi rãnh, ngồi nằm chỗ phẩn dơ uế. Khổ này đáng nhàm chán, khuyên họ tu phước để dứt trừ lòng kiêu mạn, vâng hành khiêm kính, đâu thể người khác thường sang, ta thường hèn ư?

Như thấy có người dáng vẻ đoan chánh, nói lời lợi lạc. Lại có người hình dáng lùn xấu, nói lời xảo quyệt, khổ này đáng xả bỏ, thì khuyên họ nhẫn nhục.

Như thấy có người ý chí sức lực mạnh mẽ, ít bệnh hoạn hành đạo vô ngại. Lại có người thường bệnh hoạn không được an ổn, việc lành không lợi ích. Thấy khổ này khuyên họ bố thí thuốc men, khiến họ tiến bộ.

Vì thế, kinh Pháp Cú nói: Bốn thời hành đạo được vượt qua các khổ:

1- Lúc tuổi trẻ có sức mạnh

2- Lúc có tài vật.

3- Lúc gặp phước điền Tam bảo

4- Lúc tính toán muôn vật đều ly tán.

Thường thực hành bốn việc này thì sẽ được dấu vết đạo. Nên tự mình lập thời khóa không đợi người khác khuyên nhắc.

Tụng rằng:

"Nhà lan đổi tâm bồng
Chiên-đàn biến cỏ y
Đan thanh có sẽ hơn
Tơ sỏi đâu thường trắng
Khúc viên lại dây thẳng
Cây đổ bìm giậu leo
Một quỹ hoặc thành núi
Trăm dặm mỏi giữa đường
Long hán là vua quan
Đại sở tin vô bảo
Cố gắng đức không côi
Lời thành không luống dối.

MÔN GIỚI PHÁP NHIẾP SINH - THỨ HAI MƯƠI

Trước đã khuyên nhắc người khác, nay ta tự gia thêm thời khóa gắng sức. Nếu nói về thời khóa siêng năng mục đích là nương nhân cảnh hành. Nếu tâm chí trôi nổi thì hướng đến không chỗ nương. Nhưng nương vào nhân cảnh hạnh giới là trước tiên, có thể gọi là cửa ban đầu nhập Thánh, là con đường chánh để xuất tục. Nếu trái lời dạy này thì thường ở trong ba đường ác, cõi trời người hằng dứt tuyệt. Vì thế kinh nói: "Thí như đất nuôi dưỡng muôn vật". Giới cũng như vậy, có công năng sinh ra hoa quả người trời của chúng sinh. Vì thế kinh nói: "Nếu không có giới này thì các công đức lành đều không sinh được". Bởi khổ báo tội chướng trong ba đường ác ràng buộc. Thắng quả trời người phải là đạo khí, muốn cảm thắng quả mà không có giới thì không thể sinh được. Cho nên, bậc Thánh trước nói lời dạy này. Nhưng hai khoa pháp Tam quy, ngũ giới. Bảy chúng Tiểu thừa cốt yếu dùng Tam quy làm tông, Nhất thừa đại giáo tôn sùng ba nhóm làm chính đều như trong kinh luật có nói. Khuôn phép rõ ràng, hiến chương đầy đủ sáng hơn gương soi.

Nay nêu đại giáo hóa, đem ánh sáng chiếu tục, sở dĩ phát căn bản của giới cần phải nương tựa Tam bảo là vì Phật bảo, Pháp bảo và Tăng

bảo là ba ngôi báu đáng tôn trọng của trời người. Quy y sinh tín tâm có công năng ra khỏi ba cõi. Nếu quy y tà thần sẽ tăng thêm đường khổ, vì thế kinh nói: “Cư sĩ thanh tín quy y Phật rồi, không quy y các Thiên thần”.

Do đó, trước phải định tà chánh mới biết nghịch thuận.

Kinh nói: “Tin là căn bản của đạo, là mẹ sinh ra các công đức. Trí là nhân giải thoát ra khỏi ba cõi. Thật là lời nói chí lý. Nếu không có lời nói này thì tâm chí phu hư quy giới không được. Đây là bước đầu tiên lập tín tâm làm đầu.

Thế nào là Tam quy:

- Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, ba ngôi này đáng tôn trọng cho nên là báu.

Thế nào là Phật?

- Là bậc tự giác, giác người khác, Đại Trí Vô Sư, năm phần pháp thân.

Thế nào là Pháp?

- Là chỗ làm phép tắc, làm chân chánh, diệt đế Niết-bàn thanh tịnh vô tướng.

Thế nào là Tăng?

- Có thể hòa hợp, hòa hợp chúng, công đức vô học tự tha diệt xứ.

Thế nào là Quy?

- Là chỗ đáng nương cậy, đáng hướng về.

Thế nào là Bảo?

- Đáng làm lợi ích, chánh tâm nương nhờ, gần thì được quả trời người, xa thì chứng quả vô học. Đây chính là cửa khác nhau của Tam bảo. Nếu luận về giáo lý cùng tột thì chỉ có một, soi chiếu không đâu chẳng cùng khắp, soi chiếu Đẳng giác gọi là Phật bảo.

Thể không đâu chẳng phải pháp, gọi là Pháp bảo.

Chí đức thường hòa hợp, gọi là Tăng bảo, đây là “Thể một nghĩa ba, đồng tánh Tam bảo”.

Chúng sinh hiểu ngộ, tin biết Phật tánh, lìa sinh tử này, sinh khởi lợi lạc. Vì thế nên tất cả không đâu chẳng nương về.

1- Bỏ tam quy tà

2- Ngũ giới tam quy

3- Tám giới, tam quy

4- Mười giới

5- Giới cụ túc

6- Mười điều lành

7- Giới Đại Bồ-tát.

Bảy giới này là chỗ ngăn ngừa cảnh lỗi, gần thì y cứ tất cả sáu căn sáu đại trong đại thiên thế giới đều là giới cảnh. Rộng thì như thường nói.

Tụng rằng:

"Kim sơn nghiêm báu nhận
Quỳnh uyển liệt dao di
Tường cô nghị bất quật
Diêm yến khởi năng thê
Tinh hoa trang tư tự
Tuệ chiếu quán thân nghê
Nhóm lục quần chưa nhất
Bảy chúng cố thường ngay
Hình ngay thì bóng thẳng
Chánh đạo chẳng nghiêng động
Chỉ cung siêu vượt ngộ
Rốt ráo còn mê gì.

MÔN TỰ VUI KHÔNG TẠO TỘI MỚI - THỨ HAI MƯƠI MỐT

Từ trước phát tâm cho đến nay, biết bậc chí đức đáng quy y, tự mình xem xét tự trách, diệt các cửa ác, nghi ngờ đã dứt, hổ thẹn tiếp tục sửa đổi. Khuyên nhắc gồm hạnh, giới, đức lại hiển, được bởi tội chướng như vậy, nghe thọ được pháp thù thắng này há không vui mừng khấp khởi tự vui ư?

Trong kinh nói: Tám nạn khó vượt qua, đó là:

1- Nạn địa ngục

2- Nạn ngạ quỉ

3- Nạn súc sinh

4- Nạn sinh ở Biên địa

5- Nạn ở cõi Trường thọ thiên.

6- Dù được làm người mà bị đui điếc câm ngọng không thể nghe nhận.

7- Tuy được thân người sáu căn đầy đủ mà thế trí biện thông tin tà điên đảo, không tin Tam bảo, buông lung khinh dễ, khi được làm người lại không sinh vào nhà chánh tín.

8- Phật tiền Phật hậu không gặp chánh pháp, luống sống một đời thêm lớn tà kiến, gây đủ các tội, tìm theo bọn ấy, vì thế cho nên trong kinh nói rằng: "Luống sống luống chết, thật đáng thương xót". Người tu

hành tôn phụng pháp trước phải tôn trọng ý này, sống chết là việc lớn không thể coi thường. Nay lược nêu một số trường hợp tự mình đáng để ghi nhớ trong tâm.

Phật dạy: Địa ngục khó khỏi, mà nay được lìa khổ địa ngục này. Đây là điều tự vui thứ nhất.

Phật dạy: Ngạ quỉ khó khỏi, mà nay đều được xa lìa khổ này. Đây là điều tự vui thứ hai.

Phật dạy: Súc sinh khó bỏ, mà nay đồng được nhân không thọ thân súc sinh. Đây là điều tự vui thứ ba.

Phật dạy: Sinh ở Biên địa chẳng biết nhân nghĩa, nay được ở Trung Quốc giữa nước tu tập lễ trí. Đây là điều tự vui thứ tư.

Phật dạy: Sinh ở cõi Trường thọ thiên không biết gieo trồng phước. Phước hết, chết đi trở lại đọa vào đường ác, mà nay không cho là đời vui, tự vui lại đem cúng dường. Đây là điều thứ năm tự vui.

Phật dạy: Thân người khó được, một phen mất không trở lại được, có được chăng cũng thí như con rùa mù mắt gặp bộng cây nổi, mà nay được thân người. Đây là điều tự vui thứ sáu.

Phật dạy: Sáu căn khó đủ, nay không bị thiếu. Đây là điều tự vui thứ bảy.

Phật dạy: Thân trượng phu nam tử khó được, mà nay ta đã được.

Phật dạy: Thân người nữ mà biết Phật tánh thì là người nam, nay ta đã biết Phật tánh.

Phật dạy: Tà biện khó bỏ, nay ta đã quy y chánh pháp.

Phật dạy: Sinh trước thời Phật, sau thời Phật là đại nạn, nay đã cùng nhau. Thấy tượng Phật lại nghe chánh pháp, thì đồng Lộc dã không khác.

Phật dạy: Thấy được Phật là khó, nay ta đảnh lễ tượng Phật, công dụng ngang nhau.

Phật dạy: Nghe pháp là khó, nay ta được nghe pháp đầy đủ.

Phật dạy: Xuất gia là khó, nay ta thọ giới Cụ túc được ở trong chúng Tăng.

Phật dạy: Xuất gia lòng tin gấp bội là khó, nay ta nhất tâm không dám có hai pháp. Kính pháp, mến pháp, thờ pháp làm Thầy. Trong kinh có bài kệ rằng:

“Chỉ nhớ đời quá khứ
Cúng dường quá ít ỏi
Mong quả báo lâu xa
Phước kia gặp Thiền sư

Tịnh tuệ đoạn sinh tử
Si ái hết không còn
Ân Phật vô cùng tận
Nên tôn trọng tự quy”.

Bài tụng về tự vui không gây ra tội mới:

“Xuân chẳng phải xuân, thu chẳng thu
Trải qua đêm dài thường ung dung
Nung hình luyện khí nhậm duyên tạo
Mở mang hiểm trở khỏi tối tăm
Vinh công ba lạc chẳng phải rộng
Ky sinh năm phước đâu thể cầu
Diệu cảnh nhiệm mầu thường khó tập
Lời sâu chí đạo gọi là tu
Năm gặp sinh hạnh hội dĩ khánh
Tội lỗi đã qua lại phải lo
Rốt ráo dứt mới, xa biển khổ
Mong hiền kế thiện nương dòng trí”.

MÔN ĐẠI NHẪN ĐỐI ÁC - THỨ HAI MƯƠI HAI

Phàm đạo từ khổ sinh, không do quả vui. Đức nương công lập, không phải chỗ nhóm họp của các căn.

Cho nên kinh nói: “Nhẫn nhục là đạo bậc nhất”.

Đối với chúng sinh tâm không ngại, cho nên ở trong khổ thì có nhiều chướng ngại, có nhiều phiền não, tạo nghiệp bất thiện. Nay sở dĩ được vô ngại là do ở trong chướng ngại mà tu vô ngại, vì thế ngại mà không bị ngại. Đã ở trong chỗ ngại mà không bị ngại, há chẳng phải do sức nhẫn mà được như vậy hay sao?

Trong kinh nói: Thế giới Ta-bà là cõi nước năm trược, năm điều đau khổ, năm điều thiêu đốt đủ các quả báo xấu ác. Vì thế cho nên người phát tâm Đại thừa phần nhiều sinh về cõi này, dùng việc cứu khổ làm tư lương, dùng việc trừ phiền não là yếu hạnh. Cõi này một ngày tu điều lành hơn ở cõi Tịnh độ kia trăm ngàn muôn kiếp. Sở dĩ như vậy là vì ở nơi rất khổ tâm không bằng thiện, mà có thể ở trong nơi rất khổ sở đó xuất sắc phát ý nhẫn nhục chịu khổ, há không phải là điều kỳ diệu sao? Cái gọi là trong lửa sinh hoa sen, đây thật là ít có. Tịnh độ phương khác không tu phước, do đó không bằng cõi này. Vì sao?

Vì cõi Tịnh bảy tài đầy đủ, không cần bố thí nhiếp nghèo cùng.

Cõi Tịnh luật nghi viên tịnh, không cần trì giới nhiếp phá giới.

Cõi Tịnh không có nhục không có nhẫn. Cõi uế không có việc gì mà không nhục, ở trong chỗ nhục mà nhẫn được, thật hơn cõi kia.

Cõi Tịnh tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, không cần siêng năng nhiếp biếng nhác.

Người ở cõi Tịnh nhập vào dòng pháp, niệm niệm tu điều lành không ngoài nhập quán, không cần phải thiền định nhiếp loại ý.

Cõi Tịnh trí tuệ sáng suốt đầy đủ, không cần biện tài khéo léo nhiếp ngu si.

Lại người ở cõi Tịnh, không đâu chẳng phát thệ sâu rộng, nhưng công đức hoằng thệ không bằng ở cõi uế. Bốn món nhiếp pháp, bốn tâm Vô thượng đều vô dụng.

Vì ở cõi Tịnh an vui nên tâm cứu khổ kém mỏng.

Vì ở cõi Uế khổ nên tâm tu tiến điều thiện mạnh mẽ.

Vì thế kinh nói: “Thực hành phi đạo thông đạt Phật đạo”.

Muốn phát tâm rộng lớn thực hành hạnh Bồ-tát, tự mình không dẫm chân đến những chỗ nguy hiểm chịu đủ sự gian nan khổ sở, vào lửa cháy, vượt qua băng tuyết, chịu sự gian khổ độc hại, đối với muôn nỗi khổ mà nhẫn chịu thì đạo tràng sẽ bước đến. Nếu không có sự não hại này thì đức nhẫn từ đâu mà sinh. Nhờ phiền não này mà ta mới phát các tâm lành. Cái gọi là bọn trần lao như hạt giống Như Lai. Phải biết người có đức nhẫn là người có năng lực lớn, là căn bản của công đức. Nghĩa là nhẫn chịu được nỗi đau khổ, nhẫn chịu được tư tưởng, nhẫn chịu được bệnh tật, nhẫn chịu được sứ đói khát, nhẫn chịu được sử mỏi mệt, nhẫn chịu được sự lạnh nóng, nhẫn chịu được sự nhiệt não, nhẫn chịu được sự mắng nhiếc, nhẫn chịu được sự hủy nhục, nhẫn chịu được sự đánh đập không sân giận, nhẫn chịu được sự tham dục không yêu đắm, nhẫn được sự kiêu mạn không trái đạo, nhẫn chỗ khó nhẫn, nhẫn chỗ khó hành, nhẫn chỗ khó làm, nhẫn chỗ khó nói. Người thực hành những đức nhẫn này thật đáng gọi là Đại nhẫn nhục.

Tụng rằng:

“Dưới Côn Luân ngọc bằng cầm thú
Phía Bắc sông Hán Ngọc ngàn vàng
Nghiệp sách thần chứa đức không trọng
Ngu tục thanh tịch đạo đã sâu
Thương ghét vui buồn sinh mà tập
Đẹp đẽ đức hạnh đời cung kính
Tài cao sức mạnh muôn người địch
Ai chịu chế thử tâm gang tấc

Ngựa sổng cuồng loạn không chế ngự
Ràng buộc hộp kín có thể cấm
Dứt tình bỏ sự có tưởng gì
Vắng lặng vô đãi bốn u tầm.

MÔN DUYÊN CẢNH VÔ NGẠI - THỨ HAI MƯƠI BA

Trong kinh nói: “Thế tục gọi là phước, xuất gia gọi là giải”.

Giải là do vô ngại mà có, phược là do đối đãi mà có. Nay nếu muốn có đối đãi trong không đối đãi thì có đối đãi lại phiền não. Không đối đãi trong không đối đãi thì có đối đãi tự hết. Có đối đãi đã hết thì cửa vô ngại sẽ nhập. Nếu ý chí ở nơi tư dưỡng thì thấy ràng buộc càng nặng. Nhưng chúng sinh phàm loại phần nhiều bị trở ngại, không riêng đối với vật thì tự cứu vô phương, riêng tư đối với vật thì ràng buộc càng nặng. Đã sinh ra sự ràng buộc thì giải thoát làm sao có được. Nay đã hiểu về sự ràng buộc kia, ràng buộc thật là khổ, làm sao biết được như vậy?

Nay muốn đi trên đất liền, nếu không có xe cộ thì người và ngựa không cử động được, đây là điều ràng buộc trở ngại thứ nhất.

Nay muốn đi trên nước, nếu không có ghe thuyền thì không di chuyển được, đây là điều trở ngại thứ hai.

Nay muốn dưỡng thân, nếu không có áo quần nhà cửa thì không có chỗ nương nhờ. Đây là điều trở ngại thứ ba.

Nay muốn nuôi dưỡng mạng sống mà không có lương thực, lúa gạo, năm vị mềm mại thì không có đối đãi, đây là điều trở ngại thứ tư.

Nay muốn tu tập nhất tuệ mà phảng tượng vô hướng. Đây là điều trở ngại thứ năm.

Nay muốn thấy một Đức Phật, một cõi Tịnh phát tâm đặc biệt mà mờ mịt không thấy. Đây là điều trở ngại thứ sáu.

Nay muốn thấy suốt mười phương mà bị chướng ngại trước mắt. Đây là điều trở ngại thứ bảy.

Nay muốn cầu trí tuệ Phật, Thánh để trừ hoặc chướng, gần tâm hạnh chúng sinh này mà ta không gặp. Đây là điều chướng ngại thứ tám.

Nay muốn xét văn tìm nghĩa, tuy có tâm lực, gần lời hỏi thấp cạn mà không rõ ý chỉ. Đây là điều chướng ngại thứ chín.

Nay muốn tụng tập kinh điển nhưng thọ rồi quên mất. Đây là điều chướng ngại thứ mười.

Những chướng ngại này, việc kia có vô lượng.

Sở dĩ bậc Thánh được vô ngại tự tại là do đâu? Đây chính là do xa lìa các trần lao, tự sách tấn mình làm căn bản, chỗ đối đãi này đâu không siêng năng, tự biện không nhờ người khác mà người khác bị ta dùng. Cái gọi là nhường nhịn mà đối đãi thì lý kia thông. Cầu mà được thì lý kia bị ngăn trệ. Bồ-tát không tự cầu tự lợi chỉ muốn lợi ích cho chúng sinh. Đây là vì lợi kia do mình nên được vô ngại. Chúng sinh thường vì lợi cho mình mà quên người khác, do đó thường bị ràng buộc không được giải thoát. Thánh hễ cầu là được, không phải là thường bị cách ngại mà không thông. Nay muốn học Thánh bỏ phàm thì phải noi theo chỗ tu tập của bậc Thánh. Tuy phương pháp có vô lượng nhưng bến bờ cứu giúp cốt yếu chỉ có giải thoát mà thôi. Vì thế kinh nói: Nếu từ chỗ không ràng buộc muốn giải thoát tự ràng buộc kia, thì đây có lý. Nay muốn học đạo Bồ-tát thì phải bỏ sự ràng buộc của phàm phu, ràng buộc của phàm phu chỉ có năm món dục túng ý tự tại, đây thật là sự ràng buộc lớn. Người tu hạnh Bồ-tát bỏ đó không thèm đoái hoài đến,

Trong kinh nói: Không được nuôi tôi tớ, súc sinh, phải tự mình cố gắng ra khỏi sinh tử. Nếu nhờ vả người thì người trở lại ràng buộc ta, không có lúc được giải thoát. Nay nói rằng không tôi không đứng vững, không tớ thì không nói được. Đây chính là khi khí lực mạnh mẽ, một mai nằm trên giường trăm việc đều bỏ. Tự cứu mình còn có không có thời gian rảnh rỗi thì làm sao lo cho người khác, phải tự mình cố gắng thì cửa giải thoát mới dễ đến được.

Tụng rằng:

“Tượng vật mập mờ, không có tên
Rồng bay phượng đậu, có gì nói
Dứt trí quên thân, ai làm ngại
Dấu danh ẩn tiếng, nên hiển rõ
Chẳng phải trời trăng, ánh sáng treo
Không bay không chạy, đến hư không
Tường đá không trống, tự ra vào
Nước lửa có tánh, tự co giãn
Pháp mầu ứng tục, mau truyền bá
Hiện tích nương phương mau như gió
Lành thay xuất thế không cùng bạn
Ngưỡng Viên mộ Thuấn, nên gắng gổ”.

MÔN NHẤT CHÍ CỐ GẮNG - THỨ HAI MƯƠI BỐN

Từ trước nói về đức cùng tột ở vô ngại, hai đường thiện ác, phàm

thánh khổ vui, xem xét rõ ràng lời nói này thật là đầy đủ. Chỉ nên cố gắng siêng năng mà thực hành.

Kinh nói: Cảm thương thế gian tham lam từ lâu trôi lăn trong biển ái dục. Ta thì riêng muốn trái nguồn kia, vì thế tự gắng gổ mà đặc biệt nêu ra. Đây là do đời đời siêng năng khổ nhọc mà không cho là lao nhọc.

Kinh nói: Ta và A-nan, vào thời Đức Phật Không Vương cùng phát tâm Bồ-đề, ta thường siêng năng tinh tấn, do đó mau thành Chánh giác.

Lại nói: Được trí chánh pháp rồi, dùng tâm không mỏi mệt nhàm chán nghe thuyết pháp cho chúng sinh đó gọi là cố gắng.

Chúng sinh lưu chuyển trong ba cõi, xúc khổ ràng buộc nhau, do đó tình thức mờ ám, yếu đuối, thấp kém, lo lắng nhiều mê mờ, mỗi niệm có trăm thay đổi khác nhau, nếu tự mình không siêng năng cố gắng làm giếng mối thì tâm dõng mãnh không phát.

Kinh nói: Chúng sinh đấu chiến với oán tặc cũng không khác thế gian đối địch. Muốn chế thế gian thì phải chiêng vàng đốt khí kia, trống chuông đánh tức giận kia, uất phất tăng giận dữ kia, quyết liệt thành sức kia. Không nương sự dõng mãnh này, không nhờ oai nghi hăng hái này thì làm sao bè dẹp được sự chiến đấu của minh điều, trừ dẹp được sư của mục dã ư. Nay cùng với phiền não đấu chiến phải nhóm trí vô lậu, vâng theo sư vô úy, giữ chúng Đạo phẩm, theo bạn sáu độ, dựng cờ đạo tràng, đánh trống cam lồ, mặc áo dày hoằng thệ, mang giáp nhẫn nhục, nắm cung trí tuệ, cầm tên kiên cố. Tinh tấn thúc giục kẻ biếng nhác, siêng năng thời khóa, không ai sánh bằng, phát hạnh đăng hoan hỷ, tháo bỏ ngay Pháp Vân, chủng trí dứt sự dõng mãnh kia, phương tiện vận chuyển tóm lược kia. Đối giặc vô minh, già chết đây phụ giúp quân bốn ma, ảnh hưởng ma Ba-tuần, nương thiên nữ, dựa quỷ thần, ức ngàn vạn chúng. Gánh núi phun lửa sấm sét chung quanh bốn phía, muốn vào nhà trọ ám hoặc, nhún nhường thầy Kim cang. Do vậy Bồ-tát nhẫn hòa vô tưởng, chứa đức từ lâu nên ma oán cúi đầu nép phục. Một niệm cố gắng khoát nhiên sáng tỏ. Chẳng phải Pháp vương hoại Chánh pháp vương, đây đều là việc trong kinh, nếu không cố gắng thì nhờ đâu mà nói được. Như Doanh gia sáng thức tối ngủ, cực khổ cố gắng thì trong nhà mới được đầy đủ, không bị đói khát. Nếu cố gắng thì không chỗ nào chẳng cứu giúp. Việc diệu hạnh xuất thế chẳng khác thế tục, nếu cố gắng lại thêm ý chí thì ba minh, sáu thông chẳng đáng cho là khó, lại vận phương tiện thêm thời khóa cho thân tâm thì sức nhẫn tin

thuận lần lần tự đến, đâu thể luống bỏ qua một đời, ba đường khổ ép ngặt mình, sức không chịu nỗi mới sinh tâm hối hận thì đâu có kịp. Do đó, việc cố gắng thông suốt trước sau, tâm thực hành cùng tột chỉ ở đây mà thôi. Bậc Thánh soi xét rõ ràng, quán sát cùng tột nên mới phát ra lời nói nương văn hiện ý.

Tụng rằng:

"Hai núi Dự Bắc đâu có đời
Một sông Hà Trung có thể làm
Tinh thành sẽ đến dướt tuyết trần
Ý chí đã cảm, lìa vàng đá
Hữu tử thích chưởng tu danh lập
Vương sinh trạc phát mỹ dự thùy
Tự đến tâm siêng ít tội đọa
Sao không cố gắng thoát khổ ách
Cờ đẹp trống pháp hãy đánh lên
Trí sư, đạo chúng lăng xăng đuổi
Hữu thường vô ngã đã xếp rõ
Vô minh có buộc ai thấy được".

MÔN LỄ BẢO THÁP XÁ-LỢI - THỨ HAI MƯƠI LĂM

Đại Thánh giáo hóa tùy căn cơ cảm ứng được lợi ích, thí như một âm thanh thuyết pháp chúng sinh đều được hiểu biết. Vì thế cho nên vì người hiện đời lợi lạc nên giáng thần vào thai mẹ, đản sinh vào cung vua.

Đáng vì lợi ích cho người xuất gia nên bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc.

Đáng vì lợi ích người tướng tốt, do đó hiện thành chánh giác ngồi dưới cội Bồ-đề.

Đáng dùng thật tướng lợi ích, do đó ba lần chuyển pháp luân, mười hai bộ kinh.

Đáng dùng diệt độ lợi ích, do đó ở song lâm ẩn ánh sáng, hiện Niết-bàn.

Bởi chúng sinh nhiều nghiệp chướng phiền não, vì thế Đức Phật giáo hóa tùy ứng chẳng phải một. Nhưng hiện nhập Niết-bàn là muốn tăng phát tâm luyến mến. Do thương xót luyến mến nên tâm lành phát khởi. Lễ bái tượng tháp đều cảm phát tâm thương mến, dần dần kính mộ. Thảm thương tình cảm kia mà nghĩ nhớ chánh pháp. Ta không kính mến khóc tưởng thì Đức Như Lai không chính thần nói ra các ý chí. Như

vào miếu Tổ tiên cha mẹ thì thấy sự linh nghiệm, như than thở không có nhan sắc. Đức Như Lai hết lòng khiến ta đầy đủ các hạnh khổ, mà ta trái lại nên tự mình đọa vào đường ác. Đối với tướng đời sau mê mờ giải thoát. Do khổ báo nên nhớ ân Đức Như Lai. Đây là do ngày nay đều quy tâm đối với tượng tháp này.

Dốc lòng phụng thờ bậc chí tôn, Hoàng hậu, Hoàng Thái tử, bảy miếu Thánh linh. Ngày nay tín thí, Long thần, tám bộ, khắp vì tất cả chúng sinh đau khổ, kính lễ mười phương ba đời tất cả các cõi nước chỗ nào có hình tượng linh miếu của Đức Như Lai. Kính lễ tất cả linh cốt xá-lợi hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ xá-lợi đảnh cốt hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ xá-lợi hộp sọ hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ xá-lợi mắt sáng hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ tất cả xá-lợi tóc xanh, hồng hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ tất cả xá-lợi xương tay hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ tất cả xá-lợi xăng hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ các dụng cụ như: y, bát, bình nước, tích trượng hiện tại của Đức Như Lai.

Kính lễ sinh địa và di tích đi ngồi của bốn Đức Phật quá khứ.

Kính lễ Bảo tháp cây Bồ-đề đắc đạo của Đức Như Lai.

Kính lễ Bảo tháp chỗ chuyển pháp luân của Đức Như Lai.

Kính lễ Bảo tháp chỗ Bát Niết-bàn của Đức Như Lai.

Kính lễ tám mươi bốn ngàn tháp do vua A-dục xây sau khi Đức Như Lai diệt độ.

Kính lễ vô lượng tượng chư Phật do vua A-dục tạo.

Kính lễ tất cả tượng pháp long cung trong biển của Thiên thượng nhân gian.

Kính lễ các tượng Phật bằng ngọc của các châu ở nước này.

Kính lễ vô lượng linh tượng ở các núi, các chùa trong nước này.

Kính lễ vô lượng hình tượng trong biển và ở Thiên thượng nhân gian.

Nguyện tất cả chúng sinh không sinh trước thời Phật, sau thì Phật, mà thường thấy Phật đản sinh, thường gặp Phật xuất gia, thường thấy Phật đắc đạo, thường thấy Phật nhập Niết-bàn. Có thể xây dựng vô lượng tượng tháp như thế, tột đời vị lai Phật sự không dứt.

Tụng rằng:

"Việt nhân chú kim thành có tư
Ngụy hậu trang mộc cũng là buồn

Trung hiền tiểu tiết còn luyến mến
Cách Phật càng xa tình càng thấm
Kỳ thọ tiêu điều nhiều túc sở
Vương cung tịch mạc tư di cơ
Lập tượng ở nhà để chiêm ngưỡng
Khai nghi trú cảnh ấm như thế
Liên khanh cộng nhật độc trước sau
Đạo du mạng thù tương vô thời
Khuynh hoài kết tưởng trắc dĩ mộ
Thùy linh tả chiếu phất trần nghi.

MÔN KÍNH TRỌNG CHÁNH PHÁP - THỨ HAI MƯƠI SÁU

Các pháp vốn không, vắng lặng không có nói năng, do nhân duyên nên hiện có văn tự. Phải biết văn tự kinh điển vốn để trừ bệnh diệt mê hoặc làm đầu.

Hoặc tức tám mươi bốn ngàn cho nên giáo môn cũng có tám mươi bốn ngàn pháp tạng. Đến lúc bệnh hết hoặc trừ thì thuốc cũng hết theo. Như dụ bè có thể cho là tình tất. Nhưng chúng sinh chìm đắm trong sự chấp trước tùy theo lời nói mà bị dính mắc, do đây nên lời dạy như phương thuốc nêu bày, do đó vàng lựa đầy bảo điện, trục ngọc sáng rỡ ở hung thần. Phân tích có không ở giả thật, biểu phát quyền trí ở vô phương. Vì thế, một đời bốn mươi chín năm tùy duyên chỉ bày giáo, thuyết pháp từng môn, cho đến khi nhập Niết-bàn chỉ có thinh giáo, tùy ngôn thuyết sẽ đến chỗ quên mất. Nhưng dùng nghĩa lý bàn về sự mầu nhiệm, chánh tông chẳng mê muội, lời nói tuy mất nhưng ý chỉ của Phật khó trái được. Vì thế lập pháp nương theo dụng thường phán định, Thiên ma ngoại đạo đâu dám xâm phạm. Mặt trời tuệ đã lặn, mây pháp bủa xa, không phân biệt thì không làm sao mà hiến công. Tôn pháp môn của Đại Ca-diếp tài giỏi, đánh chuông triệu tập một ngàn vị Tăng vô học (A-la-hán), một mùa hạ kiết tập lời di giáo. Mười hai nghĩa tìm văn của ba tạng, Tu-đa-la (tức kinh) số kia vô lượng không thể nghĩ bàn. Cất ở Tây Hạ cho đến ngàn năm. Lúc bấy giờ, lần lần chuyển đến Đông Độ phiên dịch thành chữ Hán, truyền đến nay trải qua sáu trăm năm, Tạp Lục Chánh Kinh hơn bảy ngàn (7.000) quyển. Từ nghĩa minh mẫn, bàn vị không sót gần thì siêu phàm chứng Thánh, đủ như trong kinh, người trí tìm xem. Hết lòng phụng vì bậc chí tôn, Hoàng hậu Hoàng Thái tử, Thánh linh bảy miếu, Thiên long tám bộ cho đến mười phương tất cả chúng sinh khổ ách.

Kính lễ tất cả chân như chánh pháp tạng.

Kính lễ tất cả Pháp tạng chư Phật mười phương đã nói.

Kính lễ Pháp tạng của Đức Phật Câu-lưu-tôn ở Hiền kiếp, Pháp tạng của Như Lai, Thiên long cung.

Kính lễ Pháp tạng của Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni và Thiên long cung.

Kính lễ tất cả Pháp tạng của Đức Phật Ca-diếp và Thiên long cung.

Kính lễ tất cả Pháp tạng của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Thiên long cung.

Kính lễ tất cả Pháp tạng ở chùa Hắc phong ở Tây Ấn Độ.

Kính lễ Pháp tạng, mười hai bộ kinh Đại thừa ở nước Thư Cừ.

Kính lễ pháp tượng tường đá tám chữ xả thân ở Bắc Ấn Độ.

Kính lễ Tất cả các tạng kinh điển của Thần Châu Đại Quốc.

Kính lễ kinh bằng đá ở Dịch Châu, kinh tượng hang đá ở Sóc Châu Hằng An.

Kính lễ các Pháp sư thọ trì Tam tạng.

Kính lễ tất cả các Thiền sư, Luật sư đọc tụng kinh điển và những vị tu hành v.v...

Nguyện tất cả hàm linh nhập vào pháp môn như thế, thường hay tổng trì, giáo hóa cùng khắp, thông đạt vô ngại.

Tụng rằng:

“Không ra khỏi nhà là vì sao
Hành không dùng pháp muốn tu gì.
Yên vào nước Sở đợi Ngựa tốt
Qua sông vượt biển nhờ thuyền nhẹ
Lòng nhân vì lợi sớm đã rõ
Thánh đạo khắp giúp xa khó tìm
Thông minh soi suốt từng sáng tỏ
Ngưng đọng thấm nhuần chìm vực sâu
Giúp thiện khai mở bày giáo nghĩa
Chiều tối mở hoặc rửa ưu phiền
Công thành chẳng có, danh cũng không
Đốt hết không chấp cùng du hóa”.

THỨ HAI MƯƠI BẢY: PHỤNG DƯỠNG TĂNG ĐIỀN

Tăng gọi là phước điền, các đạo đều tôn thượng, vì sao? Vì phát mong tâm thuyết tối của thế tục, khởi đầu con đường xa chánh đạo. Cứu trầm luân, giúp ba cõi, mở mang chánh pháp ủng hộ muôn đời. Do đây

đạo giúp thiên hạ, đức sáng bốn tục, có thể sinh hạt giống lành, gọi là phước điền. Đức vang như kiền chùy, lại gọi là ứng cúng. Tâm trái lý nghĩa, hành vượt pháp khoa, hiển dung mạo trái với người cạo tóc. U thọ không thọ chi báo. Chính làm thù hận với thí chủ, cùng với cốt nhục làm vết thương. Máu huyết có thể tìm, thạch nữ không xa, Tăng ủng hộ Phật tạng nói rõ không mê. Trí luận đại kinh có liên quan đến thanh quy. Trong một phải ba lần phản tỉnh, việc làm phải chín lần suy nghĩ, niệm niệm sách tấn, tâm chẳng lúc nào từ bỏ mới nhập vào một vị ba thừa, dự vào một thành viên của Tam bảo. Thạnh đức đáng quán, sáu đường quy y, vượt khỏi cao hạnh khó bàn, bảy chúng theo nhau làm phước điền, há chẳng phải thân ở trong cõi nước mà tình thì vượt ngoài cõi nước ư? Trôi lăn, ràng buộc gói kín hôn mê, nơi nơi chấp trước thì làm sao vượt xa được. Đây là lập Tăng bảo làm ruộng tốt cho thế tục, khiến khởi phước lực được ra khỏi sinh tử, không luống lập. Nhưng Phật vượt ra hệ lụy làm khuôn phép, vì chúng sinh thọ cúng mà thật không thọ. Pháp do dứt hoặc thanh tịnh phi tình, cúng dường cảm quả từ tùy sinh nghiệp, Tăng gồm phàm thánh, thân thuộc nhân trước. Dầu thành vô học cũng còn quả báo khổ, thân dứt bỏ hết không còn mới ra khỏi các cõi. Nay do thân lụy có duyên phần nhiều cần phải tư đãi, cho nên bố thí dạy phần nhiều đối với Tăng. Nhưng cúng dường Tăng là đầy đủ Tam bảo, vì thế Đức Phật nói: Thuận theo lời ta là cúng dường ta. Vì giải thoát cho nên cúng dường pháp. Chúng Tăng thọ dụng là cúng dường Tăng. Vì có lý nghĩa này nên gọi chúng Tăng là phước điền tốt.

Phụng vì bậc chí tôn, Hoàng hậu, Hoàng Thái tử. Thánh linh bảy miếu, Thiên long tám bộ cho đến tất cả chúng sinh khổ ách.

Kính lễ tất cả Tăng bảo trong mười phương.

Kính lễ đương lai hạ sinh Phật Đâu-suất Thiên Di-lặc Bồ-tát tăng.

Kính lễ Đại sĩ du phương Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tăng.

Kính lễ Đại sĩ cứu khổ Quán Thế Âm Bồ-tát tăng.

Kính lễ Đại sĩ hộ pháp Phổ Hiền Bồ-tát tăng.

Kính lễ Đại sĩ diệt tội Hư Không Tạng Bồ-tát tăng.

Kính lễ tất cả hành đại đạo tâm Bồ-tát tăng trong mười phương.

Kính lễ tất cả hành Duyên giác tâm, Bích-chi-phật tăng trong mười phương.

Kính lễ tất cả hành Tiểu thừa, các Thanh văn Tăng trong mười phương.

Kính lễ Tân-đầu-lô-xà trụ pháp muôn đời các Thanh văn tăng.

Kính lễ Phật tử La-hầu-la trụ pháp muôn đời các Thanh văn tăng.

Kính lễ Diệu Châu, sơn hải chín ức vạn trụ pháp muôn đời các Thanh văn tăng.

Kính lễ ba ngàn cõi hiện ở trong tất cả các phàm thánh tăng.

Nguyện tất cả hàm linh thường cùng Hiền thánh đồng nương chánh đạo, khai trí tuệ sinh phước không bị đọa vào đường ác, đời đời gặp nhau làm thiện tri thức, diệt trừ phiền não được ra khỏi các cõi.

Tụng rằng:

"Năm ngọc đã nhuận bàn mà tín
Bất quế tuy phương gió bèn theo
Diệu lý chí ngôn chỉ Phật bảo
Không phải bậc kia ai mở đạo
Chiếu không quán pháp biết trôi chảy
Vỗ về thế tục nhàm sinh tử
Dứt tuyệt ham muốn trừ vui thích
Túng lạc hào vinh khí tiêu dao
Thân du hốt tin như gió bụi
Tài lợi thăm thẳm như cỏ, bụi
So với mây rồng đâu là cao
Trạc túc giang hán lại hổ thẹn".

MÔN KHUYẾN THỈNH TĂNG TẤN - THỨ HAI MƯƠI TÁM

Khuyến thỉnh là ý rất hết lòng. Do phát tâm ý ân cần thì muốn việc lành thêm sâu. Vì thế cho nên đối với tất cả các việc thiện nhỏ bé đều phải ân cần khuyến thỉnh, tăng tấn khiến sinh tuệ hạnh, không cho phế bỏ, nhưng khuyến thỉnh có hai:

1- Khuyến thỉnh chúng sinh tu hành giới thiện đầy đủ các công đức.

2- Khuyến thỉnh chư Phật cứu hộ chúng sinh trụ ở đời lâu để thuyết pháp.

Đối với bốn đường ác trong mười pháp, nay con đều khuyến thỉnh tu trì các giới hạnh để được thân người.

Đối với tất cả loài người trong mười phương, nay con đều khuyến thỉnh tu mười điều lành để được sinh lên cõi trời.

Đối với chư Thiên trong mười phương, nay con đều khuyến thỉnh lên giai vị nhóm Chánh định, được lìa đường ác.

Đối với các học giả trong mười phương, nay con đều khuyến thỉnh

nên giác sát các phiền não mau chứng vị vô học.

Đối với bậc A-la-hán trong mười phương, con đều khuyến thỉnh biết ngôi vị này là không rốt ráo, chỉ có nhất Phật thừa rốt ráo mà thôi.

Đối với Bích-chi-phật trong mười phương, nay con đều khuyến thỉnh thành tựu trí đại bi, giáo hóa các chúng sinh.

Đối với Nhân thiên, hàng Nhị thừa, nay con đều khuyến thỉnh thể giác Như Lai tạng, tu tập hạnh Bồ-tát.

Đối với tất cả các Bồ-tát, nay con đều khuyến thỉnh tu hành hạnh mười độ, mau chứng ngôi Thập địa.

Đối với Bồ-tát ở trời Đâu-suất, nay con đều khuyến thỉnh thường chuyển bất thoái luân, mau độ chúng sinh.

Đối với Bồ-tát trí chưa sáng, nay con đều khuyến thỉnh trí Kim cang diệt trừ trần lụy, hiển phát tướng chân thật.

Đối với tất cả chư Phật trong mười phương mới thành Đẳng chánh giác, con thỉnh chuyển pháp luân, làm cho các chúng sinh an lạc.

Đối với tất cả chư Phật trong mười phương, nếu muốn xả thọ mạng, nay quy mạng thỉnh, xin trụ ở đời lâu.

Chư Phật và Bồ-tát như vậy, nay con đều khuyến thỉnh phát tâm tha thiết này, vì thế cho nên cúi đầu đảnh lễ.

Tụng rằng:

"Đợi sông trong gặp Thánh triều
Linh trí thương tiếp kẻ ở xa
Mặt trời trắng sáng không soi chiếu
Đạm bạc ẩn chí luống ngẩng đầu
Đầy khắp hư không, cùng ba cõi
Đầy dẫy vụ trụ, suốt tám liêu
Đức sáng nghiệp liền lên chí giác
Vắng lặng thường trụ có thể siêu
Đốt cháy khiến lửa nghĩ sương, mây
Chìm đắm khiến nước trông ghe, cầu
Lòng từ cứu độ xưa có thệ
Pháp luân đạo ngự lại thông dong".

MÔN TÙY HỶ MUÔN ĐIỀU LÀNH - THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Chúng sinh vì ngu hoặc, phần nhiều có tâm ganh ghét tăng thượng. Do đó nên thấy người làm việc lành thì khởi tưởng ác, hủy nhục phá hoại làm cho không thành tựu. Nhưng kia trước người chưa chắc tổn

hạnh, mà người ganh ghét này vọng thêm nóng bức, nuôi lớn hoặc nghiệp nên sinh tử không dứt. Vì thế nên bậc Thánh điều tâm chế ý, thực hành hoan hỷ này, cũng khuyên các chúng sinh đúng như lời Phật dạy mà phụng hành.

Mười phương tất cả chúng
Chỗ có thiện nhỏ nhiệm
Nhân nghĩa và lễ trí
Hiếu dưỡng và cung kính
Từ hòa và hiếu kính
Hạnh liêm trinh, thanh khiết
Nếu có thiện như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Lìa dục ở nhân gian
Kính tu giới của Phật
Tam quy, năm, tám giới
Thập thiện, giới Bồ-tát
Thanh tịnh các luật nghi
Lìa các tiếng tăm ác
Các công đức như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Cúng Tăng thí pháp y
Rửa sạch cấu phiền não
Cứu các kẻ nghèo khổ
Đói lạnh và bế tắc
Bệnh tật và khổ ách
Cho thuốc và thương xót
Các công đức như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Làm đường lớn giếng tốt
Cầu, thuyền đưa người vật
Vườn rừng ao hoa quả
Cúng Phật và chúng tăng
Đói khát trừ nhiệt não
Phước kia thật vô lượng
Các công đức như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Chép kinh truyền giáo pháp
Đốt đèn phát tuệ sáng

Tự tụng và chuyển tụng
Hiểu rõ các nghĩa thú
Nếu lại vì người nói
Tăng thêm tâm vui vẻ
Các công đức như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Xây dựng các tháp miếu
Chánh điện và chùa báu
Tượng cây và tượng vẽ
Hoặc vàng bạc đồng đá
Truyện vẽ các tướng tốt
Hiển bày ở pháp thân
Các công đức như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Nếu có xây phòng tăng
Giường màn và đồ nằm
Khiến người kia dứt tâm
An ý ở thiền lâm
Ra vào cửa khổ, không
Thứ lớp quán vắng lặng
Các đối đãi như vậy
Nay con đều tùy hỷ
Như Lai đại từ bi
Khéo nói các pháp môn
Phát sinh hạnh tùy hỷ
Nay con cùng tu học
Tùy hỷ các Thanh văn
Chịu khổ độ sinh tử
Tùy hỷ các Bồ-tát
Không bỏ các đường ác
Tùy hỷ Phật mười phương
Thiên nhân tôn vô úy
Ở trong ngục ba cõi
Dẫn chúng sinh ra khỏi
Nguyện cho các chúng sinh
Đều được chứng Phật đạo
Vì thế con tùy hỷ
Cúi đầu lạy chư Phật.

Tụng rằng:

"Nghe thiện như mình xem sách hay
Thấy hiền nghĩ như lời răn tốt
Cảm u động địa hiếu có thật
Vận thủ lưu trường trung vi tháo
Chấn lễ cầm văn hoằng hiến tắc
Cơ mô viêm dõng tĩnh gian bạo
Minh bạch nhập tố chí xung nhàn
Cao luận cùng vi khế sâu kín
Bỏ thân cứu vật chẳng cầu danh
Khinh tài trọng nghĩa đâu đợi báo
Trăm hạnh muôn thiện nhiều phép tắc
Cầu thành khánh tưởng đều vui vẻ".

MÔN HỒI HƯỚNG PHẬT ĐẠO - THỨ BA MƯƠI

Hồi hướng là không mê đắm. Tất cả chúng sinh đầy đủ muôn hạnh, xả bỏ thân mạng tài sản.

Sở dĩ không được giải thoát sinh tử đều do đắm nhiễm quả báo không thể xả bỏ. Nếu có thể không chấp tâm kia, tu hành nhiếp độ. Nếu có chút phước nhỏ nào cũng hồi thí cho chúng sinh hướng về Phật đạo thì đối với quả báo không sinh mê đắm, liền đối với sinh tử được giải thoát. Vì thế, kinh nói: "Như chỗ nói tu hành hồi hướng vì lợi lớn". Do đây tất cả nghiệp lành đã làm đều nên hồi hướng và khuyên chúng sinh không mê đắm quả báo. Vì sao? Vì ngay thân hình đây là gốc của quả báo. Suốt ngày nuôi dưỡng, trang sức, trau chuốt, cuối cùng cũng sẽ chết mà luống giữ gìn chấp trước. Tự mình ngu ám nên tham ái thân này. Lúc nhỏ có trí tuệ sáng sao không có lúc không nhàm lìa. Do đây người trí phải để tâm không nên tham đắm hồi lưu sinh tử.

Chúng sinh trong mười phương
Nghiệp lành nhỏ đã làm
Do hiếu và cung kính
Từ ái và nhu hòa
Trung chánh tu lễ, trí
Gắng giúp người cô cùng
Thiện thế tục như vậy
Đều hồi hướng Phật đạo
Tất cả các ngoại đạo
Các thứ hạnh siêng khổ

Năm dục đốt thân kia
Lao vào núi, nước, lửa
Lại vào ngục tro bùn
Vô lượng các tà kiến
Nay đều xin hồi hướng
Đồng quy đạo chánh giác
Tất cả thanh tín sĩ
Quy giới hành thập thiện
Cho đến các người nữ
Cũng nên tu phước đức
Lại hay khéo thuyết pháp
Khai hóa các phước lành
Hồi hướng thí chúng sinh
Đều thành đạo Vô thượng
Tất cả chúng đệ tử
Nghe tiếng liền giải ngộ
Thiện lai, thành Tỳ-kheo
Cho đến bốn đạo quả
Phương tiện và sơ quán
Tưởng khổ, không, vô thường
Cũng hồi hướng chúng sinh
Đồng đến đạo Vô thượng
Các Bích-chi mười phương
Tự nhiên thành Duyên giác
Thâm ngộ ở đời khác
Hiểu rõ pháp nhân duyên
Ẩn hiện hóa chúng sinh
Ở riêng ưa vắng lặng
Như vậy gồm tất cả
Đều hồi hướng Phật đạo
Các Bồ-tát mười phương
Đọc tụng các kinh pháp
Nhập thiền và xuất thiền
Khuyên đều hành điều lành
Như vậy đồng ba thiện
Tất cả các công đức
Cũng hồi thí chúng sinh
Quy hướng đạo Vô thượng

Tất cả các việc lành
Cho đến quả Hiền thánh
Giải không chưa thể cùng
Có, không đều chưa dứt
Đều khiến cùng tất cả
Đồng nhập cảnh chân diệu
Nếu hồi có tướng tâm
Đều hướng đạo giải thoát
Các Bồ-tát như vậy
Nay con xin hồi hướng
Phát tâm không chấp trước
Nên cúi đầu đảnh lễ.

Tụng rằng:

"Thăm thẳm chín cõi đều khác hình
Quấy rối bốn tục chẳng phải một
Đánh xe đuổi ngựa theo nghiệp đời
Thị giao chúc nghĩa hư danh huyễn
Ba Mặc phân vân đâu không hội
Bảy Nho ủy uất hội chưa cùng
Kiết hung câu kỵ bèn số thuật
Thủ hợp với ly thật ngang dọc
Sáng trời, tối trăng trọn chấp gì
Lao vào núi, lửa không tổn mạng
Than ôi mất đạo lại hồi giá
Nhìn dòng nước kia chảy về Đông

MÔN PHÁT NGUYỆN TRANG NGHIÊM - THỨ BA MƯƠI MỐT

Các điều ác phát khởi đều do ý tham sân si mà có tự hại mình, hại người khác không có gì hơn đây, cho nên kinh gọi là ba món độc căn bản, hay phiền não nhiễu loạn thân tâm. Đối duyên khởi ác ba lần ba là chín mòn. Nhưng chín món này nghĩa có cả thiện ác. Ba gốc lành sinh gọi là nghiệp đạo thiện, ba gốc chẳng lành sinh gọi là nghiệp đạo ác. Vì thế cho nên người tu hành thường nên nhất tâm không để cho động loạn. Vi trần khởi tướng thấy liền giác sát, giữ gìn sáu căn không để cho trần nhiễm, thường phát nguyện rộng để tự trang nghiêm, nguyện tất cả chúng sinh từ hôm nay cho đến khi chứng quả Bồ-đề, mắt thường không thấy sắc tham, dâm, tà vạy mê hoặc người, không thấy sắc sân nhuế, xấu xí, đồ tể, ngu si, ám độn, cống cao tà mạn. Nguyện thấy sắc của tất

cả pháp thân mười phương thường trụ, sắc của Bồ-tát hạ sinh tám tướng, sắc của tướng tốt Như Lai, Thánh chúng hòa hợp đều khéo nhóm họp.

Nguyện tất cả chúng sinh tai thường không nghe tiếng đau buồn sầu khổ; tiếng địa ngục khổ sở; tiếng ngạ quỉ súc sinh chịu khổ; tiếng tám khổ giao đối; tiếng bốn trăm lẻ bốn bệnh phát khởi; tiếng tám vạn bốn ngàn trần lao. Nguyện tai thường nghe tiếng tám âm thanh của chư Phật thuyết pháp; tiếng tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật; tiếng Thánh quả ba thừa các công đức như vậy v.v....

Nguyện tất cả chúng sinh mũi thường không nghe hơi ăn uống của mùi vị sát sinh; hơi da bọc của ba mươi sáu vật; hơi phát dục la khỉ chi trạch, hơi ngũ tể hay huân chín tương thông. Nguyện mũi thường nghe mùi thơm của các cây cỏ ở các thế giới mười phương; mùi hương của các công đức năm giới, tám giới, mười điều lành, sáu niệm; mùi hương của bậc Hữu học, Vô học, Thập địa, Ngũ phần, mười Lực, tám mươi bốn ngàn các độ vô lậu, mùi hương của chư Phật mười phương thuyết pháp.

Nguyện tất cả chúng sinh lưỡi thường không nếm mùi vị thịt của chúng sinh có mạng sống; mùi vị có thể sinh phiền não. Nguyện lưỡi thường nếm mùi vị cam lồ bất tử, thức ăn tự nhiên ở lưỡi biến thành thượng vị; mùi vị chư Phật đã ăn; mùi vị Pháp thí thiền duyệt; mùi vị giải thoát Niết-bàn tối thượng.

Nguyện tất cả chúng sinh thân thường không biết va chạm tà dâm trơn láng sinh dục lạc; không biết va chạm nước sôi băng lạnh; va chạm các khổ não của ngạ quỉ, súc sinh; va chạm bốn trăm lẻ bốn bệnh, lạnh nóng gió sương, muỗi mòng rận rệp, đói khát khốn khổ v.v... Nguyện thân thường biết va chạm tám món tự tại như sự mát mẻ, mạnh khỏe, tâm ngộ, an ổn, chứng đạo, phi hành v.v....

Nguyện tất cả chúng sinh từ hôm nay cho đến lúc chứng quả Bồ-đề ý thường biết chín mươi tám món sử; pháp tám mươi bốn ngàn trần lao; mười ác năm tội nghịch; pháp chín mươi sáu tà sư; ba đường ác đáng nhàm chán, khổ lớn sinh tử. Nguyện ý thường biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật là vị thầy thuốc hay, pháp là thuốc tốt, Tăng là người khám bệnh vì các chúng sinh trị bệnh sinh tử, khiến được giải thoát, tâm thường vô ngại, vắng lặng không có nhiễm ô.

Tụng rằng:

"Tâm là chỗ hẹn đến bờ kia
Việc gì thuận thế lâu ẩn mất
Chiếu mặt trời tuệ chở mây pháp

Vọt qua thành khổ ra khỏi trần
Cỏ thơm ngọc sáng, nghe năm tháng
Cây báu phất phới đánh thức dậy
Thanh lộ trong ngọt thường để rót
Vườn vui, sông đẹp thường du ngoạn
Không đợi giữa đảnh phương trượng dâng
Đâu cần đàn tranh khảy tiếng đàn
Cần thành nghi nguyện lớn chẳng vượt
Tập khổ tọa lao từ đây hết

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 28

BÀI TỰA THIÊN KHẢI PHƯỚC

Đời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn.

Phước là gì? Nghĩa là cảm lạc thọ để an thân, lấy việc vui vẻ để vui tánh. Nhưng Pháp vương lập pháp bao gồm thức tâm, ba cõi lao ngục, ba khoa xét định gồm.

Một là tội. Hai là phước. Ba là đạo.

Tội là chỗ kết ba độc, ràng buộc nghiệp thuộc ở quỷ vương. Luận về tướng trạng kia, ở thiên sau có nêu đầy đủ.

Phước là chỗ thành tựu bốn thệ nguyện rộng, ngã vốn thuộc ở thiên chủ.

Đạo là thông suốt không chướng ngại, y cứ theo hạnh thì không đâu chẳng mê muội, muội thì nương phân ra trí tiểu và đại, liên quan đến pháp tin. Minh là riêng đạt lý tánh cao siêu có không, đạo này sáng suốt như chỗ hiển bày riêng.

Nay luận về phước, Bi kính làm đầu.

Bi là gian khổ vượt sự khổ sở, suy nghĩ cứu giúp ra khỏi. Kính là biết Phật pháp khó gặp, mở mang tín ngưỡng là thần lắng, duyên cảnh chính là có dính líu đến sự tình.

Y cứ theo lý thì chỉ có tâm là gốc, nên rỗng suốt không ràng buộc, phước kia không trở về với tự tha. Tưởng điên đảo chưa dời, thì tạo nghiệp có trái đối với sự dụng, vì thế từ xưa đến nay theo nhau không dứt.

Vương là biết thân hình có đó chẳng phải ngã.

Hưng khởi trụ trì nơi chùa tháp. Còn lại thì do nơi không đủ. Phần nhiều hành thí đủ chu cấp, ở đây cho nên biết có tạo nghiệp thì không gọi là siêu thăng, phần nhiều do tạo tội càng thêm sinh tử, vì thế nói rằng: Có tạo tội vừa hướng về cần phải xả, có tạo phước tuy thực hành mà không chấp trước, do đây nên ý lập hạnh hai phần: Trệ thì thêm

sinh, xả thì tăng đạo. Đạo y cứ nghịch lưu ra khỏi phàm nhập thánh. Phước thì thuận sinh điên đảo kiết nghiệp. Vì thế, tạo phước vốn trải qua hiền minh.

Đời Lương, Hoằng Minh Tập Khởi Phước Thiên Lục Vương Cai Nhật Chúc.

THIÊN THỨ TÁM: THIÊN KHỞI PHƯỚC, ĐỜI ĐƯỜNG

Bắc Đại, Nam Tấn, Tiền Tần, Tiền Yến, Nam Yến, Hậu Tần: Các vua và sách Pháp sư Thái Sơn Lãng và sách của Pháp sư Lâm.

Nam Tề, Hoàng Thái tử nguyện sớ lễ Phật, Trầm Hưu Văn.

Xả thân nguyện sớ: Trầm Hưu Văn.

Nam tề Sớ Nam Quận Vương xả thân: Trầm Hưu Văn.

Y trong các kinh hành sám hối nguyện văn: Lương Cao Tổ.

Ngàn Tăng hội nguyện văn: Trầm Ước.

Văn nguyện ngày mồng 08 tháng 04 độ người xuất gia: Lương Giản Văn.

Bát quan trai chế tự, và chế mười điều: Lương Giản Văn.

Sớ nguyện của Đàn Việt làm các chùa: Lương Giản Văn.

Lập phước hội giáo vô ngại: Lương Tú Luân.

Sách Đáp Tương Đông Vương: Lương Giản Văn.

Sách Diễm Pháp Sư.

Sách Lưu Trí Tạng: Lương Nguyên Đế.

Sách Ước Pháp Sư: Thẩm Ước.

Sách Ấn Xà-lê: Lưu Chi Lân Lương.

Sách Vân Tăng Chánh: Lương Vương Quân.

Sách Trường Sa Vương Biệt: Lương Vương Quân.

Sách Đáp Pháp Sư Vân: Lương Lưu Hiếu...

Chiếu chỉ Bắc Tề, Võ Thành Để dùng ba đài làm chùa: Ngụy Thu.

Chu Minh Đế ra chiếu chỉ lập hai chùa Trắc Dĩ và Trắc Hổ.

Văn nguyện của chùa Liêu Dương Sơn, Bắc tề: Tư Đạo.

Đời Tùy, Cao Tổ vì Thái Tổ ra chiếu chỉ tạo chùa: Lý Đức Châu.

Đời Tùy, Cao Tổ ra chiếu chỉ ở Tương châu Chiếu Tràng lập chùa.

Đời Tùy, Dương Đế ra sắc chỉ hành đạo độ người trong nước.

Đời Đường, vua Thái Tông ra chiếu chỉ ở Hàng Đông lập bảy chùa.

Đời Chu, Võ Đế nói chung hai giáo.

Đời Đường, vua Thái Tông ra chiếu chỉ lập trai đàn hành đạo cho những người bị chết trong chiến tranh.

Đời Đường, vua Thái Tông xây dựng chùa Hưng Thiện.

Đời Đường, vua Thái Tông ra chiếu chỉ độ Tăng trong nước.

Đời Đường, vua Thái Tông ra chiếu chỉ sửa nhà xưa thành chùa.

Đời Đường, vua Thái Tông ra sắc chỉ không được bán tượng Phật.

Đời Đường, vua Thái Tông vì Mục Hậu làm sớ truy phước thủ ??

Đời Đường, Đông cung Hoàng Thái tử, chùa Tây Minh bài minh khác trên chuông và các sách của luật sư Tiến.

Đời Đường, vua Thái Tông ra chiếu chỉ xây dựng chùa Hưng Thánh.

BẮC ĐẠI, NGỤY THIÊN TỬ, THƯ CHIÊU BẠT KHUÊ

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, thừa sa Thánh linh, cốt yếu phải kinh lược dĩ mạng nguyên nhung. Thượng nhân đức rộng như núi như biển, thần thật rộng sâu, giúp việc sinh nhai, đem lại sự bình an khắc phục mất mùa đói khát. Nay sai sứ đem dâng cúng hai mươi tấm lụa trắng, năm mươi cái áo Bạch Chiên, hai bình bát bằng bạc, xin nhận cho.

ĐỜI TỐNG, THƯ TI MÃ XƯƠNG MINH CỦA VUA

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, khi hiểu đức sáng, tiếng vang đến Đông Nhạc. Linh hải quảng yêm, có sinh mông nhuận. Đại nhân xuất hiện ở dời, khéo cứu giúp người, nêu bày kinh lược, huyền bẩm diệu kế. Xưa Lưu Diệu sáng lập kế nghiệp Nhung, Địch. Nguyên Hoàng rồng bay bèn dừng ở Giang Biểu. Cựu kinh chìm đắm, Thần Châu khuynh đãng. Chúng sinh đồ liễu nương ở Tả Nhâm mỗi khi nghĩ đến thấy thật đáng thương. Tâm trẫm lo xa nước Ngụy, Triệu dẹp tan nước Yên chinh phạt. Nay cờ rồng mới dựng chế phục Y lạc. Suy nghĩ cùng Hòa thượng đồng nuôi dưỡng chúng sinh, chí nhân thông suốt, rõ được tâm của trẫm. Nay sai sứ đem tặng một tượng bằng châu năm màu, năm mươi xấp gấm quang minh, năm pho tượng bằng ngà voi, năm bình bát bằng vàng, cúi xin Hòa thượng nhận cho.

Tăng Lãng cúi đầu cúi đầu. Phàm chí nhân không ẩn, đức sinh là Thánh, không có đức thì chẳng phải Thánh, nào dám có thí dụ. Người xuất gia dừng chân trần tục, kính mến núi rừng vắng lặng, tâm muốn mầu nhiệm, linh tích khó kịp, hình lụy mà thôi, phụng giúp chiếu mạng,

nên thăm hỏi chăng? Đại Tấn trọng cơ bản, trước nương hiếu trị. Lòng nhân ái rộng lớn như trời đất, che chở nuôi dưỡng vô biên, nguyện khai Đại thừa, mở mang đạo vị. Tăng Lãng cúi đầu, cúi đầu.

ĐỜI TẤN, THƯ CỦA THÁI TỬ PHÙ KIÊN

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, Đại Thánh ưng kỳ linh quyền siêu vượt, che chở mười phương, hóa dụng vô tận. Như núi biển nuôi dưỡng chúng sinh, đồng trời đất nuôi muôn vật, dưỡng còn sinh tử, thần lóng vắng lặng. Trẫm vì kèm cỏi sinh cùng Thánh hội mà cách xa muôn dặm không được xe cộ. Nay sai sứ đem xe đến thỉnh, ngõ hầu muốn cho linh quang che chở làng ấp kinh thành. Nay dâng Tăng mấy cân vàng tím, hình tượng mạ vàng ba mươi bốn tấm lụa, ba người giúp việc để quét dọn đầy đủ, chí nhân không trái, kính mong nạp thọ, soi chiếu được tâm ý trẫm.

Tăng Lãng cúi đầu, cúi đầu nói Đức Như Lai vĩnh biệt cõi đời (nhập Niết-bàn) đạo phong lần lần mai một. Kẻ xuất gia hèn mọn này để tâm nơi núi rừng, tinh thành kém cỏi chưa thể mở mang, chẳng biết vì sao bệ hạ xa hỏi thăm sông núi, chiêu mạng hết lòng, thật cảm ơn kia. Khí lực yếu kém chưa thể bước chân đến, nguyện khai mở rộng pháp, giữ gìn ngai vua, Tăng Lãng cúi đầu, cúi đầu, nhận ân thưởng này liền thực hành. Công phước lực không ở đâu chẳng được nhờ cậy. Bần đạo tài kém không xứng với ân trọng này.

ĐỜI YÊN, THƯ CỦA THIÊN TỬ MỘ DUNG THÙY

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, thần lặng tánh linh, lòng từ che khắp trăm nước. Loài hàm sinh ai không được thấm nhuần. Trẫm thừa tạ soán thống phương hạ sự ưng. Xưa, nước Thục không cung kính. Ngụy và Võ đều tức giận. Nay hai giặc không bình thì trẫm đâu có được an. Lại Nguyên Nhung khởi quân chiến đấu bạo loạn. Chí nhân thông linh, tùy cơ chỉ hóa, nguyện binh lính không bị đao binh đổ máu, bốn biển bình an không còn lẫn lộn, dốc lòng quy thành, cung kính nào thôi. Nay sai sứ dâng tặng một trăm xấp lụa, ba y ca sa, năm mươi cân bông, mong được chú nguyện.

Tăng Lãng cúi đầu, cúi đầu nói: Bậc Năng nhân (Đức Phật) xuất hiện ở đời, khuôn phép tốt đẹp truyền xa. Ánh sáng đạo hóa ban bố cứu giúp bốn biển. Bần đạo là kẻ hèn mọn đối với đạo vị, họa giáo ở núi rừng, đâu chỉ có chiếu chỉ hỏi đến nạn quốc. Vương giả ưng kỳ thống hữu sáu hợp, đại có thể gồm tiểu, từ thường luân này nhược. Thái hoắc

chi khuynh là mặt trời, tông phi bộ là lân phụng. Ân đức của vua đến khắp chúng sinh kính mến, bệ hạ cao minh, sao lại suy nghĩ không khất phục được. Bần đạo ở tận rừng sâu được thưởng quá phần. Tăng Lãng cúi đầu.

NAM YẾN, THƯ THIÊN TỬ MỘ DUNG ĐỨC

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, gặp nhiều nạn, tai họa ập đến. Xưa ở Tây Việt nhà vua Kiến Hy, nhờ Võ Vương Trung Hưng, thần võ ngự đời sáng lập Đông Hạ, cúi giúp bờ cõi, xa gần được yên, thiên hạ hạnh phúc, trời chưa hết tai họa, vua Võ liền yên.

Đậu niên hiệu Vĩnh Khương, Tây Đông nổi loạn, Chúa thượng Kinh Hoa trốn chạy, thường nghĩ linh khuyết, kinh hoàng nuốt lệ. Trẫm vì không có đức, sinh thời binh hoạn, di dân không biết bao nhiêu, nối thừa lộc trời, may mắn được đại ân thần kỳ của Hòa thượng che chở giúp đỡ, trẫm sai sứ dâng tặng một trăm xấp lụa và giao cấp cho hai huyện Giả Đông Tề Vương và Phụng Cao Sơn Nhậm. Thư không trình bày hết ý để xứng với tâm của trẫm được.

Tăng Lãng cúi đầu, nói bệ hạ như rồng bay thống ngự trăm nước, trời đất chứa đầy ân đức che chở của nhà vua, khéo soi thông suốt, cứu giúp dân đen, khi bình định lo gì không thống nhất. Bệ hạ tin hướng về Tam bảo, ân chỉ rất thạnh. Bần đạo tu tập thanh tịnh ở núi sâu, đâu dám nghĩ đến địa vị này, lại thống lãnh nhân dân, tạo dựng chùa chiền, tôn sùng tượng phước, minh báo có chỗ quy về. Tăng Lãng xin cúi đầu, cúi đầu.

ĐỜI TẦN, THƯ CỦA THIÊN TỬ DIÊU HƯNG

Hoàng đế kính hỏi Hòa thượng Thái Sơn Lãng, cần thần lý đạo phi thinh chiếu soi đời, tiếng tốt đồn xa thường không thôi dứt. Kinh đô của trẫm ở Tây Hạ, nghĩ cứu giúp đại đạo, nay cửa ải chưa bình định, sự việc chỉ do các quan tả hữu. Dĩ mạng nguyên nhung, khắc ninh y lạc. Mong nhờ đây hội đông phong tuần tỉnh. Nương oai linh hàng phục, cần thấy trao thọ. Nay sai sứ dâng tặng Phù Đồ bằng vàng cao ba cấp, một bộ kinh, một sở đài báu, ngõ hầu trông mong gương nhiệm mầu soi chiếu ý của trẫm.

GỬI THƯ CHO PHÁP SƯ LÂM

Cúi đầu kính lễ, lý do của giáo pháp, quyết thông chỗ chưa ngộ của

chúng sinh. Lý do thông suốt của vật cũng được ở thầy trò. Tuy huyền tông cao xa, ý chỉ nhiệm mầu sâu xa. Nhưng sở dĩ hội là vốn cũng dón gọn mà dễ. Đây nghĩa là tuy xa nhưng phải nhờ lời nói gần để rõ. Lý tuy mờ mịt nhưng phải nhờ ví dụ sáng tỏ để thấu suốt. Vì thế mới được ý chỉ có thể trải qua ngàn năm. Đường sắp bặt có thể ngộ trong một ngày. Nay vốn nói về không, mục đích lược nên thản nhiên, trong kinh thường nói, có thể gọi là nhiều. Nhưng lời nói tinh thuần nhưng thật khó làm. Lý thành thật đến cùng tột kia, thông đó chưa dễ, đâu thể cho là thông. Vì nói rộng về khác và đồng nên khiến cho bàn về không và có, rối rắm rất khác, kẻ hậu học chậm nghi không biết chỗ bắt chước theo. Nay đạo hạnh quy về, nêu chung sắc không, rất có thanh trí. Nhưng chưa rõ văn kinh có nói rõ ý chỉ hay chăng? Hoặc được đối với ngoài tượng, gặp loại mà lâu dài? Nay các kinh rất nhiều, hoặc lấy thí dụ không xa, há chẳng phải một lời nói sáng tỏ để làm thí dụ hay sao?

Người xưa có nói: Lời nói của bậc Thánh có thể khiến cho người không thể tin liền tin, đây là thấu suốt ở văn, chưa biết chỗ giải thích, nay cố hỏi một vài việc kia, trông mong được dạy bảo để giải bày nghi ngờ kia, xin cúi đầu kính lễ.

ĐỜI NAM TỀ, SỚ NGUYỆN LỄ PHẬT CỦA HOÀNG THÁI TỬ

Vào ngày mồng một tháng... năm..., đệ tử là Hoàng Thái tử cúi đầu đảnh lễ chư Phật, tất cả Hiền thánh mười phương. Chí lý có thể cầu quyết nương theo Chánh giác. Cực diệu có cảm thì quy ngưỡng về chân như, song sau đó mới chứng quả hiện tiền. Tạm khuy ngự thiện tiểu phế càn hành. Bốn biển kinh hoàng, trăm nơi hoảng sợ. Trải qua nhiều kiếp may nhờ gặp duyên lành đời trước. Kẻ hèn này sinh trong Vương gia nối tiếp dòng dõi. Thần tử tâm địa bội dụng tiêu bách. Cấm môn đán khải, an ổn thưa hỏi. Tẩm thành chẳng sớm, phương thiện vắng lặng. Vườn Kỳ thọ Cấp cô độc hạ mình lễ bái, già-lam tinh xá nhiễu vòng đảnh lễ. Trăm phần phòng vệ, vạn phước đều đến. Không tin túc bậc Thánh hòa dũ, há chẳng phải là hoằng từ của Tam bảo, pháp lực của mười phương. Đã là trời từ tâm muốn thành nguyện đủ quả. Nay ở điện Sùng Chính, phụng hoàn pháp hội một ngàn vị tăng. Nhưng giữ lại một trăm vị Tăng hành đạo Bát quan trai. Lại độ hai người, cùng ngày xuất gia. Cúi mong nhờ công đức này, giúp cho Hoàng đế Bệ hạ tuổi thọ lâu như Nam Sơn, sống lâu như Bắc Cực. Đạo lớn như Nông Hiên, đức cao như Nghiêu Thuấn. Thượng giới tám vạn kiếp có kỳ hẹn, hạ phương bảy trăm năm chưa định. Đối với địa vị của Nguyên Lương, thường thủ

nương vui dưới gối. Sở của thượng tự thường giữ yêu thương trong tay áo. Dâng lên pháp điền này Trung Cung Hoàng hậu Điện hạ. Phước vẫn là thiện, vô tư chẳng đến. Đức của thiên mẫu dày rộng không thể thêm. Dường như hưng thạnh, khôn nghi đầy đủ, vị bằng các vua phi chủ, cung dịch, tân phòng. Nhân duyên vị lai, quyến thuộc quá khứ đều đồng tư thần dự ??, lòng từ thiện này, lại khắp vì ngạ quỉ chịu khổ, súc sinh chịu tội, ba đường tám nạn, sáu đường mười ác, loài dưới nước trên bờ, bò bay mày cựa, loài thấp sinh hóa sinh, loài có tưởng không tưởng đều nhờ lòng từ bi hôm nay gội rửa rạch sẽ. Người trời nhiếp thọ, u hiển chứng minh. Ngõ hầu nương các năng lực này cùng nhau đến bờ giải thoát. Kính dâng sớ.

SỚ NGUYỆN XẢ THÂN, THẨM ƯỚC

Ưu-bà-tắc Thẩm Quân kính bạch chư Phật ba đời mười phương, Đức Bổn sư Thích-ca Như Lai Đức Phật A-di-đà ở cõi An Dưỡng v.v... Tất cả Thánh chúng đạo tục ngày nay, các bậc đại hiền đức, thân này không phải nhất định do các duyên hợp lại mà thành. Bốn đại khác nhau, gió lửa cũng khác, chia chẻ ra thì vốn chẳng phải là một vật. Can nước Yên và đảm nước Sở chưa đủ làm thí dụ. Tịnh niệm cầu ngã chẳng lúc nào có thể được, mà chứa sự mê mờ này đời đời không thôi. Nếu gặp một niệm không hề dời đổi, chướng tập tương đãng toàn mê quyết lộ, rộng chỉ cho không ư? Gọi đó là có, tươi tốt cho mình, tổn thương cho vật, ngày đêm không thôi. Chứa tài vật ngoài thân để đầy đủ sự ham muốn kia. Trừ phần không phải của mình dùng thành xa xỉ kia. Há da nóng bụng đói như thế mà thôi ư? Còn như chứa hòm đầy kho mà chưa từng đăng thể, đầy thớt đầy mâm đã no nê thì quên bỏ kia, không hề biết lúa gạo tơ lụa đem đến chẳng phải do mình. Thăm thẳm da đen, đồng có phần kia, lìa nhiều cộng ít vẫn chưa bằng nhau. Nếu ta có vật khác do đâu mà đủ. Người có lòng nhân không nên như vậy, xâm phạm tài vật của người, đời gọi là trộm cắp. Người trộm cắp, ai hơn tội này. U hiển suy cầu không có một điều có thể được. Quân ngưỡng tịch thời lai cửu thừa hưu vận ngọc lạp buổi sáng nung, hoa chúc ban đêm tỏ. Từ đó đến nay trải qua ba mươi năm, làm quan trị nước, liệt sĩ thừa gia, thấm nhuần đầy thân, tôi tớ thê thiếp, nhà cửa vui vẻ, bổng lộc cả vàng. Cứu sự lạnh buốt chỉ có áo lông cừu dày, như bốn ủy dư tập. Đêm đông mông lụy, nhưng áo quan có đồ tẩm liệm. Từ đây trở đi xa xỉ không phải một, tuy đồng như nhà giàu có mà kia rất quê mùa. Các nhà nghèo túng hơn đây thật nhiều. Biết được việc phi thường đây do

chư Phật có xả bỏ, chiếu sáng đạo tràng. Đói lạnh khốn khổ là hoạn ép ngặt, có đầy dẫy trong các châu huyện khó mà biết hết, kia phải xứng với sức lực, nhân việc một ngày mà tùy theo một năm. Đầu mắt tủy não thật khó yêu mến. Xét mình xem vật chưa dễ đốn hành. Thệ muốn nhớ nghĩ ân sâu, chứa vi thành trước. Bố thí đàn môn trông mong sẽ bước đến. Đời Đại Lương, niên hiệu Thiên Giám năm thứ tám ân huệ ngày một trôi qua, ngày mười tám ở Tân Sở Sáng Tương Lăng Hoàng thỉnh Phật và Tăng trông giống như ở vườn Kỳ Thọ. Dứt tâm Thượng sĩ gồm một trăm vị. Tuy quả tạ am viên phi hương quốc. Mà núi Dã lạp sơ đồng thuộc ủy. Gồm xả thân và các đồ cần dùng có một trăm bảy mươi thứ, vi tự thấu suốt để dâng cúng chúng Tăng hiện tiền. Phàm nhà cửa là khổ hoạn, dao thớt chẳng phải sắt. chế trừ túc tán hình chất siêu nhiên, loài chúng sinh máy động kia cũng có Phật tánh, không nhân việc cắt mổ, đây nêu không có ý do. Duyên nghiệp xen nhau khác, thế để phiền ký. Biến hình cải dạng tức sự là khó. Vì thế khai làm tám giới quan trai để dẫn dắt các thanh tín kia, trong một ngày một đêm giống như Phật xuất gia, vốn mở mang pháp sự bên ngoài không phải là pháp tăng. Nhưng thế tình trái nghịch, cùng mê con đường này, chiêu mời danh tăng, hư thất của người trí. Chủ nhân nằm cao, ẩn dật an nhàn, giáo lý Bát quan trai. Cách đó thật xa, tuy có duyên cúng thí mà không đoạn được nghiệp hữu lậu. Ngày nay cẩn trọng tức ảnh hưởng đến ngày mai, diệt bỏ tục lụy tức đồng điều thiện đến. Phân lưu thượng đức giúp thành chí nhiệm mầu, mượn nhân này ngõ hầu chứng quả ngày mai. Nói công đức chẳng phải là chỗ sánh bằng.

SỚ NAM QUẬN VƯƠNG, NAM TỀ, XẢ THÂN, THẨM ƯỚC

Đệ tử Túc Vương, trên bạch chư Phật Thế Tôn, chúng Tăng đạo đức, sắc vốn LÀ không tượng, chạm đến quyết quy về luận. Ba đời như giả tám vi trọn tán mất. Tuy oai hồi trời chấn động đất cùng tột nơi vắng lặng. Đẹp như mũ nhà Tề, ấn nhà Sở đâu cứu được như hư hoại, mà sự tham muốn dễ ràng buộc thường trở thành bệnh tâm thuật xả lập bày khó mở mang, dụng mê giả chiếu. Đệ tử thọ nhân nhiều kiếp hưởng quả báo sinh đây xe lan trì tử yến nhiễu loạn bên ngoài, màn trướng đẹp đẽ chiếu sáng trong nhà. Luống dùng nguồn tâm thừa trệ tình lộ chưa chiếu. Thức từ tạ gồm quên, lý hổ thẹn riêng ngộ. Không thể giúp đỡ điều hòa năm khí yên ngự sáu thần. Sương thử hoặc khiên phong lộ thời khác, đây là do phu khâm thượng bảo tê thành diệu giác. Kính xả bỏ một trăm mười tám thứ bên ngoài da. Khiến cho kinh về túc lý phủ

cấp thời thuận. Muôn phước mây bay, trăm yêu sương quét. Hướng về Bắc cực mà có thường hằng, nhìn về Nam Sơn mà có vô vi. Lại nguyện thần cư giúp đỡ thì trời đều vui, thiểu dương phân phước mặt trời sáng rỡ tốt đẹp. Trừ phi mở mang tương ưng, rộng lớn khó ghi chép hết. Trang sức nhà cửa, nghiêm trí màn báu. Ngưỡng diên tức tâm, bàng lữ thanh tín, giúp hoằng thệ này, chứng u nghi kia. Ngõ hầu có thể cảm giáng trinh hòa chiêu đối linh ứng, huyền đồ không mê muội, thiết yếu không sáng.

VĂN NGUYỆN HỘI NGÀN TĂNG

Đệ tử Thẩm Ước, trên bạch chư Phật mười phương, chư Đại thánh trong mười phương, chúng Tăng hiện tiền. Ba cõi chẳng thật có, năm uẩn đều không. Bốn đảo mười triền cùng nhau hòa hợp, tất cả như điện chớp, tan rã muôn kiếp trong khoảnh khắc, gò nổng và giếng dễ chìm, trọn phiêu trầm nơi bờ khổ. Mê đồ càng xa, nịch táng vong quy. Bảy thước nhỏ nhặt đâu biết kia là quả. Ngoài tai mắt cho là không đàm, không quy y, không tin nhận. Sinh linh một khi từ tạ, lại không có kỳ hẹn. Sở dĩ vũ tâm tự trác chẳng phải bố thí. Chí thánh vắng lặng, vắng lặng không tìm, duyên ứng đã cảm, sự chỉ cứu vật, ôm bình bát khất thực ra khỏi kỳ viên, không quá giờ ngọ để phước chúng sinh. Phương trần pháp khác, Nga My chưa đổi. Đến mùa hạ gặp lúc bệnh nặng, Đế thượng thương xót, dũ lòng lo lắng. Vào ngày này ở nội diễn lập hội một ngàn vị tăng ở nhà tư kia, mở hội thí này không biết kỳ hạn. Đã phụng kính đức lớn, lại suy nghĩ tự chánh tài của. Đông cả ngàn vị Tăng, sức khó nói nổi. Về sau thỏa mãn sự hoặc dễ đủ. Pháp sư Thảo Đường Ước ở chùa Trụ Sơn, tám tập kia một, ngưỡng nhờ Hựu Pháp Chủ chùa Định Lâm, ngày 29 tháng này, hội thứ mười nhóm họp một trăm vị Tăng ở Điền Lư, phước không thể tính thể, nghe đó như lời dạy bảo, tâm được sáng tỏ. Lại hơn ở đây, gồm có quyên hào, ứng chứng nghiệp đời sau, không lớn không nhỏ đều quy về Thánh chủ. Kính nguyện mười phương cùng rõ lời thệ này. Há đủ một chút báo đáp thiên quyến, bởi nhờ sự thành tâm mới được như vậy.

VĂN NGUYỆN NGÀY MỒNG 08 THAN1G 04 ĐỘ NGƯỜI XUẤT GIA, LƯƠNG GIẢN VĂN

Đệ tử Tiêu Cương, ngày này lập ra trai hội công đức nhân duyên, quy y tất cả chư Phật trong mười phương khắp cõi hư không pháp giới, quy y tất cả tôn pháp trong mười phương khắp cõi hư không pháp giới,

quy y tất cả Thánh tăng trong mười phương khắp cõi hư không pháp giới. Trộm nghe kinh Niết-bàn nói: "Thân như tranh vẽ, nước tùy theo tranh vẽ mà hợp. Thân này bất tịnh chín lỗ thường chảy. Phàm phu ngu si thường mê đắm thân này, La-sát ngu si dừng ở trong đó".

Lại như trong kinh Thụy Ứng có nói: "Sa-môn vì đạo, xả bỏ vợ con, dứt trừ ái dục, đoạn tuyệt sáu tình, giữ giới vô vi". Kia thanh tịnh được nhất tâm thì muôn tà đều diệt. Đạo nhất tâm gọi là La-hán. Thanh sắc không thể nhiễm, địa vị vinh hoa không thể khuất phục, khó lay động như đất. Do khỏi sự lo khổ nên biết được ra khỏi ngục ân ái bạt tục là khó. Thiện lai, Tỳ-kheo, phước kia rất nặng. Đệ tử nhờ nhân duyên này, ngày nay độ người xuất gia. Nguyện tất cả chúng sinh trong sáu đường bốn loài thường lìa ái dục, mãi mãi trừ sạch căn bản vô minh, diệt trừ mê hoặc, tâm tu tập Bát-nhã Ba-la-mật, chân đạp lên ánh sáng khinh luân, miệng biện tài cao xa, mặc giáp nhẫn nhục, cầm dao trí tuệ cỡi xe Bồ-tát, ngồi tòa Như Lai, mở sự ràng buộc, đảnh tướng sáng suốt, giới nhân trong sạch, quả báo đời sau được người tôn trọng, chỗ có quả nghiệp thảy đều thù thắng. Thọ trì Pháp tạng làm đệ tử chân thật của Đức Phật. Tất cả đạo hạnh đều có khả năng thực hành, tất cả đại thệ đều không thôi dứt. Ngưỡng nguyện tất cả chư Phật trong mười phương khắp cõi hư không pháp giới, kính nguyện tất cả tôn pháp trong mười phương khắp cõi hư không pháp giới, kính nguyện tất cả Thánh Tăng trong mười phương hư không pháp giới, kính nguyện tất cả các vị Tiên trong mười phương hư không pháp giới, kính nguyện tất cả Thiện Thần, tất cả thủ hộ thông minh chánh trực. Lại nguyện đại chúng u hiển hiện tiền, đều chứng minh, thệ nguyện ngày nay khiến cho đệ tử Tiêu Cương được như sở nguyện đầy đủ nguyện Bồ-đề. Tất cả chúng sinh đều theo nguyện này cũng được như sở nguyện. Nguyện đều lễ một lạy.

BÀI TỰA BÁT QUAN TRAI CHẾ - LƯƠNG GIẢN VĂN

Phàm năm trạch dễ mờ, bốn lưu không trụ. Nghiệp động gió tâm, tình phiêu lửa ái. Tự mình chẳng thông suốt chân không, chiếu linh châu nơi khó hiểu. Thần duyên diệu cảnh chứa từ bi nơi chưa hóa. Không cho là trừ bốn ma mà lên được mười điều lành này. Nay trải chiếu rộng tĩnh cao vũ nhàn. Hương nhả sáu thù khói nổi năm sắc. Mắt nhìn thân kim sắc của Phật, tai nghe tiếng ngọc, không để cho tình duyên dị nhiễm, không thân cung kính. Lại nương nơi cung uyên, đồng sức nơi sừng dê. Phải chế phục tăm rắn này, bỏ voi say này. Lập chế như nêu ở phần sau, đều khuyên lắng nghe suy nghĩ. Cẩn trọng nêm Bát quan trai chế

như sau:

1- Ngủ mê không thức dậy phạt lạy hai mươi lạy, bưng lư hương nghe ba khế kinh.

2- Đi ra mà không xin phép, phạt lạy mười lạy.

3- Quá ba Khế kinh không trở lại, phạt lạy mười lạy.

4- Tòa bên cạnh ngủ say, Duy-na đến không nói, phạt lạy mười lạy.

5- Tòa bên cạnh ngủ say dung tướng ẩn không nói Duy-na, phạt lạy mười lạy.

6- Duy-na không siêng năng lóng nghe có phạm chế, không tức loạn cử vì các tòa phát giác, Duy-na phạt lễ hai mươi lạy.

7- Bưng lò hương nghe ba Khế kinh, bạch hắc Duy-na lại tương loạn sát. Nếu có ai ẩn phạt lạy hai mươi lạy.

8- Nghe Khế Kinh không xướng tán, phạt lạy mười lạy.

9- Thỉnh xin không thứ lớp, phạt lạy mười lạy.

10- Thỉnh xin bạch hắc có lầm, phạt lạy mười lạy.

SỚ VÌ NGƯỜI XÂY DỰNG CHÙA, LƯƠNG GIẢN VĂN

Con tên... ở Dĩnh Châu kính bạch. Thầm cho rằng Tu-đạt trải vàng lập tinh xá ở vườn Cấp Cô Độc, vị Tiên ảnh thạch tạo già-lam ở Ly việt. Đâu không phải sự ở trong biểu khu mà tâm nương chân bên ngoài. Bốn triền não loạn, bỏ nguồn thiện thì không rửa sạch, năm trược nặng, không có dao trí tuệ thì đâu trừ được, vì thế thương củi ướt kia, thương tư trích khí. Nay ở núi nọ... thuộc Dĩnh Châu, vì mười phương Tăng xây dựng chùa Chiêu Đề. Oánh phụ giao nguyên, diện đới thành trĩ. Gối dựa hõm núi thổ nạp yên vân. Trong môn đổng khải, chưa lập điện phi hành, còn ít công thạch mật. Nghiêm sức lý khó đều, bình bát đã trống rỗng, đạo tục đều vi diệu, lưu thiện niệm bạc tương duyên tốt. Thì sự đồng quán hương, nghĩa đồng tích thừa. Người xưa tu đàn xả thủ mưa bảy báu. Tiền hiền bạc thí chưởng đàn song kim, phước có minh dời, lời nói thường khiêm tốn.

Kính bạch.

TẠ CA SA KHẢI

Thần cương kính khải: Điện sư Ngô Miêu kính đọc sắc chỉ, Thùy Tuyên Tước nê dâng nạp một tấm ca-sa, phân chia sóng lá rất khéo, ranh giới rõ ràng, áo nhẹ phất đá, hoa may vàng chẳng phải nặng. Ngày nay dần nhiễm chỉ có y phục ruộng phước, phương tiện sâu kín, tâm

hổ thẹn như đóa hoa sen, tiên khác bày mây, y thường bay phấp phới. Uế thực thân phàm, vô minh ám thức, ân rõ thường nặng, Hà Trạch khó hơn, chẳng nhậm minh tải đến nơi. Kính dâng khải sự cảm tạ, kính khải.

CẢM TẠ KHẢI TUYÊN CA SA

Thần Cương kính khải, nhờ Tuyên Tước Nê dâng nạp một tấm ca-sa, do nhiều sợi tơ hợp lại, do đó chế tập mà thành văn, lỗ cao tề chấp, mượn mùi thơm mà lãnh thọ, đầu tiên mở ra rương cũ, lại thấy ruộng vườn ở Xá-vệ. Không ra khỏi sân, ngồi gần Nam sơn, bước lên bờ ruộng. Do ba y thù nhẹ nên thầm gọi là y phục đẹp tịnh cư, ngàn vàng rực rỡ, được thọ dụng bởi Ca-diếp, vắng lặng ân đặc biệt bao trùm những kẻ ngu cùng. Sương giáng trao y, khúc trạch tiện cập, tâm vui rất cao, như từ trong hư không rơi xuống, bỗng không tự biết, lại cho rằng do cành báu sinh ra. Son đỏ bốn màu, việc chẳng rời thế gian, hai lá câu lan khác đầm thật long, chẳng nhậm minh tải đến nơi. Cung kính khải việc tạ nghe. Kính khải.

CẢM TẠ SẮC KHẢI TUYÊN CA SA

Thần Cương kính khải, tuyên truyền cho người hầu gần càng nhiều hơn, kính đọc sắc chỉ, Thùy Tuyên Tước nê nạp thẳng chín chiếc y ca-sa, chỉ dệt khéo léo, đều có kết lông thú. Xa ruộng tốt kia thành y phục tốt đẹp này, tuy là so sánh ngàn vàng còn nhẹ hơn hai lượng nhưng không thể so sánh với ân lớn ở đây khác xa, thần nằm bệnh nhiều tuần, chưa bước đi được, không được mặc y mới nhuộm, hầu ở bảo phường, trần duyên uế thể, hổ thẹn nhóm họp, không kham dần dần đưa đến.

Kính khải sự tạ văn. Kính khải.

NGUYỆN SỐ CỦA ĐÀN VIỆT VÌ CÁC CHÙA

Đệ tử Tiêu Cương, thọ giới Bồ-tát, quy y tất cả chư Phật trong khắp hư không pháp giới mười phương, quy y tất cả tôn Pháp trong khắp mười phương hư không pháp giới, quy y tất cả thánh Tăng trong khắp mười phương hư không pháp giới, đêm dài chứa nhóm, luân chuyển phúc khôi. Đời mạt kiếp dễ bị tai ách, phiền não khó cứu. Bất thọ lưỡng môn há tu hai cánh. Thường sợ hư ảo nhiễm hoặc, thường ràng buộc việc vượt qua sông. Ân ái vướng vít ở mãi nơi bờ khổ. Dám nương sức Tam bảo giác ngộ, trước u hiển phát thệ nguyện rộng lớn. Nay nguyện vì chùa Vũ Đương Sơn Thái Bình và Vọng Sở Bạch Tháp ở Trấn này

cùng các chùa An Tập, Thiện Duyên Minh, Đầu-đà, Thượng Phụng Lâm, Hạ Phụng Lâm, Quảng Nghiêm v.v... đều trọn đời thường vì đàn việt. Tuy bảy món báu và từ sự cúng dường, cảm ơn các vị tiền. Một niệm, một lời nói ngõ hầu hợp với Bát-nhã. Mới đồng như đèn không diệt, trọn không phải mật khởi khói. Nhờ công đức này trông mong phước Hoàng đế, xuân cung, trong ngoài quốc gia đều đồng điều lành này. Cho đến trời rồng, tám bộ, sáu đường bốn loài đều nhờ phước.

LẬP VÔ NGẠI PHƯỚC HỘI GIÁO LƯƠNG TIÊU LUÂN

Đại sĩ Liêu Kỉ rộng cứu giúp, không phải vì mình dùng các món phương tiện dẫn dắt chúng sinh, do đó rỗng không thanh tịnh. Nội kinh xác thực ư? Khó cứu giúp. Chép từ ngoại điển lại thêm đi một mình, ý này đáng nói. Ẩn không cách chân chánh là Bồ-tát. Pháp sư Thiền Phương Trí Biểu ở Lư Sơn, đức xứng đáng là một vị Tăng xuất sắc, thật đáng gọi là Nhân Long. Vì đại giữ giới trải qua nhiều năm, không vì sự việc mà chịu khuất phục, không bị thời gian kéo dài. Thượng hạ vô thường, nhất tướng vô tướng, có thể bỏ Kỳ-xà kia, đi đến cấu trược. Hưng ngôn nhất diện định giao chủ cựu, do tôi đức mỏng cầm đến Đại bang, giáo nghĩa chưa nghe, quý hiền đều đến.

Xưa Kỵ Quý nêu năm Hán; Phàn Hứa khởi ngày nhà Đường, đây là nhờ lòng từ của Thánh chủ sự giúp đỡ của vua. Dị nhân xã hội vào sáng nay, không hơn ân của Thuấn Đế.

Ngày mồng 10 tháng này ở chùa Tây Hiền lập hội vô ngại, gồm khai sĩ chí kính, trên cầu thắng phước, dưới bày thức ăn. Phàm nhân dân, tôi tớ cho đến thứ sĩ, đâu không đốc suất theo thầy đều thỉnh nghiệp, trên đáp Càn Tuệ, thường đồng bờ kia, ngoài y theo sự mà tuyên hành.

TRẢ LỜI THƯ CỦA TƯƠNG ĐÔNG DƯƠNG LƯƠNG GIẢN VĂN

Cuối xuân cảnh đẹp. Gió mây đẹp đẽ, hoa lan có thể cầm. Sông Nghi có thể tắm, đệ thiệu nam quả tụng.

Thời chuế cam trường chi âm, ký châu là chánh. Tạm dừng việc vén áo. Đường cảnh dâng thơ Đại ngôn, An Thái thuật nói liên hoàn. Đi chơi khắp cảnh đẹp, đủ vui chăng? Tôi, vào mùa xuân, ban đầu bị bệnh, rất thành kém hèn. Tuy Bạch Lộc ở Tây Sơn sợ không thể khỏi. Tủ Dự xích hoàn còn lo chưa cứu giúp. Cao ngọa lục an, thường suy nghĩ hỏi Biển thước. Vắng lặng bốn nhà, niệm bặt hương tu bộ. Há hướng về

Văn-thù, riêng suy nghĩ biện của Ngô Khách. Chúc Dị Hoàng thượng từ bị suất sĩ, rót nước cam lộ. Tiếng xưa nay ở Bảo phường, chuyển kim luân nơi Hương địa. Pháp lôi kinh mộng, mặt trời tuệ sáng chói, đạo tục tập trung, xa gần đều đến. Thính chúng ngày đêm có đến ba muôn, chỉ vì bệnh chướng ngăn cách việc nghe đạo. Đâu chỉ Dương Bộc có quan ngoại, Chu Nam khởi hận dính mắc. Ngày thứ mười ba bắt đầu hầu pháp hội. Do đó quân trưởng gần trở về, chưa thể cầm bút. Kính tổ tiên không có gì hơn, thường tự suy nghĩ thương xót, mất hẳn Lư Giang. Nằm ngủ nhớ nhau, khi được thư của đệ, bệnh nặng giảm bớt chia tay đợi tin. Đây không có chỗ nêu bày.

GỬI THƯ CHO PHÁP SƯ VIÊN - LƯƠNG GIẢN VĂN

Năm ế tiêu không, quang cảnh đẹp đẽ. Trăm hoa khác màu kết thành mùa xuân. Đạo thể thế nào, thường tình như vậy. Du ngoạn thanh hư đã đối với gió mây, du tâm nhập lý, có nhiều bui định tuệ. Đệ tử bị việc thế tục phân loạn rất lao nhọc. Bỗng nhiên ở Bác Lĩnh Khâm Hiền đã chứa. Lúc hội ngộ thì phải có đến. Bọn có duyên sự đồng đói khát. Đứng lâu nhìn đến oai nghi kia một ngày ba năm, suy nghĩ việc mở mang lợi ích. Lý không sai lầm. Chỉ khiến lời nói này không thuật thốn kim cang kính lễ.

Lại sáng sớm khí hậu mùa mưa, trời bắt đầu lạnh, giữ gìn đã lâu chuyển được sức kia, tuy ở phương khác, pháp giới lược dứt hóa duyên. Ở Kỳ Hoàn có ngữ đối, rất đỗi sâu xa, chẳng lúc nào không chứa nhóm. Thiền sư Cửu nhân có nói về trái tim. Không biết vị tăng chẳng có tài, có nhiều việc không làm được. Hôm qua đến nay, xét sự nghĩa tụ. Rồng voi đều đồng, ứng cúng đều nhóm, đuốc tuệ khai tâm, cam lộ nhập đảnh. Nghe đó khéo trái, đều được vui vẻ. Tưởng vị chi hoài, chuyển đổi vô cùng. Xưa, lúc còn nhỏ thường nghe chế chỉ. Thọ đạo càng cạn, phương Bắc chưa sâu. Tuy khác thiền na mà sự đồng hoa nước. Nay lo tây hạ, chứa nhóm bổn tâm. Phỏng lý chất ngại, thuộc ở minh đức. Không cho rằng Bát-nhã gây chướng nạn, hiện bệnh chưa khởi hỏi sông không đất, ân hận nào thôi. Nương ngồi xe ngựa, tìm chốn già lam. Trông mong lúc này được gặp một lần. Chỉ biện nói về thanh đậu chi phòng. Trừ nhà hoặc hoa đỏ. Tìm quyến thuộc đời trước. Thuật tấm lòng ngày nay. Việc này lúc này quyết trông chẳng sáng. Chỉ dẫn thừa vấn, lâu có hoàn thư. Cương bạch kính lễ.

GỬI THƯ CHO LƯU TRÍ TẠNG - LƯƠNG NGUYÊN ĐẾ

Bồ-tát Tiêu Pháp Xa Trí Bưu, Thị giả Đại sĩ Lưu Trí Tạng. Từ

Lâm tông mau phản, huyền độ ngôn quy. Do kiết tâm nguyên lễ, càng thêm tâm chân trường. Cho nên đến gió trông đẹp, ngắm trăng nho hiền. Lao nhọc ngủ say, không quên thức dậy. Nay huyền minh ở tiết, ngày tháng sắp hết. Mặt trời tợ lụa đỏ, mây nổi hai đồng. Thanh đài khôi trọng, Bắc cung giếng đầy. Tưởng thiền duyệt làm vui, hơi phù hợp với chín thứ lớp. Thành tựu công tụng, chuyển tìm ba mật. Trong núi Phương đổ tự có vui tùng lâm tiếng đời trong hàng không đâu chẳng đến nơi. Tu đức khác nhau đều vui vẻ. Hàn mai hai phước, cầu may hai trọng. Trịnh lâm nổi tiếng ở bằng dực. Chu đảng truyền cỏ thơm ở Thái Nguyên. Hoặc có trăm dật bị tổn, ngàn vàng không quý. Cây thông làm thức ăn, gốc cây làm y phục, chưa có chân như cao đạp, quy tông biển pháp. Phạm vương bốn hạt, tập trung trong rừng mà kêu nhau. Đế Thích ngàn ngựa, vượt Khưu Viên mà đến nhau. Có một điều này, còn gọi là kỳ lạ, gồm mà tổng đỏ, sao kia thạnh hành. Cho nên biết nước Nam Tuyền đồng sông Cung Lương, núi Bắc Thiếu giống núi Võ An. Há lại nghĩ đến sông, còn tưởng đài cương. Quyển bỉ hán trĩ nhớ hoài hang hoang. Do đây tìm nhau, tâm rất dễ biết. Câu nhàm trần bang, bổn hoài nhân ngoại lại thêm phục ưng, thường trụ nếm vị liễu nhân. Càng dùng tư tề, thường hay tìm bạn. Thường muốn lên núi, cây thông che mát. Rót nguồn ngọc tuyền mở kiếm hoa sen. Bờ rào có hạn, cởi giày không có. Thường ngồi giường hướng, thường nghĩ ghế quản ninh. Mộng Khuông Sơn mà quá dứt. Tưởng Hoàn Đình mà đứng lâu. Trong bạch vân, sông xanh không cùng, chưa do để chưởng. Ta nhọc thế nào? Tưởng không vàng bạc tồn tại. Đè nén cũng chìm dưới nước khó chèo. Còn để thư ở chim xanh, sông chảy không xa. Cỏ thơm nơi ngọc đỏ. Hạt hướng hoàn tin để đổi bơ ngon. Được chí quên lời, ở đây đâu cần nói nhiều.

Pháp Sa cúi đầu, cúi đầu.

THƯ GỞI CHO PHÁP SƯ ƯỚC - THẨM ƯỚC

Chu Trung Thư, gió đến cao kỳ, chí gởi nơi xa. Chân tình chuyển vận, nước quế cùng chất. Từ tiếp mễ đông thê. Năm vượt một kỷ. Sáng tối liên sự, ma nhật tạm vi. Mỗi thọ mộc ngôn lưu. Tiêu diêu quả vụ, đâu thường bất đắc tỳ du lãm nam cư an túc. Mùa xuân, tối nghe chim hót, mùa thu, tối hóng gió mát. Chẳng lập chẳng nói đều là sự thật, tiếng dùng đầy mắt, nói cười đầy tai. Cỏ cây đã trần, thu giả hợp nhau, quyến vãng hoài nhân, tình không thắng động. Đời nay dốc lòng tin, cam chịu ăn rau. Đến năm tháng bảo phỉ thường thấy thỉnh cầu. Phàm quyết thái phẩm hẳn linh dĩ tiến. Đệ tử tiếp cận nhi hậu dữ dụng vi hoan

ngược. Việc kia chưa xa, người kia đã đi. Niềm vui ngày xưa đều thành đầu mối của sự lo buồn. Cách đông năm nay, nhân quỷ kiến phân. Thach nhĩ tử thái, thượng diên hưng tưởng. Lệ hạ chẳng cấm. Chỉ đưa tiễn để sung vào một lần. Pháp sư dữ chu tình kỳ tránh khỏi. Chẳng phải chỉ thường giao, xem cách lập bày vật cũ thế nào, đau xót ra sao, về sau thế nào. Đệ tử Thẩm Ước kính lễ.

THƯ GỬI CHO ẤN XÀ-LÊ - LƯU CHI LÂN

Đại Hỷ cúi đầu đảnh lễ. Đại Hỷ tinh thành vô cảm yêm đinh họa phạt. Phan hiệu hằng đến năm nội quái. Tự lỗi tự thương, muôn đời đâu có ích lợi gì. Mẹ hiền qua đời, chánh niệm không loạn. Tưởng nhớ chư Phật và Đức Bổn sư. Đến lúc qua đời phàm phu luyến tiếc, mẹ con ân nặng. Trẻ này từ biệt, gan tim phá vỡ, không thể tự nhận di chỉ. dâng cúng ba mươi lượng vàng cho đạo tràng công đức. Ngày 28 tháng 09, phụng doanh an thố. Trước sau thường xong chẳng thể trông mong, thường gọi áo mão không có tâm cẩu thả phục độ văn hỏi, lý thật đáng thương. Cầu mong vận tâm cứu giúp, khiến cho vong linh sinh về Tịnh độ. Bất đồ thử khởi, lâm chỉ dứt hẳn. Đại lý kính lễ.

THƯ GỬI CHO VÂN TĂNG CHÁNH (VƯƠNG QUÂN, ĐỜI LƯƠNG)

Đệ tử Cô Tử Quân cúi đầu đảnh lễ. Đệ tử... kết u minh, bị anh đổ liệu. Phan viên mạnh mẽ. Cơ tủy mị quý. Tìm gỡ phiền oán, gan ruột dứt đoạn. Kêu trời gọi đất, thường cách tinh thần. Bỏ mạng quên thân, không hề lợi ích. Nghĩ muốn nhờ phước, rộng vì pháp sự. Để bày nỗi đau to lớn, gởi chút lòng thành kính mến. Đúc tượng độ tăng, tôn kính giáo pháp. Lập trai thiết hội nương theo kinh điển. Giảng nói Đại thừa, dẫn dắt chúng sinh. Phước kia không ít. Cúi mong Pháp sư Đại chánh, tâm đạo thuần tịnh, chí đức vắng lặng. Trí suốt có không, chiếu thông chân tục, học rộng không cùng, biện luận vô biên.

Một đời sự tượng, bốn biển suy tôn. Đệ tử đời trước gieo trồng nhân lành, sớm nhờ thân quyến, tình đồng cốt nhục, nghĩa đồng kim lan. Ngoại thư cái gọi là minh khế thần giao. Nội điển thì làm thiện hữu tri thức. Kính nhờ chút duyên, dám nêu nguyện lớn. Lai tuế hạ trung muốn thỉnh giảng thuyết mở mang chánh pháp không có kia đây. Quyến ái chi thêm đặc hy hàng khuất công tư đạo tục cầu thỉnh đã nhiều, nên có văn này, nguyện xin nhận cho.

Một hôm bỗng có lời bạch này

Lâm chỉ băng nhận thố lời nói không thứ lớp.

Đệ tử Cô Tử Vương Quân cúi đầu, cúi đầu kính lễ.

THƯ GỬI CHO TRƯỜNG SA VƯƠNG BIỆT (VƯƠNG QUÂN ĐỜI LƯƠNG)

Quân cúi đầu cúi đầu, cao thu trời lạnh giá. Lễ trung hà như. Nguyện thắng ước này. Thừa nhập đồng lễ bái, dụng tâm kính ngưỡng. Xưa Phiên Hậu ngao du không đâu chẳng phải việc này. Hoặc long chu thủy hi. Hoặc lâm xuyên tống viện. Dù nay chẳng bái, rộng mở dòng này. Vẫn phục kiến trọng lương thử, cho là thạnh đức. Chưa hề có ngày chọn các quan. Quy thành phiền niệm, đi tìm thành pháp, đậu ở kỳ viên. Kiêu tâm khen ngợi không thể thí thuyết. Bộc phong tật tăng sái. Thật phế bồng môn. Bất hoạch chấp ly. Càng thêm thỏa mãn. Nguyện kính chúc. Bạch thư bất thứ. Vương Quân cúi đầu cúi đầu.

TRẢ LỜI THƯ PHÁP SƯ VÂN (Lưu Hiếu Xước đời Lương)

Hiếu Xước kính lễ, tỏ bày sám hối, sắc chỉ đáp Lưu Thái bộc tư hiệu. Nghĩa càng sâu xa, lời nói khéo léo. Kính nghe ít có thân tâm hớn hở. Xưa chiến tranh đến đây, làm cho Chu Hậu không vui, binh tộc dẫn đến, chưa ngăn được vua Hán, đây là do chấp tâm, nhà rộng mà không có ngựa hay, việc cùng cực trong nhà ngụ, lý cách ngoài trời người, Hoàng thượng từ đây khéo giác, khác gì rồng voi trở về đường tắt của thỏ, biển mênh mông trong dấu chân trâu, thánh chỉ hết lòng, khúc tương dẫn dắt, đâu tịch thẳng một người, phá nhà tối của chúng sinh. Đệ tử thế truyền chánh kiến, từ nhỏ đã thấy lời chân ngôn. Vì lá nhỏ mà được tươi nhuần nhờ mây lớn, mong được chỉ bày, rất tự vui mừng, khôn xiết hoan hỷ. Lược trình bày, Lưu Hiếu Xước kính lễ.

NGUYỆN VĂN CỦA CHÙA NÚI LIÊU DƯƠNG

Đời Tề Hưng năm thứ hai mươi ba, hoàn cảnh lại an vui, các thánh lại xuất hiện, trăm thần thọ chức. Trời đất bình yên, vui vẻ hát ca. Lưới ân đức đã mở, các đôi cánh đều trở về chỗ, hoại ân thỉnh quan lại, trở về hết lòng ân cần, lễ bái cúi đầu, bốn biển phẳng lặng, trong ngoài đều phước. Công thành giúp định, đường nhỏ trong khu vực. Tâm theo biển giác, ý đông huyền môn. Tay cầm ngọc sáng, đầu rưới cam lộ, điều ngự trời người, minh hạnh đầy đủ, mười lực bốn tâm, đông tiệm tây bao gồm, nhật nguyệt xuất hiện, gió mưa tưới nhuần, hóa thành là nơi trang nghiêm thanh tịnh, là cảnh giới của nhân thọ, nơi sâu kín dấu chân vua

cũng có in, tước lộc cao nghiêm sinh khởi, trấn giữ phía Đông. Phong ba các ngọc, hình dáng đầu chim thứu chẳng đẹp, nêu bày ba hạt châu, hình chân gà xấu xí, hang gió thổi vào phát ra khúc điệu hòa nhã, hạt ngọc chứa nước, nước chảy phát ra âm thanh hay. Bấy giờ, đuốc ngọc điều hòa kim thương ở luật. chức phương có lễ nhờ vào tây tuần, sáu rồng đều buộc, bảy tụy an bộ. Sấm động có lễ nhờ vào tây tuần, sáu rồng đều buộc bảy tụy an bộ. Sấm động mây dời, bèn lập nhân từ là nơi tốt đẹp kia. Chẳng có ngày thành, đã đẹp lại mạnh khỏe. Xưa nhà Châu đầu hôm, ao nhà Minh, Hán. Sự cách hoang sơ, đạo như còn như mất. Thần trăm năm xem nhẹ các hậu, một âm dẫn dắt, xa đồng với ngày Phật còn tại thế. Hoàng thái hậu phước hơn sông Khương, đức hơn núi Đồ. Sống lâu như mặt trăng, nghiệp đều đầy đặn. Thánh chúa đều sáng, trời trăng hợp đức hai nghi. Thọ lộc đặt ở sông Linh, mở kim giản ở ngục Tiên. Đều tắm gội nước định, đồng nương mày pháp, nếu thệ nguyện này không tròn thì không thành Chánh giác.

ĐỜI BẮC TỀ, CHIẾU VUA THÀNH ĐẾ, LẤY CUNG TAM ĐÀI LÀM CHÙA ĐẠI HƯNG THÁNH.

Đệ tử là Hoàng Cư Đế, ấp quỹ ngày xem sao, tuy xưa nay dời đổi văn chất, thời đại biến thiên, thành khuôn phép cho đời, nghĩa quý ở thích hợp thời đại, trẫm bao gồm bốn biển để nâng đỡ muôn nước. Cứu giúp lợi vật, không quên hoài bão. Chiêu nhân dạy bảo, không sót vội vàng. Nay được lắng nghe, đều cùng cực cao rộng, nơi An tức không thiếu hoa đẹp. Thường cho là lao nhọc, ở đó an nhàn, còn Ly cung biết quán có khi cũng được may mắn. Chỗ tai mắt đến có thể lãng quên, là ngàn cửa mở rộng, muôn cây cột nương gá. Trên đến mây Hán, dưới đến mưa sấm. Ba đài đều nêu, nhơ uế tự lâu. Cuối niên hiệu Thiên Bảo, kinh điển truyền bá rộng, vẫn mở rường cột, quy mô cao rộng. Đã chẳng phải điện nơi vua ngủ mà còn là nơi hư vệ. Hoa thành màu trắng trải qua nhiều năm tháng. Chiếu cố sự rực rỡ này sẽ có chỗ an ổn. Từ khi nhà Ngụy thất chánh thì chín khu vực đổ ngã, người thần vô chủ, thật cầu minh thánh. Ta là Thái tổ Hiến Vũ hoàng đế nắm trời này, giữ đất này, treo cao mặt trời mặt trăng, dụ như gió mây, trung trinh mà thành việc, chiêu cảm đại tạo linh trưng, đó là đầu tiên để được định, lập ra nghiệp đạo tràng. Dấu vết thần thầm hiển, đuốc lý u minh. Có thể dùng cung Tam đài làm chùa Đại hưng thánh. Nơi này cây cỏ rất cao lớn, cung nghiên đan tố, kỳ lạ đầy đủ nghi khắc. Rưới cam lộ ở đại thiên, đèn từ chiếu soi trong nhiều kiếp.

CUNG VUA MINH ĐẾ ĐỜI HẬU CHU SỬA SANG XÂY DỰNG CHÙA

Chế sớ: Vua Hiếu Minh đế cảm thông, thần chiêm ngưỡng trời võng cực, đều bày vàng bạc mà mua Kỳ hoàn, để bạc mà thành điện báu, mới biết Lộc uyển có thể mong rừng Hạc không xa, cảm duyên nhã tụng, kính nhờ trang nghiêm, muốn cho công đức trời đất ca ngợi không có ngày dứt, khiến cho Thái sư Tấn quốc công Tổng giám Đại Trắc Hỗ Đại Trắc trông coi xây dựng hai chùa.

CHIẾU TÙY VĂN ĐẾ VÌ THÁI TỔ VŨ NGUYÊN HOÀNG ĐẾ THỰC HÀNH VIỆC BỐN NƠI XÂY CHÙA, LẬP BIA

(Lý Đức Lâm)

Dưới cửa gió thổi cây chẳng yên tĩnh, bóng qua khe cửa như dòng nước chảy, có tâm tha thiết muốn báo ân, luống có sự mến mộ suốt đời. Cúi mong Thái tổ Vũ Nguyên Hoàng đế cùng thần tận tánh, mở ra kỷ Viêm Đức, nhà Châu hưng thạnh, đồng tâm khuông phò. Gián cách hai đời, tạo nền tảng cho vua ta, việc Đường Ngu giống như việc nhà Hạ Vũ. Phụ Hán Ngụy của Tấn Tuyên, khi đến thì nhà Lương sắp diệt, đích thân tìm cấu họa tiêu sát gọi là binh. Ủng chúng cứ hữu ở Tương dương, sắp đến đời Ngụy, cô nghi chưa giải quyết. Tiên đế ra binh, kia cảm uy hoài, liên thành liền tan. Tùy quận an lục, chưa theo gió ngay, kẻ địch viện phụ xa, trọng thành vững chắc có Kim thường canh giữ, nếu dấy lên thì chiến thắng, bắt đầu từ hôm nay khởi lên ở Hán đông, Tiêu Dịch đến Giang lăng. Hậu Lương xưng chế, ngoài thông biểu tấu, âm có mưa đồ khác, trong dấu tâm chưa hết thần tiết. Tuy việc chưa thành công mà uy đức vang xa, người đời Tề do đây mà bị chiết phục, Chu Võ nhờ đó mà thành công, còn tưởng sự siêng năng của nghiệp vua, xa chỉ có sự khởi đầu của phong hóa. Thống lãnh Di Địch để đánh Đông hạ, dùng quân binh để chiếm lấy các nước phía Nam, đâu luống thang chinh, Hạt Bá Chu phạt, sùng hầu mà thôi. Chứa nhóm công đức, để phước lại cho đời sau. Kính mong con đường của thần, sự mờ mịt vắng lặng. Trăm đánh trăm thắng, thực hành mười điều lành, cho nên binh khí chiến tranh đã giống hướng họa, vùng đất hoang sơ lâu ngày thì đồng tịnh quốc, nghĩ muốn sùng thọ, đất báu bắt đầu thành già-lam. Thêm lớn nhân phước, u chỉ sâu kín. Xưa, mùa hạ do dẫn nước mà còn khắc vào núi. Nhà Chu gọi là tuần du, có nghe lặc thạch. Ký sự của Đế vương xưa nay được ưa chuộng. Ở Tương dương, Tùy châu, Giang lăng, Tấn dương đều lập một

ngôi chùa, đạo hưng thạnh thật lâu dài đồng với trời đất.

CHIẾU VUA TÙY CAO TỔ LẬP CHÙA Ở CHIẾN TRƯỜNG CHÂU TƯƠNG.

Năm xưa, đệ tử thấy đạo nhà Châu đã suy, các hung nô nổi dậy, đất Nghiệp thành thật là nơi khởi đầu tai họa, hoặc áp bức người lương thiện, hoặc đồng với giúp người ác, trong bốn biển hơn phân nửa là cọp sói, triệu dân đều lo bị ăn nuốt. Trẫm xuất quân đánh dẹp, trừ diệt yêu ma, thật có thảo phạt, chẳng phải không có nguyên nhân mà đánh nhau, tướng sĩ hăng hái thể hiện oai vũ, như lửa cháy lông mới không còn sót gì. Bấy giờ, trẫm ở lang miếu làm việc cho triều đình, đức dần dần dao động chúng sinh, dân rơi vào lưới võng, thật áy náy với tội lỗi của mình, chỉ thêm nhiều nước mắt thấy tội. Nhưng quân binh là hung khí, chiến tranh thật là nguy cơ, người có tiết nghĩa xem thường mạng sống, quên đi cái chết. Trong chiến tranh lại nghe sự rơi rụng, nói lên lời buồn bã, lâu ngày càng sâu. Mãi nhớ chúng sinh bị cái khổ binh đao. Cưu mang chí đạo, làm hưng thạnh nghiệp giải thoát. Chúng sinh và ta đồng gặp, quán và trí đều dứt, suy nghĩ xây dựng phước điền, thần công giúp đỡ, ngõ hầu mong mỏi việc chết. Bồ-đề thêm lớn, những người đồng trái nghịch. Từ tối ra sáng, đồng thời nghiên cứu khổ không, đều giúp sinh tử. Quán xét con cá kình hóa thành đài mầu nhiệm, chỗ hoang vắng của rồng rắn, mãi làm gương pha lê. Vô biên loài có tánh đều nhập vào pháp môn, có thể là đất chiến tranh của châu Tương, xây một ngôi chùa, lập bia ghi việc. Chế độ xây dựng, an trí tăng ít nhiều. Tên gọi các chùa có ghi chép đầy đủ.

TÙY DƯƠNG ĐẾ RA SẮC CHỈ HÀNH ĐẠO ĐỘ NGƯỜI

Ngày hai mươi tám tháng giêng niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ ba. Đệ tử Hoàng đế thọ giới Bồ-tát, tổng trì đảnh lễ tất cả chư Phật trong mười phương, tất cả tôn pháp trong mười phương, tất cả Hiền Thánh Tăng trong mười phương.

Thẩm cho rằng diệu linh khôn lường, lý cảm báo thông suốt. Nhân quả giúp nhau, cơ ứng không sai lầm. Do đây sơ tâm phát khởi chấn động cung ma Ba-tuần. Một niệm đã đến thước tất đạo tràng. Tuy nhóm họp các tiên mà thật che giấu ở núi ấy. Giọt nước đã ít mà tràn ngập nơi biển pháp. Đệ tử nhờ gieo trồng duyên đời trước, nối nắm bảo mạng, lâm ngự cõi nước, cứu giúp chúng sinh mà đức hóa khôn hoằng, hình phạt chưa dứt, muôn phương có tội thật là ưu trách. Trăm họ không đủ,

tăng thêm trần lụy. Đêm xưa cạnh tranh như đến vực sâu. Đây là do quy tâm chủng giác, quyết mong muốn thương xót, cẩn trọng trong suất sĩ, kiến lập thắng duyên. Châu biệt thỉnh Tăng bảy ngày hành đạo, độ một ngàn vị xuất gia. Đem công đức này khắp vì tất cả. Trên đến trời Hữu đảnh dưới đến địa ngục vô gián, loài bò bay máy cựa đồng bẩm thức tánh. Nghiệp ác từ vô thỉ, tội cấu đời này, nhờ duyên lành này đều được thanh tịnh. Ba đường, địa ngục oán thân trong sáu đường cùng đến Bồ-đề, cùng một lúc thành Phật.

Đường Thái Tông ra chiếu chỉ ở Hành Trận xây dựng bảy chùa.

Đệ tử chí nhân hư kỹ, quên bỉ ngã ở trong lòng. Thích giáo từ tâm đều đồng khác ở bình đẳng. Đầy đủ biết bậc Thượng Thánh thương xót không cách muôn phương. Lòng đại bi cứu giúp xem như con một. Có tùy thất đạo, chín phục sục sôi. Trẫm gồm Nguyên Nhung xảy ra minh phạt này. Thệ mục đăng nhi không hề có năm tháng. Kia có Kiệt Đại Ngu hoặc động chạm Thang La này. Hàm tu nghĩa nọa cuối cùng tiết. Đều vâng chỗ phụng, đều có thể vui. Ngày đến tháng đến thệ xuyên tư viễn. Tuy phục hạng ta phóng mạng. Phong Thọ Phi ở gò mã. Phi tín quyên sinh. Đơn Thanh để ở Đồ Tượng. Còn sợ dưới cửu tuyền trẫm luân đảnh vạc. Trong tám nạn thường bị ràng buộc trong nước lửa. Xủi mặt đau lòng phải quên lăng tẩm. Suy nghĩ sở dĩ tạo lập phước điền để cứu giúp hồn phách kia. Có thể vào niên hiệu Kiến Nghĩa đến nay là chỗ giao chiến, vì nghĩa sĩ hung đồ bỏ thân ở chiến trận. Đều tạo lập chùa chiền chiêu vời bạn tốt, trông mong trống pháp biến lửa đỏ thành hoa sen xanh. Thanh Phạm đã nghe biến biển khổ thành cam lộ. Sở ty cần lượng định nơi chốn. Đều lập tên chùa. Chi phối Tăng đồ và tạo lập chùa, đủ làm sự điều để nghe, xứng với ý thương xót của trẫm.

Phá Tiết Cử ở U Châu, lập chùa Chiêu Nhân.

Phá Tống Lão Sinh ở Thai Châu lập chùa Phổ Tế.

Phá Tống Kim Cang ở Phổ Châu lập chùa Từ Vân.

Phá Lưu Võ Chu ở Phần Châu lập chùa Hoằng Tế.

Phá Vương Thế Sung ở Mang Sơn lập chùa Chiêu Giác.

Phá... Kiến Đức ở Trịnh Châu lập chùa Đẳng Từ.

Phá Lưu Hắc Thái ở Danh Châu lập chùa Chiêu Phước.

Bảy chùa vừa kể đều do quan xây dựng. Lại cấp nhà, người xe, trâu, ruộng đất, và lập bia ca tụng công đức.

Đường Thái Tông và chiếu chỉ lập trai đàn hành đạo vì người chết trong chiến tranh.

Môn hạ hình kỳ vô hình là linh điển (mẫu mực) của Hoàng vương.

Dùng chiến dừng chiến là khuôn phép của bậc Thánh. Do đây, binh khí đời Thang, đời Võ khi cứu giúp tranh loạn, há kia không thương xót dân đen tha hồ giết hại. Cấm bạo ngược đình chiến, bởi không được rồi. Trẫm từ đời Tùy chưa mở mang xây dựng, ý chí còn muốn cứu giúp kẻ đắm chìm. Bắc Đông bị chinh phạt, hướng về thái bình. Nhưng dưới búa vàng, đầu nồi sắt, nếu chỗ nào tổn thương giết hại khó dụng thắng kỹ. Tuy lại nghịch mạng loạn thường tự mất tuyệt tâm thương xót. Nhớ nghĩ coi trọng việc thương xót sinh linh, đâu không thể tiếc thương. Buồn rầu xót ruột không quên xây dựng lăng tẩm. Hơn nữa giáo pháp Đạo Phật lòng nhân từ sâu xa, khoa giới cấm sát hại là quan trọng. Nương lời nói, lý này càng thêm sự hối hận lo sợ. Vì từ khi chiến tranh đến nay, tay đã giết hại số người trước sau gần một ngàn, nay đều vì họ lập ra trai đàn hành đạo, chí thành lễ sám, y phục, đồ dùng của trẫm đều bố thí đầy đủ, cầu mong khổ nạn trong ba đường ác nhờ đây được giải thoát, khổ hoạn trong muôn kiếp nương đây mà rộng cứu giúp. Diệt trừ tâm oán thù, thẳng đến đạo Bồ-đề.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG BAN CHIẾU CHỈ ĐỘ TĂNG TRONG NƯỚC

Đệ tử nghĩ ba thừa kết triệt, tế độ làm đầu. Tám Chánh đạo quy y từ bi là chánh. Chảy vào biển trí tuệ, thấm nhuần chúng sinh. Trừ rừng phiền não, làm cầu bến cho phẩm vật. Nhận chân thể đạo, lý hợp chí nhân. Diệu quả thắng nhân, sự phù hợp sự chưa tốt. Trẫm kính ngưỡng kim luân, cung kính bảo mạng. Lời giáo huấn chí đức không xa không suy nghĩ, khuôn phép của Đại thánh không u không xác thật. Muốn giúp cho người thoát khỏi nhà triền phược lên nhân thọ. Minh giúp hiển ứng che chở hàm linh. Năm phước ở nơi Hồng phạm, ba tai ở nơi thế giới. Gần đây, do tán loạn nên Tăng đồ giảm bớt, đài hoa, tháp báu không có người trông coi. Tượng Phật sen xanh dãi gió dầm mưa. Quyến thuộc điêu tàn, thật quá bùi ngùi. Các châu trong nước, chỗ nào có chùa viện thì cho độ người xuất gia làm Tăng Ni, tổng số giới hạn chừng ba ngàn vị. Châu thì có lớn có nhỏ, địa phương thì có Hoa có Di, tùy chỗ mà độ nhiều hoặc ít, có số lượng định, chọn đức nghiệp tinh thành, bất luận tuổi tác lớn nhỏ. Do trước đây số Tăng giảm bớt vì hoàn tục và độ riêng số người tại gia. Nếu hạnh nghiệp có thể xứng đáng thì cho nhận có giới hạn, quyết không có người để nhận lấy, cũng nhận số thiếu sót kia. Nếu vị quan lựa chọn không rõ ràng, nên chọn lọc điện thất. Nhưng giới hạnh chỉ trọng vô vi. Có một số Tăng đồ chìm đắm trong thế tục; hoặc

giả nương thần thông vọng truyền yêu quái, hoặc lầm xưng thầy thuốc thầy bói dối đạo cầu tài; hoặc đến quan thự dặn dò đút lót; hoặc dâm da thịt đốt ngón tay làm cho người đời sợ hãi, kẻ ngu kinh hoàng, đều tặng cho người sự vui thích, động đẩy lưới thân, có một thứ nào ở đây là làm cho Thánh giáo thiếu sót. Trẫm có thâm tâm giữ gìn quyết không khoan hồng. Khiến y theo nội luật, tham khảo kim khoa đủ làm điều chế, khiến cho pháp, thanh tịnh. Quan ti sở tại phải thêm xem xét. Trong nội bộ kia có trái pháp luật mà không nêu ra thì sở ti phải viết bài trạng tâu lên. Người tốt thì chọn lấy, người xấu thì đuổi ra. Già-lam Tịnh độ đều biết pháp vị, đường Bồ-đề giác ngộ dứt các ác cấu.

ĐƯỜNG THÁI TÔNG RA SẮC CHỈ KHÔNG ĐƯỢC BÁN TƯỢNG PHẬT

Sắc chỉ rằng: Hình tượng đạo Phật thờ rất tôn nghiêm. Các nhà kỹ xảo đúc tạo nhiều tượng. Người cúng dường nhau tranh đến mua, phê bình thợ đúc so sánh tốt xấu. Người mua không nghĩ đến nhân quả chỉ cầu rẻ tiền; người bán vốn mong được lợi chỉ trông giá cao. Tội lụy rất sâu phước báo đều hết. Trái phạm kinh giáo, đều nên cấm dứt. Từ nay về sau các nhà kỹ xảo không được tạo đúc hình tượng đạo Phật đem bán. Các hình tượng đã đúc thành rồi cũng không được bỏ, nên đem tặng chùa và đền thờ Đạo sĩ, khiến cho đồ chúng của chùa và đền thờ Đạo sĩ đáp trả giá trị tượng kia. Quan ty của các châu huyện sở tại đến kiểm xem xét. Sắc chỉ này ban hành, nội trong mười ngày phải chấm dứt.

THƯ GỬI CHO TIẾN LUẬT THỜ THẦY

Thầm phục hạ phong, lâu nhường cao đức. Có lòng không nương vào ấp tốt đẹp. Cuối xuân mát mẻ, đạo thể tốt đẹp, đệ tử sinh ra gặp nhiều may mắn, sớm dự pháp duyên gần nơi Hoa Nhạc, sáng lập chùa tăng. Núi này ẩn chứa thần bí, khống tiếp sương mù. Núi nhọn nhiều nhậm, linh tuyền trăm trượng, thần tiên cho là thắng địa, là chỗ các bậc thiền triết đồng nhóm họp về. Kết cấu tuy lâu nhưng thiền tụng còn ít. Khuyết đạo hưng phế, hoằng do nơi người. Hơn nữa rường cột Tam bảo phải nhờ năng lực long tượng và oai nghi bốn chúng. Đặc biệt như uyên ương, cò trắng. Các vị Pháp sư thông suốt kinh điển, khen bày chân tục. Thật nên giáo hóa chúng sinh lên bờ kia. Hơn nữa, người thông suốt chịu khuất, để tâm nơi ứng vật. Đại đức quên danh chỉ lo giáo hóa. Lý thuyết rộng cứu giúp không cách xa gần. Ngưỡng nguyện rũ lòng hứa khả lời cung thỉnh này giáng tích lai nghi, thì Thích Viễn thiền cư, xa

theo dấu chân để phỏng theo. Vương Tuần tinh xá, thanh trần không nổi. Đây là sở nguyện.

CHIẾU CHỈ TẠO LẬP CHÙA HƯNG THÁNH, NIÊN HIỆU TRINH QUÁN NĂM THỨ BA

Xưa, Đơn Lăng Khải Thánh, Hoa tự giáng điềm lành. Hợp đức thần cư, khắc giáng nghiệp lớn. Trẫm lớn nhờ nhà to đại bửu trong nước, xa nhờ vui cúng tế thành khẩn, ngưỡng mong phước xu điện. Lễ tư viên đã rộng, tình vũ cảnh tha thiết, mà hằng ôm lòng từ huấn, muốn báo không cùng. Yên lặng nói nhân quả, suy nghĩ nhờ phước thầm. Thông nghĩa cung hoàng nhà xưa, chế độ rộng rãi, tôn sùng việc nhân từ cúng tế. Kính tăng Linh Hựu, nên sửa thành chùa Ni, tên là Hưng Thánh, thần thông vô phương. Vi thân khải phong suy nghĩ, người chủ thi hành.

VĂN NGUYỆN VÌ HOÀNG HẬU THÁI MỤC TRUY PHƯỚC, VĂN ĐẾ VIẾT SỚ

Tháng năm niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười sáu, ngự chế nguyện văn (nhà vua viết văn nguyện), để tạo phước đối với chùa, văn rằng:

"Chỗ tôn thượng của bậc Thánh triết là hiếu, chỗ thương mến của người có lòng nhân là người thân. Trẫm lúc nhỏ mang nặng ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, lớn lên nhờ lời dạy bảo vỗ về nuôi nấng. Nhớ công lao to lớn ấy, do đâu mà quên được. Tình bao la đó, Hoàng Thiên chưa báo đáp. Xưa Tử Lộ than Thiên Chung vô dưỡng. Ngu Khưu than cha mẹ không tiếp đãi, trong lòng nổi loạn. Lòng tin đáng thương xót. Bệnh trong một tháng lại mắc hoạn nạn, nói lời mến tiếc, thật là thương xót, muốn báo đáp mà không biết làm sao, chỉ nhờ sự giúp đỡ thầm. Cung kính dâng hai trăm tấm lụa lên đại đạo từ bi, lòng chí thành thì có cảm ứng, trông mong tiêu trừ được tội lỗi đã qua. Gây nhân lành này ngõ hầu được quả vui ngày sau.

BÀI MINH KHẮC TRÊN CHUÔNG VỀ HAI GIÁO ĐẠI CHU, HOÀNG ĐẾ SOẠN

Niên hiệu Thiên Hòa năm thứ năm, tháng năm năm Canh Dần tuế thứ nhiếp đề, đúc một cái chuông, nếu chảy đá côn ngô, luyện thành đồng Nhã khê, vĩnh tượng hồng lư hóa thần khí này, tuy lúc bấy giờ thuộc Đình Tân mà điều giai di tắc. Vì thế trong "Xuân Thu Ngoại Truyện" có nói rằng: "Vịnh ca chín tắc bình dân không hai".

Mở mang hai giáo đồng quy về một đạo. Vàng đá thầm hợp, trời người đều khế hợp, chín cung chín địa xa thấu rỗng huyền, tam thiên đại thiên nghe xa biên tế. Gác bạc ứng cúng, mời pháp lữ tìm tiếng. Cửa vàng giáng chân, hầu tiên quan mà nghe tiếng vang, lưu truyền muôn đời, bèn khắc bài minh rằng:

Thật tế rộng xa, thông huyền rỗng suốt, hóa duyên đợi nghiệp, tạo lý nhờ căn cơ. Linh đồ tốt đẹp, mặt trời tuệ chiếu sáng. Sông vàng sương đọng, suối bạc mây bay.

Chín tầng trời tiên lục, năm nhạc chân văn. Đuốc trí chiếu xa, rừng thiền huân khắp. Trống vàng nhập mộng. Chuông ngọc thông mây. Tiếng điều đông lập, vang gọi mùa thu.

Hai giáo đều khởi. Hai chuông đồng vang, xa đến thiên sương, xa thiếu địa trấn. Sông Thiểm nổi ảnh, khe Hán truyền vận, nghe âm vang mở pháp, nghe tiếng khởi lòng tin.

Bát-nhã khôn cùng, có cửa nhiệm mầu, khai mở mê ám. Thường cứu đắm chìm, không cầu chánh giác. Không hội thiên tôn. Chỉ khiến biển trí, trước độ dân chúng.

ĐẠI ĐƯỜNG, BÀI MINH KHẮC TRÊN CHUÔNG Ở CHÙA HƯNG THIỆN

Đạo hợp kim luân, thị hiện nhà vàng. Che trùm muôn phương, chuyên chở ba cõi. Muốn cho nhạc vân hòa, tiếng pháp kia đồng tuyên, tiếng nhã tụng cùng âm Phạm đều xa. Bèn dạy người dân, khuôn phép kim tích này. Tiếng hợp sấm gió, công ngang với tạo hóa. Ngựa nhảy hổ mạnh nhờ cây xà ngang mà bay. Xoay vần bàng long nương gió mà động. Âm thanh buổi sáng phát ra. Kiền chùy buổi tối khởi, đâu không vào tai để chứng quả vô sinh, nhập thần để chứng quả Chánh giác. Biển sâu có lúc cạn nhưng phước lộc thì khôn cùng. Đá vuông dễ tiêu nhưng nguyện lực thì vô tận.

BÀI TỰA KHẮC TRÊN CHUÔNG, CHÙA TÂY MINH, KINH ĐÔ, LINH CHẾ

Đời Đại Đường, niên hiệu Lân Đức năm thứ hai. Tuế triền tinh kỉ nguyệt thứ hàng lũ.

Ngày canh thìn mồng tám, tháng hai năm Quý dậu, Hoàng Thái tử kính vì hai vị Thánh ở chùa Tây Minh đúc một cái chuông đồng nặng chừng một ngàn cân. Phát kỳ trân ở sông Hán, tìm món báu ở núi Thục. Ngu luyện lửa, Tấn khoáng bay lư, mang rồng hổ mà đằng quy, ứng

kình phù mà ghi chép. Tiếng vang chín cõi xa tuyên ân che chở, thấu suốt ba cõi vang xa đức an ổn. Đánh thức chúng sinh về đường giác, cảnh tỉnh muôn loài trong đường mê. Nghiệp đàn hương viên, công bằng trần kiếp. Thức cờ vết cao, cảm ngang trinh kim.

Minh rằng: Thanh kỳ cúng tế, huỳnh ly giáng thần. Sông oa lưu đức, núi dao phi hùng. Thổi đồng nêu tánh, hỏi tẩm đăng tình. Nói lời tịnh nghiệp, khai phát hương thành. Bảy báu xen đúc, chín lỗ đồ hình. Rồng bay như động, thú yển nghi kỉnh. Chế lấn nhà Chu, quy vượt sân Hán, gió thổi sáng vang, sương rơi đêm gọi. Kính nhờ Hoàng đế, dẫn dắt chúng sinh, tiếng vang ức kiếp, vui cả ngàn năm.

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP - BÀI TỰA THIÊN SÁM TỘI - NGÀI THÍCH ĐẠO TUYÊN SOẠN

Phước gọi là giàu có, tội xưng đẩy đọa, giàu có thì gần thì sinh bốn đường, quả báo giàu có, vinh hoa phước lộc đầy ở trước mắt. Xa thì tam Thánh, giúp nhau phong phú ở các cõi, cho đến tội lỗi, trái lại đây thì khác đường. Bởi tham lam tức giận quá nặng, có thể bị quả chịu khổ sở. Do đo, tội nghiệp ràng buộc, lao nhọc trải qua Thánh phàm. Tội nhóm lại không thể bàn luận. Ràng buộc chánh hạnh, sự gồm tiểu học, khiến cho hai quả này còn tệ hơn tức giận ngu si. Bậc La-hán lậu tận còn gặp nạn bị đánh đập. Đây phải biết nghiệp từ vô thỉ phân đoạn mà truy tìm chứng cớ. Hữu vi tích chướng, mong thay đổi hồi đầu. Từ xưa bậc Thánh khai dụ càng rõ. Lúc bấy giờ, mở rộng bốn hoặc, ba lần ba là chín phẩm, muốn cho tùy niệm dứt trừ, đâu được buông lung để đốt cháy? Nhưng do phiền não tăng mạnh khó cầm chế được. Bột khởi bỗng quên, sớm thọ căn cơ, tội kết đã thành hối hận không thôi. Nhưng nhờ lòng đại từ của chư Phật khéo léo phương tiện, giải bày lỗi trước dẫn dắt tinh linh, lập ra nghi thức sám hối tội, trình bày để tự sửa đổi thành mới, lỗi đã qua khó lặp lại. Dụ như phú thủy rất dễ biết. Vị lai quá khứ có thể cứu, cách gội rửa phải nêu. Bèn có bạn lữ Phổ Hiền, Dược Vương chia đường mà rộng trần đây; bạn là Đạo An, Tuệ Viễn bảo người đánh xe mà hành thuật này. Đến như Tước Vương Tể Bá đều kính mến tông khoa, thiện nam tín nữ không thiếu sự thành tâm. Xưa Ty Đồ Cánh Lăng Vương đời Nam Tề chế ra pháp Bố tát nghi Tịnh hạnh, số kia đầy đủ như chỗ hiển bày riêng. Nay giấy mực dễ phiền phức nên lược nêu số bốn, khai rõ then chốt tông sám hối tội.

THIÊN THỨ CHÍN: SÁM HỐI

Tạ sắc lập sám khải Niết-bàn của Lương Giản Văn.
Văn sám hối sáu căn của Lương Giản Văn.
Văn sám hối cao mạn của Lương Giản Văn.
Văn sám hối của Thẩm Ước.
Đời Trần, quần thần thỉnh.
Văn sám hối của Tùy Võ Đế, Thẩm Giang.
Lương, Trần Hoàng đế y theo văn kinh sám tội.

TẠ SẮC LẬP SÁM KHẢI NIẾT-BÀN

Thần cương kính khải, nghe sắc chỉ ban. Vì thiền ở chùa Đồng Thái, điện Thụy Ứng, lập sám Niết-bàn. Thần chương tạp nhiều tai, thân uế nhiều bệnh, châm cứu nước nóng, thường bẩn thỉu thiên lãm. Lại nhờ lòng từ giáng phước lớn này, trông mong mưa tuệ rưới xuống liền diệt lửa của thân này. Phạm âm vừa khởi, khắp nơi mát mẻ. Không việc gì mà chẳng ân nghĩa, phục gối đáp lời. Bất nhậm hạ tình.

Kính phụng khải, tạ văn kính khải.

VĂN SÁM HỐI SÁU CĂN CỦA LƯƠNG GIẢN VĂN

Đại chúng ngày nay thành tâm sám hối nghiệp chướng của sáu căn.

Nhãn thức vô minh duyên theo màu đỏ màu tím (màu sắc). Một khi theo nhiễm thì ngàn năm không quy về. Tuy là thiên nhục... khác căn, pháp tuệ rất đẹp. Vì thế do thấy cảnh trước mắt liền khởi ác theo. Nay nguyện bỏ nhục nhãn này, đầy đủ Phật nhãn, như vua móc mắt thấy Thất vuông vức một trượng của Tịnh Danh; thấy điềm tốt tháp Đa Bảo vọt lên; thấy ánh sáng của Đức Thích-ca ở Linh thứu; thấy hội Long Hoa của Đức Di-lặc, thường dạo chơi cõi Tịnh, thường đến cung trời.

Nhĩ căn ám độn có nhiều lỗi ác. Ưa nhiễm đồn ca, nghe thắng pháp thiện âm thì hôn mê muốn ngủ. Nghe Trịnh Vệ dâm ma thì thân nhảy tai lóng nghe. Biết sự vui của thắng pháp thì ít mà nghe ưa thích âm thanh dâm ma thì nhiều. Nguyện bỏ tai dơ uế này được Thiên nhãn thông kia. Nghe tiếng mở tháp đóng chốt, nghe tiếng búng móng tay cười nói. Những lời chư Phật nói đều tổng trì. Nghe tiếng gió thơm Tịnh độ, nghe âm vang leng keng của cây báu. Trong một niệm bỗng nhiên ngộ nhập.

Tỷ căn lỗi lầm lại càng ngu đần. Đắm nhiễm sáu lan, quyến luyến

trăm hòa. Uất kim dễ đấm, Chiêm-bặc khó trừ. Tuy lại, một loài cỏ thơm và một loại cỏ Du hợp tánh khó tìm. Trong hư không, trên mặt biển càng khó tự biết, còn như Điêu lô ở mây xanh bay khói, thức nhiễm lôi kéo nhau càng sinh ràng buộc. Do đó, con bọ hung, con giòi cam chịu tự cho là hương thơm. Nay nguyện tỷ căn này được tỷ căn của chư Thiên. Giũ áo bước đi, vượt rừng chiên-đàn, nâng túi lay bình bát, bưng cơm báu Hương Tích, lìa hẳn uế trược, thường giữ trong sạch.

Thiệt căn chướng nặng, nhiễm ác rất sâu. Kim độc tranh khởi, rắn độc đua nhau. Đã tham ý chi năm huỳnh sáu cầm. Lại cam chịu mùi vị chín đảnh tám trân. Do đó đốt núi, đập trứng, làm cạn nước cá ở trên khô. Canh cua không châm chước có lỗi nhiễm tay. Canh dê không kịp đến nỗi phải vào trận khổ. Dù dạ dày của con Yển, con Nai còn không xứng, phổi con phụng thai con rồng làm sao mà ngon cho được. Tuy dùng lưới, đảnh, thớt chưa hẳn đều đáng. Chúng sinh kia đối với mạng sống đã bị tàn ác. Hoặc bị bạn bè phản loạn phá tục tổn thương chân, biến màu tím thành màu đỏ, đổi màu trắng thành màu đen. Do đó, vừa nói ba lần, biết mẹ rơi vào máng, đoạn mộc nhất thuyết, vượt Bá Ngô vong. Vì thế biết lưỡi ba tất chưa dễ có thể quay lại. Bốn ngựa đã ra rất khó truy tìm. Nguyện dứt phiền hoặc này, nhân vật cảnh thanh tịnh. Đã đồng ngài A-nan khất khổng chi cơ, lại giống ngài Tịnh Danh im lặng, ăn sáu vị thiền duyệt, uống ba đức pháp lành, thân cung kính tâm chí thành thường hướng về bình đẳng.

Thân căn ngu mê va chạm, chỉ thích dịu dàng mềm mại, chất thể trần ngại không trọng giáo mâu. Đâu không thương ta khinh người, lấn người ngạo vật, mặc ý lõa trùng, không kiềm chế voi say. Sáu trần bốn đảo từ đây sanh ra, năm cái mười triền do đây mà có. Do đó, tượng khuẩn thanh nhàn ngao du ở hạ thất, trọng khâm hồ bạch lạnh nóng ở đông phòng. Xe buộc nhà rộng, động tịnh quyết an. Đều sạch lầu đẹp đến đi có thác. Do đó tội lỗi ba nghiệp có từ cơ quan, bốn đại giả thành đâu có chân ngã. Nguyện bỏ bình vẽ này được thân sắc vàng kia, tịnh pháp thân châu báu, chiếu tuệ thể lưu ly, thường quy về năm phần, hằng đồng mười thân.

Ý thức phan duyên, tội kia chứa cao như núi. Nguy hiểm đồng như mộng huyễn, thí như khỉ vượn. Treo gương nhà cao một niệm khó tịnh. Tẩu hoàn tác thượng, trăm lo rong ruổi trước. Còn hai mươi cõi không dừng, chín mươi tám sử không thôi. Do đó, khôi tâm diệt trí, hạnh chọn ba thừa, gió thiền linh ẩm, đạo cao sáu pháp Ba-la-mật. Nay nguyện dứt ý căn này, bỏ hết phiền lụy kia. Tâm sẽ điềm đạm rỗng chiếu vô sinh.

Tất cả các tội đều diệt tục môn, ba cõi khác đường quy y về cõi chân.

Sám hối đã xong, thành tâm đảnh lễ.

VĂN SÁM HỐI CAO MẠN

Đệ tử Tiêu Cương, lại dốc lòng quy y Tam bảo, thầm nghe lễ xưng không cao ngạo, nêu di văn của sông Thù, sông Tứ.

Kinh nói rằng: Không kiêu mạn, chứng nghiệm diệu điển của Du-xà. Vì thế, một khi gặp bằng thần. Lăng-già còn sinh tập khác. Thượng tân thiên đế ở Hoài Nam còn có lời lầm. Cũng có tài viết ẩn luân, điểu chỉ cao tục. Còn đủ ngồi chỗ vua Tấn, đứng trướng chúa Tề. Huống chi đạo giáng ba món vô lậu học, pháp gồm năm chúng. Như qua trước điện, dường ra khỏi cửa phía Bắc, nhưng không mật thất cung kính, di cung tiếp chân, xin nương thắng duyên, nguyện khởi thệ lớn, bắt đầu từ hôm nay cho đến khi chứng quả Bồ-đề đối với người xuất gia đều cung kính, mới mong tiêu trừ bảy thứ kiêu mạn, chế phục sáu căn. Tân đầu hạ bước, ngõ hầu không lỗi lầm. Kỳ Đạt bỏ xe, mới nghĩ Cảnh Mộ, u hiển đại chúng đều chứng minh cho.

VĂN SÁM HỐI (THẨM ƯỚC)

Đệ tử Thẩm Ước xin đảnh lễ, trước bạch chư Phật và Thánh chúng, Thẩm Ước từ đời này về trước cho đến vô thỉ, tội nghiệp lớn nhỏ, vốn không thể có văn tự nào tính kể cho hết. Chứng muội vãng duyên đâu do chứng cử. Viên thủy thành đồng có tâm ham muốn. Không nói từ bi, chẳng rành tội báo. Cho rằng: Mao quần giới phẩm, sự do nhà bếp. Không có duyên đối, chẳng biết xót thương. Sáng chặt tối đốt rõ tháng theo năm, hiềm phục trấn hư, chẳng phải đây thì đâu thể gồm. Túi xưa không nhỏ, tinh linh không đạt. Trong lúc ngao du mặc tình hành động yêu bạo, các loài bò, bay, hoặc bơi lội dưới nước không bị vướng vào lưới thì cũng bị lên thớt. Hễ gặp được là hành gia chận đánh. Kiếp số truy niệm, chủng loại thật phiên. Xa nghĩ tương gian khó mà tường tận. Lại tháng nắng nằm ngủ, muỗi mòng đốt da, tức giận trong tâm nên dùng tay đập. Mỗi năm đã giết tính hơn vạn con. Tay do sân giận, mạng do tay ngã. Vì đó giết hại, sự không đâu chẳng đủ, cho đến ngày nay, còn chưa hết được. Lại từng làm cho vạn nước, dùng lưới bắt cá. Đốc xuất binh lính hội họp vui chơi. Bọn người như thế rất nhiều không phải chỉ có một Đảng lệ tân du, tội lỗi xen nhau. Hoặc lấy trộm đồ đạc trong vườn của người, hoặc trộm thực phẩm, súc vật, tâm tánh mê mờ tùy hỷ vui theo, nhận phần trộm cắp rõ ràng không muội, tánh ưa sách vở. Cẩu

đắc vong liêm, lấy chẳng thật có, gần hai trăm quyển.

Lại nói lời thêu dệt, các điều lệ nhiều rộng có tội giả dối. Tuy khỏi tội lớn nhưng xúc chạm nhơ nhiệm cũng khó trình bày đủ.

Lại truy tìm lúc nhỏ, máu huyết phương tráng, tập lụy ràng buộc, sự khó bài hốc, máu huyết mạnh mẽ, tập lụy ràng buộc, sự khó bài hốc. Sông kỳ, cung thượng thật không biết là bao nhiêu, phân đào dứt tay áo cũng đủ xưng nhiều. Đây thật là hố sâu sinh tử chưa dễ gì trừ được. Quán chí hữu thảm thủ tánh sở đồng bẩm. Sân giận lỗi lầm, có khi đều như vậy. Mài sắc nghiêm thinh không ngày nào khỏi được. Lại nói lời đùa giỡn, việc làm ngừng dứt không hề nghiên cứu. Lỗi xúc chạm do đây phát khởi, trầm luân không rõ. Buổi sáng nhiễu loạn, chiều tối không thôi. Quả báo đời sau do đây mà có. Niệm trước vừa dứt, niệm sau lại khởi. Thước sóng chưa dừng, tất bóng vội đến. Trong tâm hối hận chẳng biết nói sao, nay đối trước chư Phật ba đời trong mười phương và trước chúng Tăng, tâm thệ khắc phục tự mình hối trách, dứt bỏ lỗi trước, rửa sạch lo lự ngày nay, xét lỗi của thân, quy mạng Đức Phật. Lại xét bảy thước là gốc, tám vi là cấu. Phân tích xa lìa đâu biết chủ kia. Tuy tạo nghiệp là do thân, thân tùy theo niệm diệt. Nhưng niệm niệm sinh khởi, dứt nối không thôi. Việc ác đời trước đã do tâm tạo, khi làm việc ác thì tâm kia đã nhiễm. Tâm kia nhiễm rồi tuy cùng niệm diệt nhưng chỗ đã nhiễm liền thành duyên sau. Nếu không có các chân đế, dùng không dứt có, thì tâm nhiễm càng nhiều khó mà trừ được. Nay khởi tâm hổ thẹn này, trừ diệt chỗ nhiễm xưa. Chỗ nhiễm đã trừ thì không thành tánh. Tánh kia đã không thì tội không chỗ nương. Cúi đầu đảnh lễ, u hiển chứng thành. Một niệm này đã thành thì nối nhau không đoạn. Ngày mài năm sáng đời đời không thôi, cho đến đạo tràng không bị thoái chuyển. Lại bị việc ác thêm vào cho mình, đều do khi xưa ta thêm cho người. Nếu không trừ duyên nặng này thì đời sau duyên ác càng gặp. Ngày nay đoạn diệt hẳn duyên đời sau. Đạo chẳng ở đâu không có, có cảm ứng này. Ngõ hầu nương tâm chí thành này đến được thông suốt.

VĂN NGUYỆN CỦA QUẦN THẦN THỈNH TÙY, TRẦN, VÕ ĐẾ, GIANG TỔNG VĂN

Con là... đảnh lễ tất cả chư Phật mười phương ba đời, các vị Hiền thánh hiện tiền, các vị Đại đức tăng. Hoàng đế,... thọ giới Bồ-tát. Hiền triết thông minh, rộng lớn bằng Thánh. Tâm như hư không, chiếu suốt Bát-nhã. Phát thệ nguyện rộng lớn, gánh vác chúng sinh. Thần đạo hợp

xướng chịu cảnh nghiệp này. Trăm vua đã quý, vận thuộc gian nan. Năm nhạc duy trần, sáu quần nhật động. Cu lao trong niệm, có tâm tha thiết, nhưng đã ngộ sâu khổ không, tin sâu vô ngã. Đài báu quế hoa vốn không thật có. Tặc thành lâu lỗ khổ cụ thêm nhiều, bèn ngồi đạo tràng tịnh cư thiền thất, giữ vững tâm làm, đầy đủ đàn-na. Vách đá, núi sông, trâu xe mã tượng, đầu mắt tủy não, vợ con quốc thành, xe lớn ngựa sang, màu xinh ghế ngọc. Phước đức đã cảm, oai ân đã được, đâu không nghiêm túc cúng dường Tam bảo, liền muốn rũ áo lên núi bất động, bước sao sáu hợp. Đến trong rừng ngồi thiền cùng Thích chủng dạo chơi. Cung trống nhiệm mầu, nhà vàng rộng lớn. Thượng linh chấn động, đất dày hoảng hốt. Đệ tử thân ràng buộc ái hoặc, nghiệp tạo ra phiền não. Thiên sinh chưng dân, cây bằng ty mục kiềm thủ chẳng dày chẳng mỏng. Há cho chí tôn ở vạn thừa mà nêu tình độc vãng, đối với Đế vương mà làm việc trải y. Vả lại Man Di loạn Hạ, bọn giặc gian cừu. Đốt lửa để cảnh thức người. Mặt trời chiếu lửa cam tuyền. Bốn vùng ngoại ô nhiều bờ lũy, chưa mở rộng được oai thế nhà cửa ghe thuyền. Như khiến bảy thánh vân mê rõ ràng trên sông phần, tám ngựa ba phược phương ở ao bến mới, thì thiên hạ nương vào đâu. Quần thần không tôn phụng đền thờ, miếu có bỏ phế thì đệ tử không hôn được loài lang sói. Cẩn thận như bấy nhiêu tiền, như bấy nhiêu vật, ngưỡng mong Tam bảo và đại chúng, phụng chuộc những gì đã xả bỏ của các vua và Hoàng đế đều trả lại ngôi vị cũ. Phục nguyện mười phương Tam bảo và Đại đức tăng hiện tiền, dùng năng lực từ bi và tâm vô ngại, thiền định phóng quang, hiển bày giảng nói, hoan hỷ hòa hợp siêu nhiên hứa khả. Khiến cho Hoàng đế hướng đến mây, hướng đến mặt trời cùng Nam Sơn đồng kiên cố. Đức của Thánh của Thần cùng Bắc cực đồng tôn. Tinh của Trung cung Hậu phi; thích của kim trinh ngọc cán, niềm vui chứa nhóm điều thiện, hoan hỷ suốt muôn năm. Ngọc loạn hồi tiêu đồng khải. Trăm người ngẩng đầu, con cháu quan đều kém. Nguyện trần lao và mây mù đều tiêu. Ức triệu cùng trời đất đều thư thái. Khiểm khiểm đan ngu , cảm dĩ tử thỉnh.

Đệ tử... kính lễ.

VĂN SÁM MA-HA BÁT-NHÃ - CỦA LƯƠNG CAO TỔ

Bồ-tát giới đệ tử Hoàng đế, cung kính đảnh lễ chư Phật trong mười phương, vô lượng tôn pháp cùng tất cả Hiền thánh, quán thường lạc ngã tịnh, bởi diệu bổn chân thường, vô thường khổ không. Chính là lụy pháp của thế gian, khổ vui đâu thấy con đường phân biệt khởi.

Chân tục khác tên, tình chấp dính mắc. Chỗ điên đảo ngã nhân càng thấy ngu si. Trọng lấy bỏ có không chuyển thành chuyên phụ. Đâu biết diệu đạo là vô tướng, chí lý thì tuyệt ngôn ngữ. Thật pháp chỉ có một, chân như không hai. Chư Phật dùng năng lực từ bi, mở cửa phương tiện. Dạy bằng khiên đãng, chỉ bày thì dùng minh diệt. Trăm phi đều bỏ, bốn câu đều vong, nhưng sau không bị trần lao, được giải thoát thanh tịnh. Nói Bát-nhã tuy có năm thời mà ý chỉ trí tuệ thì hoàn toàn quy về một đường, không đâu chẳng phải là Đệ nhất nghĩa đế đều là pháp môn Vô thượng. Đệ tử vừa học không đâu chẳng biết hư giả. Làm vua thống lãnh bốn biển không dùng vạn thừa làm tông; nhiếp thọ triệu dân càng biết muôn cơ thành lụy. Mỗi thời chẳng hiển, than ba cõi rõ ràng, trọn ngày vô ích. Than bốn loài đều chìm đắm, thường dùng đèn trí tuệ chiếu sáng thế gian, tàu thuyền Bát-nhã cứu độ hàm thức. Nay ở... kiến lập bấy nhiêu vị Tăng, bấy nhiêu ngày đại phẩm sám. Hiện tiền đại chúng dốc lòng kính lễ Tuệ mạng Tu-bồ-đề, nguyện các chúng sinh lìa tướng nhiễm trước, hồi hướng pháp hỷ, an trụ thiền duyệt, cùng đến Hương thành đồng thấy đài báu. Trí Bát-nhã biết các pháp là vô tướng, thấy tự tánh thường không, vô sinh pháp nhẫn tự nhiên đầy đủ. Cúi đầu kính lễ thường trụ Tam bảo.

VĂN SÁM KIM CANG BÁT-NHÃ CỦA LƯƠNG VÕ ĐẾ

Đệ tử Hoàng đế thọ giới Bồ-tát cúi đầu kính lễ.

Chư Phật mười phương, vô lượng tôn pháp, tất cả Hiền thánh. Đức Như Lai trong bốn mươi năm đã nói Bát-nhã, bổn mạt, thứ lớp lược có năm thời. Đại phẩm, tiểu phẩm chi điều phân tán. Nhân vương Thiên vương tôn phái khác nhau. Kim cang đạo hành tùy nghĩa đặt tên. Cầu pháp thân đề làm tiêu đề cho người. Tuy nói trước nói sau ứng hiện không đồng nhưng chí lý chí ngôn đồng quy một đường, không đâu chẳng phải là vô tướng diệu pháp đều là trí tuệ thâm kinh. Do có chấp đó đã là có lỗi, nếu không cầu đó càng thấy trái nhiều. Nghĩa khác khứ lai, đạo không trong ngoài. Từ đó lại trừ đó, không thể được chân kia. Không đó lại không đó, chưa đủ rõ diệu kia, chân tục đồng bỏ, bổn tích đều quên. Được ở nơi tâm nhưng sau vì pháp. Đây là do không nói đồng tử nhiệm mầu mà được nhiệm mầu của không nói, không nói Bồ-tát sâu xa mà thấy sâu xa của sự không nói. Đệ tử tập học không đâu chẳng phải là tu hành trí tuệ. Sớm tôn trọng đạo, khắc phục hành pháp. Muốn dùng gia hình quốc từ gần đến xa. Một niệm lành ngàn dặm cảm ứng, nhất tâm muôn nước đều vui. Hằng sa chúng sinh đều là bạn pháp, vi

trần thế giới đều là đạo tràng.

Nay kính cẩn, tại... kiến lập từng ấy vị Tăng, từng ấy ngày sám Kim cang Bát-nhã. Đại chúng hiện tiền dốc lòng kính lễ Kim cang Bát-nhã của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Kính lễ Trưởng lão Tu-bồ-đề. Nguyện chư Phật, Bồ-tát dùng nhân duyên Bát-nhã đồng thời tập hội, thương xót muôn loài, hộ niệm chúng sinh, dẫn nhập trí tuệ đồng quy về biển Phật, được diệu bảo Kim cang, thấy thâm kinh kim điệp. Đầu đội phụng trì, trọn không xa lìa. Được lợi ích cho mình và hết các cõi, tâm được tự tại không bị trần lao. Cúi đầu đảnh lễ thường trụ Tam bảo.

VĂN SÁM THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ CỦA TRẦN TUYÊN ĐẾ

Đệ tử Hoàng đế thọ giới Bồ-tát, đảnh lễ chư Phật mười phương, vô lượng tôn pháp, tất cả Hiền thánh. Từ khi rừng Hạc bặt dấu, Linh thứu ngưng thần. Bình tả tổng trì, di chúc chẳng mất. Truyền đăng lưu bố, pháp luân càng rộng, khuôn phép hằng nói đã chiếu đến Tây Vức. Phân chia hiển thuyết cũng lần lần dời đến Đông Độ. Mà triều đại nhà Chu vi ứng chỉ thấy đêm sáng, Hán Đế cảm thông chẳng qua mộng ban đêm. Hương tượng đã chở Hổ quán, Long cung đã chứa lân các, trong đó chẳng lấy. Núi biển bị cách, truyền thọ bị suy vi. Hoa Di khác nhau, phiên dịch bao nhiêu. Lời Thiên vương hỏi chỉ được tên kinh. Kinh Kim Cang vừa thấy một phẩm, trải qua triều đại nhà Ngụy và nhà Tấn nhưng chưa đủ, kinh ở triều đại nhà Tống nhà Tề cũng thường thiếu. Con thừa gia lập quốc sáng trước tuyệt sau, đạo cách trời đất, đức bị suy vi. Mở lòng đại bi, rộng khai trí tuệ, thí tạo hóa ở nhân thọ, giúp chúng sinh đến giải thoát, khác thế giới mà thừa phong, không đồng thế giới mà hưởng ứng. Chân nhân pháp báu truyền thông.

Vào niên hiệu Thiên Gia năm thứ sáu, Thiên tử ở nước ngoài là Nguyệt Bà Thủ-na dạo chơi khuông lãnh, tuệ giải thâm diệu, không lường Thánh phàm. Phụng trì bộ kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã, ở đó phiên dịch biểu hiến kinh đô, lựa chọn tên kinh, minh hợp phù khế. Gồm thông giáo của ba thừa, suốt biển sâu của sáu độ. Như khai mở nhà tối để chiếu Ưu-đàm. Chúng sinh trong mười phương như người nghèo được của báu, bốn bộ đệ tử như lực sĩ được ngọc châu. Kim điệp bảo ấn, thỉ tư thần nhi nhất khải. Trí tuệ thật pháp, đến lúc bấy giờ mới đủ. Vì thế, Đức Như Lai phó chúc phải đợi Nhân Vương. Bát-nhã hưng long hẹn nơi Thánh vận. Đệ tử toản thừa mối lớn, mở mang đại nghiệp. Nguyện pháp môn này khắp các u hiển. Nay ở... kiến lập từng

ấy vị Tăng, bấy nhiêu ngày sám hối Thắng Thiên Vương Bát-nhã. Hiện tiền đại chúng dốc lòng kính lễ Đức Bổn sư Thích-ca Như Lai. Kính lễ Bát-nhã Ba-la-mật, kính lễ Thiên vương. Nguyện tất cả chúng sinh cần cầu Bát-nhã không nề lạnh nóng, như Tát-đà-ba-luân không tiếc thân mạng. Như Bồ-tát Tinh Tấn Lực được tánh tướng Bát-nhã, tương ưng với Bát-nhã. Nhiếp hết muôn cõi, trụ nơi an ổn, hàm linh hữu tình đều được quy y.

Cúi đầu đảnh lễ, Thường Trụ Tam Bảo.

ĐỜI TRẦN, VĂN SÁM KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA CỦA VUA VĂN ĐẾ

Đệ tử Hoàng đế thọ Bồ-tát giới , cúi đầu đảnh lễ chư Phật mười phương, vô lượng tôn pháp cùng tất cả Thánh hiền. Trộm cho rằng: Sinh trước Phật sau Phật các món nhân duyên. Đã nói sẽ nói các môn phương tiện, đâu chẳng phải là chân ngữ, đều là diệu pháp, lý không hai đường, thú hướng đồng quy. Chỉ do ở nghiệp, do tâm bẩm thức của muôn loại, nếu thấy liền chấp khác tướng của chúng sinh. Phẩm vị có cạn sâu, giác ngộ có mau chậm. Mưa pháp một vị mà người được không đều nhau, sấm pháp một tiếng mà người nghe có sai khác. Vì lý do đó nên Tiểu thừa đốn giáo có tên riêng, Thanh văn Bồ-tát do đây mà chia đường, còn như Lộc uyển ban đầu nói xe dê, Tiểu thừa dứt hẳn, Niết-bàn phần đoạn giải thoát. Do sự khéo léo của chư Phật, hiểu căn cơ của đại chúng. Đây là bán tự, chưa gọi là ba điểm. Phù hợp tam quy, trở về nguồn cội. Nói kinh Đại Thừa tên Vô Lượng Nghĩa, diệt hóa thành ở giữa đường, cỡi xe báu ở bốn nẻo. Minh châu trong áo ẩn mà lại hiện. Châu báu trong búi tóc ở đâu. Ban đầu được ra khỏi Tháp báu ở hư không, Bồ-tát vọt lên mặt đất. Hiện việc ít có, chứng pháp vi diệu. Tối thắng tối tôn, khó gặp khó được. Đệ tử do nhân địa phàm phu, thuộc phần gánh vác. Muốn hiến chương xưa dùng cứu muôn dân. Thần cho rằng vua Phục Hy kết cương, mất tâm đại bi. Thành Thang giải la còn không có diệu pháp. Dường cờ Đan Thủy, khác đạo thọ mà hàng ma. Cầm ngọc Đồ Sơn, chẳng phải đại tập của phường báu. Do đó, nương tâm bảy giác chi, buộc niệm bốn chánh cần, trụ Bồ-tát thừa, hiển giáo chẳng ba, học hạnh Như Lai, khai pháp môn chẳng hai, dẫn dắt quần mê, chỉ bày các hoặc. Nay ở... lập từng ấy vị Tăng, ứng ấy ngày hành sám Pháp Hoa. Đại chúng hiện tiền chí tâm kính lễ Đức Thích-ca Như Lai, Đức Thế Tôn Đa Bảo. Kính lễ kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa, kính lễ Bồ-tát Phổ Hiền, kính lễ Pháp sư Diệu Quang. Nguyện xin Đức

Như Lai Đa Bảo từ đất vọt lên, Bồ-tát Phổ Hiền nương voi từ trên hư không đến, đều vào đạo tràng chứng minh công đức. Đánh trống đại pháp chuyển diệu pháp luân, chấn động thế gian, giác ngộ phàm phu, khiến cho vô lượng Thanh văn vô biên chúng sinh tận pháp giới hư không đều là Bồ-tát, tổng trì tánh tướng, đồng chứng vô sinh. Cúi đầu đảnh lễ thường trụ Tam bảo.

VĂN SÁM KIM QUANG MINH CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Đệ tử là Hoàng đế thọ Bồ-tát giới, cúi đầu kính lễ chư Phật mười phương, vô lượng tôn pháp và tất cả Hiền thánh. Tìm xem trong núi Linh thứu tự có tướng thường trụ. Trong rừng Hạc trắng vốn không có pháp thay đổi. Vì thế, biết chân giải thoát ấy ai nói đến đi, thật trí tuệ ấy chẳng có sinh diệt, mà điên đảo mê ngu không hiểu lý ba điểm, vô minh che lấp, không có nghi tám mươi. Đối với bốn Đức Phật Thế Tôn, trăm ngàn Bồ-tát, đều hội nhà tám tướng, bày nói tuổi thọ của Đức Thích-ca, nói diệu kệ khen ngợi, nêu pháp âm sám hối. Đây là Pháp vương vi diệu đệ nhất, dùng chủng trí làm căn bản; dùng công đức làm trang nghiêm, có thể soi chiếu cung điện các cõi trời, có thể cùng chúng sinh vui vẻ, có thể tiêu biểu cho ngôi sao xấu, có thể dứt trừ sự đói khát, có thể dứt trừ sợ sệt, có thể diệt ưu não, có thể dứt trừ oán địch, có thể chữa lành bệnh tật. Đúng như pháp tu hành công đức đã sâu. Đệ tử dĩ tư quả muội thừa kế nghiệp lớn, thường sợ Vương lĩnh, không hợp chánh luân. Đạo ngự ở đời có trái luật vua, thứ tích chưa yên, lê dân không tốt. Nguyện quy y Tam bảo nương nhờ minh không, hộ niệm chúng sinh, giúp đỡ cõi nước. Nay ở... kiến lập từng ấy vị Tăng, bấy nhiêu ngày sám hối Kim Quang Minh. Hiện tiền đại chúng chí tâm kính lễ Đức Thích-ca Như Lai, bốn Đức Phật, kính lễ kinh Kim Quang Minh, kính lễ Bồ-tát Tín Tướng. Nguyện các Bồ-tát trụ lâu ở đời, các vị Thiện thần cõi trời không lìa cõi nước, phương tiện lợi ích tăng trưởng phước điền, chiếu mây từ bi, mặt trời trí tuệ lên, làm nhẫn nhục dẫn dắt, làm chỗ y chỉ, thành tựu đạo tràng Bồ-đề, an trụ cõi nước bất động.

Cúi đầu đảnh lễ Thường Trụ Tam Bảo.

VĂN SÁM ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Đệ tử là Hoàng đế thọ Bồ-tát giới, cúi đầu đảnh lễ Tam bảo. Trộm cho rằng cõi nước của chư Phật không thể nói năng; xưng hiệu Như Lai không có hạn lượng. Hoặc quá khứ hiện tại cùng lấy họ Phả-la, hoặc đồng thời khác đời, đều có tên Thích-ca. Hoặc mười ức Minh

Vương, hoặc ba vạn Nhiên Đăng, đến đi ba đời đầy khắp mười phương. Người nghe tên được lìa trần cấu, người thọ trì được đắc đạo. Công đức kia thật khó nghĩ bàn. Đức Thích-ca Như Lai dùng năng lực vô ngại dạo đi con đường thanh tịnh Bà-la, dừng ở đất phước cát tường. Ao báu hóa sinh, hoa vàng tự vọt lên. Nói kinh Đại Thông Phương Quảng, nêu danh hiệu Tam bảo. Thí như sáu cõi trời gồm quy về nhất thừa. Đệ tử dùng tâm từ bi, tu nghiệp bình đẳng. Thường cho rằng muôn nước có tội trách từ mười người. Bốn loài chưa an, lý vì trọng nhậm. Do đó, tự mình huân tu ngày đêm không mệt nhọc. Tinh tấn là tâm, nửa đêm chưa nghỉ, Bồ-tát hành xứ đều nguyện thọ trì. Pháp môn của chư Phật đều khiến như lời nói, muốn cho khắp trời cùng đất không còn bị trần cấu sợ sệt, loài bò bay máy cựa thường được chỗ quy y.

Nay y theo kinh dạy, ở tại... kiến lập đạo tràng sám hối kinh Phương Quảng gồm từng ấy vị Tăng, bấy nhiêu ngày. Đọc tụng một trăm biến, nhiễu bên phải bảy vòng. Hương đốt hương bột tột tướng trang nghiêm. Chánh niệm chánh quán rỗng tâm tinh khẩn. Đại chúng hiện tiền kính lễ Đức Bổn sư Thích-ca Như Lai, kính lễ kinh Phương Đẳng đã nói danh tự Tam bảo. Nguyện chư Phật và Bồ-tát theo tiếng mà đến như tiếng vang, phát ra ánh sáng thanh tịnh chiếu các chỗ nhơ tối, rưới nước mát mẻ trừ khát ái này, lên ghe sáu độ, vào biển Tam-muội. Gồm muôn cõi mà hội chân như, cứu ba cõi mà chứng được thật pháp.

Cúi đầu đảnh lễ Thường Trụ Tam Bảo.

VĂN SÁM HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Trộm cho rằng Bồ-tát đối với chúng sinh là chỗ y chỉ lớn, quán sát tánh tướng tùy căn cơ mà cứu giúp. Còn một người chưa độ thì không chứng đạo quả. Từ xưa đến nay hạnh nguyện như một, mà Bồ-tát Hư Không Tạng rất tối thắng, là cờ vua trong chúng, là tôn chủ trong đại minh, đầy đủ trí tuệ của chư Phật, được bí mật của Như Lai. Còn như nhân trong mộng thấy hình, tùy duyên nêu tướng, một khi nghe xưng danh hiệu, nước không thể nhận chìm, lửa chẳng thể đốt cháy. Nhất tâm xưng danh hiệu, dao gậy không thể làm tổn hại, thọ mạng tài sản nếu nguyện thì suy nghĩ sẽ được ổn thỏa. Sắc, thinh, vị, xúc cần thì cầu đều được như ý. Thân tâm bệnh não thì ân cần chữa trị. Lao ngục sợ sệt thì dùng phương tiện giải thoát. Đây bởi tùy theo pháp thế gian để an lạc chúng sinh và động thần biến tướng đến cảnh Hương tập, phóng tịnh quang minh đến cõi Diêm-phù, nhập định Tam-muội, dập tắt lửa phiền não. Nói Đà-la-ni phá chướng nghiệp ác. Đời ác năm trược cùng lúc

thanh tịnh. Năm tội căn bổn đều giải thoát. Đây là khai mắt thế gian, chỉ con đường Niết-bàn. Đệ tử nương lời dạy của Đức Như Lai, bẩm từ bi của chư Phật, được công đức của Bồ-tát, thực hành nghiệp của Đại sĩ. Nguyện cõi nước mười phương đều có nhất thừa, chúng sinh mười phương đều tu Thập địa. Nay ở tại... kiến lập đạo tràng sám hối Bồ-tát Hư Không Tạng, gồm từng ấy vị Tăng, từng ấy ngày. Đại chúng hiện tiền chí tâm kính lễ Đức Bổn sư Thích-ca, kính lễ Đức Thắng Hoa Phu Tạng Như Lai, kính lễ thần chú Đà-la-ni, kính lễ Hư Không Tạng Bồ-tát. Nguyện Hư Không Tạng Bồ-tát theo tiếng liền đến, hiện năng lực thần thông mở ánh sáng trí tuệ, dùng các thân hình đến các cõi nước, độ thoát chúng sinh không trái với lời nguyện.

Cúi đầu đảnh lễ thường trụ Tam bảo.

VĂN SÁM HỐI PHƯƠNG ĐẲNG ĐÀ-LA-NI CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Trộm cho rằng: Chư Phật ba đời do nhân duyên thệ nguyện. Như Lai mười phương dùng phương tiện trí tuệ, dùng biện tài vô ngại, khai mở pháp môn vô tận, pháp lưu có khác tông nguyên vô hạn. Pháp vốn phân tán mà chi nhánh không cùng, chẳng phải Ma-ha Bát-nhã có tám vạn bốn ngàn riêng mà ngay cả Đà-la-ni cũng có chín mươi hai ức, nơi nơi tuyên thuyết, món món gọi tên, công đức vô lượng thần thông không thể suy lường. Còn Bà-tẩu cứu địa ngục, ma Ba-tuần phát tâm Bồ-đề, Hoa Tụ được thần thông, lôi âm thoát yểm tệ, đâu không do chương cú này nhờ nghiệp lực này. Cũng có bốn bộ đệ tử, chúng sinh mười phương nghe một câu mà phát tâm, nghe một tiếng mà ngộ đạo. Vì thế, biết tất cả các pháp không đâu chẳng phải là chân diệu.

Đệ tử hết lòng tu hành, sở học là Bồ-đề ra sức sớm tối, sở hành là cứu độ. Dùng năng lực nhất tâm nhiếp lấy chúng sinh, trong khoảng một niệm khắp các pháp tướng. Chủng trí Như Lai đều nguyện tổng trì, công đức chư Phật đều muốn lưu truyền.

Nay thành kính đối với kinh giáo pháp điển, đại chúng hiện tiền chí tâm kính lễ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, kính lễ chương cú Đà-la-ni, kính lễ Tỳ-kheo Lôi Âm, kính lễ Bồ-tát Hoa Tụ. Nguyện nương công đức này điều phục chúng sinh, diệt tâm ba độc, phá mười nghiệp ác bốn trăm phiền não tự nhiên thanh tịnh, tám mươi bốn ngàn trần lao cùng lúc giải thoát. Được năng lực thần chú, đủ pháp ấn thiện, nhập môn Đà-la-ni, quán cảnh giới Phật, ngục lửa tất hẳn không còn.

Cúi đầu kính lễ Thường Trụ Tam Bảo.

VĂN SÁM DƯỢC SƯ CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Trộm cho rằng: Các hạnh vô thường đều là pháp lụy, muôn cõi điên đảo đều thành gốc khổ, lửa cháy cảnh tượng biết thay đổi không dừng. Cỏ trôi tranh giạt thấy sinh diệt mau chóng, theo gió nghiệp mà vào biển khổ, tùy báo chướng mà đến u đồ. Đến đi ba cõi chưa thấy có chỗ an, luân hồi năm đường không có lúc tạm dừng. Đức Như Lai Dược Vương có đại nguyện lớn dắt dẫn muôn vật, cứu giúp chúng sinh. Dẫn dắt trăm sông các cõi quy về biển pháp một vị. Cũng có thể thí cho Hoa Lâm tùy theo thế tục, khiến được an ổn, không còn sợ sệt. Còn như tám nạn, chín hạnh, năm trược, ba tai, nước, lửa, trộm, giặc, bệnh tật, đói khát. Kẻ thù nợ nần, Pháp vương Huyện quan, ỷ thế lực lấn hiếp vạn mối, nghịch pháp sát ngàn biến, đều chuyển tất cả họa thành phước, đổi tai ách thành an vui. Lại có người cầu giàu có phước lộc, ngôi vị, kéo dài tuổi thọ. Ham muốn của sinh dân, thiết yếu của thế gian. Đâu không tùy tâm ứng niệm tự nhiên đầy đủ. Vì thế chư Phật phương tiện, sự tuyệt tư lương. Đệ tử là Tư Mục quả phương thú tích vị hựu. Nương bổn nguyện của Đức Dược Sư thành tựu chúng sinh.

Nay y theo kinh giáo, ở tại.. kiến lập đạo tràng sám hối Dược Sư từng ấy vị Tăng, từng ấy ngày. Đại chúng hiện tiền chí tâm kính lễ Đức Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni, kính lễ Đức Dược Sư Như Lai từ bi che chở, không trái bổn nguyện, không bỏ thế gian, nổi mây tứ đẳng, giáng mưa sáu độ, dập tắt lửa sinh tử, bẻ mũi tên phiền não. Thế giới mười phương hoặc luân đăng mà sáng rỡ, bảy trăm quỷ thần tìm mà ứng phó. Chướng ngại vắng bặt, tai ương không còn. Mạng theo phướn tục, tạm lên thường trụ. Dạo pháp tánh sâu xa, vào Chánh giác vô đẳng, hạnh nguyện viên mãn như Đức Như Lai Dược Vương.

VĂN SÁM SA-LA TRUI CỦA TRẦN VĂN ĐẾ

Giải thoát chân thật vốn tự vô sinh; thật trí tuệ nay cũng vô diệt. Vì thế biết rừng hạc biến sắc, chẳng phải thay đổi. Núi Linh Thứu thường trụ, thật pháp thường trụ. Chỉ vì thế giới chẳng phải một, do đó ứng phó không cùng, chúng sinh vô biên, do đó phương tiện không bờ mé. Tùy niệm tùy chấp, các món pháp môn. Do nghiệp do tâm mỗi việc thị hiện. Hoặc tám mươi tiểu kiếp thường ngồi yên không dời đổi, tám mươi năm căn cơ không dư chưa bì kịp. Bên sông Hy Liên sắc sao mai bỗng sáng, trong rừng Ta-la tiếng nửa đêm liền vắng lặng. Công đức sau cùng.

Hôm nay giờ này, đệ tử có duyên với cõi Diêm-phù-đề, nhận phần trọng trách, thương chúng sinh điên đảo, xót những kẻ ngu mê.

Thường nguyện làm thuyền sáu độ cứu họ đến bờ kia. Cỡi xe Nhất thừa đến chỗ Trung đạo.

Nay ở điện Thái Cực đại hội vô ngại gồm một trăm vị Tăng trong một đêm Sa-la đại trai. Nguyện mưa pháp, mây pháp làm mát mẻ lửa trong ba cõi. Đèn tuệ, đuốc tuệ chiếu sáng nhà tối trăm năm. Hai chữ thường trụ trời người đều nghe, ba điểm chữ y phàm thánh đều ngộ. Không nhọc lời hỏi của ngài Ca-diếp, không đợi nghi ngờ của Tu-bạt, Nhất thiết chủng trí dùng làm căn bản, vô lượng công đức dùng để trang nghiêm. Cây ý nở hoa giải thoát, ruộng thân hợp nước định tuệ, ở đất an lành, nương đạo tràng phước đức, cùng với hai khí đều tinh, tùy theo bốn thời mà nạp thần. Mặt trời mặt trăng thân Thiên tử, chiếu hợp trần ở Đại thiên. Ngôi sao cung điện rải ngọc châu ở trăm ức, nước mưa từ bi và gió lành đều thổi, mây báu Bồ-đề cùng khói bay đều đến, sáu hợp bốn biển không bị trần lao, sáu đường bốn loài sinh đều được thanh tịnh.

VĂN SÁM XẢ THÂN TRONG HỘI VÔ NGẠI, TRẦN VĂN ĐẾ VÌ HOÀNG THÁI HẬU XẢ BỎ NGÔI BÁU

Trộm thấy rằng nhã cáo nghĩa sâu, Hoàng vương khởi lời nói ở ta; lễ kinh linh điển bậc Thánh nêu lời nói về tội của mình. Vì thế, quên mình cứu vật là tâm của người có lòng nhân; sửa mình lợi người là đức của người quân tử. Huống chi Bồ-tát Đại sĩ pháp bổn hành xử, ứng phó ba cõi, nhiếp thọ bốn loài, vận bốn tâm vô lượng, tu sáu độ bình đẳng, quốc thành vợ con, tôi tớ ngựa xe. Nói đại nghiệp của Tổ tông, kiệt sức nghỉ ngơi, trọng trách của thiên hạ, lê dân chưa an, thứ tục chưa vui, đi trên băng mỏng, không quên tranh nghiệp. Lại do, tướng thế gian như bọt bóng, pháp hữu vi như sương như chớp, sông ái chạy nhanh, biển dục bay cao. Bẩm thức đồng cháy, hàm thức cùng chìm. Thùy chấn nương ngọc, trở lại biết muôn thừa không phải tôn. Đương trữ phụ ỷ trở lại cho muôn cơ thành lụy, sớm tối cố gắng tư hoằng hấp dẫn, thường ngày không hiển bày.

Kính vì bảy miếu Thánh linh, phụng vì Hoàng Thái hậu Thánh ngự, phụng vì trời rồng quỷ thần u minh, không có ba cõi, bốn sinh, năm đường, sáu nẻo, hoặc sắc, hoặc tưởng, hoặc oán, hoặc thân, hoặc không oán thân, khắp hư không đầy pháp giới, cùng quá khứ, tận vị lai, vô lượng danh thức, tất cả chủng loại đều bình đẳng đại xả.

Tự thân đệ tử và xe cộ, pháp phục, châu báu, anh lạc, tô điểm trang nghiêm, chỗ cấp dùng tư đãi, chỗ thường ngày vui chơi, đều vì

đàn-na hoặc cúng dường Tam bảo. Nay ở trước điện lập đại hội vô ngại, phụng hành sở nguyện và các công đức đều nêu ở trước. Nguyện chư Phật, Bồ-tát, minh không u hiển đều đến chứng minh, khai mở mặt trời trí tuệ, chiếu mây từ bi, dựng cờ báu ở Đại thiên, đánh trống pháp nơi trăm ức, chấn động thế giới, giác ngộ chúng sinh. Phóng Tịnh quang Tam-muội, rưới mưa pháp một vị, dẫn kẻ ngu si ở hầm lửa cứu phiền não trong rừng gai, ra khỏi sông luân chuyển, đến bờ vô sinh.

Đường Thái Tông ban chiếu chỉ lập trai đàn hành đạo vì những người chết trong chiến tranh.

Đường Thái Tông ban chiếu chỉ độ Tăng trong nước.

Đường Thái Tông ban sắc lệnh cấm bán tượng Phật và các thư của Luật sư Tiêm.

Đường Thái Tông ban chiếu chỉ sửa nhà thành chùa.

Đường Thái Tông vì Mục Hậu truy phước viết sớ.

Bài minh khắc trên chuông về hai giáo của Chu Võ Đế.

Đường Thái Tông, bài minh khắc trên chuông, Đại hưng thiện.

Đường Đông cung, Hoàng Thái tử, bài minh khắc trên chuông, chùa Tây Minh.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 29

BÀI TỰA THIÊN THỐNG QUY

Đời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn

Quảng hoằng minh nghĩa là nói kia mở mang, giảng nói Phật pháp, khai sáng cho hữu thức.

Từ chín thiên trước tùy thời hiện khắp, so lường lý lộ. Duyên kia đầy đủ, nhưng chí đó chỗ đó thì chưa thấy rõ. Như không trình bày, ca tụng nương vào đâu. Vì thế thiên kế soi xét xa gần. Hơn nữa, Pháp vương ngự vũ ca tụng quyết sơ. Phạm vương, Thiên chủ, Thanh văn, Bồ-tát đều nhờ kệ tán dụng xướng u thành. Không có kinh thì không có nêu bày ở thấy nghe, Vương Thần Đông Hạ đường đây không hoặc nghĩ luân. Vua có đức, nước tốt đẹp đâu không xưng khen ư? Do đó, tả tống tánh tình, thống quy tổng loạn, chính là ở đây.

Nhưng từ triều đại nhà Tấn nhà Tống đến nay, các tập số hơn một trăm nhà tin trọng đạo Phật đều bày thanh lược, còn như thu nhặt gom góp một trăm không còn được một, nêu bày số đều dùng các trần để nhìn rộng.

ĐỜI LƯƠNG, MỤC LỤC THIÊN THỐNG QUY

Hoằng Minh Luận của Thích Tăng Hựu.
Văn hịch ma của Thích Trí Tịnh
Thích Bảo Lâm phá ma lộ bố.
Lời phú Tịnh nghiệp của Lương Cao Tổ.
Lời phú Hiếu tư của Lương Cao Tổ.
Lời phú dạo chơi chùa Thất Sơn của Lương Tuyên Đế.
Lời phú ở chùa Túc Sơn của Lương Vương Tích.
Lời phú trần uyển của Ngụy Cao Duẫn
Lời phú Đại thừa của Ngụy Lý.
Đời Lương, ở Tiên Thành, lời phú tường huyền của Thích Tuệ

Mạng.

Lời phú của Lương Tiêu Tử về Vân huyền bộ uyển giảng.

Lời phú Giấc mộng của Thích Chân Quán.

Lời phú của Lương Giang Yêm, Thương Nhược Tử.

Luận Vô Vi.

Chiếu chỉ phá ma và văn thư hịch.

Tấu trình tâm lộ bố.

PHÚ TỊNH NGHIỆP CỦA LƯƠNG VÕ ĐẾ

Lúc trẻ ưa núi sông, thích hang hốc, thân bị ràng buộc bởi lưới thế tục không được toại chí, trái với hạnh ở một mình, không thuận với tâm tự do. Do đó theo làm việc vua, thuộc thời nhiều nên đời phải truân chiên, hữu sự nhung lữ, lược năm vô minh. Trên thì chính trị mê mờ, hung nghịch, dưới thì bầy tôi gian loạn. Quân tử nói tiêu, tiểu nhân nói trưởng. Ngự đao vâng sắc trùng mai nhi nhự, pháp trân càng linh, vận phong mạnh mẽ. Những người người như vậy, Chí Công gọi là loạn đới đầu.

Chí Công là Sa-môn Bảo Chí, hình phục không nhất định thị hiện vô phương. Bấy giờ, mọi người nghi Ngài là một vị Thần lạ, bèn giữ lại tại vườn Hoa ngoại các. Ngài Chí Công nổi giận nói rằng: "Loạn đới đầu, loạn đới đầu". Các chấp quyền trục nhân xuất hiệu linh. Oai phước tự do, sống chết ở miệng. Người trung lương thì bị hại chết, kẻ công thần thị chịu chết vô tội. Vâng sắc đều đồng, phân đầu đều đuổi. Đều xưng là đế vương, mọi người cho là tôn cực. Dụng kia dối trá, nghi loạn mọi người. Ra vào vui chơi không quên sớm tối, trừ bỏ kinh ấp không khỏi ngày đêm.

Chúc khoáng, dứt hơi bên đường con không kịp khóc.

Lâm Nguyệt, sinh ở bên đường, mẽ không bồng kịp. Bá tánh kinh sợ như băng quyết giác.

Tuyên Võ Vương ở Trường Sa, có công lớn đối với nước, lễ báo vô báo, khốc hại yểm cập. Còn như em cháu cũng gặp họa kia.

Lại sai Hoàn Thần cùng Đỗ Bá Phù v.v..., sáu bảy lần đến Ung Châu, các quân tướng muốn mưu hại. Mọi người cho là việc không thành.

Sau, đến Lưu Sơn Dương, biết rõ Tráng sĩ Du Hổ khí giáp tinh thuần sắc bén. Vua không phâ biệt, liền muốn bó thân chịu chết. Hung bạo này phát xuất từ quần tiểu, sợ chìm đắm, ba lần không điếu, huống là gian xảo ư? Nếu im lặng sẽ chết, bị thiên hạ cười. Chốc lát từ Sơn

Dương đến Kinh Châu, bị Túc Dĩnh cầm giữ. Liền sai Mã Dịch truyền đạo đến Ung Châu, chính là Đại hiệu Hách Nhiên. Lập cờ Nha Thọ, bốn phương đồng lòng, như vang ứng tiếng.

Đời Tề, tháng giêng niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ hai, phát xuất từ Tương Dương, nghĩa dũng như mây, kẻ bị mờ mắt. Thái Thú ở Cánh Lăng là Tào Tông. Mã Quân Chủ Ân Xương v.v..., đều cưỡi ngựa đến gần bờ kính hầu. Sóng gió ngược dòng cũng bốn mươi dặm. Đến chỗ thuyền của trẫm bèn dừng, có hai con cá trắng nhảy vào trước khoang. Nghĩa đồng mạnh tân, sự hợp thầm ứng. Mây động trời đi, sấm nổi gió bay. Dĩnh thành khắc định, Giang châu quy phục. Cô thực giáp vị, vọng phong thối tán. Cư sĩ Tân Đình lý cúi đầu quy hàng. Tàn bạo đã trừ, chúng sinh yên ổn. Liền muốn quy chí về vườn rừng, nhậm tình cỏ đầm. Dưới bức bách tâm dân, trên sợ lệnh vua. Việc không được rồi, bèn giữ báu lớn. Như đến vực sâu, như đi trên băng mỏng. Còn muốn tránh vị, để đợi người có tài năng. Nếu kia nhún nhường thì lại như cá vỡ đê. Không thân chết danh nhục cũng lụy u hiển. Bèn làm lời phú rằng:

"Ngày đêm thường suy nghĩ
Tuần hoàn cũng cùng tận
Muội đáng can can, bóng chiều như xưa
Cố đòi xe sáu ngựa, huống chi ở đây chẳng ví dụ được".

Người đời luận rằng: So sánh trẫm với vua Thang, vua Võ. Nhưng trẫm không được sánh với vua Thang, vua Võ. Vua Thang vua Võ cũng không được so sánh với trẫm. Nhưng nghĩa quân thần của vua Thang vua Võ chưa dứt mà có việc Nam Sao Bạch Kỳ. Nghĩa quân thần của trầm đã dứt, nhưng sau tải định, tàn bạo vì thiên hạ trừ loạn. Do hai con đường này nên không được so sánh nhau. Lúc trẫm còn áo vải, tuy biết lễ nghĩa mà không biết tin hướng, giết hại chúng sinh để tiếp đãi khách. Tùy vật ăn thịt không biết mùi vị rau chay. Cho đến phương Nam, thiên hạ giàu có. Thức ăn ngon từ phương xa cống hiến liên tục. Thức ăn khác lạ trong biển đâu không biết đến. Trăm vị đầy thớt ở trước phương trượng. Đang ăn dừng đũa, trước bàn rơi lệ. Hiện không được khi ấm áp lúc mát mẻ, sáng tối cúng dường. Tâm nào riêng cam chịu món ăn này. Do ăn rau chay đạm bạc như vậy, không ăn thịt cá. Tuy từ hạnh bên trong, không để cho bên ngoài biết, còn lễ tiệc quần thần, cũng có ít đãi món ăn sang. Ăn rau chay đạm bạc chưa quen, thân thể yếu đuối, trong triều đầy dẫy bắt đầu có người biết. Tạ Thuyết Khổng Nhan Dĩnh... thường khuyên bỏ ăn chay, nhưng vẫn trung chí. Chưa rõ được tâm trẫm. Trẫm lại tự nghĩ: Có thiên hạ vốn chẳng phải túc chí.

Đỗ Thứ có nói: Mổ tim quăng xuống đất vài miếng thịt mà thôi, nương theo người minh đạt, quân tử thanh cao bổn tâm kia. Ai biết ta không tham thiên hạ, chỉ thực hành điều người không thể thực hành. Khiến cho thiên hạ có người biết tâm ta. Lại dứt phòng thất, không ở chung phòng với nữ hầu hơn bốn mươi năm. Bấy giờ, thân bốn đại chút lỗi nhỏ, hỏi Sư Thượng Tỉnh là Lưu Trừng Chi Diêu Bồ-đề tật hầu. Do đó, Lưu Trừng Chi nói rằng: Trừng Chi biết do lỗi ăn uống này mà ra. Bèn đáp Lưu Trừng Chi rằng: "Ta lúc còn áo vải tha hồ ăn những món ngon sang"..

Lưu Trừng Chi nói: "Ngày xưa ăn sao được đến ngày nay".

Diêu Bồ-đề mỉm cười, lắc đầu nói: Chỉ có Bồ-đề biết. Vì việc phòng thất quá nhiều, do đó mới xảy ra như vậy.

Lúc đó, đã lâu không ăn thịt cá, cũng dứt việc phòng thất. Do trí kia không êm dịu, thuật không biển hoa. Im lặng không nói, không gạn hỏi nữa, vẫn còn muốn trị. Lưu Trừng Chi xử rượu, Diêu Bồ-đề xử hoàn, uống đó bịnh càng nặng thêm. Do kia không hề biết, nên không uống thuốc, cũng bốn mươi năm như vậy. Xưa không tinh tấn, đã không ăn thịt chúng sinh, lại chẳng giết hại. Chướng đã không đến bên trong, lại không muốn ác chướng. Dứt lại hai chướng này, ý thức từ từ sáng. Nội kinh, ngoại điển đọc liền giải ngộ. Từ đây về sau mới bắt đầu biết quy hướng.

Kinh Lễ nói: "Nhân sinh mà tịnh Thiên tánh. Cảm vật mà động tánh ham muốn". Có động thì tâm cấu có tĩnh thì tâm thanh tịnh. Động bên ngoài hết thì tâm bên trong sẽ sáng. Bắt đầu giác ngộ, hoạn lụy không do đâu mà sinh. Bèn làm bài phú Tịnh Nghiệp rằng:

"Quán Thiên tánh của nhân sinh
Do diệu khí mà thanh tịnh
Cảm vật bên ngoài nên ham muốn
Tâm phan duyên mà thành lỗi lầm
Lỗi thường phát ở trần ngoài
Khổ lụy thường do tiền cảnh
Như hang trống thì tiếng vang
Giống như hình đi thì có bóng
Ôm tâm tham không thỏa mãn
Ý buông lung tự rong ruổi
Mắt theo sắc mà thay đổi
Cũng theo tướng mạo mà dời chuyển
Nhìn xem trời đất năm màu

Ngắm nhìn bảy báu rực rỡ
Chấp trước hoa lệ yểu điệu
Đam mê trị dung quanh co
Khi ngủ thức đều không bỏ
Ngày đêm cũng quên mỏi mệt
Như anh tài bị phát giác
Như tuấn mã bị kiềm chế
Như ban ngày sáng rực rỡ
Trải qua năm tháng không bị thiếu
Quán nhĩ thức ưa âm thanh
Cũng như chim bay về rừng
Đã quyến luyến nơi đàn sáo
Cũng ràng buộc năm âm thanh
Trải qua tối sáng không dứt được
Trải qua bốn mùa mà tìm nhau
Hoặc loạn tình mà hoặc lự
Cũng dối tai mà che tâm
Còn như mùi hương bốc lên
Chạm mũi phát thức dễ chịu
Đuổi theo mịt mờ khôn cùng
Lan, giáp bay như chim hai cánh
Như khát uống độc, như lạnh mặc gai
Lưỡi hưởng mùi vị các trần không có
Đắng, mặn, chua đâu không cam chịu
Ăn thịt chúng sinh, đến loài bay chạy
Ban ngày chưa đủ, đêm dài uống rượu
Làm loạn minh hành, vong nghĩ lỗi
Thân thể thọ xúc cho là vui
Mắt đẹp thanh dương, Nga Mi tươi cười
Eo nhỏ tay yếu xương suy da dày
Phương khiết bên thân, chạm mềm như mỡ
Tâm cuồng mê hoặc, đảo tưởng tự dối
Còn như ý thức phan duyên
Loạn niệm vô biên, hao mòn nghĩ lành
Đều khởi niệm ác
Sáu trần như thế chướng ngại đường lành
Phương tử đoạt chu như gió thổi cỏ
Ôm hoặc mà sống, cùng đó đến già

Tùy theo vô minh, đâu không phiền não
Luân hồi nhà cửa, chìm đắm biển khổ
Đêm dài có chấp, không thể thay đổi
Gian khổ theo nhau, tai họa xen khởi
Trong ôm tà kiến, ngoài theo dâm tế
Bài hư uổng mạng, thật chết ngang trái
Vọng sinh thần giúp để vời phước lành
Bánh trước gãy trục, xe sau che vết
Ương nước họa nhà mất thân tuyệt tự
Không tụng nội kinh, trách lại tự mình
Hoàng thiên không thân, ai cùng người lành
Ngoài sáng mắt cảnh, trong tịnh tâm trần
Không nhiễm không chấp không thích không sân
Như ngọc thấm nhuần, như trúc già chắc
Như hoa Phù dung ở dưới ao
Như hoa lan thơm vào mùa xuân
Bùn dơ không thể nhiễm thân kia
Mê mờ không thể che chân kia
Sương móc đọng nhưng ngọc châu chảy
Gió thì động mà sinh cỏ thơm
Vì lành nhiều hằng năm chứa nhóm
Hành động nên ngày càng mới
Thường theo với các đức
Thường gần gũi với đạo
Thấy tịnh nghiệp ưa thích quả
Do không sát sinh dùng làm nhân
Lìa sự ham muốn ác mà tự tu
Nên không bị chướng ngại tinh thần
Hoạn lụy đã dứt, chướng ngại cũng tịnh
Như nước lóng trong, như gương mới lau
Ngoài soi nhiều tượng, trong thấy các bệnh
Đã dứt khách trần, trở về tự tánh
Ba đường lìa xa, tám muôn diệt hẳn
Thượng thiện đã tu, làm lành không thiếu
Thanh tịnh một đạo, không có đường khác
Chỉ có triết nhân mới được khoác áo
Như đá ném xuống nước đâu nghịch tâm
Tâm mát mẻ giống như nước

Chí sáng sạch dường như mây
Nơi ràng buộc kia đã trừ
Tâm lo sợ kia cũng diệt
Thường trái với sự mến nhớ
Xem sinh tử thường khác
Xem ngày nay ít ỏi
Tưởng đời sau anh đồng
Ôm kinh ngọc mà chưa phanh
Chứa thần khí ở nơi thân
Tu Thánh hạnh kia không cùng
Nhiều kiếp khen ngợi tiếng tốt kia
Muôn đời truyền bá nơi gió mát
Đâu phục mạnh mà gọi dũng sĩ
Bèn nói thắng mà cho là anh hùng.

BÀI PHÚ HIẾU TƯ CỦA LƯƠNG CAO TỔ

Tưởng duyên theo tình mà sinh, tình duyên theo tưởng mà khởi, vật loại cảm nhau nên kia như vậy. Thường đọc truyện Hiếu Tử, chưa từng bất chung trục chuyết thư bi hận phủ tâm minh yết. Tuổi còn thơ ấu, trong không chỗ nương.

Tuổi quá hai mươi, ngoài mất chỗ nhờ, hạn chức kinh man, lỗi lầm sáng tối, giang đồ liêu hạ, nhà vô chỉ tín, phảng phất đường đi. Tiên quân thân không được an, ngày thì bỏ ăn, đêm thì bỏ ngủ. Tấc lòng phiền loạn, không chỗ dung thân. Liền bỏ chức để hướng dẫn trở về. Lúc đó, Tề Tùy Quận Vương Tử Long trấn giữ Thiểm Tây, tầng phiền tín mạng, khiến dừng lại một ngày, sáng sớm ngày mai đến sông Giang tiễn biệt. Tâm lo bức thiết không được thừa mạng. Chỉ được ghe nhỏ, hướng theo ngôi sao tìm đường. Đêm xông pha sóng gió, không chút bình yên. Dừng nghỉ ở Định Lăng thì thuyền bị hư. Lúc đó, Môn Tân Chu Trung Liên vì Thước Đầu Nhung Chủ, mượn được một chiếc thuyền mành, bôn ba đi tiếp. Thường xảy ra nguy hiểm, chỉ có thể mà được cứu giúp. Cho đến dừng nghĩ không đến kịp. Năm tạng rã rời, tim gan tan nát, liền muốn gieo mình dưới núi, gởi chí ở mồ. Huynh trưởng thương xót chưa cho đi một mình. Kế ở cửa Bắc có khấu biên giảo quyệt. Triều đình cho Tiên quân đến ái kết dân. Đều suy nghĩ khi xưa, bộ điển còn có mấy ngàn. Tướng lãnh Võ Khánh Tông ở lại phòng giữ. Kia khi trấn giữ liền có ý chỉ. Khiến Thọ Xuân Vương sự ma giám từ chẳng khỏi được. Thích Sử Thôi Tuệ Cảnh, có tâm muốn lật đổ, từ xa kêu gọi lẩn

trốn, chứa nhiều kẻ gian xảo. Đại loạn hung ác đâu không nhóm họp, còn như Bành Bồn, Hàng Nguyên Tông v.v... nhiều không thể tính kể Bội Đạo Điện Mại vội đến sông Hoài sông Phù bọn hung đồ ngờ vực dẫn nhau ly tán. Đài Quân Chủ, Từ Huyền Khánh, Phòng Bá Ngọc v.v... muốn đánh chiếm Tuệ Cảnh, bèn cấm, mới được dừng nghỉ.

Năm đó, Tề Minh soạn Luận Tương Nghi chưa quyết định, thầm dâng biểu sớ khuyên răn Tuệ cảnh. Phán đoán mà kêu gọi quyết không chống cự. Liền trở về lại để an tâm kia, gian ác đã ra, biên giới không lo sợ. Trong một tháng Tuệ Cảnh trở về Trần, liền cởi áo giáo để về Kinh đô. Do vậy vội đi không được dừng nghỉ. Số chung bá lục, thời Hội Vân Lôi phát loạn phản chánh, trừng trị bốn biển. Nhớ nghĩ Tử Lộ gặp Khổng Tử nói rằng: Vì khi kính thờ cha mẹ, thường ăn rau lê rau hoắc, vì cha mẹ mà đội gạo hơn trăm dặm. Sau khi cha mẹ mất rồi, dạo đến nước Sở, một trăm chiếc xe theo, chở lúa muôn giạ. Lót niệm mà ngồi, dọn trên đảnh mà ăn.

Nguyện ăn rau lê rau hoắc, vì cha mẹ mà gánh gạo. Không thể được, thường cảm động vì lời nói. Tuy còn hoặc mất, ơn cha mẹ làm sao báo đáp cho được. Lòng từ như sông biển, chữ hiếu như hạt bụi. Ngày nay làm chủ thiên hạ mà không cúng dường, thí như mất mùa mà có bảy thứ báu. Đói không được ăn, lạnh không được mặc. Thường mến mộ danh tiếng, sao hiểu bi thương, bèn ở dưới Chung Sơn lập chùa Đại Ái Kính; lập chùa Đại Trí Độ ở bên Thanh Khê, để nói lên tình lớn như trời đất. Rõ được tâm nhớ tưởng việc lâu xa, không thể quên tình thương cao rộng của cha mẹ, lại xây điện chí kính trong cung. Chọn thợ rất khéo và những điểm kỳ tuyệt trong thế gian. Nước đá chảy quanh, cây thơm xen suối. Chỉ dành cho quốc sự không được sớm tối đãi ăn. Chỉ đến ngày mộng một và rằm đính thân dâng cúng. Tuy dâng cúng châu báu mà không được chiêm ngưỡng. Trong tim hồi họp như lửa như đuốc. Tình tha thiết bên trong, sự nêu bày ở lời nói, bèn làm bài phú Hiếu Tư rằng:

"Cảm biến đổi của bốn khí
Thấy hóa thành của muôn vật
Thọ hòa của trời mà khác mạng
Bẩm đức của đất mà đồng vinh
Xem tiêu minh ở Văn Mi
Nhìn Côn Bằng nơi biển Bắc
Cùng hàm thức mà dị kiến
Đồng hữu sắc mà khác hình

Tuy có muôn loài chúng sinh
Riêng con người linh thiêng nhất
Lễ nghĩa khác loài bay chạy
Ngôn ngữ khác anh tinh
Niệm quá khích chi du hốt
Thương qua sông mà không dừng
Đạp sương móc mà thương xót
Ôm bó đuốc mà nước mắt rơi
Giữ tình thương đây mà không bỏ
Cũng qua ngày mà không suy nghĩ
Trọng do nhớ cá khô mà thường kính mến
Khưu nói cảm gió cây mà thường thương xót
Tuy có một mà xả sinh
Nuôi cha mẹ mà đợi gì
Suy nghĩ do tình sinh
Tình do suy nghĩ khởi
Theo nguồn tình để giữ thọ
Dẫn tâm suy nghĩ mà không thôi
Đã ôm nổi lo đến trọn đời
Diệc hàm tuất nhi một xỉ
Thường ở yên để suy nghĩ
Xúc phủ ưng nhi tự thương
Không lên núi Hổ mà nhìn gì
Không lên núi Dĩ kia trông gì
Nước mắt ngang dọc chảy thành dòng
Máu lai láng thấm đầy áo
Xem nghĩa đất để tự hổ thẹn
Sợ diệt tánh trái phương
Nhìn thái cực để lo âu
Bèn bảo ai nơi trời xanh
Nhờ trời cao có cảm
Sao bái thí chi mang mang
Sáng trăm mảnh nơi Ngụy Quyết
Tôi muôn đoạn nơi Trung Tràng
Tâm và tâm mà nối nhau
Nghĩ và nghĩ mà chưa ương
Sáng ngồi một mình mà bận bịu
Tối ở một mình mà gấp rút

Hơi nghẽn kia dường như bị nghẹn
Nghĩ chứa trong tâm như là cuồng
Còn như Hiến tuế phát huy, ngày xuân tải dương
Cây rải trăm hoa, cỏ tỏa mùi thơm
Đối khi vui mà không vui
Bèn chạm mắt mà cảm thương
Chu minh khải tiết, ban ngày châu lâm
Mộc để quả ngọt, thọ tiếp âm thanh
Không rộng lớn mà ràng buộc tâm
Cỏ kiêm cỏ gia xanh xanh, móc trắng vì sương
Hơi lạnh vào áo, gió lạnh thấm xiêm
Tâm không áp bức mà tự tha thiết
Tình không xúc chạm mà tự thương xót
Như nước lạnh đã kết, cây mùa lạnh đã gãy
Rừng bay lá vàng, núi chứa tuyết trắng
Nhạn xa kêu mà thương xót
Gió bấc thổi mà da diết
Mặt chạm việc mà tan nát
Tâm tùy cảm mà đoạn tuyệt
Vô nhất tức nhi hoãn niệm
Cũng bốn mùa mà tha thiết
Năm đi qua không trở lại
Ngày vội qua như sấm chớp
Tưởng hình dáng nhân từ ngày xưa
Thương không thể gặp lại
Đau cho không báo đáp công nuôi dưỡng sinh thành
Muốn báo đáp lại không có chút gì
Thương và ân hận kia cùng khởi
Nước mắt và máu kia như thuyết
Yến mùa xuân mà ở dưới ao
Hồng mùa thu mà bao cao
Đến đi còn đợi thời tiết
Bay, kêu ứng ở âm dương
Sao ở ta, không như vậy
Mà trái ngược với hai khí
Thường ràng buộc khổ mà luân hồi
Trải qua ngày đêm mà chẳng quên
Đã thấy đỏ mà thành xanh

Cũng thấy trắng mà cho là vàng
Nhiễu tánh tình mà lật đổ
Chìm thần lự mà mê lầm
Tưởng Hạc kêu mà hồn dứt
Nghe chim côi hát mà tâm chết
Thương cả trời mà không chỗ nương
Kêu cả đời mà không chỗ dựa
Xem hưu đồ mà nhật thiền
Giáo nghĩa nào có thể sánh bằng
Thấy Cam Tuyền vẽ tượng
Thường bái lạy mà rơi lệ
Bỗng tâm động không an
Vội vào hầu ở thất vua
Gặp Hà-la làm nạn
Bèn xem xét các đầu sắt
Siêu tên gọi vua quan
Thủ quan thành dũng nhi vô thất sĩ
Thực hành có nhiều phương
Thấy thạch tha có quyền
Thây tuy chết mà nổi tiếng
Chính là trung hiếu đều đủ
Nên đinh lan là người nào
Vua hoang trong sông nhà
Khi vũ tượng mới đến
Bắt đầu thành đồng thì cha mẹ mất
Khắc tượng mẹ bằng gỗ để cúng thờ
Sớm tối thường kề bên
Lưu Trấn đến dưỡng mà không rảnh
Thường viễn cấp nhưng sức ít
Khổ tiết cảm ở u linh
Suối nước ngọt sinh ở dưới hang
Nhìn Trường Sa ở Lâm Tương
Hữu cổ sơ chi đạo thỉ
Khi cha chết mà chưa an táng
Gặp quan giặc lửa nổi dậy
Bèn phục quan mà gọi dài
Mưa lớn đến thì lửa tắt
Lại Hà Kha cũng như vậy

Độc cữu ốc mà toàn chỉ
Đến như Vương Tường, Huỳnh Tước vào trướng
Quỷ thông hoành thạch đặc khởi
Thạnh Ngạn mở mắt mẹ
Hình Cừ sinh răng cha
Xem việc như thế có rất nhiều
Cũng khó được mà đầy đủ
Linh xà ngậm châu để báo đức
Chim từ mớm mồi để đền ân
Loài trùng rắn kia còn như vậy
Huống lịnh nhân có ba tài
Trị bổn quy ở ba đại
Sinh dân tột nơi năm hiếu
Khắp trời đất mà đức này
Cùng bốn biển mà không nhiễu
Bước trên đường này mà không đi
Ôi đạo Khổng kia dạy gì.

BÀI PHÚ ĐẾN CHÙA THẤT SƠN

Núi sông này rộng lớn, trời cao đất yên tĩnh, đường nhàn rộng mà đẹp đẽ, đất u tĩnh mà đĩnh đặc, cùng tận nêu tuyệt Chiết Tả, thắng cảnh ở trong hang, bài tựa của Thừa Hưng mà nghiêng nghiêng. Khanh bàng hoàng mà hớn hở, cùng tận sự tao nhã của đăng lâm, vui tạm dừng sự ồn náo, đều là sự đẹp lạ của phương Đông nam, đồng thời là quả cầu ngọc của Vũ huyệt. Ao nhóm bạn mà chứa người dẫn theo. Trong ngõ hẻm không ngồi ngựa, đường ít sót dấu, cùng tận chu chương mà lịch lãm, tận Ngô ngoạn mà ngao du, trải qua tâu lên vua, duyên vượt ao ở đường xưa, nhìn đường núi mà nhiễu theo, trải qua Nam hồ mà trở lại, liên tiếp với Hoa Lãnh của Thiên thai, dẫn đến sự chú thích dài của Nhã-da, vừa đầy cạn mà ngắm nhìn, hoặc lăng phong mà liếc qua, bấy giờ, rừng lịch lạc mà đi lên phía Nam, thăng Pháp hoa mà nhìn về Tây. Có nỗi lo mênh mang, lại khe dài lớp lớp, đã trong sạch như gương, lại thấy đáy mà không có bùn, đường núi nguy hiểm mà núi dứt, đường bước lên như bậc thang, đã vịn sắn bìm mà kéo dây leo, cũng giúp bạn mà nâng lên, cùng tận chỗ cong của ruột dê, tận cực chỗ cao thấp của núi ngựa. Sương mênh mang mà mờ tối, gió hiu hiu mà se lạnh. Nhìn sông lớn mà như mang. Nhìn biển như ngọc khuê, cầm lụa ngọc ở đất này. Nhóm các quan mà cúi đầu. Tưởng dòng sông cành là sum suê,

nhớ đại cốt mà mê tối, truyền sự đẹp đẽ đến núi này, gọi là Nhạc Nga đứng sừng sững, hang cao mà tối trong hư không, rừng xuân nêu đều là ngọc bích, ao thu sạch như hư không, đã liên tục nối nhau mà ẩn kín sự quý giá vô cùng. Tin sự tài giỏi vẫn dừng, thật nhóm họp chỗ tôn sùng. Cỏ mọc ở trước sau, cỏ tốt mọc thẳng hàng Tây đông, ngắm màu cửa đỏ rực rỡ, nhìn điện báu lung linh, nghĩ đến tinh xá ở đại lâm bằng với giảng đường Trùng các, đã sáng tỏ Thiền-na mà còn hiển bày sự rộng thoáng của phòng đẹp. Dòng trong nhiễu bốn bên, nước chảy vẫn dài, chày nước trong hang vàng, lầu bay dường như kiến chương. Đồ chúng vừa đi vừa ở, hoặc thần hoặc thánh, đều có chí tu đầu-đà, tâm đều siêng năng đối với khổ hạnh, tranh nhau nhờ ngủ mà tụng tập, đều hưng khởi tâm cung kính, biết dòng chảy mau khổ không, tiếc thời gian tranh qua, ẩn cỏ nhàn mà tu chánh, hoặc nhiễu thêm làm công đức, hoặc nguội thân mà nhập định, khí trời khí đất huân xông danh hương, đều bay đi mà ánh chiếu nhau, hoặc phất bụi lên mà nói lớn, hoặc ở không mà ngồi nghe. Thiền chúng nghi là cây sơn. Bậc trí sĩ đồng với gương treo. Đã hưng khởi Thích giáo, đó là tuyên thạnh pháp luân, chùa đã nương núi mà cấu tạo, núi cũng do chùa mà có bảy. Bởi mây lành kéo đến, cũng là chỗ xuất xứ của bậc kỳ sĩ, sinh ra dòng khe sót của kiếm rồng, đến thuật khác cẩu cơ nai, cảm ơn phượng đến mà dung cho. Gió trái mà tiêu sắt, đã lặng lẽ lại trong vắt, cũng tràn đầy mà chảy suốt. Nhiều cây mọc mà thành rừng, quả quý tươi tốt chẳng phải một, trồng song lựu ở núi biển, gieo hai cây quýt ở Đan lô, hoa mai giao nhau dường như sương, cam vàng ánh lên như mặt trời, hoặc phơi phới nở vào mùa hạ, sum suê vào mùa Đông. Thấy huyền bạch mà đều vui, khắc đá ghi ân đức. Dốc núi cao trăm nhận, bóng ngả ngàn tầm. Ngọn cây cao chót vót, dòng suối trong suốt vào sâu, kính nhìn thêm lòng trắc ẩn, ngó ngang thấy mịt mờ, xa xa không bờ mé, mịt mịt chẳng tận cùng, núi xa cao dốc chợt nhô ra, cây gần cao ngất mà liền nhau, cây sắp ngã mà chưa rơi, núi cao Hán mà vẫn treo, nhìn ve ngân qua ngày tháng, thấy lưu luyến mà liền trời, có dáng lạ của buồm đá, nghĩ suối tuôn như vải trải, thật gặp dốc núi mà nhóm sương, là chạm đá mà thành khói. Đã xa khống ở sông biển, lại gần tiếp ở ruộng hoang, gọi là thần châu trấn lãnh. Thật là dòng sông nổi tiếng trong nước, đến bỗng lai dạo các thánh tích, ngồi trục biểu của thần tiên. Hoàng Dương nghe hạ cống, Tung nhạc trọng Chu thiên. Đâu từng sánh với cái đẹp đồng nghiêng, lại có nêu giếng thần kỳ lạ, muôn năm trong suốt, múc mại chẳng cạn, thêm hoài chẳng đầy, dù thường khuấy cũng chẳng đục, dẫu xao động vẫn thường trong,

vào mùa đông nước vẫn ấm, vào mùa nóng nước vẫn mát, khác với các giếng ở thành đô. Cũng có đạo sĩ Cô Đàm, phu nhân Tiêu Lý, một mình vui đạo, lặng dứt bạn bè, rảnh rang suốt ngày, tĩnh tọa ngàn năm, in dấu vô hành, đường sinh cỏ thơm, đã siêng nhọc mà hướng đạo, cũng tiêu sái mà quên thế gian hoặc tiêu dao phúng vịnh, hoặc bó gối mà ngâm dài, đều do sám hối huân sinh, học lời răn của Lương Tử. Thông cao mà cùng bạn, nghiêm vệ mà thân nhau. Rừng bụi càng dày đặc, vũ tộc tranh nhau về, vượn liền tay mà xuống uống, chim liền cánh mà bay từng bầy. Chim hạc nhóm họp ánh chiếu nhau. Voi cao mấy nhận, rắn dữ mười vi, nai dễ nương nhau, vịt thỏ đều nương. Đồng với nhà tiên của Bành Kiên, khác với tri cơ của chim biển, rừng cỏ thuốc mọc, đất sinh trưởng nhiều người già. Tợ như khe hang ở Nam sơn, báu chôn dưới giếng. Lại có gối trâu, ruột gà, đầu chim, cỏ yến, cúc ngọt, đã cay đắng, tham chua táo tím, vườn đỏ tên vàng, tinh bạch thiên môn xương đất, chi thịt não đá. Thần nông là từng, kinh tiên là tạo. Thỏ trắng uống mà thông linh, da nai làm mồi mà đắc đạo. Quả thì có mộc qua, táo, đào, mơ. Quýt đỏ mùa Đông sum suê vàng hực, mùa thu nở. Cam mọc thành rừng, thòng xuống đụng cỏ mà bồi hồi. Nửa hạ thành vườn, xuân mọc thành rừng, giữa thì nghiêm sương mà không đổ, đã thành ngô đồng phấp phới, cũng biến thành trúc cao, hình loại lộn xộn, gân cốt khác với phẩm tộc, ánh lên mái nhà mà giao nhau, nhiễu quanh phòng nhà. Lá rụng bên suối trong kết gốc ở hang sâu, linh mộc tự mọc, chim mang điềm lành đến đậu nghỉ, thật là trụ địa tán thưởng, tín khai tâm mà tỉnh ngủ. Còn vào tháng chín thu mát, trăm cỏ mơn mởn khí lạnh cắt da, gió hiu hiu thường sinh buồn man mác, ve kêu ở phía Nam, bặt tiếng chim ở sân Bắc. Con dế tỉ tê kêu nghe xa, trời lạnh ban đêm nghe tiếng vang, gà rừng hót tiếng thanh vắng, thêm nỗi buồn mênh mang, xao động tâm tình của du sĩ, đều có chí sống một mình, gá tâm ở giải mũ, tin hội lành của người thông đạt, có thể trình bày du thuộc, hiếu trước đến mà thành chân. Vui mừng với kinh mà lìa dục, nhân sóng biển mà rửa chân. Bởi bậc Hiền xưa cũng đồng, cũng trước là cao học của Nho. Tôi trước kia tâm mong, thường ôm ấp xa xôi, hay bồi hồi vô cớ, liên tiếp những ngọn núi nổi tiếng, nghĩ ơn lớn của nước nhà, luyến dấu chân bước đi một mình, muốn ra khỏi mà chưa được, ca gởi cái đẹp ở đây.

LỜI PHÚ "CHÙA TÚC SƠN" (Vương Tích đời Lương)

Chỉ xa trật tứ, gần tối mới đến. Nhập giới đạo mà sáng tỏ. Dừng ở lại Kỳ Thọ. Chỉ cho nền tảng nơi chốn, thật hiển địch mà ở cao. Kéo

dài mái hiên xa xôi, riêng rộng lớn mà tần ngần, lầm tú nhi mà trở mưa. Liệt thị quế mà nương góc. Như vậy, bèn trèo lên núi cao, bước cao nơi tuyệt đỉnh. Ở giữa trời mà thăng giáng cũng nương mây mà dạo đi. Hiên mát mẻ mà rộng lớn. Thềm nghiêm túc mà thanh tịnh. Chung lảng hoa thì tiếng vi diệu. Đèn sáng chói thì bóng trong sạch. Phòng kia đã mở mà cửa thì chưa. Phù trụ núi thông. Dẫn trăng lấng trong bao gồm ánh sáng. Nạp gió nhẹ từ xa. Nhân minh mục cực. Nương hồi vọng thông. Bình sơn không bờ mé. Liên sơn hề không cùng. Biết sinh khói ở trục. Nhìn hàng cây trên núi cao. Thọ lăng ách mà màu đẹp. Khói bay xa nổi trên hư không. Tình vượt xa nơi hoang vắng. Tâm phóng khoáng nơi rèm lung. Đêm dằng dặc mà đợi lúc nào. Sương dày đặc mà lần lần rơi. Quen lửa đom đóm một lá, nghe Hạc kêu chín dã. Quán truyền tạ phương đổ, vào hang mang hoa lan, tĩnh huýt sớ phiền tưởng, riêng đến tự du bàn, tin một nhánh dễ dừng, muôn vật đâu có liên quan. Nơi màng mỏng mà ngủ yên, nằm gối cao mà sao khuya.

BÀI PHÚ LỘC UYỂN

Khởi trùng cơ ở Sóc Sĩ. Buộc hiên viên ở Hồng Duệ. Vua Võ nương trời để làm chữ. Vua Hy đại minh để trị đời. Rưới linh dịch để trôi chảy. Quạt nhân phong để xa giúp. Nối gót cơ văn mà lập Lộc uyển. Bọc sơn trạch để khai chế. Trồng các vật để đầy vụ. Trừ thuế cho bốn dân. Kịp kế thống của ngã hoàng, rộng sáng suốt Thiên tung. Tìm tích xưa của Lộc dã. Khởi nghĩa cao của ba chuyển. Giúp u tông đã thường hằng. Rộng ngàn năm mà có truyền đạt. Đối với đây bảo thợ chọn công. Làm Tây lãnh đây. Chú thành đoan tư. Kính mến thần hình. Được phảng phất chân dung. Chiếu thân vàng sáng rực, tức linh nhai để cấu vũ. Vượt trăm tầm mà thẳng lên.

Hoàn phi lương ở phù trụ, này hoa sen nơi giếng đẹp, vẽ thì dùng muôn hình, nối thì dùng nước trong. Như đối diện Kỳ Hoàn. Ai đồ huỳnh đạo tràng. Than chỗ lập thần lực, vượt mãi mãi mà tú xuất. Thật khen ngợi linh kỳ, cho nên giữ gìn điềm tốt đẹp. Đục hàng tiên để ngồi thiền. Mở giai cấp để thông thuật, lóng thanh khí ở hiên cao. Cỏ thơm nơi nhà vua, hoa cỏ tốt ở tòa phân. Suối ngọt vọt đầy tràn. Cầu cung Rồng giáng mưa, đều cao dịch nơi tinh tất. Chính là luân lý nghiên đạo, hành nghiệp đơn giản. Mến đức nghĩ phong, trượng sách lại tiễn. Giữ giới cấm ứng chân. Mùi vị sâu xa của ba tạng. Hoặc đi bộ trong rừng để kinh hành. Hoặc ngồi yên tĩnh, hội các điều thiện để tiến đến. Trừ năm nạn mà đều còn. Đạo muốn ẩn mà càng bày. Danh muốn bỏ mà càng hiển. Y

chỗ thực hành của hoàng dư. Thường rủ tâm nơi vườn hoa. Vui nhàn rỗi ở đây. Lìa cung để kiến lập. Nhờ cao ráo để tôn sùng. Làm đất cao bằng phẳng. Thản nhiên sự mong mỏi của nhân trí. Nhìn núi sông để vui mắt. Dạo rừng núi để tư duy. Dứt chim chó chạy theo. Nhìn kỳ lão để đức rộng, nuôi chúng sinh để tạo phước. Tuệ ái bên trong hàng phục, tiếng vàng phát bên ngoài. Công cứu giúp khắp trời. Điều lành không tự khoe. Còn hỏi bậc hiền về đạo. Hỏi người cắt cỏ để bổ khuyết. Hết sức cung kính ở linh tự. Tôn hối vọng mà đến yết kiến. Vâng giới thanh tịnh để hết ngày. Gồm sáu thời để qua tháng sao hết sức tinh thành như vậy. Bởi có thể vượt qua chín kiếp, bàn việc xưa của Thánh vương. Há theo việc thường để nói giáo. Nhìn mày lụa bay lên, muốn dẫm cao đảnh sinh. Nghĩ lìa trần để hơn tục. Đến chỗ sâu kín của huyền môn. Thiền sẵn trong cung để chánh vị. Thọ tôn hiệu của Thái thượng. Đã tồn vong mà ngự có. Cũng chấp tịnh để đè ép nóng nảy. Xem thiên quy ngày nay, tìm lời di chúc của bậc tiên triết, gặp ân nặng của hai càn. Xét tinh chiếu của minh lìa. Dưới cứu giúp triệu dân, trên chế phục bảy miếu. Một vạn nước để theo phong tục, gồm tất cả chúng sinh để dẫn dắt. Chánh phía Nam để vô vi. Mãi đặt tâm ở chỗ nhiệm. Phàm đạo hóa khó hẹn, may mắn được gặp gỡ. Gặp phù tạng (hai cây dâu sinh đôi) mới mọc. Gặp đêm dài mới thấy. Nhìn tuổi già yếu mà động lòng thương. Chỉ đôi lời thêm để răn bảo, xin bày tâm để tỏ lòng thành, lời nói quê mùa để tự chép.

BÀI PHÚ ĐẠI THỪA VÀ BÀI TỰA

Đại thừa là gì? Là đạo tràng của Đức Như Lai. Vì thế Duyên giác, Thanh văn gọi là Tiểu thừa. Nói thông trì của pháp giá như chỗ rất xa của xe thuyền. Bao gồm hưng khởi ở mảy may. Chín tầng làm nơi lụy thổ. Từ cạn đến cao lớn. Lý nhiệm mầu ở nơi chẳng có. Tích thô do nơi chẳng không. Nêu có để hướng về không thì chẳng không để thông. Quên không để gồm có thì có có để thông, chẳng không để tướng thì thừa này là Tiểu thừa. Có có để thông suốt thì thừa này là Đại thừa. Phàm bao gồm phước, đâu còn ở pháp thân. Nếu giảng thuyết tất cả sự hiểu biết đâu quý ở Như Lai. Vì thế thần bẩm linh chiếu để quán phương tiện của ba đạt. Suy nghĩ thâm diệu để vào cửa bốn trì. Biết sắc không mà chẳng hư hoại. Khởi diệt vô bờ, trước sau không giới hạn. Gởi trong vũ trụ mà tâm bao gồm ngoài hai tượng. Mắt xem hột cải nhỏ mà biết soi xét núi Tu-di lớn. Đẹp thay sâu xa! Nguồn kia vốn không lường được, than thở không đủ, bèn làm bài phú: Lập linh giá của đạo tràng.

Chấn lôi âm của trống pháp. Trừ dục nghi của hành cái. Hưởng vi diệu để vui tâm. Đầy giác ý như biển. Nói chỗ sâu mầu của Bát-nhã. Bình thản đàn của tám đạo. Đến Lộc Uyển của tổng trì. Định Tam-muội của thiền tư. Diệt sắc tưởng ở năm ấm. Chấp dẫn cung của Để-la, giữ gìn dụ cầm như ý. Phá các lưới sắp rách. Trừ tham cấu mà dứt dâm dục, như bọt nước lần lần kết, gió rét đáng sợ. Đều minh hành mà khéo thệ, chứa công huân đến ngày nay. Thâu không nghĩa của Tát vân. Vận mười lực mà ma cầm. Mở ánh sáng của chỉ quán. Tiêu trầm ngâm của tà kiến. Đóng bờ tường kiên cố, đều khó tìm ảnh hưởng.

NÚI TIÊN THÀNH, BÀI PHÚ TƯỜNG HUYỀN, THÍCH TUỆ MẠNG

Chỉ có nhất thật rộng lớn, than muôn pháp rắc rối. Chân tục khác mà thể thì đồng. Bậc Thánh hợp với đạo. Nương lời dạy của thầy bạn. Nhờ hương thơm của kinh luận. Hết tiểu chức của trần dung. Thỉnh hưng ngôn ở đại phương, sao các loài máy cưa ở pháp giới mờ mịt. Tánh tột kín mà càng tỏ. Lý chí tịch mà càng bày. Đã chẳng phải không cũng chẳng phải có. Lại như còn mà như mất. Bàn bí mật ở bốn dân. Thương mờ mịt ở Bá Dương, vắng lặng nhất hư mà chí cực. Gồm muôn có để làm cương yếu.

Tuy tức sự mà dễ mê, cũng rất gần mà khó biết, không có chỗ nói lên danh ngôn, tình trí đâu thể lường. Miệng muốn biện mà lời chẳng có tâm sắp duyên mà lự dứt. Vì thế, tuy một chữ có thể dạy khắp. Sức ba chuyển vi diệu. Đâu không dừng tám chánh đạo ở cửa vắng lặng. Thôi bốn món biện tài nơi điềm đạm, tìm đến bờ kia. Rộng thay không bờ mé. Tinh vi thay không cùng tột. Cội nguồn ở vô thỉ cùng tột ở vô chung, dứt hoặc để đều quán suốt đây. Nhiễm tịnh nơi đều dung, gồm không có mà vắng lặng. bao gồm vũ trụ để chung cùng, luận về dụng kia. Một mà có thể nhiều, tịnh mà có thể loạn. Dẫn dắt muôn loại hình khác. Nói quán riêng của quần tình, kết bàn căn của năm trụ. Mở sự ràng buộc của mười triền, tùy mê ngộ mà thông bít. Tùy tối sáng mà tụ tán. Bốn lưu do đó mà phiêu đãng. Sáu đường do đó mà đầy dẫy. Tam hiền Thập Thánh do đó liên miên. Hai trí năm căn... mà chiếu sáng. Đều thăng trầm cùng hang hốc. Phái trái thuận để chia đường rẽ. Thể không phải sai mà không phải đúng. Dụng vô tướng mà vô vi. Nếu thuần là vàng thì không cách nơi vòng xuyến. Cùng chứa nước không kiêng sợ ở sóng lăn tăn. Vì thế, khiến cho dụng huyên lẫn lộn khởi phân trì. Sự như muôn khung xe khác vết. Lý thì ngàn bánh xe đồng

quy chế. Xem vô ngại ở duyên khởi. Tin nan tư ở vật tánh. Như treo châu trên điện báu. Như đài ngọc treo gương, kia đây khác mà nhập nhau. Hồng tím phân mà phản chiếu nhau. Pháp không nhất định ở tâm cảnh. Người không cách ở phàm thánh. Vật không dính mắc bởi tự tha, sự không ngăn ngại bởi tà chánh. Nào có lớn nhỏ khác đường. Bèn xen nhau mà dung trì. Lân hư gồm cõi Đại thiên. Sát-na gồm thời gian ba đời. Sợ lời nói này ít tin, mượn Đế Võng để trừ nghi. Bởi nhắm mắt mà nhìn được. Há hoặc thức để biết. Thăm huyền văn của chín hội. Xét di tất của muôn Thánh. Nhìn Thường Đề ở Đông Thị. Ngưỡng mộ Thiện Tài ở Nam Quốc. Trải qua nhiều thành mà tiến giải. Học hỏi các Thầy mà trị hoặc. Mới thừa mạng với Bồ-tát Văn-thù. Cuối cùng quy về diệu đức của tông. Tuy thân dạo trong pháp giới mà chân chưa động đến kỳ viên. Than một đời dường như bạo ngược. Than năm nhiệt không mờ. Nắm tay vào nhà Hòa Tu. Búng ngón tay mở cửa A-dật. Nghe thường vận của một âm, xem thường còn của cực Thánh. Ba chín từ đây tuyệt nghe. Hai bảy từ đây vong hồn. Đây là cảnh giới sâu xa. Cũng đâu khác mà luận rõ. Thương bẩm thức nhiều mê. Xót chúng sinh ít trí tuệ. Giữ bốn tà một khác, khởi hai chấp đoạn thường. Sợ mộng hổ nơi mắt nhắm. Dạo hoa đốm trên hư không ở mắt đau. Ràng buộc mà chưa mở được. Nhậm phiêu lưu mà không cứu giúp. Trái với bảy giác mà mê mờ. Nhiễm sáu dục mà dính mắc. Sao lý thông mà chí cách. Pháp đã đúng mà tình thì sai. Bỗng linh mà đến riêng. Từ lâu chạy trốn mà quên trở về. Chôn cất kho báu nơi nhà cùng. Buộc minh châu trong áo rách. Ôm giữ nhất chân mà không biết. Loanh quanh trong phiền não để thở than. Than ôi! Tôi sinh ở quý tục, mê hoặc đã ràng buộc mà mạng sống thì hạn cuộc. Nhờ ánh sáng của năm bộ. Nương quyện lục của bốn y. Nhờ nghe giải thích để khai mở sự ngu si. Nương thiền lâm mà trừ bỏ sự ham muốn. Hầu trước tiêu mà dừng tháo. Rắn vào ống tre mà đổi khúc. Vào biển rộng dùng thuyền giới. Hiểu chỗ tối tăm dùng đuốc tuệ. Tuyệt tranh luận ở phong tưởng. Dứt đúng sai ở vọng tình. Lập liễm duyên nơi hữu giác. Chung tịnh lự ở vô sinh. Hiển bày thật tướng chân tông. Thông đạt hư danh của thế dụng. Đạo không mất ở thỉ hành. Tôi không chống đối nơi mới sáng. Nghĩ sáu giặc ở phương hội. Mong có thể bằng mười quân. Lời rằng:

Tối mờ tụ lại tán
Sông tâm đục lại trong
Tánh biển không tăng, giảm
Trăng mọc có khuyết, tròn

Nghi chân thỏ giẫm đến
Sợ lông hồng thấy nhẹ
Núi nương nơi hòm quý
Có thể thành Côn luân.

BÀI PHÚ: HUYỀN PHỐ VIÊN, TIÊU TỬ VÂN

Rằng: Thiên giám chi thập thất. Thuộc phương nghi của Trừ Đức, chỉ có ánh sáng mát mẻ của ngọc bạch. Tin xướng phù ở đâu. Đối với đây, trên chiếu trời, dưới thấm suối. Khí vòng tròn phun khói. Bóng mặt trời mặt trăng sáng lên. Chính là rồng bay của Thánh võ. Tải vi gia ở thiên hạ. Suy nghĩ nương phép tắc nơi cảnh số. Bèn trường phát mà minh xã. Như trọng quang đời Chu. Giống nhị anh đời Hạ. Ngôi sao phía trước mà chiếu ánh sáng. Bá hồng chung ở Dận nhã. Bỏ phước mãi mãi này, đến tức đông triều. Văn vật là kỉ. Thinh minh là chiêu. Khởi huyền chương ở vẽ màu. Mài dây xanh từ màu xanh. Loan nạp na mà rủ tảo, kèn hòa tiếng nhờ ống sáo. Tải tích ánh sáng khiến nghe, khiến trông. Xét tình màn trướng, nhượng xỉ ngu tường. Tánh cùng thiên đạo nói là ngọc khuê. Thi sử dao tập, lễ khác cao tường. Nghĩa hoa lạc thủy, văn lệ thanh chương. Xưa bảy giác nở hoa. Người trời cao mà dài. Đạo Tây giúp hằng ngày. Pháp Đông lưu thì chưa sáng tỏ. Vì thế thọ thần ở văn xướng. Gởi thuyền báu ở minh lưỡng. Khác lời bàn xưa mà đồng ngày nay. Cũng ngàn năm mà ảnh hưởng. Nghe sấm pháp thùng thùng. Thấy mây tuệ bắt đầu sáng. Khuôn phép chân như đã nhậh. Công phát huy đã theo sau. Mở kim ni khai sớ ngọc. Gọt dũa đơn giản. Tìm lá la thọ. Thiên thạch thất linh, nam cung thần tráp. Do đó, một tiếng không thôi, mà đợi quy trọng đoãn điệp giả hỹ. Chỉ chí nhân giảng đạo, quyết trong rừng nùi rộng lớn. Nại viên kia cùng hạnh đàn sâu xa. Tịnh Danh và Tố Vương khuôn mẫu. Thanh du chi hạo dưỡng. Nghĩ lạc hiền chỉ mạnh mẽ. Duệ tình yểu nhiên thị yên cung trướng. Bèn cao đàm ở Lộc uyển. Trương lạc nói con đường cao thượng. Xem phù linh phố yếu diệu. Tổng cấm lâm chi khiếu điều. Bẩm ba tinh của liễu đạo (đường trong cung), giẫm sáu diệu của cung ly. Tả minh tuấn chiêu, phương hoa tác tiểu. Núi kia thì cao ngất, hạ gồm tuyết sương, dưới thì hang hốc lóng trong, cầu vồng thăng giáng. Trên thì trời xanh khí đỏ, ráng mây ứ đọng. Kim hoa làm bích, chúc bạc làm đá. Tảo ngọc cầm bạch đơn hà màu đỏ. Chu dùng ngọc tưới quế tím phong thơm, bao gồm nhánh đào nuôi trùng, cỏ mầu mơn mởn, quả linh rủ xuống, trời lạnh giá giản tử thu hồng, sườn núi mây vờn mà tuôn mưa, cây khô nhánh mà khởi gió, trong đó có bãi

lan ao hoa, càng nhìn mờ tối, đổ núi gác bay, phù hướng về Điếu đài, giương buồm trên thuyền lớn, chim so đẹp với gà vẽ chất cây, khác gấm chương tải còn hơn nhả tơ, ngọc thơm rùa tím, có chim uyên ương, gió thổi ngày càng nghĩ vui chơi trôi nổi, trong thì tiền hành, lăng hoa rải khắp, thêu nhiều lớp tôm hồng, rùa đồng thọ nước mà lội riêng, cá kình đá nhả sóng mà chở hoa, cho nên mượn cảnh tượng vườn vua, đem lông voi ở Tỳ-da trải rộng ở Thanh cung. Hoa đèn sáng rỡ, cây lửa tan mất, ánh chớp sáu thước, rừng chín tia sáng, như sông vàng tuôn cát, các sao sắp hàng động đến cõi trời. Sáng huân ánh sáng mà giới sớm, mây nương tựa mà cuốn trôi, nhẹ bay về vườn Tây, cung Tề vườn Bắc. Trượng nha ngay ngắn, Tăng đồ trang nghiêm. Trống pháp tiếng vang xa, các mùi thơm phưng phức, cũng có trăm thù bay nhảy, xe mây chín tầng, xe bốn nai kéo. Ngô, Cơ, Sở, Diễm, Hồ, Gia, Yên, Trúc thường từ tên mà xướng, ngựa vui tung tăng chạy qua Thiếu Dương. Cây dương hoa rơi tản mác, tiếng vang đến rừng cây thanh phạm. Đăng Vương quy về tặng chiếu. Hương thơm chứa nhóm hiến dâng thuần thục, dường như thừa không của các thánh, hoặc ở trước mắt của Năng nhân, điện cao xa trang nghiêm như thần, lời nhỏ nhẹ vui vẻ mà đến lý, nói lời vui như đan thanh, được đích thân thừa thọ âm chỉ. Trí châu vật mà làm tâm, nghiên cứu cùng tận căn cơ mà tận đế, lời siêu vượt mà xuất tượng, lý cao xa mà hớn hở, bàn nói không đủ, lý khắp các chân giả há kịp ư? Sứ thần khen ngợi ngọc thức lẫn nhau. Đời đã nghe lời cam lộ, dân đã lên chỗ nhân thọ. Sẽ vâng theo nẻo Dao cung, bồi dưỡng bánh xe lên lầu mây. Phước rộng lớn như mây, mãi mãi vô cực.

BÀI PHÚ TRONG MỘNG

Đêm qua trong giấc ngủ, ý thức dần thông, giống như trang sinh thấy Hồ Điệp, như Khổng Tử gặp Chu Công. Tuy mộng tưởng hư ngụy, cũng tâm sự để minh đồng. Tôi thấy một người khách lạ, ngạo mạn làm kinh người, không tên không họ, như quỷ như thần. Tư dung nhàn nhã, phục ngoạn quang tân vào cửa bái chào, đến giường khoa trần (?). Tôi bèn hỏi rằng: Tà không liên quan với chánh, ác không loạn thiệ. Trong đục khác dòng, thăng trầm đều giẫm. Tôi, thân khoác pháp dày, tâm dạo diệu điển. Sáu giặc vừa hàng, bốn rắn mới dứt. Đại thừa đã giá ngự, tiểu ma đã trừ. Ông là ai? Muốn đến đây giải thích điều gì?

Khách bèn đáp rằng: “Từ lâu nương danh hạnh, chưa rãnh để tu kính. Thường sâu chú ngưỡng, mỗi chân kiểu vịnh. Bỗng thấy ánh sáng, bởi có điềm lành. Muốn đến thăm hỏi. Nguyện dũ cao mạng. Người vay

mượn, càng lúc như bỏ. Cầu vồng, sấm sét làm kinh sợ trời. Ngựa trắng vượt lỗ hổng, há không kịp thời tuổi trẻ sinh bình thích thú. Hoặc tẩu danh ký ở trước thiên. Hoặc xe chạy vòng nơi mạch rộng. Ngồi vườn phía Tây mà gọi bạn Địch. Nam trai mà đối khách. Ra ngoài đồng trống mà cầm vàng. Vào trong khuê phòng mà cầm đá. Hoặc phục hợp tôn xúc tọa truyền thương nêu bạch. Trọng đó để ca hát. Bày ra để nướng. Còn như: Học quý môn xướng, đức trọng danh tiếng. Giang Đông riêng bước, hằng ngày không hai. Tâm là hang nghĩa, tâm là túi trí. Điêu kim điếu hán, đeo ngọc đến lương. Xe cao bốn ngựa, cửa quế phòng lan. Bày yến cơ mà đầy đủ. Tâu Thái tử mà đầy nhà. Nghe đàn sáo thanh cao. Nghe ti trúc leng keng, một đời vui vẻ, cũng để tiếng thơm ngàn năm. Há có thể ở một chỗ mà không cười nói. Cạo bỏ râu tóc, trái cha phản chúa. Thân hình tiều tụy, áo quần lam lũ. Đã thiếu ruộng tằm, lại không buôn bán. Như phá bức vẹ trăm kết. Như xé áo ngăn vá. Đến như, sương ngọc sáng tụ, gió vàng đêm lạnh. Lão tái tái hành đến, tuế hốt hốt lan nhau, giường không màn lạnh, phúc bạt miên đơn. Tuyệt con cháu nối dòng. Bãi tân tùng mà lại vui. Muốn dùng đây làm đạo. Cũng làm sao được cái khó khổ của Đạo”.

Tôi bèn vui vẻ cười. Lược bày tâm yếu, từ từ đáp rằng: “Tỉnh lại nói sẽ cố gắng. Bèn dẫn dụ nơi tà phương. Muốn đem con Ếch dưới giếng và con Côn dưới biển mà bàn luận lớn. Lửa bó đuốc mà tranh ánh sáng với mặt trời mặt trăng. Chẳng khác gì chim hồng tước mà sánh với chim Bằng dực, gò đất sánh với sườn núi côn luân. Như vậy, đã mê mờ sinh tử, cũng đắm nhiễm nơi trời đất. Chỉ biết, uống rượu thỏa thích, nhà cao tường chạm. Đâu có biết nhiều tại lợi thì bị hại, nào biết ôm ngọc bích mà bị tai ương. Vị ngon sướng miệng, ăn ngon thì nát bụng. Tham dâm bị hoạn, khát ái thành cuồng. Nhân sinh dễ hết, vật lý vô thường. Sớm ca tối khóc trước còn nay mất. Vui vẻ tạm có mà lo buồn thì lâu dài. Vả lại, thế gian bại hoại, cuối cùng không nhàn rỗi. Muôn điều khổ tranh đến, trăm điều lo tranh vào. Vợ con là gông cùm. Thân ái lại như mành lưới. Việc riêng thường tệ ??, việc vua luống nhọc nhằn. Vinh hoa đồng như bọt nước, giàu sang thật như tiếng vang trong núi. Nhưng tự trầm luân điên đảo, thường ôm thảm độc. Không hiếu không từ, không đạo không đức. Lòng dạ ngang ngược, tâm phù như tặc. Bốn đại kiêu sa, chí hay hà khắc. Không hành nhân nghĩa, ai luận điển tất. Không hướng tổn thương, không lý tham thức. Thấy lợi tranh đến, thấy tài mong được. Mất vị mất danh, mất nhà mất nước. Mạng dây sắp dứt, thân thành đảo bặc. Nghiệp buộc đầu kia, quỷ đục xương sườn. Ao nước giẫm đến, núi

sông mạo hiểm. Bỗng tịnh tự biết, nuốt sầu ai thương. Rừng đao cao vút, núi kiếm tha ma. Bò cháy lửa mạnh, vạc vọt sáng kinh. Lăng tầng võng sắt, sáu thốt khôi hà. Phàm các nạn khổ thứ lớp trải qua. Đầu gặp cưa xẻ, xương bị mài dũa. Nêu thân hoàng tán, hợp thể ràn rụa. Một sáng chung này, muôn hận như sao. Chánh pháp sâu rộng, diệu lý khó tìm. Không sinh không diệt, chẳng sắc chẳng tâm. Tùy cơ liền đến, tùy cảm liền đến. Trong tuyên muôn đức, ngoài khởi tám âm. Oai phục voi say, hình nhiếp cầm sợ. Thân như trăng tròn, sắc tợ kim dung. Bèn khiến, Ni-kiền bỏ dép Phạm Chí rút tâm.song xuất gia vì đạo. Thì túc tán ưu du, không ham không cầu. Không thờ Thiên tử, không kính Vương hầu, giống như ngọc bích không dấu vết, như ghe không buộc. Tiếng vui không thể động hiên miện không thể nắm giữ. Vô vi vô dục nào sợ nào lo. Giới nhẫn đều học, thiền tuệ đều tu. Sư phạm thời người, dân chúng nương theo. Như, vì việc học ngày càng có ích, vì đạo ngày càng tổn. Tổn thì đạo nghiệp vượt cao, ích thì công học vượt xa. Vì thế, hình như tục nhân mà thường cách, tâm cùng thế tình mà lại trái. Y phục chỉ là ba y, việc ăn chưa từng ngày hai bữa. Theo thầy thì ngàn dặm vâng theo, kính mến pháp thì sáu thời tinh khẩn. Trừ lo lự nơi ao tám giải, Thần vui ở vườn bảy tịnh. Đến như Đạo An, Đạo Lập, Tuệ Viễn Tuệ Trì. Pháp sư râu đỏ, Luật sư mắt xanh. Hoằng kinh biện luận, giảng dịch đàm thơ. Mở thần vui tai, trừ trệ bỏ nghi. Đều nổi danh đời sau, đàn bộ đương thời. Hoặc cùng xe với vua Tần, sắp đến vua Tấn mà đồng trái. Bèn khiến cho Hoàn Huyến lạy lại mà chẳng nhàn rỗi. Hi siêu ngàn hộc mà không từ. Như vậy, hành nhân đã chánh, mới hưởng vui khác. Bốn hạm tranh dạo, sáu trời đều mời. Phong cơ hiển tệ, cõi nước hoa tịnh. Cây báu nhánh ngọc, sen vàng nạp ngọc. Gió vang tiếng Phạm, suối chảy vịnh hòa. Ao sáng như bạc, đất bằng như gương. Diệu hương thơm phức, danh hoa chiếu nhau. Gần cảm thân vui, xa vời mạng thường. Sáu độ tu thành, mười địa tròn sáng. Linh trí đã sâu, chủng giác đã đầy. Tĩnh mịch rỗng suốt, sáng sạch lóng trong. Chất mà không phải chất của chất ngại. Danh mà chẳng phải danh tướng. Nước lửa ngút trời mà không sợ. Sấm sét động đất mà chẳng kinh. Chí diệu tột thiên hạ, ai có thể chống cự. Đối lại với đây, quân tử nghe lời này rồi chấp tay cúi đầu trong nháy mắt. Hồn bay khí sợ, thần như chí ác. Lật dật không nhan, rụt rè kinh sợ. Tự bày quê mùa, chưa biết tốt xấu. Truy dụng cảm thương, thật là hổ thẹn. Ngày nay phụng giáo, thành kính tuân theo.

BÀI PHÚ: THƯƠNG ÁI TỬ - GIANG AM

Giang Giao tự là Dận Khanh, là con thứ ba của kẻ hèn này. Lúc sinh ra đã tài giỏi, ắt là vật tốt. Tiếc thay, gặp văn thiệp tuế nên chết. Thương xót đến nỗi luẩn quẩn nên viết văn này. Chỉ sắc thu sáng trắng. Tâm kết cốt bi khởi. Từng thảm thê thương tiếc. Thương ái tử yêu quý. Thân lo lắng mà ngoài buông thả. Tâm tha thiết mà bên trong đổ nát. Ngày tháng có thể hao mòn mà tiếc thương không hết. Vàng đá có thể mòn mà nỗi nhớ nào nguôi. Miễn ngô tổ chi Hách Hi. Đế cao dương chi huyền vị. Tiếc thương tôn chìm đắm. Sợ dư nhân không gây dựng. Mong ba linh giáng phước. Đợi nhược tử ban điều tốt. Sao tàn ác Dận Khanh. Sao gặp trời không phước. Ngươi sinh nhằm thanh xuân. Nhiếp đề trinh mạnh tưu. Cho rằng sánh cỏ thơm nơi cổ liệt. Hướng bằng anh hùng nơi tiền tu. Hạnh mang cao dấu vết tốt đẹp. Hoằng thạnh nghiệp thanh du. Sương trắng bao phủ trăm cỏ đây. Nhĩ đồng với ngô thu. Nhớ chu minh ở tiết. Nhìn núi kỳ, núi nghi đáng quý. Xem lò, xem trướng mà vui vẻ. Ngắm cửa sổ mà cósự an ủi. Đâu vắng lặng ngày nay. Mất âm dung phảng phất. Trong mắt chị rơi nước mắt. Anh thương em mà rơi lệ. Cảm cây đá mà biến suy. Xúc động chung quanh mà nức nở. Đoạt hoài tụ chi thâm ái. Mẹ của ngươi là người xinh đẹp. Tiết đan khóc ở hạ hoại. Ân cần lo lắng ở thượng an. Nhìn đoan dung trước mà run sợ. Giẫm manh mối còn để lại mà đau khổ, quá thương xót mà mọi người thôi nghỉ. Quy lai mạng sao trình bày. Tôi quá may mắn lúc riêng tư. Bèn giữ quan ở sông tầm. Thương bạt mộ mà tăng thêm. Nghĩ đỏ vàng mà không cấm. Trăng tiếp mặt trời mà thành sáng. Ráng hợp mây mà thành tối. Sương mù bao phủ đọng trên cây. Ánh trăng trong xanh treo trên rừng. Than ôi! Nhược tử sao lại như vầy. Ngã bách gian hề thị tầm. Nghiệm đối chi dạ hoãn, sát bảo tẩn chi triêu xâm. Chỉ nhân sinh ở đời. Hằng vui quả mà thích nhiêu. Tuy mười năm không danh. Há một trăm tuổi có thể yếu. Ánh sáng đỏ ánh ban đêm. Sương trăng ngưng buổi sáng. Chỉ thí dụ đây mà lấy bỏ. Bỏ lý này mà tự tiêu. Nhưng thì sống vui, thân và ái, nội và ngoại, lớn và nhỏ. Thương cho nhược tử mờ mịt một mình ở chốn suối mờ mà thường sâu tối. Tôi không có tội với trời cao, cũng không oán với đất dày. Tin linh quả của Đạo Thích. Quy viễn chí của ba đời. Nguyện đồng sinh về cõi tịnh, trừ bỏ hẳn trần tập.

LUẬN VỀ VÔ VI

Tôi có hồi hướng chánh giác, quy y phước điền. Bạn bè khuyên tôi dốc lòng thành, chí tôi không đổi. Vì thế chép luận vô vi:

Có Công Tử Dịch Diệp, liên tiếp bảy đời làm quan đeo ấn, y phục phần nhiều là tơ trắng, áo thêu hoa, quần lụa màu. Mang kiếm dài lấp lánh. Mang ngọc minh kêu boong boong. Bấy giờ, dạo chơi dưới ruộng lúa, hoặc khách ở nơi lương. Nghe anh hùng báo biến. Nghe lợi hại dùng rồng ngựa. Bèn động dép đỏ, cỡi ngựa báu, rung ngọc lặc vàng sáng. Phóng đến cửa vô vi tiên sinh hỏi rằng:

Tiên sinh trí đức quang dung. Cao hoa vô đắc, năng lực tài giỏi. Đạo nghĩa thanh tịnh cao xa. Biển rộng không đủ để dụ cho sự sâu xa ấy. Không có môn học nào mà không dòm ngó đến. Không có việc gì mà không thông suốt. Dung nghi nhãn tịnh, nói cười ôn hòa. Còn kinh điển ba tạng của Đức Thích-ca, sách đạo đức của Lý Quân, văn sáu nghệ của Tuyên Ni, thuật bao gồm trăm dân. Đâu không rõ tân yếu kia mà tìm. Sáng như thấy trong gương, tỏ như thấy rõ chỉ trong lòng bàn tay. Tôi nghe đức lớn của trời đất là sinh, sao cho tụ nhân là tài. Đây cho nên Lão Đam cho là trụ sử, Trang Chu cho là viên sứ. Đông phương cầm kích mà không mỏi mệt. Cha của Tuyên Ni cầm roi mà không hổ thẹn. Thật là bậc khuôn phép của muôn đời, là cao sĩ một thời. Tiên sinh giá tuần dưỡng đức không thôi. Chính là chỗ đối đãi của liệt tử. Không thông chí lý của thiên hạ. Dù sông biển cho là vẻ vang. Thật là chỗ thô bỉ của lụa đào.

Tiên sinh cười, nói rằng: Giàu sang ai không muốn ư? Chính là vận mà không thông. Trung hiếu là việc gấp của nước nhà. Thân sinh năm viên không đắc chí. Quý đạo giữ đức là chỗ cao thượng của huyền phong. Dương hùng phương Đông chức kia chưa cao. Đại học – chẳng quá Nho lưu và Mặc lưu. Cũng vội vàng gấp rút nhiều có chỗ không toại. Kẻ sĩ mà không dẫn đó, tình tuy muốn mà chí không hành. Buồn vui không thay đổi tình kia, cho nên có thể vì đạo. Quá dĩ vàng đây ư? Đủ nói ư? Tôi nghe đại nhân giáng tích, rộng gieo trồng từ bi, phá sự ràng buộc của sinh tử, lên bờ Niết-bàn. Khai mở ba thừa để dẫn dắt muôn loài. Bỏ một tướng để quy về chân. Người có trí không thấy đến đi. Người có tâm không biết thỉ chung. Để được vắng lặng thường trụ, thường dứt các đường khác. Không thay không đổi. Thường trừ bỏ trăm lự, điềm nhiên dưỡng thần. Do an trí làm nghiệp. Muốn cho từ trời giúp. Điềm lành không đâu không lợi ích. Co duỗi tùy tay, tới lui tự nhiên. Ẩn dật mà không buồn bực, ở chỗ u tối mà thường tốt, cũng nào có vẻ vang, cũng đâu có quê hèn ư? Ông được, tôi nào có mất. Trần trong phương ngoài ở đây? Công tử Dịch Diệp bẽn lẽn mà có tám đức, rụt rè rồi lui bước.

CHIẾU PHẠT MA VÀ LỜI TỰA ĐỜI NGUYÊN NGỤY, PHÁP SƯ Ý

- Sách Ủy Lạo Ma.
- Văn Hịch Ma.
- Bài hịch Ma Vương Báo.
- Bài hịch Phá Ma.
- Văn bài hịch Bình Ma.

PHẠT MA CHIẾU (chiếu chỉ phá ma)

Sinh trong ba cõi, thường bị bốn ma nhiễu loạn, trầm luân sinh tử khắp trong sáu đường. Một khi được thân người và nghe kinh pháp, thí như hoa Ưu-đàm nở, như rùa gặp bộng cây nổi. Chỉ có Thánh giáo thật khai tâm mắt. Ý tôi - thân ở hạ lưu, trông mong đến bờ kia. Nhận thẳng sinh hữu, ác thử lậu tâm. Tâm bỏ chí cung luống uổng không lợi ích. Lược nhân ngu quản, trừ diệt bốn ma. Xưa, lúc còn nhỏ có làm hịch phá ma. Văn tuy thấp hèn nhưng là việc tốt, đã được truyền. Sau khi dời đô, ngụ ở Lạc Dương, bỗng ở trong tháp cũ nhặt được bổn văn. Bấy giờ, gặp lúc Pháp sư Quốc Độ còn ở chùa Kim Cang Bát-nhã giảng kinh Thắng Man. Liền đem trình bày, được Pháp sư xem qua trong ngoài, văn thái rất tốt. Bèn phân tích kinh quyển, nêu bày việc ma, đều được nghĩ phù. Lúc bấy giờ, văn Hịch Ma của ngài Thích Đạo An cùng tìm xét. Lại hết ngu tiện, sửa chữa văn xưa. Liền làm Bình ma xá. Lại dâng lên Pháp sư, pháp sư không ngờ. Nhưng Văn bài hịch của ngài Thích Đạo An thẳng trừ Thiên ma. Phàm vì đời khổ hoạn, kinh nêu có bốn. Vả lại, Thiên ma quyền biến không thuận theo chỗ lường của phàm tình. Còn phiền não ma, ấm ma, tử ma là khổ hoạn thật sâu. Liền khởi chiếu trừ dẹp ma và văn Ủy lạo. Văn này là đầu tiên, vì vậy cho nên trước sau khác nhau, lại có chút rườm rà. Nhờ quân tử tín tâm, cả hai đều được lưu hành, liền xếp văn của Pháp sư Đạo An, văn hịch để kế đó, hợp thành một quyển.

CHIẾU CHỈ TRỪ DẸP MA

Đệ tử ngụy ma bổ tru ở đây nhiều kiếp. Ưng đến bốn núi, lang dòm năm đường. Tâm ngoan trúng độc. Thường hay cắn bậy. Cố giữ một góc. Cách ngăn thinh giáo. Từ đại thông trở xuống, cho đến Hiền kiếp. Tuy trăm vua kế tiếp, ngàn thánh tìm nhau. Uy hoài trăm đường, dẫn dắt ngàn kế. Còn không thể ngăn cấm được tâm tà kia, dứt được dị kiến này. Lại khiến, tham lam duyên nhau, sân si xen khởi. Thường kết

bốn loài, đều trở về sáu nẻo. Nhìn lại bệnh này thật phải thương xót. Nay, nguyên liệu ở xa tẩm vào có thấm, chẳng nên khoan hồng, để khởi đảo điên. Hãy giản tương luyệt tốt, tùy cơ cứu giúp.chớ để chúng sinh có tâm oán than. Người chủ cáo hạ, thì mau thi hành.

Thần là tín tướng... kính lời.

CHIẾU THƯ NHƯ DƯỚI ĐÂY

Thần nghe: Người thấy cỏ thì thừa phong để phụ trước, kẻ chấp mê thì oai gia mà hàng sau. Đây là do thuấn cầm can thích, có miêu tự buộc ở Vương đình. Mục liên viên cung thì ngày đất vàng lan nhau. Vì thế có thể bẻ dẹp tâm vương, tấc tịnh lâu quán. Thân mặc áo nhẫn, tay mang đãy nổi. Bỏ của cải đã giữ gìn, lập danh hào thiền duyệt. Yến tiệc kia sắp tập trung anh dũng này. Chí có khuôn phép thì không đến không bẻ dẹp. Tâm có chỗ hướng về thì không tư không phục. Bốn ma nhỏ nhặt đâu đáng lo lắng? Nhưng nay kết tụ chưa phân tán, sự cần phải bình đẳng. Liền theo phần xứ. Hoàng ngôn túc giá, cẩn trọng thân văn, xin giao cho ngoài thi hành. Kính khải.

THƯ ỦY LẠO MA

Trong ba cõi năm đường, chúng sinh có sự hiểu biết. Phàm hy hòa trật giá. Người mù còn mê ánh sáng kia. Tiếng sấm sét vang rền, người điếc còn không nghe, dù soi chiếu thuộc lý đồng mà bẩm thọ đạo có khác. Đến nỗi khiến cho pháp âm bị bít lấp ở sự nghe khác nhau, ánh sáng từ bi ngăn che dị kiến. Bệnh lâu kéo dài, đêm dài mê mờ. Kiếp thạch có hết mà duyên này không hết. Vì thế Cao tổ của ta thương kẻ mê mờ này, để tâm cứu vớt, thân giấu ánh sáng, tâm ẩn tiếng khác. Mở mang ở nơi vị tiền, lập thuyền giác ở hữu thỉ. Cho nên nếu mở rộng đường thì mọi người cạnh tranh. Lại chọn đạo giáo thì Dê Nai phục ngự. Chứng quả vô sinh ở tấm lòng, ẩn vắng lặng trong lòng. Tuy niên đức dời đổi mà tâm giữ thiền định. Bèn cho nối ngôi, nối tiếp đại nghiệp.

Tiên đế nhờ đây mà giúp được mối trước của ta. Tích đức ba đại, chứa công nhiều kiếp. Tâm biến minh cơ, thần dạo đến hội. Thân vẫn thuyền nan, vượt sóng cứu vớt. Chìm nổi mặc tình, quyền chỉ tự tại. Vì thế có thể vượt lên chín kiếp kia, hàng bốn trời này. Chiếm cứ một phương mà oai nhiếp muôn nước. Trong tám mươi năm hình phạt không dùng. Chỉ khi không có ta và Thánh thượng thiên hóa giáo tích đạo khác nhau. Người nhớ niệm khác các khanh hoặc là nhật chủng. Luân vương thế khoa bốn vức. Hoặc là dụng tánh cao lương. Trung thành không hai.

Hưởng danh quan của ba cõi, giữ vinh lộc một thời. Nhưng chức tước khó lường, thời có tốt chăng. Hoặc do kiêu mạn mà tán gia. Hoặc do tham tiện mà mất nước. Vì thế, khiến cho Hậu Dận ba lưu, yểm nhiên quên về. Lần theo nguồn ta kia, bơi theo biển dục này. Mà khiến cho thiên ma thừa dịp làm hoạn thượng phiền não do đây mà xâm dâm ở hạ quốc. Hoặc oanh trung âm khi chưa sinh. Hoặc rong ruổi theo năm suy để cáo lão. Trọn nhọc thăng giáng, thường siêng đến đi. Mạc phủ nhân cơ, kiệt khởi anh lược siêu quần. Vĩ văn kinh võ, thể chân luyện tục. Nương hồng quy của trăm vương, bẩm di tất của muôn đời. Bước lên đạo cư ở kia rồng voi gõ bến môn này. Mới trì quang thượng hạ, hầu kị bát duy. Tổng quát các tà, vây quanh muôn cõi. Nhốt ba cõi trong một thần giấu trăm võng không gì ngoài. Xô ngã Tu-di, lật sóng biển lớn. Điên đảo vũ trụ. Dời mặt trời mặt trăng đi, khiến cho trời người treo ngược nước đất cháy sôi. Nhưng lại nghẽn tâm tất ngã kia, mở đương tử lai kia. Thổi gió mát nơi đồi khôi, bày đồng ái ở vô gián. Bình đẳng ba đường, nhiếp bốn cõi này. Oai do động đó, phước do phục đó. Nói chung là hơi xấu, đâu đáng nói? Các khanh đã bị mê lầm, trầm luân đã lâu. Nhờ thời cơ này, sớm lập lương đồ. Phàm thời khó được mà dễ mất, cơ còn mau mà sau hối hận. Nếu được thời thì phước lộc tranh nhau đến. Nếu mất cơ thỉ bại hoại cũng giành nhau đến. Vì thế Đậu Dung, Phanh Tước sự quy về bậc tiên đức. Công tôn anh lục thủ bại ở hạ cơ. Đây đều là gương cao đời trước, là lằn bánh xe đời nay. Vả lại người trí ở chỗ nguy ách mà cầu an. Kẻ ngu đắp thành mà bại hoại. Thành bại an nguy ở thời cơ, không phải do trời giáng xuống hay người mưu cầu. Nay ba xe đợi tiến, kho báu mới mở. Huyền trọng tước do đợi công. Lập Thiên cung do mạng triết. Chính là mùa thu Đại sĩ ngang dọc, là ngày trí dũng hiến công. Cùng các khanh phát khởi nguồn xa. Chi lưu dị sĩ truy tìm ngày xưa. Còn hiện tại nương theo, nói nghĩ bốn ma, bất giác tuốt gươm. Vì thế, trước để lại Bạch thư, nói lược về nêu thành bại. Từng sửa mê mờ tìm quang phó mạng. Cùng nhau đều đến đạo tràng, tỉ kiên luân hạ, tư bẩm chưa nghe thọ giáo. Quân tử bạn bè hảo hợp, cũng chưa tốt ư? Không rất tốt lành này, bàng hoàng say dật. Sợ sinh diệt đây tìm nhau, có không kế tác. Nếu ba độc thường rong ruổi thì nghĩa không có oán thân. Nếu bốn hung xen nhau khởi thì chết yểu sống lâu đều chẳng có. Dù muốn bảo toàn, kia có thể được chăng? Nay thân thiện đã lập, sáu quân mở đường ra khỏi nhà lửa kia, dò xét chưa phục. Khi bị bêu đầu không sáng thì tối. May mắn ý này khi mưu tính làm, có tâm do dự, lạm anh kỳ họa, bèn để lại sách, thấm thoát vô tận.

VĂN HỊCH MA

Di thiên Thích Đạo An cúi đầu. Ma tướng quân luân hạ cùng nhau tuy phục. Huyền đồ khác bến, trời người nhất thống. Tôn sư tuy cùng, ba cõi đại đồng. Thường quy lương tập, trình bày kỳ tích. Nhưng tiêu bảng chưa nói do đó ngăn cách. Nay Đấng Pháp Vương xuất thế, chín phục tư thuận. Linh võng mới bày, giềng mối rộng bủa. Đại thông có lúc, cao hội ở gần. Không nhậm kiều tưởng gồm nên dự ý. Thích Đạo An đảnh lễ.

Thời có thông bít, không chung thời thái. Ngàn Thánh tìm nhau, muôn sư noi theo. Xưa, Cao Tổ của ta, bổn nguyên Thiên vương. Lễ hóa ứng phù, rồng bay sơ vực. Trượng quyền hình để cắt muôn nước. Phấn tuệ kha để phục sáu hợp. Hoặc dứt bốn tà, quét sạch ba cõi. Chống giềng mối ở tám nơi, bày linh vọng ở vũ trụ. Di tĩnh bảy hoang, thà nhất chín độ. Nhưng minh tông chẳng điếu, chân tục ngưng tịnh. Thêm sáng càng sáng, ghe lảng vào nước. Vì thế, khiến cho rắn, kiến, chim kêu, tranh khởi. Ế nhiễm chân đồ, mê hoặc chúng thanh tịnh. Nghịch hại chúng sinh, độc lưu muôn kiếp. Lo đạo có tình, dị tâm đồng nhẫn. Đấng Pháp vương của ta thể vận ứng kỳ lý vật. Trên nhờ cao quý, dưới nương tâm chúng sinh, nắm huyền cơ để giữ lấy cõi Tam thiên. Giữ Thánh chúng mà chấn hưng đại nghiệp. Mây nổi bốn cung, loan lượn Thiên Trúc. Giáng thần Ca-di làm hào pháp thành. Vỗ về thứ dân, khéo an khanh sĩ. Dẫn dắt quần thần, an ủi kẻ bệnh. Nghiêm tuệ kha ở giữa ngực, giúp thần giáo ở ngoài thân. Thương mười tám người vô tội, xót ba không lộ tuyệt. Chí giúp đại nghiệp, tình ắt bình nan. Trăm cõi ngàn nước cao phục phong hóa. Từ lâu ôm tâm mê hoặc, mê mờ tự lấp. Sâu chấp tâm ngu, cố giữ ý sai lầm. Sói ở dục thiên, kiêu kêu cửa Thần. Bạn đối cờ cương, chống cự linh tiết. Cho rằng, cõi trời có thể lên, hồng quy có thể đổi. Giám tư hai ba, viễn vi hoan tức. Vì sao đại thông thống nhiếp đời thì khắp nơi đều theo, mà ngụy si thiên ma không theo. Ngỗ nghịch Thánh thính, trần nhiễu thần tâm. Lĩnh tốt thì hư, hình ấy muôn biến. Tinh thần sáng suốt, sương giáo che mặt trời. Linh cổ cạnh tranh, vang lên phương ngoại, cao bộ lăng lượng. Tự cho là oai cường mà vương sử rung động quần tà tan hết. Chúng ma bỏ tâm, hướng phong nội phụ. Huống chi một mình ông kiêu hãnh một cõi. Sĩ không phương tìm, chúng không thành bạn. Mà muốn trái nghịch lý thường, lấn chiếm hoa ấp. Soán đoạt linh quyền, thắng thường thủ tín. Dùng ngụy nhục chân, vậy không mê lầm hay sao? Nay Thích-ca xuất thế, đạo giáng kiếp sơ. Diệu hóa đường đường, thần la xa đến. Trí sĩ hài hòa, huyền toán che

đời. Võ phu như rồng bay lên, nắm huyền ngàn đội. Hiệp lược ứng chân mưu mô siêu bạt vì thế khiến cho trì tiết. Tiền phong đại tướng, quân Diêm-phù đô đốc quy nghĩa hầu Tác-đà-la-luân. Riêng bẩn thiên tư, nghĩa bày huyền giác. Thần cao như Tu-di, chí mạnh như lung thế. Võ giỏi văn hay, thành trung nhà vua. Lãnh đạo bốn mươi muôn ức người, dương tiêu lộ thủ, vì thế mạng khiến trì tiết. Oai viễn đại tướng quân tứ thiên đô đốc Đao-lợi công tôn sư Đàm-vô-kiệt. Võ thắng quần tiêu, văn vượt hơn Tùy Hạ. Mưu lớn tuyệt trần, tâm ở trong mộng. Thường lo thì quên thân, chí quyết giúp đời. Lãnh trăm ức chúng, hố ngắm Tu-di, nên mạng khiến trì tiết. Chinh ma thiên đại tướng quân lục thiên đô đốc Đâu-suất Vương giải thoát nguyệt. Diệu tư hư huyền, cao bộ trần biểu, lược tinh đồng chân, công ngang chín địa. Thương xót ba đường, nhẫn quân túng hại, viên kiếm bùi ngùi, rồng hồi tư phần. Lãnh năm trăm muôn ức chúng, loan kêu thiên cù, nên mạng khiến trì tiết.

Thông Vi tướng quân thất thiên đô đốc Tứ thiên vương Kim cang tạng. Lãng chí hư huyền, kim nhan xa ngắm. Ân khác chín tích, sức nghiêng núi biển. Đức không đâu chẳng thí, oai không đạu chẳng phục, lãnh bảy trăm muôn ức chúng, mây về cửa trời, nên mạng khiến cho trì tiết.

Trấn thành tướng quân cửu thiên đô đốc, Thập địa Đại vương Duy-ma-cật. Kỳ toán bất tư, pháp kha đạt chấn. Thể hợp thần tư, quyền tượng muôn biến. Thở hít thì chín phục mây băng. Quát tháo thì mười phương gió lướt. Oai giúp kẻ hạ ngu, thương kẻ khổ sở. Lãnh chín trăm ức chúng, ẩm mã bến linh, nên khiến cho mạng trì tiết. Giám Phục đại tướng quân Thập cửu thiên đô đốc, Thập trụ Đại vương Văn-thù-sư-lợi. Thừa vị nguyên hình, hình sáng ba diệu. Thân từ Kim cang, thần cao thân lớn. Ứng thích ngàn thương, huyền toán muôn kế. Quần động cảm ở một thân, chúng tịnh lự ở một niệm. Từ bi cùng khắp, tình gồm bốn nhiễm. Lãnh trần sa chúng, cao lượn cõi này, nêu mạng khiến trì tiết.

Khuôn giáo Đại tướng quân, Thập cửu thiên đô đốc, sáu ma các quân sự quần tà giảo úy. Trung Thiên Vương Quán Thế Âm. Trí lược uyên thâm, tuệ cương hà võng. Minh đạt sáu thông, soi sáng ba cõi. Hoặc nương theo quần tà, chiếu kỳ phong khởi. Hoặc quyền hình hai chín, dứt ngục đồ khôi. Vẫy tay thì nghiêng núi Thiết Vi. Hít thở thì phù vân sụp lở. Có thể làm lợi ích cho mười phương mà không cần mời thỉnh. Lãnh chúng rất đông, gió ngâm hổ gầm, nên khiến mạng trì tiết.

Phủ Hóa Đại tướng quân, mười phương ba cõi đại đô đốc, bổ xứ vương Đại Từ Thị (Di-lặc). Diệu chất tùng dung thiên tư tiêu lãng. Thân

vượt Kim cang, tâm chứa trần biểu. Chí mạnh tột trời, búa tuệ động xa. Vô sinh chuyển ở ngực. Quyền trí ứng ở ngoài sự. Chí có khuôn phép, chẳng đến chẳng đi. Oai ân song hành, chân tục đều nói. Lãnh tám trăm muôn ức chúng. Nghiêm giá đãi mạng, đồ chúng dũng sĩ đầy khắp Đại thiên. Kẻ sĩ Kim cang lấp đầy tám cực. Hoặc tự trợ chính, tịch quyển sáu hợp. Nương hiên (nhà) báu Kim cang, giữ đường tốt tám chánh. Vượt ngựa hay sáu thông, nắm dây cương thần hư tông. Bắn cung tốt Tứ thiền, phóng mũi tên bắn quyền trí. Ngựa ký thênh thang, bước đi nhè nhẹ. Tuốt gươm bay mác trường ngâm mạng địch. mà tướng quân nhiều đời sáng chói. Cứu giúp Đế nghiệp, cung phụng Thánh đình, không hề có thiếu. Quý đức tôn sư, thân tử năm trăm. U giám thiên mạng, được vua giáo hóa. Thánh thượng khai khâm, đều thọ danh tước. Ban thưởng liệt sĩ công bằng cựu thần, tiếng vang muôn nước. Mà ông tâm gì hoành sinh dị kiến. Kiêu ngạo biên hoang, giữ chặt đế vị. Độc hại đến với chúng sinh, tai họa kéo dài hằng kiếp, có thể không đáng thương hay sao? Có thể không lầm lộn hay sao? Ông ngày xưa do khi mất mùa, đã cảm cuồng mê. Tâm ông đầu ngụy ngoại thoán. Trăm hành một tội, Hiền đạt còn lỗi. Từ lâu cho rằng ông giám trí trái ngu. Quy tội tượng ngụy, thức thân rút trâm. Đồng dạo quần tuấn, dùng đạo tự lầm. Danh lợi trước sau, bèn chấp ngu giữ hoặc. Thâu an tà vị, nương núi si để tự cao. Nhờ rừng kiến để đi khắp. Đắm nhiễm uế trần sáu dục, đi khắp tánh ngu tà kiến. Dựng cờ cao kiêu mạn. Bày quân hung vô minh. Rộng bước đường dài, khinh lộng thần khí. Cưới đoạt thiên cung, chống cự mặt trời mặt trăng. Sợ chẳng khác, giơ tay muốn chướng ba quang. Kéo đất lấp bốn biển. Đánh trống tranh tiếng với sấm sét, dùng lửa tranh ánh sáng với chớp. Tuy nghĩ tâm hư trên mà sự khó thành tựu. nhưng tướng quân lập đức huyền tân, nguyên thừa càng xa. Huy hoa vi nhiên, quần hã chăm chú. Hướng về nền quý dễ lên. Công đời sau đáng tiếc. Có thể sửa lỗi trước sau, phiên nhiên quy thuận. Tạ quá chu môn cùng đạo đều tốt. Nước nhà đều còn, quân thần cùng hiển. Thủ danh được am, mắt sáng đạt quán. Quyến thuộc an nhiên, không đáng tốt ư? Đại sư khắc cử, muôn phương nổi chớp. Tay nắm giáo pháp, đều tuốt kiếm tuệ. Đạo kha sáng chói ở phía trước, Linh cổ chấn âm ở đợi sau. Chuông thần nếu gióng thì mười phương nghiêng đổ. Sóng biển nổi lên thì nguyên lục thì nước sôi vọt lên. Bấy giờ, Tu-di là vi trần, trời đất là một hạt thóc, vô động để ở tay áo bên trái, diệu lạc để bên tay phải. Thần lực như thế, đâu có thích đáng ư? Nhưng Đấng Pháp vương của ta, thân đại từ bi, chưa muốn hợp lại. Quyền dừng các xe, tạm dừng dây cương. Đến

đường gửi thư, thứ hồi mê giá. Ông hãy sớm định lương đồ. Diện phược quy khuyết, ủy mạng sân vua. Tiêu diêu cảnh nhàn, tể nhậm thượng phương, chẳng phải ông thì là ai? Phàm bậc Thánh thượng trí biết cơ, minh triết trừ họa, cùng mà biết phản, chỗ tốt của quân tử. Đây chính là cao thu chuyển phước, là lương tiết giữ công. Xưa vua Hạ, vua Kiệt vô đạo, vua Ân chinh phạt. Vua Thương, vua Trụ nổi loạn, vua Chu, vua Võ lập Sư. Đây là khuôn phép xưa nay. Minh giới của tướng quân, cùng nhau tuy phục nhưng hình trái với ngày nay. Phong lưu ở đạo vị, trời người gập ghềnh, đâu đủ để ngăn cách tư tưởng. Bỗng nhiên liền tùy sách gởi mạng, do đó tha thiết, kia từ ủy khúc. Từ xưa, không muốn hoa lan thơm hạ điêu thúy kha tồi đĩnh. Suy nghĩ chí ngôn, khéo theo kế tốt. Chỗ khiến thân ông khuynh khuôn ba khái. Chớ khiến sáu thiên thâm sinh hòa dữu. Mắt mau ngước nhìn, giúp lòng vui thích, văn không biểu ý.

Thích Đạo An đảnh lễ.

BÀI HỊCH MA VƯƠNG BÁO

Nước Đại mộng, quận Trường Dạ, huyện Vị Giác, thôn Mị Ngữ. Lục Tự Tại Chủ Tha Hóa Hoàng đế. Báo hịch cao tòa Đại tướng quân Nam Diêm-phù-đề đạo tuy phủ đại sứ Thượng Thư An Pháp sư tiết hạ. Tăm hơi tự xa, vui đồng tạm tiếp. Tìm xét cú vị, lương dụng vui vẻ. Mới thấy thần của Đại quốc lễ nghĩa cao xa. Tướng quân tâm rỗng rang rộng lớn, mật hạnh uyên thâm. Khâm đới núi sông, bao trùm vũ trụ. Lo cho tông miếu và các sinh dân. Khí tốt ngàn tầm, tâm chân muôn nhậm. Lượng nhanh như gió kính thảo. Trung thần loạn thế. Muốn gặp đạo thì gần, bỉ ngã không cách. Phủ tùng nhân sự, liêu thử báo chương. Xưa chu thất đã suy, sáu nước đảnh thế. Hán triều vận diệt, ba phần thiên hạ. Hoặc ngoại di xâm phản, độc hại Trung Nguyên. Hoặc trong họa tạm làm, ương đến lương thiện. Khi ứng tích khởi, lúc đạt báo biến. Có đó từ xưa, đâu chỉ ngày nay. Chỉ vì chúng sinh vĩ tích, trên trời giáng họa. Thích-ca, Hoàng đế yểm nhiên đăng hà. Thần thiếp buồn rầu, suất sĩ bí ai. Hoàng Thái Tử Di Lặc dưỡng đức tâm cung, mãn nguyệt đình sơn, thâm tùng ẩn dược. Đời có sáu trăm quả chuông, đại khuy vua cửu ngũ. Các hầu gian loạn, nghi kỵ lẫn nhau.

Mười tám bộ giáo phép tắc khác nhau. Chín mươi sáu đạo tôn kính xen nhau. Sói cắn biển sông, kiêu kêu núi rừng. Trái không nói suông, phải không ký sự. Hiếu pháp của nước, sách vở của triều và sương gió điêu linh. Ấn của vua ngọc của Đế bị lửa nung tiêu tan. Thần oán dân

giận các bạn thân lìa. Chạy trốn không về, đơn độc lâu dài. Thầm cho rằng số thuộc thái bình, tắm gội triều hóa gặp lúc đời loạn, giáo mác khó cứu. Bởi chính là quyền biến của người thông suốt. Đốc mất nghĩa binh, nổi giận quên ăn. Và, lên núi giết hổ, xuống biển hại rồng. Thông võ thạo văn, khinh thân trọng nghĩa. Xã tắc là chỗ không mưu cầu. Ngôi vua không phải là chỗ khâm phục thật do tâm thành không chủ, tà hí trần lao. Đạp dòng tà dục, Tâm nguồn cùng xa, hoảng hốt đại mộng. Cùng hằng đêm đều dài. Lại do nhờ ngủ, thương dân phạt tội. Trước sai Tụ mạt đại tướng quân Huỳnh Huyền, suất tốt không hoa, sách tấn con ngựa của Dương Viêm. Tức góc Càn Thành, kết luận Diêm-phù. Giáo pháp sáng rực, cung kính khác nhau. Mũi nhọn chưa gặp, phục binh bại trước.

Kế bảo Tiếp Hưởng Đại tướng quân Ty Trúc Công, lãnh chúng Cung Thương, ở hang Truyền thinh, nếu nghe tùy bỏ.

Kế bảo Bách Hòa Đại tướng quân Lan-xạ-bá, lãnh bạn Hinh hương. Nương gió cưỡi quân, ngàn dặm không mây.

Kế bảo Lục Vị Đại tướng quân, lãnh quân Phù mỹ. Vi diệu môn đô đốc giữ miệng thương minh. Cắn nuốt không sót.

Kế bảo Thất Xúc Đại tướng quân, lãnh chúng suôn sẻ. Trống chiên vừa đánh, thành thân ngói đổ. Năm quân đánh trước trăm chiến thường thắng. Từ trời là phước, khánh không đâu chẳng thích nghi. Trẫm lo chưa cùng hang ổ, thân hành vấn tội. Áo cung đã sửa, xuất từ hang trống. Phát trí sâu xa, động oai Nam Nhạc. Cởi binh vọng tưởng, số doanh triệu tải. Và ẩn biển thần thức, ẩn núi ảnh tâm. Mạng tương nguyên sư, án kiếm thành lữ. Triệt quân sĩ tốt, giơ dao kết quân. Bài không tắt hướng, khói bay sương nhóm. Đâu không anh khí xung thiên. Thổi mây vọng ở chân tế, gió cao nhiễu đất. Sợ sóng trần ở biển tánh. Kích đạo phẩm quan quân. Sương đêm khỏi tre. Nhất tâm đã mất, về nguồn càng xa. Sáu ái đã vậy, nhà lửa càng mạnh. Ngang dọc xâm lược, trước sau giăng bủa. Sáu kỳ ba lượt, trước chứa chí khí. Trăm bước ngàn vinh vốn không quân nghịch. Bèn mây tan, vụ cuộn. Đạo ta hưng thịnh. Đối đây, phần quan trí chức, hành phong hóa của ta.

Sắc chỉ: Vô liêm ngựa chạy, Hổ quỳ núi tham. Tánh sáp tướng quân, Rồng trở mình biển keo kiệt. Chiêm tuất chi sĩ nước đất không nương.

Sắc buộc đất lang tương phủ trí âm dương. Tình trần phụ mã nhìn sinh đôi. Nước ái tạm chảy, thành tâm bị trách, lửa dục vừa phát, miếu trời bừng cháy. Thiện tánh tướng quân đã từ phần nịch. Bào bột giảo

úy, cung kiếm bên mình. Chẩm độc, ưng dương, dao kích trên tay, quân sĩ nghiêm nghị, báo động giữ thành. Khiến Bình Nhẫn tướng quân tiêu tiếng mất tích, sắc, chánh cần ngự sử, thả đình giám sát.

Thùy miên Võ hầu an phủ triều du, phóng đãng vô minh, buông lung hữu đái. Khiến tinh tấn một lần. Bỏ thực hành con đường bốn chánh cần. Hai mũi tên Ca-lưu, chẳng bắn ba cửa không, dũng mãnh tướng quân gió khói tiêu hết.

Sắc chỉ, Giác quán đại tư mã trí phủ Sơ thiền. Tà tư tuy đô ủy liệt trần tam hữu. Nguồn tâm chưa tịnh, thường bị sóng gió, nhánh thiền muốn tốt, gặp nhiều tuyết sương.

An Tĩnh tướng quân chôn thân loạn cảnh. Sắc ngã kiến hành cao trấn Đà-na chi lãnh. Hoặc núi muôn nhậm, nghi nhung trăm lớp. Thảo phản hoàn mè, thăm hỏi đường trời. Khiến quán thân thật tướng rõ như sừng Dê. Duyên nhà vọng nghiệp kín như vảy cá. Vì thế, độc đồng kẻ cuồng, rượu tỉnh khách say. Che chân kim tạng, ẩn cỏ béo phì.

Bát Thông tướng quân, ngả nghiêng như say. Đây là khách của quân sĩ đều là dân của ta. Nay mười quân ý chí năm tướng anh hùng. Thừa cơ phế lập thành tông miếu của nước. Trẫm bừa lên ngôi, lâm hiên ngư vũ, soán thừa nghiệp vua. Nắm đồ thọ mạng. Vì bánh xe yếu không bờ mé túc nghĩ kim luân. Tâm và ngựa mạnh có dư. Liên đủ ngựa xanh. Áo mũ khai. Xe sách chỉ một. Mới quạt gió ở nhà lửa. Phóng xe xao ở ngoài cửa. Giải thích giáp vị cùng dân lại bắt đầu. Tướng quân binh lính đều mất, trí lực đều tan. Đường cùng mũi tên hết, bỏ ngựa đốt xe. Bọ ngựa đưa tay, bởi thật đáng thương, bởi thật đáng xấu.

Đạo chích suất tốt, xâm bạo các hầu. Khổng Khưu để xe, Lưu Hãn về phủ. Tức minh giới của tướng quân.

Hoàng Thái tử Di-lặc đại để long phi. Trẫm chiến đấu về triều, hàm tội đình khuyết. Tướng quân thấy rõ, chưa dám vâng lệnh. Tình sâu bút cạn, không thể thưa nhiều. Mong quy cao quân tử, hẹn ở lời nói.

Ba-tuần đảnh lễ tội chết.

VĂN PHÁ MA NÊU BÀY

Quảng Duyên tướng quân lưu đãng giao úy, đô đốc sáu căn các quân sự tạo trừ ác, lập tâm vua tôi thiện.

Chẩn Tuệ tướng quân, thiện tán tử đô đốc, rộng giúp các quân sự giám quân thần thí.

Thiện Tánh tướng quân, khắc cõi Dục đô đốc, Nhiếp chí các quân sự Ti mã thần giới.

Bình Nhẫn tướng quân, Đãng Khuể hầu đô đốc, Hồng dụ các quân sự ti không quân thần nhẫn.

Dũng Mãnh tướng quân, cần tập bá đô đốc, sáu độ các quân sự hành đài thần tiến.

An Tĩnh tướng quân, chí niệm đô đốc ủy đô đốc, Quán lụy các quân sự nhiếp tán hầu thần thiền.

Bát Thông tướng quân Chu vật đại phu đô đốc Điều-đạt các quân sự giám chiếu Vương thần trí. Hành ngôn cẩn án thần văn. Trị tịnh thái bình. Hung đồ có lúc hưng thạnh. Hóa thanh trừ sát. Bọn nghịch do đó mà làm. Vì thế cho nên vâng lệnh tuần tra chín vi thành, gặp Tử-ma ở đảnh Đồ Sơn, sinh Đằng luân ở sáu hợp, gặp giặc tham ở Đao-lợi. Vì thế, khiến cho thân diệt trí mạnh, hồn tán vượt lên. Luân đãng tha hương, lui mất ngôi vị. Bởi, trong nhờ gian tà, ngoài thọ lộc quỷ. Thưởng sai tín công, phạt trái thần ác. Từ đời Thích-ca Văn Hoàng đế, an giá cố lâm du dư thiên tải. Thái tử Từ Thị Di-lặc phần nhiều có thờ Đâu-suất, chưa rảnh noi theo. Pháp thành đạm không, Phạm luân vô chủ. Lộc vức ngoại phản, Sa Châu phí cống, bèn khiến cho ba cõi nổi gió, sáu trời lửa đỏ. Bọn tà nói dối, trở thành khác tục. Lầm chủ Tự tại thiên giặc vương Ba-tuần. Bẩm chất hôn mê, thân theo tà khí. Buông lung cõi Dục, dòm ngó cõi Hoàng. Vả lại, chánh giáo bại hoại, trong ngoài trái nhau. Chị em đồng gian, ngàn con quên chí. Ba nữ tà đãng, ngao ngã thượng cung. Tư thái chưa thí, tự tặng y điệt. Lại ma Ba-tuần đã học tiểu đạo, có chút biện tài. Tô điểm sai lầm, khéo xét phần. Không cần lời nói của Thu-ận Tử. Chuyên theo kế của nịnh thần. Bốn nước gian khích, thừa vĩ lai xâm.

Ngụy Kết Sử tướng quân các phiền não v.v... Do Thánh đạo tiêu vận chung. Tám trăm Quang âm vô gián, mười triều làm đây. Bèn bày binh ham muốn ở biển ái. Thúc giục Ngựa phi đến cao nguyên. Khống chế dây cương ở nước hai chấp. Rong ruổi trong cảnh vô minh. Gặp Thánh thì quyền tích cao xa. Gặp ác thì dứt ác trong đó. Phụ hiểm trọng quan, quán thời mà lập. Hoặc chí cầu vinh lợi, giả mị quyền môn. Hoặc hàm nhẫn oai chúng, chuyên hành độc hại. Ý khí oai linh, cố thủ tấc lòng búng ngón tay biên ngung, chưa biết chánh sóc. Lại nương đạo bảy sử, truyền xe ba chướng. Dối nói sáu điều, đến nổi khác tục. Người ngu thì nương giáo mà trạc anh, người trí thì bỏ đó mà gian ẩm, súc tốt hầu tiến, trữ phùng hầu tiến.

Ngụy Tứ Thiên Đại đô đốc năm ấm ma v.v... Lập nhà ở cội nguồn vô thỉ. Bói xem ở chỗ hữu hình, hoa sen trong biển khổ, phóng dật trong

ruộng nhà lửa, thầm gọi cung thân giả thự sáu phủ. Thâu vinh thuấn tức đam lạc thời nhan. Nguyên thủ vô cơ, đồ dịch vô toán. Binh sĩ đói khát, cùng khắp mọi nơi. Sĩ nhân lo sầu đầy núi khắp hang. Đồng ác tìm nhau, tập kết một phương. Dị loại tập trung, ngăn binh ba cõi. Ngụy thự hành đài có sinh tử. Tặc Vương xem năm đạo binh, trí quân ba đường. Sống thì nghịch mạng, chết thì làm giặc. Năm suy kỳ hẹn, bốn sinh ứng thế. Tắc nghẽn nguồn suối, lấp hết ánh lửa. Nghiệp lực gầm thét. Suất ách hiểm dĩ tiên trì. Ba độc hợp các bạn mà thệ nguyện lâu dài. An nhẫn không thân, họa tiếp chín đời. Oai nhẫn xen nhau, hại đến trung hiếu. Bèn hốt Thánh dối hiền, khinh chân dối chánh. Hãm hại lê nguyên, bao vây phàm thứ. Vọng chấp khổ không, cho là đã có. Sậu kinh chi thế. Cho rằng xưa đồng với vàng đá.

Lúc xế chiều, ngày 30 tháng giêng, có một người họ Thiện tên là Tri Thức, từ đạo tràng đến nói rằng: Giặc cách đây không xa, phải mau trừ diệt, không thì sẽ bị đại hoạn. Thần nghe lời này, chưa vội tin. Đơn giá xe dê chuyển quân hóa thành sửa sang hàng rào, phòng bị mà thôi. Bọn giặc đêm sau, sai một người sứ đến cống hiến người trân báu, cầu kết hảo hòa. Thần biết giặc đây như là bào diệm. Trí kế chưa xuất, ý tánh cuồng bột khó có thể gần gũi. Chẳng nói chuyện cùng, ôm hận mà đi. Chuẩn bị nhiều binh khí muốn đến xâm lược.

Vào ngày mồng bảy, sáng sớm ra khỏi cửa phương tiện đến chỗ giải thoát. Trì tin để thâm nhập, suốt quần mê để ra biển. Soán tập Tam-muội để đến một rào. Nhờ trừ sạch năm ấm, giới tình các cõi. Bọn giặc nhờ vững một sông, chống đối Hoàng uy. Nước kia tràn đầy rộng sâu khó lường. Lại gặp lữ phong khuynh bộ, mưa đá rơi xuống sóng gió nổi lên. Thần biển vọt lên bảy thứ tạp loại, hoặc bay hoặc chìm. Dạ-xoa giữ đường, La-sát chiếm bến. Bị điếc và mù che lấp thiện tài. Kia muốn không bị chìm đắm. Lại đến chỗ đất sâu hiểm trở, làm thành lũy lớn. Ở thành lũy lập cái ao, lầu hiểm, chỉ có một cửa, bên phía hang kín. Một người cầm giáo muôn người khiếp sợ. Từ quả khiếp sợ. Bích-chi run sợ, bèn nhóm chúng xướng khuôn phép tiến tới.

Kích nhóm độ năng kiểm rằng: Hoặc có thể cho quân sĩ vượt qua sông. Vì vậy, chuẩn bị lấy cỏ cây bện thành, bám vào đập sóng mà thẳng tới. Các thần tay cầm túi nổi, ngược dòng mà đến. Cố thủ không được, bèn lên bờ kia.

Bộ Phần tướng quân chuẩn bị xe lính, đồng tâm sức cưỡi ngựa đến đánh. Liền sai An Tĩnh tướng quân, lãnh lính Quán lụy, chiếm cứ nguồn tán loạn. Lại sai Bình Nhẫn tướng quân đốc suất binh Hồng Dụ, lấp

miệng hang giận. Lại khiến Chẩn Tuệ tướng quân dẫn chúng cứu giúp dẹp đường san tham. Lại Lặc Bát Thông tướng quân chỉnh lính thông suốt, giữ đường cuồng si. Đốc sư la trương, bốn phía giao xâm. Tích chiến cáo tiệp, bất nguyệt mà ba. Hành dài sợ chúng giải tán, không được tranh tiến. Bèn thúc giục sáu quân, trí A-duy vượt đất tai nạn binh hỏa du hồn, thâu an Tha Hóa. Khu suất chó dê, muốn đến cự chiến. Bèn giả cọp sói để làm oai, kêu binh lính để tự vệ. Bọn khác đầu khác miệng phun gió lửa mà đợi phát. Loại gánh núi chở cây. Phương nghị tu dĩ tề hành, mong đến Hoàng gia, ưng phù thọ mạng. Mở cõi nhiều kiếp. Điệp Thánh nhiều lớp ánh sáng, hưởng phước vô cùng. Tiên đến ngày đảnh hồ, chiếu cố hết lòng. Khiến từ đời Văn Đức đến nay không chịu chiến tranh. Ban đầu đến Mạc Phủ lãnh thọ chiếu chỉ, y sắc lệnh mà thi hành. Lược lập sáu kỳ, cắt dứt mà thôi. Nhưng, cuồng thọ chu trương còn dám quên nghịch tiết. Tuy để lại nhiều hiểu dụ, đều không đổi tâm. Bèn lại mạng tương đại quyền, trừng trị mười vạn binh. Chưa hề tiếp thần. Mở rộng Tịnh độ, dùng vô úy để nghiêm thân. Gồm các điều hay riêng giúp. Rồng chiếm đạo thọ, cọp nhìn Ta-bà. Mười hiệu vừa đọc thì bốn mươi tám ứng kỳ. Ngôn giáo ba lập thì hai chín nhóm họp. Bèn đánh tiếng Phật mà xuất ba không. Dựng cờ từ bi để giúp tám nạn. Lập võ Đại thiên, oai chiếu muôn nước. Giáo thần tạm chỉ thì bọn ma mất mật. Kiếm tuệ vừa giơ thì bọn tà đều chết. Hiện đạo thân để chém tử ma. Dùng Bát-nhã (trí tuệ) để giết phiền não. Dẹp ma Ba-tuần ở rừng bất động. Diệt năm ấm ở cảnh kế tánh. Nhưng sau mới đuổi tổ giữ hang. Đối chỗ không đến, tuần phục ẩn tâm, chỉ một người mà thôi. Chỗ xa quan trọng, không có sức mạnh công kích đến. Bèn chạy trốn sinh tử ở nguồn vắng lặng, để lại già bệnh ở cảnh thường lạc. Dẹp ba chướng ở đường sáu thông, quăng mười sử ở cõi Ta-bà. Nguyên hung đã kiêu thủ đồ đăng phục tru. Người từ khác theo đều không thưa hỏi. Những người thành tâm nghi ngờ, đều khiến bỏ giáp quăng kiếm. Biên hộ dân lệ, thọ dùng hiệu xa. Dời cõi Cực lạc để nhổ năm mũi tên. Đều dùng thuốc hay trị lành bệnh cấu. Ban bố cháo thuốc. Vào lúc gió nghiệp dừng thổi, sáu trần không khởi. Mây lành bốn phía, linh cầm bay lên. Dẫn tám bộ mà tự lầm. Nghiêm bốn bảy để thủ vệ. Nương nhà an nhàn vô vi mà thôi. Đại giác Thiên vương v.v... còn thích phong quỹ, chí còn trừ bỏ. Giúp mưu ngày xưa, ân cần khuyên can. Từ không được miễn, thầm cho thường tấu. Bèn mở cửa cam lồ, xuất nhập chánh đạo. Ngàn đám mây sáng đến nghi Lộc uyển. Tứ thiên cúng bình bát ở trong tay. Hai nhà buôn dâng thức ăn lúc mới thỉnh. Vì thế duyên hành sáu huân thì bày

như tiên phong. Chân đế khai mở thì Da-xá kế tiếp. Hoặc bạn bè nhờ vinh hoa. Hoặc anh em cảm trạch. Ấp không suy ở sơ quả. Ngoài có đức ở Thập địa. Y theo lễ xưa, tuần tĩnh phương nhạc. Chấn lữ sáu thành, trị quân tám nước. Lý oán trên Tam thiên, hỏi tội dưới Cửu địa. Nêu người tài giỏi ở mười phương. Hội muôn nước ở Linh Thứu. Hoa hoang khắc trân, đất khác vọt lên. Bấy giờ, khai mở kho báu để giúp kẻ bần cùng. Xuất ba xe để cho các con, an ủi dân đen, an vui phục nghiệp. Thân an Nhất thừa, tâm vững như bàn thạch. Ở rừng nhìn nước, giảng nói Hoàng trạch. Thường nói ẩn dận, chiêu vời chưa theo. Nhân phong tạp vũ, đạo quang chiếu xa. Bốn phía sáng thông, hóa lưu chẳng khác. Nghe tụng ở trung lộ, phán quyết ở núi báu. Vô lượng oai nghi, chấn động thành núi, trí tuệ vô ngại rỗng suốt núi sông. Cho nên, nước không có hai vị thống lãnh, xe sách một khuôn phép. Mặt trời, mặt trăng sáng rực, trời đất trong sáng, sáu vạn binh lính, mở vòng vây để theo chánh. Mười vị tiên bỏ sông lớn để đến, bậc hiền bất động. Không xa ngàn dặm. Hiền triết ý vui cảm ứng mà đến. Công nhân mất đan ăn ở Thành Thi. Tiệp thú bưng bình, uống ở nguồn dài. Trong ngoài đều trong, trong ngoài đều yên. Thật do đạo âm tứ phu, dư ba đông huấn. Chúa thượng dốc lòng, các quan cung kính. Bẩm thừa thần quy, trừ hung cấu này. Há trí lực của thần có thể khắc cảm. Nương theo đây huân tiệm vọng cánh. Tiến phương việc trước kế toàn chưa có ngày. Đều trình bày để nghe.

Các thần đáng tội chết, đáng tội chết.

VĂN BÌNH MA XÁ

Đệ tử là Thủ Khu Đồng Nguyên do phái mà khác mối. Oa đươc đại hưng, tin trái ngàn đường. Vì thế, trí thắng tiêu tông. Trải qua nhiều kiếp, trên ba đèn sáng mở giáo. Trải qua trong chín mà chưa phải một. Thống gì tà đồ ngụy kiến, gia sắc độc ở nguồn tự nhiên. Kết giặc dối căn, ngự hình sắc ở cảnh điên đảo. Do đó mà thiên sư kháng hành trung đạo. Quyết ngôn hai ba bởi do bùi ngùi. Từ khi Tiên đế băng hà, thật là vô chủ. Thuần phong dần thiếu, linh giáo lập khác. Ngụy mà thừa dịp, bác bỏ thần ấp, giả biến chân tục, vọng bàn chẳng có. Khu dịch bốn loài, cùng khắp sáu đường. Ruộng đổi Dục thiên, Sói xoay đất ái. Độc hại biên hoang, nghịch lưu hoa hạ. Tuy Hiểm Duẫn (một giống rợ) xâm lấn Tông châu, hung nô lấn Viên Hán, chưa đủ làm thí dụ.

Trẫm do thần mê muội, từ tuổi nhỏ tham huyền. Hai mươi tuổi theo chánh trị. Nổi tiếng ở tuổi đại thông. Khu tụ ở Hiền kiếp. Gánh vác trăm ức trách nhiệm. Hổ thẹn đặc tôn ba cõi. Người trời ưa suy

tôn, không hề nhường nhịn. Bèn lên linh đàn thọ phong thiền này, cố duy đa khuyết, hữu tạm thứ chánh, minh phát siêng năng, không gấp khởi xứ. Thường tiếc phong cảnh chưa đẹp, chánh giáo chẳng phải một. Khiến cho chúng sinh đắm chìm cảnh ma. Thường một niệm dụng phế tẩm thực. Bèn, mạng tương trừng binh để trong sạch lúc nạn. Trên nhờ kẻ sĩ Tam-muội, dưới nương thầy sáu độ. Khống thanh phương hạ, đại kham hoang phục. Vì thế, sáu quân sấm động thì ba cõi mây tiêu. Từ thí điện trì thì bốn hung diện phiền. Hàng phụ như trần, sinh cầm muôn kế. Chỉ một ma Ba-tuần, một ngựa bôn ba, trăm đường xếp bày, ràng buộc không lâu. Hơn nữa, khiến cho năm đường cáo thanh, ngoài cõi đều một. Nghĩ cùng thiên hạ đều phước vui này. Có thể đại xá thiên hạ cùng giống ban đầu. Đổi hiệu tượng giáo, là năm tháng tức chân. Từ ngày mồng tám tháng hai muội sáng về trước. Hệ võng kiến đồ, đều nguyên thí cho. Nếu vì bốn ma chỗ lầm, phù du ba cõi, phạm mười điều ác, năm tội nghịch, hủy kinh hoại tượng. Ba đời đã gây ra tất cả các tội. Người có thể sửa đổi tội lỗi thì bất luận tội đời trước, nếu bỏ mạng ở núi tham dục, cất giấu gian khí. Người trăm kiếp không biết tự thú thì phục tội như ban đầu. Người kia giết cha hại Thầy, tổn anh tổn mẹ. Tùy lúc chạy trốn, do dứt sau phạm kia một người xiển-đề không được ân xá. Giúp tội tránh xa, thần tốc đáng nương. Ý bày bảo khắp mười phương. Người chủ thi hành.

Ngày mồng 08 tháng 02 niên hiệu chân nguyên. Trung thư linh bổ xứ Vương Thần Dật-da nói.

Thần là Văn-thù nói: Phụng giúp chiếu thư như bên cạnh. Thần nghe hủy trung chê điều lành, trải qua ngàn diệp mà chẳng không. Tà thần nghịch tử, trải qua trăm đời mà thường có. Đó là do ba giám lưu ngôn, phục tội lúc minh thời. Năm đời trái đạo. Cam trụ ở Thánh thế. Vì thế, Vương oai quyết chấn. Vui vẻ ở nước Chu. Chánh giáo dần thêm, phước quy ở đường xưa. Cúi xin bệ hạ, từ gồm trăm vua, trí bằng ngàn Thánh. Bỉnh thùy linh tân, ác đồ huyền hóa. Hiện ẩn động ở Đại thiên. Trì sính ứng ở các cõi. Phục vi hình để dẫn kẻ ngu mê. Rống lên pháp âm để chấn động người điếc. Cho đến bỏ thân chí đạo, chích máu cầu kinh, bỏ thân giữ cầm, đem mạng hàng thú. Bỏ ách thân nhiều kiếp thâu diệu chất một đời. Rồng ẩn Tứ thiên, lợi thấy Diêm-phù. Khinh bảy báu kia, trọng nhất thừa này, bỏ dạo thâm cung, giảm thiện hà trấc. Bỏ mũ báu ở rừng khổ. Giữ pháp y ở thợ săn. Vì thế có thể giá ngự tứ thiền, nương xe sáu độ. Dứt phục quần tà, đổi thành trở lại. Ba cõi không sợ lửa cháy. Bốn thứ dứt lo trầm luân. Mới phục tình còn, giải võng chí

thượng hựu khiên. Mười tám lai tô, vạn nước hạnh sâu. Cẩn trọng trình bày có thể giao bên ngoài thi hành.

Kính bạch.

Vào ngày mồng tám tháng hai niên hiệu chân nguyên.

Thị trung thần Văn-thù-sư-lợi, thị trung thần Tát-đà-ba Luân. Huỳnh môn thần Sư Tử hống. Huỳnh môn thần Xá-lợi-phất. Huỳnh môn thần Tu-bồ-đề.

VĂN BÌNH TÂM BÀY RA

Nghĩ Duy thức đạo hành quân phủ. Kính tâu việc bình tâm bày ra.

Nghĩ sử trì tiết nghi và tam ti lãnh đạo mười hai đại tướng quân. Duy thức đạo hành quân nguyên sư thượng trụ quốc tấn quốc công thần Bát-nhã, đồng nói: Thần nghe bốn ma phóng mạng. Trải qua một đời cho đó là ngạnh. Năm trụ du hồn. Hàm thức do kia mà bị hoạn. Đây là do ba minh Thánh trí, mười phương hùng tôn, đâu không thường động thiên sư, thường hành đánh dẹp.

Cúi mong bệ hạ, rủ lòng đại từ mà mở vận, ứng minh cảm mà đến hẹn. Yêm trạch thần khu, quang lâm pháp hải. Thuật linh điển của vua trước, diễn viên âm của chúng diệu. Xét huyền mưu của bậc Thánh. Hội tịnh quốc của chúng sinh. Cõi nước Tam thiên đồng bẩm oai linh. Trăm ức các châu đều tuân thỉnh giáo. Chỉ có ngụy tâm chủ A-lại-da thức chuyên giả danh khí, thao thiết sinh dân. Vượt khỏi càn thành trải qua hằng năm. Thân mê muội trong cảnh mộng, đêm dài không trở về. Rất rối loạn đối với hoa đốm trong hư không, suốt năm như người say rượu. Đem phan duyên làm tấm bình phong. Dẫn thần hý luận làm màn che. Vùi lấp lê dân, nhiễu loạn chiến tranh. Bệ hạ ứng chân lý vật, điều tục ngự dân. Nhớ cá voi này, thương đồ khôi này. Trục chiêu thần dương tinh sắc đã hỏi tội tâm đình thần cảm hiệu dung hư, bẩm thừa kỳ lược. Ngày mười sáu tháng tư trước, quân thứ tâm cảnh, tức canh một đêm đó, cùng gặp giặc. Thần đối đây ẩn cơ mật hội, huyền khế minh trì. Tập trung thuyền, giáo mác ở bến sáu độ. Ra lệnh binh xe ở xe Nhất thừa. Truân doanh ba tháng. Dương thanh phạm để bày oai nghi. Bày trận chín tuần đánh tiếng linh để làm khí. Thức A-lại-da, vốn mê mờ không sáng suốt. Cố chấp thân không dời đổi. Như con bọ ngựa chống cự bánh xe, như con ong ngậm chất độc. Bèn khiến Ngụy hằng hành Đại tướng quân thức A-đà-na, đốc suất con em vô minh. Nhờ tấm lòng vô lại, cứ thủ thành Càn-thát-bà cùng thần chống địch. Lại sai Ngụy tự tánh đại

đô đốc tiên Ca-tỳ-la ngụy chấp thử Đại tướng quan Ca-chiên-diên tử dẫn dắt ô hợp, tụ kết bọn kiến. Nghiêng ngã biên thùy, kích động thanh thế. Thần bèn phân bố các tướng, chỉ huy trù tính. Sai Nghĩ sử trì tiết bạt trần Đại tướng quân lãnh đạo bốn niệm xứ. Các quân sự suất đạo phẩm huyền khai quốc công thần cầu tri. Nghĩ sử trì tiết minh cảnh Đại tướng quân lạnh tụ Bát Chánh Đạo. Các quân sự thông chân huyền khai quốc công thần như thật biết. Bộ Lặc nhiêu hùng tinh lưu điện chuyển. Tùy phương tiện các đạo. Cõi nước tịnh duyên. Thần cầu biết v.v... tìm danh xét nghĩa. Nhiếp ảnh tìm dấu. Chợt hoành hành ở giữa mật cung. Hoặc chuyển chiến ở lỗ hổng lân hư. Sự cùng lý tuyệt, cõi tận đường cùng. Minh tông do đó tiêu hẳn, số luận đối đây tan rã. Ca-tỳ-la đồng biết Đại thừa tồn tại. Thức huyền gồm nhiếp chỗ về. Binh tướng suy yếu mấy ngàn, đều đến xin lệnh. Thần thương sáng chiều kia, hứa sẽ tự mới liền khiến từ bi quán đạo sĩ đều vô duyên, tùy tiện an dưỡng. Ngụy gián nghị đại phu chất đế. Hoài dật quần chi tư. Phụ xuất thế chi kỳ. Đem cả nước để so sánh trở lại ách thân bị phiền thần.

Vào tối rằm tháng này, hiệp trung quân dũng khí, nương ngoại địch lìa tâm. Tay chống binh khí, thân tiên sĩ tốt viên mạng nghĩ sử trì tiết Đâu-suất đại tướng quân, Ta-bà đạo chiêu ủy đại sử thượng trụ quốc sí đầu mạt khai quốc công thần A-dật-đa. Nghị sử trì tiết diêm phù đại tướng quân Thiên Trúc, các quân sự thượng trụ quốc Phú-lâu-sa. Khai quốc công thần Bà-tẩu-bàn-đậu đều do đạo quá ba không, thần đi khắp bốn biện. Khiến cho kia vời lấy thắng thua, dạy bảo đúng sai. Lại sai Nghị sử trì tiết bình đẳng đại tướng quân kiêm hành quân trường sử thượng trụ quốc gia thanh lương huyền khai quốc công thần chánh niệm. Nghị sử trì tiết biến mãn đại tướng quân cùng hành quân ti mã thượng trụ quốc, thường lạc huyền khai quốc công chân như. Cùng thần trong ngoài huyền đồng, lại ứng tiếp nhau, vào lúc này. Bên thu khí mát, lấp ánh trăng lạnh. Tinh kỳ và vân hán đều đồng. Dao nhọn và sương trời tranh hơn. Giúp hoằng thệ viên thông, siêu hai quán mà tranh đến trước. Dẹp ngàn môn mà đều vào. Tuy sinh tử không bờ mé, nhưng một niệm thấy bờ bến kia. Trần lao có bạn trong khoảnh khắc thấy núi lở. Ngụy thừa tướng trần hiển ngụy phộc xạ, lự tư không chấp cầu sống đóng cửa tự chết.

Ngụy Tư Không Sư Tử Khải, Ngụy Tư Lệ Đạt-ma Đa-la đều hộ dư sư, tự anh sâu chứa. Hồ nghi tranh nhau khởi, sai lầm bắt đầu sinh, chịu nguy ách mà không thấy giúp đỡ, bèn luân vong mà chẳng thể giúp đỡ. Thức A-đà-na cùng với kia làm chính. Ngoài không giúp mạnh, trong ít

thâm mưu. Thầy bạn khốn cùng, thành ao hãm đường. Quân thần thất sắc, tới lui không chỗ nương. Ngậm ngọc cúi đầu, dư sấn đợi tội. Thần liền bêu đầu Đà-na, thả để đế bị tù. Bỏ vương bị mê mờ kia, hiền từ kia. Phương tiện tông nhân không tuyệt, thường làm qua của mao thổ. Thế đức nối nhau. Thường tu lễ chức cống. Đối không khí khai đãng này, như hòa khí phản xuân thủy. Dơ uế trừ hết như gió mát mùa thu. Sáu căn siêu tuyệt, không xảy ra cái ngu đình chướng, ba cõi vắng lặng không sợ phong trần. Đây chính là oai quang xa giúp sĩ chúng đồng tâm. Há thần kém cỏi mà đến được, chí vui mừng không thể nói hết, kính nhờ hậu đức phủ biệt tương thần thấp trọng tri kính nêu bày, xin hết lòng nghe.

■

QUẢNG HOẰNG MINH TẬP

QUYỂN 30

THIÊN THỨ MƯỜI: THỐNG QUY

- Đời Đại Đường, chùa Tây Minh, Sa-môn Thích Đạo Tuyên soạn
- Đời Tấn, Sa-môn Chi Đạo lâm làm thơ khen Phật (8 bài).
- Đời Tấn, Sa-môn Chi Đôn vịnh hoài đại đức Thiền sư làm thơ nói về Sơn cư.
- Đời Tấn, Sa-môn Thích Tuệ Viễn, soạn lời tựa thơ niệm Phật Tam-muội.
- Thơ niệm Phật Tam-muội của Tấn Vương Tề.
- Ca từ Pháp lạc của Vương Nguyên Trường, đời Tề.
- Lương Võ Đế thuật thơ Tam giáo
- Lương Chiêu Minh, ở chùa Khai Thiện làm thơ Pháp Hội.
- Lương Giản Văn ở chùa Đồng Thái, làm thơ về Phù Đồ.
- Văn năm ấm thức của Giản Văn vịnh.
- Thơ Bách Luận xả tội phước của Lưu Hiếu Xước, đời Lương.
- Thơ Mông Hoa lâm viên giới của Giản Văn đời Lương.
- Thơ Giản ngật phú ba mươi vận của Chiêu Minh đời Lương.
- Thơ Dự sám trực sở của Giản Văn, đời Lương.
- Đời nhà Lương, Giản Văn ở chùa Hưng Nghiệp giảng thơ.
- Tập thơ Hòa ngũ minh của Nguyên Đế, đời Lương.
- Đời Lương, Chiếu Minh ở Chung Sơn giảng giải thơ các nhân hòa.
- Đời Lương, Hoàng Thái tử làm thơ Bát quan dạ thuật du tứ thành môn.
- Đời Lương, Giản Văn làm thơ dạo chơi chùa Quang Trạch.
- Thơ Bị u thuật chí của Giản Văn đời Lương.
- Đời Lương, Thẩm Ẩn Hầu lâm chung dâng biểu.
- Thơ lâm chung của Tạ Linh Vận đời Tống.
- Thơ lâm chung của Sa-môn Thích Trí Khải, đời Trần.

- Thơ Đạo núi và Tạp thơ của Hà Xử Sĩ, đời Trần.
- Trần Diêu Sát đến chùa Minh Khánh, Trướng nhiên hoài cổ.
- Thơ Dạo núi Nhiếp sơn của Thượng thư Linh Giang đời Tần.
- Thơ làm ở chùa Đại từ chiếu khi Lô Tư Đạo đời Bắc Tề theo hầu vua.
- Tạp thơ của Trương Quân Tổ, đời Trần (3 bài).
- Thơ Năm thứ Khổ của Sa-môn Thích Vong Danh.
- Thơ đến chùa Linh Nghiễm ở Phương Sơn của Dương Đế đời Tùy.
- Thơ lên lầu ngắm đèn xuân của Dương Đế, đời Tùy.
- Đời Tùy, Vương Vị thuật thơ Tịnh Danh.
- Thơ vào chùa Phụng Lâm của Tiết Đạo Hoành, đời Tùy.
- Thơ đến Tinh Châu, chùa Đại Hưng Quốc của Văn Đế, đời Đường.
- Thơ đến chùa Đại Từ Ân ở Kinh đô.
- Đời Đường, Pháp sư Tuyên ở Thường Châu vịnh Cao Tăng.
- Đời Đường, Pháp sư Tuyên đến Đông Sơn, Tìm hai Pháp sư Thù và Đàm.

THƠ KHEN PHẬT NGÀY MỒNG 08 THÁNG 04

Đời Đông Tấn, ở núi Ốc Châu, Sa-môn Chi Đạo Lâm

Ba xuân điệt gọi tạ
Dầu hạ ngậm ngọc sáng
An lành ngày thái bình
Mênh mông huyền vắng lặng
Bồ-tát thái linh hòa
Mênh mông nhân hóa sinh
Tứ vương ưng mà đến
Kiểu chưởng thừa vương hình
Phi thiên cổ nhược la
Đằng trạc rải chi anh
Duyên lãn đồi Long thủ
Phiêu nhị ế trôi chãy
Hoa sen dục thân ba
Nghiêng cành hiến triều vinh
Phương tân vụ bốn cảnh
Cam lộ nhuận bình ngọc
Trân tường doanh bốn tám

Huyền huỳnh diệu tử hình
Cảm long chẳng tình tưởng
Sợ hãi không chỗ làm
Huyền căn dân linh phủ
Thần điều tú hình danh
Viên quang lãng sáng đông
Dáng vàng diễm xuân tinh
Hàm hòa gồm tám âm
Thố nạp mùi thơm bay
Tích theo nhân sóng chất
Tâm và thái hư minh
Sáu độ khải cùng tục
Tám giải trạc thế anh
Tuệ trạch dung không ngoài
Không đồng vọng hóa tình

THƠ VỊNH NGÀY MỒNG TÁM (3 bài)

Đại khối huy khu tối
Sáng rực rỡ hai nghi
Muôn loài sinh hoa đẹp
Lóng trong ngưng huyền Thánh
Thích-ca nương linh hội
Viên thần đẹp cơ chánh
Giao dưỡng giữ điềm lành
Linh tri lưu tánh mạng
Động vi vụ hạ thi
Tịch vi vô trung cảnh
Chân nhân gieo thần hóa
Chảy, đọng vì có nhân
Rồng khen ấp Đâu-thuật
Phiêu cảnh bến Diêm-phù
Dừng xe ba xuân tàn
Ngựa bay Chu minh tuần
Tám phía vạch mây dày
Chín tầng trời rải hoa
Thần linh ca muôn khúc
Bàn giá tấu linh luân
Thuần trắng ngưng mưa thần

Lan tuyền đổi sắc thân
Đầu bộ ba tài thái
Dương thanh năm đạo dứt
Chẳng trái nên là quý
Vong kỳ nên kỳ thần
Xa ư, xa cổ tư
Tưởng thác do sự sinh
Tướng và đồ linh khí
Tượng ư, tượng hình kia
Xiêm vàng, màn chất lụa
Nguyên phục đà lụa xanh
Thần mà cung là tuệ
Tích mà động là hành
Nhà trống bày tiệc vui
Phát triển khởi tươi nhuần
Nghĩ tợ duỗi vui chơi
Ngã lượng tình tác giả
Ở đó sót chỗ chuộng
Tiêu tâm ngưng thái thanh.

THƠ THÁNG NĂM ĂN CHAY TRƯỜNG

Tinh lửa dưỡng trọng khí
Chu lìa thổ ngưng dương
Quảng chớ tán nguyên biến
Khởi gió nương hòa bay
Sức thấm nhuần vô biên
Bốn bộ kính vui mừng
Trong sạch lên nhà trống
Thanh tịnh hòa xuân sáng
Đêm sợ sương thu mạnh
Tiêu điều vịnh rừng đầm
Điềm tĩnh thành vị bàng
Dật dung nghiên xung cơ
Thải thài vận cung thương
Người thợ nắm thần nêu
Nương gió thổi cỏ thơm
Đạo hành nói hành sâu
Đẹp đẽ nói lý dài

Gắng gổ Duy-ma linh
Đức âm sướng du phương
Tráo lao mầu nghiêng huyền
Tuyệt trí do cận tạng
Lược lược vi dung giản
Tán tiếng chấn lưới đạo
Chọn phiền luyện câu trần
Ách đến dẹp chương hay
Rộng như sợ gió tan
Xa như ban đêm sáng
Ngụ ngôn há đã nương
Ý được thuyên tự táng
Thấm nhuần mầu tập dung
Ma ma khinh trần vong
Tiêu sách tình dữ đồi
Liêu lãng thần hiên trương
Ai cho bến tối xa
Nếu ngộ thì chống lại
Nguyện vi thầy Hải du
Chèo thuyền vào sông thương
Vượt sóng sấm nêu khách
Huyền quy hội đạo tràng.

TỰA THƠ "BÁT QUAN TRAI"

Gian Dữ Hà phiêu kỵ kỳ đương vi hợp thành Bát quan trai

Ngày 22 tháng 10, tập trung những người cùng ý tại Ngô Huyện dưới mộ Sĩ Sơn.

Sáng ngày mống ba là trai giới, Đạo sĩ, người tại gia gồm hai mươi bốn vị. Thanh hòa tú mục đâu không thanh tịnh.

Đến sáng ngày mồng bốn, các bậc hiền đều đi, tôi đã vui lặng lẽ nơi nhà vắng, lại có tâm tìm thuốc, liền một mình đi đến. Lúc đó bèn vẫy tay đưa về. Có tư tưởng hướng đến đường đi, tịnh cung hư phòng. Ngộ được chân ngoài thân, lên núi tìm thuốc và niềm vui bên vách đá và nước, để an ủi hai ba tình.

THƠ "BÁT QUAN TRAI" (ba bài)

Kiến ý làmpháp trai
Lý nhân khế minh trù

Tướng và kỳ ngày tốt
Mộc dục tạo gò nhàn
Vui vẻ lên nhà hiền
Sáng sủa tâm tu sạch
Yểu điệu khách bát trai
Không kiền tự ràng buộc
Tịch mặc năm tập chân
Hăng hái lệ tâm nhu
Trống pháp tiến ba khuyến
Cảm động lời dạy bảo
Xót thương nguyện hoằng giúp
Mọi nhà đều đồng thuyền
Lời Thánh nêu rõ ràng
Ứng với lời mong cầu
Tồn thành giáp thất lý
Ba cõi khen thanh tịnh
Tốt đẹp quy tể tướng
Rậm rạp như mây nổi
Ba hối khởi buổi sáng
Hai sám vào trưa tối
Minh cầm giới trong sáng
Bị lễ tẩm huyền dịch
Tiêu sách đình tân ly
Phiêu diêu thích theo gió
Tần ngần ở đường rẽ
Giơ tay hạ nửa chừng
Ruộng trong nhẹ rong ruổi
Tập tập lăng điện kích
Tức tâm đầu từng bước
Linh linh chấn kim sách
Dẫn lĩnh vọng chinh nhân
Hận hận nhớ nghĩ chứa
Khuất thân chẳng có ngã
Vật ngoài đã vắng lặng
Ngâm vịnh quy hư phòng
Thủ chân ngoạn u trách
Tuy phi một lần qua
Thả dĩ nhàn tự thích

Tĩnh một tán bồng lư
Từng âm vịnh đầu tiên
Hoành mạc chỉ rừng nhỏ
Để vườn lệ khích dũ
Tùng dung hà tưởng dật
Thái dược lên bờ cao
Nương vách lên ngoài tầm
Tiêu điều đến vạn mẫu
Nhìn núi vui thông tươi
Ngắm đầm buồn sách liễu
Giải đới dài chỗ rẽ
Ta-bà sông xanh hữu
Gió lạnh giải phiền não
Suối lạnh rửa ấm tay
Vắng lặng thần khí sướng
Kính như bàn rừng xuân
Đạt độ thầm ba tài
Hoảng hốt đáng thần ngẫu
Du quán đồng gò ẩn
Thẹn không hóa trữu ngay

THƠ VỊNH HOÀI

Cao ngạo nương thơ sách
Ngày qua rồi tháng lại
Như táng khốn sóng gió
Lưu lãng theo vật dời
Giữa đường cao vận ích
Yểu điệu kính trọng huyền
Trọng huyền ở hà hứa
Tìm chân ở trong lý
Lựa chọn vì ta dưỡng
Tiêu diêu khiến ta nhàn
Liêu lượng tâm thần sáng
Chứa đựng sáng tự nhiên
Bồi hồi trầm tình khứ
Rực rỡ lòng tươi mát
Do dự xem tượng vật
Chưa thấy hết toàn trâu

Lông Lân có chỗ quý
Chỗ quý ở quên nơm
Ngồi thẳng lân cao cảnh
Mênh mông nghĩ công lao
Nghiêng chân thân dây cương
Lĩnh lược gọi chung thư
Đến già cáp song huyền
Phi trang ngoạn thái sơ
Vịnh phát thanh phong tập
Xúc tư đều điềm đạm
Cúi vui chất văn tốt
Ngưỡng bi hai tượng tồ
Tiêu tiêu trụ hướng
Vắng lặng mông ấp trống
Mở mang việc ngàn năm
Tiêu dịch về không vô
Không có đâu bị thương
Muôn khác về một đường
Đạo hội quý tưởng thầm
Vong tượng xỏ châu đen
Khiến nước đục thành trong
Cơ quên soi nước trong
Úp gương về lóng lặng
Dung và làm đạo phù
Tâm và lý lý mật
Hình và vật vật sơ
Tiêu sách do việc đi
Riêng cùng thần minh cư
Mặt trời hy xuân phố
Du miến khen thời quan
Cảm vật nghĩ chỗ gá
Tiêu điều dật vận thượng
Còn nghĩ Thiên Thai cao
Phảng phất đều kính ngưỡng
Gió lạnh đẹp rừng lan
Ống sáo vang tiếng xa
Ven trời nuôi dây sắn
Thần sơ đều nhuận trường

Chu sa ánh chiếu soi
Phương chi diệu năm hiệp
Từng cạnh trọng vẫn sâu
Mắt mắt động đá rộng
Trong có tầm hóa sinh
Thân ngoài giải thế cương
Bão phát trấn hữu tâm
Huy huyền phất vô tưởng
Quỵ quỵ hình nhai đồi
Huýnh huýnh thần vũ sướng
Xoay vần vô tạo hóa
Phiếu miết lân nhân tượng
Nguyện đầu nhược nhân tung
Cao bộ gậy chấn sách
Nhà nhàn gá tĩnh thất
Vắng lặng hư thả chân
Dật tưởng tuôn trên đồi
Mông lệ vọng u nhân
Khái hỷ huyền gió thấp
Giao giao lìa nhiễm huân
Thời vô vấn đạo ngủ
Hành ca e nhân gì
Linh khê vô kinh lãng
Bốn núi không hạt bụi
Dư tương dạo núi xem
Giải giá chuyết chi luân
Phương tuyền đại cam lễ
Núi quả kiêm hành trân
Du lâm sướng khinh tích
Mưa đá tí vi thân
Sùng hư tập bổn chiếu
Tổn vô quy tích thần
Vì noãn noãn phiền tình
Giọt giọt trọng khí mới
Gần chẳng khách trong xứ
Xa sợ vi, vô vi
Cô tai tự có bạn
Đất sẽ nở hoa đẹp

Sáng trời chảy ánh quang
Thần lý mau chẳng mau
Đạo hội không lấn áp
Siêu siêu giới người đá
Ác huyền lãm cơ lĩnh
Dư sinh nhất hà tán
Phân chẳng giúp mé trời
Chìm vô minh đến vận
Biến bất dương ủy bính
Nhiễm nhiễm niên vãng tuấn
Du du hóa mong mãi
Kiều thủ hy bến huyền
Tưởng đăng cố chưa chánh
Sinh đồ tuy mười ba
Ngày đã tạo cảnh chết
Nguyện đắc lý vô thân
Đạo cao xung mật tĩnh.

THƠ "THUẬT HOÀI"

Chim lượn hót Côn Luân
Chí ẩn vọt hư không
Hoảng hốt về Linh hàn
Sắc bền thê nam ngu
Trạc túc khuy lưu lan
Thái luyện chứa thần sơ
Cao ngâm súc phương lễ
Bay liệng lên thần ngộ
Túc túc kha minh phiên
Mênh mông dục thanh khu
Tưởng lâu huyền vận dời
Cúi đầu đợi linh phù
Sông trong thành có lúc
Chắp cánh khiến nhọc người
Tổng giác đôn đại đạo
Hai mươi lộng song huyền
Lần lượt thích trường la
Cao bước tìm vua trước
Diệu tổn giai huyền lão

Vọng hoài lãng hào xuyên
Đạt quán đều làm được
Xuy lụy đều tự nhiên
Cùng lý ghét linh tân
Chiêu chiêu thần hỏa truyền
Hi di an xung mạc
Ưu du lạc tĩnh nhàn
Cao du không vị nếm
Quyến luyến phi nhã huyền
Nguội tâm ủy hình độ
Lớp lớp tùy hóa dời.

THƠ VỊNH ĐẠI ĐỨC

Tưởng xa còn nhiệm mầu
Gió lộng nhất hà sưởng
Phẩm vật nhóm huy hoàng
Sinh đồ liên hoảng hốt
Đã táng đại trừng chân
Vật dụ thì trí rộng
Xưa nghe bào đinh tử
Huơ giáo nhậm thần đến
Cẩu năng từ xung âm
Nhiếp sinh vẫn chỉ tay
Nương kia lai vật gian
Đầu thử im lặng chiếu
Xa độ suy cuộn duỗi
Vọng hoài gá võng tượng
Giao lạc doanh ức câm
Thần hội để cúi ngước
Đại đồng la muôn khác
Úy nhược đủ diện võng
Gửi gắm biển khu hương
Ủy hóa đồng trời đất.

BÀI TỰA ĐẠO NHÂN VỊNH THIỀN TƯ

Tôn Trường Lạc

Làm một tượng Đạo sĩ ngồi thiền và khen ngợi, có thể cho rằng: Phủ đối gởi tâm thành, cầu tham yên hoành ách. Thế núi rừng cao tuyệt.

Tưởng y nhân ở đây. Dư tinh kỳ chế tác, mỹ kỳ gia văn, bất năng mật dĩ, liêu trước thư một bài như dưới đây:

Vân sầm rất hoang sơ
Rơi rơi như tấm vải
Trở lại với suối lan
Túc lãnh tán gia thọ
Úy hội vi du cầm
Tranh vanh bặt nẻo bước
Trong có xung hy tử
Ngồi thẳng mộ thái sách
Tự cường giúp thiên hành
Chí hèn chẳng muốn đi
Ngọc chất lăng gió sương
Se lạnh xệ thanh thú
Dốc lòng khế thông lạnh
Trù mâu mát chiều về
Trong hội giữa hai dứt
Miên miên tiến việc thiền
Đầu nhất diệt quan biết
Nhiếp hai do thần gặp
Thừa điêu lụy ách hoàn
Lụy mười cũng ngưng chú
Huyền tâm đất vô khí
Diệu nghiên cách thô lự
Minh hoài di chấn kinh
Sợ sệt tứ u độ
Gặp lồng duyên sáu tịnh
Không đồng dứt thất trụ
Thệ hư thừa hữu lai
Mãi mãi là hữu đãi.

VỊNH SƠN CƯ

Ngũ Nhạc bàn thần cỏ
Tứ Độc chảy sông ngòi
Động cầu nhìn phương trí
Yên giữ nêu tĩnh nhân
Nếu không yên xuất xứ
Nương gá nhân hữu thường

Tìm nguyên còn chung cổ
Tưởng rỗng suốt ẩn dật
Ngọc sạch kia dưới núi
Tiếng vàng suốt sông nghi
Cuốn Hoa Tạng rối rắm
Chấn hạt phủi bụi trần
Dẫu từ sâu nhỏ khuất
Đạo và ngựa mạnh ruổi
Tuấn vô đơn báo phạt
Phân chẳng đầu dương chân
Thở dài về núi rừng
Tốt đẹp dụng người tài.

BÀI TỰA TẬP THƠ "NIỆM PHẬT TAM-MUỘI"

(Đời Tấn, Thích Tuệ Viễn núi Lô)

Tựa rằng: Gọi "Tam-muội" nghĩa là gì?

Nghĩa là chuyên tư tịch tưởng.

Tư chuyên thì chí nhất không phân biệt. Tưởng tịch thì khí rỗng thần sáng.

Khí rỗng thì trí điềm đạo soi chiếu kia. Thần sáng thì chẳng u chẳng suốt. Hai điều này chính là huyền phù tự nhiên, hội nhất mà chí dụng. Thế nên cảm vật thông linh, ngự tâm chân chánh, động ắt nhập nhiệm mầu. Đây là mượn việc tu để ngưng thần, chứa công để chuyển tánh. Còn hoặc như thế, huống thân ở tọa vong, minh hoài chí cực, trí lạc vũ trụ, đến chỗ đại phương vi? Xin nói về lúc ban đầu kia.

Bồ-tát mới lên đạo vị, vừa để ý huyền môn. Thể vắng lặng vô vi mà không đâu chẳng vi, sánh bằng thần biến kia. Khiến cho dài ngắn cách thường độ, lớn nhỏ trái lẫn nhau. Ba quang hồi cảnh để soi chiếu, trời đất co duỗi mà nhập hoài.

Lại các Tam-muội, tên kia rất nhiều. Công kia dễ tiến, niệm Phật là bậc nhất.

Vì sao gọi là cùng huyền cực tịch tôn hiệu Như Lai? Thể thần hợp biến ứng không từ phương hướng, cho nên khiến cho đây nhập định. Mờ mờ quên biết tức sở duyên để thành gương soi. Sáng thì soi chiếu bên trong sáng tỏ muôn tượng đều sinh. Chẳng phải chỗ tai mắt đến mà nghe thấy thực hành ư? Đối với đây thấy được thể ngưng đọng hư cảnh. Ngộ thì linh căn vắng lặng thanh tịnh tự nhiên. Xem xét huyền âm khấu tâm thính, thì trần lụy thường tiêu, trệ tình dung lãng. Không phải chỗ

chí diệu của thiên hạ thì ai chung với ở đây. Xét theo đây thì nhất địch chi cảm bèn phát chín tập lưu phú, dứt trọng mê của hôn tục. Nếu dùng sở duyên của các định thất phu, chẳng được nói sự hơn kém kia, rất dễ chịu. Đây là do phụng pháp các bậc hiền đều cảm khế hợp nhất đạo, cảm đối cảnh tấc bóng. Sợ lai trữ chưa chứa nhóm. Đối đây rửa tâm pháp đường, chỉnh y thanh hướng. Phần đêm quên ngủ. Đêm trước chỉ siêng năng, đồng đến với chín duyên. Ngưỡng viện siêu bước bạt mâu chi hưng thương xót dẫn dắt kẻ yếu tiến bộ, sách tấn người học sau kia. Do đây mà xét, huy hàn của các thiên đâu luống văn vịnh mà thôi?

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI (Lang Da Vương Tề Chi)

Diệu dụng sâu mầu
Thiệp có lãm không
Thần do muội suốt
Thức để chiếu thô
Chứa vi tự dẫn
Do công vốn rỗng
Dứt ba quán kia
Quên mảy may kia
Tịch Hán hà thỉ
Lý mầu thông suốt
Dung nhiên quên thích
Bèn rộng linh huy
Tâm xa bờ cõi
Không được theo cơ
Dụng đó để vui
Hội đó để mong
Thần giúp thiên ngưng
Viên ánh mây sáng
Cùng hóa mà cảm
Cùng vật thành bầy
Ứng không dùng phương
Người thọ tự phân
Vắng lặng gương sâu
Vàng, nước bụi xen
Khái tự một đời
Túc chi tuệ thức
Nương gá uyên nhân

Nương nhờ sức thầm
Chuyển đổi công phu
Chỗ sâu chỗ rộng
Một niệm chí thành
Chú tâm Tây cực.

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN

Sâu thay đạt nhân
Thần kia thấu triệt
Cảm mộng hồn giao
Mở Thánh triết này.

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN VÀO NÚI CẦU PHÁP

Tiếng phát khắp núi
Tức phát u thành
Tiếng vào trong tai
Vui mừng Thần chánh
Vâng mạng tiêu du
Trăm lo đồng tối
Gởi tâm ở nguyện
Hóa chính hàng linh.

KHEN NGỢI TÁT-BÀ-ĐA LUÂN THỈ NGỘ MỤC CÚNG DƯỜNG ĐẠI SƯ

Quy đồ sắp mở
Cửa linh lại mở,
Thần công khó vẽ
Đợi tổn mà ích
Tin đạo quên mình
Vui không kỳ hạn
Không phải triết nhân
Ai tìm lời hay.

KHEN NGỢI BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

Vực sâu êm êm
Đạo huyền cùng tận
Như biển lớn kia
Trăm sông đều dẫn

Bờ không đợi bến
Đường vô toàn chẩn
Ba dòng mở nguồn
Nơi đây cùng dứt

KHEN NGỢI NIỆM PHẬT

Đẹp thay Chánh giác
Thể thần do không
Động không có bờ
Tĩnh không lân hư
Hóa mà chẳng biến
Tượng mà không mẫu
Chiếu chân tánh kia
Soi các thô kia.

MƯỜI HAI CHƯƠNG: PHÁP LẠC TỪ
(Đời Tề, Vương Nguyên Trường)

Trời dài mạng tự ngắn
Đời ngắn đạo thênh thang
Đường thiền xe rộng xa
Biển ái thuyền loạn khinh
Lụy trần chưa hề hết
Tâm thọ đâu đếm được
Bụi trần dùng gì rửa
Nước chánh có dòng trong.
HỮU CA BỔN KHỞI
Trăm thần rất cung kính
Ba linh sớm vượt qua
Thường chiếu khắp phương nêu
Huân phong động lan nguyện
Chu vinh tạo ao ngọc
Lông chim tô ngọc khuyết
Hạo thuế không luống đến
Giao luân đâu luống khởi.
HỮU CA LINH THỤY
Đã giữa xuân năm tốt
Sao sáng chưa nửa đêm
Thiên tự chung ngơi nghỉ

Muôn nước từng tốt đẹp
Kim thân giúp cảnh tối
Tóc đẹp mang thần quang
Biểu trần chỉ tịnh giác
Phàm tục là luân hoàng.

HỮU CA HẠ SINH

Nhận khí biến lìa cung
Trùng khác kính tầng điện
Tiếng ngân cảm tâm thần
Thân tu khởi vui vẻ
Sinh già rồi luân hồi
Bệnh chết đang bước đi
Mới là đến nước tịnh
Đâu kết ách thành luyến.

HỮU CA TẠI CUNG

Cành xuân nhiều bệnh yểu
Lá thu ít tốt tươi
Thân tâm trọn tàn diệt
Thân ái tạm thời sinh
Gió mạnh thổi Bắc Lũng
Nước mạnh gấp Đông Lay
Biết ba tình đã vui
Được một thên bền vững.
HỮU CA BỐN DU
Phi sách từ quốc môn
Đoan nghi yển giao thọ
Từ ái luống nghĩ nhau
Trong phòng không luyến mến
Phong lệ trái vãng đồ
Chân ngựa một đường về
Giơ tay tạm biệt người
Đắc đạo lại trở về.

HỮU CA XUẤT QUỐC

Minh tâm mở mười phương
Tịch lự chung bốn thiền

Chim xanh nương vết ẩn
Văn ly cảnh trọng xuyên
Thứu nham tiêu viễn thắng
Lộc dã cứu thanh huyền
Không hy vọng của báu
Làm sao dắt mông tuyền.

HỮU CA ĐẮC ĐẠO

Đình đình cao tới mây
Ngất ngưỡng thần sương kết
Trên sông không bồi hồi
Giữa cành đều biến diệt
Linh trí vắng thường nhiên
Phù ứng có đủ thiếu
Cảm vận lại có nghi
Nhàm chán cõi nhân gian.

HỮU CA SONG THỌ

Xuân sơn ngọc đã chứa
Đàn lâm cỏ đã rậm
Dẫn lửa về đốt cháy
Rót nước từ đê trong
Vườn nhà chẳng vết khác
Kỳ quan có đồng bạn
Ngang nhau không xưa nay
Tiếp Võ há Yến, Tề.

HỮU CA HIỀN CHÚNG

Xưa ông khinh năm tháng
Đây cũng trọng thời gian
Trong phòng bỏ diên đại
Dưới cửa bỏ trâm anh
Thiền duyệt gồm phương chỉ
Pháp hỉ quên cầm thanh
Một khác không thể nói
Vinh nục gì là tâm.

HỮU CA HỌC ĐỒ

Cao lớn đến hư không
Xa xôi tận gió xa
Đằng phương thanh Hán lý
Tiếng Phạm cao trong mây
Hoa vàng thật tốt tươi
Cây huỳnh đây hành xanh
Tâm thành duyên cảnh tịnh
Nghiệp sâu nối Thiên cung.
HỮU CA CUNG CỤ
Bóng tiếng không hề cách
Tối sáng đâu có gần
Hoằng từ gần rồi xa
Tuệ hậu phiến cao trần
Trong cõi đề phước lớn
Ngoài nước thấm nhân sâu
Muôn năm giữ phước nước
Ức triệu vui dân Đường

HỮU CA PHƯỚC ỨNG

Chùa Tê Huyền nghe giảng xong đến các phủ, cộng bảy vận ứng từ đồ giáo (Vương Dung đời Tề):

Nghiệp đạo hơn xa đây
Tâm địa nhàn hay rỗi
Quế cháy uất sơ tải
Lan trì thản tương bích
Hư diêm đối trường tự
Mái cao lâm quảng dịch
Phương thảo liệt thành hàng
Cây gia phân như tích
Gió thổi chuyển hoàn kích
Khói trong khói rộng đá cứng
Mặt trời gá chiếu hồng
Thông ánh thủy hoa bích
Sướng tai nhân ngoại thưởng
Trì trì xuân sắp tối.

THƠ THUẬT BA GIÁO CỦA LƯƠNG VÕ ĐẾ

Lúc nhỏ học Khổng, Chu
Hai mươi rành sáu kinh
Hiếu nghĩa và phương sách
Nhân thứ Mãn Đan Thanh
Tiễn ngôn quý khứ phạt
Làm lành nơi thích sống
Trung niên xem sách đạo
Có tên và không tên
Diệu thuật chạm bảng vàng
Chân ngôn ẩn thượng thanh
Mật hạnh quý âm đức
Hiển chứng lúc trưởng thành
Tuổi già xem sách Phật
Như trăng soi các sao
Khổ tập mới hiểu biết
Nhân quả mới rành rõ
Giáo pháp chỉ bình đẳng
Chí lý quy vô sinh
Căn phân biệt khó đồng
Tánh chấp trước dễ sợ
Tột nguồn không hai tánh
Việc lành không ba anh
Cây xuân lớn ức thước
Cỏ nhỏ tài vân manh
Mây nhiều giáng mưa lớn
Tùy phần đều được tốt
Tâm tưởng khởi hiểu khác
Báo ứng có hình lạ
Sai biệt đâu tác ý
Sâu cạn vốn vật tình.

ĐỜI ĐƯỜNG, THÁI TỬ CHIÊU MINH LÀM THƠ “PHÁP HỘI CHÙA KHAI THIỆN”

Chim đậu vẫn chưa bay
Mạng giá xuất sơn trang
Khuất khúc lên lĩnh ngựa
Xen nhau vào ruột dê

Vừa thấy nguồn rậm rạp
Dần thấy núi xanh xanh
Sao rơi vùi cây xa
Sương móc khởi ánh trời
Ao âm túc tảo nhạn
Gió lạnh giục sương đêm
Đất này tin nhàn tịch
Thanh tịnh chỉ đạo tràng
Cây ngọc nước lưu ly
Màn lông vũ, giường vàng
Quế đỏ, đất san hô
Cờ thần, ngọc trăng sáng
Khiên la xuống thềm đá
Phan quế dựa thân tùng
Khe nghiêng trời sắp lặn
Khói sinh lầu nửa tạng
Ngàn năm có gì xa
Trăm đời quy ngã cùng
Gương vắng lặng vô phương
Pháp luân nhà tối sáng
Biển tuệ vượt thuyền từ
Trần căn lâu chưa gội
Thấm nhuần dũ ánh sáng

PHÙ ĐỒ CHÙA ĐỒNG THÁI CỦA GIẢN VĂN VỌNG

Xa thấy Quan Phật đồ
Ngọc bích lại rũ châu
Chúc quân vượt Hán Nhũ
Bảo dịch mại Côn Ngô
Trời sáng tia ánh tỏa
Phong ngâm cung riêng khác
Lộ rơi đầy Bàn hằng
Đồng sinh phụng dẫn chim
Cờ bay xen cầu vồng
Họa ô hiệp thần oan
Phạm thế lăng dưới không
Ứng chân tệ cảnh xu
Đế mã đều ngàn dây

Thiên y đều sáu thù
Ý vui khai biểu dài
Món báu hiện toàn thân
Khiến cho qua biển khổ
Lại khiến vượt ngã mạn
Nguyện hay đồng bốn nhẫn
Thường ra khỏi chín cõi.

VƯƠNG HUẤN PHỤNG HÒA

Phó quân ngồi bay quán
Bêu thành thuộc rừng lớn
Cửa vua tuy thông suốt
Lộ tháp lại ngàn tầm
Trúng lô xuất hán biểu
Tầng cung mạo vân tâm
Côn sơn ngọc chạm khắc
Nước đẹp vàng ánh sáng
Thuyền bàn đồng sương tay
Phụng đáp tợ thú bay
Trăng lặn thềm tây ám
Mặt trời đi đông xâm
Ngược dòng khai quyến thuộc
Ngọn bút động áo thần
Nguyện nương thuyền trở lại
Ra hẳn khỏi sông ái.

PHỤNG HÒA CỦA VƯƠNG ĐÀI KHANH

Ánh sáng thật xán lạn
Tháp vọt lên ngàn trượng
Nghi phụng khác chim linh
Kim bàn thay tay tiên
Tích củng thừa điêu giác
Mái cao đỡ mành châu
Đất báu như cát ao
Chuông reng như tiếng cây
Khoảnh khắc sinh ngàn biến
Nét vẽ họa muôn tượng
Sương mù lúc có, không

Thần tiên chợt đến đi
Sương sáng nửa tầng sinh
Cờ bay tiếp trên mây
Nghê đi đâu dám dừng
Gà bay đâu thể ngước
Khen lành giúp triết nhân
Lưu vịnh quy minh lưỡng
Nguyện nương thuyền bè kia
Bờ kia ai nói rộng.

PHỤNG HÒA CỦA DỮU TÍN

Xa xa lên bầu trời
Chiếu điện gần Đông kinh
Bóng dài đến hai cửa
Cao vượt quá chín thành
Cũng tích hành vân ngại
Phướn động làm chim sợ
Phụng bay như mới đậu
Sen nở như mới mọc
Luân trọng đối trăng tròn
Tiếng chuông giống tiếng loan
Vẽ dòng nước toàn chảy
Họa sắc mây nửa nhẹ
Bày vãng bàn như giọt (nước)
Ngọc vào lửa lại sáng
Tùy vọng uyển rộng lớn
Lại tiếp thành cát bạc
Dưới điện quế Thiên hương
Tiên Phạm nhập y sinh
Nghe tám món giải thoát
Mới bỏ sáu trần tình.

ĐÊM NHÌN TƯỚNG LUÂN TRÊN THÁP, GIẢN VĂN

Ánh sáng rõ phụng đáp
Trong sương thấy loan bay
Định dụng nước hương chư
Trì thiểm thừa lộ bàn.

PHÚ VỊNH NĂM ẤM THỨC CHI CỦA GIẢN VĂN

Nước chảy cuộn thần nhân
Tâm hình lại nương sắc
Sóng dục theo tình bay
Lưới ái tùy tâm kéo
Vàng đúc tuy đổi hình
Trẩm trù phương vị cực
Bồ câu xem không rõ
Vượn vịn đây đâu dừng.

LƯU XƯỚC PHÚ VỊNH BÁCH LUẬN XẢ TỘI PHƯỚC

Tìm nhân, đường bèn khác
Và bỏ đường vẫn cùng
Tột khổ trở lại vui
Tột vui khổ lại sinh
Há không luân hồi ái
Đều mê đắm ở tình
Mỗi mỗi biết tấm tướng
Nhiễm lạc pháp lưu thanh.

GIẢN VĂN, MÔNG HOA LÂM GIỚI

Người ngu đắm thế lạc
Tục sĩ trọng hư danh
Ba không đã khó rõ
Tám gió thường dễ nghiêng
Người ta đều đồng vật
Vốn tự một khô, tươi
Tuổi già ưa cô đơn
Do sau thọ bá thành
Phi vi ưa phì độn
Trì thị yểm phùng nghênh
Cầm ngọc giữ nước Phiên
Chủ khí làm nguyên trinh
Ngày xưa vẽ chữ bạc
Lâu tự thẹn tông anh
Đây há đeo ấn vàng
Do đâu đức rộng lớn
Ở cao thường lo thiếu

Cầm đủ hay sợ đầy
Đây nói tin không mạnh
Lòng son tốt đáng nói
Ghe thuyền phụng lời dạy
Dắt dẫn giáng hoàng tình
Đèn tâm sáng nhà tối
Thuyền chắc ra biển ái
Tiết đây cao thu vãng
Khí trời mênh mông trong
Giao môn quang cảnh đẹp
Cầu năm mây móc sinh
Trong sen đỏ thanh tỏa
Sương tím ướt nhà đỏ
Diệp mới qua kính sơn
Suối chảy reo quanh núi
Áo xanh nương ven sông
Trán đỏ phát trong rừng
Được tám thứ giải thoát
Mới khiến sáu trần nhẹ
Khi nghe thì bỏ được
Không xả bỏ trọng thành.

GIẢN VĂN, MÔNG DỰ SÁM TRỰC SỚ VÀ HỌA (5 BÀI)

Hoàng tinh thương huyễn tục
Thánh đức xót kẻ mê
Chế sách khai nhiếp thọ
Tơ nhỏ rộng tuệ môn
Xưa, anh hùng đầy nước
Bạn pháp thạnh cõi trời
Lấp hết phược năm đường
Cùng dẹp oán bốn loài
Ba tu trừ ngựa ý
Sáu niệm tịnh tâm vượn
Sân rộng rừng đẹp đẽ
Đất lặng chim hót ca
Trên gió thổi ốc pháp
Chuông reo nơi mái hiên
Mai mới đều chưa nở

Quế rụng nhóm trở lại
Khói sớm chứa thềm đá
Thủy triều ngâm cửa sông
Một sớm khéo dẫn dụ
Mới mong khỏi lồng chim
LƯƠNG VÕ ĐẾ HỌA
Ngọc tuyền lậu đã hết
Cửa vàng sáng chưa thành…

VƯƠNG QUÂN ỨNG CHIẾU VÀ LỜI TỰA

Hoàng Thái tử, thơ phụng hòa sám hối. Bèn dâng Hoàng Thần, tột Thánh chỉ tức sở hàng, cùng chỗ dùng mười vận tâm rộng lớn vui mừng chưa từng có vội sưu tầm các vận khác liền nêu lỗi lầm:

Nhất thánh trí sánh sáng
Đức vua sáng bốn biển
Gánh vác thật du thuộc
Độ thoát thật ở đây
Sám thuyết tề mông ngu
Suy tâm trừ khinh khi
Danh tăng dẫn định tuệ
Triêu anh nêu nguyên khải
Hoàn mê nhờ người lành
Phản tâm do chân thật
Hòa linh lẫn thổi âm
Phướn đẹp sáng màu tuyết
Bèo sáng muốn rút lá
Bụi tre muốn rũ cành
Hết lòng thương xót đến
Lòng thành tin gấp bội
Đẹp đẽ như sương mù
Hoa lan như hạt châu
Dẫn dụ muốn kế tục
Xá hào quỷ văn thái

THÁI TỬ CHIÊU MINH GIẢNG TỊCH SẮP XONG PHÚ BA MƯƠI VẬN Y THEO THỨ LỚP DÙNG

Pháp uyển gọi gia nại
Vườn này trúc đẹp dài

Linh giác vời ảnh nhau
Thần tiên và tê túc
Tuệ nghĩa sánh ngọc quỳnh
Huân nhiễm dụ lan cúc
Lý huyền sánh mười kế
Công sâu như chín nhà
Hoa thủy sợ ghe bạc
Phương cù xếp trục vàng
Lời nói dứt đã lâu
Phiền lao ràng buộc nhiều
Do đây mở mây tuệ
Muốn cho phục tâm trần
Tám nước nhuần tiêu nha
Ba minh mở các mắt
Chuông báu sáng không đều
Danh hương tối ngào ngạt
Tạm bỏ sáu xe ngựa
Bỏ đi hai xúc này
Cây ý tu hoa trời
Sen lòng nghe thơm phức
Đây dụ biển khơi động
Như trái Am-la chín
Diệu trí như gấm màu
Lời thâm đồng sương mốc
Khéo học đồng Phạm trảo
Chân ngôn khác tâm đồng
Thấu suốt bao gồm thành
Ngọc trúc bày vàng rực
Châu hoa rợp tám khe
Dòng ngọc thông chín hang
Thú xanh chợt xuống lên
Nhạn trời bay trở lại
Nói lớn thuộc lúc nghe
Ít nghe luống tự thẹn
Trời sáng tổ uyên ương
Gió qua nhà nhền nhện
Hoa rơi rải hương xa
Mây nổi cuốn loài xa

Sông rộng đồng vườn voi
Trung thừa như dừng riêng
Lửa sau khó vững chắc
Sơ tâm dễ lui sụt
Nên phải lìa hoa nước
Chẳng nên trái cây sơn
Núi cao không đáng quý
Rừng rậm đâu thể giữ (yên)
Khí nguyệt ít giữ bóng
Tâm khôi nhiều phương khác
Thấy ái đồng tìm ong
Dạo thiện như nguyên thục
Tám ấm núi tiên nhân
Bốn sáu thần long úc
Dược thọ thường rậm rạp
Cành thiền đâu điêu khắc
Nhờ đây vui nghe đạo
Hầu bỏ được lo lắng
Nguyện truy lộ xe báu
Thoát lý thân suy cốc.

VĂN GIẢN, RA GIẢNG CHÙA HƯNG NGHIỆP

Mộc phương sớm mang lấy
Giá ngôn chỉ tịnh cung,
Hai cánh còn in bóng
Nạo thổi tạp hoàn phong
Ngô qua hạ bắn tên
Ngựa ký ghi thẩm cung
Nước chiếu liễu xanh rờn
Khói bay đào hồng lợt
Do có sáu trần phược
Từ lâu năm triền che
Thấy Hạc luống biết lầm
Xét voi lý khó đồng
Mới biết thẹn bốn biện
Đâu thể nói ba không.

LƯƠNG NGUYÊN ĐẾ HÒA LƯU THƯỢNG THƯ THỊ NGŨ MINH TẬP

Đức vua thấm cõi nước
Rũ áo bày thái bình
Huỳnh đường thẹn mậu thật
Con tợ thẹn tiếng hay
Trị gia bày năm lễ
Công thành tấu sáu anh
Hấp dẫn lưu thần giám
Ghe thuyền động thấu tình
Pháp vương chỉ một pháp
Vô sinh tin bất sinh
Nhân nhân từ đây thấy
Quả quả từ đây rõ
Nguyên lương ngưỡng phó hậu
Hàm nhất chấn hồng danh
Quy tạng du khải thệ
Lỗ lại quan xuân khanh
Cung nhật đẹp khí này
Điện nguyệt khéo gió mát
Khí tiền tệ Tây quán
Màn che cuốn nam vinh
Cửa vàng luyện trống sáng
Bầu ngọc nghỉ canh đêm
Cung quý lưu hiểu hợp
Thành ô xâm thự minh
Lộ quang trên cành động
Bóng ráng trong nước nhạt
Kém cõi nay việc gì
Luống biết luyến pháp thành.

THƠ CHUNG SƠN GIẢNG GIẢI VÀ HỌA THEO CỦA THÁI TỬ CHIÊU MINH

Chung Nam gần cửa Hán
Cao chưởng vượt chu kinh
Đây lại thiếu Thiên lãnh
Khung long cách thành vua
Ngay đường lập quán châu

Lâm hạ dựng sơn doanh
Nam nhìn tận sông Hoài
Bắc ngắm tới sông Thương
Bộ đam thời trung túc
Phi giai hoặc thượng chánh
Nhà cửa họa vân khí
Trang thất vẽ tiên linh
Phó quân thương lưới đời
Quảng mạng tụy nhân anh
Đạo diên chung hậu nói
Loa bí xuất giao hướng
Vân phong hưởng lưu xuy
Thông dã ánh phong tinh
Duệ tâm gia đổ nhược
Thần tháo mậu lâm quỳnh
Đa tạ tiên thánh thường
Không ban hậu thừa vịnh.

TIÊU TỬ HIỂN PHỤNG HÒA

Tung Nhạc dựng chữ xưa
Bàn lãnh vượt Nam kinh
Tâm sáng trọng thiền thất
Ngựa chạy vượt quá thành
Xe vàng từ từ chạy
Ngựa kiềm nhảy lại hí
Đồ phương sau trần hợp
Địa huýnh trước già thanh
Quanh co do đài thọ
Không bằng bởi cờ bay
Cao tùy gió thổi lớn
Thế cùng nguyên thiên tinh
Khí hiết liên thông xa
Vân thăng thu dã bình
Bồi hồi đến thôn ấp
Trong ngoài thấy sông Hoài
Quả báo tôn thường trụ
Cạn tuệ ở vô sinh
Tạm giữ phép núi đá

Muốn biết phương đỗ tình
Đảnh lễ nhờ vui mừng
Chiêm ngưỡng nghe tiếng tụng.

LƯU HIẾU XƯỚC HÒA

Ngự hạc bay y thủy
Sách Mã ra vương điền
Ta dạo nơi Kỳ Thứu
Sánh việc thật sáng suốt
Dù đẹp che cảnh sớm
Cờ Châu kéo khói sáng
Lầu trước đẹp hang núi
Đề tổ đẹp rừng, ruộng
Huống ở đất đăng lâm
Lại đến gió mùa thu
Nhánh cao biến trăm hoa
U nhàn sạch sông suối
Đình loan đối tòa báu
Biện luận vui trời người
Yểm trần giúp nước biển
Chiều tối nhờ đốt đèn
Pháp bằng nhất dĩ tán
Già kiếm nghiễm tương toàn
Gặp gỡ nhiều tốt đẹp
Nương nơi bạn hiền tài
Lồi khéo tuy gồm dạy
Ân hận riêng bài cuối.

LƯU HIẾU NGHI PHỤNG HÒA

Vui đẹp đến mái Đông
Xe cộ đến vườn Tây
Tuy tột lễ dạo chơi
Trọn vì trần tục ồn
Đâu bằng hoằng bảy giác
Giơ linh khởi bốn cửa
Khí đêm sạch ống sáo
Trận sáng sớm giao nguyên
Gió núi loạn Thái mạo

Sơ cảnh đẹp văn viên
Lâm khai tiền kỵ sính
Kỉnh khúc vũ toàn truân
Yên bích phù chim xanh
Thạch lại hưởng phi bôn
Hồi tình dưới lầu gác
Hàng đạo phát chân nguyên
Bàn không đủ suối chảy
Chuế tảo mại huyền phồn
Khinh sinh gặp quá lầm
Linh tác liễn rồng chim
Nguyện dĩ đồng chim tước
Hà dụng ấp cù tôn.

BÁT QUAN TRAI DẠ PHÚ TỨ THÀNH MÔN LẠI SOẠN BỐN BÀI SƯU TẬP NGÔ ĐỆ NHẤT PHÚ VẬN ĐÔNG THÀNH MÔN BỆNH

Kính yêu ánh sáng kia
A triền sinh dễ bẻ
Vô nhân tuyết cỏ bờ
Lự trái Mang sơn huyệt
Khô cạn da, sáu tạng
Đau đớn các thân phần
Làm sao trong xúx linh
Lo khổ không tạm dừng.

MÔN GIÀ Ở PHÍA NAM THÀNH

Hư tiêu thật dễ phạm
Ách Đằng lại sẽ đứt
Thường tùy kha đã ít
Năm nay tin trường quyết
Đã đồng Ngựa non đi
Lại giống hoa hồng tàn
Một hôm, nghiên hanh bỏ
Cô đăng hành tự lập.

MÔN CHẾT Ở PHÍA TÂY THÀNH

Tâm chậm tuy đã khác
Cảnh diệt đâu hơn kém
Tùy theo gió nghiệp hết
Đều trở về luống dối
Năm ấm thật là giả
Sáu đường đâu có đứt
Suy tàn đều trở về
Ưu tư không kết nhau

CỬA SA-MÔN PHÍA BẮC THÀNH

Tục huyễn sinh ảnh không
Ưu nhiễu tâm trần tối
Ở đây trừ bốn triền
Bỏ đó, cầu Niết-bàn
Người học sau để tâm
Mới từ sâu xa khác
Đã buồn cảnh tướng không
Lại làm mây huyễn diệt

BÀI PHÚ THỨ HAI CỬA THÀNH PHÍA ĐÔNG - BỆNH

Không bệnh thật dễ lành
Bị bệnh nên có khỏi
Luống biết lợi năm màu
Trọn buồn rơi chín suối
Đã thông tuyết, sơn thảo
Bệnh nặng có ai thương
Lại lo chìm biển khổ
Do đâu quả Tịnh Thiên.

CỬA THÀNH PHÍA NAM - GIÀ

Xưa giống sen màu hồng
Tựa ở bênh ao trong
Nay như cây hoa trắng
Lại buồn trước gương sáng
Ba trẻ muốn ở đâu
Ngày khác dời về Tây
Thanh tôn không còn vui

Bồng tẩn khởi lại nghiên

CỬA THÀNH PHÍA TÂY - CHẾT

Cao đường tin bạn nghịch
Lý nghiệp hoại thường lôi
Ngọc hạp mới ủy sấn
Đài vàng không còn dài
Vãn thinh theo gần xa
La ảnh mang thông treo
Đâu thể giữ mười niệm
Chì ứng theo bốn duyên

CỬA THÀNH PHÍA BẮC - SA MÔN

Kinh hành dưới rừng cây
Cầu đạo chí bền vững
Đã có sức thần thông
Chấn tích xa ngược khói
Một là bốn nguyện rộng
Chí đạo đâu thể đắm
Không thể thọ nhiều kiếp
Bất luận năm dài ngắn

THỨ 3: CỬA THÀNH PHÍA ĐÔNG - BỆNH

Bệnh triền miên trăm năm
Tự thương không năm phước
Tươi mãi vẽ hòm rắn
Không gặp Nai vị tiên
Tạp khí mê hình vẽ
Nằm ngồi cầu ngủ nghỉ
La Nhu khởi tái hoan
Lâm chi phương sĩ mộc.

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

Tuổi trẻ ưa hoa thêu
Suy mộ dần la nghị
Luống thương tuế nhiễm nhiễm
Bày thơ chẳng nhiều lắm
Tóc hạc từ hiên miện

Đài bối nấu với tiêu
Thông bách vừa nương nhau
Yêu thích mấy lúc hòa

CỬA THÀNH PHÍA TÂY - CHẾT

Nhớ nghĩ lúc bình thường
Ngao du vườn Thượng Uyển
Thường ở dưới thông bách
Xuân quang luôn sáng tươi
Kết căn tố nhân quả
Nhánh lá duyên xương thịt
Tự nên như loa ốc
Thẳng đây theo gió dao

CỬA SA-MÔN Ở THÀNH PHÍA BẮC

Ở đời chán ràng buộc
Nhờ ruộng có lúa ngon
Thường mặc áo nhẫn nhục
Bỏ đây mặc tơ lụa
Nguyện dắt chúng ba đường
Khiến điều phục mười sử
Châu nguyệt như trầm thủ
Thìa vàng chưa cạo mắt

THỨ TƯ: CỬA THÀNH PHÍA ĐÔNG BỆNH

Lụa tím chưa có được
Sông Chương luống lại xa
Vừa gặp bệnh thái mã
Bí dục bỏ chạy theo
Đã không chín chuyển thuật
Lại thiếu muôn vàng lạ
Không xem trao cương chưởng
Chỉ mộng ao hoa sen

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

Ngày trẻ ca hát
Nhìn lại tiếc dung nghi
Một mai già yếu đến

Tóc bạc rũ trắng xóa
Đã thương muôn việc hết
Lại nhớ đến chín cửa
Thừa hiên ý ở đâu
Ngồi một mình như vậy.

CỬA THÀNH PHÍA TÂY: CHẾT

Một hơi thở nay dứt
Bình sinh đâu khuôn phép
Ngày dài hiểu lộ xúc
Ngàn năm ai có biết.
Nhà đẹp một khi bỏ
Màn thông thật khó nhìn
Muôn năm cất châu ứng
Ngàn năm thôi ngọc kỳ.

CỬA THÀNH PHÍA BẮC - SA-MÔN

Thâm tâm không thể nhiễm
Chánh đạo cũng khó khăn
Mới dứt khổ năm dục
Và bỏ ba tà cách (ách).

CỬA THÀNH PHÍA NAM: GIÀ

Tuổi nhỏ ưa lụa hoa
Ngày sau đến Tây thiên
Ngọc hạp phương ủy khái
Đài vàng không kéo dài
Nương không lự khó tĩnh
Tập đường lành cũng vậy
Bỏ thân không nương gá
Một chén đâu đợi lường.

THƠ NHIÊN ĐĂNG NGÀY MỒNG TÁM THÁNG GIÊNG

Ta thọ giao vô cực
Hoa vân y số trọng
Chức trúc năng vi tượng
Phược địch khéo thành long
Rơi như tro nhị thạnh

Rải dầu ướt vẽ núi
Thiên cung bỗng nhiên thấy
Đăng vương nguyện sẽ gặp.

GIẢN VĂN DU QUANG TRẠCH

Bách tía rũ liễu xanh
Hòe nhẹ phất gió tuệ
Tám suối sáng nương cây
Bốn quế noãn lâm không
Thúy võng tùy yên bích
Chu hoa cộng ngày hồng
Phương vui bủa mây rộng
Sáng từ lưu tịnh cung.

ĐỜI LƯƠNG, GIẢN VĂN Ở U TRẬP, CẦM BÚT SOẠN TỰA RẰNG:

Chánh sĩ đời Lương
Giản lăng tiêu cương
Lập thân hạnh rồi
Trước sau như một
Gió mưa đêm tối
Chim kêu không thôi
Chẳng khinh nhà tối
Huống lại ba sáng
Nhiều đến như thế
Mạng cũng ra sao

LẠI LÀM LIÊN CHÂU (BA BÀI)

Bài một:

Tôi nghe có người xưa giàu mà nay nghèo. Có thể gọi nhiều mà giúp cho thì ít. Đây là do độ tố dưới lầu, có riêng suy thần. Thông bách kiều nam không dư bạch xã.

Bài hai:

Tôi nghe nói có thể che lấp. Lòng nhân có thể nuôi chúng sinh. Đây là vì muốn coi thường sự chết kia. Có đức thì sẽ sáng. Binh giẫm nơi nghĩa, không nghĩ chẳng phục.

Bài ba:

Nghe có đạo hạnh thì năm phước đều tốt. Vận hạ thì sáu cực vang

xa, đây là do: Lân xuất mà thương, đâu chỉ Khổng Tử, đường cùng thì thương. Đâu chỉ nối tông.

LẠI LÀM THƠ RẰNG:

Hốt hoảng sương mù tan
Vi vu thông bách rợp
Núi sâu bạch dương xưa
Đường vắng trần vàng sâu
Không hề ngàn mặt trăng
Đâu có chín vàng đỏ
Trong cửa thường chìm mất
Trời xanh soi chiếu tâm.

Tháng 10 bị giết ở tỉnh Vĩnh Phúc, băng hà vào năm bốn mươi chín tuổi. Khi băng hà nhằm niên hiệu Thái Thanh thư năm.

THƠ LÂM CHUNG CỦA TẠ LINH VẬN ĐỜI TỐNG

Cung Thắng có để lại
Nghiệp quý không cùng tận
Khê Sưu lý đã vội
Hoắc Tử mạng cũng mất
Thê thê hậu sương bách
Nạp nạp xung gió khuẩn
Gặp gỡ cũng có lúc
Tu ngắn chẳng chỗ thương
Hận ta chí quân tử
Không được chết trên núi
Tống tâm trước chánh giác
Bệnh này chịu đã lâu
Chỉ mong muốn đời sau
Oán thân đồng tâm trẫm.

LỜI BIỂU, LÚC LÂM CHUNG CỦA THẨM ẨN HẦU

Thần Ước nói:
Thần bị bệnh đã lâu
Đến nay thì hóa
Hình thần sắp lìa
Đã được mười tháng
Thân rất đau đớn

Không gì dụ được
Bình thường lúc khỏe
Không nói lời này
Dơ tay ngồi kiếm
So đây là nhẹ
Kính mong thâm nhập pháp môn
Bệnh này đau đớn
Trong thương ngoài thứ
Thật vốn nhân tình
Cúi xin Thánh tâm
Trọng gia suy rộng
Thần lúc qua đời
Không còn ân hận
Tuy dần dã tốt
Cũng vẫn kêu buồn

Kính khải

THƠ LÂM CHUNG CỦA THÍCH TRÍ KHẢI, SA-MÔN ĐỜI TRẦN

Ngàn tháng vốn khó đủ
Ba thời lý dễ khuynh
Đá lửa không thường cháy
Sấm sét đâu sáng lâu
Di văn không đầy ống
Như vậy đời sau mê
Suối vàng mới u nghẹn
Thung lũng vừa se lạnh
Một sáng sương lộ hết
Đêm chỉ có tiếng thông.

ĐỜI TRẦN, GIANG TỔNG VÀO CHÙA THÊ HÀ Ở NHIẾP SƠN VÀ BÀI TỰA (1 bài)

Ngày mười tám tháng mười năm Nhâm dần, vào chùa Thê Hà ở Nhiếp Sơn. Lên đỉnh núi cao, trong lòng rất vui.

Ngày 26 tháng 10 năm Quý mão, năm đầu niên hiệu Chí Đức, lại đến chùa này. Pháp sư Bố truyền giới Bồ-tát. Ngày 25 tháng 10 năm Giáp Thìn, kính dâng tượng vàng. Trở về núi, thời gian công việc có giới hạn, không được ở lâu.

Ngày 16 tháng 11 năm Ất tỵ, lại được lễ bái, bèn ngủ lại trong núi. Hằng đêm quyến luyến thê thần theo nghe. Nhưng luôn tay không ngừng, củi trên tay buông, vội tiếp bài này ghi làm mục lục, người đời sau biết chí của tôi.

Tâm tĩnh chứa băng tuyết
Mộ xỉ bách dâu du
Thái tức ba xuyên tấn
Buồn thay câu nhân thế
Tế duật giai thải hoạch
Cuối cùng cụ nghiêm khô
Trạc lưu rót tám nước
Khai khâm nhập bốn câu
Núi này linh diệu hợp
Nên cùng với trời đất
Thạch lại vừa sâu cạn
Khói núi lẫn hữu vô
Khuyết bi ngang xưa trục
Bàn mộc nằm giữa đường
Hành hành đã trải qua
Từng bước nghe khập khễnh
Cao tăng dấu càng xa
Thắng địa tâm hợp nhau
Tiều ẩn các hữu đắc
Chu thanh riêng chẳng vượt
Di phong chứa quế thơm
Sánh đức dụ sinh con
Ký ngôn khách đi xa
Thê nhiên thương kẻ hèn.

Ngày 12 tháng 11 niên hiệu Chí Đức, thăng đức thí sơn trai.

TAM TÚC QUYẾT ĐỊNH TỘI PHƯỚC SÁM HỐI

Bốn trí không cao tâm
Ba trí khởi u tâm
Phân biệt tránh nhân vật
Dừng nghỉ ở núi rừng
Khúc nhàn đình xu hưởng
Giao chi rơi mạn âm
Đài ao chứa tuyết đông

Cửa chuồng để súc về
Đá màu chẳng mới cũ
Ngọn núi đâu xưa nay
Xe lớn sao thăm thẳm
Ngựa bèn chạy xa xăm
Vì sao tu sáu niệm
Chí thành ở một tiếng
Chưa phiếm thuyền từ xa
Luống khiến nguyện biển sâu.

Chùa Thê Hà, Nhiếp Sơn. Sơn phòng dạ tọa giản từ tế tửu chu thượng thư tinh đồng du quẩn nhan giang linh công.

Thân sạch thờ châu giới
Chẳng phải học thuyền vàng
Thềm trăng thời gối ngang
Vân nhai túc giải yên
Mái phạm điều tâm dễ
Thiền đình dứt thì khó
Thạch gian dòng nước sạch
Song núi lá hết lạnh
Ông nghĩ xe Bắc Khuyết
Tôi tiếc mũ Đông Đô
Phiên sấu đêm chung tận
Đồng chí không bàng hoàng.

TỪ HIẾU KHẮC NGƯỠNG ĐỒNG LINH QUÂN NHIẾP SƠN CHÙA THÊ HÀ, SƠN PHÒNG DẠ TỌA SÁU VẬN

Giới đàn thanh thạch lộ
Linh tướng tử núi vàng
Ảnh tiến cáp quy y
Xan nghênh rồng che chở
Sáng sớm nói kệ thật
Đêm lạnh liễm sơ chung
Khê lan tịnh chứa ác
Nhân trí riêng theo khách
Năm thiền thanh tịnh lự
Bảy giác sạch trong tâm
Xin đối với nơi này
Thường nắm tay gặp nhau

TRẦN CHỦ ĐỒNG GIANG BỘC TẠ DU NHIẾP SƠN CHÙA THÊ HÀ

Khi tâm tể Bàn Khê
Chẳng liên quan Trúc Lâm
Thức Nhạc thông xanh sáng
Núi Kê mặt trời lặn
Trời sáng mây nổi ít
Núi trống trăng sáng sâu
Tàn phá bóng cây khô
Úa héo cây mây mưa
Thôn đêm sương chim bay
Đường gió lạnh vượn hú
Tự tìm đường xuất tục
Há đây muốn rút tâm.

ĐẾN CHÙA THÊ HÀ Ở NHIẾP SƠN VÀ LỜI TỰA

Niên hiệu Trinh Minh năm đầu thái tuế, ngày 19 tháng 4 năm Đinh mùi, ngày Quý hợi, vào Nhiếp Sơn, Pháp sư Bố mở tuệ. Nhớ Tạ Linh Vận nhóm họp. Về núi cũ vào vách đá suy nghĩ.

Đạo nhân Đàm Long có một bài thơ, mười một vận nay soạn ra, để học chương lạc lễ

Khi mưa phùn đã tạnh
Đầu tháng tư mát mẻ
Ngủ đêm trong đồng trống
Vội lên tận đơn hà
Kính ngưỡng bậc cao đức
Kháng chí trần vật biểu
Ba thông suốt đã ngộ
Muôn điều có sao ít?
Trước sau tình đã gởi
Minh kỳ lượng không ít
Nương áo vào suối rừng
Mạch khí tối sáng mát
Gió thổi mặt lành lạnh
Đợi trăng lên sáng tỏ
Khói núi dứt đã xưa
Vân lộ bài chinh đảo
Đường tắt lân sâm trầm

Phan điều tích yểu đảo
Bình thường quên thị phi
Suy yếu đâu xót thương
Năm tịnh từ đây có
Bảy trần không ưu phiền.

NẰM TỊNH DƯỠNG Ở CHÙA THÊ HÀ VỌNG VỀ TỪ SÁT TỬU

(Giang Linh Công)

Dứt tục tục không bạn
Tu tâm, tâm tự sạch
Liên nhai chiều khí hợp
Hư vũ tối mây mù
Nằm sẵn bìm tiếp hộ
Đá xanh lâu thành thềm
Cây khen không có ý
Thú giỡn tợ quên tâm
Người xưa bày sáng hẹp
Tâm hẹn trái hang núi
Chỉ thương cây đỗ thơm
Có thể làm ta sạch.

TỪ TẾ TỬU HIẾU KHẮC NGƯỠNG HÒA LINH QUÂN

Thượng tể nói bốn không
Huýnh xe trong tám đạo
Đổng lương chứa mạch khí
Nghiêm trang đối nguyệt cung
Hương thơm đâu cần lửa
Hoa rụng không theo gió
Khe thông không dị quát
Thiền quế lưỡng phân tùng
Hư bạt thật là lụy
Do đâu bỗng đều đồng
Tạm thời trái sơn bắc
Có thể hướng đông tường.

Tháng giữa xuân niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai. Pháp sư Bố ở chùa Thê Hà, Nhiếp Sơn. Mỗ nhĩ thời chung. Tôi vào ngày 17 tháng này, kính vì sư, dân lập sám Niết-bàn, lại làm bài thơ này:

Không thể đồng một quán

Sinh tử cũng một điều
Huống đây trừ diệt hết
Đâu thiết yếu ở đời
Nhân đạo lìa chúng sinh
Minh kỳ xuất thế xa
Quyến luyến vào gian khúc
Khi xưa đến đỉnh núi
Thạch lưu thùy liền dứt
Sương thông cũng tự tiêu
Trên núi mây đen nghịt
Ngoài hang sương phấp phới
Chớ nói không đại ẩn
Trở về tức sáng nay

NGÀY 13 THÁNG 2 NĂM CANH DẦN ĐẾN TINH XÁ NÚI HỔ KHƯU

Buông chèo thương hồi khúc
Tìm núi tịnh thấy nghe
Thường theo tánh cỏ thơm
Phải phân với người tục
Tháp miếu đều lưu động
Đài hoa bên núi thơm
Lồng kín xuất đam quế
Tản mạn nhiều mây trôi
Tình u khởi tuần vật
Chí xa dễ kinh người
Do đâu quen cá chim
Không mong khuất huyền huân

Giang Linh Công ghi rằng:

Ngài Tuệ Viễn ở núi Lô Sơn khi chưa xuất gia, bắn cung rất giỏi, bắn được một con Hạc trong hang Hạc, sau đó rình xem Hạc mẹ, thấy không động tịnh gì. Xem kỹ thì thấy nó đã chết trong hang, nghi rằng: Hạc mẹ kia vì thương con nên đã chết, mổ bụng ra thì thấy ruột đứt từng khúc. Pháp sư từ đó bỏ cung nỏ, phát tâm Bồ-đề.

Đời Tống, có ni sư Pháp Huỳnh, người phương Nam, không rõ nhân duyên xuất xứ. Thường hay ăn ngũ cốc. Không mặc tơ lụa, giới đức rất tôn nghiêm, thiền định được nhiều sự thông suốt, có đảnh lễ Tử Trương Sử Quân ở Quảng Châu, liền được cung kính. Theo Sử Quân trở về nước

Ngô. Lại theo xuất Tây, tự biết ngày mất. Sau khi chết chớ hiện trong quan tài, chỉ để cho chim quạ ăn, như vậy cho đến hết. Khiến cho vua y theo lời dặn đem vào rừng vắng, để bảy ngày bảy đêm, chim thú không dám xâm hạm đến thi hài, bèn đem về tẩn liệm. Con gái thứ tư của vong tổ Thân Sử Quân đến Huỳnh Ni thọ giới, sắc chỉ tôi ghi lại đó.

THƠ ĐẾN CHÙA HANG HỔ TRÊN NÚI CỦA TRẦN GIANG LINH

Trong trần chứa huyên lự
Ngoài vật bỏ các tình
Đất đây tin cao ráo
Gò cao in bờ ruộng
Xe đông đúc đi xa
Cờ phấp phới lơ lững
Tế tùng xiên nhiễu kinh
Nếu cao nữa tạng trời
Cây xưa không cành lá
Vùng vắng nhiều khói mù
Phân hoa xuất chim vàng
Treo đá dưới suối mới
Um tùm như song thọ
Thanh hư giống tám thiền
Gá thần trên đài tím
Buông ý bên mây trắng
Mất công than thuốc ít
Do đâu bằng năm lớn.

TRỊ TRUNG VƯƠNG HUỲNH PHỤNG HÒA

Cảnh đẹp nhiều thắng tích
Đạo tràng thật đất này
Tạo hóa vốn linh kỳ
Nhân công đều tạo tác
Hiên phòng bóng rợp nhau
Thềm cửa đều khác nhau
Cao sáng lưu duệ thưởng
Thanh tịnh thiền định sâu
Vui dạo cùng khắp núi
Nhờ xuân đến cỏ thơm

Hoa đẹp chiếm mắt người
Sơn thu chia đáng vui
Phong cảnh cùng hoa tươi
Nước, đá chiếu nhau đẹp
Tượng pháp không nhiễm trần
Chân Tăng dứt danh lợi
Cùng nhau đã phục tâm
Nghe đạo cùng khắc ý.

KÝ THẤT THAM QUÂN LĂNG TRÁC PHỤNG HÒA

Gà gáy động túy gia
Nại uyển quyện thần du
Tiêu đỏ vượt chín đạt
Dù xanh quá tầng lầu
Tuế hoa mãn áo thơm
Hồng thái bị xuân châu
Bảo xuy đến gió xa
Cờ bày ánh sáng nổi
Nhánh cao ẩn đường tắt
Suối quanh dòng nước nhẹ
Quanh co hoa cỏ hợp
Tiếng chim hót trong veo
Tiếng kim bàn thanh phạm
Tháp vọt ứng tiếng dùi
Mây tuệ mới bềnh bồng
Nước pháp đang lững lờ
Thật quy luống nhờ giáo
Tin hiểu thẹn khó dạy.

TIỀN THẦN HÌNH NGỤC THAM QUÂN KHỔNG ĐẢO

Thánh tình tưởng ngoài cõi
Chỉ giá ra Tây nam
Ngựa trước nghe phụng, quản
Xe sau động Rồng, tham
Dạo chơi chẳng nhàn hạ
Hang kín có khám linh
Gồm thấy người dứt tâm
Ngồi yên đầm trong sạch

Thiền thực đâu cần lúa
Áo mây không đợi tằm
Tần, Hạnh nhờ hang cốc
La, cát, leo, thông, nam
Tiếng chim từng êm đềm
Xuân huề thúy dục hàm
Hoặc tâm tùy giáo sai
Pháp vị cùng ban ơn
Nương nhờ tám giải thoát
Dứt hẳn tham sáu trần

CHÂU DÂN TIỀN SỬ HÌNH NGỤC THAM QUÂN VƯƠNG ĐÀI KHANH

Vua ta kính thắng đạo
Lời vua xin nghe theo
Xe lớn chuyển trục đỏ
Ngựa ô đạp tơ xanh
Kêng trong soi dù cao
Cây lớn cờ phất phới
Tân đồ phân tạp đạp
Cảnh vật đều nương tựa
Rường bay thông khe đạo
Hiên nhà tiếp nền núi
Rừng hoa đến thềm hướng
Chia chảy quanh ao cong
Ai nói không thắng cảnh
Mây núi riêng ở đây
Trần tình bởi dễ đắm
Nên đạo tánh khó tu
Nương ân phụng giáo nghĩa
Mới đáng mở thọ trì.

TÂY TÀO THƯ TÁ BÀO CHÍ TÙNG GIÁ CHÙA NÚI HỔ QUẬT

Thần tâm quyện vật tự
Phỏng đạo bặt trần hiêu
Rừng mới che bóng ra
Phong khứ quản thinh xa
Tức đồ nương cảnh đẹp

Thuế giá chỉ tiêu núi
Năm lại tiết là trọng
Khí đồng xanh mới thoảng
Lá ngắn sinh cây cao
Sơ hoa mọc cành sớm
Gió xa đối mây chìm
Khói bay lẫn mưa gió
Lại ở đây thiếu thốn
Ban tên cuối nhà Liêu
Nguyện nương khe liền sông
Kế ảnh đèn tuệ chiếu
Biết được báu trong áo
Đất từ bi mới nhiều.

TRẦN TÙNG SỰ HÀ XỨ SĨ NGÀY XUÂN THEO TƯỚNG QUÂN ĐẾN CHÙA NÚI

Lan đình chán tục thưởng
Nại Uyển ngắm hoa năm
Mới vào đường núi thơm
Liền gặp nhà, xe lửa.
Cửa từ vài chiếc lá
Cây đạo một rừng hoa
Tuy ngộ chuộc ách đằng
Trọn thương ở rương rắn

PHÁP SƯ BIỆT TÀI Ở TƯƠNG VỀ DĨNH BẮC (3 bài)

Nương các việc sắp xa
Cầm áo bỗng buồn bã
Nam Sở trường sa hẹp
Tây Phù đường sá xa
Lìa đình hoa đã rơi
Thú riêng mã tân kiêu
Mặt trời chia ngàn dặm
Tương tư không một điều

PHÁP SƯ KÍNH HUẤN GIẢI TẶNG

Tiêu biểu Đạo lâm tục
Tăng Tuệ Viễn núi Lô

Mãi sơn tức cao thế
Ngồi trên chén qua sông
Mưa pháp thường thường rơi
Mây thơm thật nhiều đám
Giống như sắp vũ hóa
Đến giúp ở trần la.

THIÊN "THÔNG SĨ NHÂN"

Cung rồng đã nhập đạo
Cửa phụng bỏ vinh hoa
Khám thiền tám tưởng tịnh
Hang nghĩa bốn trần nhẹ
Lọng thơm, mây pháp khởi
Đèn hoa lửa tuệ sáng
Tự nhiên quên chấp trước
Chẳng chỉ ngộ vô sinh.

TRẦN THẨM HUÝNH TÙNG ĐẾN CHÙA THIÊN TRUNG THIÊN, ỨNG LINH

Đất phước cỏ mới mọc
Danh tăng cùng đến đây
Dương chi sinh cây chung
Tích trượng chú dòng thác
Tòa đá giảng buổi sáng
Khám núi đêm ngồi thiền
Chẳng phải nước Xá-vệ
Bán đất lấy vàng bạc

ĐỒNG SƯU TRUNG THỨ KIÊN NGÔ CHU XỨ SĨ HOẰNG NHƯỢNG ĐẾN CHÙA MINH KHÁNH

Linh Thứu ba tầng tháp
Yêm Viên một giảng đường
Chim thuần theo tiếng khánh
Thú quen nhiễu giường thiền
Đính cúc núi không rượu
Thông ban đêm có hương
May mắn đồng cao thắng
Nơi đây sáng tâm vương.

TỰ THƠ THEO VUA ĐẾN CHÙA ĐẠI TỪ CHIẾU, BẮC TỀ, LƯ TƯ ĐẠO

Hoàng đế như trên duệ thống thiên đại minh ngự cực. Đàn áp chín đời, khu giá trăm vua. Chí đức thượng thông, nhân sâu hạ lậu. Oai lăng, Tây được thinh giáo, Đông tiệm. Bố chánh hợp cung, hiếu nghi đại thất. Trương lạc đồng dã, có tính núi miêu. Trời không ưa thật, thần chẳng ban cho. Lông lân hiệu lực khác, núi đầm ban phước. Hoa Duệ cùng theo, u hiển đều giúp. Tám chánh chỉ tựa, sáu phù bình an. Lại, nương chí sâu xa ngưng thần thanh tịnh. Phủ lậu khu vực, có di hình hữu. Cứu tinh dân nơi khổ khí, giúp cõi Dục nơi ách thành. Thân tâm lên được cảnh tịnh lạc, sinh linh nhờ đó được thần lực của bậc Điều Ngự. Trong cung thì đức dày giúp vật, chánh vị lệ thiên. Đạo quan thiệu lăng, nghiệp du sân tợ. Mây tuệ buổi sáng khởi, bốn loài dừng lâu ở thốn hợp kia. Đèn từ bi ban đêm đốt. Chín phục chiếu ánh sáng kia, bèn quyện tham hư. Thật duy Đường cựu sơn xuyên Châu Vệ khâm mang nghiêm huýnh, đông giao thắng địa bèn xây bảo phường. Nghiêm như hóa thành, nhanh như vọt lên. Cảnh giẫm Tây Lăng, khí hợp Nam Cung. Gió thu chấn dã, sương trắng lạnh lẽo. Thánh chủ ngự biện tuần du thuận theo thời nuôi dưỡng chúng sinh. Sáu rồng lên xe bảy Thánh đều đông. Cờ đẹp phất phới, ngọc chạm bánh xe. Hỏi trăm năm mà trụ liễn, triều vạn linh để xét lúc. Hùng cừ những loài thích bay, nhập tham trung lũy. Bạn hổ điện cửa vàng, hướng về xe riêng. Sắp khuất hạ bộ, gặp cõi tịnh này. Đều ưa nhìn Linh Thứu, dùng thích dạo cung rồng. Thân tâm kính lễ rất thành kính. Khóa hư dẫn tịch bèn phát ca vịnh. Tuy sự hơn đánh xe mà nghĩa đồng gõ sừng. Cũng do: Ung dung mạnh mẽ, thuật tán tốt đẹp. Đâu như: Cao sóc văn từ, phủ trần nam chúc. Vương cốc trùng kiện, tài thí nữ công.

Tác giả hai mươi sáu người, lời ấy như vậy.

Gió huyền quan đông hộ
Nội phạm trật tây lăng
Sông lớn mở hộp báu
Đất phước hạ dây vàng
Tú nhi cao đáng soi
Họa cũng điệp tương thừa
Ngày ngự không khó giả
Vận sư vốn dễ nương
Dương thất nghi Đình Toại
Hiện âm giống đục băng

Huýnh đề bay tinh một
Trường mi đường tâm ngưng
Tinh môn ánh sáng chuyển
Lối cung tối mây bay
Thần núi hiệu linh vật
Nước như dâng điềm tốt
Hư bạt thao ân ghi
Vi khưu nguy tự lăng
Ưu đồ luống mong đợi
Châu lãi mãi khó hơn

THƠ NĂM ĐIỀU KHỔ

Sinh khổ

Đáng lo thân là họa
Sinh thì lo cùng sinh
Tâm thần thường khổ riêng
Vinh nhục kinh sợ nhau
Ánh mai không chiếu lâu
Đèn tối tơ bao lâu
Trọn thành một nhóm khổ
Gượng tìm danh ngàn năm.

Lão khổ

Lúc trẻ thích ngày thêm
Già đến năm khổ lấn
Hồng nhan đã hết đẹp
Tóc bạc nào ngâm lâu
Sân thềm chỉ nhờ gậy
Phủ sáng không hơn trâm
Cam phì và yêu lệ
Luống có tâm lúc mạnh.

Bệnh khổ

Rút gươm bình bốn biển
Giơ mác khiếp muôn người
Một mai trên giường gối
Xoay chuyển nhờ người đỡ
Sắc trẻ theo da bớt
Rên rỉ và đau đớn
Lụa là tuy đầy đủ
Mắt riêng buồn thất vọng.

Tử chết

Đáng tiếc khí lăng vân
Bỗng theo sương mai tan
Từ biệt bao ngày tươi
Riêng xuống chốn suối vàng
Ao đài đã không có
Gò mã hướng ứng không
Chỉ ở nơi thông bách
Ngàn năm thường gió mạnh
Thương yêu mà xa lìa khổ
Ai chịu trong tâm thương
Biệt ly sau mới nghĩ
Khi nào dắt tay nhau
Huyên thuyên không xa được
Tuy nói vạn dặm cách
Còn hy vọng trở lại
Xuống dưới chốn cửu tuyền
Chẳng có lúc gặp nhau.
Năm ấm lững lẫy khổ
Trước đi không từ biệt
Sau đến chẳng thân lâu
Mã mới thành nhà cũ
Kế nhau như vây cá
Mậu lăng ai biện được
Lìa núi cách thức Tần
Ngàn năm và hôm qua
Mỗi món đều thành trần
Định biết đất ngày nay
Lại là người khi xưa
Đâu thể lấy xương người
Lại đem chôn thân ta.

THƠ ĐẾN CHÙA MINH KHÁNH

Địa linh cư năm tịnh
Sơn u vắng bốn thiền
Cung trăng soi gương đá
Hoa tán nhiễu sen núi
Giữa ráng sáng cờ hiện

Hơi mảy hợp lò khói
Thông cao lớn dù xếp
Nước mạnh, suối phân nhỏ
Gió thổi muôn âm thanh
Đường đi trăm hoa tươi
Ngày xưa tìm chân thật
Kết bạn thường quyến luyến
Sơn đình bộ hoặc mị
Cỏ giữa sông nước trôi
Do đây sự huân tập
Liền dứt được phan duyên
Sao nói theo mây mưa
Nghĩ đây thật buồn bả
Luống có hướng phía Nam
Hội toại đông lưu toàn
Thơ vịnh hoài Trương Quân Tổ, đời Trần
Vận hình không nêu khác
Tâm lặng không ham muốn
Ngồi nghỉ ngơi vương hầu
Cửa xoay về trục vàng
Gió đến vịnh du thanh
Lân tụy nguồn không nhơ
Đây là thuyền trung tử
Do đó kiểu dật túc
Cần gì vui u nhàn
Áo xanh nêu lìa tục
Trăm năm nếu không xa
Hôm qua cũng chẳng ngắn
Hy đằng nhìn duỗi chiếu
Nắng nay thay nhau soi
Một đi đều nghịch lữ
Đâu tiếc chớp qua mau
Khư khư không bè đảng
Và ngọc đá lẫn lộn
Quái thần cõng nghiệp uế
Vốn là do tâm khúc
Gió linh khởi sóng về
Mây bay vọt nghịch lân

Cẩu trạc nam dương tú
Cố nhóm ba tạo tân
Miến hoài kết đêm vắng
Vị tháo vịnh chung thần
Gần chứa thời vô cấu
Ai cũng phủi bụi trần
Tình xa gởi cực tắc
Túc điều độc ngao thần
Tương vọng đông minh lý
Đâu mong tây triều bến
Ngã sùng đạo vô phế
Trường diêu nhớ người nghĩa
Diêu độn rải hình hành
Trượng sách nghỉ Nam Dĩnh
Tao động ủy lãng tích
Ngô tĩnh đạm di tánh
Phủ quyển theo lão thoại
Huy luân và tráng vịnh
Nhìn xa riêng nhớ tưởng
Tiêu thần thổi trần chánh
Thời vô hỷ tuệ ngẫu
Dứt vận ai sẽ nghe
Tập tử tốt phương nêu
Có vui là âm lịnh
Dĩnh bày lăng sương thanh
Ba hi ba xuân thạnh
Phất cách kỳ tiêu tường
Há tranh với dâu, du.
Tôi vốn bất tài giáp
Dị tình quên điêu ánh
Tuy chẳng ánh dương dựa
Khanh gõ khánh làm gì.

TẶNG SA-MÔN TRÚC PHÁP QUẬN (ba bài)

Sa-môn Trúc Pháp Quận đi xa trở về Tây Sơn. Làm bài thơ đề tặng Ngài. Nhân cũng giỡn cợt. Lược bớt hai kinh cùng làm để khen ngợi.

Hoa Dương Nhạc tươi đẹp

Không mây gối núi bay
Chót vót, suối lưu linh
Núi đẹp thông xanh tốt
Núi treo cao chót vót
Hang kín chánh ẩn kín
Núi đỏ dựa lạ kỳ
Thất xanh thiền sáu thông
Thần khí thật vắng lặng
Xa xôi bặt dấu vết
Chỉ quán chấp vô vô
Hoàn dính mắc không không
Vật ngoài đâu đại bi
Riêng đến đồng chẳng huyền
Không thấy Xá-lợi-phất
Chịu khuất Duy-ma-cật
Chí nhân như ảnh hưởng
Linh tuệ đào ức cõi
Ứng phương tro quyền hóa
Triệu loại nhờ từ vui
Mờ mờ chứa trần mê
Hằng ở cửa núi đóng
Bỏ thông, chẳng chiếu suốt
Đổi hình không diệt hết
Rõ thay, Như Lai giáng
Khoát hỷ khải tán huyệt
U tinh bị hư hoại
Ai như A-duy sát
Xa tạ mong huyền trù
Cần gì tự thanh khiết.
Xa xa thành vui nêu
Cao ngất núi nổi mây
Vượt cao mười hai núi
Riêng cảnh đẹp Diêm-phù
Đan lưu hoàn nền vuông
Dao đường lâm tiễu đảnh
Khe thấm nước cam tuyền
Núi mọc đầy phương chi
Rỡ rỡ đẹp hóa luân

Miễu miễu lăng nham chánh
Cung kính nhìn diệu giác
Hơi thở hy linh vĩnh
Nếu như được trúng tâm
Chỗ dứt đều yên tĩnh
Luyện thần siêu dõng mãnh
Vạn vật được tiêu diêu
Đâu cần nương hình ảnh
Gắng tìm pháp Đại thừa

KHEN NGỢI KINH ĐẠO THỌ

Nguy nga nước Vương-xá
Sum sê vườn Linh trúc
Trong có thần hóa trưởng
Quán thể không thiện quyền
Quở trách cảnh mờ sáng
Đâu biết vết chân thật
Rộng lớn đạo nhiệm mầu
Giải phát chí thần vui
Phiêu hốt lăng hư khởi
Không nói thọ tuệ khó.

KHEN NGỢI KINH TAM-MUỘI

Vết vượt mười hai thiêu
Giới nhờ Tam-muội thành
Hiền hạnh rất vi diệu
Chí đạo tuệ để sáng
Chín bổn đã không động
Tứ thiền không đồng tối
Sâu xa không khởi diệt
Mới tự không tùng sinh
Xưa hỏi đạo khí luân
Đâu lường Niết-bàn linh.

TỰA THƠ

Thơ tĩnh lặng pháp quận, kinh thông diệu viễn, gắng gỏi thanh tịnh. Tuy nói mà không hết ý, gần gũi có bao nhiêu? Chí nhiệm mầu, thần không đâu chẳng thông suốt. Phàm chưa thể minh đạt huyền thông, ác được bất hữu ngưỡng tán chi vịnh tai. Tôi tưởng hình dung đức tốt.

Tuy nương giữ đường khác nhưng nêu ký huyền đồng, kính đại trả lời, chưa đủ tốt đẹp mỗi người đều nói chí ấy, lời ấy rằng:

DỮU TĂNG UYÊN ĐÁP

Vận Chân phát đã xếp
Muôn tượng đã nêu bày
Tinh linh cảm thầm hội
Biến hóa đâu không trải
Sóng gió sinh tử luống
Càng luân mới không tên
Bỏ gốc mà theo ngọn
Hối xan sinh hữu tình
Luống chẳng dứt đáng dục
Trái tông về vô sinh
Đạt quán đều có không
Xác ve thật sáng tỏ
Tiêu diêu các diệu tân
Ngưng ngọng ở huyền minh
Đại từ thuận biến thông
Hóa dục đâu thường dừng
U nhàn tự có chỗ
Đâu chung với Bồ-tát
Ma-cật phong vi chỉ
Quyền đạo nhiều chỗ thành
Mênh mông khắp thiên hạ
Ai biết đường tình sầu.
Mênh mông bản chất thành
Rộng lớn Tứ thiên sáng
Ba thần hoàn Tu-di
Trăm ức đồng một tượng
Khói linh hòa đào ấm
Hội chi có diệu trường
Đại từ giúp chúng sinh
Thầm cảm như bóng vang
Chúng Sa-di đông đúc
Xan xan vạn tâm kính
Ai không thích Đại thừa
Triệu định đối huyền nang

Ba pháp tuy thành rừng
Cư sĩ cũng có nhiều
Không thấy rồng có sừng
Sái lân lăng tiêu thượng
Xúng tâm vượt gửi xa
Sóng mang xa riêng đi
Nhiệm mầu thường chiếu sáng
Duy-ma tôi đã từng
Nếu chưa lễ thiện quyền
Cùng tôi đồng phảng phất
Mênh mông đầy khắp cõi
Xả bỏ các phế tưởng.

DỮU TĂNG UYÊN ĐÁP

Xa nhìn hoa trên núi
Trời tím lồng ba ngày
Quỳnh nham sáng nhà ngọc
Ngọc rưới thấm bến linh
Đan Cốc đình cây giao
Lý Dĩnh động củi sáng
Tiếng ẩn do xen nhau
Loan phụng bay hồi nghi
Giao long rưới Phi lân
Trung hữu xúng mạc sĩ
Vui đạo nghĩ nhiệm mầu
Cao thượng ngưng huyền tịch
Muôn vật bỗng tự khách
Một mình dạo phương ngoại
Vượt thế dứt phong trần
Kiểu tưởng mong dấu vết
Từng bước tìm được người
Ngâm vịnh rồi bỏ đi
Vịnh hoa đâu đáng quý
Gội chí tám nguồn giải
Liêu lãng khoát minh thần
Nghiêng cơ thông vi diệu
Giác ngộ bỗng quên thân
Cư sĩ thành có bạn

Nhìn lại chẳng nghĩ thân
Mượn hỏi giữ thường đồ
Vì sao biết trái chân.

DƯƠNG ĐẾ RA MẮT CHÙA LINH NHAM, PHƯƠNG SƠN

Phạm cung đã ẩn kín
Linh tụ cũng trầm trầm
Bình giao đưa qua ngày
Núi cao bóng mát xa
Huýnh phiên phi thự lĩnh
Sớ chung hưởng trú lâm
Tiếng ve sầu kêu gần
Suối nhổ khe đá sâu
Kháng tích thiền chi địa
Phát chí tâm Bồ-đề.

PHỤNG HÒA, PHƯƠNG SƠN, CHÙA LINH NHAM, ỨNG GIÁO, CHƯ CÁT DĨNH

Danh sơn trấn sông biển
Phạm vụ giá gió khói
Họa cũng lâm thông cái
Tạc dũ đối sen núi
Sấm nổi dưới nền thềm
Mây về trước rường cột
Linh quang nói ngày đêm
Áo nhẹ mấy kiếp năm
Gấp bội hương làm thực
Thường dùng làm phước điền

NGÀY RẰM THÁNG GIÊNG Ở THÔNG CÙ KIẾN ĐĂNG, BAN ĐÊM LÊN LẦU PHÍA NAM. TÙY DƯƠNG ĐẾ

Pháp luân chuyển cõi trời
Phạm thinh cõi trời đến
Đăng thọ ngàn tia chiếu
Hoa diễm bảy cái nở
Bóng nguyệt ngưng dòng nước
Gió xuân chứa mai đêm
Cờ động muôn đất vàng

Chung phát đài lưu ly.

PHỤNG HÒA THÔNG CÙ KIẾN ĐĂNG ỨNG GIÁO - CHƯ CÁT DĨNH

Đường thơm lặng cảnh khuya
Đuốc pháp sáng khác nhau
Khi chuyển ánh sáng dời
Hoa đào sinh, nhánh rụng
Khói bay quanh định thất
Ánh sáng chiếu ao ngọc
Lầu các đăng lâm bãi
Ca quản thừa không dời.

XẢ CHU ĐĂNG LỤC THỊ TUỆ NHẬT ĐẠO TRÀNG NGỌC THANH HUYỀN ĐÀN ĐỨC CHÚNG. TÙY DƯƠNG ĐẾ

Trời tịnh, sao mây quyện
Ngày nêu sông dài trong
Gió thổi hoa rừng rơi
Thổi quanh gió liễu rụng
Cô hạc thệ khiển bầy
Đề Oanh xa kêu nhau
Liên chu chỗ nước hết
Đường họa luân phân nửa
Sông biển đều từ xa
Đông Tây đều khen ngợi
Đã huân sức thiền tuệ
Lại nhờ sức vàng đỏ
Có đến ba sông khác
Không hề xem bốn cửa
Ở đâu được diệu đạo
Siêu vượt lên bờ kia.

TÙY TRƯỚC TÁC VƯƠNG TRỤ NGỌA BỆNH MAN VƯỢT THUẬT TỊNH DANH Ý

Tôi - Man Hải bị bệnh nằm đã hơn nửa tháng. Thiện hữu là Pháp sư Ngung khuyên tôi dùng kinh Tịnh Danh nhiệm mầu để điều phục thân tâm. Sức bệnh, thô bày ý kia kính Pháp sư Giản:

Khách đi hơn muôn dặm

Mịt mờ trên biển xanh
Năm núi thường rậm rạp
Trăm vượt nhiều khí độc
Đều mệt nhọc thân tâm
Do đây nên bị bệnh
Đồng lôi đã thật xa
Bởi Kim đá khó tìm
Bọt bóng thật đáng thương
Thấm áo riêng ngao ngán
Thành Tỳ có Trưởng giả
Bình thường trước đã có
Lại mượn nhân duyên lớn
Gắng dụng tâm hồi hướng
Đường tâm để điều phục
Đối đây nghĩ thật tướng
Nước bọt vốn khó mất
Thành càn không có tướng
Sinh đây không chí lý
Ngã này đều luống dối
Cầu đó không thể được
Ai thọ nghiệp chướng kia
Tin đó - Đại y vương
Năng lực này vô lượng.

TIẾT ĐẠO HÀNH TRIỂN KÍNH DÂNG CHÙA PHỤNG LÂM

Tịnh độ tiếp hang kín
Tháp báu đối núi ách
Rừng Phụng ở hang đỏ
Đất Rồng xa cát trắng
Độc nham lâu hướng xuất
Phức đạo gác trùng nhau
Động mở sáng sương rơi
Thạch thấp hiểu vân nùng
Trúc cao, lọng mây thấp
Gió thổi tiếng hòa chung
Nhà mát đổi liễu nhỏ
Gian ảnh lạc thông cao
Châu quế nổi trăng sáng

Tòa sen nở Phù Dung
Ẩn mất luống có ý
Tâm chứa nhóm theo nhau.

ĐỜI LƯƠNG, CHÙA KHAI THIỆN, PHÁP SƯ TẠNG PHỤNG HÒA THƠ TAM GIÁO CỦA VÕ ĐẾ

Nguồn tâm vốn chẳng hai
Học lý cùng về chân
Bốn chấp mê theo dược
Sáu vị thêm cực khổ
Giúp duyên bởi tạp phẩm
Tập tánh không đồng theo
Chí giác theo vật hóa
Một đạo mở khác bến
Đại sĩ thanh tịnh giúp
Huấn nghĩa bèn tinh trần
Chu, Khổng còn trung hiếu
Lập hạnh triệu quân thân
Họ Lão quý tải dục
Tồn sinh do thân ngoài
Nói lời ngàn lý thiện
Phân vị cùng thế trân
Hễ chẳng không thì có
Ba minh dường chưa đến
Gần thức khép đường rẽ
Phân trần nghi khác trần
Đâu biết ngộ là tiệm
Cùng tột vốn đồng bậc
Ngã Hoàng thể hội này
Gương đẹp xuất cơ thần
Quyến ngôn đều quy bí
Hồi chiếu dẫn chúng sinh
Cố duy tàm túc thực
Gặp gỡ điều tốt đẹp
Nguyện cùng nhậm minh giải
Tuế mộ đều có nhân.

THÁI TÔNG VĂN HOÀNG ĐẾ RA MẮT TINH CHÂU, CHÙA HƯNG QUỐC CA

Hồi loan đến đất phước
Tận mặt ngắm cỏ thơm
Phạm chung xen hai tiếng
Pháp nhật chuyển hai vòng
Bảo sát xa nương đường
Thiên hoa gần mùa xuân
Chưa đeo, lan còn nhỏ
Không tơ, liễu còn mới
Viên quang thấp nguyệt điện
Ảnh vụn loạn gió tre
Đối đây giữ tưởng khác
Siêu vượt lìa tục trần.

VĂN ĐẾ VỊNH PHƯỚN TRƯỚC ĐIỆN PHẬT

Mờ sáng nghi chuyển điện
Đằng hư dáng cầu vồng
Hang hiện trong sương mờ
Cúi ngước trong mây trắng
Phân phi vừa sương hướng
Kéo lôi hoặc theo gió
Nghĩ đây khinh bạc chất
Không cánh gượng diêu không.

THƯỜNG CHÂU, CHÙA HOẰNG THIỆN, PHÁP SƯ TUYÊN

Vâng hòa Đậu Sử Quân Pháp sư đồng kính Vịnh Cao Tăng.

TRÚC PHẬT ĐỒ TRỪNG

Đại thệ thương lầm than
Thừa cơ nhập sinh tử
Trung châu pháp đã mở
Cát pha bạo cũng dừng
Lỗ trống sáng cả nhà
Chỉ tay rõ ngàn dặm
Đạo thạnh chú hoa sen
Tai sinh ngâm cức tử
Mai thạch duyên tuy tạ
Lưu sa hóa mới đầu

THÍCH TĂNG TRIỆU

Bát-nhã chỉ bặt vết
Niết-bàn vốn không tên
Bậc hiền chưa thỉ giác
Chi tử xướng hy thinh
Vua Thái than lý nghệ
Đồng thọ ấp từ thanh
Suốt âm nghe trần nhạc
Tĩnh khó động Trung Nguyên
Thích Nghiệm trong phương bào
Kỳ tài rồi lại sinh

NGÀY MÙA THU ĐẾN CHÙA ĐÔNG SƠN HAI PHÁP SƯ THÙ, ĐÀM

Cây đổ thọ tê táo
Nước trong, dòng lặng lẽ
Thuộc đây khí buồn thay
Phục tư la lữ thích
Đâu dụng tả ưu phiền
Suối núi kế du lịch
Vạn trượng khuy thâm gian
Ngàn tầm ngưỡng tuyệt trần
Bàng lĩnh trúc so le
Vịn sắn bìm mà đi
Hành hành rất sâu kín
Khứ khứ càng vắng lặng
Quả gặp dứt bạn tâm
Cành cao mới treo cao
Viên nhiễu đều chiên-đàn
Đốn lương há cát sỏi
Diệu pháp không thể lường
Thân kinh giải oán địch
Tâm vui liền đảnh lễ
Đạo còn ở tai mắt
Tuệ lực đã thông suốt
Lưới nghi cũng xé rách
Há dứt thẳng phiền não
Mới mong cứu đắm chìm

VUA YẾT KIẾN CHÙA ĐẠI TỪ ÂN

Cung nhật khai trăm nhận
Điện nguyệt cao ngàn tầm
Dù hoa bay bóng tròn
Cờ hồng kéo bóng mát
Ráng nương dao lung trướng
Tùng châu rừng võng tế
Liêu khuếch biểu khói mây
Siêu nhiên vật ngoài tâm

CHÙA ĐẠI TỪ ÂN SA-MÔN HỌA

Hoàng phong thổi cây ấy
Chí đức tốt rừng thiền
Hoa tiên sáng mặt trời
Cờ thần kéo bóng xa
Nương điện lồng hà ảnh
Gác cao xuất tâm mây
Cỏ nhỏ trông nước từ
Ân quang nặng lại sâu.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

SỐ 2104

(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2104

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

Soạn giả: Đời Đường, họ Thích, chùa Tây minh.

QUYỂN 1

Hán Minh Đế nằm mộng thấy người vàng, Sa-môn Ma-đằng, Trúc Pháp Lan đến Lạc dương, các đạo sĩ xin tỉ thí.

Ngô chủ Thời Ngụy kính tin Phật giáo, lập chùa tháp, thưa hỏi về sự hơn kém của ba giáo.

Trần Tư Vương Tào Thực đời Ngụy bàn về đạo.

Ngụy Thái Tổ hạ lệnh tin học hai giáo dẫn đến sự hưng phế.

Tống Thái Tông Văn Hoàng đế triệu tập các quan bàn về lý Phật đối với việc triều chính.

Ngụy Minh Đế lên ngôi cho mời đạo sĩ, tăng sĩ vào cung hùng biện.

Lương Cao Tổ trước thờ Hoàng Lão, sau quy y Phật, hạ chiếu phế bỏ đạo Lão.

Bắc Tề Cao Tổ Văn Tuyên Hoàng Đế hạ lệnh phế bỏ Đạo giáo.

Việc thứ nhất:

Theo Hán Pháp Bổn Nội Truyện: Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười, Hán Minh Đế nằm mộng thấy người vàng, thân cao trượng sáu, ở cổ có vầng sáng tròn. Bay đến trước điện, vua rất vui mừng. Hôm sau, vua hỏi các quan: Đó là vị thần nào? Phó Nghị thưa: Thần nghe ở Thiên Trúc có người đắc đạo, được gọi là Phật, đi trong hư không,

thân có ánh sáng, có lẽ là vị thần đó. Nghe vậy vua liền sai Lang trung Thái Âm, Lang tướng Tần Cảnh, học trò tiến sĩ Vương Tuân... mười tám người đến nước Thiên Trúc, thỉnh kinh Phật như kinh bốn mươi hai chương... để ở gian mười bốn trong thạch thất Lan đài. Xây chùa Phật ở ngoài Ung môn phía Tây thành Lạc dương. Vẽ ngàn xe muôn ngựa nhiễu quanh tháp trên vách. Vẽ tượng Đức Thích-ca trên cửa thành Khai dương và đài Thanh lương ở Nam cung. Vẽ tượng Phật trên lăng Hiển tiết. Lúc ấy hai Pháp sư Ma-đằng và Trúc Pháp Lan nguyện du hóa khắp nơi để độ sinh được các sứ giả thỉnh về Lạc dương. Vua hỏi: Pháp vương giáng trần sao giáo pháp không được truyền đến đây? Pháp sư Ma-đằng đáp: Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức mặt trăng mặt trời. Chư Phật ba đời đều giáng thần ở đó. Kể cả trời rồng quỷ thần cũng nguyện sinh về đó để được thọ học pháp Phật, được ngộ đạo. Chúng sinh nơi khác không có duyên với Phật nên Phật không đến. Tuy Phật không đến nhưng nơi nào có ánh sáng chiếu đến thì hoặc năm trăm năm hoặc một ngàn năm hoặc hơn ngàn năm sẽ có bậc Thánh truyền pháp.

Ngày một tháng một niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc (thuộc tầng lớp được tôn kính sau triều chính) bàn với nhau: Thiên tử bỏ đạo của chúng ta, xa cầu giáo pháp của Rợ Hồ, nay chúng ta nên dâng sớ. Sớ rằng: Đệ tử Thái thượng tam động Chử Thiện Tín và các đạo sĩ ở mười tám sơn quán thuộc Ngũ nhạc dám chịu tội chết tâu lên: Thần nghe Thái thượng không hình không tên, vô cực vô thượng, hư vô tự nhiên, đại đạo hiện trước tạo hóa, thượng cổ đều vâng, trăm vua không đổi. Nay bệ hạ đạo hơn Hy Hoàng, đức vượt Nghiêu–Thuấn. Trộm nghĩ bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, cầu giáo Tây Vực, thờ thần rợ Hồ, nói lời khác Hoa hạ. Xin bệ hạ tha tội cho chúng thần, cho phép chúng thần được tỉ thí. Đạo sĩ chúng thần đều thông tuệ, thấy xa nhìn rộng, tinh thông chú thuật kinh điển của Thái Thượng, Thái Hư, hoặc sai khiến quỉ thần, hoặc nuốt tuyết uống khí, nhảy vào lửa không bị cháy, xuống nước không bị chìm, bay lên hư không, ẩn thân trong đất, còn thông thạo cả đan dược. Xin cho chúng thần tỉ thí để bệ hạ an tâm, bày rõ chân ngụy, đại đạo có nơi trở về, không loạn phong tục Hoa Hạ. Nếu thần không thắng thì tùy bệ hạ quyết định, nếu thắng thì xin bệ hạ trừ dẹp hư tà. Vua sai Thượng thư lệnh Tống Tường đưa họ vào cung Trường lạc, rồi hạ chiếu ngày mười lăm tháng này tập hợp ở chùa Bạch mã. Các đạo sĩ liền lập ba đàn, mỗi đàn có hai mươi bốn cửa. Đạo sĩ Nam Nhạc Chử Thiện Tín, đạo sĩ Hoa Nhạc Lưu Chánh Niệm, đạo sĩ

Hằng Nhạc Hoàn Văn Độ, đạo sĩ Đại nhạc Tiêu Đắc Tâm, đạo sĩ Tung nhạc Lữ Tuệ Tông, đạo sĩ ở mười tám núi Thiên mục, Ngũ đào, Bạch lộc... tổng cộng có sáu trăm chín mươi đều đem chân văn, kinh bảo, ngọc quyết Thái thượng, phù lạc tam nguyên... năm trăm chín mươi quyển để ở đàn phía Tây, sách của Mao Thành Tử, Hứa Thành Tử, Hoàng Tử, Lão Tử... hai mươi bảy nhà gần một trăm ba mươi lăm quyển để đàn giữa, thức cúng để ở đàn phía Đông. Vua đến cửa phía Nam chùa, đặt kinh Phật, xá-lợi ở phía Tây. Ngày mười lăm các đạo sĩ chất củi, chiên-đàn, trầm hương đốt kinh. Tất cả đều khẩn thiết cầu nguyện: Chúng thần thỉnh Thái cực đại đạo, nguyên thỉ Thiên tôn, chư Thiên, thần linh, nay Rợ Hồ làm loạn Hoa Hạ, thiên tử tin tà giáo, chánh giáo bị chìm mất. Chúng thần xin đốt kinh để hiển đạo, mở bày lòng người, phân biệt chân ngụy. Họ liền nổi lửa đốt, kinh điển cháy rụi. Các đạo sĩ nhìn nhau kinh ngạc. Người muốn bay lên trời, ẩn thân, hô quỷ nhập thần đều không linh ứng. Đạo sĩ Nam nhạc Phái Thúc Tài hổ thẹn mà chết. Thái phó Trương Diễn nói với Chữ Tín: Việc của các vị không có kinh nghiệm quả là luống dối, pháp của Tây Vực là pháp chân thật. Chữ Tín nói: Mao Thành Tử dạy: Thái Thượng là Linh bảo Thiên Tôn, người làm ra tạo hóa, há là luống dối hay sao? Trương Diễn nói: Thái Tố được danh cao quý nhưng không có ngôn giáo, khanh nói có ngôn giáo tức là luống dối Tín im lặng. Lúc ấy xá-lợi Phật phát ra ánh sáng năm màu, bay lên hư không, tạo thành hình chiếc lọng che trùm cả đại chúng. Pháp sư Ma-đằng bay lên hư không, ngồi nằm trong hư không, hiện thần biến rộng khắp. Trời tuôn hoa báu cúng Phật và Tăng, nhạc trời vang lên, tất cả đều khen ngợi, thỉnh Pháp sư nói pháp. Pháp sư Pháp Lan cất tiếng Phạm thiên, khen ngợi công đức của Phật, khiến đại chúng tôn kính Tam bảo. Pháp sư dạy: Thiện ác đều có quả báo, ba thừa sáu đường các tướng khác nhau. Công đức xuất gia là hơn hết. Lúc ấy quan tư Phòng Lưu Tuấn và ngàn người xin xuất gia, sáu trăm hai mươi tám đạo sĩ của bốn núi cũng xin xuất gia. Phu nhân Vương Tiệp Hảo và các cung nữ gồm hai trăm ba mươi người xin xuất gia. Vua cho thiết lễ cúng dường đến cuối tháng, lại cúng dường y bát cho người xuất gia, xây mười ngôi chùa, bảy ngôi cho tăng ở ngoài thành, ba ngôi cho ni ở trong thành. Từ đó Phật pháp được hưng thịnh.

Việc thứ hai:

Trong sách Ngô có chép: Niên hiệu Xích Ô năm thứ tư thời Ngô Tôn Quyền, Sa-môn Khang Tăng hội (con lớn của thừa tướng nước

Khang Cư) du hóa độ sinh. Thời ba nước lập thế chân vạc, Phật pháp chỉ lưu hành ở phương Bắc, không lưu truyền đến phương Nam. Sa-môn liền đến Giang Đông. Đến Kiến Nghiệp, lập ra thảo am, thờ Phật, hành đạo. Thấy lạ người nước Ngô cho là yêu nghiệt, rồi tâu lên vua. Tôn Quyền cho mời Sa-môn vào cung hỏi: Phật có linh ứng gì? Sa-môn đáp: Linh tính ẩn hơn ngàn năm, chỉ có xá-lợi Phật thì còn hiện ứng. Vua bảo: Nếu được xá-lợi sẽ xây tháp thờ, hai mươi mốt ngày sau Sa-môn cầu được xá-lợi năm màu chiếu sáng, không bị vỡ, không bị cháy, lại còn hiện hoa sen, chiếu sáng cả cung điện. Tôn Quyền kính tin, lập chùa, xây tháp, độ tăng, đặt làng ấy là làng Phật đà, giáo pháp bắt đầu được truyền bá nên đặt tên chùa là Kiến sơ. Vua hỏi thượng thư lệnh Hám Trạch: Từ Hán Minh đế đến nay đã bao năm rồi, vì sao pháp Phật đến giờ mới truyền tới Giang đông. Hám Trạch thưa: Từ niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười đến nay đã là một trăm bảy mươi năm, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ hai mươi bốn, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc tỉ thí cùng hai Pháp sư (Ma-đằng, Trúc Pháp Lan), bị thua, đạo sĩ Chử Thiện Tín, phí Thúc Tài ở Nam nhạc chết trước hội, các đệ tử lo đưa họ về mai táng, không được nghe pháp xuất gia. Sau đó, binh biến loạn lạc không ngừng đến nay mới truyền đến. Hỏi: Khổng Khâu Lão Tử có sánh được với Phật hay không? Thưa: Thần nghe họ Khổng là bậc thánh đức anh tài, đời tôn là Tố vương, biên soạn kinh điển, chỉ dạy học trò, Nho giáo được thấm nhuần xưa nay. Còn có các học thuyết của Lão Tử, Trang Tử, Hứa Thành Tử... đều là tự sửa mình, nhàn hạ rừng núi, sống đời đạm bạc, trái với nhân luân, không phải là pháp độ sinh. Đến thời Hán Cảnh đế, Hoàng Tử, Lão Tử lập kinh điển, hình thành Đạo giáo. Vua cho mọi nơi học tụng. Hai giáo Khổng Lão so với pháp Phật thì một trời một vực. Vì sao? Vì hai giáo ấy vâng mạng trời, không dám trái lại ý trời. Giáo pháp của chư Phật thì chư Thiên lại phụng hành. Như vậy làm sao so sánh được. Vua vui mừng, phong thêm chức thái phó.

Sách thần tiên, lời Đạo gia được coi là truyền thuyết. Cho rằng sao thần vĩ túc tuế giáng ở Đông phương sóc, Hoài Nam Vương chết ở Hoài Nam, được xem là người khinh đạo. Câu Dặc chết ở Vân Dương, cho rằng xác mất, hòm không, thật là luống dối. Về các luận thuyết, tác phẩm của Hoàn Quân Sơn được xem là hay. Lưu Tử Tuấn có hỏi: Nếu người bị bịt mắt che tai thì có bị say kiệt hay không? Quân Sơn chỉ vào cây du dưới sân nói: cây này vô tình, không bị che mắt bịt tai thế mà vẫn bị khô héo. Việc này không đúng. Xưa tôi làm quan coi về nhạc cho Vương Mãn, trong Nhạc ký có ghi:Văn Đế bắt được người đánh đàn

của Ngụy Văn Hầu, người này một trăm tám mươi tuổi, bị mù mắt. Vua hỏi: Sao bị mù như vậy? Đáp: Năm mươi ba tuổi thần bị mù, cha mẹ sợ không làm được gì, nên dạy thần đánh đàn, thần không thể hướng dẫn, không biết sao lại thọ lâu như vậy? Quân Sơn luận rằng: vì được tâm chuyên nhứt và được sự trợ giúp bên ngoài. Nếu bên trong không có ích thì làm sao biết bên ngoài. Tôi chưa thấy. Quân Sơn nói: Xưa Đổng Trọng bị giam trong ngục, giả chết mấy hôm, mắt lõm, trùng bò ra chết lại sống, sau đó thì chết luôn. Có sinh thì có chết, quân tử đều hiểu, cần gì phải nói. Thần không quá trời đất, không thể làm cho con chí rận chết vào mùa hè, giông tố nổi lên vào mùa đông. Khi dời sự ứng nên Đổng Trọng mới nối hơi, tự chết, không có gì là lạ? Các phương sĩ ở đời đều được vua mời vào cung như Cam Thỉ ở Cam lăng, Tả Từ ở Lô giang, Hy Kiểm ở Dương thành. Thử vận khí, Từ thông pháp thuật, cho nên tập trung ở nước Ngụy vì sợ làm việc gian trá mê hoặc mọi người, nên phải tập trung lại rồi mới cấm đoán. Cam Thỉ tuổi già nhưng có thân hình một đứa trẻ, các thuật sĩ đều theo về, nhưng lời nhiều ít thật, còn pha chút gian trá. Nếu gặp Tần Thỉ Hoàng hoặc Hán Vũ Đế thì lại là kẻ làm phước ít gây họa nhiều, Kiệt, Trụ khác đời nhưng đều là ác, kẻ gian khác đời đều là ngụy. Đời lại còn có học thuyết tiên nhân. Tiên nhân thuộc vượn khỉ, người đời đạt tạo hóa thành tiên hay sao? Phàm chim trĩ xuống biển là con hàu, con én xuống biển là sò hến, chúng đương bồi hồi trước ao lạ, ban đầu còn tự biết, sau lại gieo mình vào, thần hóa thể biến, nào khác rùa hến, đâu còn biết bay liệng vui chơi. Tin lời hư huyễn mê hoặc, thiết lễ cầu cúng luống dối, bỏ cả chức vị để tôn vinh, nhàn hạ nơi thanh vắng, suốt bao năm tháng nào có ích gì, hoặc chết ở gò cát, hoặc chết ở rừng cây. Vừa diệt thân diệt tộc, vừa bị thế gian chê cười. Tuổi thọ dài ngắn, thân thể mạnh yếu đều do ở mỗi người. Người khéo thì sống lâu, người khổ thì chết sớm.

Trần Tư Vương Tào Thực tự Tử Kiến là con thứ tư của Ngụy Vũ Đế, ban đầu được phong Đông A quận vương, khi chết được phong tên thụy là Trần Tư Vương. Lúc mới sinh trong miệng có ngậm ngọc, mười tuổi đã rành kinh sách, hạ bút thành văn, thông cả kỹ thuật ở thế gian, người đời cho là con của trời. Khi đọc kinh Phật, Tào Thực thường khen ngợi, cho là chí đạo nên tạo chất nhạc để dễ đọc tụng. Một hôm, Tào Thực lên núi, chợt nghe trong hư không có tiếng hay như tiếng nhạc, Tào Thực thâm ngộ lý Phật nên chế ra âm nhạc làm gương cho đời sau (có trong Thích Tăng Hựu Pháp Uyển tập soạn vào đời Lương).

Việc thứ ba:

Ngụy Thái Tổ Đạo Vũ Hoàng đế hạ chiếu vào niên hiệu Thiên Hưng thứ nhất, chiếu rằng:

"Phật pháp hưng thịnh đã lâu, việc cứu độ đã rõ, vẫn còn những thành tích hiển linh. Kinh thành thôn ấp đều có chùa Phật. Vua cho xây tháp năm tầng và điện Tu-di, còn có giảng đường, thiền thất, chỗ ở của Sa-môn."

Ngụy Thế Tổ lên ngôi cũng nối nghiệp tiên tổ, tuy lúc đó có đạo Lão nhưng không tin kính, thường thỉnh các Sa-môn tài đức vào cung đàm đạo. Ngày một tháng bốn khi rước tượng Phật nhiễu quanh phố vua lên lầu cao rải hoa kính lạy. Xưa lý thuật lập đạo tràng ở Bình thành, quan tư đồ Thôi Hạo có học tả đạo, ghen ghét họ Thích, không tin có Phật, cho là luống dối, thấy kinh Phật thì ném bỏ xuống giếng. Hạo có tài nên được vua tin theo. Người trong nước cho rằng vua tôn thờ đạo sĩ Khấu Khiêm Chi mà hiềm khích với Tôn Hạo, vua sắc phong Khiêm là Thiền sư. Khi ấy có Sa-môn Cao Huyền, là bậc thần tăng được mọi tầng lớp tôn kính, vua cho thỉnh về Bình Thành. Thái tử Hoãng tôn Sa-môn làm thầy, hết lòng kính trọng. Lúc ấy, thái tử bị vua nghi ngờ nên thưa với Sa-môn, Sa-môn bảo lập đàn sám hối bảy ngày. Vua mộng thấy tiên tử giáng xuống trách móc. Vua lâm triều kể cho các quan nghe, ai cũng nói là thái tử không có tội. Vua không nghi thái tử nữa. Vua hạ chiếu: Tông tổ hưng thịnh, tiếp nối muôn đời, võ công tuy hưng thịnh nhưng văn giáo chưa thịnh, nước nhà chưa thái bình. Nay trong thành an ổn, dân chúng giàu có, trẫm muốn lập pháp để muôn đời thực hành theo. Âm dương có qua lại, bốn mùa đổi thay, ngôi được truyền lại cho thái tử, chọn bậc hiền tài giúp đỡ, nên thường được an ổn, xưa nay là vậy. Ta giao mọi việc cho thái tử lo liệu, các vị hiền tài nên ủng hộ, truất phế những kẻ xấu, thần dân đều vâng lệnh thái tử. Nghe vậy Khấu Khiêm Chi lo sợ thái tử nắm quyền mình sẽ mất uy nên tâu với vua: Thái tử thật có âm mưu, nên vì Sa-môn làm phép thuật nên tiên tổ mới báo mộng như thế. Nếu không sớm trừ sẽ gây họa lớn. Vua liền bắt Sa-môn giam rồi chém, ở Bình thành, thái tử cũng bị giết, không ai biết được. Đêm ấy trên hư không có ánh sáng, lại có tiếng nói: Ta đã chết, các đệ tử đến chỗ xác chết, xem thông cáo. Nói xong Sa-môn mở mắt, ra mồ hôi, ngồi dậy nói: Đại pháp ứng hóa tùy duyên thịnh suy. Thịnh suy vốn là lẽ thường nhưng không bao lâu ngươi cũng sẽ như ta. Khi các ngươi chết, pháp sẽ hưng thịnh, hãy khéo tu học, đừng để hối hận. Nói xong Sa-môn nằm xuống, đi luôn. Từ đó Thôi Hạo càng lộng hành, hay

sàm tấu với vua, cho rằng Phật pháp không có ích cho chính trị, còn tổn hại dân tình, nên trừ bỏ đi. Một hôm vua đến chùa ở Trường an thấy có cung tên, vua cả giận hạ chiếu giết tất cả tăng chúng, đốt kinh hủy tượng. Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi tranh nhau. Lúc đó, có Sa-môn Tuệ Thỉ, là người rất kỳ lạ, xưa Hách Liên phá Trường An Sa-môn bị đâm mà không chết, đi dưới đất chân không lấm bùn nên người đời gọi là Hòa thượng chân trắng. Nghe tin vua diệt pháp Sa-môn chống tích trượng vào cung, vua cho người giết, Sa-môn vẫn thản nhiên đi vào, vua cho cọp ăn thịt thì cọp quỳ trước Sa-môn, nhưng lại gầm rống trước Thiên sư. Thấy vậy vua cho rằng Phật pháp hiển linh, liền sám hối tội lỗi. Sa-môn nói pháp nhân quả cho vua nghe. Vua rất hổ thẹn. Sau đó vua bị bệnh lạ, cả người đau nhứt, các quan cho rằng Thôi Hạo xúi vua hủy diệt Phật pháp nên bị như thế. Thôi Hạo và Khấu Khiêm Chi cũng bị bệnh lạ. Niên hiệu Thái Bình năm thứ mười vua cho nhốt Thôi Hạo vào xe, cho các quan tiểu tiện trên xe, rồi bắt Thôi Hạo há miệng nuốt nước tiểu. Đây là hình phạt nhục nhã nhất xưa nay. Vua hạ lệnh mở mang Phật pháp. Năm đó vua băng, Tôn Tuấn lên ngôi, lo truyền bá Phật pháp (xem trong Ngụy thư và Cao tăng truyện, Thập lục quốc Xuân Thu).

Việc thứ tư:

Văn Đế là con thứ ba của Tống Vũ Đế, là người tài đức hơn người, làm vua suốt ba mươi năm. Những lúc rảnh vua hay cùng các quan bàn luận chính sự. Một hôm, vua hỏi thị tung Hà Thượng Chi và lại bộ Dương Huyền Bảo: Xưa nay trẫm đọc kinh tuy không nhiều nhưng không lúc nào bỏ bê, chưa thông nhân quả ba đời nhưng không dám lập dị; các khanh đều kính tin. Phàm Thái, Tạ Linh Vận thường nói: Sáu kinh mục đích là cứu đời, người làm chánh trị phải học, tánh linh sâu huyền đều nói lý Phật. Gần đây Nhan Diên viết Đạt tánh luận, Tôn Bình có Bạch hắc luận, hiển linh pháp Phật, rất hợp lòng người. Nếu tất cả các quan đều học theo trẫm thì sẽ ngồi hưởng thái bình, còn lo việc gì. Thượng Chi thưa: Pháp sư Tuệ Viễn thường nói: Giáo pháp của Phật ứng hiện khắp nơi, đạo vốn để cứu đời. Trộm xét học thuyết này rất sâu xa, nếu nhà nhà đều học theo thì tội không còn, hình phạt cũng chẳng có, bệ hạ an hưởng thái bình, thật như thánh chỉ. Dương Huyền Bảo thưa: Học thuyết này bao gồm cả trời người. Trộm nghĩ, Tần Sở hùng mạnh, Tôn Ngô thôn tính các nơi đều không nhờ đó. Vua nói: Đây không phải là công cụ của thời chiến quốc. Thượng Chi nói: Thích ẩn dật thì chiến sĩ

lười, quý nhân đức thì binh khí suy. Tôn Ngô thôn tính các nước cũng không tôn sùng đạo của Nghiêu Thuấn, đâu chỉ có giáo pháp của Phật? Vua nói: Dòng Thích có Khanh, còn có Khổng giáo, lời trái thì khó nghe. Từ đó vua rất tôn kính kinh Phật, thường mời chư tăng vào cung đàm đạo. Lúc ấy vua rất kính Pháp sư Đạo Sinh nên thường trình bày những gì mình chứng ngộ. Sa-môn Tăng Bật... cũng thường được mời. Vua nói: đã diệt thì sẽ hưng, đâu do vua làm ra. Lúc ấy, Nhan Diên soạn luận Duy thức, vua mời Pháp sư Nghiệm xem chỗ giống khác. Vua cười nói: Các khanh chớ lo, hãy đàm luận.

Việc thứ năm:

Nhà Ngụy có mười bảy đời vua, kéo dài một trăm bảy mươi chín năm, các vua đều tôn kính Phật giáo, chỉ có Thái Vũ hủy pháp năm, sáu năm. Hiến văn lên ngôi, vào niên hiệu Hưng Hoàng năm thứ nhất, vua cho đúc năm pho tượng, mỗi tượng cao trượng sáu, dùng hết hai mươi lăm vạn cân vàng. Niên hiệu Chánh Quang năm thứ nhất, vua gia tăng triều phục, đại xá thiên hạ, thiết trai cúng dường tăng ni, đạo sĩ. Thọ trai xong, thị trung Lưu Thắng tuyên chiếu: Mời Pháp sư và đạo sĩ hùng biện để dứt nghi cho đệ tử. Đạo sĩ Khương Bân và Pháp sư Đàm Mô thi tài trước.

Vua hỏi: Phật và Lão tử có sinh cùng thời hay không? Khương Bân tâu: lúc Lão Tử qua Tây Vực giáo hóa rợ Hồ, Phật làm thị giả. Pháp sư hỏi: sao biết? Trong kinh Lão Tử Khai Thiên có chép. Pháp sư hỏi: Lão Tử sinh vào năm nào, sang Tây Vực năm nào? Lão Tử sinh giờ Tý ngày mười bốn tháng chín năm Ất Mão, thời Chu Định vương năm thứ ba, ở làng Khúc nhân, thôn Lệ, huyện Khổ, quận Trần nước Sở. Năm Đinh sửu, là đời Chu Giản vương thứ tư làm quan giữ kho. Đời Giản vương năm thứ mười ba làm thái sử. Đời Kính vương thứ nhất, thấy đức nhà Chu suy, Lão Tử đến Tây Vực độ người Hồ (năm ấy Lão Tử năm mươi lăm tuổi). Pháp sư nói: Phật giáng sinh ngày tám tháng tư đời Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn, diệt độ ngày mười lăm tháng hai đời vua Mục vương năm thứ năm mươi ba. Ba trăm bốn mươi lăm năm sau mới đến đời vua Định Vương năm thứ ba, đến đời vua Kính Vương thứ nhất là Phật đã diệt độ bốn trăm hai mươi lăm năm rồi, sao lại làm thị giả cho Lão Tử? Sách nào nói Phật sinh vào thời Chu Chiêu Vương? Chu thư dị kí, Hán pháp bổn nội truyện đều có ghi. Bân nói: Khổng Tử là bậc Thánh san định kinh sách sao không hề nói đến? Pháp sư nói: Học thức của ông như cái ống, không biết được điều cao xa.

Trong kinh Tam Bị Bốc của Khổng Tử có ghi về Phật. Ông hãy tự đọc. Hỏi: Khổng Tử là bậc Thánh không nói cũng biết, cần gì phải bói? Chỉ Phật là bậc đứng đầu trong các Thánh, thầy của bốn loài, hiểu rõ mọi việc trước sau của chúng sinh nên không cần bói. Các vị Thánh khác đều nhờ mai rùa bói quẻ.

Thị trung lại tuyên chỉ: Đạo sĩ Khương Bân nói không có tông chỉ nên xuống dưới. Lại hỏi: Kinh Khai Thiên hiện ở đâu? Là của ai? Liền sai trung thư thị lang Ngụy Thâu và thượng thư lang Tổ Doanh đến đạo quán lấy kinh. Vua sai một trăm bảy mươi người như thái úy Đan Dương Vương Túc tổng, thái phó Lý Thật, vệ úy Hứa Bá Đào... lên đọc, rồi tâu: Lão Tử chỉ viết năm thiên. Chúng thần xin thưa Khương Bân mang tội mê hoặc mọi người, vua hạ lệnh gia hình. Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi khuyên can mãi, vua đồng ý tha chết, đày đến ấp mã.

Việc thứ sáu:

Lương Cao Tổ Vũ Hoàng đế lên ngôi lúc ba mươi bảy tuổi, ở ngôi bốn mươi chín năm. Tuy mãi lo việc triều chính nhưng vua luôn miệt mài với kinh sách. Vua sống rất thanh đạm không lụa là gấm vóc, không giường cao nệm đẹp, không ăn thịt cá, ngày ăn một bữa, thật ít có vị vua chúa nào như vậy. Trước kia vua tôn thờ Lão Tử và Phật nhưng khi biết đạo Lão luống dối, vua hạ chiếu bỏ Đạo giáo. Chiếu rằng:

“Ngày tám tháng tư niên hiệu Thiên Giám năm thứ ba, hoàng đế nước Lương là Lan Lăng Túc Diễn cúi đầu kính lạy chư Phật mười phương, tôn pháp hiền thánh tăng. Con nghe kinh dạy: Phát tâm Bồ đề là tâm Phật, các tâm lành khác không thể sánh. Tâm này đưa chúng sinh thoát khổ ba cõi, vào đường vô vi. Trí lậu tận vô ngại của Như Lai tỏ cơ trọn đức, chiếu mê khai ngộ, thần tích tấu trời, linh thiêng bày khắp, đưa chúng sinh khỏi biển dục, dẫn hàm thức lên niết bàn, lên núi cao an vui, thoát vực sâu sông ái, không câu nệ văn từ, hiển bày linh tính ở cung vua, là bậc tôn kính của ba cõi, soi chiếu khắp đại thiên. Vì tâm cạn cợt, thích sinh tử, gây ra tội lỗi nếu không được gặp Phật, thì ai cứu thoát được. Tuy ẩn thân nhưng đạo luôn hiện. Đệ tử mê mờ tôn thờ Lão Tử, ngày tháng trôi qua đắm nhiễm pháp tà. Giờ bỏ đường mê, nương về chánh giác, xin nguyện đời sau được xuất gia học Phật lúc thiếu thời, hóa độ chúng sinh cùng thành Phật, thà ở trong chánh pháp mà chịu tội cõi ác, chứ không phụng thờ Lão Tử dù được sinh lên cõi trời, tu tâm Đại thừa bỏ niệm Nhị thừa. Kính mong chư Phật chứng minh, Bồ-tát thâu nạp đệ tử Túc Diễn kính lạy.”

Lúc ấy, vua cùng hai vạn tăng tục lên gác Trùng các phát tâm Bồ đề. Đến ngày mười một tháng tư vua hạ chiếu: “Thiên hạ có chín mươi sáu đạo, đạo Phật là chánh đạo, chín mươi lăm loại kia là tà đạo. Trẫm bỏ tà đạo, thờ phụng chánh đạo. Nếu các quan muốn thệ với trẫm hãy phát tâm Bồ-đề. Lão Tử, Chu Công, Khổng Tử tuy là đệ tử Như Lai nhưng hóa tích tà vạy, chỉ tốt trong thế gian, không thể chuyển phàm thành thánh. Các quan nên bỏ ngụy về chân. Luận Thành Thật nói: Nếu thích thờ ngoại đạo, khinh Phật pháp thì thuộc tà kiến. Nếu thờ cả hai như nhau thì thuộc tánh vô ký. Thờ phụng Phật, ít tôn Lão Tử thì đó là lòng tin thanh tịnh. Thanh là trong ngoài đều tịnh, không còn nhơ bẩn, tín là chánh tín. Tin thanh tịnh là đệ tử Phật, tin không thanh tịnh là tà kiến, các quan nên thi hành.”

Ngày mười bảy tháng tư các quan tâu: Thần nghe: Như Lai có tướng tốt, thân vi diệu, cao hiển không cùng, pháp phật thì bỏ đao giết mổ chứng quả Niết-bàn, vượt biển khổ sinh tử, đến bờ Niết-bàn an vui, nên tuôn mưa từ bi, tưới nước cam lộ, bảy nơi tám hội giáo hóa không cùng, bốn đế năm thời lợi ích khắp nơi, sưởi ấm trong băng tuyết, làm mát lạnh trong lửa nóng, vào đời độ tục, xuất thế hiển chân như, khiến mọi loài tôn pháp, kẻ ngu mê biết quay về, cây đạo hiện ở Ca-duy, âm đức hưng thạnh ở Kinh lạc. Không thấy hằng tinh, cứu xét điềm thần, trăng tròn Hán Đế cảm mộng lành, năm pháp truyền trao, vạn đức trọn vẹn. Hoa tục dần hiển, nhờ bảy pháp giác, thoát khổ đêm dài. Bồ-tát Hoàng đế ứng theo mệnh trời độ vật, soi rọi khắp nơi, cứu dân độ chúng, nhờ nguyện lực độ sinh nên quyền hiển nhân lành, sùng đạo Nhất thừa, bước lên thềm mười Địa, các nước đều nương về, u linh đều nhờ, người phát nguyện thành Phật, vật khởi tâm Bồ-đề, tất cả đều vui vẻ trở về đường giác, tu từ bi nhẫn nhục, che chở cứu độ, phá tà hiển chánh, xây chùa truyền pháp. Xưa thần mê mờ thờ tà đạo, muốn quả ngọt mà gieo giống đắng, khát nước lại uống nước mặn, nay tỉnh ngộ quay về, thọ giới Bồ-tát, bỏ đạo giáo, vào chánh giáo. Xin bệ hạ cho phép.

Ngày mười tám tháng tư vua hạ lệnh: Bỏ mê theo chánh là trồng nhân lành tinh tấn.

Việc thứ bảy:

Xưa các đạo sĩ ở Kim lăng lợi dụng đạo chế ra nhiều nghi thức phiền toái để vua tôn phụng. Khi Lương tổ hạ chiếu bỏ đạo, các đạo sĩ tức giận, liền cùng môn hạ trốn sang Bắc Tề, dùng vàng ngọc tặng nhà giàu để nhờ họ mà hưng phát đạo. Tháng chín niên hiệu Thiên Bảo

năm thứ sáu vua cho mời Sa-môn và đạo sĩ vào điện tỉ thí. Lúc đó đạo sĩ trì chú khiến y phục của Sa-môn bay liệng, làm cho trụ gỗ nằm ngang nằm dọc. Sa-môn không học chú thuật nên im lặng. Do đó tất cả đều thấy lạ, cho là đạo sĩ hơn. Các đạo sĩ liền khoe khoang, cao ngạo: Rằng mình thần thông rộng lớn, Sa-môn hiện một ta hiện hai, nay Sa-môn đã thua. Vua liền hạ lệnh cho Pháp sư Thượng Thống tỉ thí với đạo sĩ Tĩnh Giác. Pháp sư nói: Những xảo thuật ấy kẻ Nho sĩ còn hổ thẹn huống gì là người xuất gia, nhưng bệ hạ đã ra lệnh thì chẳng thể không nói, xin để cho vị tăng thấp nhất đấu. Pháp sư liền chọn Sa-môn Đàm Hiển, một người rất kỳ lạ, đang uống rượu say. Quan hữu ty thấy vậy không dám gọi. Nhưng với oai đức của Pháp sư Thượng Thống mọi người đều nghe theo, liền đưa Sa-môn lên tòa cao. Sa-môn nói: Ta uống rượu say nhưng nghe có người nói Sa-môn hiện một ta hiện hai, chẳng biết có đúng không? Đạo sĩ bảo đúng, Sa-môn liền đứng kiểng chân và bảo đạo sĩ hiện hai đi. Các đạo sĩ im lặng, Sa-môn nói: Vừa rồi các vị bảo là thổi bay y phục, đó là do ta mở cửa thổi gió, bây giờ y phục đây các vị hãy thổi đi. Các đạo sĩ cũng trì chú nhưng y phục không hề động đậy. Các đạo sĩ hổ thẹn, lại gượng nói: Nhà Phật tự cho mình là nội, nội thì nhỏ; gọi chúng ta là ngoại, ngoại thì lớn. Sa-môn nói: Nếu thế thì thiên tử ở trong phải nhỏ hơn các quan. Các đạo sĩ im lặng. Vua liền hạ lệnh: Pháp môn không hai, chân tông ở một. Thanh đạm là gốc của đạo chính, rượu thịt là hư giả của thế gian. Kẻ tục không ngộ nên tôn sùng, đây hẳn là cách xa với đạo từ bi, từ nay cấm cúng tế bằng động vật. Vua cho các đạo sĩ xuất gia theo Pháp sư, chưa phát tâm thì trừ đi, hôm ấy giết rất nhiều. Cấm tuyệt việc thờ phụng thần tiên, từ đó trong nước Tề chỉ tin một đạo. Đến đầu đời Tùy mới có các đạo. Vua húy kỵ là Tường tức con thứ hai của thừa tướng Vương Hoan. Người con cả bị hại, nên Tường lên kế vị, lúc bị tướng quốc nhà Ngụy vây khốn, Tường lập đàn ở Nam Giao, bói quẻ đại hoành đại cát nên cho đúc tượng vàng. Ngụy đế chấp nhận trao vị, vua lập thành nước Đại Tề. Vua cho xây chùa Phật, tăng chúng rất đông. Một hôm, có vị Thiền sư nói với vua: Thí chủ, có La-sát đi theo, đến bờ sông sẽ thấy. Vua nhìn thấy la sát ở sau mình, từ đó không ăn thịt, cấm bắt giết. Vua thường ngồi thiền suốt ngày, lễ Phật tụng kinh. Một hôm vua sai sứ giả cỡi lừa đến chùa lấy kinh. Sứ giả không biết nơi nào, vua bảo cứ để con lừa dẫn đi. Lừa dẫn sứ giả đến chùa, nhìn thấy con lừa các Sa-di bảo: Con lừa của Cao Tường đã về. Liền đưa sứ giả vào gặp vị trụ trì. Sa-môn hỏi: Cao Tường làm vua ra sao? Là bậc thánh minh. Hỏi: Sứ giả đến làm gì? Lấy hòm kinh. Sa-

môn trao cho sứ giả. Sứ giả về nói lại. Hôm đó vua đến chùa thỉnh Phật, có một người lạ nói: Ta đi trước ông đến sau nhé. Sau vua băng ở Tấn dương. Vương Thiệu nói: Pháp Phật cao xa, không thể nói bừa. Xưa, Thái Tể hỏi Khổng Tử về bậc Thánh, nói: Hoàng đế mộng thấy đến nước Hoa Tế Thị, đó là nơi thần Phật đến mà thôi. Pháp Phật trình bày thiện ác nhân quả, không phải là bậc Chánh giác thì không thể chứng biết. Mọi loài đều nương về. Người thông ngộ thì thận trọng giữ mình, tu định tuệ, giải thoát bình đẳng, rốt ráo Bồ-đề. Kẻ ngu muội thì cho là không tỏ lý, mãi chạy theo các tà pháp.

(Ghi chép theo sách nhà Tề).

■

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

QUYỂN 2

Việc thứ nhất:

Chu Cao Tổ Vũ Hoàng đế định phá diệt Phật pháp, Pháp sư ta dâng thư.

Chu Vũ ban đầu tin Phật, sau đọc thấy câu sấm: Hắc y sẽ thịnh, thì tôn trọng Đạo giáo, muốn diệt Thích giáo nhưng còn ngại. Đạo sĩ Trương Tân dâng sớ bài trừ họ Thích, vua nhận lời, mời chư Tăng vào hành đạo bảy ngày. Vì biết trước nên chư Tăng thành tâm cầu nguyện. Thấy vậy vua không cấm được. Ngày mười lăm tháng ba niên hiệu Thiên Hòa năm thứ tư, vua cho với Tăng chúng, đạo sĩ, các quan lên điện, cho bàn về sự hơn kém của ba giáo. Nhưng cuối cùng không phân định được nên giải tán. Sau vua hạ lệnh cho tư lệ đại phu Chân Loan phân định. Loan dâng ba quyển Tiếu Đạo luận cười chê Đạo giáo. Pháp sư ta là người được mọi tầng lớp tôn trọng liền dâng Nhị giáo luận mười hai thiên. Lược nêu: Muôn hóa không sinh, ba tài không có điểm đầu. Nhưng tánh không sinh, không bắt đầu là ở trong con người có hóa có sinh. Tụ một thể nhưng có thân, tâm. Lúc thân mất, tâm vẫn còn. Nên giáo cứu thân là bên ngoài, giáo cứu tâm là bên trong. Vì thế Trí luận có hai kinh trong ngoài, Nhân vương có hai luận. Phương Đẳng có hai luật, Bách Luận có hai đạo. Trong ngoài về cái chung thì cùng cả Hoa Hạ và rợ dân, hạn hẹp thì có Nho, Thích. Thích giáo là trong, Nho giáo là ngoài. Đạo không phải là một giáo, nên chỉ có hai giáo. Xưa Huyền Tố chưa truyền phong giáo đã mất. Nhân tố tóm thâu bảy điểm chín dòng, làm mẫu cho nước nhà, là thuật tu thân. Nếu riêng thì có chín giáo, nhưng chung lại thì thuộc Nho giáo. Về quan thì chỉ là một chức, về sách thì chỉ có sách hoàng gia. Vì sao từ một phân thành chín để đến nỗi phải tranh đấu nhau, làm tổn thương trên dưới. Phật giáo là giáo pháp trọn lý cùng tánh, ra thế nhập chân, về văn thì có mười hai bộ, về thể thì có bốn Tất-đàn, lý vi diệu nên không thể dùng ngôn ngữ để bàn, vượt sinh tử, chứng Niết-bàn, chia năm thừa là để tùy căn cơ sâu cạn, nêu

rõ sự lên xuống của thiện ác sáu đường. Về sự thì không thiếu việc gì. Kẻ phàm phu không thể biết được. Đạo lão chưa hề nói về tâm sắc sinh diệt. Sắc tâm có vô số tướng, Thanh văn, Duyên giác còn không biệt huống gì người ngu. Kinh dạy: Đom đóm không thể sánh với ánh sáng mặt trời. Chúng tôi nghe nói khéo trị thiên hạ là không trị mà trị, cần gì phải dời núi lập bể. Trên từ thiên tử dưới đến dân đen, chẳng ai không có từ sắc tâm, không thể lẫn lộn ngu trí bằng sự bình đẳng của sắc tâm. Âm dương tuy như nhau nhưng vẫn có sang hèn. Sử ký nêu: Lý lão đến phương Tây, hóa độ người Hồ, không đủ để nghiên cứu cùng tận. Cuối đời Hán, tam trương mê hoặc dân tình. Trương Lăng bị bệnh, tìm được sách chú thuật, liền học theo, sau bị rắn cắn chết. Các đệ tử dối xưng là thăng thiên, còn có Hoành, Lỗ cũng học pháp đó, tự xưng là Tam sư, Lăng là thiên sư, Hoành là hệ sư, Lỗ là Tự sư, dùng giải thuật để mê hoặc mọi người. Hậu Hán thư chép: Trương–Lỗ ban đầu làm đốc nghĩa tư mã, sau giết thái thú Tô Cố, giết cả sứ giả, ở lại trên đất Hán Trung suốt ba mươi năm, mặc khăn vàng, làm sách phù chú mê hoặc lòng người. Người học theo đạo khăn vàng thì đóng năm đấu thóc, nên người đời gọi là giặc cướp thóc. Người mới vào đạo được gọi là quỷ tốt, sau gọi là tế tửu. Triều đình không dẹp được nên tôn Lỗ làm Trấn di trung lang tướng. Đến đời vua Hiến Đế năm thứ hai mươi Tào Tháo đánh dẹp. Sau lại có sấm hoàng y sẽ hưng thịnh nên Trương Giác, Trương Lỗ mặc y vàng, họ Tào thay màu vàng bằng màu đỏ, nên lấy hiệu là Hoàng Sổ. Thời Nguyên Ngụy, Đạo giáo dần được hưng thịnh, phong hóa dần dần đổi theo xưa. Thánh hiền dạy bằng lời ôn hòa, quỷ thần trừng trị nghiêm khắc. Chân ngụy đã rõ, xin lược nêu vài ý.

Ban đầu nói cấm kinh chỉ giá, luận Huyền Quang chép: Các kinh của đạo gia chế tạp ý phàm, giáo tích tà hiển nên không phải kinh. Người giàu làm ra thì gọi là kinh, người nghèo viết lại thì không bao giờ được truyền, tham tài lợi, không từ bi. Về phương thuật thì nhơ uế, nghiến răng cho là trống trời, nuốt nước bọt cho là cam lộ, phân ngựa cho là củi linh, chuột mà xem là thuốc thần.

Vọng xưng chân giáo. Thục ký ghi: Trương Lăng vào núi Hạc Minh, tự xưng là thiên sứ. Cuối niên hiệu Gia Bình nhà Hán bị rắn cắn, Tử Hoành cho là linh hỏa. Đầu niện hiệu Quang Hòa, lại cho người truyền rằng ngày bảy tháng giêng Thiên sư thăng thiên. Đó là mê hoặc lòng người, vọng tạo kinh sách để làm loạn tâm người.

Đạo quỷ khăn vàng làm loạn nhà Hán, Tôn Ân cầu tiên gây họa hoàng thất, phá nước, loạn phong tục, mê hoặc thiên hạ, năm thiên đạo

đức không hề có...

Tất cả là giải pháp của Tam tương, không phải hoài bão của Lão Tử. Đọc tập luận của Pháp sư, vua hỏi các quan, không ai dám bác bỏ điều gì. Lúc đó không còn cảnh phế lập, sáu năm sau, đến ngày mười bảy tháng năm niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba thì diệt cả Phật, Đạo, chỉ tôn thông Đạo quán, người học thu được gọi là học sĩ thông đạo quán. Pháp sư Tăng Mãnh chùa Nguyện quả ở Tân châu đất Thục dâng lên vua một bức thư trong đó có mười tám điều. Xin lược nêu: Người ta nói Lão Tử, Doãn Hỉ đến phương Tây, Lão Tử thuyết giới kinh, Doãn Hỉ viết Phật giáo hóa người Hồ, lại nói tiên sinh Quỷ Cốc soạn Nam Sơn Tứ hạo chú. Những ai chưa tìm kỹ thì tin là thật. Lạ thay truyện này! Quân tử còn không thể lừa huống chi là bậc Thánh. Nay trình việc này không phải là để chỉ sự sai lầm của thế gian hay hủy nhục Lão Tử. Người trí không nêu những lời ấy, chỉ kẻ ngu mờ mới tranh biện với Phật giáo, mượn tên tứ hạo của Quỷ Cốc để sau truyện Doãn Hỉ để mê hoặc lòng người. Trộm nghe truyện mà không tập thì Phu tử không cho làm càn, là điều mà Lão quân cấm kỵ. Thật là tai họa lớn, thêm lớn ba đường ác, cần phải thay đổi. Giáo có trong ngoài, áp dụng thì khác, người có hiền thánh, lại mê hoặc bổn tích. Vì thế Ban Cố Hán thư chia con người ra làm chín: Môn đồ họ Khổng là bậc thượng thượng, là thánh. Lão chưa bằng thánh cho nên là trung thượng, là hiền. Như vậy Hiền thánh đã rõ.

Niên hiệu Hoàng Sơ năm thứ ba vua hạ lệnh cho thứ sử Dự Châu hỏi về việc xây miếu thờ Khổng Tử: Hán Hoàng Đế không tôn pháp thánh, lại thờ Lão tử, cầu phước. Trẫm đến xem thì thấy miếu hoang phế nên hạ lệnh sửa chữa. Nếu không làm thì e có kẻ lợi dụng làm càn, nên thông báo cho quan dân đều biết. Vua không tiếp nhận lời bàn của Pháp sư Mãnh. Pháp sư Ái biết tin thì than: Năm chúng lưu li, bốn loài mê hoặc, ăn cơm uống nước nhà Chu nhưng không đền ân đức, lại là đệ tử Phật há ngồi nhìn Phật pháp suy diệt. Pháp sư liền vào cung, tâu rằng: thần đến đây với hai ý: Báo ân Tam bảo, đền ân đức Đàn-việt. Pháp sư viện dẫn kinh điển, hùng biện thông suốt từ sáng đến trưa, vua tuy nghe nhưng chưa quyết. Pháp sư nói: Thích – lí tà chánh đã rõ, bệ hạ không phải khổ tìm. Vua liền hạ lệnh cho lưu. Sa-môn Đạo Tích ở Nghi châu cũng đến khuyên can nhưng vua không nghe. Sa-môn liền cùng bảy người tuyệt thực, lễ sám trước tượng Di Lặc suốt bảy ngày thì tịch. Sa-môn Ái vào núi Nam, tự cắt phần thịt phơi trên đá, lấy ruột treo trên cây. Sau người ta tìm đến thấy bài kệ:

Nguyện xả thân này
Pháp thân tự tại
Tùy nơi tạo phước
Các nghiệp đều diệt
Ba cõi vô thường
Tự giết, bị giết
Người trí không thích
Được thân tự tại
Đi khắp mọi nơi
Hộ pháp độ sinh
Là pháp hữu vi
Ngày giờ tên bắn
Đều là như thế
Hôm nay nghiệp hết.

Việc thứ hai:

Chu Vũ bình Tề nhóm họp tăng chúng bàn việc hưng phế, Pháp sư Tuệ Viễn kháng chỉ.

Mùa xuân niên hiệu Thừa Quang năm thứ hai, Chu Vũ Đế nhóm họp tăng ni, bàn việc phế lập, nói: Trẫm thọ mệnh trời, cai trị đất nước, hiện có ba tôn giáo, phong giáo cách xa, nay xem xét phải phế. Sáu kinh Nho giáo hưng việc triều chính, lễ nghĩa trung hiếu hợp với lòng người cho nên để lại. Về Phật giáo, là Phật thật thì không cần hình tượng, chỉ cần thành tâm là được. Kinh Phật thường khen ngợi việc xây chùa lập tháp tạo phước, đó là vật vô tình nào có ân huệ gì? Kẻ ngu tin càn dốc hết của tiền ra làm, cần phải trừ diệt. Vì thế kinh tượng thì đem đốt, tăng ni thì cho hoàn tục để làm tròn đạo trung hiếu. Ý trẫm là thế, các đại đức thấy thế nào?

Chư Tăng đều im lặng.

Pháp sư Tuệ Viễn thấy vậy liền tâu: Bệ hạ là đấng chí tôn cai trị đất nước, tùy tục hiển ba tôn giáo. Bệ hạ chiếu rằng: Chân Phật không tượng, thật như vậy. Nhưng tai mắt sinh linh nhờ nghe kinh thấy tượng mà hiển bày chân thân. Nếu phế bỏ thì không làm sao thờ cúng.

Vua nói: Chư Phật trong hư không đã tự biết, cần gì nhờ kinh tượng.

Pháp sư nói: Trước thời Hán Minh đế, chưa có kinh tượng, sao chúng sinh ở đây không biết có chân Phật ở hư không?

Lại nói: Nếu không cần kinh giáo mà tự biết pháp thì trước thời

Tam Hoàng không có văn tự, con người có tự biết ba luân năm thường hay không? Người lúc đó vì sao chỉ biết mẹ, không biết cha, như loài cầm thú? Nếu cho rằng hình tượng vô tình, tôn thờ không phước, cần phế thì các tượng trong bảy miếu của nước nhà há có tình, sao lại thờ cúng?

Vua nói: Kinh Phật là pháp của nước khác, nước này không cần dùng phải phế, bảy miếu là của đời trước làm, trẫm cho là trái nên sẽ phế cả.

Pháp sư nói: Nếu cho rằng kinh của nước khác không cần dùng thì vì sao kinh của Trọng Ni là thuộc nước Lỗ, nước Tần, nước Tấn phải phế mới đúng chứ! Nếu cho là cần phế bảy miếu thì không tôn tiên tổ. Tiên tổ không tôn thì Chiêu Mục mất gốc, Chiêu Mục mất gốc thì sáu kinh không dùng. Vậy mà tôn dùng đạo Nho hay sao? Nếu thế thì phế cả ba giáo, trị nước bằng gì?

Vua nói: Phong tục đất đai mỗi nước một khác, nhưng đều là chịu sự cai trị của vua, nên không cần kinh Phật, không dùng bảy miếu.

Pháp sư nói: Nếu cho rằng đất nước khác nhau cùng thờ một tôn giáo thì Thiên Trúc và Trung Hoa tuy khác, sao không cùng thờ kinh Phật? Vua cho rằng tăng hoàn tục về nuôi nấng cha mẹ, Khổng kinh có dạy: Lập thân hành đạo để làm hiển danh cha mẹ, đó là hạnh hiếu, cần gì phải về nhà.

Vua nói: Ân cha mẹ sâu nặng, cần nuôi dưỡng, bỏ thân hướng sơ không phải là chí hiếu.

Pháp sư nói: Nếu vậy thì những người hầu của vua đều có cha mẹ sao không để họ về mà để cho họ sáu, bảy năm không gặp cha mẹ.

Vua nói: Trẫm cũng cho họ luân phiên về phụng dưỡng cha mẹ.

Pháp sư nói: Phật cũng cho chư Tăng mùa xuân, mùa thu về phụng dưỡng cha mẹ. Vì thế Tôn giả Mục-liên xin cơm dâng mẹ, đức Như Lai thì lo tang lễ cho vua cha. Lý này là một, không thể bỏ phế. Bệ hạ cậy oai quyền, phá diệt Tam bảo, là người tà kiến. Địa ngục A-tỳ không phân sang hèn, sao bệ hạ không sợ?

Vua cả giận, nói: Chỉ cần trăm họ được vui, trẫm không sợ khổ địa ngục.

- Bệ hạ chỉ dạy bằng pháp tà thì đem khổ cho dân, họ sẽ cùng bệ hạ xuống địa ngục, làm gì có vui.

Vua đuối lý nhưng vẫn nói: Đuổi tăng hoàn tục, trong vòng ba năm Phật pháp bị diệt, tất cả các chùa đều bị biến thành nhà của quan, chư Tăng bị bắt làm dân binh, kinh tượng đều bị đốt, tài vật của chùa

đều bị sung công.

Một năm sau vua bị bệnh truyền nhiễm, trốn ở cung Vân dương, bảy ngày thì chết. Theo Đường Lâm Minh Báo Ký của Lại bộ thượng thư nhà Đường: Thì Tạ Tề Công bị chết, sống lại kể rằng: Lúc mới chết thấy Chu Vũ Đế, Đế nói: Hãy chuyển lời ta đến thiên tử nhà Tùy, vì ông là bạn của ta rằng đem tài vật mà ta đã chứa để xưa nay làm phước cứu ta, ta diệt pháp phải chịu tội khổ. Vua nhà Tùy liền cho làm theo.

Việc thứ ba:

Chu Cao Tổ tuần du đất Nghiệp, phá diệt Phật pháp, thầy Đạo Lâm dâng sớ xin khai pháp.

Ngày bốn tháng mười một niên hiệu Kiến Đức năm thứ sáu nhà Chu, ở điện cung Tân nội sử Vũ Văn Áng, thượng sĩ Lý Đức Lâm nhận sớ tấu của thầy Đạo Lâm. Thấy tấu sớ có ý, thượng sĩ đưa thầy Đạo Lâm vào gặp vua, vua bảo: Khanh dâng sớ không phò triều chánh, trẫm rất vui, hãy trình bày rõ. Thầy Đạo Lâm thưa: Lâm tôi vốn mở mang đạo pháp, trước bàn việc triều chính dường như giúp các bậc minh quân, sự thật không có tâm hộ pháp. Từ khi họ Thích truyền pháp đến đây, quyền ứng khắp nơi, trí lực cao diệu, mở mang chánh pháp, cứu giúp chúng sinh ở cõi năm trược, trời người sáu đường không ai quy về để được khai ngộ. Từ đời Hán đến nay đã hơn năm trăm năm, vương công, khanh sĩ đều tôn thờ. Nhà vua diệt pháp. Bệ hạ thống trị thiên hạ, thừa kế tổ tiên, sao lại không kính Phật pháp. Nếu không tốt thì tiên tổ đã diệt, nếu có ích thì bệ hạ cũng phải thực hành, thần không hiểu vì sao lại phế bỏ?

Vua bảo: Phật ở Tây Vực, truyền pháp đến đây, phong giáo đã khác với Trung Quốc nên tuy có ở đời Hán, Ngụy, Tấn nhưng như không, năm xứ Hồ sẽ loạn, phong hóa mới thạnh. Trẫm không phải là Ngũ hồ nên không kính, đã không phải là chánh giáo thì phải phế diệt.

Thưa: Phật giáo truyền đến đây đã bảy đời vua, Lưu Uyên đoạt ngôi nhà Tấn không phải trung hạ, không phải chánh gốc, xưng là Ngũ hồ. Thời Hán, Ngụy, Tấn, Phật pháp đã được hưng thịnh, Tống Triệu đều tôn phụng, bệ hạ sợ mình tu Phật như Ngũ hồ, xin thực hành pháp như Hán Ngụy.

Vua nói: Kinh Phật tuy nhiều trẫm cũng có xem, nhưng phần lớn là những lời luống dối. Khi gặp tội thì bảo là của quá khứ, không có phước thì chỉ thuộc vị lai. Về sự thì phần lớn là mê hoặc. Về việc khuyên làm lành bỏ ác nào khác tổ tiên. Trước đây đã từng bị phế tức là không có

ích, nên nay phải phế trừ.

Thưa: Lý sâu lời cao, thường tình không thể hiểu, nghĩ xa sự vi diệu, kẻ hèn không thể lường. Lý Phật cùng tột pháp giới, thể giáo không trong ngoài, hạnh thì mình người đều tốt, quả thì vô vi an vui, trao đức thì ân bằng trời đất, trao đạo thì lợi ích không cùng, thần thông tự tại, giáo hóa mọi nơi, cứu độ oán thân, từ bi không tổn hại, giới trừ ác, định trừ loạn, tuệ soi xưa nay, mọi nhà đều học thì dân yên, mọi nước đều làm thì không binh biến. Nay không thực hành làm sao có ích? Thần nghe, hiếu là đạo cao tột của trời, thuận là đức nuôi của đất, hiếu là gốc của muôn hạnh. Xưa đại đạo hoại, nhà Ngụy diệt, Thái tổ sáng lập nghiệp vương, nhờ thế mà bệ hạ được lên ngôi hoàng đế. Vua cần ban đức cho thiên hạ sao lại tự cố chấp cậy quyền lực để tàn hại những gì tổ tiên đã xây dựng, tôn thờ. Giường ghế của cha mẹ còn không dám làm hư huống gì sự nghiệp của tổ tiên sao lại phá hoại. Đất nước còn mất nào có liên quan gì đến Phật, chính trị hưng suy nào do chánh pháp. Bệ hạ tin vào sự suy xét của một lúc mà để thiên hạ cười chê đến muôn đời.

Vua bảo: Nghĩa mà đạo hiếu không phải là chí cực? Nếu cố chấp thì chỉ lợi một thân. Bậc đại trí ngược với thường nhưng hợp với đạo. Thang Vũ diệt Chủ nhưng là nhân trí, Vĩ Sinh Thủ Tín họa đến thân diệt. Nếu có ích thì làm, không ích thì diệt, không thể bảo hộ một người để gây họa bốn biển. Sa-môn hoàn tục để phụng dưỡng cha mẹ, thành người có hiếu, tự nuôi sống mình, không phiền đến kẻ khác, để kẻ có tài ra giúp nước là hợp với đạo hiếu.

Thưa: Nếu nói hoại Phật hủy tăng ni là có ích thì Thái tổ đã diệt nào phải để đến giờ, kẻ diệt đạo nào có ích gì?

Vua bảo: Pháp hưng diệt còn có lúc, đạo nếu có còn thì phải diệt huống chi là Phật pháp không có ích, không thể để lại. Từ lúc diệt pháp đến nay dân ít phải lao dịch, tăng binh được nhiều, Đông tây diệt loạn, nước an dân vui, há không có ích hay sao? Trẫm diệt pháp nếu trái đạo thì thân hoại.

Thưa: Nước lập quý nhất là đạo, nuôi dân phải tôn đức. Chỉ thấy đạo diệt nước tan, không thấy binh cường nước mạnh. Kiệt Trụ bạo ngược mất nghiệp đế, Chu Vũ tu đức phước nhóm hoàng thất. Khương Kiều đánh mà hại thân, Câu Tiễn dùng đạo biến nguy thành an. Như thế có liên quan gì đến việc hoại Phật hủy tăng, mới bình định thiên hạ. Nếu thật thì Thang đánh nhà Hạ, Văn Vương diệt Tống, Vũ Vương diệt Trụ, Xích Hán diệt Hạng, các vị vua này nhờ hoại Phật mà thắng

hay sao? Kế là nói về nhân pháp, Phật tánh, sắc tâm... Sa-môn đều biện phải rõ ràng.

Vua nói: Ngôn hạnh không trái thì sẽ vào thánh vị, đạo có ở mọi nơi, phàm thánh đều đủ, giáo không chia Khổng, Phật, hình chung đạo tục, như vậy đế vương là Như Lai, vương công là Bồ-tát, người già là thượng tọa không cần Tân đầu; nhân tuệ thật là Đàn-việt đâu cần bỏ nước; hòa bình là tăng cần gì phải Bồ-tát; trinh thuận là Mộc-xoa, cần gì thọ giới; cần kiệm là ít ham muốn, không cần khổ hạnh; rau trái chay tịnh cần gì phải dứt sát sinh; tất cả đều vô ngã, cần gì hiểu không; là Đại thừa, cần gì cầu Bát-nhã; Văn Vũ là hai trí, chẳng quán có không; quyền mưu là phương tiện cần gì biến hóa; thăng quan là thọ ký, chứng quả làm gì; tước lộc là cõi trời cần gì phải lên trời; chém giết đã là địa ngục; dân là con tức đại từ, bốn biển là nhà tức cùng pháp giới; dùng lý để thống trị nào khác cứu vật, an vui trăm họ nào khác cứu khổ, chém giết là hàng ma, vua ở trong đời là đạt đạo, hưng thịnh nào khác tịnh độ, cứu giúp cần gì nhờ Thích-ca. Khinh vọng chấp, ngay trong mọi việc là đạo.

Thưa rằng: Lời của bệ hạ hay thì có hay nhưng thần vẫn nghi ngờ. Nếu đạo chỉ có một thì không thể dung hai. Nếu lý ở ngoài thì bên trong thường khác. Nếu một mà chẳng phải một thì nửa đúng nửa sai; hai mà không hai thì vừa đạo vừa tục, tăng tục lẫn lộn, trong ngoài trên dưới lẫn lộn. Âm dương đều là khí nhưng sinh diệt có khác, trời đất đều là vật nhưng cao thấp khác nhau, không thể cho là vật là khiến đất động trời tịnh, hoặc cùng là khí mà khiến âm sinh dương diệt, thì không thể có việc này. Tuy giống mà không giống, một nhưng không phải một, đạo tục tuy cùng lý nhưng hoàn toàn khác nhau. Nho thường đã có từ xưa, không thể lập một bỏ một.

Vua bảo: Khanh nói: Đạo tục khác nhau thì Nho hưng mặc Nho, Thích diệt mặc Thích sao lại so sánh. Nếu đạo chỉ là đạo thì đạo có lợi gì. Phật chỉ là Phật thì Phật độ có ích chi. Đạo tục nương nhau Nho Thích hiển hiện. Khanh đừng cho là trẫm sai, nếu quốc pháp không thực hành thì pháp vua diệt, phế hưng là việc thường.

Như lời bệ hạ nói, đạo không tự là đạo, không có tục thì không có hiển đạo, Phật không tự là Phật mà nhờ vua hưng thịnh, vì thế năm trăm năm qua pháp Phật hưng phế đều do quyền lực của vua. Như vậy đạo nhờ người phát, thần do vật cảm. Sự hưng suy của pháp là lẽ thường. Pháp của đế vương phải lấy bỏ rõ rệt. Trẫm có suy xét về giáo pháp Phật, so sánh xưa nay, xét từ việc làm đến sự được mất, không phải

thường nên không cần nào phải yêu ghét.

Thưa: Hoằng pháp chủ yếu là hiểu người, thông hóa quan trọng là chánh pháp. Đừng thấy ác với mình mà xa lánh, thấy thiện với mình mà gần gũi, vì đó là tà kiến. Lại khiến càng xa thì gần, càng gần thì xa, hại chân hoại đức.

Vua lại hỏi: Trẫm nghe quân tử động tĩnh đều hợp lẽ, bậc minh triết nghĩ làm đều hợp cơ. Khanh không ăn thịt uống rượu thì rượu là thuốc hòa thần, thịt là chất dưỡng thân, xưa nay đều như vậy, sao khanh lại khác. Được ăn mà không ăn há không có lỗi hay sao?

Tham tài sắc là kẻ hèn, ham rượu thịt là kẻ xấu, học đạo bỏ vọng tiên hiền đều khen, tiết dục tôn đức thánh triết ngợi ca. Thịt do giết mạng, rượu làm loạn thần trí, không ăn là hợp, làm sao có lỗi?

Thịt do giết nên cấm, rượu nào tổn hại sao lại cấm? Nếu không tổn hại mà có tội, không lỗi mà sai thì ăn chay uống nước là đều có tội. Thật ra không phải như thế, sao lại dứt rượu?

Thưa: Kiết giới tùy sự, đắc tội do tâm, rượu không tổn hại nhưng làm loạn tinh thần, gây ra các lỗi khác, nên phải cấm.

Vua nói: Nếu uống mà không say thì đâu làm loạn tinh thần, như vậy thì đâu có tội.

Thưa: Ngăn lỗi phòng tội là tốt, thân miệng không trái là tốt. Người uống không say, không phá giới khác thì không có tội nhưng vì thường là uống có tội nên không uống.

Vua nói: Đạo sĩ đạt đạo là do liễu ngộ, không chấp tướng, tâm hợp pháp tánh, ý như hư không, muôn vật đều tốt, thiện ác đều là đạo. Như vậy ăn thịt uống rượu, cưới vợ có con nào có tội lỗi gì. Vì thế thái tử cưới vợ đạt đạo, Chu Đà bỏ vợ đắm chìm, Tịnh Danh ở trong tục mà đạt đạo, Thân Tử xuất gia mà chấp chặt. Như vậy thiện chưa phải là thiện, ác chưa hẳn là ác, cấm rượu thịt thật trái đạo.

Thưa: Rồng cọp nhờ nanh vẩy, chim chóc nhờ đôi cánh, quân tử nhờ hiểu hành, hiền triết thành đức nhờ chân thật nên trong ngoài hợp nhau. Nếu hiểu mà không hành thì là dối không thật. Vì thế người thợ cần dùng mực để đo, người cai trị thiên hạ phải nhờ pháp. Do đó, một việc sai là đau thấu xương tủy, một lời đúng quý tựa ngàn vàng. Nếu ác là tốt, ngu là trí thì kẻ dốt ngu lên làm vua, người tài trí xuống làm dân, vua dân lẫn lộn, điều đó chẳng thể có, có khác gì miệng thì nói trung hiếu mà làm việc trái nghịch, miệng thì nói từ bi, xả bỏ mà lại giết hại trộm cướp. Nếu cho đó là đạo thì thật khó tin.

Vua nói: Vọng chấp thì không thể bàn đạo, kẻ tiểu trí thì không

thể nói về chân, con cá dưới giếng đâu biết việc của biển đông, chim sẻ trong tổ nào biết việc của chim đại bàng. Đó là chấp nhỏ mà không thông lớn, chấp văn không tỏ ý. Nếu nói ngã ở trong vật, vật ở trong ngã, ngã vật đều quên, mình người là một, với người rỗng tâm, mọi vật như nhau, với người tài thì mọi việc đều làm được.

Thưa: Danh nghĩa sâu rộng, cội nguồn mênh mông, thật là có lý, sự như nhòm trời, ai cho là rộng, cùng đo biển nào mà biết biển sâu, nếu nói nhỏ nhỏ hơn lớn, không lớn thì không nhỏ, lớn là lớn hơn nhỏ, không nhỏ thì không lớn. Nếu lớn không gì không lớn thì sợi dây không phải nhỏ, nhỏ không gì không nhỏ thì núi Thái không phải lớn nên khiến lớn lớn không là lớn nhỏ, nhỏ nhỏ không phải nhỏ lớn, nhỏ lớn khác mà giống, lớn nhỏ giống mà khác, không có sự giống khác của lớn nhỏ, mới biết chẳng phải khác có thể khác giống, không phải giống có thể giống khác.

Vua im lặng, các quan cũng mặc nhiên. Lúc lâu vua lại nói: Vì sao khanh chọn sự tĩnh lặng, muốn phá có đưa về không, chớ nghĩ là không nói được thì thôi.

Thưa: Người xưa suy xét trước khi nói nên xưa có người không nói, có người quên công. Im lặng là thể hiện chẳng phải không hợp.

Vua nói: Người xưa không làm nhưng chẳng gì không làm, người biết không nói chẳng phải không nói, chim két nói nhưng vô dụng, Phượng Hoàng không nói nhưng lại có ích. Gỗ không dùng nên còn, nhạn không kêu thì chết, nhưng lấy bỏ tự hợp. Kẻ sĩ có lời mà biết, người có thấy đạo mới còn, lại có thấy sắc xét tình, nghe lời bàn đức. Trẫm và khanh nói đã nhiều, khanh hãy ghi lại để người đời hiểu ý trẫm, như thế là trung thành với trẫm. Sa-môn sợ pháp diệt mà trình tâu, vua không vừa ý nên bàn, biện luận tuy rõ, cuối cùng không phải ý chính. Sau khi Trường an phế giáo, lập ra thông đạo quán, những người học theo chỉ thuộc Lão, Trang, Thích nói suông. Vua lại bảo vào thông đạo quán học tập thì rất bổ ích. Hãy nhập quan, đến ngày một tháng năm đến cung Diên thọ gặp. Ngày hai mươi bốn vua đến cung Vân dương, đến ngày một tháng sáu thì mất. Sau vua kế vị lại cho phép mở mang truyền bá pháp Phật.

Việc thứ tư:

Tùy Văn Đế hạ chiếu đốt kinh tượng Lão giáo ở Hàng châu. Đức Diệu Giác từ bi, coi chúng sinh như con một. Huyền môn gieo độc, tự xưng là mẹ của muôn vật, đại giáo hóa độ ở phương Tây, đạo vô vi

bao trùm nước thần. Cõi tịnh há không dung người chân thật? Ở Đông nam (có tên là hang ô) có một nơi thờ chung cả Phật đạo, mất hết sử ký, không biết tìm đâu, ngày tháng càng dài, không biết được xây đạo bao lâu. Chợt có kẻ lạm dụng che đậy nhưng khi đất lở thì Lão tử biến mất, Phật linh vẫn hiển hiện. Hoàng Hạc đã bay cao, bò xanh liền đi xa, không biết sao lại có thuốc kim đan. Tập luận nêu: Chánh tà lẫn lộn, người trí như ngu; u minh dứt mắt, hiển hiện hình này. Từ lúc Đức Diệu Giác chiếu soi đến cõi không hữu này, điềm lành cảm ứng khắp tâm phàm thánh, tất cả đều nương về nên diệt sáu vị giáo chủ ngoại đạo ở Xá-vệ, hàng phục trời ma, làm sao có thể đem ra so sánh với Lão tử, Hoàng Cân. Từ nhà Chu đến nhà Đường đều tôn xưng Phật pháp, nhưng đạo Lão thì thường bị khinh hủy. Gần đây ta có tìm đến thánh tích, đến nơi được gọi là lâu quán, trong đó có Tôn thánh quán, phía Nam có miếu của Doãn tiên sinh. Các đạo sĩ nói đó là nơi chính của Lão tử. Doãn Hỉ học đạo nên lập miếu riêng. Quán ấy ở sát núi Nam, gần đó có một cái đài bằng đất, cây cối um tùm, là mộ của Lão tử. Hỏi ra thì người nhà của họ Doãn cho rằng đó là ngôi nhà cũ của họ Doãn. Tiên quân muốn nhìn xa nhưng đất rộng cây rậm không thấy được, bèn làm cái gác để nhìn và đặt tên là lâu quán. Vốn không phải là nhà của lão quân. Lại nói phía Đông nam có có đài cổ của tiên quân, trước đó tiên quân và Lão tử có lên đài này, tổ tông thừa kế phần mộ bị lạc, không nghe việc tiên quân và Lý lão đi qua đây. Lại nói: Xưa nghe Lý lão sinh ở huyện Khổ quận Trần, khi đến đất Tần thì chết ở làng Hoè. Chúng tôi hỏi ra thì ở phía Bắc sông Vị còn làng Hoè, ở đó có một ngôi mộ nhưng không biết của ai. Trong địa đồ chỉ ghi là ngôi thành cổ mà không ghi niên đại. Lưu Sa là đất Đôn Hoàng Minh Sa. Ở đó có đất Lưu Sa nhưng không có phong giáo. Xét trong kinh Hóa hồ Tây Thăng thì xưa Lão tử có đến giáo hóa nhưng người Hồ không theo, Doãn Hỉ liền biến thành Phật, người Hồ mới theo. Các sách ghi chép đều không đáng tin. Tùy thượng thư sai Sở quốc công Dương Tố đến lâu quán, thấy bức họa Doãn Hỉ giáo hóa người Hồ, Dương Tố nói với các đạo sĩ: Nghe nói Lão quân giáo hóa người Hồ, người Hồ không theo, mới bảo Doãn Hỉ biến thành Phật, người Hồ mới theo. Như vậy là Phật giáo hóa người Hồ, người Hồ chỉ phụng Phật, sao lại nói Lão tử hóa độ người Hồ? Sau thái sử lịnh phó Dịch, vốn thuộc quân Hoàng Cân, rất ghét đạo Phật nên dâng sớ sàm tấu, trong đó có một điều: kinh Phật dối trá, tổn nước hại nhà, xin đuổi Hồ giáo về Thiên Trúc, cho Sa-môn về nhà cày cấy, để nước nhà hưng thịnh, giáo pháp của Lý – Khổng được truyền bá. Vua quan nghe

theo lời xấu, vua hạ chiếu: bỏ râu tóc của cha mẹ, bỏ y phục của vua quan, nào có lợi ích gì. Sa-môn Thích Pháp Lâm liền dâng sớ tâu: Lâm nghe đạo lớn không ngôn ngữ, hàng cửu lưu không thể biết; pháp thân không hình tượng, hàng Thập lực không thể bàn. Bốn loài ngu ngơ chìm trong biển dục, ba cõi mơ hồ vào núi tà, kẻ ngu mê mờ không thoát bậc đại thánh vào đời, mở cửa giải thoát, hiển bày đường chánh. Vua quan Thiên Trúc xuất gia vì lòng từ, quý tộc Hoa Hạ xuất gia vì chán bã vinh hoa, nguyện thoát sinh tử, cầu Niết-bàn vi diệu, hành thiện để đáp bốn ân, lập đức để giúp ba cõi, hủy thân để thành chí, bỏ tục để hợp đạo, tuy bên ngoài khác nhưng vẫn giữ chữ hiếu bên trong, lễ trái nhưng luôn nghĩ đền ân, từ bi với kẻ oán người thân, phúc đức thấm khắp mọi nơi. Người trí nương lời Phật mà có ích, kẻ ngu hủy thánh giáo cho nên tổn. Tuy vậy các Sa-môn, vua quan vẫn chưa quyết, Pháp sư liền soạn luận phá tà. Trang Chu nói: Trong sáu hợp bậc Thánh không bàn, ngoài sáu hợp bậc Thánh không nói. Lão tử nói: Trong nước có bốn cái lớn, đạo là một, một vạn ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển sách đều ghi công; tôn phụng vua cha, không nghĩ đến con đường cao xa khác, do đó nhân quả ba đời bị vùi lấp, sáu đường mù mờ không biết lối ra. Đức Như Lai vào cung vua, thần vàng, tướng quý, đi thì có hoa sen đỡ chân, ngồi trên pháp tòa, ra vào đều có Phạm vương, Đế Thích hầu hạ, còn có chúng Thanh văn, Bồ-tát túc trực nghe học, tám vạn bộ thần đều bảo hộ. Phật giảng kinh Niết-bàn thì mặt đất chấn động sáu cách, giảng Bát-nhã thì trời tuôn bốn thứ hoa, trăm tướng trang nghiêm soi chiếu mọi loài, ánh sáng lấp cả mặt trời, sư tử mà gầm thì muôn thú quy phục, trống pháp vang thì trời ma đều cúi lạy, nên Phật được tôn là vua pháp. Lý, Khổng làm sao sánh được. Từ đó vua quan đều tỏ lòng, pháp Phật được hưng thịnh. Sa-môn họ Trần, thuộc dòng Thái Khâu Dĩnh Xuyên, Viễn tổ dời về Tương Dương nên gọi là Huyện nhân. Lúc nhỏ Sa-môn xuất gia tại chùa Ngọc tuyền ở núi Thanh khê, Kinh châu. Sa-môn là người thông minh, học hiểu các kinh sách trong ngoài. Về sau Sa-môn có xem xét việc Lão tử hóa Hồ như trên đã kể.

Việc thứ năm:

Vua nhà Tùy tôn trọng Phật pháp, thọ giới quy y.

Theo Tùy Tổ khởi Cư Chú: Vua sinh ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Đại Thống năm thứ bảy, tại chùa Bát-nhã, ở Đồng châu, lúc sinh có ánh sáng lạ mắt xuất hiện, người mẹ thì nóng bức, một vị thần ni tên Trí Tiên, họ Lưu, người Hà đông, chuyên tu thiền định nói: Đứa bé được

Phật trời che chở, đừng lo lắng. Thần ni đặt tên cho bé là Na-la-diên, vì muốn bé như kim cang không thể hư hoại. Lại nói đứa bé không được ở nhà thế tục uế tạp, rồi đưa về chùa nuôi dạy. Người mẹ bằng lòng, không dám hỏi. Sau có người lạ đến bế đứa bé, biến thành rồng. Thần ni nói: Sau sẽ làm vua. Năm đứa bé lên bảy, thần ni bảo: Sau này sẽ hưng khởi từ phương Đông, Phật pháp nhờ con mà thịnh. Năm mười ba tuổi đứa bé được cho về nhà. Nhà Chu diệt pháp, thần ni ẩn cư. Sau đó đứa bé được làm vua, làm hưng thịnh Phật pháp, đúng như lời thần ni nói. Vua nói: "Ta thành vua là nhờ Phật." Vua thích ăn chay, thích nghe tiếng chuông, sai sử quan chép lại chuyện của thần ni, cho xây chùa ở khắp mọi nơi. Vào niên hiệu Nhân Thọ, vua và hoàng cung thấy xá-lợi phóng hào quang nên xây tháp cúng dường. Nhà Chu diệt Phật vì nghe theo lời sấm là hắc y sẽ vượng, không biết rằng Tùy tổ được nuôi ở trong chùa. Vua rất tôn kính Phật pháp, ngày ngày thường thỉnh chư tăng vào cung hỏi pháp, vua còn xin thọ giới Bồ-tát tại gia. Phật pháp quả thật rất thịnh hành ở thời này.

■

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

QUYỂN 3

Việc thứ nhất:

Vua Cao Tổ đời Đại Đường hỏi về lợi ích của tăng phục, Pháp sư trả lời.

Nhà Đường lập các giáo đều hưng thịnh, nhưng vua Đường tôn kính pháp Phật hơn. Vua sửa phủ đệ xưa thành chùa Hưng Thánh trong kinh đô, ngoài ra còn trang nghiêm các chùa Hội Xương, Thắng Nghiệp, Từ Bi, Chứng Quả, Tập tiên. Còn Đạo quán thì ít được lưu truyền. Chư Tăng thịnh, đạo sĩ suy, thường đề ra những bài, pháp tôn kính Phật pháp. Lúc đầu phó lệnh Trần Biểu Trọng bác bỏ, Pháp sư Lâm theo lời đối đáp. Nhà vua rất hài lòng khi xem, lại khen: Thượng đế không hỏi nhưng thần che chở, tuổi sáu mươi chín đã viết hơn ba mươi quyển, văn cú rõ ràng khiến đời sau tin theo. Lúc sống thì là phàm phu, lúc chết thì nhiều người thương tiếc.

Việc thứ hai:

Cao Tổ chọn ba giáo để hùng biện.

Niên hiệu Vũ Đức năm thứ tám vua cho thiết lập đạo tràng ở quốc học tập hợp tu sĩ của ba giáo về để hùng biện. Vua hạ chiếu: Lão giáo, Khổng giáo vốn là đạo của Trung Hoa, đạo Phật đến từ nước khác nên tôn trọng chủ, trước là Lão giáo, kế đến là Khổng giáo, sau cùng là Phật giáo. Vua nhìn khắp đạo tràng không ai phản ứng. Vua nhìn Pháp sư Tuệ Thừa chùa Thắng Quang – người được đại chúng tin kính nhất. Sau vua hạ lệnh: Trên trời dưới thế người là tôn quý nhất, thánh vương đều tôn Phật thánh, trước khi hùng biện nên tôn lễ nghi, tất cả hãy chấp tay quì gối thành kính đảnh lễ. Tất cả đều làm theo. Pháp sư thưa: Bệ hạ, vòi vọi thánh đức, như mặt trăng giữa các vì sao, không cần nói nhiều. Kế đến vặn hỏi. Trước vặn hỏi các đạo sĩ: Tiên sinh phải rõ về kinh Đạo Đức, kinh ấy nửa đầu trình bày về đạo, nửa sau trình bày về đức, không biết có gì lớn hơn Đạo không? Đáp: Trên trời dưới thế đạo là tôn quý

nhất, không có gì lớn hơn. Như vậy đạo cũng có thể được xem là pháp tôn quý nhất. Lão Kính nêu: Người pháp đất, đất pháp trời, trời pháp đạo, đạo pháp tự nhiên, sao lại trái với bổn tông mà cho rằng không có pháp nào hơn đạo? Và như vậy sao lại cho là đạo pháp lớn nhất, không có gì hơn đạo. Đáp: Đạo chỉ là tự nhiên, tự nhiên là đạo, nên không có pháp nào làm phép tắc cho đạo. Hỏi: Như thế tự nhiên có là phép tắc của đạo hay không? Đạo là phép tắc của tự nhiên, tự nhiên không phải là phép tắc của đạo. Như vậy tự nhiên không tức là đạo? Tự nhiên tức là đạo, như vậy trời tức là đất. Nhưng đất tức là trời, trời không là đất. Tự nhiên không là đạo. Nếu tự nhiên là đạo thì trời là đất, thế là quan hạ lệnh đạo sĩ thua cuộc, vua vui mừng, các quan đều thêm tôn kính Phật pháp, đạo sĩ thì im lặng không nói nên lời. Vua lại hạ lệnh cho đạo sĩ vặn hỏi Pháp sư. Đạo sĩ Phan Đản thưa: Thái tử Tất-đạt không thể thành Phật, phải sáu năm cầu đạo mới thành Phật, như vậy đạo sinh ra Phật. Phật có từ đạo. Đạo là thầy của Phật, Phật là đệ tử của đạo. Kinh Phật nêu: Cầu đạo Vô thượng chánh chân, phải thoát đại đạo, phát tâm vô thượng. Tiếng Ấn Độ là A-nậu-bồ-đề, tiếng Hán dịch là Vô thượng đại đạo. Như vậy, đạo lớn Phật nhỏ. Pháp sư đáp: Trung Hoa và Thiên Trúc là những nước láng giềng. Nhĩ sinh ở cuối Chu, Phật thị hiện ở đầu đời Chu, cách nhau gần hai mươi triều vua, hơn ba trăm năm, há có Đức Phật thời Chiêu vương cầu đạo ở thời Kính vương? Việc này hư thật đã rõ. Quan chủ tọa lại nói: Thái thượng đại đạo có trước trời đất, thật luống dối. Trước thời Ngũ đế nào có đạo gì, cuối thời Tam vương mới nghe tên Nhĩ, từ Hán Cảnh đế đến nay mới có đạo giáo. Xét xưa nay đạo là gì? Là âm dương. Từ âm dương hiện việc trời đất. Không thể nói có đạo sinh trước trời đất. Đạo đã không biết từ đâu làm sao sinh Phật? Xa Dận nói: Ở thân là đức, đối vật là đạo. Vương Sung, Ân Trọng nói: Đức là đạt, đạo là nguyên nhân, nói hiếu là có từ tâm. Vương Sung nói: Lập thân là đức, thành danh là đạo. Đạo đức là thế. Ông cho rằng đạo là cái gì khác sao? Nếu khác thì không cần bàn. Hay có ông thiên tôn đầu đội mũ vàng, thân mặc hoàng bào, râu dài đến tay, tóc bối, đang ở trên Đại la là đạo? Kinh sách không hề chép. Lúc đó mọi người đều nhìn Pháp sư với lòng kính trọng, do vậy đạo do người mà được mở mang truyền bá. Pháp sư họ Lưu, người ở Bành thành, ngay từ thời Trần đã là người giảng kinh luận nổi tiếng. Sau nhà Tùy chiếm ngôi, vua Dụng Đế lập bốn đạo tràng ở Hoài hải, Sa-môn cũng được mời về đó, là người đứng đầu trong số các Sa-môn được mời về. Từ đó về sau vua đến đâu đều thỉnh Sa-môn đi cùng, Phật pháp nhờ đó được hưng thịnh khắp nơi,

chùa nhiều, tăng đông. Pháp sư thọ tám mươi tuổi, tịch tại chùa Thắng quang.

Việc thứ ba:

Đạo sĩ Lý Trọng Khanh soạn luận hủy báng Phật, Pháp sư Lâm dâng sớ.

Niên hiệu Vũ Đức năm thứ chín, đạo sĩ Lý Trọng Khanh ở Thanh Hư quán, đạo sĩ Lưu Tấn Hỉ vì ghen ghét Phật giáo nên dâng sớ sàm tấu. Lý Trọng Khanh nhờ Phó Dịch dâng lên vua luận Thập Dị Cửu Mê. Đầu mùa xuân, vua hạ chiếu chỉ cho một ngàn vị Tăng trụ ba chùa ở kinh đô, số còn lại bị đuổi về cày cấy. Lệnh ban ra không ai dám chống lại, tăng chúng phân tán, tiếng than dậy trời. Thái Tông xem xét luận Phá Tà của Pháp sư Lâm liền mở mang Phật pháp, tăng chúng lại được trở về chùa. Sau Pháp sư lại soạn luận Biện chánh gồm tám mươi chín quyển. Trần Tử Lương chú giải luận này.

Việc thứ tư:

Thái Tông hạ lệnh đạo trước Phật sau, tăng chúng khuyên can.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười một vua đến ấp Lạc, nghe Hoàng Cân và tăng sĩ tranh luận, vua hạ chiếu: Lão quân mẫu mực, nghĩa ở Thanh hư, Thích-ca di huấn, lý chứa đựng nhân quả, về giáo thì khác nhưng về tông thì giống. Nhưng đại đạo có từ xưa, phát nguyên vô danh, sự vượt hữu tình, lưỡng nghi vận hành, nuôi dưỡng muôn vật nên nước vui dân an. Phật giáo vốn từ Tây Vực truyền đến Trung Quốc từ thời Hán Minh đế, thần biến báo ứng khá nhiều. Do vậy kẻ ngu thì mười, người hiếu kỳ thì tìm, do đó mà tranh chấp. Nay nước thịnh nhờ đức trên, dân định nhờ công vô vi, nên xếp đạo trước Phật sau. Các Sa-môn dâng sớ khuyên can nhưng vua không nghe. Sa-môn Trí Thật, người thông minh, hiểu rõ trong ngoài, dâng sớ: Thần sinh vào thời thái bình, được gặp bậc minh quân, thầm nghĩ làm cha thì có các con tranh làm vua thì có các quan, chúng dân tuy là người xuất gia nhưng đều thuộc thần tử, có tội thì bị trị. Nghe chiếu của bệ hạ, đâu dám kháng lệnh. Xét Lão tử không lập đạo quán, không độ người, ẩn thân dưỡng tánh, người trí thấy vậy gọi là trí, kẻ ngu thấy vậy cho là ngu, ngoài giáo ông ra không ai biết được. Nay các đạo sĩ không vâng theo pháp ấy, y phục của họ đều thuộc nhóm Hoàng Cân, chẳng phải thuộc dòng Lão Tử, họ thực hành những thuật pháp ô uế của Tam Trương, bỏ pháp hay trong năm thiên. Từ Hán Ngụy đến nay, họ thường dùng đạo ma quỷ

mê hoặc lòng dân, giả xưng là đệ tử Lão quân, sự thật là thuộc dòng tả đạo, nếu họ ở trước tăng ni e chân ngụy cùng dòng, tổn hại nền văn hóa nước nhà. Nếu không trình thưa làm sao hiển bày lòng thần tử, mong bệ hạ soi xét. Trung thư thị lang liền hạ lệnh vua: việc của tăng đã xong, ai không phục thì phạt đánh bằng gậy. Nhưng các đại đức tuổi cao sức yếu khó kham được, Sa-môn Trí Thật liền nói: thần không phục, mọi hình phạt để thần chịu. Đánh xong, vua thả Sa-môn về. Sa-môn xuất gia từ nhỏ trụ chùa Tổng trì ở kinh đô. Lúc còn là sa di đã là chú tiểu có dũng khí, tài hùng biện. Khi thọ giới Cụ túc, Sa-môn nghiêm trì giới luật, hùng biện thông suốt những câu vặn hỏi. Đầu thời Vũ Đức, Sa-môn lập một đội tăng sĩ hơn ngàn người. Khi bị bắt hoàn tục Sa-môn đã khóc than tha thiết. Sau Sa-môn lại được xuất gia về chùa cũ. Gặp chiếu vua cho đạo trước Phật sau, Sa-môn và mười người dâng sớ nhưng không được vua chấp thuận. Sau Sa-môn bị bệnh nặng, có người khuyên ăn mặn, Sa-môn không chịu, thà chết không phá giới. Sa-môn tịch ở tuổi ngoài ba mươi.

Việc thứ năm:

Hoàng thái tử triệu tập học giả ba tôn giáo để hùng biện.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười hai, Hoàng thái tử tập hợp các học giả ba tôn giáo về điện Hoằng Văn để hùng biện. Pháp sư Tuệ Tịnh được mời thăng tòa giảng kinh Pháp Hoa, đạo sĩ Thái Hoãng cũng được mời nêu câu hỏi. Đạo sĩ hỏi: Trong kinh gọi phẩm tựa là phẩm thứ nhất, nghĩa là sao? Đáp: Như Lai nhập định, hiện điềm lành, trời đất rung chuyển, tuôn mưa, mượn gần nêu xa, phá hai đưa về một nên gọi là tựa. Đệ là vị thứ, nhất là trước tiên. Đạo sĩ nói: đệ là em, không phải là một, là một thì không có đệ. Hai chữ mâu thuẫn, làm sao dung hợp? Đáp: Đã nói rồi, đệ là vị thứ, nhất là trước tiên, tiên sinh đã không lĩnh ngộ mà hỏi càn, đó là tự làm khó mình, nào phải làm khó người. Đạo sĩ nói: Xin giải thích lại. Sa-môn nói: Xưa có hai người, một tên Xà-nô, hai tên Thân Tử. Xà-nô thì nói đâu quên đó, Thân Tử thì nghe một biết mười. Như vậy khi truyền giảng pháp, kẻ ngu không hiểu là do mình, không phải do người giảng. Đạo sĩ nói: Pháp sư không nói ra lời, sao lĩnh ngộ? Sa-môn nói: Bồ-tát nói pháp tiếng vang mười phương, đạo sĩ ngồi đây như mê như say, như kẻ đui điếc. Đạo sĩ nói: Dã can nói pháp làm sao nghe được. Đáp: Cung điện nghiêm ngặt làm sao có dấu thú, đạo sĩ mê mờ, gọi người là thú. Khổng Dĩnh Đạt nói: Tôi nghe nhà Phật không tranh, sao Pháp sư lại hùng hổ? Đáp: xưa đã có việc này, Phật

pháp ngoại đạo, ngoại đạo không thông, lại nói Phật: Ông thường rao nói bình đẳng, nay ông vặn hỏi phá tôi vậy là không bình đẳng. Phật nói: dùng cái bất bình của ta pháp cái bất bình của ông, nếu ông bình, ta sẽ bình. Hôm nay cũng vậy. Hoàng Trữ nói: Quân tử không kết bè đảng, ông vốn thân với đạo sĩ. Nghe vậy thái tử hạ lệnh: Pháp sư Tuệ Tịnh tài đức không ai bằng, mở mang chánh pháp, mời về làm trụ trì chùa Phổ Quang. Sa-môn họ Phòng thuộc quận Triệu, sinh ra trong gia đình Nho giáo, vốn tinh thông Nho học, sau xuất gia học hiểu ba tạng giáo điển, thường chăm lo việc mở mang chánh pháp, được người tăng kẻ tục tôn trọng. Ngoài ra Sa-môn còn chú sớ các kinh luận như Câu-xá, Tỳ-đàm, Đại thừa trang nghiêm. Sa-môn thọ hơn bảy mươi tuổi. Việc được ghi rõ trong Cao Tăng Truyện.

Việc thứ sáu:

Thái tử Trung Xá Tân Tế soạn luận Tế Vật. Hai Pháp sư Tịnh và Lâm hùng biện.

Thái tử tánh tình cao ngạo, ưa thích đạo giáo, khinh Phật giáo. Pháp sư Tuệ Tịnh liền soạn luận đối đáp. Luận chép: Một âm giảng nói mọi loài đều hiểu, tất cả chúng sinh đều có tánh Phật. Phật-đà và Đại Giác là một, trí tuệ và Bát-nhã nào khác. Hay thay ý này, xin lược nêu, nếu hỏi giống đáp khác thì xin xem trong sách họ Khổng, tên một nghĩa khác, lý rõ trong kinh Phật. Nếu tên giống nghĩa không được khác thì hỏi một đáp không được khác, đây lên kia xuống. Vì trụ vô sở trụ nên tu học muôn pháp lành, vi vô bất vi, một nên ứng khắp, đâu chỉ bỏ thánh trí để tranh hơn thua, chỉ tốt riêng mình, không cứu được ai. Xem thường hơn kém đâu thể so sánh, hai tông đã nêu mọi thứ đều đạt. Luận rằng: danh ngôn kia đây có thể phân biệt, một nên đều hiểu e chỉ là lời suông. Đáp: Dù là lời Như Lai cũng phải phân biệt. Chim bằng và chim cú không thể cùng bay trên trời cao, đom đóm sao sánh được mặt trời mặt trăng, nước tưới sao sánh với trận mưa rào, hễ quân tử nói ra thì không thể nuốt lời. Luận rằng: các hành vô thường tùy loại duyên khởi, tâm đợi khí cầu. Như vậy thì tu tịnh là nhờ huân tu, tuệ định thành là nhờ khéo khắc phục. Đáp: Vô thường nên ta đi, duyên khởi nên ta đến. Đã đi thì sao là thường, đã đến làm sao là đoạn. Cũ mới nối nhau nhờ huân tu nên tịnh, tốt xấu thay nhau, không khéo khắc phục thì khó thành. Như vậy sinh diệt phá do đoạn thường, nhân quả hiển bày nhờ trung quán. Đó là sự gặp nhau giữa học thuyết Đông tây. Nếu bỏ đây lấy kia thì không sai hay sao? Luận rằng: Nối le cắt hạc há là chân như,

cỏ khô ong bay há là chìm mất? Đáp: Tự nhiên là phần báo, huân tu là lý nghiệp, phần báo đã định, hai con chim không so dài ngắn lý nghiệp trợ duyên, hai con trùng đâu đợi bay, muôn vật dễ nghi, đắm chìm khó hiển, mất thân là quên mình, ngay cả La-hán còn mê y bát, Thập địa còn không biết La-sát, Thánh hiền còn là thế, huống chi phàm phu. Nếu không là bậc ba minh bảy biện làm sao tỏ lý u huyền. Nghe vậy thái tử tỏ ngộ. Nhân có người hỏi, thái tử nhờ Pháp sư Pháp Lâm giải thích lại. Pháp sư nói họ bàn về tánh Phật bình đẳng và một lời Phật nói ra, chúng sinh tùy khả năng của mình mà hiểu. Triệt ngộ hoàng triều là tiên giác, pháp vương ứng vật là Phật, trí tuệ là xảo thuật nhỏ, Bát-nhã là tông lớn. Phân biệt duyên khởi giả xưng là tâm giác, tánh tịnh là Phật. Phân biệt thì ở bên ngoài, tịnh tịnh thì ở bên trong. Phân biệt không quên là bên ngoài, khéo léo dẫn dụ là bên trong. Trang Sinh nói: Ta quên phải quấy không quên kia đây, vì sao? Vì Trí nhỏ không thể sánh với trí lớn, trẻ không thể so với già. Những gì Bành Tổ thấy nghe, kẻ tiểu nhân không thể hiểu. Huống gì lý ba đời pháp Nhị đế. Vì thế Phật nêu ra nhân quả để nói phàm phu cũng sẽ đến được quả thánh. Nhờ nhân mới có quả, có huân tu mới thấy biết. Bốn trí hiển hiện, chân như tự thành. Lại nghĩ nếu đã biết tùy nghiệp thọ báo, hai con chim đâu so dài ngắn. Xưa Hám Trạch có nói: Khổng Lão thờ trời, trời thờ Phật. Mọi khuôn mẫu được chế theo phép trời, mười pháp lành lại thờ phụng đức từ bi của Phật. Nếu so sánh Khổng Lão với Phật thì như nói Tử Cống giỏi hơn Trọng Ni. Sao cứ nhắm mắt làm càn, thật là sai lầm. Bảy mươi vị hiền đều học theo Khổng Tử. Về tánh linh độ sinh không hơn gì pháp Phật. Tống Văn Đế và Hà Thượng Chi đã nói về việc này rằng: nếu trong nước tất cả đều tôn Phật thì trẫm an hưởng thái bình. Thượng Chi nói: mười pháp lành được thực hành thì trời người hưng thịnh, năm giới được thực hành thì quỷ ma diệt, nhờ thế mà mọi người đều hiểu rõ.

Việc thứ bảy:

Thái Tông Văn Hoàng Đế hỏi Sa-môn Pháp Lâm về sự báo ứng.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bốn, các đạo sĩ thuộc đảng khăn vàng sàm tấu, vua liền hạ lệnh sa thải tăng ni. Vua hạ chiếu: nhà Chu khi lập thệ ước, người khác họ thì ở sau, tiên tổ tôn trọng người thân là điều xưa đã có sao lại nói là lỗi. Đầu đuôi khác nhau sao dám hủy báng. Tội không thể tha. Pháp sư Lâm đáp: Văn Vương là bậc đại thánh, Chu Công là bậc đại thần, suy xét xa gần, hiếu để rất nhẹ. Hoàng thân không thiên vị, người xưa kết bạn vì lý không vì thân, không cho

là trước sau, dù là người thân hễ có tội thì trừng, dù là kẻ sơ nhưng có công thì thưởng. Lão Tử chỉ dạy bằng đạo đức, dung thứ muôn loài, tự thân, nhân phong lưu truyền khắp nơi. Về thầy tôi (Đức Phật) là bậc rõ biết tất cả, tuy nhập Niết-bàn nhưng thường tồn tại. Nay họ Lưu hủy báng Phật tổ nên xin trình bày luận Biện Thánh tám quyển. Vua nói: Khanh cho là có báo ứng, rằng niệm Bồ-tát Quán Âm không bị giết. Ta cho khanh bảy ngày niệm Quán Âm, sau sẽ bị đem ra chém, xem linh nghiệm thế nào. Bảy ngày sau vua hỏi có niệm Quán Âm không? Sa-môn đáp: Thần không niệm Bồ-tát mà chỉ nghĩ đến vua. Vì sao? Vì thân tử anh minh là hóa thân của Bồ-tát. Nếu bệ hạ thuận theo trung chánh thì Lâm này không bị mất một sợi lông, nếu bệ hạ bạo ngược thì Lâm sẽ bị đau đớn khổ sở. Nghe thế vua liền hạ lệnh tha tội, phục hưng chùa tăng. Ngự sử Vi Tông dâng sớ tâu: Ngầm thấy đại đạo hưng thịnh, huyền phong truyền bá, giáo vô vi lưu truyền, không vì tham vọng. Đạo sĩ Tần Anh giả học chú thuật, thân thích giết nhau, vợ con gian dâm, tình trái chánh giáo, tâm tựa sói lang, xin bệ hạ trừng trị những kẻ đội lớp người. Vua liền hạ lệnh trừng phạt.

Việc thứ tám:

Văn Đế đến chùa Hoằng phước, lập nguyện mở mang Phật giáo.

Ngày mười bốn tháng năm niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười lăm, vua Thái Tông đến chùa Hoằng phước, Tăng chúng đều trốn lánh. Vua cho mời năm vị đại đức đến, trình bày nguyên nhân xây chùa, nói: Hoàng hậu ra đi trẫm thương khóc, đã viết lời nguyện: hoàng đế Bồ-tát giới cúi đầu kính lạy chư Phật, Bồ-tát, Thánh tăng, tám bộ trời, rồng mười phương. Đạo không ngôn ngữ, đức đại từ phương tiện tùy cổ nhiếp hóa đưa thuyền trí cứu độ nơi biển khổ, soi ánh sáng tuệ vào chỗ tối tăm, khai ngộ độ thoát không thể nghĩ bàn. Đệ tử túc chướng ngu muội nghiêng lệch, nghĩ đến ân dưỡng dục mà đau lòng vô cùng, kêu trời gào đất nào có tiếc thân, ngày tháng ở trên băng lửa cũng không quản ngại, giờ hối hận thấy tội lỗi của mình, dù có trăm thân cũng không chuộc được, chỉ biết thành tâm quy y tam bảo, xin thiết lễ cúng dường tại chùa Hoằng phước, cúng thí tài vật, nguyện hồi hướng công đức để ngộ lý vô sinh, đến nơi an vui, nhờ chánh pháp sớm chứng Bồ-đề, sáu nẽo bốn loài đều nhờ ơn đức. Vua lại nói: xưa nay tổ tông tôn Lão quân trước Thích-ca, sao các sư không nghe. Thầy Đạo Ý thưa: bệ hạ tôn trọng tổ tông để thiên hạ noi theo, chúng thần an tâm hành đạo, nào dám không nghe. Vua nói: Trẫm để tiên tông ở trước tức lớn hơn Phật. Từ khi dựng

nước đến nay, không lập đạo quán, mọi công đức đều thuộc về nhà Phật, tất cả đều hướng về Phật. Khi thiên hạ thái bình, mọi nơi chiến trường, phủ đệ đều được lập chùa. Trẫm thành kính quy y. Các vị nên biết lòng trẫm. Đạo sĩ chỉ là theo tổ tông nên đặt ở trước. Họ Lý trị quốc thì được đặt trước, nếu họ Thích an dân cũng sẽ được đặt trước, há là đất bình hay sao? Chư tăng cảm tạ. Vua nói: Ý trẫm là thế, không nói thì không biết, trời nóng phòng chật, ta cho xây thêm tăng phòng để chư tăng hành đạo.

Việc thứ chín:

Thái Tông hạ lệnh đốt kinh Tam Hoàng của đạo sĩ.

Tháng mười niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi hai, các châu dâng sớ: Người phụng thờ thiên tôn phải hành pháp tam hoàng. Lại vì thiên tử, hoàng hậu mà đọc kinh. Theo pháp chia ruộng thì đạo sĩ thông kinh Tam hoàng được cấp ba mươi mẫu. Vua cho hỏi đạo sĩ Trương Tuệ Nguyên, đạo sĩ thưa là không, chẳng biết ở đâu có. Nhưng có một chữ nếu đọc bằng thanh bình thì có nhưng nếu đọc bằng thanh khứ thì không. Thần cho rằng lời của Tuệ Nguyên là đúng. Xin bỏ những gì không đúng, giữ những gì đúng. Lại bộ Dương Soán bàn: kinh Tam Hoàng khác với kinh Đạo Đức của Lão Tử, không thể giữ, vì mê hoặc người sau. Vua liền cho tịch thu và đốt bỏ kinh Tam Hoàng. Đạo sĩ thông kinh Đạo Đức được cấp ba mươi mẫu. Các châu đem kinh Tam Hoàng đốt. Xưa thời Tống, Bao Tĩnh viết Tam Hoàng bị tru di, nay đổi Tam Hoàng thành Tam Động, giả lập để mê hoặc lòng dân. Kẻ ngu không biết, nay Thánh đế Đại Đường biết rõ chân ngụy nên trừ. Gần đây thì cuối niên hiệu Đại Nghiệp, đạo sĩ Phụ Tuệ trường ba năm không nói, đổi kinh Niết-bàn thành kinh Trường An, vào núi ẩn mình, may áo vàng. Khi xét biết được sự thật thượng thư Vệ Văn Thăng đã dâng sớ, đạo sĩ bị đem chém ở cửa Kim Quang. Đó chỉ là những kẻ ngu dẫn bừa kinh Phật, chẳng có ích gì.

Việc thứ mười:

Thái Tông hạ chiếu cho Pháp sư Huyền Trang dịch kinh Đạo Đức ra tiếng Phạm.

Niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi mốt sứ giả Tây Vực xin Đại Đường dịch kinh Đạo Đức ra tiếng Phạm. Vua hạ lệnh cho Pháp sư Huyền Trang và ba mươi đạo sĩ cùng lo phiên dịch. Pháp sư phân tích phải dịch từng câu, rất hợp thánh lý. Các đạo sĩ đòi dẫn kinh Phật để

làm rõ kinh đạo đức, Pháp sư nói: Phật và Đạo rất cách xa nhau, làm sao dùng lý Phật để bàn nghĩa đạo. Các đạo sĩ dùng bốn đế bốn quả để so với vô đắc vô đãi... Pháp sư nói: vì sao các tiên sinh làm mà không tra cứu. Bốn đế, bốn quả làm sao đem ra để nói về kinh Đạo Đức được, bốn đế mỗi môn đều có nhiều nghĩa, lý sâu xa khó nghĩ bàn, không thể đem ra để so sánh. Các vị hỏi về bốn đế, tôi chỉ mới nói tên bốn đế, còn nghĩa của bốn đế thì quá rộng. Đạo trong kinh Đạo Đức chỉ có một nghĩa, không dùng luận Thích, không thể dùng lý Phật để giảng nghĩa đạo trong kinh Đạo Đức. Đạo sĩ nói: Từ xưa tiên tổ nương lời Phật, nên Duy-ma Tam luận tôi đã học. Vã lại nghĩa đạo huyền nhiệm, mục đích là thanh tịnh vọng niệm, về văn thì khác nhưng ý là một, nên dẫn kinh Phật để giải thích có gì sai? Pháp sư nói: Phật pháp mầu nhiệm, Lão kinh hư giả, hai pháp cách xa không thể dẫn dụ. Kinh Đạo Đức chỉ có năm thiên, không có luận giải, về sau các đạo sĩ dẫn bừa kinh Phật để chú giải thật là bỏ gốc mà dựa vào pháp Phật. Các đạo sĩ lạimuốn dịch chữ "đạo" thành chữ Bồ-đề. Pháp sư dịch chữ đạo là mạt giả. Bồ-đề là giác, mạt giả là đạo, không thể dịch khác. Đạo sĩ Thành An nói: Phật-đà là Giác, Bồ-đề là đạo, xưa nay đã vậy. Xưa là sai lầm, Phật-đà là tiếng Phạm, đời Đường dịch là Giác giả, Bồ-đề được dịch là Giác, mạt giả là đạo, người Ấn hiểu như thế. Nếu không tin thì hãy hỏi người Tây Vực. Thành An lại nói: Kinh Đạo Đức u huyền cần phải có lời tựa. Pháp sư không cho đề tựa, các đạo sĩ liền tâu lên quan. Quan hỏi người Tây Vực rằng Thiên Trúc có đạo của Lão Trang không. Người kia đáp, Tây Vực có chín mươi sáu đạo, phần lớn là tu khổ hạnh để cầu giải thoát, hoàn toàn không cò đạo Lão Trang, những gì Pháp sư Huyền Trang nói là thật, sao không tin theo? Pháp sư họ Trần, người ở Dĩnh xuyên, là người rất thông minh, đầu niên hiệu Trinh Quán, Pháp sư đến chùa Trang nghiêm học chữ Phạm, rồi xin đến Tây Trúc tu học. Ba năm sau mới được vua cho đi. Hơn mười năm tu học, Pháp sư trở về, chuyên lo dịch kinh sách. Vua quan, thần dân đều tôn kính.

■

TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

QUYỂN 4

Việc thứ nhất:

Vua nhóm họp tăng sĩ và đạo sĩ hùng biện.

Tháng tư niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, vua hạ lệnh cho tăng sĩ và đạo sĩ vào cung hùng biện. Pháp sư Hội Ẩn nói về nghĩa năm uẩn, Pháp sư Thần Thái nêu nghĩa chín đoạn. Các đạo sĩ Hoàng Trách, Lý Vinh; Hoàng Thọ cùng đưa ra nhiều câu nhưng văn nghĩa mơ hồ. Vua cho Pháp sư vặn hỏi. Pháp sư hỏi tiên sinh nói đạo sinh muôn vật, chẳng hay đạo đó là hữu tri hay vô tri? Đáp: Kinh đạo nêu: Người pháp đất, đất pháp trời, trời pháp đạo. Đã là phép tắc của trời đất há là vô tri? Lúc trước bảo đạo là mẹ của muôn vật, giờ bảo muôn vật không do đạo sinh. Vì sao? Vì nếu đạo là hữu tri thì chỉ sinh cái tốt, sao sinh cả cái xấu. Ở đây đủ cả tốt xấu tức là đạo vô tri. Còn như các bậc quân vương sao lúc đầu không sinh những bậc thánh minh như Nghiêu–Thuấn mà lại sinh ra những vị hôn quân như Kiệt, Trụ. Về loài chim sao không chỉ tạo ra những chim phượng, chim hoàng mà lại sinh ra những con cú, con ưng. Về thú sao không chỉ sinh những con ngựa, con lân mà còn sinh ra con cọp, con beo. Muôn vật hiện nay đủ cả tốt xấu, đạo không thể là hữu tri. Đức Phật dạy muôn vật do nghiệp lực của chúng sinh chiêu cảm thành. Nghiệp lành nhiều thì ở cõi tốt đẹp, nghiệp ác nhiều thì ở chốn xấu xa. Nghe thế, đạo sĩ im lặng xuống tòa. Đạo sĩ Hoàng Thọ lại lên tòa nói về danh nghĩa của Lão Tử. Pháp sư Hội Ẩn liền nói: Hoàng Thọ thân đội mũ vàng, không biết kỵ húy, tất cả mọi vật đều là của quốc gia, mọi loài đều nương đức của bệ hạ, há lại có kẻ dám so sánh với bệ hạ. Không thể là hậu bối mà nói tên nghĩa của bậc Thánh tiền bối. Tội này đáng chết. Vua bảo hãy nói về nghĩa khác. Hoàng Thọ tuy cũng nói nhưng không mạch lạc, người thì sợ đến đẫm mồ hôi. Thấy vậy vua nói: Đạo và Tăng hai nhà tranh luận chưa rõ. Như Pháp sư nêu nghĩa năm uẩn, đạo sĩ lại dùng nghĩa âm để vặn hỏi. Âm là che đậy, uẩn là chứa nhóm. Như sắc có mười một, thức có tám, gọi chung là uẩn. Nếu dùng

chữ âm để hỏi thì nghĩa lý trái ngược. Về nghĩa đoạn thì đạo sĩ lại không biết. Thật là muốn về phương Nam lại đi sang hướng Bắc. Phật pháp đưa ra pháp nhân duyên, chẳng có một pháp nào không do duyên sinh. Như mắt thấy tụ phải có năm duyên: Tâm thức không loạn, nhãn căn không hai, ánh sáng, cảnh, không chướng ngại. Nếu thiếu một duyên thì không thể hình thành. Như hạt giống phải có đất nước ánh sáng mới mọc mầm. Con người cũng vậy, ngoài nghiệp nhân còn phải có duyên cha mẹ, duyên cha mẹ không thành thì không có con người. Hiểu pháp duyên sinh là dứt hết tà kiến. Trí tuệ của Phật hiểu rõ thật tướng của các pháp nên Phật được tôn là bậc Vô đẳng giác, là thầy trời người. Ngoại đạo không như thế, hoặc chấp các pháp do trời sinh, hoặc chấp tự nhiên sinh, đều không biết gốc pháp, không hiểu duyên sinh, tin tưởng sai lầm. Lại nêu ba tánh: biến kế, y tha khởi, và viên thành thật. Vua khen ngợi, từ đó sự hơn kém giữa tăng, đạo đã được phân định.

Việc thứ hai:

Chùa Tây Minh hiện điềm lành, vua nhóm họp tăng và đạo hùng biện.

Ngày mười hai tháng sáu niên hiệu Hiển Khánh năm thứ hai, chùa Tây minh trang nghiêm cờ phướn đàn hoa rực rỡ. Vua và các quan đến xem. Vua hạ chiếu cho tập hợp bảy tăng, bảy đạo sĩ vào cung để hùng biện. Vua nói: Phật và Đạo đều hướng về pháp lành, làm mà không làm, tạo đức ở chỗ không có đức, các vị đều là những người học rộng hiểu sâu, hãy cùng nhau bàn luận. Sư Tuệ Lập thưa: Bệ hạ tài đức như Ngu Hạ, Doanh Lưu nên trời đất xa gần đều an vui. Bệ hạ chiếu cố để tăng, đạo thường vào cung diện, nhưng chỉ e tài hèn học kém làm bệ hạ không vui. Vua khen ngợi đề nghị sư lên trước. Đạo sĩ Trương Tuệ Nguyên liền tâu: Nhà Chu lập thệ, họ khác ở sau, bệ hạ tôn thừa tiên tổ, nên để đạo sĩ lên trước. Di–Hạ khác nhau, chủ khách sai biệt, xin để đạo sĩ lên trước. Vua im lặng, sư Tuệ Lập nói: Chư Phật Như Lai là thầy của thánh phàm, trời người trong tam thiên đại thiên thế giới, nước này thuộc cõi Ta-bà, tức thuộc phạm vi giáo hóa của Đức Thích-ca, sao Tuệ Nguyên dám nói chủ khách, Di hạ. Bệ hạ nương lời Phật dạy, đèn đuốc tuệ vào nhà tối, bơi thuyền từ trên biển khổ. Sách dạy: Hoàng thiên không thân, chỉ tôn đức, Tuệ Nguyên nói bậy, không đáng tin. Vua khen, cho Pháp sư lên trước. Các đạo sĩ cật vấn. Sau đó sư Tuệ Lập hỏi về nghĩa sáu động. Động tức thông đạt muôn vật. Lão Tử có nói: Họa lớn nhất trong thiên hạ là thân, nếu ta không có thân thì còn lo gì. Như

vậy là Lão Tử còn bị trở ngại về thân, làm sao thông đạt muôn vật. Lý Vinh nói: Xưa cùng xuất gia, sao giờ lại hủy báng nhau như thế? Sư Tuệ Lập đáp: Tiên sinh nói thật lạ. Tiên sinh để râu tóc, mặc đồ thường, tay cầm phù chú, eo quấn đai đỏ, tuần tra cửa ngỏ, sai khiến ma quỷ chẳng khác kẻ tà dâm, làm sao giống với ta được. Lý Vinh tức giận, nói: Nếu cho rằng cạo bỏ râu tóc là tốt sao không cạo hết lông mày. Vì sao? Vì đều là lông. Nếu đều là lông sao chỉ để tóc trái đào mà không để râu trái đào? Lý Vinh im lặng, vua cho giải tán mọi người.

Sư Tuệ Lập họ Triệu, con thứ ba của Tư Lệ, lúc nhỏ được Pháp sư Thúc Chiếu nuôi dưỡng, cho xuất gia vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, tại chùa Chiếu nhân, ở U châu. Nhờ nghe Pháp sư chỉ dạy, sư ra sức nghiên tầm kinh sử nên trở thành người tài giỏi nhất. Sư thường được vua mời vào cung để hùng biện, sau vua ban chức Duy-na chùa Tây minh nhưng sư từ chối.

Việc thứ ba:

Vua thiết lễ cúng dường, nhóm họp tăng, đạo hùng biện.

Tháng mười một niên hiệu Hiển Khánh năm thứ ba, vua lo lắng trời bị hạn nên lập trai đàn cầu phước. Vua còn cho vời Sa-môn Nghĩa Bảo chùa Đại từ ân và đạo sĩ Trương Tuệ Nguyên... ở Đông Minh quán vào cung cùng bàn lý Phật đạo. Đầu tiên, đạo sĩ Lý Vinh và Sa-môn Nghĩa Bảo lên tòa hùng biện. Sa-môn hỏi: Về bổn tế thì đạo gốc ở tế hay tế ở đạo? Đáp: Dung thông. Hỏi: Đạo gốc ở tế, tế là gốc đạo, hoặc tế gốc ở đạo, đạo là cội rễ của tế? Đáp: Có gì không thông? Đáp: Đạo pháp là tự nhiên, tự nhiên không pháp đạo. Nếu thế thì đạo gốc ở bổn tế, bổn tế không gốc đạo. Đạo sĩ im lặng, lại sợ vặn hỏi nên nói: Pháp sư gọi tôi là tiên sinh, vậy Pháp sư là đệ tử của tôi. Pháp sư liền nói: Chúng ta hùng biện, phân biệt tà chánh để an lòng vua, sao lại nói càn. Tôi là đệ tử Phật. Phật là thầy tôi. Nếu ông tự xưng mình là tiên sinh tức sinh ra trước đạo, là tổ đạo. Đạo sĩ im lặng, xuống tòa. Vua bảo Pháp sư ngồi lại, Pháp sư từ tạ, khen ngợi công đức của vua, hoàng hậu, thái tử, nói về Bát-nhã ba-la-mật. Đạo sĩ Tuệ Nguyên liền hỏi: âm Hồ, chữ Đường, phiên dịch chữ Hồ ra chữ Đường phỏng có ích gì? Chữ Đường âm Phạm, dịch tiếng Phạm ra chữ Đường cả hai đều có ích. Âm Hồ làm sao lợi ích cho người? Phật giáng trần ở Thiên Trúc, tiếng Phạm là chánh giáo, truyền sang Trung Hoa lợi ích đã nhiều. Sa-môn nói: Đạo sĩ đã già, đối đáp không thông, không tự lượng sức. Đạo sĩ nói: Tôi nào có nói càn? Tâm ông không càn, lời ông cuồng điên. Đạo sĩ khác nói:

Bát-nhã không phải ngu trí, sao dịch là trí? Vì muốn dứt ngu si nên khen là trí. Ngu si là gì mà phá bằng trí? Ngu si là đạo sĩ, sao ta lại ngu si? Bát-nhã không ngu trí, vì phá ngu nên khen là trí, nếu đạo sĩ hết ngu thì trí tôi cũng mất. Đạo sĩ Lý Vinh lại nói: Bát-nhã không kia đây sao nói đến bờ kia? Bát-nhã không kia đây nhưng khen công dụng hay cho nên là đến bờ kia. Đạo sĩ nói: vậy cũng có thể nói đến bờ này. Tuy không chấp kia đây nhưng khen kia để để rời đây. Đạo sĩ nói: khen kia không khen đây, thì chẳng phải đây chẳng phải kia. Đạo sĩ cười nói: đầu của tăng sĩ như viên đạn, hiểu nghĩa cũng tròn vo. Sa-môn nói: mỗi viên đạn đủ bắn chết chim ngạc. Trương Nguyên tiếp sức cho Lý Vinh, Sa-môn nói: Lý Vinh không tránh được đạn, Trương Nguyên lại giúp sức, Diêu lại ngu không biết. Hai người giúp một người, ba ngu thành một trí. Xưa nghe nay mới thấy. Các đạo sĩ thua cuộc. Các Pháp sư khuyên giải để họ tự biết mình.

Việc thứ tư:

Vua đến Đông Đô, cho vời tăng sĩ và đạo sĩ vào cung hùng biện.

Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ năm, vua đến Đông Đô. Thấy nhiều người quy y Phật, cần có sự hùng biện để họ hiểu nghĩa lý, vua liền hạ chiếu cho vời sư Nghĩa Bảo chùa Đại từ ân, sư Tuệ Lập chùa Tây minh đến ấp lạc để truyền giảng kinh luận. Vua đến chùa Tịnh độ, sư Nghĩa Bảo đến đó giảng Đại Phẩm, Tam Luận. Sư họ Tiết, người ở Tấn lăng, Thường châu, thuộc dòng Mạnh Thường Quân nước Tề và Tổng Oánh nước Ngô. Sư xuất gia từ nhỏ, theo học với Pháp sư Minh ở Tô châu, sau đến học với Pháp sư Khoáng ở Dụ châu. Từ đó thầy du hóa truyền giảng kinh pháp. Sau được vua mời đến chùa Từ ân, giảng nói kinh luận, thính chúng rất đông. Lại còn dự những buổi hùng biện với các đạo sĩ. Sau sư mất tại ấp Lạc. Vua ban lễ vật, cho làm lễ tang rất long trọng.

Việc thứ năm:

Sư Tĩnh Thái và các đạo sĩ hùng biện ở ấp Lạc, Đông Đô theo chiếu vua.

Ngày mười tám tháng tám niên hiệu Hiển Khánh năm thứ năm, vua cho mời sư Tĩnh Thái và đạo sĩ Lý Vinh đến Lạc cung. Vua hỏi Sa-môn: Kinh Lão Tử Hóa Hồ kể việc Lão Tử đến đất Hồ, việc đó ra sao? Việc này có nhiều thuyết khác nhau. Hai thiên của Lão Tử, Trang sinh nội ngoại hoặc tôn hư vô, tự nhiên nên khác với Phật giáo. Còn những

việc Linh Bảo, Thái Thượng là do những kẻ sau vọng chế ra, đời Đường (từ niên hiệu Trinh Quán) đã cho đốt kinh này. Theo Tấn Đại Tạp Lục và Cao Tăng Truyện của Bùi Tử Dã thì Đạo sĩ Vương Phù đối đáp với Sa-môn Bạch Tổ, Vương Phù y cứ Tây Vực Truyện Hán thư, soạn kinh Hóa Hồ. Trong Thần ký U Minh Lục cũng cho đó là Vương Phù ngụy tạo. Đạo sĩ Lý Vinh nói: Tĩnh Thái không biết sao lại dẫn càn. Theo kinh Hóa Hồ thì Lão Tử giáo hóa người Hồ thành Phật. Phần tựa của Lão Tử nêu: Phía Tây đến Lưu Sa, đó là việc hóa Hồ. Sa-môn đáp: Đó là giả, tôi đã nói ở trước, trong kinh Quy Phật Đại Sư hóa Hồ chép: Lão Tử nói: Thầy ta là Đức Thích-ca, đã nhập Niết-bàn. Ở phần tựa của kinh Lão Tử nêu: Doãn Hỉ nói với Lão Tử: sắp ẩn. Trang Tử nói: Lão Nhĩ chết ở Tần. Tây Kinh Tạp Ký ghi: Lão Tử chết ở làng Hòe. Vả lại kinh của Đạo giáo chỉ có Lão Trang là thật, ngoài ra là các đạo sĩ mượn kinh Phật, thay ngôn từ, giả làm của mình. Lý Vinh nói: Phật giáo chỉ có kinh Tứ Thập Nhị Chương mà Pháp sư Ma-đằng dịch tại chùa Bạch mã, gần đây Huyền Trang cũng dịch kinh. Sa-môn nói: Thật ông không biết sử sách. Vì theo sử sách ngoài Sa-môn Ma-đằng, Trúc Pháp Lan dịch kinh còn có Chi-ca-đề, Khang Tăng Hội, Đàm-ma-đề, Cưu-ma-la-thập. Còn Pháp sư Huyền Trang, người tinh thông văn Phạm, đã từng du học ở Ấn Độ hơn mười năm, là người dịch kinh nổi tiếng sao lại cho là hư ngụy. Tội của Lý Vinh thật đáng chết. Lý Vinh nói: Hai tôn giáo Lão, Thích đều là lời của bậc Thánh, chúng ta làm sao bàn được. Sa-môn nói: Ông không thể còn tôi có thể. Lý Vinh nói: Tôi y cứ kinh Đạo Tiếp có câu: Đạo hơn Phật, Phật thua đạo, việc hóa Hồ là thật. Sa-môn nói: Đạo sĩ tự xưng là đàn việt tức trộm lời kinh, dẫn kiếp số là trộm văn Phạm, đã là hướng về phong giáo của Phật sao không mặc pháp y, không tỏ lời pháp. Kiếp là tiếng Phạm, nào phải tiếng của đạo gia. Lý Vinh nói: Đạo lớn không có gì là Phật là đạo? Lý Vinh chẳng có vật mà gọi là không. Lý Vinh nói: Há không có phân giải hay sao? Ở đây là hùng biện, là nói những lời nho nhã, nào phải nơi để nói những lời thô tục. Lý Vinh nói: Ngã Trang Tử... Sa-môn nói: Sao ông dám nói là ngã... Lý Vinh nói: Trong kinh, A-nan cũng tự xưng là “Tôi nghe như vầy”. Sa-môn nói: Đó là lời kết tập kinh điển. Tôn giả A-nan không chấp ngã mà nói câu ấy. Thế là Lý Vinh nói sang chuyện khác. Vua hạ lệnh cho bác bỏ nhau bằng lời thô. Thế là hai bên lại tranh biện, bác bỏ lẫn nhau. Họ lại bàn việc Phật giáo là giáo của rợ Hồ, của nước khác, hoặc nói Lão Tử là người nước Sở... cuối cùng Lý Vinh đuối lý. Sa-môn Tĩnh Thái là người ở Lạc dương, học rộng tài cao, giỏi đối đáp, vua định mời Sa-môn hoàn

tục, phong cho chức quan nhưng Sa-môn từ chối. Vua cho trụ lại chùa Kính ái ở Đông Đô và cho chọn người cần dùng tùy thích.

Việc thứ sáu:

Sa-môn Linh Biện chùa Từ ân hùng biện với đạo sĩ.

Ngày tám tháng mười hai niên hiệu Long Sóc năm thứ hai, ở điện Bích vũ, cung Bồng lai, Sa-môn Linh Biện nói về kinh Tịnh Danh. Hỏi: Đạo khó bàn chỉ phàm phu không biết hay cả bậc Thánh cũng không biết? Phàm thánh đều không thể nghĩ bàn. Phàm phu ngu muội thì không biết, bậc Thánh có trí vi diệu sao lại không biết? Tánh pháp vắng lặng dung thông, mọi vật bình đẳng có gì để bàn? Ngọn núi và hạt cải không thể dung nạp. Phàm thánh cũng vậy. Đạo không thể nghĩ bàn hiện khắp mọi nơi cần gì núi phải dung chứa hạt cải, phàm thánh nào có tư hay không tư. Phàm thánh không phân hai, không chia tư, không tư. Phàm thánh có khác, tức có nghĩ bàn không nghĩ bàn? Chính đâu có khác, nhưng tư và nghị là một. Đó là sự khác nhau của các Thánh, không phải phàm phu? Tất cả chúng sinh là tướng Niết-bàn. Đạo không thể nghĩ bàn nào chia ra phàm thánh? Thế sao phàm thánh có khác? Không hai nói hai, nào đâu có hai. Tư và không tư cũng như vậy. Không suy nghĩ là không tư chứ không phải có cái không tư. Kinh Hoa Nghiêm chép: Không thể nghĩ bàn, không thể đi sâu vào sự vắng lặng mầu nhiệm. Đạo sĩ nêu ra kinh Lão Tử, Sa-môn hỏi: Đạo đức thuộc Lão giáo hay thuộc cả Khổng giáo? Sa-môn nói: Chỉ thuộc Lão giáo, Lão kinh chép: Chí đức yếu đạo. Kinh Dịch nêu: một âm một dương là đạo. Như vậy là thuộc Nho giáo, nào chỉ thuộc Lão giáo. Đạo tự nhiên là chính, đạo khác là phụ. Hỏi: đạo tự nhiên không thuộc âm dương thì có thể nói Lão tử là gốc, âm dương gồm nhiếp tự nhiên, chẳng lẽ kinh Dịch là ngọn, nguyên khí thành đạo là gốc? Muôn vật do đạo sinh. Đạo là tổ tiên của muôn vật. Hỏi: Đạo là tổ tiên của muôn vật nào có khác gì Lão, Dịch là một. Đạo sĩ liền nói lãng sang: Liệt Tử gặp Quý Hàm thì say, hoàng quan gặp nâu sòng thì mê. Vua cười. Sa-môn hỏi: Đạo sinh muôn vật, cái gì là thể của đạo? Đáp: Đạo không có hình, có hình thì là có, không hình thì không, vậy đạo không có? Tuy không hình nhưng có đạo. Không hình mà có pháp thì vẫn nói là có hình? Muôn pháp là đạo, sao lại không đạo? Đạo sinh muôn vật, ngoài muôn vật không có đạo, vậy cái gì sinh? Đạo tuy không hình nhưng sinh ra muôn vật. Nhìn mẹ thấy con nên mẹ sinh con. Nhìn muôn vật không thấy đạo, đạo nào sinh muôn vật. Câu đạo là tổ của các pháp thì trái với kinh Lão Tử nói:

Vô danh là bắt đầu của trời đất, hữu danh là mẹ của muôn vật. Mẹ hay tổ chỉ là một nghĩa. Đạo đã là vô danh làm sao là tổ của muôn vật. Đạo là tổ của vật,vật cũng là tổ của vật? Chỉ đạo là tổ của vật, vật không thể là tổ của vật. Hỏi: Đạo không là tổ, đạo vốn không tên, chỉ giả đặt tên, đạo không có tổ, chỉ giả lập tổ. Ngoài muôn vật không có đạo, lúc muôn vật chưa sinh, thì đạo đã sinh. Như vậy ngoài mắt không có mắt, lúc chưa có mắt đã có cái thấy? Mắt và đạo khác nhau không thể so sánh. Hỏi: Muôn vật có chất ngại, đạo là hư vô, có không là một? Đạo sĩ im lặng, vua cười. Sau đó vua bảo Sa-môn Linh Biện đối đáp với đạo sĩ Lý Vinh. Vua nói với đạo sĩ: Linh Biện đa tài, có thích đối đáp không? Lý Vinh nói: Khổng Tử còn sợ hậu sinh, huống gì là Vinh? Sa-môn nói: Linh Biện là hậu sinh, Lý Vinh là tiền bối. Lý Vinh nêu nghĩa huyền rằng đạo huyền không thể nói. Hỏi: Đã không thể nói sao còn nêu? Không thể nói nhưng lại nói, nói mà không nói. Đã nói được thì nói, không nói được thì không, sao lúc đầu cho là không thể nói, giờ lại cho là có thể nói. Muốn bắt cá, thỏ phải có dụng cụ, muốn hiểu nghĩa mầu phải nhờ lời nói, đã không tỏ ngôn ngữ thì càng mê mờ vô lý. Đáp: Trong đạo cùng cực ấy mà không nói mà chẳng không nói. Sa-môn nói đó là bài kệ của Bồ-tát Long Thọ. Kệ rằng:

Chư Phật hoặc nói ngã
Hoặc nói không có ngã
Đối thật tướng các pháp
Không ngã chẳng không ngã.

Sao ông lại trộm lời Thánh hiền? Đạo sĩ nói: Phật đạo có gì khác? Tây Vực gọi là Niết-bàn, ở đây gọi là chết. Sa-môn nói: Đom đóm không thể sánh với mặt trời. Niết-bàn được dịch là diệt, tức là tịch diệt, không phải là chết. Đạo sĩ nói: Niết-bàn là diệt sinh tử, chết cũng là diệt có gì khác? Ô thước cũng có tiếng, chim phượng hoàng cũng có tiếng, nhưng hai loại tiếng khác nhau. Tịch diệt không diệt. Không thể so Niết-bàn với sự sống chết bình thường. Lại nói: Thể của lý mầu nhiệm không thể nói, vì sao lại nói? Tỏ ngộ vật, tình, giả mượn lời nói. Sa-môn nói: Thể huyền không thể nói, mượn lời để nói lý huyền nên lý huyền có thể nói. Cây gai trong hư không chẳng thể nhổ, phải giả mượn tay nhổ nên nói là nhổ. Hư không có phải là huyền hay không? Không thể so hư không với lý vi huyền. Lý huyền không thể nói, không phải cái để nói thì không thể nói. Đạo sĩ im lặng. Sa-môn hỏi vì sao không nói? Vì ngộ đạo. Sa-môn nói: Mắt cá không thể sánh với minh châu. Không biết nói chứ không phải là im lặng. Lại nói: lý huyền sâu xa, đạo

sĩ ngu muội làm sao biết được? Lý huyền sâu xa, người giỏi thì hiểu sâu, phàm phu thì hiểu cạn. Đạo sĩ biết được cạn vậy đạo sĩ học pháp tiên, tiên bay cao, đạo sĩ bay thấp. Nhưng ở đây đạo sĩ không hề bay được thấp cao. Sa-môn lại nói: Lão Tử hai quyển không thông, Trang Sinh bảy thiên không tỏ, thật đáng hổ thẹn. Nghe nói ông đến từ đất Thục, đường Thục rất khó đi, sao không cỡi con le đến làng vua mà để bị gông cùm đến Trường An? Đạo sĩ nói: Than không nhớ gỗ, ta quên đi quên ngồi, gông cùm nào nhớ. Sa-môn nói: Như thế là suốt đời bị gông cùm. Đạo sĩ nói: Thiên tử biết Lý Vinh, nên cho trói, còn những kẻ như ngươi, chúa thượng nào biết đến. Sa-môn nói: Thiên tử năm nay biết Lý Vinh, sang năm cũng biết, năm nay trói, sang năm cũng trói, thánh ân chưa hết thì bị trói suốt đời. Lý Vinh bị trói bậc Thánh không hay, nếu nhờ trói mà biết thì chỉ có quỷ biết. Lý Vinh tức giận nói: Lý Vinh ta là bậc anh minh của quận Thục mà Sa-môn dám khinh thường. Sa-môn nói: Vì sao lại giận dữ như thế. Rồi nói vài lời trêu chọc nhau, trước khi ra về Sa-môn còn nói: Hồng Hạc đã bay xa, bầy én còn huyên náo.

Đàm đạo với tiến sĩ họ Phạm.

Xưa, Trưởng giả Tì Thành đến thôn du thuyết, nay tiên sinh Hoàng Ấn đến cửa Bồi, thật xưa nay có gì khác! Phạm tiên sinh tinh thông Nho, Đạo, Thích. Xưa tiểu tăng đến Giang tả đã thấy phong lưu rồi, nay đến cửa ải, thật đáng khâm phục đạo đức, giờ được gặp nhau thật là thỏa nguyện, xin cùng bàn đạo u huyền. Họ Phạm nói: Chưa từng xem qua sách Trang Tử nhưng xin đáp rõ lý thú, bảy thiên quá rộng không biết hỏi từ đâu, xin nêu rõ chương môn. Lý tế vật xưa nay thường được đem ra bàn, Pháp sư hãy hỏi về nghĩa đó. Hỏi: Sợi lông, núi Thái, Nho mặc dầu nói là nhỏ, lớn. Trang Sinh không cho là như vậy, há không là bàn suông hay sao? Đáp: Tục chấp phải trái, Trang Sinh bỏ lớn nhỏ. Nếu thế thì ngọn núi và sợi lông không thể cùng chết? Đáp: Mục đích là quên tình. Sợi lông không to, Thái sơn không nhỏ, làm sao quân bình? Đáp: quân bình là đều có tự tánh. Tuy cùng tự tánh nhưng thể có lớn nhỏ. Như hư không không hình chất nhưng muôn vật khác nhau, ngọn núi và sợi lông không thể quân bình? Mục đích yếu của lý này là quên tình, nếu so sánh về hình thể thì chẳng khác nào vẽ chân cho rắn. Hỏi: Trước nói bình quân, tình quên không làm cho người ngộ, giờ nên vẽ chân hơn người là tự để người thấy lỗi. Núi lớn, sợi lông nhỏ mà Trang Sinh quân bình, vậy trời cao đất thấp, Chu Dịch nên lẫn lộn tôn ti, vì sao Trang Sinh cho rằng lớn nhỏ là một? Đáp: đó là sự khác nhau của hai giáo.

Dịch vốn khác, không thể giống núi, lông không cùng, cho nên khác. Vật khác nên là khác, vật giống nên là giống vì sao nói khác. Linh Biện họ An, người ở Tương Dương. Tổ tiên vốn là một dân tộc ở Tây Vực, sau dời đến Trường An vào đời Tấn. Đến cuối niên hiệu Vĩnh Gia lại dời về Tương Dương. Sa-môn là người có phước duyên thừa hưởng tất cả tư chất tài giỏi, thông minh, anh dũng. Mười lăm tuổi xuất gia, tham học ba tạng, nghiên tầm các kinh Đại thừa, hùng biện rất giỏi, luôn khiêm nhường, được mọi người tôn kính.

Trước sau cùng đạo sĩ Lý vinh,... hỏi đáp qua lại, thần khí cao xa, tinh thần khoáng đạt, không có người nào hơn. Thỉnh thoảng mới cười nói, thường hiểu ý vua, tánh tình cẩn thận, khi không có ai hỏi đạo thì không thể biết. Bạn bè trang lứa với Sư trăm người không còn một. Xưa Thứ Khanh giảng luận chỉ nghe danh tiếng, Sung Tông tài biện luận nhỏ bé không bằng một góc. Còn nghĩ liên hoàn trầm ngâm ngàn xưa, lược đề đại khái ghi như sau: Chỉ tiếc là lời nói ứng theo vật lý mà chẳng đến riêng, vẫn có công đức khác.

PHẦN PHỤ THÊM - QUYỂN 4

Soạn thuật tại chùa Tây minh ở kinh đô, vào niên hiệu Lân Đức đầu đời Đường.

Vào tháng ba, mùa xuân niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Đạo sĩ ở Tây hoa quán là Triều tán đại phu Quách Hành Chân kính tạo. Kính vì Phật đạo gọi là Thánh đều thực hành giáo hóa hòm kinh, bảo thừa linh báu, đều mở bến cho hữu thức. Cho nên thừa dụ dạy rằng: Khuôn phép nằm trong các chương, Phật bủa lưới pháp, như người thuyền trưởng có thân hình, tự chẳng phải bao gồm kinh luận, ai dám khinh nêu? Cẩn thận hết lòng, kính truyền kinh tượng, để giúp cảnh đức thông kỳ vô biên. Mở ra gốc tin sâu, dụ cho nghiệp chân chánh, có thể không như thế hay sao?

Đạo sĩ Triều Tán Đại phu Quách hành Chân ở Tây hoa quán, Kinh đô vào niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường kính mong Đức Thích Tôn hoằng hóa Từ bi khắp các trời, người. Lý lão để lại phép tắc, mở ra ở huyện Xích, nên khiến cho thân ở tại quốc gia mà không khỏi dòng sinh tử, lìa phiền não lìa đắm trước, vượt ra phạm vi không hữu, cho nên hồi tâm quy hướng, kính trọng không sót. Đúc tượng viết kinh, sớm tối lễ bái, xin nguyện khéo ở tại thường, dốc chí đối với chân thừa, đạo đều thông suốt, cho nên không dính mắc ở phàm thức, thống nhiếp những người đến học, may mắn chiếu cố lời này. Năm pho tượng Phật bằng

đồng mạ vàng, hai pho tượng Quán Âm mười một mặt và các kinh Đại thừa.

Niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Đạo sĩ Triều tán đại phu là Quách Hành Chân trụ Tây hoa quán ở kinh đô có tuyên cáo với các bậc Tiên giác Vô cực Đại thánh, Năng Nhân hóa chủ Từ thị Pháp Vương ở mười phương: Hành Chân vốn là người tầm thường nằm trong hàng ngũ này, thân tuy tầm thường mà tâm tạo dưới cột Di-lặc, chung quanh là sứ thần, đạo không hưng thịnh ở sau đời Minh. Phật là thầy trời người, kính đức hóa chung vô biên, đâu có chương thờ trời hay người thù đối, đàn hát không giải thích, rượu thịt không sót, Vũ bước chống lại phong giáng. Vỗ răng mà chẳng bày chỗ khuyết, thành thật không lấy, nay thay đổi lòng tin, kính ngưỡng Phật tông, kính tạo tượng kinh, âm bày thì tâm dùng. Kính nguyện khai mở đêm dài khoáng đạt rộng lớn, xé rách chướng ràng buộc đã lâu, cởi bỏ dòng ràng buộc từ vô thỉ. Đời đời mở rộng nghiệp sẵn có, kiếp kiếp ra khỏi bến giải thoát. Có chuẩn bị cùng dòng cảnh ngưỡng ở đây.

Niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Quách Hành Chân tạo tượng Phật, Bồ-tát, cúi mong chư Phật Đại thánh thần thông trùm khắp mười phương, dưới cột gió nhân quạt ánh sáng đến năm ngọn núi. Từ đời Lương, Ngụy về trước chưa nghe đạo có hình nghi, từ đời Chu Tề về sau mở rộng trong dân tục. Cho nên nghĩ Phật giáo hóa, rốt cuộc bị nhầm bởi mê mờ, được thấy thông suốt, rốt ráo hiểu rõ noi gương theo thức sáng, cho nên nghe theo nghĩa mà chuyển sang làm điều lành, kính đạo linh nghi và các kinh sách, sẽ khiến cho trên mở dưới thí, mở ra dòng suối mờ xưa, đầu là phước mà cuối là tội, hiển bày hậu chướng của cùng sinh, cúi mong ân từ hưng thạnh rộng thí, không ngăn cách bởi rừng tà, phương tiện khéo léo, không dính mắc bởi đen tối, đồng thời giúp cho hiểu rõ bảy giác tuệ, phát ba minh, nhổ ngọn cờ kiến chấp, xô ngã núi nghi ngờ, xé rách lưới ái mà bày ra xe báu, rộng lớn thay, các bạn đồng lữ có thể không cố gắng hay sao?

Niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Quách Hành Chân tạo ra, kết cấu theo kiểu âm dương, phàm tục đều nương tựa, không hữu đều dứt, chỉ có bậc Thánh ở đó, lìa ba cõi, nghe kinh trong năm tạng, được một mà giữ gìn, thấy việc làm của hai thiên, cho nên tôn trời kính đất, không xem thường hữu vi, cởi mở buộc ràng, thật bỏ tánh hoặc, do đây mà so sánh đức, sự bằng với mây bùm, dám mong khuynh thành, tôn kính hành thí, viết kinh đúc tượng không hề bỏ phế, dùng nhân phước này giúp cho loài hữu thức, đều vượt ra lưới kiến chấp, sớm ra

khỏi rừng mê.

Niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Quách Hành Chân tự sinh trong hàng ngũ, chợt sinh chút coi thường, mở rộng hậu lễ, ở đây đặt ra câu hỏi, thật có lý do. Chân tuy so ở mũ vàng, tâm còn ở huyễn hóa, bàn nói lời tà, Phật là cha của đạo, người học sau mê sinh, vọng còn cạnh tranh, nghĩ đến nhân luân, cho nên khó bằng. Phật là Pháp Vương, đạo gọi là cột trụ . Phật để lại tướng màu vàng, ba mươi hai tướng kỳ lạ. Đạo thấy chót mũi trắng, thành ra hai cột trụ khác nhau. Âm thanh, ánh sáng không nghe ở thường tục, đại la bèn có lời nói, thần thông chưa hóa vật tình, ngọc kinh vốn mất lời nói, đó là kinh tượng dùng để quy tâm đến giáo, để lại tình tránh hư hoại, dòng xa chưa ngộ, sẽ khiến cho Nhất thừa nhất đạo, thường giáo hóa đại đồng, chín trời chín hữu, cùng bến ở Cực giáo.

Niên hiệu Long Sóc năm đầu đời Đường, Quách Hành Chân tìm hai thiên Đạo đức, không còn hủy Phật, ba tạng kinh muôn xưa còn y cứ, dựng lên khuôn phép cho trăm vua, muốn cho Nhất thừa hưng thịnh, gom lại tất cả tà chánh, chín trời kính ghi, bao gồm u minh mà giáo hóa. Quách Hành Chân mong cho một nước quy về, một người gọi là Thánh. Một cõi được giáo hóa, một Phật gọi là Giác, nên khiến cho Đường, Ngu, Ân, Hạ, năm vận đổi dời, ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai xoay vần trở lại, đời đời đều có bậc dị tài, đâu chỉ có một lão già, kiếp kiếp mở giúp, đó gọi là nhiều Phật, không hiểu biết mà tự xưng, đã làm trò cười cho những kẻ tầm thường mà còn bị mọi người bàn tán. Sớm thấy lời nói toàn vẹn, cho nên Lý Đam mất ở làng Hòe, Tần Thất khóc mà không mê. Mã Thiên giảng ở Lưu sa, y hỷ biến mà để lại dấu vết. Chẳng phải như Đại thánh họ Thích, Đề Phong Chu ở Hoàn hải, giáo nghĩa mở sáng, thật giúp cho hiểu được chân tục, cho nên hết lòng cung kính vâng giữ quy giới, tạo tượng chép kinh, biểu lộ cung kính, khiến cho U minh khen ngợi đạo dụng tâm, ngày càng hiện rõ, trí mở ra bậc thầm giúp, mãi mãi làm khuôn phép rộng lớn cho bậc anh hiền.

Quách Hành Chân bởi giáo của họ Lão không ngoài Lưu sa, tông của họ Thích giáo hóa khắp bốn biển, ngay trong ngày mà trình bày, rộng lớn có thể biết, cùng tận thể của Thần thánh, rõ ràng chẳng phải hoặc, ý của hai thiên nói chưa dứt ở trần tục, lý kinh của ba tạng tự đến chỗ chân cực, cho nên quy y chánh giác, thọ nhận chí thừa, đúc tượng Phật chép kinh, truyền bá khắp thế tục, nguyện trở về đạo gốc. Giúp cho Thiên sư thọ đạo, thường lễ Phật ở Hạc minh, ẩn cư lập kính, thường bái họ Thích ở núi Tranh, ngoài ra chưa ngộ, việc đồng với bắt chước,

không có việc gì không chấp cứng.

Quách Hành Chân thấy đạo ngày càng tổn, nghĩa chỉ còn trong khắc niệm, học với sư Vô Thường, lý sẽ giúp cho dời đến việc lành, còn kinh Đạo Đức có năm ngàn lời, không hợp với điển chương ba động sự Thù Linh Bảo. Có chút phương thuật, Hoàng Thư Xích Phù, không thông với vật nghị, sương tuyết giáng xuống, hoặc bị che lấp ở ô hữu, không phải như Phật tông chí cực, chỉ có bến chung tám chánh, diệu pháp cùng chân, yên tĩnh rừng mê tám đảo, cho nên trăm vua vâng theo giáo hóa, chùa tháp khắp trong đại thiên. Muôn đời nương theo phong cách, tăng chúng đầy khắp trong nước. Hành Chân không những quê mùa mà vâng theo di pháp, đúc tượng viết kinh truyền bá trong nhân gian, xin cho sớm dứt ba lậu, mau thấy ba thân, chóng thoát ba cõi, liền ngự ba hữu, trùm khắp các bậc cao thức, chung cho ý này.

Quách Hành Chân thật nghe đạo vốn hư thông, nghĩa chẳng suy kiết, linh trí chiếu suốt, phải biết đại quy. Từ xưa những bậc tài giỏi đồng môn, đều ưa chuộng Phật tông. Bởi không đọc kim khoa nên sinh ra kiến chấp này, không gọi là thông minh. Còn như ba vị sư họ Trương đều theo nhau đến lễ bái Phật, Đào và Khấu hai vị tài giỏi đều kính trọng Thích tông. Hiểu rõ sách Lương Ngụy, so sánh đầy đủ với sự ghi chép của Thục Huyên, há chẳng phải là chọn cây mà ở, được chí thân mà đạt tánh hay sao? Thần ấy biết cơ, ngộ sự chẳng hủ lậu của Phật tánh, cho nên nói về dụng cụ đi nối, đúc tượng viết kinh, lời nguyền của kính Lặc có trình bày ở cuối quyển, ngõ hầu người đồng ngộ đạo này.

Quách Hành Chân đối với đạo Nhất thật lý vượt trời tiên, lời của bậc đại giác nghĩa bao trùm không hữu, còn như Trần Tư hành đạo là hợp với hoa của phương sĩ, đâu xét mùi vị. Chưa xếp vào cửa Thánh cho nên đạo có chia ra Đại tiểu, Thánh cũng nổi chìm. Lão quân lập giáo chẳng phải để làm chủ, họ Thích ở địa vị Pháp vương, khuôn phép dạy bảo gồm cả u và minh. Cho nên sự biên soạn hai thiên hiển bày ở luận về núi, hai đế đại tạo, trình với tông của họ Chu. Cho nên từ xưa đến nay ít người có khả năng xem kỹ, tôi nương khuôn phép, nghĩa theo chân thừa, tạo tượng chép kinh không có tâm cong vạy, dùng điều lành trên đây trùm khắp các tình thức, nguyện hiểu rõ đại đạo, phát tâm vô thượng.

Bài tựa hiệu đính lại Tập Cổ Kim Phật Đạo luận hành bốn quyển.

Xét bộ sách bốn quyển này, về quyển thứ tư, bản trong nước và bản đời Tống thì đồng, chỉ có tám trang, còn Đan bản thì chênh lệch

đến ba mươi bốn trang, chẳng những số trang chênh lệch mà văn nghĩa cũng không khớp nhau. Lại quyển ba ở trước, bản trong nước và bản đời Tống thì đồng, Đan bản thì đầu cuối khác hẳn là vì sao? Nay xem xét tới lui, bản đời Tống lộn xộn mất quyển ba, dẫn đại quyển bốn làm quyển ba. Trong quyển bốn thì dẫn thêm việc Đạo sĩ Quách Hành Chân bỏ đạo theo Phật, hơn mười đoạn gồm tám trang, bổ túc làm một quyển, bản trong nước y theo bản đời Tống, cho nên cũng lầm. Nay rõ được thể soạn tập của bộ sách này, bắt đầu từ thời Hán minh đế, cuối cùng đến đời Đường Cao Tông, Phật Đạo Luận Hành trải qua nhiều đời vua, quyển thứ ba của bản trong nước và bản đời Tống gồm có bảy việc, là những việc đời vua Đường Cao Tông. Nay ở sau tám trang của quyển bốn thì chép liền mười việc, là việc đời vua Cao Tổ Đại Tông. Cho nên trước sau lộn xộn, thế không phải như vậy, lý ra phải sửa cho đúng, nay y theo Đan bản, lấy mười việc đời vua Cao Tổ Đại Tông làm quyển ba, bảy việc thời vua Cao Tông là quyển bốn mà sửa cho đúng, văn nói về Quách Hành Chân bỏ đạo theo Phật xếp vào sau cuối, được giữ làm bài tựa.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

TỤC TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

SỐ 2105

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2105

TỤC TẬP TẬP CỔ KIM PHẬT ĐẠO LUẬN HÀNH

Soạn giả: Đại Đường, chùa Sùng phước, Sa-môn Trí Thăng.
Trích từ Hậu Hán thư liệt truyện 78.

Theo nội truyện bản Hán pháp, vào niên hiệu Vĩnh Bình, đời vua Minh Đế nằm mơ thấy một người vàng, thân cao trượng sáu, ánh sáng khác thường, sắc tướng khó ai bằng. Nhà vua lo lắng. Hôm sau, vua nhóm họp các quan, kể rõ giấc mơ. Quan Phó Nghị thưa: Thần nghe ở Tây Vực có một vị thần được tôn là Phật. Người vàng mà bệ hạ thấy chắc là vị này. Tiến sĩ quốc học Vương Tuân kính cẩn thưa: Thần xét trong Chu Thư Dị ký có nêu: Vào thời Chu Chiêu Vương có vị Thánh xuất hiện ở phương Tây, Thái sử Tô Do thưa rằng: Theo sử chép một ngàn năm giáo pháp sẽ được truyền đến nơi này. Những gì bệ hạ mơ thấy chắc là điều đó. Vua Minh Đế tin lời, sai mười tám người như trung lang Thái Âm, trung lang tướng Tần Cảnh, tiến sĩ Vương Tuân tìm hỏi Phật pháp, đến Thiên Trúc gặp hai Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan, trung lang Tần Cảnh, tiến sĩ Vương Tuân... liền thỉnh hai Đại sư về nước. Với hạnh nguyện hoằng pháp hai Sa-môn không quản khó nhọc, cùng các đại thần vượt ngàn dặm trường về đến Lạc dương. Vua Minh Đế vui mừng, hết lòng tôn kính, lập tinh xá ở phía Tây thành Lạc dương, đó là chùa Bạch mã. Vì dùng ngựa trắng chở kinh từ Ấn Độ sang nên đặt tên chùa là Bạch mã. Hai Sa-môn Ma-đằng, Trúc Pháp Lan ở đó phiên dịch kinh điển, là những vị tăng đầu tiên trên đất Hán. Kinh của các vị dịch là pháp tạng đầu tiên trên đất Hán. Tượng Đức Thích-ca được vua Minh Đế cho phỏng theo tác phẩm của vua Ưu-điền để thờ

cúng là tượng Phật đầu tiên trên đất Hán.

Ngày mười một tháng mười hai niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười hai vua Minh Đế thiết lễ cúng dường tại chùa Bạch mã. Vua thưa Pháp sư Ma-đằng: Xin cho biết ngày tháng năm, nơi chốn mà Phật thọ sinh, giáo hóa, diệt độ. Pháp sư đáp: Ngày mười lăm tháng bảy năm Quý Sửu Phật gá thai vào phu nhân Ma-gia. Ngày mùng tám tháng tư năm Giáp Dần, Phật ra đời từ hông phải của phu nhân ở vườn Lâm-tỳ-ni thành Ca-tỳ-la-vệ. Theo Chu Thư Dị Ký: Ngày mùng tám tháng tư năm Giáp Dần, năm thứ hai mươi bốn của vua Chu Chiêu Vương thì sông suối ao hồ đều đầy tràn, cung điện, nhà cửa, núi sông, đất đai đều rung chuyển. Đêm ấy có ánh sáng năm màu chiếu soi khắp bốn phương. Nhà vua hỏi thái sử Tô Do: Hiện tượng gì vậy? Tô Do thưa: Có bậc Thánh xuất hiện ở phương Tây nên hiện điềm lành này. Vua hỏi: Có ảnh hưởng gì đến dân ta không? Tô Do đáp: Hiện tại thì không nhưng một ngàn năm nữa giáo pháp sẽ được truyền đến đây. Chiêu Vương liền sai khắc vào đá việc này, chôn ở trước đình tế trời Nam giao. Lúc đó, Phật sinh tại cung vua. Năm Nhâm Thân, Phật mười chín tuổi, xuất gia học đạo. Hán Thống sư nêu: Phật xuất gia lúc mười chín tuổi là vào năm Nhân Thân, năm bốn mươi hai thời Chu Chiêu Vương. Phật ba mươi tuổi thành đạo. Hán Thống Sư chép: Phật thành đạo lúc ba mươi hai tuổi. Năm Quý Mùi, năm thứ hai thời Chu Mục Vương, Phật hóa độ thế gian bốn mươi chín năm. Hán Thống Sư chép: Phật vào đời độ sinh bốn mươi chín năm. Theo Chu Thư Dị ký thì Chu Mục Vương lên ngôi được ba mươi hai năm, thấy ánh sáng lạ ở phương Tây, vua hỏi về những ghi chép của Tô Do mới biết là có bậc Thánh độ sinh ở phương Tây. Mục Vương không hiểu, sợ ảnh hưởng đến đạo trị dân nhà Chu nên sai tướng quốc Lữ Hầu, cùng chư hầu lên núi Đồ sơn cầu cúng. Lúc ấy pháp Phật đã được truyền bá ở đời khá lâu. Ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Thân, Phật nhập Niết-bàn. Theo Hán Thống Sư thì Phật nhập Niết-bàn vào năm Nhâm thân, năm thứ năm mươi hai thời Chu Mục Vương.

Xét Chu Thư dị ký ngày mười lăm tháng hai là năm Nhâm Thân, năm thứ năm mươi hai thời Chu Mục Vương, trời đang yên bỗng nổi cơn giông tố, làm sập nhà cửa, cây cối đổ gãy, sông núi rung chuyển. Xế trưa trời u ám, ở phương Tây xuất hiện cầu vòng trắng mười hai vòng nối liền Nam bắc, suốt đêm không mất. Mục Vương hỏi thái sử Hộ Đa: Đó là điềm gì? Hộ Đa đáp: Phương Tây có bậc Thánh Niết-bàn nên hiện tướng bi ai. Mục Vương vui mừng nói: Trẫm thường lo sợ vị ấy, giờ đã Niết-bàn, trẫm còn sợ gì? Phật Niết-bàn đến nay đã hơn một ngàn

hai mươi hai năm. Minh Đế vui vẻ, thưa: Lời Pháp sư giảng rất hợp với những gì ghi trong Chu Thư Dị Ký của nước con. Vua lại hỏi Pháp sư: Phật là đấng Đại từ vì sao lúc xuất thế lại không giáo hóa cõi này? Pháp sư đáp: Nước Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức mặt trăng, mặt trời, chư Phật ba đời đều thọ sinh ở đó, trời rồng quỷ thần cũng nguyện sinh về đó để thọ chánh pháp của Phật, được ngộ đạo, chúng sinh ở nơi khác không có duyên nên Phật không đến. Tuy vậy ánh sáng của Phật hiện khắp mọi nơi, nơi nào có ánh sáng chiếu đến thì hoặc năm trăm năm hoặc một ngàn năm sau sẽ có bậc Thánh truyền bá pháp Phật. Vua thưa: Lời thánh rất hợp trong Chu Thư Dị Ký. Lời đáp của Pháp sư Đạt-ma Bạt-đa-la với các Pháp sư nước Cao Lô rằng: Phật giáng sinh vào ngày mùng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn thời Chu Chiêu Vương, Niết-bàn vào ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm thời Chu Hiếu Vương.

Theo Đế Vương Thế Ký, Chu Chiêu Vương làm vua được năm mươi mốt năm, Chu Mục Vương làm vua được năm mươi lăm năm, Chu Cung Vương trị vì mười hai năm, Ý Vương trị vì hai mươi lăm năm. Từ đời Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn đến đời vua Hiếu Vương năm thứ năm là một trăm hai mươi bốn năm. Phật giáng sinh đến Niết-bàn là bảy mươi chín năm. Nếu nói Phật Niết-bàn vào đời vua Hiếu Vương năm thứ năm thì thật sai lầm. Không biết Pháp sư Thống y cứ kinh điển nào.

Theo Thế Truyền Ký thì chánh pháp tồn tại năm trăm năm, tượng pháp tồn tại một ngàn năm, mạt pháp kéo dài một vạn năm. Kinh dạy: không còn công dụng thì gọi là diệt, không phải là chết mất. Có bản chỉ ghi hai thời chánh và mạt pháp, không có tượng pháp. Từ lúc Phật Niết-bàn đến niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười đời Hán Minh Đế là một ngàn hai mươi năm. Từ niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười đến niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười, tức năm Giáp Tuất là năm trăm bốn mươi tám năm, cộng chung là một ngàn năm trăm sáu mươi tám năm. Từ niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười là hai mươi hai năm, cộng chung là một ngàn năm trăm chín mươi năm.

HÁN PHÁP BẢN NỘI TRUYỆN THỨ 3
PHẨM ĐẠO SĨ ĐỘ THOÁT

Ngày mùng một tháng một niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn. Theo tục lệ Trung Hoa, các đạo sĩ được xếp vào hàng thứ hai sau triều chính. Từ lúc các quan thần sang nước Thiên Trúc thỉnh được kinh Phật, nhờ hai Pháp sư Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan dịch sang tiếng Hán, nhà vua xây hai ngôi chùa Bạch mã và Hưng thánh, cho vương tôn công tử xuất gia làm Sa-môn, hầu hạ hai Pháp sư Thiên Trúc, thực hành giáo pháp của hai vị. Từ quý tộc đến dân thường đều tôn kính theo. Thấy vậy các đạo sĩ liền trách, dâng sớ tâu lên vua rằng: Bệ hạ bỏ đạo pháp của chúng thần, tôn trọng giáo pháp của người Hồ. Chúng thần được xếp vào hàng thứ hai sau triều chính, đủ khả năng thông đạt kinh sách của Thái thượng Thiên tôn. Xin bệ hạ cho phép chúng thần được thi đấu với các đạo sĩ nước Hồ để bệ hạ kính tin. Thế rồi bảy mươi đạo sĩ ở Nam nhạc như đạo sĩ Chử Thiện Tín đem một bộ Linh Bảo Chân Văn, một bộ Thái Thượng Linh Bảo Ngọc Quyết, một bộ Không Động Linh Chương, một bộ Trung Huyền bộ Hư Chương, một bộ Thái Thượng Tả Tiên Công Thỉnh Vấn, một bộ Tự Nhiên Ngũ Xướng, một bộ Chư Thiên Nội Âm, gồm một trăm lẻ ba quyển. Bảy mươi đạo sĩ ở Hoa nhạc như đạo sĩ Lưu Chánh Niệm đem một bộ Trí Tuệ Định Chí, một bộ Trí Tuệ Thượng Phẩm Giới, một bộ Tiên Nhân Thỉnh Vấn Bổn Hạnh Nhân Duyên, một bộ Minh Chân Khoa, gồm sáu mươi hai quyển. Bảy mươi đạo sĩ ở Hằng nhạc như đạo sĩ Hoàn Văn Độ đem một bộ Bổn Nghiệp Thượng Phẩm, bộ Pháp Khoa Tội Phúc, bộ Minh Chân Khoa Trai Nghi, bộ Thái Thượng Thuyết Động Huyền Chân Văn, gồm tám mươi quyển. Bảy mươi đạo sĩ ở Đại nhạc như Đạo sĩ Tiêu Đức Tâm đem bộ Chư Thiên Linh Thư Độ Mạng, bộ Thái Thượng Thuyết Thái Cực Thái Hư Tự Nhiên, bộ Diệt Độ Ngũ Luyện Sinh Thi, bộ Độ Tự Nhiên Xứ Nghi, gồm tám mươi lăm quyển. Một trăm bốn mươi đạo sĩ ở Tung Nhạc như đạo sĩ Lữ Tuệ Thông đem bộ Thái Thượng An Chí Thượng Phẩm, bộ Tam Nguyên Giới Phẩm, bộ Thái Cực Tả Công Thần Tiên Bản Khởi Nội Truyện, bộ Phục Ngự Ngã Nha Lập Thành, bộ Triêu Tịch Triều Nghi gồm chín mươi lăm quyển. Hai trăm bảy mươi đạo sĩ ở các núi Tiêu sơn, Thiên mục, Ngũ nhật tân, Bạch lộc, Cung sơn như đạo sĩ Kỳ Văn Tín đem bộ Thái Cực Chân Phu Linh Bảo Văn, bộ Thái Thượng Động Huyền Linh Bảo Đại Văn Ngũ Phù Kinh, bộ Bộ Hư Văn, bộ Thần Tiên Dược Pháp, bộ Thi Giải Phẩm, bộ Thượng Thiên Phù Lục Sắc Cấm gồm tám mươi bốn quyển, bộ Mao Thành Tử, bộ Hứa Thành Tử,

bộ Liệt Thành Tử, bộ Tuệ Tử, kể cả sách của hai mươi bảy nhà thành hai trăm bốn mươi lăm quyển.

Ngày mùng chín tháng một đạo sĩ Chữ Thiện Tín ở núi Nam nhạc huyện Ngô khâu, quận Dự chương, tỉnh Dương châu đứng đầu: Sáu trăm chín mươi đạo sĩ (đệ tử Thái Thượng Tam Động) cam tội chết dâng sớ: Thần nghe Thái thượng không hình không tên vô cực vô thượng, hư vô tự nhiên, cội nguồn đại đạo. Đạo giáo có từ tạo hóa, là đấng tối tôn của vô vi, là cha lành của tự nhiên, thượng cổ đều tôn, trăm vua không đổi. Nay bệ hạ đạo vượt Hy, Hoàng, đức hơn Nghiêu, Thuấn, ân trạch bốn biển, mọi nơi đều hướng về. Chúng thần trộm nghĩ bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, cầu giáo nơi Tây Vực. Thần xét người mà Tây Vực tôn kính là đạo sư người Hồ, những gì họ nói đều không bằng Hoa Hạ chúng ta. Bệ hạ thỉnh đạo sĩ người Hồ dịch sách ra tiếng Hán, thần nghĩ đó không phải là đạo lớn. Nếu không tin xin bệ hạ cho chúng thần tỉ thí. Các đạo sĩ ở Ngũ nhạc đều là người thông minh trí tuệ, rộng thông kinh điển, từ Nguyên Hoàng đến nay họ đều hiểu rõ kinh của Thái thượng, tỏ đạt phù chú thái hư, hoặc nuốt bùa chú, hoặc sai khiến quỷ thần, hoặc nhảy vào lửa không bị đốt, hoặc xuống nước không bị chìm, hoặc bay lên trời, hoặc chui vào trong đất, còn thông cả pháp thuật trị bệnh. Xin bệ hạ cho chúng thần tỉ thí để một là bệ hạ an lòng, hai là nói lên chân ngụy, ba là đạo lớn có nguồn, bốn là không loạn phong tục Hoa Hạ. Nếu chúng thần không địch nổi thì tùy bệ hạ định tội. Nếu chúng thần thắng thì xin bệ hạ đuổi hết tà đạo. Chúng thần rất đổi kinh sợ, cam chịu chết, cam chịu chết.

Vì được nghe hai Pháp sư Thiên Trúc giảng kinh, vua Minh Đế đã tỏ thông tướng pháp, rất mực kính tin nên khi nghe sớ của các đạo sĩ vua liền sai thượng thư đưa thư hẹn các đạo sĩ đến cung Trường lạc. Vua nói với các đạo sĩ: Các đại đức! Chớ tự lầm lạc. Theo các đại đức thái thượng là vô hình vô thượng, tự nhiên, tối tôn. Giờ có kinh giáo từ Tây Vực truyền đến. Kinh giáo này thật khó gặp, mới bắt đầu truyền qua phương Đông, những gì các đại đức học không phải là pháp chân thật. Đã thấy pháp chân thật, các đại đức còn cố chấp, thật chẳng khác gì con rồng của Diệp Công xưa. Chử Tín thưa: Nếu đạo Phật là chân thật lẽ ra không có hình sắc, vì sao lại vẽ tượng, như thế thì nhất định là hư giả không tự nhiên. Vua nói: Pháp sư Ma-đằng từng giảng pháp cho trẫm nghe rằng: Phật có bốn thân là Pháp, Báo, Ứng, Hóa. Pháp thân vô vi, không tướng, không chủ, không tông, vắng lặng. Báo thân thì độc lập không bạn bè, thênh thang không gì sánh, soi sáng thế giới, tự tại ẩn

hiện. Ứng thân đủ hình sắc ngôn hạnh, tùy vật hiện hình. Hóa thân: Giảng nói chánh pháp, dắt dẫn bằng ba thừa, lợi ích chúng sinh, tùy cơ độ thoát. Các đại đức nên biết, Phật có bốn thân, ẩn hiện tự tại, không thể nghĩ bàn, đủ mọi công dụng, vắng lặng nhiệm mầu. Đó là núi lớn trí tuệ, biển cả Niết-bàn, hãy kính tin, sẽ được vô lượng phước. Chử Tín hỏi: Chẳng hay Niết-bàn là gì? Vua nói: Niết-bàn vô vi, tự nhiên, vắng lặng, chỉ có một vị, là cách nói khác của nhãn mục. Chử Tín hỏi: Niết-bàn có mấy nghĩa? Vua đáp: Pháp sư Ma-đằng có giảng cho trẫm nghe rằng Niết-bàn có nhiều nghĩa, khi nhập Thánh vị, Niết-bàn có năm loại: Tùy phần, hữu dư, giác diệt, phương tiện, rốt ráo. Chữ Tín thưa: xin nói rõ nghĩa của năm loại. Vua nói: Ba quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm của Tiểu thừa sau khi hết quả báo trời người được sinh về cõi Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, đó là tùy phần Niết-bàn. Quả thứ tư của Tiểu thừa giữ gìn sáu căn, chứng trí không của bảy thức, sinh lên cõi thiền thứ tư, đó là Niết-bàn hữu dư. Quả Bích-chi-phật của trung thừa quán mười hai nhân duyên, chứng vui diệt tận, sinh về cõi Thức xứ hoặc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là Niết-bàn giác diệt. Bồ-tát đại thừa từ địa một trở lên thường ở sáu đường, ra vào sinh tử, không bỏ chúng sinh, tùy loại thọ thân để độ, hạnh nguyện, thanh tịnh không thoái chuyển Bồ-đề, đó là Niết-bàn phương tiện. Bồ-tát trải qua vô số kiếp ở trong biển sinh tử, chịu nhiều khổ não, tu tập hạnh lành, thành tựu muôn hạnh, chứng đạo chánh chân vô thượng, đó là Niết-bàn rốt ráo. Chử Tín thưa: Nếu Phật đạt Niết-bàn rốt ráo thì xin cho tỉ thí. Vua hỏi: Các vị vẫn còn muốn tỉ thí ư? Chữ Tín thưa: Thần xin lập đàn, đặt kinh điển của Thái thượng thiên tôn, chất củi đốt. Nếu pháp chân thật thì không bị lửa đốt, nếu pháp hư ngụy thì sẽ bị lửa đốt. Giáo pháp của Tây Vực cũng xin làm như thần. Vua nói: Khanh không biết thẹn, trẫm e rằng việc đó chẳng khác nào ánh sáng của đom đóm lại muốn sánh với ánh mặt trời, mặt trăng, cục đất tròn lại muốn so với ngọc tùy quốc, thật không hợp. Nếu khanh không tin, muốn tỉ thí thì vào ngày mười lăm tháng giêng này hãy tập trung về chùa Bạch mã. Được vua nhận lời, đạo sĩ vui vẻ ra về. Các đạo sĩ đến những chỗ đông dân để thi thố tài năng, người thì đi trên mặt nước không bị chìm, người thì chất củi trong vườn đốt nhưng không bị cháy, người thì trì chú hô thần nhập quỷ, dân chúng thấy thế đều tôn là đại thánh. Đến ngày mười lăm vua đến chùa Bạch mã, đốt hương lạy Phật xong, vua thưa với hai Pháp sư: Các đạo sĩ đều muốn tỉ thí với hai Đại sư, đệ tử đã nhận lời, hẹn ngày mười lăm tháng này đến chùa Bạch mã để tỉ thí, xin hai Đại sư gia ân ban pháp lành. Pháp sư

Ma-đằng đáp: Như Lai diệt độ hơn một ngàn năm, chánh pháp được truyền đến phương Đông, đó là thật. Các đạo sĩ muốn tỉ thí thì giờ đã đúng lúc, bần đạo tuy mặc áo nâu sòng, không trọn giới hạnh nhưng cũng nhờ oai lực của Phật pháp mà được tỏ ngộ. Nghe vậy vua rất vui, Pháp sư lại nói: Bệ hạ từng tu phước lành, được làm vua thiên hạ, lại có lòng kính tin nên mong mọi loài hướng về nẻo chánh, đó là ân đức nền tảng và công đức khó lường của Bồ-tát. Vua cúi lạy Pháp sư, thưa: Đệ tử nhờ ánh sáng của Pháp sư mà được thỏa nguyện, lại được Pháp sư giáo hóa, thật là hạnh duyên một đời, Từ bi nhuần thấm. Pháp sư vui mừng, mời vua ngồi. Vua lại hỏi Pháp sư Trúc Pháp Lan: Tây Vực có đạo sĩ không? Pháp sư đáp: Phạm chí ở Tây Vực như đạo sĩ ở cõi này. Vua hỏi: Đạo có mấy loại, đạo nào chính? Pháp sư đáp: Có chín mươi lăm loại, chánh pháp là chính. Hạnh nguyện có khác, xin nêu tám pham hạnh: Thường tu hạnh thanh tịnh, tỏ thông ngoại điển, thờ trời Ma-hê-thủ-la, cầu sinh về không xứ, thức xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, thường tu phạm hạnh, thông hiểu ngoại điển, thờ Đại phạm thiên vương, cầu sinh về bốn cõi thiền; thường tu phạm hạnh, thông hiểu kinh điển, thờ thiên tôn, cầu sinh về các cõi trời Diệm-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại; thường tu phạm hạnh, thông hiểu ngoại điển, có tài hùng biện, thờ sáu vị giáp chủ ngoại đạo, nương vào cái không, diệt có không; thường tu phạm hạnh, cầu học đạo tiên, giỏi về chú thuật, thờ tiên A-tư-đà, cầu được uống năm thứ thần đan, nếu đạt đạo tiên sẽ bay đi như chim; thường tu phạm hạnh, chuyên về y học, giỏi phù phép, thờ tiên A-tư-đà, cầu uống cỏ ngũ chi, nếu đạt đạo sẽ ẩn hình; thường tu phạm hạnh, thờ đại tiên Ba-đầu, cầu vào lửa không bị cháy; thường tu phạm hạnh, thờ vị tiên nước Di Chế Thúc La, cầu vào nước không bị chìm. Tám đạo này nhờ phạm hạnh được sinh cõi trời, nhưng vì không có tâm hướng về chánh tín sau khi hết tuổi thọ ở cõi trời thì bị đọa vào ba đường ác. Vua hỏi: Tám đạo này đều tu phạm hạnh, thông hiểu kinh điển, tức là bậc thượng nhân của thế gian, lúc gặp Phật lẽ ra đã tỏ đạo sao vẫn giữ kiến chấp? Pháp sư đáp: Rất khó được gặp Phật ra đời, một trăm tiểu kiếp mới có một Đức Phật ra đời. Trước khi Phật ra đời hoặc có các vị trời có sức mạnh, hoặc có bậc Thánh tự tại sợ đời không ai giáo hóa nên giáng sinh vào đời hoặc làm vua, hoặc làm Pháp sư, hoặc dạy phạm hạnh, hoặc dạy hạnh tôn kính, hoặc dạy thờ Phật, hoặc dạy thờ thần, mặt trời mặt trăng, thần sông biển, chư tiên, thần nước lửa, thần lúa, tiên sư. Vì lúc đầu đã huân tập như thế nên tuy gặp Phật ra đời, kẻ độn căn thì cho rằng thần mà ta thờ đã có từ xưa, Phật tuy khác nhưng

giáo pháp thì gần giống nhau, cần gì phải bỏ xưa theo nay, thế rồi chấp chặt vào đạo của họ. Vua hỏi: Trong đạo Phật có tiên hay không? Pháp sư đáp: Tiên thì truyền phạm hạnh, nhiều chú thuật nên được thế gian tôn thờ. Lúc Phật mới thành đạo ở cội Bồ-đề, người đời không biết ánh sáng của Phật nên nói là đại thiên giáng sinh, thật ít có. Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên tự tại biến hóa trong hư không, người ta cho là đệ tử thiên tiên. Phật tùy cơ ứng hiện nên tôn là Phật. Vua thưa: Đệ tử nghe Pháp sư giảng pháp tâm tưởng thông hiểu, chẳng hay Pháp sư hàng phục đạo sĩ bằng cách nào? Pháp sư đáp: Rồng gầm mây nổi, loài trùng dế không thể làm được. Cọp gầm gió thổi, loài ngựa không thể sánh. Sấm nào sợ tiếng trống, chớp nào ngại ánh đom đóm, địch đi thì đánh cần gì phải để móng gãi ngứa? Vua cười to, rằng đệ tử biết Pháp sư chứng đạo chứng lý, không lo sợ. Pháp sư nói: Bần đạo chưa được pháp hơn người, không dám cao ngạo. Như các hoàng tử được phong vương hầu, vua ra lệnh tuần tra thay đổi phong tục, thấy các quan địa phương, các vị vương hầu há sợ hay sao? Vua nói: Sứ giả là con của trẫm, được trẫm phái đi làm sao sợ quan quận huyện được. Pháp sư thưa: Các quan quận huyện có tự tại trước sứ giả không? Người thừa uy mệnh của trẫm, các quan quận huyện nào dám nghênh ngang. Pháp sư nói: Cũng như vậy, bần đạo là người xuất gia, là đệ tử của Đấng Pháp Vương, chánh pháp mà bần đạo thọ trì là pháp được giảng từ kim khẩu của Pháp Vương nên đến đâu đều không sợ, nơi nào có chánh pháp ma trời quỷ thần đều tôn kính, đạo sĩ trí nhỏ nào có đáng gì. Nghe lời Pháp sư, vua vui vẻ, cáo từ trở về thành, ra lệnh cho các quan hữu tư lo thiết trai lễ, và lệnh cho các quan văn võ trong ngoài từ ngũ phẩm trở lên vào ngày mười lăm tập trung về chùa Bạch mã. Ngày mười ba các đạo sĩ nhóm hợp về phía Nam chùa Bạch mã, lập ba đàn tràng ở phía Tây, Đông, mỗi đàn có hai mươi bốn cửa, đàn phía Tây đặt ba trăm sáu mươi chín quyển kinh Thái thượng linh bảo thiên tôn, đàn ở giữa đặt hai trăm ba mươi lăm quyển sách của hai mươi lăm nhà nhà, đàn phía Đông để thức cúng thần linh. Ngày mười bốn vua đặt hành điện bảy báu ở phía Nam cách chùa một trăm bộ, trên đó đặt xá-lợi và kinh tượng Phật. Sáng ngày mười lăm tất cả đã bố trí xong, mọi người đều nhóm hợp về. Vua bảo các đạo sĩ: Các đại đức muốn tỉ thí thì giờ đã đến, hãy trổ tài của các vị cho mọi người xem. Các đạo sĩ vâng lệnh vua, chất gỗ chiên-đàn, trầm thủy đốt đàn tràng để kinh, khóc lóc cầu khẩn rằng kinh giáo của thái thượng thiên tôn có từ thời sơ khai, các bậc hiền triết xưa nay đều tuân hành, nay giáo pháp của Tây Vực làm loạn phong tục Hoa Hạ,

chúng thần sáu trăm chín mươi đạo sĩ của các đạo quán trong Ngũ nhạc xin đốt kinh điển để nói lên chân ngụy. Khi họ đốt kinh điển cháy rụi, ai nấy đều kinh sợ, người muốn bay lên trời thì không bay được, người muốn ẩn mình cũng không ẩn được, người muốn ngảy vào lửa thì không dám vào, người giỏi chú thuật giờ lại không linh nghiệm, các đạo sĩ đều hổ thẹn. Vua nói: Các vị không nghe sao, ở Ích châu có núi Chung sơn, trên núi có tên cướp cướp bóc ngang dọc, cho là không ai hơn mình, đến khi quân lính đến thảo phạt thì chúng không còn ngông nghênh. Các khanh hôm nay cũng như vậy. Lúc ấy thái phó Trung Diễn nói với Chử Tín: Hôm nay ông ấy tỉ thí không có hiệu nghiệm, thì giáo pháp của ông là luống dối, giáo pháp của Tây Vực là chân thật. Chử Tín nói: Mao Thành Tử dạy: Thái thượng là linh bảo thiên tôn. Đứng đầu của tạo hóa là Thái Tố, há đó là luống dối hay sao? Trương Diễn đáp: Thái Tố chỉ có danh đức quý nhưng không có kinh giáo, giờ nói có kinh giáo thật là luống dối. Tôi tra cứu điển tích biết Linh Bảo không có dòng tộc để nương, xưa nay Linh Bảo không có nơi thành đạo. Nếu Linh Bảo là tự nhiên thì sao lại có kinh điển. Nếu nói Linh Bảo xuất thế thì đã nói pháp cho ai nghe, chỉ là giả mượn tên hiệu Thái Thượng thiên tôn. Còn đây là pháp của bậc giác ngộ, cứu mọi loài trong sáu đường, ông hãy theo chân bỏ vọng, nếu không thì sẽ luống uổng trăm năm. Nếu ông không tin thì hãy tôn thờ Hoàng Lão. Hoàng Lão tuy không bằng Pháp Vương nhưng cũng là bậc Thánh đời trước, tuy cũng viết sách như các vị khác nhưng lời lẽ và việc làm rất sâu xa, tánh vương đạo đức vô vi. Xưa kia hoàng đế Hiếu Cảnh siêng năng tu tập, do đó mà có đạo học đứng đầu trăm nhà, được xếp sau pháp Phật. Mao Thành tử, Trang tử, Liệt tử đều học đạo tự nhiên, tiêu diêu ngoài trần lụy, được xếp sau Hoàng lão. Vì sao chỉ tôn thờ Linh Bảo? Chử Tín đáp: Linh Bảo có khả năng lên trời xuống đất, kêu gọi quỷ thần, đi trong nước lửa. Hôm nay ta đốt kinh, không được sự che chở nên rất hổ thẹn. Diễn nói: Lớn chế phục nhỏ là điều tự nhiên như các quan lại của châu quận tự do ở một cõi, nếu không tôn oai đức của hoàng đế thì như các vị học pháp thuật, muốn cho núi không có dấu thú dữ, đời không có đạo bạn, giờ đã rõ chân ngụy, không làm đời sau lầm lẫn. Chử Tín im lặng không đáp, sau đó chết chung với đạo sĩ Phí Thúc Tài ở Nam Nhạc. Lúc ấy, ánh sáng từ xá-lợi Phật phát ra năm màu, chiếu soi trên hư không, tạo thành lọng báu, che khắp đại chúng, che khuất cả ánh sáng mặt trời.

Pháp sư Ma-đằng đã chứng quả A-la-hán nên bay lên hư không,

tự tại biến hóa trong hư không, rồi an nhiên trở về pháp tòa. Lúc ấy trời tuôn hoa báu trước tượng Phật và chúng tăng, nhạc trời vang xa chấn động lòng người, đại chúng vui mừng khen là việc hiếm có. Pháp sư liền nói kệ:

Cáo không phải sư tử
Đèn chẳng phải trời trăng
Ao không nạp biển cả
Gò không cao như núi
Mây pháp bủa thế giới
Hạt giống lành đâm chồi
Hiển hiện pháp hy hữu
Độ chúng sinh mọi nơi.

Nói kệ xong Pháp sư hỏi các đạo sĩ: Các đại đức! Nếu muốn hỏi gì xin cùng đàm đạo. Đạo sĩ Lữ Tuệ Thông ở Tung nhạc nói: Chúng tôi không tự lượng đức mình dám tỉ thí với đại đức. Vừa được thấy ánh sáng thần soi chiếu và sự biến hóa thần thông của đại đức, được nghe nhạc trời vi diệu, chúng tôi đã tỏ đường mê, hoa trời tuôn mới biết cội nguồn của đạo. Chúng tôi chưa hiểu chánh pháp, nào dám vặn hỏi. Vua Minh Đế liền rời tòa, cúi lạy Pháp sư, thưa: Đệ tử chúng con luân hồi sinh tử, chìm trong sông ái, giờ mới thấy chánh pháp truyền đến phương Đông, xin Pháp sư rũ lòng từ mở bày chánh pháp. Pháp sư im lặng nhận lời. Vua ra lệnh cho đại chúng, ai muốn cầu pháp hãy đến gần Pháp sư. Đại chúng liền vây quanh Pháp sư, lặng lẽ lắng nghe. Pháp sư dùng tiếng vi diệu khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật, bảo đại chúng khen ngợi Tam bảo và pháp lành, rồi Pháp sư giảng pháp nhân duyên trời người địa ngục, hoặc giảng pháp A tì đàm của tiểu thừa, hoặc giảng pháp Đại thừa, hoặc giảng pháp sám hối diệt tội, hoặc giảng pháp công đức xuất gia. Được nghe pháp đại chúng đều thấy kỳ diệu. Lúc ấy tư không Dương Thành Hầu, Lưu Thiện Tuấn thưa: trí tuệ của đại đức như biển lớn, chúng con không thể vượt qua, xin cho chúng con được xuất gia, thờ phụng đại đức. Pháp sư nói: đại chúng phát tâm xuất gia là duyên nghiệp giải thoát. Các vị đều bị ràng buộc theo pháp vua, ta không thể cho phép. Vua Minh Đế liền thưa: từ xưa đến nay đệ tử không phân biệt chân ngụy, không có trí tuệ, nhờ gương sáng của Pháp sư chiếu rọi mới biết được cội nguồn thật tướng. Ở đây có đạo sĩ, quan dân, nếu ai xin xuất gia, đệ tử đều chấp thuận, xin cung cấp ba y và bình bát, xây tinh xá để họ học đạo. Pháp sư khen: Hay thay! Hay thay! Công đức của bệ hạ thật khó lường.

Được vua cho phép mọi người đều vui mừng, sáu trăm hai mươi đạo sĩ như Lữ Tuệ Thông đều xuất gia. Đạo sĩ Chữ Tín, Phí Thúc Tài chết ở đại hội, sáu mươi tám đạo sĩ ở Nam nhạc lo chôn cất họ nên không dự nghe pháp, không được xuất gia, chín mươi ba vị quan từ ngũ phẩm trở lên như Dương Thành Hầu, Lưu Thiện Tuấn xuất gia, một trăm bảy mươi lăm vị quan thị vệ cửu phẩm trở lên như tướng quân Chấn Viễn, Khương Tuân Nhi xin xuất gia, một trăm hai mươi mốt dân thường xin xuất gia vào ngày mười sáu. Nhà vua cắt tóc cho người xuất gia, ngày đêm cúng dường, trỗi nhạc, đến ngày ba mươi thì y phục và bình bát bắt đầu chuẩn bị xong. Vua xây mười ngôi chùa, bên ngoài bảy ngôi, bên trong thành ba ngôi, bảy chùa cho tăng, ba chùa cho ni. Phật pháp đời Hán hưng thịnh từ đó.

Hán pháp bản nội truyện gồm năm quyển.

- Quyển 1: Minh Đế cầu pháp.
- Quyển 2: Thỉnh Pháp sư xây chùa.
- Quyển 3: Tỉ thí, độ thoát đạo sĩ.
- Quyển 4: Minh Đế, đại thần khen ngợi.
- Quyển 5: Lưu truyền rộng rãi.
- Truyền pháp ký một quyển.

Năm Kỷ sửu, niên hiệu Kiến Hòa năm thứ ba đời Hán Hoàn Đế, có Sa-môn An Thanh, là thái tử nước An Tức, bỏ ngôi xuất gia, du hóa khắp nơi, đến Lạc dương, dịch các kinh điển. Năm Bính Thìn, niên hiệu Gia Bình năm thứ năm đời Hán Linh Đế, Sa-môn Lâu-ca-sấm, người nước Nguyệt Chi, đến Lạc dương, dịch các kinh điển. Năm Kỷ Mùi, niên hiệu Quang Hòa năm thứ hai đời Hán Linh Đế, Sa-môn Trúc Phật Sóc, thừa tướng nước Nguyệt Chi, bỏ tướng vị, mở mang Phật đạo, khai hóa chúng sinh, đến Lạc dương dịch các kinh điển. Theo Ngụy Thư, vào năm Nhâm Dần, niên hiệu Hoàng Sơ năm thứ ba đời Văn Đế, có Sa-môn Đàm-ma-ca-la, người Thiên Trúc, đến Hứa đô dịch kinh, giới luật. Từ niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười, đời Hán Minh Đế đến niên hiệu Hoàng Sơ năm thứ ba đời Ngụy Văn Đế là một trăm năm mươi năm.

Theo Ngô Thư, vào năm Tân Dậu, niên hiệu Xích Ô thứ tư đời Tôn Quyền làm chủ nước Ngô, Sa-môn Khương Tăng Hội, người nước Khương Cư, con lớn của đại thừa tướng, mở mang chánh pháp, du hóa mọi nơi, khi đến nước Ngô, Sa-môn lập am tranh, thờ tượng Phật, hành đạo. Lúc đầu người Ngô cho là yêu dị. Hữu Tư dâng sớ, Ngô chủ nói: Hán Minh Đế nằm mơ thấy Phật, đây có phải thuộc phong giáo đó không? Vua liền cho mời Khương Tăng Hội vào cung, hỏi: Phật có kinh

nghiệm gì? Linh tích của Phật ẩn hơn ngàn năm, chỉ còn xá-lợi, người thành tâm cầu sẽ hiện. Vua nói: Nếu được xá-lợi thì sẽ xây tháp thờ, còn nếu luống dối sẽ bị hình phạt. Tăng Hội đáp: Xá-lợi thương xót, cầu là hiển linh, nếu không cảm ứng nguyện xin chịu tội chết. Thế rồi, Pháp sư thành tâm Cầu khẩn suốt hai mươi mốt ngày thì được xá-lợi đủ năm sắc rực sáng. Ngô Vương đặt xá-lợi trên tấm sắt, sai lực sĩ cầm chày sắt đập, lập tức tấm sắt và chày sắt đều bị vùi trong đất, xá-lợi vẫn nguyên vẹn. Vua lại bỏ xá-lợi vào lửa đốt, xá-lợi càng rực sáng, tạo thành hoa sen soi khắp cung điện. Vua tôn kính Pháp sư, xây chùa Kiến sơ, lập tháp bảy báu thờ xá-lợi, nơi đó được gọi là làng Phật-đà. Pháp Phật được hưng thạnh ở Giang đông từ đó. Từ niên hiệu Hoàng Sơ năm thứ ba đến niên hiệu Xích Ô năm thứ tư là một trăm bảy mươi năm. Khương Tăng Hội là vị tăng đầu tiên trên đất Ngô, giáo pháp đầu tiên được truyền đến đất này. Vua Ngô hỏi Thượng thư Lịnh Kiền Trạch: Từ khi Hán Minh Đế mơ thấy Phật, sai các đại thần đi cầu giáo đến nay đã bao nhiêu năm. Kiền Trạch thưa: Đã một trăm bảy mươi năm. Vua hỏi: Phật giáo truyền vào đất Hán đã lâu sao giờ mới đến Giang Đông? Kiền Trạch kể lại việc các đạo sĩ và hai Pháp sư tỉ thí vào niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn cho vua Ngô nghe. Vì các đạo sĩ ở Nam nhạc không nghe pháp, không xuất gia, nên chánh pháp không được truyền bá. Lại vì binh biến liên miên nên hơn trăm năm qua giáo pháp không được truyền bá. Giờ đây nhờ Pháp sư Tăng Hội mà giáo pháp được truyền đến Giang đông. Vua hỏi: Khổng Khâu, Lão Tử có sánh bằng Phật không? Giữa niên hiệu Kiến An thần có đến Lạc dương học, đến chùa Pháp cử tham bái, gặp Pháp sư giảng kinh đại thừa, thần yêu thích nên ở lại ba năm, theo thần Phật là pháp vương vô thượng, các Thánh đều nương, chỉ dạy tất cả, thương yêu mọi loài, sâu như biển lớn không phân biệt dòng nhỏ, sáng tựa ánh mặt trời mặt trăng nào chê đèn đuốc, tùy cơ giáo hóa, được trời người tôn kính. Trời có đức bao dung, đất có công năng chuyển, đều nhờ năng lực Phật. Xét Khổng Khâu nước Lỗ, là bậc tài giỏi, thánh đức siêu phàm, được đời tôn là Tố Vương, biên soạn kinh điển, dạy bảo khắp nơi, nho phong được truyền bá. Còn có các vị khác như Hứa Thành tử, Quảng Thành tử, Nguyên Dương tử, Liệt tử, Trang tử đều tu thân, ở trong hang cốc, tự tại tu học, nhưng mọi việc làm trái với nhân luân không phải an đời độ dân. Vì thế người xưa cho là xấu. Đến khi Hán Cảnh Đế xét các học thuyết, thấy kinh điển của Hoàng tử, Lão tử sâu xa nên lập ra đạo học, lệnh quan dân đều đọc tụng. Nếu so sánh giữa học thuyết Lão tử và pháp Phật thì cách nhau

quá xa. Vì sao? Vì học thuyết của Lão Khổng không dám trái mệnh trời, pháp Phật thì chư Thiên đều tôn thờ. Ngô Vương hỏi: Pháp linh bảo của đạo tiên ra sao? Kiền Trạch đáp: Linh bảo: Không có dòng tộc, không có nơi thành đạo. Chỉ là học thuyết của kẻ ở trong hang núi, không phải pháp của bậc Thánh. Ngô Vương khen ngợi: Khanh học rộng hiểu sâu, phong thêm chức thái phó.

Theo Hậu Lương Thư, niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ mười chín, Tần chủ Phù Kiên sai chinh tây tướng quân Lữ Quang kéo quân đánh nước Quy Tư. Đến Lương châu nghe Tần chủ bị hại, Lữ Quang liền xưng đế ở đó. Pháp sư La-thập dịch kinh Đại Hoa Nghiêm ở đây. Niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ hai Pháp sư được mời về Trường an, pháp Phật lúc này rất thịnh. Niên hiệu Đại Hưng năm thứ ba đời Tấn, Sa-môn Đàm-ma-sấm đến Lương châu, dịch các kinh điển, nhưng không dịch phẩm giới vì cho rằng người Hán không giữ được. Có một Tỳ-kheo đọc kinh không thấy phẩm giới liền thành tâm cầu khẩn. Đang nửa đêm một đạo nhân đến truyền giới, Tỳ-kheo đắc giới, thường tụng đọc, giữ gìn. Sau thưa với Pháp sư Đàm-ma-sấm, nhờ chỉnh lại giới mình đã thọ trong mơ. Biết giới Tỳ-kheo tụng không sai, Pháp sư khen: Hay thay, đại đức! Ta sợ người Hán không giữ được giới nên không dịch. Nay đại đức cầu đắc giới, như vậy đất Hán hẳn có người giữ giới, phẩm giới được lưu hành từ đó (tức niên hiệu Long An năm thứ tư đời Tấn). Từ đó về sau mỗi năm đều có Sa-môn Tây Vực đến truyền pháp. Tháng bảy năm Canh Tý, niên hiệu Chánh Quang năm thứ nhất đời Ngụy, vua đại xá thiên hạ, ngày hai mươi ba thiết trai cúng dường tăng ni. Thọ trai xong, vua bảo thị trung Lưu Đằng hạ chiếu cho Pháp sư và đạo sĩ hùng biện để trừ nghi. Đầu tiên là đạo sĩ Khương Bân và Pháp sư Đàm Mô chùa Duy Giác hùng biện. Vua hỏi: Phật và Lão tử có sinh cùng thời hay không? Họ Khương cười đáp: Khi Lão tử qua phương Tây hóa độ người Hồ, Phật là thị giả, như vậy là cùng thời. Pháp sư hỏi: Dựa vào đâu để biết? Theo kinh Lão Tử Khai Thiên. Lão tử sinh vào năm nào? Sang Tây Vực năm nào? Lão tử sinh giờ Tý ngày mười bốn tháng chín năm Ất Mão ở làng Khúc nhân huyện Khổ, quận Trần, nước Sở, tức đời Chu Định Vương năm thứ ba. Năm Đinh Sửu, đời Chu Giản Vương năm thứ tư làm quan giữ kho, năm Bính Tuất được làm thái sử. Năm Canh Thìn, đời Chu Kính Vương năm thứ nhất, sang Tây Vực độ người Hồ. Pháp sư nói: Phật giáng sinh ngày tám tháng tư năm Giáp Dần, đời Chu Chiêu Vương năm thứ hai mươi bốn, ba mươi tuổi thành đạo, độ sinh bốn mươi chín năm, ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm Dần, đời Chu

Mục Vương năm thứ năm mươi hai thì Niết-bàn. Từ lúc Phật Niết-bàn đến năm Chu Định Vương thứ ba là ba trăm bốn mươi lăm năm, Lão tử thọ sinh năm này, sau bốn trăm hai mươi lăm năm Lão tử qua Tây Vực, như vậy làm sao Phật làm thị giả. Khương Bân đáp: Theo văn kinh khai thiên là vậy, điều Pháp sư nói e không thỏa đáng. Pháp sư đáp: Phật là Đấng Pháp Vương nên từ Đâu-suất giáng thần vào cung vua, đủ mọi phước lành, hóa độ sáu đường, tam thiên đại thiên, đi thì có hoa vàng nâng chân, ngồi thì có đài sen bảy báu, ra thì có Đế thích bảo hộ, vào thì có Phạm thiên theo hầu, bên trái thì có mật tích trừ tà ác, bên phải thì có Kim Cang diệt ma, vô số Bồ-tát làm pháp tử, vô lượng Thanh văn làm thánh chúng, Tứ Thiên vương hộ thế ngày đêm bảo vệ, tám bộ trời rồng sớm tối phụng thờ, nhạc trời trỗi vang, hoa trời tuôn cúng, sư tử gầm rống ngoại đạo quy phục, tiếng pháp vang lên tà ma theo về, vì sao làm thị giả cho quan lại nhà Chu. Nếu Lão tử có khả năng sao không hóa hiện thần thông ở đất Chu mà phải trốn sang đất Hồ. Đức nhà Chu tuy suy vi nhưng nhờ phong hóa của các vua Văn, Vũ, Thành, Khang sao không thêm thần biến, hiển thuốc pháp. Như thế chẳng khác nào gió giữa rừng cây, cần gì phải tránh né, huống gì Đấng Pháp Vương cách thời Lão Tử những hơn bốn trăm năm.

Nay nói là cùng thời, làm thị giả thì thật sai lầm, kinh Khai thiên mà vị đưa ra có đáng tin cậy không. Đạo sĩ hỏi: Căn cứ vào đâu để biết năm sinh diệt của Phật? Căn cứ Chu Thư Dị Ký và Hán Thư Pháp Bổn Nội truyện. Các bậc quân tử đều rõ, không cần nói cho ông. Đạo sĩ hỏi: Khổng Tử đã được tôn là bậc Thánh chế pháp sao không nói gì về Phật? Ông đã không biết cần gì phải mượn Khổng tử. Nếu ông không tin, hãy xem trong kinh Tam Bị Bốc của Khổng tử sẽ rõ. Khổng Tử là bậc Thánh tự biết, cần gì phải bói? Chỉ có Phật là Đấng Pháp Vương trong các bậc Thánh, là đấng tối tôn của bốn loài, soi thấy mọi loài, biết rõ đầu mối nên không cần bói, các bậc Thánh khác tuy hiểu lý nhưng phải hờ mai rùa để nói quẻ. Vua liền hạ lệnh đạo sĩ Khương Bân trình bày không có y cứ, hỏi đạo sĩ: Kinh Khai Thiên có từ đâu, ai giữ? Thần thấy kinh ở đạo sĩ Trương Tường. Vua hỏi: Hiện ở đâu? Ở đạo quán. Vua liền sai trung thư thị lang đến đạo quán lấy về. Vua sai một trăm bảy mươi quan văn võ như thái úy Công Túc Tôn, thái phó Lý Thật... cùng đọc. Đọc xong các quan thưa Lão tử chỉ viết năm thiên, khi ẩn dật phương Tây không viết gì nữa. Sách này luống dối, lại nói Lão tử hóa độ người Hồ, giảng mười hai bộ kinh. Theo chúng thần Khương Bân mang tội mê hoặc mọi người. Vua bảo đạo sĩ: Các khanh từ xưa đến nay chuyên học

pháp này, sao gọi là cầu đạo? Các đạo sĩ thưa: Chúng thần không có sách này, hôm nay mới nghe Khương Bân nói. Vua sai các quan đến tìm ở đạo quán, quả nhiên không có sách ấy. Vua bảo: Khương Bân đáng tội, giam vào nhà lao chờ xử trảm. Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi tâu với vua: Bệ hạ vừa đại xá, ân đức thấm nhuần thiên hạ, hôm nay lập trai đàn để tạo phúc, hạ lệnh hùng biện để phân chân ngụy. Khương Bân tuy đáng tội nhưng nếu bệ hạ xử tội thì e trái ý trời. Vua nói: Đệ tử đọc kinh, thấy ghi rằng: Lúc Phật làm vua, giết năm trăm Bà-la-môn mà không phạm giới. Nay Khương Bân phạm tội, làm loạn triều chính nếu không xử thì hậu họa khó lường. Pháp sư hết sức khuyên can Khương Bân được miễn tội chết nhưng bị đày về ấp Tỷ mã.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 192

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC

SỐ 2106

(QUYỂN 1 → 3)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2106

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC

Soạn giả: Đời Đường, niên hiệu Lân Đức năm thứ nhất, núi Chung nam, Thích Đạo Tuyên.

QUYỂN 1

Lợi ích của Tam bảo đã có từ lâu nhưng còn sự tranh chấp kính tin, hủy báng cho nên có duyên cảm ứng. Từ đời Hán đến đời Đường hơn sáu trăm năm, tướng linh hiển được ghi chép khá nhiều, thần hóa khắp nơi, tùy cơ hiển hiện, ánh sáng ẩn hiển, khai hóa một thời, ảnh tượng bao dung, trần tích muôn đời, hoặc thấy ở quá khứ, hoặc hiển ở tương lai, soi sáng đạo tục, khởi phát lòng tin. Xin tóm thâu thành ba quyển: Xá-lợi Hiện Tháp, Linh Tượng, Chùa Thánh Kinh Lành Thần Tăng.

Xá-lợi hiển tháp

Ngày xưa, có lần Phật đi khất thực, một đứa bé đang chơi cát bên đường, thấy Phật đứa bé liền lấy cát làm cơm dâng cúng Phật. Phật nhận cát, bảo thị giả đem về trét lên vách phòng của Phật. Phật thọ ký: Sau khi ta diệt độ một trăm năm, đứa bé này sẽ làm vua ở Diêm-phù-đề, quỷ thần trong vòng bốn mươi dặm đất vua đều thuần phục. Vua cho lấy xá-lợi trong tám ngôi tháp, sai quỷ thần xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp trong một ngày đêm (có nói trong kinh, không cần ghi lại). Xá-lợi là tiếng Phạm, Hán dịch là thân cốt. Một ngôi tháp ở Cối Kê đời Tây Tấn, một tháp ở Kim lăng đời Đông Tấn, một ngôi tháp ở Đông thành, Thanh châu, Thạch triệu, một ngôi tháp ở Hà đông đời Diêu Tần, một ngôi tháp ở phía Tây núi Kỳ sơn, Kỳ châu nhà Chu, một ngôi tháp

ở phía Đông thành Qua châu nhà Chu, một ngôi tháp ở chùa Đại thừa trong thành Sa châu nhà Chu, một ngôi tháp ở phía Tây cố đô Lạc châu nhà Chu, một ngôi tháp ở huyện Cô tang, Lương châu nhà Chu, một ngôi tháp ở huyện San đan, Cam châu nhà Chu, một ngôi tháp ở phía Nam núi Tiêu sơn, Tấn châu nhà Chu, một ngôi tháp ở phía Đông thành Đại châu nhà Đề, một ngôi tháp ở chùa Phúc cảm, Ích châu nhà Tùy, một ngôi tháp ở huyện Tấn nguyên, Ích châu nhà Tùy, một ngôi tháp ở chùa Khởi hóa, Trịnh châu nhà Tùy, một ngôi tháp ở chùa Diệu lạc, Hoài châu nhà Tùy, một ngôi tháp ở huyện Du xã, Tịnh châu nhà Tùy, một ngôi tháp ở huyện Tâm trung, Ngụy châu đời Tùy, một ngôi tháp ở Sơn xuyên, Thần châu.

Tháp thứ nhất: hiện ở huyện Lưu cách Việt châu ba trăm bảy mươi dặm về phía Đông, cách biển bốn mươi dặm về phía Đông, bảy mươi dặm về phía Đông nam, cách thôn Ngô hai mươi lăm dặm về phía Nam. Tương truyền niên hiệu Đại Khang năm thứ hai đời Tấn, ở Tịnh châu có người tên Lưu Tát Hà, sinh sống bằng nghề săn bắn. Họ Lưu bị bệnh nặng, rồi chết, mơ thấy một vị tăng Ấn Độ bảo: Tội ngươi rất nặng, phải đọa địa ngục, nhưng thương ngươi ngu si không biết nên thả cho về. Hiện ở Cối kê, thuộc Đan dương, có ngôi tháp cổ và tượng đá nổi do vua A-dục xây, ngươi hãy đến đó lễ bái sám hối để thoát khổ. Sau khi thức dậy, họ Lưu xin xuất gia học đạo, bỏ nghề săn bắn, pháp hiệu là Tuệ Đạt. Theo lời dặn Tuệ Đạt đi tìm nhưng không thấy nên rất buồn khổ. Đang đêm nghe tiếng chuông vang, Tuệ Đạt lần theo, chặt gỗ làm am tu. Ba hôm sau, bỗng nhiên có ngôi tháp báu chứa xá-lợi nổi lên. Tướng tháp như đá nhưng không phải đá, tháp cao một thước bốn tấc, vuông bảy tấc, có năm tầng như tháp ở Vu-điền, xung quanh treo chuông trời, ở giữa có khánh đồng. Tiếng chuông vang tức là tiếng khánh này. Thân tháp là hình tượng của Phật, thánh tăng, Bồ-tát thu nhỏ, nếu nhìn kỹ thì có cả trăm ngàn tượng đủ cả mặt mũi tay chân. Đó là thần tích, con người không thể làm được. Hiện nay, tháp gỗ ở ấp Thăng tuần, ai thấy tháp đều cúi lạy, niệm Phật. Xá-lợi ở tầng dưới của tháp. Bên trái tháp có nhiều cổ tích, ở huyện Chư kí, do bốn huyện hợp lại mà thành. Cách một trăm lẻ bảy dặm về phía Đông bắc có thành Cổ việt, thành rộng ba dặm. Địa ký chép: Giữa thời nhà Việt xây kinh đô ở đó, vẫn còn nền đất. Ở đó thường có tiếng chuông vang lên vào ngày cuối tháng, dân chúng rất tôn kính. Cách huyện Chư Ký một trăm dặm về phía Tây bắc, làng Tân nghĩa có Hứa Công Nham. Theo địa chí: Đời Tấn, Cao Dương Hứa Tuân tự Huyền Độ kết bạn với Sa-môn Chi

Đạo Lâm. Họ thường ngao du sơn thủy mà đến ở đây. Vua mời không đến, sau đến Kiến nghiệp. Lưu Thán làm Đan Dương Doãn, nổi tiếng ở đương thời, tạo tượng suốt mấy hôm. Khen rằng: Nay thấy Hứa Công, khiến ta thành kẻ khinh bạc. Sau lập am ở đó, đến đời Lương am vẫn còn. Lưu Doãn thường đến am này, nói: Gió mát trăng thanh, cùng nhớ Huyền Độ. Cách huyện Cú chương một trăm ba mươi dặm về phía Tây nam, có các núi Thiên thai, Xích thành, là núi nổi tiếng trong thiên hạ. Cách phía Đông bắc một trăm bốn mươi dặm, có đường Sa Đường, rộng mấy trượng, ra tận đến biển. Theo Đạo Xí đó là đường Tần Hoàng đuổi tiên sinh An Kỳ đến chỗ nước sâu mới thôi. Thành cổ huyện Lưu cách Cú Chương hơn ba trăm dặm về phía Đông, là đô thành của Mân Việt. Tháp ấy ở làng Hiếu Nghĩa. Theo Địa chí: Vua A-dục xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp, đây là một trong số những ngôi tháp đó. Sau, quan Cối Kê nhà Tống sửa chữa lại, trên núi có ao đá rộng ba thước, nước trong vắt, mùa đông thì ấm, mùa hè thì mát. Theo Dư địa chí thì A-dục là đệ tử Đức Thích-ca có khả năng sai khiến quỷ thần xây tám vạn bốn ngàn tháp thờ xá-lợi Phật trong một ngày đêm.

Theo Sa-môn Trúc Tuệ Viễn, phương Đông có hai tháp: Một ở đây, một ở Bành việt. Giờ lại có một tháp nữa, thành ba. Đây là y cứ chính xác. Theo Cối Kê ký: Thừa tướng Vương Đạo đời Đông Tấn nói: Lúc mới qua sông, một đạo nhân dung mạo bất phàm nói từ biển vào, đã cùng vua A-dục xây tháp xá-lợi trấn ở biển này. Vua A-dục và các đạo nhân xây tháp bay ra biển, các đệ tử xin theo biến thành đá đen, đá có hình người, tháp ấy ở núi Thiết vi. Thái thú Chử Phủ Quân nói: Theo những người đi biển kể lại trên đảo có đá đen hình tu sĩ, và y phục. Thái thú sai đào mang về xem, vân đá y như nếp áo ca sa. Biển đông không xa, đảo là nơi vua Từ Yển lánh nạn, vẫn còn nền cung thành. Xưa Chu Mục Vương tuần hành về phía Tây, đến núi Côn lôn, nghe thấy Yển Vương liền đuổi theo, Yển Vương lẫn tránh. Tấn Tôn Ấn tạo phản, dùng yêu thuật mê hoặc dân chúng, xây thành tự vệ, nay thành vẫn còn. Niên hiệu Phổ Thông năm thứ ba đời nhà Lương, vì trọng cổ tích, vua cho xây chùa lấy tên là A-dục Vương. Xung quanh chùa là núi sông rừng suối, là nơi hưởng nhàn, có bia ghi lại. Cách ba mươi lăm dặm về phía Đông nam, trên núi có dấu chân phải của Phật, cách hai dặm về phía Đông bắc trên núi có dấu chân trái của Phật. Cách hai dặm về phía Bắc của chùa có giếng thánh, vốn là ao cá, người đời gọi đó là Bồ-tát cá. Người đến lễ bái, cá nổi lên. Một hôm bọn cướp giả đến lễ bái, cá nổi lên, chúng liền đâm, cắt đứt đuôi cá, từ đó cá không hiện lên nữa. Ai dốc

lòng cầu khẩn thì nổi bọt mà thôi. Một vị tăng đến lễ bái, vì thiếu thức ăn nên khó bảo toàn, một bà lão què chân đến dâng thức ăn rồi biến mất, đó là con cá biến hiện. Những việc linh nghiệm thì quá nhiều, chỉ kể vài câu chuyện. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười chín, Pháp sư Mẫn Đạo cao đức trọng, đồ chúng theo học rất đông, Pháp sư đến chùa này giảng kinh suốt một tháng, người nghe rất nhiều. Đang đêm có người thấy tu sĩ Ấn Độ kinh hành quanh tháp nên thưa lại với chư Tăng, nhưng việc này chẳng có gì lạ, xưa nay thường xảy ra. Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ nhất, ẩn sĩ Trương Thái Huyền đến chùa tụng kinh, Sa-môn Trí Duyệt ngủ chung với Thái Huyền, đang đêm nghe tiếng tụng kinh Kim Cang Bát-nhã rất rõ, hai người lắng nghe. Đến khi nghe tụng xong, hai người đi tìm, nhưng không thấy ai, mới biết là thần trao.

Tháp thứ hai: ở huyện Giang ninh, Nhuận châu. Tháp ở trong chùa Trường can phía Đông thành Cổ việt. Cuối đời Tây Tấn , gọi đất Giang nam là nước Ngô, trong đất Trường can có ngôi tháp cổ do vua A-dục xây. Khi Tôn Lâm chấp chính phế bỏ chùa Phật, tháp bị cháy, xá-lợi ẩn trong đất. Sau khi nước Ngô bình định, chư Tăng xây tháp ba tầng trên nền tháp cũ, nhưng không đúng, vì không ai biết. Niên hiệu Hàm An năm thứ hai đời Đông Tấn, Giản Văn xây tháp ba tầng, Hiếu Vũ treo hình bánh xe vàng lên đỉnh tháp. Theo Minh Tường Ký: Giản Văn định xây nhưng chưa xây xong thì mất. Nghĩa là tháp này được xây từ thời Giản Văn đến thời Hiếu Vũ mới xong. Sa-môn Lưu Tuệ Đạt y cứ tăng truyện đi tìm tháp nhưng không biết nơi nào. Sa-môn lên thành Việt nhìn, thấy ở Trường Can có khí lạ, liền đến ở đó. Đang đêm thấy ánh sáng soi chiếu, Sa-môn theo dấu vết tìm kiếm, đào sâu xuống đất khoảng vài trượng, thấy ba tấm bia dài sáu thước, bia giữa rỗng bên trong, có ba hộp sắt, vàng, bạc, trong hộp vàng có ba hạt xá-lợi và một móng tay, một sợi tóc kéo dài mấy thước, xoắn hình ốc, đó là vật do vua A-dục chôn cất. Sa-môn liền xây một tháp mới, Hiếu Vũ xây thêm thành ba tầng. Vì thế trong chùa có hai ngôi tháp, phía Tây là tháp của vua A-dục. Đan Vương Doãn Vương Nhã dâng năm đấu gạo, cho là tà đạo nên hạ chiếu phá hủy chùa tháp. Nhã đến xem, Sa-môn đặt xá-lợi trong bình bát, đến trước mặt Nhã, Sa-môn lật úp bát, xá-lợi không rơi ra, lại dâng hương cầu Phật hiển linh, thấy vậy Nhã tuy không thành tâm nhưng từ đó về sau không còn hủy báng pháp Phật nữa. Đến đời Lương, nghe nói pháp vua lập pháp hội vô ngại, hạ chiếu rằng: thiên hạ hưng thịnh theo thời, muôn vật sinh diệt, nhị nghi không thể luôn che chở nên thay đổi theo ngày tháng năm rồi dân chúng đói khát vì mất mùa, xét

rõ nguồn gốc là do trẫm, cần phải đổi mới. Kinh Dịch nêu: Tùy thời nghĩa lớn. Nay xá-lợi Phật hiện ở đời, thật là việc ít có, khó tưởng tượng. Trẫm xin lập pháp hội ở chùa A-dục để dân quan đều vui như đói được ăn, người thân lâu ngày được gặp, u hiển trở về, xa gần kính ngưỡng, trai gái tập trung, ban bố công đức. Tất cả mọi việc, tội nặng tội nhẹ đều được ân xá. Nay ở đất Giang ninh còn nền tháp ba tầng và chùa Phật, xung quanh hoang rậm, không ai đến được. Những rắn rít ở nền tháp đều bị chết, người ít, cỏ rậm, thú dữ nhiều, làm ô uế tháp Phật. Cách Vĩnh An bảy, tám dặm có chùa Nhật nghiêm, do vua Tùy Dạng Đế xây dựng, có tháp nhưng chưa có xá-lợi, nên đem xá-lợi ở tháp Trường can về tháp chùa Nhật nghiêm, bên trên có khắc bia. Lúc ấy hơn năm mươi vị đại đức ở Giang nam đều cho rằng đó không phải là xá-lợi mà vua A-dục đặt. Xá-lợi mà A-dục đặt là ở chùa Trường can, việc này chưa biết đúng sai thế nào. Đến niên hiệu Vũ Đức năm thứ bảy chùa Nhật nghiêm bị phế, tăng chúng đi mất, chùa do quan giữ, nhưng tháp xá-lợi không ai trông coi. Mười vị Sư dời đến Sùng Nghĩa, đào thấy ba hạt xá-lợi to bằng hạt thóc màu trắng, một móng tay ngã màu vàng, mấy mươi sợi tóc, lại có lưu li và các châu báu khác, tất cả được đựng trong hộp bằng đồng. Móng tay ấy nhỏ giống người thường nên nghi không phải của Phật. Vả lại tất cả xá-lợi ở tháp chùa Sùng Nghĩa vốn được đựng trong hộp bằng đá. Mọi người đều cho đó là móng tóc của Lương Vũ Đế. Như vậy xá-lợi thật có nghi vấn. Nhưng tháp cổ ở Giang nam vẫn còn những thần tích. Tuy có hai thuyết khác nhau nhưng vì ngày tháng thay đổi người đời sau khó lường. Xin trình bày để dễ quyết đoán.

Tháp thứ ba: Các đời Chu Tần không biết ở đâu, đời Thạch Triệu, Tôn giả Phật Đồ Trừng đến đất Nghiệp, có người họ Hổ muốn xây chùa tháp. Tôn giả bảo: Trong thành Lâm truy có chùa A-dục Vương, trong đó vẫn còn tượng Phật, bên trên có đá, có thể tìm được. Hổ sai người tìm quả thấy trong lòng đất khoảng hai mươi trượng, vì muốn biết nơi xưa, Tuệ Đạt ứng mộng bảo rằng: Lạc dương, Lâm Truy, Kiến Nghiệp, huyện Lưu, Thành đô đều có tháp do vua A-dục xây. Người lạy tháp này không đọa địa ngục, đó là việc thật.

Tháp thứ tư: Đời Hậu Tần, chú của Diêu Lược làm vua nhà Tấn, trấn giữ Hà Đông. Tương truyền: Tháp cổ Bồ Phản do vua A-dục xây dựng, thường phát ra ánh sáng. Khi đào lên, quả thật có xá-lợi Phật đặt trong hộp bạc trong tráp bằng đá, họ dâng lên vua, vua đích thân đón rước. Tại chùa Cứu khổ, Đông phản, Bồ châu, chư tăng lập tượng rất lớn nhưng tháp không còn.

Tháp thứ năm: Cách Vũ Đình Xuyên mười dặm về phía Đông, cách huyện Kỳ sơn hai mươi dặm về phía Tây, cách sông Vị thủy ba mươi dặm về phía Nam, cách Kỳ sơn hai mươi dặm về phía Bắc. Còn có tên là núi Mã ngạch, ở phía Bắc núi lớn. Các phía đều có núi, phía Nam khác phía Bắc nên tên núi là Kỳ sơn. Cách hơn hai mươi dặm về phía Tây bắc có suối Phụng tuyền, nằm trên núi Kỳ sơn, thời Chu Văn, chim kêu ở đất này, uống nước suối này nên có tên là Phụng tuyền. Sau đó chim bay về Hà trì, nay là quận Hà trì thuộc Phụng châu. Về nguồn gốc ngôi tháp thì chùa hư tăng mất, cảnh vật suy tàn, khó biết được. Tháp Bình Nguyên vốn gọi là chùa A-dục, ở làng Liệu truyền, chính là tên núi phía Bắc. Từ thời Chu Ngụy trở về trước chùa có tên là A-dục vương, tăng chúng có hơn năm trăm vị, sau nhà Chu diệt pháp, chùa chỉ còn hai căn, nhà Tùy đặt tên là chùa Thành thật. Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, tăng chúng ít nên bỏ chùa, về trụ chùa Bảo xương ở kinh đô. Niên hiệu Nghĩa Minh năm thứ hai đời Đường, sư Phổ Hiền xin xây lại chùa, thừa tướng cảm kích, đặt tên chùa Pháp môn. Đến niên hiệu Vũ Đức năm thứ hai, trải qua bao lần binh biến, chùa có tám mươi tăng nhưng chưa có trụ trì, sư Tuệ Nghiệp chùa Bảo xương xin về đó. Thời gian trôi qua chùa bị hoang phế, hỏi nguyên nhân mới biết cuối niên hiệu Đại Nghiệp giặc cướp nổi lên, dân chúng không an nên xây thành để giữ. Đầu đời Đường đốt phá tất cả, chùa chỉ còn hai căn. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm, thứ sử Trương Lượng kính tin, đến chùa lễ bái, dâng sớ về tháp cổ, được vua cho phép, tháp được xây dựng. Tương truyền tháp này bị đóng cửa suốt ba mươi năm. Vì muốn gieo giống lành cho mọi người nên giữa niên hiệu Trinh Quán vua cho mở cửa tháp. Khi đào tháp thấy hai bia đá được xây dựng vào thời Chu Ngụy nhưng văn không rõ nên không ghi lại. Mọi người được thấy xá-lợi, có một người mù nhờ ánh sáng mắt bỗng nổ tung, nhìn thấy mọi vật. Ai nấy đều thấy theo mắt mình, người thấy xá-lợi màu ngọc trắng, người thấy là màu xanh. Người không thấy thì hỏi ở đâu. Có một người vì không thấy xá-lợi nên buồn bã khóc than, mọi người bảo người ấy cố gắng sám hối tội lỗi, người này liền đốt ngón tay để cúng dường, rồi đi quanh tháp, nhờ tâm chí thành người này thấy được xá-lợi, vui mừng người ấy làm tắt lửa, rồi không thấy xá-lợi nữa. Tháng chín niên hiệu Hiển Khánh năm thứ tư, sơn tăng Trí Tông thấy tháp xưa cũ nên dâng sớ xin bảo hộ. Vua hỏi: Là vua A-dục hóa thân của đứa bé cúng đất đó sao? Nếu thật thì đó là một trong tám vạn bốn ngàn tháp. Sơn tăng thưa: Chưa biết thật hư, tương truyền đó là chùa A-dục vương, cứ ba mươi năm xuất hiện

một lần. Đầu niên hiệu Trinh Quán đã từng xuất hiện. Giờ đã đủ kỳ hạn xin hãy ứng hiện. Vua nói: Nếu có được xá-lợi thì trẫm nguyện đến tháp hành đạo bảy ngày, xin cho thấy điềm lành. Rồi cúng dường năm ngàn đồng tiền và năm mươi xấp lụa. Ngày năm tháng mười, Trí Tông và người hầu Vương Trường Tín rời kinh đô, đến tối mùng sáu thì đến tháp. Trí Tông vào tháp chuyên tâm khổ luyện, đến canh ba ngày mùng mười, Trí Tông đốt hương thành tâm cầu khẩn, chợt nghe có tiếng phát ra từ pho tượng, đến xem thì thấy ánh sáng phát ra từ các bức tượng với đủ màu sắc rực rỡ, tạo thành chiếc lọng báu. Trí Tông định mời chư Tăng đến thì thấy trong tháp có vô số chư Tăng đứng chắp tay, ánh sáng dần hạ xuống, cách đất ba thước thì chư Tăng biến mất. Lúc đó Trí Tông mới biết là Phật hiện, liền kêu người hầu cùng đến xem điềm lành. Sáng hôm sau họ thấy một hạt xá-lợi lớn hơn hạt gạo, tìm kỹ thì được bảy hạt nữa, tất cả đều sáng rực. Tông dâng sớ tâu vua, vua cấp ba ngàn xấp lụa, cho tạo tượng vua A-dục, và sửa chữa tháp, đặt tượng trong tháp. Như vậy khai hiển xá-lợi Phật là khai mở phước tuệ. Chư tăng sửa sang lại làm cho ngôi tháp cổ càng trang nghiêm. Ngày đầu mở tháp có hơn hai mươi người, ai nấy đều được thấy xá-lợi. Chỉ có một người không thấy. Người ấy buồn khổ bức tóc vổ đầu, khóc cầu, mọi người đặt xá-lợi trong bàn tay người ấy tuy cảm thấy nặng nhưng vẫn không nhìn thấy. Do đó những người đến yết kiến sợ không thấy xá-lợi, không dám thấy ánh sáng. Vài ngày trước khi chiếu chỉ đến, dân chúng ở phía Đông chùa thấy ánh sáng màu đỏ rực, người thì thấy cầu vòng vụt thẳng lên trời, người thì thấy ánh sáng như tranh vẽ. Chư Tăng tán tụng: Xá-lợi không lâu sẽ hiện điềm này như niên hiệu Trinh Quán. Xá-lợi như ngón tay nhỏ, dài một tấc hai phân, trong ngoài vuông vức, dưới bằng trên tròn sáng rực, đại chúng đều thấy ánh sáng khác thường. Lúc ấy dân quan, đạo tục từ kinh thành đến làng xóm trong vòng hai trăm dặm đều kéo về xem, khen ngợi đức của Phật. Thầy Tuệ Mẫn trụ chùa Từ ân ở kinh đô đến hành đạo, bỗng thấy một đôi mắt sáng rực nên kêu mọi người cùng đến chiêm ngưỡng. Đó là vào tháng ba niên hiệu Hiển Khánh năm thứ năm. Vua ra lệnh đưa xá-lợi về kinh cúng dường, lại có cả xương đỉnh của Phật cao năm tấc, rộng bốn tấc, màu vàng tía. Khi sắp đến kinh đô, vua mời bảy vị tăng về hành lễ. Chư Tăng nói: Đây là chân thật của Phật, chư Tăng nguyện tôn thờ cúng dường, sau một đêm chư tăng mới đưa vào cung. Hoàng hậu cúng dường một ngàn xấp lụa để làm quách bạc quan vàng đựng xá-lợi. Niên hiệu Long Sóc năm thứ hai đưa về tháp cũ. Vua ra lệnh chư tăng ở kinh đô và ở chùa tháp, cùng

quan dân hơn ngàn người cất xá-lợi trong hang đá, để ba mươi năm sau sẽ lại hiện điềm lành.

Ở thôn Vương trang làng Hoa dương huyện Kỳ sơn, Kỳ châu có một người tên Bằng Huyền Tự, người này không tin Phật pháp. Nghe xá-lợi Phật được cất gần đó, mẹ và anh đến lễ bái, Tự không cho đi, mẹ và anh vẫn đi. Khi về Tự tức giận nói: Việc này có công đức gì? Nếu xá-lợi có công đức thì tượng Phật trong nhà cũng có công đức, rồi đem tượng đốt, xem có linh nghiệm gì. Mẹ và anh can ngăn nhưng tượng đã bị cháy một nửa. Huyền Tự bỗng bị ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, Tự kể: Thấy mình đến một nơi như địa ngục, chim lớn bay đến mổ mắt, rúc thịt, bị thiêu đốt trong hầm lửa, đưa tay sờ mặt thì lông mày, râu tóc rụng rơi, nhìn thấy trời đất tối tăm, có người nói: Ngươi tự tạo tội không ai thay được. Huyền Tự không biết gì nên không trả lời, nói: Lửa đốt tâm tôi, rồi cứ chạy khắp nơi, lại bi đánh đập nêu cứ kêu xin sám hối. Ngày mười ba tháng hai Tự chạy đến chỗ tháp, thấy Pháp sư giảng kinh, chư tăng ni, dân chúng đều thấy Huyền Tự quì trước tháp khóc lóc sám hối tội không tin, pháp phạm hạnh ni, đánh tăng chúng, trộm trái cây. Sau đó Tự ngủ thiếp đi, biết giá trị của xương đỉnh Phật nên cúng bốn ngàn xấp lụa. Xương đỉnh hiện vẫn còn.

Tháp thứ sáu: Bị phá vào thời Chu, nhà Tùy phục hưng giáo pháp nhưng không sửa sang chùa. Sau xây tường quanh chùa tháp, thấy có phát ra ánh sáng, đạo tục đều tôn kính, cầu phước mong được ứng hiện.

Tháp thứ bảy: Triều Chu thấy có nền pháp, tương truyền đó là tháp do vua A-dục xây. Những người bị tai họa thường đến cầu phước ở đây.

Tháp thứ tám: Cách phía Tây thành một dặm, cách phía Nam chùa Bạch mã một dặm. Tục truyền đó là tháp do vua A-dục xây, nghi là do ngài Ca-diếp Ma-đằng đem sang để hàng phục tà đạo, hiển chánh đạo.

Tháp thứ chín: Theo các sách thì ở Cô Tạng có tháp do vua A-dục xây. Nhưng quận Cô Tạng nay thuộc Châu huyện. Theo Hán thư, Hà Tây có bốn quận. Trương dịch, Cô tạng, Tửu tuyền, Đôn hoàng, nhưng không rõ về tháp.

Tháp thứ mười: Cách một trăm hai mươi dặm về phía Đông Cam châu, gò đất bên đường lớn phía Bắc Nhược thủy tương truyền là tháp do vua A-dục xây, nhưng từ lâu đã bị hoang phá, nay ghi là tháp Cô tạng.

Tháp thứ mười một: Đạo tục xa gần đều cho đó là tháp của vua A-dục xây, tôi có đến đó. Địa thế rất lạ, không giống làng xóm.

Tháp thứ mười hai: Tục truyền đó là chùa A-dục vương, thời Chu ở đây thuộc đất Rợ phương Bắc (Bắc Địch). Như theo thơ cổ thì đây không phải là đất của Bắc Địch. Vốn là đất của người Hoa Hạ bị Bắc Địch xâm chiếm.

Tháp thứ mười ba: Ở phía Tây thành, vốn tên là Đại thạch, tương truyền: Quỷ thần vâng lời vua A-dục, dùng đá ở núi Tây làm nền tháp, xá-lợi đặt bên trong nên gọi là đại thạch. Đời Tùy, vua cho đào tháp nhưng chỉ thấy đá, không thấy đầu mối. Nhân mưa to gió lớn người ta đào một mảnh đá lại là ngọc báu. Đầu đời Đường, Luật sư Sần thấy di tích cổ nổi lên ngôi tháp cổ chín tầng, nay thuộc Ích châu. Những lúc lụt lội, hạn hán quan dân đến đây cầu cứu đều hiện ứng nên gọi là tháp Phúc Cảm. Tôi có đến xem quả đúng như lời đồn. Trộm cắp đến đây lấy trộm thì bị thần linh hại, hắn tự kêu lên, chư tăng đến cứu. Niên hiệu Vĩnh Hưng năm thứ nhất, Vương Nhan Tử đến tháp trộm vật, bỗng hai trụ đá khép lại, không thoát ra được. Một vị phạm tăng bảo hãy la lớn lên là có trộm, nếu không thì sẽ chết, tên trộm liền xướng lên vài tiếng, chư tăng trong chùa nghe cầu cứu chạy đến cứu, mới thoát ra được. Niên hiệu Trinh Quán có trận động đất, tháp sắp đổ, dân chúng lại thấy có bốn vị thần đưa lưng đỡ tháp. Một người giàu có thấy mặt tháp ngắn nên cúng ba trăm lượng vàng để sửa lại. Tự nhiên có mùi thơm bay ra thơm ngát một vùng, mười ngày sau mới hết.

Tháp thứ mười bốn: Cách Châu hơn một trăm dặm về phía Tây nam, hiện có ngôi chùa tên là Đẳng chúng, xưa tên là Đại thạch. Nhân duyên như trước, có người cho rằng cách Ích châu một trăm dặm về phía Bắc có ngôi tháp ở Huyện lạc, trong chùa Bảo hưng, vốn tên là Đại thach. Đầu đời Tùy có Pháp sư Đàm-ma-quật-xoa đến Đông Hạ lễ bái tháp do vua A-dục xây. Lễ bái xong Pháp sư về thành đô nghỉ, đêm đó nghe thấy tiếng động. Pháp sư hỏi, trong hư không có tiếng đáp: Mười hai thần vương theo bảo hộ Pháp sư, mai định trở về nên đến từ biệt Pháp sư. Pháp sư hỏi: Nếu thế sao không hiện thân, các thần liền hiện thân. Pháp sư vốn vẽ giỏi nên vẽ lại hình ảnh mười hai vị thần, sau Luật sư Sần cho khắc tượng gỗ thờ ở dưới tháp, hiện vẫn còn. Sa-môn Đạo Trác chùa Pháp Thành thấy tháp hoang phế liền xây tháp gỗ, xung quanh tháp có ba cái ao không biết sâu hay cạn nhưng là chỗ ở của ba con rồng nên không ai dám xem. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười ba, ba con rồng tranh đấu nhau, chấn động cả đất trời. Sau trận chiến ngôi tháp vẫn

nguyên vẹn, mọi người nhặt lông rồng dài ba thước, màu vàng đỏ.

Tháp thứ mười lăm: Ở ranh giới huyện Mật, cách châu hơn trăm dặm về phía Tây nam. Tháp nằm ở phía Đông nam, phía Bắc tháo tiếp liền với chùa, rộng mười lăm bộ, nền chùa tháp là bùn đất, phía Tây nam đều có suối rộng ba thước, nước chảy mạnh, tưới khắp gần xa. Trên lớp đất là trụ gỗ, trên là tảng đá rộng tám thước. Mọi người đều cho là do Luân vương làm nên. Pháp sư Đạo Nghiêm họ Lý, người U châu, từng được Tùy Dạng Đế mời vào cung, năm một trăm lẻ năm tuổi Pháp sư vào ở trong núi, mỗi năm đến tháp này bảy ngày để cúng dường. Thấy dưới suối có hiện tượng lạ, liền nhờ người thợ lặn đến xem, thấy xung quanh toàn là trụ đá, ở giữa có bảo tháp cao ba thước, xung quanh là nước, nên không dám đến xem. Tục truyền đó là tháp của do A-dục xây. Từ đó đến nay chùa tháp vẫn còn. Phía Nam chùa là núi Quy sơn, phía Tây là núi Tung sơn. Chùa ở dưới nước. Mỗi năm nước từ hai núi thường chảy về Đông nhưng đều chảy quanh phía Bắc chùa trước. Nước đầy chùa cao, nước rút chùa thấp, xưa nay không hề bị ngập. Suối hay phun nước hình hoa sen, về sau nước không phun nữa. Vì nơi đây cảnh sắc đẹp nên vua định xây cung điện nhưng nền tháp bền chắc không đào được, vua đành bỏ ý định. Sau có vị tăng thấy ánh sáng hiện lên từ tháp.

Tháp thứ mười sáu: Cách huyện Vũ lăng bảy dặm về phía Tây. Trong chùa Diệu lạc có tháp trắng năm tầng, vuông mười lăm bộ, được làm bằng đá dài năm thước, rộng ba tấc, mọi người đều cho là quỷ thần làm nên. Vì không tìm thấy nền. Tương truyền tháp này từ đất vọt lên, phía dưới là nước. Quan thứ sử không tin, cho người đào lên, đến nước vẫn không thấy có nền tháp.

Tháp thứ mười bảy: vốn là nơi tăng ở, từ đầu đời Đường về sau, tăng đi chùa vắng, chư ni ở đó. Tôi có đến hỏi về ngôi tháp nhưng không còn dấu vết.

Tháp thứ mười tám: Ở trong chùa A-dục vương có ngôi tháp nhỏ, tương truyền đó là tháp báu.

Tháp thứ mười chín: Cách huyện ba mươi dặm về phía Tây bắc, vốn có tên là chùa Xá-lợi, hiện có chư ni ở, ba mặt tháp là nước, mặt tây có đường, nên tháp là đá, ba mặt tháp hoa sen mọc đầy, nước rất sâu, không ai dám vào. Tương truyền tháp xá-lợi ở dưới nước.

Tháp thứ hai mươi: Ở Trường hà, Thương châu có tháp do vua A-dục xây. Ở mặt Bắc ngoại ô ba châu Ngộ, Nghi, Lương có Phật xuất hiện, mọi người cho là luống dối. Sự thật trong núi có tượng Phật bằng

đá cao ba trượng. Phía Đông huyện Lâm ấp, Tề châu có tháp gạch, nghe nói do Chí Công xây, bốn mặt tháp có thú đá hình thù rất đáng sợ. Nhà Chu diệt pháp sai người đào phá nhưng không được. Có người nói tháp ở thành Liêu đông, Cao lệ. Tương truyền vua Cao Lộ đến thành này thấy mây năm màu che phủ, trong mây có vị tăng đứng cầm tích trượng, vua tìm đến thì không thấy gì. Nhìn ra xa lại thấy có tháp ba tầng, không biết là gì vua tiếp tục tìm vị tăng nhưng chỉ thấy cỏ hoang, đào sâu một trượng thì thấy bài minh khắc bằng tiếng Phạm, hỏi ra mới biết là tháp Phật, nước Hán có vị vua kính tin xây tháp gỗ bảy tầng. Sau pháp Phật được truyền đến nơi này. Nhưng tháp đó đã hư chỉ còn tháp do vua A-dục xây. Xưa có Hội Thừa người Nhật đến đây học kỹ nghệ. Cuối thời vua Vũ Đức vẫn còn, đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ năm mới về nước. Hỏi rằng: Nước ông pháp Phật truyền đến muộn, chẳng hay tháp do vua A-dục xây đã có trên nước ông chưa? Đáp: Tuy không có sử sách ghi lại nhưng dấu vết vẫn có. Nếu không thì sao người ta thường thấy tháp cổ, tượng Phật. Chùa Không tuệ ở phía Nam thành Ích châu có kho vàng, một đạo sĩ biết được nên nhờ thần linh xin, thần lấy ra hai nén vàng, đạo sĩ theo lời đến tìm thì thấy vô số tháp vàng nhưng vì chư tăng trong chùa biết được nên không dám lấy. Trong hang núi ở huyện Vị nam, Ung châu có tảng đá treo hình chó sói nên đặt tên là Sài Cốc. Lại có tượng đá hình mặt Phật nên cũng gọi là Tượng Cốc. Tương truyền: Xưa có vị tăng Ấn Độ đến đây, bảo rằng trong hang có tượng bảy Đức Phật, vì bảy Đức Phật có đến đây nói pháp, trong đó thường xuất hiện hoa chiêm bặc. Giữa niên hiệu Vĩnh Huy, Sa-môn Trí Tích đến tìm, đến hang ngửi thấy mùi thơm, Sa-môn tìm kỹ mới biết cát trong khe rất thơm. Người ta thường thấy trên núi này có hiện pháp Phật, hoặc hiện tượng Phật. Cách chùa Ngọc hoa cung hai mươi dặm về phía Nam có núi Đàn Bát, trên núi có nền tháp xưa, rộng bốn mươi ba thước, có ngôi tháp gạch một tầng, bốn mặt đều có cửa đá cao hơn bảy thước, rộng hơn năm thước, xung quanh có gạch vụn. Tương truyền, Chu Văn Vương đi săn, thấy trên núi có Sa-môn cầm tích trượng, bưng bình bát. Vua bảo đến nhưng không đến, vua liền sai người bắt, đến gần thì không thấy nhưng nhìn xa vẫn còn, vua cho người đào chỗ Sa-môn đứng thì thấy bình bát và tích trượng. Vua liền cho xây tháp gạch mười ba tầng, dân chúng ở đó thường nghe tiếng chuông. Niên hiệu Long Sóc năm thứ nhất, Sa-môn Tuệ Quý chùa Từ ân đến tìm. Nghe tiếng chuông, Sa-môn biết là tháp xưa, muốn sửa chữa nhưng còn do dự, chợt có thiên thần hộ tháp khuyên làm, một vị tăng lại nói: ta là Bồ-tát ở tịnh

độ phương Nam du hóa đến đây, ngôi tháp này đã trải qua bốn lần xây dựng, chớ ngại nhọc mệt, tâm thành là thỏa nguyện. Sa-môn liền bắt tay tôn tạo ba tầng tháp. Phía Nam tháp lại có ngôi chùa cổ, lưng tựa vào núi, mặt hướng về phía sông, thật là một nơi thánh tích. Trước lúc tu tạo chùa tháp, tiếng chuông vẫn vang lên đúng thời. Niên hiệu Long Sóc năm thứ ba, người ta đào thấy một bài minh khắc: Niên hiệu Bảo Định nhà Chu tháp bị đổ. Lại ghi: Hơn bốn trăm năm tháp bị hư. Xét từ niên hiệu Bảo Định đến nay là tám mươi mốt năm. Như vậy tháp này có từ thời Hậu Hán. Vì nhà Chu không ghi nên không biết rõ, nhưng tháp không thể là do người bình thường xây nên.

Ở Lô sơn, Giang châu có ba trụ đá dài mấy mươi trượng, rộng chưa đầy một thước. Niên hiệu Hàm Khang đời Tấn, Du Lượng đến Giang Nam, lên núi thấy kỳ tích, biết không phải tầm thường nên bái tạ ra về. Niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt nhà Đường, trụ đá phía Tây nam tháp chùa Hưng quốc, Kinh châu tự nhiên phát ra tiếng, mọi người đến xem thì thấy xuất hiện đầu Phật đồng mạ vàng, suốt ba ngày mới hiện hết, dài khoảng sáu tấc, là tượng Phật đứng, mọi người đều thấy lạ. Đầu đời Đường tháp chùa Đại từ ở Tường châu bị cháy, chúng tôi hỏi nguyên nhân, một vị Tăng nói: Cuối niên hiệu Đại Nghiệp trộm cướp nổi lên, dân chúng kéo về ở trong tháp, làm ô uế. Khi hết giặc, chư Tăng không làm sao dọn dẹp được, bất chợt lửa bốc lên, đốt cháy tất cả, chỉ còn điện ở phía Nam. Có thể nói lửa giúp trừ mọi ô uế. Tháp này được xây từ thời vua Cao Tổ đời Tùy. Nhà Tùy mới lập, dân chúng chưa theo, họ Dương dấy binh làm phản, vua cử binh đánh phạt, bắt hơn trăm vạn người tập trung đợi giờ trảm quyết. Nhưng bỗng nhiên vách vườn có lỗ hổng, bọn chúng tranh nhau chạy trốn, đến sáng thì không thấy lỗ hổng nữa, chỉ còn lại sáu mươi vạn người. Họ bị chém, thả xuống sông, làm cho nước sông không chảy được, dòng sông đỏ ngầu, đêm đêm tiếng quỷ khóc than, ai oán làm đau lòng người, thấy vậy vua liền cho xây chùa Đại Từ, ngày đêm sáu thời lễ Phật, sám hối tội lỗi cho những người chết. Chùa xây xong, chư Tăng về ở, từ đó không còn tiếng than khóc nữa.

TỰA CẢM ỨNG XÁ LỢI PHẬT Ở THẦN CHÂU TRUNG QUỐC

Bậc Đại thánh tùy duyên, hóa độ chúng sinh, ẩn thân hiện hình, phước đức bao trùm mọi vật, khắp cõi Ta bà. Từ răng, móng, tóc, mắt đến bình bát y phục, đều hiện khắp Trung thiên, phương Đông lại ít. Vua A-dục cho xây tháp khắp nơi, cảm ứng muôn loài từ đời Hán đến đời Đường chẳng thời nào không có. Đã gọi là linh cốt thì không thể tìm cầu như vật khác mà là tùy duyên ứng hiện. Vì thế xét các truyền thuyết và hiện tượng hiện tại thì nên ghi lại vài việc.

Trong Hán Pháp Bổn Nội Truyện chép: Minh Đế mở mang Phật pháp, xây chùa độ tăng, các đạo sĩ ở Ngũ nhạc muốn tỉ thí. Họ đốt kinh và không ứng nghiệm nên người thì chết, người thì xuất gia học Phật. Lúc ấy xá-lợi được mang đến từ Tây Vực phát ra ánh sáng năm màu, bay vút lên hư không tạo thành lọng báu. Pháp sư Ma-đằng bay lên hư không biến hóa tự tại, trời tuôn hoa báu cúng dường tượng Phật và tăng, nhạc trời vang xa mọi người đều kính tin. Trong Lạc thành thời Ngụy Minh Đế có ba ngôi chùa, một ngôi ở phía Tây cung, thường có điềm lạ, vua lo lắng định phá chùa. Một vị Tăng nước ngoài đang ở trong chùa liền đem xá-lợi ra. Vua thấy xá-lợi sáng rực đủ năm màu liền khen là thần thông, rồi cho xây một ngôi làng trăm gian. Theo Phật Đồ Tinh Xá thì niên hiệu Xích Ô năm thứ tư, thời Ngô Tôn Quyền, Sa-môn Khương Tăng Hội đến Giang Đông lập am hành đạo, dân chúng cho là yêu dị. Vua Tôn Quyền nghe, liền cho mời Sa-môn vào hỏi: Có linh tích gì chăng? Sa-môn đáp: Có cầu thì ứng. Vua nói: Nếu được xá-lợi sẽ cất chùa. Sa-môn cầu suốt hai mươi mốt ngày thì được bình đựng xá-lợi. Vua Tôn Quyền đựng trong hộp đồng rồi cho đập, hộp đồng vỡ, nhưng xá-lợi còn nguyên. Vua kinh ngạc, cho là điềm lành. Sa-môn thưa: Xá-lợi Phật là kim cang, không thể đập vỡ, không bị đốt cháy. Vua lại cho lực sĩ đập, chày bị rơi, xá-lợi vẫn còn nguyên, lại chiếu sáng hơn, vua đem đốt thì trong lửa bỗng hiện ra hoa sen, vua kính tin, lập chùa Kiến sơ, đổi tên làng thành làng Phật-đà. Tôn Hạo nối ngôi, rất bạo ngược, muốn phá chùa đốt kinh. Có người khuyên là rất linh nghiệm, Tôn Hạo cho mời Sa-môn vào, hỏi: Nếu ứng nghiệm thì giúp vua hưng thịnh, nếu không thì sẽ đập phá, chém người. Sa-môn nói: Tâm thành thì ứng. Tôn Hạo cho ba ngày. Hơn trăm tăng chúng đều tập trung về chùa. Tôn Hạo bày binh vây chùa, chờ giờ đem giết. Có vị sợ không linh nghiệm nên tự vẫn trước. Sa-môn nói: Phật để xá-lợi đến nay, trước đã hiệu nghiệm, giờ không thể dối. Đến giờ đã định thì xá-lợi ứng nghiệm, Sa-môn dâng lên Tôn Hạo, thưa: Đây là thân kim cang của Phật, không gì phá nổi.

Tôn Hạo nói: vàng đá còn mài được huống chi là xương cốt. Rồi Tôn Hạo cũng cho đập như xưa nhưng xá-lợi vẫn còn nguyên, lại dùng nước sạch vẫy lên, xá-lợi sáng rực soi cả cung điện. Từ đó Tôn Hạo kính tin thần hóa. Đầu đời Tấn cũng được xá-lợi, con của Trúc Trường Thư xuất gia làm Sa-môn tên Pháp Nhan, thường muốn hoàn tục, than rằng: Là cát đá, có gì quý đâu. Người cha liền ném xuống nước, bỗng hiện ánh sáng năm màu cao vút đến mấy thước, thấy vậy người con không hoàn tục nữa. Sau khi cha chết, người con lại muốn hoàn tục nhưng vẫn không được, người con đem xá-lợi về tháp Giang Hạ. Vào niên hiệu Đại Hưng đời Tấn, đang đêm một pho tượng gỗ bỗng hiện ánh sáng, bên trong lại có tiếng, nhìn kỹ mới biết xá-lợi đang nổi trong nước, ánh sáng rực rỡ. Sa-môn Pháp Hằng định xây chùa thì thấy oai thần biến hiện. Tiếng đồn vang xa, mọi người đều kính tin. Niên hiệu Hàm Hòa đời Tấn, một vị Tăng từ phương Bắc đến Dư Hàng định xây chùa nhưng vì không đất không tiền, vị Tăng liền đi quyên góp. Được ba vạn đồng tiền, vị Tăng mua đất cất am tu. Định xây tháp nhưng không có xá-lợi, nghe La Ấn có, vị Tăng đến xin nhưng không được. Sau thấy vị Tăng, La Ấn vui vẻ xây chùa ở Dư hàng. Niên hiệu Hàm Khang đời Tấn, thái thú Mạnh Cảnh định xây tháp, đang đêm bỗng nghe tiếng ở đầu giường, nhìn xem thì thấy ba hạt xá-lợi. Thái thú xây tháp. Tháng sáu, niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười sáu, xá-lợi phát ra ánh sáng soi chiếu khắp nơi, bảy ngày mới hết, mọi người đều thấy.

Niên hiệu Nghĩa Hưng năm thứ nhất đời Tấn, một người ở Lâm ấp nhặt được xá-lợi, ban ngày thường phát ra ánh sáng. Sa-môn Tuệ Toại định thỉnh cho thứ sử Quảng Châu, nhưng chưa kịp nói thì xá-lợi tự chia ra thành hai. Lại có người xin, xá-lợi lại chia ra thành ba phần. Thứ sử muốn mô phỏng tượng ở Trường can nhưng vị trụ trì cố chấp không cho. Đêm đó có một người cao lớn bảo rằng: Tượng quý ở chỗ truyền đạo, sao lại tham tiếc? Trụ trì liền cho phép làm. Thứ sử đặt xá-lợi ở búi tóc của tượng, ánh sáng thường chiếu rọi.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ sáu đời Tống, Giả Đạo Tử du hành thấy hoa sen sắp nở liền hái đem về. Chợt nghe trong hoa có tiếng lạ, tìm thấy một hạ xá-lợi trắng như chân châu, họ Giả cung kính cất trong hộp đem treo trên vách nhà. Người nhà thường thấy Phật tăng đến nhà. Có người vô tình làm ô uế nên đêm đó mơ thấy người báo mộng: Ở đây có chân thân Đức Thích-ca, chúng thánh đều tôn kính, sao lại làm ác, chết sẽ đọa địa ngục, làm thân tôi tớ không sợ hay sao? Người ấy kinh sợ, không bao lâu bị bệnh chết. Trên vách nhà mọc tám nhánh hoa

sen, sáu tuần thì khô, từ đó không còn xá-lợi.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ tám đời Tống, ở xứ Cối Kê có nhà thờ Phật, đang đêm nghe tiếng gõ cửa, người nhà ra xem, thấy hơn mười người mặc y đỏ, chở tài vật, bảo rằng xây cất chùa Phật, rồi biến mất. Hôm sau thấy một hạt xá-lợi màu vàng tía, đập không vỡ, đổ nước vào thì càng sáng, cả nhà tôn kính thờ phụng, sau tự nhiên biến mất. Tìm cả buổi thì thấy Lâm xuyên vương ở trấn Giang lăng rước đi. Mọi người đều thấy khác nhau. Vương liền trì chú thì ánh sáng phát lên, hơn trăm người đi quanh xá-lợi, hôm sau mới biến mất.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín, Trương Tu Nguyên ở Tầm Dương thiết lễ bát quan trai, mấy mươi tăng sĩ tín đồ tham dự, chợt thấy bình hoa ở tượng Phật trắng như tuyết, họ tìm thì thấy mấy mươi hạt xá-lợi, ánh sáng sáng rực, rồi chợt biến mất. Mấy mươi ngày sau họ lại thấy một chiếc răng, và mười hạt xá-lợi. Các nơi nghe tin đều đến xin thỉnh.

Niên hiệu Gia Nguyên năm thứ mười lăm, ở Nam quận có người không tin đạo pháp, đang đêm nằm mơ thấy người báo mộng nên ân cần lạy Phật suốt nửa năm, sau thấy hai hạt xá-lợi, trong miệng lại có ánh sáng, vợ con tìm thấy một hạt nữa. Nhưng không bao lâu lại biến mất.

Các truyện về thành tâm được xá-lợi, kiêu ngạo thì không được ghi chép rất nhiều, chỉ lược nêu vài việc mà thôi.

Xưa, Tùy Cao tổ ở Long Tiềm, một thần ni vô cớ đến nói: pháp Phật sắp diệt, tất cả thần linh đều đã về phương Tây. Ông hãy mở mang pháp Phật để thần linh trở lại. Sau đó họ Chu diệt Phật, nhà Tùy lên ngôi. Xưa có một Bà-la-môn mang đến một hạt xá-lợi, bảo: thí chủ có tâm nên để lại cúng dường, nhưng sau tìm không thấy. Vua nói: ta thành là nhờ Phật, liền cho xây tháp khắp nơi, lại thờ tượng thần ni, lại xây tháp nối liền với nền ở chùa Pháp giới, trong đó có đặt xá-lợi. Mùa thu niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười lăm, ban đêm ánh sáng từ tháp phát ra, trong một tuần có bốn lần như vậy. Vua sinh vào ngày mười ba tháng sáu niên hiệu Nhân Thọ cung Nhân Thọ vào năm thứ nhất. Vua lấy ngày này để đền ơn cha mẹ nên mời chư Tăng làm lễ, xây ba mươi ngôi tháp. Vua hạ chiếu: Kính mong đấng Đại từ bi cứu hộ chúng sinh, trẫm quy y Tam bảo, trùng hưng thánh giáo, tạo phước khắp nơi để được lợi lạc ở hiện tại và vị lai. Thỉnh ba mươi vị đại đức hiểu sâu pháp tướng, truyền bá đạo pháp, đem thị giả đưa xá-lợi về các châu quận để vì trẫm mà xây tháp cúng dường, hoàng hậu, vương tôn công tử, dân chúng chư Tăng làm lễ sám hối trong bảy ngày, dùng quốc khố xây tháp. Các quan

từ thứ sử trở xuống nghỉ việc bảy ngày, lo việc xây tháp. Vào giờ ngọ ngày mười lăm tháng mười đồng khởi công xây tháp. Hôm ấy vua lên điện đứng bên tượng Phật, ba trăm sáu mươi vị Tăng lên điện. Vua lại thấy một người lạ, đắp y màu nâu. Vua ra lệnh xung quanh không được kinh động. Làm lễ xong, vua không thấy người lạ nữa. Vua nói: Phật pháp lại hưng thịnh, giờ xây tháp thờ xá-lợi nên có cảm ứng. Hôm xây tháp ở chùa Tiên dung đất Ung châu, trời tuôn tuyết lớn, xá-lợi xuất hiện, soi sáng khắp nơi. Tháp ở chùa Phụng tuyền cũng có hợp đá đựng xá-lợi, nền tháp lại hiện chim thú, đá biến thành thủy tinh. Tháp ở chùa Hưng quốc, Kinh châu cũng vậy. Tháp ở chùa Tịnh niệm, Tần châu cũng có tuyết rơi, cỏ cây ra hoa, ánh sáng chiếu soi. Tháp ở chùa Tư giác, Hoa châu thì có tuyết rơi, mặt trời hiện năm màu che trên tháp, trời rải hoa như mưa. Tháp ở chùa Hưng quốc, Đồng châu thì có mưa tuôn, mặt trời mọc, ánh sáng chiếu xa năm mươi dặm. Tháp ở chùa Thê nham, Bồ châu thì mặt đất chấn động, tiếng chuông trống rền vang, năm tia sáng chiếu xa hai trăm dặm. Tháp ở chùa Vô lượng thọ, Tịnh châu thì ban đầu trời u ám, sau đó mặt trời chiếu soi, ánh sáng rực rỡ, vô lượng thiên thần hiện. Tháp ở chùa Hằng nhạc, Định châu thì có người lạ phủ tấm vải lên rồi biến mất, nước bỗng nhiên phụt ra. Tháp ở chùa Đại từ, Tương châu thì tuyết rơi, mặt trời mọc, trời tuôn hoa. Tháp ở chùa Định giác, Trịnh châu, ánh sáng sáng như sao băng, chùa thiết lễ cúng dường, muôn người ăn không hết. Tháp ở chùa Nhàn cư, Tung châu, thỏ đến, trời mưa tuyết, mặt trời chiếu sáng, mây nhóm. Tháp ở chùa Khai tịnh, Hào châu bên trong không có đá, chỗ khác có ba tảng đá, bên dưới là nước. Tháp ở chùa Hưng thế, Nhữ châu, mây tan, mặt trời mọc, sau đó mây tụ. Tháp ở chùa Đại nhạc, Tần châu thì đang đêm tiếng trống rền vang, cửa tự mở, ánh sáng hiện ra. Tháp ở chùa Thắng phước, Thanh châu, khi đào nên thấy có tảng đá, sau đó ánh sáng hiện ra. Tháp ở chùa núi Cự thần, Mân châu, được hai tử chi, tuyết rơi, mặt trời chiếu, sau đó biến mất. Tháp ở chùa Trí môn, Tùy châu, lúc đào móng có rùa thần, cam lồ rơi, ong đen bay quanh, rùa có văn chú. Tháp ở chùa Hưng quốc, Tương châu, trời âm u bổng mặt trời hiện, mây tụ, tháp ở chùa Tây, Dương châu, khi đưa xá-lợi vào thì trời tuôn mưa to, trước đó ở đây bị hạn. Tháp ở chùa Tô hà, Tương cshâu, người ở đó mơ thấy Phật đến đây từ phía Tây bắc. Khi xá-lợi được đưa đến thì đúng như giấc mộng. Tháp ở chùa Đại vũ, Ngô châu, thì xá-lợi phải đi qua năm con sông nhưng không gặp phải sóng gió, lại được có tử chi. Tháp ở chùa Sơn tây, Hổ khâu, Tô châu, lúc đào móng có được một hạt xá-lợi, nhạc trời tự vang,

giếng khô hai hôm. Tháp ở chùa Hoành nhạc, Hoành châu, gió nổi bốn phía, nước xuôi dòng, mây trắng phủ trên đỉnh núi, đến chỗ tháp thì tạo thành hai vòng. Tháp ở chùa Duyên hóa, Quế châu, khi xá-lợi cách tháp mười dặm chim chóc từ khắp nơi bay về, sau đó biến mất. Tháp ở chùa Linh thứu, Phan châu, trong hầm có tượng thần tiên. Tháp ở chùa Pháp tụ, Ích châu, trời âm u, mặt trời xuất hiện, sau đó lại biến mất. Tháp ở chùa Pháp giảng, Quảng châu, đang đêm ánh sáng soi chiếu cả châu, mọi người đều thấy. Tháp ở chùa Sùng giáo, Qua châu, vua quan đang đưa tù nhân đi đày, giữa đường thấy xá-lợi, nên thả họ nhưng trong vòng mười dặm không một ai chạy trốn. Người ở Tùy châu đào ao nuôi cá nhưng gặp xá-lợi thì thả hết. Các quan thấy sự cảm ứng của xá-lợi liền dâng sớ tâu vua, vua hạ chiếu: Nhờ đức Từ bi che chở chúng sinh, trẫm thành tâm tạo phước thù thắng, tạo nhân lành khắp nơi, nên phân xá-lợi, xây tháp thần, đức từ bi hiện tướng ánh sáng, xá-lợi được hiện ở cung điện, thật là việc ít có, là phước lành cho muôn loài. Đó hẳn là sự cảm ứng của lòng thành kính. Nay xá-lợi vẫn còn, hãy chia cho năm mươi ba châu, để chúng sinh trong sáu nẻo ba đường đều thoát khổ, bước lên quả thánh. Tháng giêng niên hiệu Nhân Thọ năm thứ ba, lại phân bố xá-lợi cho năm mươi ba châu. Giờ Ngọ ngày mùng tám tháng tư, các châu đều đón rước. Các châu đó là Hằng châu, Tuyền châu, Tuần châu, Doanh châu, Hồng châu, Hàng châu, Lương châu, Đức châu, Thương châu, Quan châu, Doanh châu, Ký châu, U châu, Từ châu, Cử châu, Tề châu, Thái châu, Sở châu, Giang châu, Đàm châu, Mao châu, Bối châu, Tống châu, Triệu châu, Tề châu, Đoái châu, Thọ châu, Tín châu, Kinh châu, Lê châu, Từ châu, Ngụy châu, Lạc châu, Biện châu, Kỵ châu, Hứa châu, Thẩm châu, Lan châu, Lương châu, Lợi châu, Dự châu, Hiển châu, Tào châu, An châu, Đặng châu, Tần châu, Vệ châu, Lạc châu, Hoài châu, Thiểm châu, Lạc châu, Trịnh châu.

■

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC

QUYỂN 2

Từ thời Đông Hán giáo pháp dần truyền đến Nam Ngô, các điềm lành ứng hiện rất nhiều, các sách ghi chép khác nhau. Nay y theo lời kể lược nêu vài việc: Tượng vẽ Đức Thích-ca ở Lạc dương thời Đông Hán; tượng vàng xuất hiện ở Kiến Nghiệp thời Nam Ngô; tượng đá nổi trên sông ở quận Ngô đời Tây Tấn; tượng vàng bảy nước ở Thái sơn thời Tây Tấn; tượng vàng xuất hiện ở Dương đô đời Đông Tấn; tượng vàng đi trên núi ở Tương Dương thời Đông Tấn; tượng vàng giáng hạ ở Kinh châu thời Đông Tấn; tượng vàng hiện trên sông ở Ngô hưng đời Đông Tấn; tượng gỗ thơm ở Cối Kê đời Đông Tấn; tượng vàng truyền chân ở quận Ngô đời Đông Tấn; tượng vàng hiện trên đất ở Đông Dịch đời Đông Tấn; tượng thái tử tư duy ở Từ châu đời Đông Tấn; tượng Văn-thù bằng vàng ở Lô sơn đời Đông Tấn; tượng đá hiện trên núi ở Lương châu đời Nguyên Ngụy; tượng đất ở ngọn Vương nam, Hà nam, đời Bắc Lương; tượng đá cao trượng sáu ở Thơ Cự đời Bắc Lương; tượng Văn-thù bằng vàng ở Đô thành đời Tống; tượng đồng ở Đông Dương đời Tống; tượng vàng xuất phát ra ánh sáng ở Giang lăng đời Tống; tượng vàng hiện ở Bồ Trung đời Tống; tượng vàng ở Minh trạch, Giang lăng đời Tống; tượng vẽ trên vách ở Kinh châu đời Tống; tượng vàng ở Giang lăng đời Tống; tượng đá ở Phiên ngung gặp lửa thì nhẹ ở đời Tề; tượng vàng ra mồ hôi ở Bành thành đời Tề; tượng Quan Thế Âm bằng vàng ở Dương Đô đời Tề; tượng Chiên-đàn của vua Ưu-điền hiện ở Kinh châu đời Lương; tượng vàng chùa Quang trạch ở Dương Đô đời Lương; tượng bạc đời Lương cao tổ; kinh Cao Vương Tượng Quán Thế Âm bằng vàng ở Định châu đời Nguyên Ngụy; tượng ở điện Trùng vân bay vào biển đời Trần; tượng đá chùa Linh thạch ở Tấn châu đời Chu; tượng đá ở Bắc sơn, Nghi châu đời Chu; tượng đi Hoa nghiêm ở Hiện sơn, Tương châu đời Chu; tượng dời chùa Hưng hoàng bị đốt ở Tương

châu đời Tùy; Thích Minh dâng năm mươi tượng Bồ-tát vào đời Tùy; tượng bốn mặt ở chùa Sa hà, Kinh châu đời Tùy; tượng đá chùa Nhật nghiêm ở Kinh đô nhà Tùy; tượng đá ở Phường châu đời Đường; bia đá chữ Phật ở Lương châu đời Đường; vết chân Phật ở chùa Tương tư, thuộc Du châu đời Đường; tượng từ Vũ châu dời đến Đàm châu đời Đường; tượng vàng ở Lam điền, Ung châu đời Đường; tượng vàng ở huyện Hộ Ung châu đời Đường; tượng phát ra ánh sáng ở Thẩm châu đời Đường; tượng phát tiếng ở núi Ngũ đài, Đại châu đời Đường; tượng hiện ở núi Liên khẩu đời Đường.

Theo Nam Tề vương Diễm Minh Tường ký: Hán Minh đế nằm mộng thấy vị thần cao gần hai trượng, màu vàng, quanh cổ có vầng ánh sáng, vua hỏi các quan. Có vị thưa: Ở phương Tây có vị thần được tôn là Phật. Người mà bệ hạ mộng thấy chắc là người này. Vua sai sứ đến Thiên Trúc thỉnh kinh tượng, tất cả vua quan đều kính trọng. Ban đầu các sứ giả thỉnh được hai Pháp sư, thấy tượng Đức Thích-ca do vua Ưu-điền cho làm, vua Minh đế cho họa sĩ vẽ lại thành nhiều bức để thờ cúng tại đài Thanh lương, Nam cung và Thọ lăng ở Cao dương lại cho vẽ tượng ngàn xe muôn ngựa vây quanh tháp ba vòng (có nói như trong truyện).

Đời Ngô, người ta tìm thấy một pho tượng bằng vàng ở sau khu vườn đất Kiến nghiệp. Tìm hiểu mới biết đo là tượng do vua A-dục làm vào đầu đời Chu để trấn ở Giang phủ. Vì sao? Vì đời Tần, Hán, Ngụy ởđây chưa có pháp Phật, làm sao có tượng? Tôn Hạo thấy tượng không kính tin, đem bỏ ở nhà xí. Hôm mùng tám tháng tư, Tôn Hạo đến nhà xí, đùa rằng: Hôm nay là ngày tắm Phật, rồi tiểu lên tượng. Ngay lập tức trời đất tối tăm, Tôn Hạo đau la, quan thái sử xem bói, nói đã phạm tới bậc đại thần, rồi cầu cúng khắp nơi nhưng không có hiệu quả. Trong số cung nữ, có người tin Phật nên nói: Phật là vị thần lớn, bệ hạ làm ô uế, nay hãy sám tội. Tôn Hạo làm theo, lập tức khỏi bệnh, liền cho người đến thỉnh Sa-môn Khương Tăng Hội vào cung, dùng hương thơm tẩy tịnh, sửa sang lại rồi đưa về thờ tại chùa Kiến sơ.

Niên hiệu Kiến Hưng năm thứ nhất thời vua Mẫn Đế đời Tây Tấn, một người chài lưới sống tại Hộ độc, Trùng giang, huyện Ngô, quận Ngô thấy trên mặt biển có hai người đi lại, người làng chài cho là thần biển nên cầu cúng, sóng gió nổi lên, thầy cúng sợ hãi bỏ về; lại có đạo sĩ cho là thiên sư nên ra cầu cúng, sóng gió vẫn như trước; một cư sĩ tin Phật cho đó là Phật giáng thần, liền cùng các ni ở chùa Đông Vân và các cư sĩ khác thiết lễ ở cửa biển để thỉnh, sóng gió yên lặng. Theo sóng biển

hai tượng đá dần dần trôi vào bờ, mọi người đến nâng tượng nhưng nâng không nổi. Họ lại cầu thỉnh thì nâng về được. Một đại sư ở chùa Thông Huyền xem biết đó là tượng Tôn giả Duy-vệ và Ca-diếp, nhưng không biết có từ thời nào, mọi người định đặt tượng lên tháp tòa nhưng không nâng nổi, họ lại cầu cúng mới nâng lên được. Từ đó quan dân quy y rất đông. Sa-môn Thích Pháp Uyên người ở Tây Vực y cứ theo kinh truyện biết đó là hai tượng và tháp mà vua A-dục đặt ở phương Đông, ai đến lễ bái sẽ trừ được tội lỗi. Theo Biệt Truyện: Mười hai vị Sa-môn ở Thiên Trúc đưa tượng đến quận này, tượng đứng trên nước không chìm, không lay. Các Sa-môn liền tâu lên vua, vua cho phép để lại đó, sau công chúa nghe được, cho người đến chùa Thông Huyền để vẽ lại.

Tượng ở chùa Lãng công hang Kim dư, núi Thái đời Tây Tấn. Xưa khi đất Trung Nguyên gặp nạn, Vĩnh Gia mất ngôi. Sa-môn Thích Tăng Lãng họ Lý, người đất Ký, đi Tây Vực trở về, cùng hai Sa-môn nữa đến Đông Nhạc, thấy trên đỉnh phía Tây bắc có mây che, mọi người đều cho là lạ. Thời ấy không có vua, anh hùng nổi lên khắp nơi, Tần, Tống, Yên, Triệu đều làm việc phước, bảy nước Cao Lê, Hồ, Nữ, Ngô... tặng tượng đồng mạ vàng để thờ. Ngôi chùa ấy đến nay đã gần ba trăm năm mươi năm mà cấu trúc của chùa tháp vẫn còn như xưa. Đời Tùy đổi thành đạo tràng Thần Thông.

Vào niên hiệu Hàm Hòa vua Thành đế đời Đông Tấn, Đan Dương Đoãn Cao Ly vào cung trở về thấy ở bãi cát cầu Trường hầu có ánh sáng lạ, liền sai người tìm, quả nhiên thấy một pho tượng vàng. Họ Cao xuống xe đưa tượng về đến Trường Can thì xe không đi nữa. Do đó đặt tượng tại chùa Trường can, dân chúng đến chùa bái rất đông. Một người chài lưới ở huyện Lâm hải thấy hoa sen đồng nổi trên nước, đem về dâng lên chùa thì rất khớp với tượng kia. Năm vị Tăng Tây Vực đến nhà họ Cao, bảo rằng: Xưa có pho tượng do vua A-dục làm đưa về phương Đông, đến đất Nghiệp thì gặp loạn nên để ở bến sông. Nay nghe ông tìm được muốn đến lễ bái, họ Cao liền đưa họ về chùa. Thấy tượng, năm vị Tăng đều khóc, tượng liền phát ra ánh sáng soi sáng cả điện. Niên hiệu Hàm An thứ nhất, Đổng Tông, người tìm châu ở Hợp Phố thấy trên biển có ánh sáng, tìm rõ mới biết là ánh sáng Phật, vua nghe tin liền ban cho pho tượng, hơn bốn mươi năm có rất nhiều chuyện lạ về pho tượng. Trên đài sen của pho tượng có chữ Phạm, Pháp sư Cầu-na-bạt-ma, biết là của công chúa thứ tư (em vua A-dục) tạo ra. Sa-môn Tuệ Toại định mô phỏng nhưng tăng chúng sợ làm tổn hại tượng, Sa-môn nói: Nếu làm được thì tượng phát ra ánh sáng, xoay về hướng Đông. Sa-môn thành

kính khẩn cầu, nửa đêm nghe tiếng lạ, mọi người đến xem thì thấy đúng như lời, lúc đó chư Tăng mới cho mô phỏng, liền làm mấy mươi pho tượng để truyền bá. Niên hiệu Vĩnh Định thứ hai đời Trần, Vương Lâm dấy binh. Vũ đế cho đem quân đánh phạt. Trước khi đi mọi người thấy tượng Phật lung lay. Quân chưa đánh mà bọn Vương Lâm đều bỏ chạy. Niên hiệu Thiên Gia, phía Đông nam có binh biến, vua đến trước tượng cầu nguyện, ánh sáng phát ra, quân lính đều bỏ về. Từ Tấn đến Trần, năm đời vua đều tôn kính. Hạn hán, lụt lội đều đến trước tượng cầu nguyện thì mọi tai ương đều mất. Niên hiệu Trinh Minh năm thứ hai, pho tượng tự nhiên xoay về phương Tây. Vua nghe được liền chay tịnh cầu cúng. Tượng vốn có mão bảy báu, vua cho trang sức thêm châu ngọc và mũ gấm. Sau đó mũ báu bị treo lên tay, mũ gấm vẫn ở trên đầu tượng, vua liền đốt hương khấn: Nếu trong nước có điều chẳng lành thì xin cởi mão chỉ tội. Vua liền đặt mão lên đầu, hôm sau mão lại treo lên tay. Vua quan đều biến sắc. Sau nhà Tùy diệt nhà Trần. Vua Tùy nghe tin cho đưa tượng vào cung để cúng dường. Vua thường đứng hầu bên tượng. Sau hạ chiếu: trẫm tuổi cao không thể đứng lâu, hữu ty hãy làm pho tượng ngồi như cũ rồi đưa về chùa Hưng thiện. Lúc đầu họ để tượng quay về phương Bắc, sáng hôm sau thì thấy tượng quay về hướng Nam. Họ lại thử thì y như trước, mọi người đều sám hối tội lỗi.

Ngày mùng tám tháng tư niên hiệu Ninh Khang năm thứ ba thời vua Hiếu Vũ đời Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An chùa Đàn khê, Tương dương – người nổi tiếng về hạnh đức tài trí – tạo pho tượng Phật Vô Lượng Thọ bằng đồng cao một trượng sáu, đến cuối mùa đông năm sau thì hoàn tất. Đến thời thứ sử Ung châu Hoằng Khôi đến trấn ở đó, đang đêm tượng Phật bỗng đi về phương Tây, để lại dấu trên đá, dân chúng kinh sợ đón rước về nơi cũ, tượng lại đứng trước cổng chùa, thứ sử liền đổi tên chùa là Tượng vàng. Mùng tám tháng tư niên hiệu Phổ Thông năm thứ ba đời Lương, vua sai đúc tượng cao năm thước chín tấc, rộng chín thước tám tấc, đúc xong đưa về thờ, còn làm bia ở dưới tượng. Về sau Chu Vũ diệt pháp, niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba, Vương Khang làm thứ sử Tương Châu, phó tướng Trưởng Tôn Triết không tin Phật pháp nên khi nghe nói tượng linh ứng thì muốn phá hủy, dân chúng đạo tục trong ấp đều than trách. Triết cả giận sai một trăm người buộc dây vào cổ tượng để kéo đổ, nhưng tượng không hề lung lay, Triết càng giận tăng thêm số người lên đến năm trăm, tượng mới bị đổ, làm rung chuyển cả đất trời. Mọi người lo sợ, riêng Triết thì vui thích, cho người về báo lại thứ sử. Giữa đường người ấy bị ngã ngựa,

không cử động được, đến tối thì chết. Lúc sắp phá tượng, mọi người thấy trong lớp y dưới nách tượng có ghi: Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười chín đời Tấn, Tỳ-kheo Đạo An đúc pho tượng cao một trượng sáu ở Tương dương, tượng này hơn một trăm tám mươi năm sau sẽ bị hủy. Sau người ta tính ra thì ngày tháng rất đúng. Dấu chân in trên đá ngày nào nay vẫn còn. Cuối đời Tùy, Đậu Lư Bảo chiếm cứ một vùng. Pháp sư Hiến chùa Khải pháp, khuyên họ Đậu về đầu hàng nhà Đường, họ Đậu không nghe. Kinh Phụ phát binh đánh Tương châu, họ Đậu cố thủ, thành không bị đánh úp. Sau mới biết Pháp sư Hiến bị giết. Trước lúc chết Pháp sư nói với đệ tử Tô Phú Lũ: Ta và cha con thấy tượng bị phá, từ đó không ai làm lại, sau khi ta chết con hãy làm lại. Đến niên hiệu Vũ Đức năm thứ tư, quan quân vây đánh, họ Đậu đầu hàng, mới tiếc là không nghe lời Pháp sư, đã giết oan người tốt. Sau đất nước yên bình, Tô Phú Lũ liền làm tượng theo lời thầy dặn, nhưng không biết hình tướng ra sao. Một đêm, họ Tô nằm mộng thấy một vị Bà-la-môn đến vẽ hình tướng của được. Họ Tô lại y theo bức vẽ xưa để làm tượng. Lúc làm tượng mây vần, mưa hoa. Họ Tô lại làm thêm tượng Đức Di-lặc bằng đồng cao hơn một trượng. Sau mơ thấy Pháp sư bảo làm thân tượng, họ Tô liền làm một pho tượng cao năm mươi chín thước ở chùa Phàm vân. Xưa, Tần Hiếu Vương nghe việc lạ của tượng Phật do Đạo An làm nên cho người vẽ lại, rồi làm một pho tượng đặt tại chùa Diên hưng. Đêm đầu đúc tượng trời cũng rải hoa, nhạc trời trỗi lên. Pho tượng đó hiện vẫn còn.

Năm Đinh Mùi, niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ sáu thời Mục đế nhà Đông Tấn, đêm mùng tám tháng hai, người ta thấy một pho tượng ở phía Bắc thành Kinh châu, dài bảy thước năm tấc, tính cả đế là một trượng sáu, không ai biết tượng có từ đâu. Đầu niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ năm, một thương gia ở Quảng châu, chất hàng lên thuyền nhưng lại thấy thuyền vẫn nhẹ. Đang đêm có người lên thuyền rồi biến mất, thuyền lại nặng không chở thêm được. Tuy thấy lạ nhưng không biết vì sao. Khi đến bến, thì thấy người ấy lên bờ, mất hút, thuyền lại nhẹ như trước. Khi được tượng chư Tăng khắp nơi đều kéo đến để thỉnh. Niên hiệu Vĩnh Hòa năm thứ hai, Thái thú Giang lăng định sửa nhà thành chùa, do nghe Pháp sư Đạo An đến Tương xuyên nên mời Pháp sư đến xem hộ, Pháp sư nói với Đàm Dực: Ở đây dân quan bắt đầu có lòng tin Phật, ông nên hành đạo, Dực vâng lời, thường khen rằng: Tượng chùa A-dục vương tùy lòng thành ứng hiện. Khi nghe ở Kinh châu có tượng, Đàm Dực vui mừng nói: Phải đón bằng tâm, không thể dùng sức. Quả đúng như lời

của Đàm Dực, tượng được thỉnh về chùa. Đến niên hiệu Hàm An năm thứ hai mới đúc đế tượng. Đến niên hiệu Thái Nguyên, vua Hiếu Vũ đế đời Tấn, Ân Trọng làm thứ sử, đang đêm tịnh dưỡng đi ra cửa Tây, hỏi thì không đáp, có người lấy giáo đâm, sau mới biết là tượng. Ngay chỗ giáo đâm có bản văn. Thiền sư Tăng-già Nan-đà người ở Kế Tân đến chùa lạy Phật, hồi lâu Thiền sư thở dài. Đàm Dực hỏi nguyên nhân, Thiền sư đáp: Ở Thiên Trúc bị mất, sao giáng thần đến đất này. Tính năm tháng thì rất hợp. Sau lưng tượng có bản văn bằng tiếng Phạm: Vua A-dục tạo. Đàm Dực thành tâm niệm thì thấy ứng nghiệm. Sau đó ánh sáng biến mất, Đàm Dực biết sắp mất, sau một tuần thì mất. Về sau, vị tăng Nghĩ Quang lại đúc tượng. Thời Hiếu Vũ nhà Tống tượng lại phát ra ánh sáng, Phật pháp được hưng thịnh ở Giang đông. Cuối niên hiệu Thái Thỉ thời Tống Minh đế, tượng Phật rơi lệ, vua Minh đế băng hà. Sau đó binh biến nổi lên, quan thứ sử Kinh châu không tin pháp, sa thải tăng ni, mấy trăm vị ở chùa Trường sa phải hoàn tục, già trẻ trong làng đều buồn khóc, tượng Phật ra mồ hôi suốt năm ngày, hỏi nguyên nhân, Pháp sư Huyền Sướng nói: Phật thánh không xa, hiện hữu khắp nơi. Vì đàn-việt không tin nên hiện điềm lành này. Hỏi ở kinh nào? Đáp: Ở kinh Vô Lượng Thọ. Thứ sử cho tìm, quả đúng như lời nên ngừng lệnh sa thải. Tháng năm niên hiệu Đại Thông thứ tư, vua cho người đến chùa Bạch mã cầu cúng, đang đêm thấy ánh sáng bay theo sứ giả. Hôm sau lại tiếp tục cầu nguyện, tượng mới đi. Bốn chúng lưu luyến tiễn đến bến sông. Đến Kim lăng, cách kinh đô một dặm, vua đích thân ra đón rước, ánh sáng lại được phát ra, mọi người đều vui mừng, khen là việc ít có. Sau đó vua thiết lễ suốt hai ngày. Khi đưa từ cửa Đại thông ra vào chùa Đồng thái tượng lại phát ra ánh sáng. Vua cho xây điện ba gian hai mái ở phía Đông bắc chùa, đặt tòa bảy báu để tôn tượng, lại cho đúc hai tượng Bồ-tát bằng đồng mạ vàng. Tháng ba niên hiệu Đại Đồng năm thứ hai vua đến chùa lễ Phật. Vua vừa bước lên bậc cấp tượng liền phát ra ánh sáng, cảnh vật đều biến thành màu vàng đến nửa đêm mới trở lại như cũ. Sau chùa bị cháy, tượng vẫn còn nguyên. Niên hiệu Thái Thanh năm thứ hai, tượng lại ra mồ hôi. Tháng mười một năm đó Hầu Cảnh làm loạn. Niên hiệu Đại Bảo năm thứ ba, giặc cướp được bình định, Pháp sư chùa Trường sa lại thỉnh tượng về chùa cũ. Niên hiệu Đại Định năm thứ bảy thời Hậu Lương, tượng lại ra mồ hôi, tháng hai năm sau vua Trung Tông băng. Niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba, chùa bị cháy, chỉ sáu người mà nâng được tượng ra ngoài trong khi trước kia trăm người nhấc không được. Niên hiệu Thiên Bảo năm

thứ mười lăm, vua đến lạy Phật sám hối. Năm thứ hai mươi ba vua băng hà. Vua Túc Tông đưa tượng về cung Nhân Thọ, tượng lại ra mồ hôi. Niên hiệu Quảng Vận năm thứ hai, nhà Lương bị diệt. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ bảy, chư Tăng lại thỉnh tượng về chùa Trường sa. Quan thứ sử Kiềm châu Điền Tôn Hiển đến chùa lạy Phật, tượng lại phát ra ánh sáng. Quan liền cho xây chùa, đốn gỗ đưa về, nhưng đến Kinh châu thì không thể đi tiếp, quan cho xây ở đó, chùa được trang nghiêm rất đẹp, tượng được đặt ở hai điện Đông tây. Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ mười hai tượng lại ra mồ hôi, năm ấy Chu Sán cướp phá các nơi, phóng lửa đốt chùa, mọi người đều sợ tượng bị đốt, đêm đó tượng bỗng bay lên, đến trước cổng chùa Bảo quang. Sau khi giặc tan, chỗ để tượng không bị cháy, người ta xây lại chùa. Niên hiệu Phượng Minh năm thứ năm, Dương Đạo Sinh đến chùa lễ Phật, tượng lại ra mồ hôi như mưa, tháng chín năm đó binh mã Đại Đường kéo đến đất Thục. Ngày mười hai tháng chín Sư Pháp Thông lạy Phật cầu điềm lành. Đêm ấy ánh sáng soi sáng cả điện, mãi đến ngày hai mươi lăm mới hết. Hôm ấy binh mã của Triệu Quân vương vào thành. Tháng sáu niên hiệu Trinh Quán năm thứ sáu, trời đại hạn, vua quan thiết lễ cầu mưa, suốt bảy ngày đêm mọi người dốc lòng cầu nguyện, trời liền tuôn mưa.

Quan thái thú Ngô Hưng tên Chu Tị, có một người con gái tin phụng pháp Phật. Một hôm, gia đồng đi bắt cá, thấy trên sông có một tượng vàng cao gần ba thước, dung mạo trang nghiêm, nổi trên mặt nước. Người ấy kéo nhưng không được, liền về tâu lại thái thú. Thái thú cho đưa con gái mình đến xem. Thấy tượng người con gái vui vẻ kính lễ, vẫy tay, tượng bỗng nằm trên thuyền, họ đem về thờ ở nhà. Đêm ấy người con gái mơ thấy gối trái của Phật bị đau, tỉnh dậy xem thì thấy bị lỗ hổng, người con gái liền dùng kim thoa đắp vào. Sau, thái thú gả con cho Trương Trừng, người con gái mang tượng theo. Sau đó người con gái bị bệnh qua đời, mọi người đều thấy các vị trời đến rước. Họ Trương vì mãi lo thảo phạt giặc cướp nên bỏ trai giới, tượng Phật bị mất nhưng ánh sáng vẫn còn, cả nhà sám hối, tìm cầu. Sau đó có một bà lão đem tượng đến bán. Biết là tượng xưa cả nhà liền mua, bà lão liền biến mất, tượng cũng không còn.

Tượng gỗ ở chùa Vân bảo núi Cối Kê đời Đông Tấn do họ Lục làm, ban đầu làm theo kiến trúc thời trung cổ nên tượng không có thần, sau theo kiến trúc Đông Hạ nên tạo tượng rất đẹp, mọi người đều thích chiêm ngưỡng. Một người đốt hương khấn: Nếu thường còn thì xin cho thấy diện mạo vàng của Phật, nếu là vô thường thì xin ở trước Đức Di-

lặc, liền tỏa mùi thơm cả chùa. Tượng vẫn còn ở chùa Gia tường, Việt châu.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ hai đời Đông Tấn, Sa-môn Tuệ Hộ đúc tượng Đức Thích-ca cao một trượng sáu, bằng vàng, ở chùa Thiệu linh, quận Ngô. Sa-môn đúc tượng trong hang đá ở phía Nam chùa. Đêm đúc xong, trong hang có hoa trắng xuất hiện, sáng sớm mây trắng vần vũ trên hang, trong hang có con rồng dài mấy mươi trượng quấn quanh hang, dường như kính ngưỡng pho tượng, gió lặng, trời trong, mưa phùn làm tăng thêm mùi thơm. Khi đưa tượng vào pháp tòa, rồng bay lên trời. Sau đó có người sửa chữa lại pho tượng.

Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ nhất đời Đông Tấn, Tư Đồ Vương Mật vào cung, ở cửa Đông dịch, người hầu thấy ở cửa có ánh sáng năm màu, liền chạy vào xem thấy tảng đá cổ, dưới đó là một tượng vàng cao bốn thước, tượng này giống như tượng mà Tôn Hạo thấy, liền thỉnh về cung. Tống Tổ vốn không kính tin nhưng khi được tượng này thì càng tin, liền đích thân lễ cúng. Tượng này vốn ở chùa Ngõa quan, sau dời về chùa Long quang.

Tượng thái tử tư duy ở Từ châu đời Đông Tấn, xưa Sa-môn Pháp Hiển đến Thiên Trúc chiêm bái thánh tích. Sa-môn đến ở trong một ngôi chùa nhỏ, vị chủ trì có việc đi xa nên bảo chú tiểu đi khất thực để cúng dường Sa-môn. Lát sau chú tiểu trở về, bàn chân bị chảy máu, Sa-môn hỏi thì chú tiểu nói đến nhà Ngô Thương Ưng ở Bành Thành để khất thực, bị chó cắn, Sa-môn thấy lạ vì cách quá xa, sau mới biết đó không phải là người thường. Sau khi về nước Sa-môn tìm hỏi nhà họ Ngô bảo là có việc, hiện trên cửa vẫn còn vết máu. Sa-môn bảo, đó là máu của vị La-hán. Nhà họ Ngô liền sửa nhà thành chùa, đến Dương Đô thỉnh kinh tượng. Họ đến giữa sông Tế thì thuyền bị nghiêng, có hai cột dài một trượng từ nước vọt lên thuyền. Khi đem lên bờ, họ mới biết là răng rồng. Đến sông Tế, họ Ngô lên bờ nghỉ, bỗng thấy một vị Bà-la-môn mang một pho tượng nói là đem cho họ Ngô. Khi đem về kinh có người mô phỏng thành ngàn pho giống nhau. Họ Ngô tìm tượng của mình thì mộng thấy rõ tướng tượng nên đã tìm được, đưa về Từ châu. Ngụy Hiếu Văn lại thỉnh về Bắc Đài, Tề Hậu chủ sai Thường Bưu thỉnh về đất Nghiệp. Sau nhà Tùy lên tượng lại hiển linh, hiện ở chùa Đại từ, Tương châu.

Tượng Bồ-tát Văn-thù ở Lô sơn đời Đông Tấn. Một người làng chài mơ thấy ánh sáng trên bờ biển, liền tâu lên đại thần Đào Khản. Khản cho người tìm biết là tượng Bồ-tát Văn-thù do vua A-dục đúc tạo.

Tương truyền vua A-dục thống trị vùng này, ma quỷ quấy rối, vua làm nhà ngục để chế phục. Đêm đó, vua thấy Văn-thù đứng trong vạc dầu, khi đốt lửa, tự nhiên có hoa sen xanh mọc lên. Vua tỏ ngộ liền phá hủy ngục, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp và tạo vô số tượng. Lúc đầu Khản không tin nhân quả nhưng khi thấy việc này thì kính tin, Khản đưa tượng về chùa Hàn Khê ở Vũ Xương, sau dời về Kinh châu nhưng mấy mươi người đưa tượng lên thuyền thì thuyền bị chìm, Khản liền đưa về chùa cũ. Sa-môn Tuệ Viễn liền thỉnh về Lô Sơn. Cuối đời Tùy giặc cướp phá, tăng chúng bỏ đi, một lão tăng đến từ biệt tượng. Tượng bảo: ông đã già không nên đi. Lão tăng liền ở lại. Lúc đó giặc cướp đến quấy phá, vào chùa tìm vàng, chúng bắt lão tăng đòi vàng, biết không có, chúng định giết, lão tăng xin giết bên ngoài để không làm ô uế chùa. Lúc sắp bị giết lão tăng nói: Suốt bảy mươi năm chưa từng phụ lời Phật, lại xin tên cướp đợi khi mình đưa cổ ra hãy giết. Lão tăng làm vậy, tên giặc hạ đao, dao lại đâm trúng tên giặc. Bọn giặc tẩu tán thì bị sấm sét đánh chết. Từ đó giặc cướp không dám lên núi. Tượng hiện còn ở chùa Đông lâm trên núi.

Tượng ở Lương châu thời Nguyên Ngụy. Niên hiệu Đại Diên thứ nhất, Sa-môn Lưu Tát Hà đến Kim Lăng lễ tháp xá-lợi, xong việc Sa-môn đi về phương Tây, đến phía Đông bắc huyện Phan hòa cách Tương châu một trăm bảy mươi dặm, Sa-môn liền nhìn lên núi, bảo có tượng linh hiện. Tượng đủ thì thời bình, thiếu thì thời loạn, dân khổ. Tám mươi bảy năm sau, niên hiệu Chánh Quang năm thứ nhất, gió bão nổi lên, trên núi hiện tượng đá cao một trượng tám, hình tướng trang nghiêm nhưng không có đầu. Sau đến đầu nhà Chu, người ta tìm thấy đầu tượng cách thành bảy dặm về phía Đông, đem ráp vào thì rất khớp với thân tượng. Từ đó ánh sáng thường hiện, tiếng chuông vang xa. Niên hiệu Bảo Định thứ nhất, vua nhà Chu xây chùa đắp tượng. Khi Kiến Đức sắp diệt, đầu tượng lại bi rơi. Vũ Đề sai Tề vương đến xem, vương sai đặt đầu tượng lên thì lại rơi xuống, sau đó nước mất, pháp không còn. Niên hiệu Đại Nghiệp năm thứ năm, Dạng đế đi đánh phía Tây, vua đến đây lễ Phật, đổi thành đạo tràng Cảm Thông, hiện vẫn còn.

Tượng đất trên núi đá ở Lương châu: Đây là vùng đất thịnh nhất trong năm châu ở Lũng tây. Tất cả chùa tháp trong cung điện ở đây thường bị lửa cháy. Nếu xây dựng lại thì cũng bị như trước. Nếu dùng vàng bạc để làm thì lại bị trộm cướp. Cho nên là người ta thờ Phật bằng đá, bằng đất ở phía Nam của châu. Người đến lễ bái đều rất ngạc nhiên vì họ thường thấy có vị Tăng kinh hành xung quanh, việc này kéo dài

hơn trăm năm.

Vương Mông Tốn ở Hà tây, Hà bắc vì mẹ mà làm tượng đá cao một trượng sáu đặt ở chùa Vu sơn. Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ sáu nhà Tống, thế tử Hưng Quốc dấy binh bị hại, chết. Tốn rất tức giận, cho là thờ Phật không linh, liền hạ lệnh đập phá chùa tháp, đuổi tăng ni. Hôm Tốn đến núi Dương Thuật chư Tăng đứng bên đường đợi, thấy họ Tốn giận dữ chém chết mấy người. Tướng sĩ đến lạy Phật, thấy tượng rơi lệ, liền tâu với Tốn. Đến trước cổng chùa, Tốn thấy người mệt mỏi, những người xung quanh đỡ đến xem tượng, quả thấy tượng khóc, Tốn cúi lạy tạ tội, lập trai đàn, thỉnh chư Tăng trở về. Tội ác rất lớn nên Tốn lo sám hối, cho dịch kinh Đại Niết-bàn. Sau Tốn bị giết. Hiện ở trên núi cách Sa châu ba mươi dặm về phía Nam còn hai trăm tám mươi bức tượng Phật.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai đời Tống, Lưu Thức Chi tạo tượng Bồ-tát Văn-thù, đêm ngày lễ bái, nhưng bỗng nhiên tượng bị mất, họ Lưu ngày đêm thỉnh cầu, năm năm sau, họ Lưu thấy trên tòa sen có ánh sáng rực rỡ, họ Lưu liền đốt hương, quét dọn thì thấy tượng cũ trở về.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai đời Tống, Lưu Nguyên Chi, người Trường sơn, Đông dương, làm nghề nông, một hôm đốt cỏ, thấy một chỗ cỏ không bị cháy, họ Lưu ngạc nhiên không dám khai khẩn nữa. Ít lâu sau họ Lưu đào thấy một pho tượng đồng cao gần ba tấc, không biết từ đâu đến.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười bốn đời Tống, Tỳ-kheo-ni Tuệ Ngọc, chùa Linh mộc, Giang lăng tu hành tinh tấn. Xưa ở chùa Thượng thư, ni sư thấy cầu vồng trắng, tìm đến thì thấy tượng Đức Di-lặc bằng vàng cao một thước. Giờ ở chùa này lại thấy ánh sáng chiếu sáng cả khu rừng, sư nói mọi người nhưng không ai thấy. Sau đó vị chủ trì tìm thấy một tượng bằng vàng cao gần một thước.

Niên hiệu Gia Nguyên năm thứ mười bốn nhà Tống, gia đình Tốn Ngạn kính tin Phật pháp. Người thiếp chuyên tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm thấy ở dưới đất có ánh sáng sáng, cho người đào thì được một pho tượng vàng cao hai thước một tấc. Chân tượng có ghi: Sư Pháp Tân chùa Ngõa quan làm vào năm Canh Tý, niên hiệu Kiến Vũ năm thứ sáu.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai mươi mốt nhà Tống. La Thuận làm tướng Bình tây phủ, tháng mười hai họ La thả chim ưng về rừng, đốt lửa, nhưng có một chỗ không bị cháy, họ La đến nơi thì thấy một pho tượng Bồ-tát bằng vàng cao một thước, được làm rất khéo léo, họ La

cho là trộm cướp, liền rao tìm người mất, không thấy ai đến xin tượng họ La liền thờ phụng.

Khang Vương nhà Tống xây chùa trong thành Kinh châu để thờ kinh tượng. Trên vách chùa có rất nhiều tượng vẽ Bồ-tát, gia thế Dương Văn Vương, Khang vương cho xóa đi nhưng càng xóa tượng càng rõ, họ Khang lại cho hủy vách ấy thì bị bệnh, nhắm mắt là thấy các hình tượng quẩn quanh, sau họ Khang không ở đó nữa, lo việc giảng dạy.

Nguyên Gia năm thứ hai mươi ba đời Tống, ở Giang lăng có gia đình họ Trương, người con gái tuy nhỏ tuổi nhưng kính tin Phật pháp, muốn xuất gia học đạo. Cha mẹ không thích nên ngầm gã cho nhà họ Bính. Khi biết được, cô gái liền tự vẫn, tượng Phật trong nhà liền phát ra ánh sáng, thấy vậy cha mẹ liền đồng ý cho cô gái xuất gia, hai nhà càng kính tin pháp Phật hơn. Thừa tướng Vương Trấn Thiểm xây tinh xá cho vị ni ấy.

Niên hiệu Thái Thỉ năm thứ hai mươi bốn nhà Tống, Hà Kính Thúc tôn thờ pháp Phật, nhân theo quan thứ sử đến Tương châu xem xét, gặp được chiên-đàn, liền tạo thành tượng nhưng không thành. Đêm nọ, mơ thấy một vị tăng bảo: Chiên-đàn khó làm như gỗ thường, nhà họ Hà có cái mộc bằng cây ngô đồng, có thể làm được. Sau khi mua được thì tượng cũng được làm xong. Một hôm mơ thấy tượng nói: chuột cắn chân ta. Hôm sau tìm quả đúng như vậy.

Niên hiệu Kiến Nguyên đời Tề, tinh xá ở Tỳ-gia-ly ở Phiên ngung có thờ tượng đá nước Phù Nam, bình thường bảy, tám mươi người mới nhấc được. Lần nọ chùa bị cháy, nhưng riêng gian thờ tượng không bị cháy, các ni liền vào cứu tượng. Lạ thay chỉ ba, bốn vị là nâng tượng ra ngoài được. Sau khi đưa tượng ra, gian thờ ấy bị cháy. Về sau mỗi lần có tai họa binh biến sắp xảy ra, tượng thường ra mồ hôi. Sau thứ sử Quảng châu đưa về kinh, hiện còn ngôi chùa ở Tương châu.

Quan thứ sử Từ châu nhà Tống Vương Trọng Đức, tạo tượng vàng, cao một trượng tám ở chùa Tống vương, Bành thành. Tượng thường xuất mồ hôi khi sắp có điều xấu xảy ra. Nhân khi quân Ngụy đánh phá diệt pháp, đuổi tăng, tượng ra mồ hôi rất nhiều, bao nhiêu người lau vẫn không khô. Quan thứ sử Từ châu Lương Vương vốn kính tin Phật pháp, thấy vậy liền đốt hương, lạy tạ, khấn rằng: Chúng tăng không có tội, nguyện xin che chở. Nếu lòng thành cảm ứng thì xin lau khô mồ hôi. Quả nhiên như lời khấn, thứ sử liền dâng sớ tâu vua.

Niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ nhất đời Tề, Vương Viêm ở Thái Nguyên thọ năm giới với Pháp sư Hiền ở Giao chỉ, được Pháp sư tặng

tượng Bồ-tát Quán Âm để thờ. Họ Vương thỉnh về thờ ở chùa Nam Gian. Một hôm mộng thấy tượng hiện tướng rất lạ, sáng ra mới biết chùa bị mất tượng, bọn cướp ăn cắp để đúc tiền. Mùa thu niên hiệu Đại Minh năm thứ bảy nhà Tống cả nhà thấy ánh sáng lạ liền gửi tượng ở chùa Đa bảo. Sau nghe tin tượng bị mất, họ Vương lại mơ thấy tượng, chư Tăng tìm được. Ngày mười ba tháng bảy niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ nhất họ Vương làm bài tựa về sự linh hiển của tượng thần.

Ngày mùng tám tháng một niên hiệu Thiên Giám thứ nhất Lương Vũ đế mơ thấy tượng chiên-đàn được đưa về nước, vua hạ chiếu đón rước. Theo Phật Du Thiên Ký và kinh Ưu-điền Vương ghi: Phật lên cõi trời Đao-lợi nói pháp độ mẹ, quan vua rất nhớ Phật, vua nước Ưu-điền liền sai ba mươi hai người thợ, thỉnh Tôn giả Mục-kiền-liên vẽ tượng Phật, vua cho đúc để thờ, hiện ở tinh xá Kỳ hoàn. Vũ Đế muốn thỉnh tượng này, liền sai tám mươi người đến Xá-vệ thỉnh tượng. Vua Xá-vệ nói: Đây là tượng ở đất Phật không thể đem về vùng khác. Liền cho ba mươi hai người thợ khắc gỗ chiên-đàn tía làm tượng tặng. Họ khắc từ giờ Mẹo đến giờ Ngọ thì xong, tượng rất đẹp, đỉnh tượng lại có ánh sáng, trời rải hoa như mưa, hương lạ thoảng khắp vùng. Kinh Ưu-điền Vương chép: Chân thân đã ẩn, hiện ở tượng này, lợi ích cho mọi loài. Tám mươi người sứ cùng thỉnh tượng về. Vì đường đi gian khổ, phải vượt qua bao sóng gió nên nhiều người mất mạng. Một hôm mọi người đang đói khát liền thấy phía trước có một vị Tăng, họ đến lễ bái, vị Tăng trao cho bát nước, uống vào ai cũng thấy khỏe khắn lạ thường. Vị Tăng nói: Tượng này là tượng Tam-miệu Tam-phật-đà Kim-tỳ-la Vương, sẽ làm nhiều việc Phật. Nói xong vị Tăng biến mất. Ngày năm tháng tư niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười, họ thỉnh tượng về đến kinh đô. Vua quan ra ngoài bốn mươi dặm để đón. Nhà vua ra lệnh ân xá, không giết, không tham dục. Tháng năm niên hiệu Thái Tinh năm thứ ba vua mất. Tương Đông Vương lên ngôi ở Giang lăng, thỉnh tượng về đó. Niên hiệu Đại Định năm thứ tám nhà Hậu Lương, vua xây chùa Đại minh ở phía Bắc thành rồi thỉnh tượng về thờ.

Đầu niên hiệu Thiên Giám nhà Lương, vua cho xây chùa Quang trạch, tạo tượng vàng cao tám trượng. Người thợ theo mẫu đúc tượng nhưng sợ thiếu đồng, vua cho chở năm mươi xe đồng đến, họ làm thấy cao hai trượng hai nên tâu vua xin thêm đồng. Vua cho là điềm lạ, liền ghi lại ở chân tượng, hiện vẫn còn. Vua lại cho xây chùa Đại Ái kính ở núi Chung Sơn tạo phước cho vua cha, tượng Phật hiện rất nhiều thần tích. Ở huyện Diệm có tượng Phật bằng đá do vua A-dục khắc tạo.

Thiền sư Đàm Quang từ phương Bắc đến, thấy cảnh sắc núi sông nhàn tĩnh nên cất am tranh tu học. Trong hư không có tiếng nói: Đây là đất Phật, sao lại có nhà cỏ. Nghe vậy Thiền sư dời đến núi Thiên thai, đúc tượng Phật để thờ nhưng không thành. Sau vua Lương bị bệnh, có người báo mộng đến lễ tượng ở huyện Diệm, vua thỉnh Luật sư Tăng Hựu đến xem, thấy tượng còn thô liền đẽo gọt thì tượng hiện ra rất đẹp, đầy đủ đức tướng. Người nhà của thái tử liền làm bia ghi lại.

Sau vua Lương Thế Tổ lên ngôi, ông rất tôn sùng Phật pháp, phế bỏ lễ giáo, thường mời chư Tăng vào cung đàm đạo, tạo đúc hai tượng vàng bạc, kính lễ gần năm mươi năm, ngày đêm sáu thời,vết chân in trên đá. Sau Hầu Cảnh đoạt ngôi, vua vẫn lễ bái. Thái úy Vương Tăng Biện giết Cảnh, đón Trinh Dương Hầu Túc Uyên lên ngôi. Khi ấy đất Giang Tả chưa yên, Biện sai con rể là Đỗ Kham đến trấn giữ. Tánh họ Đỗ hung ác nên muốn đập bỏ hai tượng kia. Họ Đỗ sai mấy mươi người buộc dây vào cổ tượng để kéo, lập tức tay bọn chúng đều bị tê liệt, sau lại thấy lực sĩ Kim Cang tay cầm chày đánh, làm cho thân thể chúng đều bị ra máu, chết tươi.

Niên hiệu Thiên Bình thời Nguyên Ngụy, Tôn Kính Đức trấn giữ Định châu, tạo tượng Bồ-tát Quán Âm. Sau bị tống giam vào ngục, khép tội tử hình. Đêm trước khi bị hành quyết, họ Tôn lạy Phật, sám hối tội lỗi, khóc lóc khẩn cầu: Nay bị oan ức phải là do đời quá khứ giết oan người, xin đền tội, nguyện không bao giờ phạm nữa. Lại phát nguyện lớn. Chợt thấy một vị Sa-môn dạy tụng kinh Quán Thế Âm cứu sinh một ngàn lần sẽ thoát nạn khổ. Họ Tôn tỉnh dậy tụng đọc đến sáng thì tròn một trăm biến. Khi bị đưa đến pháp trường họ Tốn vẫn tụng đến lúc hành hình là tụng đủ ngàn biến. Đao phủ hạ đao, đao bị gãy làm ba khhúc, họ thay đao khác vẫn bị gẫy như trước. Quan trông thấy liền tâu lên thừa tướng, họ Tôn được khỏi tội chết, trở về lo thiết lễ đền ơn. Lại thấy cổ tượng bị ba nhát dao chém, mọi người đều cho là sự cảm ứng.

Trần Vũ Đế băng, con của người anh tên Thiến lên kế vị. Vua lại muốn xây lăng mộ, làm xe lớn nhưng vì quốc khố không đủ, nghe tượng ở điện thời Lương Vũ Đế làm bằng vàng bạc châu báu, vua định cho phá để lấy vàng xây lăng, vua cho người đến đó, trời bỗng u ám, mưa to gió lớn, tướng ánh sáng hiện, bốn bộ thần cùng nâng tượng bay lên hư không, mọi người đều kinh ngạc, kính tin. Sau trận mưa, ở nơi thờ tượng chỉ là gian nhà trống không. Tháp ở chùa Vĩnh Minh hôm đó cũng có hiện tượng lạ ấy.

Sa-môn Tăng Hộ, chùa Linh thạch, Tấn châu, cuối thời Bắc Tề,

tu tập đạo nghiệp nguyện tạo tượng đá cao một trượng tám. Mọi người cho là kiêu ngạo. Sau đó Sa-môn thấy một tảng đá trong hang ở phía Bắc chùa cao một trượng tám nên nhờ thợ tạc tượng. Hôm đó tượng ra mồ hôi, Tấn châu bị binh biến, quân lính đến đốt chùa tháp, tượng bị gãy hai ngón tay. Sáu mươi người lính dùng sức kéo phá tượng vẫn y nguyên. Sau có người mộng thấy tay tượng bị đau, tỉnh dậy người ấy liền đắp lại. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ mười lăm có tên trộm cướp phướn lọng, thấy tượng đến trách, hắn liền trả về chỗ cũ.

Niên hiệu Kiến Đức năm thứ ba, Chu Vũ Đế quyết tâm diệt Phật, trên ngọn núi cách Kinh châu hơn trăm dặm về phía Bắc, người ta thấy có ánh sáng lạ, tìm thì thấy có tảng đá như pho tượng nằm, đào sâu thì thấy quặng sắt cao gần ba trượng, người ta định đẽo dũa nhưng không được, đào sâu nữa thì thấy ống chân đá, dân chúng kéo lên, tượng bị rơi, chân đá vẫn đứng thẳng, bèn lập chùa Đại tượng ở đó. Sau nhà Tùy sửa chữa, đổi thành chùa Hiển tế, nhưng tìm ở đó lại không thấy gì, nên cho đó là thần lực cảm ứng. Cuối niên hiệu Trinh Quán, vua xây cung Ngọc hoa, đặt tượng ở đó để lễ bái. Niên hiệu Vĩnh Huy, vua đổi cung thành chùa, nay thuộc phường châu. Đêm đêm mọi người thường thấy ánh sáng lạ hiện ở đó.

Tượng gỗ chùa Hoa nghiêm, Tương châu, cao gần một trượng. Khi nhà Chu diệt pháp, đầu tượng bị mất, nhà Tùy tìm thấy, trang nghiêm lại như xưa. Đó là tượng Phật Lô-xá-na. Người ta thường cầu cúng. Lúc vua sắp băng, tượng chảy mũi, lớp vàng bị bóc ra, phát ra ánh sáng. Tháng tư niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi ba, tượng cũng có sự lạ như trước, sau đó vua Thái Tông băng hà. Tháng sáu tượng lại có sự lạ, dân chúng không biết tai họa gì xảy ra. Tháng bảy nước sông Hán dâng, kéo trôi người vật, mọi người đến chùa cầu khẩn.

Niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, điện Phật chùa Hưng hoàng ở Tương châu bị cháy, mọi người đều sợ tượng đồng cao trượng sáu bị cháy nhưng tượng vẫn còn nguyên, sau dời về chùa Bạch mã. Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ hai, tên trộm vào định cướp tượng, bỗng tay bị kẹt, không rút ra được. Sáng hôm sau chư Tăng hỏi, tên trộm nói có người đến trói tay.

Tượng Phật A-di-đà và năm mươi tượng Bồ-tát được xem là điềm lành từ Thiên Trúc. Tương truyền: Bồ-tát đạt năm thông ở chùa Kê đầu ma Thiên Trúc đến cõi tịnh, thưa với Đức Phật A-di-đà rằng chúng sinh Ta bà muốn sinh về cõi này nhưng không thấy hình tượng Phật, e không có sức thần, xin Phật giáng hạ. Phật bảo: Hãy về đi sẽ thấy. Bồ-tát trở

về thì thấy một tượng Phật và năm mươi tượng Bồ-tát ngồi ở tòa sen trên lá. Bồ-tát vẽ theo để truyền bá. Về sau con của Đằng Tỉ xuất gia mới thỉnh được về đất Hán. Sau trải qua nhiều năm tháng và sự diệt pháp của các triều đại, tượng không còn thấy nữa. Nhà Tùy khai giáo, Sa-môn Minh Hiến được Pháp sư Đạo Trường tặng một bức, Sa-môn cho vẽ lại để truyền bá. Họa sĩ Tần Trọng Đạt ở Bắc Tề vẽ lại trên vách. Hiện vẫn còn.

Tượng đá chùa Nhật nghiêm ở kinh đô nhà Tùy, tượng cao tám tấc, rộng năm tấc, được làm bằng đá bát lăng tử nên rất trong suốt. Xưa vị Tăng Tây Vực mang sang, nhưng gặp loạn Hầu Cảnh nên cất tượng ở chùa Tây lâm núi Lô sơ, Giang châu. Tùy Dạng Đế cho tập hợp các cảnh tích xưa, thấy bản ghi về tượng liền sai người đến chùa tìm. Sau này mới đưa về chùa Nhật nghiêm không cho ai vào xem. Cuối niên hiệu Đại Nghiệp, tăng chúng kéo đến chiêm ngưỡng tượng, mọi người thấy một vẽ, vua liền lập trai đàn sám hối thì tượng hiện lại như xưa. Nhưng nhìn vào tượng người thì thấy Phật, Bồ-tát, người thì thấy địa ngục khổ đau. Từ đó về sau mọi người đến lễ tượng để biết kiếp trước kiếp sau của mình.

Bốn mặt Phật ở chùa huyện Sa hà, Hình châu nhà Tùy. Thời Tùy tổ có một người vào núi thấy một vị Tăng giữ pho tượng bằng đồng, cao hơn ba thước, liền xin, vị Tăng cho, nhưng bỗng biến mất, lại thấy một người dẫn đến chùa Sa hà thì thấy một khối vàng hình con chim và có ghi chữ làm tượng Phật bốn mặt. Sau lại biến mất. Bên hông chùa thường có ánh sáng hiện. Tùy Hậu Chủ nghe, liền cho người đúc, mãi hơn hai trăm ngày mới xong.

Niên hiệu Vũ Đức đời Đường, Hác Biện, Hác Tích ở phường châu vốn kính tin Phật. Họ thường thấy trên núi có một bầy nai nhưng đuổi chúng đi không được. Thấy lạ họ đào chỗ nai đứng thì thấy một pho tượng đá cao gần một trượng tư. Họ đưa về làng. Từ đó không thấy bầy nai nữa. Tương truyền thời Phật Ca-diếp có bốn mươi pho tượng được chôn trên núi, hiện chỉ thấy được hai tượng.

Chùa núi Tam học ở Giản châu, Thục Xuyên, đời Đường có dấu chân Phật, trong hư không thường có đèn thần chiếu soi vào ban đêm, ngày chay càng nhiều. Sau có người cỡi ngựa đến chùa để tìm. Ngoài mười dặm thì thấy đèn nhưng đến thì mất. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười thầy Pháp Tạng đến ngủ đêm ở chùa, bỗng có một vị đại thần lôi ra ngoài cửa, quăng ra xa bảy dặm, làm đau chân, thầy trở về chùa, đóng cửa.

Tháng chín niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười bảy đời Đường, đô đốc Lương châu Lý Tập Dự đi tuần hành đến huyện Xương tuyền phía Đông nam, thấy có tảng đá gồm một trăm mười chữ, ghi về bảy Đức Phật và tám Bồ-tát. Đô đốc dâng sớ tâu, vua hạ chiếu xá tội một năm.

Núi Bắc Thạch chùa Tương Tư cách Du châu hơn trăm dặm về phía Tây có mười hai vết chân Phật, dài gần ba thước, rộng một thước mốt, in sâu chín tấc, giữa có hình cá, cách hơn mười bước về phía Bắc điện Phật có một vị Tăng ở đó. Tháng mười niên hiệu Trinh Quán năm thứ hai mươi, trong suối của chùa có hoa sen màu đỏ mọc lên, to ba thước, có hình người khóc. Mọi người đến xem đều kinh ngạc, tên chùa Tương tư có từ đó.

Trên núi, chùa Linh kham ở huyện Hưng ninh, nằm về phía Đông bắc Tuần châu nhà Đường có hơn ba mươi vết chân Phật to gần năm thước. Trong một con sông cách Tuần châu hai trăm dặm về phía Đông tây, một trăm dặm về phía Nam bắc có một kho đồng, có bài minh: Tăng được thì phước, tục được thì họa. Tục truyền: Xưa có một vị Tăng từ phương Bắc đến ẩn ở đây, hôm lên núi Hồng lĩnh, vị Tăng lần đến chỗ vết chân Phật. Thấy cỏ cây ở đó tốt tươi liền ngủ đêm. Nửa đêm sơn thần hiện lên dọa, bảo: Không nên ở đây, quỷ thần hay đến quấy rối. Vị Tăng bỏ đi. Thời Tống có hai vị Tăng đến đó tìm, biết vị Tăng kia trì kinh Pháp Hoa, hàng phục ma quỷ, chúng đều theo tu học. Sau có người tìm thấy bảy dấu chân in trên đá. Đến niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba, người ta lại thấy thêm một dấu chân nữa, tất cả đều phát ra ánh sáng. Vua nhà Tống liền xây chùa ở đó.

Niên hiệu Hiển Khánh năm thứ tư đời Đường, thứ sử Phủ châu cầu cúng để tránh hạn hán nhưng không được. Về sau có người thấy trên núi phía Đông có tượng đi nhưng không dời được. Người ta theo đường đi tìm thấy hai vết chân dài hai thước cách nhau năm dặm. Nghe tin thứ sử và dân chúng đến thắp hương cầu khẩn xin mưa, lại thỉnh tượng về chùa. Lúc đưa tượng đi mây phủ giăng, đến đêm thì tuôn mưa.

Niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, chùa núi Ngộ chân huyện Lam điền, Ung châu có nhiều tăng chúng tu học. Một vị Tăng xây một cốc nhỏ ở khe núi phía Bắc nhưng trước cốc có một tảng đá rất lớn, trở ngại việc đi lại. Vị tăng làm mọi cách để phá đá nhưng không được, sau đập đá ra thì được một tượng vàng, cao năm tấc, hiện còn ở chùa.

Ở huyện Hộ đất Ung châu đời Đường có tượng vàng cao ba thước sáu, thường phát ra ánh sáng. Tôi nghe thì đến chiêm ngưỡng, trên chân

tượng có bài minh: Ngày tám tháng tư niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ hai mươi, đúc tại chùa Trường an. Công chúa xuất gia học Phật, có nói: nhờ sự cảm ứng của tượng Phật nên được xuất gia. Xin mô phỏng theo để tạo phước cho mười phương.

Xưa giáo pháp bị diệt, tượng được cất ở Song la nhân. Sau có người nghe tiếng, thấy ánh sáng lạ liền báo dân làng đến tìm, họ đào thấy tượng nhưng dân chúng cất giấu để cúng thờ vì còn là thời Chu. Nay vẫn còn.

Tháng hai niên hiệu Long Sóc năm thứ ba đời Đường, ở Thẩm châu có tượng xuất hiện. Ở hang huyện Cẩm thượng vốn có ba pho tượng đá, tượng giữa thường phát ra ánh sáng soi sáng cả hang. Dân chúng đồn đến tai vua. Vua cho sư Huyền Tú chùa Đại từ ân và sứ giả đến xem. Thấy ánh sáng chiếu sáng họ liền tâu vua, ánh sáng soi chiếu suốt ba đêm mới hết. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba chúng tôi có đến huyện này nhưng không thấy điềm lạ.

Niện hiệu Long Sóc năm thứ nhất đời Đường. Vua hạ chiếu cho thầy Hội Tích chùa Hội xương lên núi Ngũ đài để tu sửa chùa tháp. Núi này có năm đài, đài giữa cao nhất, được làm từ thời Ngụy Cao tổ Hiếu Văn Đế. Phía Bắc đài vẫn còn vết tích người ngựa, trên đỉnh có ao Thái Hoa Tuyền, lại có suối nhỏ, giữa có hai tháp thờ Bồ-tát Văn-thù. Tương truyền Bồ-tát Văn-thù đến núi Thanh lương nói pháp cho năm trăm vị tiên. Núi này rất lạ, ít có cây cối chỉ có rừng thông, phía Nam núi có đỉnh Thanh lương, dưới núi có phủ Thanh lương. Cách ba mươi dặm về phía Đông của đài có chùa Linh thứu, ở đó có hai đạo tràng. Tương truyền do Hán Minh Đế xây dựng, phía Nam có vườn hoa, thật là đất của thần tiên. Sư Hội Tích cùng huyện thừa và hơn hai mươi người lên núi tu sửa. Thấy thần tích họ ra sức tu sửa tôn tạo. Chợt nghe tiếng chuông vang lên, mùi hương thoảng ra, tất cả đều khen lạ. Họ đến phía Tây, thấy một vị Tăng cỡi ngựa đi về phía Đông, họ liền chạy theo nhưng không kịp. Điềm lạ ấy vẫn thường ẩn hiện. Phía Đông nam là Hằng Nhạc, phía Tây bắc là Hằng Thiên, giữa có sáu ngôi tháp Phật, thân tướng các Thiền sư Giải Thoát, Tăng Minh vẫn còn.

Niện hiệu Long Sóc đời Đường tả hành quân tướng Tiết Nhân Quý đánh dẹp đất Liêu. Thấy tượng đi trên núi, tướng quân hỏi mới biết là kỳ tích đời trước, liền cho vẽ lại để lưu truyền.

■

TẬP THẦN CHÂU TAM BẢO CẢM THÔNG LỤC

QUYỂN 3

Chánh pháp do người mở mang, cho nên khi Phật chưa giáng trần, pháp vẫn có nhưng không hiển, không có tăng làm sao truyền pháp. Đó là sự tương giao của sự lý. Vì thế bốn y ba phần, con người là đầu mối. Thần tăng chùa Thánh hiển bày khắp bốn biển là nhờ đức của La-hán, công của chư Tăng. Xin nêu vài việc về chùa thánh, giáo linh, thần tăng.

Chùa Thanh lương núi Thiên thai ở gần biển Lâm; chùa núi Bồng lai ở Đông hải; chùa Tiên hang, Đường thuật, Bảo hãn, Lâm hà; chùa Trúc lâm núi Thạch cổ, Tương châu; chùa Linh ẩn, Lô sơn, Nham châu; chùa núi Minh tịch, Tấn dương; chùa Thái phu núi Ngũ đài, Đại châu; chùa hang đá núi Hắc phong, Tây Vực; chùa Cửu không tiên núi Thái nhất, Ung châu; chùa Trúc Lâm, đỉnh Đại tần, núi Chung nam; chùa Nam độc cửa Đạo ngọ, Lương châu; chùa Cự minh núi Chung nam.

Chùa núi Thiên Thai đời Đông Tấn: Sa-môn Miên Đạo Hiến lên núi Thiên Thai, bỗng nghe tiếng nói rằng: Người này không tiết tháo nên không thấy được chùa thánh. Sa-môn liền chống tích trượng đi tìm khắp nơi, lại nghe có tiếng nói: Mười năm sau hãy đến, cần gì phải khổ công tìm kiếm. Nghe vậy Sa-môn lấy cỏ tranh lập am, tháng ngày thiền quán. Sau quả thấy chùa tháp uy nghiêm, thánh tăng hiển linh, nói: Mười năm sau hãy đến, cần gì phải ở sớm. Sa-môn không đi vẫn ở đó tu luyện, sau đó tự hóa. Vương Hy Chi có lên núi chiêm bái, hiện nay vẫn còn.

Thời Tống, Chu Linh Thạch đi đến Liêu đông, trên đường về bị lạc đường, liền để thuyền trôi theo dòng nước, hơn một tháng sau họ Chu trôi dạt vào một đảo nhỏ, lương thực đã hết, họ Chu lên đảo tìm nước uống, thì thấy một ngôi chùa rất lớn. Vị Tăng hỏi nguyên nhân, họ Chu kể lại. Vị tăng bảo ở lại, họ Chu nói: Đây là nơi của bậc Thánh,

người phàm không thể ở, rồi xin ra đi. Vị Tăng nói, ở đây cách đất liền hơn hai mươi vạn dặm. Nghe nói, họ Chu liền kinh sợ, không biết vì sao lại đến được. Vị Tăng liền trấn an: Đừng lo, sẽ có người đưa về. Lại hỏi có biết đạo nhân Bôi Độ không? Thưa biết. Vị Tăng chỉ lên túi bát nói: Là vật đó. Vì phạm lỗi nên bị phạt xuống cõi người. Rồi vị Tăng đưa túi bát cho họ Chu và một bức thư, bảo chú Sa-di đưa họ Chu về. Chú tiểu bảo họ nhắm mắt lại. Họ làm theo, chỉ nghe tiếng gió thổi vèo vèo, nhìn trộm thì thấy thuyền bay trên mây. Không bao lâu thì họ đã về đến Dương Đô. Thấy Bôi Độ bị gông, họ Chu liền đưa bức thư, Bôi Độ kinh ngạc nói: Ngươi đã đến chỗ đạo nhân Bồng Lai ư? Đạo nhân có kêu ta về không? Họ Chu kể lại mọi chuyện, rồi đưa bình bát, Bôi Độ cầm bát nói: Đã hơn bốn ngàn năm ta không thấy cái bát này, liền đưa lên hư không. Vào niên hiệu Thái Sơ họ Chu vô cớ qua đời.

Chùa hang Đường thuật ở Hà châu thời Sơ Tấn: Trên núi Tích thạch cách Hà châu năm mươi dặm về phía Đông bắc có rất nhiều ngọn núi, hình thế khác nhau hoặc như tháp báu hoặc như lầu gác, thông bách trang nghiêm, thật là thánh tích. Đi về phía Nam khoảng hai mươi dặm thì đến hang đó, xung quanh chùa là cây trái suối nước, vẫn có chư Tăng ở. Phía Nam có cổng đá, được làm từ đời Tần Thái Thủy. Phía Đông có một ngôi chùa trời không rõ nơi chốn nhưng tiếng chuông luôn vọng ra, lại có thánh tăng thường ẩn hiện nên đặt tên hang là Đường Thuật. Khương nói là quỷ thần. Xưa nay người ta lên núi thường thấy có chùa có tăng xuất hiện. Trên đỉnh núi phía Đông bắc có con suối, người uống nước suối này sống lâu không già.

Đầu thời Cao Tề có một vị Tăng lạ đến an cư ở chùa Nghiệp hạ, rất hợp ý với vị Tăng cùng phòng. Khách tăng bị bệnh lị, vị Tăng cùng phòng cho uống rượu. Vị tăng lạ không uống sợ phạm giới. Vị tăng kia bảo rằng lúc bệnh Phật có khai giới, vị lạ tăng uống và khỏi bệnh. Sau mùa hạ, khách tăng từ tạ ra về, khi đưa khách, khách hỏi: Có nghe nói về chùa Trúc Lâm ở Cổ Sơn không? Có nghe, nhưng chỉ là lời đồn. Khách nói: Không có tâm thì làm sao đến được? Đã ở cùng một mùa hạ, thường quấy nhiễu, xin đến bổn tự để được đền ơn. Vị Tăng bảo: Nếu đến được thì chết cũng không tiếc. Tháng chín sẽ đến nhưng phải có người chỉ đường. Khách tăng nói: Hãy lên từ phía Đông, đến một hang nhỏ rồi đi lên theo hướng Đông bắc là đến chùa. Sau đó vị Tăng này cùng với năm, sáu người đến chùa Thạch quật, sơn Tăng hỏi: Đến đây có việc gì? Lên chùa Trúc lâm. Đó chỉ là lời đồn, làm gì có chùa. Khách tăng đã mời thì không phải là dối, liền cùng mười mấy vị sơn Tăng đi

tìm. Đến một hang nhỏ họ thấy một vị Tăng vác bừa kéo đất, bảo: Năm ngoái đạo nhân thả ngựa ăn hết lúa của chúng tôi, năm nay lại đến đạp lúa. Rồi đuổi tất cả. Chỉ còn vị Tăng kia được mời, theo đường đi, vị Tăng nghe tiếng ngâm trên đỉnh núi, cất tiếng hỏi: có phải là người xưa? Đúng vậy. Có người ra mời vị Tăng vào điện, bảo chờ Hòa thượng. Hòa thượng khoảng chín mươi tuổi, tướng cao lớn như người Tây Vực, lại thấy ba mươi vị quan lại đứng hầu, Hòa thượng hỏi: Làm sao đến đây được? Hành lễ mười mấy lần. Hòa thượng liền đưa khách về phòng nghỉ. Đi qua các phòng thì đến phòng vị khách tăng, nhưng hôm sau Hòa thượng hỏi: Muốn ở luôn thì hẳn có duyên nhưng người xuất gia không đặt tên ở hai nơi. Muốn ở đây thì bỏ tên kia. Vị Tăng lại từ tạ ra về. Đi được một dặm vị Tăng nhìn lại thì thấy còn chùa tháp nhưng đi vài dặm nữa thì không thấy gì. Theo đường cũ trở về thì không thấy những hiện tượng lúc đầu. Về đến nơi vị Tăng kể lại mọi chuyện.

Đầu thời Cao Tề, Sa-môn Tung Công lên núi Bạch lộc nhưng bị lạc đường. Bỗng nghe tiếng chuông, Sa-môn lần theo thì thấy một ngôi chùa, có ba cổng. Đến cổng trước thì thấy đề chùa Linh ẩn, ngoài cổng có năm, sáu con chó to như con bò, lông trắng mõm đen, nhìn trừng vào Sa-môn. Sa-môn sợ định quay đi thì thấy một vị phạm tăng đi vào, mấy con chó cũng vào theo, Sa-môn gọi nhưng không đáp. Bước vào cổng thì thấy cửa phòng tăng đều đóng, ở giảng đường thì bày tọa cụ, nhưng không có người. Sa-môn đến ngồi ở góc Tây nam, bỗng nghe trên nóc có tiếng, nhìn lên thì thấy năm, sáu mươi người từ hư không bay xuống, họ hỏi nhau đi khất thực nơi nào. Sau cùng một vị Tăng bay xuống nói từ phía Đông thành Tương châu về. Kể lại việc gặp Thiền sư giảng đạo. Sau đó tất cả đều đi mất. Sa-môn thấy mình ngồi trên tảng đá. Sa-môn trở về hỏi Pháp sư Thống. Pháp sư bảo: Chùa đó được xây vào thời Thạch Triệu, nhưng lâu dần thành nơi ở của Thánh hiền, chùa lúc ẩn lúc hiện, hiện nay người đi núi vẫn nghe tiếng chuông. Văn Tuyên ở Tấn dương sai sứ giả cỡi lạc đà về chùa Tây Kinh. Sứ giả hỏi chùa nào thì bảo lạc đà sẽ đưa đến nơi. Rồi sứ giả ra đi, bất chợt thấy mình như nửa ngủ nửa thức, đến núi Minh Tịch, lên lưng chừng núi, có mấy chú Sa-di bước đến nói: Lạc đà của Cao dương đã đến. Liền dẫn sứ giả vào chùa. Một vị Tăng già hỏi: Cao Dương làm vua ra sao? Rất thánh minh. Vị Tăng già chỉ phòng bảo sứ giả vào đó lấy kinh. Sau đó lạc đà lại đưa sứ giả trở về. Không lâu sau, vua đến chùa Mộc tỉnh, một người bảo: Ta đi trước, ông hãy đến nhé. Vua gật đầu. Đêm ấy người kia chết, về đến Tấn dương, vua cũng qua đời.

Núi Ngũ đài ở Đông nam Đại châu là ngọn núi cao lớn, rộng ba trăm dặm, trên núi có năm đài cao, thông bách sum suê. Núi này rất lạnh nên hiệu là Thanh Lương, phía dưới có phủ Thanh Lương. Trong kinh có ghi sự tích Bồ-tát Văn-thù đưa năm trăm vị tiên đến núi Thanh lương, chính là nơi này. Vì thế đạo sĩ xưa này thường đến núi này tu học. Đài giữa cao nhất, cách Tịnh châu bốn trăm dặm, trên có ngôi tháp chùa đá nhỏ do Ngụy Văn Đế lập. Trên vách đá còn in hình người ngựa. Lại có dòng suối Thái Hoa nước trong vắt, có hai ngôi tháp, bên trong thờ tượng Bồ-tát Văn-thù. Ở đây ngày đêm thường vang tiếng chuông, mùi thơm phảng phất, thần tăng, điềm lành thường hiện. Niện hiệu Long Sóc vua cho sư Hội Tích chùa Hội xương đến tu sửa, Sư cũng có thấy thần tích. Cách ba mươi dặm về phía Đông nam có chùa Linh thứu, do Hán Minh đế lập. Hai phía Đông và Tây có hai đạo tràng, tượng vẫn còn. Phía Nam có vườn hoa đẹp. Niên hiệu Trinh Quán, Thiền sư giải thoát đưa đồ chúng đến tu tập thì thấy Bồ-tát Văn-thù và các vị tiên ở trong hư không. Thiền sư Tăng Minh ở đó ba mươi năm cũng có thấy linh tích. Trong vòng ba mươi dặm ở đảo phía Nam, hoa thường nở tươi nên người đời gọi là Hoa sơn. Trong đó có chùa thánh, tiếng chuông thượng vang vọng. Người ở gần đó không dám đến.

Theo Biệt Truyện: Trên núi Hắc phong ở Thiên Trúc, Bồ-tát Long Mãnh là bậc thông minh, đức hạnh cao tột trong hàng thánh tăng. Vua lập chùa, đục đá làm nơi thờ nhưng trải qua nhiều năm chùa vẫn không thành. Vua đến lạy xin: quốc khố cạn kiệt mà chùa vẫn không thành. Bồ-tát bảo: đức của vua rộng lớn, tùy phước sẽ thành công, chớ lo tiền hết chùa không thành. Hãy tìm bên hông chùa sẽ có. Quả nhiên vua tìm thấy thỏi vàng, và xây xong chùa. Ở Tây Vực có nhiều loại vàng, nhưng vàng Long Thọ là đắt nhất. Xưa Bồ-tát thọ hơn bảy trăm tuổi, từ lúc ẩn hình đến nay đã hơn ngàn năm. Có một vị Tăng lên chùa thấy vô số tượng vàng và kinh điển mới biết Tam bảo có hai ẩn, hiển sau mùa hạ, vị Tăng định thỉnh kinh về nhưng không được đành ra về tay không.

Chùa núi Hệ đầu phía Nam huyện Hộ, Ung châu. Núi này xưa là nơi người ta buộc thuyền. Xưa kia núi này liền với Thái Hành. Sông Bạch Lộc dừng ở đây nên gọi là Thiếu Hải. Một hôm Tần Hồng Hải gặp nạn tay trái vịn Thái Hoa, chân phải đạp ở giữa thế là tách thành núi Thái Nhất. Tương truyền phía Nam núi Hệ đầu có chín chùa tiên. Xưa có người đốn củi bị lạc đường nên ngủ lại trong rừng. Đêm nghe tiếng chuông, người đốn củi lần theo thì thấy chùa, hơn trăm vị Tăng nhưng không một tiếng động. Sáng hôm sau thì không thấy gì. Sau có

sư Hoằng Trọng đi tìm, tìm mãi mới thấy được năm hàng động rất sáng sạch như có người ở. Thần sư ở chùa Quang minh cũng đi tìm, ở lại an cư trong một hang động, nhưng vẫn không tìm thấy chùa tiên.

Chùa Trúc lâm trên đỉnh Đại tần ở phía Nam cửa ải Tý ngọ. Đầu niên hiệu Trinh Quán có người lên núi tìm mật ong, nghe tiếng chuông người ấy tìm theo thì thấy có một ngôi chùa hai gian, chùa có rừng trúc lớn, người ấy chặt hai mắc trúc để đựng mật. Khi về Sư đong được hai đấu. Từ rừng trúc đến Đại Tần khoảng năm mươi dặm. Nghe có rừng trúc, một người nọ sai người nhà tìm đốn trúc, nhưng họ lại thấy có người bị trói, kêu khóc rất ghê, sợ quá họ lại về. Sau đó một nhóm khác đi tìm thì gặp mưa bão nên trở về. Sư Quy Chân chùa Ngộ chân cũng lên đó tìm thấy hang trúc nhỏ, cũng nói là cách Đại Tần khoảng năm mươi dặm.

Phía Nam cửa Tý ngọ có một trạm gác tên Tam giao, phía Đông trạm gác có con suối nhỏ, phía Đông nam là rừng cây dẻ. Người ở đó thường nghe tiếng chuông vang, nhưng chẳng biết có tăng ở.

Một hôm, con gái của quan trạm gác lên núi tìm củi thì thấy một vị Tăng ngồi trên tảng đá may y, cô gái đến thưa: Từ lâu không biết có thánh tăng ở đây, xin mời về nhà dùng bữa.

- Bần đạo không dám nhận thức ăn của quan lại.
- Là thức ăn của riêng con.
- Cũng không dám.

Cô gái liền chạy về lấy thức ăn, khi trở lại thì không thấy gì. Về sau người ấy hay sai lính đi tìm mà không thấy gì nhưng vẫn thường nghe tiếng chuông. Chùa cách trạm gác khoảng năm dặm.

Chùa Tông Lư hang chiếc ở núi Chung nam, có một người nọ thấy một vị Tăng bảo: “Hãy mang vật này đến chùa.” “Chùa ở đâu?” Ở phía Đông Cự minh hang chiếc. Đến đó người kia lại thấy một vị Tăng to lớn, nói: Hàng ngày người vào núi đốn củi, hãy ăn bánh ở chỗ để củi. Người kia tìm quả thấy đúng như lời, người vợ thấy lạ nói ra, nên từ đó bị câm. Sau đó, lại thấy hai vị Tăng vào hang, người kia vẫy tay vào miệng, người vợ liền nói được. Ngày nay, người ta vào núi thường nghe tiếng chuông, thường thấy thần tăng. Một vị Tăng nghe vậy liền vào núi, thấy thần tăng, hỏi: Đại đức ở chùa Tông lư phải chăng? Muốn đi đến đó có được không? Hãy đi. Bỗng nghe tiếng gió thổi, vị Tăng kia nghĩ: Chắc không phải là thánh tăng, sợ là kẻ trộm. Vừa nghĩ thế thì không thấy thần tăng, người ấy hối hận trở về, sau xây tinh xá ở ẩn, tinh xá hiện vẫn còn.

Hang Hồ Lô ở núi Chung nam: Xưa, có người lên núi đốn củi, chợt thấy một ngôi chùa, nhà đá, cửa đá, bên trong có nhiều pháp khí quý, nhưng không có một vị Tăng nào. Người ấy xuống núi bảo dân chúng lên xem, nhưng khi lên đến nơi họ không thấy gì chỉ thấy toàn là hồ lô, có người tìm thấy cửa đá nhưng một nửa nằm trong đá, chỉ hiện một nửa, không ai mở được. Hang ấy tên Khố, đất ấy tên Thiên Tạng. Sau gọi làng ở cửa hang là là Thiên Tạng. Có người nói đó là nơi Đức Di-lặc hạ sinh.

Biệt Truyện chép: Phật sai chín mươi chín ức đại A-la-hán có đủ ba minh sáu thông giữ gìn chánh pháp ở tam thiên đại thiên thế giới. Lúc con người sống sáu vạn tuổi, ba tai nổi lên, các thánh ẩn. Khi con người sống một trăm tuổi, các Thánh hiện, truyền bá pháp Phật, đến khi con người sống sáu vạn tuổi thì các Thánh Niết-bàn. Người sống bảy muôn tuổi có Bích-chi-phật hiện, người sống tám vạn tuổi có Phật từ giáng sinh.

Tựa chép: Tam bảo trường tồn là nhờ Phật, tăng, để tăng tồn tại thì phải nương Thánh giáo. Vì thế Phật tùy cơ ẩn hiện. Giáo pháp giữ gìn dứt trừ phiền não kiết sử, do vậy xả thân nói kệ, truyền pháp mượn lời là điều các bậc Thánh thường làm. Vì thế thọ trì đọc tụng, tu hành đúng pháp đều được cảm thông. Thiên Trúc, Trung Hoa đều có rất nhiều chuyện lạ. Vào lửa không bị cháy, giặc cướp không làm hại, trừ mọi tai nạn, nhân có quả thành, những chuyện đó được ghi chép rất nhiều. Xin ghi lại vài chuyện.

Những người có duyên cảm ứng như: Đàm Vô Kiệt, Thích Đạo An, Thích Tăng Sinh, Thích Đạo Duệ, Thích Phổ Minh, Thích Tuệ Quả, Thích Tuệ Tấn, Thích Hoằng Minh, Tôn Kính Đức, Thích Đạo Lâm, Thích Chí Trạm, Phạm Dương Tăng, Tịnh Đông Khán Sơn, Ngụy Yêm Quan, Chu Kinh Thượng Thiên, Tùy Dương Châu Tăng, Thích Đạo Tử, Thích Bảo Quỳnh, Thích Không Tạng, Thích Di Tục, Sử Ha Thệ, Lịnh Hồ Nguyên Quỹ, Thích ĐàmVận, Thích Tăng Triệt, Hà Đông Ni, Thích Đàm Diên, Thích Đạo Tốn, Thích Trí Uyển, Nghiêm Cung, Lý Sơn Long, Lý Tư Nhất, phu nhân Trần Công Thứ, Sầm Văn Bản, thiếp của Tô Trường, Đổng Hùng, Không Kinh Ích châu, Cao Văn, Thôi Nghĩa Khởi.

Cao Tăng Truyện ghi: Đầu đời Tống, Sa-di Đàm Vô Kiệt thường tụng kinh Quán Âm, tu hành khổ hạnh, cùng hai mươi lăm người đi tìm nước Phật. Họ mang theo kinh, vượt bao hiểm nạn mới đến thành Xá Vệ. Trên đường đi họ gặp một bầy voi, liền dốc lòng tụng kinh, bầy voi

quy phục, một con sư tử lại xuất hiện, bầy voi bỏ chạy, lại xuất hiện một con bò rừng muốn hại họ, họ lại thành tâm tụng đọc, bỗng một con chim cưu bay ra, con bò kinh sợ bỏ chạy, thế là họ thoát nạn.

Thời Hiếu Vũ đế đời Đông Tấn, vì gặp loạn Thạch Triệu Sa-môn Thích Đạo An đến ẩn cư ở Tương dương. Sa-môn thường chú giải các kinh Bát-nhã, Đạo Hành, Mật Tích, nhưng sợ không hợp lý nên phát nguyện: nếu lời giải không trái lý xin cho thấy điềm lành. Sau đó Sa-môn mơ thấy một đạo nhân đầu bạc mày dài bảo: Lời chú giải của ông rất hợp đạo lý. Ta không nhập Niết-bàn, ở lại Tây Vực, trợ giúp hoặc thông, thường cúng vật thực. Sau, Thiền sư Tuệ Viễn nói: Đó là Tôn giả Tân-đầu-lô. Do vậy liền thiết lễ cúng dường.

Sa-môn Thích Tăng Sinh ở quận Thục tu hành khổ hạnh, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Mỗi lần tụng, có một con cọp đến nghe kinh, tụng xong cọp bỏ đi, lại có bốn người hầu nghe. Tuổi tuy già nhưng Sa-môn luôn siêng năng.

Sa-môn Thích Đạo Duệ cùng ba người đồng môn vào núi Hoắc ở Hà nam. Đi được vài dặm thì ba người kia chết, Sa-môn kinh sợ thành tâm tụng kinh Pháp Hoa, bỗng thấy đom đóm soi đường đi ra khỏi hang. Sau thường gặp Bồ-tát Phổ Hiền hoặc các thần tăng. Từ đó Sa-môn đến quận Tống làm nghề đưa đò. Một hôm có mấy người đưa Sa-môn đến một nơi rất lạ. Thấy Duệ, Pháp sư đứng lên từ biệt, rồi cho đưa về.

Sa-môn Thích Phổ Minh xuất gia học đạo, bản tánh thuần tịnh, sống rất thanh đạm, thường trì kinh Pháp Hoa, Duy-ma. Khi trì kinh Sa-môn luôn đắp y khác và ngồi bồ đoàn khác. Khi tụng đến phẩm Khuyến Phát trong kinh Pháp Hoa thì Sa-môn thấy Bồ-tát Phổ Hiền cởi voi đứng trước mặt, lúc tụng kinh Duy-ma thì nghe trong hư không có tiếng nhạc.

Sa-môn Thích Tuệ Quả trụ chùa Ngõa quan, Dương châu chuyên tụng kinh Pháp Hoa, Thập Địa. Có lần thấy một con quỷ ở nhà xí đến nói: Xưa tôi là Duy Na vì làm sai pháp môn nên đọa làm quỷ ăn phân. Tôi có chôn ba ngàn đồng tiền dưới gốc cây thị, xin lấy làm phước, Sa-môn làm theo, thiết lễ tụng kinh sám hối. Sau quỷ đến tạ ân, bảo là đã thoát nghiệp.

Sa-môn Thích Tuệ Tấn chùa Cao tòa, Dương đô, lúc nhỏ vốn là một hiệp sĩ, năm bốn mươi tuổi ngộ sự vô thường, liền xuất gia học Phật, nguyện tụng kinh Pháp Hoa. Nhưng khi tụng thì bị bệnh, liền phát nguyện in một trăm bộ kinh để sám hối tội chướng. Một hôm tên trộm lẻn vào định lấy số tiền in kinh nhưng chúng lại không lấy. Sau khi in

xong một trăm bộ kinh, Sa-môn không bệnh nữa, ngày đêm lo tụng kinh sám hối, nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà. Nghe trong hư không bảo: Ông đã toại nguyện, Sa-môn liền ra đi ở tuổi hơn tám mươi.

Sa-môn Thích Hoằng Minh ở chùa Vân môn, chuyên trì kinh Pháp Hoa, nơi ở của Sa-môn thường có chư Thiên cung phụng nước uống thức ăn, cọp quỷ cũng đến nghe kinh. Con quỷ ấy vốn là sa di nhưng trộm vật của tăng bị đọa làm quỷ. Quỷ này đến nghe kinh mong thoát nghiệp. Sa-môn nói pháp, quỷ ngộ đạo bỏ đi. Lại có con sơn tinh đến não loạn Sa-môn lấy dây buộc, quỷ xin tha, từ đó không đến nữa. Chuyện của Tôn Kính Đức như phần trước đã kể.

Sa-môn Thích Đạo Lâm trụ chùa Tuyền lâm huyện Phú dương xuất gia học đạo chuyên trì kinh Tịnh Danh. Trước đây chùa hay bị quỷ quấy rối, từ khi Sa-môn về ở quỷ không đến nữa. Có người đệ tử bị chết, đầu rơi trúng ngực, Sa-môn cầu thỉnh, đêm ấy thấy hai vị Tăng Ấn Độ đến kéo đầu ra, sau Sa-môn thiết lễ cúng tạ. Sa-môn trải bông mới trên giường nằm, cúng xong, thấy trên giường có hình người cao ba thước, đại chúng đều cảm phục.

Sa-môn Thích Chí Trạm tu học, tụng kinh Pháp Hoa ở chùa Hàm Thảo. Lúc Sa-môn sắp tịch, Lương Vũ Đế thấy thần tăng báo mộng: hôm nay thánh tăng chứng quả Tu-đà-hoàn nhập diệt tại chùa Hàm thảo. Sa-môn tịch, mỗi tay đều duỗi một ngón. Thần tăng bảo: đó là người chứng quả thứ nhất. Vua cho người đào xem chỉ còn cái lưỡi, liền cho xây tháp thờ.

Ở đất Ung châu có Sa-môn ở ẩn trên núi Bạch Lộc, chuyên trì kinh Pháp Hoa. Sau khi mất, toàn thân đều khô nhưng cái lưỡi vẫn y nguyên. Vua Tề hỏi, Sa-môn Pháp Thượng nói: Người trì kinh Pháp Hoa sáu năm không hoại. Vua cho nhóm chúng tụng kinh, tụng xong ngàn biến thì hiện nguyên hình, vua cho đóng khám đá để thờ.

Một hoạn quan thời Ngụy Cao Tổ xin lên núi ẩn tu, chuyên tụng kinh Hoa Nghiêm, sám hối tội chướng. Khi chưa mãn một mùa hạ, hoạn quan lại được thân tướng như xưa, liền viết sớ tâu lên vua cho cả nước tụng kinh Hoa Nghiêm.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, có một Sa-môn chuyên trì kinh Niết-bàn, một Sa-di chuyên tụng kinh Quán Âm. Bỗng cả hai đều chết, họ thấy mình xuống địa ngục, Diêm Vương lập tòa vàng mời Sa-di ngồi, thiết tòa bạc để Sa-môn an tọa. Sau thấy tuổi thọ hai người chưa hết, Diêm Vương thả về. Sa-môn liền tìm đến hỏi Sa-di vì sao được như thế. Sa-di kể rằng trước khi tụng kinh đều tắm gội, thay y phục và bồ

đoàn mới. Sa-môn mới biết tội mình, từ đó lo tịnh tu.

Sa-môn Thích Đạo Tích chùa Phược thành, Ích châu chuyên tụng kinh Niết-bàn. Một hôm Sa-môn tịch, hơn một trăm ngày nhục thân vẫn còn như lúc sống, đạo tục đều khen ngợi.

Sa-môn Thích Bảo Quỳnh ở Thục Xuyên chuyên tụng kinh Đại Phẩm, thường kính tin Phật tăng. Dân ở đó không tin Phật nên Sa-môn cũng ít vào làng hóa duyên. Nhân dịp dân chúng đến lễ thần, Sa-môn đến đền thờ nhưng không lễ bái. Có người nói: không lễ bái thiên tôn thì không phải là Sa-môn. Sa-môn nói: tà chính khác đường, trời còn lạy ta, sao ta lại lạy lão quân. Dân chúng bàn tán. Sa-môn nói: Nếu ta không lễ thì cũng khó coi. Sa-môn liền lạy một lạy, tượng thờ lung lay, lạy một lạy nữa, tượng thờ rơi xuống đất. Dân chúng đều kinh ngạc, từ đó họ rất tôn kính Phật pháp.

Sa-môn Thích Không Tạng trụ chùa Hội xương ở kinh đô đời Đường, chuyên lo tụng kinh, du hóa. Xưa, Sa-môn tụng kinh ở núi Phu nhi cảm động thần linh. Lần nọ, trời hạn hán, nước suối khô cạn, tăng chúng bỏ đi, Sa-môn liền thành tâm cầu cúng, bỗng nước suối dâng đầy, đạo tục đều khen ngợi. Sa-môn mất vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười sáu.

Sa-môn Thích Di Tục chuyên trì kinh Pháp Hoa, lúc sắp mất Sa-môn nói với Thiền sư Tuệ Khuyết: nếu tụng kinh linh nghiệm, được sinh cõi lành thì mười năm sau khi mất, lưỡi vẫn còn nguyên. Nếu đúng như lời hãy xây tháp để tạo phước cho muôn loài. Sau mười một năm Thiền sư làm theo, quả đúng như lời, liền xây tháp thờ.

Huyện lệnh huyện Ba tây, Long châu, Hồ Nguyên Quĩ kính tin Phập pháp, muốn viết lại kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát-nhã, Niết-bàn nhưng không biết xem xét nên nhờ Thiền sư làm giúp. Thiền sư viết xong, cất ở gia trang. Lần đó, gia trang bị cháy, nhưng kinh điển không bị cháy. Riêng một quyển đầu chữ bị ố đen, vì người viết không thành kính. Kinh ấy hiện vẫn còn ở chùa Tây minh.

Thiền sư Đàm Vận là người ở Định châu hành đạo bảy mươi năm. Cuối đời Tùy nước nhà hỗn loạn, Thiền sư ẩn tại núi Tỷ can ở Li thạch. Thiền sư chuyên tụng kinh Pháp Hoa, muốn viết lại nhưng không làm được. Bỗng thấy một bức thư ghi rằng thanh tịnh thân tâm sẽ làm được. Hôm sau Thiền sư tắm gội, thay y phục, vào tịnh thất bắt đầu chép kinh, đến tối mới ra. Cứ như thế cho đến khi chép xong bộ kinh. Sau có giặc loạn, Thiền sư đặt kinh trong rương, chôn trên núi cao. Sau này người ta tìm thấy, rương bị hư nhưng kinh vẫn còn nguyên.

Thiền sư Tăng Triệt trụ chùa Hãm tuyền ở núi Cô sơn phía Nam Giáng châu, thấy một người bị bệnh phong ở trong hang, Thiền sư đưa lên núi, làm nơi ở, cho ăn và bảo tụng kinh Pháp Hoa. Nhưng vì không biết chữ nên Thiền sư phải dạy đọc từng câu, đến khi đọc được nửa bộ kinh thì mộng thấy thần linh, từ đó dần thông tỏ, tụng hết sáu quyển thì khỏi bệnh.

Một ni sư ở Hà đông chuyên tụng kinh Pháp Hoa và thuê người chép kinh, lại lo chay tịnh thành kính suốt tám năm mới xong bảy quyển. Thầy Pháp Đoan chùa Long môn nhân giảng kinh cho đại chúng nên mượn nhưng ni sư không cho. Sư chê trách, ni sư liền đem kinh đến. Sư mở kinh thì không thấy chữ nào, hối hận quá thầy mang trả lại. Ni Sư tự trách mình, lạy Phật sám hối suốt bảy ngày, sau đó kinh hoàn lại như cũ.

Đầu niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Pháp sư Đàm Châu ở Hà Đông, sớ giải kinh Niết-bàn, sợ lời không hợp thánh ý nên để kinh và sớ trước tháp xá-lợi, khấn cầu và đốt kinh. Khấn xong kinh và tháp đều phát ra ánh sáng soi chiếu suốt ba ngày đêm. Mọi người đều kéo đến xem. Vua nghe tin, thỉnh Pháp sư về kinh, xây chùa Diên Hưng cúng dường.

Sư Đạo Tốn chùa Nhân thọ ở Bồ châu chuyên giảng kinh Niết-bàn, tín chúng quy y rất đông. Niên hiệu Trinh Quán thứ mười bốn, Thôi Nghĩa Trực làm hương lệnh ở đó, liền cho người mời sư giảng kinh, Nghĩa Trực thành tâm cầu nghe, thầy nói: Hãy lắng nghe thời gian không còn nhiều. Giảng đến phẩm Sư Tử thì sư tịch. Nghĩa Trực liền cho đưa về ở núi Nam Sơn. Lúc ấy là mùa đông, khi linh cửu được hạ xuống thì có hoa sen mọc lên hơn năm trăm cành, suốt bảy ngày mới héo.

Sa-môn Thích Trí Uyển ở Ung châu, khắc kinh vào đá rồi chôn ở núi Tây nam phòng khi chánh pháp bị diệt, kinh vẫn còn. Niên hiệu Đại Nghiệp nhà Tùy, Sa-môn bắt đầu làm hang đá để khắc kinh trên đá, dân quan khắp nơi đều cúng sắt để khắc đá. Vì muốn xây điện Phật nhưng Sơn Đông không có gỗ. Đêm ấy trời nổi giông tố, hôm sau người ta thấy cả ngàn khúc gỗ thông bách, tìm rõ mới biết từ Tây Sơn đưa đến. Đó là thần linh giúp xây điện Phật. Khi làm xong được bảy động đá, Sa-môn mất (vào niên hiệu Trinh Quán năm thứ mười ba). Các đệ tử vẫn tiếp tục hạnh nguyện của Sa-môn.

Niên hiệu Khai Hoàng nhà Tùy, Nghiêm Cung người ở Tương châu xây tinh xá, chép kinh Pháp Hoa. Nhiều người cúng dường giấy bút, có được bao nhiêu họ Nghiêm chép bấy nhiêu, không bao giờ kêu

than. Có một người đến vay mười ngàn đồng tiền, Cung đưa cho, người vay tiền lên thuyền đi về thì bỗng nhiên thuyền bị lật, tiền mất, người còn. Sau họ Nghiêm thấy mười ngàn đồng tiền đó trong kho nhà. Một thương gia cầu cúng, mộng thấy một người đưa một vật báu chuyển cho họ Nghiêm. Họ Nghiêm đến chợ mua giấy bị thiếu tiền thì có người đưa tiền rồi biến mất. Một người làng chài thấy ở biển có ánh sáng liền bơi thuyền ra xem thì được một hòm kinh của họ Nghiêm, từ đó người đánh cá nguyện sao chép kinh. Sau này con cháu của người đánh cá cũng làm theo.

Vào niên hiệu Vũ Đức, Lý Sơn Long chết bất ngờ, suốt bảy ngày ngực vẫn còn nóng, sau sống lại kể: Chúng tôi thấy mình bị đưa đến trước gian tòa cùng với mấy ngàn tù nhân. Quan hỏi: Thường làm gì? thường bố thí khi có hội đám. Còn làm gì nữa? Tụng hai quyển kinh Pháp Hoa, quan phán: Rất tốt, hãy tụng. Họ Lý vừa tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm tựa thứ nhất, quan liền bảo dừng, nói: Chỉ nhờ tụng để những người tù kia tịnh tâm tạo phước. Sau đó mấy ngày tù nhân đều thoát khổ, mọi hình phạt ở địa ngục đều ngừng.

Lý Tư Nhất, ở quận Triệu bị bệnh vào ngày tám tháng một niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi, đến ngày mười ba thì chết. Hôm sau sống lại, kể: Quan hỏi: Năm mươi chín tuổi thường giết chúng sinh. Họ Lý nói: Lúc nghe Pháp sư Mân giảng kinh Niết-bàn ở An châu bị hại. Quan cho hỏi Pháp sư Mân nhưng không gặp nên cho về. Nhờ gặp chùa Thanh Thiền nên họ Lý đến chùa lễ bái, kể chuyện với thầy Huyền Thông, thầy cho sám hối, thọ giới Phật, tụng năm ngàn biến kinh Kim Cang Bát-nhã. Chiều tối thì bị chết, hôm sau sống lại, kể: Quan tòa vui vẻ nói: Đã tạo phước đức, lại thấy một vị Tăng bảo: Người này chỉ nghe kinh, không hề giết hại, sao lại ghi sai. Quan liền cho về nhà. Từ đó họ Lý chuyên tu phước lành.

Thái Phu nhân của Trần Công họ Đậu Lô, tin phước nghiệp nguyện tụng kinh Kim Cang Bát-nhã nhưng tụng chưa được một trang thì đầu đau nhức, tự nghĩ đến chết vẫn không tụng được, liền cố gắng ngồi dậy tụng nhưng đèn bị tắt, phu nhân sai người tìm đèn nhưng khắp nơi đều không có, phu nhân buồn khổ, bỗng thấy có người mang đuốc đến, phu nhân vui mừng, đầu hết đau, liền tụng kinh tiếp. Sau đó gia nhân đem đuốc vào, đuốc kia biến mất. Đêm đó phu nhân tụng xong kinh. Từ đó về sau mỗi ngày phu nhân tụng năm biến kinh.

Trung thư lệnh Sầm Văn kính tin Phật pháp hay tụng phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa. Một lần, họ Sầm cùng vài người đi thuyền

trên sông Ngô, thuyền bị chìm, người cũng chìm. Chợt nghe có tiếng bảo niệm Phật sẽ thoát khổ. Họ Sầm làm theo thì thấy mình được đưa vào bờ.

Niên hiệu Vũ Đức sứ giả Tô Trường được làm thứ sử Ba châu, khi qua sông Gia lăng, sóng dậy, thuyền bị lật, hơn sáu mươi người đều bị chìm, riêng một người thiếp thường tụng kinh Pháp Hoa, khi thuyền sắp lật người này đội kinh lên đầu, nên được đưa vào bờ. Kinh không bị ướt. Niên hiệu Trinh Quán, Đỗng Hùng người ở Hà đông vốn kính tin Phật pháp, chay tịnh hơn mười năm. Sau bị bắt giam cùng Lý Kính Huyền, Trực Vương Hân. Trong tù, họ Đỗng chuyên tụng phẩm Phổ Môn, tụng được ba ngàn biến thì gông cùm tự mở. Họ Đỗng nói với mọi người, quan giám ngục thấy vậy liền cho gông lại. Họ Đỗng tiếp tục tụng kinh, gông lại mở ra. Họ Đỗng nói với các bạn tù. Kính Huyền vốn không tin Phật, xưa hay hủy báng khi thấy vợ tụng kinh. Giờ thấy họ Đỗng tụng kinh linh ứng, liền tỉnh ngộ, biết Phật là bậc đại thánh. Hai người liền cùng họ Đỗng tụng kinh, tụng ba vạn biến thì thoát tù như họ Đỗng.

Thôn Vương Lý ở cách huyện Tân phồn, Ích châu bốn mươi dặm về phía Tây, đời Tùy có thư sinh họ Tuân dạy học ở đây nhưng không hiển kỳ tích, mọi người muốn lấy sách, họ Tuân không đưa. Sau viết kinh Bát-nhã trên hư không xung quanh làng. Viết xong, bảo: kinh này chỉ có chư Thiên đọc, người không hiểu được. Sau trời lụt, dân chúng đến chỗ kinh thì không bị nước cuốn đi, cũng không bị ướt. Sau đó có một vị Tăng nói: làng này có kinh Bát-nhã, không nên làm ô uế đất đó. Nghe vậy người trong làng làm hàng rào, không cho ai làm ô uế. Vào ngày lễ vía, người trong làng đến cúng, thường nghe tiếng nhạc vang lên.

Ngày hai mươi bảy tháng giêng niên hiệu Long Sóc thứ ba, Châu Cao Biểu Nhân thường tụng kinh Pháp Hoa. Một hôm, người ấy cỡi ngựa ra ngoài, bị con quỷ cỡi ngựa đuổi theo. Người ấy hỏi: Các ngươi là ai? Sứ giả Diêm Vương đến bắt ngươi. Sợ quá người này cỡi ngựa chạy về hướng Tây, quỷ đuổi theo, dặn đừng cho vào chùa, nếu vào sẽ thoát. Cứ thế chạy mãi mà không thoát được cuối cùng bị quỷ kéo tóc ngã ngựa. Mọi người đưa về nhà thì bị chết, sáng hôm sau tỉnh lại kể rằng gặp Diêm Vương phán tội trộm cắp hoa quả nhà chùa thì chịu bốn năm ngậm hòn sắt nóng, tội nói lỗi Tam bảo thì bị trâu cày trên lưỡi và cứ thế bốn ngày liền người ấy chịu tội ngậm hòn sắt nóng. Đến lúc kéo lưỡi cho trâu cày thì lưỡi rất cứng, biết nhờ tụng kinh Pháp Hoa, từ đó được thả về, lo nghe pháp sám hối tội lỗi.

Ngày hai mươi tháng sáu niện hiệu Long Sóc năm thứ ba, Thôi Nghĩa Khởi không tin Phật pháp, vợ của Khởi lại chuyên tụng kinh Pháp Hoa Bát-nhã. Tháng năm vợ Khởi chết, cha vợ thiết trai tụng kinh trong hai mươi mốt ngày. Hôm ấy tỳ nữ Tố Ngọc thấy phu nhân, liền nói: Lúc sống con nghe nói về địa ngục nhưng không tin nên chết rồi chịu không biết bao nhiêu điều khổ, phu nhân không thể không tin. Nhờ phu nhân tụng kinh, in kinh mà con được thoát khổ, ngày hai mươi sẽ lại chịu tội. Đến thời quả thật như vậy, phu nhân lại thấy cha mình nói: Đã thả Tố Ngọc rồi , lại nói: Con gái ta không tin lời ta, không làm lành, nay chịu khổ không ai cứu được. Con hãy về nói với chồng nó lo tu công đức, không lâu sẽ được giải thoát. Lại thấy Bà-la-môn dạy Tố Ngọc tụng kinh Kim Cang Bát-nhã, Dược Sư, Pháp Hoa, được làm Thanh văn. Tháng giêng niên hiệu Lân Vũ năm thứ nhất, tiết tướng quân thiết trai tại nhà, thỉnh tăng cúng dường, Tố Ngọc lên tòa tụng kinh không sai một chữ. Tiết tướng quân khen ngợi, tâu vua. Vua khuyên tất cả nên kính tin Phật pháp, tiến sĩ Phạm Thúc Nguyên cũng thiết trai, mời Tố Ngọc tụng kinh.

THẦN TĂNG CẢM THÔNG TỤC

Tăng chân hay ngụy chỉ có Phật biết, phàm phu không thể hiểu. Vì tùy cơ hóa độ, quyền thật khó lường, không thể nhìn từ oai nghi sự tướng bên ngoài. Kinh dạy: Vì chúng sinh có đủ ba độc, tà kiến nên đệ tử Phật tùy cơ độ thoát, vì thế có hai mươi bốn vị làm chỗ nương tựa của ba thừa, mười sáu bậc thánh hoặc trì sáu vạn pháp, chín mươi chín ức chân nhân thông đạt, bảy mươi bốn hiền tăng, người có năm thông. Nhờ thế ba cõi được lưu truyền pháp Phật, bốn loài hưởng phong giáo, bảy chúng biết quay về, bốn vua bị giết, tám bộ hộ pháp, lắng đọng năm uế, chúng tin thì được quả tốt, kẻ hủy báng thì chịu quả xấu, thời nào cũng có. Hai đế Chu, Ngụy oai phục các chư hầu khinh khi Phật pháp, phải chịu ta ương chánh pháp không mất, hưng thịnh do người, các Thánh hiền thường giữ gìn nào dễ bị diệt bởi một ông vua, một đất nước. Chu Ngụy ngu muội, làm việc trái đạo, không ai cứu được. Theo Phó Pháp Tạng thì Phật trao chánh pháp cho Tôn giả Ca-diếp, không để trời quỷ ma thần vua chúa tà kiến phá hủy. Vâng lời Phật, Tôn giả kiết tập kinh điển, rồi trao lại cho Tôn giả A-nan, cứ thế đến Tôn giả Sư Tử là hai mươi lăm vị. Vả lại Tôn giả Ca-diếp hiện vẫn ở trong núi Linh thứu, đang nhập định diệt tận, trải qua năm mươi sáu ức, bảy ngàn vạn năm Phật Từ Thị giáng trần, Tôn giả trao lại y bát, rồi mới Niết-bàn.

Ở nước Thơ Cừ cách nước Vu-điền hai ngàn dặm về phía Nam có một bậc thánh nhập định vô số năm, cứ mười lăm ngày có người đến cạo râu tóc. Theo kinh luật: Phật bảo Tôn giả Tân-đầu-lô không được diệt độ, thường truyền giữ Phật pháp để giúp cho chúng sinh được giải thoát sinh tử. Theo luận Đại thừa: Mười sáu vị Vô học như Tân-đầu-lô, La-hầu-la và chín mươi chín ức La-hán phát nguyện giữ gìn chánh pháp. Theo biệt truyện các vị Thánh ở khắp nơi, tuy có lúc ẩn mình nhưng thường lợi ích muôn loài nên trên núi vẫn thường hiện chùa thánh, thần tăng, tiếng chuông, mùi thơm... xin lược vài truyện:

An Thế Cao, Chu Sĩ Hành, Kỳ Vực, Phật Điều, Kiện Đà Lặc, Để Thế Thường, Diêm Công Tắc, Thái Tịnh, Trúc Pháp Tiến, Lý Hằng, Phật Đồ Trừng, Thích Đạo An, Đơn Đạo Khai, Hà Sung, Hoàn Ôn, Đỗ Nguyện, Lô Sơn tăng, Trúc Tăng Lãng, Lương Pháp Tướng, Bôi độ, Thích Đạo Duệ, Cầu-na-bạt-ma, Thích Tuệ Toàn, Lưu Ngưng Chi, Thích Đoàn Thỉ, Thích Tuệ Viễn, Thích Tuệ Minh, Thích Bảo Chí, Thích Tuệ Đạt.

Tất cả truyện ký chúng tôi tìm được đã ghi rõ ở trước, nhưng không thể ghi rõ từng điều nên chỉ nêu chung.

Thời Hán Hoàn Đế, Sa-môn An Thanh tự Thế Cao, thái tử nước An Tức, bỏ ngôi xuất gia, chứng quả thánh. Kể rằng xưa Sa-môn có đến Quảng châu gặp một kẻ thù xưa, Sa-môn nói: Ngươi vẫn chưa dứt được oán thù. Sa-môn liền đưa cổ nhận nhát dao chém, sau khi chết được làm thế tử, thái tử có một người bạn thích bố thí nhưng hay tức giận. Thái tử hỏi: Bạn bố thí như tôi, nhưng sao hay sân như thế? Không nhẫn nại được sau này nếu chịu quả báo thì mong bạn cứu cho. Sau khi chết người bạn làm thần hồ cung đình, thống nhiếp ngàn dặm. Sa-môn đến Trung Nguyên để độ bạn. Thuyền đến hồ, người chèo thuyền cầu phước, thần bảo: Mời Sa-môn đến đây. Sa-môn đến thần nói: xưa chúng ta là bạn nhưng vì hay sân hận phải chịu quả khổ này. Tôi sắp chết và phải đọa địa ngục, nhưng sợ làm bẩn hồ nước nên chuyển về bờ Tây, xin dùng số lụa và vật báu này tạo phước cho tôi. Sa-môn bảo hiện nguyên hình. Thần nói: Thân súc sinh không dám hiện nhưng cuối cùng cũng hiện thân rắn, thấy vậy Sa-môn khóc, rắn cũng khóc. Sa-môn trì chú, rắn dần biến mất. Sa-môn bảo người chèo thuyền đem số vật báu về Dự chương làm phước. Rắn thoát kiếp được sinh về cực lạc. Sa-môn cất chùa. Hôm sau, người ta thấy xác rắn trên bờ Tây, đầu đuôi cách nhau khá xa. Từ đó có làng đầu rắn đuôi rắn. Sa-môn đến Quảng châu tìm người xưa nhưng vì oan trái nhỏ nên bị đánh chết...

Niên hiệu Cam Lồ năm thứ năm thời Ngụy Phế Đế, Sa-môn Chu Sĩ Hành giảng kinh Tiểu Phẩm nhưng vì chưa tỏ chương cú nên Sa-môn sang Tây Vực để tìm. Bị nạn không về được, Sa-môn chất lửa đốt kinh, nói: Nếu giáo pháp không được truyền bá thì bị lửa thiêu. Nhưng lửa cháy kinh không bị đốt, vua cho về nước. Năm tám mươi tuổi Sa-môn tịch, người ta đốt thân suốt một ngày nhưng không bị cháy. Mọi người cầu xin thì thân mới đốt được, chúng xây tháp thờ.

Niên hiệu Thái Khang đời Tấn Vũ Đế, Sa-môn Kỳ Vực – người Tây Vực vượt biển đến đất Tương dương. Đến bên bờ sông người chèo đò thấy đạo sĩ ăn mặc dơ nên không chở. Khi thuyền đến bờ thì Sa-môn đã có ở đó. Lại thấy hai con cọp đuổi theo, Sa-môn xoa đầu chúng. Cuối niên hiệu Tuệ Đế, Sa-môn đến Lạc dương khuyên dạy tăng chúng. Quan sở tại hỏi pháp rồi tặng vật báu, Sa-môn cho lạc đà đưa về tây. Sa-môn bảo: sau này ở đây có tội lớn, rất đáng thương. Sau nhà Tấn bị loạn lạc. Khi Tôn giả về Tây, vô số người đưa tiễn, Sa-môn bước đi thong thả thế mà ngựa đuổi theo không kịp.

Đầu đời Tấn, Sa-môn Phật Điều ở núi Thường sơn, ngày kinh hành trên núi đêm ngủ trong hang cọp. Một hôm trời đổ tuyết lớn, con cọp về hang, Sa-môn nói: Ta chiếm nhà của ngươi thật hổ thẹn, Sa-môn phủi tuyết trên mình cọp, cọp liền xuống núi. Thấy mọi người Sa-môn nói: Trời đất còn băng hoại huống chi là con người. Sau đó Sa-môn về phòng, ngồi thẳng thị tịch. Mấy năm sau, đệ tử tại gia lên núi đốn gỗ, thì Sa-môn vẫn còn, chúng kinh ngạc hỏi: Hòa thượng vẫn ở đây? Ta vẫn ở đây. Mọi người bèn đào mộ, thì thấy mộ trống.

Sa-môn Kiện-đà-lặc trước du hóa ở Lạc dương vào đời Tấn. Tuy kinh phong thái của Sa-môn nhưng mọi người chưa thấy sự linh ứng. Sa-môn nói: Ở núi Bàn chí có ngôi tháp cổ, ai xây dựng sẽ được phước. Mọi người đào tìm thì thấy có nền liền xây lại, mời Sa-môn trụ trì. Một hôm, Sa-môn thọ trai ở nhà thí chủ cách chùa trăm dặm. Thọ thực xong, Sa-môn xin dầu rồi về chùa. Sa-môn đi như bay, người đi theo không kịp, Sa-môn bảo họ nắm chéo áo, lát sau họ đã về chùa.

Niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn vua cấm người Tấn xuất gia, Để Thế Thường phụng pháp, không sợ pháp nước nên lập tinh xá trong nhà, cúng dường chư Tăng, Ni. Một hôm có vị Tăng lạ, ăn mặc dơ bẩn đến nhà, họ Để lễ bái, sai tôi tớ lấy nước rửa chân, Sa-môn bảo họ Để làm, họ Để nói là già yếu nên không làm, Sa-môn hiện thân oai đức bay lên hư không, họ Để hối hận, tăng ni trong nhà đều thấy, mùi thơm vẫn còn phảng phất.

Diêm Công Tắc người đất Triệu, phụng hành Phật pháp, mất ở ấp Lạc thời Tấn Vũ Đế. Nhân chùa Bạch mã có lễ hội, mọi người cúng bái, thấy có một người thân đức oai nghiêm nói: Tôi là Diêm Công Tắc, được sinh về Cực lạc, hôm nay cùng các Thánh đến nghe kinh. Vệ Sĩ Độ là cư sĩ cũng rất kính tin Phật, thường cúng dường chư Tăng. Giữa trưa hôm đó, trong hư không bỗng có một cái bát đựng đầy cơm hạ xuống trước mọi người, ai cũng biết là bát của Công Tắc, số cơm ấy ăn trong bảy ngày. Vệ Sĩ ghi lại việc này.

Gia đình của Thái Tịnh ở Nam Dương đầu đời Đông Tấn rất kính tin Phật Thường, họ thường bố thí cúng dường. Hôm đó thiết trai cúng dường chư Tăng đi đường. Thấy một vị Tăng ngồi dưới gốc liễu, họ mời vào cúng cơm. Người nhà sớt cơm làm đổ dưới đất. Vị Tăng bảo: Bát của bần đạo đã đầy. Sa-môn quăng bát lên hư không, mọi người đều thấy rõ, bát lại mất, người ta làm lại cái khác, ngày đêm lễ bái.

Cuối đời Tây Tấn, Trúc Pháp Tấn ở chùa Khai Độ là người thông minh, lúc nước sắp loạn, Sa-môn vào núi ẩn. Sau người ta thiết trai cúng dường chư Tăng. Một vị Tăng thân hình tiều tụy lên ngồi ở ghế chủ tọa, Sa-môn đến kéo xuống, ba lần như vậy, vị Tăng biến mất, gió liền nổi lên, Sa-môn hối hận, tự trách mình.

Cuối thời Tây Tấn, Lý Hằng gặp một vị Tăng nói: Phước họa sắp đến, phước trước họa sau, nếu giữ mình thì không bị hại. Lý Hằng không tin lời, nói: Ta giàu có, lo gì tai họa. Vị Tăng ở nghỉ qua đêm, nhưng đang đêm Lý Hằng thấy giường trống, trên nóc nhà lại có một con chim. Sáng sớm thì lại thấy vị Tăng ở trên giường. Vị Tăng từ biệt, Lý Hằng ra tiễn thì không thấy nữa. Từ đó Lý Hằng tin Phật, sau được bổ làm thái thú Tây Dương và Hạ Lô, giữa niên hiệu Thái Hưng thì bị giết.

Cuối đời Tây Tấn Sa-môn Phật Đồ Trừng đến Trung Nguyên độ sinh. Tuy không học rộng nhưng mỗi lần tranh biện thì các học sĩ đều bị thuyết phục. Vào niên hiệu Vĩnh Gia, Sa-môn đến Lạc dương. Gặp lúc Thạch Lặc đóng quân ở Hà Bắc, giết hại rất nhiều người, Sa-môn khuyên giải nên cứu được vô số người. Thạch Lặc lại hỏi về việc lành dữ, và việc bắt Lưu Diệu Tướng. Sa-môn nói rõ, Thạch Lặc làm theo lời thì quả đúng sự thật. Ngày tám tháng tư niên hiệu Kiến Bình năm thứ tư, Thạch Lặc đến chùa lạy Phật, bỗng gió thổi rung chuông, Thạch Lặc hỏi, đại chúng nói: Năm nay nước có nạn lớn. Đến tháng bảy Thạch Lặc chết, Thạch Hổ lên ngôi, càng tôn thờ Phật pháp. Sau đó Sa-môn nói với đệ tử: Ta chết trước vua, vua sẽ bị đọa. Năm Mậu thân, thái tử giết

mẹ và em, Hổ tức giận giết cả nhà. Năm sau Hổ chết.

Sa-môn Đạo An họ Vệ, người ở Thường sơn, là đệ tử của Sa-môn Phật Đồ Trừng. Lúc sinh tiền, Sa-môn Phật Đồ Trừng thường đàm đạo với Đạo An. Sau khi thầy mất, Sa-môn lánh nạn ở đất Hán. Một hôm đến nhà thế tục, Sa-môn gọi tên chủ nhà, chủ nhà kinh sợ hỏi: Trước đây chưa từng quen biết làm sao biết tên tôi? Sa-môn nói: Trước cổng nhà ông có một cái xe tre đựng được một hộc há không phải là Bách Thăng hay sao? Hai cây khép lại há không phải là Lâm sao? Trên cánh tay Sa-môn có một cái sẹo nên người đời gọi là Bồ-tát Ấn Thủ. Xưa, Sa-môn La-thập cũng từng lễ kính. Một hôm thấy một vị Tăng lạ, Sa-môn lễ bái, nói: Tự xét mình có tội, sao lại được thương tình? Ông không có tội, hãy chuẩn bị đồ tắm. Sa-môn hỏi nguyên nhân, vị Tăng bảo sau sẽ rõ. Lúc đó, Sa-môn thấy mười mấy đứa trẻ vào chùa vui chơi, rồi biến mất. Sa-môn nghe ở nhà tắm có tiếng, ra xem thì thấy khăn ướt, nước hết. Sau họ Phù định làm loạn, Sa-môn khuyên không được nên bị bại ở Hoài nam. Một hôm, sau giờ ăn sáng, Sa-môn về phòng an nhiên thị tịch, được chôn ở chùa Ngũ cấp.

Sa-môn Đơn Đạo người ở Khai đôn hoàng, xuất gia sống trên núi năm mươi năm, đi lại như bay, không thích chỗ đông người, thích chỗ thanh vắng. Thời Thạch Hổ, Sa-môn đến đất Nghiệp, chu du khắp nơi, cứu khổ cứu nạn. Sau tịch ở núi La phù.

Thời Đông Tấn, quan tư không Hà Sung kính tin Phật pháp, thường thiết lễ cúng dường, ai nấy đều khen ngợi. Lần nọ thiết trai bỗng thấy một vị Tăng quần áo dơ bẩn, đến dự trai diên, họ Hà cũng bất bình. Ăn xong vị Tăng đi ra, quăng bát lên hư không rồi biến mất, mọi người đều nhìn theo, sám hối tội lỗi.

Thời Tấn, đại tư mã Hoàn Ôn về già kính thờ pháp Phật. Một hôm gặp một vị ni sư từ xa đến, Hoàn Ôn kính tin. Lần nọ, ni sư tắm, Hoàn Ôn nhìn lén, thấy ni sư lõa thân, tự lấy dao mổ bụng rút ruột, chặt đứt đầu tay, nhưng khi sư ni ra ngoài thân thể lại như cũ. Hoàn Ôn hỏi thì ni sư từ tạ, biến mất.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ ba đời Tấn, con trai của Đỗ Nguyện tên Thiên Bảo lên mười tuổi thì chết. Mấy tháng sau, con lợn trong nhà sinh năm con lợn con. Một hôm quan đến, họ Đỗ định giết lợn con. Vị Tăng bảo: Đừng giết, đó là Thiên Bảo, sao mới trăm ngày mà đã quên rồi. Nói xong vị Tăng biến mất.

Niên hiệu Thái Nguyên đời Tấn, quan thái thú Dực hương là Phạm Minh sai người đốn gỗ ở núi Lô sơn. Họ thấy một Sa-môn ngồi trên đỉnh

núi, lâu sau biến mất trên mây. Từ đó mọi người thường thờ cúng.

Sa-môn Trúc Tăng Lãng tinh nghiêm giới hạnh, thường cùng đồ chúng du hóa khắp nơi. Một hôm, trên đường đi Sa-môn nói với đồ chúng: ta nghi chùa có trộm, khi về quả đúng như lời. Cuối đời Phù Kiên bác bỏ đạo nhân riêng Sa-môn và đệ tử được tôn kính. Chỗ Sa-môn ở thường có nhiều cọp, y như chó trong nhà, lại có giếng thần hễ người nữ đến nhìn là giếng bị khô. Sa-môn lễ tạ giếng lại đầy nước. Tôn chủ cấp cho hai huyện, bái làm Đông Tề Vương, Ngụy, Tấn đều cung kính, đến nay đã hơn ba trăm năm, tượng chùa vẫn còn.

Sa-môn Lương Pháp Tướng người ở Hà đông, ở trên núi tu học, làm bạn với chim thú. Điền Thái Sơn có một rương đá đựng vật báu không ai mở được, Sa-môn thử mở ra, thấy vật báu Sa-môn liền bố thí cho dân chúng, Sa-môn thọ chín mươi tuổi.

Sa-môn Bôi Độ không biết từ đâu đến nhưng năm bảy mươi tuổi thì ẩn tu không ai biết. Lần nọ, Sư đến một nhà cư sĩ, thấy có tượng vàng Sư mang tượng đi, người nhà cỡi ngựa đuổi theo nhưng không sao đuổi kịp. Đến bờ sông, Sa-môn để một cái ly trên sông rồi đứng trên ly, qua bên kia bờ, nên được gọi là Sa-môn Bôi Độ. Sau Sư đến Bành thành hành đạo, mất ở Giang nam. Ngài La-thập bảo là hai vị đã xa nhau mấy trăm năm rồi, sao đến nay mà vẫn chưa gặp.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ hai, có người thiết lễ Phổ Hiền, hơn bốn mươi người dự lễ suốt bảy ngày. Một hôm, thấy có một vị tăng cỡi ngựa đến đạo tràng lạy Phật, bất chợt lên ngựa biến mất. Ba năm sau cũng đến đạo tràng Phổ Hiền, họ lại thấy có vị Tăng đến lễ Phật rồi biến mất, để lại ánh sáng sáng rực rỡ.

Sa-môn Cầu-na-bạt-ma người Tây Vực, đầu đời Tống, Sư đến Dương đô hành đạo. Một hôm người ta thiết lễ rải hoa trên tòa để tìm thánh tăng, hoa ở tòa của chư Tăng đều héo riêng hoa trên tòa của Sư không bị héo. Sau, Sư an tọa thị tịch, mọi người cho là Sư nhập định, nhiều hôm sau họ tìm thấy một bài kệ hơn ba mươi hàng, ghi rằng: Khi đạt quả thứ hai, ban đêm có hơn hai trăm người tập họp, thấy một vật nhiễu quanh kim thân rồi bay về phía Tây nam.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ nhất đời Tống, hai người con gái của nhà nọ (chị mười tuổi, em chín tuổi) chưa hề biết kinh pháp. Ngày tám tháng hai năm nọ họ biến mất, ba tháng sáu trở về bảo là gặp Phật. Ngày mười lăm tháng chín lại biến mất, một tuần sau trở về nói đọc được tiếng Phạm. Ngày mười lăm tháng giêng năm sau lại biến mất, cha mẹ khóc lóc cầu cúng quỷ thần, một tháng sau chúng trở về với hình

tướng Tỳ-kheo-ni, kể rằng gặp Phật và các ni, bảo mình có túc duyên nên cho xuất gia, đặt tên là Pháp Duyên và Pháp Thái. Sau đó hai vị lo mở mang truyền bá chánh pháp.

Sa-môn Tuệ Toàn là Thiền sư ở Lương châu, có hơn năm trăm đệ tử, trong đó có một người thô bạo, không được Sư để mắt. Một hôm người ấy tự nói là đạt quả A-na-hàm, Thiền sư không tin. Lần nọ Thiền sư bị bệnh nhập thất tịnh tu, đang đêm đệ tử đến thăm bệnh: Nếu A-xà-lê tin thì sau khi mất sẽ sinh vào nhà Bà-la-môn. Ta một đời ngồi thiền sao lại sinh vào đó? A-xà-lê tu học nhưng không toàn lực, tuy có phước đức nhưng chưa siêu thoát. Nếu lập đạo tràng bố thí thì quả sẽ thành. Lại bảo cúng y tăng già lê nhưng không phân biệt người. Sau, Thiền sư làm theo lời, cúng y cho một Sa-di. Ít lâu sau hỏi Sa-di: Y có lớn lắm không? Sa-di không biết. Thiền sư mới biết đó là Thánh tăng hóa thân. Người đệ tử chết, xung quanh mộ thường có ánh sáng.

Đầu niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Lưu Ngưng Chi ở Quảng lăng gặp một vị Tăng bảo: Ông sắp bị bệnh nhưng không chết, nếu thiết trai cúng dường thì họa sẽ qua. Ngưng Chi không tin, tức giận quát. Vị tăng bỏ đi, bảy ngày sau Ngưng Chi bị bệnh gần chết. Một vị Tăng đến bảo: ông có pháp duyên, sao không tinh tấn? Ngưng Chi kể lại, vị Tăng bảo: Đó là Tôn giả Tân-đầu-lô, nói xong biến mất. Sau đó, Ngưng Chi thấy ánh sáng ở tinh xá Tuệ pháp.

Thời Ngụy Thái Vũ, Sa-môn Đàm Chỉ có những việc lạ lùng, thường ngồi suốt sáu mươi năm năm, chân không dính đất, người đời đặt cho tên là Bạch Túc A Lan. Khi Hách Liên Xương phá đất Trường an, chúng chém Sư nhưng Sư không bị thương, nhờ thế nhiều tăng ni được thoát chết. Sư tịch hơn mười năm mà thần sắc vẫn như cũ.

Thời Tống Hiếu Vũ, Sư Tuệ Viễn là đệ tử Thiền sư Tuệ Ấn. Thiền sư biết trước kia đệ tử là thầy mình nên gửi đến Giang Lăng làm người chèo thuyền. Hằng ngày Thiền sư khổ luyện hành đạo. Một hôm, biết đã hết nghiệp Sư đến chùa Đa bảo nói với sư Đàm Tuân: Ngày hai mươi ba tháng hai năm sau sẽ về trời. Hôm đó sư Đàm Tuân thiết trai cúng dường, thấy khí lạ, biết là sự thật. Canh ba hôm đó nghe trong hư không có tiếng nhạc, thầy nói: Sa-môn đi đó à?

Niên hiệu Đại Minh năm thứ tư đời Tống, thái hậu tạo tượng Bồ-tát Phổ Hiền ở chùa Trung hưng, thiết lễ cúng dường. Trong pháp hội có một vị Tăng hình dáng kỳ lạ, một vị Tăng khác hỏi: Xin hỏi Sư từ đâu đến? Từ Thiên An đến. Xin cho biết quý tánh. Tuệ Lãng.

Cuối đời Tống Sa-môn Bảo Chí đến Dương đô, thường hay phân

thân biến hóa khôn lường, thấy vậy vua ra lệnh bắt giam. Sư bị gông cùm trong ngục nhưng người ta lại thấy Sư hóa độ ở chợ, thoắt ẩn thoắt hiện không sao biết được. Sau, Sư thường đến chùa Diên hiền. Lần nọ, trời hạn hán Sư bảo vua thỉnh Tăng tụng kinh Thắng Man, trời sẽ mưa. Vua làm theo quả đúng như lời. Vua lại hỏi về người thừa kế, Sư há miệng chỉ vào Hầu Cảnh. Sau này cũng đúng như lời.

Cách Từ châu không xa về phía Đông nam có người tên Lưu Tát Hà, không tin Phật pháp, sau bị chết, rồi được sống lại, kể rằng: Gặp Bồ-tát Quán Âm bảo đến Đan dương lễ bái tháp vua A-dục xây. Từ đó họ Lưu kính tin Phật, thường thiết trai cúng dường vào ngày mùng 8 tháng tư hàng năm. Sau đó, họ Hà xuất gia học đạo, pháp hiệu là Tuệ Đạt, được mọi người tôn kính. Người này ban đêm hay ẩn mình trong cái kén, sáng lại chui ra nên người đời đặt tên là Tô Hà Thánh, tô hà là cái kén. Dân chúng thường thờ tượng thánh Tô Hà vì rất linh thiêng. Sau Sư tịch ở Sa Lịch, hài cốt rất nhỏ, có thể xâu lại bằng dây. Mỗi khi gặp việc, dân chúng thường đến Sa Lịch tìm, nếu được thì tốt, không được thì xấu. Một người nọ tìm không được bên lấy trên tay tượng Bồ-tát Quán Âm, nhưng đang đêm thì bị mất, hôm sau lại thấy trên tay tượng.

Những việc thần dị ở các thời đại rất nhiều, được ghi rõ trong Cao Tăng Truyện nên ở đây chỉ nêu lược.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

ĐẠO TUYÊN LUẬT SƯ CẢM THÔNG LỤC

SỐ 2107

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2107

ĐẠO TUYÊN LUẬT SƯ CẢM THÔNG LỤC

Thích Đạo Tuyên ở núi Chung nam soạn vào niên hiệu Lân Đức năm đầu.

TRUYỆN LUẬT SƯ ĐẠO TUYÊN CẢM ĐƯỢC CÁC VỊ TRỜI THEO HẦU

Chúng tôi thường nghe người xưa hay biên soạn ghi lại những chuyện thần kỳ như Trung Mâu. Cuối tháng hai năm nay chúng tôi cũng thường thấy trời người cảm ứng. Có người bảo tôi: Những tác phẩm của tôi rất được hưng thịnh vì thần thánh đều vui. Nhưng về luật thì thiếu. Vì sao lại coi y phục vương quý giống như y phục người thế tục. Y của vua mặc quý giá đồng như ba y của Tỳ-kheo, giá trị mười vạn là y quý, vua cúng y cho tăng thì có thể đồng với giới hạn khinh. Vì y thế tục ngoại đạo, người xuất gia không dùng. Ba y do Phật chế, người mặc y này được giải thoát. Phật cấm mặc y thế tục. Tùy theo từng đất nước Phật khai chế ba y theo phong tục riêng. Chúng tôi mới tỏ ngộ, hỏi người ấy từ đâu đến? Đệ tử họ Vương tên Phan, quan Lan đài của Đại Ngô. Rồi kể lại việc Sa-môn Khương Tăng Hội cầu được xá-lợi ở thời Ngô Tôn Quyền. Lại có người xưng là sứ giả của Nam Thiên Vi tướng quân nói rằng tướng quân luôn lo việc giữ gìn Phật pháp, nơi nào Phật pháp gặp nguy tướng quân đều biết. Không lâu sau lại có người nói: Đệ tử họ La, người đất Thục. Người ấy nói tiếng Thục, bàn về tướng luật rất rành rẽ, rồi bỗng biến mất. Một hôm lại có người xưng là họ Phí, đến kính lễ, thưa: Thời Phật Ca-diếp, đệ tử làm đệ tử của Vi tướng quân cõi trời. Chư Thiên tham dục nhưng đệ tử chuyên chay tịnh giữ mình. Vi

tướng quân cũng thanh tịnh giới hạnh, không tham dục lạc cõi trời. Chư Thiên nguyện hộ Phật pháp trong bốn thiên hạ, nhưng Phật pháp được hưng thịnh ở ba thiên hạ, thiên hạ phía Bắc pháp ít thịnh hành. Người xuất gia tuy đông nhưng ít giữ giới luật. Người ở thiên hạ đông, tây thì ít thông minh, nặng về phiền não. Thiên hạ phương Nam tuy phạm tội nhiều nhưng dễ khai hóa. Lúc Phật sắp Niết-bàn có phó chúc cho tất cả ủng hộ bảo vệ Phật pháp, đừng để ma quấy phá, nếu không giáo pháp sẽ diệt vong. Phật chế giới cấm để chúng thực hành theo, một điều lành sinh, muôn điều ác diệt. Vì thế chư Thiên thường lo bảo hộ., ba mươi hai tùy tướng của Vi tướng quân ngày đêm che chở, hễ thấy ma quấy phá mê hoặc tăng ni họ liền đến dẹp trừ. Đệ tử ưa thích giới luật mà Phật đã chế nên lãnh thọ giới luật, thông hiểu tất cả. Nhưng Tam bảo ở Đông Hoa vốn thường có đá hiện trên nước, người ta cho là linh thiêng, muốn hỏi nguyên nhân nhưng không biết hỏi ai, do đây xin hỏi, nhưng văn thiếu, chỉ suy lý, chưa từng xem làm sao nói được. Chúng tôi thích sưu tầm biên soạn những chuyện thần linh, đã từng đọc qua, không nên nghi ngờ. Vả lại Phật là bậc hy hữu, tâm dũng mãnh hỗ trợ thần thánh, giữ gìn thánh pháp đã có từ xưa, không phải do chúng tôi nói. Sau tìm đủ duyên do nên viết lại. Trước hỏi về việc Phật: tượng Phật Đa Bảo bằng đá ở thành đô Ích châu xuất hiện vào thời nào? Trên núi Thanh Thành, kinh đô nhà Thục này thuộc vùng biển Thành đô. Thời Phật Ca-diếp người ta xây ở chùa núi Thứu đầu bên sông Tây Nhĩ. Sau có người Thành đô đến thấy lạ nên thỉnh về. Chùa Đa bảo bị nước cuốn nhưng tượng vẫn còn. Sau có người làm thần nổi giận nên nhận chìm cả tượng. Trên núi Thứu đầu vẫn còn một ngôi tháp, ánh sáng thường phát ra. Từ đây đến sông Tây Nhĩ cách hơn ba ngàn dặm, sông này rất rộng. Ở Kinh châu cũng có chùa kinh tượng cổ nhưng không có tăng ở. Mỗi năm người dân nghe tiếng chuông hai lần, họ lên núi, cúng dường tháp cổ. Tháp bằng đá ba tầng, người ta cho là mộ thần. Khi tháp phát ra ánh sáng, người ta làm chay cầu phước. Từ đó đến Thiên Trúc không xa. Đời Tấn, một vị Tăng thấy hiện tượng lạ nên đào đất kiếm, đào sâu hơn một trượng thì thấy một pho tượng và một bộ xương người rất lớn. Đó là người Diêm phù đề sống hai vạn tuổi thời Phật Ca-diếp. Thời nay mạng người ngắn ngủi, đệ tử thành người già, thời Chu mạt pháp tạm ẩn, nay lại hưng khởi. Người Thục biết là linh thiêng, thấy dưới chân có chữ Đa Bảo thì gọi là Phật Đa Bảo, chùa Đa bảo. Hỏi chữ lệ xuất hiện ở thời Tam Tần, vì sao thời Phật Ca-diếp đã có sách thần? Chữ Lệ của Lý Tư đời Tần vốn kế thừa chữ cổ, chữ lệ hưng thịnh ở thời Phật xưa. Xét châu

phía Nam hiện đã có hơn ngàn châu. Xung quanh cõi Diêm-phù-đề có hơn vạn nước, văn tự thấy nói giống nhau. Nhà Đường vì cách xa mấy mươi vạn dặm, người dịch không truyền bá nên không biết. Thầy không nghe rằng: Lương nhìn vua núi, học rộng hiểu nhiều, Chu hỏi nguồn gốc chữ, hiển ẩn bất định. Trong lời tựa của Ngọc Thiên ghi: Khai quật mộ vua thấy bài minh chữ lệ. Vua ấy thuộc sáu nước thời Chu, thời ấy dùng chữ lệ, sách chữ Triện, chữ lệ còn mù mờ huống chi là thời Phật Ca-diếp làm sao họ thấy biết. Hỏi: Đài Cao Tứ ở phía Tây kinh thành tục cho là Thương Hiệt làm ra, sao lại nói xưa đã có chữ lệ? Thương Hiệt đắp đất làm đài, xem dấu chân chim sẽ biết. Vả lại truyện Thương Hiệt ở đây ít ai biết, hoặc cho là bề tôi của Hoàng đế, hoặc cho là vua xưa. Sách chữ dấu chân chim giờ đã mất không cần phải nói. Lại có vị trời họ Lục tên Huyền Sướng nói thời Chu Mục Vương đệ tử sinh ở cõi trời, thời Phật Ca-diếp trời thông hóa nên thường hiện. Về đài Cao Tứ, thời Phật Ca-diếp nói pháp độ sinh ở đó. Đến thời Chu Mục Vương, Văn-thù, Mục-liên hóa độ Mục Vương, là nơi Phật Ca-diếp nói pháp. Thời Tần Mục Công người ta tìm thấy một tượng Phật đá, Mục Công không biết đem bỏ ở chuồng ngựa, vị thần tức giận gây họa cho Mục Công. Mục Công mơ thấy bị thần quở trách, tỉnh dậy hỏi Do Dư, Do Dư đáp: Thần đọc sách cổ thời Chu Mục Vương có hóa nhân đến đây, là thần Phật. Mục Vương tin, lập đài Trung Thiên ở núi Chung Nam cao hơn ngàn thước, hiện vẫn còn nền. Lại xây miếu thần ở Thương Hiệt là đạo tràng ba hội, tai họa của bệ hạ là do thần Phật gây nên. Mục Công kinh sợ kể lại chuyện tượng đá. Nghe thế Do Dư đi xem, khẳng định là thần Phật. Mục Công cho thỉnh tượng tắm gội sạch sẽ, thờ ở nơi thanh tịnh, tượng phát ra ánh sáng, Mục Công kinh sợ giết ba vật để cúng tế, các Thần bỏ đi, Mục Công hỏi Do Dư, Do Dư đáp: Thần nghe, Phật chay tịnh, thương yêu sinh mạng như con một, người ta chỉ đốt hương cúng dường mà thôi, lại cúng bằng vật chay. Mục Công định là tượng nhưng không có thợ, hỏi Do Dư, đáp: Xưa Mục Vương làm chùa, tìm được một người thợ ở làng phía Nam đài Cao Tứ họ Vương tên An, là người có tham dự ở đạo tràng ba hội nhưng người ấy quá già (một trăm tám mươi tuổi) nên bảo người đến tìm bốn anh em ở làng phía Bắc. Họ liền đúc làm một tượng đồng rất đẹp, vua ban thưởng trọng hậu, họ liền xây một cái gác cao ba trăm thước, người ta gọi đó là đài Cao tứ, từ đó đến nay vẫn gọi là đài Cao tứ.

Hỏi: Mục-liên tịch trước Phật Thích-ca, sao lại hiện được? Có sáu người cùng tên. Mục-liên ở đây không phải là Đại Mục-liên. Thời

Chu, Bồ-tát Văn-thù đến đây định lễ bái chỗ Phật Ca-diếp nói pháp. Nơi Văn-thù ở là núi Thanh lương. Bồ-tát hỏi nhưng không ai biết, Pháp sư Trí Mãnh mười tám tuổi, hỏi: Làm sao biết có hai thánh tích? Cách thành đô nhà Tần hai mươi dặm về phía Nam có đài của Thương hiệt. Đó là nơi Phật nói pháp. Nơi đó cách sông Sa hà năm mươi dặm về phía Nam, cách núi Thanh sơn bốn mươi dặm về phía Bắc. Hỏi: Sa Hà, Thanh Sơn là gì? Đó là sông Vị thủy, núi Chung nam. Bồ-tát liền đến đó. Pháp sư cũng theo, đến nơi thì không thấy Bồ-tát nữa. Sau Pháp sư xin vua xây chùa. Sau khi độ Tôn giả Ca-diếp mười hai năm, Phật Thích-ca có đến đó, thấy xá-lợi Phật Ca-diếp, lại gặp Chu Mục Phật bảo: Hãy về thờ phụng tháp cổ. Vua hỏi nơi chốn, Phật chỉ rõ. Trong biệt truyện về Thiên Trục ghi: Có một vị Tăng chín mươi chín tuổi hạ chứng quả thứ ba ở nước Sư Tử, nghe thánh tích liền đến chiêm bái.

Hỏi: Kinh có kể: Bồ-tát Văn-thù đưa năm trăm vị tiên đến núi Thanh lương nói pháp. Bồ-tát ở mãi cõi Ta-bà. Ta-bà là chỉ chung cho đại thiên thế giới nào phải riêng nơi này? Văn-thù là người thầy đầu tiên của chư Phật, tuy cơ biến hiện. Công lực của Bồ-tát không ai biết được. Bồ-tát thường ở núi Hoa sơn phủ Thanh lương huyện Ngũ đài.

Hỏi: Cách Trung đài ba mươi dặm về phía Đông nam có chùa Linh thứu, người thì bảo do Hán Minh Đế xây, người thì cho là do Ngụy Hiếu Văn tạo. Sao lại như thế? Do hai vua làm. Xưa núi này linh thiêng, là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù, Chu Mục có xây chùa để cúng dường, vua A-dục cũng xây tháp ở đây. Thời Hán Minh đế Pháp sư Ma-đằng thấy tháp nên khuyên vua xây chùa. Ngụy Văn Đế thường đến lễ bái. Đâu phải chỉ ở Ngũ đài, mà các núi Chung nam, Thái bạch, Thái hoa, Ngũ nhạc đều có bậc Thánh. Để truyền bá Phật pháp nên các bậc Thánh hiện hữu khắp nơi.

Hỏi: Tượng ở núi huyện Phiên hòa, phía Tây Lương châu thuộc thời nào? Là Thời Phật Ca-diếp, Bồ-tát Lợi Tân thấy người ở đây không tin Phật pháp, chuyên giết hại sinh mạng nên xây chùa, đại phạm Thiên vương tạo tượng. Bồ-tát dùng thần lực làm cho tượng như thật, rồi đi giáo hóa mọi người nhưng họ vẫn không tin nhận. Bồ-tát liền làm việc kinh sợ để chuyển tâm chúng, Bồ-tát biến những xác chết thành hoa sen, khắp nơi đều có hoa sen mọc. Bồ-tát khuyên họ xây bảy ngôi chùa suốt ba trăm năm mới xong, lại độ hai vạn người xuất gia. Nhưng vì nghiệp lực xưa, những kẻ bị giết thì quyết tâm hại, rồi chúng đốt lửa, phun nước đốt cháy cuốn trôi tất cả. Khi chùa chưa bị cháy, thần núi thỉnh tượng để trong hư không. Sau khi bình yên thần núi thỉnh tượng

thờ trong động đá. Đến khi Lưu Tát Hà gặp tượng thì đó là tượng Bồ-tát Lợi Tân.

Hỏi: Về tượng Long Quang ở sông tương truyền do Pháp sư La-thập thỉnh từ đất Phù nam thì sao? Không phải Pháp sư La-thập. Do Tống Hiếu Vũ đánh dẹp Phù nam thỉnh về. Sau khi Phật diệt độ ba trăm năm, đại La-hán Ưu-lâu-chất-na dùng thần lực tạo tượng cao hơn ba trăm thước. Theo truyện của Huyền Trang thì cao hơn trăm thước. Thánh tích ký thì ghi cao tám tượng, chân cao tám thước. Tượng thường phát ra ánh sáng vào các ngày chay. Tượng có năm tầng, trên cùng được làm bằng gỗ chiên-đàn, tầng hai làm bằng chiên-đàn ngưu đầu, tầng ba là vàng, tầng bốn là ngọc, tầng năm là đồng. Sáu trăm năm sau La-hán Phật Nại-già thỉnh tầng trên cùng để thân mẫu hiện ở Phù Nam thờ cúng. Sau xuất gia ở chùa Tân hưng chứng quả thứ ba. Tống Hiếu Vũ đánh Phù nam thỉnh tượng này về. Xưa thầy Đàm-vô-kiệt cũng có ghi việc này.

Hỏi: Kinh của Pháp sư La-thập dịch rất được hưng thịnh? Người này thông minh, thông hiểu pháp đại thừa, được các đời tôn kính. Tác phẩm của Pháp sư dịch là do chứng ngộ, biểu đạt được ý của Phật, tùy cơ bỏ phiền toái hoặc bổ sung phần thiếu sót, nên Đại Luận lược rất nhiều. Khi dịch xong thì thành tâm đọc tụng, lại được Phật che chở, Văn-thù truyền chỉ, đâu có gì đáng nói.

Tượng cổ ở chùa Hiển tế, Phường châu có từ thời nào? Là do Tần Mục Công làm ra trụ chùa mà Chu Mục Vương xây. Sau khi Phật diệt độ, con gái thứ tư của A-dục làm tháp tượng để cúng dường. Chùa đó có một người chứng quả thứ ba. Chùa thời Phật Ca-diếp là do sa di Hiển Tế làm, rồi lấy tên mình đặt tên chùa.

Hỏi: Tháp gạch trên núi Đàn đài phía Nam cung Ngọc Hoa có từ thời nào? Xưa ở đó có chùa do Mục Vương xây, vua A-dục cho thần núi xây tháp. Vưa Lưu Diệu nằm mộng thấy thần bảo: Người chớ ham mê tửu sắc, nên xa lánh kẻ nịnh thần, gần gũi người trung. Lưu Diệu thức dậy sai người lên núi Hòa, quả đúng như lời liền bỏ tháp nhỏ, xây tháp lớn cao mười chín tầng, và xây chùa Pháp đăng, độ ba trăm vị tăng. Chùa có ba mươi hai người tu chứng quả thứ ba. Thần núi lại lập một chùa khác để cúng dường chư Tăng chứng quả thứ hai. Thần còn hai cỏ linh chi ở núi Thái bạch để cúng dường Thánh tăng, Thánh tăng đều được sống lâu. Chùa hiện vẫn còn, người đời ít thấy nhưng thường nghe tiếng chuông. Nên tháp tuy do Lưu Diệu xây nhưng vốn là chùa do Mục Vương tạo và là nơi Phật Ca-diếp nói pháp. Vào niên hiệu Trinh Quán,

trên núi phía Bắc cung Ngọc hoa thường có bầy nai xuất hiện, có người đào chỗ nai đứng thì thấy một tượng đá cao gần một trượng.

Tượng gỗ chiên-đàn chùa Đại minh, Kinh châu tương truyền do vua Ưu-điền tạo, hiện ở kinh đô cũng có, chẳng hay tượng nào là gốc? Tượng ở chùa Đại minh là tượng gốc. Sau khi Lương Cao băng hà, tượng được đưa đến Kinh chử. Niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba, nhà Chu đánh bại nhà Lương, thâu thập vật báu, thầy Trân cất giấu tượng. Niên hiệu Khai Hoàng năm thứ chín đời Tùy, vua sai Liễu Cố đến chùa thỉnh tượng. Liễu Cố liền làm một tượng khác dâng vua, hiện thờ ở chùa Hưng thiện. Tượng giáo ở đất kinh bị người ta làm mất nguyên trạng. Đại Minh là trụ xứ của Phật xưa, tượng không thể bị dời về phương Bắc. Pháp sư Diệu Nghĩa nằm mộng thấy thần báo nên bóc bỏ lớp bên ngoài, tượng hiện như xưa, oai nghi sáng rỡ, không thể là người thường tạo nên.

Hỏi: Vì sao chùa núi Tam học ở Giản châu đất Thục thường có đèn sáng trong hư không? Vì trên núi có chùa Pháp đăng do Bồ-tát Hoan Hỷ Vương xây vào thời kỳ đầu trong chánh pháp của Phật Ca-diếp, đèn là của thần núi cúng nên thường sáng.

Chùa Tương tư ở Bội châu có nhiều thánh tích chẳng biết do đâu? Thời Phật Ca-diếp có một vị thần núi tên La Tử Minh, vốn là Tỳ-kheo giữ giới. Vì ghét người phá giới nên phát nguyện làm quỷ dữ ăn thịt kẻ phá giới. Vị thần này vốn là anh của Phật Ca-diếp, sau làm đệ tử. Phật thương tình nên đến hóa độ, thần xin thọ năm giới, dần biết đời trước nên không ăn thịt người nữa. Vì sợ thần đổi ý, nên Phật để lại thánh tích. Vua A-dục xây tháp ở đó, thần ẩn trong đá. Chùa Linh khám huyện Hán ninh phía Bắc Tuần châu cũng có nhiều linh tích, là do đệ tử Bồ-tát Văn-thù thương vị thần núi bèn đến giáo hóa để chuyển tâm, và lưu lại thánh tích. Niên hiệu Trinh Quán năm thứ ba thần núi chết, được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Một vị thần quyến thuộc của thần nùi cũ đến ở đó cũng tạo nghiệp ác, thần núi nhờ Bồ-tát Văn-thù giáo hóa, để lại thánh tích nhỏ. Vì thế núi này có nhiều thánh tích.

Hỏi: Vì sao động đá ở núi phía Bắc Bí châu thường có ánh sáng?

Đáp: Vì hoàng tử thứ hai của Chu Mục Vương đúc tượng Phật Ca-diếp để cúng dường ở đó.

Trên núi huyện Chung nam, Vị châu cũng có tượng Phật?

Đáp: Hang ở núi Nam do Phật Ca-diếp tạo, còn có mười ba vị Duyên giác tu ở đây, nơi nào cũng có chùa tháp thánh linh, có nơi hiện, có nơi ẩn. Trong tháp chùa Quách trung, Cam châu, Hà tây có xá-lợi.

Trong điện Phật chùa Linh nham, Hà châu cũng có xá-lợi. Chùa ở Mạch tích, Tần châu có xá-lợi bị thần núi phế bỏ. Chùa này vốn do Chu Mục Vương xây, có tên là Linh an, đến nay vẫn thường có người lạ xuất hiện. Tháp chùa Trường minh, kinh châu do vua A-dục xây để thờ xá-lợi, đào sâu hơn một trượng là thấy hộp đựng xá-lợi. Ba ngôi tháp ở Ích châu đều có thần tích (có nói rõ như trong biệt truyện).

Hỏi: Tháp cổ Trường can ở Dương đô do vua A-dục tạo phải không?

Đáp: Xưa do Lưu Tát Hà mộng thấy, hiện vẫn còn. Ở đó có chùa Trường can phải không?

Đáp: Chẳng phải tên chùa mà là tên đất. Lại còn ngôi tháp ở huyện Mậu cũng do vua A-dục xây nên. Đó là tháp thờ xá-lợi của Phật Ca-diếp do một vị La-hán làm. Sau này có hai con cá thần giữ gìn tháp. Ở dấu chân cũng có ghi: Đó là do ba Đức Phật đạp lên. Vì thời Chu, ở đây có người nên lập tháp để tạo phước.

Hỏi: Nếu thế các vua đều có thấy sao ít ghi chép như thế?

Đáp: Linh tháp do tiền duyên, ít ai thấy nên ít ghi lại. Dương Hùng, Lưu Hướng tìm trong các sách biết trước thời Tần kinh tháp đã có.

Cách Hoành Nhạc năm, sáu trăm dặm về phía Nam, phía Bắc Vĩnh châu có con sông lớn, Đông tây dài hơn năm trăm dặm, Nam bắc rộng hơn trăm dặm, trong sông xưa có mấy mươi vạn nhà, nay toàn là rừng rậm, giữa có con sông nhỏ chảy về sông Tương. Phía Nam có hang, phía Bắc có ao vuông, bốn mặt là đá, nước sâu rồng ở, ít ai đến. Phía Nam ao có tháp của vua A-dục xây, phía Đông tháp có bia bằng chữ triện.

Hỏi: Ở Trung Hoa có nhiều thuyết cho rằng Phật giáng sinh vào thời Ân, thời Chu, thời Lỗ, thuyết nào đúng?

Đáp: Đều có nguyên nhân, thời vua Kiệt nhà Hạ, đệ tử đã thấy Phật hóa độ. Hơn nữa Phật có ba thân, hai thân pháp và báo thì con người không thể thấy biết, còn hóa thân thì ở khắp tam thiên đại thiên thế giới nên có đến trăm ngàn ức Thích-ca, sự cảm hóa của người khác nhau nên thấy khác nhau.

Hỏi: Các tượng thánh linh bấy giờ thường cho rằng do công chúa thứ tư của vua A-dục tạo? Công chúa thứ tư của vua A-dục có dung mạo rất xấu nên thường vẽ tượng Phật nhưng tượng Phật lại xấu như công chúa. Do đó công chúa phát nguyện cầu Phật ứng hiện. Sau được Phật cảm hóa, thay đổi dung mạo. Nghe tin vua A-dục sai các quỷ thần truyền bá Phật pháp. Chùa Sùng kính trước đây là chiến trường. Cuối

thời Tây Tấn, ngũ Hồ dấy binh, giết hại vô số nên quỷ thần đưa tượng về, làm cho oan hồn biết tu pháp lành. Sau bị nhà Chu diệt pháp, thần ẩn thân, nhà Tùy khai pháp Phật lại hiện.

Các thần có oai lực tự tại như tháp cổ ở Tần Xuyên, tương truyền do vua A-dục xây, cứ ba mươi năm phát ra ánh sáng một lần. Từ niên hiệu Trinh Quán đến nay đã hai lần phát ra ánh sáng, vì sao xá-lợi trong đó lại thô lậu đến thế? Quỷ thần cùng có giàu nghèo như người, tùy khả năng của mình mà vật cúng khác nhau.

Việc u hiển thường xảy ra, có người thì chết bảy ngày trăm ngày, cho đến ba năm thì sống lại. Trong kinh chép tinh thần (linh hồn) con người ở chỗ Diêm Vương năm, ba, bảy ngày, vì sao? Vì con người có bảy thức, mỗi thức đều có thần, tâm thức là chủ, chủ tuy đi nhưng thần không theo, điều này không có gì lạ. Xin hỏi: Sư nói thọ giới, một giới có mấy vị thần?

Đáp: Một giới có năm vị thần, nếu phá một giới thì chỉ có một vị thần ra đi, nghĩa là có hai trăm năm mươi vị thần thường theo hộ giới.

Các Tích người ở huyện Ba tây, Miên châu, chứng quả thứ hai. Nhân đến thôn Tân Phồn, người cúng rượu thịt, Cú Tích không dùng, người ta đánh, Cú Tích viết chữ, người ta xin chữ nhưng không lễ kính, Cú Thích buồn, phát nguyện nằm trên bãi cỏ phía Bắc làng, vẽ trong hư không để làm gì?

Đáp: Viết kinh để trời đọc, không cho người xem. Viết xong bộ Kim Cang Bát-nhã phải mất bảy ngày. Các vị trời làm lọng báu che ở trên, chỗ đó cỏ không mọc nữa, các đứa trẻ chăn trâu hay tránh mưa ở đó thì không bị ướt, từ đó người trong làng tôn kính, người ta xây hàng rào để ngăn. Ngày chay tịnh họ thường đến lễ bái. Chùa Trúc Lâm ở núi Cổ Sơn được xây vào thời Phật Ca-diếp. Sau Mục Vương làm lại, hiện vẫn còn. Sơn thần thỉnh năm trăm La-hán đến ở đây nên thường thấy hai ngàn thánh tăng nhiễu quanh chùa, năm vạn vị thần tiên cúng dường lễ Phật. Sau đó nói về tướng luật.

Hỏi: Vào đời Lương, Sư đã là người soạn thuật nổi tiếng, khá thông tướng luật nhưng hiện giờ thì không còn. Đời này lại tiếp tục việc ghi chép tức nghiệp xưa huân tập, trời người giúp đỡ. Vì thế ngày lại ngày già đi như cây khô xe hỏng. Nếu thế muốn đọc kinh tạng, thì ghi lại để thực hành có được không?

Đáp: Sư chỉ phù hợp việc nghiên cứu luật. Về những văn nghĩa sâu xa thì đọc kỹ mới nắm bắt được. Những gì sư ghi lại thần linh đều mừng, từ khi pháp truyền đến phương Đông đến nay đã sáu, bảy mươi

năm nhưng tất cả Luật sư Nam bắc đều như thế, không thể dùng của sát sinh làm y phục Từ bi. Tôi đọc luận Trí Độ, thấy Phật chế Tăng-già-lê thô, ghi nhớ trong lòng, vì sao lại trái? Sau đọc trong luật thấy y bằng tơ tằm nên muốn ghi lại, ngọa cụ ba y đều là vật cần dùng nhưng đều là tổn hại sinh mạng. Pháp phục vốn hiển bày tâm Từ bi, không từ bi thì không cứu khổ ban vui. Tâm Phật là đại Từ, sát sinh để hành từ thì đâu được. Vải thô cũng phải cần bao công lao khó nhọc, giàu nghèo đều dùng, lớn nhỏ đều mặc một pháp y. Đạo không có lý tổn hại, đó là Từ bi giáo hóa.

Tuỳ duyên dùng ba y, sao ở đây không như vậy? Luật Tứ phần không có nên không may ba lần. Trong Thập Tụng có ghi sao không thực hành? Đã có thì chẳng thể không thành. Y đại được may ba lần nhưng chỉ ở trên, vì sao ở dưới lại không được? Sư liền cầm y chỉ rõ.

Hỏi: Tọa cụ hai lớp là luật định tức cắt xong nối lại chỉ một đường viền vá một đầu. Nếu nối bốn mặt thì sao?

Đáp: Luật định: Ngoài mức quy định thêm mỗi đầu dài rộng nửa gang. Đó chỉ là một dài một rộng chứ không phải là dài rộng bốn mặt. Hiện nay thấy có Tỳ-kheo vắt tọa cụ trên vai khi đi đường thật là chướng mắt. Xin sư nói rõ.

Đáp: Vắt tọa cụ trên vai đã thành lệ. Xưa Tôn giả Xá-lợi-phất rời tinh xá Kỳ hoàn vắt tọa cụ trên vai, khi đến pháp tòa, trải tọa cụ ra ngồi. Nhiều kinh luật cũng ghi: Khi ăn xong, hoặc khi xuất định các Tỳ-kheo vắt tọa cụ lên vai. Ở đây thì ngườin ta để y lên vai trái rồi nắm chéo y trên vai buộc với chéo y ở tay. Tọa cụ là để bảo vệ y và ngọa cụ, làm cho trong ngoài đều sạch. Khác với ở đây. Trong kinh dạy: Khất thực xong trở về tinh xá, thâu y bát, rửa chân ngồi. Chư Tăng ở đây sinh hoạt rất bẩn, cứ tiện là làm. Các Sa-môn thực hành đúng pháp thì thân tâm đều thanh tịnh. Thập Tụng Tỳ-nại-da ghi: Dây buộc của ba y thì cách bốn ngón tay ở trước, cách tám ngón ở sau. Ở đây thì dùng ngược lại.

Sau có một vị trời đến nói: Đệ tử Hoàng Quỳnh xin kính lễ. Về tọa cụ tuy không trái kinh luật nhưng chưa đủ. Từ lúc Phật độ năm đầu đến độ anh em Ca-diếp thì Phật chế ca sa để ở tay trái, tọa cụ để dưới ca sa. Vua quan thì để trên vai trái. Sau đồ chúng đông Phật chế để chéo y trên vai trái, sau bị gió cuốn nên cho đặt vật để đè. Chư tăng không hiểu ý Phật nên chế các vật giữ rất đẹp, bị thế tục chê cười. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy: Vật đè mà ta chế là ni sư đàn, cái khác không hợp. Sau ngoại đạo Đạt-ma-đa ở thành Vương xá mặc nhiều y phục sặc sỡ, mỗi ngày thay một y, ba mươi ngày mới tắm. Thức ăn được nấu bằng

củi thơm, nhà ở cất bằng gỗ thơm, trét bùn cũng dùng nước thơm, xung quanh vườn đều trồng cây thơm, suối ao thoảng hương ngưu đầu, nước trong vắt. Vườn của Đế thích cũng không hơn. Một hôm, Đức Phật và các Tỳ-kheo vào thành khất thực, thấy vậy ngoại đạo muốn Đạt-ma-đa biện tài với Phật. Khi đến chỗ Phật, ngoại đạo không thấy Phật, chỉ thấy các Tỳ-kheo. Ngoại đạo hỏi manh vải trên vai dùng để làm gì?

Đáp: Để ngồi. Y của các vị mặc là y gì? Áo nhẫn nhục. Thế nào là áo nhẫn nhục? Là tướng Tam bảo trên hàng thiên ma, dưới phục ngoại đạo. Y quý như vậy sao lại đặt mảnh vải ngồi lên trên? Là Sa-môn Cù-đàm chế hay tự các vị làm? Các Tỳ-kheo im lặng. Ngoại đạo nói: Nếu là Sa-môn Cù-đàm chế thì không thể là người được Nhất thiết trí. Nếu các vị tự làm thì vì sao Phật không răn dạy. Sau đó các Tỳ-kheo về bạch lên Phật. Do vậy Phật chế để y trên tay trái, tọa cụ để phía dưới y. Về sau các Tỳ-kheo đắp y không ngay thẳng nên bị chê là không có oai nghi, y phục mặc như dâm nữ. Từ đó Phật mới cho dùng cúc. Nay thì nắm chéo y vắt qua dưới nách, không để rũ xuống. Sách chép: Mũ tuy rẻ không được để ở dưới, dép tuy đắt không được để ở trên. Việc hóa độ không vì người mà bỏ giáo, đó là tông chỉ chính của giáo pháp ba thừa. Lại nữa, tọa cụ như nền tháp, ca sa như tháp pháp thân. Nền thấp không lệch, tọa cụ sao lại thay đổi.

Lại hỏi: Gần đây thấy chư Tăng Tây Vực mặc y phục bằng lá cây? Sau khi Phật Niết-bàn hai trăm năm, chư Tăng sống chung với ngoại đạo, ngoại đạo ganh ghét ngầm giấu dao trong y rồi báo quan rằng Sa-môn họ Thích muốn hại vua nên giấu dao trong y. Thấy vậy, vua liền ra lệnh xử trảm tất cả Tỳ-kheo. Do đó Tôn giả Da-xá quyền khai. Ngày nay giới đàn hưng thịnh, Phật được tôn trọng. Chùa Kỳ hoàn lập ba đàn hai viện, tùy tăng ni kiết giới. Một đàn của viện tăng là thọ giới Cụ túc, lại được trang nghiêm một nơi như bảo tòa Tu-di, xung quanh có tượng thần che chở. Thấy có đàn tràng bằng đá, luật sư Hoằng lập ra tướng đàn tràng ai nấy đều ưa thích? Giới đàn Nam Lâm trong tăng truyện có nói việc này. Ở đó ghi: Vốn chỉ một nơi, giờ lại thỉnh cầu, phương Nam cũng có. Thời Tống Cầu-na-bạt-ma lập đàn ở Quý Châu. Trúc Pháp Hộ đời Tấn lập đàn ở chùa Ngõa quan, Chi Đạo Lâm nhà Tấn lập một đàn ở Thạch Thành. Chi Pháp Tồn lập một đàn ở nơi kín. Trúc Đạo Nhất lập đàn ở núi Động đình. Trúc Đạo Sinh lập đàn ở núi Hổ khâu. Trí Nghiêm đời Tống lập đàn ở Định lâm. Tuệ Quan lập đàn ở chùa Thạch Lương. Tăng Phu lập đàn ở Vô Hồ. Lương Pháp Siêu lập đàn ở Nam Giản. Lương Tăng Hựu lập đàn ở bốn nơi. Nền chùa bốn tầng ở Kinh châu,

Trường sa, chùa Đại minh đều là giới đàn, nay từ Du châu đến phía Nam Giang hoài có hơn ba trăm giới đàn. Phật pháp được lưu truyền suốt thời gian qua là nhờ giới đàn. Giới là nền tảng của pháp. không thể bỏ phế. Ở Bắc Hà vì không có giới đàn nên ba lần pháp bị diệt. Nhờ các căn mà tâm trí con người mới định sáng. Pháp Phật là nơi nương tựa duy nhất không thể nghi ngờ, không thể phế bỏ. Chư Tăng thuyết giới thọ giới đều theo luật định trở về đây, chuyển bên trái, ra hướng Nam. Trong kinh thường ghi xoay bên phải sao ở đây lại là bên trái? Thường pháp là thế, con người chuyển thành bên phải. Mặt trời, mặt trăng, sao đều chuyển theo hướng trái. Tất cả đều mọc từ phía Đông rồi đi về phía Tây. Pháp Phật cũng như thế, nhưng ở đây lại cho là không thanh tịnh. Vì Phật quán nơi pháp được truyền bá lâu dài nên chế cho chư Tăng nằm nghiêng bên hông phải. Do đó mà thỉnh ra khỏi tinh xá Kỳ hoàn. Không bao lâu lại có một vị trời đến nói là họ Diêu, rồi có hai vị trời nữa. Sau cùng Vi tướng quân đến kính lễ, thưa: Đệ tử thường thấy Sư, Sư ở phường An phong biên soạn kinh sách, phân tích tà chính, rất phù hợp với thánh ý. Nhưng vì việc Phật trong ba thiên hạ quá nhiều, binh biến loạn lạc không thôi, đệ tử phải có trách nhiệm che chở, khuyên giải, nên sai các sứ giả đến đàm đạo với Sư trước, giờ đệ tử mới đến được. Hiện nay Phật pháp suy vong, các nước Thiên Trúc còn tệ hơn ở đây. Ở đây tuy phạm giới nhưng còn biết hổ thẹn, phạm giới bên trong nhưng bên ngoài vẫn còn giữ gìn nên làm cho các vị trời thấy một điều lành mà quên trăm ngàn điều ác. Nếu thấy làm ác thì các vị trời buồn khổ, càng dốc sức che chở, không để các ma gây tổn hại. Hỏi: Thiên chủ cõi Dục há không phải là ma sao? Các vị trời dưới quyền cũng nào khác gì? Nếu ma làm ác thì bốn vị Thiên vương, Đế Thích không vâng theo. Chư Thiên hai cõi dưới làm lành thì ma quân không làm gì được. Ở đây chư Tăng phụng hành cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Tây Vực không như thế. Chư Tăng Tiểu thừa mà thấy kinh Đại thừa thì quăng vào lửa, chú tiểu thì bị bán cho Bắc Địch, người già thì bị giết. Hiện chùa Bồ-đề, vị trụ trì có oai đức, chùa có tám vạn tượng, có mấy ngàn vạn vị Tăng, vua không xâm phạm được. Họ dùng vàng bạc, ăn thức ăn thế tục, giết hại động vật nhưng cũng che chở, không để ác ma hãm hại.

Hỏi: Há không có Long vương thiện thần, sao lại để họ tự do gây ra tội lỗi? Các thần ăn máu đều đến che chở, người vâng lời Phật là che chở chùa Tăng Đại thừa. Ở đây có kẻ chỉ lo giết hại, liền nguyện cầu rồng quỷ có thế lực trong sinh tử chặn đứng việc làm ác. Vì sao thần lại để tự do giết hại? Đó là do nghiệp ác của chúng sinh tạo nên, cá dê trả

nợ là lý thường. Trả nợ thì không thể nói nhưng lại giết hại để ăn uống thì là do mê hoặc, tham si tạo quả cõi ác, sao các thần lại để cho làm? Đó là do nghiệp, chư Phật còn không thể trừ được huống chi là các thần. Khi thọ sinh ở đây, mất chánh niệm, tạo nghiệp sát. Xưa có nguyện: Thoát sinh thất niệm. Nếu không quán hạnh rõ ràng, trong bùn không nhơ, mới làm như thế.

Hỏi: Khắp nơi đồn rằng Thích Đạo An được mọi loài chiêm ngưỡng, cỡi lừa đỏ, ngày đêm đều thấy, chưa biết ra sao? Chỉ là luống dối. Nếu là dối vì sao trên chùa Hà đông có con lừa, ở Sơn nam có làng lừa, như vậy là có y cứ ư? Không phải. Người sau xây đài để cúng dường, đặt con lừa bên cạnh điện Phật? Làng lừa vốn có tên là quận Lư quốc, người đời sau không hiểu nên gọi sai.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

SỐ 2108
(QUYỂN 1 → 6)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2108

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Thời Tiền Đường, Vương Ẩn Dung tự Thiếu Vi ở Thái nguyên soạn.

LỜI TỰA

Như trong khe đục xuất hiện một bậc Long thánh khai mở thành Ba, phi hy họa vẽ mà leo dây, nổi vết xe mà vượt khế ước. Cung nghiêm kính đến, đề tôn ở trong ngọc vũ, bày giày trong quần. Sáng giúp, giúp của Tuyền Quỳ. Khuôn phép lớn chỉ ở nơi lễ nhạc, cơ nghiệp vinh chỉ tại nhân nghĩa, cũng có tài tuấn của lầu nguyệt ráng lồng, anh hoa cưỡi giải bắt cá. Lấn bức lương dục dáng quấn nấm son nơi động bí, thôi ăn lộc báng hấp sương mốc xanh nơi gò Thần, trọn kinh sợ thời kỳ tấn tiết, nhọc hao phế tụ hợp phù loan.

Đâu như Đấng Năng Nhân xuất hiện nơi đời, lời vàng mở bày. Chọn diệu luân mà từng kích động, thỉnh bảo cự mà dẫn cao. Sinh của vô sinh, cuối cùng sinh sinh nơi sâu mầu, diệt của bất diệt rốt cuộc diệt diệt ở nguồn sâu. Đuốc trí tuệ sáng bừng khắp đại thiên, lời diệu pháp ngân vang ức kiếp. Khó thẳng buộc thắt, xa mờ tam chú ở thang niên, sóng khổ lấp lấp lớn, vượt quá tứ thừa nơi Hạ tự, lấn ngầm các phương mà diễn bày thấm đượm. Cứu giúp đời kiếp dài xa mà lắng đọng un đúc. Người tiếp nối hành nghi, bèn khuất phục cung kính của Đế vương, kẻ vào học đạo mới tôn quý rũ bỏ hết tóc xanh. Vì vốn liếng tốt lành muốn tập, làm nơi nương tựa của trần lao, kịp bằng muôn sao ngầm tụ cúng tế tiên tổ, sáng như mặt nhật mộng tỏa ngời. Đông dời tượng

của Hưu Đồ, Tây dần hóa của Kế Tân. Cao nhân ảnh hưởng phụ thuộc tuyên dương diệu thuyết ở hòm bạc, đức lớn theo cùng thỏa sướng bối diệp nơi chân từ. Các bậc Đế vương vì đó mà sùng phụng, nhiều đời vì đó mà khâm chuộng, nên Phi tần kính nhớ, quấn quanh kiệu biếc mà đồng vui. Lưu Hán chí thành, xuống xe lụa mà kính lễ. Chỉ có Ngưu Đồ cuối vận, Tuệ Lãnh mờ tối mà trở lại tỏa sáng, Long Tự lúc suy, đức thủy lắng ngưng mà lại tan lỡ.

Trong triều Đại Đường, chúng ta lắng mặt nhật dâng cao trên biển, vót mui ráng núi Côn lôn, kéo dài dòng tốt lành, ngời hoa hiển bày tốt quý, của cải chất thành nhà tía. Tốt tươi thay! Hạt mây đay, đỡ giúp muôn dân, nhã hòa dời đổi xiêm nghiệp. Hoàng đế cưỡi sấm sét rung động khắp cùng, cung điện chớp sáng lìa cung. Xua chín ngựa vì từng rong ruổi, giá tám lánh mà giăng bay cao. Mong gió vút lộng núi cao, mở vườn hạc nơi chốn kinh kỳ, mộ ngưỡng phong hóa Liên hà, dựng phong đài nơi thắng địa, phu tuyên khuôn phép nhiếp dụ, un đúc mô phạm ái kính. Nhưng bình trị nước nhà hẳn chờ đợi bậc trung, chỉnh trang gia nghiệp ắt vốn từ kẻ hiếu. Bèn ban bảo các hàng Tăng Ni dẫn bày lễ nghi bái quỳ, thì đủ lắng lòng, bảo thông qua quy cũ nơi Hội chủ. Nhân tâm còn nghĩ nhớ, bỏ hứng tụng ở Anh liêu. Tuy ồn ào bàn nghị cùng đả kích, mỗi tự nơi bày chí ý mình, mà triều đình đã chọn bày dẫn mất theo thường. Đặc biệt ân đượm đoái hoài lại, bèn đặt để kính bái thăng đường.

Sa-môn Thích Ngạn Tông là bậc cao nhân xung vũ, ngầm vút khí hùng âm nhã, vận cao đạo thông điệu vút thư thả. Thân thành lắng sóng, nhận báu bay mà xung lên trời. Cây y lộn bày, tung cánh quý mà phẩy Hán. Đã hợp cốt yếu của Cửu Nho, lại tham huyền vi của Nhị Tang. Chư Tăng ngưỡng mộ khí tiết tốt đẹp đó, thế tục kính bái cao vọng huy hoàng ấy, hẳn dùng vết tượng cưỡi chén, ngang tiếng bay gậy ấy vậy. Chỉ vì sợ kẻ mê ở đời học hành cạn cợt, biết gần ít nghe, cho là thích hợp với quyền thế tục mà làm sự thật của hội chân, gọi cửa phụng mà chẳng toại, kêu lối soạn mà chẳng theo, bèn dấy khởi tâm hộ niệm, chuyển mở phát huy làm. Nhân đó, từ thời nhà Tấn mãi đến Thánh đại đây, phàm có bao nhiêu sự kiện bàn luận kính bái đây đều tích tập, tất cả mà biên ghi, hợp gồm ba thiên, phân làm sáu quyển. Vì đó mà tán thán bàn luận, cách thức theo đường thông, chỉ lụa ngậm tiếng vang, khắc văn bày thể tín. Do đó, khơi cao cùng tột sâu mầu, tẩy rửa bến bờ mờ tối ấy vậy.

Ẩn Dung tôi học nghiệp ít ỏi, tài trí sơ sài, tiếng tăm hoang rỗng,

khí khái cạn cợt, dừng ở nơi bang giao mây khói mà ẩn vết, gá nương cửa nhà lộng gió mà lắng thần. Không vì sớm chuộng hoa biên, tin sùng sâu diệp triện, mừng vui việc lớn này mà chấp nối vì biên ghi lời tựa. Lửa đóm mùa thu ít sáng chẳng phải giúp ánh ngời của Bôn Hy. Tiếng ếch của mùa xuân hẹp vang đâu bổ ích cùng âm thanh nhạc lớn! Hãy tạm dùng để bày tình, há bảo là vẽ vời văn hoa? Những ai cùng tôi chung đồng chí ý, mong chớ chê trách vậy.

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 1

THIÊN THỨ NHẤT: NÓI VỀ CỐ SỰ

"Cố sự" tức là nói rõ những việc mà Sa-môn đã từng phải kính bái kể từ đời Tùy trở về trước. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông, trải qua thời gian đã hơn sáu trăm năm. Suốt thời gian ấy có những sự việc xảy ra như kính tin, phế hủy, giao lưu, khen chê nghiêng đẩy, những điều tiêm nhiễm, khuất tất, phương hại đã từng khiến người ta bái phục. Mà những điều ấy chẳng phải là việc kính nước, lý vượt lẽ thường, dùng làm sâu mọt khoét đục trong đạo, đều men theo những tập quán xưa cũ vậy.

- Về văn tấu: Thời Đông Tấn, Thượng thư Lệnh Hà Sung, v.v... tấu trình chấp các Sa-môn không nên kính bái Vương giả (có ba bài và lời tựa).

- Về sắc chiếu: Xa kỵ Tướng quân Sưu Băng vì vua Thành Đế ban xuất chiếu văn khiến Sa-môn kính lễ (có hai bài).

- Về Sách: Thái úy Hoàn Huyền cùng Bát Tòa Hoàn Khiêm, v.v... luận bàn về sách nói việc đạo nhân nên kính lễ (có một bài và lời tựa).

Bát Tòa có sách đáp lại với Hoàn Huyền, nói rõ đạo nhân không nên kính lễ (có một bài).

Hoàn Huyền cùng với Trung thư Lệnh Vương Mật có sách luận bàn về việc Sa-môn nên kính lễ (một bài).

Vương Mật có sách đáp lại Hoàn Huyền nói rõ Sa-môn không nên kính lễ (một bài).

- Về cật nạn: Hoàn Huyền cật nạn Vương Mật về việc không nên kính lễ (ba bài).

- Về giải đáp: Vương Mật đáp lại với Hoàn Huyền cật nạn, nói rõ

không nên kính lễ (có ba bài).

- Về thư: Hoàn Huyền cùng Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn khiến thuật về sách ý nói không nên kính lễ Vương giả (có một bài, và hai bài đáp lại của Sa-môn Tuệ Viễn).

Thời đông tấn, Thượng thư Lệnh Hà Sung, v.v... tấu trình chấp các Sa-môn không nên kính bái vương giả (có ba bài và lời tựa).

Lời tựa: Năm Hàm Khương thứ sáu (340) thời Đông Tấn, vì vua Thành Đế (Tư Mã Diễn 326-343) đang tuổi ấu thơ, nên Thái hậu phải lâm triều nhiếp chính. Quan Tư đồ Vương Đạo, Lục Thượng Thư cùng cậu của vua là Trung thư lệnh Sưu Lượng đều được tham gia phụ giúp việc triều chánh. Về sau, Vương Đạo v.v... qua đời, Sưu Băng làm phụ chánh, cho rằng các Sa-môn phải nên kính lễ Vương giả. Hà Sung, v.v.. bàn nghị không nên kính lễ. Các quan lễ ở dưới bàn nghị rõ ràng, các Học sĩ v.v... bàn nghị cùng đồng như ý của Hà Sung. Môn hạ nhân sắc chỉ của Sưu Băng mà bài bác, Hà Sung v.v... nhân đó mà làm tấu trình này.

Văn tấu thứ nhất: Thượng thư lệnh quan quân Đô hương hầu Thẩm Hà Sung, Tán kỵ thương thị Tả bộc xạ Trưởng bình Bá Thần Sáp, Tán kỵ thường thị Hữu bộc xạ kiến an hóa Thần Khôi, Thượng thư quan trung hầu thần Hoài Thủ, Thượng thư xương an tử Vương Quảng v.v... nói: “Thế tổ Võ Hoàng Đế do thạnh minh mà đổi mạng, Trí Tổ Minh Hoàng Đế là bậc mẫn Thánh huyền lãm, đâu liên can đến các Sa-môn ở đương thời, chẳng cải đổi phải cong khúc đầu gối, trông nhìn không biến đổi, pháp tu thiện ấy, do đó mà chí thông khắp thiên hạ vậy. Có nghĩa rằng, nên tuân thừa theo việc cũ của Tiên đế, đối với nghĩa rất lâu dài vậy”.

Xa kỵ Tướng quân Sưu Băng vì vua Thành Đế ban xuất chiếu văn khiến Sa-môn kính bái (có hai bài).

Chiếu văn thứ nhất: “Phàm, muôn phương khác tục, Thần đạo khó biện biệt, có ắt tự đến vậy. Với hàng đạt quán gồm thông, thật đáng không quái lạ, huống hồ là lễ nghi bái quỳ, sao phải chuộng ư? Phải nên quay lại hàm ý của Tiên Vương để thấy do đâu mà kính chuộng. Đâu phải ngay sự khuất chiết đây mà bị gặp Bàn Bích ư? Hẳn không phải vậy. Nhân từ sự cung kính của cha và con, lập thành thứ lớp của vua tôi, chế bày pháp độ sùng kính lễ trật, đâu phải tự nhiên mà thật có nguyên do ư? Đã có nguyên do, cớ sao cải đổi đó? Nhưng mà gọi là thiết bày lễ nghi, đó là vô tình ư? Vả lại, nay quả thật là có Phật? Hay là không có Phật? Nếu là có Phật, đạo ấy hẳn nhiên mở rộng; còn nếu là không

Phật thì nghĩa gì tiếp nối niềm tin ấy? Nhưng đó chỉ là việc của phương ngoài. Đã là việc của phương ngoài thì đâu phải thể của phương trong, mà nắn chỉnh hình hài, trái ngược với việc thường, đổi lễ điền, bỏ danh giáo. Đó là điều tôi rất nghi ngờ vậy. Danh giáo có nguyên do, vì vậy mà trăm đời chẳng phế bỏ, sớm tối lớn bày, đời sau còn ngại. Ngại đó, vì tệ hại nên khó tìm, mà nay đang xa kính mộ, mênh mang mờ mịt nương tựa hiếm ít, chưa phân bỏ lễ ở một ngày, bỏ giáo ngay đời nay, khiến hàng lưu tục khinh ngạo vượt qua khuôn khổ phép tắc, đó lại là điều tôi rất nghi ngờ. Giả sử có tin vậy, và giả sử có thật vậy, thì tôi cho rằng ông thông suốt cả thần minh, có được đó nơi lòng ngực vậy. Nghi tắc hiến pháp mẫu mực hẳn không thể phế bỏ ngay trong chánh triều đây vậy. Phàm các loại này đều là dân của triều nhà Tấn, luận rừng trí ấy lại là thường nhân, mà phải nhân chỗ nói ấy khó giải bày. Giả sử có phục tiết để lấn vượt phép tắc, chống kháng khác đời đến nỗi khinh ngạo lễ nghi, kéo thẳng hình hài cả muôn thừa, lại là chỗ tôi chẳng thủ lấy vậy. Các bậc Quân vương là quốc khí, thấu rõ lời thì phải lường xét đến sâu mầu, luận về bình trị thì phải kính trọng Quốc điển (pháp nước). Nếu không như vậy, tôi lấy gì thuật bày ư?

Văn tấu thứ hai: Thượng thư Lệnh Quan Quân, Phủ quân Đô hương hầu Thần Sung, Tán kỵ thường thị Tả bộc xạ trưởng bình Bá Thần Thúy; Tán kỵ thường thị Hữu bộc xạ Tạ Kiến An Bá Thần Khôi, Thượng thư Quan trung hầu thần Hoài Thủ, Thượng thư Xương An Tử Thần Quảng v.v... nói: "Với chiếu thư như vậy, các thần chúng tôi đều mịt mờ không hay biết, chẳng đủ khả năng để tán dương Thánh chỉ, tuyên xướng đại nghĩa, cúi xét minh chiếu chấn động sợ cả doanh quan. Tạm cùng tầm xét rõ là có Phật hay không Phật, hẳn chẳng phải chỗ các thần chúng tôi khẳng định vậy. Nhưng tìm về di văn, gom nhặt về cốt yếu, thì năm giới cấm thật rất trợ giúp cho vương hóa, nghèo hèn rành rỉ nơi danh hạnh, sang quý mờ mịt trong tiết tháo ngầm. Hạnh đức ở nơi chỗ vong thân, bao gồm thanh bạch tinh diệu của nhất tâm. Vả lại, dấy khởi từ thời nhà Hán mãi đến triều đại ngày nay. Tuy pháp có hưng suy, mà tệ hại không yêu vọng, Thần đạo tuy trải qua lâu dài mà chưa có ai sánh ví đó. Phàm, nguyền rủa có sự tổn hại, thì chúc tụng hẳn có bổ ích, với sự ngu thành của các thần chúng tôi, thật lòng bày tỏ những điều nhỏ nhiệm, thêm sư đượm nhuần như núi lớn, khư khư cầu chúc thượng Thánh bổ ích hoàng cực. Nay một lệnh buộc kính bái ấy, bèn hủy hoại pháp đó, khiến tục tri thiện, phế bỏ Thánh ở đời, tập thật sống thường hẳn cuối cùng buồn sợ mà ẩn đó, chỗ trong tâm các thần chúng

tôi thấy chưa được yên. Các thần chúng tuy mờ mịt ngu tệ, nhưng đâu dám đem thiên kiến mà nghi lầm thánh đức. Ngay như bảo ở đời trải qua ba đời người càng rõ Thánh. Nay chẳng vì đó chế bày không khuyết phép vua, và đường u minh có thể không bít nghẹt. Do đó lại tỏ bày ý ngu thành, cúi xin như lòng trông xét, kính cẩn khải tấu”.

Chiếu văn thứ hai: “Xét điều trình bày cụ thể tình chỉ, nhưng về sự mờ tối, thật chẳng thể dùng ngụ ngôn mà nói biết. Với sự so sánh sơ lược ấy thì là thường độ của Đại nhân thần, thô thì lại có phần lệ vậy. Đại khái trăm vị Đế vương định chế phép tắc, tuy chất văn tùy thời nhưng chưa có khác tục tham xen bình trị lừa dối tạp hóa ấy vậy. Đâu phải chỗ Thánh xưa trước không thấu đạt mà Thánh đời sau hoằng thông ư? Vả lại, Ngũ giới là tiểu thiện, thô phỏng tợ nhân luân, mà đối với Thế chúa trong đời thì lược không lễ kính vậy. Lễ rất trọng, kính rất lớn, vì đó là giềng mối để bình trị ở đây vậy. Quân vương muôn thừa chẳng phải ham chuộng tôn quý, dân chúng các khu vực chẳng ưa thích thấp hèn, mà thấp hèn tôn quý chẳng rõ bày trong Vương giáo thì loạn. Sở dĩ các Thánh xưa kia lấy hiến chương làm thể của nước nhà, vì điều thích nghi không lầm hoặc vậy. Các bậc thông bác tham hiểu giới tài thường luôn hoàn bị tu chỉnh đó. Tu ở thân, tu ở nhà thì khá được, còn tu ở nước, tu ở triều chính thì không thể được. Đó há chẳng xa vậy. Xét tự trình bày cũng chưa thể có đó là không vậy. Giả sử rõ ràng đó vẫn còn có nghĩa là không thể dự tham bình trị, huống gì đều không mà đáng dùng nam hành ư?”

Văn tấu thứ ba: Thần Sung v.v... nói: “Các thần chúng tôi thật tuy mê mờ tệ hại, chẳng thông Thánh chỉ sâu xa, đến như càn càn, tối sáng nghĩ theo phép tắc của vua, sao có thể cẩu thả chấp ống nhìn nhỏ riêng mà loạn đại luân ư? Ngay như từ thời nhà Hán nhà Ngụy, tiếp đến thời nhà Tấn đây, chẳng nghe có bàn nghị khác, tôn ty hiến chương không hoặc tạm khuyết. Nay các Sa-môn thận trọng nghiêm trì giới chuyên vậy, và cả lễ đó cũng chỉ một mà thôi. Đến cả có người dốc tâm hành trì giới quên thân mạng, chẳng lẫn tiếc, nào dám vì hình hài mà khinh mạn lễ kính ư? Thường thấy, mỗi lúc đốt hương chú nguyện, hẳn trước tiên vì nước nhà, muốn phước đức đỡ giúp lớn mạnh, tình không cùng tận đã kính phụng trên cao thuận ra nơi tự nhiên. Lễ nghi giản đơn, bởi vì chuyên nhất thủ pháp. Do đó, các bậc tiên Thánh trị đời nhân vậy mà chẳng đổi thay, lưới trời lồng lộng mảy may chẳng lọt. Các thần chúng tôi thường luôn cho là chẳng khiến phải kính bái, nhưng đối với pháp tắc vẫn người khuyết kém, nhân chỗ ích lợi ấy mà ban cho đó khiến

hiền ngu chẳng dám không dụng tình, thì trên có sự ban thí của trời che đất chở, dưới có người giữ một tu thiện. Kính cẩn lại tỏ bày ngu tình này, nguyện mong vì soi xét. Kính cẩn khải tấu!".

Khi ấy, Sưu Băng thôi bàn nghị, trọn chẳng thi hành phải kính bái.

Thái úy Hoàn Huyền cùng Bát Tòa Hoàn Khiêm luận bàn về việc nói đạo nhân nên kính lễ (có một bài và lời tựa).

Lời tựa: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hưng (402–405) thời Đông Tấn, vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397–420) đang rong ruổi ở ngoài, Thái úy Hoàn Huyền dùng uy chấn chủ, muốn khiến các đạo nhân kính bái chính mình. Nhân đó trình bày việc xưa trước giữa Sưu Băng và Hà Sung, cho đó là chưa hết lý, nên cùng Bát Tòa v.v... có viết bài luận bàn rằng:

Hoàn Huyền tôi cúi đầu bái bạch: "Bát nhật gần đến, xưa trước các Sa-môn đều chẳng kính bái Vương giả như thế nào, Sưu Băng tuy đã luận bàn đó, mà đều sơ suất chỗ thấy, chưa phải dùng lý cùng khuất vậy. Ý của Sưu Băng là tôn chủ mà lý cứ chưa hết thì sao vượt ngoài thiên tín, bèn ẩn chìm danh thể. Luận rằng, Phật vì giáo hóa dùng Niết-bàn mà dối bày, suy vượt ngoài thấy nghe, nhưng vẫn lấy kính làm gốc, so với xứ này không khác. Bởi chỗ hoài mong đã chẳng cung kính nên phế bỏ vậy. Lão Tử đồng thời với Tam Đại, nguyên chỗ chú trọng đều ở nơi tư sinh thông vận, đâu riêng lấy Thánh nhân đang ở ngôi vị mà sánh bằng với Nhị Nghi ư? Mà dẫn lấy đức lớn của trời đất gọi đó là sinh, thông sinh lý vật còn ở nơi Quân vương, nên tôn quý thần khí đó mà lễ, thật chỉ lớn lao, đâu phải hư rỗng cùng sùng trọng nghĩa ở nơi quân ngự mà thôi ư? Sở dĩ Sa-môn sinh sinh tư tồn cũng là sử dụng thường nhật ở lý mạng, đâu có nhận thọ đức ấy mà bỏ sót lễ ấy, đượm nhuần ân huệ ấy mà phế bỏ cung kính ấy ư? Với lý thì đó là chỗ chẳng đáng dung thứ, với tình thì thật không ổn thỏa. Việc lớn một đời nên cùng cầu ở trung thực tưởng. Nên lại cùng nghiên cứu hết đó, để bát nhật khiến được rõ định vậy. Hoàn Huyền tôi lại cúi đầu kính bái cùng bàn nghị".

Bát Tòa v.v... đáp lại Hoàn Huyền về sách nói rõ đạo nhân không nên kính lễ (có một bài):

"Trung quân tướng quân Thượng thư Lệnh Nghi Dương khai quốc hầu Hoàn Khiêm v.v..., chúng tôi lo sợ tội chết, kính nghe lời dạy khiến Sa-môn kính bái Vương giả. Hà Sung và Sưu Băng tuy luận bàn nhưng ý chưa nghiên cứu cùng tận. Đây là việc lớn, cần phải bổ xung đúng

đấn như đã bàn luận. Nhưng Phật pháp so với Lão Khổng khác đường, lễ giáo trái nhau. Con người lấy tóc da làm quý trọng, mà kia, các Sa-môn tóc cạo chẳng nghi, xuất gia từ giả thân thích, chẳng lấy dưỡng sắc làm hiếu, thổ mộc hình hài, thôi ham muốn bỏ tranh đua, chẳng mong cốt yếu một đời tạo phước vạn kiếp, chỗ quý ở đời đều đã bỏ rơi đó, chỗ trọng của lễ giáo đều dứt tuyệt đó. Giúp cha thờ vua, chỗ đến của thuộc trời, còn lìa bỏ chỗ thân ái, đâu được kính bái đối với vạn thừa, với thế ấy nên tự phế bỏ, càng trải qua ba đời, vất bỏ ràng buộc ấy, phải dùng thần minh vô phương chỉ bày, chẳng dùng bờ mé vượt ngoài kiểm xét thấy nghe, hoặc riêng có lý. Nay bèn khiến các Sa-môn cung kính, sợ người đáng đổi thay có lẩm chẳng phải, chỉ cúi ngẩn thôi. Lại nữa, Vương giả vâng phụng pháp vượt ngoài cung kính, tin theo lý đó mà biến đổi lễ nghi đó, lại là chỗ tình chưa trọn, tức nên dung thuận đó, mới là ở giúp đỡ đó. Hoằng Vương nay vì riêng đáp ông cật nạn, Trương Sưởng nước Khổng ở kia tưởng đã tận mặt dò hỏi chỗ nghĩ nhớ đạo báu, các đạo nhân đều đủ đối đáp cao chỉ, các hạ quan v.v... không rành rẽ Phật lý, dẫn trình mà nói, thẹn chẳng đủ xét xem. Hoàn Khiêm chúng tôi v.v... lo sợ tội chết".

Hoàn Huyền cùng Trung thư lệnh Vương Mật luận bàn về sách nói việc Sa-môn nên kính lễ (có một bài).

"Sa-môn chống kháng kính lễ chí tôn, chánh tự chỗ tình không an thỏa, việc lớn một đời cùng nên luận bàn hết đó. Nay cùng sách của Bát Tòa vừa rồi đã đưa đến Kinh đô, nay giao tin đây, ông phải nên nhận lấy lý đó, đợi nghe đức âm".

Vương Mật đáp lại với Hoàn Huyền về sách nói rõ việc Sa-môn không nên kính bái (có một bài):

Lãnh quân tướng quân Lại bộ Thượng thư trung thư lệnh Võ Cương Nam Vương Mật tôi lo sợ tội chết, kính nghe lời dạy đề cập đến đạo nhân chống kháng lễ kính chí tôn. Lại thấy sách của Bát Tòa, đầy đủ vâng thừa cao chỉ, xướng của Dung Âm, từ lý đều thấu đáo, kẻ gần cũng sợ nghe ông nói chưa được rốt ráo tận cùng, tìm ý chỉ của Hà Sung và Sưu Băng, cũng hận chẳng biết hết. Vì hai luận đều rơi lọt nơi thiên kiến không hiểu, nhưng chỗ yểm tâm chân như nhã hối thì Phật xuất hiện ở Thiên Trúc, tông thú gốc gác ở sâu xa, ý vì khác phương khác tục, tuy chỗ an định từng trái, đến như lý của quân ngự không gì chẳng hẳn đồng. Nay, Sa-môn tuy ý đặt để sâu nơi kính, chẳng lấy hình

hài cong khuất làm lễ, vết tích khắp đầy nước nhà mà vượt hẳn phương ngoài ấy vậy. Do đó, Quân vương của ngoại quốc không ai chẳng kính lễ, bởi vì đạo còn thì quý, chẳng vì người mà kính trọng vậy. Tìm về Đại pháp tuyên lưu thì ngày tháng tin thực đã lâu dài, trải hơn bốn trăm năm vượt qua ba đời, tuy phong hóa chính trị đổi thay, mà hoằng truyền đó chẳng khác. Há chẳng vì phong hóa riêng tuyệt, có dụng ở Đào Tiềm, thuần phong thanh ước không hại đối với lớn mạnh thái bình ấy vậy. Nên Vương giả khoanh tay mình chẳng hận, hận ở cửa nhà. Sa-môn bảo trong chân chẳng tự nghi ngờ ở dối đời ấy vậy. Nhân lấy thông sinh lý vật còn ở nơi Quân vương, nhưng xét chỗ kết quy các lý, thật như gia luận, ba lần đáp lại đức âm, chẳng thể đã rồi. Tuy muốn vâng phụng lời răn bảo, nhưng không chỗ tựa nương. Do vì người làm công cao chẳng thưởng, người ân huệ sâu chẳng đáp tạ, tuy chỉ một bái một dậy, cũng đâu đủ để đáp tạ, tuy chỉ một bái một dạy, cũng đâu đủ để đáp đức cứu giúp khắp cùng ư? Ông trông nhìn chưa bỏ sót, hèn tạp bị đợi hỏi, tạm dẫn bày sự thấy biết ngu dốt hẹp hòi, chẳng khiến hiềm ghét chỗ kính phụng vậy. Mong chẳng vì người mà phế bỏ lời đến tấu bày dối trá. Vương Mật tôi lo sợ tội chết".

Hoàn Huyền cật nạn Vương Mật về việc không nên kính lễ (có ba bài):

Bài cật nạn thứ nhất: Vừa rồi ông nói: "Sa-môn tuy có thâm ý cung kính nhưng chẳng cúi mình kính lễ". Tôi xin hỏi: "Vậy sự tôn kính của Sa-môn đầu đề lược bỏ sự tướng hình hài chỉ còn ở tâm, sám hối lễ bái cũng dốc lòng với việc. Như đến nơi thầy, hay lên đến tòa cùng người đời bái quỳ, chỉ vì có chút ít khác chế bày đó vậy. Đã không thể quên hình hài đối với kia, cớ sao chợt nghi ở đây? Vả lại, làm lý của thầy để trò được tỏ ngộ làm đức. Đạo Quân vương thông sinh thì lý nên ở gốc, ý nghĩa có ba, há chẳng phải là chỗ cùng cực của tình và lý ư?"

Vừa rồi ông nói: "Quân vương ở ngoại quốc không ai chẳng kính lễ, bởi vì đạo còn thì quý chẳng vì người mà khinh trọng vậy". Tôi xin hỏi: "Quân vương ở ngoại quốc chẳng phải chỗ để thí dụ, mà sự hưng thạnh của Phật giáo và ý chỉ cũng có thể biết đó. Há chẳng vì sáu thứ mọi rợ cứng cỏi, chẳng phải bình thường dễ giáo hóa, nên thiết bày linh kỳ khiến đó khiếp phục. Đã khiếp phục, sau đó mới thuận theo khuôn phép. Ấy bởi là rất sợ việc quỷ thần phước báo, đâu phải là đạo tông huyền diệu ư? Đạo còn thì quý, dùng khác với ý chỉ tao nhã, đâu được đắp che pháp phục ấy, bèn có đạo ở trong đó. Nếu lấy đạo còn, sau mới

là quý, thì như lời ông nói, đạo của Thánh nhân, cùng cực của đạo vậy, cung kính vua tôi càng thuần ở lễ. Như vậy, Sa-môn không kính lễ, đâu được cho đạo còn là quý ư?".

Vừa rồi ông nói: "Trải hơn bốn trăm năm, vượt qua ba đời, mà hoằng truyền đó chẳng đổi khác, há chẳng vì phong hóa riêng tuyệt, có dùng thường ngày ở đào tiềm, thuần phong thanh ước không hại đối với lớn mạnh thái bình ấy vậy?" Tôi xin hỏi: "Trải qua nhiều đời chẳng đổi thay, chẳng phải chỗ lấy làm chứng cứ. Xưa trước, người xứ đất Tấn đây phần nhiều không kính phụng Phật. Đồ chúng Sa-môn đều là người ở các nước Hồ. Vả lại, Vương giả không cùng đối tiếp với họ, nên có thể mặc tình theo phong tục địa phương, chẳng lấy làm kiểm chứng. Còn nay đây, Chúa thượng phụng thờ Phật, thân gần tiếp đối pháp sự, sự việc khác xưa. Sao có thể khiến lễ nghi ấy có chuẩn mực sử dụng thường ngày, thanh ước có hỗ trợ đối với hoằng giáo, đều như lời ông nói, đó là do công của Phật pháp, chẳng phải chỗ ích lợi của Sa-môn ngạo dối vậy. Nay dốc lòng cầu kính, sẽ không cùng nồng đượm ấy ư?".

Vừa rồi ông nói "người có công cao chẳng thưởng, người có ân huệ sâu không đáp tạ, vậy thì chỉ đáp lại một lạy, cũng đâu đủ đáp đức cứu giúp khắp cùng vậy". Tôi xin hỏi: "Phàm, lý rốt ráo, không đáp trả, thật là yếu chỉ của Như Lai, nhưng tình ở võng cực thì kính tự theo đó, chỗ của Thánh nhân đây dùng duyên tình mà chế lễ, mà mỗi tự thông cái nương nhờ ấy vậy. Nếu đem công khó sâu xa, ân huệ nặng nề, ắt lược bỏ đáp tạ ấy, thì đức của Phật Thích-ca là sâu ư? Hay là cạn ư? Nếu là cạn thì không nên vì đạo nhỏ mà làm loạn đại luân, nếu là sâu đâu được kia chỉnh tu cung ấy mà buông kính đây ư?".

Vương Mật đáp lại Hoàn Huyền cật nạn, nói rõ không nên kính bái (có ba bài).

Bài đáp lại thứ nhất: Ông hỏi: "Sự cung kính của Sa-môn há đều bỏ qua hình thức mà chỉ giữ ở tâm? Sám hối lễ bái cũng dốc lòng như vậy sao?". Tôi xin đáp: "Đạo của Sa-môn tự lấy kính làm chủ, chỉ bởi bến bờ đường lối đã khác, nghĩa không hàng khuất, nên tuy là trọng của thuộc trời, hình lễ đều hết vậy. Sở dĩ Sa-môn suy tôn sư trưởng và sùng kính tự tướng, bởi vì tông trí đã đồng thì lớn nhỏ đều thành thứ lớp, tư thông có hệ thống thì sự cùng tâm ứng. Nguyên Phật pháp tuy rộng lớn, nhưng chẳng bỏ sót chút thiện nhỏ, công chỉ bằng hạt cải, quả báo cũng ứng đáp đó, tích chứa mảy bụi thành núi, nghĩa ấy đã hiển bày vậy".

Như ông hỏi: "Đạo của Quân vương thông sinh thì lý ứng ở gốc,

nghĩa gồm có ba, đâu chẳng phải chỗ cùng cực của tình và lý ư?". Tôi xin đáp: "Đạo của Quân vương thông sinh thì lý đồng với tạo hóa. Đúc luyện phu bày khí công thì rộng lớn vậy, mà chưa có đáp tạ ân huệ nói chỗ bẩm nhận, gá cảm ở lý gốc ấy, tại sao? Bởi vì minh (mờ tối) vốn u tuyệt, chẳng phải chỗ vật tượng nêu cử; vận thông lý diệu, đâu phải vết thô có thể thù đáp. Do đó, Phu Tử nói: "Có thể khiến nguyên do đó, nhưng không thể khiến biết đó" là nghĩa như đây vậy".

Như ông hỏi: "Quân vương ở ngoại quốc chẳng phải chỗ nên tỷ dụ, hưng thạnh của Phật giáo và ý chỉ ấy cũng có thể biết đó, há chẳng vì sáu thứ mọi rợ cứng cỏi chẳng phải bình thường giáo hóa, nên thiết bày kinh kỳ khiến đó khiếp phục". Tôi xin đáp: "Phàm thần đạo thiết giáo, thật khó thể dùng lời nói mà biệt rõ ý, mà cho là thiết bài linh kỳ, cũng là vì báo ứng, thật lý đó rất ảnh hưởng. Cốt yếu của Phật giáo, nay nếu cho là ba đời là hư dối, tội phước là khiếp sợ, thì chỗ rõ ràng của Phật Thích-ca, sợ khó thể nương tựa vậy! Sợ khó thể nương tựa vậy! Thường thì phong hóa của Chu Khổng cứu giúp tệ hại ấy, nên nói dấu vết hết ở một đời mà chẳng mở lối của muôn kiếp. Nhưng xa tham tìm yếu chỉ ấy, cũng thường luôn có tìm được, hiếu để nhân nghĩa rõ ràng không mưu tính mà tự đồng sinh sát của bốn mùa, thì tâm kính từ hiện lại luôn ép bày hỏi nguyên do, cũng tợ như có ý chỉ sâu xa, chỉ vì thể giáo đã khác nên xứ này thường mờ tối vậy. Tỉnh lắng mà tìm cầu đó. Sợ sắp vậy ư? Sợ sắp vậy ư?"

Như ông hỏi "Sự cung kính của vua tôi càng thuần ở lễ, nếu như Sa-môn không kính lễ, thì đạo ấy đâu được cho là quý ư?" Tôi xin đáp: "Lại tìm xét cao luận, bởi vì đạo của Quân vương lý vốn dung thông cả ba đời, như điều trước đã sơ lược nói về ý, cho là đạo của quân nhân trộm đồng với diệu chỉ cao vời, đến như kính của vua tôi thì lý hết danh số. Nay Sa-môn đã chẳng phải tôi vương hầu, nên kính cùng phế bỏ vậy".

Như ông hỏi: "Trải qua nhiều đời chẳng đổi thay, chẳng phải do đó mà làm chướng vậy. Xưa trước người xứ đất Tấn đây phần nhiều không kính phụng Phật, đồ chúng Sa-môn đều là người ở các nước Hồ. Vả lại, Vương giả chẳng cùng đối tiếp đó, nên có thể mặc tình theo phong tục địa phương, chẳng lấy làm kiểm chứng". Tôi xin đáp: "Trước kia sở dĩ nói có năm tháng đời kiếp, chánh vì đạo của dung dưỡng, cốt yếu chẳng có dùng nên vậy. Không có nghĩa việc đã như vậy, không lý có thể cải đổi. Đây là nói chỗ đến thấu đáo của thế, chẳng phải chỗ thản nhiên y cứ. Người Hồ chẳng đối tiếp Vương giả, lại như Cao Xương, chỗ chẳng

luận bàn của đời trước, hay ở nơi xứ này ư?”.

Như ông hỏi: “Đó là do công của Phật pháp, chẳng phải chỗ ích lợi của Sa-môn ngạo dối. Nay dốc lòng cầu kính, sẽ không cùng nồng đượm hỗ trợ ấy ư?” Tôi xin đáp: “Kính tìm lại luận, thật chẳng lừa dối lý Phật vậy, chỉ dấu vết của ngạo dối, có khiếm khuyết đại hóa. Thật Như Lai dạy răn! Thật Như Lai dạy răn! Với ý cho là đạo của Sa-môn có thể được xưng khác mà chẳng ngạo dối, nay nếu đem thuần phong ở cuối ngàn năm chuyển dần mỏng dạt, đồ chúng giăng mang, phần nhiều chẳng phải hạng người ấy, dám chẳng nghĩ thẹn. Nay chỉ cho là tự lý im lặng sai có thể sót người mà nói đạo vậy. Trước kia đã đáp là “chẳng vì người mà khinh trọng”, trong ý nhỏ nhiệm là ở đây vậy”.

Như ông hỏi: “Nếu đem công đức và ân huệ sâu dày, ắt lược bỏ đáp tạ ấy, thì đức của Phật Thích-ca là sâu ư? Hay là cạn ư? Nếu là cạn thì không nên vì đạo nhỏ mà loạn Đại luân; nếu là sâu đâu được kia chỉnh tu cung ấy mà buông kính đây ư?”. Tôi xin đáp: “Cho rằng, đạo quả của Phật Thích-ca sâu thì sâu vậy, mà đồ chúng kính ngưỡng càng dốc lòng cung kính đó. Đây bởi luân thường đến đạo, hẳn vốn từ hành công, tốt đẹp của hạnh công chẳng còn ở đây, như vậy mới tích chứa sở nhân của hành, quan kiệu của đời sau vậy. Vả lại, tôn kính sư trưởng, công còn khó đè ép, huống gì phỏng định chỗ cùng cực của tâm tông mà có thể ngầm mất lễ ấy ư? Nên tuy cúi ngưỡng nhiều đời, mà chẳng phải là có nghĩa tạ đáp ân huệ ấy vậy”.

Hoàn Huyền lại cật nạn Vương Mật:

Bài cật vấn thứ hai: “Xét nêu bày giải đáp lại, chưa tan được điều nghi ngờ, vì thế lại đưa ra phần cật nạn đó. Phàm, lý của tình kính đâu dung có hai, đều là từ trong cho đến ra ngoài, đã vào trong cảnh hữu tình thì chẳng thể được không. Nếu Như Lai nói: “Vương giả đồng với tạo hóa, chưa có đáp tạ ân huệ ở chỗ bẩm nhận, gá cám nơi lý gốc, là vì công cao lý sâu, chẳng phải lớn của đây vậy”. Thì giáo hóa của Phật có gì hơn đây, mà lại luận là “bến bờ đường lối đã khác thì nghĩa không hàng khuất, Tông trí đã đồng thì lớn nhỏ thành thứ lớp, tư thông có hệ thống thì sự cùng tâm ứng”. Nếu lý ở chính mình, gốc đức sâu ở chỗ cùng cực, thì đâu được nói bến bờ đường lối khác nhau làm tông trí thì sở học của học nên phải phát huy tánh tự nhiên ấy vậy. Giả sử tự nhiên có ở nguyên do mà bẩm nhận, thì gốc của tự nhiên ở chỗ có thể biết vậy, ngộ của tư thông lại là tỏa phát ánh ngời ngọn ấy vậy. Sự cùng tâm ứng, sao được ở đây mà chẳng ở kia?

Lại nói: "Phong hóa của Chu Khổng cứu giúp tệ hại ấy tuy trọn hết một đời mà chẳng mở lối của muôn kiếp". Phàm đem thần kỳ làm phong hóa thì giáo ấy dễ hành, khác so với chân chính, vì nhân nghĩa hết ở việc người vậy, là vì đồ chúng của Hoàng Cân (Đạo sĩ) yêu hoặc đều nhóm tụ như mây. Nếu đây là thật lý thì hành đó lại dễ, Thánh nhân bởi duyên gì xả bỏ thật đạo chỗ dễ đây mà làm việc cuối khó làm ư? Đó hẳn không như vậy, cũng khá rõ ràng, biết vậy".

Lại nói: "Kính của vua tôi, lý hết danh giáo. Nay Sa-môn đã chẳng tôi vương hầu, nên kính cùng đó phế bỏ". Cớ sao như vậy? Phàm, kính đó là lý, ở trang trước nói việc ấy đã rõ ràng, kính của vua tôi đều là sơ sinh của tự nhiên. Lý dốc lòng ở gốc tình, đâu phải là sự của Danh giáo ư? Luận trước đã nói "đức lớn của đất trời gọi là sinh, thông sinh lý vật còn ở nơi vương giả". Giả sử chỗ thông ở tại đây, sao được chẳng phải chỗ trọng của tự nhiên ư?".

Lại nói: "Luân thường đến đạo hẳn vốn ở nơi công hạnh, tích chứa sở nhân của hạnh, quan kiện của đời sau vậy. Phỏng định chỗ cùng cực của tâm tông, không thể ngầm mất kính ấy, tuy cúi ngưỡng nhiều kiếp mà chẳng phải nghĩa là đáp tạ ân huệ". Xin trở lại yếu chỉ, mượn cho là nạn, Như Lai bảo: "Kính là hạnh đầu tiên, là trọng của thuần kính vậy". Công hạnh phải tính đó là lao nhọc của công vậy. Sao thẳng lấy quý ngưỡng Thích-ca mà cho là chớ chuộng ở đây vậy? Ân huệ không chỗ đáp trả, chỗ mà đạt giả không lầm hoặc, chỉ lý căn sâu cùng, tình kính chẳng thể được không vậy. Kính vua của tôi, đâu đáp tạ ân huệ ấy ư?".

Vương Mật đáp lại Hoàn Huyền:
Bài đáp lại thứ hai:

"Kính phụng cáo và bày lời cật nạn nữa, đủ đầy tiếp thừa yếu chỉ cao xa. Lý đây nhỏ nhiệm, rất khó mượn gá lời để nói. Lại nữa, việc lớn một đời nay nên làm rõ ràng hết. Hạ quan tài năng chẳng phải nhổ bỏ u tối, đặc biệt thiếu nghiên chiếc. Vả lại, diệu khó tinh, đến càng tăng thêm mờ hoặc. Chỉ vì cao âm đã đến nên không dám nín im thôi, liền lại dẫn chỗ thấy biết ngắn ngủi mà vọng đáp lại sự răn bảo, không vì khả phát dung trí, chỉ dùng phản trắc mong lại dò hỏi ở các đạo nhân tài thông, quyên cái chẳng kịp ấy.

Như ông hỏi: "Tông trí là thế nào ư? Nếu lấy học nghiệp làm tông trí thì sở học của học, hẳn là phát từ tánh của tự nhiên ấy vậy. Giả sử tự nhiên có ở nguyên do mà bẩm nhận, thì gốc của tự nhiên ở chỗ có thể biết vậy". Nay lấy làm tông trí ấy là chí đạo của chỗ hướng đến, học

nghiệp là nơm lưới của sử dụng thường ngày. Nay sắp muốn thú hướng kia đến cùng cực, chẳng được không mượn lưới nơm để tự vận vậy. Nên biết công của chỗ mượn, chưa phải là chỗ tuyệt ấy vậy. Phàm tích chứa học để đến cùng cực, hẳn từ thềm bước thô dần đến diệu. Được cá thì bỏ nơm, lý ấy thấy rõ vậy. Ông cho là hóa của thần kỳ thì dễ, công của nhân nghĩa thì khó, Thánh nhân bởi duyên gì mà bỏ thật đạo chỗ dễ mà làm việc cuối khó làm ư? Đó hẳn không như vậy, cũng là đã rõ. Ý cho là giáo hóa của Phật cùng với nội thánh trọn khác, đã nói lý khác ấy thì không cùng. Nay luận về Phật lý nên phải y cứ tông ấy mà lập ngôn vậy. Sau đó với đường thông bít, có thể được rõ ràng vậy. Trước đáp chỗ gọi là hạnh của nhân thiện, yếu chỉ của chẳng giết hại, đó như tợ có thể đồng, nên dẫn đem đến đây vậy. Đến như mở lời chống kháng luận bàn, chỗ kết quy của kinh luận hẳn khó mà được một phần vậy, nhưng chỗ thấy của ý ngu, mới lại đem Phật giáo làm khó đó. Cớ sao nói vậy? Nay, chỗ rõ ràng của nội Thánh, lấy làm ra lời nói ấy, khéo ứng thì như vang theo tiếng, tợ bóng theo hình, còn như chẳng khéo thì ngàn dặm trái đó. Như vậy thì xấu tốt ứng liền trong khoảnh khắc, họa phước tương giao ngay trước mắt. Vả lại, nguyên do làm nhân (từ) đã mở rộng đó thì phải, mà còn có bỏ Thánh tức đó là tà, trái đạo mà theo dục ấy vậy. Huống gì Phật giáo thí dụ một đời chỉ bằng khảy móng tay, hoài mong cốt yếu trọn ở vĩnh kiếp. Nói linh dị ở vô vị, bày báo ứng nơi chưa có điềm. Giữ lấy đó mà hay tin cũng chẳng khó ư? Phải đem phong hóa kịp đến Trung Quốc, người tỏ ngộ đó hiếm ít, nên trong kinh "Bản Khởi" nói: "Chánh ngôn tợ như trái ngược" là nghĩa ở đây vậy.

Như ông hỏi: "Hành công là phải tính lao nhọc làm công ấy, sao được ngay lấy quý ngưỡng Thích-ca, mà bảo chớ chuộng ở đây ư?" Xin thử nói rằng: "Vì làm Phật đạo rộng lớn, việc tính càng nhiều có thể luận thần thành đạo, chẳng chỉ một việc vậy. Đến như ở tâm không nhọc đối với việc, hay nhọc quý ngưỡng tông cực, bèn là một của hành công vậy". Lời đáp trước sở dĩ nói chẳng chuộng ở đây, vì tự cho là phỏng định dấu vết tâm tông, lý ấy khó chuộng, chẳng phải cho rằng sự của lễ bái bèn phải giữ lấy. Chỉ đã ở địa vức chưa hết, chẳng được không có tâm ở nơi hiếm thông, tuy nhỏ nhẹ chỉ như hạt cải, hẳn trọn có chỗ cần đến ấy vậy.

Như ông hỏi: "Kính của vua tôi đều là sở sinh của tự nhiên. Lý Thuần dốc ở gốc tình, đâu phải sự của Danh giáo ư?" Kính bái Cao Luận, chẳng dung gian cách vậy. Do đó trước đã đáp là đạo của quân nhân trộm đồng như cao chỉ, là ý nói ở đâu vậy. Đến như kính của vua tôi, sự

hết bái lễ, nên lấy đây làm Danh giáo vậy. Chẳng phải cho là đến ngằn mé hết ở mở vết vậy, xin lại tỏ bày để hết ý nhỏ nhiệm. Phàm, trong đời của Thái thượng, vua tôi đã có phân vị, tình ái tự nhiên thì nghĩa đã hiển bày ỏ gốc, hóa ở thời ấy vậy, thì Hình Kính chẳng nghe, quân đạo dối vận, nên cùng quên ở Lý Thái thần đạo minh đào, nên sự hết ở biết đủ. Nhân đó mà suy Hình Kính chẳng cùng tâm làm ảnh hưởng, bèn sẽ rõ vậy. Đến lúc thân gần danh dự đã sinh, lễ đây mới nổi, há chẳng phải sự chế tác của Thánh sau cùng thời ứng ấy ư? Lý ấy hư dối xa vời, thành khó biện hành, như vậy chưa đáng, xin đợi cao sáng”.

Hoàn Huyền lại tiếp cật nạn Vương Mật lần thứ ba (có lời tựa):

Lời tựa: Vừa rồi cật nạn lại, thủ bút rất khéo, rất đáng là văn vẻ. Tuy có thể dùng làm giải thích chỗ nghi nạn, nhưng rất là chưa thấu đáo, ở đây bèn cùng cật nạn về điều chưa thấy đó. Nay lại tính liệu cốt yếu rõ lý ở ba, để đối biện sự khinh trọng, thì lý đáng kính chăng thật khá rõ biết, công khó nghĩ tưởng nghiên tầm nhỏ nhiệm hẳn ở khổ mà càng chiết vụn vậy. Bát nhật đã đến nay, cùng sách của hữu bộc xa, tiện khiến thi hành đạo kính thờ tôn chủ, khiến mọi người trong thiên hạ không ai chẳng kính. Tuy là Phật đạo cũng không có gì lấy làm tôn quý hơn, há chẳng hết lời ư? Sự tuy đã ban hành, không dự chỗ luận bàn nên nghiên cứu, tưởng các người lại có tinh chiết, có thể dùng tỏ bày trong văn.

Bài cật nạn thứ ba: “Từ khi có được sự nêu bày và điều luận bàn của các người, đều chưa có dùng để giải thích chỗ nghi ngờ, mà lại dùng cật nạn khiến lại đổi thay. Nay lại nêu bày ý trước mà nghĩ tưởng quanh co, dưới chân có đổ ngã núi Bạch mã, biết biện chế có đó vậy. Phàm chỗ quý trọng của Phật giáo, toàn lấy thần làm quý, cho nên thầy trò cùng tông chớ hai luân thường ấy. Phàm, sự tối sáng của thần mỗi tự có bổn phận. Phân chỗ riêng vốn đó, bẩm nhận có gốc, làm công của thầy ở nơi phát ngộ, thí như kinh phác mà ánh ngời phẩy đó vậy. Nếu bản chất chẳng phải ngọc đẹp thì mài giũa đâu có ích gì? Do đó tốt xấu còn ở nơi tự nhiên. Đức sâu ở nơi vốn công mới phẩy ánh ngời thật dùng ở ngọn vậy. Đã ôm hoài ngọc từ trong, lại do thợ làm thành khí. Chẳng phải quân đạo thì không dùng tỏ bày, bèn ở đời này mà thông làm đạo ấy vậy, thì là trọng ở có ba mà Sư thì ở cuối cùng. Cớ sao nói vậy? Quân đạo gồm cả Sư, mà Sư chẳng gồm quân. Giáo dùng mở rộng đó, pháp dùng ngang bằng đó, là đạo của quân vậy. Há chẳng như thế ư? Đâu có thể dùng khinh nhẹ của lý mà đoạt kính nên tôn quý ư? Ba lần trở lại lý

ấy hơn chỗ nghi sợ, yếu chỉ chế tác sẽ ở kia mà chẳng ở đây, lẫn lộn mà dùng đó, tệ hại ấy càng rất lắm, tưởng lại lãnh hiểu chỉ thú mà bỏ sót sự đó, được đến trên hào vậy".

Vương Mật đáp lại cùng Hoàn Huyền lần thứ ba:

Bài đáp lại thứ ba: Lại luận về sự Khiếm Khuyết của lời Phật dạy rằng: "Lời dạy của Phật lấy thần làm quý, tối sáng của thần, mỗi tự có bổn phận làm lý của Sư ở nơi phát ngộ. Đến nơi quân đạo thì có thể dùng tỏ bày toại ý ở đời nay, thông rành người làm đạo ấy vậy, mà làm thấy không vẽ đẹp gần thông. Quân có đức bao gồm cả Sư, hoằng sùng đại lễ của chủ, chiết phân sâu cạn có ở ba. Thật như cao luận! Thật như cao luận. Hạ quan gồm do đó mở lời thấy biết hẹp hòi, đến nơi qua lại, vì đoái hoài hỏi đã hoa mà chẳng dung có ẩn, mới lại thành một lý biện riêng, chẳng chỉ lầm hoặc của thói quen thường vậy. Đã chú trọng nghiên tầm diệu chỉ, lý thật khôi phục xa rộng như phát mông, khi ấy ở đâu? Nhân đã khiến Sưu (Băng), Hoàn (Huyền) thi hành việc ấy, đến lúc kính, định công tư rất lắm, hạ quan chiêm ngưỡng tỏ rõ, nghĩa ở nơi khơi tiết, đến như răn bảo của trên hào, chẳng dám đương đầu vâng mạng vậy".

Hoàn Huyền vì Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn mà trước thuật sách ý nói Sa-môn không nên kính lễ Vương giả (có một bài, và hai bài đáp lại của Sa-môn Tuệ Viễn).

Bài của Hoàn Huyền: "Sa-môn không nên kính bái Vương giả, đã là chỗ tình chẳng trọn rõ, mà với lý lại là chỗ rất phu dụ. Việc lớn của một đời, không thể khiến thể ấy chẳng thỏa đáng. Gần đây Bát Tòa có sách, nay giao cho ông, ông có thể nêu thuật đại ý của nguyên do không kính bái. Đây, việc tiện đang thực hành, một hai khiến rõ để dứt bỏ ý tưởng, ông hẳn có thể vì giải thích chỗ nghi ngờ ấy. Vương Lãnh quân đại có nhậm ý này. Gần đây Tạ Trung Diện đồng đi cùng dò hỏi đó, chỗ y cứ khác lý, chưa giải thích được điều nghi ngờ vậy. Nay Quách Giang Châu lấy lời ông đáp, có thể lấy ý chỉ đó mà phó thác vậy".

Pháp sư Tuệ Viễn đáp lại Thái úy Hoàn Huyền: "Xét rõ thông cáo riêng và sách của Bát Tòa, hỏi nguyên do vì sao Sa-môn không nên kính bái Vương giả. Ý nghĩa ở tôn chúa sùng thượng, xa còn danh thể, nêu dẫn lão thị, đồng Vương hầu ở Tam đại, lấy đạo lý tư sinh thông vận nên chú trọng thần khí ấy. Nếu suy gốc ấy để tìm nguồn ấy, thì đều bẩm khí ở lưỡng nghi, thọ hình từ cha mẹ, thì dùng đạo lý sinh sinh thông vận làm rộng, lấy lý tư tồn sử dụng thường ngày làm lớn, nên không nên nhận thọ đức ấy mà bỏ sót lễ ấy, được nhuần ân huệ đó mà

phế bỏ kính đó. Đó là chỗ y cứ của Đàn-việt lập ý, bần đạo cũng không khác sự nghĩ kính cao xa ấy, cầu đến nơi Phật giáo, để tìm đạo của Sa-môn. Lý thì chẳng vậy, cớ sao kinh Phật nói rõ có phân thành hai khoa: Một là ở thế tục mà hoằng giáo. Hai là xuất gia mà tu đạo. Ở thế tục thì lễ phụng thờ kính tôn thân, nghĩa trung hiếu, biểu thị nơi kinh văn. Huấn chương có ba nơi Thánh điển, đó cùng vương chế đồng mạng có như phù hợp. Một điều đây toàn là chỗ thấy rõ của Đàn-việt, lý chẳng dung thứ khác vậy. Xuất gia thì là khách phương ngoại, dấu vết tuyệt dứt nơi vật, đó làm giáo vậy. Mắc hoạn lụy duyên ở nơi có thân, chẳng còn thân do dứt hoạn biết sinh sinh do từ bẩm hóa, chẳng thuận hóa để cầu tông, cầu tông chẳng do nơi thuận hóa, nên chẳng trọng tư của vận thông. Dứt đoạn chẳng do ở còn thân, nên chẳng quý ích của hậu sinh. Lý đây trái với thế tục, đạo đây ngược với thế tục. Cho nên phàm là xuất gia, đều ẩn cư để cầu chí ý ấy, biến tục để thấu đạt đạo ấy. Biến tục phục chương chẳng được cùng sánh đời đồng lý, ẩn cư thì nên cao thượng vết ấy. Phàm đạt được vậy, nên hay cứu vớt kẻ đắm đuối trong dòng chìm, nhổ bỏ căn tối trong nhiều đời kiếp. Xa thông đến bờ Tam thừa, mở rộng đường lối trời người, cho nên trong trái với trọng của thuộc trời mà chẳng nghịch hiếu ấy, ngoài khuyết cung phụng chúa mà chẳng mất kính ấy. Người như vậy, tự thệ nguyện mới đầu từ xuống tóc, lập chí thành khi tuổi về già. Như nay, một bậc toàn đức, thì đạo hợp với lục thân, đượm nhuần khắp thiên hạ. Tuy chẳng ở ngôi vị Vương hầu, mà hẳn đã khế hợp hoàng cực chở che cả muôn dân vậy. Như vậy, đâu phải được nhận đức ấy, rỗng đượm ân huệ ấy. Sao mà đức hiền của phu thi lục đồng với người trường chay ấy ư? Đàn-việt dốc lòng tất cả, vì có đượm phục ấy mà không người ấy nên lắng trong giản luyện dung cùng mà chẳng tạp, mạng lệnh đây đã tuyên bày, đều do trăm người đồng thành thực, bèn càng sâu đó, chẳng phải chỗ thí dụ của ngôn từ. Nếu lại mở vết xuất xứ để hoằng đạo phương ngoại, thì người áo rỗng mà vái di phong ấy, kẻ thấm dòng mà đượm vị bến thừa đó. Đến sau khi lắng trong giản luyện còn chưa xứng tình. Trong đó, hoặc chân hoặc ngụy lẫn cùng mạo phạm. Kinh vị chưa phân, thì có thể lấy đạo phế bỏ người, hẳn chẳng nên vì người mà phế bỏ đạo. Lấy đạo, phế bỏ người thì nên bỏ ngay phục ấy, vì người mà phế bỏ đạo thì nên giữ còn lễ ấy. Lễ còn thì yếu chỉ chế giáo có thể tìm, vết tích phế bỏ, thì hân hoan toại chí chẳng biết do đâu. Cớ sao biết rõ như vậy? Phàm, phục chương pháp dụng của Sa-môn, tuy chẳng phải điển pháp của lục đại, trị là khác tục của đạo gia, biểu bày danh khí. Danh khí cùng giao thiệp thì sự trái với

gốc ấy. Sự trái gốc ấy thì lễ mất chỗ dụng, cho nên người mến quý phu lễ hẳn chẳng khuyết danh khí đó. Được điều đó, tức chẳng thể khuyết mà cũng là tự đến vậy. Phàm, xa tuân theo cổ điển, như còn giữ con dê sống để cáo lễ ngày mồng một vậy. Dê sống như có thể còn lễ, há huống gì pháp phục của Như Lai ư? Suy luận đó mà nói, tuy không đạo ấy, hẳn nên còn lễ ấy. Lễ còn thì pháp có thể hoằng truyền, pháp có thể hoằng truyền thì đạo có thể tìm. Đây là chỗ đồng xưa nay đại pháp chẳng đổi thay. Lại nữa, ca-sa chẳng phải y phục của triều tông, bình bát không phải khí vật của lang miếu. Quân quốc khác dung, nhung hoa chẳng tạp. Người cắt tóc hủy hình, chợt nhàm chán lễ của chư hầu, thì là ấn tượng khác loại cùng giao thiệp cũng trận chỗ chưa an. Âm vận kỳ đặc của Đàn-việt nổi trội từ tuổi thơ, phong lưu vượt xa nơi cuối tục. Như lúc tham cứu hiền vì cầu trong ấy. Từ đây mà suy, hẳn chẳng vì người mà phế bỏ lời. Bần đạo tuổi đã già suy, gá nhật nguyệt để đợi chờ hết, chỗ tiếc của tình đâu còn chỉ một mình. Giả sử chỗ chấp có keo hợp, bởi muốn khiến Tam bảo nơi vận mạng thế, minh đức lưu tỏa xuống dưới trăm đời. Nếu một mai ban hành khiến Phật giáo này đắm chìm, Đại pháp của Đức Như Lai mất hết, thì trời người cảm thán, đạo tục đổi tâm vậy. Bần đạo mờ tối thành tựu cầu mong, lại sắp an nhờ, duyên quyến gặp đến hưng thạnh, nên thản nhiên nổi lòng, nắm bút buồn cảm, bất chợt lệ trào hoen my vậy”.

Thái úy Hoàn Huyền đáp lại thư của Pháp sư Tuệ Viễn:

“Biết dùng di hình phương ngoại, nên chẳng quý ích vì sống, cầu tông chẳng do thuận hóa, nên chẳng trọng tư của thông vận. Lại nói, trong thuận theo lẽ của trời đất mà chẳng ngược hiếu ấy, ngoài khuyết trong phụng chúa, mà chẳng mất kính ấy. Nếu Như Lai nói lý vốn không trọng, thì không duyên có tình trí hiếu, sự chẳng tư thông, chẳng nên lại có nghĩa của trí cung. Tình của quân thân hứa đó chưa hết, thì chỗ cậy nhờ của tình sao vì tuyệt đó. Phàm lụy trước ở nơi tâm ứ trệ chẳng do hình kính, hình kính bởi là chỗ dụng của tâm. Nếu là ở nơi gốc mà giăng lấy hình kính, đây lại là chỗ chưa dẫn dụ đó. Lại nói, hai lối hoằng dương của Phật giáo cũng có giáo của xử tục, hoặc đượm nhuần thiên hạ, đạo hợp lục thân, hẳn vì hợp tán hoàng cực mà chẳng rỗng đượm đức ấy vậy. Phàm, Phật giáo còn hưng hành, mỗi vì sự ứng nhân duyên, gốc hẳn đến nơi không sai vậy. Như vậy thì người làm đạo cũng sao có thể trái đó ư? Cho nên, đạo của Thích-ca chẳng thể vượt trạch tịnh ở bến bờ. Tuy chưa đạt Tu-đà nên là đồng chỗ mờ tối của mọi người trong nước vậy. Y cứ Như Lai nói thì đây tự có công của đạo đức sâu xa, nên

chẳng phải chỗ nay gọi là Nghi giáo là chỗ có thể phỏng bàn vậy. Lại nêu bày chưa thể cùng cầu lý ấy, bèn đại khái chỉ vậy, nên là chưa tỷ dụ đó vậy, tưởng chẳng lầm hoặc ứ trệ lưu thường, mà nhầm chỗ dụng của tình lý vậy".

■

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Đời Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 2

THIÊN THỨ NHẤT: NÓI VỀ CỐ SỰ (Tiếp Theo)

- Về luận văn: Luận về Sa-môn không nên kính bái Vương giả của Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô sơn, thời Đông Tấn (có một bài, và lời tựa).

- Về sắc chiếu: sắc chiếu của Ngụy Sở Hoàn Huyền Khả hứa Sa-môn không nên kính bái Vương giả (có một bài).

- Về Khải Văn: Khải Văn trình tấu của Thị trung biện từ chi v.v... chấp buộc Sa-môn phải nên kính bái (có bốn bài và ba bài giải đáp của Hoàn Sở).

- Về sự kiện: Hạ Hách Liên Bột Bột khiến Sa-môn nên kính bái (có một bài).

Hiếu Văn Đế thời nhà Tống ép buộc Sa-môn nên kính bái (có một bài).

Vua Võ Đế thời nhà Tề luận bàn việc Sa-môn chống kháng không kính bái (có một bài).

Vua Dương Đế thời nhà Tùy ban sắc Sa-môn phải nên kính bái (có một bài và giải đáp của Sa-môn Minh Chiêm ở chùa Đại Hưng Thiện).

- Về luận văn: Luận Phước Điền của Sa-môn Thích Ngạn Tông ở Phiên Kinh quán tại Lạc tân (có một bài và lời tựa).

Luận về Sa-môn không nên kính bái Vương giả của Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô sơn, thời Đông Tấn (có một bài và lời tựa).

LỜI TỰA

Xưa trước, trong khoảng niên hiệu Hàm Khương (335-343) thời Đông Tấn, tướng quân Sưu Băng nghi ngờ các Sa-môn chống kháng bái lễ muôn thừa. Đến trong khoảng niên hiệu Nguyên Hưng (402-405) thời Đông Tấn, Thái úy Hoàn Huyền cũng đồng bàn nghị đó. Bấy giờ các hàng triều sĩ danh hiền giải đáp lại rất đông nhiều. Tuy lời nói chưa tỏ rõ thời cuộc mà đều cùng có đồ chúng tốt đẹp đó, đều hết chỗ hoài mong, mà lý tích chứa nơi tình. Bèn khiến đạo phục vô thượng hủy hoại nơi trần tục. Tâm sáng suốt đến cùng khuất phục nói việc người. Buồn thay! Đó mới là nguyên do của giao tang, là phủ vận của ngàn năm, rất sợ đại pháp sắp đắm chìm, cảm việc trước chẳng quên, nên trước thuật năm thiên nghiên cứu tuần tự ý ấy, đâu phải nói hang hóc sâu đợi sương móc sáng sớm. Bởi vì nêu bày võng cực ấy, cũng vì mong muốn về sau các bậc quân tử sùng kính Phật giáo, hoặc rõ ràng mà xem xét vậy.

CHƯƠNG THỨ NHẤT: NÓI VỀ TẠI GIA

Chỗ nêu bày đại yếu của Phật giáo, lấy xuất xứ làm khác. Người xuất gia gồm có bốn khoa, hoằng thông lợi vật thì công ngang bằng với Đế vương, hóa gần trị đạo. Đến như cảm tục, tỏ rõ thời cuộc, cũng không đời nào chẳng có, chỉ bởi chỗ gặp có hành tàng nên lấy phế hưng làm ẩn hiển vậy. Trong đó có thể được cùng luận bàn, xin sơ lược nói đó.

Người tại gia kính phụng pháp thì là danh chúng thuận hóa, tình chưa biến đổi thế tục mà dấu vết chỉ đồng phương nội, nên có mến ái của thiên thuộc lễ phụng chúa. Lễ kính có gốc, bèn nhân đó mà thành giáo. Sở nhân gốc ấy thì công do từ xưa. Cho nên nhân thân thích mà dùng giáo ái, khiến dân biết có ân tự nhiên, nhân nghiêm dùng giáo kính, khiến dân biết có trọng của tự nhiên. Hai điều ấy có thật do từ minh ứng, nên chẳng tại nay thì cần nên tìm gốc ấy. Nên vì tội mà đối xử bằng hình phạt khiến khiếp sợ mà cẩn trọng về sau, đem thiên đường mà ủy thưởng, khiến vui thích mà hành động về sau. Đó đều tức là quả báo của ảnh hưởng ấy mà rõ nơi giáo, dùng nhân thuận làm thông mà chẳng đổi tự nhiên ấy vậy. Cớ sao? Phàm thân sâu dày còn sống, vì có ngăn cấm làm trệ lụy, căn sâu hẳn bởi ngã đảo chưa quên, mới dẫn đem tình dục làm vườn uyển, lấy thanh sắc làm du quán, đam mê thế lạc chẳng thể tự cố gắng mà chuyên ra. Cho nên chỗ kiểm chứng của giáo lấy đây làm bờ bến, mà chẳng rõ bên ngoài ấy vậy. Bên ngoài ấy chưa

rõ thì đại đồng như thuận hóa, nên chẳng thể nhận thọ đức ấy mà bỏ sót lễ ấy, đượm nhuần ân huệ đó, mà phế bỏ kính đó. Nên người vui thích phong hóa của Đức Thích-ca, liền trước tiên là thờ phụng thân thích mà tôn kính quân vương. Kẻ biến đổi thế tục, vật bỏ trâm cài, hẳn đợi mạng mà thuận động. Nếu Quân vương thân thích có nghi ngờ thì thối lui cầu chí ấy để đợi đồng tỏ ngộ, đây mới là chỗ của Phật giáo vì trọng tư sinh trợ giúp vương hóa nơi trị đạo ấy vậy. Ý chỉ của người làm luận lập ngôn, dáng mạo có chỗ đồng, nên địa vị phân có trong ngoài, để rõ chí ở ba, lược thuật ý kinh, nêu bày nỗi lòng nương vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI: NÓI VỀ XUẤT GIA.

Xuất gia thì là khách phương ngoại, dấu vết dứt tuyệt nơi mọi vật, đó là làm giáo vậy. Siêu vượt các duyên hệ lụy của thân, thân chẳng còn thì cũng dứt hoạn. Biết đời đời đều do bẩm hóa, không thuận theo hóa để cầu tông. Cầu tông chẳng do nơi thuận hóa, thuận hóa tức chẳng thông với tự bẩm. Hoạn dứt chẳng phải do còn thân. Còn thân thì chẳng quý ích của hậu sinh, lý này trái với hình, đạo đày ngược với tục. Người như thế tự phát thệ nguyện lúc mới không tóc, lập chí đổi khác tục. Cho nên, phàm là xuất gia đều lánh đời để cầu chí ấy, biến đổi khác tục để đạt đạo ấy. Biến đổi khác tục thì phục chương chẳng được đồng lễ như sách đời, lánh đời thì nên phải cao thượng dấu vết ấy. Phàm đạt được vậy, nên hay cứu vớt kẻ đắm đuối trong dòng chìm, nhổ bỏ cặn sâu trong nhiều đời kiếp. Xa thông đến bờ Tam thừa, mở rộng đường lối trời người. Như khiến một bậc thấu đạt toàn đức thì đạo hợp với lục thân, đượm nhuần khắp thiên hạ. Tuy chẳng ở nơi ngôi vị Vương hầu cũng đã khế hợp hoàng cực ở điểm cứu giúp muôn dân. Cho nên, trong trái với trọng của thuộc trời mà chẳng ngược hiếu ấy. Ngoài khuyết cung phụng chúa mà chẳng mất kính ấy. Nên biết, vượt ngoài thuận hóa vì cầu tông, thì lý sâu mà nghĩa hậu. Chiếu thái dứt vì nói nhân thì công vụn vặt mà ân huệ cạn. Nếu vậy là tuy dẫn mặt đến minh sơn mà bước quanh, còn hoặc xấu hổ nghe phong hóa ấy, huống gì cùng kẻ phu dân của thuận hóa, hiền của thi lục đồng với người hiếu kính ấy ư?

CHƯƠNG THỨ BA: NÓI VỀ CẦU TÔNG MÀ CHẲNG THUẬN HÓA

Hỏi rằng: Lại như ý của ông thì trời đất lấy được một làm lớn, Vương hầu lấy thể thuận làm quý. Được một nên là gốc của muôn vật, thể thuận nên có công của vận thông, nhưng mà minh tông hẳn còn nơi

thể cực, cầu cực hẳn do ở thuận hóa, cho nên các bậc tiên hiền lấy đó làm đàm luận tốt đẹp, chỗ các luận chẳng thể đổi chác. Phàm các luận thì nghĩa không chỗ chấp thủ, mà nói chẳng thuận hóa là thế nào ư?

Xin đáp: Phàm ở có mới đồng bẩm sinh nơi đại hóa. Tuy các phẩm loại muôn vàn khác biệt, tinh thô chẳng đồng, nhưng gồm tất cả mà nói là chỉ có linh và không linh vậy. Có linh thì có tình ở hóa, không linh thì không tình ở hóa. Không tình ở hóa, hóa hoàn tất mà sinh, hết sinh chẳng do tình, nên hình khô mà hóa diệt, có tình ở nơi hóa, cảm việt mà động, động hẳn vì tình nên sinh ấy chẳng dứt tuyệt. Sinh ấy chẳng dứt tuyệt, thì hóa ấy càng rộng lớn mà hình càng tích chứa. Tình càng trệ mà lụy càng sâu, đó tức là hoạn vậy. Sao có thể nói hết ư? Cho nên trong kinh nói: "Niết-bàn chẳng biến đổi, lấy hóa hết làm vườn nhà, ba cõi lưu động, lấy tội khổ làm bãi trường". Hóa hết thì nhân duyên vĩnh viễn tuyệt dứt, lưu động thì nhận chịu khổ không cùng. Cớ sao thấu rõ như vậy? Phàm sinh lấy hình làm gông cùm, mà sinh do hóa có, hóa vì tình cảm, thì thần trệ gốc ấy mà trí mờ chiếu ấy. Cõi ấy có ngăn thì chỗ còn chỉ đã xong, chỗ giẫm trải chỉ động. Từ đó dây linh suất thế ngự, đường sống ngày một mở, mới theo tham ái ở dòng dài, đâu chỉ một nhận chịu mà thôi ư? Cho nên trái ngược gốc mà cầu tông, chẳng vì sinh lụy thần ấy. Vượt thoát lại trần cản ngăn, chẳng vì tình lụy sinh ấy, chẳng vì tình lụy sinh ấy thì sinh có thể diệt, chẳng vì tình lụy thần ấy thì thần có thể mờ tối, thần mờ tối dứt tuyệt cảnh, nên gọi đó là Niết-bàn, tên gọi Niết-bàn đâu rỗng rang ấy ư? Xin suy tìm sự thật đó. Đất trời tuy lấy sinh sinh làm lớn, mà chưa thể khiến kẻ sinh chẳng hóa, Vương hầu tuy lấy còn còn (tồn tồn) làm công, chưa thể khiến kẻ còn không hoạn. Cho nên luận trước nói mắc hoạn lụy duyên có ở nơi thân, chẳng còn thân vì dứt hoạn, biết sinh sinh do ở bẩm hóa, chẳng thuận hóa vì cầu tông, nghĩa còn ở đây. Nghĩa còn ở đây thì sở dĩ Sa-môn chống kháng kính bái muôn thừa cao thượng việc ấy, chẳng tước vị Vương hầu mà đượm nhuần ân huệ ấy vậy.

CHƯƠNG THỨ TƯ: NÓI VỀ THỂ CỰC CHẲNG GỒM ỨNG

Hỏi rằng: Đọc xem qua các sách sử trước, Hoàng thượng trở lại ở ngôi vị cao tột, chưa từng có khác nguyên gốc ấy. Gốc chẳng thể có hai, cho nên trăm đời đồng một pháp điển đều một gốc ấy, chỗ gọi là chỉ trời là lớn, chỉ nghiêu ắt vậy. Như vậy thì chẳng phải trí có chỗ chẳng chiếu, trị không ngoài có thể chiếu, chẳng phải chiếu có chỗ chẳng hết, tự không lý có thể hết. Lấy đó mà suy ngoài thấy nghe, rỗng rang không

chỗ cậy tựa. Lý không chỗ cậy tựa thì tông có thể sáng tỏ. Nay các Sa-môn chẳng tỏ rõ ý của văn biểu, mà lầm hoặc văn của giáo biểu. Đó là sai nhầm vậy, hẳn đã rất lắm. Nếu lại hiểu nhiên có ứng nghiệm, đây mới là điều nghe hiếm có ở đời.

Xin đáp: Phàm, u tông rộng ra, thần đạo tinh vi, có thể dùng lý để tìm khó thể dùng sự mà cật hỏi, đã giao thiệp đến giáo thì do nhân thời mà ứng nghiệm tuy thật ứng thế, hơn kém có muôn sai. Đến như khúc thành ở dụng cảm, tức dân tâm mà thông phần ấy, phần đến thì dừng, chỗ trí ấy không biết, mà chẳng khai mở ở ngoài ấy vậy. Nếu vậy thì chỗ thể cực chẳng gồm, gồm đó chẳng thể đều ngự vậy. Cho nên lời của xưa trước nói đại đạo năm thứ biến đổi mà hình danh có thể cử, năm thứ biến đổi mà thưởng phạt có thể nói. Đây chỉ là thềm bậc sai khác của phương nội, mà còn chẳng thể chóng thiết này, huống là ở ngoài ấy ư? Xin lại suy nghĩ mà mở rộng đó. Vì xa loại ấy, ngoài lục hợp còn mà chẳng luận, chẳng phải chẳng thể luận, luận đó hoặc trái. Trong lục hợp luận mà chẳng biến rành. Chẳng phải chẳng thể biện rành mà biện rành đó hoặc nghi ngờ. Xuân thu kinh đời, chí của Tiên vương, biện rành mà chẳng nghị. Chẳng phải không thể bàn nghị, mà bàn nghị đó hoặc loạn. Ba thứ ấy đều tức là chỗ mà thân tai và mắt chẳng thể đến, lấy làm quan kiện (khóa cửa) mà chẳng mở ngoài thấy nghe ấy vậy. Nhân đó mà cầu ý của Thánh nhân, thì đạo của trong ngoài có thể hợp mà rõ vậy. Thường vì cho rằng đạo pháp cùng với danh giáo, Như Lai cùng với Nghiêu Khổng, phát huy đến tận cùng tuy khác mà ngầm ảnh hưởng. Xuất xứ thật khác nhau mà cuối kỳ thì đồng. Rõ mà kiện rành đó thì chỉ quy có thể thấy. Lý hoặc có trước hợp mà sau trái, có trước trái mà sau hợp. Trước hợp mà sau trái nghĩa là chư Phật Như Lai là người ấy vậy. Trước trái mà sau hợp nghĩa là các đời Quân vương chưa làm chủ của thể cực. Với như vậy làm sao rõ biết? Trong kinh nói: “Phật có pháp thần diệu tự nhiên, dùng quyền hóa vật, rộng theo chỗ vào, hoặc làm linh tiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm khanh tướng Quốc sư Đạo sĩ”. Lẽ thường như vậy ở chỗ biến hiện, các Vương quân tử chẳng biết là ai. Đó gọi là trước hợp mà sau trái vậy. Hoặc có mới đầu khai sáng nghiệp lớn mà hóa công chưa thành tựu, dấu vết có sâm sai nên chỗ thọ nhận chẳng đồng, hoặc mong cầu công ở thâm sau, hoặc hiển ứng ngay đời này. Thánh vương bắt chước đó mà Thánh giáo, cũng chẳng thể lường tính. Tuy viện dẫn vô phương, nhưng hẳn đường về có hợp. Đó chỗ gọi là trước trái mà sau hợp vậy. Nếu khiến trước trái mà sau hợp, thì người phỏng bước thông đường, hẳn chẳng tự bờ mé ở mật

đạo. Nếu khiến trước hợp mà sau trái, thì Thích-ca cùng Nghiêu Khổng kết quy rốt cùng chẳng khác. Đoán chắc có thể biết vậy, cho nên tự trái mà cầu hợp đó, thì biết lý hợp mà hẳn đồng. Tự hợp mà cầu trái đó thì tỏ ngộ thể cùng cực có lắm phương. Chỉ thấy chỗ hình chẳng gần, nên lầm hoặc các đường mà kinh sợ khác lạ ấy vậy. Nhân đây mà quán sát, thì đạo của trời đất, công hết ở vận hóa, đức của Đế vương, lý cùng ở thuận thông. Nếu đem đối phu riêng tuyệt ở giáo mà chẳng biến ở tông. Hẳn chẳng được trọn năm mà nói hết hơn kém ấy, cũng có thể rõ vậy.

CHƯƠNG THỨ NĂM: NÓI VỀ THẦN BẤT DIỆT

Hỏi rằng: Yếu chỉ của luận lấy hóa hết làm chí lực, nên tạo cực hẳn hóa với hóa mà cầu tông. Cầu tông chẳng do ở thuận hóa, là vì nêu dẫn các đời quân vương, khiến đồng với Phật giáo, khiến chủ của thể cực dùng quyền ở hợp. Đó là chỗ gá thác của nhã luận, tự hẳn ở nơi đại không ấy vậy. Cầu đó thật đáng lý thì không như vậy. Cớ sao? Phàm, bẩm nhận khí cực ở một đời, đời hết thì trên dịch mà đồng không. Thần tuy diệt vật, nên là hóa của âm dương vậy. Đã hóa mà làm sống lại hóa mà làm chết. Đã nhóm tụ mà làm đầu lại tan mà làm cuối (chung). Nhân đó mà suy, hẳn biết thần hình đều hóa, vốn không khác hợp. Tinh thô một hơi khí, thỉ chung đồng một vườn nhà. Vườn nhà toàn thì khí tụ mà có linh, vườn nhà hư hủy thì khí tan mà chiếu diệt. Tan thì trái chỗ nhận chịu ở gốc lớn, diệt thì lại quy về ở không vật. Trái lại, đầu cuối (thủy chung) cùng đều là số của tự nhiên vậy. Ai làm nên vậy ư? Nếu toàn gốc thì khác khí, số hợp thì đồng hóa. Như vậy xử hình của làm thần như lửa ở tại cây gỗ. Sống ấy hẳn đồng hủy ấy hẳn diệt. Hình lìa thì thần tan mà không nương tựa. Cây gỗ mục nát thì lửa bặt lắng mà chẳng bám. Lý ấy như vậy. Phần của đồng dị, mờ tối mà không tỏ rõ. Thuyết hữu vô (có và không) hẳn còn ở tụ tán. Tụ tán là tên chung khí biến, là sinh diệt của vạn vật. Nên Trang Tử nói: "Con người sống thì hơi khí nhóm tụ". Nhóm tụ là sống, tan mất thì là chết. Nếu sống là kia nhọc khổ, ta đâu hại hoạn gì. Lời hay khéo của người xưa là đạo, hẳn có vì được đó. Nếu khác vậy là tà. Chỉ lý tận cùng ở một đời. Đời hết mà chẳng hóa, nghĩa ấy có thể tìm vậy.

Xin đáp: "Thần là gì ư? Tinh cực mà là linh ấy vậy. Tinh cực là chẳng phải chỗ đồ của quái tượng, nên Thánh nhân dùng diệu vật mà làm lời nói. Tuy có thượng trí còn chẳng thể định thể trạng ấy, thấu cùng u trí ấy mà đàm nói. Vì thường thức sinh nghi ngờ, phần nhiều đồng với tự loạn, đó là xằng bậy vậy và cũng đã sâu lắm vậy. Dẫn lời

phải ấy mới nói, phàm chẳng thể nói. Nay ở trong chẳng thể, lại cùng đó mà phảng phất. Thần ấy là viên ứng không chủ, diệt tận không danh, cảm vật mà động, mượn số mà chẳng phải số, nên số hết mà chẳng cùng. Có tình thì có thể làm vật cảm, có thức thì có thể làm số cầu. Số có tinh thô, nên tánh ấy mỗi một khác nhau. Trí có tối sáng, nên chiếu ấy chẳng đồng. Suy đó mà luận, thì biết hóa dùng tình cảm, thần dùng hóa truyền. Tình là mẹ của hóa, thần là căn của tình, tình có đạo của hội vật, thân có công ngầm dời. Chỉ người tỏ ngộ thấu triệt thì trái với gốc, còn kẻ lầm hoặc lý thì đuổi theo vật vậy. Luận đạo xưa trước cũng chưa có chỗ đồng, xin nêu dẫn để làm sáng tỏ đó. Trang Tử mở phát huyền âm đến Thái Tông nói là: "Khối lớn làm nhọc ta vì sống, dứt ta vì chết. Lại lấy sống làm ràng buộc người, lấy chết làm trái ngược chân". Đó, chỗ gọi là biết sống là hoạn lớn, lấy không sống (vô sinh) làm trái gốc ấy vậy. Văn Tử xưng lời của Hoàng đế rằng: "Hình có tan nát mà thần chẳng hóa, lấy chẳng hóa chuyên chở hóa, biến ấy chẳng cùng". Trang Tử cũng nói: "Đặt hình của phạm nhân mà còn mừng vui như hình người. Vạn hóa mà chưa mới đầu có cùng cực". Đó chỗ gọi là biết sống chẳng hết ở một hóa, mới đuổi theo vật mà chẳng trái ngược ấy vậy. Luận của hai ông ấy tuy chưa rốt cùng sự thật, nhưng cũng thường bàng tông mà có nghe vậy.

Người lập luận (Tuệ Viễn) đây chẳng tìm thuyết của phương sinh phương tử mà đều tụ tan ở một hóa, chẳng nghĩ thần đạo có linh của diệt vật, mà cho rằng tinh thô đồng hết, cũng chẳng buồn ư? Thí dụ lửa và cây gỗ vốn tự Thánh gồm, mất dòng hợp ấy, nên u hiển chẳng tìm. Lời Huyền bèn chìm đắm trong thường giáo, khiến người đàm nói nhân đó làm thành nghi ngờ, vừa khiến thời cuộc không bậc tỏ ngộ tông, thì không biết có sáng tỏ của tiên giác, tinh diệu ngầm truyền ẩn chìm ở đời hết nghe. Cớ sao? Phàm, tình số cùng cảm hóa ấy không đầu mối, nhân duyên kín tạo dựng, ngầm cùng truyền ghi. Nếu tự chẳng quán sát thấu đáo, ai biết được biến ấy? Xin các người làm luận kiểm nghiệm đó lấy sự thật. Truyền của lửa ở nơi củi, như truyền của thần ở nơi hình. Truyền của lửa khác với củi, như truyền của thần khác với hình. Củi trước khác với củi sau thì biết thuật diệu của chỉ cùng; hình trước chẳng phải hình sau thì rõ cảm sâu của tình số. Kẻ mê hoặc thấy hình khô gầy ở một đời, bèn cho là thần tình đều mất hết, như thấy lửa tắt ở một cây gỗ, bảo là cuối kỳ đều biết. Đó là cong theo đàm thuyết dưỡng sinh, chẳng phải xa tìm loại ấy vậy. Căn cứ theo Như Lai mà luận, giả sử thần tình đều hóa, mới đầu từ gốc trời, ngu trí tư sinh đồng bẩm ở chỗ nhận

chịu. Như hỏi: chỗ nhận chịu ở hình ư? Hay nhận chịu ở thần ư? Nếu nhận chịu ở hình, thì phàm nơi nào có hình đều hóa mà làm thần. Nếu nhận chịu ở thần vì là lấy thần truyền thần thì Đan Chu cùng Đế Nghiêu ngang bằng Thánh, Trọng Hoa cùng với Cổ Sưu ngang bằng linh. Có thể như vậy ư? Có thể như vậy ư? Còn như không thể cố nhiên biết tạo dựng hiển trước của duyên ngầm ở tại xưa trước, phân định của tối sáng ở đầu hình. Tuy câu linh khéo vận còn chẳng thể biến đổi tánh tự nhiên, huống giáng đến đây đã trở lại ư? Lấy lý mà kiểm nghiệm đó thì lời Huyền có chứng cứ, lấy sự để so sánh thì không lầm hoặc ở đạo lớn.

Luận thuật đã hoàn thành, sau đó có khách lui ở. Lần trước dưới trăng sáng mà đi đêm, cùng nhóm tập tại pháp đường, nhân đó mà hỏi: "Kính tìm nhã luận, đại quy có thể thấy, sợ không chỗ nghe. Một ngày thử nghiên cứu hết chỗ chưa hết, cũng ít có nơi vậy?" Ý cho rằng, Đức của Sa-môn là biến tục khác chế, danh khí của đạo gia, thi vi đối với Quân vương thân thích, hẳn nên sơ lược hình kính. Nay chỗ nghi ngờ, có nghĩa là vừa mới tạo có nghiệp khó thành. Xa mong công hóa biểu, ngầm đượm công hiệu pháp không hiện, tương lai quả báo huyền mà chưa ứng, mới khiến Vương hầu hiến cúng, tín sĩ cúi mình, được không bị nhận chịu thần bực đức ấy ư? Sớm tính lâu dài luống đượm ân huệ ấy, đồng sự dèm pha của kẻ chay trường ư?"

Giây lâu sau, chủ nhân mới đáp: "Xin vì các hiền gần lấy loại ấy, có người ở đây kính tuyên thời mạng xa thông khác phương tục của cửu dịch".

Hỏi: "Vương giả đáng dùng lương thực để giúp đỡ, dùng kiệu phục để ban tặng chăng?" Đáp: "Đúng phải vậy". Chủ nhân bảo: "Loại ấy có thể tìm vậy. Phàm xưng là Sa-môn là thế nào ư? Nghĩa là bậc có khả năng khai mở u tối của mông tục, mở huyền lò của hóa biểu, mới dẫn dùng đạo gồm quên, cùng thiên hạ đồng đi. Khiến kẻ cầu mong cao kính vái Di phong ấy, hàng tẩy rửa đượm vị thừa nơi bến bờ. Nếu vậy, tuy nghiệp lớn chưa thành, nhưng quán sát dấu vết bước vượt xa, tự tỏ ngộ hẳn đã sâu rộng vậy. Nhưng vả lại, ca-sa chẳng phải y phục của triều tông, bình bát không phải khí vật của lang miếu. Sa-môn là người vượt ngoài bụi trần, không nên kính bái Vương giả. Nhưng mà công của vận thông, ích của tư tồn còn chưa báo đáp, đó là tâm thệ nguyện đầu tiên, huống gì đáp trả lao nhọc của ba nghiệp ư? Lại nữa, người ấy hình tuy có đợi mà tình không gần nương, xem cúng dường tứ sự như chim muỗi ngang qua trước ấy vậy. Ân huệ thấm đượm nước bọt, sao đủ để nói ư?" Khi ấy mọi người khách mới tỏ rõ đường mờ, lấy mỡ vế

làm công, dứt tâm lấy lắng sạch hết làm đạo. Mới vui mừng trong rũ áo khăn ngâm vịnh mà trở lui.

Sắc chiếu của Ngụy Sở Hoàn Huyền hứa thuận Sa-môn không nên kính bái Vương giả (có một bài).

Ngụy Sở Hoàn Huyền nhận được thư và luận của Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô sơn rồi. Ngày mồng ba tháng mười hai năm Thái Hưởng thứ hai mới ban sắc chiếu đình chỉ việc Sa-môn kính bái.

Sắc chiếu viết rằng: "Môn hạ đối với Phật pháp dối bày chỗ chưa trọn thấu đạt, suy tình dốc lòng hướng đến thì sao cùng kính bái ấy vậy? Nay sự việc đã ở chính mình, giả sử chỗ chẳng trọn thấu đạt, tạm nên theo đó, đại khái các người chớ khiến buộc kính bái vậy, và tiện đều khiến cùng nghe biết đó".

Khải văn tấu trình của Thị trung biện Từ Chi v.v... chấp buộc Sa-môn phải nên kính bái (có bốn bài và ba bài giải đáp của Hoàn Sở).

Khải văn thứ nhất: Thị trung thần Từ Chi, Cấp sự hoàng môn thị lang thần Viên Khác Chi v.v... nói: "Với chiếu thư như trên, thần đạo mờ tối, Thánh chiếu sâu xa, chỗ mở rộng của Bệ hạ là bên tiếp đãi đạo nhân kính phụng Phật vậy. Dân chúng khắp nước nhà không ai chẳng phải bề tôi của vua, mà đem hưởng hóa pháp phục, bèn chống kháng kính bái chúa của muôn thừa, là điều mà ngu tình chẳng an. Lễ nghi bái lạy đâu khuyết đạo ấy, tôn ty đại luận (lẽ thường) không nên đều bỏ. Nếu hứa thuận ngoài Danh giáo ấy khuyết mất lễ nghi bái kính ấy, xin một lần cắt dẫn xét xem khải văn có thể ghi biết. Kính cẩn khải tấu!"

Hoàn Huyền đáp lại lần thứ nhất: "Duyên gì như vậy?" Bèn phụng tuyên sắc chiếu".

Khải văn thứ hai: "Thị trung thần Từ Chi v.v... kính tấu khải văn sự việc trên, lại bị minh chiếu ban sắc tôn sùng kính bái rất lắm, thi vi khiêm nhường đạo sáng, ngu tình trông nhìn, trộm có sự chẳng an. Đạo trị nước tuy khác nhưng lý thấu đáo đồng quy, pháp giáo tôn kính thân thích chẳng theo Lão Tử, kẻ xưng tứ đại cho là tôn quý nhất vậy. Chỗ tiếp thừa của Sa-môn tuy khác dấu vết, mà chẳng vượt khỏi đời, há được chẳng đồng với dân trời ư? Bệ hạ thật muốn hoằng dương đó lên trên, nhưng lễ có thấp cao, điển pháp của hóa trị, ngu thần cho là nên cúi thuận tâm quần chúng, trọn vì lại thử, xin khải tấu như trước. Kính cẩn tấu bày".

Hoàn Huyền đáp lại lần thứ hai: "Đặt đó khiến ở chính mình, cũng là gồm mến quý cả chín dòng, mỗi loại theo đạo đó vậy!".

Khải văn thứ ba: Thị trung tế tửu thần Từ Chi nói: "Lại với sắc

chiếu như trên, Bệ hạ là bậc chí đức viên linh khiến thổi muôn vạn ở chính mình, chín dòng (triết học) mỗi tự theo tốt đẹp đó, hiển bày hay mờ ẩn đều cùng tột rốt ráo ấy, linh đượm dòng sâu, không nghĩ chẳng nhớ, các phương do đó mà tư thông, người trời do đó đồng thỏa sướng. Thần nghe rằng, Phật giáo lấy thần tuệ làm gốc, lấy đạo đạt làm công. Từ đó đã trở lại, bởi là dụng của kiểm thô, thần lý dài xa, cầu đó ở tự hình, mà Bệ hạ kính thành chỉnh túc bái dậy, trì giới không khuyết, như hành đạo chẳng mất, đó là cung vương pháp ngang bằng kính cả nước nhà. Hiến chương đạo pháp đều mở sáng, trong ngoài đồng được vậy. Thần, trước kia vâng nhận trách nhiệm bên ngoài, nghe ngóng thô sơ mới không biết mùa xuân năm trước đã có minh luận. Gần đây ngay khi bị có sắc chiếu, bèn dẫn ngu tình ấy, chẳng sợ đáng hợp, trở lại đây mới thấy việc này, thường trải qua thần bút, tông trí vời xa, lý vạch nhỏ nhiệm, chẳng phải chỗ thần nô ngu độn có thể khơi tán, lễ của Sa-môn đã thực hành từ đời trước. Nay Đại Minh đã lên cao, đạo hóa không ngoài, lẽ thường cả nước nhà, không thể có khiếm khuyết. Xin như khải văn tấu trình trước, gồm nhiếp bên ngoài thi hành. Kính cẩn khải tấu".

Hoàn Huyền đáp lại lần thứ ba: "Tự có trong ngoài đều hoằng dương, sao đó lại dùng lý của đời trước? Khanh cứ khư khư tiếc vậy, bèn chẳng phải tán thán đạo đó vậy".

Khải văn thứ tư: Thị trung tế tửu thần Từ Chi nói: "Lại kính phụng sắc chiếu, từ khi có trong ngoài đều hoằng dương, Thánh chỉ thông sâu, đạo trùm trăm vua, cúi đọc ngưỡng tán chỗ vui vẽ của ngu cạn, tôn kính chúa cầu pháp, biết của thần hạ, chăm chăm thường chấp chỗ giữ, minh chiếu vượt xa, đại lược quân thường. Thần mờ tối chẳng thấu đạt, tìm dùng thẹn sợ, liền vâng phụng sắc chiếu phân giao bên ngoài thâu nhiếp tuân vâng. Kính cẩn khải tấu". (Ngày 24 tháng 12 năm Vĩnh Thủy thứ nhất kính dâng.

Vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) thời Tiền Tống ép buộc Sa-môn nên kính bái (có một bài).

Tháng 09 năm Đại Minh thứ sáu (462) thời Tiền Tống, có quan Hữu ty tấu cùng vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn) rằng: "Thầm nghe: cuộn sâu ngưng ở chẳng phải mong cầu rộng cao, khoang quỳ ngồi cúi, đâu chỉ cung kính, dẫn để soi chiếu trương bày bố phương, buộc chế tám hướng. Nêu tuy chi phái Nho pháp, tên mực thửa phân, đến như sùng kính thân thích, nghiêm vâng Hoàng thượng, quyết tốt tươi theo sáng rỡ. Chỉ Phù Đồ (Phật-đà) là giáo cấm ngăn từ Lang Phụ, trái ngược kinh nêu truyền dạy răn mọi sự xa vời, can ngăn sinh oánh chức, thường tục

xưng gọi là khó, tông chỉ xa vời, lời huyền lắng cách, buộc văn che đạo, tại chưa mở rộng. Bèn mới lấn vượt, ngông ngạo tôn thích, mất nhìn dấu vết theo phương, mê mờ nghĩa sâu nơi phong hóa. Phàm, Phật pháp lấy khiêm nhường kiệm ước, tự bó buộc mình, trung kiên, thành kính làm đạo. Tỳ-kheo Bất Khinh gặp người liền kính bái; Tôn giả Mục-Kiền-liên thấy người lớn liền đảnh lễ. Sao có quỵ gối bốn chúng mà bỏ lễ song thân, cúi đầu trước già cả mà thẳng thây trước vạn thừa ấy ư? Nên trong khoảng niên hiệu Hàm Khương (335-343) thời Đông Tấn ở đầu bàn nghị, đến niên hiệu Nguyên Hưng (402-405) thời Đông Tấn thuật lại, mà sự việc khuất sai, đồng đảng đạo bạn phân tán các phương. Nay, nguồn lớn xa tẩy, mọi người kính ngưỡng vâng noi, muôn Tiên dâng cúng vật báu, trăm Thần vút vọt chức cao, mà trong chốn kinh kỳ đều chẳng đất ruộng của tôi dân, giữa khoảng sân chầu lắm đông khách chống lễ. Sợ chẳng phải chỗ để lặng in một phong hóa khuôn phép, rõ bày cảnh tắc ấy vậy. Các thần chúng tôi v.v... xin dự tham bàn nghị, cho rằng Sa-môn lúc tiếp kiến đều phải nên dốc lòng kính lễ, biểu lộ chí thành, y như khuôn phép cũ, thì hay tốt của triều đình có thứ lớp, theo đó mới đều được toại vậy". Vua Hiếu Võ Đế bèn nghe theo đó.

Sa-môn Thích Ngạn Tông nói: "Theo truyền thuyết về vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn) (454-465) thời Tiền Tống nói: sau khi Hiếu Võ Đế lên ngôi (454) khoảng vài ba năm, mới buông tuồng ý muốn đó, chống kháng đủ để lại bại hoại hạnh đức, khiến thiên hạ mất hết hy vọng. Tuy có tài trí thông minh của Thế Tổ nhưng Hiếu Võ Đế thiếu đức hạnh lễ độ, nên rồi tự buồn bả suy tư. Sự tiết kiệm của Hiếu Võ Đế đuổi noi theo sự rộng thức của Thái Tổ, thì văn cảnh của tài hán, sao nói đủ ư? Từ năm Đại Minh thứ sáu (462) đến năm Cảnh Hòa thứ nhất (465) thời Tiền Tống, chỉ trong thời gian bốn năm, mà khiến chủ của nước nhà và chư tăng đều chẳng hưng hành, há chẳng phải lý ngược với lẽ trời mà khiến luân ngôn (lệnh truyền) nhọc bày ấy ư?"

Hạ Hách Liên Bột Bột khiến buộc Sa-môn nên kính bái (có một bài).

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hy (419-420) đời vua Cung Đế (Tư Mã Đức Văn 419-420) thời Đông Tấn, Hách Liên Bột Bột chiếm cứ tại Hạ Châu, cướp đất của Nhị Tần, thi hành hung nghịch năm thứ tội hình, bèn tự nói: "Bột Bột ta chính là Phật ở trong đời, đáng nhận sự kính lễ của chư tăng". Ông bèn cho họa vẽ tôn tượng Phật đắp ở trên lưng, khiến các Sa-môn lễ bái tượng Phật tức là lễ bái chính mình. Về sau bị sét đánh chết, sau khi chôn cất lại bị sét đánh lần nữa, văng thây

ra ngoài, có đề chữ “vô đạo”. Sau đó bị Bắc Đại vùi lấp, làm trò cười chê trong thiên hạ vậy.

Vua Võ Đế (Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề bàn luận việc Sa-môn chống kháng, không kính bái. (một bài)

Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề, vua Võ Đế (Tiêu Trách) ban sắc cho Sa-môn Pháp Hiến ở chùa Định lâm thượng, Sa-môn Huyền Sưởng ở chùa Trường Can đến Tam Ngô để sa thải chọn lọc tăng ni. Bấy giờ Sa-môn Pháp Hiến và Huyền Sưởng đều bước bộ tập hành luật kiểm chẳng đua tranh việc đời, cùng vua Võ Đế luận bàn, thường tự xưng tên mà không ngồi. Về sau, Sa-môn Chung ở Trung hưng đến điện Càn hòa ra mắt vua. Vua hỏi: “Ý Sa-môn Chung thì nên như thế nào?”. Sa-môn Chung đáp: “Bần đạo hơi khổ khí”. Vua giận ghét Sa-môn Chung, mới hỏi Thượng thư Vương Kiệm rằng: “Các Sa-môn ở đất Bắc lúc cùng vua bàn luận, xưng hô thế nào? Và vào trong chánh điện có ngồi chăng?” Vương Kiệm đáp: “Từ thời nhà Hán nhà Ngụy, Phật pháp chưa hưng thạnh lắm nên không thấy truyện ký. Đến từ Ngụy Quốc dần dần hưng thạnh, và chư tăng đều xưng là bần đạo, cũng có dự ngồi, mãi đến đầu thời nhà Tấn cũng vậy. Vào giữa thời có Sưu Băng, Hoàn Huyền v.v..., muốn khiến các Sa-môn đều phải kính bái, triều đình bàn nghị rối bời, sự việc ấy rồi cũng lắng dứt. Đến giữa thời tiền Tống, cũng từng khiến Sa-môn phải kính lễ, mà sau đó trọn chẳng thi hành. Từ đó mãi đến nay, phần nhiều các Sa-môn vào dự tham việc gì đều ngồi và xưng là bần đạo”. Vua Võ Đế lại bảo: “Còn Sa-môn Pháp Hiến và Huyền Sưởng hạnh nghiệp như thế mà còn tự xưng tên, huống gì những người khác? Kính bái thì quá lắm, nhưng xưng tên cũng không hiềm”. Từ đó các Sa-môn đều xưng tên đối với Đế vương, là bắt đầu từ Sa-môn Pháp Hiến và Huyền Sưởng vậy.

Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy ban sắc Sa-môn phải nên kính bái (có một bài và giải đáp của Sa-môn Minh Chiêm ở chùa Đại Hưng Thiện).

Trong niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, vua Dương Đế (Dương Quảng) cải đổi chính sách xưa trước, khiến buộc Sa-môn phải kính bái vua và các quan trưởng v.v..., nhưng chưa phán quyết điều đó, chỉ khiến xen tạp. Đến năm thứ năm, tại Nam Giao bái yết vua, các quan văn võ đứng chầu đông đủ. Khi ấy các Tăng sĩ và Đạo sĩ vẫn y như trước đứng hiên ngang, nên vua có sắc lệnh bảo: “Điều lệ nghi thức ban hành đã lâu, cớ sao chẳng bái?” Nghe vậy, các sĩ nữ hoàng lão liền lễ bái, còn các Tăng Ni vẫn nghiễm nhiên.

Khi ấy, Sa-môn Minh Chiêm ở chùa Đại Hưng Thiện giải đáp cùng vua rằng: “Các Tăng Ni y cứ giới luật Phật chế, không nên lễ bái người thế tục”. Vua Dương Đế bảo: “Cớ sao trong thời vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) thời Tiền Tống thì lễ bái?” Sa-môn Minh Chiêm đáp: “Vua Hiếu Võ Đế thời Tiền Tống hung cuồng bạo ngược, nếu không lễ bái hẳn sẽ nghiêm khắc giết hại, còn Bệ hạ đây là người có đạo, không lễ bái vẫn chẳng sợ nêu bày giết chết”. Vua buộc hỏi đáp, các Tăng Ni đều lui tan.

Sáng sớm hôm sau, Sa-môn Minh Chiêm vào cung quyết dự tham dám đương đầu sự chết đối đáp sắc chiếu tạ tội quá. Quan Nội sử vì đả thông tội không kính bái ngày trước, vua Dương Đế tự nhiên chẳng nói gì, mới thiết trai hội tất cả các hàng Tăng Ni ở chốn kinh đô, mọi người riêng cúng thí các thứ tiền của. Về sau, vua Dương Đế đến Tây Giao, tự ngoảy nhìn lại và bảo cùng Tô Oai rằng: “Trẫm tự cho rằng chốn Kinh đô không có các hàng Tăng Ni. Nhưng hôm trước trong Nam giao cũng có người vậy”. Việc kính bái nhân đó bèn chấm dứt.

Luận Phước Điền của Sa-môn Thích Ngạn Tông ở Phiên Kinh quán tại Lạc tân (có một bài và lời tựa).

Lời tựa: Xưa kia trong thời Đông Tấn, Thái úy Hoàn Huyền v.v... bàn nghị buộc Sa-môn kính bái Vương giả. Bấy giờ, Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn là bậc danh cao đức lớn, thương tưởng phương trí muốn sắp đổ gãy, lo ngại giới báu sẽ lắng chìm, mới biên thuật “Luận Sa-môn không nên kính bái Vương giả”. Luận nêu bày biên ghi ngôn từ ẩn mật, dẫn nêu xa xăm mờ mịt, hàng hậu học xem khó thấy được ý văn. Vì vậy, nay nhân những ngày rảnh rỗi, tạm biên thuật lại, và đổi thay tên là luận “Phước Điền” vậy.

Luận văn: Có người khách quý đến từ phương xa, vin dẫn dòng họ Hoàn, thuật lại bàn nghị cũ. Chủ nhân (Ngạn Tông) tôi nghiêm nhiếp chánh niệm giây lâu, mới mạnh tiếng bảo: “Khách tợ như chưa nghe cốt yếu của Phước Điền, nay tôi sẽ cùng vì khách bàn luận điều đó”. Phàm, Phước Điền là thế nào ư? Đó có nghĩa là Tam bảo. Công thành diệu trí, đạo chứng viên giác, đó là Phật. Lý huyền diệu sâu lắng, chánh giáo tinh thành, đó là Pháp. Giới cấm nghiêm trì, oai nghi vượt tục, đó là Tăng. Đều là dẫn đầu trong tứ sinh, là thuyền bè giữa lục thú, vượt cao trời người, giẫm bước kim thạch. Thí như trân báu, kém cùng phảng bàn. Phật làm pháp chủ; chốt đích tôn quý; Pháp làm thầy ở gốc chính; Tăng làm đệ tử kính sùng Phật pháp ấy. Có thể gọi là tôn ty đồng vị, gốc ngọn đồng môn. Nói sự có ba, luận thể chỉ có một. Đức Phật ở đời ngót

năm mươi năm, giảng bày tám vạn pháp môn, điều nói bày chỗ hướng về chỉ đây là cùng cực. Đến lúc lắng tiếng ẩn hình, khắc tượng viết lá, lưu truyền khuôn phép một phong hóa. Các bậc Thánh hiền lần lượt xuất hiện, bẩm thọ truyền thừa, hóa hợp thành đoàn gìn giữ gởi gấm ấy. Người vàng chiếu sáng nơi điện Hán, tượng pháp lưu thông ở Lạc Bồ. Đều chủ tông Viên Giác, cùng tập học cửu chương, tính toán phương ngoại để phát tâm, xả bỏ thế gian mà lập đức, quang vinh chẳng vì động ý đó, thân thuộc chẳng hay lụy tình ấy. Ăn mặc thì may chằm bằng hoại sắc, râu tóc thì cạo bỏ, hủy phá dung nhan, chẳng đội quan mão mà làm nghi, đâu buộc đai giải mà làm tiết. Vua ở trên trời còn thường thiết lễ, chúa ở nhân gian hẳn phải chí kính. Có kinh có luật, pháp đó chưa khác; hoặc xưa hoặc nay, đạo ấy không ngưng trệ. Tuy chỗ quý trọng của Đế vương, xấp xỉ lớn của thần kỳ, tám phương đều khâm trọng đức, bốn biển thảy quy hướng nhân. Tăng Ni chầu bái, chẳng phải chỗ nghe vậy, mãi nghĩ nhớ ý chỉ khác vời, xin tỏ bày chỗ thấy cao nhã.

Vị khách ấy bảo: Chu Dịch nói: "Đức lớn của trời đất gọi là sinh, báu lớn của Thánh nhân gọi là vị". Lão Tử nói: "Trong hoàn vũ có thứ bốn lớn, mà vua là thứ nhất". Trộm nghĩ vì không đâu chẳng phải đất của vua, xây dựng làm nên nước nhà, không ai chẳng phải là tôi của vua. Thất buộc đó làm chủ thì pháp trời che đất chở muôn triệu dân, xuân qua hạ lại vạn vật sinh trưởng, soi chiếu bằng ánh sáng của nhật nguyệt, đượm nhuần bằng hơi khí của mây mưa. Lục hợp đều cùng tông như biển, trăm dân chung ngưỡng như thần. Mọi rợ đổi thay mặt mũi, trâu ngựa xoay đầu, rắn còn đội nhờ ở thời nhà Tùy, cá còn cảm ân trong đời nhà Hán, đâu có khỏi biên hộ ấy, mượn pháp môn đó mà quên đức khoan nhân độ thoát, bỏ sót hoàng tạo cúng dường, cao lớn tự hứa, thấp cung tự phế bỏ, thí như cầm thú, đâu có gì riêng khác ư? Hẳn nếu hay chứng được thần thông đắc đạo; Thánh quả, đạo lý trùm khắp thiên hạ, lý nghĩa vượt hẳn ngoài lời, nhưng nay sự việc mở trừ còn thêm ba độc, dối đổi phục sức còn nhiễm sáu trần. Giới nhẫn chẳng tu, định tuệ không giữ, có trái với minh huấn, chẳng khác phàm tục. Há nên ỷ cậy khổ nhọc tuyên tán mà chống kháng kính lễ vạn thừa, mượn hình dung riêng khác, mà khuyết kính một người? Xưa kia Tỳ-kheo tiếp đỡ Chân cư sĩ, Bồ-tát cúi đầu trước chúng kiêu ngạo. Văn ấy lại rõ bày thú hướng đó, cớ sao lại vì quyền đạo khó theo mà Phật tánh có thể quý. Huống gì quân luận nói: "Chẳng phải thần giảng Bá Dương, mở bày khuôn phép muôn năm. Trọng Ni tuyên nói quy cũ của trăm vua. Đến như tham yết bái lễ hẳn tuân theo triều điển (phép vua)". Riêng có Sa-môn dám

vượt lướt khinh mạn, đó có thể nhẫn, nhưng ai có thể dung thứ ư? Phong hóa tệ hại khó đổi, dòng ngấm xấu ác chuyển dần lâu. Nếu không gặp bậc minh hoàng thì ai có thể khắc chính? Chợt nổi dậy biến đổi khác thường, phần nhiều chuốc lấy sự dèm chê không tin, lời nói rốt ráo có bằng chứng, mong lại nên đọc xem rõ”.

Chủ nhân tôi nói: “Điều tôi lập thuộc bên trong, điều ông cật nạn thuộc bên ngoài. Bên trong thì thông với lý pháp, ngoài thì hạn cục nơi sự nhân. Cũng ngóng cao vời khá có thể đồng năm. Đó có nghĩa là học mà chưa gồm, nghe mà chẳng hợp. Chỗ lầm hoặc của ông, tôi sẽ vì biện giải. Thử nêu cử cốt yếu đó gồm cả thảy có bảy điều: Một là không đức nào mà chẳng báo; hai là không thiện nào mà chẳng nhiếp; ba là phương tiện vô ngại; bốn là tịch diệt chẳng vinh; năm là nghi không thể vượt; sáu là phục không thể loạn; bảy là nhân chẳng thể quên.

Trong đó, bốn điều trước, đáp đối ý khó, còn ba điều sau nêu dẫn ra thành thể thức.

Tôi nghe trời chẳng nói mà quanh năm vận hành, vua chẳng nói mà muôn nước bình trị. Vua có sức gì mà dân không thể gọi tên, thành mà chẳng ở, làm mà chẳng cậy? Đó mới là điều thiện rốt ráo của Tiên vương, là chí đức của bậc đại nhân, đồng đượm nhuần muôn loại, thảy đều dự lợi cả, may khác cây cỏ, sai chẳng chim trùng, trội tròn đạp vuông cúi ngưỡng hoài nhớ ân huệ, ăn cơm uống nước no đủ đượm nhuần. Huống lại kính chuộng xuất gia, nghe theo nhân từ mà thuận đạo, đoạn nghiệp thô ở thời quá khứ, cầu quả diệu trong tương lai. Đã được ân trọng lại nghĩ đáp sâu dày, mới nhờ ích lợi của muôn thiện, đâu tại lễ kính ở một thân. Tìm dùng thiện đáp, xứng báo mới sâu, bày dùng thân kính được lợi rất cạn. Bởi vì, chư tăng mất nghi quỷ, người đời giảm tốt lành. Chư tăng không kính bái thế tục, Phật đã nói rõ. Nếu biết, khá nên tin, lý đáng huân lập. Còn cho là khó nương theo thì sự nên phế bỏ. Sao nên dung thứ tín sùng đó để mong cầu phước ấy, khiến đó lại trách lễ ấy, tức khiến theo lễ, bèn đồng như thế tục. Còn nói xin cầu phước chưa thấy đượm nhuần đó. Đây là còn mà tợ bỏ tăng và đồng loại như dân, chẳng tăng chẳng tục, không biết xưng gọi là gì? Đó là điều thứ nhất không đức chẳng báo vậy.

Pháp đã dần suy, người cũng hơi mạt, ít có bậc Thánh. Thật như chỗ nơi, tuy ở giữa phàm tục, mà giữ mặc áo giáp nhẫn nhục. Giả sử khiếm khuyết giới học, vẫn còn đàm nói pháp điển trí tuệ. Như quý tháp tợ tôn kính Phật, nương tựa đó thì việc lành phát sinh, hủy bỏ đó thì điều ác chứa nhóm. Tâm mạnh mẽ mới phát lúc ban đầu, cắt bỏ ân

ái tuy khó nhưng hay xả bỏ được. Hoằng nguyện trọn hoài mong, thành Chánh giác chóng mà hay đạt đến. Vì vậy cho nên lúc cắt tóc, Thiên ma xa sợ, ngày mặc nhiễm y xa kính mừng. Kỷ nữ nhờ bày vô lậu mà bèn lậu, người say tạm cắt duyên có mà liền buộc. Rồng con nhờ cậy đó mà dứt kinh, voi chúa trông thấy đó mà hết sợ. Oai linh ấy tại nghi phục làm nhân, tuổi trẻ chưa thọ cụ túc giới đối đáp xiển dương yếu chỉ của Phật. Nhỏ bé không thể khinh thường, ánh sáng hiển bày bởi sức tăng. Ưu-ba-ly đã độ, các Thích tử nhiếp phục tâm. Ni-đà cũng quy hướng, vua Ba-tư-nặc khuất ý. Mới biết, hoặc già hoặc trẻ có thể làm thầy là pháp, không hèn không sang, chỗ còn là đạo. Nhưng giữa khoảng hiền với ngu, trong chừng nói với nín, sống chín tương tợ, lấy bỏ chẳng dễ. Mắt thịt phân biệt, sợ không gặp thật, tâm tin bình đẳng hoặc có gặp chân. Khi đủ bốn người, tức thành một chúng, tăng đã rộng thâu, Phật cũng không ở. Thức ăn trông nhìn khác nước sôi, mới khiến cúng thí tăng, áo mặc thấy đẹp dệt kim tuyến, mới khiến dâng hiến chúng. Oai đức của tăng há chẳng lớn thay, đủ để có thể xưng là ruộng tốt ưu tối, là tông chủ của Thánh giáo! Đó là điều thứ hai, không thiện nào mà chẳng nhiếp.

Nếu luận bàn về công của Cư sĩ Tịnh Danh, sớm đã lên vân địa, ý chỉ hiện tướng bệnh nằm, vốn vượt ngoài cảnh đời, từ lâu hiện hành thần túc đều ngợi khen biện tài. Hàng tân học đảnh lễ, đó thật là kính tụ pháp thí. Sự thật là quyền biến để thích nghi, thể thức chẳng phải chuẩn mực thường. Tùy thời tạm biến, lệ ấy có nhiều. Riêng có Không Tạng chẳng cung kính, Đức Như Lai không trách, Sa-di có chí nguyện, thì Hòa thượng cũng tôn phụng. Một lần trông thấy qua, thảy đều đáng kinh sợ, trở lại tìm trong sách Phật, không gì chẳng thông đường. Bồ-tát Thường Bất Khinh riêng lập cao vết, lo thương hàng tăng thượng mạn, nên bày kính bái nhóm học tâm mình, riêng dùng một đạo, dùng ngay sự chí thành. Đã chẳng phải là tam tuệ, há là thường thức? Nhân có duyên, hành tác pháp, đủ làm hiếm có, mượn hoằng giáo hóa, khó dính trước luật nghi. Đức Đại Thánh phát minh Nhị trí, chế ước Ngũ thiện, phế bỏ chức tước tuổi tác, chỉ lưu còn giới pháp Hạ lạp, thủy chung đồng dạy răn, thông ngu thảy kính ngưỡng, già trẻ có thứ lớp, trước sau không xen tạp. Chưa thể lấy hạnh nghiệp riêng biệt của một vị, mà khiến cả bảy chúng đều tuân hành. Lý không như vậy đã rõ ràng có thể thấy. Xưa kia vợ chết ca múa mà đánh chén, thân vùi bể cả mà phủ đất bụi, đó cũng là tiết tháo của hàng thất phu, đâu phải khí khái chế định của bậc minh chúa? Huống gì sách Phật cao sâu, lời huyền kín ẩn, mà hạn

cục chỉ chấp một bên, rất trái với tứ biện tài! Đó là điều thứ ba, phương tiện vô ngại.

Vả lại, như Trụ Sử là đế vương của nhà Chu, Tư Quan là quốc chủ của nước Lỗ. Tông quy đạo đức, mới gọi là vô danh, dặn răn ở thi thơ, rốt cùng nói là chẳng làm. Tố thuật Nghiêu Thuấn, hiến chương văn võ, khum mình cung kính, chẳng phải đó thì đâu. Phong hóa của Sào Hứa trông xưa bèn xa, tiết tháo của Di Tề nay còn tìm đó. Tợ như cao vin mười lực, xa vượt bốn dòng, nhàm chán sự khổ hữu vi đây, vui thích tịch diệt vô dư kia. Chẳng buộc lo toan ở cung đình, chưa lưu tình ở việc vua, tự nhiên giải thoát, hẳn khác với đồng bạn của Nho Lão vậy. Đó là điều thứ tư, tịch diệt chẳng vinh.

Đến như cúng tế quỷ thần, cầu khẩn sông núi, nước nhà dung thứ với khuôn phép mở mang, kinh sách luận bàn điều tốt lành. Bọn thần là chỗ vua kính trọng, chư tăng còn chẳng bái lễ, Tăng chúng là bậc các thần kính lễ, vua sao trái lại nhận buộc kính bái? Trên dưới khác nhau, bèn trái chánh pháp. Áo xiêm điên đảo sao đủ cùng Phương? Khiến thần đến ủng hộ, đều do tăng mời thỉnh đến, hợp liên quan sức chú, trọn không lý kính bái. Đó là điều thứ năm, nghi không thể vượt.

Vốn chỗ phấn khởi của Hoàng vương, hẳn là nơi Chân Nhân gá sinh. Thượng Đức tuy ẩn kính ở tịnh tâm, tượng ngoài chỉ nên nơi tục trạng. Do đó, đạo rõ bày truy phục (sắc đen) thì tinh cầu nghi mạch, nghiệp ẩn huyền môn, thì hình cung đáng dứt. Cầu đó hẳn thật đủ ở nghe trước, quốc chủ Tần-bà-ta-la, Phụ hoàng Tịnh Phạn Vương xưa kia đó đồng đều đã khắc Thánh, chuyên tu tin theo, mỗi việc đều nương tựa. Giả sử trông thấy Phàm tăng, lại tưởng kính sùng Phật. Chẳng phải lấy quỵ thân làm hiếu, đã chẳng phải là tội bất hiếu, chẳng lấy lễ bái Quân vương làm kính, đâu là lối bất kính. Với pháp tự khác, chỗ dốc tâm đã riêng, thể không hỗn tạp, chế theo như vậy. Đó là điều thứ sáu, phục không thể loạn.

Kính cẩn y cứ theo diệu điển Tu-đa-la, điều nói chân thật của Đức Thích-ca, mới nói: ở chủng tộc Sát đế lợi mà xưng tôn, gá Bát nhã mà làm hộ. Tứ tín chẳng hoại, thập thiện không khuyết, kính Phật thờ tăng, tích công chứa đức. Nhưng sự hiện giáng của nhật tinh nguyệt tượng, cảm của ánh sáng đỏ khí hơi trắng kia, bánh xe vàng đã chuyển, ngọc báu lại theo cao, ứng mạng trời, thuận lòng dân, ngự đồ nắm cảnh. Lúc đầu mở thuật ngũ thường, cuối cùng hoằng đạo bát chánh, cũng nên quán sát lại túc mạng nghĩ nhớ gốc nhân. Kính Phật giáo mà sùng tăng bảo, thêm hương giới mà tăng sức tuệ, tự có thể nền móng trời chuyển

cao, khiến cung Phạm càng xa lớn, Thánh thọ thường bền chắc đồng lâu dài như kiếp đá. Nhưng mà sấm sét bày hết thế lực, hùng hổ tỏ vẻ oai long, mừng vui hẳn nhờ cậy gồm cả rực rỡ tiện bày oai thế kịp. Mở lời bày lệnh, gió thổi cỏ rạp, đã ép tăng lễ, ai dám xếp bày? Chỉ sợ có tổn ở công ngầm, không ích cho hạnh nghiệp lớn, dốc thành hết mạng chỉ như vậy mà thôi. Đó là điều thứ bảy, nhân chẳng thể quên.

Lược nêu bày ý chí của tôi, để dứt trừ lầm hoặc của ông. Nếu muốn nghe thấy rộng, xin tìm trong kinh pháp.

Người khách ấy bảo: "Điều ông nêu dẫn vừa rồi, bày lý thật lắm nhiều. Với kẻ tôi tớ phàm ngu mờ tối cũng có thể trông xem. Văn gồm cả sâu mầu và bày rõ, biện giải bao quát trong ngoài, chỗ gọi là phép cúng tế còn có các lầm hoặc khác. Chu Dịch nói: "Một âm một dương gọi dó là đạo. Âm dương chẳng thể lường gọi đó là thần". Trộm cho rằng, đường thần mờ ẩn, cảnh người cách tuyệt, muốn hành pháp yếu cúng tế hẳn gá theo lễ quan. Vốn đặt phụng thường, chuyên tư thái chúc, giả sử biết việc quỷ, rốt cùng vào hàng thần (tôi). Phật thật đã ẩn, Thánh chân lại diệt, không tin minh đạo, toàn giẫm u tần, phàm phu kiếp mạt, mênh mông lời hồi hướng. Cùng trông xin nhàn dật, cùng học vót cắt chức nhậm trông coi đàm hội, do đó nên theo pháp y. Chủ giữ phường tháp, do đó bỏ sạch tục làm. Vừa mới xúc chạm lưới vua tức rơi lạc vào thói dân. Đã đồng phép lễ, há hợp xứng báu, chầu kính Thiên tử hẳn là nghi thường. Khổ chấp cương lương, định trái thông thức. Dòng họ nhà Tống xưa trước chế phong hóa ấy chẳng xa, chỉ nên cùng tiếp nối. Lại muốn từ gì?".

Chủ nhân tôi nói: "Khách chỉ biết được một mà chưa hiểu đến hai. Xin hãy dứt sự phan duyên, thêm chút nghe nhận. Tôi nghe: quỷ nghĩa là quy, là chỗ vào của chết vậy. Thần nghĩa là linh, là chỗ tông chủ của hình vậy. Quỷ yếu kém so với người; vì chỉ cầu ác thú; thần ưu thắng hơn sắc; bởi gồm cả tình đạo. Tâm có linh trí, xưng gọi đó là thần; ẩn mà khó biết, gọi đó là chẳng thể lường. Cân dắt thể dụng ấy, hoặc động hoặc tịnh; bình phẩm tánh dục ấy có âm có dương. Yếu chỉ của Chu Dịch là ở đó vậy. Khác đường xếp loại ở hơi khí, lời Huyền khuyết ở sáu thức. Thiết giáo dần đoạn, khá biết vậy. Quỷ báo ngầm thông, ẩn đến mà kính đi, dùng nêu thần hiệu đặt dùng ở đây. Thường thử nói đó. Nhận thọ di thể của mẹ cha, bẩm chất các phần của đất trời, có thể còn ở nơi hơi khí, có thể dùng để lập hình. Đến như thần đạo của chính mình, hẳn là tâm nghiệp của ta, chưa từng cảm đó ở đất trời, được đó ở mẹ cha; thức ngậm thai tàng bày khắp hư không, ý mang huân tập

tràn đầy thế giới. Đi mà lại sinh như lửa cháy liền ra, lại mà càng đi như sóng nước chuyển mãi. Căn đó chẳng thấy ở thủy, nghiên tầm đó chẳng thấy ở chung; dơ bẩn đó thì phàm, lắng trong đó là Thánh. Thần lý sâu mầu vi tế hẳn khó rõ vậy. Tối cao của thần gọi là Đại Giác, chỗ bàn nghị chẳng được danh tướng ấy ai có thể cùng tột? Chân thân vốn không đổi dời, chúng sinh mù mờ tự chẳng trông thấy, gá tưởng tìm nơi vết cũ, dốc lòng vui trong di pháp. Như muốn nhận đội truyền trì, mở mòn yếu diệu, nương nhờ tăng đồ đây, ứng Phật phó chúc đó. Mượn mây lành làm nội ảnh, nhờ oai vua làm ngoại lực, gió huyền xa khắp đến như vậy thay! Giáo thông ba đời, chúng riêng bốn bộ, có hai theo ở đạo, có hai thủ ở tục. Theo đạo thì phục tượng tôn nghi, thủ tục thì chuyển điền cúng sự. Tượng tôn nghĩa là Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni. Điển cúng nghĩa là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Tượng ấy tôn thì chưa tham thần vị, điển ấy cúng thì dưới sự thần ban. Nguyên người cúng điển, đồng kẻ làm việc của chư tế. Tôi chẳng phải đang có, chứ như ông sao lại lầm dẫn? Chỉ do ông mở lời, khơi phát thú hướng sâu nơi tôi, lý đã rõ ràng vậy. Chớ lại lầm hoặc ở cuối thời Tiền Tống, phong tục thô bỉ; bờ biên chưa thấy vẻ đẹp xinh ấy, vội khiến đồng đó, rất là quái lạ”.

Người khách ấy bảo: “Có chỉ thú thay luận này vậy! Được bảo cho đường thiện, xin theo lui về”.

Luận rằng: Oai quyền của Hoàn Huyền và Sưu Băng có thể gọi là xoay trời chuyển mặt nhật vậy. Mà sao vua chấp lý, cuối cùng trọn chẳng khuất. Vừa rồi khiến Phật giáo có yêu vọng, hai ông ấy không tỏ rõ, ai có thể nghịch bày như vậy ư? Trọng Ni nói: “Sau năm lạnh rét mới biết sự điêu tàn của tùng bách”. Thật hiếm quý thay Pháp sư Tuệ Viễn! Cốt cách cứng chắc, hiếm có đồng bạn trông nhìn lại ở thời bấy giờ. Vừa rồi nếu không có nhã luận lý cử, đâu lấy gì để khuynh động tâm của Hoàn Sơ ư? Trông xem Di Văn ấy, đủ biết đến mạng thay của người ắt chết mà có thể làm, ta về đông vì vậy. Tháng năm cuối của vua Hiếu Võ Đế thời Tiền Tống, đức phụng đã suy, trăm họ thất vọng, nghe theo bề tôi dưới thổi động, chèn ép vết cao thượng tan lỡ, dơ bày mà chẳng thực hành, há chẳng phải nghịch lý mà vậy ư? Ngụy Hạ (Hách Bột Bột) thực hành chính sách hung ngược, dâm hình hơn cả Thương Trụ, Hoàng Thiên giáng phạt, đâu chẳng đáng ư? Vương Kiệm dâng lời nói thẳng với vua Tề, Sa-môn Minh Chiêm tỏ bày đối đáp cùng chúa Tùy, trọn toàn tiết tháo của kẻ phương ngoại, tin thực đạo do người hoằng dương ấy vậy. Luận Phước Điền của thượng nhân Ngạn Tông lý bày sâu rộng, dẫn trương giáo nghĩa tốt lành vậy.

Tôi lâu dài thời gian đọc xem văn từ của tiền triết lưu lai, đủ lấy làm chuẩn đích của bậc hậu hiền, trông nhìn xa xưa tìm thấy khí khái, nhân vì liên tục vậy.

Tán thán rằng: Ai được như ông, nổi trội đồng bạn, khắc trước nguyên huân! Xin thay vương lệnh quy tâm đến cùng cực, chẳng sợ oai quyền, đích thực cầm nắm ngay thẳng. Sa-môn Tuệ Viễn riêng tinh khiết, chẳng thâm dính nhuận, sách luận đã bày, Hoàn Sơ khuất lùi chí tiết. Vua Hiếu Võ Đế (thời tiền Tống) buông trồng ý muốn, liên Hách Bột Bột dàn bày hung bạo, chống kháng dâm hình, rõ ràng ở các nhã cáo. Vương Kiệm dâng điều đáng nói với vua Tề phải suy tư, Sa-môn Minh Chiêm đối đáp, vua Tùy chấp nhận đó. Cao sĩ ở Lạc tân (Sa-môn Thích Ngạn Tông) bày văn chiếm tốt lành, thấy trọng hiện nay bởi vì có vậy.

■

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÀI THẾ TỤC

Đời Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 3

THIÊN THỨ HAI: BÀN NGHỊ KHÔNG KÍNH BÁI

Bàn nghị không kính bái, là nói rõ về Sa-môn không nên kính bái thế tục. Thánh thượng tâm tình dốc thuần danh giáo, khiến kính bái Quân vương thân thích lo nghĩ tỏa sáng đường thông, mở mang triều nghị, đến nỗi có những bậc sĩ hiền nói thẳng cản ngăn, cả trăm người dâng thẻ, thần tôi trong xả tắc đua trình bày luận.

Về sắc chiếu: Sắc chiếu ban chế các Sa-môn phải kính bái Quân vương thân thích (có một bài).

Về biểu văn: Biểu văn của Sa-môn Oai Tú ở chùa Đại trang nghiêm v.v... tấu về việc Sa-môn không nên kính bái thế tục. (có một bài)

Về Khải văn: Khải văn của Sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh v.v... tấu cùng Ung Châu Mục bái Vương Hiền bàn luận việc Sa-môn không nên kính bái thế tục (có một bài).

Lại có Khải văn của Vinh Quốc phu nhân Dương Thị xin luận bàn về Sa-môn không hợp kính bái người thế tục (có một bài).

Về trạng văn: Trạng văn can gián chung các quan, nói rõ về Sa-môn không hợp kính bái người thế tục (có một bài và khải văn).

Bàn nghị không kính bái: Trạng văn của Trung đài ty lễ Thái Thường Bá, Lũng Tây quận vương Bát Xoa, Đại phụ Khổng Chí Ước v.v... cùng bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Ty nhung Thiếu đường bá nghị quân Trịnh Nhâm Thái, Viên ngoại lang Tần Hoài Khác v.v... bàn nghị (một bài).

Trạng văn của Ty hình Thái thường Bá Thành Dương huyện, Khai quốc hầu Lưu Tường Đạo v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Ty Tông Tự, Hữu Nhất Ty thỉnh xin Đồng Ty Hình bàn nghị (có một bài).

Sắc chiếu ban chế của Sa-môn phải kính bái Quân vương thân thích (có một bài)

Ý chỉ sắc chiếu: Đối với nghĩa của Quân vương thân thích có ba điều dạy răn rất quý trọng. Đạo của kính ái, trong trăm hạnh ấy là đứng đầu. Nhưng Phật giáo và Lão giáo tuy Lý tuyệt vượt cảnh thường, việc tiếp nối cung kính hiếu hạnh phải hợp với Nho giáo, bèn ở nơi đất tôn cực mà chẳng hành lễ bái quỳ. Nhân theo từ xưa mãi đến ngày nay. Trong thời Tiền Tống tạm đổi thay phong hóa ấy, nhưng chỉ được thời gian ngắn, lại tuân theo thói cũ. Trẫm bẩm nhận kinh trời để nêu cao đạo hiếu, thấm đượm nghĩa đất mà tuyên lưu lễ hạnh, muốn vì Danh giáo tỏa khắp chân tục đây và khắc thành nền tảng ở mọi nơi. Trời dựng phong hóa liên hà giao cho Quốc vương làm nguyện do tạo tác, tin thực kết quy ở đây vậy. Nay muốn khiến các hàng sĩ nữ đạo giáo Tăng Ni quan chức đối với Quân vương Hoàng hậu, đối với Hoàng thái tử, đối với song thân của chính mình phải nên kính bái. Hoặc sợ trái với tình thường, nên giao cho Hữu ty bàn nghị rõ ràng xong tấu trình.

Ngày mười lăm tháng tư năm Long Sóc thứ tư (662) thời Tiền Đường, Quan lục Đại phu Hữu tướng Thái tử tân khách thượng trụ quốc Cao Dương quận khai quốc công thần Hứa Kính dâng tuyên cáo Biểu văn của Sa-môn Oai Tú ở chùa Đại Trang Nghiêm, v.v... tấu trình Sa-môn không phải hợp kính bái thế tục (có một bài).

Sa-môn Oai Tú v.v... nói: "Cúi kính vâng minh chiếu ban sắc khiến chư tăng bái quỳ đối với Quân vương thân thích, với nghĩa thì đáng nên vâng theo thực hành nhưng với lý thì chống kháng sắc chỉ. Chỉ vì minh giáo của Nho giáo và Phật giáo đến trình bày văn chánh giản, nêu phong hóa phô trương, đồng tu tấn đạo sô nhiêu. Chư tăng đội ân lớn nặng của nước nhà, nên mở lễ phương ngoại, an cư khắp chốn, được hoằng xiển tâm xuất tục. Do đó, từ xưa các bậc Đế vương đều tuân theo pháp độ ấy, kính nghi thức biến đổi khác tục, toàn giữ dấu vết chống kháng lễ bái ấy, bèn khiến kinh giáo đó rộng truyền đổi đời càng nhiều, tông tượng lan tỏa xa khắp mọi lúc thêm phát triển. Từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy, hành nhân gặp phải trở ngại nhưng phong thái của linh tụ vẫn tốt tươi, mỹ hóa của tiên uyển còn thông thái. Không như hiện nay hoàng vận bắt đầu mở mang khắp hải ngoại, năm xứ Thiên Trúc cùng ngũ nhạc đồng trấn, Thần Châu và Đại Hạ đều chung một

văn hóa, mạng của Hoàng Hạ dần hưng long, đường của xe nhẹ tiếp vết, không ai chẳng khâm phục thánh tích, tạo dựng dấu còn, nên được Phạm Lữ cùng đến nương nhau chẳng dứt tuyệt. Nay nếu trái lại buộc bái lễ Quân vương thân thích, tức trái khác của kinh, bèn phát tiếng tăm kinh sợ thế tục, hoặc bày mong ngóng khinh hủy. Xưa kia, trong thời Đông Tấn, thành ấu xung Sưu Băng nắm cậy sắc chiếu, Hoàn Sơ dối bày, nên Vương Mật mở lời chống kháng. Và đến cuối đời vua chiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) thời Tiền Tống hung hành chính sách bạo ngược, chế buộc chư tăng kính bái chúa tục, sau đó trở lại ngừng dứt. Bởi vì sự việc chẳng phải điển phép Kinh quốc, nghĩa lý vượt quá lễ nghi lẽ thường. Tuy nói là để lời trọn buộc hiển bày nghị, huống là Hạ Châu Hách Bột Bột ban sắc buộc kính bái mà chuốc lấy sự tức giận trên trời. Trong thời Bắc Ngụy, Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) hung hành giết hại, khiến khắp thiên hạ oán trách dịch lệ, các đường ấy từ lâu đã nêu bày đủ cả ở thấy nghe. Chư tăng lòng mang lo sợ đến cậy nhờ mất đặt để, sợ ty luân một lúc tỏa phát muôn nước thông hành, hẳn khiến khắp nơi mong ngóng phong hóa, mới mở mang tiếng tăm thất lễ. Lo ngại cho đời sau, hoặc tiếp truyền cân dắt lắm. Cúi mong Bệ hạ trùng hưng Tam bảo, thương nhiếp bốn loài quần sinh, thân thừa diệu chỉ phó chúc, dùng khuyên răn học đồ nương vậy! Chư tăng bên trong tuân trì chánh giáo hẳn dứt tuyệt nghi dung kính bái, bên ngoài vâng phụng minh chiếu khiến theo cung kính của Nho lễ. Cúi mong chỉ lỗi quá, lo sợ thật sâu xa. Nếu chẳng trình bày cầu thỉnh tức có trái với chỉ rõ của thần tử (bề tôi và con), hoặc bít lập phong hóa của Phật, bèn vùi chôn tội của chán nản quân vương. Kính cẩn nêu bày các kinh nói rõ chư tăng không nên kính bái thế tục, văn từ sơ lược xin dâng. Cúi mong Thiên tử nhũ lòng suy xét thì triều nghi hòa mục, trọn tuân theo đường của kẻ thần thời nhà Tấn, giao phó sơ lược thường đàm nói trọn theo pháp độ ở thời nhà Tề. Bụi mực oai nghiêm, chỉ rất lo sợ, kính cẩn tấu bày!

Ngày 21 tháng 04 năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường, kính dâng.

Bấy giờ chư tăng ở khắp kinh ấp có hơn hai trăm vị đồng đến cung Bồng Lai, trình bày biểu văn dâng xin. Các quan trên điện cùng nói: “Sắc lệnh nói rõ nên bàn nghị, phải nên kính bái hay không, điều ấy chưa quyết định, hãy chờ đợi nhóm tập sau”. Chư tăng mới lui về, và bèn nhóm tập tại chùa Tây Minh cùng toan tính bàn nghị, cùng tỏ bày khải văn trạng văn tấu trình xin các quan liêu thẩm xét.

Khải văn của Sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh v.v... tấu cùng Ung Châu Mục Bái Vương Hiền bàn luận Sa-môn không nên kính bái thế tục (có một bài).

Sa-môn Đạo Tuyên v.v... khải tấu: "Từ Kim Hà dời vết, Ngọc Quan xiển dương pháp hóa, trải qua vĩ thánh anh tài, chuyển dần mở lớn phụ giúp tốt lành, không ai chẳng cúi đầu kính bái, cúi đầu xin đạo quy hướng biết bến bờ, nên được chùa chiền dựng xây trông thấy nhau, đền thờ nhân từ nối mọc khắp nơi, trời người ngưỡng mộ đường phước điền, u hiển nghĩ nhớ nghi chánh đạo. Những kẻ sĩ thanh tịnh kính tin ùn nổi đông đúc như rừng, tân khách cao muôn năm, vị mở bốn bộ, dàn trải khuôn phép năm thừa. Chỉ thời gian biển pháp rộng tỏa, các loại tụ khó phân, quá phạm hiện rõ, xung mạo trần ngự lãm, ban sắc chiếu chỉ khác thường, khiến kính bái Quân vương thân thích, rủ lòng nghĩ nhớ ẩn trắc, hiển bày thông cùng triều nghị, chư tăng vâng đội mạng lệnh minh bạch, cảm sợ rơi lệ lạnh. Bởi vì hành quyết lúc tỏa sáng, bèn khiến trên thấu đượm lo buồn. Vả lại, từ khi giáo pháp lưu truyền về phương Đông, dần đượm đầy lỗ trủng, có ba lần bị dứt trừ, năm lượt buộc kính bái, đều chẳng phải trong các triều đại tốt lành anh minh, mà toàn là Quân vương bạo ngược hung tàn, nên khiến ban lệnh chẳng phải mưu tính của Kinh quốc, trái với đặt để thường tình, dèm pha hiền sử. Sự lý khó trái ngược trở lại theo lối quen xưa cũ. Cúi xin Đại vương cai quản khắp kinh đô, nhiếp ngự cơ hành, các hàng đạo tục lại sống, việc bận rộn thửa lắng yên. Khiến pháp môn bế tắt, tiếng vang giáo pháp chẳng truyền, y cứ chướng ngại lắng yên, nhổ bỏ thu tàu khăn khó, vớt đắm chìm nâng đỡ mặt nhật nguy ách, chư tăng kêu gọi trong mờ tối khó kịp cùng đàn hạc, trông mong ở cửu trùng, thẳm trời khó lên, trọn gá đợi nơi trăm mối lo toan. Do đó vượt ngàn mạo hiểm tỏ bày như thật. Cúi mong nhũ ban ân lớn cùng được đượm nhuần. Vậy là tuân sùng di chúc, gió lành tỏa thoảng mọi nơi, chánh pháp trở lại thạnh hưng, cảnh phước tỏa sáng khắp bốn biển, chẳng nhậm cơ nghiệp cùng cực rất lắm. Đủ đầy dùng khải văn tấu trình, mảy trần quấy nhiễu sâu xa, chỉ biết thẹn sợ, kính cẩn khải tấu!

Ngày 25 tháng 04 năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường.

Khải văn của các Sa-môn Đạo Tuyên. . . ở chùa Tây Minh dâng tấu Vinh Quốc phu nhân Dương Thị xin luận bàn về Sa-môn không hợp kính bái thế tục (có một bài).

(Phu nhân là mẹ của Hoàng Hậu, là người kính sùng chánh pháp

tu tạo phước môn, tạo tượng kinh, dựng xây tương tục, vào ra nơi cung cấm, tiếng tăm vang vọng không ai chẳng biết, nên chư tăng đến nhà đặt để giải bày).

Sa-môn Đạo Tuyên v.v... khải tấu: "Từ khi Tam bảo lưu truyền đến phương Đông, đến nay dần đã hơn sáu trăm năm. Hàng tục lập nhân của quy giới, năm chúng mở việc của phước điền, trăm vua tiếp thừa mỹ hóa của chí đạo, muôn năm thổi tỏa phong thái của duy Thánh. Nên được khắp nơi biết về, muôn sinh nghiêm khoa dễ phạm, bèn có cỏ lúa lẫn lộn dơ uế trong ruộng tốt tươi, tuổi trẻ nghĩ muốn răn trừng bạc đầu, đầy đủ nêu bày qua trước, rõ ở thấy nghe nên vàng đá bùn đất tiêu biểu phô bày nghi dung chân tượng, pháp y tóc cắt phỏng tướng toàn tăng, mặc mà tin kính hay hủy báng quả báo có hai phần, trái đó tu sửa đều chẳng phải chánh đạo. Lại nữa, tăng có giả thật, sống chín khó biết, hạnh đức cạn sâu, ngu trí đều lầm hoặc. Cho nên kính bày cúng thí khắp chung, như biển chẳng cùng, luật chế riêng khoa, như bờ có ngằn mé. Tông đồ đã sắp, Danh giáo phải nương. Thiết bày oai nghi xuất tục, lên Viên Đức thú chân. Hẳn khiến trời rồng cung kính, u hiển quy tâm, hoằng truyền và hộ trì hiện ở nỗi lòng, lưu tỏa công chẳng dứt tuyệt. Gần đây vì thời cuộc trải qua uế trược, con người giẫm thấm lầm vậy. Trộm phục sức mà lừa dối đồ chúng, tham nhờ cậy mà luống hư đồng bạn. Hạnh không mà động nơi trần tục, đạo có mà ngăn che hiến chương. Tấu trình lên triều đình soi xét, ban bố buộc kính bái Quân vương thân thích, mới xoay đổi trời nhìn, ban sắc đến chầu bàn nghị. Chư Tăng chúng tôi v.v... bên trong thẹn sợ nóng bức như thiêu đốt, cùng nhìn lại thất thủ, chẳng biết đến để đâu. Kính ngưỡng Phật giáo cùng phó giao cả bốn bộ, u hiển dám nghĩ mong, trộm muốn bàn nghị, Phu nhân đáng là nơi nương tựa cậy nhờ. Huống lại là thấu rõ chánh thiện đây, tôn sùng tạo dựng lấy làm tâm, nhũ bày khuôn phép nơi cung vi, hoàn thành sáng tỏ đạo tục. Nay Tam bảo bị khuất lấp thành sâu tại duyên, tạm dùng dò hỏi tỏ bày, cầu mong cùng cứu hộ. Như được đỡ giúp gìn giữ như cũ, thì phó chúc hẳn kết quy, hoằng dương hộ trì hẳn đây vậy. Nhẹ vì nghe chọn tìm sâu dứt lo sợ kính cẩn tấu bày.

Ngày 27 tháng 04 năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường".

Trạng văn của Sa-môn Đạo Tuyên v.v... ở chùa Tây Minh tuần tự trình bày việc hưng suy của Phật giáo để can gián chung các quan tể phụ v.v... (một bài)

Sách Liệt Tử nói: "Trong Chu Mục Vương (976-921 trước Tây

lịch), có một vị hóa nhân ở Tây Vực đến, vượt núi băng sông làm rung động cả thành ấp. Nhà Tây Chu ở Tây Vực có hóa nhân, lại trái ngược núi sông, dời đổi thành ấp, ngàn muôn biến hóa không thể cùng tận. Vua Mục Vương tôn kính vị đó như thần, quý trọng vị đó như Thánh". Đó tức là lúc mới đầu Đức Phật xuất hiện nơi đời vậy.

Trong "kinh lục" của Chu Sĩ Hành và Sa-môn Thích Đạo An nói: "Ở thời Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) thời nhà Tần, từ Tây Vức có mười tám vị Sa-môn đến cảm hóa Thủy Hoàng, Thủy Hoàng không theo mà lại bắt giam cấm. Ban đêm có sáu vị cầm gậy kim cang phá ngục mà ra, Thủy Hoàng cúi đầu tạ lỗi vậy".

Trong "Hán Thư" nói: "Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây lịch), tại quan ải Tây Vức có được người vàng cao lớn hơn tả trượng, bèn nghinh thỉnh về tôn trí trong cung Cam tuyền. Vua Võ Đế cho đó là Đại thần, nên đốt hương lễ bái. Về sau, bảo Trương Khiên đến Đại Nguyệt Chi, sau đó trở về nói là có nước Thân Độc, tức là Thiên Trúc, ở đó gọi là Phù Đồ tức là Phật Đà vậy". Đó là thời gian mới đầu biết được danh tướng của Phật vậy.

Trong thời vua Thành Đế (Lưu Ngao 32-06 trước Tây lịch) thời Tây Hán, có Đô thủy sứ giả Lưu Hướng nói: "Vừa rồi kiểm duyệt trong Tạng thư, thường thấy có kinh Phật, đó tức là từ thời nhà Chu nhà Tần đã từng hưng hành, và Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính) thiêu hủy mà chẳng hết vậy".

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thọ (02-01 trước Tây lịch) ở đời vua Viên (=Ai?) Đế (Lưu Hân 06-01 trước Tây lịch) thời Tây Hán, sai sứ Cảnh Hiến đến nước Đại Nguyệt Thị, nhân tụng đọc kinh Phù Đồ (= Phật) xong trở về. Bấy giờ tại xứ Tây Hán đã có phần nào hành trì trai giới. Do vậy mà từng được nghe Phật pháp, giữa chừng ngầm ẩn, trở lại đây trùng hưng vậy.

Đến trong khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang) mộng thấy có người vàng bay đi trước điện, mới sai phái Tần Cảnh v.v... đến Tây Vức tìm cầu Phật pháp, bèn có được Tam bảo hoằng truyền đến phương Đông. Tại Lạc Dương, đắp họa tôn trượng Đức Phật Thích-ca đứng, đó tức là Phật bảo. Phiên dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương, tức là Pháp bảo. Tôn giả Ca-diếp Ma-đằng và Trúc-pháp-lan đến hoằng hóa, tức là Tăng bảo. Lập chùa ở cửa phía Tây Lạc Dương, độ người hoằng hóa, từ gần đến xa, triển chuyển trú trì đến hết thời Hậu Hán.

Qua thời dòng họ Ngụy, cả thảy có năm đời vua, suốt thời gian

bốn mươi lăm năm (220-265) thuộc thời Tam quốc, hưng sùng tôn kính Tam bảo dần sâu, chẳng nghe có sự buộc kính bái hay hủy hoại. Rồi dòng họ Ngô ở Giang Biểu, có bốn đời vua và kéo dài năm mươi chín năm (222-280) thuộc thời Tam quốc. Mới đầu Tôn Quyền (Đại Đế 222-252) mở mang Phật pháp, cảm ứng điềm lành mà dựng lập chùa đề tên là chùa Kiến Sơ. Sau đó, Tôn Hạo (Quy Mệnh Hầu 264-280) thực hành chính sách hung ngược, sắp bày việc phế trừ, các quan thần can ngăn, mới dừng bỏ, bèn thỉnh mời chư Tăng, cầu xin thọ trì ngũ giới.

Tại đất Thục, có hai đời vua, với thời gian bốn mươi ba năm (221-164) thuộc thời Tam Quốc. Bấy giờ cả quân quốc đều mưu tính làm hưng thạnh Phật giáo, không nghe có tin muốn phá hủy.

Đến thời nhà Tấn dòng họ Tư Mã, cả hai triều đại Đông Tây, có mười hai đời vua và với thời gian một trăm năm mươi sáu năm (265-317 - Tây Tấn; 317-420 - Đông Tấn). Giữa triều đại, có bốn vua rất mực sùng tín, chỉ có ở đời vua Thành Đế (Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn, năm Hoàn Khương thứ sáu (340), Thừa tướng Vương Đạo thái úy Sưu Lượng qua đời, sau đó Sưu Băng làm phụ chính, vì vua còn nhỏ dại, nên Sưu Băng vì vua ban xuất chiếu lệnh buộc chư tăng kính bái. Bấy giờ, Thượng thư Lệnh Hà Sung, Thượng thư Tạ Quảng v.v... kiến nghị Sa-môn không hợp phải kính bái, qua lại có ba lần bàn nghị, khi ấy mới lắng yên. Sau đó sáu mươi hai năm, tức đến trong khoảng niên hiệu Nguyên Hưng (402-4-5) thời Đông Tấn; thuộc đời vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419), Thái úy Hoàn Huyền dùng oai chấn động vua, ban sắc thư khiến kính bái. Khi ấy, Thượng thư Lệnh Hoàn Khiêm, Trung thư Vương Mật v.v... chống kháng can ngăn rằng: "Nay các Sa-môn tuy ý sâu nặng đặt để nơi kính, nhưng chẳng lấy hình khuất cúi làm lễ. Dấu vết in khắp nước nhà mà thú hưởng vượt ở phương ngoài. Do đó, các Quân vương ngoại quốc, không ai chẳng kính lễ (như việc vua A-dục v.v... kính lễ vị Tỳ-kheo), bởi vì đạo hiện còn thì quý, chẳng vì người mà làm khinh trọng (như thức lan mộc của ngụy văn, Hán Quang gặp Tử Lăng v.v...). Sau đó Đại pháp lưu truyền đến phương Đông, ngày một thực lâu xa. Tuy phong hóa đổi thay, chính sách biến cải, mà hoằng dương đó không có khác, há chẳng vì mỹ hó riêng siêu tuyệt ư? Có sử dụng thường ngày ở đào tiềm, phong hóa của thanh ước chẳng hại với hưng long thanh bình ấy ư?" Hoàn Huyền lại gởi thư đến Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, dẫn nêu Lão Tử xếp đặt quân hầu ở ba lớn. Pháp sư Tuệ Viễn dùng lễ nghi của phương ngoại để giải đáp, không lệ thuộc lễ kính ở Trung Hoa, mới trước thuật "Sa-môn bất kính Vương giả luận" gồm

năm chương. Việc ấy do đó mà chấm dứt, và vua An Đế trở ngược thực hành chính sách như cũ, tôn sùng kính phụng mãi đến trọn đời vua Cung Đế (Tư Mã Đức Văn 419-420) thời Đông Tấn vậy.

Đến thời Tiền Tống dòng họ Lưu, có tám đời vua, với thời gian hơn năm mươi năm (420-479). Tuy năm Đại Minh thứ sáu (462) vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) tạm có sắc chế buộc Sa-môn kính bái Quân vương, nhưng sau đó trở lại y như chính sách trước.

Tiếp trải qua các thời nhà Tề (479-502) nhà Lương (557-859) về nhà Trần cả ba triều đại có hơn một trăm năm (479-589), Phật giáo hưng thạnh thuần nhất, tin trọng càng sâu.

Tại Trung Nguyên, dòng họ Ngụy có hơn mười đời vua, với thời gian một trăm năm mươi lăm năm (386-556), Phật giáo rất hưng thạnh, rõ thấy ở "Ngụy Thâu Lương Sử". Tuy trong năm Thái Bình Châu Quân thứ bảy (446) thời Bắc Ngụy, vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) nghe lời sàm tấu mà phá kiệt Phật pháp, sau đó năm năm cảm mắc bệnh dịch mà băng hà, rồi Phật pháp trở lại thạnh hưng đến trọn hết đời vua Cung Đế (Nguyên Quách 554-556) thời Tây Ngụy.

Từ khi nhà Tấn mất quyền bình trị thiên hạ, tại Trung Nguyên, Giang Biểu tự xưng Đế chúa, phân chia nước thành mười sáu phần (đó là năm Lương, bốn Yên, ba Tần, hai Triệu, Hạ, Thục vậy). Các Ngụy chính quyền ấy đều tin kính Phật pháp không khuyết thiếu, chỉ có ở Hạ Châu, Hách Liên Bột Bột hung bạo không nhàm chán, lấy việc giết hại làm vui, đeo mang tôn tượng Phật trên lưng, khiến chư tăng kính lễ đó, về sau bị trời đánh chết, và sau đó bị Bắc Đại thôn tính. Vợ con bị hình khắc, rõ đủ như ở Tiêu Tử Hiển Tề Thư.

Đến thời Bắc Tề, dòng họ Cao ở Kiến Nghiệp, có sáu đời vua với thời gian hai mươi tám năm (550-578), sùng tín Phật pháp càng hơn các triều đại trước, trong nước không có hai sự.

Đến thời Bắc Chu dòng họ Võ, có năm đời vua với thời gian hai mươi lăm năm (557-581), trong đó có vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) mới đầu tin trọng Phật pháp, về sau nghe sự bàn nghị của Trương Tân, bèn thọ học theo Đạo giáo (Lão giáo), sắp muốn phá diệt Phật pháp. Bấy giờ có Pháp sư An trước thuật "Nhị giáo luận" để chống kháng đó. Trong luận ấy nói: "Giáo điển của chín phái triết học, giáo ấy chỉ ở tại thân, gọi đó là ngoại giáo. Giáo điển của Tam thừa, giáo ấy lắng tĩnh lầm hoặc nơi tâm, gọi là nội giáo. Lão chẳng phải là giáo chủ cải đổi chỗ nhiếp của khiêm nhượng". Vua Võ Đế nghe vậy, cho là lưu giữ hay phế hủy đều trái lý, nên bèn dẹp trừ cả Phật giáo và Lão giáo, chưa đầy

năm năm sau mà thân hoại mạng chung, chính sách chuyển đổi.

Đến thời nhà Tùy dòng họ Dương tiếp cận, có được hai đời vua với thời gian ba mươi bảy năm (581-618). Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581-605) sùng tín trùng hưng Phật pháp. Trong Hải nội tạo dựng bảo tháp ở hơn trăm châu, và đều hiện phát điềm tốt lành, rõ đủ như trong đồ truyện. Qua đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) nối dõi, ghi lục cải cách chính sách của tiền triều, tuy có ban sắc kính bái, nhưng chư tăng trọn không khuất phục.

Từ khi Đại pháp lưu hóa đến phương Đông dần đã trải hơn sáu trăm năm, có ba lần bị hủy diệt, năm lượt buộc kính bái, đã trái với pháp điển của kinh quốc, lại chẳng phải chính sách tốt lành sáng tỏ. Hung ngược mổ bữa, đầy ở thời loạn, lễ nghi đè ép tung vang dứt tuyệt đời, nên khiến sự lý trái thường, sau đó y theo vết cũ. Bởi vì Tam bảo là tông chủ của quy giới, năm chúng ở ngôi vị ruộng phước, tuy kính tin hay hủy hoại xen nhau, lỗi quá đổi thay. Đó là tự con người có hưng có đầy, còn y cứ theo đạo thì nào từng có hưng phế? Do đó mà có hơn ngàn vị đại Thánh xuất hiện trong thời kỳ hiền kiếp sống thọ sán vạn năm, trú trong chánh pháp của dòng họ Thích. Huống gì lại có mười sáu vị tôn giả hoằng hóa ở ba châu, chín ức vị A-la-hán hộ trì bốn bộ. Y cứ đó mà thuật thì lịch số trọn chưa hết vậy, sao được tình đoạn, đồng hợp với Nho điển? Vả lại, Lỗ Hào của Dịch chẳng phụng sự Vương hầu; Nhu hành của Lễ chẳng bề tôi Thiên tử. Ở tục thì đồng bốn vị, còn có người chẳng khuất, huống gì bỏ tục theo đạo mà tiện trách đồng lễ của tôi thiếp ư? Lại nữa, Hạo Thiên thượng đế, núi hang Linh kỳ, chúa của quân nhân không ai chẳng cúng tế mà kính bái. Nay chư tăng đã thọ giới Phật, hình đủ nghi Phật. Trời rồng tám bộ kính phụng đạo ấy mà phục nghi dung, không ai chẳng bái phục trước chư tăng. Nên được minh thầm hộ trợ, hiển bày ứng hiện điềm lành xen lẫn, nghe ở huyện trước, há lại đồng phù hợp với Lão giáo ước định Vương hầu ở Tam Đại ư? Nên vườn nhà Sa-môn sống vậy, tài sắc chẳng đoái hoài, vinh lộc không ràng buộc, quán thời cuộc thế tục như mây nổi, thấu đạt hình mạng tợ gợn nắng. Cho nên gọi là người xuất gia vậy. Và người xuất gia không lễ bái người tại gia, người xuất tục không đượm nghi xử tục, đạo ấy hiển nhiên, trăm đời không đổi lệch phép ấy vậy. Dòng ấy rất rộng, đây chỉ lược thuật đó.

Nay lại nêu bày các kinh luận của Phật để sáng tỏ về Sa-môn không nên kính bái người thế tục.

Trong kinh “Phạm Võng” quyển hạ nói: “Pháp xuất gia không lễ

bái quốc vương, cha mẹ, lục thân, cũng chẳng kính thờ quỷ thần".

Kinh "Niết-bàn" quyển sáu nói: "người xuất gia không kính lễ người tại gia".

Luật "Tứ Phần" nói: "Phật dạy các Tỳ-kheo lớn nhỏ theo thứ lớp lễ bái, không nên lễ bái hết thảy bạch y".

Kinh "Phật Bản Hạnh" quyển năm mươi ba nói: "Vua Thâu-đầu-đàn cùng các quyến thuộc trăm quan theo thứ tự kính lễ Đức Phật xong. Phật dạy: "Nay vua khá nên kính lễ các Tỳ-kheo Ưu-ba-ly v.v..." Nghe Phật dạy vậy, vua liền đứng dậy đảnh lễ năm trăm vị Tỳ-kheo và những vị vừa mới xuất gia, cứ theo thứ tự mà kính lễ".

Kinh "Tát-già-ni-cân" nói: "Nếu phỉ báng pháp của Thanh văn, Bích chi Phật, và pháp Đại thừa, người hủy hoại đều bị lưu nạn, mắc phạm tội căn bản (Nay chư tăng y cứ theo các kinh Đại thừa và Tiểu thừa, không kính bái Quốc vương thân thích, là kính phụng lời Phật dạy. Nhưng khiến trái lời Phật dạy, kính bái người thế tục, tức là không tin lời Phật, mà mắc phạm tội căn bản vậy). Lại nữa, phỉ báng cho là không có nghiệp báo thiện ác, không sợ đời sau, tự mình làm, khuyên bảo người khác làm bền chắc cố giữ chẳng xả bỏ, đó gọi là trọng tội căn bản. Đại vương nếu phạm tội ấy mà chẳng tự sám hối, tức thiêu hủy căn lành, nhận chịu khổ vô gián. Vì vua thực hành nghiệp trọng bất thiện ấy nên thiêu đốt hạnh La-hán, các Tiên, Thánh nhân bèn ra khỏi nước mà đi, các trời buồn khóc, các quỷ thần hiền thiện không hộ vệ nước đó. Các hàng Đại quan phụ tướng đua nhau tàn hại lẫn nhau, bốn phương giặc nổi, chết mất nhiều vô số. Khi ấy mọi người không biết do bởi lỗi quá đó mà oán thán các trời, trách móc quỷ thần. Cho nên vua hành pháp hạnh vì cứu khổ đó, chẳng hành lỗi quá ấy. Rộng như trong các kính đã nói. Lại có các luận văn đã nói nhiều, ở đây không biên ghi.

Sa-môn Đạo Tuyên v.v... tấu trình với các quan tể tướng triều đình: "Cúi vâng trông thấy chiếu thư, khiến chư tăng kính lễ quân vương thân thích. Sự lý sâu xa, chẳng phải tình cạn có thể lường biết. Phàm, lấy vết của người xuất gia, liệt Thánh đều làm khuôn phép; khoa của chân tục, trăm vua đồng làm mẫu mực. Can mộc ở thời nhà Ngụy nêu cao chống kháng mà yết kiến văn hầu, tử lăng. Ở thời nhà Hán, vái dài mà tìm Quang Võ. Kia, chỉ xưng là tiểu đạo còn ôm hoài môn giẫm cao. Há các Sa-môn đây chẳng nhân vẻ đẹp của nhàn phóng, chỉ vì Tam bảo hướng vị, phòng bày nghi thức quy kính; năm chúng tỏ bày thành thật, chuyển tấu đạo của ruộng phước. Nay tước bỏ đồng với lễ nghi Nho giáo thì Phật chẳng phải là người xuất tục; trở xuống kính bái Quân vương thân

thích, thì tăng chẳng phải sắc thái khả kính. Vậy thì Tam bảo đồng phế hủy, quy giới dứt tuyệt ở nhân luân; coi Nho giáo, Đạo giáo là thầy, kính Khổng tôn quý hơn sách Phật. Xưa kia ở thời nhà Tấn, nhà Tống, đã đủ thấy khuôn phép trước, Bát Tòa rõ ràng bàn nghị, đủ làm chuẩn mực. Chư tăng đội ân nước nhà, nhờ khai mở xuất gia, phụng pháp hành đạo, kính ngưỡng tiếp thừa phép tắc thánh nhân, bỗng nhiên khiến buộc kính bái. Có lụy kinh sâu, cúi ngưỡng gá vương, không biết đến để đâu! Kính cẩn nêu bày nội kinh cùng các cố sự, đủ rõ như trước, dùng cùng can gián triều nghị, xin nhủ lòng soi xét rõ, kính tấu!"

Đến ngày 15 tháng 05 năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường, nhóm tập tất cả các hàng văn võ quan liêu cửu phẩm trở lên, và các quan ở châu quận v.v... có hơn ngàn vị, đều ngồi trong đài Đô đường sắp bàn nghị việc ấy. Khi ấy, Sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh tại kinh ấp, Sa-môn Oai Tú ở chùa Đại Trang Nghiêm, Sa-môn Linh Hội ở chùa Đại Từ Ân, Sa-môn Hội Ẩn ở chùa Hoằng Phước v.v... có hơn ba trăm vị đều đem kinh văn và trạng văn trước, trình bày cố sử để mở tỏa quyết lý.

Bấy giờ, ty lễ Thái Thường Bá, Lũng Tây Quận vương Bác Xoa nói cùng các Sa-môn rằng: "Sắc lệnh tục quan bàn nghị rõ ràng, các Sư có thể trở lui". Lúc đó các người cùng bàn nghị phân vân, không thể hết một. Lũng Tây Vương nói: "Phật pháp truyền thông, đời thường đã dài lâu. Ban sắc khiến kính bái Quân vương thân thích, lại hứa để triều thần bàn nghị". Nay mọi người lập lý chưa thể thông tuân. Ty Lễ đã nói là chức ty có thể kiến nghị trước, nếu đồng chỉ ước nắm bút thuật trạng văn như lệnh ở sau. Chủ sự đọc lớn xong, bèn y vị mà xếp đặt người có hơn một nửa. Tá túc có Thôi Dư Khách nói: "Sắc lệnh sở ty riêng lập bàn nghị chưa thể liền thừa nhận". Ty lễ xin giải tán, có thể mỗi mỗi theo trạng văn riêng đưa đến đài. Khi đó các văn bàn nghị đưa đến đè ép tán dương xen lẫn. Nay chỉ y theo sự phân khu trên dưới của sở ty để biện biệt đó. Trước nêu văn không nên kính bái, tiếp trình bày trạng văn gồm kính bái, và sau cùng bàn nghị về việc kính bái. Thiện ác cảm lục, mọi sự kiện như sau:

Trạng văn bàn nghị Sa-môn không nên kính bái người thế tục có cả thảy ba mươi hai bài.

Trạng văn của Trung đài ty lễ Thái Thường Bá, Lũng Tây Vương Bác Xoa, Đại phu Khổng Chí Ước v.v... bàn nghị (có một bài).

"Trộm nghĩ rằng, phàm trăm tại vị, tuy còn đạo kính thượng, đáng làm thầy đó, còn có bề tôi không kính. Huống hồ giáo pháp của Phật, sự

vượt ngoài tục, cắt tóc đồng với hủy hoại tổn thương, cầm tích khác hẳn trâm cài dãi buộc, xuất gia chẳng phải cảnh sắc dưỡng, lìa trần đâu phải chỗ vinh danh, công sâu tế độ, đạo cùng sùng cao, sao phải phá hủy huyền môn ấy mà dẫn buộc theo vết Nho, đắp mặc pháp phục dòng họ Thích mà làm bái lễ của Khổng. Ở đường tục mà đáng pháp phục, còn giáo đó mà hủy đạo đó, cầu phước ấy mà khuất thân ấy? Vài ba phen nghiên tầm khơi dậy có nghĩa là trái với lý thông. Lại nữa, làm đạo của giáo tuy còn da dẻ râu tóc, xuất gia vượt tục, kết quy ấy chỉ một đạo. Thêm vì xa nêu trời dựng, mở lớn nền vua, nghĩa gá tôn nghiêm, thức hợp cao thượng, đều nêu tập quán cũ không vết chương thường. Nếu hẳn đổi làm, sợ trái với xét cổ. Tuy Quân vương thân thích sùng kính dùng dấu vết trung thực, đạo pháp khó thuyết còn lưu, rõ tưởng đã vâng phụng sắc chiếu tuân sô, dám dốc hết thành thật núi bụi, sợ chẳng hạp xứng, truy tìm sâu xa lo sợ, kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Ty nguyên Thái Thường Bá Đậu Đức Huyền, Thiếu Thường Bá Trương Tiên Thọ v.v... bàn nghị (có một bài).

"Tiêu Hình hai khí, Nghiêm Phụ xưng, chẳng gì tôn quý lớn. Tư dụng năm tài, Nguyên Hậu nêu thì quý trọng trời. Đến như, lễ của chống quỳ cong cuộn, bạn lữ của đào hóa đồng tuân, phục cần ở phương thức dục dưỡng, lẽ thường hoài sinh cùng ghi. Phàm ở Quân vương thân thích, lý tuyệt danh ngôn, mà Phật giáo Lão giáo xuất trần bỏ sót tục, hư vô một yếu chỉ, lìa có hợp không. Ứng hiện tốt lành ở thành Tỳ-da, xiển dương kệ tụng từ bi, hơi khí nổi ở Hàm Cốc, mở thiên đạo đức. Ở khoảng Mộc Nhạn, dưỡng sinh còn lo toan, bãi bỏ tướng thanh sắc, lấy tĩnh lắng làm tâm, chấp lễ làm nghi, chẳng cùng yếu diệu ấy. Ôm hoài trung trải hiếu, chưa rót sóng cả đó. Lý còn trước Thái Hư, sự vượt ngoài sinh linh, nên tôn đạo ấy thì khác phục sức ấy, trọng giáo ấy thì biến đổi lễ nghi ấy. Bèn từ gần xưa kịp đến cuối đời, tuy tiếp nối đổi thay dần trái, mà đạo ấy không rơi lạc. Kịp tới lúc buồn đau thắt buộc ở song thọ, xót thương uất kết nơi tam hiền, phóng ngại hàng hậu tấn khuyết mất phong thái, ước theo Nho đông để khống chế pháp. Nên đáng giúp thành giáo nghĩa xưa cũ, đâu nên cắt chế lễ nghi mới nay. Thật nên khuất nghiêm nơi cung điện, tỏ bày yếu chỉ phương ngoại, rũ giao quý trọng tôn thân, rong rão khắp trong hoàn vũ, ngu tình trông xem lường xét, tuân nên xứng hợp thỏa đáng, kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Ty Nhung Thái Thường Bá Hộ Quân Trịnh Khâm Thái, Viên ngoại Lang Tần Hoài Khác v.v... bàn nghị (có một bài).

Thần nghe: "Tam tai biển lửa, lục độ vượt ngưng, hai chữ làm kinh, trăm thành xa xăm. Do đó, bạch hào hiển hiện tướng, xiển dương Nhất thừa ở muôn kiếp. Hơi khí tía nổi ảnh, lẫn lộn muôn khác ở nhất trí, bên có bến bờ Nho giáo lại bền chắc khung khác. Đất trời đẹp xinh bẩm khí âm dương, lễ vua tôi tốt tươi của cha con. Nên biết, theo danh trách thật khuôn vết hình ngay, thì giáo trước ở khuyết lý, đồng sức tu hành sửa sau hối trước, thì hóa dần ở Liên Hà (sông Ni Liên thuyền). Thích giáo làm phòng ngại bên trong, nhã có chế ở cung Ngụy, Nho giáo làm ngoài kiểm chẳng thể bao quát Linh đài đó. Riêng có Huyền Tông vốn khuôn phép chấn động khắp phong vật. Chim bằng là bay quá, chim yến xúc chạm cọc liêu khổn. Vô vi vô sự, nào được nào mất, nhưng mà Phật giáo, Đạo giáo đều làm Tam bảo. Phật giáo lấy Phật Pháp Tăng làm tông chỉ, Đạo giáo lấy đạo Kinh sư làm lý nghĩa. Đâu ngay nhiếp sinh có nương gá, đào luyện tánh thông tư. Tin cũng làm chính, nền tảng ấy bổ tiếng đượm hóa, mà Tỳ-kheo chưa rõ hiểu tiên sinh phần nhiều hẹp hòi, ỷ cậy xuất tục mà nỗi vượt, vì kiêu ngạo mà khoe dối. Ở hạng thấp hèn thất phu mà chẳng hình hài trước vạn thừa, quên ân nuôi dưỡng con, chẳng cúi khuất đối với Tam Đại. Hẳn Quân vương thân phụ chỗ nên cải cách, mới là chỗ biết của thần tử (bề tôi và con), chẳng phải vừa ban sắc chỉ ấn chứng là đổi sửa tệ hại ấy. Tuy làm hiếu sống trung xướng lời đổi vết, mà cứu xét xưa mến đạo tham chước mọi tình. Kẻ ôm hoài vang vọng, hang cốc chẳng tiêu tiếng. Kẻ tuốt bụi trần núi không cách nhỏ, hẳn đủ tụng kiệu người. Dùng thuyết dâng cống sô nhiêu, cớ sao trụ sử ở Tây Phù có hơn ngàn năm, pháp lưu truyền đến phương Đông có đã sáu trăm năm? Tuy trải qua biến đổi chợ triều mà việc không tổn ích. Chỉ có Sưu Băng trách kính bái của Sa-môn, Hoàn Huyền bàn nghị lễ nghi của Tỳ-kheo. May có Hà Sung dâng tiến tấu trình; Sa-môn Tuệ Viễn tỏ bày sách luận. Sự việc cuối cùng chẳng thi hành, đạo trọn không suy sụp. Do đó, Đại Dịch kinh luận Tam thánh, cổ tượng chẳng phụng sự Vương hầu. Đại lễ sung mũi nhận hưởng nghi, Nho hành chẳng bề tôi Thiên tử. Cũng có Nghiêm Lăng ngồi xẩn ra mắt Quang Võ, Á Phu vái dài Hán văn. Giới trụ chẳng nói là chạm vãy, người xưa không làm nôi trẻ, chỉ cựu cự tiên sư nói, bạn đạo nào sao răn rọi. Trên thì Cửu Thiên Chân Hoàng, Bồ-tát Thập địa, dưới thì Nam Sơn Tứ Hạo, Hoài Nam Bát Công, hoặc thuận gió mà lễ yết, hoặc ngự khí mà đi ở. Chung đồng nhất quán, chẳng được mà

khuất, mười nhà trung tín cũng đâu không người ấy ư? Thiết bày quan ải năm hình, ba cây chẳng bái, há đủ năm đức giữa ba phục bái đó? Tôi chẳng trách cung túc đức vậy, thật đủ để dung dưỡng, nhưng mà chủng loại hàm thức, các hàng hoài sinh không ai chẳng đặt thân để dốc lòng thành thực. Kia thì được tôi vua, không ai chẳng dốc lực mà tuân hiếu. Kia thì chẳng kính với thân thích mình, tuy ước buông ba chương, luật nhẹ ba thước. Có một ở đây ba ngàn lớn vậy, mà chẳng bị nghiêm trị giết mất, thật đối với thần (bề tôi) trách đó. Há chẳng vì Đạo giáo, Phật giáo cùng với Nghiêu Khổng khác chế, Thương hủy cùng với lễ giáo chánh trái? Hoa sen chẳng kết sắc tơ, lá bối khác vót chỉ thuê, người dùng buộc dãi làm chương thường, Đạo giáo thì quan mũ mà chẳng đeo, người dùng búi tóc làm hoa sức, Phật giáo thì cạo bỏ chẳng dung nghi. Bỏ nước chẳng là bất trung, xuất gia không là bất hiếu, ra khỏi cõi trần cặn bả cắt đứt ân ái đối với Quân vương thân thích, vất bỏ tham muốn dứt đoạn tình cảm đối với vợ con. Lý mới khu phân ở vật loại, không thể bờ mé kiểm xét ở đường thường. Sinh thì chẳng trọng nơi cha mẹ, tử thì chẳng tạ, thí chẳng nồng hậu ở đất trời, vật thì không đáp. Ân của Quân vương thân thích, sự tuyệt ở danh tượng, đâu phải cúi đầu kính bái mà có thể đáp trả một trong muôn phần ư? Xuất gia đó đối với Quân vương thân thích, há bảo là toàn không dốc lòng kính bái? Một niệm hẳn vì người, chủ làm nguyện đầu. Tứ đế thì đối với cha mẹ làm hoằng ích, mới dứt trần kiếp trọn lìa tử sinh, đâu cùng kẻ phu cúi đầu gối là tận trung sắc dưỡng là thuần hiếu mà thôi ư? Hẳn bao gồm cả cảnh tục ở nơi Nho tứ, cúi dung hình, nép lễ kính, thì bất hiếu chẳng qua là ở điểm không con nối dõi, sao không lấy hôn nhân mà chế buộc? Bất trung không gì lớn bằng chẳng thần (bề tôi), sao chẳng khiến tự xưng thần thiếp? Dùng ca-sa làm triều phục, xưng bần đạo mà nào bỏ kính bái, nghi phạm cả hai đều mất, danh xưng thảy sai lầm, rất sợ ích của một quỳ chẳng thêm tôn quý của vạn thừa, nhọc của một bái, thức chương rơi lạc của tam phục. Thì chỗ không thể mà há vậy ư? Vương giả không cha phụng sự tam lão, không anh tôn thờ Ngũ kinh, Quân vương là tôn quý của người, cũng có chỗ kính, kính của pháp phục, chẳng kính người đó. Nếu khuất số đó thì thấp kép đạo đó, số mà có thể thấp kém, đạo thì nói khuyết vậy, đâu như cài kính ở mình, còn đạo ở vật. Kính còn thì tự mình thích hợp, đạo còn thì vật tôn quý. Tôn quý đạo do đó mà kính ở vật, kính ở vật do đó mà tôn quý ở chính mình, huống lại hình như thân, đạo tợ ảnh vậy. Thân đã như tiếng, thì đạo cũng như vang, hình động thì ảnh bóng theo, tiếng phát thì vang ứng lại. Đạo sùng thì thân sủng (mến

quý), thân chìm thì đạo dứt. Đâu có thể khiến đạo ở thân, khuất thân ở ngoài đạo, khiến người phương ngoài còn kính ở trong thân. Lại nữa, kia chuyên giữ một sống đạo, chẳng xen tạp trần tục, nếu có thể kính bái đó, thì có nghĩa là đạo của tục mà có thể tục, tục lại dự tham ở đạo, thì một đáng có hai, mà đạo chẳng chuyên hành vậy. Sao có thể khư giữ vứt thường của đạo, giữ chuyên một chí thánh ư? Căn cứ theo luật Tăng-kỳ nói "Kính ca-sa như kính tháp Phật". Có nghĩa là, ca-sa là áo ruộng phước. Áo có tên gọi là Tiêu dũ, vì hay tiêu sầu phiền não; giáp có tên gọi là nhẫn nhục, bởi có công năng nhiếp phục ma quân. Cũng dụ như hoa sen không nhiễm bởi cặn bùn, cũng là tràng tướng của chư Phật, thì nghĩa của ca-sa rốt cùng như thế vậy.

Phàm nếu tổn hại tháp Phật đây, hủy hoại tràng tướng kia, tức xem thường nhẫn nhục. Lại dèm chê phước điền, dùng rất lắm nghi, mê mờ lấy bỏ, cởi bỏ nghi phục mà kính bái, tức là vượt tục chẳng phải nghi của chương phủ. Chỉnh nghi phục mà xu phụ theo thì Truy Y khác với điển pháp của triều tông, nên thiền sâu thẩm nơi cảnh Xá-vệ, bước lắng chốn đất cao môn, lý tuyệt triều thỉnh, sự trái vinh yết, há chẳng nghĩa là ta sùng đạo ấy? Do vậy, kia thỉnh mời mà đó lại, thỉnh mời mà xem thường đó, lại phải làm sao. Lô sơn làm chỗ ở của đạo đức, chẳng tại xếp bày tìm chọn. Cam đường là chỗ lắng dứt nghe tụng, thức đặt chớ cắt bỏ ân, núi cùng cây ở chỗ vô tâm. Vả lại, lấy đức mà còn vật, pháp cùng đạo có đủ, đâu kính sùng đạo mà bỏ sót người. Nói rằng: người hay hoằng truyền đạo thì đạo cũng phải do người mà hành. Vua người tuy nhỏ, mà địa vị ở trên chư hầu. Các người hành đạo sao có thể xem thường lễ ấy. Nếu cho là cả hai vì xem thường hư dối thì có thể một mà lắng dứt đó. Đạo của lắng dứt đó, thì nghĩa là cắt tóc ấy vậy, thì là nguyên do có lắm nhiều, sao chỉ nép cúi mà thôi? Nếu cho là cả hai đều nồng đượm hỗ trợ thì nên kính sùng đó. Đạo của kính sùng đó thì có nghĩa là chuyên tôn quý ấy vậy, đâu có thể chuyên tôn quý đạo ấy mà khiến cung kính đó ư? Giả sử dùng vàng đá làm nghi dung chân tướng, chẳng vì vàng đá mà thêm chỉnh túc. Giả sử dùng rơm cỏ mà làm tôn trượng, chẳng vì rơm cỏ mà khinh thường. Cung kính trọn nhờ cậy nơi đạo, nặng nhẹ khinh trọng chẳng hệ thuộc bởi vật. Vật chẳng thể dời chuyển đạo, cũng như đạo thường tùy ở vật vậy. Sa-môn giăng mặc y phục của mình, nhờ pháp phục mà làm quý, không ai chẳng kính pháp phục ấy mà đâu hệ thuộc ở người ư? Điển pháp không kính bái, nghĩa cao kinh luật. Pháp giao phó Quốc vương phụng sự giúp hộ trì pháp là thường vậy. Thường thực hành không đổi khác mộc góc tức có thể cách

cả ngàn môn. Hoặc sáng thông có vốn giúp hộ pháp, bít tắt có toan lo pháp rơi lạc, cùng sự rơi lạc đó, đâu như hộ trì đó, nào hẳn phải cúi khuất ở dung nghi tăng tướng, cuộn lánh ở pháp phục, khiến cả muôn nước quy y, ở lá cải nơi khoảng ấy ư? Nói rằng: người nhân chỗ lợi mà lợi đó, thì thuật của lợi đó cũng có thể nhân yếu chỉ tinh diệu đó đến mà làm lợi vậy. Kịp đến lúc ánh sáng vầng nhật lên tỏa chiếu, hoàng vận thừa tông chủ. Biển tiếp dòng họ vua, cành liền nhà báu lớn. Nương gá đạo vô thượng, mở lớn nghiệp vô cương, dòng họ riêng khác, kinh còn sùng cao xưa trước, nếu thần, phái linh, đạo đâu chỉ huy nay. Đây là rất chẳng thể một vậy. Có nước Nguyệt Thị ở phía đông, vận báu đợi đây, nước lắng sóng cao mây pháp đượm nhuần. Cao mừng giải thoát, diễn phước thường trú. Đế vương xưa trước còn hoặc vâng tuân, chúa thánh tôi trung, sao yên biến này. Thần ngu ngàn lo chẳng được một trong muôn phần, thản nhiên mở tạo ấy không ích lợi cho tương lai, quần sinh vỡ vụn cốt, làm sao bớt lấp trách có ẩn, dứt hết tội bất trung. Đó là điều rất lắm chẳng thể thứ hai vậy. Sở dĩ thần cần thiết việc ấy, khư khư giữ sự chí thành ấy, gãi đầu vỗ tim, nát gan rĩ mật. Cúi mong Thánh triều trùng hưng chí giáo thường xuân, vườn nai trọn chuyển pháp luân, tâm vui mừng ghi lục người ấy, trăm vận tốt xa tỏa sáng ở đế nghiệp thì tuy có chết còn như sống trong khoảng sớm tối có thể vậy. Trộm nghĩ rằng, chiếu chỉ tinh tường, nghĩa khó thỏa thích, chớ tình trời họa vẽ một thì có thể khiến do đó sáng rõ tưởng bên cạnh. Mong cầu đó ai chẳng dốc hết lo toan. Thần vì ngu dốt nên chẳng đủ khả năng mà dẫn nói. Vì Phật giáo, Đạo giáo là không thì kính sùng ở Thánh, vận Thánh mà sùng đó thì chẳng phải không. Vì Phật giáo, Đạo giáo là có thì bút vót sáng tỏ thời cuộc, sáng tỏ mà vút đó, sợ chẳng phải có vậy. Do đó cho nên đường gập ghềnh bồi hồi hai mỗi giao chiến, đạo nên còn vết, lý chẳng nhàm tâm. Ứng quán đâu có thể lén nhìn bầu trời, con ếch sao lường được biển. Lý tuyệt ngoài ngỏ hầu, sự vượt hẳn trí thức. Tự ôm hoài các chì, bút gõ lắng tiêu tiếng mà muốn chim ở tổ bày lời, trong sào trận thổi, đem điếc nghe mà bằng tục, cùng vui nhìn mà đồng già nua. Tuy có dốc hết tất cả ở tâm linh, trọn chẳng thể đến nơi thấy nghe vậy. Ngay vì tám thứ gió xoay thổi mạnh, muôn tiêu đồng hiến tỏa âm thanh. Nhật nguyệt lên tỏa sáng, ngàn hình chẳng ẩn núp bóng ở đây vậy. Cảnh lớn là ngỏ hầu chuyển đổi khuôn phép, đến tin mặt nhật quỳ dốc giọt sương mốc ngưng, mà bẽn lẽn dáng mặt nước ngày hạ, giẫm mỏng băng mùa xuân. Đau đáu lo sợ rất lắm, thẹn sợ lẫn xen, kính cẩn bàn nghị”.

Trạng văn của Ty hình Thái Thường Bá, Thành Dương huyện khai

quốc hầu Lưu Trường Đạo v.v... bàn nghị (có một bài).

Trộm nghĩ rằng, thứ lớp của triều đình, cung kính đứng đầu, ân của sinh dục, sắc dưỡng là trọng. Thích giáo, Lão giáo hiện nay đều trái ngược đó, chống kháng lễ bái đối với Đế vương, nhận thọ cung kính ở nơi cha mẹ, mà thong dong từ xưa mãi đến đời nay. Nguồn ấy rất sâu hẳn bởi có nguyên nhân. Xét thực do vì cắt tóc có khác so với quan niệm ca-sa không lấy ở chương phục, người xuất gia kính pháp xả tục, đâu bó buộc lễ nghi của triều đình. Đến như Huyền giáo Thanh hư, đạo phong xa rỗng, cao thượng việc ấy, chẳng khuất Vương hầu. Đế chúa có thể chẳng tôi, bởi từ nghĩa ấy. Nước nhà đã còn đạo ấy, do đó chẳng khuất thân ấy. Mong chuẩn theo chương trước không trái lề cũ. Kính cẩn bàn nghị.

■

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Đời Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 4

THIÊN THỨ HAI: BÀN NGHỊ KHÔNG KÍNH BÁI (Tiếp Theo)

- Trạng văn của Trung ngự phủ Thiếu giám hộ quân Cao Dược Thượng v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Nội thị giám cấp sự Ngọc Tuyền, Bác sĩ Hồ Huyền Lượng v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Thừa Lưu Khánh, Đạo chủ bộ Hác Xử Kiệt v.v... ở chùa Phụng Thường bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Thừa Vương Thiên Thạch, Trương Đạo Tốn v.v... ở chùa Tường Hình bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Khanh Lương Hiến Nhân, Thái thực thự lệnh Triệu Hành Bản v.v... ở chùa Tư Giá bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Khanh Vi Tư Tề, Chủ bộ Giả Cử v.v... ở chùa Ngoại Phủ bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Thiện công gián Thái giám Lưu Thẩm, Lễ giám tác thượng quan Đột Quyết v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Ty thành quán Đại ty thành lệnh Hồ Đức Đồ v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Ty thành thúc tuyên nghiệp Phạm Nghĩa Quân v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Tả vệ Đại tướng quân Trương Diên Sư v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Hữu vệ Trưởng sử Thôi Tu Nghiệp v.v... bàn nghị (có một bài).
- Trạng văn của Tả kiêu vệ Trưởng sử Vương Huyền Sách, Ky Tào Tiêu Quán v.v... bàn nghị. (một bài)
- Trạng văn của Hữu Oai vệ tướng quân Lý Hối v.v... bàn nghị (có

một bài).

- Trạng văn của Hữu nhung vệ Đại tướng quân Hoài Minh Huyệt Công Đỗ Quân Trách v.v... bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Tả kim Ngô vệ tướng quân thượng trụ quốc khai quốc hầu Quyền Thiện Tài v.v... bàn nghị. (có một bài)

- Trạng văn của Tả phụng thần vệ tướng quân Tân Hoằng Lượng v.v... bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Hữu Xuân Thường chủ sự Tạ Thọ v.v... bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Đại phu Vương Tư Thái, Thừa Ngưu Huyền Chương v.v... ở chùa Ngự Bộc bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Vạn niên huyện lệnh Nguyên Thành Tâm v.v... bàn nghị. (có một bài)

- Trạng văn của Trường an huyện thừa Vương Phương Tắc, Thôi Đạo Điểm v.v... bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Bái vương phủ trưởng sử Hoàng phủ công nghĩa văn học Trần Chí Đức v.v... bàn nghị (có một bài).

- Trạng văn của Chu vương phủ trưởng sử Nguyện Trực Tâm, Tham quân Nguyên Tư Kính v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Trung ngự phủ thiếu giám Cao Dược Thượng v.v... bàn nghị

"Pháp vốn hư tịch nên chẳng có danh ngôn, chí đạo vốn đồng nên không chia thanh giáo. Cảnh của ba ngàn đại thiên, hàng tiểu trí chưa thể lường đo nguồn ấy. Ở trong hoảng chừ hốt chừ, bậc cự hiền không sao nghiên cứu hết lý ấy. Chỉ có Phật giáo, Lão giáo, nổi hội dáng vẻ của Đại Thánh, tuệ quang tỏa sáng ngoài trần, siêu nhiên vượt vật. Thiếu ba y để phủi đá, chạm bốn biển làm nghiên công, đàm tông tịch diệt, giảng giáo có không, cửa mở phương tiện, diễn giảng mười hai nhân duyên, dẫn dụ nhiều đường, thuật nói rộng năm ngàn. Kính thuận thì tiêu hao lục độ, biếng lười thì trôi nổi biển khổ, nên cạo bỏ râu tóc mà đến tang môn, cởi vất y phục sắc trắng mà quấn mặc Truy Y, mong lên bờ kia ra bến ái đây, cha mẹ mến quý hình dung ấy, Vương hầu tôn trọng giới nghi đó. Đó tức là Quân vương thân thích cách đường, bỏ tục tuyệt trần, lễ của ba trăm chẳng buộc, vị của năm hầu không tham, chưa thể đôn đốc tục huấn ấy dùng phong nghi răn buộc, kính bái nơi sâu

riêng, cúi đầu ở nhà chung, xin theo lề lối cũ, đối với ngu tình rất thỏa đáng, kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Nội thị giám cấp sự Vương Tuyền, Bác sĩ Hồ Huyền Lượng v.v... bàn nghị (có một bài).

Trộm nghĩ rằng: Kỳ Sơn xiển bày pháp hóa, dạt bến sâu mà quẩy mái chèo, bích lạc duỗi ban dạy răn, đến cảnh chân mà phát tỏa lời. Đức gần bốn trời, nổi trội giáo pháp khác hẳn tục kiểm, nghĩa ngang bằng một ngón tay, vốn kính khác với lẽ thường. Nên trí lễ bền chắc tợ rừng, chí lý cùng với thường tình riêng gồm cả, cúi mình trên sông, Huyền Công chung cùng tức việc đã trái. Vậy nên biết, truy phục Hoàng Quan chẳng phải nghiêm sức của triều đình, rừng thiền động cốc nào phải vinh hoa của thần tử (bề tôi và con). Đến như công sâu lợi ích, đạo rộng dẫn bày. Xếp đặt yếu chỉ của Tam thừa thì lý cũng khắp tứ sinh, nêu bày văn của Ngũ thiên thì lời bao gồm muôn trượng. Nắm dao trí tuệ mà cắt đứt phiền não, bỏ hữu dục mà hành tập vô vi. Còn mất kính ngưỡng ở thuyền bè, động thực vốn từ hàm dưỡng ấy, tánh tướng chẳng phải nghiên tầm hết chỗ có, hy di há tham thấu sâu thẳm. Huống là chuyển pháp luân mà phụ giúp tông vua, thì công tế độ trải kiếp sợ như bụi trần, nỗi hơi khí chân mà bít lấp đường Thánh, thì đạo trùm hỗn nguyên mênh mông thay, lớn thay! Hẳn không được mà xưng vậy. Nay muốn đem đồng Danh giáo khiến y theo lễ thế tục, luân ngôn đã ban, ai chẳng gọi là thích nghi. Trộm sợ mỹ phong cao thượng nhân đó bèn qua mất, lý nghĩa huyền diệu lưu đảng quên trở về. Cúi mong Bệ hạ mến kính tốt lành đối với trăm vua, đức giáo tỏa lan bốn biển, ngưng lắng thần, thấu rõ vật, lấy việc hoằng đạo làm tâm, sao hẳn ước ở hai môn đây lẫn lộn đồng đường chân tục. Hạn lục hai giáo ấy loạn lạc đường nói nín kia. Giới luật đã khác với khoa thường, quỳ bái đâu thông với lễ ấy? Nhân theo vết ấy, xin y cứ khuôn phép cũ, kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Thừa Lưu Khánh đạo chủ bộ Hác Xử Kiệt v.v... ở chùa Phụng Thường bàn nghị. (có một bài)

Phàm hiếu dưỡng do vì phụng thờ thân thích, râu tóc là đứng đầu của lập hiếu, kính trung do vì tôn sùng quân vương, quỳ bái là tỏ bày dung nghi cung kính. Ấy hẳn ngưỡng tầm cứu kính trời, cúi thấu cùng lý người. Đến như chân như tịch diệt, ngôn hành đều hết, huyền diệu hy di, mù mờ khó lường. Bệ hạ khôi phục hoằng dương chánh đạo, mở rộng diệu môn dấy động pháp đề kia, ứng thầm hộ trợ đây, nhưng mà giáo

chẳng phải là chính sách của vức nội, hình là dung nghi của phương ngoại. Y phục khác với nghi dung nước nhà, thân không nghiêm sức đầu mặt, lấy gì dự tham tấn thân kính bái xuống, ghi góp trâm cài gồm mà quỳ vái ngu tình? Nghĩ rằng, tiếp nối lớn mạnh bậc hiền trong thời tượng pháp có thể vì chầu mà chẳng cúi khuất tiết tháo. Hủy hình tự tuyệt, có thể vì nhà không giáng lễ. Vả lại, đồng với bọn của Sào Hứa, có ích lớn của Huân Hoa, nương gá giao phó, nhân theo làm thiện, đã vâng phụng minh sắc, dám tỏ bày chánh nghị. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Thừa vương Thiên Thạch ty trực Trương Đạo Tốn v.v... ở chùa Tường Hình bàn nghị.

Trộm nghĩ rằng: "Vua tôi đáng hợp trọng, nghĩa của trung hiếu vốn lớn sáng. Cha con ân sâu nặng, tính mến kính thưa thiết tha. Còn lý của sử dụng thường ngày, đội lớn của sinh thành. Nhân thọ che chở đó, đâu quên đức từ đó; hưởng dùng ban huệ ấy, sao khuyết lỗ nghi ấy? Đó hẳn ở ba dạy răn lớn, họa nghi một khuôn phép, mới lý hợp thần thật, nghĩa phù thánh chiếu. Nhưng mà pháp tắc của vức nội khác với quy chế của Phật giáo và Lão giáo, quỷ tắc của phương ngoại chẳng đồng với Khổng Nghiêu. Lưới nôm chẳng thể dụ, tánh tướng đều mất, lớn nhỏ chỗ không bó buộc, đất trời đồng nhất, chẳng lấy sắc dưỡng làm hiếu, chẳng vì bỏ thân thích làm nghi ngờ. Thần đạo trải qua lâu dài, đến đây chớ dừng nghĩ. Tìm cầu yếu chỉ ấy cũng có hỗ giúp cảm hóa, nên khác lạ nghi phục không chấp chương thường, tự nhiên làm khác không ràng buộc, xung vọt mà không chìm mất, cao vời viên trạm. Tuy nhân quả khó trọn rõ, chí đạo mù mờ, tợ còn tợ mất, nhân theo từ xưa. Trước kia Sa-môn Thích Tuệ Viễn thuật trước luận văn, Sưu Băng ở thời Đông Tấn chấm dứt luận đàm cùng kiêu mạn ấy vậy, yên lắng tôn sùng kính đó. Nay nếu tôn đạo ấy mà hủy pháp ấy, cần phước ấy mà khuất thân ấy, thì kiến kêu cho bỏ qua nghi dung mang kiếm, bưng lò mà ngay thẳng lễ trâm hốt. Tăng tục đồng xếp bày, kính thí thực hành cả hai, vậy thì ca-sa thẹn với oai của cánh vàng, bình bát hổ với thuật chú rồng. Đó là giáo vậy, sao thi hành ư? Đạo Tốn v.v... chúng tôi dự thẹn với sô nhiêu, lời chẳng khá chọn, tạm tỏ bày của thấy biết ngu hèn, rất mực lo sợ, kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Khanh Lương Hiếu Nhân, Thái Thượng thư lệnh Thiệu Hành Bàn v.v... ở chùa Tư Giá bàn nghị.

Phật đạo hưng khởi từ xưa đến nay vẫn còn vậy. Từ khi ánh sáng

sắc trắng tỏa chiếu phương Đông, hơi khí sắc tía nổi ở phương tây, không ai chẳng tuân theo Ngũ thiện, sùng một hai giáo đây. Vô vi tĩnh lắng đồng trống thắng nhân, mà Tăng ni Đạo sĩ, quan xu vâng thừa huấn điển, đó làm giáo vậy, bổ ích cứu giúp thật lắm nhiều. Trải qua trông xem tu hành xưa trước chẳng phải không lấy bỏ, do đó đồng tuân không kính bái, thật đáng khả quan. Đến như làm tông của đạo, nền tảng Hoàng đế. Do đó dần tôn nghiêm kính thiết có khác với luân thường, đâu có thể làm nghi riêng, cúi theo thường trụ. Nhân theo lý không kính bái, có nghĩa là thỏa đáng vậy. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Khanh vi Tư Tề, chủ hộ Giả Cử v.v... ở chùa Ngoại Phủ bàn nghị (có một bài).

Trộm cho rằng: "Thần tử (bề tôi và con) quỳ bái hẳn là khuôn phép thường, dẫn từ lễ kinh gồm có quyền thế. Mẹ bái con mình, vì lễ thành người, chẳng tôi đối với vua mình vì tôn kính đạo đức. Huống là giáo nghĩa của phương ngoại, làm thiện chẳng đồng. Đạo có vụt vọt giữa hư không, Phật không sinh diệt. Tu tâm luyện hạnh, nhân quả là cậy nương. Gọi tên là xuất gia, rõ vượt ngoài tục, đều nói thắng nghiệp, nhiều đời đều tôn quý, lớn mạnh dựng lập đạo tràng đều cầu thường lạc. Dâng hiến Quân vương thân thích vì làm phước lớn, cứu tế hàm thức ở nơi mê đồ, lâu lớn mà luận cao trội hơn tục giáo. Nếu đồng như Nho giáo xếp bày tức trở lại vào dòng tục, chẳng kính chuộng học đồ vì do không hiểu bày đạo. Nhờ có kính sùng hộ trì mà đạo được thường còn. Lễ nghi không kính bái vì rõ bày hộ trì sâu sắc. Gốc của tôn quý đạo lấy ích lợi làm tông. Nay y cứ kinh văn nói: "Bái lễ chẳng ích nước lợi người". Thật chỗ đáng nên nói. Văn không ích lợi, sao dung chứa dám dâng? Theo pháp y như cũ không khuyết chương thường. Thể diệu cùng sâu chẳng phải hàng hạ lưu có thể kịp. May đượm nhuần sô nghị, dám dốc ngu thành, sợ chẳng hợp nghi, nghĩ sâu càng khiếp hãi. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Thiện Công Giám, Thái giám Lưu Thẩm, Lễ giám tác thượng Đột Quyết v.v... bàn nghị (có một bài).

Về Tăng Ni: Một là trộm thấy Vương giả tôn kính thần kỳ, mà các loại thần kỳ tôn kính Phật; xin làm đệ tử. Do đó mà rõ thấy kính trọng xa vậy. Tôn trọng chỗ tôn trọng ấy, mà ép buộc theo lễ bái, với ngu tình thì cho là chưa thể được.

Thứ nữa là thấy các quan nhân vâng phụng sắc chiếu không kính

bái Quân vương sư trưởng, chẳng phải là Sư trưởng thấp hèn hơn người, mà vì kính vương giáo ấy. Tăng chúng xuất gia, cạo bỏ râu tóc, vận mặc y phục nhuộm sắc, nêu hình khác tục, vâng thừa Phật dạy, vì nước nhà sùng tạo phước. Quân vương thân phụ chí kính chẳng lễ thân ấy, Tăng chúng đắp mặc pháp y không kính bái Quân vương thân phụ.

Thứ nữa, trộm thấy thần tượng được dựng lập, do người nắn tạo hình. Hình đã làm thành, người trở lại tôn kính đó. Đâu vì nhân chỗ người lập mà chẳng tôn kính? Nếu chẳng tôn kính, thì dựng lập dùng làm gì? Phật đem giáo pháp giao phó cho Quốc vương. Chỗ Quốc vương dựng lập, Quốc vương trở lại tôn kính đó. Như Quốc vương chẳng tôn kính, dựng lập đâu ích lợi gì?”.

Về Đạo sĩ và nữ Đạo sĩ: Trộm thấy, người sau tiếp thừa đời trước lập ở trên trăm vua, các Đạo sĩ v.v... thân mặc pháp phục của Lão Quân, miệng truyền lời pháp của Lão quân. Nếu đồng tục mà kính bái, sợ trái với lễ ấy. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty thành quán Đại ty thành Lệnh Hồ Đức Đồ bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ rằng, Phật giáo và Lão giáo từ kính rộng sâu, có nước nhân theo bèn mở sùng chuộng, đã lâu pháp ấy phải theo đạo ấy. Trộm cho rằng, buộc cúi bái, lý ấy sợ chưa thông. Cớ sao cắt tóc khác nghi đai mão, trì bát há phải lễ đâu? Tỏ bày ân mới cầu định tuệ không nhọc mệt, bái quỳ nghiêm thân, báo đức có cầu mong. Chân như sao hẳn cong eo từ hậu; núi rừng đã qua, chẳng phải trở lại làm khác của lang miếu? Triều đình thôn dã cắt tiệt khác vời, lý nên cao chuộng sự ấy. Nay khiến trách vì Danh giáo có khuyết yếu chỉ đó. Các thần v.v... chúng tôi ngu muội mờ tối, xin theo không kính bái làm thích nghi, kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty thành tuyên nghiệp Phạm Nghĩa Quân v.v... bàn nghị. (có một bài)

Các thần chúng tôi nghe: “Chí đạo vốn không, Bát-nhã huyền tịch, ở nơi người thì người tôn trọng, ở tại đâu thì tại đó kính quý. Nên trên Thiên hà Tiên lão ban giáng cao đức của Lưu Hậu, Cao tăng ở Kê Tụ (Linh Thứu) khuất trọng của Luân Vương. Vậy đủ biết, mỹ phong ấy thổi tỏa từ lâu cả ngàn năm đồng tuân kính. Cẩn trạng căn cứ theo các kinh Phạm Võng v.v... nói: “Pháp của người xuất gia không hướng về Quốc vương, song thân mà lễ bái”. Đến như người truyền Nho nghiệp

còn cùng Quân vương chia sân thống kháng lễ. Cháu vì ông bà đích trong nhà nối dõi vận quan, cha mẹ còn bái con ấy, vì truyền trọng vậy. Hiện nay Thánh chúa bái nhường pháp đường ngu, nhậm chẳng bề tôi của Sào Hứa, vượt quá khoan nhân của Hán Đế. Buông phóng tứ hạo đến phương ngoại; huống gì nhận thọ giao phó hoằng tuyên xiển dương Huyền giáo. Đã hứa có xuất gia, lý nên khác biệt tục, bỗng khiến buộc chầu bái, thật chỗ đáng kính nghi, dùng người mà phế bỏ pháp, với ngu tình cho là chưa thể được. Vả lại, lễ nói: "Giới là không kính bái, vì đó là uất dung tiết". Người xả bỏ thế tục, thân mặc giáp nhẫn nhục, nay đồng với kẻ tục quỳ bái, tức vụt dèm chê triều nghi, xấu hỗ chức thượng tường, lầm sai dự tham hiền quán. Thần gội đượm ân đã trọng, dám dốc hết nịnh hót tấu trình. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả vệ Đại tướng quân Trương Diên Sư v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ rằng: Đạo Lão huyền ảo, phát huy môn chúng diệu, Thích giáo lắng tịch, sáng sạch cảnh xuất trần. Từ kim dung cảm độ phương Đông, chân khí nổi đến phương Tây, tiếp với đạo hiếm mỹ phong dài lâu, phân khu sáng ngời khắp đô ấp, tràng báu chủa vàng hình thái cuốn khắp đường thông. Nhờ kính phụng đó ngõ hầu làm giúp ích gồm lưu còn giáo ấy, trộm cho rằng có thể cùng thông. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu vệ trưởng sử Thôi Tu Nghiệp v.v... bàn nghị. (có một bài)

Lão giáo và Phật giáo chỉ thú sâu mầu, lý tuyệt danh ngôn, công vượt ngoài ý. Đạo giáo lấy thanh tịnh làm chủ, Phật giáo lấy cứu vật làm tông. Nhưng hàm sinh lấy làm bờ bến, có hình đem làm bờ kia, từ ban giáng ấy, đạo đó càng rộng. Chỉ như Diệu Lý ở Thụ hạ, Thần Tích ở Ca-vệ. Kính ngưỡng đạo ấy chẳng biết đến chỉ quy, kính bái gợn sóng ấy không rõ được chung thủy, mới thẩm xét cưỡi hạc vân du đến năm non, phân hình khắp ba ngàn. Ngay phải gá vết ứng thân dùng phương tiện dẫn tiếp chỉ nhờ mỹ hóa ấy, đều mong công nhẹ cử. Vốn từ nghiệp đó cũng cứu giúp ở trần kiếp. Cho nên Hoàng Quan đã biến đổi, thuy phục mới đượm nhuần, người chủ chẳng khuất mà bề tôi, cha mẹ không con mà nuôi dưỡng. Đó mới là tôn quý ở thân, chỉ sợ khuyết thiếu ở Thánh giáo. Hẳn là hình thần đều xua bỏ, bái tiếp cả hai đồng quên. Quân bình bằng với trời kia, thật không phiền dung mạo cúi khuất. Đã

chưa thấu cùng nơi tánh tướng, bèn là như còn như mất. Lý phải thành ở thắng nhân đây, bèn toại cao thượng đó. Huống gì nay Thánh thượng khâm chuộng minh hiếu đến với thiên hạ, rất nên tuân kính Nhị giáo hỗ giúp phước điền. Do đó, đối với Đạo sĩ và Đạo nhân nên hứa để không kính bái. Vả lại, xua bỏ kính bái rất dễ, không kính bái rất khó, đủ để khiến cho tương dã ấu đồng chẳng riêng tốt lành nơi Hiên Đế, Hà Thượng lão già, không chuyên vẻ vang ở Hán Hoàng. Trong muôn ngàn lo toan mong được một không kính bái lấy làm thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả Kiêu vệ trường sử Vương Huyền Sách, Kỵ Tào Tiêu Quán v.v... bàn nghị. (có một bài)

Từ khi Phật giáo hưng khởi, bắt đầu từ Thiên Trúc, thần ba là đi sứ từng có thấy nghe. Thần nghe rằng: Vua Thâu-đầu-đàn là cha của Phật, Ma-ha Ma-da là mẹ của Phật, Sa-môn Ưu-ba-ly vốn là kẻ tớ trong vương gia, nhưng cả vua và thân thích đều lễ kính tất cả đồng như Phật. Thần lại thấy, pháp của Tăng Ni ở nước ấy chẳng kính bái các đền thờ trời thần, cũng không kính bái Quân vương và song thân. Mà Quân vương và song thân đều kính bái Tăng Ni và các đạo chúng. Thần từng hỏi chư tăng ấy rằng: "Tôi tớ ở đây vừa mới xuống tóc đắp mặc pháp y, rất không biết gì, mà khiến Quân vương và thân phụ kính bái, vậy rất chẳng gần tình người?". Chư tăng ấy đáp: "Tuy mới xuống tóc xuất gia nhưng hình đã đồng Phật, lại hay làm chấn động cung ma. Tuy nói không biết há chẳng như bùn đất cây gỗ? Bùn đất cây gỗ một khi đã lập thành chủ tượng, giả sử với người thông báo quý thắng, đều không thể chẳng kính bái". Do đó, chư tăng không kính bái người thế tục cũng đã rõ ràng vậy.

Một lần nọ, thần lại thân gần vị Tăng ấy mà hỏi rằng: "Trong kinh Duy Ma nói: "Tỳ-kheo cũng lễ bái sát chân Cư sĩ Duy Ma Cật". Trong kinh Pháp Hoa có một nói vị Tăng thực hành kính bái khắp cùng. Văn trong hai kinh đó nói kính bái người thế tục rất rõ vậy. Cớ sao Tỳ-kheo nay bảo được không kính bái người tôn quý?" Vị Tăng ấy đáp: "Phật chế kinh luật là khuôn phép thường của tăng ni. Với kinh Duy Ma ấy là vì Tỳ-kheo đội ân thọ giáo pháp nên tạm thực hành kính lễ; còn kinh Pháp Hoa, thì Đại sĩ có một thời thực hành biệt hạnh. Sao được đem một thời phương tiện thực hành biệt hạnh mà làm loạn pháp điển thường đây?" Thần rất chấp thuận như vậy. Lại nữa, thần nghe nói, vợ chết gõ chén đi vòng quanh mà ca hát, đó cũng là hạnh riêng của một thời, đâu

có thể được dự cùng trong quy chế tang phục.

Lại một lần nọ, thần đến Thiên Trúc, vào kính lễ nơi tôn tượng Đế Thiên, vua nước đó mới cười mà hỏi rằng: "Các sứ thần v.v... đều là Ưu-bà-tắc, cớ sao lại đảnh lễ trời?". Thần bèn hỏi về nguyên do. Vua đó đáp: "Ở đây, với pháp của Ưu-bà-tắc không lễ bái trời. Xưa kia vua Ca-ni-sắc-ca thọ trì năm giới Phật chế, cũng kính lễ tôn tượng trời. Các tôn tượng trời đều đổ ngã nơi đất. Sau đến ngày cúng tế trời, người phụng thờ sợ vua kính lễ, tôn tượng trời sẽ đổ ngã, bèn kính đem tôn tượng Phật đặt trên đảnh đầu trời. Vua vào lễ bái ba lần mà tôn tượng không đổ ngã, rất lấy làm quái lạ. Vua mới sai người xét kiểm đều trong quan mão trên đảnh đầu tượng trời có được một tôn tượng Phật, Vua rất vui mừng tán thán thần đức của Phật, lại mừng người phụng thờ ấy có trí tuệ lớn, mới phong ấy tưởng thưởng, đến nay vẫn hiện còn". Vua đó lại bảo rằng: "Có vị ngoại đạo thọ trì năm giới Phật chế, nên chỉ cúng dường tôn thờ trời mà không đảnh lễ. Vua trách tội không đảnh lễ, vị ngoại đạo ấy tâu cùng vua là: "Tiểu tử đâu dám chối từ không kính lễ, mà lễ chỉ sợ tổn hại cho trời". Vua hỏi: "Trời tổn hại đâu liên quan đến việc ấy?" Vị ngoại đạo ấy liền đảnh lễ, tôn trượng trời liền vỡ vụn. Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới còn chẳng được lễ bái trời, huống gì Tăng Ni thọ cụ túc giới mà khiến kính bái thế tục ư?

Vương Huyền Sách nói: "Thần nghe trăm vua ban bố quy luật chỉ lễ chế định ở trong hoàn vức. Đấng Đại giác giảng bài giáo pháp mới là bến bờ ở phương ngoại. Không ai chẳng nhờ từ chân nhân để biến đổi tục, đội nhờ cao tăng mà thay cải thuần phong, bèn được lặng yên sóng cả của bốn biển, thoát khỏi trần lụy của ba cõi. Nên Hán Đế chẳng cúi khuất trước Hà Thượng, Luân Vương kính lễ các Sa-di. Đó tức là đạo tục khác đường, đâu được nội ngoại đồng tập quán. Pháp giáo đã hứa thuận Hoàng Quan (Đạo sĩ) vân du một đạo trong hoàn vũ, đồ chúng Truy Y (tăng sĩ), cưỡi năm thừa đến phương ngoài nhân theo đã lâu; hỗ trợ cảm hóa càng sâu, cỏ rạp gió thổi từ xưa lại nay còn vậy. Thần nghe: Thánh nhân không học ở một thầy cố định, chỉ lấy chủ thiện làm thầy, Thánh nhân tâm không cố định, lấy tâm của trăm họ làm tâm mình. Điềm lành trước kia đã khiến kính tin quy y, nay bàn nghị khiến Sa-môn kính bái Quân vương thân phụ, thật là trái với chủ thiện, trái với tâm của trăm họ. Huống là ca-sa khác với y phục Hoa tục, râu tóc cắt bỏ chẳng phải nghi của chương phủ. Tôn sùng đó thì phước sinh, khinh thường đó thị tội tích chứa. Cùng nên biết, kính bái Quân vương không ích đối với nước nhà, kính bái mẹ cha chẳng lợi cho thân thích. Nếu thần

nín lặng không nói thì đâu được là trung là hiếu, thần mạng nên theo khuôn phép cũ, chớ cải đổi trương đồng, Thái Tông Văn Hoàng Đế với cố sự, y như trước chẳng kính bái. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu võ vệ trưởng sử Hiếu Xương, Huyện công Từ Khánh v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ, điều trọng yếu của Tam cương rốt cùng ở Quân vương thân thích, đứng đầu trăm hạnh vốn thật là kính ái. Mà Phật giáo và Đạo giáo đều dùng bỏ ân dưỡng dục, không bái yết Quân vương kính phụng thân thích, bỏ khuyết lễ kính của thần tử (bề tôi và con), vốn là giáo nghĩa có lắm rối ren với luân thường ư? Mở mà lại bày nên đè ép là điều hợp đáng vậy. Nhưng mà then chốt đạo sâu xa, vượt ngoài danh ngôn, tuệ luân xoay rộng cao quá tâm hành. Bọn đạo kinh hành hỗ giúp bạch mã mà ẩn náu thiền pháp, các hàng sửa tánh dừng ở Thanh ngưu mà cảnh tỉnh khế hợp. Tuy dấu vết ràng buộc có tiếp đải, mà lợi thiệp không ngăn mé, thật nên trọng đạo ấy mà sùng giáo ấy, tôn người ấy mà khác lễ ấy. Do dó, Hà Thượng Chân Nhân thân gần quấn quanh gót chân Hán Hậu, Sa-môn Tuệ Viễn ở Lô sơn, trọn tuyệt bàn nghị của kẻ tôi thời Đông Tấn. Huống là chỗ phát xuất khác vời, hiển bày hay mờ ẩn đâu đồng đường. Mũ dãi lông theo y áo ruộng phước đã chẳng phải lễ phục của triều tông, cưỡi chén mang cục đâu đồng phương đến dưỡng. Lễ nghi bái kính chưa là rất mực tốt lành, nếu vì đạo tuy có thể còn mà xử chẳng phải người đó thì nên cao vợi bờ phòng ngừa kia, luyện nắn luật hạnh ấy, không thể vì người mà khuất ép đạo, thật đáng vì đạo mà khuyên nắn người. Cúi vì hoàng gia mở phát mừng vui, bắt đầu từ đức như rồng, cung cấm ở thể tĩnh lắng, thường sùng kính mỹ phong của Linh thứu, chẳng cải đổi khuôn phép trước, càng tỏa sáng nghĩa của tổ tông. Thản như trái với quy chế cũ tiện mở rộng lễ của sư trưởng thần tôi, trời tan phủ rộng khiến bàn nghị rõ ràng. Trộm nghĩ, thấy nhỏ hẹp, tạm buông lời thô thiển dùng để kiểm đó, chẳng phải dám lấy quả quyết trung thực. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu Oai vệ tướng quân Lý Hối v.v... bàn nghị. (có một bài)

Phàm, chỉ cây để đón bắt tốt lành, cảnh tỉnh Long đức nơi hoàng trụ, đạp hoa làm dấu tốt quý, chống kháng luân bảo ở thần nghi. Mở đầu dấu vết từ thành Tỳ-da, bao quát tử trụ mà mở vũ, thông nền tảng mà luyện tốt tươi, suốt trời xanh mà mở tỏa sáng. Cho nên hay đè ép

hay nâng bốc các loại, khống chế dẫu đưa hàm linh an nhàn nơi mười địa mà rão bước điện biếc mong cầu quả vị, chín trời ngưng xa, mang đeo huyền châu mà hỏi bến bờ. Do đó hiển bày xinh đẹp, hoàng du tỏa hương đế chở, truy phục ngang quần ở trên kiệu, Hoàng Quan tiếp võ tại Trung châu, an tọa kinh thành, đạo chẳng dự tham nơi lang miếu, lên đàn nắm thẻ, dấu vế chưa xếp ở triều tông. Nay muốn ước lấy Nho môn dẫn buộc theo vương chế, nghi trái với đai thao mũ mão, pháp hợp với hốt trâm, bèn là quý chuộng đạo ấy mà khinh rẽ người ấy, tỏ bày giáo ấy mà khuất ép lễ ấy. Lễ tùy theo giáo hiển bày, người do từ đạo tôn quý. Nên có thể vì đạo mà phế bỏ người, chẳng nên vì lễ mà khuyết mất giáo. Thật nên tính hỏi, nên thật đáng giữ theo khuôn phép chương cũ, giúp hỗ mỹ phong cao thượng chiếu sáng dịch tượng, nghĩa là tùy thời xứng hợp ruộng tâm. Chỉ ánh lửa đom đóm vụt bay đâu theo hoa vẻ ở nhật nguyệt, mảy bụi bay sương mốc đỏ, hiếm kết vẻ đẹp ở núi sông. Mạo muội dâng lời thô thiển, nhẹ xem tỏ bày cùng kiệu tụng, ngôn từ thô sơ mà lý nghĩa rõ ràng, kinh hãi đổ mồ hôi tâm thần lo sợ. Kính cẩn bàn nghị”.

Trạng văn của Tả phụng vệ Đại tướng quân Hoài Ninh huyện công Đỗ Quân Trác v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ: “Chí đạo xung hư, Phật giáo ngưng tịch, bến bờ thứ phẩm, dẫn tiếp quần sinh, tiêu hạnh thô khi chưa nẫy mầm, phát tỏa từ bi khi đã ngộ, nhưng mà thân sau cứu vật tuy mượn ở danh ngôn, khuyến thiện trừng quấy không nhờ nơi thưởng phạt. Tin mới khéo mở phương tiện thầm giúp chánh đạo. Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ đức hợp đất trời, ân đượm động thực. Hàm Linh bẩm khí đều tội khúc thành, các hàng Tăng Ni thật nên bái Quân vương thân thích chấp trước ở kinh văn. Thần cho rằng, đạo có thể còn thì lời không thể phế bỏ. Vả lại, Quân vương và thân phụ tôn quý cùng cực, sự tuyệt phỏng thường, đối với thần tử (bề tôi và con) kính chẳng duyên bái, rất khác đạo tục, không hiềm ghét ngạo, đối với sự thấy ngu dốt của thần thì không lễ bái là thích nghi. Kính cẩn bàn nghị”.

Trạng văn của Hữu Kim Ngô vệ tướng quân Thượng trụ quốc khai quốc hầu Quyền Thiện Tài v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ, Phật giáo và Lão giáo bến dòng từ xa, tìm cầu ở điển pháp thật đáng sùng kính rộng lớn ấy. Đến như hoàng buộc từ tông, thật sáng rỡ cả muôn năm, Hán thất chỉ mở, cũng tỏa thơm ngàn năm. Vả

lại, Quân vương thân thích ở tại ba, Nho giáo có lễ chẳng kẻ tôi, Huyền Tịch ở hai, định chế nghi không tiếp bái. Nghĩa là chẳng nên bắt chước theo xưa, xin cứ theo như cũ. Kính cẩn bàn nghị".

Trạng văn của Hữu phụng thần vệ tướng quân Tân Hoằng Lượng v.v... bàn nghị. (có một bài)

Thích giáo và Lão giáo khắp cùng bốn biển, nguồn dòng từ lâu xa rộng lợi ích đã sâu, dám tỏ bày sự thấy của ngu tình, xin y như cũ là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu xuân phường chủ sự Tạ Thọ v.v... bàn nghị. (có một bài)

Có một đoạn trong sắc chiếu nói: "Nghĩa của Quân vương thân thích đối với ba điều từ huấn thì nó là trọng; đối với trăm hạnh thì kính ái là đạo đứng đầu". Đó thật là yếu đạo của Tiên Vương, nay xin tỏ bày lý ấy. Trộm tìm xét về giáo thì có nội giáo và ngoại giáo khác biệt, người cùng có tại gia và xuất gia chẳng đồng. Người tại gia thì y cứ theo ngoại giáo, vận mặc pháp phục của Tiên vương, thuận theo lời pháp của Tiên vương, trên có lễ tôn kính thân thích, phụng thờ quân vương, dưới có tình mến thương vợ con quan vinh. Đó tức là nối gót của cung hiếu, lý hợp với bến Nho. Người xuất gia thì y theo nội giáo, đắp mặc pháp phục của chư Phật, thực hành pháp hạnh của chư Phật, trên xả bỏ sự quý trọng của Quân vương thân thích kính ái, dưới cắt bỏ tình luyến của vợ con quan vinh, dùng thiện của lễ tụng tự giúp song thân, tạo phước hành đạo để báo ân nước nhà. Đã hứa thuận không vì hủy hình cải đổi y phục là sai quá, thì đâu nên trách lễ phải trọng kính thân thích phụng sự quân vương? Khác với giáo của Khổng Lão, do đó lý tuyệt cảnh thường, chẳng buộc ép Sa-môn phải bái lễ, không tổn hại đến nước nhà.

Tiếp có đoạn trong sắc chiếu nói: "Trong thời Tiền Tống tạm thay đổi mỹ phong ấy, chỉ thời gian ngắn thì trở lại y như cũ". Từ khi Phật pháp hoằng truyền đến phương Đông đến nay đã hơn sáu trăm năm, Đế vương trải qua cả trăm đời, không ai chẳng sùng kính Phật giáo, gieo trồng ruộng phước nơi chư tăng. Cho nên, người cắt tóc xuất gia đắp mặc pháp y đồng với dung nghi của chư Phật, cắt bỏ thân thích giả từ vinh hoa, khác với luyến ái của mọi người, trời người đều kính trọng xưng gọi là ruộng phước. Cho nên xưa Phật bảo Kiều Đàm Di: "Chớ nên cúng dường riêng ta, phải nên cúng dường chúng tăng". Đó tức là lời chân thật của Đấng Đại Thánh, với lý không thể phế bỏ. Nếu lời ấy

Phật dạy có thể phế bỏ thì xin phế bỏ tất cả, đâu nên lưu còn mà cầu phước đó, làm nhục đó và trách buộc chư tăng phải bái lễ vậy. Cúi mong Thái tông Văn Hoàng Đế, với Thánh trí thì không gì chẳng thấu đạt, với thần oai thì không ai chẳng kính phục, chư tăng ở đương thời đâu chẳng dễ khiến bái quỳ, nên vì Phật pháp khả kính, trưởng dưỡng dung thiện đó, lại xấu hổ ưa thích khác lạ làm loạn vết thường, nên không làm vậy. Chỉ mong nay đây gần gũi nương theo tiên triều, đạo của thánh hóa, xa bỏ pháp thức quê kệch của thời Tiền Tống thời nhà Tấn, thì ngàn xưa chẳng lấy làm quái lạ, các hàng đạo tục được yên tâm vậy.

Lại có đoạn trong sắc chiếu nói: "Trẫm bẩm nhận kinh trời để xiển dương hạnh hiếu, nương nhờ nghĩa đất mà tuyên bày lễ nghi". Xưa nay thấy khắp thiên hạ đều thực hành hiếu đạo. Tôn thân hiện còn thì dốc lòng kính dưỡng sắc hình, tôn thân quá vãng thì nghĩ tưởng dấu vết lưu lại, thảy đều bẩm nhận đạo chí hiếu của Bệ hạ vậy. Nay bỗng nhiên cải đổi phế bỏ khuôn phép thuần chánh của tiên triều, mà xa mến mộ tục phong dối trá của thời nhà Tấn, thời Tiền Tống. Nay, chư tăng v.v... tuy có vị mờ tối, trộm vì Bệ hạ chẳng chấp thủ vậy. Cúi mong tìm nghĩ vế trước, trở lại y như pháp tắc của trong thời niên hiệu Trinh Quán (527-650) thời Tiền Đường. Đó tức là đạo chí hiếu, không phải khuyên hóa mà tự thực hành vậy.

Lại thêm có một đoạn trong sắc chiếu nói: "Mỹ hóa của Liên Hà (giáo pháp của Đức Phật giảng truyền từ sông Ni Liên) giao phó cho các Quốc vương". Nguyên do cắt chế, rõ thực kết quy ở đó vậy. Trộm tin theo ý giao phó là sợ không như vậy. cớ sao? Đức Phật cho rằng, đến thời tượng pháp và mạt pháp, tâm thuần thiện dần mỏng đạt, tà kiến lớn mạnh, chánh pháp suy tàn, bốn bộ chúng không đủ sức hoằng truyền tuyên dương. Do đó Đức Phật giao phó cho các hàng Quốc vương, khiến các Quốc vương ủng hộ. Nếu các Quốc vương không ủng hộ đó thì pháp sẽ suy tàn tự hoại mất, đâu nhọc giao phó Quốc vương khiến phá diệt. Nay dẫn chư tăng tuy là phàm phu quê kệch nhưng dung nghi tợ Phật, mà khiến buộc chư tăng bái quỳ vậy, một khi đã như thế thì dẫu lưu còn cũng không ích gì! Vả lại, dứt bỏ ưa thích khác lạ, thuận theo đại đồng, thì đó là đạo của Quân vương vậy. Nên, tiên triều nói: "Vì người theo dục nên loạn đạo lớn, quân tử xấu hổ mỹ phong này chưa tỏa xa". Cúi mong nên y cứ mà thực hành.

Hoặc có người hỏi: Trong kinh có nói: "Tỳ-kheo tâm học kính lễ sát chân cư sĩ Duy Ma Cật, Bồ-tát Thường Bất Khinh cũng lễ kính chúng kiêu mạn". Huống hồ nay Thánh chúa hiện làm tướng bạch y,

thần đức thì chẳng thua kém Duy Ma Cật, lập hạnh thì chẳng đồng như chúng kiêu mạn, nay khiến chư tăng kính bái là hợp nghi ấy vậy. cớ sao chối từ, dám chẳng vâng theo?”

Xin đáp: Không thể vì hạnh riêng biệt của một người mà làm loạn đại giáo. Nếu vì Tỳ-kheo đảnh lễ Cư sĩ, thì khiến năm chúng kính bái Quân vương thân thích? Người thế tục chịu tang mẹ chẳng lấy làm buồn đau, đâu thể khiến trong thiên hạ có tang thân thích mà chẳng khóc ư? Đến như Trang Chu đối trước thây vợ đã chết mà ca hát, tức biết còn mất chỉ như xoay vần quanh năm. Mạnh Tông chịu tang mẹ, mà chẳng buồn đau, tức đã thấu đạt sống chết chỉ nhất quán. Đó đều là thể đạo thắng vượt khuôn phép, sao chẳng khiến thiên hạ đều thực hành? Nếu vì tình của thể đạo không thể thi hành thành quốc pháp, thì kia cũng hành của chứng lý, đâu được thi hành bàn nghị thuần phong của đại hóa? Phàm bàn nghị tức bởi muốn lấy đại ý để làm thành một pháp tắc, pháp của Tam giáo tức là phép tắc của Quốc vương, phép tắc ấy đã thành thì trọn không thay đổi. Nếu chẳng dùng để thực hành thì phải nên trừ bỏ. Nếu dùng mà thực hành đó, hẳn phải bày giáo tích đó. Xưa trước chỉ nghe các bậc Đế vương lễ bái Đức Phật, chứ chưa thấy Phật đảnh lễ các bậc Đế vương. Do đó, các bậc Đế vương kính trọng pháp phục, tức vì tiên chánh Quốc vương vâng nhận sự giao phó của Phật, trải qua nhiều đời tâm vâng Phật dạy nên vậy. Cha mẹ kính pháp y ca-sa đó, thì không thể khuất ép pháp y của Phật đó, mà chuốt lấy tội quá của cha mẹ. Từ xưa các bậc Đế vương cho phép người xuất gia cắt bỏ râu tóc của họ và đắp mặc pháp y của Phật, không ép buộc theo thường tục. Nay làm bậc dẫn đạo xiển dương giáo pháp mà làm ruộng phước, nếu khiến họ lễ bái thì khuất ép tôn phục đó, vậy nghĩa giao phó ở đâu? Nay muốn cải đổi, sợ mờ tối lý đó, các hàng lưu tâm có điều nghi hoặc, nhân sinh lỗi quá ấy. Thí như tôn kính khám đất tượng gỗ vì đó là đắp họa đồ tả tôn dung Đức Phật, nếu chẳng thấy tướng mà khâm trọng kính thừa, gỗ đất đâu có thể quý được? Đất và cây còn nhờ dung nghi Phật, thì các hàng Tăng Ni lại gá pháp phục, không nhờ không gá, hở chặt ai thay? Với chỗ thấy biết của phàm ngu, mong xin theo cũ, chư tăng không kính bái, lấy làm chuẩn định. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Đại phu Vương Tư Thái, Thừa ngưu Huyền Chương v.v... ở chùa Ngự Bộc bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ, Lai Hương ban bày khuôn phép thật là Chí nhân của nước phương Đông, Kỳ Viên diễn trao giáo pháp, mới là thượng thánh ở phương Tây. Thảy đều hay cắt từ nhẫn ái, tuyệt trần lìa tục, lễ là mỏng

dạt của trung tín, vượt đạo đức mà trên buông thả, sắc là không của chân tướng lưu lại hình hài mà sâu thẳm. Cho nên Tiên vương tiếp đãi đó thuộc phương ngoại, Hậu đế hứa làm chẳng bề tôi, tập thấy chúng sinh thường lại đó từ lâu, chóng vì cải đổi làm mới, sợ trái với thấy nghe. Vả lại, chư tăng chẳng phải là đồ chúng tiếp bái, Đạo sĩ khác với đồng bạn bè xoay. Nếu như người không tình cảm thì không thể thử được Cảnh Huyền Phong vốn lập đạo, ngõ hầu để dần duy trì chân giáo. Nếu nổi chìm theo loại tục, cúi ngưỡng theo thời, sợ e cơ nghiệp của Thứu lãnh sẽ khiếm khuyết, phong hành của núi dần mất, biến đạo theo Nho, chưa thấy đó đáng nên, nhân theo chớ cải đổi. Trộm nghĩ lấy đó làm thích nghi, Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Vạn niên huyện lệnh Nguyên Thành Tâm v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ Phật giáo và Lão giáo, vốn rất u huyền; Tôn quý của Quân vương và thân thích trọn vốn ở nghiêm kính. Huống gì chỗ hành hóa, chẳng ra khỏi hoàn vức, nghĩa thuộc ở ba phải tuân theo Khổng lễ. Chư tăng chỉ vì tóc cạo nên không thêm nữa, thân mặc pháp y, chẳng thể thêm đai, không mũ không đai, bái cúi mất oai nghi. Như chỗ thấy biết của ngu thần, xin y như cũ là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Trường an huyện úy Thôi Đạo Mặc v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trộm nghĩ, trong ba điều lễ của Cương thường cốt ở Quân vương thân thích; Pháp môn bất nhị riêng bỏ ở tư sự. Há chẳng vì chân trụ biệt cách, Phật đạo phân đôi, gặp phải sủng ái hay hủy nhục đã chẳng phải kinh hãi? Lông tóc da dẻ nhận chịu thì đã hủy bỏ, mũ cao cùng với xiêm đen dối bày nghiêm sức, chống tích trượng cùng vòng đeo kêu leng keng khác nghĩa, đủ khiến người mất mát biết trở về, kẻ mê đi biết trở lại. Nay nếu buộc ép dấu vết phương ngoại đó tuân theo việc trong thế tục, nhất thừa rối rắm điển lễ, tam xuy buông nhả pháp. Chuộng đạo đó mà nhàm chán nghi đó, tiếp hạng đó mà ép chìm gốc đó, nghĩa chẳng phải xét tìm xưa, tông chẳng đủ làm hiển chứng. Ngu cầu đó ngu thành có chỗ chưa thiểm. Vả lại, đạo đó là đạo, huyền đó lại huyền, chỗ các diệu kết quy, mở thuộc thánh từ, nghiệp vào quan ải có thể lớn mà chẳng thể nhỏ, dạy răn của Cư Hà có thể tôn quý chứ không thể khinh thường, giáng buộc rõ tưởng rõ tưởng mới mở rộng tổn ích, mạo muội dâng lời thô thiển, càng thêm lo sợ toát đổ mồ hôi. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Bái vương phủ trường sử Hoàng Phủ Công Nghĩa văn học Trần Đức Chí v.v... bàn nghị. (có một bài)

Thần nghe, Tam giáo đồng kết quy, đốn tiệm tuy khác biệt, chỉ vì hỗ giúp mỹ hóa đều xưng là khuyến thiện. Tuyên Ni soạn tập huấn từ chẳng buộc hàng phương ngoại, Đấng Đại thánh giảng giáo pháp xả bỏ lụy trong hoàn vức. Thất trống sinh một hạt gạo trắng thừa cứu giúp, đồng giá lên đường thông, chỉ đạo là chuyên. Từ khi Huyền Phong chuyển nép, may pháp cuốn thâu, Tăng sĩ và Đạo sĩ vết âm chẳng cùng. Hoàng thượng xót thương quên mất đó, lại thử khiến đều bàn nghị, chỉ dứt tuyệt quý trọng nối dõi hình nghi râu tóc, chống ngọn ngành quỳ bái cúi lễ. Cho nên, nếu bỏ quý trọng ấy mà kiểm ngọn ngành ấy, tỏ bày đạo đó mà khuất ép người đó, sợ tập tục sinh thường, chóng đổi chẳng dễ, cúi mong nghiêm cáo hữu ty, rõ bàn thêm kiến nghị. Như lại nhân tâm chẳng nơi đặt để mới có thể hình lễ Phật, xin tỏ bày thấy biết thô sơ, rất mực lo sợ. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Chu vương phủ trưởng sử Nguyên Trực Tâm, Tham quân Nguyên Tư Kính v.v... bàn nghị. (có một bài)

Yếu chỉ Phật giáo hiếm nhiệm, lý thỏa ngoài hữu hình. Huyền Tông võng tượng, nghĩa vượt ngoài vô danh, bao quát tam tài mà thể yếu, gồm thâu vạn loại mà cùng thần. Hơi khí chân lóe sáng ải dừng như rồng đến phương Tây, mây pháp giăng tỏa đồng nội, noi lớn thuần về Đông. Động ngọc kinh tiên xung huyền vũ hóa, kim dung phép quý diễn Thánh long cung. Chí đạo khó nói, công thần chẳng lường. Kể từ thời nhà Chu nhà Hán đều mang mặc đỏ xanh, điển ngưu ngay đường nhân ẩn ngầm xuống. Vậy đủ biết người hướng đến huyền môn có từ ngàn xưa, kính sùng kinh Phật có cả trăm vua. Cắt tóc mặc xiêm đen chợt xem thường vẻ đẹp dẻ da, đổi mũ áo vàng khinh miệt vinh hoa trâm đai, không ai chẳng chí vượt hoàn vũ, tâm sân du phương ngoại, bỏ nghi tiết tiếp bái, đến hình nghi giới luật, buông khuôn phép lễ nhạc, đi đến nhà rỗng trắng. Do đó, Đức Như Lai bí mật nói dứt tuyệt kính bái Quân vương thân thích, từ xa xưa mãi đến ngày nay không hư nát giáo nghĩa đó. Giáo có thể phế bỏ, thì pháp cũng có thể phán định, giáo bỏ pháp còn, pháp an đặt đâu? Vả lại, giáp sĩ (quan lính) chẳng bái, há binh lính tự tôn thiên nhan chỉ thước tấc chẳng có một kẻ nói quý, đều vì ngậm oai bẩm mạng? Do đó, lễ bỏ khiêm cung, huống gì xa nghĩ mây khói, mở trần tục ở lưới buộc ràng, cảnh tỉnh tình pháp giới, dứt oán hội ở lồng chậu mà khiến giáng nghi dung xuất tục. Mở bày lễ nhập gia,

xét theo xưa sợ trái với lý thông, luận nay sợ sai với lẽ thường, bàn nghị tạo dựng thô sơ. Dám tỏ bày thấy biết hẹp hòi, đối cùng soi xét lo sợ sai lầm kính sợ rối ren cõi lòng. Kính cẩn bàn nghị.

Luận rằng: Huyền giáo phế bỏ hay thạnh hưng lý bởi vận ấy, và nhờ cậy có thạnh suy ước cũng bởi mưu người. Hoàng thượng ngự rõ, theo thời đáp ứng phó thác. Sở dĩ ban giáng sắc chiếu khác thường, khuyên răn chư tăng ở điểm rõ biết thời cuộc vậy. Trong truyện Xuân Thu nói: "Chỗ ông nói có thể mà có chăng? Thần dân chẳng thể đó để thành có thể đó. Chỗ ông nói không thể mà có thể chăng? Thần dân có thể đó để bỏ trừ chẳng thể đó". Tôi đã nghe lời ấy nay mới thấy người ấy. Trông Tú Thượng dốc sức giải thích lời Quân vương xướng. Ngôn từ đế khuyết chí thành thực chuyên cần thì chuyên cần vậy, mà trạng văn của Tuyên Công mở đầu thiết thực bao gồm rộng rãi. Tôi không xen lẫn đó, mới nay lấy đại pháp làm trách nhiệm của chính mình, nghĩ thỉnh thoảng nguy nan ấy, người hay mang nặng đạo xa đó, đây tức là người ấy vậy. Trọng Ni nói: "Điên mà chẳng nâng, nguy mà chẳng đỡ, thì lấy gì dùng cung kia vậy?". Nếu đây thật có thể gọi là chỉ đạo đứng đầu, thật tốt lành thay! Đài Chu phủ v.v... ở trong tay chân bàn nghị, tuy văn chất có trái mà đều được việc cốt yếu, nhưng theo chốt kinh điển tính hỏi nên thật. Lý bày sắc bén, từ vận phong phú, thì xưng hồng bút của Ty Nhung văn vẻ sáng lệ vậy. Nếu nêu bày để rõ ràng, dùng chánh để bàn nghị ước định, ngôn từ văn biện ấy sáng sách, sự việc ấy khơi bày thì Tả Kiêu Vệ nêu cử cương lãnh ấy vậy. Tương lai thấu đạt soi suốt đó, lấy đó vậy.

Tán thán rằng: Chánh pháp đã ẩn, tượng quý dần suy, chẳng có minh triết, ai người khơi sáng? Hiến dâng có thể ngầm mất chăng? Tỏa bay anh tú thật rõ ràng các hiền xưa, nghiệm ở ngày nay, cao vời anh tú, là chấn chỉnh giềng lưới đổ nát, vẻ vang Tuyên Công. Nhân vận ấy hỗ giúp, mọi người bàn nghị đông đúc, mở mang khuôn mẫu thẳng thắng. Lan cúc tuy khác vẻ đẹp, tơ đồng xen làm, Tần Quân hồng bút, Vương Sinh hiển bày bàn nghị, văn chất sai lầm đường. Trung thuần trinh bạch đều mừng vui chỉ có thạch đức đây, mưu tính không gì chẳng diệt, một thời phong tố, ngàn năm tỏa thơm.

■

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Đời Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 5

THIÊN THỨ BA: BÀN LUẬN NÊN KÍNH BÁI. (Phần Đầu)

Bàn luận nên kính bái tức là nói về Sa-môn phải nên kính bái. Xưa kia Hoàng Giác ứng ngự nơi hoàn vũ còn mở nguồn kính tin hay hủy phế, đâu chỉ trong thời tượng pháp mạt pháp mà chẳng có hàng bàn nghị nên mở rộng hay ước chế? Nhân vì biển pháp mênh mông, các tụ loại khó phân, có dơ bẩn huyền du, từng vang vọng lên tới triều đình. Đến nỗi khiến các kẻ sĩ chấp buộc văn phế bỏ đạo theo người so sánh mà nói đó, chưa thể gọi là xướng lớn thông các phương vậy. Sở dĩ tôi khảo xét các điều đó thật, tùy mà nêu ra, ngỏ hầu các bậc quân tử sùng kính Phật pháp, hoặc có thể xét xem rõ ràng vậy.

- Về bàn nghị kiêm kính bái (cả thảy có ba bài):

Trạng văn của Tả Oai vệ trưởng sứ Thôi An, Đô lục sự Thẩm Huyền Minh v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu Thanh Đạo vệ trưởng sứ Lý Hợp v.v... bàn nghị (có một bài)

Trạng văn của Trường An huyện lệnh Trương Tùng Thọ v.v... bàn nghị (có một bài).

- Về bàn nghị khiến buộc kính bái (cả thảy có hai mươi chín bài):

Trạng văn của Trung Đài ty liệt thiếu thường bá Dương Tư Huyền, Ty Trách đại phu Dương Thú Chuyết v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Ty bình Thái thường bá Diêm Lập Bản v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Lan Đài Bí các cục lang trung Lý Thuần Phong v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Bác sĩ Lữ Tài chùa Thái Thường. . . bàn nghị (có

một bài).

Trạng văn của Thừa Đậu Lô Gián ở chùa Ty Tể v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Khanh Dương Tư Kiệm ở chùa Ty Vệ v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Thừa hàn Xử Huyền ở chùa Ty Ngự v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Thiếu Khanh Nguyên Đại sĩ ở chùa Tường Hình v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trạng văn của tự Thừa Tạ Hữu ở chùa Ty Văn v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Nội Phủ giám thừa Liễu Nguyên Trinh v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Ty Tân Giám Lý Nhân Phương v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu Võ vệ binh Tào tham quân Triệu Sùng Tố v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu Phụng vệ trưởng sứ Lý Nghĩa Phạm v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu Kim Ngô vệ tướng quân Tiết Cô Ngô Nhân, trưởng sứ Lưu Văn Tông v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu giám môn vệ Trung lang tướng Hùng Huyền Dật v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Đoan Duẩn phủ Đoan Duẩn Lý Khoan v.v... bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Tả Xuân phường Trung hộ Hạ Lan Mẫn Chi, tán thiện Dương Lệnh Tiết v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu Xuân phường Trung hộ Hác Xử Tuấn, tán thiện Dương Tư Chánh v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Thừa Trương Ước ở chùa Ty Canh v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Tả dự Nhung vệ Thương Tào Vương Cửu Tư v.v... bàn nghị. (có một bài)

Trạng văn của Hữu dự Nhung vệ tướng quân Hộc Tư Kính Tắc v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Tả ty ngự vệ trưởng sứ Mã Đại Sư v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Hữu ty ngự vệ trưởng sứ Thôi Sùng Nghiệp v.v...

bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Tả thanh đạo vệ trưởng sứ Tương Chân Trụ v.v... bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Tả sùng dịch vệ trưởng sứ Đậu Thượng Nghĩa v.v... bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Hữu sùng dịch vệ trưởng sứ Lý Hạnh Mẫn v.v... bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Tả phụng dụ vệ trưởng sứ Khâu Thần Tỉnh v.v... bàn nghị. (có một bài).

Trạng văn của Hữu phụng dụ vệ suất Vi Hoài Kính v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Ung châu ty công Lưu Nhân Duệ v.v... bàn nghị (có một bài).

Trạng văn của Tả oai vệ trưởng sứ Thôi An, Đô lục sự Thẩm Huyền Minh v.v... bàn nghị:

Trộm nghĩ rằng khí tía bay vọt chân, mỹ phong huyền tẩn tỏa trùm phương Tây, cầu vồng ngầm hóa vẫn chưa Niết-bàn lưu truyền phương Đông. Lồng cương ráng ngựa, ảnh ngọc kinh mà ngưng các diệu. Bốn từ chiếu lắng, mở vườn vàng mà dung chí đạo, nghĩa trùm không hữu, lý suốt hy di. Cứu giúp trần mông, huân tẩy nhân lụy. Thần đạo bổ ích, giáo đây sao có chưng bày; thản nhiên nối gót, nghiệp đã tuân theo. Lưu Tệ bàn nghị giúp cùng răn đổi (xin Đàn-hặc rằng: “giữ pháp cao thượng xưng gọi là Lưu Tệ. Trái kinh kính bái thế tịch, gọi đó là răn đổi, tức sự chẳng như lý đó sao?”). Nguyên, phàm kính của tại ba, sáu vị trót vót, tượng của Tôn Ty, gốc của trăm hạnh, bốn thủy tiêu biểu đàm của võng cực. Gốc lập sau đó đạo sinh, kính hình ở nơi lễ mục, thật là đầu tiên của Vương Hóa, là kinh của đất trời. Phật lấy pháp làm thầy, vua lấy trời làm phép tắc. Trong Hoàn vức có bốn lớn, Quân vương đứng ở đầu tiên. Vương đạo đã đồng hành đó, phu pháp hẳn mới đồng suốt. Thân là pháp khí, pháp chỉ gốc đạo. Hoàng Quan mộ đạo, Tăng sĩ phụng Phật, cung kính Quân vương thân phụ, nhỏ nhiệm hợp với Huyền Ba (xin Đàn-hặc rằng: Phật pháp là tôn quý vượt ngoài hoàn vũ, vua trời là lớn ở trong Hoàn vức. Giáo còn mà khiến khuất chiết, chẳng ràng buộc trở lại thuộc loại biện nhân. Đó mới là nước pháp úng ngưng chẳng chảy, sao có nhỏ nhiệm khế hợp với Huyền Ba ư?).

Vả lại, phàm giới lục vừa mới cao, còn dốc hết cung kính bái quỳ,

huống gì sang hèn xa cách, chóng bỏ sót kính cung không khuất gối? (Xin Đàn-hặc rằng: Vương Mật nói sở dĩ Sa-môn trên dưới cùng kính mà chống kháng lễ bái ở cung đình, bởi vì tông trí đã đồng, già trẻ thành thứ lớp. Bến đường có khác thì nghĩa không hàng khuất. Thật hay thay lời nói ấy! Có thể lấy làm chuẩn mực vậy). Ắt vì núi rừng riêng đến, vật ngã đều quên, lẫn lộn thân sơ, ngang đồng sủng nhục. Ban ân cho ta chẳng là phải, tổn hại chính mình há xưng là trái? Tự phải hết sạch như vô tình, lắng yên thường tịch, mượn kính ngưỡng ca duy mà cúi đầu, trông thấy thiên tôn mà nhã bái, trần dung chẳng khác tục, kính bái chưa trái chân. (Xin Đàn-hặc rằng: Sa-môn cạo bỏ râu tóc, đắp mặt truy y, đạo tục khác biết. Kính bái trái với Phật giáo nêu rõ đầy đủ trong kinh văn. Mà nói kính bái chưa trái chân, hình dung chẳng khác tục. Đó chỉ nam mà làm bắc, trái trắng làm đen vậy).

Vả lại, Bá Dương chữ dạy răn ở Hòa Quang, bất khinh diễn bày giáo ở lễ thường, diệu hợp đức của khiêm nhường tôn quý, xa phù với khuôn phép của lân chiếu (Xin Đàn-hặc rằng: Bá Dương lừa dối từ thân của Cơ Chu được sung làm trụ sử, làm quan thì một chức của Vương triều, nói đạo là một dòng của Nho tông, kính bái Quân vương thân thích, đó hẳn hợp nghi vậy. Còn như kính lễ bốn chúng của thường bất kinh là y cứ lý mà thực hành đó. Lý thì không phân chọn oán hay thân, gồm thân sang hèn mà đều kính lễ. Sắc chiếu mới ước tôn quý cùng cực đó mà chẳng chế lễ ở thấp hèn, nêu bày kinh vị hai sông khác biệt, không nên đồng nhất quán vậy).

Lại nữa, trong ba cực, thì sư trưởng ở hạng cuối cùng, cuối cùng mà còn bày lễ kính, gốc sao nghi ư? (Xin Đàn-hặc rằng: trong chúng tăng sở dĩ thầy trò cung kính lẫn nhau chánh vì giáo nghĩa chẳng khác nên vậy, chẳng phải định ước gốc ngọn mà nói, sao lấm mạnh sóng vậy ư?).

Nếu cho là ca sa khác với áo lễ, khăn xoa khác với mũ trĩ. Y phục đã lớn vậy, bái sao hẳn văn hoa. Mỗi tự theo gốc đó, không sai với thể thức thường. Trong đó như có hạng trong trắng ẩn trốn, khuôn phép thanh tịnh trải bày nơi thế tục, thần hóa trầm hưởng, giới thanh tịnh cần, dáng vẻ duỗi buông chim loan ngô đồng, phạm hạnh thanh tịnh tợ hạc đêm, cờ gấm nêu bày thú, phù ngọc ngự linh, đức hạnh ưu túc, tuổi tác cao già thì có thể miễn khỏi bái lễ, ngoài ra với hàng sơ học hậu Tấn, thanh trần xa vắng, đều khiến nên kính bái Quân vương thân phụ, xin biên ghi đó làm hiến chương thường (xin Đàn-hặc rằng: Nếu cho là không kính bái tức là sai trái. Thì với đức hạnh ưu tú tuổi tác cao già,

đâu nên được khỏi? Nếu cho là không kính bái là phải, thì với hàng hậu Tấn sơ học, không nên buộc phải kính bái? Tiến thối mâu thuẩn, lấy bỏ tự trái. Xin biên ghi đó theo hiến chương thường. Sao thấy đó vụng về vậy ư?).

Như vậy thì tấn đức tu nghiệp, khuôn phép vượt xa trần tục ngày càng lớn mạnh, khổ hạnh kiệm tiết nương gá đàn, tâm vào đạo càng tinh cần. Huyền Phong đó tỏa xa, Quốc Chương chỉ tiếp nối, ngõ hầu lấy làm sáng rõ cảnh ấy, thì lắng tĩnh một sai nhầm tệ hại. (Xin Đàn-hặc rằng: Lấy trái tông làm cảnh thì cho giữ pháp là sai lầm tệ hại. Ước đó để nghiệm thấy sao khả quan?). Tự ta làm nên dẫn bó buộc của xưa cũ. Phàm, gương là lý phi thường hẳn gá soi chiếu phi thường. Trời cao soi xét thể suốt tinh vi, tham hết di tông của ngoài vật tượng, cùng cực sâu xa trong hoàn vũ, tuy là tạm kinh hãi với kẻ thường nghe, nhưng ước cũng trọn ngầm hợp đạo lớn vậy. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu thanh đạo vệ trưởng sứ Lý Hợp v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Đạo giáo xung hư, Phật môn bí tịch, đến như hiển bày tức nhân để cứu vật, tôn sùng nghĩa làm tâm, mới nhìn qua phong hóa Nho giáo, lý gần như không khác. (Xin Đàn-hặc rằng: chỗ tỏ bày của Nho giáo chẳng vượt khỏi Hoàn vức, điều biện giải của Phật môn cao vượt ngoài thấy nghe. Nên Ngụy Đông Dương khi nói Phật pháp xung hợp, chẳng phải chỗ biết của Nho mặc. Nay nói không khác, sao lắm sai lầm vậy?). Đến như các bậc túc đức tuổi cao, giới hạnh không khuyết, nương rừng ẩn cốc, cao chuộng việc ấy. Với các hạng người đó rất mực tôn sùng. Trong đó lại có những kẻ tuổi trẻ mới tầm cầu huân tu chẳng vẻ vang, trái chân lẫn tục, tâm hạnh lắm sai quấy, nếu cho họ không kính bái, nghĩa khó thông thỏa (Xin Đàn-hặc rằng: phàm xưng là Sa-môn tức thế nào ư? Nghĩa là tiếp nối dòng pháp làm bậc hiền tượng, khai mở cải hóa mê mờ. Hình nghi khác với nghiêm sức đai mão, khuôn phép đâu như mẫu mực của lang miếu. Vì cầu tông nên thẳng hình hài, ai có thể phân rành đức nghiệp đó, chỉnh sửa thế tục nên do đó mà chống kháng bái lễ, đâu phải hình dung cách biệt mà cho là tôn quý và thấp hèn?). Chỉ ở tại nhà tại nước, tôn thờ Quân vương kính phụng thân thích, hình nghi chẳng kính bái, vậy lấy gì để có thể dạy răn? (Xin Đàn-hặc rằng: Thật đúng thay! Người tôn thờ quân vương, kính phụng thân thích không nên không kính bái. Nhưng Sa-môn không phụng sự vương hầu, trái ân thiên thuộc, lấy kính bái làm dạy răn, tợ hồ như chưa nghĩ

đến đó vậy?). Cúi mong xin ban sắc nên kính bái, lưu lại khuôn phép cho đời sau. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Trường An huyện lệnh Trương Tùng Thọ v.v... bàn nghị.

Trộm nghe, Phật giáo và Đạo giáo đồng một hư tịch, nếu như chẳng hay luyện tâm phương ngoại, diệt ảnh ở nhân gian, còn phải dấu vết đồng với tục phần, sự tình cùng thời cuộc cách biệt. Nhưng nay các hàng xuất gia phần nhiều xen tạp trong cõi trần, ngoài vì chẳng khuất núi mà tự cao, trong vì riêng yết kiến lấy làm duyên. Rỗng có tên nhập đạo, mà trọn không thật lìa tục (Xin Đàn-hặc rằng: Không khuất cúi là do kính phụng pháp nên vậy. Còn riêng yết kiến thật trái với giáo nghĩa. Bàn nghị chỉ có thể cao trót vót, khoa chọn ấy nghiêm trừng hạng chẳng thỏa thích, buông tuồng. Sao có thể tuông phóng lửa Côn lôn mà muốn đều thiêu đốt ngọc thạch ư?). Đến như địa vị của Quân vương thân thích, lễ gồm cả thần tử (bề tôi và con). Chỗ hiếu kính tôn quý nghĩa sâu với nước nhà, chẳng có chế độ lấy gì làm kinh luân? Cúi mong các hàng Tăng ni, Đạo sĩ, nữ quan v.v... đạo là thời cuộc phải là sự tình nhân pháp hợp, tuy ở Quân vương mẫu hậu, nên y theo thể thức xưa cũ. Bỏ từ đây và đã qua, xin khiến nên kính bái. Như khi trở về hầu thăm song thân, đạo làm con phải tỏ bày, còn lúc ở tại chùa quán thì mặc tình tuân theo pháp Phật (Xin Đàn-hặc rằng: Phàm Tăng Ni hợp nên kính bái thì không tuyên chẳng kính bái. Còn không hợp nên thì đâu thể phân chọn thời cuộc phương sở nào được. Xuống tóc xuất gia đồng là một người, ước xứ tiện mở, khác lễ pháp phục trước sau không hai. Căn cứ sự tình bèn chế khác kinh. Đó mới là đầu đuôi hai mối. Nếu như cần muốn thời cuộc vẻ vang, thì chưa thể gọi là chí làm lớn mạnh nước nhà hiến phụng trung trinh?). Ngõ hầu để hàng thấp hèn cúi khuất mà xấu hổ, hơi lắng yên sự trôi nổi đua tranh. Lấy đạo đức tự tôn quý, dần dần hoằng dương giáo pháp. Tạm dâng sự thấy biết của phàm ngu, rất mực thẹn sợ. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Trung đài ty liệt Thiếu thường bá Dương Ty, Huyền Ty Trách Đại phu Dương Thủ Chuyết v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Phật giáo và Đạo giáo vốn chuộng hư huyền, diễn bày phương tiện ở ba thừa, khế hợp quên lời ở một chỉ, chỉ tịch chỉ khoan. Nay các pháp lữ, thật có nhiều đồ chúng, từ lâu tổn bỏ lễ nghi bái quỳ (Xin Đàn-hặc rằng: Xứ nào khiến buộc kính bái mà nói là tổn bỏ?). Tự

ở nơi chốn cao thượng, ước theo giới luật hữu vi, tiếp bái Quân vương thân thích vô thượng (Xin Đàn-hặc rằng: Cắt tóc xuất gia đã kính phụng Phật tông, giữ giới không nên thiết lễ). Suy đó tình người, tình giao thiệp xen lẫn hư dối, tìm cầu chí lý đó, lý chỗ chưa thông (Xin Đàn-hặc rằng: Suy đến tình người, Sào Hứa không nói xen lẫn hư dối; tìm cầu đến chí lý, Sa-môn sao gọi là chẳng thông?) Khiến nên kính bái Quân vương thân thích, ngõ hầu lưu lại khuôn phép cho đời sau. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty bình thái thường Bá Diêm Lập Bản v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, tịch diệt ban bày khuôn phép, còn mở rộng bàn nghị hiếu kính; vô vi xiển dương pháp hóa, trọn hợp với lễ kính cung. Tuy đạo vượt khỏi có thể nói, đạo còn hệ thuộc ở tam tôn. Pháp không các pháp, pháp còn bao gồm ở bốn đại. Huống hồ hoàng du xa thoáng diễn nghĩa đất để tuyên phong, ân Thánh rộng đượm, thấm kinh trời vừa khắp nhuần. Chỗ chỉ đức trùm khắp, không cách ngại bởi tối sáng. Đạo lớn gồm thông, nên không phân chân tục, mà các kẻ sĩ trái phương, không mê tâm tướng vật, các hàng chìm đắm trong trần tục còn buộc lụy tự ngã (Xin Đàn-hặc: Nay chư tăng không ai chẳng do từ Thánh triều trở lại độ vì nước nhà, sẽ dùng giúp phụng lăng miếu, bến bờ phẩm thứ, mà nói trái phương đắm tục, há không tổn phước của hoàng gia ư?). Chẳng biết quý của cửu trùng, không hay tôn của được một, tuyệt dứt trung hiếu đối với Quân vương thân thích, vất bỏ kính ái đối với mẫu hậu, tìm đến chí lý, trộm cho là chẳng thông. Khiến đều kính bái Quân vương thân thích, để khỏi trái với biển pháp cũ. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Lan Đài Bí các cục lang trung Lý Thuần Phong v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ rằng, trong ba điều trọng đối với vua, cần yếu là Quân vương vô thượng (Xin Đàn-hặc rằng: Sa-môn đội nhờ ân vào đạo, chẳng phải nói cần yếu quân vương). Cùng cực của ngũ hình, chẳng phải hiếu không thân thích (Xin Đàn-hặc rằng: Thân thích cho phép xuất gia, cớ sao là chẳng phải hiếu ư?). Do đó, trái đức nghịch lễ là cội nguồn của đại loạn (Xin Đàn-hặc rằng: Chư tăng mọi cử động đều y theo kinh giáo, chẳng phải trái nghịch đức lễ vậy). Chỉ kính chỉ trung mới là khuôn phép chân chánh để kinh bang (Xin Đàn-hặc rằng: Chư tăng v.v... tuy hình nghi khuyết thiếu sùng phụng thân thích, mà trong

lòng nghĩ nhớ hiếu kính ấy, lễ có trái chẳng phụng sự chúa mà tâm luôn ẩn náu ân trung vậy). Đến như Lão giáo hư tịch, vốn mềm yếu vì toàn cong, kinh điển Phật sung hy, thường bất khinh lễ kính khắp cùng (sự kiện như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Tả oai vệ), chưa nghe ngạo mạn đối với Quân vương thân thích, khoe dối với các hàng thứ dân (xin Đàn-hặc rằng: Sa-môn thân đủ giới Phật, hình đủ nghi Phật, trời người tự kính ngưỡng, sao gọi là ngạo dối ư?). Có thể đem thuần phong mà khuyên thế tục, an nước yên nhà ấy vậy. Nay khiến các Đạo sĩ, nữ quan, Tăng Ni cung kính tiếp Quân vương thân thích, đối với Phật giáo và Đạo giáo không khuyết hại. Xin Đàn-hặc rằng: "Kính bái vua thì vua bỉ tổn phước; kính bái thân thích, thì thân thích bị tổn hại. Thân hành kính bái tức trái ngược giáo điển, ai bảo là không khuyết hại ư?). Lại theo chánh pháp của Quốc vương, cải đổi tệ hại sâu nặng trước, dẹp trừ hư dối (Xin Đàn-hặc rằng: Đem thuận pháp làm hư dối tệ hại, dùng trái giáo mà phế trừ cải đổi. Có thể gọi là đầu đuôi thích vượt, trái đạo càng lắm nhiều). Khiến đó trọn biết phương thức tùy thuận, lại biết trọng của thiên tánh vậy. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Thái Thường tự Bác sĩ Lã Tài v.v... bàn nghị.

Thứ nhất, kính cẩn căn cứ theo Đạo Đức Kinh của Lão Tử nói là: "Trong Hoàn vức có bốn đại, Quân vương đứng đầu vậy". Lại căn cứ theo kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: "Bồ-tát ở địa vị trước tam hiền đáng làm chủ trong tứ thiên hạ". Và ở Nội Kinh lại nói: "Giả sử vị Tỳ-kheo đã chứng đắc quả vị Tu-đà-hoàn, trải qua tám vạn kiếp mới thấy ở Địa Tiền". Nay khiến các Đạo sĩ nữ quan kính bái, các hàng Tăng Ni trong Hoàn vức kính bái Bồ-tát Địa Tiền. Đó mới là chẳng trái với chánh giáo, xứng hợp thích nghi ấy (Xin Đàn-hặc rằng: Trong kinh Phật sở dĩ không khiến chư tăng kính bái người thế tục, bởi vì xuất xứ chẳng đồng nên vậy. Giả sử khiến hàng Bồ-tát Tam Hiền làm chủ ở tứ thiên hạ, mà còn hiện tướng có vợ con, chẳng bỏ gia đình địa vị, tin sâu mà nói vậy. Kính bái thì không thật nói. Nên trong kinh Niết-bàn nói: "Các người xuất gia theo các hàng bạch y, hỏi nhận điều chưa nghe, không nên lễ bái". Căn cứ theo đó thì trái khác bản giáo, sao gọi là xứng hợp thích nghi ấy?). Hoàng hậu, Hoàng thái tử tôn quý đồng như Quân vương, với lý hợp nên kính bái (Xin Đàn-hặc rằng: Kinh Nhân Vương nói, pháp của người xuất gia không kính bái quốc vương. Quốc vương chẳng hứa thuận để kính bái. Từ đó xuống đoán định có thể biết vậy).

Thứ nữa, lại căn cứ trong Đạo Đức kinh nói là: "Một người Đạo

sĩ đắc đạo mới truy vinh bảy đời cha mẹ”. Đây thì lập thân thành đạo, quý ở nghĩ nhớ hiển bày đời trước. Ngày nay, nếu người chưa đắc đạo, đối với cha mẹ hiện đời này, với lý hợp nên lễ kính. Lại căn cứ Nội kinh nói là: “Cõi nước Diệu Lạc ở phương Tây vốn là do nguyện lực của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà thành”. Vậy, rõ biết chỗ của diệu lạc, tức là nơi Tỳ-kheo cầu nguyện vãng sinh. Lại căn cứ theo Vô Lượng Thọ Quán kinh nói: “Người nguyện sinh về cõi nước Diệu Lạc, trước phải hiếu dưỡng cha mẹ, sau là đầy đủ giới hạnh”. Nhưng kinh xưa chẳng thấy, tức phải quỳ hỏi nghi thức của hiếu vậy. Không kính bái cha mẹ, sao thành hiếu dưỡng? Nay khiến các hàng Tăng ni Đạo sĩ nữ quan kính bái cha mẹ, cũng là chẳng trái với bản giáo (Xin Đàn-hặc: Như chỗ kinh nói, người sinh về Tây phương gồm thông cả đạo tục. Nói hiếu dưỡng cha mẹ, đó là nói rõ nhân của người thế tục vãng sinh. Nói đầy đủ giới hạnh, đó tức là nói rõ nhân của người xuất gia vãng sinh. Đó thì đạo tục cách biệt, tu hành có khác, sao được xen lẫn đồng với hai nhân đó, đều nói là đồng đạo trong dòng họ Thích. Vả lại, hiếu dưỡng khác nghi, đâu chỉ quỳ lễ dương danh đời sau cũng đến đó vậy. Cho nên trong Ngũ Phần Luật nói: “Nếu các Sa-môn ở trên hai vai phải trái cũng đội cha mẹ, cha mẹ ở trên thân đại tiểu tiện dơ bẩn, dẫn có trải qua một kiếp, còn chẳng thể báo ân của trong chốc lát. Còn nếu khuyên bảo cha mẹ nhận biết Tam bảo, Tứ đế, thọ trì năm giới, thực hành mười thiện đạo, thì chỉ trong khoảnh khắc tức đã báo đáp ân sâu của cha mẹ”. Cớ sao như vậy? Những việc đội mang v.v... là người trung thiện, chẳng thể khiến cha mẹ sinh lên cõi trời hay chứng quả Thánh. Nếu khuyên bảo cha mẹ nhận biết Tam bảo, Tứ đế, nhân quả, phát tâm thọ trì trai giới, do nhân duyên ấy tức có thể chứng Thánh. Lại nữa, cũng trong Tứ Phần Luật nói: “Phật dạy các Tỳ-kheo không nên kính bái tất cả các hàng Bach y”. Cha mẹ tuy nói là ở địa vị tôn quý, nhưng trọn đồng thuộc hàng bạch y, Phật dạy không nên lễ bái, nếu lễ bái tức là vùi lấy vô lượng trọng tội. Cùng tột của bất hiếu đâu vượt quá ấy ư?).

Lại nữa, kính cẩn y cứ theo Chu Lễ thì có nghi cửu bái, thứ nhất là cúi đầu, và ghi chú là đầu gục đến sát đất vậy. Lại căn cứ theo Thượng thư nói ở trong kính bái của Võ Ích v.v... đều nói cúi đầu. Đó là cung kính lễ bái Quân vương thông cả xưa nay vậy. Nhưng ngày nay các hàng Tăng Ni lễ bái chánh phải đúng pháp cúi đầu. Do đó, trong kinh Duy Ma nói: “Dẫn chúng theo tĩnh lắng mà cúi đầu”. Nhưng nay nếu khiến các Ni làm phụ nữ quỳ bái, chỉ vì y phục không cân xứng, sợ sai với thường tình. Thánh nhân vô tâm, lấy tâm của trăm họ làm tâm mình, thế

tục thực hành đã lâu không cầu cải đổi. Nay khiến chư ni v.v... bái kính, mong xin đều nên cúi đầu, đó tức là không trái với nghi của xưa nay vậy, thuận với tụng của mọi người (Xin Đàn-hặc rằng: Phàm kẻ sĩ Hy Nhan cũng thuộc loại của Nhan Thừa, của Mộ Ký cũng thuộc loại của ngựa ký. Nay chư ni v.v... giả từ vinh hoa nhập đạo là một không khác, sao riêng lo sai với thường tình, tức muốn khiến đó cúi đầu? Nếu vậy, chẳng cầu xin cải đổi cúi đầu, chưa phải theo thường tình. Đã chẳng theo vậy thì đâu thuận với tụng của mọi người?). Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty tể tự Thừa Đậu Lô Giản v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Phật giáo giảng truyền khuôn phép, nghĩa tại hư tịch; Đạo giáo lập ngôn, lý kết quy tổn bỏ tiếp bái, đâu tự kính chuộng. Nhưng sau vì cao (sự như Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Bí các cục). Nếu là nghi của vua tôi cha con, thứ lớp của cao thấp sang hèn, cùng với Nho giáo phân đường đồng đi. Chỉ vì các hàng Đạo sĩ, Tăng sĩ chưa thông chánh pháp, phân ngôn tịnh giới chưa thể thọ trì bền bỉ, chỉ dựa nương pháp y bình bát để tự tôn sùng (Xin Đàn-hặc rằng: Trong kinh xưng gọi là ca-sa, là tràng tướng của chư Phật, lại nói đồng pháp khí đó. Cho nên trong kinh Thập Luân nói: “Voi chúa thấy người thợ săn đắp mặc pháp y ca-sa, do cung kính đó nên tự nhổ bẻ ngà mình dâng cho thợ săn đó”. Lại nữa, trong luật Tứ Phần nói: “Đại đức Bà-già-đà nhiếp phục rồng độc ở trong bình bát”. Vậy đủ biết công năng của y bát pháp khí chẳng nhỏ, hành trì đó tự quý, sao lại nghi ngờ sâu xa? Vả lại, mang áo bảng thế, Trọng Ni còn kính, huống gì pháp khí y phục đây mà chẳng tôn trọng ư?). Đạo khiêm nhường chỉ huy đã khuyết, hạnh huân tu càng mất. Vậy thì cùng cực của tôn nghiêm vốn thuộc Quân vương thân thích. Chỗ kết quy kính giúp, đạo tục nào khác biệt? Trên động đến Thượng hoàng soi xét, dưới phân chọn lời thô thiển, cải đổi mà trưng bày, xin tuân theo lễ bái. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty vệ tự Khanh Dương Tư Kiệm v.v... bàn nghị.

Cứng rắn dễ gãy, mềm dịu thường còn. Như quạt diệu chỉ của Huyền Phong, khổ nhọc hình cam chịu nhục; nương lời mầu của họ Thích, nên hay khai mở tốt lành cho hàng hạ lưu, hoằng truyền hạnh của Thường Bất Khinh (sự việc như Đàn-hặc trong bàn nghị của Bí Các). Do đó, Thanh văn cúi lễ kính Cư sĩ (Xin Đàn-hặc rằng: Cư sĩ Tịnh Danh hiện bày tướng bệnh ở thành Tỳ-da, thấy có vợ con thường tu phạm hạnh, thấy có quyến thuộc, thường thích xa lìa. Tuy là bạch y mà

phụng trì luật hạnh thanh tịnh của Sa-môn, đã đồng hàng như chư tăng nên bái quỳ hẳn là thường nghi. Huống là hiện bày tâm xưa trước kia đắc pháp, sao dung thứ chẳng mang đội. Dẫn nêu đó làm lệ, sợ chẳng phải nên). Trụ Sử cúi mình trước Chu Vương, đó là thành biểu chức của Sa-môn, lập khuôn mẫu của Đạo sĩ. Từ đó giáng mất khuôn phép tông phong ấy, nhiều đời chìm nghỉm chân lý đó, tập tục lấy theo đường mê đó (Xin Đàn-hặc rằng: Phật giáo lưu truyền vào Trung Hoa, trải qua nhiều bậc anh Thánh. Đã năm lần gặp phải ép buộc kính bái, ba lần bị phế trừ sạch. Đều vì sự lý khó trái, lại tuân theo vết cũ. Nay lấy giữ mê chìm mất lý, tợ hồ thương tổn xa lừa dối). Một người có làm, muôn vật trông thấy đó, giềng mối đất trời đều giá cả trăm vua, xoay chuyển kim luân nơi cảnh thắng, dựng tạo ngọc kinh ở vức huyền, bèn khiến Đạo sĩ trái chân, truy tìm di phong xa của Trụ Sử, nắn sửa giải mở các Sa-môn, tiếp nối tuyệt điển của Thanh văn (Xin Đàn-hặc rằng: Phật giáo nói rõ người có hai hạng, đó là Thanh văn và Bồ-tát. Với hàng Bồ-tát thì hình chất không cố định, ứng hiện tùy loại để thích nghi. Còn hàng Thanh văn cạo bỏ râu tóc đắp mặc pháp y, giữ gìn vết cao mà thành phép tắc. Giáo pháp chế định hàng Thanh văn không nên kính bái hàng bạch y, thuận vì vâng phụng tuân hành, sao gọi là nắn sửa giải mở?). Huống là thái dương tỏa sáng, giữa trời nêu ánh ngời không hai; Đại Đế xưng tôn ứng ngự hoàn vũ tột cùng quý thông ba? Vả lại, Phật giáo và Đạo giáo đặt chế khuôn phép trong tuyệt dung nghi trần tục, nhưng sự chỉ xuất gia, chưa thể trốn vượt nước nhà (Đàn-hặc rằng: Sa-môn sở dĩ không kính bái người thế tục chính vì dứt tuyệt dung nghi trần tục, chẳng phải là kẻ vượt trốn nước nhà. Đến như các vị nghiêm quang can mộc, tài tuấn đồng hàng với Thương Sơn, hoặc ngồi xổm bái yết, hoặc tiếp bái dài, đến đó mà chẳng ở, rửa tai từ chối vinh hoa, dâng hiến đó mà chẳng đến, đó cũng là cao vết ấy vậy, đâu có vượt trốn nước nhà ư?). Đồng bẩm nhận hình ở kiếng chị em dâu, đều kính ngưỡng cảm hóa từ thuần phong tốt đẹp. Đâu có chống kháng lễ kính cung đình, riêng cao khuôn phép châu. Nhưng khinh thường tôn thân ngạo dối huynh trưởng, ở người làm trái ngược tôi vua kính cha, đối với đạo không hiềm ghét. Xét rõ nghĩa đó thì bái quỳ rất là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty ngự tự Thừa Hàn Xử Huyền v.v… bàn nghị.

Lễ không gì chẳng kính, Danh giáo phải đứng đầu. Quân vương và thân phụ đồng vốn chỗ kính chuộng của thường luân, huống hồ chân nhân khéo xuống, diệu ở Hòa Quang! Bồ-tát Thường Bất Khinh, nghĩa

dẹp trừ ngã mạn (sự việc như Đàn-hặc trong bàn nghị của Ty vệ). Đó là sai nhầm nghĩ lo đều đến cùng, phân sóng chung nguồn, do đó giềng mối trăm vua, của cải thành muôn phẩm ấy vậy. Mà các đồng bạn của Sa-môn Đạo sĩ men tập lấy làm thường, tiêu mất kính ái đối với Quân vương thân thích, thực hành cống cao đối với tôn cực, cẩu thả theo tư dục (Đàn-hặc rằng: Sa-môn cắt bỏ râu tóc, xa lìa vinh hoa đua tranh, giữ đạo chẳng cúi khuất, đâu theo tư dục ư? Khác xưng ngôn hạnh, then chốt của quân tử, vinh nhục tại đâu, sao có thể chẳng thận trọng?) Làm rối loạn kinh trời, chấm vết thanh trần của Lai Hương, phụ trái diệu chỉ của Liên Hà (Đàn-hặc rằng: Thông giáo của Liên Hà đều nói khiến các Sa-môn kính bái, tức có tổn hại đối với Quân vương thân thích. Dạy bảo rõ ràng, sao gọi là phụ trái diệu chỉ?). Lắng lời dứt niệm, mới có thể lạnh lòng (Đàn-hặc rằng: Kinh Phạm Võng nói: "Pháp của người xuất gia không nên kính bái Quân vương, cha mẹ". Lại nữa, trong kinh Tát-giá-ni-càn nói: "Nếu người phỉ báng pháp của Thanh văn, Bích-chi Phật, hủy hoại tức đều lưu nạn, các thiện thần vương chẳng ủng hộ nước đó, bốn phương giặc dã dấy nổi. Sông nước khô cạn không điều hòa, dân chúng chết mất nhiều vô số". Nay không tin Phật dạy, ép buộc chư tăng bái quỳ, đó tức là phỉ báng pháp, đó tức là lưu nạn. Nếu lời Phật có nghiêm trừng, thì vở đầu nát thân, không lấy làm bít trách, đâu thể lạnh lòng lắng niệm mà có thể khỏi đó ư?). Như chỗ thấy biết của phàm ngu, kính bái là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tường hình tự Thiếu Khanh Nguyên Đại sĩ v.v… bàn nghị.

Trộm nghĩ, từ khi Phật giáo lưu truyền sang phương Đông đến Bạch mã, chùa chiền bèn dựng tạo; Thanh ngưu lan tỏa đến phương Tây, Đạo quán nối dựng xây, không đâu chẳng soi chiếu kẻ hôn mê, dẫn đưa vọt cao mỹ hóa. Nhưng khuôn phép tôn kính Quân vương chọn lựa khuyết lời, lễ nghi không kính bái nhân theo xưa trước có, chẳng phải nghĩa thẳng tình trái vật, ước cũng lý trái Thánh kinh (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Trung Đại ty liệt). Vả lại, pháp phục chế nghi phô bày khác hẳn phàm lưu thường kính. Liên hoa tòa báu, đâu nói chẳng kính bái đối với Quân vương thân thích? (Đàn-hặc rằng: Đồng vốn từ đá sinh, châu ngọc nhân nước dưỡng thành. Người lấy đó mới ủy truyền đó nêu lầm mê, huống gì Phật giáo sâu mầu, lý khó lén trông can thiệp, không biết mà làm, đó nghĩa là gì ư?). Quân vương có tôn quý của đất trời, kính Quân vương xa phù hợp với kinh giáo. Thân

thích hiển bày ân ban sinh dưỡng, kính bái thân thích xa hợp với nguồn pháp. Vỗ yên ở sự, có ích đối với kinh; vỗ yên ở lý chưa khuyết hại đối với giáo. Dẫn nêu thấy biết của phàm ngu, thiết bày lễ kính là nên. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Đồng văn tự Thừa Tạ Hữu v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, điều trọng của Quân vương và thân thích là sự cùng khắp hạo nhiên, nghi của cung kính, lý suốt danh giáo. Đến như ngưng tâm đường huyền, gieo vết pháp môn, không ai chẳng cung kính thần minh, chẳng khinh phẩm vật (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Ty Ngự). Đâu có buông ngạo đối với chỗ sống, chẳng cúi khuất đối với Quân vương thân phụ. Đã trái với lễ của cung kính thuận vâng, sợ lụy đến nhân cầu đạo (Đàn-hặc rằng: Thật nhân chẳng lụy, mà đó sao như vùi lấp Quân vương thân thích vậy?). Xin đổi phong tục cũ, chuẩn sức nên lễ kính. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Nội phủ giám thừa Liễu Nguyên Trinh v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Lễ không gì chẳng kính, Danh giáo phải đứng đầu; Quân vương thân phụ đồng vốn chỗ kính chuộng của thường luân. Vả lại, sau khi Phật diệt độ, giáo pháp giao phó cho các hàng Quốc vương, khuôn phép buông cuộn, lý cảnh minh thánh (Đàn-hặc rằng: Hữu Xuân Phường bàn nghị nói là: phàm giao phó là do Phật cho là trong thời tượng pháp và mạt pháp, tâm thần dầm mỏng dạt, tà kiến lớn nhiều, chánh pháp suy mất, bốn bộ chúng không sức hoằng tuyên. Do đó, giao phó cho các hàng Quốc vương, khiến các Quốc vương ủng hộ. Nếu như chẳng ủng hộ thì pháp sẽ tự hoại diệt. Đâu nhọc giao phó khiến các vị Quốc vương hoại diệt. Thật hay thay! Ý chỉ được giao phó vậy). Chỉ định chế khác thường nên như người đời, kinh ngạc tâm đồng như sấm sét, quân tử lấy làm xấu hổ, tự ta làm nên mới cao sáng điển pháp nhật nguyệt có thể khiến. Do đó, sao ép buộc tốt lành của gió mưa, như chỗ thấy của phàm ngu, thì kính bái là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty Tân giám Lý Nhân Phương v.v... bàn nghị.

Đạo ái kính nghĩa tận cùng ở Quân vương thân thích, đức cung hòa sự sáng với nơi Thích giáo và Lão giáo. Đâu có sống nhân nhờ cho mà chống kháng lễ đối với trời người. Hình chất bẩm nhận tóc da, bèn đồng tôn quý như cha mẹ. Trông nói phương ngoại, chưa lìa khỏi giữa khoảng

đất trời; trông thấy chỉ phô bày ở tục, còn tại Hoàn vức diêm phù (sự việc như đã Đàn-hặc ở bàn nghị của Ty vệ tự) mà là không kính bái thiên tử, loại chẳng bề tôi của Nghiêm Tuân, bái dùi chí thân, tợ danh mẫu của Tống nhân. Lấy gì làm bến bờ phẩm vựng dẫn dắt hàng phàm thứ? Giáo điển của Thánh trí đâu đến như thế? (Đàn-hặc rằng: Dịch nói: "Mượn dụng cỏ tranh bạc". Lại nói: "Tốn ở dưới giường, phấn nhã tốt lành mới là không trái, chưa có ép khiến kính bái". Lại nói: "Bến bờ tôn mà nhục", đó sao lấy bỏ?). Vâng phụng sắc chiếu bàn nghị tấu trình, cúi xin khiến nên kính bái. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu võ vệ binh tào tham quân Triệu Sùng Tố v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Tam giáo hưng khởi đều thuần khuyên dẫn, phái dòng tuy khác, nhưng hướng thiện đồng kết quy. Dấu vết của Sa-môn và Đạo sĩ hơi khác, lễ nghi của Quân vương và thân thích há cách biệt? Đâu có mới bỏ áo thế tục, bèn cao ngạo lễ dung, cao tiếp cưỡi khiêng mà không bái cúi nghiêm phụ! Đạo giúp kính chẳng đủ, dấu trung hiếu chóng khuyết, mỹ phong ấy của Phật giáo và Lão giáo chưa phải là tốt lành rốt cùng (Đàn-hặc rằng: Trong dẫn ngoài trái ngược, chân tục trái nhau, đâu được lọng múa đầu bút, thương lược huyền cực? Khổng Tử nói: "Chẳng phải Thánh nhân thì không thành pháp". Thật hay thay!). Nay mới ban khuôn phép lập quy chế, đạo đức ngang bằng lễ, kinh điển trái mất, rõ ràng bàn nghị cải đổi, căn cứ lý luận bàn tính, kính bái thật là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu Nhung vệ trưởng sử Lý Nghĩa Phạm v.v... bàn nghị.

Cha hiền con hiếu xuất phát từ kinh trời, vua nghĩa tôi trung vốn có lễ đất. Trọng của tam tôn, Quân vương đứng trên cả; cao của Ngũ giáo, thân phụ xếp đặt đầu. Giềng mối của nhân luân, quy tông của thần tử. Trước Phật giáo và Đạo giáo hưng thạnh lớn mạnh, đạo tục khác thói, sau lấn vượt đồng nương thuộc quốc vương. Liên Hà chế định đó ở chư quân, Lai Hương hết biên ở nhà trời. Huống gì Đức Thích-ca diệt độ, đem giáo pháp giao phó cho các Quốc vương (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của nội phủ giám). Con cháu của Lý Lão khắc thành tạo dựng lớn, Sa-môn và Đạo sĩ thay tục, nắm gương báu vì Quân vương giáng lâm. Giả sử Phật giáo, Đạo giáo tôn nghiêm, địa vị trời càng trọng. Đế vương quốc mẫu tôn quý không gì trên. Cúi đầu chí

thành không ngại ngộ đạo (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Đồng Văn). Lý Chí Chân còn ngày chuyên cần tu, lễ Phật bái trời, càng thành Chánh giác. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu kim ngô vệ tướng quân Tiết Cô Ngô Nhân, Trưởng sử Lưu Văn Tông v.v... bàn nghị.

Đạo giáo lập yếu chỉ, lấy quý ở nhu hòa khiêm nhường; Phật giáo làm tông phong, có còn ở cấp dẫn. Tuy là xa vời ba tiên mà bày vết, nêu đặt chẳng sai ở đồng trần, vượt mười địa mà du thần, tu hành đâu trái với nhẫn nhục. Vả lại, Quân vương thân thích tôn trọng sánh với trời cao mà có đủ, thần tử trung kính, cúi bái mà không trái. Đó mới là kinh lớn của muôn nước, là khuôn phép thường của ngàn đời, sống vội vàng mà hẳn giẫm đạp, ở ít chọn mà khó phế bỏ. Đến như Phật giáo, Đạo giáo chóng thì bỏ lễ đó, chỉ chiếm pháp cống cao, chẳng tu nghi giúp kính (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Ty ngự tự), dối mở di phong tệ hại, thật sai trái với điển pháp thường (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu võ vệ). Chỉ khuôn mẫu khuyên dụ, tuy là lắm nhiều noi theo, đồng đều kết quy vì lợi vật, yên ẩn nghĩa phương, sao kiêu cứ làm dung nghi tiện giẫm đáp địa vức các diệu, kiền thành cung kính bèn cách biệt cảnh chân như (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Tả nhung vệ). Xa tìm chỉ thú, rất là không như vậy! Kính bái Quân vương thân thích thật là thông lý, kính cẩn dốc cả sự nhận biết của phàm ngu ngõ hầu hợp với mưu lớn, rất lo sợ không đáng, lui dùng thẹn sợ. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu giám môn vệ Trung lang tướng Hùng Huyền Dật v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, thân sinh dưới gối, mến thương nuôi dưỡng rất sâu; một người chí tôn, lễ nghi nghiêm kính ấy trọng. Đâu thể vì thân mặc truy phục mà không kính bái Quân vương thân thích? (Đàn-hặc rằng: Thật do vậy nên Phật không cho kính bái người thế tục), đầu đội mũ vàng bèn bỏ mất lễ của thần tử? Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Đoan Duẩn phủ Đoan Duẩn Lý Khoan v.v... bàn nghị.

Phàm, đồ chúng xuất gia, xưng gọi là lìa tục; pháp của thọ giới, khiêm hạ đứng đầu. Đã thấu đạt lý khổ không, dứt bỏ nhân ngã (Đàn-hặc rằng: chẳng kính bái đó là do hành trì chân giáo, đâu phải duyên

còn ngã mà không kính bái ư?) Huống gì Quân vương thân thích tôn quý kính trọng sánh với trời, lễ nghi cúi bái, sự không nghi hoặc. Chỉ vì nhân theo từ đời trước, kính y giới ấy mà bèn vậy (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Ty tể tự). Chỉ có thể Quân vương thân phụ không nhận kính bái ấy, chứ sao được tự tôn trọng? Vả lại, thời tượng pháp và mạt giáo được giao phó cho các vị Quốc vương (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Nội phủ giám). Quốc vương đem thứ lớp cao quý thấp hèn mà chỉ bày, chưa trái với đạo nhất thừa. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả Xuân Phường trung hộ Hạ Lan Mẫn Chi tán thiện Dương Tiết v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Hy Hoàng sâu mầu, kim nhân chẳng ứng điềm ở vân rùa; Hiên Hậu chứa linh, hơi khí tía chưa bày ở dấu vết chim. Kịp từ Lưu Trang tinh cảm, gá thần tưởng ở Đông Lưu, Duẩn hỷ chí thành, thấy vật sắc ở tây xa. Do đó, phạm hóa ở long cung, rưới đức từ đượm nhuần khắp đại thiên, thấm tẩm ngưng chân, xung tịch mở rộng trong hoàn vũ. Tuy lại xa nêu trời dựng, khí trong vô vi; Thể ngang bằng đủ tướng, công sâu tế độ. Không ai chẳng bẩm nhận thần cực để còn pháp đó (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Đoan Duẩn phủ), nhờ di thể mà thọ sinh ấy, đâu có vượt đường tục mà khinh thường pháp chủ, sạch chính mình mà bặt bỏ chỗ sinh? Trung hiếu một lúc đã khuyết thiếu thì Phật giáo và Đạo giáo nương cậy vào đâu? Nay nếu nhờ trung trinh mà ngưng đạo, dời hiếu hạnh mà tu giới, thì phước đủ để hiển bày huyền môn, trung hiếu dùng tỏa sáng thần tử. Nếu như cung kính khắp cả các hàng dân thứ, y cứ theo lý thì còn có thể thông, huống gì chỉ cúi bái Quân vương thân thích không rõ do đâu mà chẳng được? (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Bí các cục). Xin chuẩn cứ theo minh chiếu, kính bái là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu Xuân Phường trung hộ Hác Xử Tuấn, Tán thiện Dương Tư Thánh v.v... bàn nghị.

Trộm nghe, vết đạo hiếm nhỏ, lập lời vốn ở giúp vua; Phật giáo hư tịch, giảng pháp nương tại Quốc vương (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Tả Xuân Phường). Do vì, hơi khí sắc tía, chân dung huyền du trùm tỏa khắp phương Tây; Đồ tướng vàng ròng, diệu chỉ lưu truyền đến phương Đông. Bạn tiên đông đúc nhờ cơ nghiệp trời mà bên trọng, pháp đồ lắm nhiều nương chính sách mà lớn mạnh. Huống gì nay, đức trùm âm dương, đạo bao gồm chân tục, ân đượm động thực còn đợi

đức từ nương dưỡng, huệ ban sinh linh còn nghĩ nhớ thí cho nhân thọ. Chỉ có Phật giáo và Lão giáo từ trước đến nay xa vời hư dối (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu Kim Ngô Vệ), đã tổn hại chân điển lại khuyết mất tứ đại, riêng tin hóa nhân, chẳng tuân theo tam hữu. Chúa thượng tôn sùng nghi thức hiếu kính, đôn đốc hành lễ bái quỳ, bèn ban phát luân cáo khiến kính bái Quân vương, Hoàng hậu, Thái tử cho đến cả mẹ cha, chẳng ngay đến cả thứ liêu thỏa thích (Đàn-hặc rằng: bàn nghị không kính bái, người hết gần hơn một nửa. Nay nói đến thứ liêu thỏa thích, sao sai lầm vậy ư?). Ước cũng ban bày khuôn phép cho tương lai. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ty canh tự Thừa Trương Ước v.v... bàn nghị.

Phật giáo mở tục, Nho phong khuôn phép cảm hóa. Tức đường tuy nói khác vết, chứng lý thật là đồng kết quy (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu thanh đạo vệ). Không ai chẳng phấn đượm nhân nghĩa, thuyền kiệu cung kiệm, sau đó khắc xiển mưu huyền để tỏa ngời xa lớn. Cớ sao trung là lệnh đức, hiếu thật kinh trời, chỉ Quân vương chỉ thân phụ đồng lấy cung kính ấy, mượn khiếu thực hành vượt ngoài vật, đạo trùm cả nhân sư. Đâu có thể lớn nâng cao đối với thân thích trông nhìn lại, chống tay ở tôn quý của cửa cung. Sự phải vừa biến đổi chưa thể kéo dây (Đàn-hặc rằng: chánh vì Quân vương thân thích dung dưỡng, dùng phương ngoại khai mở, chống tay nâng cao, đâu phải tự làm ư?). Quân vương thân phụ tôn nghiêm, tỏ bày kính bái rất là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả điển nhung vệ thương tào Vương Tư Cửu v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, sông ngòi dòng nhỏ trọn chầu chủ ở bể cả, ánh lửa đóm đèn chưa sáng cuối cùng kết quy tỏa ngời nơi nhật nguyệt. Nên biết, vật có sâu dày, còn lấy quý ở tên chung. Huống gì ở Quân vương thân thích chẳng gì lớn bằng mà có bỏ nghiêm túc. Kịp lúc quan ải nổi hơi khí sắc tía, tháp tỏa chiếu kim dung. Lão giáo và Phật giáo đều lớn mạnh pháp giáo, chỉ vì pháp giáo lưu truyền khắp, sự việc do từ Quân vương Hoàng hậu. Người xuất gia lìa tục, mạng ở tôn thân, bèn khiến ân chở che vất bỏ mà chẳng đền đáp (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của phụng thường). Lễ nghi của sang hèn dẹp trừ mà chẳng tu. Đã khuyết mất việc làm người lại có tổn thương lễ luật (đàn hạc rằng: Nội ngoại đã khác nhau, sao có thể bó buộc ở lễ luật ư?). Nêu dấu vết

Thánh nhân nghĩ hơi đến cỏ rơm, nhẹ tỏ bày thấy biết hẹp hòi, theo kính bái là thỏa đáng. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu điển nhung vệ tướng quân Hộc Tư Kính tắc v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, tam giáo khác đường đều cùng cực ở đạo tôn sùng; ngũ nghi đồng đặt thật sáng tỏa khuôn phép nghiêm kính. Mà Phật giáo và Lão giáo vốn mong cầu hư tịch, pháp của Chu Khổng kết quy ở giáo nghĩa. Nếu như là lễ của vua tôi, hẳn không khác với hình dung của Sa-môn và Đạo sĩ (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Ty canh tự). Cha con đâu có cách biệt ở Hiền trí, sùng tạo đã lâu tích tập cùng men theo tổn ích, chỉ nên thỏa xứng kết quy ở minh thánh. Các thần v.v... chúng tôi dò hỏi bàn nghị xin theo lễ bái, Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả ty ngự vệ trưởng sử Mã Đại Sư v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, ánh sáng phân tỏa làm hai, thật là hiển bày dung nghi của cao quý và thấp hèn! Ngôi vị bày sắp tam tài, dẫn rõ tánh của cha con! Sáng tỏ thay! Lễ nghi của ái kính cùng với đất trời mà đồng sinh, trung nghĩa của vua tôi chung cùng tạo hóa mà đều lập. Đến như kim nhân khai mở trong mộng, tuệ nhật mới ló bày, hơi khí sắc tía hiện nỗi nơi quan ải, Huyền Phong bắt đầu thổi quạt. Đó là dấy nơi nổi trung cổ, giáo bắt đầu dần chuyển dời. Tuy là mỗi mỗi tự thiết bày pháp môn, bến bờ thứ phẩm, rốt cùng đó chỉ kết quy nhóm hợp tại Nho tông (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Ty canh tự). Che chở thế tục đã là đồng phương, tuân kính nào phiền khác lỗi. Hẳn đem đạo thể làm khác, có phạm chưa hợp chuẩn mực trái (Đàn-hặc rằng: có phạm tức trái chuẩn mực chư tăng, lại ngược sao có thể không tội khiên? Giữ đạo thiết bày lễ có cho Quân vương thân thích) Di giáo chế định tại các Quân vương, thiết bày bái lễ sao dung không được? (sự việc như Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Tả Xuân Phường). Huống gì giáo điển tam thừa, không nghe lời kinh ngạo dối; giáo pháp ngũ thiên đâu biên ghi nghĩa khoe dối? Kính trong tôn thân nào phòng ngại trọng đạo, lễ bái quân chủ đâu phế bỏ tìm chân (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Hữu nhung vệ). Vả lại, cắt lóc đùi vế, xả bỏ đầu ác còn không kêu than khổ, tôn kính Quân vương mến ái thân phụ, sao liền từ khó nhọc? (Đàn-hặc rằng: Vì cắt lóc đùi vế, xả bỏ đầu là có lợi ích nên không kêu khổ. Kính trọng Quân vương, mến ái thân phụ, vì lo sợ có tổn hại, đâu dám chối từ khó nhọc?). Tham luyện phải quấy, kính bái thật là được.

Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu ty ngự vệ trưởng sử Thôi Sùng Nghiệp v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Tạng sử lập ngôn chẳng tiến mất nghĩa vua tôi; Năng nhân xiển giáo trước tiên tôn sùng phong hóa hiếu kính. Giả sử đạo đặt để cưỡi chim le le còn cúi mình mà giảng lễ, nghiệp thành bưng ngựa còn mang ban thí mà nghĩ ân (Đàn-hặc rằng: mang ban thí, trong giáo điển có thành văn, còn cúi bái trong kinh không nói thế). Huống hồ còn bước đường tục, đồng thọ hưởng Thánh hóa, đâu có trộm danh y phục sắc vàng bèn quên công ngưng độc, gá vết cửa đen liền bỏ sót đức đoái hoài lại? Ngạo vật tự hành ở chính mình, cao nhìn Vương hầu, ngã mạn lấy làm tâm bái dài cha mẹ (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Trung đài ty liệt). Tìm cầu đó ở đời trước lâu ngưng trệ mê phương hoàng gia, cửa nẽo trăm vua lắng thải ngàn xưa. Sự chẳng hại chính mình, sách dung nghi có thể men theo; thời cuộc có khuyết mỹ phong, lý nên đổi thay tệ hại (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Bí các cục). Vả lại, bốn đại ngang bằng đức, đâu khiến tuân đạo mà chẳng tuân Quân vương? Tam giáo đồng đều danh xưng (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Tả ty ngự), sao riêng kính sùng Thích giáo mà chẳng kính sùng Khổng giáo? Nay nếu chánh nghi thức đó mà hủy giáo đó, thiết bày kính cung hẳn phải nghi ngờ (Đàn-hặc rằng: Thật phải thay đâu phiền đến lầm hoặc ư?) Cúi khuất thân đó mà đạo còn, thêm lễ bái sao lầm hoặc? Trọng dùng bất khinh nhiếp hạnh, càng phù hợp với khuôn phép của chân tế (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Đồng Văn Tự), gìn giữ xuống ngự tình, càng hợp với mẫu mực của xung hư. Thứ tuân theo sắc chiếu, nhẹ dâng lời thô thiển, giữ lễ kính bái thật hài hòa đều bàn nghị. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả Thanh đạo vệ trưởng sử Tương Thân Trụ v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Phật giáo và Đạo giáo đều nương thừa Huyền Hóa; tuy là đen vàng có khác, nhưng chí ý kiến thành cung kính không khác. Nên khiến bái quỳ để tỏ bày sự tôn kính của thần tử (bề tôi và con) (Đàn-hặc rằng: Dấu vết của Sa-môn vượt phương ngoài bến bờ của nước nhà, xưng gọi khác với thần tử bái kính. Sao dự can dẫn khách?). Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả sùng dịch vệ trưởng sử Đậu Thượng Nghĩa v.v... bàn nghị.

Lời huyền của lai tỉnh, hai chương tận cùng ở cốc; yếu chỉ sâu mầu của Quật Viên (Kỳ-xà-quật và Kỳ viên), muôn vật còn ở bất khinh (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu ty ngự). Huống gì Quân vương thân thích, gồm cả cùng cực, bái quỳ còn đơn giản. Há chẳng phải tuyệt bỏ cung kính bên trong mà nắn sửa dấu vết bên ngoài ư? (Đàn-hặc rằng: Hành đạo vì đáp bốn ân, đâu sửa nắn dấu vết bên ngoài? Đức nuôi dưỡng vốn tam hữu, đâu tuyệt bỏ cung kính ở bên trong ư? May thay! Tử Tư không lắm nhiều lời vậy). Như thấy có suy lường, mong khiến nên bái lễ. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu sùng dịch vệ trưởng sử Lý Hạnh Mẫn v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Phật giáo và Lão giáo ngôn ngữ dấu vết tuy khác, nhưng lý cung kính tùy thuận nhã đồng như vết Nho tông (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu ty vệ). Đâu có nơi tôn quý cùng cực, chống kháng tiếp bái v.v... ở bằng giao? Trước có Sư tăng, bái cúi quá ở kiệu đen (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Tả Oai vệ), đã kinh ngạc vật bàn nghị. Vả lại, tệ hại chương thường, cải đổi phong tục xưa cũ ấy, đều có nghĩa là thỏa đáng (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Hữu ty ngự vệ). Huống hồ Hoàng Quan đội nhờ mừng vui của cơ nghiệp trời, Sa-môn nương cậy trọng trách của giao phó (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Tả ty ngự vệ). Khó nhọc hết cả ân sinh dưỡng, muốn báo đáp tỏ bày nghĩa hạo nhiên. Pháp của Phật giáo và Đạo giáo, lập lờ ngang trái đối với điển pháp thường, chỗ của ngũ kính, cúi bái thỏa đáng hợp với nghi thường. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Tả phụng dụ vệ trưởng sử Khâu Thần Tỉnh v.v... bàn nghị.

Phàm, nhị nghi mới mở, đạo vua tôi liền tỏa sáng; tam tài vừa phân, tình cha con liền có đó. Không ai chẳng dốc cả tay chân đồng tuân ái kính. Nên biết, vua tôi cha con bẩm tánh tự thiên nhiên, cực tôn cực thân, không hề gián cách, còn như Phật giáo và Đạo giáo ngày gần đây mới được tôn sùng. Phật giáo thì dấy khởi ở thời nhà Hán, Đạo giáo có ngay trong thời tiền Tống. Thảy đều duyên từ thời cuộc Quân vương có sắc chỉ, cha mẹ tiếp thừa ân, mới nhuận truy y và xưng là

nhập đạo. Nếu không nơi bẩm nhận, ắt chẳng được lìa tục. Lìa tục tuy nói dứt tuyệt cảnh hành tập đạo, nhưng vẫn ở trong hoàn vũ (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của ty tân). Khắp nước nhà đều nói là vua tôi, chẳng nghe lấy đạo tục mà hạn định (sự việc như đã Đàn-hặc trong bàn nghị của Tả thanh đạo vệ). Cha sinh mẹ dưỡng võng cực khó đáp ở pháp. Tuy nói dứt tuyệt cảnh trần tại thâm phải dốc nhân nghĩa, đâu dung làm bất thần, chưa từng hiệu kiểm tiết tháo, làm con chưa trải bày ấm mát. Nương thừa ân mới biến đổi y phục sắc trắng, cạo bỏ râu tóc nơi thật là vào đạo, nhân đó ngạo dối khinh mạn Quân vương, xem thường thân thích, cao tiếp Đế vương chẳng bái cha mẹ. Làm bề tôi để lại lỗi khoan đãi, làm phận con chuốt nhận tội bất kính (sự việc như đã Đàn-hặc ở trong bàn nghị của Tả thanh đạo vệ). Các hàng dong ngu tự cho hợp vậy, đời trước hỷ thứ không nhận biết đó (Đàn-hặc rằng: xưa kia vua Minh Đế (Lưu Trang 56-78) thời Hậu Hán cúi lễ kính tôn giả Ca-diếp Ma-đằng; Ngô Tôn Quyền cúi khuất tiết tháo đối trước Khương Tăng Hội; Triệu Bái Trừng Thượng sủng kính ban tặng y gấm; thời nhà Tần, Sa-môn Đạo An vẻ vang cùng dự đồng bạn. Đó đều là những bậc đức hạnh cao vút vạn thừa, đạo giáng rất mực tôn quý, huống hồ mười nhà khó lừa dối, mà nói hàng dong ngu không hay biết ư?). Nhân theo từ lâu thực hành đó không cải đổi. Thánh thượng trọng tiếp nối hoàng cực muốn cải đổi điều chẳng chiếu trước, chính sửa muôn sinh nghĩ tuân theo Danh giáo, bèn ban luân chỉ, nghiêm sức tỏa sáng điển pháp thường. Sợ sai trái với thường tình, nên đặc biệt bảo ban khiến cùng bàn nghị rõ ràng. Kính cẩn xét tìm theo Phật giáo và Đạo giáo, thấy ở Di Văn nói ngã mạn kiêu căng tự cao là người khó độ (Đàn-hặc rằng: Giữ đạo chẳng cúi khuất sao gọi là kiêu căng cao ngạo ư?). Thân gồm thừa sự khiêm ước, không mất xung huy, tư duy lời ấy nghĩa ấy thấy vậy. Nhập đạo đã thành vượt nỗi giữ hư không khống ngư chim hạc; tu thiền định sâu, chứng đắc năm thứ thần thông. Các hạng như vậy còn nguyện cúi thấp, huống gì Tăng Ni dong ngu, hiện ở nơi đất vua, chỉ vận mặc áo đen khác tục, còn những việc khác hiếm biết (Đàn-hặc rằng: Mạn Hiến nói: Nói sao đơn giản vậy? Nói sao đơn giản vậy? Tiếc thay! Phàm nội của Sa-môn, công phu hạnh nghiệp thật lắm nhiều, từ lúc có Thánh triều trở lại nay có cũng không ít. Vả lại, chư tăng thạnh đức ở chốn đế kinh đông nhiều như rừng, lược nêu cử mười khoa, điền khai chưa dụ hiểu. Đến như phiên dịch thì có các Sa-môn Ba Phả, Huyền Trang v.v... nghĩa giải thì có Sa-môn Tăng Biện, Pháp Thường, v.v...; Hành tập thiền định thì có Sa-môn Đàm Thiên, Tuệ Nhân v.v...; hộ pháp

thì có Sa-môn Pháp Lâm, Minh Chiêm v.v...; thông rành luật thì có Sa-môn Huyền Uyển, Trí Thủ v.v...; cảm thông thì có Sa-môn Thông Đạt, Chuyển Minh v.v...; xả thân thì có Sa-môn Huyền Lãm, Pháp Khoáng v.v...; đọc tụng thì có Sa-môn Tuệ Thuyên, Không Tạng v.v...; tiếng tăm đức hạnh thì có Sa-môn Tín Khải, Pháp Diễm v.v...; Hoằng phước thì có Sa-môn Đức Mỹ, Trí Hưng v.v... Các hàng như vậy đủ như nêu bày trong sách sử chư tăng, mà nói hiếm ít biết các việc khác, sao lắm đồng với sấm sét vậy?). Chỉ tự kiêu căng tự cao, mong ở trên người, tìm xét đó ở Phật giáo, nghĩa ấy không nghe. Phàm nói là người, chuẩn cứ theo kinh, phải bái kính. Huống gì ở cực tôn đều là cha mẹ, muốn khiến cúi bái, nghĩa không gì chẳng thể. Các hàng Tăng ni Đạo sĩ, nữ Đạo sĩ đó đối với Quân vương, Hoàng hậu, Hoàng thái tử và cả cha mẹ họ, đều tin chuẩn sắc khiến nên bái quỳ, ngõ hầu khiến tỏa sáng khiêm luy của Phật giáo, Đạo giáo, Danh giáo của muôn đời. Kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Hữu phụng dụ vệ suất Vi Hoài Kính v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, tam giáo ngũ nghi đều thấu cùng rõ tưởng, khác đường nhất trí hẳn chờ đợi tôn nghiêm. Phật giáo và Đạo giáo dạy răn thời nào tôn sùng cũng là việc chính. Chu Khổng thì báo thế tục nghiêm kính lấy làm đầu. Bèn khiến các hàng Sa-môn vất bỏ trâm cài kính phụng giáo pháp, các hàng Đạo sĩ nghiêm khiết ánh ngời lưu tỏa hương thơm, làm mẫu mực của trăm đời, làm chuẩn đích của ngàn năm. Vả lại, đan sinh anh linh từ Xá vệ, đạo phát từ Thi tỳ. Đã có ân của mẹ con (sự việc như đã Đàn-hặc ở bàn nghị của Hữu ty ngự vệ) đâu cách biệt lễ nghi của vua tôi? Đen vàng tuy khác, nhưng hiền trí nào sai? Cúi bái Quân vương thân thích thật trái với pháp điển xưa (Đàn-hặc rằng: căn cứ theo giáo điển để khiến kính bái, có ích lợi hay có tổn hại ư? Đâu thể vì trái pháp điển xưa mà chẳng kính bái ư? Nếu có tổn hại thì đâu vì thuận pháp điển xưa mà khiến kính bái? Nay chỉ có thể ước ở tổn hại hay ích lợi mà đề xướng lời, không thể y cứ trái thuận mà tỏ bày bàn nghị). Không Thánh tức y như xưa cũ, có Thánh tức pháp điển đổi thay. Pháp đã đợi Thánh mà dấy khởi, cũng mong duyên dấy khởi mà cải đổi pháp. Tào Ty đều cùng bàn nghị, xin theo lễ bái, kính cẩn bàn nghị.

Trạng văn của Ung Châu ty công Lưu Nhân Duệ v.v... bàn nghị.

Trộm nghĩ, Huyền Phong bắt đầu thoảng tỏa, chẳng ai trước so với Bá Dương; gồm các huyền diệu mà nhún nhường, cao gá ngoài vật.

Cùng tận quần sinh ở đạo đức, trước tượng đế bút tuyên làm phương thức của con, tặng lời ni phụ biên tả lễ của phụng sự quân vương, theo đạo nhà Chu mà hành. Thần công dùng mà không tên, thì hóa lưu tỏa mà chẳng lường. Người hay truyền đạo, nghĩa đó ở đâu? Huống gì đạo khác không đồng, người chẳng phải cô xạ, trận sánh với đức của Hà Thượng, chẳng tuân theo khuôn phép của Trụ Hạ. Dối đàm sách bắt bóng, tự lấy lễ thuận phong, kiêu căng ngạo lối đối với nước nhà, dứt bỏ trung hiếu đối với Quân vương thân thích, có thấy hình dung đó, từng không thẹn làm. Cho đến khi Thanh ngưu theo hướng Tây xa giẫm trải lưu sa mà hóa hồ (Đàn-hặc rằng: Ngụy lược Tây Vức truyện nói là nước Lâm Nghê có thần nhân tên là Sa Luật, tuổi già tóc bạc, tướng trạng tợ Lão Tử, thường dạy người làm phù đồ. Người nào mắc phải tai họa, cho đến không con nối dõi v.v... chuyên cần thực hành phù đồ, nghiêm trì trai giới, xả thí của cải để chuộc tội khiên. Bấy giờ, vua nước Lâm Nghê đã lâu không có con, nhân đó cúng tế phù đồ, Hoàng Phi Ma Da mộng thấy voi trắng mà bèn mang thai. Đến lúc Thái tử chào đời theo phía hông bên hữu mà ra, tự nhiên có búi tóc, vừa rơi nơi đất liền đi được bảy bước, hình dáng tợ Phật. Do cúng tế phù đồ mà có được con nên đặt gọi tên Thái tử là Phật Đồ. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-166 trước Tây lịch) thuộc đời vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-8- Tây lịch) thời Tây Hán, Tần Cảnh đi sứ đến nước Nguyệt Chi, vua nước đó bảo Thái tử chỉ nói miệng trao truyền cho Tần Cảnh. Do đó kinh giáo Phù đồ ở đời tiền Hán đã sớm hành hóa. Sau đó sáu mươi ba năm, vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán mới mộng thấy điềm lành vậy. Tần Cảnh lưu truyền kinh giáo, chẳng nói Lão Tử hóa hồ làm Phật, kinh là do Lão Tử nói. Trang Tạp Lục ở thời nhà Tấn nói: Đạo sĩ Vương Phù từng cùng Sa-môn Bạch Viễn chống kháng bàn luận. Vương Phù thường bị khuất chịu, bèn cải đổi Tây Vức truyện làm thành Minh Oai Hóa Hồ kinh, đề ghi thần nhân Sa Luật ấy là Lão Tử, cong vặn an ủi dối hoặc người đời, nói Y Hỷ và Lão Đam hóa hồ làm Phật. Phật phát xuất từ đó. Trong Cao Tăng truyện của Bùi Tử Dã nói: trong khoảng đời vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 290-307) thời Tây Tấn, Sa-môn Bạch Viễn tự là Pháp Tổ từng cùng Thái thú Vương Phù; có thuyết khác nói là Đạo sĩ có công lần lượt cùng tranh luận tà chánh. Vương Phù từng bị khuất phục, đã tức giận chẳng thể tự nhẫn chịu, mới gá Tây Vức truyện mà làm Hóa Hồ Kinh để vu khống Phật pháp, bèn lưu hành nơi đời, ương họa có chỗ kết quy, để lại tai hại nhiều năm. Trong U Minh Lục nói rằng: Lý Thông ở Bồ Thành chết rồi sống lại nói thấy Sa-môn Pháp Tổ vì vua Diêm la

mà giảng kinh Thủ Lăng Nghiêm; lại thấy Đạo sĩ Vương Phù thân mình bị gông cùm, cầu xin sám hối Sa-môn Pháp Tổ, mà Sa-môn Pháp Tồ chẳng đến. Cô phụ thánh nhân, chết mới nghĩ suy hối hận. Lại căn cứ theo Hậu Hán ký của Viên Hoằng, Cao Sĩ truyện của Hoàng Phủ v.v... đều không có phần văn nói Lão Tử hóa hồ làm Phật. Ngày nay ở triều đình, quân tử hiểu biết rộng rãi có lắm nhiều, đâu có thể lấp bít tai mắt, trộm linh, chỉ nai làm ngựa, tin có thể gọi là đàm nói hư dối luống trống, nhọc an sàn tai người vậy). Bèn có bạch mã đến phương Đông, vượt núi thông mà ứng mộng thời nhà Hán. Hoằng thông bối diệp nhờ từ diệu liên hoa, thực hành lấy cung kính khắp cùng làm đầu, giáo nghĩa lấy bất khinh làm gốc (sự việc như đã Đàn-hặc ở bàn nghị của Tả sùng dịch), y phục dung mạo tuy khác, nhưng đồng thú hướng vô vi. Khách khắp nước nhà chưa nghe ai là không con của cha; dưới khoảng trời rộng, chẳng thấy ai lại không phải tôi của vua. Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường đã nhận định trước sau đều nên lễ bái chí kính, đoán chắc cũng có thể biết vậy (Đàn-hặc rằng: Trong niên hiệu Trinh Quán, sắc chiếu ban truyền chỉ nêu chỗ tôn quý của hệ thuộc hoàng gia, rất không có văn từ. Khiến kính bái, chỉ có nói trước sau, nay mới xếp bày khiến kính bái. Đó tức là phụ trái sắc văn, tội khiên mất yếu chỉ, ai trọng ai đó?). Nhiều đời đượm thấm lắm nhiều, từng chẳng anh tài nhận biết trước (Đàn-hặc rằng: Từ khi Phật giáo lưu truyền ở thời nhà Hán đến nay đã hơn sáu trăm năm. Trong thời gian đó, ở thời nhà Tấn có Sưu Băng; thời Ngụy Sở có Hoàn Huyền, Hách Liên; ở thời Tiền Tống có vua Võ Đế. Qua thời nhà Tề, thời nhà Tùy v.v... các Quân vương đều ép chư tăng kính bái, nhưng vì sự việc trái quấy, do đó đều thỏa đáng tìm theo khuôn vết xưa cũ mà thôi. Nói các đời đượm thấm lắm nhiều từng chẳng anh tài nhận biết trước, há chẳng là ra mặt khinh thường Thánh chỉ, vu khống các anh tài ư?). Bệ hạ nương đất trời ngự biện, giảm năm lên ba, chấn chỉnh giềng mối suy hại, làm nên then chốt của muôn nước, đâu nhọc cải đổi ca vịnh của tiếng hồ ly, giúp thân phụ. Phụng sự quân vương, mới tạm biến đổi phong tục của Thiên Trúc, tự nước nhà xếp đặt hình luật. Kính cẩn bàn nghị.

■

TỔNG TẬP VỀ NHỮNG ĐIỀU SA-MÔN KHÔNG NÊN KÍNH BÁI THẾ TỤC

Đời Đường, Sa-môn Thích Ngạn Tông ở chùa Hoằng Phước biên soạn.

QUYỂN 6

THIÊN THỨ BA: BÀN NGHỊ NÊN KÍNH BÁI (Tiếp Theo)

- Về trạng văn: Trạng văn của Sa-môn Huyền Phạm ở chùa Phổ Quang đối chất bàn nghị (có một bài).

- Về văn tấu: Tấu văn của Trung đài ty lễ Thái thường bá lũng tây Vương Bác Xoa v.v... bàn nghị tấu trình (có một bài).

- Về chiếu văn: Chiếu văn đình chỉ việc Sa-môn kính bái Vương giả (có một bài).

- Về biểu văn: Biểu văn của Lão nhân Trình Sĩ Ngung ở kinh ấp v.v... tấu xin các hàng xuất gia nam nữ không nên kính bái thân thích (có một bài).

Biểu văn của Trực đông đài Phùng Thần Đức v.v... tấu xin như cũ, các hàng Tăng ni v.v..., không nên kính bái thân thích (có một bài và tấu trình những việc trước sau của Phật đạo).

- Về Khải văn: Khải văn của Sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh v.v... lại dâng Vinh Quốc phu nhân Dương Thị xin luận bàn không nên kính bái thân thích (có một bài).

- Về biểu văn: Biểu văn của Sa-môn Oai Tú ở chùa Đại Trang Nghiêm dâng lễ xin y theo nội giáo, không nên kính bái cha mẹ (có một bài).

Biểu văn của Sa-môn Tỉnh Mại phiên dịch kinh ở chùa Cung Ngọc Hoa v.v..., trình Tăng ni kính bái thân thích có tổn hại (có một bài).

Biểu văn của Sa-môn Sùng Đạt ở chùa Thiền Cư tại Tương châu dâng xin Tăng ni nói cha mẹ đồng với Quân vương không nhận sự kính bái của các hàng nam nữ xuất gia (có một bài).

Trạng văn của Sa-môn Huyền Phạm ở chùa Phổ Quang đối chất bàn nghị việc kính vái.

Sa-môn Huyền Phạm tôi dám tấu dâng trạng văn đến Trung Đài

Vương công hầu các quan liêu v.v... Chỉ vì Huyền Phạm tôi tuy chẳng dự xen trong hàng bàn nghị, mà trộm có chỗ nghe xưa trước, Đại đức Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô Sơn gặp phải thời cuộc số vận, bèn tạo luận "Sa-môn bất kính Vương giả" gồm năm chương, lý nêu thấu sâu mầu, hỏi đáp huyền vi. Tôi sắp muốn chọn lấy tấu trình nhưng chợt tìm thấy khó hiểu. Nay lược thuật điển ký nội ngoại để làm minh chứng lý không kính bái, kính cẩn đem trạng văn dâng trình, xin nghiêm trừng bàn nghị kính bái.

Phàm, trời tuy rất cao, hẳn mang ánh sáng của nhật nguyệt, đất tuy rất dày, hẳn có chuyển hóa núi rộng. Thánh giả tuy tiếng chấn động đến cõi u tịch, cũng hẳn nhờ các bậc hiền tài của con em trăm họ trợ giúp vậy. Vua đã dùng lễ để sai sử bề tôi, bề tôi phải dùng trung để phụng sự vua. Nếu chẳng sân đình tranh cải đó chưa xong thì sợ cơ phát ở chính mình vậy. Chỉ vì Phật pháp là ngoài khu vức, vượt tôn quý của tứ đại, quá ngoài hoàn vũ, vượt nghĩa tại tam, xướng đức từ vô duyên, hoằng pháp hóa không lời, minh công ngầm vận, nên nói gội nhuần mà thửa đượm thì hạng người trung dung cho là vô ích vậy. Bởi vì chẳng tỏ ngộ chỗ xả bỏ đó vậy. Nên tiên triều đề tựa Thánh giáo nói: "Âm dương diệu khó cùng, bởi vì nó không hình, Phật đạo sùng hư cưỡi u khổng tịch, hoằng tế muôn loài, điển ngự mười phương ấy vậy". Nay tuệ nhật đã ẩn ngầm ánh sáng, tượng giáo mờ vận chuyên, nắm giữ pháp hòa kính, nếu chẳng phải chư tăng thì ai? Nên ở trong kinh, Phật bảo Bồ-tát Tín Tướng rằng: "Ta nói Tam bảo chỉ là một thể, không có tướng riêng, ở trong thời tượng pháp truyền trì sẽ ở đó vậy". Như A-thứ-già lễ kính tiểu tăng dụ dỗ tôi tà để lẫn lộn đầu chúng, há chẳng phải thể đạo có thể còn ư? Nay muốn khiến các hàng Tăng Ni khum mình nơi lễ nghi, khổ nhọc nơi bái tiếp, là đặt để Phật kính bái người, chẳng phải đem người kính phụng pháp. Như biện tích phiêu thêm ở đầu chân, thật là xoay trở đổi thay rất lắm vậy. Vả lại, Quân vương có ba thường chẳng bề tôi, có năm tạm chẳng bề tôi, có bốn chẳng danh xưng, có một chẳng bề tôi. Thượng thư nói: "Ngu Vương đang ở tại ngôi vị, Đế Thuấn chẳng bề tôi sắc son". Thi nói: "có khách có khách". Cũng bạch ấy, đó tức là sau, tiếp thừa hai Quân vương. Hoàng đế còn chỗ chẳng bề tôi, huống hồ chư tăng đang là nối dõi Đại thánh, sao đủ bảo kính bái Quân vương? Khách thứ lớp của nước nhà, sao dự mất lễ nghi, mà cho là khinh thường lễ đối với bốn chúng, dùng phối hợp kính cung đối với một người? Đó là Bồ-tát Tỳ-kheo tình quên vật ngã, huống gì nay tôn ty thứ vị khác biệt, rất không phải sánh chẳn. Lại nêu cử tịnh danh

mà chấp lấy cúi đầu, dẫn biết pháp mà rước chuốt kính cung. Xưa kia, hàm trượng đối với hàng tân học chẳng quán sát căn cơ mà trau chuốt, bởi vì trong đó quên ý này, tông chủ chỉ là bán tự (nửa chữ) vậy. Do đó mất tướng cúi đầu, không tưởng tiếp chân, mới lẫn lộn trắng đen ở một thời, hết sạch tánh tướng ở muôn xưa. Đó đều là quyền xảo phương tiện của bậc Đạo sĩ, thật chưa thể dùng hàng tiểu có làm chuẩn khắp. Nên trong kinh Niết-bàn nói: "Ta vì các Bồ-tát nói kệ tụng như vậy". Nay vì hàng Thanh văn rất mực nghiêm trì giới luật niên lạp, lại biết chấp giữ oai nghi, đó chẳng phải trong khinh ngạo bội nghịch Quân vương thân thuộc, mà bởi muốn sùng quý nước nhà, vì làm lợi ích tất cả thần dân ấy vậy. Lại nữa, trong Chánh Lý Luận nói: "Các hàng trời thần chẳng dám mong cầu nhận sự kính lễ của người trì năm giới; như Quân chủ các nước cũng chẳng mong cầu hàng Tỳ-kheo kính bái, vì sợ tổn mất công đức và giảm mất thọ mạng vậy". Mà nay muốn dùng giáo điển của Chu Khổng để thực hành đó, đè ép đó để theo lễ của thế tục, trộm làm nhân giả chẳng lấy vậy. Lại nữa, các hàng Tăng Ni chẳng phải phân loại, tánh chọn nhung man, bẩm chất Trung Hoa mà pháp ở tứ di, tiếp thừa nạo cắt mà làm lớn mạnh Tam bảo. Căn cứ vào giáo điển ấy thì có kính bái Quân vương thân thích là tổn hại, tập tu pháp đó thì giúp nước nhà có lợi ích, sợ ép chèn lời Thánh, tai họa tự chuốc phạm. Trong luật Tứ Phần nói: "Khiến sử cung kính người già, không nên lễ bái hàng bạch y". Chánh vì chẳng ràng buộc bởi tước lộc, khác lưới tục ở nơi điển huấn vậy. Vương Chế nói: "Tông miếu có kẻ chẳng thuận, bởi không dùng tước vị; núi sông có thần kỳ mà chẳng cử, vì triệt mất chẳng thuận". Huống hồ Tăng Ni đòi kính quý của quỷ thần, trái ngược lễ của cha mẹ, nếu khiến chánh giáo chìm đắm trong dơ bẩn ấy, sợ khổ thần minh chẳng tương giao an thái, nơi phước khánh chẳng đượm nhuần, tai hại muôn sinh, họa loạn xảy ra biết bao, mà hàm linh phế bỏ phong hóa thành tục, trụ từ khuyết thiếu dạy răn kẻ ngu mờ. Thần dân khắp nước nhà thuận theo tập tục mà chuyển dần bại hoại, không thể tự làm mới đối với thầy dạy bảo, có giúp nước nhà ở phần giáo hóa ấy vậy.

Trong kinh Phạm Võng nói: "Chẳng kính bái Quân vương, thân thích, quỷ thần rõ biết vậy". Vả lại, đượm khắp chẳng lễ bái, chẳng mất dung tiết, huống gì mới cắt tiệt chẳng phải nghi thức của buộc dãi, râu tóc cạo bỏ không nghiêm sức cúi đầu, đối với mỹ phong của trường lớp, khuôn phép triều thể dần đến biến đổi quái lạ. Phật là pháp hóa tuyệt vức khác tục, hết hơi khí của trung hòa thuận động, thật tế của còn mất gởi gắm nơi người vậy. Trong Đại truyện nói: "Ngày mồng một tháng

giêng, chỗ chẳng thêm tức chỗ Quân tử không bề tôi, chưa như chỗ dạy răn phước ấy, chỗ bẩm nhận lợi ấy, bèn nhọc động đó mà dùng lấy. Nhận lợi an đó mà phụng sự đó, nên được tâm vui thích của muôn dân, tức một người có mừng vui ấy vậy". Lại nữa, giới trụ không kính bái bởi lo gãy mất oai phong đó. Sư Đế không có bề tôi thì còn sợ tổn hại đạo đó, huống hồ áo nhẫn nhục xỏ xuyên thô giáp, dùng ca-sa để nhiếp phục rồng sợ, dùng hạnh đầu đà mà đè ép ma oai. Lánh ẩn lệ thuộc xuất gia, Quân vương thân thích cúi lễ, Ưu-ba-ly vào đạo, phụ vương kính bái. Nên biết, đạo còn tồn tại là quý, chẳng vì người làm khinh trọng. Cho nên đạo hết mở rộng người, mà người mở rộng đạo khắp cùng là điều rất đáng tin cậy. Nay, với giáo pháp còn lại giao phó cho Vương giả, ủy thác hộ trì nhờ lưu thông. Vì sự mềm yếu của bốn chúng, sợ Tam bảo bị phế hoại nên nhờ Vương giả để oai phục, mượn Vương giả để nhọc ép bức. Nay khiến các Sa-môn xếp pháp y cúi khuất đầu gối chấp nắm tay cúi đầu, thì mỹ hóa của Liên Hà từ đây mà khuyết vậy. Sách Thi nói: "Vương giả bừng bừng tức giận đó, sợ khuyết mất gốc ý của Di giáo, nhục pháp phục của đồng công". Nhọc của một cúi bái chẳng hẳn thêm hao tổn chúng tăng, thành kính của một cúi bái chẳng hẳn thêm tôn quý của nạn thừa. Khiến chư tăng v.v... đau đáu mà chẳng an ổn hạnh nghiệp, chẳng phải do đó mà buông tuồng thân dong ngu, rất còn phong hóa bại hoại ấy vậy. Sợ vẻ đẹp rực rỡ không đượm màu sắc ở đời hưng thạnh, mong cầu khác nước nhà đâu nghe ở hiện nay ấy ư? Hẳn vì kinh tượng hoang tàn hư phế dơ uế, chẳng đủ để tôn sùng kính ngưỡng, các Tăng Ni mục rã thối nát, chẳng đủ để làm ruộng phước. Trông thấy giáo tịch mà mắt cháy bỏng, tập tu tiếp bái mà khung còng, vận mặc truy phục thì gắng gân, đàm nói điển lễ thì sún răng. Từ đó phàm ghét mà vứt bỏ ấy vậy. Biến đổi mỹ phong của Thiên Trúc, thỏa xướng lễ nghi của Trung Hoa, lấy muôn vật làm đổi mới bắt đầu, răn sách tam đại mà tự làm mới. Nay lấy nền tảng của hiền thiện, nhọc khiến tu lập, chẳng như cách giềng mối giáo ở ngoại khu, buông lung nghi vượt ngoài vật, bề tôi và con đó đủ hết tiết của trung hiếu ấy vậy. Tức là sử truyền chẳng hẳn là đêm dài, kinh tử chưa hẳn là thái dương. Vậy thành tuy học mà không nhọc mệt, còn gần khuyết ở đại huấn, huống gì vẻ đẹp của hổ giúp nước nhà, không nghe lạm vậy. Chẳng lắm nhiều cản cấm mà được an, chẳng đổi thay tình mà được chí. Tuy Văn Vương là bậc chí Thánh, còn học ở Quốc thúc; Khổng Tử là bậc chí minh, còn bắt chước ở Đàm tử, Vương giả là bậc chí tôn, còn làm cha phụng sự ba già lão, làm anh phụng sự năm canh. Cho đến Thích Điện tự thân cầm nắm tước

vị mà quỳ đó nói rằng: "Sâu xa ư! Chắc chắn ư!". Tuy việc của Chí Hiếu, Nghiêm Thân không lấy làm thêm vậy. Do đó, Đại Dịch Cổ Hào chẳng phụng sự Vương hầu, Đại lễ Nho hành chẳng bề tôi Thiên tử. Nên biết, đạo dùng quý đó làm quỷ, chẳng vì khinh chê đó mà khinh. Cúi nghĩ xa xăm nói trách Chánh Sĩ, vì đó mọt hại sắp sinh sâu rắn hại, mà bàn nghị kính bái, chẳng phải thượng sách của triều đình. Nguyên nền tảng chánh pháp từ Tây Vức, mãi đến nay đây có hơn ngàn năm và có hơn một nửa vậy. Từ khi giáo pháp lưu truyền đến phương Đông, mãi tới nay đã bảy trăm năm, tuy trải qua biến đổi phố chợ triều dã nhưng lớn mạnh đó chẳng phải ngầm mất. Trong đó, chúa Thánh tôi hiền tính chẳng thể lường biết, chưa từng bó buộc ý, huống hồ đúc gọt tăng ni. Tin biết rộng rãi đến giúp đỡ là lâu ngày vậy. Người nghe có nắm ít quyền chủ, mưu tính nhỏ nhẹ đến Quân vương, riêng nịnh nọt tự vẻ vời vùi lấp nước nhà. Lại một vài phen trống mái nhỏ hổ tương nâng cử tuy tạm dẹp trừ, sau đó đổi thay tệ hại trước. Phàm nếu như vậy, có thể vén tay áo để bày đùi khủy, tức giận trừng mắt, nghiến răng trông nhìn mà quát mắng đó, há là bất trung xếp bày trang quán ấy vậy. Nay thời đại Đại Đường chúng ta ứng kỳ cửu ngũ, xứng vị của tứ Tam Hoàng, tám Phương chung vết, bốn biển đồng văn. Trăm vua chuyên giữ pháp độ ở Hữu ty, Tam bảo tỏa ngời lời mầu ở cấp dẫn, nên đạo tục nhờ un đúc, nước nhà kéo dài thời vận. Há chẳng hưng thạnh ấy ư? Sắc ban ở triều đại tiền Tống tạm thời đổi thay mỹ phong ấy, sau đó trở lại tuân theo tập quán cũ, bởi vì sai trái với thường tình đó. Bàn nghị ở chẳng mất lý thường, may mắn nghiễm nhiên mà suy tư đó, mở mang mà hộ trì đó. Chính sách của nước nhà nếu lớn mạnh, thành thật của trung hiếu hẳn hiển trước, công ngầm thấm đượm nhuần, cành rễ tỏa tốt tươi, chức tước tốt lành tự ràng buộc, bổng lộc ưu đãi sủng ái, hoa man tiếp nối, lan huệ tốt tươi, cảm phước mừng vui ở trong giúp, nghĩ mở lớn lợi ích mà ngoài hộ trì. Há chẳng phải là ở sống chớ rơi lạc, thường bảo giữ ưu thắng mong ấy ư? Nay kính cẩn bày sở điển lễ của nội ngoại, xin theo chiếu xét.

Sa-môn Thích Huyền Phạm kính bạch.

Ngày mồng năm tháng năm năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường, dâng trình.

Trạng văn của Trung đài ty lễ Thái Thường Bá, Lũng Tây Vương Bá Xoa v.v... bàn nghị tấu trình.

Ty nêu bàn nghị về những việc các hàng Tăng ni, Đạo sĩ, nữ quan

v.v... kính bái Quân vương thân thích v.v...

Năm trăm ba mươi chín người bàn nghị xin không nên kính bái:

Hữu thái ty thành lệnh Cố Đức Đồ v.v... bàn nghị xưng rằng: Trộm nghĩ, phàm trăm vương tại vị, đều lớn mạnh đạo phụng thượng. Ngay đó làm thầy còn có nghĩa chẳng bề tôi. Huống hồ Đức Phật giảng truyền giáp pháp vượt hẳn khuôn phép thường tình, cắt bỏ râu tóc không đồng với hủy hoại tổn thương, chống tích trượng khác hẳn trâm cài đai thắt, xuất gia chẳng phải cảnh sắc dưỡng, lìa cõi trần tục đâu phải chốn vinh danh. Công sâu cứu tế, đạo tận cùng vời cao, sao hẳn phá hủy Huyền môn ấy mà đòi theo vết Nho đây? Đắp mặc y phục Thích mà vì người thế tục kính bái, quỳ cửa Khổng mà hành lễ họ Thích, lưu còn giáo đó mà hủy đạo đó, cầu phước đó mà cúi khuất thân đó. Rõ ràng xét lý cốt yếu, sợ có chưa thỏa đáng. Lại nữa, làm khuôn phép của đạo tuy toàn đủ tóc da, xuất gia vượt tục, kết quy ấy về một so lường, thêm vì xa nêu trời tạo dựng, mở lớn cơ nghiệp hoàng vương. Nghĩa nhờ tôn nghiêm, nghi thức phù hợp cao thượng, chỉ có Phật giáo Lão giáo đâu men nhau từ lâu xa. Mãi đến Đại Đường chúng ta đây, uy phong càng tỏa thổi, tuy Vương du xa thỏa sướng, thật nhờ công trời, mà xe Thánh thường chuyển, thể thức vốn nhờ thầm gia hộ. Nay nếu như một mai cải đổi vết cũ, không ích lợi cho tương lai trong vô lượng kiếp, nỗi phiền lụy mảy may, hết tội bất trung, cùng đó mất cải đổi tạo lập mới, chẳng như sai lầm ở tu sửa văn. Khổng Tử nói: “Nhân chỗ lợi của người mà lợi đó”. Lão Tử nói: “Tâm Thánh nhân không cố định, lấy tâm của trăm họ làm tâm mình”. Chỗ lợi của Phật giáo và Lão giáo là lợi ích rộng lớn lắm nhiều, tâm của trăm họ quy hướng kính tin đông đúc, cải đổi chỗ lợi ấy chẳng phải nhân đạo của lợi, trái gốc tâm ấy, chẳng có nghĩa là vô tâm. Xin cứ tuân theo như cũ, thật chẳng kính bái là thỏa đáng. Bệ hạ, đức phủ cả hoàng trên, cơ nghiệp tỏa ngời khoảng dưới. Quân vương thân thích sùng kính, tuy mở thần chung; đạo pháp khó thuyết, trở lại lưu tỏa rõ tưởng. Đã vâng phụng sắc chỉ dò hỏi thô sơ, dám dốc hết sự chí thành của núi bụi, sợ chẳng chiết chung, nghĩ sâu càng kinh sợ!

Ba trăm năm mươi bốn người bàn nghị xin nên kính bái:

Hữu kiêm ty bình Thái thường bá Bá Diêm Lập Bản v.v... bàn nghị xưng: Các thần chúng tôi nghe: Cứng thì dễ gãy vỡ, mềm dịu hãy còn; quạt thổi diệu chỉ của Huyền Phong, khổ hình cam nhục, vọt lời Huyền của Thích lộ, nên hay mở nguồn khéo xuống, hoằng dương nghĩa bất khinh. Do vì Thanh văn cúi lễ đối với Cư sĩ, Trụ Sử khum mình đối với Chu Vương, đó mới thành biểu chuế của Sa-môn, lập khuôn phép của

Đạo sĩ. Từ đó đã hạ mất khuôn phép tông chủ ấy, nhiều đời chìm đắm chân lý ấy, tập tục giữ theo đường mê đó. Một người có làm, muôn vật trông thấy đó. Then chốt đất trời, khu giá Hoàng Vương, chuyển xe vàng nơi cảnh ưu thắng, giảng kinh ngọc ở chốn cao huyền, bèn khiến Đạo sĩ tìm chân đuổi theo mỹ phong xa vời của Thủ Tạng, Sa-môn xuống tóc hoằng dương điển pháp lâu dài kính lễ chân. Huống gì thái dương tỏa sáng ở trời, nêu cao ánh sáng của không hai. Đại Đế xưng tôn ngự trị nơi hoàn vũ, rất quý của ba thông. Vả lại, Phật giáo và Đạo giáo gieo trồng khuôn phép tuy dứt tuyệt trần dung, hành sự chỉ xuất gia chưa thể trốn vượt khỏi nước nhà, đồng bẩm thụ hình thái nơi gương chị em dâu, đều kính ngưỡng mỹ hóa ở thuần phong vẻ mặt. Đâu có chống kháng lễ cung đình, ở riêng cao vết chân? Nhưng khinh tôn ngạo trưởng tại người làm bội nghịch, tôn vua kính cha là đạo không ganh ghét. Xét rõ, bàn nghị bái quỳ đó là thỏa đáng. Kính phụng sắc chỉ ban truyền ở ngày mười sáu tháng tư: "Muốn khiến các hàng Tăng ni Đạo sĩ nữ quan đối với Quân vương thân thích nên kính bái". Vì sợ ngại trái với thường tình nên giao phó cho Hữu ty bàn nghị rõ ràng, tấu trình kiện trạng y như trước. Kính cẩn ghi lục tấu trình, xin vâng thuận sắc chỉ.

Ngày mồng năm tháng sáu năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường tấu trạng.

Chiếu văn đình chỉ việc Sa-môn kính bái Vương giả.

Đông Đài, nêu như Hoa Duệ liệt thánh, khác vết mà ngay bằng khu, nội ngoại gieo rắc phong hóa, trăm lo lắng mà đồng thấu đạt. Từ Chu tiêu mất tỏ chiếu, nhà Hán mộng điềm kéo dài ánh sáng, diệu hóa phương Tây chuyển dời dòng tuệ trùm khắp phương Đông. Đến như Huyền tẩn yếu chỉ sâu mầu, bích lạc tiếng tăm hiếm có, đều mở nền tảng lục thuận, vừa hợp gốc của ngũ thường, mà đối với nơi chốn kính ái, quên mất lễ nghi bái quỳ, từ xưa đến nay đã lâu xa không thay đổi tệ hại đó. Trẫm chủ mưu lên chính, sùng chân dẫn tục, ngưng áo khăn ở bến bờ giải thoát, đào luyện tư duy ở cảnh thường danh, chánh vì đạo của tôn thân, bách ngôn của lễ kinh, nghĩa của hiếu hữu, rõ ràng chuẩn xác của thi nhân, đâu có thể dứt tuyệt trần cao vợi khuôn phép mà quên kính của hỗ giúp, nhổ lụy quy cũ trinh thuần mà bỏ sót thứ lớp ấm mát! Trước đây, muốn khiến các hàng Đạo sĩ, nữ, quan, Tăng ni v.v... kính bái, nhưng ngại chấn động kinh hãi tâm thường, bèn nhờ rõ ràng bàn định. Hữu ty đều dẫn, điển cử gồm tỏ bày tình ý, men đổi hai đường, đan xen cùng một nửa. Trẫm thương lượng xác thực các bàn nghị, trầm lắng

nghiên tầm sâu mầu, nhưng mỹ phong có dĩnh cao thượng, việc ấy xa tưởng năm trước, nên cũng có đó. Nay đối với quân vương, cư xử khỏi phải kính bái; còn đối với cha mẹ, đức từ sinh dưỡng sâu nặng, chỉ cúi rộng đó lại sắp an ổn xếp bày. Từ nay về sau, tức nên bái quỳ, người chủ sự nên thi hành.

Ngày mồng tám tháng sáu, năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường, Tây đài thị lang hoằng văn quán học sĩ Khinh Xa đô úy Thần thượng Quan Nghi tuyên cáo.

Biểu văn của lão nhân Trình Sĩ Ngung ở kinh ấp v.v... tấu xin các hàng xuất gia nam nữ không nên kính bái thân thích

Các thần chúng tôi nghe chỗ Phật hóa ở vật quý đó, bởi vì nhổ vớt chìm tối trong sáu đường, cứu giúp kẻ mờ mịt nhận biết đến tam thừa, đức đó ở rộng công đó cũng lớn. Do đó, Phật là Pháp Vương, chỗ mà u hiển đều quay về nương tựa; pháp là thuốc tốt, các phiền hoặc do đó mà mát tân; tăng là giống Phật rộng diễu bày khắp tương lai. Bèn khiến nhiều đời anh chủ trọng đạo đức mà hộ trì, các hàng thanh tín hiền minh độ con cái mà tiếp thừa, nên được Tăng ni khắp đủ trong Hoàn vũ, duỗi ban khuôn phép dẫn dắt không cùng. Cúi mong bệ hạ lòng từ cứu tế chín loài, mở thoáng nhất thừa, đạo kính ái tức khắc lớn mạnh, đường thành việc chuyên càng xa. Gần đây vâng phụng minh chiếu ban sắc khiến Tăng ni kính bái cha mẹ, đó thì kính sùng xiển dương đạo hiếu, mới bắt đầu ban bố nguồn kính. Chỉ vì Phật có chỉ dạy thành giáo điển, người xuất gia không kính bái thân thích của họ, muốn khiến đạo tục khác bến bờ, quy giới nhân đó mà đến tựa. Xuất chí hai khác, chân tục do đó mà có trái, chớ chẳng phải tâm thọ giới Phật, hình đủ nghi Phật, lưới pháp cao khác, tưởng kính toàn riêng. Vả lại, từ mỹ phong cao thượng, nhân chủ như còn chống kháng lễ kính, đâu chủ các thần chúng tôi dưới trái nhận nghi bái quỳ. Cúi ngưỡng vỗ về theo không do nơi mở phát ý nguyện nước nhà không hai cung kính, mở lớn dấu vết phương ngoài. Chư tăng kính phụng nội giáo, trên được lập thân hành đạo, chẳng nhậm chí thành nỗi lòng riêng tư. Kính dâng biểu văn tấu trình, vết bụi khiến nhọc oai nghiêm, càng thêm lo sợ. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày hai mươi mốt tháng sáu, năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường dâng tấu.

Biểu văn của Trực Đông đài Phùng Thần Đức v.v... tấu xin y như cũ, hàng Tăng ni v.v... không nên kính bái thân thích (có một bài, và tấu trình những việc trước sau của Phật đạo).

Các Đạo sĩ, Tăng ni v.v... xin y như cũ, tức là Tăng ni đứng trước (một điều này là nhân ở năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời tiền Đường, nay đồng như trước.), cha mẹ, tăng ni xin y như cũ không lễ bái mẹ cha.

Các thần chúng tôi nghe, Bí giáo lưu truyền phương Đông, nhân minh hậu mà xiển hóa; Huyền Phong chuyển vận tới phương Tây, nhờ thật biết mà mở tông. Nên biết, Hoằng tế nghĩa ngàn môn, tuyên bày ở chánh đạo, dẫn dụ muôn loài, lý lấp bí bến tà, chỉ có thể theo Thánh giáo mà đè ép hay nâng bóc, đâu được theo việc người mà phát khởi hay dẹp mất. Sa-môn là cầu thắng quả ở tương lai, Đạo sĩ tin tự nhiên của hữu sinh. Tự nhiên quý lấy tánh chân, dứt đến đạo. Nguồn dẫn dụ cứu tế tuy chẳng đồng, nhưng theo Thiện chung quy chỉ có một. Cúi mong Hoàng đế Bệ hạ bao gồm cùng cực nguyên kiến, ngự trị một phi trinh, nhân đại đạo mà lưu khiêm nhường, thuận vô vi mà xuống cứu tế. Nhân tâm hợp vật, giáo chẳng kính túc thành, nay mới định chế tôn ty của đạo Phật, ép buộc các Sa-môn cúi bái. Cúi bái có đồng với lễ thường, chưa phải là nhân của xuất tục; tôn ty là tình của vật ngã, đâu thể gọi là diệu của vô vi? Bệ hạ, đạo phong thửa xiển hóa, giáo điển họ Thích chuyển tải tỏ bày, mỗi lúc đến ngày trai đều khiến cầu phước. Cầu phước v.v... một là y cứ theo kinh giáo, hai là sao riêng trái ngược? Bệ hạ là thần thông của tạo hóa, cha mẹ là từ xưng của nhân tử (kẻ làm con). Bệ hạ vì trọng của chí cực còn đình chỉ lễ nghi kính bái. Sở sinh đã gọi là nhân thần (kẻ bề tôi), sao được cúi bày tình lễ, xả bỏ tôn quý đến với mến ái, vất mất kính trọng trái với kinh giáo. Duyên tình như còn chẳng thông, căn cứ Kinh giáo như là thực hành Chu lễ. Bệ hạ bao gồm ánh sáng trời, đạo thuận vật mà lưu hình. Hình vật còn chẳng hứa trái, tịnh giáo sao nên cải đổi thi vi? Mong bệ hạ nhân thí của trời người, thuận tâm muôn vật, đình chỉ nghi lễ mới bày cúi bái, tuân theo tập quán xưa cũ có tôn ty. Ngõ hầu ánh sáng vàng ràng chói lọi phương Đông, chẳng xen tạp buồn thương của trần tục, hơi khí sắc tía soi tỏa phương Tây không ngạc kinh quý mến của vật ngã, tức đại đạo chẳng mờ tối mà được cùng tỏa sáng, đồng thời phước nghiệp trọn thuần trinh ngõ hầu lại rõ ràng ở ngày Thánh. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày mồng mười tháng bảy năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường dâng trình.

Khải văn của Sa-môn Đạo Tuyên ở chùa Tây Minh v.v... lại dòng Vinh trình phu nhân Dương Thị, xin luận bàn không nên kính bái thân thích.

Sa-môn Đạo Tuyên v.v... khải trình: Trộm nghe, trách nhiệm tiếp nối làm lớn mạnh chánh pháp hẳn kết quy ở Minh triết, sùng kính hộ trì Chân thuyên vốn nhờ mến kính đoái hoài. Cúi nghĩ, chỉ phu nhân xưa trước gieo trồng huân tu, mở phước vô lượng, sớm nêu tín tuệ, tạo dựng nhân không hủ mục. Đến như đối với oai nghi Phật pháp, khuôn phép thể thức pháp môn, thật nhờ đặc biệt ban ân hổ giúp, chẳng khiến bị lấn lướt. Từ khi sắc chiếu ban khắp chư tăng, hứa thuận cải bỏ kính bái triều đình, thật đáng hợp ý của phó chúc, thật sâu nặng tình mang đội! Nhưng đối với cha mẹ còn khiến bái quỳ, riêng nghĩ không thỏa đáng, rất trái với Phật dạy. Nếu chẳng sớm có sự tỏ bày, sợ bèn đồng với pháp thế tục. Chư tăng v.v... dốc lòng chăm chú, chẳng dám trình bày, tâm tình lo sợ, tạm nhờ giải đây. Cúi xin Đức từ ban trải đặc biệt vì tấu trình, thản như được toại nguyện, ân quang rạng càng sâu, phước mừng vui không giằng nổi. Sự khẩn thiết rất lắm, kính cẩn tấu trình khải văn, mảy trần quấy nhiễu, chỉ biết lo sợ. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày mười ba tháng tám năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường kính dâng.

Biểu văn của Sa-môn Oai Tú v.v... ở chùa Đại Trang Nghiêm dâng trình tỏ bày Tăng ni xin y theo nội giáo không lễ bái cha mẹ.

Kính cẩn ghi lục trong kinh Phật nói, người xuất gia không nên kính bái cha mẹ, vì không lợi ích mà có sự tổn hại, như sau:

Kinh Phạm Võng nói: “Người xuất gia không nên hướng về Quốc vương, cha mẹ để lễ bái”.

Huyền giáo lưu truyền đến phương Đông đã hơn sáu trăm năm, từ những vị Hoàng vương các đời xưa trước, không ai chẳng kính ngưỡng. Mãi đến Thánh Đế nay, thân phụng Thánh giáo lại càng lớn mạnh, nên được chùa chiền xây dựng liền nhau, tinh xá non cốc cao vợi. Mọi người biết kính một điều thiện, mọi nhà hiểu nghĩ điều lỗi quá. Chư tăng nhục đối với sinh linh, há quần trung hiếu, Minh Chiếu ban sắc khắp nước nhà đều vâng tuân, sợ ngay bút sứ thần tiên ghi trái lời Phật dạy, khiến muôn đời sau hoang tàn dơ bẩn Hoàng phong.

Sa-môn Oai Tú v.v... cho rằng: Trộm nghe, chân tục khác khu vức, Sa-môn cắt dứt luyến ái hữu sinh; u hiển khác vận phụ, pháp y ruộng phước không dung mạo cúi bái. Lý hẳn vượt tình, đạo bèn lỗi vật. Huống gì hình trộn giới luật, đúc niệm bến bờ, đáp ân chẳng dùng hình hài kính dưỡng. Cầu mong phước thiện mà khiến hình nghi chẳng cải đổi, Thích giáo kính bái hẳn đồng như Nho giáo. Đối với chư tăng thì có lỗi quá

vượt hẳn giới luật, đối với thân thích thì có ương lụy tổn phước. Sự lo toan của thần tử (bề tôi và con) dám chẳng nói hết. Cúi nghĩ, chỉ bệ Hạ hỗ giúp nghiệp lớn xa, dẫn dắt thầm rộng. Đã là kính sùng ở nước, cũng xin chỉnh sửa ở nhà, đủ để khiến bỏ tục không phải tập học lễ nghi thế gian, xuất gia dứt tuyệt việc kính cung người nhà. Hộ pháp là ở tại đó, gieo trồng phước không gì trước tự nhiên. Giáo điển có chỗ nung đúc, người biết tự cố gắng, chẳng giằng nỗi sự chí thành khẩn thiết, kính cẩn dâng biểu văn để tấu trình. Vết bụi nhuốm dính cung đình, càng thêm lo sợ. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày hai mươi mốt tháng tám, năm Long Sóc thứ hai (662) thời tiền Đường kính dâng.

Biểu văn của Sa-môn Tỉnh Mại phiên dịch ở cung Ngọc Hoa v.v... dâng trình việc Tăng ni kính bái thân thích thì có sự tổn hại.

Sa-môn Tỉnh Mại nói: Trộm nghĩ, vì răn buộc cáo trước, tôn quý thân phụ, cúi khuất hình thể, thân mình cong hình luật rõ ràng thay đổi. Giới sĩ chẳng cúi bái Quân vương thân thích. Cúi nghĩ chỉ chư tăng v.v... xiển dương lời tiếp nối Phật, kế thừa nghĩa tôn quý thì đồng, nên ái kính giáng cao, mới bẻ tiết tháo ở hơi khí ấy, dung nghi vận mặc khác tục, hình luật đổi thay rõ ràng không khác, cuối cùng khiến Sa-môn cũng chẳng chi tiết cúi khuất đối với Quân vương thân phụ. Nghiên cùng nội ngoại đó, tuy là tiếp nối hình thức biến đổi phép tắc mà tâm kính Quân vương thân thích dám có biếng lười ư? Đến như kẻ bề tôi vận phục chịu tăng, Quân vương vì nhật khác nguyệt, hình tuy theo tốt đẹp mà tâm chịu trong suốt đến ba năm. Vậy nên biết, ngăn cấm ngầm bát âm đó ở nơi ba năm sửa tu tâm kính, điều đó từ xưa đến nay vẫn còn vậy. Nếu khiến trái lại kính bái cha mẹ, thì đạo tục đều trái giới Phật răn chế, điên ngược đắm chìm oan uổng hầm hố luân hồi chưa ngưng thôi. Huống gì động cả trời đất, cảm tới quỷ thần, đâu ở nơi quỳ cúi ư? Chỉ vì lợi của nhà công, biết không gì chẳng làm, sợ nhân nay mở đầu cải đổi muôn vàn có một vương lụy thì phụ trái ân lớn của Thánh thượng tỏa buông pháp tập tu, trải qua nhiều kiếp phân nát thân hình sao đủ để bít lấp lỗi quá? Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ mở rộng đường hiến thư, thông ràng thâu nhận lời thô thiển, mảy trần nhẹ xin đọc xem, càng lo sợ toát mồ hôi. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày hai mươi lăm tháng tám năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường kính dâng.

Biểu văn của Sa-môn Sùng Bạt ở chùa Thiền Cư tại Tương Châu

dâng xin cha mẹ của Tăng ni đồng với Quân vương không nhận sự kính bái của các hàng nam nữ xuất gia.

Sa-môn Sùng Bạt nói: Sùng Bạt tôi nghe: hiến chương đạo tục, hình tâm đổi khác. Hình thì chẳng kính bái Quân vương thân phụ, dùng để hiển bày nghi biểu xuất gia; tâm thì kính gồm Tam đại, vì tôn trọng Tư Dưỡng. Gần đây, vâng phụng sắc chiếu ban ân khiến chư tăng không kính bái Quân vương, mà khiến kính bái cha mẹ. Điều đó thì lớn mạnh tỏ sáng lễ kính ái, mà khuyết trái giáo trong kinh điển. Tăng bảo còn mà bị khinh nhẹ, quy giới mất mà ẩn mãi lâu dài. Đâu có Quân vương mở vết cao thượng, chẳng đổi thay lời Phật. Chúng tôi giữ nghi thức không kính bái, tỏ vẻ trái với Thánh chỉ, có thể gọi là phóng tứ. Vì cầu phước ấy mà nhận kính bái bèn bị tội khổ đó. Một là pháp hóa cuối cùng nghi ngờ, hai là nghĩa lý mâu thuẫn. Cúi mong xin theo lễ của Quân vương trọng kính để thông hợp nghi của hạ thần (chúng tôi). Vết trần nhuốm dơ cung cấm, càng thêm mất quá. Kính cẩn tỏ bày.

Ngày hai mươi lăm tháng bảy năm Long Sóc thứ hai (662) thời Tiền Đường kính dâng.

Bàn luận rằng: Trạng văn của Oai vệ ty liệt, ngôn từ thì mỹ lệ, còn về lý ấy thì lại bất nhất, nên thật mờ tối ở đại nghĩa. Giả sử, khum đầu gối làm kính, chẳng tỏ ngộ họa mất nhục. Trong kinh nói: Sa-môn cúi bái thì tổn hại công đức và thọ mạng của Quân vương thân thích. Nay mà ép buộc khiến cúi khuất, sao nói vậy mà chẳng nhận rõ, nhẹ khơi mở then chốt ư? Tuy mỗi mỗi tự nói lên chí ý của mình, cũng nào tổn thương đó quá lắm. Mà trạng văn của Oai Vệ v.v... thông bít gồm cả hai, còn trạng văn của Ty Liệt một đường trọn chấp. Hoặc phỏng hỏi hai thứ bàn nghị hơn kém, tôi cho là Sở thì mất vậy mà Tề cũng chưa làm được, nhưng gồm cả hai thì chỉ là thớ da, trọn chấp là cao hoang. Vì vậy được thăng Oai Vệ ở khoa nhì (Ất Khoa), thối lùi Ty liệt ở Cảnh đệ. Đến như Phạm Công chất vấn bàn nghị thì ý chỉ trông xem rất văn hoa, Lũng tây chấp buộc tấu trình, ngôn từ ước lược mà lý cùng khắp. Thế mà nhân thứ hòa mục, quy thệ hợp theo, nêu được trời tan vỡ xuống lan tỏa lớn mạnh, vẻ đẹp cao thượng khắp đất từ dục, lại hoằng dương đức nhân cúi bái. Bấy giờ các danh tăng bạn đạo cho đến những người già quê kệch đều nói: "Hợp chí riêng vậy. Trái giáo thế nào?". Từ đó, đông đúc nêu bày kinh văn, trình tấu biểu khải, chẳng những sáng tỏ mà liền đêm bài xích đình khuyết. Chỉ vì cửa trời sâu xa, nên chẳng do đâu tỏ bày cầu xin, vâng phụng sắc chiếu cầu xin tông chủ khó làm lấy bỏ. Trong Dịch nói: "Dê đực xúc chạm phiên doanh, sừng nó mới vỡ lỡ".

Các bạn há chẳng như vậy ư?

Tán thán rằng: Các hàng oai vệ bàn nghị tuy thông bít, vì người mà phế bỏ đạo, thật chưa là được. Trạng văn của Ty liệt v.v... ép buộc Phật giáo theo Nho giáo, cúi bái tổn hại cho Quân vương thân phụ, há nói là mưu ý của trung nghĩa, chất vấn bàn nghị đạo hoa, trình bày giản yếu trời người hợp đáng? Bèn duỗi ban chiếu cáo, cung kính vâng thừa minh mạng. Thử vừa vỗ tay vừa ca, trông xem huyền tịch có lụy như thế nào? Các đồng bạn đạo tục dò hỏi, đều tỏ bày biểu khải, vạch tẩy thành thực, chưa bó buộc hoàng đạo tiến lùi chỉ sai quấy, bày biện chẳng do đây, ngưỡng mạng thần vũ, thông dông pháp đây.

Tổng luận về Sa-môn không nên kính bái người thế tục.

Sa-môn Thích Ngạn Tông nói: Phàm, Sa-môn không nên kính bái thế tục. Tại sao? Bởi vì xuất xứ khác dòng, nội ngoại riêng phần, sống chủ thể cực, dứt lo toan bặt quên thân mạng, chẳng miệt mài để cầu sống, không khư khư vì thuận phong hòa, tình vượt khỏi trong khu vũ, dấu vết gá ở trong hoàn vức. Do đó, chống kháng lễ bái cung đình, trái ngược ân thiên thuộc, hóa vật chẳng thể đổi dời mỹ hóa ấy, lợi sinh không lụy sự sống đó, nâng cao Quân vương thân thích, đó là yếu chỉ lớn vậy. Nếu suy tầm đến việc người, xét các cổ huấn, thì sự không kính bái xếp đặt có đến mười điều. Đến như trông sách núi sông giao tế đất trời, muốn lợi vật ấy, Quân vương phải dốc hết mới thành thật. Nay Tam bảo trú trì, quy giới rộng lợi ích v.v... minh phụ giúp hoằng hóa, có thể lược nói vậy. Đó là các hàng thuộc loại thần kỳ, vì cúng tế đó, cửa nhà hẳn hợp tỏ sáng hòa mục, cắt hại sinh linh cúng tế, lúc nào là chẳng bề tôi? Nay, Tam bảo là một thể, kính tăng như Phật, nói rõ đủ trong kinh giáo không đợi phải nhiều lời, đó là các hàng tế chủ vậy. Hai vị quân vương Kỷ Tống sau này, chỗ trọng kính của Vương giả là khách nước nhà. Nay, chư tăng là nối dõi của pháp vương, các Vương giả vâng nhận Phật phó chúc, khuyên gắng bốn bộ tiến tu ba hạnh. Đó là các hàng khách nước nhà, trọng đạo tôn thầy, thì chẳng bề tôi vậy. Tuy chiếu văn của Thiên tử không đối mặt kính cầu. Nay, các Sa-môn truyền chánh giáo của Phật, dẫn phàm dụ vậy, nghiêm sư kính học, ấy ở đâu ư? Đó là các hàng Nho hành. Trong sách Lễ nói: “Giới là không cúi bái, vì đó mất ở Dung nghi tiết tháo, nên Chu Á Phu bái dài Hán văn vậy”. Nay Sa-môn mặc áo giáp nhẫn nhục, cắt đứt quân dục, tay nắm dao tuệ, chí dẹp tâm lầm hoặc, đó là hàng giới trụ vậy. Nhiều đời đón khác, tôn trước quan tiếp, mẹ anh kính bái về lễ thành người. Nay,

Sa-môn lấy đại pháp làm trách nhiệm chính mình, cứu giúp quần sinh nơi đồ thán, kính tuân di vết, tiếp thừa nối dõi, đó là hàng truyền kính trọng vậy. Nghiêu xứng phép trời, chẳng khuất cao của Dĩnh Dương, thử hết vẻ đẹp ấy vậy, trọn còn thanh khiết trúc đơn lẽ. Nay, Sa-môn cao thượng việc ấy, chẳng phụng sự Vương hầu, thoát sát trong mảy bụi ồn náo, tự đặt để ngoài hoàn khu, đó là hàng vượt quá hơn người. Phạm năm tội hình liên quan ba cây, dứt tuyệt nối dõi, hủy phá dung mạo, đổi thay y phục, đó là hàng rất luật hình vậy. Lại nữa, sắc chiếu sai khiến tuy hơi tiếp thừa phép trời, quý trọng Sa-môn, giả sử khinh tiện bẩm mạng nên tôn quý. Huống gì tức cảm động cả u minh, pháp hóa đượm nhuần rồng quỷ, lắng sóng khổ của người trời, lọc khí tai ương của muôn loài. Công đã lớn vậy, ân đượm cũng rộng thay, đâu khiến hàng dứt tuyệt trần tục kính bái, ương lụy Quân vương thân thích, hàng nhàn phóng cắt vót đồng với Danh giáo mà thôi.

Tôi từ tuổi bé thơ đã đam mê việc ấy, đến lúc trưởng thành lại sưu tầm, gom nhặt di liệt ở sách xanh, góp lượm đẹp xinh xưa trước ở hản giản. Lại vì cảm vùi lấy ánh sáng ở Phật nhật, dốc hết đóm lửa để dấy lời, ngõ hầu tương lai trọn lưu truyền việc tốt. Lại nữa, sách luận xưa nay đều nói "chẳng kính". Y cứ một chữ đây, phàm ngu trộm lầm hoặc vậy. Cớ sao? Kính mới thông tâm, cúi lễ xứng không chẳng kính, bái lạy chỉ thân khuất cong, đầy đủ tỏ bày nghi chín lạy. Vả lại, Quân vương, thân phụ tôn nghiêm, tâm kính không hình dung, không thể pháp luật, sùng trọng thân bái có trái với thông kinh. Vì bái lạy thay kính dùng để làm thỏa đáng. Nên sách ấy nói: "Không bái lạy là văn". Pháp sư Tuệ Viễn có nói: "Sông sâu đâu đợi sương mốc sớm mai ư?". Bởi tự tỏ bày võng cực ấy vậy. Nay làm sách này cũng do đó vậy. Hàng thấu đạt trông xem, bậc thông hiền không nhàm chê vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 192

LUẬN PHÁ TÀ

SỐ 2109
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2109

LUẬN PHÁ TÀ

Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp soạn thuật.

LỜI TỰA VỀ NHỮNG TRƯỚC TÁC CỦA PHÁP SƯ PHÁP LÂM Ở TƯƠNG DƯƠNG

Dẫn theo "Bí thư" thời tiền Đường.

Thần diệu vô phương, chẳng phải trù tính có thể lường biết. Chí lý ngưng lắng, đâu phải chỗ biết của chuẩn mực. Thật là đạo thường không lời, bờ mé ấy dứt tuyệt, sao có thể cậy ở trời rộng lớn nhìn sâu thẳm ấy ư? Đến như nguồn gốc của Ngũ môn, Lục độ; giáo điển của bán tự nhất thừa, mục đích của Cửu lưu bách dân, văn từ của tam động tứ kiểm. Giả sử có thể dùng kinh vẽ để xiển dương đồ hình đó, có thể dùng tâm lực đến cảnh giới đó. Anh tài mưu trí thật đời nào cũng có người như vậy.

Pháp sư Pháp Lâm, vốn dòng họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên, là con cháu của Tư Không Quần ở thời nhà Tấn. Từ thời nhà Lương nhà Trần, gia đình đời đời đều nối tiếp quan vị. Pháp sư tập học Tam luận, tiếng tăm vang vọng từ khắp chốn triều đình cho đến thôn dã. Lúc trưởng thành lại gồm thông các giáo điển, tiếng tăm chấn động khác tục, oai nghi chỉnh túc, hòa nhã, phần tiết ngầm thông, lưu luyến bút mực lắng trong, phát khởi trích nhón nhỏ nhiệm ẩn mật. Khắp đất vừa tỏa sắc xuân, ẩn tàng dùng để bày lượng đức nhân, như ngu như dốt, công phu bên ngoài mờ tối, bên trong tỏ sáng, nên hay biết khắp lường biển, đạo gần kề Di Thiên. Đâu chỉ tiết tháo tợ loại thần núi biển, xếp bằng Sưu Lượng mà thôi. Vì văn ấy tình là điển mà chẳng dã, lệ mà có sắc, như

tám âm đều cùng tấu, ngang bằng năm sắc cùng tuyên. Đạo hạnh thì nhận nạp chánh kiến ở Tam không, cứu giúp quần mê ở tám khổ. Đã học rộng thông mà tâm nhún nhường, cũng giữ thấp kém để điều phục cao. Thật là rường cột của dòng họ Thích, bởi vũ nghi của nhân luân ấy vậy. Thêm vì giúp thiếu kém cứu nguy ách trước người sau mình, trọng phong quang tỏa chiếu ở cửa rừng, mến núi sông đeo dãi ráng mây. Nguyện lực thì dung thông, dấu tích trọn đời không lừa dối.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) thời nhà Tùy, Sư vào ẩn trong động Quỷ cốc ở núi Thanh khê, xây dựng hang sườn thì rách tệ lén nhìn được nhật nguyệt, trống không thoảng bay, cửa nẻo thì nhã nhặn gió mây. Thời gian ấy pháp sư tham tầm ngũ phương mà nép ngưỡng, rão du bát thiền mà ngủ nghỉ, ăn bột tùng truật nơi khe hang, vận mặc rơm cỏ ở núi rừng. Mọi người đều chấp tay quy y, xoa đầu hỏi đạo, kinh hành điềm tỉnh có hơn mười năm, nhưng nơi lớp lớp núi chướng cao nguy, tùng cao hang lớn, chốn người già miền, quê hương náu cuộn quanh, chỗ các bậc cổ hiền giẫm vết, không ai chẳng đích thân đến trông xem, men hang chỉ về. Pháp sư mới soạn thuật "Thanh Khê Ký" một quyển, thấy lưu truyền ở đời. Thái sư lệnh khó dịch học nghiệp dong ngu cạn cợt, nhận biết nghĩ ngợi chẳng dài xa, mới đục khoét chương ngắn, cậy nhờ lấn lướt chánh giá, sắp sợ chấn động đó trải bày cổ xúy, trộm sánh với cửa sấm. Những người trung dung rất thành trở ngại lầm hoặc. Pháp sư vì xót thương côn trùng ấy, lại soạn thuật "Luận Phá Tà" hai quyển. Tuy biết ngộ vệ đồng tấu biểu văn, khác là chín thành, ruồi ngựa đều rong ruổi, thấy kỳ lạ cả ngàn dặm. Cuối cùng, đỏ tía phải riêng sắc màu, đục trong phân dòng, quở trách vì hứng phàm lường Thánh, chê bai vì lỗi tục sánh chân. Nêu dẫn văn chứng lý, chẳng phải Đạo giáo thì Nho giáo, điển pháp đặt để tình sau chỉ ước khắp kín, không gì chẳng vết loạn, biểu bày chẳng những ngói vỡ băng tan. Vào thất có tiết tháo đồ mâu, khuyết góc không dung đất đầu. Từ đó biên ghi chẳng cùng lưu truyền nơi đời, như vạch mây mà thấy mặt nhật, cùng trong chốn mê mà đắc đạo vậy.

Tánh chất của Pháp sư trước thuật, nhanh chóng mà lại sắc lý. Phàm sau khắc thành có lắm chỗ sai sót. Nay rải rác gom nhặt được các thứ thơ, phú, di, chí, tán, tụng, châm, giới, ký, truyện, khải, luận và Tam giáo hệ phả, Thích Lão Tông Nguyên v.v... hợp thành ba mươi quyển. Pháp sư với tôi tình thuần nước dạt mà nghĩa ngang bằng vàng lan, tuy phục chế khác nghi mà phong kỳ thuần dốc. Nay tôi tạm dùng dây leo nói liền châu ngọc ấy, biên thành theo thứ tự, văn từ như sau.

KHẢI VĂN TẤU TRÌNH ĐIỆN HẠ VỀ “LUẬN PHÁ TÀ ”

Sa-môn Pháp Lâm khải tấu: tầm mở đầu của Tam nguyên Ngũ vận, dấy khởi của Thiên Hoàng Nhân Đế, văn từ của Quy đồ Điểu Triện, pháp điển của Kim Bảng Ngọc Tứ, pháp độ của Lục Hành Cửu Quang, sách vỡ của Bách Gia Vạn Quyển, không gì chẳng dẫn dắt mỹ phong của Nhân Luân Tín Nghĩa, thuật khuyên giáo điển của Chu Khổng ở Trung Hoa. Gồm tất cả cốt yếu ấy chưa thấu đạt tận nguồn sinh tử, trình bày nghĩa lý ấy, chẳng vượt khỏi khu vức hữu vô. Đâu như Ngũ phần Pháp thân, Tam minh chủng trí, Trạm nhiêu thường lạc nào có biến đổi. Xa thay! Chân như chẳng diệt chẳng sinh, mà hay dẫn giúp muôn loài. Đức từ tỏa trùm sinh linh, mở bến giải thoát tới bên kia, mở phủ cứu cánh vô vi, vớt đở quần sinh ở ngoài biển kiến, cứu dắt các con ở trong nhà lửa. Chỉ hóa cách Thông hà có hơn ngàn năm, giáo điển lưu truyền đến đất Hán (Trung Hoa) đã sáu trăm năm. Khám tháp dựng lập có thể chẳng cùng trông thấy nhau, thần nhân nối tiếp gót. Do đó, Sa-môn Đạo An lên kiệu của Tần Đế, Sa-môn Khương Tăng Hội lên xe của Ngô Chúa, Pháp sư Cao Tòa hay trình bày Bát chánh, Hòa thượng Phù Đồ khéo giảng nói Ngũ thừa. Hóa hợp chín châu, phước đượm ba đời. Đó đáng xứng gọi là làm lợi vật ư?

Vào thời nhà Tùy bị bột vận, chó ngựa sinh ngoài giao dã, tai ương nổi khắp mọi nơi, hung độc lưu tỏa muôn dân, đuốc tuệ đã ẩn, mưa pháp dần tan. Nhờ có thời Đại Đường chúng ta, trên ứng với tâm trời, dưới hợp với mong mỏi của dân thứ. Bù đắp trời để sáng lệ tam tượng, quấn ràng đất để an ngũ nhạc. Sinh dân đội nhờ ân tái tạo, Thích Môn (Phật giáo) được an bang trùng hưng. Nhờ đó mới hớn hở sáu ngũ thường đây, bốn tam hoàng kia, trở lại phong tục thuần phác, ở ty đã chẳng thi hành. Phó Dịch mới công khai tự nhiên lưu bố khắp xa gần, khắp các quán rượu trong nhân gian đua nhau cười đùa đàm phán, có phiền lụy đến Thanh phong, dơ uế hoa tục, nuôi lớn vật tà kiến, tổn hại ruộng phước nước nhà. Với lý không thể như vậy!

Cúi nghĩ, chỉ có Điện hạ xưa trước đã nhờ Tam quy, lâu ngày hành giúp thập thiện, đến với sự hoài mong của muôn dân, ứng kỳ vận đại bảo, đạo hợp lớn mạnh thái bình, đức tỏa sáng kế tiếp hậu, phát lại âm vang sấm sét thì nhà sau đều mở, tỏa ánh sáng minh ly thì đường tối đều soi. Rực rỡ thay! Thỏa đáng thay! Khó thể xưng gọi được vậy. Hẳn vì ánh sáng nhà Hán tỏa chiếu lại nơi đời, Chu bốc trọn năm, lại hay giáng ý cửa khước, xoay tình cảnh thắng bến bờ tại ý niệm, tường vách làm tâm. Cúi mong bẻ gãy cây phướng tà kiến, đốt đuốc chánh pháp, tượng

hóa thưa nhờ ân sâu đây vậy. Nay chẳng nhậm ý chí buồn bả, kính cẩn dâng trình "Luận Phá Tà" hai quyển, vết trần nhuốm dính oai nghiêm, càng thêm lo sợ. Kính cẩn khải tấu!

Ngày hai mươi bảy tháng giêng năm Võ Đức thứ năm (622) thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp kính dâng.

LUẬN PHÁ TÀ

Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Thái sư lệnh triều tán Đại phu thần Phó Dịch dâng tấu việc giảm bớt chùa tháp, phế dẹp tăng ni, có cả thảy mười một điều. Thần Phó Dịch nói: Thần nghe Hy nông Hiên viên trị hợp phong hóa của Lý Lão (Xin Đàn-hặc rằng: Trong sách Thi nói, trên dùng phong hóa xuống, dưới dùng phong châm lên. Ở thời nhà Chu, Lão Tử làm thủ thư tạng sử, như Quan Bí thư hiện nay, vốn chẳng phải Thiên tử. Vậy thì có phong hóa gì khiến Hy nông Thượng đế cùng đó hợp trị?). Các đời Ngu, Hạ, Thương có chính sách phù với giáo điển Chu Khổng (xin Đàn-hặc rằng: Chu Công, Lão Tử đều là quốc thần dâng thuật giáo điển của Ngu Hạ xuống cảm hóa dân chúng kiểu bạt, cũng chẳng phải Nhân Vương, chẳng được tự làm giáo chủ, đâu khiến Ngu Hạ bốn Quân vương phù hợp với giáo điển của Chu Khổng ư?).

Tuy có thể Thánh có trước sau, đạo đức chẳng riêng biệt, Quân vương có men theo thay đổi nhưng trị thuật vẫn còn đồng. Trộm nghe, như Lão Tử đánh đất màu mỡ mà ca hát, mười lăm trẻ nhỏ vỗ bụng mà vui tươi an lạc, canh cày hay nhường, giữa đường chẳng lượm vật rơi, hiếu tử kế thừa gia nghiệp, trung thần đầy nước, nhưng Quốc vương có nạn thì quên cả thân mạng mà báo đáp (xin Đàn-hặc rằng: Đã khắp nước đều là trung thần, sao được có nạn? Nói thường học trò của sáu khanh chẳng nên nỗi nghịch,) Cha mẹ mắc bệnh thì trọn đời ở bên canh chăm hầu, đâu chẳng phải tăng sâm bạn của Mẫn Tử. Trường học thành rừng, Mặc Địch đồng bạn với cảnh cung, cùng lại phụ giúp (xin Đàn-hặc rằng: Ba mươi chín đời chỉ có một Tăng Sâm. Từ thời Hán Cao Tổ trở về trước, riêng suy lời nói Mẫn Tử thành rừng là không thật, tấu của phụ giúp, vốn việc hư dối quá lắm vậy). Mới có giữ đạo ngậm đức, không tham muốn, không mong cầu (xin Đàn-hặc rằng: Châu An Thúc Đoạn không thể giữ đạo, Hạ Kiệt, Ân Trụ chỉ chuyên việc tham cầu vậy). Sủng nhục như kinh hãi, chức tham hàng chầu (xin Đàn-hặc rằng:

Phan Sùng Nghệ mất chưa chịu như kinh hãi dòng họ Lý, Dương Hóa cũng ở xếp hàng chầu vậy). Kinh Sơn trên đảnh vin gá Thăng Long, dòng họ Hầu bên Đàn cùng theo cưỡi hạc. Sứ của Diêu Trì Vương mẫu đầy đủ lễ đến chầu, thần của Bích Hải vô di, đi khắp bái yết vua. Sở dĩ như vậy là bởi lúc ấy cùng tuân theo giáo điển của Lý Khổng (xin Đàn-hặc rằng: Hoàng đế Thăng Long là ở đời của Tam Hoàng, Diêu Trì Vương mẫu lại ở thời Chu Mục Vương. Tính ra lúc ấy Lý Lão chưa ra đời, Khổng Khâu cũng không có, không nên trái lại tuân theo Lão giáo tức hành tập Khổng thư), và không có Hồ Phật nên vậy (xin Đàn-hặc rằng: Ông đã xưng không có Phật thì cũng không được có Đạo vậy).

Từ thời Hậu Hán, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) ban đêm ngủ mộng thấy người vàng. Phó Nghị ứng đối sắc chiếu, biện giải nói là Hồ Thần (xin Đàn-hặc rằng: Nếu trong thời nhà Chu chẳng đến, thì Phó Nghị đâu biết có Phật! Lường đã đến trước, sớm có dòng họ Phó được biết Tiên Tổ nói Phật. Sao ông ngược lại xưng không có năm thứ nghịch trọng, ương lụy tự đầu thai trọn kiếp.) Trong khoảng niên hiệu Trung Nguyên (56-58) thời Hậu Hán, chưa có tin đó (xin Đàn-hặc rằng: hơi từ quá lắm). Đến trong thời nhà Tấn nhà Ngụy, Di Lỗ tin được một phần (Đàn-hặc rằng: Lễ nhạc áo mão đến nhà thời Tấn mới đầy đủ. Ông đã phỉ báng trong Di Lỗ, Hạ là ai?) Phù dung gá Phật trai mà nỗi nghịch, chạy trốn trên Giang đông; Lã quang mượn cớ đánh hồ mà phản lại Quân vương riêng lập ở Tây Thổ (Đàn-hặc rằng: Người thời bấy giờ ganh ghét Phù dung phỉ báng cho là kết nhóm Lã Quang đi đánh trở về, Phù chúa nước phá bên ở Hà Hữu xưng bá tại Lương Châu, cũng chẳng phải do chư tăng trái phản ở Tây thổ). Hàng đó về sau, yêu Hồ dần đông nhiều, hơn một nửa xen tạp Trung Hoa (Châm nói: Từ bi huân đúc ra ở mạt kiếp đời ác, có duyên được độ, chánh tại thời này). Các quan trong cửa vụt nhiên nhận thọ tà giới của kẻ đoái hầu, các Nho sĩ trúng học nói ngược, ngôn ngữ mông lung của yêu Hồ (Châm nói: Các quan tuân phục nhẫn nhục, Nho sĩ quý đàm của kim khẩu). Ca hát khúc loại, nghe đó mất gốc, hôi thối đồng như chợ cá, quá mất mùi hương (Đàn-hặc rằng: Phát tiếng ông oái, tung mùi cá nơi ông, hẳn biết là mất gốc, quá ấy sao chẳng mất mùi hương? Ngữa mặt nhổ nước bọt lên trời, tự nhận nhục ấy. Lời nói đó thật đáng tin cậy). Kiêm lại rộng tạo dựng già lam tráng lệ chẳng phải chỉ một (Châm nói: Tạo nghiệp sinh lên cõi trời, gieo nhân thoát khỏi khổ), nhọc công thợ làm riêng ngồi nê hồ (Châm nói: Tranh vận thân tay, nghi tượng Thánh Tôn), khua hồng chung của Hoa Hạ, nhóm Ngụy chúng của Phiên tăng (Châm nói: Gióng chuông

thần của trăm luyện, mời Thánh chúng khắp ba ngàn) kích động tai mắt của dân thuần, vin đòi của cải của Doanh tư (châm nói: cảm tai mắt của người có tín tâm, phế bỏ của cải của tham si). Nữ công dệt lụa, cắt làm phan phướng của dâm tế, thợ khóa đúc vàng bạc, tán khác mã xá lợi (châm nói: nữ công dệt lụa tạo phan tục mạng, thợ khép đúc vàng bạc xây dựng tháp toái thân). Lúa thóc bún gạo, giăng bày hội của tăng ni, hương dầu đèn sáp, treo chiếu nhà Hồ thần (châm nói: lúa thóc bún gạo tranh bày hội phước điền, hướng dầu đèn sáp cầu chiếu nhà từ bi). Bóc lột của cải dân chúng, cắt xén kho đụn nước nhà, quý thần triều đình chẳng từng tỏ rõ. Thật đáng đau xót thay! (Đàn-hặc rằng: triều đình nghiêm xét xưa trước xả bỏ thế tục, quy hướng chân chánh sùng dòng họ Thích, chẳng đồng tà kiến).

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ trấn định mở rộng cửa trời, thay ngôi báu mới, thông hành khó khăn của vạn vật chăng? Lại nuôi dưỡng muôn dân, trải ban mỹ phong vô vi của Lý Lão mà nhân dân tự cảm hóa, cầm nắm lễ ái kính của Khổng Khâu, mà khắp thiên hạ hiếu từ. Vả lại, kinh giáo của Phật, vọng nói tội phước (châm nói: nguyên do của giáo pháp chỉ bày người dứt cửa xấu ác, mở đường người làm lành). Quân dân trốn dịch, cắt tóc ở ẩn trong, chẳng phụng sự song thân, chuyên làm mười điều xấu ác (châm nói: xả bỏ ái ân của song thân, tu nhân phong của mười thiện, nhẫn chịu trái nghịch nhỏ ấy để thành thuận lớn). Năm tháng chẳng trừ, gian nguy càng lắm. Thần (Phó Dịch) đọc xem thứ khế, dẫn từ Bào Hy cho đến Hán Cao, cả thảy có hai mươi chín đời, hơn bốn trăm quân vương, chỉ nghe cúng tế Thượng đế ở ngoài giao (Đàn-hặc rằng: Viên binh Nam giao chẳng khỏi tội quá giết hại muôn sinh, đâu như Phật giới lấy chẳng giết hại đứng đầu. So sánh phải quấy, đoán có thể biết được vậy). Quan trị dân xét chưa thấy chùa nhà tượng đồng, xây dựng xã tắc an ổn bang quốc. Xin để cho tà giáo Hồ Phật trở về lại Thiên Trúc (châm nói: duyên cảm thì dấy động, việc rồi bèn dứt, qua lại ứng vật, ẩn hiểu theo thời). Phàm là Sa-môn thả trở về quê cũ, khiến đồng đảng trốn khóa, đều vui thích thâu thuế, các người trốn lánh làm việc, hằng vui thích dốc sức, chớ độ trẻ ngốc kính bái nước nhà (Đàn-hặc rằng: xưa trước Nghiêm Tử Lăng chẳng lễ bái Thiên tử, Triệu Nguyên Thúc vái dài Tư Không, sách vở ngợi ca vẻ đẹp ấy vậy. Huống gì Sa-môn là ruộng phước xuất thế, dòng họ Thích là Cao sĩ ngoài vật, muốn khiến bái yết, trái nghịch tổn hại rất lắm, theo lý không thể được vậy). Tự đủ trung thần túc vệ tông miếu, thì thời Đại Đường chúng ta mở mang trấn định, làm chủ của tạo hóa, trăm họ vô sự làm dân của Hy

Hoàng (Đàn-hặc rằng: Đời của tạo hóa, người không thâu thuế, dân của Hy Hoàng vạch bụng mà nằm. Thánh minh ở trên đâu tin ngôn từ của Thôi Hạo Khương Bân ấy ư?). Thần Phó Dịch rất mực kinh sợ (Đàn-hặc rằng: phụng sự Quân vương dốc biết tâm trung, mở lời nói năng mà có tin nghe. Tấu trình chẳng thật, tội lỗi có chỗ kết quy; vu khống nước nhà, trọn phải chịu đao kiếm. Đâu phải chỉ kinh sợ mà có thể xong ư?). Kính cẩn dâng trình, ích nước lợi dân, gồm có mười một điều như trên, kính cẩn tỏ bày (Đàn-hặc rằng: như điều ông tấu là tổn nước hại dân, việc không thể được).

Ngày hai mươi tháng tư năm Võ Đức thứ tư (621) thời tiền Đường, Triều Hán Đại phu Hành thái sử lệnh thần Phó Dịch dâng tấu.

KHẢI VĂN DÂNG TẤU TẦN VƯƠNG

Sa-môn Thích Pháp Lâm v.v... khải tấu: Pháp Lâm tôi nghe, tình tha thiết thì tiếng người ấy hẳn xót xa; Lý chân chánh thì lời nói người ấy hẳn ngay thẳng. Do đó, cùng Tử nghĩ muốn thấu đạt lời nói ấy, nhọc người muốn ca việc ấy. Cớ sao? Trộm thấy khoảng cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, thiên hạ tán loạn, đất trời đen nhàm, bốn biển nhảy vọt, sóng động bụi bay, gò đồi thiêu đốt, đất bằng cháy lan, năm ngựa tuyệt đường nổi sông, bảy trẻ con có ca bình luật, lúc đốt lửa ra hiệu, vũ hịch rong bay, ải bít lắm lo toan, đánh chém chẳng dứt, đạo tiêu đức loạn, vận hết số cùng, chuyển thâu lắm nhiều, đầu gom sọt liệm, thây chất như rạ, máu chảy thành sông, con người không nơi nương nhờ để sống, mọi vật cũng nhọc dừng, không nơi khống cáo, ném hài cốt chẳng theo. Trăm họ khổ nỗi treo ngược ấy, muôn nước khốn nỗi không chủ đó, há là đồ hiện pháp luân tuyệt hưởng, chánh giáo bị lấn lướt?

Thánh thượng dấy tâm thương xót trần tục, thuận mạng trời cao, bèn cất cờ nghĩa bình trị một khu vũ. Bấy giờ các hàng đạo tục đều được đội nhờ, khắp chốn Hoa Di thảy vui thích. Từ đó hợp đất trời mà thông tám phong, lường âm dương mà điều bốn mùa, hòa nước nhà xếp đặt nhân luân. Công trùm phụ trời, thần sánh lập cực, giáng mây mưa mà sinh dưỡng, mở nhật nguyệt mà chiếu soi. Dùng thanh minh mà khơi phát đó, lấy văn vật mà biên ghi đó. Ân đượm hành vi, thí hợp trùng cá. Mới muốn thuật lại cửu trù, bày trải ngũ giác, phát động học thạch cừ, trải mỹ phong trường lớp. Xa sánh với Hiên Hy, gần đồng như văn cảnh. Công nghiệp trọn lớn mạnh, chẳng biết múa của tay, đạp của chân người nào ấy vậy?

Trộm thấy, việc Phó Dịch dâng tấu, mở xem chưa khắp, trong năm phân nát, tầm đọc mới khắp sáu tình phá rách. Than ôi! Lời tà mê hoặc chánh; biện giải ép bức chân, còn chẳng đủ để nghe ở hàng hạ ngu, huống hồ muốn trên liền can đến trời nghe! Chỉ bởi Phó Dịch có chứa phận ở đương thời cầu muốn chỗ vật trông thấy biết, nào dung chẳng gần tình người, không tội gây ác. Nhưng văn ngôn ấy cạn cợt quê kệch, sự lý chẳng rõ ràng, làm nhục điển mô của Tiên vương, tổn thương khuôn phép thuần phong của nhân luân. Vì sao? Phàm, người không nói, nói hẳn có trúng. Phu Tử nói: “Một lời nói hợp lý thì thiên hạ thảy quy kính. Một sự việc trái lẽ thường thì vợ con phản lại”. Quán xét việc Phó Dịch tấu dâng, bao quát đại khái cùng tận đuôi đầu, là không mạo quyết đình xử có nhiều, quỷ nhục Thánh nhân rất lắm. Như ý ấy của Phó Dịch, vốn muốn nhân đó mà tự mưu toan, giả sử mong cầu tiến đạt, thật chưa thể ích nước lợi dân. Trong ý là muốn mê hoặc náo lộng từ triều đình đến thôn dã. Nhưng Bệ hạ, ứng trời thuận thời làm chủ cả thiên hạ, đến với tâm của muôn nước, đáng niềm vui của một người, sức giúp nguy cứu đời, công hung rợ lắng loạn, hẳn dùng oai trùm cả vương xưa, tiếng cao hơn đế trước, dẫn lại còn tâm đối với Tam bảo, lưu ý nơi ruộng phước. Dự phần là người xuất gia, không ai chẳng cảm đội ân trời, chỉ do trong chư tăng có phần nào không thể tuân phụng giới hạnh, báo đáp ân nước nhà, những người không biết chẳng trái tạo tội. Đến nỗi, khiến Phó Dịch trình bày lời xấu ấy, lếu láo nhảy nhót đau lòng, không nơi vất bỏ hài cốt. Nhưng các Tăng Ni có tội thì cam nhận cực hình, mà hận Phó Dịch khinh nhục Thánh nhân ngôn từ rất hại. Rất sợ kẻ tà kiến nhân đây mà làm điều quấy.

Căn cứ sách Xuân Thu nói: Lúc Lỗ Trang Công vừa bảy tuổi, vào đêm tháng tư, sao thường chẳng hiện, mà ban đêm sáng như ban ngày, tức là điềm ứng lúc Phật ra đời vậy. Nhưng Phật có chân thân và ứng thân, có quyền trí và thật trí, có ba minh, tám giải, năm mắt, sáu thông. Sức thần chẳng thể nghĩ bàn, pháp gọi là tâm hành diệt mất. Đạo ấy chuyển vận các Thánh đến Niết-bàn, sức ấy dẫn dắt hạ phàm vượt biển khổ. Từ năm Vĩnh Bình thứ ba (60) thời Hậu Hán, vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) mộng thấy người vàng trở lại, tượng giáo lưu truyền phương Đông, điềm linh chẳng phải chỉ có một, đầy đủ ở các sử của Hán Ngụy. Các sách của Diêu Thạch v.v... đến như Sa-môn Đạo An, Đạo Dục, Phật Đồ Trừng, La Thập đều có hạnh cao hiểu sâu, là Danh tăng ở đương thời, khắp các Quân vương đều nhận biết, các hàng thắng quý thảy sùng trọng. Từ hơn năm trăm năm trở lại nay, chùa tháp dựng

xây khắp cả chín châu, Tăng Ni có cùng ba phủ, đều do các Quân vương trong thời kỳ kính tin, từ triều đình đến thôn dã thảy quy tâm, tượng giáo hưng thạnh lưu hành mãi đến nay chẳng dứt. Thật là nhờ sức của Nhân Vương.

Ở thế gian, vua tôi cha con còn gọi là ân trạch khó đáp, trời cao chẳng thể báo. Huống gì Phật là cha lành của chúng sinh xuất thế, lại là vị thầy thuốc tốt giỏi của Thánh phàm, sao lại muốn ép mà chèn đó, bắt tội mà làm nhục đó? Với lý chẳng thể được vậy. Ngưỡng tầm trí của Như Lai vượt khỏi hữu vô, đâu phải Tam Hoàng có thể lường biết; sức bao trùm tạo hóa, chẳng thể đất trời có thể tính. Liệt Tử nói: “Xưa trước, Thương Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử: “Phu tử có phải là Thánh nhân chăng?”. Lại hỏi: “Tam vương có phải là Thánh nhân chăng?”. Khổng Tử đáp: “Tam vương khéo dụng trí dũng, có phải là Thánh nhân hay không thì chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Lại hỏi: “Ngũ Đế có phải là Thánh nhân chăng?” Khổng Tử đáp: “Ngũ Đế khéo dùng nhân tín, có phải Thánh nhân hay chăng cũng chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Lại hỏi: “Tam hoàng có phải Tnhân chăng?” Khổng Tử đáp: “Tam Hoàng khéo dùng thời chánh, có phải là Thánh nhân chăng cũng chẳng phải chỗ Khâu tôi biết được”. Thái Tể rất kinh ngạc, tiếp hỏi: “Vậy thì ai là Thánh nhân ư?”. Phu Tử đổi sắc mặt trong chốc lát mới bảo: “Ở phương Tây có người là Thánh giả vậy. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, chẳng cảm hóa mà tự thực hành, mênh mông thay! Dân chẳng thể gọi tên vậy”. Như Tam Hoàng, Ngũ Đế hẳn là Đại thánh, Khổng Khâu đâu dung ẩn mà chẳng nói bèn có tội khiên khuất lấp Thánh, lấy đó mà so sánh, suy tôn Phật là Đại Thánh.

Trong Lão Tử Tây Thăng Dinh nói: “Thầy của ta du hóa ở Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn”. Phù Tử nói: “Thầy của Lão Thị tên là Thích-ca Văn”. Căn cứ ngay kinh sách của Khổng Lão, những chỗ nói về kính Phật, văn chứng chẳng thiếu, đâu phải một mình Phó Dịch mà có thể phỉ báng nỗi ư? Xưa, Công Tôn Long trước thuật Kiên Bạch Luận, bắt tội Tam hoàng, nói quấy Ngũ Đế. Đến nay đọc xem đó mọi người còn thấy giận lắm. Xem trước ấy thật đáng buồn thay!

Chúa thượng là bậc chí Thánh khiêm minh, mới muốn thả ngựa nghỉ trâu, tự ca cổng bít mộ, dấy mỹ phong của hoàng vương, mở pháp hóa của Thích Lão. Với những thuyết cuồng giản, rất đáng nên thiêu đốt. Nếu nói Đế vương không Phật thì bình trị lâu năm, có Phật thì nghịch chính vận ngắn. Căn cứ như Nghiêu Thuấn riêng bình trị không đến đời con cháu Hạ, Ân, Chu, Tần Vương Chính từng cải đổi, Tiêu

Tường bên trong nổi, nghịch loạn cùng theo nhau. Bấy giờ không có thật, bởi nhân gì mà vận ngắn ngủi? Chỉ pháp Lâm tôi dự ở đời Nghiêu, thường ngày sử dụng không biết, ở ngoài thấy không yên ổn bèn phụng sự, sợ các Phiên quốc xa nghe, cho là Hoa Hạ không hay biết. Phu Tử nói: "Lời tiếng đầy khắp thiên hạ, không qua lỗ miệng; hành vi đầy khắp thiên hạ không oán xấu ác. Người nói đó muốn khiến không tội, người nghe đó, đủ để tự răn. Phó Dịch mở lời chẳng từ tốn, người nghe hẳn kinh ngạc, có dơ uế mỹ phong của nước nhà, đặc biệt tổn hại Hoa tục. Kính cẩn ghi lục thành thực, dám mạo phạm tấu trình.

Cúi nghĩ, chỉ Đại vương Điện hạ bẩm chất anh linh tự nhiên nổi trội, phong thần dĩnh ngộ trội vượt, khí cục bao hàm rộng, hay khéo làm an lạc xa đến tận Đông bình kia, ôn dịch là hân hoan lại mới ở Tây Sở. Thêm vì A-hành trăm lường đo, thể thức thứ lớp sáu điều. Đức đã rụt lụa, nhân gồm rách lưới, mở đệ của Khương Trang, ngồi khác tuân khanh, khởi tạo vườn râu tre, yến đãi khách văn nhã, không ai chẳng thơ cực, duyên tình mà ban cho, cùng thể vật tin có thể dự bình, khắp triều đình thôn dã đẹp xinh tập quán anh hào xưa trước. Chỉ Pháp Lâm v.v... chúng tôi bên trong nhìn lại khuyết như vuông tròn ít dùng, nghĩ Phó Dịch là kẻ hạ ngu rất lắm, thẹn chê trách phàm tăng hói đầu. Xấu ác đó cùng cực, tội chẳng gì lớn bằng. Từ tên Lô Hách Tư trở lại, sau khi đất trời mở rộng chưa có ai cuồng dối bội nghịch như Phó Dịch. Chẳng mặc tình đến cùng, xẻ cốt đau tim, kính cẩn ghi lục việc Phó Dịch làm hại, tạm thuật ngôn từ thô bỉ, xếp đặt trả đáp như trên. Mảy bụi nhuốm bẩn, oai nghiêm càng thêm mất tuyệt. Kính cẩn khải tấu.

Ngày mười hai tháng giêng năm Võ Đức thứ năm (622) thời tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp khải tấu.

Phó Dịch nói: "Cần Vương thì hiếm thiếu, Thích rộng thì lắm nhiều, là bởi bên ngoài phụng sự Hồ Phật, bên trong khởi sinh tà kiến, cắt bỏ râu tóc, da dẻ đổi thay y phục. Vượt ra cửa thần tử (bề tôi và con) vào nhà của Tăng ni. Đứng bái yết ngọc đình, ngồi nhìn xem dưới gối, bất trung bất hiếu, nhóm kết liền phòng. Vả lại, Phật ở Tây Vức, lời yêu đường xa, bỏ thân thích đuổi theo tài của, sợ tráng niên, khinh mạn tuổi già. Trọng giàu sang mạnh khỏe, mà khinh nghèo hèn yếu đuối. Mến tuổi trẻ đẹp xinh mà khinh tiện tuổi già, lấy huyễn hoặc mà làm kỹ năng tài nghệ, lấy huống dối làm tông chỉ. Nhưng Phật là nhà của một dòng họ, đó là quỷ. Làm quỷ không thể gần các dòng tộc khác. Đâu có thể thúc giục người Hán sống cung cấp cho kẻ Hồ chết, sao mong lớn lắm vậy? Có thể gọi là xem thường minh châu đây mà quý trọng mắt cá

kia, sai trái xa lìa cha mình mà cung kính người khác. Sao có quỳ mười cái nê hồ mà làm khanh tướng, đặt một bồn cơm thừa được làm Đế vương? Căn cứ tà thuyết của Phật, chẳng gần tình người. Vả lại, Phật khôi hài lớn lời chẳng kịp chiên mạnh, xa xỉ tạo tác tội sâu hơn Kiệt Trụ. Vào nhà thì phá nhà, vào nước thì phá nước".

Xin đáp rằng: "Phàm là người xuất gia, trong thì giả từ thân ái, ngoài xả bỏ quang vinh, chỉ mong cầu Vô thượng Bồ-đề, nguyện ra khỏi biển khổ sinh tử. Do đó, bỏ nghi phục của Triều Tông, đắp mặc áo ruộng phước; hành đạo để báo đáp bốn ân, lập đức để cứu giúp ba cõi. Đó là đại ý chính vậy. Nếu nói Phật là Hổ quỷ, chư tăng trở lại, sử sách trong ngoài, lược nêu nơi Khổng Lão bắt chước kính Phật, văn chương như đã nói trên để đáp người tà, mong đó chịu tội.

Trong Đạo sĩ Pháp Luân Kinh nói: "Nếu thấy Sa-môn nghĩ nhớ vô lượng, mong sớm xuất thân để tập học vượt chân". Lại nói: "Nếu thấy đồ tượng Phật, nghĩ nhớ vô lượng, nên mong tất cả đều vào pháp môn". Trong Thái thượng thanh tịnh tiêu ma bảo chân an chí, trí tuệ bản nguyện bản giới thượng phẩm kinh, nguyện thứ bốn mươi chín nói: "Nếu thấy Sa-môn, phải mong hết thảy thấu rõ pháp độ, được đạo như Phật". Lão Tử Thăng Huyền kinh nói: "Thiên Tôn bảo Đạo Lăng, sai sang phương Đông đến nơi chỗ Phật, thọ học giáo pháp". Đạo sĩ Trương Lăng Biệt truyện nói: "Trương Lăng ở trong núi Hộc Minh, cúng dường tôn tượng vàng ròng, tụng đọc kinh Phật". Thăng Huyền Kinh nói: "Ở phương Đông, Như Lai sai bảo Đại sĩ Thiện Thắng đến nơi Thái thượng mà bảo "Như Lai nghe con vì Trương Lăng mà giảng nói pháp, nên sai ta lại thăm con". Lại nói với Trương Lăng rằng: "Ngươi theo ta đến nơi chỗ Phật, sẽ khiến con được thấy điều chưa từng thấy, nghe điều chưa từng nghĩ". Trương Lăng liền đảnh lễ Đại sĩ và theo đến nơi chỗ Phật". Lão Tử Tây Thăng kinh nói: "Thầy ta du hóa ở Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn". Trí tuệ Quán thân Đại Giới Kinh nói: "Đạo học phải nghĩ nhớ vân du Đại phạm lưu ảnh nơi cung lễ Phật". Thăng Huyền Kinh nói: "Nếu thấy Sa-môn muốn lại nghe kinh quán trai, chủ cúng không được tính hao phí ăn uống mà cắt đứt không chấp thuận, phải suy đặt lên tòa, Đạo sĩ Kinh sư cũng tại phía dưới đó". Thăng Huyền Kinh lại nói: "Đạo sĩ thiết trai cúng dường, nếu có Tỳ-kheo đến, có thể mời lên trên tòa, khéo thiết bày mọi thứ cúng dường, Đạo sĩ kinh sư tự tại dưới đó. Nếu Sa-môn Ni đến nghe pháp, phải ổn định an đặt mới vì lên tòa, người cúng phải đúng như pháp mà cúng dường, không được ngăn cản". Hóa Hồ Kinh nói: "Mong hái hoa Ưu đàm, nguyện đốt hương

chiên đàn cúng dường thân ngàn Phật, cúi đầu đảnh lễ Định quanh". Lại nói: "Phật sinh sao muộn quá, lại nhập Niết-bàn sớm. Chẳng thấy được Thích-ca Văn, trong tâm thường áo não. Theo các bản cũ đều nói ta sinh sao quá muộn, Phật sao diệt độ sớm".

Linh Bảo Pháp Luân kinh nói: "Cát Tiên Công vừa sinh mới vài ngày, có vị Sa-môn người ngoại quốc thấy Tiên Công hai tay nắm giữ, nên bảo cùng cha mẹ của Tiên Công rằng: "Đứa trẻ này là Bồ-tát Thiện Tư ở Tây phương, nay đến đất Hán giáo hóa chúng sinh, sẽ vân du Tiên đạo, giữa ban ngày bay lên trời". Tiên Công tự nói với đệ tử mình: "Thầy ta vốn dòng họ Ba Duyệt Tông, tên là Duy-na-ha, người nước Tây Vức". Tiên nhân thỉnh vấn chúng Thánh nạn kinh nói: "Cát Tiên Công bảo đệ tử rằng: "Xưa trước ta cùng Thích Đạo Trưng, Trúc Pháp Khai, Trương Thái, Trịnh Tư Viễn v.v... bốn người đồng thời phát nguyện. Thích Đạo Trưng, Trúc Pháp Khai hai người nguyện làm Sa-môn; Trương Thái, Trịnh Tư Viễn nguyện làm Đạo sĩ". Tiên Công khởi cư chú nói: "Bấy giờ sinh tại nhà Các Thượng thư. Thượng thư tuổi đã ngoài tám mươi mới có một người con ấy. Khi ấy có vị Sa-môn tự xưng là Tăng ở Thiên Trúc đến nơi chợ lớn mua hương. Người trong chợ lấy làm quái lạ hỏi nguyên nhân, vị Sa-môn ấy đáp: "Đêm qua ta mộng thấy Bồ-tát Thiện Tư hạ sinh nơi nhà Cát Thượng thư, ta đem hương này đến để tắm gội". Đến lúc sinh, vị Sa-môn ấy tới đốt hương, đi nhiễu quanh theo phía hữu bảy vòng rồi tắm gội mà thôi".

Tiên Công thỉnh vấn thượng phẩm kinh nói: "Cùng Sa-môn Đạo sĩ nói thì chí ở nơi đạo". Trong phẩm Hiệu Lượng Công Đức của Thượng phẩm Đại Giới Kinh nói: "Cúng thí tháp miếu Phật được phước bảo gấp bội ngàn lần. Bố thí cúng dường Sa-môn được phước báo gấp bội trăm lần". Thăng Huyền nội giáo kinh nói: "Hoặc lại có người lúc bình thường chẳng chịu làm phước, thấy gặp Đạo sĩ Sa-môn giảng pháp khuyên thiện trọn không theo ý". Trí bản nguyện đại giới thượng phẩm kinh nói: "Cúng thí Phật chư tăng thọ trai trong bữa trưa hay chùa tháp bằng một tiền trở lên, đều được phước báo gấp bội hai vạn bốn ngàn lần, công đức nhiều phước báo nhiều, đời đời được hiền minh, an vui chẳng dứt tuyệt, bảy đời tổ tiên đều được sinh vào cõi nước vô lượng chư Phật". Tiên Công thỉnh vấn kinh nói: "Lại có người phàm thực hành công đức ấy, nguyện làm Sa-môn Đạo sĩ thái bác, đến đời sau bèn được làm Sa-môn, tập học kinh Phật, vì đại chúng mà làm Pháp sư. Lại có một người thấy Sa-môn Đạo sĩ trai giới nghiêm tịnh, đọc tụng Kinh giáo, mà cười bảo đó là: "Người kia ngửa mặt giữa khoảng không ngâm

nga lời kinh muốn mong cầu gì ư? Bụng trống giữa ngày ăn một bữa, đó là tội nhân vậy". Đạo sĩ mới trải tâm từ vì dẫn dụ đó, nhưng người ấy vẫn cố chấp, trong ý chẳng tan mất, khi chết đọa vào địa ngục, khảo độc năm thứ khổ sở". Tiên công thỉnh vấn kinh nói: "Cao thượng Lão Tử nói: "Ở thời Thượng cổ, nhân dân thuần phác, mỗi tự nghĩ nhớ đạo đức, lòng rỗng huyền tịch, vô dục vô sự. Thuần phong ấy đã tan mất, trăm thứ đua nhau ùn nổi, muôn dòng phân chiết, gian xảo đổi cải, ngu trí lấn bước nhau, quỷ thần giữ oai, các Thánh đều ra chế định vì giáo hóa, chỉ khiến dân tu thiện tự giữ, do đó có năm kinh, nghiệp của Nho tục, đạo Phật mỗi mỗi đều tán thán giáo ấy lớn kết quy hành thiện vậy". Thái Thượng Linh bảo động Huyền Chân Nhất khuyến giới pháp luân diệu kinh nói: "Ta trải qua quán sát các trời, từ vô số kiếp đến nay, thấy các Đạo sĩ trăm họ, người nam kẻ nữ đã chứng đắc đạo Vô thượng Chánh chân. Cao tiên chân nhân tự nhiên, mười phương chư Phật đều nhận thọ sự cần khổ đời trước, cầu đạo không thể tính kể". Pháp Luân Diệu Kinh nói: "Đạo nói phàm luân chuyển chẳng biết, được sinh trở lại trong loài người, có đại trí tuệ minh đạt, từ vô số kiếp học đủ thành chân nhân. Cao tiên tự nhiên, mười phương chư Phật, không ai chẳng từ hạnh nghiệp tạo nê, tiết chế tự thân, định chế tọa thiền, tư duy tinh tế". Trên đây là ghi lục về văn của Đạo kinh bắt chước kính Phật.

Xét Chu Thư Dị Ký nói: "Thời nhà Chu, vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây lịch) lên ngôi năm thứ hai mươi tư, ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Dần, sông ngòi ao hồ bỗng nhiên nước dâng tràn, giếng nước đều tràn, cung điện vào nhà, núi sông đất liền thảy đều chấn động. Đêm đó có hơi khí ánh sáng năm sắc soi chiếu suốt qua Thái Vi, tận mặt nhìn về phương Tây đều là sắc màu xanh hồng. Vua Chiêu Vương hỏi Thái sử Tô Do rằng: "Đó là điềm lành gì vậy?". Tô Do đáp: "Có bậc Đại Thánh nhân ra đời ở phương Tây, nên hiện điềm lành ấy". Vua Chiêu Vương hỏi: "Đối với thiên hạ thì như thế nào?" Tô Do đáp: "Ngay lúc này thì không gì cả, nhưng ngoài ngàn năm sau, Thánh giáo ấy sẽ lưu truyền khắp xứ này". Vua Chiêu Vương liền sai bảo người khắc bia đá ghi lại điều ấy, chôn tại trước đền thờ trời ở Nam Giao. Lúc ấy là Đức Phật mới đản sinh nơi cung vua vậy.

Đến thời vua Mục Vương (976-921 trước Tây lịch) lên ngôi, đến năm thứ ba mươi hai, thấy ở phương Tây có vài luồng ánh sáng hơi khí, trước kia nghe điều dự ghi của Tô Do, biết tại phương Tây có Thánh nhân đang ở nơi đời. Vua Mục Vương chẳng thấu đạt lý ấy, sợ chẳng phải chỗ thích nghi của Chu Đạo, bèn cùng tướng quốc Lã Hầu đi đến

phương Tây, thấy gặp chư hầu ở giữa đường núi khấn đảo ánh sáng biến đổi. Lúc ấy Đức Phật đã ở nơi đời lâu rồi vậy. Đến năm thứ năm mươi hai thời vua Mục Vương, vào lúc sáng sớm ngày mười lăm tháng hai năm Nhâm thân, bỗng nhiên gió bão tung nổi, làm hư hại nhà người, đổ gãy cây cối, núi sông đất liền thảy đều chấn động. Đến sau giờ ngọ đất trời tối tăm mây mù đen nghịt, ở phương Tây có mười hai vầng cầu vồng thông qua hai phía Nam Bắc suốt liền đêm chẳng dứt. Vua Mục Vương hỏi Thái sử Hổ Đa rằng: "Đó là điềm ứng gì?" Hổ Đa đáp: "Ở phương Tây có Thánh nhân vừa diệt độ, tướng suy hiện nên vậy". Vua Mục Vương rất vui mừng bảo: "Trẫm thường lo sợ ở đó, nay đã diệt độ, thì Trẫm khỏi phải buồn lo vậy". Ngay lúc ấy là Đức Phật nhập Niết-bàn". Theo Sử Lục nói: "Thương Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử rằng: "Ai là bậc Thánh nhân ư?". Khổng Tử đáp: "Người ở phương Tây có Thánh giả. Không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không cảm hóa mà tự thực hành, mênh mông thay, dân không thể gọi đến vậy!". Trên đây là ghi lục về văn trong Khổng Thư tán thán Đức Phật vậy.

Tin chắc mà đáp rằng, trong sách nói: "Thấy thiện như chẳng kịp, thấy ác tợ tham lạnh". Nhưng Thái thượng quý đức, tiếp theo mới lập ngôn. Đức muốn người quy hướng, lời nói muốn khiến người kính tin, mà ông không đức che chở thân, mở lời tổn hại phong hóa, khinh thường Đại Thánh, đâu phải là người ư". Như Khổng Lão là Thánh nhân, còn tự tán thán Tam bảo, khiến các Đạo sĩ v.v... kính nhường Tăng Ni. Ông đã bẩm nhận tiếp thừa Khổng Lão làm thầy, sao lại trái phản thầy dạy, phỉ báng phá hủy Thánh Tôn? Phù Tử nói: "Thầy của Lão Thị tên là Thích-ca Văn".

Trong Tử Thư, Mâu Tử, gồm hai quyển, cũng rộng bàn luận về Phật pháp. Nội điển Thiên địa kinh nói: "Phật sai ba Thánh giả đến giáo hóa Đông độ kia, Bồ-tát Ca Diếp kia xưng là Lão Tử". Thanh tịnh pháp hạnh kinh nói: "Phật sai ba đệ tử đến nước Chấn Đán giáo hóa, Bồ-tát Nhu Đồng kia xưng là Khổng Khâu. Bồ-tát Quang Tịnh kia xưng là Nhan Hồi, Ma-ha Ca-diếp kia xưng là Lão Tử".

Căn cứ ở thời Tiền Hán, trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây Lịch) ở đời vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây Lịch), Hoắc Khử Bệnh đánh Hung nô, đến Cao Lan qua ở Diên sơn, gặp được vua Côn-da-hưu-xà v.v... dẫn theo đồ chúng có cả năm vạn người đến hàng, và có được người vàng cao lớn hơn một trượng, tôn trí tại cung Cam Tuyền. Vua Võ Đế cho đó là đại thần, bèn đốt hương lễ bái. Đến lúc đánh mở Tây Vức, sai Trương Khiên đi sứ. Đại hạ, lúc trở

về nói là "có nước Thân Độc". Nước Thân Độc còn có một tên khác là Thiên Trúc, đó là lúc đầu nghe được giáo pháp của Phù Đồ. Ngụy Thư nói: "Vua Võ Đế (Lưu Triệt) thời Tây Hán có được người vàng, không cúng tế, chỉ đốt hương lễ bái mà thôi". Đó tức là Phật giáo đã dần lưu thông vậy.

Năm Nguyên Thọ thứ nhất (02 trước Tây Lịch) dưới đời vua Ai Đế (Lưu Hân 06-01 trước Tây Lịch) thời Tây Hán, sai Cảnh Hiến đến nước Đại Nguyệt Chi, nhân đọc tụng kinh Phù Đồ (Phật Đà) rồi trở về đất Hán, bấy giờ đã hơi thực hành trai giới của Phù Đồ. Đến thời vua Chương Đế (Lưu Đát 76-89) thời Đông Hán, Sở Vương Anh thích làm trai giới của Phù Đồ, phụng cúng lụa nhũng sắc vàng, lụa nỏn sắc trắng ba mươi xấp để chuộc lỗi quá, ban chiếu báo cùng Sở Vương kính chuộng đức nhân của Phù Đồ, cúng tế trai tịnh thanh khiết ba tháng cùng thần làm thề tin vậy. Đến đời vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147-168) thời Đông Hán, bấy giờ Tương Khải nói: "Lấy Phật Đà Hoàng Lão để can gián chúa thượng, muốn khiến ưa thích sống, chán ghét giết hại, ít ham muốn, kính chuộng vô vi". Hậu Hán Thư nói: "Năm Vĩnh Bình thứ ba (60) thời Đông Hán, vua Minh Đế (Lưu Trang 56-76) mộng thấy người vàng, cổ đeo ánh sáng nhật nguyệt, bay đi trước điện. Vua mới hỏi quần thần. Thông sự xá nhân Phó Nghị đáp: "Thần nghe ở Tây Vức có thần, tên hiệu là Phật, chỗ thấy của Bệ hạ há không phải vậy ư?". Vua liền sai Lang trung Thái Hâm, Trung lang tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v... đi sứ đến Thiên Trúc đồ họa hình tượng Phật. Thái Hâm bèn cùng Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Trúc Pháp Lan về phương Đông đến ở Lạc Dương. Tại Trung Quốc có Sa-môn bắt đầu từ đó". Hậu Hán giao tế ký nói: "Phật, tiếng Hán dịch nghĩa là giác, vì giác ngộ cho quần sinh vậy. Bao gồm tất cả giáo pháp ấy để tu thiện, lấy từ tâm làm chủ, chẳng giết hại các loại quần sinh, chuyên tinh thanh tịnh. Người tu hành tinh tấn thì gọi là Sa-môn, tiếng Hán dịch nghĩa là Tức Tâm, cạo bỏ râu tóc, xa lìa gia đình thế tục, tuyệt đình tẩy dục mà quy hướng đến vô vi vậy. Lại vì tinh thần của người chết chẳng diệt mất, theo sau lại nhận thọ thân hình, tùy những việc làm thiện ác, đời sau đều có báo ứng. Chỗ quý là hành thiện tu đạo để luyện tinh thần ấy, luyện mà chẳng thôi để đạt đến vô sinh được làm Phật vậy. Thân hình cao lớn trượng sáu, sắc màu vàng ròng, trong cổ đeo mang ánh sáng nhật nguyệt, biến hóa chẳng thường, do đó mà chẳng vào nên hay hóa thông muôn vật mà rộng cứu giúp quần sinh. Kinh sách có vài ngàn quyển, lấy hư vô làm tông, bao gồm cả tinh thô, không gì chẳng gom tất cả. Khéo làm rộng

thoáng, ngôn từ ưu thắng lớn lao, chỗ mong cầu tại trong một thể, chỗ rõ ràng vượt ngoài thấy nghe. Quy hết về ở huyền vi, sâu xa, khó mà lường được, không gì bằng cứ nhiên tự mất vậy".

Ngụy Thư nói: "Thái Hâm có thỉnh được kinh Bốn Mươi Hai chương của Phật và tôn tượng Phật Thích-ca đứng. Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán bảo thợ họa vẽ đắp họa hình tượng Phật tôn trí tại đài Thanh Lương và gò Hiển tiết, kinh văn tôn trí ở Lan Đài thạch thất. Lúc Thái Hâm trở về, dùng ngựa bạch để chở kinh tượng đến đất Hán, nhân đó mà lập chùa Bạch mã tại phía Tây Ung Môn thành Lạc Dương. Yếu chỉ kinh ấy đại khái nói các loại quần sinh đều nhân hạnh nghiệp mà khởi, có ba đời quá khứ, hiện tại và tương lai, thứ lớp tu đạo, đẳng cấp tâm hành v.v... chẳng chỉ có một, đều duyên từ cạn để đạt đến sâu, gá nhỏ nhiệm để hiện bày to lớn, dẫn hiện tại ở tích chứa đức nhân, thuận bỏ tất cả tham dục, hành lập hư tỉnh mà thành thông chiếu. Người mới đầu tu tâm thì nương tựa Phật pháp tăng thọ pháp tam quy. Pháp Tam quy như Tam úy của quân tử. Lại có ngũ giới, đoạn dứt giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu, đại ý tương đồng như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người vâng phụng kính trì đó thì sinh đến cõi ưu thắng của trời người, xa lìa các khổ ngạ quỷ. Nói nơi chốn của thiện ác, gồm có sáu đạo. Tại nơi ngăn ngừa tâm, nghiêm chánh thân, miệng dứt bỏ vọng ngữ, gồm tất cả, gọi đó là mười thiện đạo. Nếu hay đầy đủ như vậy tức gần thì được phước báo cõi trời, xa thì chứng đắc Bồ-đề. Vào đêm mồng tám tháng tư, Đức Phật từ hông phía hữu của Thánh mẫu mà sinh. Lúc ấy tương đương với đời Chiêu Vương Lỗ Trang ở Trung Hoa. Hình dung khác hẳn người thường, có ba mươi hai tướng quý của Đại nhân. Trời giáng điềm lành để ứng đó cũng có ba mươi hai thứ. Đến sau khi Đức Phật đã thị tịch, các đệ tử v.v... dùng gỗ hương thơm để thiêu thân, linh cốt vỡ vụn lớn nhỏ như hạt thóc, sắc màu hồng trắng, đánh đập không nát, thiêu đốt không cháy, từng có ánh sáng thần nghiệm. Đến sau khi Phật đã thị tịch một trăm mười sáu năm, có vua A-dục dùng sức thần phân chia xá lợi của Phật, sai sử các chúng quỷ thần dựng tạo tám vạn bốn ngàn tháp báu. Nay ở các nơi Lạc Dương, Bành thành, Phù phong, Thục quận, Cô tàng, Lâm truy v.v... đều có tháp ấy, đều có thần dị".

Trong Hán pháp bản nội truyện nói: "Vua Minh Đế sai Lang trung Thái Hâm, Trung lang tướng Tần Cảnh, Bác sĩ Vương Tuân v.v... cả thảy mười tám người đến nước Thiên Trúc, cùng Ca-diếp Ma-đằng v.v... thỉnh đem tôn tượng Đức Phật Thích-ca đứng, là do vị thầy thứ tư của

vua Ưu Điền tạo nên, về đất Hán. Vua Minh Đế hỏi Ca-diếp Ma-đằng rằng: "Đấng Pháp Vương xuất hiện ở đời vì sao giáo hóa chẳng đến xứ này?". Ca-diếp Ma-đằng đáp: "Nước Ca-tỳ-la-vệ là trung tâm của ba ngàn đại thiên thế giới và của cả trăm ức nhật nguyệt, ba đời chư Phật đều từ xứ đó mà đản sinh. Chẳng kể là trời rồng quỷ thần, những ai có sức hạnh nguyện đều sinh ở xứ ấy, nhận thọ sự giáo hóa của Phật và đều được ngộ đạo. Còn chúng sinh ở các xứ khác không duyên cảm Phật, nên Phật chẳng đến. Tuy Phật không đến, nhưng quanh minh tỏa khắp, hoặc năm trăm năm sau, hoặc một ngàn năm sau, hay ngoài ngàn năm sau đều có Thánh nhân, hoằng truyền Thánh giáo của Phật mà giáo hóa nơi đó".

Ngày mồng một tháng giêng năm Vĩnh Bình thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, Chư Sơn Đạo sĩ thứ lớp triều chính ở Ngũ Nhạc đều cùng bảo nhau rằng: "Đức chí tôn bỏ lìa chúng ta, đạo pháp xa cầu Hồ giáo. Nay chúng ta nhân vào triều, thứ tự mỗi người nên đem kinh sách do Thái thượng Thiên tôn chế thuật, dốc hết khả năng của mình, cùng dâng một biểu văn". Biểu văn nói: "Đệ tử Đạo sĩ Trử Thiện Tín v.v... ở mười tám sơn quán Thái Sơn Tam động tại Ngũ Nhạc cả thảy sáu trăm chín chục người đáng tội chết chúng tôi kính xin tỏ bày: Chúng tôi nghe Thái thượng vô hình, vô danh, vô cực, vô thượng, hư vô tự nhiên, đại đạo nguyên thủ, tự theo tạo hóa đạo đức cùng sống vô thượng, tông chủ vô vi, cha lành của tự nhiên, từ thượng cổ đều tuân vâng, trăm đời vua không thay đổi. Mà nay Bệ hạ đạo xa quá Hy Hoàng, đức vượt hẳn Nghiêu Thuấn, tỏa sáng đượm nhuần bốn biển, khắp mọi nơi đều quy hướng đức nhân. Các thần chúng tôi trộm nhân Bệ hạ bỏ gốc theo ngọn, mong cầu giáo pháp ở Tây Vức. Các thần chúng tôi quán sát chỗ kính thờ của Tây Vức đã là Hồ thần, những điều giảng nói không liên quan đến Hoa Hạ. Lại thỉnh cầu người Hồ khiến phiên dịch lời đó nương gá đồng tương tợ của xứ Hán. Các thần chúng tôi thổn thức nghĩ ngợi. Bệ hạ tuy phiên dịch được lời đó, nhưng sợ chẳng phải là đại đạo. Nếu chẳng y cứ thuận tin, mong Bệ hạ thứ tội cho các thần chúng tôi, chấp thuận cho thử nghiệm. Các thần chúng tôi có Đạo sĩ chư sơn ở Ngũ Nhạc, phần nhiều có thông minh trí tuệ, thông suốt kinh điển. Từ Nguyên Hoàng trở lại, Thái thượng kinh hành thảy đều rõ hiểu, Thái hư phù chú thảy đều thấu suốt. Hoặc có vị nuốt phù ăn hơi khí, hoặc có vị sai sử quỷ thần, hoặc có vị vào lửa không bị thiêu đốt, vào nước không bị ngập chìm, hoặc có vị giữa ban ngày bay lên trời, hoặc có vị ẩn hình nơi đất, đến như các pháp thuật phương thuốc, không gì chẳng thể

làm được. Mong Bệ hạ cho các thần chúng tôi so sánh. Một là Thánh thượng được an ý, hai là được biện rành chân ngụy, ba là đại đạo có chỗ quy hướng, bốn là chẳng loạn Hoa tục. Các thần chúng tôi sánh tài nếu chẳng bằng thì mặc tình Bệ hạ phán quyết, còn nếu sánh tài hơn được, thì xin trừ bỏ hư ngụy".

Vua Minh Đế ban sắc Thượng thư lệnh Tống Tường dẫn đưa vào cung Trường lạc. Đến ngày mười lăm tháng giêng, nhóm tập tất cả đến ngoài cửa phía Nam chùa Bạch Mã. Các Đạo sĩ v.v... cùng thiết đặt ba đàn. Mỗi đàn riêng mở hai mươi bốn cửa. Đạo sĩ Trử Thiện Tín v.v... cả thảy có bảy mươi người ở Nam Nhạc đem Linh Bảo chân văn, Thái thượng ngọc quyết, Không đồng linh chương, Thăng huyền bộ thư, Thái thượng tả tiên nhân thỉnh vấn tự nhiên, Ngũ chủng chư thiên, Nội âm v.v... Các kinh cả thảy một trăm lẻ ba quyển. Đạo sĩ Lưu Chánh Niệm v.v... ở Hoa nhạc cả thảy có bảy mươi người đem các kinh Trí tuệ định chí, Trí tuệ thượng phẩm giới, Tiên nhân thỉnh vấn, Bản hạnh nhân duyên, Minh châu khoa v.v... gồm sáu mươi hai quyển. Đạo sĩ Hoàn Văn Độ v.v... cả thảy bảy mươi người ở Hằng nhạc đem Bản nguyện thượng phẩm Pháp khoa, Tội phước minh chân khoa, Trai nghi, Thái thượng động huyền chân văn, gồm tám mươi quyển. Đạo sĩ Tiêu Đắc Tâm v.v... cả thảy có bảy mươi người ở Đại nhạc đem Chư Thiên linh thư, Độ mạng cửu thiên thần chương, Thái thượng thuyết cực, Thái hư tự nhiên, Diệt độ ngũ luyện sinh thi độ tự nhiên quyển nghi, gồm tám mươi lăm quyển. Đạo sĩ Lã Tuệ Thông ở Tung nhạc v.v... cả thảy có một trăm bốn mươi người, đem Thái thượng an chí thượng phẩm, Tam nguyên phẩm giới, Thái cực tả tiên công, Thần tiên bản khởi, Nội truyện, Phục ngự, Ngũ nha lập thành, Triều tịch triều lễ, gồm chín mươi lăm quyển. Chư sơn quán Đạo sĩ Kỳ Văn Tín v.v... cả thảy hai trăm bảy mươi người ở Hoắc Sơn, Thiên mục sơn, Ngũ đài sơn, Bạch lộc sơn cả thảy mười tám nơi, đem Thái cực chân nhân, Phu linh bảo văn, Thái thượng động huyền, Linh bảo thiên văn, Ngũ phù kinh, Bộ hư văn, Thần tiên dược pháp thi giải phẩm, Thượng thiên phù lục sắc cấm, gồm tám mươi tư quyển. Tổng cộng có cả thảy năm trăm sáu mươi chín quyển, đặt ở đài phía Tây. Mâu Thành Tử, Hứa Thành Tử, Liệt Tử, Hoàng Tử, Lão Tử, Trang Tử, Huệ Tử gồm tất cả kinh sách của hai mươi bảy nhà Chư Tử, có cả thảy hai trăm bốn mươi lăm quyển, đặt ở đài giữa, thiết bày thức ăn cúng tế trăm thần đặt ở đài phía Đông.

Vua Minh Đế thiết lập hành điện bằng bảy báu tại phía Tây; đường ngoài cửa phía Nam chùa Bạch Mã, tôn trí xá lợi của Phật và

kinh tượng. Trong ngày mười lăm tháng giêng, sau khi thọ trai xong, các Đạo sĩ v.v... dùng Tử địch hòa với hương chiên đàn, trầm thủy chấp quanh Kinh giáo ở đài phía Tây, rồi gào khóc khải cáo rằng: "Các thần chúng tôi kính xin tỏ bày: Thái thượng vô cực, đại đạo nguyên thủy, các thần trăm linh, nay Hồ thần nhiễu loạn người Hoa Hạ, chúa tin theo tà, chánh giáo mất vết, Huyền phong rơi lạc giềng mối. Các thần chúng tôi kính cẩn y cứ theo pháp Tam ngũ bộ cương, dám đặt kinh trên đàn, dùng lửa thiêu đốt để xét nghiệm, muốn mở hiểu điều chưa nghe, để biện rành chân ngụy". Bèn châm lửa thiêu đốt kinh, kinh bén theo lửa cháy thành tro bụi. Các Đạo sĩ v.v... thấy lửa đốt cháy kinh, trong tâm rất kinh sợ. Những vị trước đó hay bay lên trời lại chẳng thể bay. Những vị trước kia hay ẩn hình lại không thể ẩn, những vị trước kia hay vào trong lửa chẳng thể vào. Những vị trước kia khéo giỏi cấm chủ, nay hô sai chẳng ứng. Những vị trước kia có các thứ công năng, nay đều không một ứng nghiệm gì. Các Đạo sĩ v.v... rất hổ thẹn.

Bấy giờ Thái phó Trương Diễn bảo cùng Trử tín rằng: "Nay điều ông muốn thử, không có ứng nghiệm, tức là hư vọng. Nên theo đến chân giáo của Tây vức". Trử Tín không trả lời. Đạo sĩ Phỉ Thúc Tài ở Nam Nhạc tại giữa chúng đông tự uất hận mà chết. Khi ấy, xá lợi của Phật tỏa phong ánh sáng năm sắc thẳng lên giữa hư không xoay quanh như lọng, che trùm cả đại chúng lóa khuất vầng nhật luân.

Pháp sư Ca-diếp Ma-đằng trước đó đã chứng Thánh quả A-la-hán, vận dụng sức từ thiện vọt thân bay cao, đi đứng nằm ngồi giữa hư không, thần hóa tự tại, trở lại nơi bổn tòa tự nhiên mà đứng. Lúc đó, trời mưa hoa báu ở nơi điện Phật và trên chúng tăng. Lại nghe giữa hư không có các thứ âm nhạc, cảm động tình người. Đại chúng quán sát vui thích, ngợi khen là điều chưa từng có. Pháp sư Trúc Pháp Lan ở giữa đại chúng liền nói bài kệ tụng rằng:

"Chồn chẳng phải sư tử
Đèn không như nhật nguyệt
Ao không nuốt biển lớn
Gò chẳng phải núi cao
Mây pháp trùm thế giới
Giống thiện được nẩy mầm
Hiển bày pháp hiếm có
Nơi nơi độ quần sinh".

Khi ấy, đại chúng vây nhiễu quanh Pháp sư Trúc Pháp Lan có vài trăm lớp. Pháp sư lại tỏa phát Phạm âm tán thán công đức của Phật,

cũng khiến đại chúng xưng dương Tam bảo, tán thuật thiện pháp, hoặc nói nhân duyên của trời người địa ngục, hoặc nói A-tỳ-đàm của Tiểu thừa, hoặc nói Ma-ha diễn của Đại thừa, hoặc nói sám hối diệt tội, hoặc nói công đức xuất gia. Bấy giờ, Tư Không Dương Thành Hầu, Lưu Thiện Lăng, quan nhân thứ dân và cả phụ nữ v.v... phát tâm xuất gia; chư sơn Đạo sĩ Lã Huệ Thông v.v... cả thảy sáu trăm hai mươi người ở bốn núi cầu xin xuất gia. Các quan từ ngũ phẩm trở lên có chín trăm mười ba người xin xuất gia. Các quan từ cửu phẩm trở lên, tướng quân trấn xa, Khương Câu Nhi v.v... có một trăm bảy mươi lăm người xin xuất gia. Trị dân ở Kinh đô, Trương Tử Thượng v.v... có hai trăm bảy mươi người xin xuất gia. Phụ nữ A-phiên v.v... ở Kinh đô có một trăm hai mươi mốt người xin xuất gia.

Qua ngày mười sáu tháng giêng, vua cùng các quan đại thần văn võ v.v... vài trăm người cùng xuất gia xuống tóc, thường ngày thiết cúng, ban đêm đốt đèn, thiết bày các thứ kỷ nhạc. Cho đến ngày ba mươi tháng giêng, Pháp y bình bát thảy đều cúng thí xong, liền xây dựng mười ngôi chùa. Bảy ngôi ở phía ngoài thành, ba ngôi ở trong thành; bảy ngôi an đặt chư tăng sinh hoạt, ba ngôi an đặt chư ni sinh hoạt. Phật pháp ở thời Hậu Hán, từ đó mà hưng thạnh". Hán pháp bản nội truyện gồm có năm quyển. Quyển một (nói về vua Minh Đế được mộng và mong cầu giáo pháp); Quyển hai (nói về công đức thỉnh cầu Pháp sư và tạo lập chùa); Quyển ba (nói về cùng các Đạo sĩ sánh tài mà độ thoát); Quyển bốn (nói về vua Minh Đế cùng các đại thần tán thán); Quyển năm (nói về lưu truyền rộng khắp).

Căn cứ theo Huyền Thông ký nói: "Năm Kỷ sửu (149), tức năm Kiến Hòa thứ ba trong đời vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147-168) thời Hậu Hán, có Sa-môn An Tĩnh vốn là Thái tử vua nước An Tức, bỏ cơ nghiệp nước nhà mà xuất gia, giữ chí du phương giáo hóa, đến Lạc Dương, phiên dịch các kinh". Theo Ngụy Thư nói: "Năm Nhâm dần (222), tức năm Hoàng Sơ thứ ba trong đời vua Văn Đế (Tào Thi 220-227) thời Tiền Ngụy, có Sa-môn Đàm-ma-ca-la đến Hứa đô phiên dịch giới luật". Theo Dị Ký của Thị trung Phó Nghị ở thời Hậu Hán nói: "Năm Đinh Tỵ tức năm thứ hai mươi bảy của đời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây Lịch) thời Tây Chu, là Đức Phật đản sinh".

Theo Ngô Thư nói: "Năm Tân Dậu (241) tức năm Xích Ô thứ bốn đời Ngô chúa Tôn Quyền (Đại Đế 220-252) thời Đông Ngô, có Sa-môn Khương Tăng Hội vốn là con trai trưởng của Đại thừa tướng nước Khương Cư mới đầu đến đất Ngô dựng lập am tranh, thiết tôn tượng

hành đạo. Người đất Ngô mới đầu trông thấy vậy lấy làm quái lạ cho là yêu dị. Hữu Ty tấu trình, Tôn Quyền hỏi: “Phật có thần nghiệm gì?” Khương Tăng Hội đáp: “Phật ẩn linh tích đã hơn ngàn năm, còn có xá lợi ứng hiện vô phương”. Tôn Quyền bảo: “Nếu có được xá lợi thì sẽ dựng tháp tôn thờ”. Khương Tăng Hội trải qua hai mươi mốt ngày khẩn cầu bèn có được xá lợi năm sắc chiếu sáng giữa trời, bổ đó càng cứng chắc, thiêu đốt đó không cháy. Ánh sáng tỏa phóng lửa làm thành hoa sen lớn chiếu sáng cả cung điện. Tôn Quyền tán thán khác lạ, phát khởi tín tâm, nhân đó tạo chùa Kiến Sơ, độ người xuất gia. Tôn Quyền hỏi Thượng thư lệnh Đô Khanh Hầu Hám Trạch: “Từ đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán đến nay đã bao nhiêu năm?”. Hám Trạch đáp: “Từ năm Vĩnh Bình thứ mười (67), thời Hậu Hán đến nay là năm Xích Ô thứ tư (241) thì đã một trăm bảy mươi lăm năm”. Tôn Quyền hỏi: “Phật giáo lưu truyền vào đất Hán đã lâu, bởi duyên gì nay mới truyền đến Giang đông?” Hám Trạch đáp: “Năm Vĩnh Bình thứ mười bốn (71) thời Hậu Hán, các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc lúc cùng sánh sức với Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng, các Đạo sĩ không thắng nổi, nên Đạo sĩ Trử Thiện Tín, Phỉ Thúc Tài v.v... ở Nam Nhạc tại giữa chúng hội tự uất hận mà chết, môn đồ đệ tử đưa về an táng tại Nam Nhạc. Chẳng dự xuất gia nên không có người lưu bố. Về sau, gặp phải thời Hậu Hán chinh chiến lấn lướt, binh đao chẳng ngừng dứt, mãi đến nay đã nhiều năm mới được hưng thạnh hành hóa lại”. Tôn Quyền lại hỏi: “Khổng Khâu, Lão Tử có thể sánh đồng như Phật chăng?”. Hám Trạch đáp: “Thầm tìm xem Khổng Khâu ở nước Lỗ thật là bậc anh tài tuấn tú, Thánh đức vượt hẳn mọi người. Ở đời tôn xưng là Đế vương, chế tác kinh điển, dẫn dạy Chu Đạo, giáo hóa người sau. Mỹ phong Sư Nho đượm nhuần xưa nay cũng có vượt hơn người như Hứa Thành Tử, Lã Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử, v.v... Sách của bách gia tử đều là để tu thân tự an vui, phóng nhàn núi cốc, thong dong tâm chí, điều học quy về đạm bạc, sự trái nhân luân tiết tháo của già trẻ, cũng chẳng phải thuần phong trị thế an dân. Đến đời vua Cảnh Đế (Lưu Khải 156-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán sử dụng lễ nghi của Hoàng tử Lão Tử rất sâu nặng, cải đổi tử làm kinh, bắt đầu lập thành Đạo học, ban sắc từ triều đình đến thôn dã thảy đều đọc tụng. Nếu đem Khổng Khâu và Lão Tử xa sánh với Phật pháp, xa thì rất xa vậy. sở dĩ như vậy, bởi vì Khổng Lão thiết giáo, pháp điển trời chế, dùng chẳng dám chống trái trời. Chư Phật thiết giáo, tức là pháp trời vậy. Kính phụng hành, không dám trái ý Phật. Lấy đó mà nói thì không thể sánh đối rõ ràng vậy”. Tôn Quyền

rất vui mừng, dùng Hám Trạch làm Thái tử Thái phó.

Trong thời tiền Ngụy, vua Minh Đế (Tào Nhuệ 227-240) từng muốn phá hủy ngôi Phù đồ ở phía Tây cung điện. Có vị Sa-môn người ngoại quốc đem mâm vàng đựng đầy nước đặt ở trước điện, đem xá lợi đặt vào trong mâm nước mới có ánh sáng năm sắc phóng lên. Vua bèn ngợi khen khác lạ, mới tạo dựng cổng bao quanh phía Đông đường đi dài cả trăm gian để làm tinh xá. Đến năm Thiên Hưng thứ nhất (398) thời Bắc Ngụy, vua Thái Tổ (Thác Bạt Quế 386-409) ban sắc chiếu nói: “Phật pháp hưng pháp từ xưa đến nay đã lâu xa, công năng cứu giúp lợi ích ngầm ở còn mất. Vết thần để lại mẫu mực, tin đáng nương tựa vậy”. Và có ban sắc ở kinh ấp xây dựng trang nghiêm dung nghi quỷ phạm, tu sửa cung điện vườn nhà, khiến những người kính tin quy hướng có nơi dừng ở. Năm đó mới tạo dựng ngôi Phật đồ cao năm cấp, điện núi Kỳ-xà-quật và núi Tu di. Lại thêm nghiêm sức gấm lụa, riêng tạo dựng giảng đường, thiền thất và nơi Sa-môn tỉnh tọa, thảy đều đầy đủ. Các vị kiểm xét sách sử, thông rành Nho giáo đều ngợi ca Phật pháp là rất mực tốt lành! Tà kiến duyên gì mà tự chuốc tội nghịch. Đến thời Thế Tổ (Minh Nguyên Đế - Thác Bạt Tư 409-424) thời Bắc Tống lên ngôi, cũng tuân theo Thái Tổ Thái Tông thường dẫn mời các Sa-môn cao đức chung cùng đàm luận. Cứ đến ngày mồng tám tháng tư, khiêng kiệu tôn tượng chư Phật đi ngoài đường lớn, vua đích thân đến trên cửa lầu rải hoa lễ kính. Sa-môn Tuệ Thủy rất có thần dị, Hách Liên xướng phá Trường an nói: “Tuệ Thủy thân bị mũi nhọn đâm chém, mà hình thể không tổn thương, suốt hơn năm mươi năm chưa từng ngủ nằm, đi chân trần mà bùn đất chẳng dính bẩn, sắc màu càng sáng sạch, người đời tôn xưng là “Bạch cước A-luyện-nhã”, chúa thời bấy giờ rất kính trọng nên hưng thạnh hoằng truyền Phật pháp. Đến lúc thị tịch sau hơn mười năm, vẫn nghiễm nhiên không biến hoại”.

Đến đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy, Thôi Hạo làm Tư Đồ, rất không kính tin Phật pháp, từng cùng vua đàm luận muốn phỉ báng phá hủy. Nhân Cái Ngô làm loạn ở Quan Trung, Thôi Hạo tiến tới luận nói, bèn phá hủy Phật pháp. Đạo sĩ thiên sư Khấu Khiêm Chi khổ cùng Thôi Hạo tranh luận, nhưng Thôi Hạo chẳng chịu theo, Khấu Khiêm Chi mới bảo: “Từ năm nay ông nhận chịu phá diệt Phật pháp vậy”. Sau đó, vua Thái Võ Đế khắp thân hình phát sinh mụt nhọt lở loét, đau khổ khó nhẫn nổi. Quần thần cùng nhau bàn nghị: “Thôi Hạo tà vạy xiểm nịnh, phá hủy Phật pháp. Bệ hạ mắc phải tai hoạn, hẳn do từ đó”. Về sau, Thôi Hạo quả nhiên bị giết chết chịu đủ

năm thứ cực hình. Đâu chẳng phải tích chứa điều xấu ác phải nhận chịu ương họa, thật đáng xót thương rất lắm!

Xét thấy trong thời Nguyên Ngụy cả thảy có mười bảy đời vua, trải suốt thời gian một trăm bảy chín năm (386-556), chỉ có trong khoảng bảy tám năm, Phật pháp bị phế hủy, ngoài ra rạng ngời, chẳng thể trình bày hết cả. Năm Hưng Quang thứ nhất (454) thời Bắc Ngụy, ở nơi chùa lớn năm cấp, và Từ Thái Tổ trở xuống cả thảy năm đời vua chú đúc năm tôn tượng, mỗi tôn trượng cao lớn một trượng sáu thước, dùng bằng hai mươi lăm vạn cân vàng. Năm Thái Hòa thứ nhất (477) thời Bắc Ngụy, ở nơi Phương Sơn do Thái Tổ doanh lũy, xây dựng chùa Tư Viễn. Tháng bảy năm Canh tý (520), tức năm Chánh Quang thứ nhất thời Bắc Tống, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hư 56-528) ban chế triều phục, xá tội cho thiên hạ. Ngày hai mươi ba tháng bảy, thỉnh mời các Tăng Ni Đạo sĩ nữ quan đến trước điện, thiết trai cúng dường. Sau khi trai hội xong, vua sai Thị Trung Lưu Đằng tuyên cáo sắc ban mời các Pháp sư v.v... cùng Đạo sĩ luận nghị để cởi mở lưới nghi cho đệ tử. Bấy giờ, Đạo sĩ Khương Bân ở Thanh thông quán cùng Pháp sư Đàm Mô ở chùa Dung Giác đối luận với nhau. Vua Hiếu Minh Đế hỏi: "Phật và Lão Tử có đồng thời chăng?" Khương Bân đáp: " Lão Tử đến Tây Vức hóa người Hồ, khi ấy Phật được sung làm thị giả, nên rõ ràng là đồng thời vậy". Pháp sư Đàm Mô hỏi: "Lấy gì để biết được?" Khương Bân đáp: "Căn cứ Lão Tử khai thiên kinh, lấy đó mà được biết". Pháp sư Đàm Mô hỏi: "Lão Tử sinh năm nào, ở đời vua nào trong thời nhà Chu? Và đến năm nào, ở đời vua nào thì vào Tây Vức Hóa Hồ?" Khương Bân đáp: "Ngay đời vua Định Vương (Cơ Du 606-585 trước Tây Lịch) năm thứ ba, thời Đông Chu, tức năm Ất Mão, Lão Tử ra đời lúc giờ tý đêm mười bốn tháng chín tại Lý Khúc Nhân làng Lệ huyện Khổ quận Trần nước Sở. Đến đời vua Giản Vương (Cơ Dị 585-571 trước Tây Lịch) năm thứ tư thời Đông Chu, tức năm Đinh Sửu, phụng sự nhà Chu, làm Thư tạng lại. Đến năm thứ mười ba đời vua Giản Vương thì chuyển đổi làm Thái sử. Đến đời vua Kính Vương (có cải 519-476 trước Tây Lịch) năm thứ nhất thời Đông Chu, ngày mười lăm tháng tám năm Canh thìn, thấy nhà Chu đạo đức giảm suy, Lão Tử bèn cùng Tán quan lệnh Y Hỷ theo hướng Tây vào Hóa Hồ. Như thế đủ rõ vậy". Pháp sư Đàm Mô bắt ngay đó, bảo: "Phật đản sinh ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi tư của đời vua Chiêu Vương (Cơ Hạ 1000-976 trước Tây lịch) thời Tây Chu, Phật diệt độ ngày Rằm tháng hai năm thứ năm mươi hai của đời vua Mục Vương (có mãn 976-921 trước Tây Lịch) thời Tây Chu. Tính từ khi Đức Phật

nhập Niết-bàn đến năm thứ ba của đời vua Định Vương thời Đông Chu là trải qua ba trăm bốn mươi lăm năm, Lão Tử mới ra đời, tức Phật sinh đã tám mươi lăm năm. Đến năm thứ nhất của đời vua Kính Vương thời Đông Chu, là đã trải qua bốn trăm hai mươi lăm năm, Lão Tử mới cùng Y Hỷ trốn đến Tây Vức. Đó thì năm tháng khác nhau, điều nói chẳng đồng, há chẳng sai nhầm ư?". Khương Bân hỏi: "Nếu nói Phật ra đời ở thời vua Chiêu Vương, thì lấy từ văn ký nào?". Pháp sư Đàm Mô đáp: "Lấy từ Chu Thư Dị Ký và Hán Pháp bản nội truyện, đều có văn từ rõ ràng". Khương Bân nói: "Lão Tử đã là chế pháp Thánh nhân. Ngay thời của Phật đã không văn ký". Pháp sư Đàm Mô bảo: "Sự nhận biết của nhân giả đồng như chỗ thấy qua lỗ nhỏ, lén nhìn chẳng xa rộng. Căn cứ Lão Tử có ba bị mười kinh, nghĩa là thiên, địa, nhân (trời, đất và người). Văn ngôn của Phật xuất phát từ trung bị. Nhân giả khéo tự mở xem, đủ được rõ hiểu". Khương Bân nói:"Lão Tử là Thánh nhân, không nói mà biết, nào mượn bói đoán ư?". Pháp sư Đàm Mô đáp: "Chỉ có Phật là vua của các Thánh, đứng đầu của bốn loài, thấu đạt ngằn mé trước sau của tất cả chúng sinh, tốt xấu đuôi đầu, chẳng mượn bói xem. Ngoài ra, các Thánh nhân khác tuy hiểu nhưng lý chưa như vậy, hẳn mượn nhờ rùa già để thông quẻ linh vậy".

Vua Hiếu Minh Đế liền sai Thị trung thượng thư Lệnh Nguyên lại tuyên sắc cáo nói cùng các Đạo sĩ là: "Khương Bân luận nghị không tông chỉ". Và hỏi Khương Bân rằng: "Khai thiên kinh có được từ xứ nào? Và do ai nói ra?". Đồng thời liền sai Trung thư thị lang Ngụy Thâu, thượng thư Lang Tổ Oánh v.v... đến Đạo Quán lấy kinh. Và vua sai bảo các quan nhân bàn nghị đó.

Khi ấy, Thái úy Đan Dương Vương Tiêu Tông, Thái phó Lý Thật, Vệ úy khanh Hứa Bá Đào, Lại bộ thượng thư Hình Loan, Tán kỵ thường thị Ôn Tử Thăng v.v... cả thảy một trăm bảy mươi người đọc xong, tấu rằng: "Lão Tử chỉ trước thuật năm ngàn văn từ, ngoài ra không còn nói gì khác. Với sự bàn nghị của các thần chúng tôi, thì Khương Bân tội đáng mê hoặc quần chúng".

Khi ấy, vua Hiếu Minh Đế hành phạt Khương Bân tội cực hình, may có Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề Lưu Chi can gián xin tha tội chết, mới được thôi. Phối đồ mã ấp từ sau niên hiệu Hưng Quang (454-455) thời Bắc Ngụy, từ trong Kinh Đô đến ngoài bốn phương, các chùa mới và cũ có cả thảy sáu ngàn bốn trăm bảy mươi tám ngôi. Tăng Ni có bảy vạn bảy ngàn hai trăm năm mươi tám vị, vì Ứng Sư Tào làm chùa Báo Đức.

Xét từ đầu thời nhà Ngụy có được thiên hạ cho đến thiền luận Phật kinh lưu thông đại tập tại Trung Hoa có cả thảy bốn trăm mười lăm bộ, gồm một ngàn chín trăm mười chín quyển, lược tính Tăng Ni có hai trăm vạn vị, chùa viện có hơn ba vạn ngôi. Bấy giờ trong đời hưng thạnh thái bình, dân chúng an vui phong phú, Tăng Ni đông nhiều chẳng từng trái nghịch người. Kịp đến lúc Vĩnh Gia theo hướng Nam chuyển dời, mãi đến thời nhà Trần, có cả ba trăm năm, tượng giáo hưng phát lưu truyền đến phương Đông, chánh pháp rất mực thạnh hành, các bậc danh đức thường xuất hiện, lợi ích gấp bội lắm nhiều, rạng ngời Quân vương đương thời, không có hung đảng.

■

LUẬN PHÁ TÀ

Thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Pháp Lâm ở chùa Tế Pháp soạn.

QUYỂN HẠ

Phó Dịch nói: “Tăng ni từ sáu mươi tuổi trở xuống, chọn lựa khiến về làm dân thì binh lính hùng mạnh, dân chúng đông nhiều”.

Phó Dịch nói: “Chùa nhiều, Tăng chúng đông, tổn phí rất lắm. Chỉ giữ lại chùa nhà, xin cấp cho người cô quạnh, kẻ nghèo khó già nua, người dân không vườn nhà. Nghĩa sĩ có ba vạn hộ, mỗi châu chỉ đặt một chùa nhà tranh tháp đất để an đặt kinh tượng. Sai hai Hồ Tăng truyền bày Hồ pháp”.

Phó Dịch nói: “Người Hồ ở Tây Vức chán ghét bùn đất mà sống, bèn phụng sự ngói bùn, nay vẫn còn lông tanh hôi, mặt người mà tâm thú, đất kiêu nói người, lừa luy bốn sắc, giống ác tham nghịch. Phật sinh ở phương Tây chẳng phải chánh tộc tại Trung Hoa, bởi tà khí yêu mỵ nên vậy”.

Phó Dịch nói: “Từ Bao Hy trở xuống cả thảy hai mươi chín đời, cha con vua tôi, lập trung hiếu, giữ đạo giữ đức, sinh trưởng tại Thần Châu, được chánh khí Hoa Hạ, mọi người đều thuần phác, vì đời không có Phật nên vậy”.

Phó Dịch nói: “Đế vương không tôn thờ Phật thì bình trị lâu năm, có Phật thì chính sách hung ngược vận ngắn. Từ Bao Hy trở xuống, cả thảy hai mươi chín đời mà không Phật pháp, Quân vương minh triết, bề tôi trung nghĩa, vận nước lâu dài”.

Phó Dịch nói: “Từ khi chưa có Phật pháp trở về trước, nhân dân thuần hòa, ở đời không có hung nghịch”.

Phó Dịch nói: “Phật đến đất Hán, thì có tổn hại, không ích lợi gì”.

Phó Dịch nói: “Ở thời Triệu Kiến Võ (niên hiệu Kiến Võ 317-31- thời Đông Tấn?) có đạo nhân Trương Quang Phản. Ở thời Lương Võ (Võ Đế - Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Lương?) có Tăng tên là Quang Phản, huống gì nay Tăng Ni có hai mươi vạn vị, sớm phải nên xét lọc

phế bỏ”.

Giải đáp về việc xét lọc phế bỏ tăng ni.

Xin đáp: Phàm hình tích dễ xét, mà chân ngụy khó rõ. Nếu chẳng phải ở lâu thì chưa thể biết vậy. Xưa kia, Pháp sư Tuệ Viễn trả lời Thư Hoàn Sơ, nói rằng: “Chỗ Kinh giáo thuật phàm có ba khoa: một là Thiền sư vào nhỏ nhiệm. Hai là đọc tụng đượm vị di điểu, ba là tu tạo phước nghiệp”. Nhưng có người tu tạo phước nghiệp mà chẳng vẹn toàn giới cấm, vết tích chẳng phải A-luyện-nhã. Hoặc có người đọc tụng nhiều kinh văn, ngâm vịnh không ngưng nghỉ mà chẳng thể thỏa sướng nói nghĩa lý. Hoặc có người tuổi tác lớn lao, tuy ba khoa không có thể ghi nhận mà thể tánh trinh chánh chẳng phạm đại tội. Lấy đó mà xét lường thì lấy hay bỏ khó biện rành vậy. Căn cứ kinh Công đức xuất gia nói: “Độ người xuất gia, công đức ưu thắng hơn xây dựng tháp báu cao đến trời Phạm Thiên”. Tại sao? Vì người có khả năng hoằng truyền đạo pháp tự lợi lợi người, nghiêm khiết chính mình lập thân, trú trì Tam bảo, làm bến bờ cho bảy đời tiên tổ, giúp ích nước nhà. Những người có tội, y như pháp buộc trị. Những người không lỗi quá, vì nước nhà mà hành đạo.

Giải đáp về hủy phá chùa chiền để cấp cho dân, an trí tôn trượng nói nhà tranh cỏ.

Xin đáp: Phật pháp lưu truyền đến đất Hán đã hơn năm trăm năm, chùa chiền Tăng Ni nhiều đời đến nay có, khám tháp điện trường đều do đời trước tạo dựng, phòng vũ hiên cửa đều bởi những người có tín tâm làm nên. Hoặc là song thân hiện còn hay đã quá vãng, và cả bảy đời đã qua, mong cầu quả báo ưu thắng trong tương lai, gieo trồng ruộng phước ở hiện tại, đều xuất phát từ tâm tốt kia chẳng phải do Phật tăng dạy tạo. Trong sách nói: “Công thành không phá hủy”. Cho nên Trịnh Tử Sản không phá hủy miếu Ba-di. Phu Tử cho đó là người có đức nhân. Huống gì Phật là ruộng tốt của ba đời, là cha mẹ của bốn loài chúng sinh. Chỉ khá nên cúng dường chứ không thể phá hủy trừ bỏ. Phật tuy đã thị tịch không còn ở đời, nhưng giao phó cho Nhân Vương. Cúi nghĩ, Bệ hạ tạo lại muôn dân, trùng hưng Phật đạo, tức là Đại Đàn-việt thí chủ của Đức Như Lai. Xin tuân theo mỹ phong của trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang) thời Hậu Hán, gần đây thì đồng như trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) đời vua Văn Đế (Dương Kiên) thời nhà Tùy.

Giải đáp về người Hồ ở Tây Vức, mặt người tâm thú, tham nghịch hung ác, Phật sinh ở Tây Vức, yêu my tà khí.

Xin đáp: Căn cứ theo sử Ký lịch Đế Vương Kiệm và niên kỷ của Đào Ẩn Cư v.v... nói: “Dòng họ Bao Hy thân rắn đầu người, dòng họ Đại Đình thân người đầu trâu, dòng họ Nữ Oa cũng thân rắn đầu người, Tần Trọng Diễn thân chim mặt người. Hạ Võ sinh từ Đông Di; Văn Vương sinh từ Tây phương. Giản Địch nuốt trứng chim yến mà sinh, Khế Bá Võ mổ lưng mẹ mà sinh, Y Duẫn gả thác từ không tang, Ngụy chúa dòng họ Nguyên cũng sinh từ Di Tịch. Nhưng thảy đều ứng trời rõ mạng ra chấn, động nhân thời vận, hoặc xoay mặt phương Nam tôn xưng riêng lẻ, hoặc là Quân vương đến với muôn nước nhà. Tuy có thể nơi sinh thì hẹp hòi xấu xí, dung mạo quê kệch, mà mỗi mỗi đều có uy vũ của trời, đều nghĩ nhớ được của Thánh. Lão Tử cũng gá từ Mục mẫu mà sinh. Từ hạ phàm sao được vì chỗ xuất sinh dong ngu hèn tiện mà không Thánh ấy ư? Khổng Tử nói: “Quân tử ở đây thì nơi đó làm gì có bỉ lậu”. Đáng tin thay lời nói ấy vậy! Lại nói thêm: “Có đạo thì tôn quý, đâu kén chọn ở cao thấp”. Nên biết, Thánh ứng vô phương tùy cơ mà thấy. Tìm xét tổ tông của Đức Phật Thích-ca vốn là con cháu của ngàn đời làm Chuyển luân vương, là Thái tử của vua thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, mong điềm ấy đến, vật cảm hiện hình. Ra đời ở nơi trung tâm của ba ngàn thế giới. Nước lớn ở cõi Nam diêm-phù-đề, giảng trao giáo pháp thiết bày phương thức, chỉ lấy lợi ích chúng sinh làm gốc. Nếu nói sinh tại Khương Hồ, phát xuất ở Nhung Lỗ bèn là xấu ác, vậy thì Thái Hạo, Văn Mạng đều chẳng phải Thánh nhân; Lão Tử, Văn Vương chẳng đủ đáng bậc Sư kính. Căn cứ Địa Lý Vhí và Tây Vức truyện nói: “Tây Hồ chỉ là từ thông lãnh trở về phía Đông có ba mươi sáu nước, chẳng liên quan đến đất Phật sinh ở Thiên Trúc”. Nếu biết mà có vọng nói thì có tội gì sâu nặng bằng. Còn nếu không biết mà nói hoảng thì khi chết sẽ mắc ương trái dư thừa.

Giải đáp về Từ Bao Hy trở xuống hai mươi chín đời. Cha con vua tôi lập trung lập hiếu, giữ đạo giữ đức, bẩm nhận chánh khí Hoa Hạ. Xin đáp: Sử ký, các sách Hoài Nam v.v... nói: “Ở thời Hoàng Đế, Si Vưu đầu đồng trán sắt làm loạn thiên hạ, cùng Hoàng Đế đánh nhau tại Phản tuyền để lên ngôi vua. Si Vưu nghịch mạng lại đánh ở đồng trống Trác lộc trải qua năm mươi hai năm. Ở thời Chuyên Húc lại giết Tam Miêu ở Động đình. Lại nữa, Trưng Trúc Thư của Bành lễ cấp nói: “Thuấn bắt từ Nghiêu ở Bình dương, lấy đó mà lên ngôi vua”. Nay hiện có thành từ Nghiêu. Thuấn lại cùng Hữu Miêu đánh ở bãi Đan thủy. Nghiêu lên bắn chín mặt nhật rơi lông quạ ấy. Sở Tử nói: “Mười ngày thay ra dòng vàng đá vụn, trả lại gió ở Thanh khâu, ném rắn đó ở Động đình, giết

bít lộn ở Đại trạch, giết cửu Anh ở Hung thủy”. Thượng thư nói: “Hồng thủy ngập trời, Hoài sơn tương lăng, dân chúng trở ngại đói khát, trăm họ tối tăm rách nát”. Ở thời nhà Võ, trăm họ mỗi tự giữ tâm mình, mà Bá Cốc Tử trở lui canh cày ở đồng quê. Tam Miêu chẳng tu đức chính. Võ đích thân đánh diệt đó. Quân vương của Hạ Kiệt, bên tả là Hà Tế, bên hữu là Thái Hoa, Cung Khuyết ấy tại phía Nam đó, ruột dê lưng ở phía Bắc, đốt Hoàng Đồ, giết Long Phùng, bắt tù Thành Thang, phóng túng Mạt Hỷ, tu chính bất nhân. Thang phóng diệt đó. Thang có chín lần chinh chiến trải suốt hai mươi bảy trận, đại hạn bảy năm, sông hồ khô cạn, vàng tiêu đá cháy. Cao Tông đánh quỷ mới ba năm. Ân Trụ thương xót mê hoặc Đác Kỷ, phóng túng hại của mười ác, buông tuồng tội hình năm ngược, phanh tim người hiền, mổ bụng phụ nữ mang thai, bắt tù Văn Vương, cấu Cơ Tử. Chu Võ Vương đánh Trụ ở Mục dã, máu chảy nổi chày vồ; giết đó ở Lộc đài. Vương Thân bấn trụ, thân treo đầu cờ Thái bạch, mà Di Tề chẳng phải đó, chẳng ăn thóc gạo ấy. Khổng Tử nói: “Võ rất mực đẹp vậy, nhưng chưa thật sự khéo hay”. Ở đời Võ Vương có ba lần giám sất làm loạn. Đến đời Thành Vương, Tam Thúc lưu lại tiếng Tuyên Vương sáu tháng ra chinh chiến. Thi nói: “Mênh mông đánh Hiểm Duẩn, phía Tây có hoạn còn Di, Thể Ba lại nói Tuyên Vương chinh chiến phương Nam”. Như vậy xin đáp rằng, điều nói trên đây đều là từ Tam Hoàng trở xuống đến thời Tam Vương, hẳn hay giữ đạo giữ đức nghĩ trung kính hiếu. Bấy giờ không có Phật, đủ có thể thanh bình, cớ sao đời đời dấy động binh đao không dứt, đến nỗi để lại độc hại trăm họ ương lụy đến những kẻ không tội? Mới là đời của Diêu Thạch Mộ Dung vĩnh gia đâu có thể gọi là thời thênh thang vô vi ư? Thấy mất một lời nói sao sai nhầm vậy!

Giải đáp từ Tần Trọng trở xuống ba mươi lăm đời có hơn sáu trăm năm.

Xin đáp rằng: Theo Sử ký nói, từ thời nhà Ân trở xuống, chư hầu không thể được mà niên phổ, phần nhiều vì mất thứ tự v.v... niên đại khó biết. Nên Thương thư chỉ lấy Giáp tý làm thứ tự mà không có năm tháng, do vì sử khuyết không ghi nhớ vậy. Tà kiến mới nói từ Tần Trọng trở xuống đến hai đời có hơn sáu trăm năm. Một thoáng qua đi tợ như lâu dài, nhưng lấy đâu làm minh chứng? Xét từ thời Xuân Thu, Tần tuy dần xưng bá nhưng chỉ là một ấp nhỏ của Chu. Ở đời Hiếu Vương, bảo Phi Tử phóng ngựa ở khoảng Thiên vị, chẳng vâng thừa thiên mạng chưa có ngày mồng một tháng giêng. Tằng tôn của Tần Trọng là Tuyên Vương mới nhận xe ngựa làm bề tôi thị ngự. Cháu của Trọng là Tương

Công dùng tiển đưa Bình dương chuyển dời đến phương Đông tấn tước làm bá. Từ Văn Công trở xuống mới thấy sử ký, từ đó đã diệt mất chẳng quá hơn hai trăm năm. Sử Ký trúc thư và niên kỷ của Đào Công v.v... đều nói Tần không có lịch số, làm bồi thần của thời nhà Chu, nên ẩn cư xếp đặt tại dưới chư hầu, nhân gì đặt có một trăm lẻ một năm trọn ở hai đời. Giả sử như có niên đại đều phụ ở Xuân Thu, không có tự ghi riêng. Đến cuối đời Noãn Vương, thì Chiêu Tương Vương của Tần, nhân nhà Chu dần suy yếu mới đánh diệt nước Chu, tiến hiệu xưng vương. Các sử ghi lại thì nhà Tần chỉ được năm đời, cả thảy có bốn mươi chín năm. Theo sử mục của Bí thư Dương Bân thời nhà Tề nói, nhà Tần từ Thủy Phong đến lúc diệt mất có ba mươi lăm đời, cả thảy hơn sáu trăm năm. Bởi lấy Thủy Phong làm hiệu của Tần trải qua hơn sáu trăm năm, chẳng phải bá thống Trung Quốc trải qua nhiều năm vậy. Tà kiến mới kéo dài vận ngắn nhà Tần mạo phạm dài năm trên. Cớ sao hư vọng vậy?

Giải đáp về Đế vương không tin Phật thì bình trị lâu dài, có Phật thì chính sách hung ngược, vận ngắn. Từ Bao Hy trở xuống cho đến Hán Cao, cả thảy hai mươi chín đời, Quân vương minh triết, bề tôi đều trung nghĩa.

Xin đáp rằng: Cớ sao Bao Hy riêng bình trị chẳng đến đời con cháu? Nghiêu Thuấn hai vua ở ngôi chỉ năm đời. Nghiêu thì giúp Thiện truyền Thánh, Thuấn thì đức nhân lớn Thánh minh. Như điển luận của Thượng thư thì cảm hóa nhân dân trị đạo ấy công nghiệp rất cao. Dân không thể gọi tên thì đó là minh quân của trời. Nghiêu lại phế diệt anh mà tự lập đứa con, tức Đan Chu lại là bất hiếu. Thuấn thì cha ngu mẹ dối, đều chỉ một thân mình chẳng thể kịp nối dõi. Bấy giờ không có Phật, sao chẳng đời đời tương truyền, sớm vội tuyệt mất?

Theo niên kỷ của Ẩn Cư nói: Hạ Võ bình trị năm năm, Nghệ Toản mười lăm năm, Trác Toản mười hai năm, Hạ Cao mười một năm, Hạ Quý năm mươi hai năm. Lại xin đáp rằng, sách nói: Thuấn Võ có được thiên hạ, cao vợi thay ấy có được thành công, sáng rỡ thay ấy có được văn chương! Đại Võ Mô nói rằng: Võ hay ở cung thấp hèn ăn rau phỉ, quấn mặc khăn đen đai mũ mà dốc sức tạo ngòi rảnh, vì dân mà cấp nước, đối với dân rất có công. Nếu Hoàng Thiên phụ đức cớ sau vận trời chẳng lâu dài, trị vì chỉ chín năm? Khám niên kỷ nói: Hạ hậu tướng và đời của Thiếu Khương, bề tôi ấy có cùng Nghệ, Toản, Trác và Phong Di, Hoài Di, Hoàng Di, Châm Tầm v.v... các nước đều cùng lần lượt làm loạn. Cả thảy hai mươi sáu năm Toản Hạ tự lập, bấy giờ không có Phật, Toản phản nghịch do ai? Ân Thang trị vì (mười ba năm),

Ngoại Đinh trị vì (ba năm), Trọng Nhâm trị vì (bốn năm), Thái Giáp trị vì (mười năm), Yêu Đinh trị vì (mười ba năm), Thái Mậu trị vì (mười năm), Ngoại Nhâm trị vì (ba năm), Yêu Giáp trị vì (bốn năm), Tổ Canh trị vì (bảy năm), Tổ Ất trị vì (mười năm). Lại xin đáp rằng: vua Thang Đức Nhân không giết hại, mở lưới ba mặt, phóng thả Hạ Kiệt ở Minh Điều, rất có nhân đức. Bấy giờ không có Phật cớ sao lịch trời chẳng dài? Ngoại Đinh, Ngoại Nhâm năm vận chuyển ngắn? Thượng Thư nói: Thang hành chín đời, Thái Giáp năm chinh chiến, Y Duẫn lập thang, thứ tử là Thắng lại lập. Em của Thắng là Trọng Nhâm lại phóng thả Thái Giáp tiến lướt xuất thân giết Y Duẫn mà dùng con ấy. Đã xưng là đời Trung Phác, bấy giờ không có Phật, cớ sao chồng chất nổi tiêu tường, vua tôi vô đạo? Chu Võ Vương trị vì (mười một năm), Ý Vương trị vì (ba năm tuyệt tự), Hy Vương trị vì (năm năm tuyệt tự), Khoảnh Vương trị vì (sáu năm), Nguyên Vương trị vì (tám năm), Điệu Vương trị vì (một trăm lẽ một ngày), Ai Vương trị vì (ba tháng), Tư Vương trị vì (năm tháng). Lại xin đáp rằng: Võ Vương đánh quân Trụ, vượt qua Mạnh Tân, cá trắng vào thuyền ứng mạng trời vui. Thụy Pháp nói: khắc định họa hoạn gọi là Võ, dân nhờ sống lại tựa cổng bít mộ, thôi trâu thả ngựa bình trị cuối cùng thái bình. Ông nói người Phật thì bình trị năm tháng lâu dài, cớ sao vận ngắn? Võ Vương trị vì chỉ được mười một năm, Ý Vương, Hy Vương lại là tuyệt tự không ai nối dõi?

Giải đáp về trước khi Phật chưa đản sinh ở đời không có sám nghịch.

Xin đáp rằng: Cớ sao em của Chu Liệt Vương là Hiển Vương soán vị bốn mươi tám năm? Điệu Vương ở ngôi chỉ được một trăm lẻ một ngày, bị con của em kế làm hại. Em của Kính Vương là Ai Vương trị vì chỉ được ba tháng, Tư Vương giết Ai Vương trị vì được năm tháng, em út là Khảo Vương lại giết Tư Vương. Cả ba vua cùng ở ngôi trị vì chỉ được một năm. Rút từ sử mục của Dương Bàn, Niên kỷ của Đào Công, thì nhà Tần có được năm đời sáu vua, cả thảy bốn mươi chín năm. Chiêu Vương trị vì năm năm (sau khi diệt nhà Chu mới xưng Vương, ở ngôi năm năm), Hiếu Văn Vương - Thức (một năm), Tương Vương - Sở (ba năm), Thủy Hoàng - Chính (ba mươi bảy năm), Hồ Lợi (ba năm), Sương Vương - Tử Anh (bốn mươi sáu ngày). Lại xin đáp rằng: Chu Hiển Vương năm năm, Tần Mục Công mới xưng bá ba mươi bốn năm, Tần cầm quyền Chu Chính, Tần là cướp vua, chẳng y cứ Đức Chính, thứ lớp chẳng ở hạn ngũ vận, phóng túa năm lâu dài trọn chẳng phải Đế vương, lấy ngắn làm dài, chỉ hư làm thật. Thời nhà Tần phía Bắc xây

dựng trường thành hoàn bị, người Hồ Ngụy giết nâng đỡ sống nấn lập hai đời, Trần Thăng Nghị nhóm tụ làm loạn tại phía đông ải. Thời nhà Hán, Hung Nô vào ranh giới, đốt lửa chiếu sáng cung Cam tuyền, Nam Việt không khách mới tập thủy chiến.

Thời nhà Hán vua Cao Tổ ở ngôi được mười hai năm, vua Huệ Đế bảy năm. Vua Huệ Đế là con thứ tư của Cao Tổ (chẳng phải dòng đích), vua Võ Đế vốn là con thứ sáu của Giao Đông Vương Cảnh Đế (chẳng phải dòng đích). Ở thời Hiếu Cảnh Đế, Ngộ, Việt, v.v... bảy nước đều phản, vua Chiêu Đế băng hà lập con của anh là Xương Ấp Vương lên ngôi được hai mươi bảy ngày mà có đủ một ngàn một trăm hai mươi bảy tội, Hoắc Xoang phế diệt đó, sau lập vua Tuyên Đế. Bấy giờ không có Phật, cớ sao lại như vậy?

Thời Hậu Hán có được mười hai đời vua với thời gian một trăm chín mươi lăm năm. Vua Quang Võ (ba mươi ba năm), vua Hiếu Minh (mười tám năm), vua Chương Đế (mười ba năm), vua Hòa Đế (mười bảy năm), vua An Đế (mười bảy năm), vua Thuận Đế (mười chín năm), vua Hoàn Đế (hai mươi mốt năm), vua Linh Đế (ba mươi mốt năm), vua Kiến Đế (ba mươi năm). Ẩn Cư nói, từ năm Hoàng Sơ thứ nhất (220) thời Tiền Ngụy đến cuối đời Tiêu Tề, có cả thảy hai trăm rám mươi hai năm.

Trong thời Nguyên Ngụy, dòng họ Thác Bạt có mười bảy đời vua với thời gian một trăm bảy mươi chín năm (386-556). Lúc ấy có Phật giáo hoằng truyền đến, cớ sao lâu dài như vậy? Xin đáp rằng: Theo Hậu Hán thư nói: Quang Võ đánh loạn phản chánh, vua Minh Đế trị vì thăng bình. Dân không âu lo trăm dặm, quan lại không ra làm việc ngoài cửa. Kỳ Lân vào trong vương, chim phụng thần đậu cây ngô đồng, chim sẽ sắc đỏ, văn rùa, quạ biển, nai trắng, điềm vui mừng đến đủ, muôn dân thỏa thích, duỗi ban ân dầy đặc trơn nhẵn, trái đượm thấm đầy nối khắp trời. Mọi nơi thấm đượm mỹ hóa, muôn nước khâm trọng thuần phong. Các sách luận hành v.v... đều nói: Hậu Hán ứng hiện điềm lành chẳng hổ thẹn thời Chu Hạ. Ông nói: có Phật vận ngắn, cớ sao đây năm tháng lâu dài vậy?

Phó Dịch nói: Người Hồ Tây Vức, binh lính nước Đan Mạt có ba trăm hai mươi người, binh lính nước Tiểu Uyển có ba trăm người, binh lính nước Nhung Lô có ba trăm người, binh lính nước Cự Lặc có ba trăm người, binh lính nước Y Nại có ba trăm năm mươi người, binh lính nước Cô Hồ có bốn mươi lăm người. Cả thảy binh lính Hồ của tám nước có một ngàn tám trăm chín mươi mốt người đều được tiếp nối vương ng-

hiệp của họ và chiếm cứ thổ địa ấy, tự cùng chinh chiến đánh giết nước người. Huống hồ nay tại Đại Đường chúng ta, Tăng ni có cả hai mươi vạn chúng cùng kết pháp Hồ, đủ được tâm người, sao có thể chẳng dự bị đó ư?

Xin đáp rằng: Xét Hán Thư và Tây Vức truyện nói: Các nước Đán Mạt, Tiểu Uyển v.v... cả tám nước đều thuộc từ Thông lãnh trở về phía Đông. Ranh giới nước Hán nước Hồ tính cách Trường an chẳng quá muôn dặm, vốn chẳng phải nơi chốn Thiên Trúc Phật sinh. Lại người có Tăng ni ở trong đó mưu phản, giả sử kia có tạo ác thì đâu có liên quan gì chư tăng ở đây? Chỉ bởi Phó Dịch quỷ cuồng nhập tâm, ngoài dấy tà thuyết, dối dẫn việc xưa, mượn để phỉ báng bậc hiền ngày nay. Người thấu đạt biết đó là nơi hoảng, kẻ ngu hẳn sinh dị kiến, dối hoặc gây loạn triều đình đến thôn dã, thật đau xót thay!

Giải đáp về Phật pháp lưu truyền đến đất Hán, chỉ có tổn hại, không ích lợi gì, vào nhà phá nhà, vào nước phá nước. Ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, Phật pháp mới lưu truyền đến, Đại Đường Thánh triều, chánh tín quân tử. Luận rằng: Chư Phật là Bậc Đại nhân cao sĩ xuất tục, vân du nơi diệu uyển Niết-bàn, trú ở chân không Bát-nhã, không thể dùng ngôn từ hình tượng mà tìm cầu, không thể dùng tình ý suy tính lường đạt, hình tướng đồng với pháp tánh, thọ mạng ngang bằng Thái Hư, chỉ ứng vật hiện thân, chư tăng trong nước. Do đó, Đại sư Cù Đàm hiện dung mạo ba thước, các A-la-hán trông thấy là hình dáng cao trượng sáu, lớn dày hư không, nhỏ vào tơ tóc, tùy duyên ứng hiện hình chất, biến hóa dung nghi thẳng thường. Tìm về mới đầu của Đức Phật Thích-ca, thì y cứ Hậu Hán giao ký, các sách của Tấn Ngụy, cho đến Sử lục của Vương Kiệm, Tam Bảo Lục của Phí Trường Phòng, kiểm xét các kinh Phổ Diệu Bản Hạnh v.v... đều nói: Đức Phật Thích-ca vào ngày mồng tám tháng tư năm Quý tỵ tức đời vua Trang Vương năm thứ chín là chủ thứ mười bốn thời nhà Chu. Dưới lầu các chiên đàn hiện hình bạch tượng từ cung trời Đâu Suất giáng xuống bào thai Thánh mẫu Ma-da phu nhân thứ nhất của Đại vương Tịnh Phạn, thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở thành Ca-tỳ-la nước Trung Thiên Trúc. Đến đêm mồng tám tháng tư năm Giáp ngọ, tức năm thứ mười của đời vua Trang Vương vừa lúc quỷ túc hợp thời, ở dưới cây Ba-la trong vườn Lâm-tỳ-ni, từ hông phía hữu của phu nhân Ma-da mà đản sinh, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn thế giới. Theo kinh Ứng Thụy nói: "Lúc sao Phất xuất hiện thì Thái tử sinh". Kinh Bản Hạnh lại nói: "Giữa hư không chẳng có mây tự nhiên đổ mưa". Tả truyện nói: "Sao rơi như

mưa đổ”. Đổ thị chú giải là bởi vì lúc ấy không mây, nhưng cùng kinh Phật phù hợp. Các bậc thông Nho cho đó là lúc Phật đản sinh vậy. Năm mười chín tuổi xuất gia, năm ba mươi tuổi thành đạo, suốt bốn mươi chín năm ở đời giảng nói giáo Phật, làm lợi ích trời người, độ thoát các loài quần sinh. Đến cuối đêm Rằm tháng hai năm Nhâm tý, tức năm thứ mười bốn của đời vua Khuông Vương thời nhà Chu, ở tại thành Câu-thi, Đức Phật nhập Niết-bàn. Từ khi Đức Phật nhập Niết-bàn đến nay là năm Nhâm ngọ (622), tức năm Võ Đức thứ năm thời Đại Đường, tính ra là đã một ngàn hai trăm hai mươi mốt năm vậy. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn một trăm mười sáu năm, tại nước Đông Thiên Trúc có vua A-dục gom thâu xá lợi của Phật rồi sai sử quỷ binh ban trải xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp báu khắp cõi Diêm-phù-đề, trong chín châu ở đất Hán chúng ta đều có tháp báu.

Lúc xây dựng tháp báu tức năm Đinh mùi, tương đương với năm thứ hai mươi sáu của đời vua Kính Vương (Cơ Cái 519-476 trước Tây Lịch) thời Đông Chu. Qua sau mười hai đời vua, đến năm thứ ba mươi tư của đời Tần Thủy Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) thiêu hủy sách vở, các tháp của vua A-dục tạo dựng nhân đó mà ẩn mất, kinh truyện nhà Phật chẳng biết ở đâu. Như kinh lục của Sa-môn Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... nói: “Ở thời Thủy Hoàng, có Sa-môn Thích Lợi Phòng v.v... cả thảy mười tám hiền giả người ngoại quốc mang kinh Phật đến cảm hóa Thủy Hoàng, Thủy Hoàng chẳng nghe theo, bèn bắt giam cấm Sa-môn Thích Lợi Phòng v.v... Vào đêm tối có Thần Kim Cang cao lớn trượng sáu đến phá ngục dẫn đưa ra. Thủy Hoàng kinh sợ cúi đầu xin tạ tội vậy.

Thử hỏi, tuy có thuyết ấy nhưng niên kỷ không biết, vậy lấy gì làm chứng? Xin trình bày giải quyết việc ấy vậy? Xin đáp: Theo truyện của Đô thủy sứ giả quang lục đại phu Lưu Hướng ở đời vua Thành Đế (Lưu Ngao 32-06 trước Tây Lịch) thời Tây Hán, nói: Lưu Hướng rộng xem sách sử, đọc các kinh sách, thường tự xưng rằng: “Tôi tìm khắp các điển sách, thường luôn thấy có kinh Phật”. Đến lúc trước thuật Liệt Tiên truyện, lại nói: “Tôi tìm kiếm tạng thư, xa tầm Thái sử mới đầu soạn thuật Liệt Tiên Đồ, từ thời Hoàng Đế trở xuống sáu đời mãi đến nay, chứng đắc Tiên Đạo có hơn bảy trăm người”. Lưu Hướng kiểm xét lại thử là hư hay thật thì đoán định được một trăm bốn mươi sáu người. Lại nói: “Trong đó có bảy mươi bốn người đã thấy kinh Phật vậy?” Suy luận Lưu Hướng nói Tạng thư tức là Tạng thư của nhân gian ở thời Thủy Hoàng vậy. Hoặc có thuyết nói là sách cất chứa trong nhà Phu Tử

vậy. Căn cứ đó mà luận, há chẳng phải từ thời nhà Tần nhà Hán trở về trước sớm đã có Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đán ư? Tìm xem Thích Đạo An biên ghi về bảy mươi hai hiền giả, cũng tại số bảy mươi hai, nay Liệt Tiên Truyện thấy có bảy mươi hai người vậy. Căn cứ theo kinh Văn-thù-sư-lợi Bát Niết-bàn nói: "Sau khi Đức Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm, Bồ-tát Văn-thù đến trong núi Tuyết vì năm trăm Tiên nhân giảng nói mười hai bộ loại kinh giáo xong thì trở về lại bản xứ mà nhập Niết-bàn". Điềm ứng Hằng tinh tức thời ấy vậy. Kiểm địa lý chí Tây Vức truyện nói: Núi Tuyết tức là thông lãnh vậy, phía dưới đó có ba mươi sáu nước trước kia đến phụng cống nhà Hán. Vì tự Thông lãnh có nhiều tuyết nên gọi là núi Tuyết. Bồ-tát Văn-thù đến đó giáo hóa Tiên nhân tức là xứ ấy vậy. Rõ ràng mà nghiệm đó thì điều luận bàn của Lưu Hướng có thể làm chứng nghiệm ấy. Tuy gặp ở thời nhà Tần thiêu đốt phá trừ, đến thời nhà Hán phục hưng trở lại, do đó có những nơi như Kinh Dương, Ngô, Thục, Phù Phong, Lạc Dương, nơi có tháp báu đều phát điềm ứng thần dị có nói đủ trong các sách, chẳng phải tự ức đoán mà nói vậy.

Nên biết, ở thời nhà Chu, Phật pháp lưu truyền đến đã lâu, sinh dưỡng con người vậy. Vậy mà nói có Phật thì thời vận ngắn ngủi, thì thật đáng thương thay! Y cứ theo kinh luật nói chánh pháp có cả vạn năm. Trong khoảng năm ngàn năm trở lại, bốn chúng tu học đắc Tam đạt trí, chướng Từ Thánh quả; đến thời Mạt pháp trở đi, còn có đắp mặc pháp ca-sa. Khám xét Chu Thư Dị Ký nói: Vua Mạc Vương nghe phương Tây có Phật, bèn cưỡi ngựa hoa lưu tám vó đi đến phương Tây tìm cầu Phật, nhân đó mà cầu đảo. Căn cứ đó mà suy luận, đồng như Pháp sư Thượng Thống ở thời nhà Tề trả lời với sứ Cao Ly rằng: Phật sinh năm Giáp dần, tức năm thứ hai mươi tư đời vua Chiêu Vương (Cơ hạ 1000-976 trước Tây lịch), là Chúa thứ năm thời nhà Chu. Đến nay năm Võ Đức thứ năm (622) thời Tiền Đường, tức đã một ngàn năm trăm bảy mươi bảy năm. Tin chắc ở đời vua Mục Vương, giáo pháp đã lưu truyền đến phương Đông. Lời Lưu Hướng nói càng được rõ ràng hơn. Lại nữa, Hán Võ đến giám sát Hồ Côn Minh, có được than đen, bèn hỏi Đông Phương Sóc. Đông Phương Sóc đáp: "Điều đó chẳng phải chỗ biết của thần, có thể nên hỏi người Hồ ở Tây Vức".

Về sau Sa-môn Trúc Pháp Lan người ngoại quốc đến, nhân đem việc ấy hỏi, Sa-môn Trúc Pháp Lan đáp: "Đó là than thừa lại của kiếp thiêu vậy". Đông Phương Sóc đã là bậc bác thức thông huyền, vừa mới sinh đã hiểu biết, tài tuấn khác lạ, không điều gì hỏi mà chẳng đối. Bởi

là Đông Phương Sóc từ lâu đã biết Phật pháp hưng hành, Thánh nhân hẳn ứng giáng, nên mới đáp lời như thế vậy. Sau khi Đức Phật đã nhập Niết-bàn, Tôn giả A-nan là bậc Tổng trì một chữ không để sót mất. Tôn giả Đại Ca-diếp kết tập pháp tụng, ngàn vị La-hán đều ghi ở giấy da, đồng đề ở lá cây, đến nỗi khiến muôn dân trong năm trăm nước mỗi mỗi đều cùng phụng trì, mười sáu vị Đại vương đồng thời xây dựng tháp. Mãi đến thời nhà Hán lưu truyền đến phương Đông, ở hai Kinh đô trải qua mười sáu đời Đế vương, phiên dịch Phạm Bản của người Hồ thành ngôn ngữ chánh của nước Hán, tương tiếp thừa truyền đến nay đã qua sáu trăm năm vậy. Do đó, Phật nhật lại tỏa sáng, phát khởi từ đầu niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Đông Hán. Kinh tượng được trùng hưng bắt đầu từ trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy. Chu Sĩ Hành, Sa-môn Vệ Đạo An v.v... người thời nhà Ngụy đều làm ký lục, gồm tất cả các hàng đạo tục vừa Hoa vừa Nhung có một trăm tám mươi hai vị. Phiên dịch các thứ kinh luật giới luận, tam tạng Đại Tiểu thừa, tạp ký v.v..., có cả thảy hai ngàn một trăm bảy mươi mốt thứ, tổng cộng có tám ngàn bốn trăm bốn mươi sáu quyển. Không gì chẳng rưới Cam lồ nơi cảnh của tám ma, lưu tỏa tuệ nhật trong ba cõi. Dẫn dắt tương lai, mãi truyền thắng nghiệp, dạy người bỏ ác làm lành, Phật pháp là trước tiên, ích nước lợi người không ai có thể kịp.

Nay ông nói Phật giáo phá nhà, vậy phá nhà ai? Phá nước thì phá nước nào? Tà kiến cứng chắc nơi ông, loài súc sinh không sừng, xưa trước kết tâm lang soái, từng ôm hoài trùng độc, không một mảy may hiền thiện, mang tội chồng chất tợ núi, nuôi lớn việc ác không chừa đổi mà càng dốc sức, mới lấy lo toan của sinh manh, thổn thức lường gạt Thánh Tôn, đâu khác gì Xích yến cười Đại bàn, ếch ngồi đáy giếng đâu biết bể cả mênh mông? Có thể gọi là Xiển đề nghịch gieo tội nhân địa ngục! Nay vì tổn thương mà xót xa đó, nên mới luận bàn vậy!

Xa tìm về bảy mươi hai quân vương, Tam hoàng Ngũ đế, Khổng Khâu, Lý Lão là các bậc Thánh hiền của đất Hán, không ai chẳng vùi cốt nơi ba suối, vung thây ở chín cõi, chưa ai có được như xá lợi của Phật hiện điềm lành tỏa phóng ánh sáng, lửa đốt không cháy, dùi đánh không vỡ. Đến nay hiện còn lập thử, đó đáng rõ ràng vậy. Tạm y cứ một điều ấy đủ để biết sức thần đức của Phật pháp. Các bậc Thánh ở Chấn đán ai cùng đồng vậy, mới muốn phá hủy diệt trừ đó? Sự việc khó thể dung thứ nhẫn nhịn. Tổn thương Di phong, bại hoại mỹ tục, hư khuyết ruộng phước, cuồng hoặc dân chúng, vấy dơ triều đình, thật đáng than vậy!

Sa-môn An Thế Cao phiên dịch (176 bộ), Sa-môn Cưu-ma-la-thập phiên dịch (9- bộ), Sa-môn Vệ Đạo An phiên dịch (mười bốn bộ), Sa-môn Nghiệp Phật Điều phiên dịch (bảy bộ), Sa-môn Bảo Xương phiên dịch (Chúng kinh mục lục bốn quyển, phiên dịch một ngàn bốn trăm ba mươi ba bộ), Chi Khiêm người thời nhà Ngô phiên dịch (một trăm hai mươi chín bộ), Nhiếp Thừa Viễn người thời nhà Tấn phiên dịch (ba bộ), Nhiếp Đạo Chân người thời nhà Tấn phiên dịch (năm mươi bốn bộ), Tạ Linh Vận người thời nhà Tống phiên dịch (kinh Niết-bàn ba mươi sáu quyển), Trở Cừ Kinh Thanh người ở Dương Hầu; Lương An phiên dịch (ba mươi lăm bộ), Kỳ Thành quận thú Dương Diễn người thời Nguyên Ngụy phiên dịch (một bộ), Lý Khuyếch người thời Nguyên Ngụy soạn (Chúng kinh mục lục bốn trăm bảy chục bộ), Vạn Thiên Ý người thời nhà Ngụy phiên dịch (một bộ), Tề Cánh Lăng Văn Tuyên Vương Tiêu Tử Lương phiên dịch (mười bảy bộ), Thường thị Sưu Hiệt người thời nhà Tề phiên dịch (một bộ), Mộc Đạo Hiền người thời nhà Lương phiên dịch (một bộ), vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương chú giải (kinh Đại Phẩm năm mươi quyển); Viên Đàm Duẩn người thời nhà Lương soạn thuật (Luận sao một bộ), vua Giản Văn Đế (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương soạn thuật (Pháp Tập ký một bộ, hai trăm quyển), Lương Ký Thất Ngô Hiếu Kính Nội yếu (một bộ), Dương Xuyên quận thú Đàm Pháp Trí người thời nhà Tùy phiên dịch (một bộ). Đó là những vị từ xưa đến nay phiên dịch Kinh giáo.

Lâm Xuyên Khương Vương Nghĩa Khánh, người thời nhà Tống soạn thuật (Tuyên Nghiệm Ký một bộ, lại soạn U Minh Lục một bộ), Vương Diễm ở Thái Nguyên soạn thuật (Minh Tường Ký một bộ), Lang Da Vương Cân soạn thuật (Tăng Sử), Tề Cánh Lăng văn Tuyên Vương (soạn Tam bảo Ký truyện một bộ), Thứ Tác Bùi Tử Dã người thời nhà Tề soạn thuật (Cao Tăng truyện), Lưu Tuấn ở Hoài Nam soạn thuật (Ích Bộ tự ký), Trung thư lệnh Khích Cảnh Hưng thời nhà Tấn soạn thuật (Đông Sơn tăng truyện), Trung thư lệnh Lục Minh Hà soạn thuật (Sa-môn truyện), Trị trung Hình Hiếu Tú soạn thuật (Lô Sơn tăng truyện), Vương Diên Tú ở Thái Nguyên soạn thuật (Cảm Ứng truyện), Thù Quân Đài ở Ngô Hưng soạn thuật (Trưng Ứng truyện), Trung thư thị lang Can Bảo thời nhà Tấn soạn thuật (Sưu Thần Lục); Bành Trạch, Lệnh Đào Nguyên Lượng soạn thuật (Sưu Thần Lục), Đạo sĩ Đào Ẩn Cư soạn thuật (Phát Bồ-đề tâm lễ Phật văn), Đạo sĩ Lục Tu Tỉnh soạn thuật (Đối Sa-môn ký), Quang Lục Nhan Diên Chi soạn thuật (Đình Cật văn), Ẩn sĩ Chu Ngung ở thời nhà Tề soạn thuật (Tam Tông Nhị đế luận), Nghi

Đồng Chân Loan người thời nhà Tùy soạn thuật (Tam Bảo Lục).

Trên đây là những bậc Quân tử bác thông, Vương Công Thức lượng từ xưa đến nay tôn kính Tam bảo soạn thuật Sa-môn Ký Truyện đó. Vậy xin đáp rằng: Những bậc tiên hiền ấy thảy đều phiên dịch kinh Phật, soạn thuật mục lục ký truyện, đều tầm học rốt cùng, cứu xét tinh tường nội ngoại giáo điển. Thật đáng là bậc lông mày trắng trong kẻ tăng người tục, đứng đầu trong các hàng anh tài, đều tuân kính Tam bảo, nghiên tầm đượm vị nhất thừa, xả bỏ tục lụy, xa lìa vinh hoa, khâm trọng tiếp thừa khuôn vết ưu thắng. Bằng đảng tà kiến một miệng không luận, một người không nói, rất quá khổ khắc, phá hủy phỉ báng ngôn ngữ kế độc tàn khốc, tự giữ ánh lửa đom đóm, muốn trải cánh ruồi muỗi, nào khác gì biết đầu cuối tháng của Triêu Khuẩn, mờ tối Xuân Thu của loài ve sấu, tin nó trông nhìn qua lỗ hổng mà khinh thường đại đạo. Quân tử thông bác kiểm xét nội ngoại điển tịch, làm sáng tỏ tội của người tà kiến sai lầm dối vọng.

Nếu nói Phật pháp lưu truyền đến đất Hán không ích lợi cho đời, thì xin đáp rằng: Xét Khổng Tử sống ở đời vua Linh Vương (Cơ Tiết Tâm 571-544 trước Tây lịch) thời Đông Chu, mất trong đời vua Kính Vương (Cơ Cái 519-476) trước Tây lịch) thời Đông Chu, tính ra sống được hơn bảy mươi năm. Đã là Thánh nhân hẳn hay hỗ giúp Vương chủ ở đương thời, cớ sao trong mười bốn năm rảo bước khắp bảy mươi nước? Đến đất Tống chặt cây, đến đất Vệ dứt dấu vết, ở Trần hết lương thực, trốn lánh giết hại của Hoàn Đồi, xấu hổ kêu gọi chôn chó? Tuy ứng sính chư hầu, nhưng chẳng ai dùng. Ngay đời Xuân Thu, đạo văn võ suy bại, vua mờ tối tối gian xảo, lễ nhạc băng hoại. Bấy giờ không có Phật, cớ sao nghịch loạn quá lắm thế? Cướp giết do ai? Khổng Tử là tùy mị thuận thời, rụt rè lánh hoạn nạn, tuy gìn giữ vợ con muốn sống thọ trăm năm cũng không lấy vậy. Hoặc phát lời nói của Sưa Bầu, hoặc qua sông mà từ chối đối với dòng họ Lý, thương chim phụng chẳng đến sông, chẳng ra đồ, kịp đến phía Tây săn được kỳ lân. Bèn rủ áo lau mặt, xưng đạo ta rốt cùng, tuy môn đồ có ba ngàn vị, san định kinh Thi, kinh Lễ, cũng chóng mất ở đời mà danh chẳng xưng vì sao tôi thấy ở đời sau vậy? Gặp giặc cướp làm nhục, bị kẻ trượng phu cười chê, so sánh đó mà luận đủ có thể biết vậy. Nếu cho là không ích lợi cho đời thì Khổng Tử, Lão Tử hai vị Thánh ấy cũng bệnh đó. Sao vụng về gỗ đá mà chẳng trình bày Đàn-hặc vậy?

Giải đáp về chùa chiền nhiều Tăng chúng, yêu nghiệt ắt vấy tạo. Như ở thời Hậu Triệu có Sa-môn Trương Quang, Sa-môn Pháp Trường

ở thời Hậu Yên, Sa-môn Đạo Mật ở Nam Kinh, Sa-môn Pháp Tú ở đời vua Hiếu Văn Đế thời nhà Ngụy, Sa-môn Tuệ Ngưỡng ở trong khoảng niên hiệu Thái Hòa v.v... đều là phản loạn.

Xin đáp rằng: "Kiểm xét mười sáu nước thời Xuân Thu của Thôi Hồng đều không có sắc nhân ấy. Điều đó rút từ sử sách nào? Cẩu thả phát sinh vu khống, dối hoặc Quân vương, xin khám xét Quốc sử biết đó là vọng tấu. Xét ở Tiền Hán Thư và Hậu Hán Thư, tức là Côn dương, Thường sơn, Thanh nê, Lục lâm, Hắc sơn, Bạch mã, Hoàng cân, Xích my v.v... vài mươi đàn giặc, đều là người thế tục chẳng liên quan đến Thích tử, cớ sao chẳng luận? Hậu Hán Thư nói: Mẹ Đạo sĩ Trương Lỗ người đất Bái có nhan sắc gồm cặp quỷ đạo, qua lại nhà của Lưu Yên. Về sau Lưu Yên làm Thứ sử Ích Châu, nhận Trương Lỗ làm Đốc nghĩa Tư mã. Trương Lỗ cùng Biệt bộ Tư mã Trương Tu đem binh lính ép giết Hán Trung Thái thú, Tô Cố đoạn tuyệt, Gia Cốc giết Hán sứ giả. Trương Lỗ đã được Hán Trung, lại giết Trương Tu mà bình lắng chúng đó. Bấy giờ gá mượn lời thần nói Hoàng Cân sẽ làm chủ. Trương Lỗ cùng Trương Giác v.v... tương ứng tập hợp bộ chúng đều đội khăn vàng, mặc y phục của Đạo sĩ có vài mươi vạn người, làm giặc hại Thiên hạ, tự chiếm cứ tại Hán Trung suốt ba mươi năm. Về sau bị Tào Công đánh phá, Hoàng y mới diệt. Bấy giờ không có một Sa-môn, riêng lắm nhiều Đạo sĩ, điểm nào không luận? Nhưng thời nhà Hán nhà Ngụy, những bậc danh tăng đức hạnh lắm nhiều cớ sao chẳng nói? Chỉ hay vấy trung xấu ác, chuyên luận sở đoản của người. Đâu là quân tử ư? Nguy Tất nói: Trương Lỗ tự là Công Kỳ, ông nội là Trương Lăng đi khách đến đất Thục, học đạo trong núi Hộc Minh, tạo tác Đạo Thư để dối hoặc trăm họ. Người theo học đạo xuất năm hộc gạo, ở đời gọi là "giặc gạo" (mễ tặc). Trương Lăng chết, con là Trương Hành truyền nghiệp. Trương Hành chết Trương Lỗ lại hoằng truyền đó. Nên Trương Lăng là Thiên sư, Trương Hành là Tự Sư, Trương Lỗ là Hộ Sư, tự xưng gọi là Tam Sư vậy. Trương Lỗ vốn cùng Lưu Yên kết bạn lành, Lưu Yên chết con là Lưu Chương lên thay, vì Trương Lỗ không thuận nên giết mẹ và người nhà Trương Lỗ. Trương Lỗ bèn chiếm cứ tại Hán Trung, lấy quỷ đạo cảm hóa dân chúng, lấy Phù thư chương cầm làm gốc. Người đến học mới đầu gọi là quỷ tốt (lính quỷ), thọ học dùng vật vàng lụa, gọi là tế bửu. Mỗi người tự lãnh suất bộ chúng, bộ chúng đông nhiều, gọi là Thị Đầu. Người có bệnh mang đầu qua Đại đô cùng Trương Giác tương tợ.

Hậu Hán Hoàng Phủ Tung truyện nói: Trương Giác ở Cư Lộc tự xưng là Đại hiền lang sư, phụng sự Hoàng Lão, thực hành thuật của

Trương Lăng. Dùng chu thuyết phù thủy để trị bệnh, sai tám người đệ tử đến bốn phương để hoằng truyền giáo hóa, lần lượt cùng nhau dối hoặc hơn mười năm, đồ chúng có vài mươi vạn. Từ tám châu Thanh, Trừ, U, Ký, Hình, Dương, Duyện, Dự v.v... không đâu chẳng ứng. Bèn đặt ba mươi sáu phương; phương như hiệu của tướng quân. Phương lớn có hơn vạn người, phương nhỏ có sáu trăm người, dối nói: trời xanh chết, trời vàng sẽ lên ngôi, đến năm Giáp tý, thiên hạ đại cát. Dùng đất trắng viết vào cửa chùa khắp kinh ấp, đều đề chữ "Giáp tý". Ngày mồng năm tháng ba năm Trung Bình thứ nhất (184) thời Hậu Hán, trong ngoài đều nổi dậy, đồng mặc đội khăn vàng áo Hạc vàng của Đạo sĩ, hoặc giết người để tế trời. Bấy giờ giặc theo có vài mươi vạn chúng. Mới đầu nổi dậy từ Dĩnh Xuyên làm loạn, thiên hạ đều bị Hoàng Phủ Tung đánh giết. Nam Trịnh phản Hán mà Thục mất (sự việc nói trong Ngụy Thư), Tôn Ân tập tiên pháp mà bại Tấn (sự việc nói ở Tấn Thư), Đạo Dục Tiêu tế nhân mà họa Tống (sự việc nói ở Tống thư), Đinh Cát thực hành cấm mất mà nguy ách Ngô (sự việc nói ở Ngô thư), Công Kỳ học tiên mà giết người nhà (sự việc nói ở Tấn Dương thư), Ngụy Hoa phản chồng (sự việc nói ở Linh Bảo kinh tựa), Trương Lăng bỏ vợ (sự việc nói ở Lăng truyện), Tử Đăng phản cha, VệThúc bỏ anh (rút từ thần tiên truyện). Trên đây là những Đạo sĩ từ xưa đến nay làm nghịch loạn.

Như vậy, xin đáp rằng: Từ Trương Lăng ba đời chuyên thực hành quỷ đạo tiếu xuất phát từ Đạo gia, Cẩm yêm yêu nghiệt, vọng nói tốt xấu, gian dối do đó nổi dậy. Nhưng từ thời nhà Ngô nhà Ngụy trở xuống, thời nhà Tấn nhà Tống đến nay, đạo tục làm yêu tà số ấy chẳng ít, sao ông chỉ riêng nêu dẫn chúng tăng, mà chẳng luận đến Nho giáo và Đạo giáo? Đến như cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, Vương Thế Sung, Lý Mật, Hậu Kiến Đức, Lưu Võ Chu, Lương Sư Đô, Lô Minh Nguyệt, Lý Quỷ, Chu Sán, Đường Bật, Tiết Cử v.v... cũng là người thế tục, không có ai là dòng họ Thích ở trong đó. Cớ sao chẳng nói? Sự thiên lệch, lý quanh co, đồng đảng xấu ác ganh ghét người hiền, làm kẻ bề tôi bất trung, đã rõ ràng vậy.

Phó dịch nói: Từ khai tịch trở lại, đến nay năm Tân tỵ (621) tức năm Võ Đức thứ tư thời Tiền Đường, đã có hai trăm bảy mươi sáu vạn một ngàn một trăm lẻ tám năm, cha con vua tôi lập trung lập hiếu.

Xin đáp rằng: Ông nói dòng họ Bao Hy có ba mươi đời, trị vì hai vạn hai trăm chín mươi bảy năm. Từ thời Thiếu Hạo đến Hán Cao có ba ngàn hai trăm lẻ một năm; từ Bao Hy đến Hán Cao có hai mươi chín đời, tính thời gian đó không quá hai vạn ba ngàn bốn trăm chín mươi

tám năm. Nhân gì nêu dẫn từ khi khai tịch mãi đến năm Võ Đức thứ tư (621) thời Tiền Đường đây mà chóng có hơn hai mươi bảy vạn sáu ngàn năm ư? Xét Đế Hệ Phả nói: Trời đất mới nổi, tướng trạng tợ gà con, Bàng Cổ sinh trong đó trải qua chín vạn năm, tiếp đến Tam Hoàng và dòng họ Toại Nhân trị vì hai vạn ba trăm chín mươi bảy năm. Mật thư của An Tề, Sử mục của Dương Bân nói: Năm thứ nhất của Phục Hy tức năm Giáp dần, đến năm Tân sửu (581) tức năm Khai Hoàng thứ nhất thời nhà Tùy, có sáu vạn một ngàn sáu trăm lẻ tám năm. Gồm tất cả mà nói đó, thì có thời gian mười bảy vạn một ngàn chín trăm lẻ năm năm. So sánh đó mà luận, rất là khác vậy. Xin khám xét niên kỷ chỉnh định ngắn dài ấy vậy. Theo sự biên ghi của Kiểm Chánh sử thì dòng họ Phục Hy mới họa vẽ bát quái, trình bày giáp tý, tạo thư khế, mới có niên thế. Từ Bao Hy trở về trước vốn không ghi tịch, tiến lùi y cứ ở đâu?

Phó Dịch nói: Xin mời tà giáo Hồ Phật trở về lại Tây Vức, phàm là Tăng ni thảy đều khiến hoàn tục.

Xin đáp rằng: Trang Chu nói: "Thánh nhân trong lục hợp luận mà không bàn nghị. Thánh nhân ngoài lục hợp còn chẳng luận". Lão Tử nói: "Trong Hoàn Vức có bốn đại mà đạo ở đầu tiên". Xét về chính sách của Thi, Thư, Lễ, Nhạc, chỉ muốn thâu thứ lớp luân thường, rõ bày trung liệt hiếu từ đến trước ý ở tại kính. Phụng sự quân vương, thân phụ, tung xưng là chí đức, chỉ là an đời trị dân. Giả sử khiến đạo yếu, chẳng vượt ngoài dời thuần phong đổi mỹ tục. Từ Vệ phản Lỗ, đâu thuật ngôn từ giải thoát, sáu phủ, chín trù chưa tuyên yếu chỉ cứu cánh và đàm nói dưỡng sinh tế vật. Lý thuyết long đồ phụng kỷ, cũng có thể nghĩ nhớ đức nhân, ôm giữ đức tín, tuân theo chí ý của Lệ hương, san định kinh, tán thán tượng, bày văn khuyết lý. Tiếp đến là chín phái triết học, cuối cùng là bảy lược. Căn cứ điều biên ghi các sách của Nghệ văn ở thời Tiền Hán, có một vạn ba ngàn hai trăm sáu mươi chín quyển, không gì chẳng phải công ở lợi ích gần, chỉ chưa thỏa sướng đường xa, đều tự hạn cuộc ở trong một đời, chẳng phải phóng nổi trội ngoài ba đời ấy vậy. Bèn khiến đang hiện nhân quả lý giao thiệp sớm mà còn mờ tối, nghiệp báo tốt xấu, nghĩa kinh hợp mà chưa hiểu.

Nên biết, một bộ Tiêu Diêu còn mê tình hữu hữu, hai thiên Đạo Đức chưa vào cảnh không không. Đó là hoàn khối của lục hợp, tục mưu của ngũ thường, há khỏi bốn dòng lớn tan? Làm trường của phiền não, lục thú huyên hoa, tạo nghiệp trần lao, vốn là mờ mịt thật tướng, tuân theo đạo của yếu đạo, pháp thân ngưng tuyệt, ra huyền đó lại huyền. Chỉ có Đại sư của chúng ta thể chứng diệu giác ấy, hai bên chóng xua

bỏ, muôn đức thảy viên dung, chẳng ồn náo không tỉnh lặng. Sao có thể dùng cảnh trí tìm cầu chẳng phải sai trái chẳng phải mê mờ, rõ ràng có thể dùng hình danh lấy làm nhỏ thì nhỏ mà không trong, ở lớn thì lớn mà không vậy. Không ngần mé nên hay lường pháp giới mà dấy tâm bi, đo hư không mà lập thệ nguyện. Do đó, hiện sinh ở cõi uế, đản Thánh tại cung vua, bày thân sắc màu vàng ròng, nhã tướng ngọc hào, trải mây lành ở non Thứu thì nhà lửa tắt, thổi gió tuệ ở đảnh kê thì đường tối mây tan. Đi thì sen vàng nâng gót, ngồi thì lọng báu che mình, ra thì Đế Thích dẫn trước, vào thì Phạm Vương theo sau. Tả giúp Mật thuật để diệt ác làm công, hữu đỡ Kim cang dùng lớn thiện làm chuyên. Thanh văn, Bồ-tát nghiễm nhiên như tôi hầu, tám bộ muôn linh liệng quanh hộ vệ. Diễn kinh Niết-bàn thì đất hiện sáu thứ chấn động, giảng Bát-nhã thì trời mưa bốn thứ hoa. Trăm phước trang nghiêm, tướng trạng như trăng tròn đến trên biển cả, ngàn ánh sáng tỏa chiếu tợ ánh ngời núi của vầng nhật. Rống một tiếng Sư tử thì ngoại đạo nhụt bén nhọn, trống pháp tạm gióng thì Thiên ma cúi đầu. Cho nên tôn xưng Phật là Pháp Vương. Đâu thể cùng như thời nhà Chu suy yếu Ca-diếp sánh đức tranh hành, đời mạt Nho đồng tạm cùng liên loại ấy vậy. Chính vì trên trời dưới trời riêng xưng tôn Điều Ngự, ba ngàn Đại thiên đều ngưỡng đượm từ bi, nhưng mà lý vượt sâu xa, mượn lưới nơm mà tỏ ngộ sâu, giáo môn thiện xảo, nhờ thấy bạn mới thông. Gồm tất cả giáo pháp ấy có đến tám vạn bốn ngàn tạng. Xét về đạo ấy thì có Nhị Đế, Thập địa được giảng ở Kỳ viên Lộc uyển; diệu chỉ ở Hải điện Long cung, chữ của Ngọc điệp Kim thư, lời của bảy xứ tám hội, không gì chẳng duỗi ban chí đạo đến trăm vua, quạt thổi gió huyền từ muôn xưa. Như ngữ thật ngữ không thể nghĩ bàn vậy. Gồm thì an nước lợi dân, xa thì vượt phàm chứng Thánh, nên hay hình biến khắp sáu đường, giáo khắp mười phương, thật là thế giới ruộng phước. Bởi vì đó là nơi quy hướng của muôn sinh, đến lúc đồng bạn kính tin tợ thất diệu xoay quanh Bắc đẩu. Đồ chúng thọ nhận cảm hóa tợ muôn sông chảy vào biển lớn. Xét về công nghiệp thần biến ấy, lợi ích trời người, nên không được mà xưng gọi tên vậy. Đã đầy đủ nhân của Hằng sa nên được quả thường lạc. Tốt lành thay! Chẳng thể lường vậy!

Chỉ vì thời vận chưa dung thông, bèn khiến Hồ Hán khác cảm. Do đó ở phương Tây trước kính phụng âm thanh hình tướng, ở phương Đông tạm được lợi ích của thấy nghe. Kịp đến lúc mây từ cuộn đượm nhuần, Tuệ Nhật gom thâu ánh sáng mới có ứng mộng người vàng ở trong niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán, trông thấy xá lợi ở trong niên

hiệu Xích Ô (238-251) thời Đông Ngô. Từ đó chính sách các thời nhà Hán nhà Ngụy nhà Tề nhà Lương, tượng giáo mạnh mẽ hưng thịnh. Các xứ Yên, Tần, Tấn, Tống danh Tăng xuất hiện. Hoặc đắp họa hình tướng mãn nguyệt ở bên cạnh Lương đài, hoặc dựng bày tướng luân ở ngoài Ung môn. Kịp đến lúc ở Hà bắc phiên dịch ngôn từ, ở Hán nam biên trước ghi lục, đạo phát khởi ba phủ, tin hợp đượm chín châu. Vượt Giang tả mà càng rộng, qua Kim lăng mà càng thạnh. Vị thủy đủ đầy vườn Tiêu dao, Lô Nhạc gồm cả Đài Bát-nhã. Văn từ sâu sắc yếu chỉ nhiệm mầu, phát vượt lai nghi. Cao Tăng thạc học bỏ liên lụy từ xa đến.

Đến đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam lương, Tam giáo liên hành. Đến đầu đời vua Văn Đế (502-605) thời nhà Tùy, Tam thừa đều giá, tuy ở Tử cực mà tình hợp Phần dương, lắng rượu thịt mà khơi động người ăn chim, xông ướp hương giới mà đượm vị pháp hỷ, sợ bốn lưu nạn nhổ thân, dùng tài năng bảy biện mà gìn giữ, mới khinh thường nghiêm sức áo mão mà ngự mặc nhiễm y, bỏ kiệu khắc chạm mà trải tòa cỏ. Từ đó rộng mở nghiệp của Tuệ Đài, lớn tạo xây nền móng tháp (Lương Ký nói: Đông Đài Tây phủ tiếp liền nhau hơn tám mươi năm, tại Đô ấp chùa lớn có hơn bảy trăm ngôi, chư tăng giảng chúng thường có cả vạn người, thảo luận nội điển cùng tuân theo Thánh nghiệp, lâu dài không mỏi mệt, mỗi mỗi đều nhàm chán vinh hoa thế tục vậy). Bèn khiến các hàng hào tộc ở khắp năm đô nhàm chán mũ mão mà chí thành, danh gia khắp bốn biển bỏ vinh hoa mà vào đạo. Từ nơi chốn của Hoàng vương ở, đến cảnh vức Thanh giáo đượm nhuần, không ai chẳng đảnh lễ xoay hướng đến, năm vóc gieo sát đất tựa nương. Sâu xa của lợi vật đến đã lâu vậy. Khổng Tử duỗi ban cảm hóa sao có thể sánh cùng?

Căn cứ truyện ký của các bậc Cao tăng Danh tăng Mâu Tử v.v... của ba mươi sáu nước thời Xuân Thu, mới đầu từ năm Vĩnh Bình thứ mười (67) ở đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán trở lại, Phật pháp lưu truyền đến phương Đông, chính sách trải qua mười đời gần sáu trăm năm, mà các bậc Danh tăng đại đức chỗ người đời tôn kính có hai trăm năm mươi bảy vị. Bên cạnh đó lưu xuất gồm kể thấy đến Công vương ở Yên Triệu, khanh tướng ở Tề Lương v.v... có hai trăm năm mươi vị, gồm cả thảy có năm trăm lẻ tám vị. Trình bày về hạnh nghiệp của những vị ấy mở lớn thành mười khoa: Một là phiên dịch kinh điển, hai là giải nghĩa, ba là thần dị, bốn là hành tập thiền pháp, năm là thông rành giới luật, sáu là thí xả thân mạng, bảy là tụng kinh, tám là tu đạo phước nghiệp, chín là kinh sư, mười là xướng đạo. Những bậc

Cao tăng ấy v.v... đều là đức sánh bốn y, công đủ ba nghiệp. Giáo pháp hoằng truyền ở Chấn Đán thật nhờ đó vậy. Tà kiến ẩn mà chẳng luận, chỉ nói ba, năm điều xấu ác.

Phàm trong núi Tuyết vốn có nhiều cam lồ mà cũng có cỏ độc, giữa biển lớn tuy có đủ châu báu mà cũng lắm nhiều quỷ La-sát, dụ như Côn sơn khuyết ở phiến thạch, sánh ở Trịnh Lâm tổn mất một cành vậy. Đâu có gì lấy làm quái lạ mà khiến phế trừ đó?

Một là Sa-môn phiên dịch kinh điển (có năm mươi hai vị); Hai là Sa-môn giải nghĩa (có chín mươi chín vị); Ba là Sa-môn thần dị (có hai mươi vị); Bốn là Sa-môn hành tập thiền pháp (có hai mươi ba vị); Năm là Sa-môn thông rành giới luật (có mười ba vị); Sáu là Sa-môn thí xả thân mạng (có mười một vị); Bảy là Sa-môn tụng kinh (có hai mươi hai vị); Tám là Sa-môn tu tạo phước nghiệp (có mười bốn vị); Chín là Sa-môn kinh sư (có mười một vị); Mười là Sa-môn xướng đạo (có mười vị).

Với những vị Sa-môn ấy v.v... hoặc giẫm vượt lưu sa hiểm trở, hoặc nổi chìm giữa sóng cả, đều có thể mặc tình tánh mạng, quên mất thân mình vì đạo. Hoặc dùng sức thần cứu đời, hoặc dùng vết lạ để khơi phát lòng người, hoặc tuệ giải mở áo, hoặc thông cảm thích hóa. An thiền tỉnh lắng thì công đức như rừng, cấm giới thanh cao thì băng sương càng nghiêm khiết, tạo tu phước thiện thì thầm hộ vệ có thể mong cầu, phúng tụng kinh pháp thì u hiển đượm nhuần mừng vui. Từ đó Tam tạng bốn bộ A-hàm công dụng càng sâu rộng; Phương đẳng, Bát-nhã giữ tin lắm nhiều, chỉ bởi thần hóa gồm cả, không nơi xa nào không đến. Thông hà như chỉ khoảng nửa bước chân, Thanh quang có hạng của thấy nghe, há chẳng phải thời diệu vậy? Đến lúc duyên vận gần cảm, tượng giáo xa thông, hoặc xưng gọi đó là đại thần ở Tây Vức, hoặc tôn xưng đó là chủ của Diêm phù. Do đó, Tôn giả Ca-diếp Ma-đằng cặp sách mà ứng đến, Tôn giả Trúc Pháp Lan mến mộ đạo mà giáng đức. Pháp sư Cưu-ma-la-thập là bậc thạc học móc sâu, thần xét xa vời, đến lúc vân du khắp Trung Hoa Ấn Độ, học đủ các thứ phương ngôn. Đồ chúng thọ học có đến ba ngàn, người vào thất có tám vị tuấn kiệt. Đó là các Sa-môn Đạo Sinh, Đạo Dung, Đàm Ảnh, Tăng Duệ, Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán, Đàm Hằng, Tăng Triệu, đều lãnh ngộ trước lời nói, ngôn từ thoảng tỏa mùi lan quế, nắm bút vâng thừa yếu chỉ, nhận được người ấy.

Ở thời nhà Tấn, có Sa-môn Thích Đạo An vang danh ở đương thời, học trò là Phật Đồ Trừng, truyền nghiệp đến Sa-môn Tuệ Viễn, môn nhân ngày một đông nhiều, ở đời không thiếu hiền giả. Đủ khiến

cho Tuần quận Tạ An suy tôn đó là Thần Tuấn, Tập Úc ở Tương dương khuất ngã trước Di thiên.

Từ đời vua Huệ Đế (Tư Mã Trung 290-307) thời Tây Tấn, bụi trần mờ mịt, tiếp đến đời vua Hoài Đế (Tư Mã Sí 307-313), vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn, đổi Bá Yết Hồ, trúng độc giặc cướp lan tràn khắp trung châu. Lưu Diệu cướp nghịch ở trước, Thạch Lặc tiếm hung ở sau, Hoa Hạ phân chia nát đổ, nhân dân thán oán. Thánh sư Phật Đồ Trừng xót thương giết hại ấy, mới đầu lo lắng hại đến chưa ương, bèn thiết bày thần hóa ở Cát phá, hiện chỉ Huyền ký ở Tương nghiệp, mượn bí chú để cứu giúp mạng tận, phỏng hương khỉ mà đỡ vớt lâm nguy, xem linh ánh tay, an định tốt xấu, cuối cùng khiến Thạch Lặc Thạch Hổ phát tâm, muôn dân thoát khỏi hại (trong truyện Phật Đồ Trừng nói: Phật Đồ Trừng ở tại đất Hán hai mươi lăm năm, các huyện nơi trải qua đều xây dựng chùa Phật có tám trăm chín mươi ba ngôi, sống thọ một trăm mười bảy tuổi mới thị tịch. Bấy giờ dòng họ Thạch hung bạo mạnh dữ ngược hại vô đạo, nếu chẳng đồng thời với Phật Đồ Trừng thì ai có thể nói ư? Trăm họ nguy ách chết mất mà được còn tánh mạng, thật không thể xưng ghi). Kịp đến lúc để chân trần lên mũi nhọn chẳng tổn thương. Di pháp vì đó lại bắt đầu lên chí phân thân nơi vườn nhà. Các Đế vương vì đó càng thêm kính tin, đầy đủ ở các sử sách có thể rõ ràng vậy. Không gì chẳng công trùm tương lai, truyền đăng trọn kiếp!

Người bàn nghị xin nói thêm là: Chư tăng tiếp nối làm lớn mạnh dòng Thánh, Phật thì thầm hỗ giúp nước nhà, phước chở che cơ đồ Hoàng nghiệp, hẳn không lý lùi phế ấy vậy. Ứng lúc Đại Đường chúng ta có được thiên hạ, đáng hợp với hai mươi tám vị sao, an vận cửu ngũ. Đức giúp nguy cứu đời vượt hẳn vua Thang Võ mà riêng cao, công dẹp hung đánh loạn, vượt hẳn thời Hán Ngụy mà riêng bày. Mênh mông thay! Cao vợi thay! Khó thể tán thán hết vậy. Thêm vì lưu tình đối với Phật pháp, giáng ý nơi Huyền môn, tạo tượng kiết kinh độ tăng lập chùa, các thứ công đức, Đàn-việt mọi nơi. Lợi ích Hoa Nhung, dẫn dắt dân chúng, mới muốn dấy khởi chính sách của Thượng hoàng, mở mang đạo Chánh giác. Xem thường Ngũ đế đông, từ trước đến đây chỗ thuật lời uế của tà kiến, đều là chỗ chẳng dung của đất trời, chỗ nhân luận đều bỏ. Sợ mảy trần phiền nhọc Thánh xét, chẳng đáng đủ khả quan.

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ trải ân ngậm lớn, rũ huệ dưỡng nuôi, xin xét sự nghịch thuận ấy, bàn nghị lấy thật hư! Kinh Niết-bàn nói: "Sau khi Phật diệt độ, giáo pháp hẳn giao phó cho Quốc vương".

Bệ hạ giờ đã lâm chánh, đúng hợp lời phó chúc. Cúi mong dứt tuyệt tà thuyết ấy, khiến tượng giáo hưng thạnh lưu hành, quân tử thông bác cao nhã, đạo nhân chánh kiến nghe đó, mới cùng giữ chẹt cổ tay, đè ép nắm tay liết hàng mà làm luận như vậy! Mạnh Tử có nói: "Tôi đâu ưa thích biện bày ư? Tôi chỉ chẳng đặng đừng vậy". Phàm, hư vọng hiển bày nơi chân, thật lục loạn nơi ngụy. Người đời không tỏ rõ phải quấy, chẳng phân định đỏ tía, xen tạp sỏi ngọc, lẫn lộn thóc trấu, lấy tình mà nói đó, đây phải chỗ tâm tôi hay nhẫn vậy! Khổng Tử lại nói: "Thi nhân bệnh đó chẳng thể điểm, binh lính bệnh đó chẳng thể phục". Lấy đó mà luận, phàm, ngọc lẫn lộn nơi đá, người không thể biện biệt. Phải trở lại làm quấy, hư chuyển nên làm thật, sao có thể chẳng nói ư? Xét khảo, Vương giả giáng linh, hoặc sao đổ xuyên trăng, hoặc trướng cầu vồng nhiễu chớp, hoặc Xích Tước ngậm thư, hoặc Tố Linh khóc đêm, đeo hơi khí của rồng mây, ngậm ảnh tượng kỳ lạ, đều có mạng trời, chẳng phải do người vậy.

Hoặc có người hỏi: Cớ sao Chu thông lịch ấy, Tần chẳng kịp kỳ? Xin đáp rằng: Phàm, minh lý khó biết, tình người dễ lầm hoặc. Kiểm xét chỗ kết quy ấy, lược rõ ràng đó vậy. Cớ sao? Xưa kia, Tống Cảnh tu đức giữ tâm bèn thối lùi, Đinh Lan dốc hiếu, Mộc Mẫu buông nhan, chỉ khiến tinh chuyên vui mừng tốt lành có thể thấu đạt, hẳn có thể nghiêm khiết ở chính mình thì tai họa tự mất. Đáng tin thay lời nói ấy vậy! Quán sát ở thời Văn, Võ, Thành, Khương trị đạo hưng thạnh thanh bình, bởi vốn tích thiện gieo phước cho đời sau, do đó thông lịch vậy. Còn Tần Thủy Hoàng lúc ở ngôi đốt sách chôn học trò, ác độc thiên hạ, đợi đến hai đời, đánh giết càng rất lắm, muôn dân lạnh lòng, tay chân không chỉ chỏ trên trời giáng họa, nên chẳng kịp kỳ vậy. Địch nói: "Nhà tạo điều bất thiện, ương họa hẳn có thừa", tức là nghĩa ấy vậy. Nên biết, Lý hưng thịnh hay hủy diệt chẳng liên quan tài năng sức lực, mà đều bẩm từ nhân trước, vả lại do hành nghiệp, tin đó làm minh chứng vậy. Gần đây, như vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, nhận biết sai nhầm phá chùa dẹp Tăng. Qua thời gian không bao lâu, sau nối dõi bèn diệt mất. Trộm thấy: Vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy lúc vừa mới sinh liền có Thần Ni vỗ về nuôi dưỡng. Về sau, Thiền sư Vi Thật xét xem nói là sẽ làm Bá vương. Đến lúc lên ngôi, rộng phát huy Phật giáo, độ Tăng Ni xuất gia, bốn bộ đông đúc, tam học lắm nhiều, an tâm hành đạo để báo ân nước nhà, lên tức tạm dứt chiến tranh, mỗi ngày dần đến sung túc an lạc, tốt lành linh ứng, sử chẳng tuyệt ghi. Bốn biển không sóng, lục hợp đồng vui mừng, sau phong Thiền đại nhạc, đời

thấu đạt thái bình. Đến đời vua Dương Đế (Dương Quảng 605- 617) thời nhà Tùy, dẹp phá chùa tháp, xua đuổi Tăng Ni, tạo tác xa hoa, vạn điều quá độ. Trời rũ hải ngoại, tự thân chinh hành họa lây kẻ vô tội, ương bộc thân thế, việc trước mắt ấy có thể ứng nghiệm sao phải đợi tương lai? Luận Hành nói: Tục Nho khéo sở trường xưa mà sở đoản nay. Lời tốt lành thì đượm thấm trước mà mỏng dạt sau, chẳng phải dối đẹp xưa trước mà thật luận trách nay. Tin ngụy từ lâu xa, chợt việc thật ở gần nay, chẳng biết chỉ cốt yếu của ngựa, mà vua tranh đàm nói của Nho Mặc, bệnh cao mạnh nên khó trị vậy.

Lớn lao thay! Giáo pháp dòng họ Thích bao trùm ba đời xuyên suốt bốn dòng, mới liệt bày Thái hư của muôn tượng, thí như tám sông xuôi đổ về biển lớn. Đến như rộng tìm tử sử đọc xem kinh cáo. Điển pháp của sáu tông bảy miếu, nghi thức của năm nhạc bốn vọng, văn từ của khuông son bảng vàng, ghi ký của danh sơn thạch thất, vở sách của Ngọc kiểm chi nê, thư khế của vân đài lâu các. Từ phân chia đục trong trở lại, sau điểu mô trùng tích, rộng thoáng rực rỡ đất tư lật, trước Thiên hoàng nhân đế, chỗ chỉ huy của Đẩu tiêu, nơi tỏa chiếu của vầng nhật, kiệu đất xoay rộng, góc trời xa dài. Bổ giúp ngao linh của chiết trụ, khác lạ của khắc núi rạch biển, đạo của lập công lập đức, ngôn từ của một âm một dương, chỗ nền tảng của lúa nếp dược thạch, chỗ mới đầu của áo xiêm cung thất, điển pháp của Tham Huyền kỷ hoàng, chế định của năm lễ sáu nhạc, phép tắc của khuyên bái hoa nhượng, oai phong của vua Thang chinh chiến, vua Võ đánh dẹp. Ông của dây vàng mưa lẽ, giả của khóc lân thương phụng, không gì chẳng là sự trong hoàn cực, Lý giữa vức cùng ấy vậy. Đâu biết cõi trên trình bày hoạn của nhị tử (hai thứ chết), phương dưới bao gồm buồn lo của ba đường. Biển khổ nỗi chìm, sông ái dài xa.

Do đó, đấng Đại từ xuất hiện nơi đời dẫn dắt các loài quần sinh ấy, mở cửa ải tám chánh đạo, chỉ bày đường lối năm thừa, tuyến yếu chỉ y phục nhẫn nhục châu báu giới luật, mở khuôn phép Ưu-ba-mộc-xoa. Bèn khiến thể thí cho chim bay, thân xả cho thú chạy. Khắp nước thành đô mới cởi giày đó, kiều nga mạn kiểm tợ bỏ mảy trần. Chánh muốn bỏ bốn rắn này dứt tám khổ ấy, trọn dứt sinh lão bịnh tử, không trở lại oán gặp thương xa, một bãi nhận thọ hình xa dài từ khí độc. Huống gì điện báu ngàn hoa, gần gọi cung trời, lầu quý sáu hợp; xa xưng nước tịnh, cây ngọc tám hàng. Lầu vàng bốn trụ, thức ăn ngon lành trăm vị, y phục nhẹ ba thù, rực rỡ nhẹ nâng không phiền gió liệt tử, êm hòa cười ca nào nhân thổi của tiêu sử. Nên biết, buộc kiệu xe ngọc hổ ngời sáng nơi Tử

phủ, Huyền sương giáng tuyết thẹn hình thể ở Ngọc kinh

Phàm, Thích-ca, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Năng Nhân, tức là đức đầy đạo đủ kham cứu giúp muôn vật. Nhưng pháp thân có hai nghĩa: Một là chân thật, hai là quyền ứng. Chân thân nghĩa là thể của chí cực, diệu tuyệt buộc lụy, không được lấy phương xứ mà mong cầu, không thể dùng hình lượng mà hạn định, có cảm thì ứng, thể thường trạm nhiên. Ứng thân là nhiều kiếp tu hành nhân, muôn đời mong cầu quả, lần cùng sáu đường, đồng chung muôn loại, sinh diệt tùy theo thời, ngắn dài vì vật, hình do cảm sinh, thể chẳng thật có. Hình phương tiện tuy tàn tạ nhưng pháp thể chẳng đổi thay. Chỉ vì thời không diệu cảm nên chẳng được thường thấy. Ở đời nói rằng: Người nước Lỗ còn chẳng quý nhà Khâu ở phương Đông, tà kiến đâu tin có Phật ở phương Tây? Rễ sâu khó nhổ, thật đáng buồn thương thay!

Hoặc có người hỏi: Há lại như vậy ư? Xin thí dụ ý chỉ đó! Kẻ luận bàn tôi đây xin đáp: Ông chẳng nghe ư? Phàm, người mù, không thể đem văn chương để cho xem. Kẻ điếc, không thể dùng âm thanh chuông trống để cho nghe. Bởi biết sóng cả mười ác dễ rối động nguồn tâm, cánh nhánh muôn thiện khó suy tìm câu ý. Bởi vì phàm phu điên đảo, khát ái thiêu đốt, vọng tưởng men duyên, thân tâm phóng túng, khởi dậy sóng ngũ dục, trôi dạt sống nhị tử, thường ở bờ đen tối, dưới đáy sóng vô minh, đêm dài mê ngủ ở trong nhà mộng, chẳng tỉnh giấc say xoay về ban ngày, đâu biết sắc màu của mê loạn? Mờ tối trọn kiếp, làm kẻ trộm sống, mới lại đuổi theo thầy tà, thân gần bạc ác, voi điên gầm hét, phóng túng tâm khỉ. Khởi dậy sáu mươi hai thứ tà kiến như núi; nổi trôi chín mươi tám thứ kiết sử như biển, say đắm hành xí, mến mộ vẽ bình, quạt gió tám ma, thổi lửa ba độc, phóng giặc sáu nhập, trộm thành năm ấm, chẳng lo nguy ách của hai chuột, thường dấy cuồng nộ của bốn rắn, tin mắt của trâu dê ấy, phát hung của kiêu kích đó. Từ đó dựng cờ ngã mạn, tiếng từ trống lớn vụt lấp miệng hủy hoại xưng dương, khoe khoan đàm luận của Nho Mặc, trái ngoài làm trong, lộn xiêm làm áo, hư bại phong tục, thương tổn chánh chân. Bạn bè đấu loạn, lăng nhục Tam bảo, khinh thường song thân. Xem nhẹ minh kỳ, quở trách mưa gió. Cùng với quỷ thần làm kẻ thù oán, đối với cốt nhục làm nên ganh ghét, tự kiêu tự cao, bất nhân bất hiếu, cậy chỗ thấy qua lỗ hổng, ngu dốt cho đó là chỉ nam. Nào khác gì cam mang thối rửa của loài ruồi giòi, gặm ăn thịt chuột thối nát của loài cú quạ. Lấy độc làm tốt đẹp, rất đáng sợ thay! Chẳng phải lo nghĩ khổ tội của tương lai, chẳng sầu buồn quả báo ở địa ngục.

Than ôi! Tai họa của phóng túng một đời, chuốc lấy ương khổ muôn kiếp. Đến nỗi khiến đắm chìm trong đường tối, giẫm trải qua dường ác, vào lưới của chó đồng rắn đồng, ở thành tám lạnh tám nóng, cửa xẻ cọ mài, lò đốt vạc nướng, ăn than ăn lửa, nuốt tuyết nuốt băng, nơi nơi thiêu đốt, tâm tâm khổ sở, trăm loài khoét chín lỗ quấn loạn dao nhọn, năm tạng bốn chi phân rạch kiếm sắc. Sở dĩ như vậy đều do bài bác không nhân quả, phỉ báng xuất thế gian, phá hòa hợp tăng, không tin chánh pháp, bởi chỗ rễ sâu tà kiến khiến nên như vậy. Huống gì bỏ thân thọ thân, thường buộc trong ba cõi, từ địa ngục đến địa ngục chẳng lìa ba đường khổ. Đức Đại Thánh quán sát vậy rồi dấy khởi tâm thương, bậc Chí Nhân vì đó mà xót xa. Nên biết, lý của thiện ác như âm vang theo tiếng, ứng nghiệm của quả báo thì tợ bóng theo hình, có thể chẳng cẩn trọng ư?

Chiếu Văn nói: Vất râu tóc của cha mẹ, bỏ chương phục của vua tôi, lợi ở trong môn nào? Ích tại ngoài tình nào? Về hai thứ tổn hại và ích lợi ấy, xin giải thích rõ?

Xin đáp rằng: Pháp Lâm tôi nghe: Chí đạo dứt tuyệt ngữ ngôn, đâu phải chín phái triết học có thể biện giải. Pháp thân không ảnh tượng, chẳng phải chỗ thuyên bày của mười dực. Chỉ vì bốn thú mênh mông nổi chìm trong biển dục, ba cõi xuẩn động, lộn rơi núi tà. Các ông mê vì tự thiêu đốt, phàm phu đắm chìm mà chẳng ra. Đức Đại Thánh vì vậy xuất hiện nơi đời, bậc Chí Nhân vì đó mà giáng điềm linh, bèn mở cửa giải thoát, chỉ đường lối an ổn. Khi ấy, từ dòng vua chúa, chủng tộc Sát-đế-lợi, từ giả ái ân mà xuất gia, dòng họ cao quý ở Thiên Trúc, nhàm chán vinh hoa màvào đạo. Vì vậy, Thái tử Tất-đạt-đa vất bỏ áo cổn long mà mặc y phục ruộng phước, thề nguyện ra khỏi hai thứ sinh tử, chí ý mong cầu một diệu Niết-bàn, hoằng truyền đạo pháp để báo đáp bốn ân, nuôi dưỡng phước đức để giúp ba cõi. Với lợi ích như vậy, trong phẩm xuống tóc xuất gia ở kinh Phật Bản Hạnh có bài kệ tụng rằng:

"Giả sử ân ái chung sống lâu
Đến lúc mạng hết phải xa lìa
Thấy là vô thường trong khoảnh khắc
Cho nên ta nay cầu giải thoát".

Sau đó, người mến mộ đức ấy mà bỏ ác để lập thân, kẻ khâm trọng mỹ phong ấy nghiêm khiết chính mình mà tu thiện. Hủy bỏ hình hài để thành chí nguyện đó, nên cạo bỏ râu tóc dung nghi đẹp xinh; biến đổi thế tục để hợp đạo đó, nên bỏ hoa báo vua tôi. Tuy thân mình

thiếu khuyết phụng sự thân thích mà trong lòng ôm hoài đạo hiếu ấy, lễ trái với tôn thờ chúa mà tâm mãi nghĩ nhớ ân ấy. Đượm nhuần khắp kẻ oán người thân để thành đạt thuận lớn. Phước đượm cả thuyết hiển đâu hạn cục trái nhỏ. Người thượng trí y theo lời Phật nên làm lợi ích, kẻ hạ phàm trái với Thánh giáo nên làm tổn hại tội khiên. Xấu ác thì kẻ lạm tự mới, tinh tấn hiền thiền thì người thông cảm hóa.

Cúi nghĩ, chỉ Bệ hạ là bậc chí đức trùm rộng, tâm nhân dưỡng nuôi, bèn lại giáng tình đến với chánh pháp, lưu ý đối với người xuất gia, trải rộng mây từ, trùng hưng Phật nhật, đạo của lợi ích khó được mà xứng. Đó tức là đế nghiệp Đại Đường thương khắp muôn linh, Hồng cơ Thánh chủng ban dài ngàn năm. Nay tôi chẳng dám khinh lấy ý ngu, nhẹ lường tâm trời, kính cẩn bày tỏ lời kẻ dong ngu lược nói điều thấy biết nhỏ hẹp, mảy trần nhuốm dơ ngực giám, càng thêm lo sợ. Kính cẩn đối luận!

■